

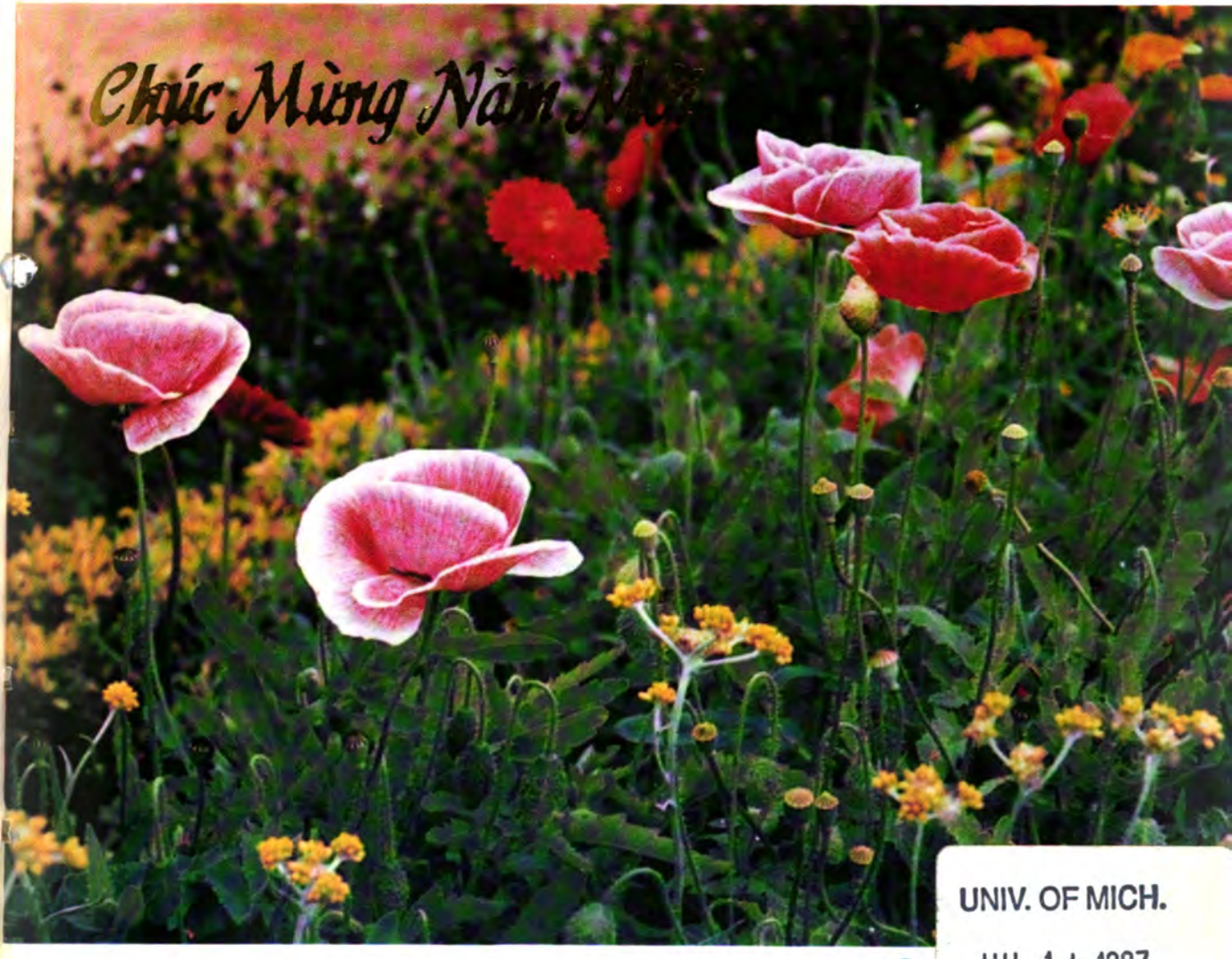
Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản



UNIV. OF MICH.
JUL 14 1997
CURRENT SERIALS

1
1-1997

Digitized by Google

CÔNG TY CÔNG NGHIỆP CAO SU MIỀN NAM

SOUTHERN RUBBER INDUSTRY COMPANY

CASUMINA

Địa chỉ : 180 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, TP. HCM
Điện thoại : 8-222-122 Fax : 84-8-8.222.205
Giám đốc : Lê Bình Thuận



VỎ RUỘT XE MÁY
MOTORCYCLE TYRES AND TUBES

CASUMINA nhà sản xuất vỏ ruột xe hàng đầu Việt Nam :

Các loại vỏ ruột xe gắn máy, xe đạp, xe công nghiệp... được sử dụng rộng rãi nhất trong nước và xuất khẩu sang các nước : Đức, Pháp, Mỹ, Canada, Hàn Quốc.

Trực tiếp kinh doanh XNK nguyên vật liệu, thiết bị, hóa chất...

Ủy thác XNK cho các doanh nghiệp trong và ngoài nước.

CASUMINA gồm các thành viên :

- CASUMINA Hóc Môn
- CASUMINA Đồng Nai
- CASUMINA Điện Biên
- CASUMINA Tân Bình

Xí nghiệp Hóa chất Lâm Đồng

XNLD Việt - Hung TAURUBCHIMEX

CASUMINA is a leading manufacturer of types and tubes in Vietnam :

Many kinds of Casumina's products such as motorcycle tyres and tubes, bicycle tyres, tractor tyres and so on have been widely used throughout the country. Many of them have been exported to Germany, France, the U.S, Canada and Korea, ect.

Direct import - export services : raw materials equipment, chemicals.

Import-export service for domestic and foreign business

CASUMINA has the following offiliated units :

- CASUMINA Hoc Mon
- CASUMINA Dong Nai
- CASUMINA Tan Binh
- CASUMINA Dien Bien

Lam Dong Chemical Factory

Viet - Hung TAURUBCHIMEX Joint Venture



LỐP MÁY CÀY
600 - 12

LỐP XE TẢI NHẸ
500 - 12



LỐP XE ĐẨY - HAND - CART TIRE

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 511

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội - Dây nói : 8252061-8252062*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Dây nói : 8225768*

MỤC LỤC

	Thông báo Hội nghị lần thứ hai Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII	3
	ĐỐ MƯỜI - Tập trung mọi cố gắng, dành ưu tiên cao nhất cho phát triển giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ	4
PHẤN ĐẤU THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI VIII CỦA ĐẢNG	*** Vững tin bước vào năm 1997 với thế và lực mới	9
	LÊ XUÂN TÙNG - Những bước trưởng thành của tổ chức cơ sở đảng và đảng viên đảng bộ Hà nội	12
	NGUYỄN VĂN HIỆU - Phát triển giáo dục và đào tạo nhân tài để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	17
	NGUYỄN DY NIÊN - Cộng đồng người Việt nam ở nước ngoài ngày càng hướng về Tổ quốc	21
	VŨ HIỀN - Một số vấn đề về nghèo đói và việc xóa đói giảm nghèo	24
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	NGUYỄN THẾ NGHĨA - Học thuyết Mác về hình thái kinh tế, xã hội - cơ sở lý luận của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa	27
	LẠI NGỌC HẢI - Bàn về năng lực và hiệu quả quản lý vĩ mô của nhà nước trong nền kinh tế thị trường	31
	PHƯƠNG KỲ SƠN - Phát huy yếu tố con người trong lực lượng sản xuất ở nước ta hiện nay	36
	NGUYỄN VĂN PHÚC - Công nghiệp nông thôn trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	39
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	HOÀNG TANH - Đảng bộ Lạng sơn chỉ đạo thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông - lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa	43
	TRẦN XUÂN ĐÌNH - Hải phòng phấn đấu làm cho giáo dục thực sự là quốc sách hàng đầu	46
	NGUYỄN TRẦN NAM - Công nghiệp hóa, hiện đại hóa dưới góc nhìn của một đơn vị sản xuất cơ sở	49
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	TIẾN HẢI - Chỗ ngồi	53
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	VÕ THỦ PHƯƠNG - Thế giới 1996 : một năm nhìn lại	54
TÌM HIỂU KHÁI NIỆM	Internet, tác dụng và hạn chế	57
	Hợp đồng dân sự. Hợp đồng lao động. Hợp đồng kinh tế	59
TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN	Hội nghị tổng kết thí điểm đào tạo kỹ thuật viên cấp cao	60

Bìa 1 : *Mùa xuân*

Ảnh : TTXVN

11 384 HH XL2 846
10/98 02-013-01 GBC
Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

Сообщение 2ого пленума центральноrо коммитета кпв 8ого созыва. ДОМЬЮЙ - Сосредоточивая все усилия, отдаем первую привилигию курсу образования, подготовки кадров науке и технике.*** Уверенно вступаем в 1997ый год с новой силой и новым положением. ЛЕ СУАН ТУНГ - Стадии возмужения коммунистов и партийных организаций партийнго коммитета Ханоя. НГУЕН ВАН ХИЕУ - Развитие образования и подготовки новых талантов во имя индустриализации и модернизации страны. НГУЕН ЗИ НИЕН - Сообщество Вьетнамцев зарубежом всё более обращаются к родине. ВУ ХЬЕН - Вопросы о Бедности и её устранения. НГУЕН ТХЕ НГЪИЯ - Марксистская теория об общественно - экономической формации - теоретическая основа для индустриализации и модернизации страны. ЛАЙ НГОК ХАЙ - О возможности и эффективности государственного макроуправления при рыночной экономике. ХОАНГ ТАНЬ - Партийный коммитет провинции Ланг Щон руководствует перестановкой сельского хозяйства и лесоводства по направлению к товарному производству. ЧАН СУАН ДИНЬ - Хай Фонг старается за исполнение цели превращения области образования в область первостепенного значения. ВО ТХУ ФЫОНГ - Мир в 1996 ом году : годовой обзор

CONTENTS

Inform of the Second Plenum of the Party's Central Commitee of the VIIIth Tenure. Đỗ Mười - Focusing all endeavours, we give priority to education, cadre training, science and technology. *** "Firmly entering the year 1997 with new power and position". LÊ XUÂN TÙNG : Progresses of Party grassroots organizations and Party's members of Hanoi's Party Commitee. NGUYÊN VĂN HIỆU - Developing education and training the talents for the task of the countruy's industrialization and modernization. NGUYÊN DY NIÊN - Community of Overseas Vietnamese is more and more looking to their homeland. VŨ HIỀN - Some problems of poverty and its elimination methods. NGUYÊN THẾ NGHĨA - Marxist theory on the socio-economic structure - the theoretical basis of the industrialization and modernization. LẠI NGỌC HẢI - About the ability and effect of the State's macroscopic management in the market economy. HOÀNG TANH - Lang Son province's Party Commitee guides to implement the shift of agriculture and forestry in the direction of commodity production. TRẦN XUÂN ĐÌNH - " Hai Phong province strives to tum education into the leading national policy. VÕ THỦ PHƯƠNG - The world in 1996 : an annual summary

SOMAIRE

Communiqué du 2e Plénum du Comité central du Parti (issu du VIIIe Congrès). ĐỖ MƯỜI - Concentrons tous nos efforts pour donner priorité à l'éducation et la formation, aux sciences et à la technologie. ***Au seuil de 1997, pleinement confiants et avec une nouvelle position et une nouvelle force. LÊ XUÂN TÙNG - Les étapes de maturité des organisations de base du Parti et des membres du Parti de Hanoi. NGUYÊN VĂN HIỆU - Développer l'éducation et former les talents pour réaliser l'industrialisation et la modernisation du pays. NGUYÊN DY NIÊN - La diaspora vietnamienne d'outre-mer s'oriente de plus en plus vers sa Patrie. VŨ HIỀN - Quelques problèmes de la pauvreté et de la faim et le travail pour liquider la faim et réduire le nombre des pauvres. NGUYÊN THẾ NGHĨA - La doctrine marxiste sur la forme socio-économique et la base théorique de l'oeuvre d'industrialisation et de modernisation du pays. LẠI NGỌC HẢI - Sur la compétence et l'efficacité de la macrogestion de l'Etat dans l'économie du marché. HOÀNG TANH - Le Comité provincial du Parti de Lang Son dirige la transmutation de la structure économique d'agro-sylviculture selon l'orientation de la production marchande. TRẦN XUÂN ĐÌNH - La ville de Hai Phong tâche de faire de l'éducation une priorité nationale. VÕ THỦ PHƯƠNG - Le monde en 1996 - un regard rétrospectif.

SUMARIO

Comunicado del Segundo Pleno del Comité Central del Partido (Octavo Congreso). ĐỖ MƯỜI - Concentrar todos los esfuerzos y reservar las máximas prioridades a la educación, formación, ciencias y tecnologías. ***Dotamos de firme confianza qara entrar en 1997 con la posición y fuerza nuevas. LÊ XUÂN TÙNG- Pasos de crecimiento del Comité del Partido de Hanoi y sus militantes. NGUYÊN VĂN HIỆU - Desarrollar la educación y formar los talentos en aras de la industrialización y modernización del país. NGUYÊN DY NIÊN - La comunidad de residentes vietnamitas en el extranjero se orienta cada día más hacia la Patria. VŨ HIỀN - Algunos problemas de la pobreza y el hambre y solu-ciones al respecto. NGUYÊN THẾ NGHĨA - La doctrina marxista sobre la forma socio - econónica - la base teómica de la obra de industrialización y modernización. LẠI NGỌC HẢI -Debates sobre la capacidad y la eficiencia de la macro-gestión del Estado en la economía de mercado. HOÀNG TANH - El Comité provincial del Partido de Lang Son dirige la transmutación de la estructura económica agro-silvícola a la orientación de la producción mercantil. TRẦN XUÂN ĐÌNH - Hai Phong en su esfuerzo de situar la educación en una política nacional primordial. VÕ THỦ PHƯƠNG - El mundo en 1996 - un vistazo retrospectivo.

目錄

●越南共產黨第八屆中央委員會第二次全體會議公報★★★杜梅：集中全力，首先優先教育、培訓和科技事業●滿懷信心，以嶄新的姿態和力度跨入1997年★★★黎春松：河內黨委基層黨組織及其黨員的成長●阮文校：發展教育和培養人才，爲實現國家工業化、現代化服務●阮顯年：海外越南共同體日益向往祖國●武賢：關于貧困飢餓問題和消飢減貧的問題●阮世義：馬克思學說論經濟、社會模式——工業化、現代化事業的理論基礎●賴玉海：論國家在市場機制下的宏觀管理能力和效果●黃珊：諒山黨委指導實現按商品生產方向轉移農、林業機構●陳春亭：海防爲使教育眞正成爲第一國策而努力奮鬥●武守方：世界1996年——一年回顧

Digitized by Google

THÔNG BÁO HỘI NGHỊ LẦN THỨ HAI BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA VIII

HỘI nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII họp từ ngày 16 đến ngày 24-12-1996 tại Hà nội.

Đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười đã đọc bài phát biểu quan trọng khai mạc Hội nghị.

Hội nghị đã thảo luận, thông qua hai Nghị quyết có ý nghĩa rất quan trọng nhằm thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng : Nghị quyết **"Về định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000" và Nghị quyết "Về định hướng chiến lược phát triển khoa học và công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000".**

Hội nghị đã phân tích sâu sắc thực trạng giáo dục, khoa học và công nghệ nước ta, đánh giá những thành tựu đã đạt được trong hoàn cảnh đất nước còn nhiều khó khăn và những yếu kém, đặc biệt là về mặt chất lượng và hiệu quả, cùng những nguyên nhân của ưu điểm và khuyết điểm.

Hội nghị đã đề ra định hướng, mục tiêu và nhiệm vụ từ nay đến năm 2000 và 2020 và chỉ rõ : phát triển giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ là quốc sách hàng đầu nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, phát huy nguồn lực con người là khâu đột phá để tiến vào thời kỳ mới. *Đấy là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân, của từng gia đình và mỗi công dân.*

Giáo dục phải phát huy những thành tựu đã đạt được, khẩn trương khắc phục các mặt yếu kém theo hướng : chấn chỉnh công tác quản lý, lập lại trật tự, kỷ cương, đẩy lùi tiêu cực, sắp xếp và củng cố hệ thống giáo dục, phát triển quy mô giáo dục, xây dựng chiến lược phát triển giáo dục cho thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Phải xây dựng và phát triển tiềm lực khoa học và công nghệ của nước nhà ; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ và công nhân lành nghề, kiện toàn hệ thống tổ chức, tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật, từng bước hình thành một nền khoa học và công nghệ hiện đại của Việt nam, có khả năng giải quyết phần lớn những vấn đề then chốt của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Các cấp ủy đảng, cấp chính quyền và đoàn thể phải thường xuyên chăm lo phát triển giáo dục - đào tạo và khoa học, công nghệ.

Hội nghị đã đề ra những giải pháp nhằm phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ mà vấn đề hàng đầu hiện nay là tạo ra động lực cho người dạy và người học, người làm khoa học và công nghệ ; tạo nguồn lực vững chắc cho hai lĩnh vực nói trên và tăng cường quản lý, lãnh đạo. Phải coi đầu tư cho giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ là đầu tư cho phát triển.

Tại Hội nghị, *Ban Chấp hành Trung ương cũng đã thảo luận và thông qua Chương trình hoạt động toàn khóa của Ban Chấp hành Trung ương ; Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương ; nghe báo cáo và thảo luận về nhiệm vụ kinh tế - xã hội năm 1997 ; về tiếp tục thực hiện Nghị quyết 14 của Bộ Chính trị về chống tham nhũng, quan liêu, lãng phí, thực hành tiết kiệm ; về chủ trương huy động sức dân để đầu tư phát triển, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội.*

Ban chấp hành Trung ương kêu gọi toàn đảng, toàn dân, toàn quân phát huy tinh thần cách mạng, quyết tâm thực hiện thành công nhiệm vụ phát triển giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ ; tham gia tích cực vào cuộc đấu tranh chống tham nhũng, quan liêu, lãng phí, vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh theo định hướng xã hội chủ nghĩa ❑

Digitized by Google

TẬP TRUNG MỌI CỐ GẮNG, DÀNH ƯU TIÊN CAO NHẤT CHO PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC, ĐÀO TẠO VÀ KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ *

ĐỖ MƯỜI
Tổng bí thư Ban chấp hành trung ương ĐCS Việt nam

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng ta đã quyết định đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, phấn đấu đến năm 2020 đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp. Đó là nhiệm vụ hàng đầu bảo đảm xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Để thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII, Hội nghị lần thứ hai Ban chấp hành Trung ương khóa VIII sẽ thảo luận và quyết định về định hướng chiến lược và mục tiêu, nhiệm vụ đến năm 2000 trên hai lĩnh vực có ý nghĩa hết sức quan trọng trước mắt cũng như lâu dài là giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ.

Trong quá trình chuẩn bị, nhiều đồng chí trong Bộ chính trị đã đi khảo sát các cơ sở. Đã tổ chức thu thập ý kiến đóng góp của các cấp ủy đảng, các giáo viên, nhà khoa học trong và ngoài nước, cán bộ quản lý, các đồng chí lão thành cách mạng, cán bộ cao cấp nghỉ hưu, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt nam... Trên cơ sở đó, Bộ chính trị đã thảo luận và cho ý kiến chỉ đạo việc dự thảo các văn kiện trình Hội nghị Trung ương lần này.

Trước khi Trung ương thảo luận, tôi xin phát biểu làm rõ thêm một số vấn đề sau đây.

Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta và Bác Hồ đã có nhiều chủ trương, chính sách để phát triển giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ. Đại hội VII đã khẳng định phát triển giáo dục và khoa học, công nghệ là quốc sách hàng đầu. Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành Trung ương khóa VII đã có nghị quyết về tiếp tục đổi mới sự nghiệp giáo dục, đào tạo. Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương khóa VII cũng đã đề ra những chủ trương phát triển khoa học, công nghệ. Tại Hội nghị lần này, Ban chấp hành Trung ương sẽ thảo luận và ra hai nghị quyết về định hướng chiến lược và nhiệm vụ phát triển hai lĩnh vực này đến năm 2000, đáp ứng đòi hỏi của cách mạng nước ta trong giai đoạn mới.

Qua mười năm đổi mới, các ngành giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ đã có nhiều cố gắng, đạt những thành tựu quan trọng. Song phải thừa nhận rằng, những kết quả đó vẫn còn thấp xa so với yêu cầu ngày càng cao của đất nước và mong mỏi ngày càng lớn của nhân dân, nhất là trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ trên thế giới đang diễn ra mạnh mẽ. Khoa học đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp như Mác dự đoán, còn công nghệ được đổi mới hết sức nhanh chóng. Trình độ dân trí và tiềm lực khoa học, công nghệ đã trở thành nhân tố quyết định sức mạnh và vị thế của mỗi quốc gia trên thế giới. Đảng ta nhận định : cuộc cách mạng khoa học, công nghệ hiện đại, cùng với xu thế quốc tế hóa đời sống kinh tế thế giới là thời cơ thuận lợi để phát triển, đồng thời cũng là một thách thức gay gắt đối với các nước, nhất là những nước còn chậm phát triển về kinh tế như nước ta. Vì vậy, cùng với nâng cao nhận thức đối với giáo dục, đào tạo, chúng ta phải hiểu sâu sắc vai trò của khoa học, công nghệ trong việc phát huy nhân tố con người.

---

* Nội dung bài phát biểu khai mạc Hội nghị lần thứ hai Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII, ngày 16 - 12 - 1996. Đầu đề do Tạp chí Cộng sản đặt

Digitized by Google

Điều đáng quan tâm là quan điểm của Đảng coi giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ là **quốc sách hàng đầu** đến nay vẫn chưa được nhận thức sâu sắc và chưa được cụ thể hóa đầy đủ bằng các chủ trương, chính sách của Nhà nước, bằng các biện pháp chỉ đạo và tổ chức thực hiện sâu sát của các ngành, các cấp. Hội nghị Trung ương lần này cần thảo luận và có những quyết định hữu hiệu khắc phục tình hình trên.

Đảng và Nhà nước cần tập trung mọi cố gắng, dành ưu tiên cao nhất cho phát triển giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ, thể hiện trên các mặt **chính sách, đội ngũ cán bộ và tổ chức quản lý**. Các cấp ủy đảng và mỗi đảng viên phải quán triệt sâu sắc quan điểm cơ bản này trong mọi lĩnh vực hoạt động. Các tổ chức đảng phải coi đây là nhiệm vụ thường xuyên trong hoạt động của mình.

Từ khi thành lập đến nay, trong mọi thời kỳ cách mạng, Đảng ta luôn luôn dựa vào dân. Nghị quyết của Đảng phải biến thành hành động cách mạng của toàn dân, tạo nên động lực cho hoạt động của mỗi người lao động. Chỉ thị 100 của Ban bí thư (khóa V) và Nghị quyết 10 của Bộ chính trị (khóa VI) về "khoán" trong nông nghiệp là một thí dụ điển hình, hợp quy luật, thuận lòng dân, đã động viên, cổ vũ nông dân cả nước hăng hái phát triển sản xuất, mang lại những thành tựu chưa từng có trong nông nghiệp nước ta. Lần này cũng vậy, phải làm sao cho Nghị quyết Trung ương 2 khi triển khai vào thực tiễn sẽ cổ vũ toàn dân trên mọi lĩnh vực, ở khắp các địa bàn trong cả nước, động viên đội ngũ thầy, cô giáo, cán bộ khoa học, các doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức nghề nghiệp... tiến quân vào khoa học, công nghệ, làm cho việc phát triển giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ trở thành **sự nghiệp của toàn dân.** Nghiên cứu khoa học phải xuất phát từ yêu cầu của cuộc sống, nhanh chóng đưa những kết quả nghiên cứu vào sản xuất và đời sống, gắn lý thuyết với thực hành, gắn nghiên cứu với ứng dụng, tạo ra hiệu quả cao trong toàn bộ nền kinh tế - xã hội. Nguồn động lực của đội ngũ lao động khoa học, công nghệ và nguồn động lực của toàn dân trong hoạt động kinh tế - xã hội dựa vào khoa học, công nghệ sẽ kết hợp chặt chẽ, tạo nên sức mạnh to lớn của phong trào quần chúng.

Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ cần bảo đảm sự phát triển đồng bộ của khoa học xã hội, khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật, hướng vào những nội dung cơ bản sau đây :

Vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kế thừa và phát huy những giá trị văn hóa của dân tộc kết hợp với tiếp thụ tinh hoa trí tuệ của nhân loại để hình thành hệ thống lý luận về định hướng phát triển của đất nước, về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt nam. Đây là một nhiệm vụ rất quan trọng, mở đường cho sự phát triển lành mạnh và bền vững cả về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, tinh thần, đạo đức, phong cách và lối sống ; bảo đảm cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo đúng định hướng xã hội chủ nghĩa, góp phần làm phong phú thêm kho tàng lý luận cách mạng Việt nam do Đảng ta lãnh đạo.

Cùng với việc tổ chức nghiên cứu cơ bản một cách có trọng điểm, cần đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến trong tất cả các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, quản lý và quốc phòng, an ninh, tiếp thụ vững chắc công nghệ được chuyển giao. Tận dụng nguồn lao động dồi dào và cơ sở vật chất, kỹ thuật, công nghệ hiện có ; đồng thời, tranh thủ mọi khả năng và tiềm lực đi thẳng vào công nghệ hiện đại ở những lĩnh vực then chốt và những khâu quyết định. Đây là cách đi tắt, đón đầu, nhằm bảo đảm tăng trưởng kinh tế với tốc độ nhanh ; nhất thiết không nhập những công nghệ trung gian đã lỗi thời, biến nước ta thành bãi thải công nghệ của người khác. Hết sức quan tâm bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái ngay từ những bước phát triển ban đầu, không để gây ra ô nhiễm, phá hoại môi trường sống cho các thế hệ hôm nay và mai sau.

Xây dựng và phát triển tiềm lực khoa học, công nghệ của quốc gia, tiếp thụ và ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ thế giới, từng bước hình thành một nền khoa học, công nghệ Việt nam hiện đại, đủ sức giải quyết những đòi hỏi của qúa trình phát triển. Kiên quyết khắc phục tình trạng lãng phí chất xám ; bồi dưỡng, đãi ngộ tương xứng với hiệu quả nhằm phát huy đầy đủ tiềm lực trí tuệ của đội ngũ khoa học hiện có, đi đôi với có kế hoạch đào tạo đội ngũ khoa học trẻ, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước vào đầu thế kỷ sau.

Bước vào thời kỳ mới, chúng ta phải nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ, ý chí tự lực tự cường đi đôi với mở rộng quan hệ quốc tế, phát huy đầy đủ năng lực nội sinh của dân tộc, lấy phát triển giáo

Digitized by Google

dục, đào tạo và khoa học, công nghệ làm yếu tố cơ bản, coi đó là **khâu đột phá**. Đảng ta cần đổi mới và tăng cường hơn nữa sự lãnh đạo đối với hai lĩnh vực này, trước hết là xác định các quan điểm chỉ đạo và những định hướng chiến lược về mục tiêu và giải pháp cho đến các năm 2000, 2010 và 2020.

Để thực hiện mục tiêu chiến lược mà Đại hội VIII đã đề ra, cần khai thác và sử dụng nhiều nguồn lực khác nhau, trong đó **nguồn lực con người** là quý báu nhất, có vai trò quyết định, đặc biệt đối với nước ta, khi nguồn lực tài chính và nguồn lực vật chất còn hạn hẹp.

Nguồn lực đó là người lao động có trí tuệ cao, có tay nghề thành thạo, có phẩm chất tốt đẹp, được đào tạo, bồi dưỡng và phát huy bởi một nền giáo dục tiên tiến gắn liền với một nền khoa học, công nghệ hiện đại. Giáo dục phải làm tốt nhiệm vụ đào tạo nguồn nhân lực cho đất nước, đội ngũ lao động cho khoa học và công nghệ.

Đề nghị các đồng chí khi thảo luận đặc biệt quan tâm đề xuất những **chủ trương, chính sách và biện pháp** bảo đảm cho giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ thật sự là quốc sách hàng đầu. Chúng ta chỉ có thể phát triển kinh tế - xã hội một cách lành mạnh và bền vững bằng việc chăm lo phát triển giáo dục với tốc độ nhanh hơn, chất lượng tốt hơn, hiệu quả lớn hơn và bảo đảm công bằng xã hội trong giáo dục.

Phải coi đầu tư cho giáo dục là đầu tư cơ bản quan trọng nhất cho sự phát triển toàn diện của đất nước. Gắn chiến lược phát triển giáo dục với chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và cả hai đều phải gắn với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội. Đổi mới nền giáo dục với cách làm thích hợp, trên các mặt tổ chức và quản lý, dạy và học, nghiên cứu và ứng dụng. Quan tâm thích đáng đến cả mặt bằng lẫn đỉnh cao dân trí, coi trọng giáo dục nhân cách, lý tưởng và đạo đức, trí lực và thể lực ; gắn học với hành, lý thuyết với thực tiễn. Ra sức phấn đấu xây dựng một nền giáo dục tiên tiến có quy mô, trình độ và cơ cấu ngành nghề hợp lý. Đó là nền giáo dục thấm nhuần sâu sắc **tính nhân dân, tính dân tộc và tính hiện đại.**

Đi đôi với truyền thụ kiến thức, đào tạo nghề nghiệp, nâng cao năng lực tư duy sáng tạo, cần đặc biệt quan tâm bồi dưỡng phẩm chất, đạo đức cho học sinh, sinh viên ; khắc phục những tiêu cực, yếu kém trong nhà trường. Đổi mới nội dung và phương pháp giáo dục chủ nghĩa Mác - Lê-nin; nghiên cứu biên soạn chương trình giảng dạy tư tưởng Hồ Chí Minh trong trường học ; coi trọng giáo dục về lịch sử, văn hiến Việt nam ; giới thiệu tinh hoa văn hóa nhân loại cho thế hệ trẻ ; tổ chức tốt việc biên soạn Từ điển bách khoa Việt nam.

Giáo dục, đào tạo phải theo hướng cân đối giữa "dạy người", dạy chữ, dạy nghề, trong đó "dạy người" là mục tiêu cao nhất như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói : "Muốn có chủ nghĩa xã hội, trước hết phải có con người xã hội chủ nghĩa". Giáo dục cho học sinh, sinh viên lòng yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, có bản lĩnh vững vàng, có tư duy sáng tạo và năng lực thực hành giỏi, có chí học tập, rèn luyện để lập thân, lập nghiệp, vững vàng tiếp bước các thế hệ đi trước, góp phần đưa đất nước đến hưng thịnh, phú cường.

Từ nay đến năm 2000, phấn đấu hoàn thành xóa mù chữ trong toàn quốc và thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi ở hầu hết các địa phương, tiến tới cơ bản phổ cập giáo dục trung học cơ sở vào khoảng năm 2010. Phát triển mạnh giáo dục nghề nghiệp cho thanh niên mà trọng tâm là đào tạo công nhân lành nghề có khả năng tiếp thụ và ứng dụng các loại công nghệ thích hợp, kể cả công nghệ hiện đại. Khuyến khích và hướng dẫn dạy nghề tại các doanh nghiệp. Mở rộng quy mô với cơ cấu hợp lý và nâng cao chất lượng giáo dục đại học nhằm đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao, bồi dưỡng nhân tài. Phấn đấu tạo điều kiện đưa nền giáo dục nước ta đi trước một bước thích hợp so với phát triển kinh tế để sớm tiếp cận trình độ học vấn của nền giáo dục tiên tiến trong khu vực và trên thế giới.

Phát triển giáo dục là sự nghiệp của toàn xã hội, của Nhà nước và mỗi cộng đồng, của từng gia đình và mỗi công dân. Kết hợp tốt giáo dục học đường với giáo dục gia đình, giáo dục xã hội, xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh ; người lớn làm gương cho con trẻ noi theo. Phát động phong trào rộng khắp toàn dân học tập, người người đi học, học ở trường, lớp và tự học suốt đời; người biết dạy người chưa biết, người biết nhiều dạy người biết ít ; mỗi người phải không ngừng tự nâng cao trình độc học vấn, chuyên môn, nghiệp vụ. Phát triển các hình thức giáo dục từ xa. Tiếp tục đa dạng hóa các hình thức giáo dục và các loại hình trường, lớp phù hợp với đòi hỏi của tình

Digitized by Google

hình mới, với nhu cầu học tập của tuổi trẻ và của toàn xã hội.

Hiện nay là thời đại của những giá trị nhân văn tốt đẹp, của trí tuệ cao và của những "bàn tay vàng", nguồn gốc trực tiếp tạo ra của cải vật chất và văn hóa, tinh thần có chất lượng cao. Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đòi hỏi phải có con người rất mực trung thành, giàu lòng yêu nước, có trình độ kiến thức hiện đại và kỹ năng thành thạo, có khả năng làm ra những sản phẩm đủ sức cạnh tranh trên thị trường trong và ngoài nước.

Ngành giáo dục phải thật sự cầu thị, lắng nghe ý kiến của nhân dân, phát huy ưu điểm, khắc phục yếu kém, nâng cao năng lực tổ chức và quản lý, đáp ứng yêu cầu của chiến lược phát triển giáo dục. Nghiên cứu ứng dụng những phương thức và phương pháp giáo dục và đào tạo mới ở tất cả các bậc học, sao cho giáo dục không chỉ là truyền thụ kiến thức mà quan trọng hơn là phải khơi dạy tính chủ động và tiềm năng sáng tạo to lớn trong mỗi con người nhằm phát triển toàn diện bản thân và đóng góp tốt hơn cho sự phát triển của đất nước.

Khâu then chốt để thực hiện chiến lược phát triển giáo dục là phải đặc biệt chăm lo đào tạo, bồi dưỡng và tiêu chuẩn hóa đội ngũ giáo viên cũng như cán bộ quản lý giáo dục cả về chính trị, tư tưởng, đạo đức và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ. Ưu tiên xây dựng các trường sư phạm và có chính sách thu hút người giỏi vào ngành sư phạm. Phát huy truyền thống "tôn sư trọng đạo", sử dụng giáo viên đúng năng lực, đãi ngộ theo tài năng và cống hiến với tinh thần ưu đãi và tôn vinh nghề dạy học.

Tại Hội nghị lần này, một trong những vấn đề quan trọng mà Trung ương cần thảo luận và quyết định là những giải pháp khả thi đối với những điều rất cơ bản, rất hợp lý được ghi trong những nghị quyết của Bộ Chính trị và của Ban chấp hành Trung ương khóa VI và khóa VII nhưng đến nay chưa được thực hiện hoặc chưa thực hiện tốt, cũng như đối với các chủ trương mới được đặt ra tại Hội nghị lần này.

Hơn lúc nào hết, xã hội đang rất quan tâm đến giáo dục, đòi hỏi có những giải pháp đủ mạnh để kiên quyết và nhanh chóng khắc phục những tiêu cực đang có chiều hướng gia tăng trong học đường. Đảng ta phải đáp ứng yêu cầu đó của nhân dân.

Trong quá trình vươn tới mục tiêu nhân bản của nền giáo dục xã hội chủ nghĩa, toàn Đảng phải nêu cao quyết tâm trong lãnh đạo, chỉ đạo giáo dục, thực hiện công bằng xã hội để con em người nghèo và các đối tượng trong diện chính sách cũng có điều kiện đến trường, ai cũng có cơ hội hưởng quyền được học tập thường xuyên, được đào tạo suốt đời. Kết hợp sự phát triển có trọng điểm về giáo dục, đào tạo với sự phát triển giáo dục, đào tạo ở các vùng lãnh thổ, tránh gây nên sự chênh lệch xa về nhịp độ và trình độ giữa các vùng. Xây dựng tốt các trường dân tộc nội trú, các trường công nông, tạo điều kiện cho con em đồng bào dân tộc thiểu số và gia đình công nông có điều kiện học tập lên trình độ cao hơn.

Các cấp ủy đảng, chính quyền và đoàn thể phải thường xuyên chăm lo phát triển giáo dục ; quan tâm bồi dưỡng đội ngũ thầy, cô giáo về chính trị, tư tưởng, chuyên môn, đời sống ; chăm lo công tác xây dựng đảng và các đoàn thể trong nhà trường ; làm tốt việc tuyên truyền, giáo dục và kết nạp những giáo viên, sinh viên ưu tú vào Đảng ; thường xuyên đưa những vấn đề về giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ vào chương trình nghị sự trong sinh hoạt của cấp mình.

Vấn đề hàng đầu hiện nay là phải tìm ra động lực cho người dạy và người học, sao cho người dạy nêu cao trách nhiệm trước thế hệ trẻ, toàn tâm, toàn ý với nhiệm vụ của mình, phấn đấu vươn lên đáp ứng những tiêu chuẩn về chính trị, tư tưởng, đạo đức, chuyên môn của người thầy giáo trong chế độ mới ; còn người học thì chăm lo hoàn thiện nhân cách, hăng say, miệt mài học tập tiếp thụ tri thức khoa học để trở thành những công dân hữu ích đối với xã hội. Theo tinh thần đó, kỳ họp Trung ương lần này cần xem xét điều chỉnh thang bậc lương cho giáo dục, đề ra chính sách khuyến khích thanh niên có tài năng theo học ngành sư phạm và có phụ cấp thích đáng để động viên các thầy, cô giáo bám trụ ở những nơi xa xôi, hẻo lánh, mang ánh sáng văn hóa đến từng người dân. Mặt khác, Trung ương cũng phải bàn những biện pháp để quản lý tốt lĩnh vực giáo dục, kiểm tra được chất lượng giáo dục, thống nhất chương trình, nội dung sách giáo khoa trong cả nước, hướng trường học đi vào trật tự, kỷ cương, nền nếp.

Về các giải pháp đẩy mạnh hoạt động khoa học, công nghệ, vấn đề trước tiên là tạo ra động lực để cho hoạt động khoa học, công nghệ phát triển đúng quy luật như một lực lượng sản xuất

Digitized by Google

quan trọng hàng đầu. Cần có cơ chế, chính sách để hình thành thị trường khoa học và công nghệ, hoạt động trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Áp dụng các cơ chế, chính sách thích hợp để tổ chức, sắp xếp hợp lý các viện nghiên cứu, các trường đại học ; kết hợp chặt chẽ đào tạo với nghiên cứu khoa học và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Mỗi trường đại học phải là một trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học ; mỗi viện nghiên cứu có trách nhiệm tham gia đào tạo. Các viện, trường phát huy tiềm năng mọi mặt của mình, tích cực tham gia phục vụ xã hội ; được phép thành lập những cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ đối với những sản phẩm do công nghệ mới thuộc lĩnh vực chuyên môn của mình tạo ra, theo những quy định của Chính phủ. Vấn đề này đã được đặt ra từ mấy năm nay. Thực tiễn hoạt động giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ vừa qua đòi hỏi Hội nghị Trung ương lần này có quyết định về vấn đề đó.

Trong các giải pháp tạo nguồn lực cho phát triển khoa học, công nghệ còn có vấn đề tỉ lệ ngân sách nhà nước dành cho hoạt động này. Dự thảo Nghị quyết lần này có nêu tăng dần tỉ lệ chi cho khoa học và công nghệ để đến năm 2000 đạt 2% ngân sách, tạo điều kiện đưa khoa học, công nghệ vào quỹ đạo phát triển mạnh hơn, có hiệu quả hơn.

Ngân sách nhà nước đầu tư cho giáo dục, đào tạo cũng được nâng dần đến không dưới 15% vào năm 2000. Huy động mọi nguồn lực, động viên đúng mức sự đóng góp của mỗi nhà, mỗi người ; đồng thời thu hút nguồn đầu tư từ các cộng đồng, các tổ chức kinh tế, xã hội, các giới trong và ngoài nước để phát triển giáo dục. Phải quản lý tốt và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đó ; kiên quyết chống thất thoát, lãng phí, tham ô.

Xây dựng và hoàn thiện hệ thống luật pháp và chính sách của nhà nước về giáo dục. Sớm ban hành Luật giáo dục ; thể chế hóa chủ trương của Đảng và Nhà nước về xã hội hóa giáo dục đi đôi với thực hiện công bằng trong giáo dục. Kịp thời cụ thể hóa nội dung Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần này bằng việc sớm ban hành các chính sách, chế độ đối với giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ.

Trong lịch sử đấu tranh lâu dài dựng nước và giữ nước, ông cha ta đã tỏ rõ khí phách anh hùng, phát huy cao nhất lòng yêu nước, trí thông minh và tình thần dũng cảm, xây dựng nên truyền thống **Nhân, Trí, Dũng** của dân tộc ta. Đây là phẩm chất toàn vẹn mà Bác Hồ thường xuyên chăm lo giáo dục cán bộ, đảng viên và nhân dân ta. Chính Người là bậc Đại nhân, Đại trí, Đại dũng, biểu tượng tập trung của truyền thống đó.

Nhân là lòng nhân ái, nghĩa tình, yêu nước, thương dân, là tinh thần đại đoàn kết toàn dân, triệu người như một, là tình cảm thiết tha, mãnh liệt đối với Tổ quốc, đồng bào : "Trung với nước, hiếu với dân".

Trí là sự sáng suốt, minh mẫn trong nhận thức, sự hiểu biết về tự nhiên và xã hội, trí thông minh, tài năng sáng tạo ; kế thừa và phát huy trí tuệ của dân tộc, tiêu biểu là tư tưởng Hồ Chí Minh; tiếp thụ tinh hoa của loài người mà đỉnh cao là học thuyết Mác - Lê-nin để vận dụng một cách phù hợp vào điều kiện của đất nước.

Dũng là ý chí bất khuất, quật cường, tinh thần độc lập, tự chủ của dân tộc ta, là lòng dũng cảm đương đầu với mọi thách thức, vượt qua mọi trở ngại : "Nhiệm vụ nào cũng hoàn thành, khó khăn nào cũng vượt qua...".

Chăm lo phát triển giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ chính là nhằm giữ gìn và phát huy truyền thống Nhân, Trí, Dũng, nhân lên gấp bội sức mạnh của cả dân tộc trong sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xóa bỏ lạc hậu, nghèo nàn, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, biến lý tưởng mục tiêu cao cả của chủ nghĩa xã hội thành hiện thực.

Toàn đảng, toàn dân, toàn quân ta quyết phát huy truyền thống của tổ tiên, thực hành nhân nghĩa, rèn luyện lòng dũng cảm, nêu cao tinh thần hiếu học, thực hiện bằng được sự nghiệp trọng đại phát triển giáo dục và khoa học, nâng trí tuệ dân tộc lên tầm cao thời đại, đưa đất nước bước vào thiên niên kỷ mới, sánh vai vùng bầu bạn khắp năm châu như Bác Hồ kính yêu hằng mong ước.

Với niềm tin sâu sắc đó, tôi xin tuyên bố khai mạc Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII.

Chúc Hội nghị thành công tốt đẹp.

Digitized by Google

VỮNG TIN BƯỚC VÀO NĂM 1997 VỚI THẾ VÀ LỰC MỚI

NĂM 1996 đã đi qua, đánh dấu một bước trưởng thành của đất nước ta trên con đường đi tới mục tiêu : "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh". Trong 10 năm đổi mới vừa qua, chưa năm nào thiên tai, bão, lụt lại diễn ra liên tục và tàn phá nặng nề như năm nay. Và cũng kỳ lạ thay, trước khắc nghiệt của thiên nhiên, đất nước ta, con người Việt nam ta lại trụ vững như thành đồng và tiếp tục phát triển theo con đường mà Đảng và nhân dân ta đã chọn : Đổi mới sâu sắc và toàn diện ; nắm chắc thời cơ, vượt qua thách thức để tiến lên. Năm 1996 vừa qua là một năm đáng ghi nhớ. Khi tờ lịch cuối năm được bóc đi, cả nước đón nhận tin vui : Tất cả các chỉ tiêu kinh tế xã hội chủ yếu của kế hoạch năm 1996 (năm đầu thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng, cũng là năm đầu của kế hoạch 5 năm 1996 - 2000) đã đạt và vượt kế hoạch : nhịp độ tăng trưởng kinh tế 9,5%, lạm phát dưới 10% ; công nghiệp tăng 14%, sản lượng lương thực 29 triệu tấn, xuất khẩu 7 tỉ USD. Đời sống các tầng lớp nhân dân được cải thiện thêm, bộ mặt thành thị và nông thôn đổi thay theo hướng ngày càng văn minh, hiện đại. Nhịp độ đầu tư nước ngoài vào nước ta ngày càng tăng, nhất là ở miền Bắc và miền Trung. Uy tín của Việt nam trên trường quốc tế tăng thêm. Tiềm lực kinh tế, quốc phòng được củng cố, an ninh chính trị và ổn định xã hội được bảo đảm vững chắc.

Thực tế của năm 1996 và những thành đạt về kinh tế và xã hội làm cho bạn bè trên thế giới hiểu rõ và tin ở chúng ta hơn. Hội nghị nhóm tư vấn các nhà tài trợ cho Việt nam lần thứ 4, do 18 tổ chức tài chính quốc tế lớn (WB, IMF, EU, ADB, UNDP, Tập đoàn tài chính quốc tế...) và từ 26 nước tài trợ lớn (Nhật, Ca-na-đa, Pháp, Anh, Hàn quốc, Bỉ...) họp tại Hà nội đầu tháng 12 -1996 đã thống nhất đánh giá "Kinh tế Việt nam trong thời gian qua rất khả quan", từ đó quyết định tài trợ 2,4 tỉ USD qua các chương trình và dự án bằng nguồn vốn ODA trong năm 1997. Trước đó, IMF cũng đã quyết định giúp Việt nam khoản tài trợ 89 triệu USD vì những thành tựu về kinh tế Việt nam đạt được trong năm 1996 và coi Việt nam là một thành công điển hình trong chuyển đổi cơ cấu kinh tế. Khoản viện trợ này giúp Việt nam điều chỉnh cơ cấu mở rộng (ESA). Các nhà đầu tư nước ngoài càng tin tưởng vào các đối tác Việt nam và hàng loạt dự án mới được ký kết, triển khai.

Bên cạnh những thành tựu to lớn đó, chúng ta còn những yếu kém và nhược điểm : cán cân thanh toán chưa thăng bằng, thu ngân sách không đạt kế hoạch do thất thu còn lớn, nhập siêu quá nhiều, hàng hóa tồn đọng, giá cả diễn biến bất lợi cho các nhà sản xuất, tệ nạn xã hội chưa giảm. Điều quan trọng là chúng ta đã nhận diện được các yếu kém đó và đang tìm giải pháp xử lý thích hợp. Đánh giá một cách tổng hợp và khách quan, năm 1996 là một năm đầy ắp những sự kiện và gặt hái được nhiều thành tựu to lớn cả về kinh tế - xã hội - an ninh, quốc phòng, tạo tiền đề vững chắc cho năm 1997 và các năm tới.

Với những kết quả đã đạt được năm 1996, chúng ta có đủ điều kiện để thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội do Quốc hội khóa IX, kỳ họp thứ 10 thông qua. Các mục tiêu chủ yếu là : tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng 9 - 10%, sản xuất nông - lâm nghiệp tăng 4,6% đến 4,9%, sản lượng lương thực đạt 29 - 29,5 triệu tấn, sản xuất công nghiệp tăng 14 - 14,5%, kim ngạch xuất khẩu tăng 27%, lạm phát dưới 10%, tỷ lệ tăng dân số giảm 0,08%.

Trước hết, cần khẳng định rằng đó là những mục tiêu rất cao nhưng có tính khả thi. Nó phù hợp với tinh thần Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng cũng như yêu cầu của cuộc sống. Vấn đề

Digitized by Google

đặt ra lúc này không phải chỉ là ý chí và quyết tâm, mà quan trọng hơn là tìm ra các giải pháp có hiệu quả để thực hiện các mục tiêu đó ở mỗi ngành, mỗi cấp.

Phương hướng chung cho năm 1997 là tập trung mọi lực lượng hiện có về vốn, lao động, cơ sở vật chất kỹ thuật và công nghệ trong nước, tận dụng tối đa sự hỗ trợ từ bên ngoài, tranh thủ thời cơ và thuận lợi, đẩy lùi các nguy cơ và thách thức, khắc phục khó khăn, khơi dậy mọi tiềm năng đẩy mạnh công cuộc đổi mới toàn diện và đồng bộ theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, kiên trì và nhất quán phát triển kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đi đôi với phát triển kinh tế, phải hết sức quan tâm và đầu tư thỏa đáng để ổn định và phát triển xã hội theo mục tiêu "công bằng và văn minh", thu hẹp dần khoảng cách giàu - nghèo trong nội bộ dân cư, sự chênh lệch về trình độ phát triển và mức sống giữa thành thị và nông thôn, giữa miền xuôi với miền núi, giữa các dân tộc, giữa các vùng sinh thái có điều kiện khác nhau. Quan tâm nhiều hơn đối với giáo dục, y tế, bảo vệ môi trường để nâng cao dân trí, bảo vệ sức khỏe và tài nguyên đất nước. Kinh tế - xã hội - an ninh - quốc phòng phải gắn kết với nhau và hỗ trợ lẫn nhau bảo đảm sự tăng trưởng và phát triển trong ổn định, vững bền. Năm 1997 phải là năm khởi sắc thực sự của sự nghiệp công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, chú trọng công nghiệp hóa nông nghiệp và nông thôn, nhằm tạo ra các tiền đề và điều kiện để chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực. Mục tiêu chung cho năm 1997 là sản xuất và dịch vụ phát triển hài hòa, tăng thu, tiết kiệm chi để cân bằng ngân sách, giảm nhập siêu, kiềm chế lạm phát ở mức hợp lý, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân, tăng tiềm lực kinh tế và quốc phòng của đất nước. Có bước đi đúng đắn và đồng bộ theo hướng công nghiệp hóa, đạt tốc độ tăng trưởng công nghiệp trên 14% trong điều kiện vẫn tăng trưởng nông nghiệp và dịch vụ.

Để thực hiện phương hướng và nhiệm vụ kế hoạch năm 1997 cần tập trung vào các giải pháp chủ yếu :

1 - Động viên toàn dân tích cực sản xuất, thực hành tiết kiệm, huy động mọi nguồn vốn trong nước và vốn tài trợ từ bên ngoài để đầu tư, phát triển sản xuất và mở rộng các hoạt động dịch vụ với nhịp độ cao ngay từ đầu năm, khắc phục bằng được tình trạng thiếu vốn hoặc vốn đầu tư chậm. Đối với vốn trong nước, vốn ngân sách trung ương để tập trung cho các công trình trọng điểm quốc gia và nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất và đời sống, trước hết ưu tiên cho các công trình phục vụ sản xuất hàng hóa lớn, xuất khẩu. Vốn từ ngân sách địa phương và vốn trong dân tập trung cho các công trình trọng điểm của địa phương và xây dựng các cơ sở hạ tầng nông thôn, nhất là điện, đường giao thông, trường học, trạm y tế. Đối với nguồn vốn ngoài nước, năm 1997 sẽ có khả năng thu hút nhiều hơn, tập trung hơn. Nguồn vốn ODA 2,4 tỉ USD của các nhà tài trợ quốc tế là sự hỗ trợ tích cực và rất kịp thời cho nền kinh tế nước ta năm 1997, khi nguồn vốn trong nước còn hạn chế. Tuy nhiên sử dụng được nguồn vốn quý báu này là việc không đơn giản, nó đòi hỏi sự cố gắng vượt bậc của các cơ quan tham mưu của chính phủ về hoạch định thể chế, quy hoạch và kế hoạch, xây dựng chương trình, dự án có cơ sở khoa học, có tính khả thi cao và nhất là theo đúng những quy chế nghiêm ngặt của các nước tài trợ. Vì vậy, giải pháp trước mắt là xây dựng nhanh và đủ các luận chứng để tiếp nhận có hiệu quả nguồn vốn đó. Ngay từ những ngày đầu năm 1997, các bộ, ngành chức năng cần hợp tác chặt chẽ xây dựng, hoàn thiện các chương trình và dự án cụ thể để trình Chính phủ phê duyệt. Yêu cầu chung là không để cho một đồng vốn tài trợ bị lãng phí do sự yếu kém của chúng ta. Không chỉ phải sử dụng hết, mà quan trọng hơn là sử dụng thật hiệu quả cho các mục tiêu kinh tế - xã hội của năm 1997.

2 - Chú trọng đúng mức đến việc phát triển khoa học và công nghệ, yếu tố quyết định quy mô và tốc độ tăng trưởng kinh tế. Giải pháp khoa học và công nghệ năm 1997 phải được tập trung cho các chương trình mục tiêu đã được duyệt. Đó là mở rộng và phát triển các khu công nghệ cao tại các khu chế xuất, khu công nghiệp tập trung, các sản phẩm xuất khẩu có tỷ trọng lớn như dệt may, điện dân dụng và điện tử, lắp ráp ô tô, xe máy ; chế biến thủy sản xuất

Digitized by Google

khẩu, xay xát và đánh bóng gạo xuất khẩu, đổi mới cơ cấu giống lúa ở vùng đồng bằng sông Cửu long theo hướng nâng cao chất lượng gạo theo yêu cầu thị trường quốc tế, giảm mạnh các giống lúa tuy có năng suất cao nhưng chất lượng kém. Khoa học và công nghệ tiên tiến cần được đầu tư thỏa đáng cho các hoạt động phơi sấy, bảo quản, phân loại, đóng gói, bao bì gạo xuất khẩu.

Để tạo ra bước đột biến về chất lượng sản phẩm, đưa tốc độ tăng trưởng của chăn nuôi lên cao hơn, tạo ra bước chuyển dịch cơ cấu trong nông nghiệp, cần có sự tác động mạnh của khoa học kỹ thuật trong lai tạo giống lợn "nạc", các hoạt động thú y, công nghệ chế biến và bảo quản thịt phục vụ yêu cầu xuất khẩu.

Giải pháp cho khoa học và công nghệ năm 1997 chủ yếu không phải là tăng vốn đầu tư mà là điều chỉnh lại cơ cấu vốn đầu tư theo hướng tập trung cho các chương trình mục tiêu trọng điểm, ưu tiên cho ngành, vùng, sản phẩm xuất khẩu có giá trị và tỷ trọng lớn. Để làm được việc này, cần tổ chức lại các trung tâm và viện nghiên cứu khoa học thuộc các bộ ngành với chức năng, nhiệm vụ, phạm vi rõ ràng, tránh trùng lắp, chồng chéo kém hiệu quả, gây lãng phí chất xám và ngân sách nhà nước dành cho khoa học.

3 - Phát huy mạnh mẽ nguồn lực con người trong phát triển xã hội và tăng trưởng kinh tế, huy động tối đa "chất xám" của các nhà khoa học, nhà quản lý thuộc mọi thành phần kinh tế trong nước và người Việt nam ở nước ngoài vào mục tiêu phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Muốn vậy, bên cạnh việc cải cách tiền lương, nhà nước, các doanh nghiệp trong nước cần có chính sách, chế độ khuyến khích nhân tài một cách thỏa đáng, ngăn chặn xu hướng "chảy chất xám" đang phát triển ngay trong nước hiện nay. Đầu tư để đào tạo lại cán bộ kỹ thuật, cán bộ quản lý và công nhân lành nghề trong các ngành kinh tế về các kiến thức kinh tế thị trường, ngoại ngữ, vi tính. Chú trọng cán bộ hoạt động trên địa bàn nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa... Nâng cao dân trí là giải pháp vừa trước mắt vừa lâu dài để bảo đảm thực hiện thắng lợi các mục tiêu tăng trưởng kinh tế và ổn định xã hội, nhất là mục tiêu giảm tỷ lệ tăng tự nhiên dân số.

Các ngành các cấp cần quán triệt tinh thần nghị quyết Hội nghị lần thứ hai của Trung ương (khóa VIII) về khoa học, công nghệ và về giáo dục và đào tạo, sớm đưa các nghị quyết ấy vào cuộc sống.

4 - Từng bước hoàn thiện cơ chế chính sách của nhà nước về kinh tế và xã hội tạo môi trường thuận lợi cho sự phát triển và tăng trưởng. Các chính sách tiền lương, thuế, xuất nhập khẩu, bảo hộ hàng trong nước, trợ giá cho nông dân, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, đầu tư trực tiếp nước ngoài, lợi nhuận, tài chính, ngân hàng, lãi suất, giá cả, chống buôn lậu, chống tham nhũng và lãng phí, xóa đói giảm nghèo, chống tệ nạn xã hội... đều cần được rà soát, bổ sung và hoàn thiện theo hướng giải phóng mạnh mẽ hơn nữa sức sản xuất trong nước và thu hút nguồn vốn đầu tư, vốn tài trợ và chất xám từ bên ngoài. Chính sách xuất nhập khẩu liên quan đến "đầu vào" và "đầu ra" của sản xuất trong nước cần được đổi mới theo hướng : khuyến khích xuất khẩu hàng hóa qua chế biến có chất lượng cao, cho phép mở rộng đầu mối để tăng sức cạnh tranh lành mạnh ; về nhập khẩu, ưu tiên nhập tư liệu sản xuất, hạn chế nhập tư liệu tiêu dùng, không nhập những mặt hàng trong nước đủ khả năng sản xuất như giấy, xi măng, bột giặt, hàng dệt may mặc. Trên cơ sở đổi mới chính sách xuất nhập khẩu, năm 1997 này, không để tái diễn tình trạng nhập siêu quá mức như năm 1996, tạo ra sức mạnh vật chất kích thích sản xuất công - nông nghiệp trong nước phát triển, lành mạnh hóa nền tài chính quốc gia, cân bằng ngân sách, giảm thâm hụt cán cân thanh toán, thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực và tiến lên hiện đại.

Tiễn biệt năm 1996 với niềm tự hào chính đáng, toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta phấn khởi và vững tin bước vào năm 1997 với thế mới, lực mới, đà mới và khả năng mới, vững vàng hơn và quyết tâm cao hơn, phấn đấu thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ và mục tiêu đã đặt ra. Năm 1997 sẽ là năm cố gắng vượt bậc, thắng lợi toàn diện vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.❑

Digitized by Google

NHỮNG BƯỚC TRƯỞNG THÀNH CỦA TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG VÀ ĐẢNG VIÊN ĐẢNG BỘ HÀ NỘI

LÊ XUÂN TÙNG *

NGHỊ quyết Hội nghị Ban chấp hành Trung ương 3 (khóa VII) "Về một số nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn đảng" ra đời tháng 6 - 1992. Vào thời điểm đó, Hà nội đã qua 5 năm đổi mới với những thành tựu quan trọng, song khó khăn, lúng túng và yếu kém còn nhiều, trong khi đó tình hình quốc tế diễn biến phức tạp khiến cho tư tưởng trong đảng bộ có sự phân tán, một bộ phận cán bộ, đảng viên dao động, mất lòng tin, phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí phấn đấu. Một số tổ chức đảng buông lỏng vai trò lãnh đạo, nhất là công tác tư tưởng... Trong bối cảnh đó, Nghị quyết Trung ương 3 về với đảng bộ Hà nội như một hồi kèn thúc giục toàn đảng bộ đoàn kết thống nhất, vượt qua mọi trở lực để tiến lên. Đảng bộ Hà nội đã chủ động khẩn trương triển khai Nghị quyết với quyết tâm cao, với cách làm sáng tạo và thận trọng, lựa chọn bước đi thích hợp.

I - Chương trình số 14

Bên cạnh việc tập trung lãnh đạo đổi mới kinh tế - xã hội, đảng bộ coi việc tổ chức thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 là nhiệm vụ then chốt, là công tác trọng tâm của toàn đảng bộ, xác định đổi mới và chỉnh đốn đảng là một trong những chương trình hành động của đảng bộ và nhân dân thủ đô. Chương trình này được mang mã số 14. Chương trình 14 đưa ra mục tiêu, yêu cầu và nội dung đổi mới, chỉnh đốn đảng một cách toàn diện, lấy đổi mới chỉnh đốn tổ chức cơ sở đảng làm khâu đột phá. Mặc dù còn có hạn chế và yếu kém, có thể khẳng định rằng Chương trình 14 đã được triển khai nghiêm túc và đạt kết quả quan trọng trên các lĩnh vực xây dựng đảng về chính trị - tư tưởng, tổ chức, kiểm tra, góp phần củng cố vai trò lãnh đạo của Đảng trên mọi mặt của đời sống xã hội, ở mỗi đơn vị cơ sở kinh tế, sự nghiệp và địa bàn dân cư, tạo đà thúc đẩy công cuộc đổi mới toàn diện của thủ đô. Kinh tế Hà nội vượt qua thời kỳ suy thoái, tăng trưởng nhanh, đời sống văn hóa xã hội có nhiều tiến bộ... Trong bài viết này chúng tôi muốn dành riêng nói về những trưởng thành của các tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên sau 4 năm đổi mới và chỉnh đốn.

1- Trước đây, khi nói đến củng cố Đảng ta thường nghĩ và nhấn mạnh tới công tác đảng viên mà coi nhẹ công tác tổ chức cơ sở đảng. Khắc phục tình trạng này đảng bộ Hà nội tiến hành đổi mới song song : vừa đổi mới, chỉnh đốn đảng viên vừa đổi mới, chỉnh đốn tổ chức cơ sở đảng. Đảng viên là tế bào của Đảng, đảng viên chỉ có thể tốt nếu ở trong một tổ chức đảng mạnh, nhiều đảng viên tốt góp phần làm nên tổ chức cơ sở đảng mạnh. Nhưng không thể đơn giản nói rằng có đảng viên tốt là tổ chức đảng khắc mạnh. Hơn lúc nào hết, Đảng ta yêu cầu mỗi đảng viên phải tốt và mỗi cơ sở đảng phải mạnh để đủ sức lãnh đạo các mặt đời sống, xã hội ở địa phương và đơn vị. Sau bốn năm đổi mới và chỉnh đốn, kết quả rõ nét nhất cả về nhận thức và thực tiễn là vị trí, vai trò, chức năng lãnh đạo nhiều mặt của tổ chức cơ sở đảng đều được tăng lên. Các cơ sở đảng được đổi mới về nhiều mặt.

Hệ thống tổ chức của đảng bộ được điều

* Ủy viên Bộ chính trị - Bí thư thành ủy Hà nội

Digitized by Google

chỉnh, sắp xếp hợp lý hơn. Các đảng bộ khối trực thuộc thành ủy được thành lập. Các chi bộ xã, phường được tổ chức theo địa bàn dân cư.

Các ban cán sự đảng trong các cơ quan quản lý nhà nước, các đảng đoàn trong các cơ quan dân cử được ra đời.

Dựa trên quy chế mẫu của Ban bí thư Trung ương Đảng và quy chế mẫu do thành ủy hướng dẫn, các tổ chức cơ sở đảng đã dành nhiều công sức vận dụng, cụ thể hóa, xây dựng quy chế hoạt động của cơ sở và tổ chức thực hiện nghiêm. Nhiều nơi không những xây dựng quy chế của ban chấp hành, của chi bộ mà còn có quy chế làm việc của thường vụ, của tổ chức đảng với các thành viên trong hệ thống chính trị ở cơ sở. Sau khi có quy chế làm việc của tổ chức đảng, nhiều nơi còn xây dựng các quy định, quy tắc, quy trình giải quyết từng mặt công tác khác nhau, nhất là những vấn đề liên quan đến lợi ích, bảo đảm làm việc có nguyên tắc kỷ cương, đoàn kết thống nhất nội bộ, giảm bớt sự tùy tiện. Quy chế là khuôn khổ trong đó tổ chức cơ sở đảng hành động, là chuẩn mực để kiểm tra, đánh giá chất lượng lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng. Thực tế khẳng định rằng nơi nào coi trọng xây dựng và thực hành quy chế, kiểm điểm việc thực hiện quy chế thì ở đó hoạt động của tổ chức đảng có nền nếp, kỷ cương trong Đảng được giữ vững, uy tín của Đảng trong nhân dân tăng lên, vai trò lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng được tăng cường. Các cuộc sinh hoạt nội bộ đảng bước đầu được đổi mới về nội dung và hình thức, mở rộng dân chủ bàn bạc, có nghị quyết chuyên đề liên quan đến từng mặt lãnh đạo.

Vai trò và chất lượng của các tổ chức cơ sở đảng ở Hà nội được nâng lên phần chủ yếu là do chất lượng của cấp ủy, nhất là đội ngũ bí thư cơ sở. Càng tiến sâu vào đổi mới và chỉnh đốn đảng, điều này càng bộc lộ rõ. Cùng một chất lượng đảng viên như nhau, nhưng do chất lượng cấp ủy và bí thư khác nhau, dẫn đến chất lượng tổ chức cơ sở đảng mạnh yếu khác nhau. Sau 4 năm Hà nội đã đổi mới 1/3 cấp ủy và hơn 1/3 bí thư các tổ chức cơ sở. Cấp ủy và bí thư trẻ hơn các khóa trước từ 2 đến 4 tuổi, trình độ văn hóa, lý luận, nghiệp vụ chuyên ngành cao hơn trước khá nhiều. Hà nội phấn đấu xây dựng đội ngũ bí thư các tổ chức cơ sở đảng tiến tới đáp ứng đòi hỏi tương đương hoặc hơn thủ trưởng chuyên môn hoặc chính quyền. Hai phần ba số bí thư phường, xã là cán bộ đương chức. Có quận chỉ còn một, hai đồng chí bí thư phường là cán bộ hưu trí.

Trước khi bước vào thực hiện Nghị quyết Trung ương 3, đảng bộ Hà nội có hơn 1 500 cơ sở đảng, trong đó cơ sở vững mạnh chiếm 28,5%, yếu kém 9,2%. Nhờ những cố gắng trên, sau 4 năm phấn đấu, đến cuối năm 1995 số cơ sở vững mạnh đã lên 34,4%, số cơ sở yếu kém còn 6,3%. Năm 1995 đảng bộ Hà nội đã biểu dương 57 tổ chức cơ sở đảng vững mạnh tiêu biểu và 47 cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác xây dựng Đảng.

2- Bắt tay vào thực hiện Chương trình 14, đảng ủy các cấp đã chỉ đạo chặt chẽ việc kiểm điểm, phân tích đội ngũ đảng viên ở từng tổ đảng, từng chi bộ đảng. Xác định mục tiêu kiểm điểm và phân tích không chỉ là sàng lọc, xử lý đảng viên có sai phạm mà chủ yếu là làm rõ các mặt mạnh yếu của từng người để có kế hoạch giúp nhau vươn lên. Đảng viên già yếu được xét miễn công tác và sinh hoạt. Các đảng viên còn lại được đưa vào vị trí công tác với các nhiệm vụ được phân công cụ thể, rõ ràng. Điều đáng biểu dương là trong những năm qua, các cơ sở đảng ở Hà nội đã dấy lên một phong trào học tập nâng cao trình độ mọi mặt của cán bộ và đảng viên. Họ học ở các trường trung ương, các trường thành phố, các trung tâm đào tạo ở quận, huyện, xã, phường ; vừa học tập trung, vừa học tại chức, học ngắn hạn và dài hạn. Trường cán bộ Lê Hồng Phong của thành phố, trong 3 năm trở lại đây đã đào tạo 13 000 người và đang tiếp tục mở rộng đào tạo, trong đó có những lớp trẻ đã tốt nghiệp đại học, để trở thành công chức nhà nước. Đến nay, hầu hết các cơ sở đều khẳng định rằng, qua đổi mới và chỉnh đốn, tính tiền phong gương mẫu, ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm của đảng viên được nâng lên rõ rệt. Đảng viên loại 1 tăng nhanh, chiếm tới 60%, đảng viên yếu kém chỉ còn 10%.

Digitized by Google

Những năm 1989 - 1991 công tác phát triển đảng nhìn chung còn yếu, mỗi năm chỉ kết nạp khoảng 1 500 đảng viên mới. Trong đợt đổi mới và chỉnh đốn lần này, do các cấp ủy coi trọng tuyên truyền mở nhiều lớp tìm hiểu về Đảng cho các đối tượng quần chúng tích cực, và phân công đảng viên giúp đỡ cụ thể nên việc kết nạp đảng viên mới đã có biến chuyển về chất, trở thành nền nếp thường xuyên trong sinh hoạt đảng. Nhờ vậy, từ năm 1992 đến năm 1995 đảng bộ đã kết nạp trên 10 000 đảng viên mới, bình quân mỗi năm trên 2 000. Riêng năm 1995, năm có nhiều ngày kỷ niệm trọng đại của đất nước, đã kết nạp trên 3 600 đồng chí. Cơ cấu và chất lượng đảng viên mới có thay đổi tích cực : 82,57% dưới độ tuổi 40 ; 56,9% có trình độ đại học trở lên ; 40% là nữ.

Những chuyển biến tích cực trên đây là rất đáng mừng, nhưng chúng tôi không thể chủ quan, bởi vì vẫn còn nhiều băn khoăn lo lắng trước một thực trạng là không ít trường hợp sự chuyển biến chưa vững chắc, ngay cả ở những cơ sở được công nhận là trong sạch, vững mạnh. Chúng tôi còn trăn trở về dấu ấn sự lãnh đạo của Đảng vẫn chưa rõ nét, chưa đầy đủ, trọn vẹn ở không ít nơi, nhất là ở đảng bộ phường, đảng bộ doanh nghiệp. Trước thử thách của nhiệm vụ chính trị mới, trước cuộc đấu tranh chống tham nhũng, trước những lợi ích chung và riêng... thực chất sức chiến đấu của đảng viên và tổ chức cơ sở đảng sẽ bộc lộ rõ hơn. Ở một số nơi giải phóng mặt bằng để xây dựng công trình và đường sá, có những đảng viên vì lợi ích riêng tư mà làm "đầu têu" cho những hành động sai trái, có những tổ đảng, chi bộ, đảng bộ không lãnh đạo được quần chúng.

II- Một số kinh nghiệm bước đầu

Phân tích bước trưởng thành của các tổ chức cơ sở đảng và đảng viên ở Hà nội trong 4 năm đổi mới và chỉnh đốn, chúng tôi rút ra một số nhận xét bước đầu vừa là nguyên nhân của những kết quả đã đạt được vừa là kinh nghiệm :

1- *Chọn khâu đột phá* Nghị quyết Trung ương 3 nêu nhiều nội dung, tiến hành trong một thời gian dài trên phạm vi toàn quốc. Do đặc điểm tình hình của đảng bộ, Hà nội không có khả năng triển khai đồng loạt các nội dung đó, vả lại nếu cứ máy móc thực hiện tất cả các nội dung tất sẽ dàn trải, hời hợt không sâu sắc và khó có thể tạo ra sự chuyển biến nhanh chóng. Bởi vậy, đảng bộ Hà nội đã mạnh dạn đổi mới phương thức thực hiện Nghị quyết. Cụ thể là :

Chọn khâu đột phá, coi trọng điểm của việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 là đổi mới chỉnh đốn tổ chức cơ sở đảng và đảng viên, coi đây là một chương trình hành động của toàn đảng bộ. Chương trình được chia ra làm hai giai đoạn : giai đoạn tập trung và giai đoạn triển khai sâu từng chuyên đề. Mỗi giai đoạn lại chia ra các công đoạn nhỏ. Làm xong công đoạn trước mới chuyển sang công đoạn sau, làm điểm rồi mới làm ra diện. Cơ sở tự làm là chính kết hợp với sự chỉ đạo của cấp trên. Ví dụ như ở giai đoạn một, các cơ sở tập trung vào việc học tập quán triệt Nghị quyết, liên hệ kiểm điểm, xây dựng quy chế hoạt động, xây dựng phương hướng phấn đấu, giải quyết dứt điểm các vụ việc... Giai đoạn hai tập trung đi sâu vào các chuyên đề như đảng bộ phường, xã lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội ; đảng bộ doanh nghiệp lãnh đạo sản xuất kinh doanh ; cải tiến sinh hoạt chi bộ, phát triển đảng viên ở đường phố ; đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng ... Có thể nói, lần này đảng bộ Hà nội tiến hành đổi mới chỉnh đốn đảng một cách nghiêm túc, đạt được mục tiêu, yêu cầu đã đặt ra. Qua đây có thể rút ra một kết luận đúng đắn là : đối với những cuộc vận động lớn, chương trình lớn có nhiều nội dung quan trọng, phong phú, phức tạp phải biết chọn khâu đột phá trọng điểm, phương thức thực hiện thích hợp, mới có kết quả cao.

2- *Xác định cơ sở tự làm là chính, nhưng cấp trên phải kiên trì bám cơ sở, tập trung chỉ đạo, coi trọng sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm.* Với phương châm "làm đâu, chắc đấy" và thường vụ, trực tiếp là bí thư các cấp, phải tập

Digitized by Google

trung chỉ đạo. Đảng bộ Hà nội không lập ban chỉ đạo mà xác định rõ Ban thường vụ thành ủy trực tiếp chỉ đạo cuộc vận động, và các ban xây dựng đảng của thành ủy, quận, huyện ủy, đảng ủy trực thuộc đều phải nhập cuộc. Thành ủy và các cấp ủy cấp trên cơ sở, có các tổ công tác đi sâu xuống từng cơ sở, trên nền đó giúp thành ủy có những quyết định kịp thời, đáp ứng đòi hỏi của cơ sở. Bốn năm qua thành ủy đã ban hành hàng chục văn bản hướng dẫn, giúp cho cơ sở tháo gỡ những vướng mắc, đẩy nhanh tốc độ đổi mới chỉnh đốn đảng ở cơ sở hòa nhịp với tiến độ phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Từ bám sát, chỉ đạo cơ sở, bước đầu các cấp ủy đã rút ra quy trình đổi mới và chỉnh đốn đảng ở cơ sở là : xây dựng đề cương khảo sát gửi trước cho cơ sở, hướng dẫn cơ sở chuẩn bị báo cáo phân tích tình hình đơn vị ; thành lập nhóm khảo sát chuyên đề ở cơ sở có sự tham gia của các quận, huyện, đảng ủy trực thuộc ; dự thảo văn bản ; tổ chức lấy ý kiến một số cơ sở đảng và cấp trên cơ sở, hội thảo với các chuyên gia am hiểu vấn đề ; tổ chức hội nghị thảo luận, thông qua dự thảo văn bản và thống nhất quyết định ban hành văn bản chính thức để triển khai ở cơ sở. Cũng do bám sát cơ sở mà nhiều điển hình, nhiều kinh nghiệm hay ở cơ sở được tổng kết và kịp thời thông báo để mọi cơ sở học tập rút kinh nghiệm như : kinh nghiệm phân công đảng viên ở xã Cổ loa huyện Đông anh, kinh nghiệm xây dựng chi bộ, đảng bộ vững mạnh của huyện Đông anh, kinh nghiệm giải quyết cơ sở yếu kém của quận Hoàn kiếm, giải pháp thực hiện quy hoạch cán bộ phường của quận Ba đình, kinh nghiệm xây dựng quy chế hoạt động của các tổ chức cơ sở của quận Hai Bà Trưng v. v.

3- Bên cạnh sự giúp đỡ của cấp trên, *từng cơ sở đảng phải chủ động xây dựng kế hoạch đổi mới và chỉnh đốn, đồng thời phải chấp hành nghiêm chỉnh những hướng dẫn của cấp trên và tranh thủ sự ủng hộ đồng tình của quần chúng nhân dân.* Thực tế khẳng định rằng, những cơ sở đổi mới và chỉnh đốn tốt là những đơn vị, mà ở đó cấp ủy chủ động xây dựng chương trình, kế hoạch, biện pháp cụ thể phù hợp với điều kiện của đơn vị. Mặt khác chính những nơi đó cũng là nơi chấp hành đầy đủ, nghiêm túc những hướng dẫn của cấp trên. Những nơi đó đã coi trọng công tác phát động tư tưởng, nâng cao nhận thức cho đảng viên và quần chúng, dựa vào các tổ chức đoàn thể như công đoàn, phụ nữ, thanh niên, hội nông dân, hội cựu chiến binh và mặt trận tổ quốc, phát động quần chúng thực hiện các chương trình hành động cách mạng thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của đơn vị và giới thiệu những cán bộ ưu tú cho Đảng. Điều đáng mừng là, nhiều cơ sở đảng đã chăm lo tốt công tác giáo dục thanh niên, đặc biệt là công tác lãnh đạo Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh để từ đó tạo nguồn đảng viên trẻ cho cơ sở. Bởi vậy, nhiều cơ sở đã xuất hiện những cán bộ trẻ, có năng lực và phẩm chất tốt.

4- *Vạch ra những nội dung đúng đắn để đổi mới và chỉnh đốn đảng là rất quan trọng, nhưng để đổi mới và chỉnh đốn đến thành công, còn phải có phương pháp đúng.* Một trong những phương pháp ấy là làm tốt 5 sự kết hợp :

- Kết hợp chặt chẽ giữa làm điểm và mở rộng ra diện,
- Kết hợp giữa cơ sở tự làm là chính với sự chỉ đạo, hỗ trợ của cấp trên,
- Kết hợp giữa sự chỉ đạo đại trà với sự chỉ đạo các khâu trọng điểm và địa bàn trọng điểm,
- Kết hợp giữa cấp ủy địa phương với ngành dọc chuyên môn cấp trên,
- Kết hợp giữa bí thư và cấp ủy với thủ trưởng đơn vị và lãnh đạo chuyên môn hoặc chính quyền.

III- Các hướng chủ yếu

Xây dựng Đảng bao giờ cũng là một nhiệm vụ then chốt. Để thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, Đại hội lần thứ VIII của Đảng khẳng định quyết tâm xây dựng Đảng ngang tầm đòi hỏi của tình hình và nhiệm vụ mới. Tổng kết 4 năm đổi mới và chỉnh đốn, đảng bộ Hà nội mới chỉ đi một chặng đường, giờ đây phải phát huy truyền

Digitized by Google

thống và kết quả đã đạt được để tiếp tục xây dựng đảng bộ theo các hướng chủ yếu là :

1- Không ngừng nâng cao chất lượng công tác tư tưởng, giáo dục cho đảng viên và nhân dân kiên định chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, kiên định con đường xã hội chủ nghĩa, tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng ; đề cao rèn luyện phẩm chất chính trị và đạo đức cách mạng, lối sống trong sạch, lành mạnh cho cán bộ và đảng viên.

2- Tiếp tục củng cố, kiện toàn, phát huy những mặt đã đạt được của các tổ chức cơ sở đảng và đảng viên, đồng thời chăm lo xây dựng tổ chức đảng cấp trên cơ sở từ quận, huyện ủy đến đảng bộ trực thuộc và thành ủy, ban cán sự, đảng đoàn v.v... vững mạnh. Có như thế đổi mới và chỉnh đốn đảng của đảng bộ mới thực sự vững vàng.

3- Tiếp tục làm tốt hơn nữa công tác cán bộ mà trọng tâm là xây dựng một chiến lược cán bộ của thành phố từ nay đến sau năm 2000. Chiến lược đó phải mang tính khả thi, thực chất và có hiệu quả.

4- Tiếp tục thực hiện tốt nhiều biện pháp nâng cao chất lượng đảng viên. Bên cạnh coi trọng giáo dục tư tưởng chính trị phải chú ý công tác quản lý đảng viên, đề cao tính kỷ luật và thực hiện tốt tự phê bình và phê bình trong đảng, làm tốt việc phân công cho đảng viên. Làm tốt công tác phát triển đảng ở tất cả các khâu từ tạo nguồn, tuyên truyền, bồi dưỡng, giao việc đến kết nạp đảng viên mới. Quan tâm chỉ đạo việc đổi mới các đoàn thể quần chúng nhân dân, đặc biệt là Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh.

5- Tiếp tục đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng, từ đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo bản thân Đảng, nội bộ Đảng ; đổi mới sự lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị, trước hết là chính quyền đến đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với các lĩnh vực, các mặt khác của đời sống xã hội ❑

MỘT SỐ VẤN ĐỀ...

(Tiếp theo trang 26)

nhất định, phải chấp nhận tình trạng nghèo khó tương đối. Vì vậy, xóa đói giảm nghèo không những là công việc cần thiết mà là nhiệm vụ cấp bách và quan trọng. Chúng ta xác định sự phân hóa giàu nghèo không thể tránh khỏi, nên cũng quyết tâm không để xảy ra tình trạng làm giàu vô tội vạ trên lưng người khác, cũng như tình trạng "kẻ ăn không hết, người lần không ra", không thể để người nghèo bị bỏ rơi trước con mắt của cộng đồng.

3- *Xóa đói giảm nghèo và thực hiện công bằng xã hội không có nghĩa là kìm hãm sự phát triển kinh tế, không có nghĩa là cào bằng.* Kinh nghiệm của chủ nghĩa xã hội hiện thực ở Liên xô và Đông Âu trước đây đã cho thấy, nếu đặt công bằng xã hội lên trên hết và tách rời với phát triển kinh tế thì trước hết dẫn tới sự triệt tiêu các động lực phát triển. Tuy nhiên, nếu đặt hiệu quả kinh tế là mục tiêu duy nhất thì sẽ làm tăng tình trạng phân hóa hai cực, làm tăng sự khốn khó đối với không ít quần chúng nhân dân. Bởi vậy, trong khi thực hiện bài toán phát triển đất nước, làm sao phải tạo mọi điều kiện và tăng nguồn lực cho sự phát triển, đồng thời hạn chế mặt tiêu cực của nó, đặt vấn đề xóa đói giảm nghèo thành công việc thường xuyên liên tục.

4- *Xóa đói giảm nghèo là công việc của toàn xã hội.* Nó không dừng lại ở việc thực hiện chính sách xã hội, không phải việc riêng của ngành lao động - xã hội hay một số ngành khác mà là nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa, là nhiệm vụ chung của toàn Đảng toàn dân. Muốn thực hiện thành công việc xóa đói giảm nghèo, tất cả mọi cán bộ đảng, chính quyền đều phải quan tâm cùng giải quyết, thực hiện các giải pháp một cách đồng bộ và phải có sự tham gia của toàn thể cộng đồng ❑

Digitized by Google

PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NHÂN TÀI ĐỂ THỰC HIỆN CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

NGUYỄN VĂN HIỆU *

NHỮNG chủ trương, chính sách đúng đắn của Đảng và Chính phủ cùng với những thắng lợi to lớn mà nhân dân ta đạt được sau 10 năm đổi mới đã tạo ra những tiền đề rất quan trọng để đưa đất nước ta tiến vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nhiều nguồn tài nguyên đang được khai thác một cách có hiệu quả, nhiều tiềm năng thiên nhiên đang được phát huy, đời sống nhân dân ổn định và được cải thiện, nền kinh tế tăng trưởng với tốc độ khá và đang thu hút những nguồn vốn đầu tư lớn cùng với khả năng chuyển giao công nghệ mới từ nước ngoài ; nền kinh tế nước ta đang vươn ra thị trường thế giới.v.v.. Những yếu tố đó rất cần thiết, nhưng chưa đủ để bảo đảm thực hiện công nghiệp hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, để hiện đại hóa đất nước. Còn thiếu một yếu tố chủ yếu nhất : đó là một đội ngũ cán bộ đồng bộ, cân đối, những người lao động được đào tạo đến trình độ chuyên môn cần thiết cho mỗi nghề nghiệp trong xã hội, những người lao động có kỷ luật và có hoài bão, từ những người nông dân giỏi làm ruộng, trồng rừng, làm vườn, những người công nhân, kỹ thuật viên giỏi tay nghề, những kỹ sư, công trình sư giàu kiến thức và kinh nghiệm đến những nhà phát minh khoa học và công nghệ, những văn nghệ sĩ tài năng. Cái vốn quý giá nhất ấy chỉ có thể do chính chúng ta gây dựng nên, chứ không thể chuyển giao từ bên ngoài như chuyển giao công nghệ, không thể thu hút từ các nước phát triển, như ta đang thu hút vốn đầu tư.

Ngay cả khi còn hệ thống xã hội chủ nghĩa, Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em sẵn sàng giúp ta đào tạo nhân tài trên tinh thần quốc tế vô sản, Đảng và Nhà nước ta cũng đã có những nỗ lực lớn lao và thực hiện nhiều chủ trương, biện pháp mạnh dạn để đào tạo nên một đội ngũ trí thức mà nhiều nước đang phát triển chưa thể có. Đội ngũ ấy đã có những đóng góp nhất định vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Ngày nay, khi mà sự giúp đỡ của nước ngoài đối với việc đào tạo cán bộ khoa học công nghệ nước ta giảm hẳn đi, gần như không đáng kể so với trước đây, thì sự nỗ lực của chính chúng ta lại phải tăng gấp bội. Đảng ta cũng đã sớm thấy được điều đó, Bộ chính trị khóa V, khóa VI đều ra Nghị quyết về khoa học và công nghệ ; Ban chấp hành Trung ương khóa VII cũng đã thảo luận và ra Nghị quyết về giáo dục và đào tạo, về khoa học và công nghệ, về các vấn đề có liên quan trong hai Hội nghị Trung ương. Chính vì những Nghị quyết đó chưa được thực hiện đầy đủ cho nên đội ngũ cán bộ khoa học công nghệ vẫn còn đang tiếp tục sa sút, nguồn nhân

* Giáo sư, Viện sĩ, ủy viên Trung ương Đảng, chủ tịch Hội đồng Trung tâm khoa học tự nhiên và công nghệ quốc gia

Digitized by Google

lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã thiếu lại càng thiếu thêm.

Nhìn lại quá trình 10 năm tiếp nhận vốn đầu tư và công nghệ chuyển giao từ nước ngoài vào nước ta, bên cạnh những kết quả đóng góp vào sự tăng trưởng kinh tế, chúng ta thấy phía Việt nam cũng đã phải chịu không ít sự thua thiệt chỉ vì thiếu cán bộ có hiểu biết về chuyên môn hoặc vì không chịu sử dụng cán bộ có trình độ chuyên môn trong quá trình lựa chọn công nghệ, lựa chọn thiết bị. Bài học của 10 năm thực hiện liên doanh với nước ngoài là quá đủ để cho chúng ta hiểu ra được rằng nếu phía ta không có cán bộ đủ trình độ chuyên môn để đảm đương các trách nhiệm ở cương vị người điều khiển thì người Việt nam chúng ta đành phải chấp nhận địa vị người làm thuê với đồng lương rẻ mạt so với chuyên gia nước ngoài, không những bị thua thiệt về kinh tế mà còn bị phụ thuộc nhiều hơn vào nước ngoài, vai trò làm chủ bị giảm sút. Cứ theo cái đà đó thì liệu chúng ta sẽ còn giữ được độc lập tự chủ không ? Mà đã không giữ được độc lập tự chủ thì làm gì còn chủ nghĩa xã hội !

Đồng thời với nhiệm vụ đào tạo cán bộ khoa học công nghệ và cán bộ quản lý để làm chủ công nghệ mới được tiếp thu từ nước ngoài, chúng ta lại còn có nhu cầu cấp bách về cán bộ để thực hiện việc mở mang dân trí và nâng cao trình độ nghề nghiệp cho nhân dân lao động ở các vùng nông thôn rộng lớn xa thành thị, trong đó có miền núi và các vùng sâu, vùng xa, những căn cứ địa của cách mạng và của hai cuộc kháng chiến. Nhưng hiện nay, khác với trước đây, rất ít con em đồng bào các vùng nói trên có đủ tiền để vào học các trường đại học ở các thành phố lớn, còn sinh viên tốt nghiệp đại học thì không ai muốn về phục vụ ở những vùng nông thôn xa xôi. Phải làm sao đây để trên mọi miền của đất nước đều có cán bộ để mở mang dân trí và phát triển sản xuất, đổi mới công nghệ, làm sao để con nhà nghèo cũng được học hành để phát triển tài năng, kể cả việc vào đại học và được đào tạo cao hơn nữa. Đó là việc rất khó, nhưng không phải là không thể làm được, vì trước đây trong thời kỳ chiến tranh chúng ta đã từng làm. Nếu cứ vin cớ khó khăn, đổ lỗi cho cơ chế thị trường rồi buông trôi, thì liệu đất nước ta còn phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa hay không ?

Phát triển giáo dục một cách lành mạnh và đào tạo cán bộ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đang là mối quan tâm hàng đầu của Đảng ta, của các tầng lớp nhân dân ta. Trong quá trình góp ý kiến vào dự thảo Nghị quyết của Hội nghị Trung ương lần thứ hai, các đồng chí lão thành cách mạng, Mặt trận Tổ quốc, Liên hiệp các hội khoa học - kỹ thuật, nhiều nhà giáo, nhà khoa học kỳ cựu đã phát biểu những ý kiến đầy tâm huyết. Muốn thực hiện được những điều mong muốn đó, Đảng và Nhà nước cần có nhiều biện pháp cụ thể để phát huy năng lực của đội ngũ các nhà giáo và các nhà khoa học hiện có, để huy động sự đóng góp của tất cả các thành phần kinh tế, của các tầng lớp nhân dân. Thí dụ như muốn phát triển giáo dục ở những vùng nông thôn xa thành thị, ở miền núi và vùng sâu, vùng xa cần sớm thành lập các trường cao đẳng sư phạm hoặc đại học sư phạm ở các tỉnh xa, các trường trung học sư phạm ở các huyện xa để đào tạo con em đồng bào các tỉnh, các huyện đó thành giáo viên. Những năm trước mắt cần phát động trong giới khoa học và cán bộ giảng dạy đại học một phong trào tình nguyện tham gia giảng dạy tại các trường mới thành lập còn thiếu giáo viên ở các vùng có nhiều khó khăn, đồng thời có những biện pháp mạnh dạn để nhanh chóng đào tạo học sinh và giáo viên ở các địa phương đó thành cán bộ giảng dạy có đủ trình độ để thay thế những người tình nguyện. Trong những năm kháng chiến, theo tiếng gọi của Đảng, của Tổ quốc, biết bao thanh niên đã tình nguyện nhập ngũ, hy sinh xương máu để giành lấy độc lập tự do. Ngày nay chẳng lẽ chúng ta lại bó tay không huy động được những nhà giáo, nhà khoa học từ các thành phố lớn về các tỉnh xa, từ thành thị về những

Digitized by Google

vùng xa xôi một thời gian để đóng góp cho sự nghiệp phát triển giáo dục hay sao ? Tôi có thăm dò ý kiến của cán bộ khoa học, trong đó có cả những người đã được công nhận là phó giáo sư, giáo sư, nhiều người trả lời là họ sẵn sàng tham gia nếu được huy động. Xin nói thêm rằng ở một số trường đại học hiện nay đang có tình trạng thừa cán bộ giảng dạy, thiếu sinh viên.

Với hệ thống các trường phổ thông, trường dạy nghề, trường trung cấp kỹ thuật và quản lý, trường cao đẳng và trường đại học, chúng ta có thể truyền nghề và truyền thụ kiến thức cho thanh niên đến trình độ kỹ sư bằng cách giảng dạy. Nhưng để làm chủ các công nghệ hiện đại được chuyển giao từ nước ngoài rồi tiến tới sáng tạo ra những công nghệ mới, để bảo vệ môi trường sinh thái trong quá trình công nghiệp hóa chúng ta cần có những chuyên gia giỏi với trình độ cao hơn nhiều so với bậc đại học. Ngày nay không có nước nào, không có tổ chức quốc tế nào giúp ta làm việc này cả. Nhà nước có bỏ tiền ra để gửi đi đào tạo ở nước ngoài mà ở trong nước không có điều kiện phát huy tài năng thì khi thành tài số đông sẽ ở lại nước ngoài. Điều đó đã xảy ra đối với tất cả các nước thế giới thứ ba.

Muốn đào tạo nhân tài phải tổ chức nghiên cứu khoa học công nghệ ở trong nước. Cách đây gần 300 năm một ông vua của nước Nga là Pi-ốt đại đế sau khi chu du nước ngoài để tìm con đường canh tân nước Nga đã cử hàng loạt thanh niên đi du học ở nước ngoài, đồng thời quyết định thành lập Viện hàn lâm khoa học ở trong nước. Lúc đó nước Nga chưa có nhà khoa học nào xứng đáng là viện sĩ, Pi-ốt đại đế đã mời các nhà khoa học nổi tiếng của nước khác đến làm việc ở nước Nga và cử làm viện sĩ. Hai mươi năm sau mới có một người Nga đầu tiên được bầu vào Viện hàn lâm khoa học Nga. Đó là nhà bác học thiên tài Mi-kha-in Lô-mô-nô-xốp. Tiềm lực khoa học nước Nga xây dựng từ thuở ấy đã lớn mạnh gấp bội dưới chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên xô và đưa nền khoa học xô viết tiến lên chiếm vị trí hàng đầu trên thế giới, đã có những đóng góp xuất sắc vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và chiến thắng chủ nghĩa phát xít.

Ở nước ta, ngay từ những ngày kháng chiến đầu tiên đầy khó khăn gian khổ, theo lời kêu gọi của Bác Hồ diệt giặc đói, giặc dốt và giặc ngoại xâm, phong trào bình dân học vụ xóa nạn mù chữ và phát triển giáo dục đã được dấy lên ở khắp nơi trong vùng tự do. Trường sư phạm cao cấp và Trường đại học y khoa đã được thành lập trong thời kỳ kháng chiến. Ban nghiên cứu văn sử địa, tiền thân của Viện khoa học xã hội Việt nam, nay là Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia cũng đã ra đời trong giai đoạn đó.

Ngay sau khi miền Bắc được giải phóng một loạt trường đại học được thành lập ở Hà nội. Thực hiện Nghị quyết của Đại hội Đảng lần thứ III xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà, từ năm 1960 Chính phủ đã có chủ trương đào tạo cán bộ để xây dựng một trung tâm khoa học quốc gia với sự giúp đỡ của Viện Hàn lâm khoa học Liên xô. Tháng 5 năm 1975, đúng 3 tuần lễ sau khi miền Nam được hoàn toàn giải phóng, bộ phận khoa học tự nhiên của Trung tâm khoa học đó với tên gọi là Viện khoa học Việt nam đã ra đời. Cách đây 5 năm, để thực hiện sự gắn kết giữa khoa học và công nghệ, giữa lý luận và thực tiễn ngay trong từng viện nghiên cứu, Viện khoa học Việt nam và Viện khoa học xã hội Việt nam đã được tổ chức lại thành Trung tâm khoa học tự nhiên và công nghệ quốc gia và Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia. Hai trung tâm quốc gia trong khi thực hiện các chương trình nghiên cứu khoa học đã đào tạo được nhiều nhà khoa học có uy tín trong nước và trên thế giới, đã có đủ tiềm lực cán bộ và cơ sở vật chất - kỹ thuật để trở thành hai trung tâm đào tạo nhân tài của đất nước. Mong rằng các cơ quan quản lý nhà nước và lãnh đạo hai trung tâm sớm có các biện pháp cụ thể để khả năng đó trở thành hiện thực. Nhiều địa phương xa thành phố lớn và có nhiều khó khăn về điều kiện tự nhiên như các tỉnh Tây bắc, bán đảo Cà mau đang

Digitized by Google

có yêu cầu rất bức xúc về đào tạo tại chỗ cán bộ trình độ đại học và cao hơn. Hai trung tâm cần cử các nhà khoa học đến giúp các địa phương và tiếp nhận lại con em đồng bào các địa phương vào các viện để đào tạo thành các cán bộ trình độ trên đại học sau này về xây dựng quê hương.

Trong một số cuộc họp mà tôi được tham dự, một số đồng chí có trách nhiệm cho biết rằng Chính phủ sẽ giành một khoản ngoại tệ để gửi cán bộ khoa học đi đào tạo ở nước ngoài. Tôi rất hoan nghênh chủ trương đó, song cũng xin lưu ý các cơ quan có trách nhiệm rằng ngày nay nhiều tập thể khoa học công nghệ của một số trường đại học và viện nghiên cứu trong nước hoàn toàn có đủ các nhà khoa học giỏi để đào tạo chuyên gia có trình độ cao trong một số lĩnh vực khoa học công nghệ, song chưa làm được vai trò đó phần vì thiếu phương tiện, phần vì tiền lương quá thấp nên nhiều người chưa toàn tâm toàn ý lo cho công việc của nhà nước. Nếu dành một khoản kinh phí để tăng cường đào tạo ở trong nước theo các lĩnh vực đó thay cho việc bỏ tiền đi học ở nước ngoài thì hiệu quả sẽ cao hơn ; một phát tên cùng một lúc trúng vào cả hai đích.

Sự nghiệp phát triển giáo dục và đào tạo nhân tài đang đòi hỏi ở các cấp lãnh đạo và tất cả đội ngũ các nhà giáo, các nhà khoa học nước ta một quyết tâm cao. Hy vọng rằng khác với việc thực hiện các Nghị quyết trước đây, lần này sau Hội nghị Trung ương lần thứ 2, tất cả các cấp, các ngành liên quan, các cơ quan khoa học và đào tạo đều có chương trình công tác cụ thể để góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương ❑

HỌC THUYẾT MÁC ...

(Tiếp theo trang 30)

đã giải thích rõ những quy luật đặc thù chi phối sự phát sinh, phát triển và diệt vong của một chế độ xã hội nhất định và sự thay thế nó bằng một xã hội khác cao hơn.

Vì vậy, học thuyết này không chỉ giới hạn trong phạm vi một nền văn minh nhất định, mà nó còn bao quát các nền văn minh và luôn đánh giá cao vai trò cách mạng của lực lượng sản xuất, của khoa học và công nghệ trong sự phát triển xã hội.

Hơn nữa, học thuyết này không chỉ thừa nhận những quan hệ kinh tế (xét đến cùng) là quan hệ quyết định, mà còn thừa nhận vai trò của những yếu tố trong kiến trúc thượng tầng, thừa nhận sự tác động qua lại lẫn nhau của những yếu tố đó và tất cả chúng đều ảnh hưởng đến quá trình phát triển của hình thái kinh tế - xã hội. Nó đòi hỏi chúng ta phải phân tích sự phát triển của các xã hội như một quá trình tổng hợp các nhân tố và các quy luật khách quan, phải tính đến cả lực lượng sản xuất lẫn quan hệ sản xuất, cả cơ sở hạ tầng lẫn kiến trúc thượng tầng và mối liên hệ biện chứng của chúng. Và như V.I.Lênin đã khẳng định : Học thuyết đó "chỉ cho ta thấy rằng, do chỗ lực lượng sản xuất lớn lên, thì từ một hình thức tổ chức đời sống xã hội này, nảy ra và phát triển lên như thế nào một hình thức tổ chức đời sống xã hội khác, cao hơn" (16).

Qua đó, có thể khẳng định rằng, với chúng ta khi công nghiệp hóa nhất thiết phải gắn liền với hiện đại hóa, với việc ứng dụng rộng rãi những thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến của thời đại ; khi khoa học và công nghệ được coi là nền tảng của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ; khi việc nâng cao dân trí, bồi dưỡng và phát huy nguồn lực con người Việt nam hiện đại là nhân tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ; và khi sự nghiệp đó được nhận thức là con đường phát triển tất yếu, khách quan, là một cuộc cách mạng toàn diện và sâu sắc trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội, thì một trong những cơ sở lý luận, một trong những nền tảng tư tưởng của nó là học thuyết Mác về hình thái kinh tế - xã hội.❑

(16) V.I.Lênin. *Toàn tập*. Nxb Tiến bộ Matx-cơ-va, 1974, t 23, tr 53

Digitized by Google

CỘNG ĐỒNG NGƯỜI VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI NGÀY CÀNG HƯỚNG VỀ TỔ QUỐC

NGUYỄN DY NIÊN *

CỘNG đồng người Việt nam ở nước ngoài bắt đầu hình thành trong nhiều thế kỷ nay. Từ đầu thế kỷ XII và dần dần sau đó, đã có rải rác một số người Việt nam ra nước ngoài lập nghiệp, nhưng phải đến đầu thế kỷ XX mới bắt đầu có nhiều người Việt nam ra định cư ở nước ngoài. Đến nay đã có hơn 2 triệu người Việt nam định cư ở 70 nước trên thế giới, đông nhất là ở Mỹ với khoảng hơn 1 triệu người, ở Pháp khoảng hơn 200 ngàn người, rồi đến Ca-na-đa, Ô-xtơ-rây-li-a, mỗi nước có khoảng 18 vạn người, hình thành một cộng đồng không nhỏ người Việt nam ở nước ngoài mà trong bất cứ hoàn cảnh nào chúng ta cũng cần có sự quan tâm thích đáng.

Thành phần xuất thân của người Việt nam ở nước ngoài rất đa dạng : họ là những người bị đưa đi làm lính chiến, lính thợ từ thời kỳ chiến tranh thế giới thứ nhất và thứ hai ; là học sinh, sinh viên du học ; những thương gia, trí thức ; và lớn nhất là những người di tản sau giải phóng miền Nam năm 1975 ; những người ra nước ngoài đoàn tụ gia đình. Những năm gần đây có thêm một bộ phận người Việt nam làm ăn sinh sống ở Đông Âu và Liên xô (cũ), chủ yếu là những người sang hợp tác lao động ở lại.

Trừ một số ít còn mang nặng tư tưởng cực đoan, chống phá cách mạng hoặc còn thành kiến với chế độ mới, tuyệt đại bộ phận bà con kiều bào luôn luôn hướng về Tổ quốc, đất mẹ của mình. Họ luôn bày tỏ sự đồng cam cộng khổ với đồng bào trong nước khi gặp khó khăn hoạn nạn ; vui mừng khi đất nước được thống nhất, độc lập tự do và đặc biệt phấn khởi, tự hào khi thấy đường lối đổi mới ở trong nước đạt được những thành quả to lớn trong công cuộc xây dựng đất nước hiện nay. Tình cảm của người Việt nam ở nước ngoài đối với Tổ quốc được thể hiện bằng những đóng góp trí tuệ, tiền của cho công cuộc xây dựng đất nước, bằng lòng yêu nước nồng nàn, bằng sự giữ gìn bản sắc truyền thống văn hóa dân tộc và bằng cố gắng vươn lên để tồn tại và phát triển trong môi trường mới nơi họ cư trú để lúc nào cũng có quyền tự hào là người con của dân tộc Việt nam.

Chúng ta còn nhớ mãi khi cuộc cách mạng của dân tộc ta đang ở những giai đoạn khó khăn nhất, theo lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, nhiều trí thức người Việt ở nước ngoài đã tự nguyện từ bỏ cuộc sống nhàn nhã, xin về nước đóng góp tài năng và trí tuệ của mình cho sự nghiệp cách mạng. Tên tuổi của những trí thức đã có những đóng góp rất xuất sắc cho đất nước mà nhân dân ta sẽ không bao giờ quên như : bác sĩ Phạm Ngọc Thạch, giáo sư Lương Định Của, giáo sư Trần Đại Nghĩa, giáo sư Đặng Văn Ngữ...

Trong mấy năm gần đây, số người Việt nam ở nước ngoài về thăm đất nước hoặc tiến hành các hoạt động kinh doanh, đầu tư, buôn bán ngày càng tăng nhanh. Tính đến nay đã có trên 50 dự án đầu tư trong nước của kiều bào với số vốn tới gần 100 triệu USD. Hằng năm, riêng số tiền của kiều bào gửi về giúp đỡ thân

* Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ ngoại giao kiêm Chủ nhiệm Ủy ban về người Việt nam ở nước ngoài

Digitized by Google

nhân ở trong nước đạt khoảng 600 đến 700 triệu USD.

Cộng đồng người Việt nam ở nước ngoài với đội ngũ trí thức ưu tú tới hàng chục ngàn người ở rải rác trong các trung tâm kinh tế, khoa học - kỹ thuật và công nghệ tiên tiến nhất thế giới là một nguồn lực đáng kể có thể hỗ trợ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước mà Đại hội VIII của Đảng đã đề ra. Hiện nay, nhiều người trong số đó đã và đang về nước tham gia các chương trình giúp đỡ đất nước, kể cả việc tư vấn cho các cơ quan nhà nước ở trung ương và địa phương trên các lĩnh vực khác nhau.

Từ trước tới nay, Đảng và Nhà nước ta luôn luôn quan tâm và rất chú trọng đến công tác vận động người Việt nam ở nước ngoài ; đồng thời đã đề ra nhiều chủ trương chính sách đúng đắn và thích hợp để tập hợp và động viên người Việt nam ở nước ngoài vừa hòa nhập tốt vào môi trường mới, vừa thường xuyên hướng về Tổ quốc, tham gia tích cực vào công cuộc giải phóng và xây dựng đất nước.

Ngày 21-11-1993, Bộ chính trị (khóa VII) đã có Nghị quyết số 08/NQ-TƯ về chính sách và công tác đối với người Việt nam ở nước ngoài. Nghị quyết khẳng định "người Việt nam ở nước ngoài là một bộ phận không tách rời của dân tộc Việt nam, được Nhà nước bảo hộ lợi ích chính đáng trên cơ sở luật pháp nước sở tại, luật pháp Việt nam và luật pháp quốc tế". Nghị quyết cũng nêu rõ : "... chính sách đại đoàn kết mọi người Việt nam ở trong nước và ở nước ngoài bắt nguồn từ truyền thống của dân tộc Việt nam. Cơ sở của sự đoàn kết, hòa hợp là ý thức dân tộc và lòng yêu nước của mọi người Việt nam, hướng về mục tiêu độc lập dân tộc, dân giàu nước mạnh, xã hội văn minh. Tinh thần : người Việt nam yêu nước Việt nam phải vượt lên trên những sự khác biệt về tôn giáo, dân tộc, hoàn cảnh kinh tế và cả sự khác nhau về chính kiến...". Những quan điểm của Đảng về người Việt nam ở nước ngoài thể hiện trong Nghị quyết trên đã và đang phát huy tác dụng rất tích cực, thực sự làm kim chỉ nam cho mọi hoạt động của chúng ta trên lĩnh vực công tác quan trọng này và đã góp phần tạo ra bước chuyển biến quan trọng trong công tác vận động người Việt nam ở nước ngoài thời gian qua. Tinh thần của Nghị quyết 08/TƯ cũng đã được Đại hội lần thứ VIII của Đảng khẳng định lại : "Đối với người Việt nam định cư ở nước ngoài, một bộ phận không tách rời của cộng đồng dân tộc Việt nam, Đảng và Nhà nước ta chủ trương bảo hộ quyền lợi chính đáng, giúp đỡ nâng cao ý thức cộng đồng, tăng cường đoàn kết tương trợ, giữ gìn bản sắc văn hóa và truyền thống dân tộc ; tạo điều kiện thuận lợi cho kiều bào về thăm quê hương, giúp đỡ gia đình, đóng góp ngày càng nhiều hơn vào sự nghiệp xây dựng đất nước thông qua việc hợp tác với các ngành, các địa phương trong nước trên các lĩnh vực kinh tế, khoa học và công nghệ, văn hóa nghệ thuật..."

Để thực hiện những chủ trương và quan điểm đó của Đảng và Nhà nước, trong mấy năm gần đây chúng ta đã ban hành nhiều chính sách cụ thể đối với người Việt nam ở nước ngoài như chính sách về xuất nhập cảnh, tạo điều kiện thuận lợi cho bà con kiều bào về nước thăm viếng thân nhân, thăm quê hương đất nước, tham gia đóng góp xây dựng quê hương đất nước ; chính sách giải quyết cho kiều bào hồi hương về Việt nam sinh sống, làm ăn và nghỉ tuổi già ; chính sách khuyến khích người Việt nam ở nước ngoài về nước đầu tư kinh doanh (thể hiện trong Luật khuyến khích đầu tư trong nước và Luật đầu tư nước ngoài tại Việt nam) và nhiều chính sách cụ thể khác. Mặt khác, để có thêm điều kiện thực hiện đầy đủ hơn trọng trách mà Đảng và Nhà nước giao cho, vừa qua, Ủy ban về người Việt nam ở nước ngoài đã được đặt trực thuộc Bộ ngoại giao. Ủy ban đã và đang tích cực triển khai các hoạt động có hiệu quả, xứng đáng là cơ quan đầu mối của nhà nước, và là chỗ dựa tin cậy, thân thiết của kiều bào.

Những chủ trương và chính sách trên đây của Đảng và Nhà nước đã được tuyệt đại đa số

Digitized by Google

người Việt nam ở nước ngoài đón nhận với niềm phấn khởi và tin tưởng. Tuy nhiên, trên thực tế cũng còn có những chính sách cụ thể chưa thể hiện được đầy đủ tinh thần của Nghị quyết, chưa sát thực với tình hình và nhu cầu của người Việt nam ở nước ngoài. Nguyện vọng của kiều bào là những chủ trương đúng đắn đó sẽ sớm được thể hiện đầy đủ hơn bằng những chính sách cụ thể. Kiều bào cũng nhận thức rõ là khi đã được hưởng quyền lợi thì phải có nghĩa vụ đối với đất nước. Còn đối với một số ít phần tử xấu trong cộng đồng người Việt nam ở nước ngoài lợi dụng sơ hở ở trong nước để làm những điều bất chính, thậm chí có kẻ làm tay sai cho các thế lực thù địch ở bên ngoài, kiều bào cũng mong rằng không vì một số nhỏ đó mà nhân dân trong nước có ấn tượng không đúng về số đông những người có tâm huyết.

Chúng ta tin tưởng chắc chắn rằng với những thành quả khích lệ của công cuộc đổi mới đất nước vừa qua, với chính sách đối ngoại rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa, với những chủ trương đúng đắn của Đảng và Nhà nước và với những chính sách của Nhà nước ngày càng bám sát thực tế cuộc sống và tinh thần chỉ đạo của Đảng, cộng đồng người Việt nam ở nước ngoài, phát huy truyền thống đoàn kết, yêu nước của người Việt nam, sẽ vượt qua mọi khó khăn, xây dựng một cộng đồng đoàn kết, gắn bó, thành đạt, luôn luôn hướng về Tổ quốc, và là cầu nối cho mối quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa Việt nam với các nước mà kiều bào định cư ❑

CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN...

(Tiếp theo trang 42)

mô hình tỏ ra có hiệu quả trong thực tiễn. Nhiều nước có nền công nghiệp phát triển ở trình độ cao vẫn quan tâm phát triển các làng nghề vì tác dụng nhiều mặt của nó. Ở nước ta, cần phân biệt những làng nghề truyền thống có lịch sử lâu đời mà sản phẩm của nó mang nhiều yếu tố bản sắc văn hóa của dân tộc với những làng nghề khác (các làng nghề tuy có truyền thống lâu đời nhưng không mang những nét bản sắc văn hóa dân tộc). Với loại làng nghề thứ nhất, nhà nước cần có sự đầu tư, hỗ trợ đặc biệt, có trọng điểm cho một số đơn vị, cá nhân để bảo tồn nghề - bảo tồn nét bản sắc văn hóa dân tộc,và tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị, cá nhân khác cũng có thể phát triển được để phát huy vai trò của họ trong việc thực hiện chuyển đổi cơ cấu kinh tế ở địa phương. Với các làng nghề khác, chính sách của nhà nước nên là tạo thuận lợi cho các hoạt động kinh doanh nhằm đẩy mạnh sản xuất, tạo một "lực đẩy" đối với công nghiệp nông thôn ở địa phương. Việc tác động để mở rộng và củng cố thị trường cũng có tác dụng như tạo một "lực kéo" đối với khu vực kinh tế này.

4 - Từng bước phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng ở nông thôn với phương châm : "nhà nước và nhân dân cùng làm" nhằm tạo môi trường thuận lợi cho sản xuất - kinh doanh và nâng cao đời sống vật chất, văn hóa - tinh thần cho dân cư ở nông thôn. Nhà nước cần tổ chức và quản lý thật tốt công tác này để nhanh chóng tạo ra được một hệ thống cơ sở hạ tầng tốt hơn; mặt khác bảo đảm được tính thống nhất trong việc khai thác và sử dụng, bảo vệ hệ thống đó.

5 - Hoàn thiện môi trường thể chế ở nông thôn một cách toàn diện, tức là vừa hoàn thiện hệ thống chính sách đối với công nghiệp nông thôn (và sản xuất - kinh doanh ở nông thôn nói chung), vừa hoàn thiện bộ máy quản lý nhà nước đối với công nghiệp nông thôn, vừa cải tiến phương thức, cơ chế và ban hành các chính sách, chế độ về phát triển công nghiệp nông thôn. Song song với quá trình này, cần tìm kiếm các hình thức tập hợp người lao động và các nhà kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp nông thôn ❑

Digitized by Google

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ NGHÈO ĐÓI VÀ VIỆC XÓA ĐÓI GIẢM NGHÈO

VŨ HIỀN

THẾ giới đang đứng trước thời khắc trọng đại của lịch sử là sự chuyển giao thế kỷ XX sang thế kỷ XXI với một nền văn minh rực rỡ nhưng cũng ngổn ngang những vấn đề gay gắt mang tính toàn cầu. Nó chứa đựng trong mình cả niềm vui và sự bất hạnh, cả nụ cười và nước mắt, cả hạnh phúc và lo toan. Một trong những nỗi lo toàn cầu, nỗi đau nhân loại là sự đói nghèo trầm trọng trên một phạm vi vô cùng rộng lớn.

Như thế đủ thấy đói nghèo và giải quyết vấn đề nghèo đói mang tính phổ biến, không chỉ là công việc của riêng nước ta. Tuy nhiên, để hiểu về chương trình xóa đói giảm nghèo ở nước ta một cách đầy đủ, cần thiết phải có cách nhìn tổng quan, cần "biết người biết ta" để rút ra những bài học và tìm ra những phương pháp hữu hiệu.

Đói nghèo và việc giải quyết đói nghèo trên thế giới

Cho đến hôm nay, đói nghèo vẫn là nỗi ám ảnh thường trực đối với cả loài người. Thế giới đã chứng kiến những thảm họa của chiến tranh, thảm họa của thiên tai, dịch bệnh với bao nỗi kinh hoàng. Thế nhưng hậu quả do những nạn đói gây ra cũng vô cùng khủng khiếp. Điều đáng sợ hơn nữa là : Nếu như các cuộc chiến tranh dù khốc liệt vô cùng nhưng rồi trước sau cũng được giải quyết, nếu như những thảm họa do thiên tai, dịch bệnh gây ra từng bước cũng sẽ được khắc phục thì vấn đề nghèo đói của nhân thế lại là một vấn đề vừa cấp bách, vừa phức tạp lại như một căn bệnh kinh niên khó bề chạy chữa.

Đói nghèo là nỗi bất hạnh và là một phi lý lớn. Trong khi nền văn minh thế giới đã đạt được những thành tựu hiển nhiên về tiến bộ khoa học - công nghệ, làm tăng đáng kể của cải vật chất xã hội, tăng thêm vượt bậc sự giàu có cho con người, thế mà thảm cảnh đeo đẳng mãi trên lưng con người lại vẫn là sự nghèo đói. Hàng tỷ người, thực tế là một phần ba số dân thế giới vẫn khốn cùng và đói khát. Thiệt thòi lớn nhất là trẻ em. Hàng ngày có 40 triệu trẻ em không có cái ăn, trên 100 triệu trẻ em vô gia cư chỉ sống nhờ của bố thí hoặc sống dựa vào sự lao động quá sức, kể cả nghề đặc biệt là móc túi, mại dâm ; trên 50 triệu trẻ em làm việc trong những ngành có hại ; khoảng 120 triệu trẻ em tuổi từ 6 - 11 không được cắp sách đến trường.

Đói nghèo diễn ra trên tất cả các châu lục với những mức độ khác nhau. Đặc biệt ở các nước đang phát triển, sự đói nghèo của dân cư đang là một vấn đề nhức nhối rất cấp bách phải tháo gỡ nhưng cũng vô cùng khó khăn trong khi thực hiện xóa đói giảm nghèo.

Sự nghèo đói thì ai cũng thấy và không nước nào thiếu những chương trình hoặc những chính sách để thực hiện việc xóa đói giảm nghèo. Có rất nhiều các tổ chức của Liên hợp quốc và của cộng đồng quốc tế thực hiện sứ mệnh vẻ vang này trên phạm vi hành tinh. Người ta đã tổ chức những chiến dịch lớn với hàng vạn tấn lương thực, hàng triệu đô la để cứu giúp những người hoạn nạn ở các nước châu Phi, châu Á. Sự giúp đỡ về vật chất và tinh thần rất đáng kể. Tuy nhiên, thực tế cho thấy dù đây là công việc mà toàn cầu quan tâm nhưng rồi các nước đói vẫn hoàn đói, sự trợ giúp của cộng đồng đối với bộ phận dân cư khốn khó cũng chỉ như muối bỏ biển, chưa đủ độ, chưa triệt để.

Vấn đề xóa đói giảm nghèo luôn gắn bó và chịu ảnh hưởng của quan hệ giai cấp và các chế

Digitized by Google

độ xã hội khác nhau. Hiện tượng bị tha hóa và tự tha hóa con người dưới chế độ tư bản chủ nghĩa luôn là một lực cản đối với công việc xóa đói giảm nghèo. Chính xã hội, mà mục tiêu duy nhất và cuối cùng là lợi nhuận, là tiền bạc đã làm phân hóa xã hội, đẩy nhiều người tới nghèo nàn khốn khó. Khoảng cách chênh lệch mức sống giữa sự xa xỉ với sự bần hàn càng bị nặng nề hơn bởi chính sự vô trách nhiệm của các nước phát triển phương Tây và của giai cấp những người giàu có. Thái độ "sống chết mặc bay" vẫn phổ biến trong hành vi cư xử trong thời đại của những kẻ say lợi nhuận. Vì vậy, quan điểm cũng như hành động của giới chức phương Tây trong việc giải quyết nghèo đói trên thế giới hiện nay chỉ giới hạn trong phạm vi hẹp, chỉ là để làm giảm cơn đau khổn khó, hoặc cùng lắm đó là việc làm mang tính nhân đạo mà thôi.

Quan điểm của Đảng và Nhà nước ta về việc xóa đói giảm nghèo

1- *Cơ sở phương pháp luận.*

Đảng ta coi cơ sở phương pháp luận quan trọng và cơ bản nhất để phân tích vấn đề đói nghèo và để xóa đói giảm nghèo là giải phóng con người khỏi mọi áp bức, bất công, thực hiện công bằng xã hội. Chủ nghĩa xã hội là quá trình kiến tạo hạnh phúc và cũng là quá trình đấu tranh cho công bằng, thực hiện công bằng. Cương lĩnh của các đảng cộng sản và của chủ nghĩa xã hội là cương lĩnh vì sự công bằng, là cương lĩnh đấu tranh để thủ tiêu nguồn gốc bất công xã hội.

Ngay từ những ngày đầu mới thành lập nước Việt nam dân chủ cộng hòa, một trong những nhiệm vụ cần kíp nhất và trọng tâm nhất mà chính phủ đề ra là nhiệm vụ chống giặc đói. Vấn đề công bằng xã hội - vấn đề có quan hệ trực tiếp và quyết định đối với việc xóa đói giảm nghèo đã được Đảng ta luôn quan tâm chú ý. Những đại hội Đảng gần đây, từ Đại hội VI đến Đại hội VIII, Đảng ta đã có nhiều nghị quyết, nhiều văn bản đề cập tới vấn đề công bằng xã hội. Báo cáo chính trị của Đại hội VIII Đảng cộng sản Việt nam nêu rõ : "Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và trong suốt quá trình phát triển. Công bằng xã hội phải thể hiện ở cả khâu phân phối hợp lý tư liệu sản xuất lẫn ở khâu phân phối kết quả sản xuất, ở việc tạo điều kiện cho mọi người đều có cơ hội phát triển và sử dụng tốt năng lực của mình" (1).

Chúng ta hiểu công bằng xã hội vừa là mục tiêu vừa là động lực để phát triển. Công bằng xã hội không bó hẹp trong lĩnh vực kinh tế mà liên quan tới tất cả các lĩnh vực kinh tế - chính trị - pháp luật - văn hóa - xã hội. Công bằng xã hội phải được giải quyết và chỉ có thể được giải quyết gắn liền với sự phát triển sản xuất, xây dựng xã hội công dân, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc Việt nam. Công bằng xã hội đòi hỏi phải có chính sách và pháp luật với nội dung dân chủ thực sự, đòi hỏi phải huy động mọi nguồn lực trong nhân dân, xã hội hóa nhiệm vụ đền ơn đáp nghĩa, xây dựng và thực hiện tốt kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên cơ sở vừa tăng nhanh tốc độ phát triển, vừa giảm dần sự mất cân đối giữa các vùng ; giảm dần khoảng cách về thu nhập, mức sống, hưởng thụ giáo dục, văn hóa, bảo vệ sức khỏe của các tầng lớp dân cư ở các vùng khác nhau. Đặc biệt, công bằng xã hội đòi hỏi phải thực hiện tốt chương trình xóa đói giảm nghèo.

2- *Những luận điểm cơ bản.*

Trong các văn kiện quan trọng của Đại hội VIII Đảng cộng sản Việt nam, vấn đề xóa đói giảm nghèo được nhiều lần đề cập tới. Để bảo đảm và hướng tới công bằng xã hội, Đảng ta khẳng định phải "khuyến khích làm giàu hợp pháp, chống làm giàu phi pháp đi đôi với chăm lo xóa đói, giảm nghèo, thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển, về mức sống giữa các vùng, giữa các dân tộc, giữa các tầng lớp dân cư, đặc biệt quan tâm đến các vùng căn cứ cách mạng và kháng chiến cũ, các gia đình thuộc diện chính sách, làm cho mọi người, mọi nhà đều tiến tới cuộc sống ấm no, hạnh phúc, ai cũng có việc làm, có cơm ăn, áo mặc, ai cũng được học hành và chữa bệnh, từng bước thực

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1996, tr 113

Digitized by Google

hiện điều Chủ tịch Hồ Chí Minh hằng mong ước" (2)

Trong quá trình thiết kế, chỉ đạo thi công việc xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, trên cơ sở nắm bắt những mặt mạnh và mặt yếu của cơ chế thị trường, Đảng ta đã đưa ra những quan điểm chỉ đạo : "Để phát triển sức sản xuất, cần phát huy khả năng của mọi thành phần kinh tế, thừa nhận trên thực tế còn có bóc lột và sự phân hóa giàu nghèo nhất định trong xã hội, nhưng phải luôn quan tâm bảo vệ lợi ích của người lao động, vừa khuyến khích làm giàu hợp pháp, chống làm giàu phi pháp vừa coi trọng xóa đói, giảm nghèo, từng bước thực hiện công bằng xã hội, tiến tới làm cho mọi người, mọi nhà đều khá giả" (3).

Không chỉ chú trọng đúng mức đến vấn đề đói nghèo trong xã hội, với nhãn quan chính trị nhạy bén và với trách nhiệm cao cả trước nhân dân, Đảng ta đã đưa ra một trong những chương trình mà đất nước tập trung giải quyết trong thời gian trước mắt là "Chương trình về xóa đói, giảm nghèo". Trên cơ sở đó, Nhà nước cũng đã có 14 chương trình cấp quốc gia và dự án đang được thực thi có nội dung gắn với xóa đói, giảm nghèo. Đại hội VIII của Đảng nhấn mạnh :

"Thực hiện tốt chương trình *xóa đói giảm nghèo*, nhất là đối với vùng căn cứ cách mạng, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Xây dựng và phát triển quỹ xóa đói giảm nghèo bằng nhiều nguồn vốn trong và ngoài nước ; quản lý chặt chẽ, đầu tư đúng đối tượng và có hiệu quả" (4).

Một vài khía cạnh về phương pháp tiếp cận

1- *Xóa đói giảm nghèo vừa là nhiệm vụ cơ bản lâu dài, vừa là nhiệm vụ trọng tâm trước mắt.*

Tính lâu dài của xóa đói giảm nghèo là do :

Thứ nhất, xóa đói giảm nghèo là nội dung và nhiệm vụ cần thực hiện để bảo đảm công bằng xã hội. Thực tiễn cho thấy có những nguyên nhân nảy sinh nghèo đói không phải do môi trường xã hội, không do điều kiện kinh tế - địa lý, mà do hoàn cảnh và đặc điểm của từng cá nhân, của từng hộ gia đình. Những trường hợp này luôn có khả năng xuất hiện và việc xóa đói giảm nghèo mang tính thường trực.

Thứ hai, chủ trương của Đảng ta phát triển kinh tế nhiều thành phần là một định hướng chiến lược. Nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường luôn có xu hướng phân hóa hai cực giàu nghèo. Vì vậy, cùng với việc tăng cường sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa thường xuyên và liên tục, lâu dài, thì nhiệm vụ xóa đói giảm nghèo, nhất là giảm nghèo, cũng là vấn đề liên tục và lâu dài mới giải quyết được.

Thứ ba, dân giàu nước mạnh là mục tiêu cơ bản của chủ nghĩa xã hội. Thực hiện mục tiêu này là một quá trình phấn đấu gian khổ, lâu dài.

Xóa đói giảm nghèo lại là một công việc cần kíp, trước mắt, bởi vì sự nghiệp cách mạng và công cuộc đổi mới luôn đặt ra nhiệm vụ : mỗi bước phát triển kinh tế - xã hội là một bước cải thiện đời sống của nhân dân ; bởi vì đây không chỉ là việc thực hiện truyền thống, đạo lý của dân tộc "thương người như thể thương thân" mà còn là nhiệm vụ để bảo đảm ổn định xã hội, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc.

2- *Tăng trưởng kinh tế là điều kiện giúp cho việc xóa đói giảm nghèo, nhưng đây là hai nhiệm vụ có tính độc lập tương đối không phải là một.*

Có người cho rằng muốn xóa đói giảm nghèo trước hết phải đầu tư phát triển sản xuất để tăng trưởng kinh tế. Chỉ đến khi kinh tế đã phát triển đến giai đoạn nhất định sẽ hết đói nghèo, vì thế không nên đặt vấn đề xóa đói giảm nghèo là nhiệm vụ lâu dài và trọng yếu. Thực ra tăng trưởng kinh tế có ảnh hưởng đến việc giải quyết vấn đề nghèo đói, bởi vì nguyên nhân chính yếu của đói nghèo nói chung là do kinh tế chưa phát triển. Tuy nhiên, đói nghèo lại do nhiều nguyên nhân khác mang tính đặc thù. Vả lại trong điều kiện kinh tế nước ta hiện nay, chúng ta chấp nhận kinh tế nhiều thành phần cùng vận động, phát triển cũng là phải chấp nhận tình trạng phân hóa giàu nghèo ở mức độ

(Xem tiếp trang 16)

(2) *Văn kiện đã dẫn*, tr 31
(3) *Văn kiện đã dẫn*, tr 73
(4) *Văn kiện đã dẫn*, tr 115

Digitized by Google

HỌC THUYẾT MÁC VỀ HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI - CƠ SỞ LÝ LUẬN CỦA SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

NGUYỄN THẾ NGHĨA *

CHÚNG ta đều biết rằng, từ trước đến nay, công nghiệp hóa, hiện đại hóa là khuynh hướng phát triển tất yếu của tất cả các nước. Đối với nước ta, từ một nền kinh tế tiểu nông, muốn thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu và nhanh chóng đạt đến trình độ của một nước phát triển, thì tất yếu cũng phải đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa như là "một cuộc cách mạng toàn diện và sâu sắc trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội".

Cơ sở lý luận của "cuộc cách mạng toàn diện và sâu sắc" đó chính là học thuyết Mác về hình thái kinh tế - xã hội. Bởi lẽ, mục tiêu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta hiện nay như Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đã khẳng định là : **"Xây dựng nước ta thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiến bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh"** (1). Mục tiêu đó chính là sự cụ thể hóa học thuyết Mác về hình thái kinh tế - xã hội vào hoàn cảnh cụ thể của xã hội Việt nam.

Theo quan niệm của các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác, lịch sử sản xuất vật chất của nhân loại đã hình thành mối quan hệ khách quan, phổ biến : Một mặt, con người phải quan hệ với giới tự nhiên nhằm biến đổi giới tự nhiên đó, quan hệ này được biểu hiện ở lực lượng sản xuất ; mặt khác, con người phải quan hệ với nhau để tiến hành sản xuất, quan hệ này được biểu hiện ở quan hệ sản xuất. Lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất là hai mặt đối lập biện chứng của một thể thống nhất không thể tách rời - phương thức sản xuất. Mỗi phương thức sản xuất đặc trưng cho một hình thái kinh tế - xã hội nhất định. Và, lịch sử xã hội loài người là lịch sử phát triển kế tiếp nhau của các phương thức sản xuất ; phương thức sản xuất cũ, lạc hậu tất yếu được thay thế bằng phương thức sản xuất mới, tiến bộ hơn. Trong mỗi phương thức sản xuất thì lực lượng sản xuất đóng vai trò quyết định. Lực lượng sản xuất chẳng những là thước đo năng lực thực tiễn của con người trong quá trình cải tạo tự nhiên nhằm bảo đảm sự tồn tại và phát triển của xã hội loài người mà còn làm thay đổi quan hệ giữa người với người trong sản xuất, thay đổi các quan hệ xã hội.

Tuy nhiên, nếu lực lượng sản xuất là cái cấu thành nền tảng vật chất của toàn bộ lịch sử nhân loại, thì quan hệ sản xuất là cái tạo thành cơ sở kinh tế của xã hội, là cơ sở hiện thực của hoạt động sản xuất tinh thần của con người, của toàn bộ những quan hệ tư tưởng, tinh thần và những thiết chế tương ứng trong xã hội.

C. Mác đã đưa ra kết luận rằng : xã hội loài người phát triển trải qua nhiều giai đoạn kế tiếp nhau, ứng với mỗi giai đoạn của sự phát triển đó là một hình thái kinh tế - xã hội nhất định. Rằng tiến bộ xã hội là sự vận động theo hướng tiến lên của các hình thái kinh tế - xã hội, là sự thay thế hình thái kinh tế - xã hội này bằng hình thái kinh tế - xã hội khác cao hơn mà gốc rễ sâu xa của nó là sự phát triển không ngừng của lực lượng sản xuất. Rằng sự vận động và phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội là do tác động của các

* PTS Triết học, Viện Khoa học xã hội TP Hồ Chí Minh

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1996, tr 80

Digitized by Google

quy luật khách quan. Trong lời tựa viết cho lần xuất bản thứ nhất bộ "Tư bản" C. Mác viết : "Tôi coi sự phát triển của những hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên" (2). Nhắc lại quan niệm đó của C. Mác, Ph. Ăng-ghen khẳng định : "Lịch sử từ xưa đến nay đã tiến triển theo kiểu một quá trình tự nhiên, và về căn bản, cũng bị chi phối bởi quy luật vận động như nhau" (3). Dẫu luôn giữ quan niệm coi sự phát triển của các hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử - tự nhiên, bị chi phối bởi những quy luật vận động như nhau và "một xã hội, ngay cả khi đã phát hiện được quy luật tự nhiên của sự vận động của nó... cũng không thể nào nhảy qua các giai đoạn phát triển tự nhiên hay dùng sắc lệnh để xóa bỏ những giai đoạn đó", song C. Mác cũng cho rằng "nó có thể rút ngắn và làm dịu bớt được những cơn đau đẻ" (4). Điều đó có nghĩa rằng quá trình lịch sử - tự nhiên chẳng những có thể diễn ra tuần tự từ hình thái kinh tế - xã hội này lên hình thái kinh tế - xã hội khác, mà còn có thể diễn ra bằng con đường bỏ qua một giai đoạn phát triển nào đó, bỏ qua một hình thái kinh tế - xã hội nào đó trong những điều kiện khách quan và hoàn cảnh lịch sử cụ thể.

Những tư tưởng cơ bản đó trong học thuyết Mác về hình thái kinh tế - xã hội chính là cơ sở lý luận cho phép chúng ta khẳng định sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay, là phù hợp với quy luật khách quan trong quá trình phát triển của dân tộc ta, của thời đại.

Trước những năm tiến hành công cuộc đổi mới đất nước, chúng ta đã xác định công nghiệp hóa là "nhiệm vụ trung tâm của cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội". Song, về nhận thức, chúng ta đã đặt công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa ở vị trí gần như đối lập hoàn toàn với "công nghiệp hóa tư bản chủ nghĩa". Trong lựa chọn bước đi, đã có lúc chúng ta thiên về "ưu tiên phát triển công nghiệp nặng", coi đó là giải pháp xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật cho chủ nghĩa xã hội, mà không coi trọng đúng mức việc phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ. Công nghiệp hóa cũng được hiểu một cách giản đơn là "quá trình xây dựng một nền sản xuất được cơ khí hóa trong tất cả các ngành kinh tế quốc dân".

Quan niệm giản đơn như vậy đã đưa đến tình trạng nền công nghiệp nước ta được đầu tư khá lớn, nhưng hiệu quả rất thấp. Nông nghiệp nước ta nhiều năm lâm vào khủng hoảng. Thế nhưng, trong những năm đầu của thời kỳ đổi mới, khi không làm "công nghiệp hóa" theo kiểu cũ đó, đã có người lại say sưa với "cất cánh", "hóa rồng" và "hội nhập"... mà quên rằng công nghiệp hóa chính là bước đi tất yếu của quá trình phát triển.

Ngày nay, trên phạm vi toàn thế giới, công nghiệp hóa hiện vẫn đang được coi là phương hướng chủ đạo, phải trải qua của các nước đang phát triển. Đối với nước ta, khi những tư tưởng cơ bản trong học thuyết Mác về hình thái kinh tế - xã hội được nhận thức lại một cách khoa học và sâu sắc với tư cách là cơ sở lý luận của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, thì một mặt, chúng ta phải đẩy mạnh sự nghiệp này trong tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội để nhanh chóng tạo ra lực lượng sản xuất hiện đại cho chế độ xã hội mới. Ở đây "công nghiệp hóa thực chất là xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội. Đó không chỉ đơn giản là tăng thêm tốc độ và tỷ trọng của sản xuất công nghiệp trong nền kinh tế, mà là quá trình chuyển dịch cơ cấu gắn với đổi mới căn bản về công nghệ, tạo nền tảng cho sự tăng trưởng nhanh, hiệu quả cao và lâu bền của toàn bộ nền kinh tế quốc dân.

Công nghiệp hóa phải đi đôi với hiện đại hóa, kết hợp những bước tiến tuần tự về công nghệ với việc tranh thủ những cơ hội đi tắt, đón đầu, hình thành những mũi nhọn phát triển theo trình độ tiên tiến của khoa học - công nghệ thế giới" (5).

Mặt khác, chúng ta phải chú trọng xây dựng và phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự điều tiết của nhà nước và theo định hướng xã hội chủ

---

(2) C. Mác - Ph. Ăng-ghen : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1993, t 23, tr 21

(3) C. Mác - Ph. Ăng-ghen. *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1984, t VI, tr 728

(4) C. Mác - Ph. Ăng-ghen : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1993, t 23, tr 21

(5) *Văn kiện Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII*, Hà nội, 1994, tr 27

Digitized by Google

nghĩa. Đây là hai nhiệm vụ được thực hiện đồng thời, chúng luôn tác động, thúc đẩy và hỗ trợ nhau cùng phát triển. Bởi lẽ, "Nếu công nghiệp hóa, hiện đại hóa tạo nên lực lượng sản xuất cần thiết cho chế độ xã hội mới, thì việc *phát triển nền kinh tế nhiều thành phần* chính là để xây dựng hệ thống quan hệ sản xuất phù hợp" (6).

Như vậy, từ quan điểm của C. Mác về kết cấu chỉnh thể của hình thái kinh tế - xã hội với tư cách là sự thống nhất biện chứng giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng, chúng ta hoàn toàn có đủ cơ sở lý luận để khẳng định rằng : sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta hiện nay là *một cuộc cách mạng toàn diện, sâu sắc và triệt để* tác động sâu xa đến tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội để xây dựng hình thái kinh tế - xã hội mới ở nước ta. Nhiệm vụ lớn lao mà cuộc cách mạng đó phải thực hiện là "tạo ra những điều kiện thiết yếu về vật chất - kỹ thuật, về con người và khoa học - công nghệ, *thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế*, nhằm huy động và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực, không ngừng tăng năng suất lao động xã hội, làm cho nền kinh tế tăng trưởng nhanh và bền vững, nâng cao đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân, thực hiện công bằng và tiến bộ xã hội, bảo vệ và cải thiện môi trường, sinh thái" (7).

Trong thời đại ngày nay, công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước không thể không dựa trên nền tảng vững chắc của khoa học và công nghệ hiện đại. Hơn một trăm năm trước đây, C. Mác đã từng nói : "Theo đà phát triển của đại công nghiệp, việc tạo ra của cải thực sự trở nên ít phụ thuộc vào thời gian lao động và vào số lượng lao động đã hao phí... mà chúng phụ thuộc vào trình độ chung của khoa học và vào bước tiến bộ kỹ thuật, hay là vào việc sử dụng khoa học ấy vào sản xuất... Đến một trình độ nào đó, trí thức xã hội phổ biến, biến thành *lực lượng sản xuất trực tiếp*" (8). Nhận định đó của C. Mác ngày càng được thực tiễn phát triển khoa học và công nghệ chứng tỏ. Khoa học và công nghệ hiện đại ngày càng đóng vai trò là yếu tố then chốt của công nghiệp hóa, hiện đại hóa, "quyết định lợi thế cạnh tranh và tốc độ phát triển của các quốc gia".

Song, để cho khoa học và công nghệ trở thành động lực của sự phát triển kinh tế - xã hội theo hướng "đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa", trở thành nền tảng và chiếm vị trí then chốt trong quá trình phát triển đó, thì trước hết chúng ta phải tìm ra động lực, "năng lực nội sinh" cho sự phát triển của bản thân nó. Động lực này, "năng lực nội sinh" này trước hết nằm ở lợi ích của những người làm công tác nghiên cứu và ứng dụng khoa học công nghệ (bao gồm cả lợi ích vật chất và lợi ích tinh thần). Bởi lẽ, sản phẩm trí tuệ trước hết phải là sở hữu cả những người trực tiếp sản sinh ra nó và bản thân nó được coi như một thứ hàng hóa đặc biệt, được trả giá tương xứng với giá trị của nó. Chính vì vậy, việc khuyến khích, trân trọng những tìm tòi khoa học, những kiến giải khác nhau về các vấn đề của tự nhiên, kỹ thuật cũng như kinh tế - xã hội ; việc tìm ra những hình thức tổ chức, phương thức và cơ chế hoạt động cho phép kết hợp và phát huy tối đa trí tuệ tập thể, tài năng cá nhân của nhà khoa học ; việc phát hiện, bồi dưỡng và trọng dụng nhân tài cần phải được coi là quốc sách, là biện pháp hữu hiệu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Đề cập vai trò của khoa học và công nghệ với tư cách là phương tiện không thể thiếu để xây dựng nền tảng vật chất - kỹ thuật cho một hình thái kinh tế - xã hội, Ph. Ăng-ghen đã nói đến tính thiết yếu của sự "phát triển một cách tương xứng năng lực của con người sử dụng những phương tiện đó". Hơn nữa, ông còn khẳng định : "Nền công nghiệp do toàn xã hội kinh doanh một cách tập thể và có kế hoạch lại càng cần có những con người có năng lực phát triển toàn diện, đủ sức tinh thông toàn bộ hệ thống sản xuất", và đến lượt mình, nền công nghiệp ấy "sẽ làm cho những thành viên trong xã hội đó có khả năng sử dụng một cách toàn diện năng lực phát triển toàn diện của mình" (9). Các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác còn cho rằng để nắm vững việc

(6) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Sđd, tr 24

(7) *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa VII*, Hà nội, 1994, tr 4 - 5

(8) C. Mác - Ph. Ăng-ghen : *Toàn tập*, t 46, Ph II, tr 213, 215 (Tiếng Nga)

(9) C. Mác - Ph. Ăng-ghen : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, t I, tr 460

Digitized by Google

quản lý, một công việc luôn "cần đến những kiến thức thông thái", không những bộ máy nhà nước, mà cả toàn bộ nền sản xuất xã hội xã hội chủ nghĩa nhất thiết phải tạo ra "một đội ngũ vô sản lao động trí óc mà sứ mạng của nó là kề vai sát cánh cùng tiến trong một đội ngũ với những người anh em của mình là những công nhân lao động chân tay" (10). Với quan niệm đó, các ông luôn khẳng định việc tạo ra một đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật có đủ trình độ để quản lý nhà nước, quản lý sản xuất và áp dụng những thành tựu khoa học - kỹ thuật vào sản xuất là một công việc hết sức quan trọng và cần thiết của sự phát triển kinh tế - xã hội. Trong "Tư bản", C. Mác coi việc tạo ra một đội ngũ đông đảo những người có trình độ học vấn cao, tinh thông khoa học - kỹ thuật "không phải chỉ là một phương pháp để làm tăng thêm nền sản xuất xã hội mà còn là một phương pháp duy nhất để sản xuất ra những con người phát triển toàn diện" (11), và trong "Phê phán cương lĩnh Gôtha", ông coi đó là "một trong những biện pháp mạnh nhất để cải biến xã hội hiện nay" (12).

Từ tư tưởng đó của các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác , Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng ta đã khẳng định : "Nâng cao dân trí, bồi dưỡng và phát huy nguồn lực to lớn của con người Việt nam là nhân tố quyết định thắng lợi của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa" (13). Hướng bồi dưỡng và phát huy nhân tố con người Việt nam với tư cách vừa là động lực, vừa là mục tiêu của công cuộc cải tạo xã hội, của sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa là "không ngừng gia tăng tính tự giác, năng động, tự chủ, phát huy sức mạnh bên trong của mỗi cá nhân kết hợp với sức mạnh của cả cộng đồng, xây dựng nền tảng tinh thần vững chắc của chế độ mới" (14). Điều đó có nghĩa là phải không ngừng nâng cao chất lượng của người lao động. Trong sự phát triển kinh tế - xã hội hiện đại, chất lượng của người lao động là nhân tố quyết định. Vì vậy, Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành Trung ương khóa VII đã khẳng định : "Trong khi quan tâm đến ngày mai, cần nhấn mạnh rằng mọi kế hoạch xây dựng và phát triển nhất thiết phải gắn liền với kế hoạch đầu tư cho chính sự phát triển về nhân cách, trí tuệ, tình cảm, niềm vui và hạnh phúc của mỗi người dân, mỗi gia đình ngay ngày hôm nay" (15).

Công cuộc đổi mới đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta đang bước vào thời kỳ phát triển mới - "đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước", đòi hỏi chúng ta phải nhận thức một cách sâu sắc, đầy đủ những giá trị lớn lao và ý nghĩa quyết định của nhân tố con người. Đó là chủ thể của mọi sáng tạo, mọi nguồn của cải vật chất và tinh thần ; phải có sự thay đổi sâu sắc từ cách nhìn, cách nghĩ đến cách đào tạo, bồi dưỡng và phát huy nhân tố con người Việt nam hiện đại như một cuộc cách mạng về con người. Hơn nữa, với tính tất yếu khách quan của công cuộc cải tạo xã hội một cách toàn diện theo những tư tưởng cơ bản của học thuyết Mác về hình thái kinh tế - xã hội, của sự nghiệp phát triển đất nước theo hướng đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa thì cuộc cách mạng về con người phải được nhận thức là mặt thứ hai thống nhất, không thể tách rời của quá trình phát triển kinh tế - xã hội vì mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh".

Tóm lại, có thể nói rằng học thuyết Mác về hình thái kinh tế - xã hội với tư cách là cuộc cách mạng trong toàn bộ quan niệm về lịch sử xã hội, là biểu hiện tập trung của quan niệm duy vật về lịch sử, cho đến nay vẫn là quan niệm duy nhất khoa học và cách mạng để phân tích tiến trình phát triển của lịch sử và nhận thức các vấn đề xã hội. Học thuyết đó (khi phân tích quy luật vận động của một hình thái kinh tế - xã hội) đã chỉ ra những mâu thuẫn nội tại của hình thái ấy và khẳng định chính sự vận động của những mâu thuẫn này tất yếu dẫn đến sự chuyển hóa của nó sang một hình thái khác cao hơn. Học thuyết đó

(Xem tiếp trang 20)

(10) C. Mác - Ph. Ăng-ghen : *Toàn tập*, t 22, tr 432 (Tiếng Nga)

(11) C. Mác - Ph. Ăng-ghen : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1993, t 23, tr 688

(12) C. Mác - Ph. Ăng-ghen : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1983, t IV, tr 496

(13) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Sđd, tr 21

(14) *Văn kiện Hội nghị lần thứ tư Ban chấp hành Trung ương khóa VII*, tr 7

(15) *Văn kiện đã dẫn*, tr 7

Digitized by Google

BÀN VỀ NĂNG LỰC VÀ HIỆU QUẢ QUẢN LÝ VĨ MÔ CỦA NHÀ NƯỚC TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

LẠI NGỌC HẢI*

QUA mười năm thực hiện đường lối đổi mới, toàn đảng, toàn dân ta đã vượt qua nhiều khó khăn thử thách, đưa nền kinh tế đạt tốc độ tăng trưởng khá cao và ổn định. Nhịp độ tăng GDP bình quân trong 5 năm (1991 - 1995) đạt 8,2% ; cơ cấu kinh tế có sự chuyển đổi theo hướng tích cực ; bắt đầu có tích lũy từ nội bộ nền kinh tế ; quan hệ sản xuất được điều chỉnh phù hợp với trình độ và tính chất của lực lượng sản xuất, nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước tiếp tục được xây dựng ; đời sống vật chất của phần lớn nhân dân có bước cải thiện. Những thành tựu quan trọng này đã góp phần quyết định đưa nước ta ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và chuyển sang một thời kỳ mới - đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Có nhiều yếu tố hợp lực đưa đến những thành tựu to lớn nói trên, trong đó vai trò quản lý vĩ mô nền kinh tế của nhà nước là nhân tố quan trọng vừa bảo đảm sự tăng trưởng và phát triển kinh tế - xã hội, vừa giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong sự phát triển của đất nước.

Có quan điểm cho rằng trong cơ chế cũ, nhà nước mới có điều kiện khẳng định vai trò quản lý, điều tiết sự vận hành của nền kinh tế. Còn trong nền kinh tế thị trường thì vai trò đó của nhà nước sẽ phải giảm nhẹ. Cơ sở của nhận thức trên là trong cơ chế thị trường, nhà nước không can thiệp vào quá trình sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp như trước đây, mà chuyển sang chức năng quản lý về mặt nhà nước các hoạt động kinh tế, theo đó nhà nước chỉ còn tập trung vào hoạt động điều tiết nền kinh tế ở tầm vĩ mô. Còn các doanh nghiệp được thực hiện quyền tự chủ toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của mình ở tầm vĩ mô. Thị trường chứ không phải nhà nước sẽ mách bảo các doanh nghiệp về việc sản xuất cái gì, sản xuất như thế nào, sản xuất cho ai. Căn cứ vào đó các doanh nghiệp sẽ chủ động xử lý một cách khôn khéo và có lợi nhất.

Song vấn đề không đơn giản như vậy, cách lập luận trên mới chỉ dừng lại ở lối suy luận theo lô gích hình thức và là một sự nhận thức không đầy đủ về nội hàm của hoạt động quản lý vĩ mô. Trong nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường, vai trò kinh tế của nhà nước không giảm đi mà ngày càng có ý nghĩa rất quan trọng, có tính chất quyết định đối với quá trình phát triển kinh tế xã hội. Những chức năng cụ thể mà nhà nước cần phải thực hiện tốt đã được Đại hội VIII của Đảng khẳng định. Đó là : "... định hướng sự phát triển ; trực tiếp đầu tư vào một số lĩnh vực để dẫn dắt nỗ lực phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa, thiết lập khuôn khổ luật pháp, có hệ thống chính sách nhất quán để tạo môi trường ổn định và thuận lợi cho giới kinh doanh làm ăn phát đạt ; khắc phục, hạn chế mặt tiêu cực của cơ chế thị trường ; phân phối và phân phối lại thu nhập quốc dân ; quản lý tài sản công và kiểm kê, kiểm soát toàn bộ hoạt động

* PGS, PTS, Học viện chính trị quân sự

Digitized by Google

kinh tế, xã hội" [1]. Ngoài việc quản lý nền kinh tế, thực tế cho thấy chỉ có nhà nước mới giải quyết một cách có hiệu quả các vấn đề xã hội khác, như chống thất nghiệp, xóa đói giảm nghèo, bảo vệ môi trường sinh thái, trật tự đô thị, kế hoạch hóa dân số, nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo, chống buôn lậu, tội phạm, tham nhũng, mại dâm, và các tệ nạn xã hội khác.

Trước đây, do can thiệp quá sâu vào các hoạt động sản xuất - kinh doanh nên nhà nước đã rơi vào tình trạng "cái cần nắm thì buông lỏng, cái không cần nắm thì quản lý quá chặt", đã không xử lý tốt và có hiệu quả các vấn đề ở tầm vĩ mô, gây hậu quả vừa kìm hãm phát triển, vừa buông lỏng quản lý...

Thực tiễn chứng minh rằng, muốn định hướng đúng cho thị trường, nhà nước phải thực sự điều tiết có hiệu quả nền kinh tế. Chính vì ý thức được điều đó mà trong các hoạt động quản lý vĩ mô, Nhà nước ta bước đầu đã gặt hái được những thành tựu quan trọng trên các vấn đề cơ bản sau đây :

1- Đổi mới có tính chất bước ngoặt trong công tác kế hoạch hóa. Trong nền kinh tế thị trường ở nước ta kế hoạch hóa vẫn là công cụ điều tiết vĩ mô có hiệu quả. Quan điểm thị trường vừa là căn cứ, vừa là đối tượng của kế hoạch hóa là hoàn toàn đúng đắn. Có thời gian quan niệm của chúng ta về công tác kế hoạch hóa còn thiên về cân đối hiện vật và trực tiếp phân bố các nguồn lực, và đã ngộ nhận rằng công hữu về tư liệu sản xuất là tiền đề của kế hoạch hóa. Nhưng thực tế đã chứng tỏ vấn đề không phải như vậy. Chính phân công lao động xã hội mới là tiền đề của kế hoạch hóa. Và ngược lại, tính kế hoạch là đặc trưng của các nền kinh tế, mà ở đó phân công lao động đã đạt đến trình độ làm xuất hiện nhu cầu phải có sự phối hợp giữa các bộ phận, các khâu của quá trình tái sản xuất xã hội để nền kinh tế thực hiện được trôi chảy. Như vậy, kế hoạch hóa giữ vai trò rất quan trọng trong điều tiết vĩ mô nền kinh tế nói chung, cũng như đối với nền kinh tế thị trường.

2- Nhà nước ta bước đầu đã sử dụng có hiệu quả hệ thống các công cụ kinh tế trong điều tiết vĩ mô như giá cả, thuế, lãi suất, tín dụng ngân hàng, tiền lương, khối lượng tiền phát hành, tỷ giá hối đoái, cô-ta xuất nhập khẩu, dự trữ vàng và ngoại tệ... Việc đổi mới hệ thống thuế và các sắc thuế, chuyển hệ thống ngân hàng sang kinh doanh tiền tệ, huy động các nguồn vốn cho các hoạt động kinh tế theo kiểu thương mại thông qua lãi suất vay và cho vay đã có vai trò tích cực đối với tăng trưởng kinh tế. Các doanh nghiệp phải vươn lên làm ăn có hiệu quả, mới tồn tại trong cơ chế thị trường.

Việc tạo lập quỹ dự trữ nhà nước, và quỹ bình ổn giá với mức độ hợp lý, tổ chức thông tin hướng dẫn và định hướng các loại thị trường đã cho phép nhà nước, bằng các lực lượng vật chất của mình, tác động vào tổng cung, tổng cầu góp phần hạn chế dần tính tự phát chu kỳ của thị trường (điều dễ nhận thấy nhất đó là sự ổn định tương đối của giá vàng và ngoại tệ thời gian qua). Trong nền kinh tế tuy vẫn còn cơn sốt chu kỳ về một số mặt hàng (như vật liệu xây dựng, lương thực...) nhưng nó được dập tắt nhanh hơn và có phần hạn chế bớt được hậu quả kinh tế - xã hội.

3- Nhà nước đã sớm xác định vai trò quan trọng của hệ thống pháp luật - với tính cách là các công cụ quản lý kinh tế. Các đạo luật kinh tế bảo đảm cho nền kinh tế hoạt động theo cơ chế thị trường, bảo đảm tự do, dân chủ, nhưng có kỷ cương. Thông qua hoạt động lập pháp Nhà nước ta đã tạo được môi trường pháp chế cho các thành phần kinh tế và các doanh nghiệp tự do hoạt động, tư bản nước ngoài yên tâm đầu tư vốn, kinh tế tư nhân trong nước hăng hái bỏ vốn làm giàu. Các đạo luật về đầu tư nước ngoài, đầu tư trong nước, luật công ty, luật phá sản doanh nghiệp, luật về thành lập các tòa án kinh tế, luật về ngân sách, luật về hợp tác xã đã được ban hành là một bước tiếp tục thể chế hóa đường lối của Đảng trong định hướng xã hội

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1996, tr 103 - 104

Digitized by Google

chủ nghĩa cho nền kinh tế, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

4- Củng cố và phát triển các doanh nghiệp nhà nước trong những ngành then chốt, trên các vùng lãnh thổ và các địa phương. Từ trước tới nay chúng ta vẫn khẳng định đây là lực lượng kinh tế giữ vai trò chủ đạo của nền kinh tế quốc dân và cùng với kinh tế hợp tác là nền tảng của nền kinh tế nhiều thành phần trong thời kỳ quá độ. Thời gian qua nhà nước đã tích cực sắp xếp lại hệ thống các doanh nghiệp nhà nước, tìm kiếm các biện pháp nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của khu vực này. Trong số đó cổ phần hóa đang là một hướng gợi mở nhiều hứa hẹn.

Để nâng cao tính hiệu quả của các hoạt động và phấn đấu vươn lên đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp đổi mới trong "thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa" như Báo cáo chính trị của Ban chấp hành Trung ương khóa VII tại Đại hội VIII nêu lên thì các hoạt động quản lý vĩ mô nền kinh tế phải tiếp tục đổi mới và khắc phục những mặt còn hạn chế :

Trong quản lý vĩ mô, nhà nước vẫn còn lúng túng trong việc xử lý các vấn đề cụ thể. Do đó, nhìn bề nổi ta thấy nền kinh tế có bước tăng trưởng, song không phải tăng trưởng bao giờ cũng đi liền với phát triển. Những cơn sốt giả chu kỳ vẫn xảy ra, vai trò kiểm soát, khống chế sự thao túng của độc quyền, hoạt động chống buôn lậu và kinh tế ngầm còn rất hạn chế. Hiệu quả hoạt động kinh tế của khu vực quốc doanh còn rất thấp, có nơi có lúc tình trạng gây lãng phí và thất thoát tài sản của nhà nước rất lớn.

Sự phát triển thiếu cân đối bộc lộ rõ nét trên các vùng lãnh thổ, biên độ giãn cách giữa các vùng kinh tế, giữa thành thị và nông thôn ; giữa nông thôn vùng đồng bằng với miền núi, vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ kháng chiến cũ... có xu hướng doãng ra. Bên cạnh đó việc quản lý nền kinh tế bằng công cụ pháp luật vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển khách quan của nền kinh tế - xã hội. Số đạo luật ban hành không ít, nhưng các đạo luật đó khi đưa vào cuộc sống tác dụng của nó chưa đủ mạnh để thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội, vì khâu kiểm tra chấp hành còn kém. Tình trạng "vừa đá bóng vừa thổi còi" vẫn còn thao túng nhiều khâu trong quá trình phát triển, như trong việc xét duyệt cấp vốn đầu tư, giấy phép xuất - nhập khẩu, chống buôn lậu, tham nhũng...

Khi chúng ta nói đến định hướng xã hội chủ nghĩa sự phát triển nền kinh tế xã hội, và mục tiêu mà chúng ta vươn tới là dân giàu, nước mạnh xã hội công bằng, văn minh, thì rõ ràng Nhà nước ta chưa thể thỏa mãn với những gì đã gặt hái được, mà còn cần phải thường xuyên hoàn thiện, nâng cao năng lực quản lý vĩ mô nền kinh tế. Theo tôi, trước mắt cần tập trung giải quyết các vấn đề sau :

1. Tiếp tục đổi mới công tác kế hoạch hóa, đưa hoạt động kế hoạch vào chiều sâu.

Trong hoạt động của công tác kế hoạch hóa, bên cạnh việc tiếp tục nâng cao chất lượng của công tác dự báo kinh tế - xã hội và xây dựng chiến lược phát triển tổng thể nền kinh tế quốc dân cần chú trọng đúng mức đến việc xây dựng các chương trình mục tiêu như chống buôn lậu, cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước, chương trình về huy động vốn để công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng ngân sách nhà nước lành mạnh, các chương trình về chống thất thu thuế, củng cố kỷ luật tài chính và các chương trình xã hội khác...

Chương trình mục tiêu vốn là một công cụ giúp các cơ quan quản lý giải quyết các mục tiêu cụ thể với thời gian xác định có tính dứt điểm. Chẳng hạn như chương trình cụ thể về thiết lập mối quan hệ cân đối giữa thu chi ngân sách nhà nước ; chương trình khắc phục tình trạng nhập siêu lớn, kiềm chế lạm phát và chống nguy cơ thiểu phát làm đóng băng nền kinh tế, tình trạng tiền ứ đọng tại các ngân hàng mà người sản xuất thì thiếu vốn... đang đòi hỏi chính phủ phải có sự tập trung chỉ đạo chặt chẽ bằng những biện pháp tích cực, chủ động, hữu hiệu. Qua việc thực hiện Chỉ thị số 406/TTg về việc cấm sản xuất, buôn bán và đốt pháo nổ, việc thực hiện Nghị định 36/CP về bảo đảm trật tự an toàn giao thông đô thị và Nghị định 87/CP

Digitized by Google

của Chính phủ cho thấy, nếu như có một chương trình mục tiêu đồng bộ, kết hợp các mục tiêu kinh tế với việc giải quyết các vấn đề xã hội, thì rõ ràng sẽ thu được những kết quả tốt hơn.

Thiết nghĩ, nếu nhìn nhận các hiện tượng trên từ góc độ các chương trình mục tiêu, sử dụng chúng như một công cụ của hoạt động kế hoạch hóa, trong quản lý sẽ giúp nhà nước giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội có hiệu quả.

2. **Sử dụng rộng rãi nhưng có định hướng rõ ràng hệ thống các đòn bẩy kinh tế.**

Đã là kinh tế thị trường thì đều có một điểm chung - mục đích của các doanh nghiệp trong sản xuất, kinh doanh là lợi nhuận. Trong nền kinh tế vận động theo cơ chế thị trường, hiệu quả quản lý vĩ mô của nhà nước giữ vai trò quyết định định hướng chính trị của quá trình tăng trưởng kinh tế. Để khẳng định được vai trò và tính hiệu quả đó, đòi hỏi nhà nước phải sử dụng rộng rãi và có hiệu quả các đòn bẩy kinh tế trong điều tiết kinh tế vĩ mô.

Các đòn bẩy kinh tế, một mặt cần phục vụ cho thực hiện các kế hoạch kinh tế, các dự án phát triển, mặt khác phải tập trung cho sự đứt điểm các chương trình mục tiêu cụ thể. Về nguyên tắc các đòn bẩy kinh tế được sử dụng phải bảo đảm bám sát và thực hiện cho được cả *hai mục tiêu cơ bản : tăng trưởng kinh tế và định hướng xã hội chủ nghĩa.* Để đạt được mục tiêu đó, các đòn bẩy kinh tế về tài chính, tiền tệ, giá cả phải kích thích sự phát triển và cạnh tranh giữa các thành phần kinh tế, trong đó tạo ra các điều kiện kinh tế cho sự khẳng định vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước, khuyến khích kinh tế hợp tác xã phát triển. Cần khắc phục nhận thức không đúng và máy móc về sự bình đẳng trước pháp luật của các thành phần kinh tế. Sự bình đẳng trước pháp luật của các thành phần kinh tế không có nghĩa là sự đánh đồng về chính sách. Các doanh nghiệp nhà nước luôn luôn là chỗ dựa quan trọng nhất và là công cụ đắc lực để nhà nước điều tiết nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận động trong cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Các đòn bẩy kinh tế phải tạo ra được tác dụng thúc đẩy sự phát triển của kinh tế nhà nước.

Các đòn bẩy kinh tế còn phải có tác dụng tạo ra sự hình thành đồng bộ các yếu tố thị trường, trong đó mục tiêu cần tập trung là khắc phục kinh tế ngầm (hoạt động buôn lậu, làm hàng giả, đầu cơ, trốn thuế), hình thành đồng bộ thị trường tiền tệ, phát triển thị trường nông thôn.

Các đòn bẩy kinh tế còn phải hướng vào giải quyết các vấn đề xã hội, đặc biệt là xóa đói, giảm nghèo, khuyến khích làm giàu hợp pháp, ngăn chặn làm giàu bất hợp pháp.

3. **Tập trung nguồn lực để củng cố và phát triển khu vực kinh tế nhà nước.**

Muốn quản lý vĩ mô nền kinh tế có hiệu quả, phải có một hệ thống các doanh nghiệp nhà nước mạnh. Kinh nghiệm, các nước tiên tiến thường sử dụng các doanh nghiệp này như một hệ thống "phao" điều chỉnh trong các chu kỳ tái sản xuất xã hội. Đối với chúng ta, vấn đề không chỉ như vậy, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh và định hướng xã hội chủ nghĩa phải được dựa trên các nền tảng sở hữu vững chắc của nhà nước, thông qua khu vực kinh tế nhà nước để thực hiện tốt chức năng phân phối và phân phối lại thu nhập quốc dân, hạn chế mặt tiêu cực của cơ chế thị trường. Nhìn từ góc độ quản lý, khi xử lý các vấn đề cụ thể hoạt động điều tiết của nhà nước, trước mắt cần tập trung vào mấy việc lớn sau đây :

- Từng bước hình thành các tập đoàn kinh tế lớn có sức mạnh thực sự, đủ sức làm nòng cốt và là chỗ dựa cho các ngành, các lĩnh vực kinh tế ở trong nước, nhưng đồng thời có thể đủ sức cạnh tranh để làm ăn có hiệu quả trong hoạt động kinh tế đối với các đối tác nước ngoài.

- Song song với việc làm trên, cần có các giải pháp hữu hiệu về việc chống độc quyền của chính hệ thống các doanh nghiệp nhà nước, tạo lập môi trường cạnh tranh lành mạnh trong nền kinh tế.

- Cần nhanh chóng tổ chức rút kinh nghiệm việc cổ phần hóa các doanh nghiệp thuộc kinh

Digitized by Google

tế nhà nước để một mặt huy động vốn, mặt khác đưa chúng vào hoạt động có hiệu quả.

Đồng thời với việc củng cố các doanh nghiệp nhà nước thời gian tới nhà nước phải thực hiện tốt vai trò "bà đỡ" của mình để phát triển tốt các loại hình hợp tác xã, vì tiềm năng kinh tế của nó còn rất lớn. Trước mắt, cần cụ thể hóa Luật hợp tác xã bằng các chính sách về ưu tiên vốn, kỹ thuật công nghệ, về tín dụng, về đào tạo cán bộ, bảo hộ sản xuất... để cho kinh tế hợp tác xã thực sự có bước phát triển mới cùng với kinh tế nhà nước trở thành nền tảng của nền kinh tế quốc dân trong thời kỳ quá độ.

4- Tiếp tục đổi mới công tác lập pháp của nhà nước trong hoạt động quản lý kinh tế.

Khi chúng ta đã chủ trương phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần theo cơ chế thị trường, thì một tất yếu khách quan được đặt ra là : nhà nước muốn quản lý có hiệu quả ở tầm vĩ mô nền kinh tế phải tiến hành quản lý, điều hành nền kinh tế bằng hệ thống chính sách và hệ thống pháp luật. Có như vậy mới vừa bảo đảm được sự tăng trưởng kinh tế, vừa giữ được trật tự kỷ cương xã hội mới, giữ được định hướng xã hội chủ nghĩa. Đổi mới công tác xây dựng hệ thống luật kinh tế, cần hướng vào mấy vấn đề sau :

- Một mặt tiếp tục ban hành các đạo luật mới về quản lý kinh tế để hình thành bộ luật kinh tế hoàn chỉnh và đồng bộ, thực sự có hiệu lực; mặt khác cần sửa đổi bổ sung các đạo luật đã ban hành, khắc phục tình trạng triệt tiêu hiệu lực lẫn nhau khi đưa vào cuộc sống. Theo đó cần minh định rõ các nội dung quyền lợi, nghĩa vụ, quyền hạn, trách nhiệm của các thể nhân và pháp nhân. Tóm lại, luật cần rõ, dễ thực hiện trong cuộc sống.

- Đồng thời với ban hành, bổ sung, sửa đổi hệ thống luật, các văn bản dưới luật cần được ban hành ngay sau khi ban hành luật để hướng dẫn việc thực hiện các đạo luật. Phải hoàn thiện các luồng thông tin ngược chiều để kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện pháp luật trong các hoạt động kinh tế. Đây là vấn đề bất cập lâu nay. Hệ thống lập pháp về kinh tế cần tạo ra được hành lang pháp lý thực sự cho các đoanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế yên tâm làm ăn và phát triển trong cơ chế thị trường.

5- Đào tạo và đãi ngộ đội ngũ cán bộ quản lý phù hợp với cơ chế quản lý mới

Suy đến cùng, hiệu quả điều tiết vĩ mô nền kinh tế cao hay thấp phụ thuộc trước hết vào con người trong bộ máy quản lý. Những yếu kém trong điều tiết vĩ mô những năm qua bắt nguồn từ rất nhiều nguyên nhân, nhưng trong đó nguyên nhân quan trọng là do chính đội ngũ cán bộ quản lý.

Vừa qua chúng ta đã tích cực đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ quản lý về các kiến thức khoa học của hoạt động quản trị kinh doanh, quản lý nhà nước, bồi dưỡng và nâng cao trình độ nhận thức về lý luận Mác - Lê-nin, đường lối quan điểm của Đảng. Do đó bước đầu chúng ta đã có được một đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu của quá trình đổi mới. Nhưng trong số đó không ít người vẫn chưa khắc phục được lối tư duy, phương thức làm việc và tác phong công tác của cơ chế cũ, cũng không ít trường hợp do đào tạo bổ sung cấp tốc, kém chất lượng, hoặc không đúng đối tượng, nên phát huy tác dụng kém. Một phần còn do cơ chế sử dụng nhiều lúc còn hữu khuynh đối với các sai phạm của cán bộ, thiếu kiên quyết đưa ra khỏi hàng ngũ công chức những cán bộ kém năng lực, đạo đức suy đồi, gây ảnh hưởng xấu đến uy tín và năng lực điều hành của toàn bộ máy.

Đã đến lúc nhà nước phải tính đến việc chuẩn bị một đội ngũ cán bộ quản lý thực sự đáp ứng yêu cầu điều tiết vĩ mô nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vừa trung thành với lý tưởng xã hội chủ nghĩa, vừa giỏi hoạt động kinh tế. Muốn vậy, bên cạnh đó cần có chế độ đãi ngộ thích đáng đối với những người tài đức để khuyến khích họ yên tâm làm việc và cống hiến trong các cơ quan quản lý nhà nước ❑

Digitized by Google

PHÁT HUY YẾU TỐ CON NGƯỜI TRONG LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

PHƯƠNG KỲ SƠN *

Tư tưởng xuyên suốt của Đảng ta trong đường lối đổi mới hiện nay là : coi con người là xuất phát điểm, là động lực, là mục tiêu của cách mạng nước ta. Vậy làm thế nào để phát huy tốt nhất được yếu tố con người trong lực lượng sản xuất phục vụ đắc lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước ?

Chúng ta đều biết, phương thức sản xuất là cách thức con người thực hiện quá trình sản xuất vật chất ở những giai đoạn lịch sử nhất định. Phương thức sản xuất là sự thống nhất biện chứng giữa quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất, trong đó, "lực lượng sản xuất là sự thống nhất hữu cơ giữa tư liệu sản xuất (trước hết là công cụ lao động) và những người sử dụng những tư liệu này để sản xuất ra của cải vật chất" (1). Trong lực lượng sản xuất yếu tố con người đóng vai trò chủ thể và quyết định. Con người chẳng những là chủ thể tham gia trực tiếp vào quá trình lao động sản xuất bằng sức mạnh cơ bắp, bằng trí tuệ của mình, mà còn không ngừng sáng tạo ra những công cụ lao động để nối dài các khí quan của mình nhằm tác động vào tự nhiên một cách hiệu quả nhất.

Lê-nin đã từng nói : *"Lực lượng sản xuất hàng đầu của toàn thể nhân loại là công nhân, là người lao động"* (2). Trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, Bác Hồ kính yêu thường nhắc nhở : muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết phải có con người xã hội chủ nghĩa.

Xuất phát từ vai trò của con người trong lực lượng sản xuất, cũng như trong công cuộc đổi mới xây dựng đất nước, "tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về các lĩnh vực văn hóa, xã hội là chăm sóc, bồi dưỡng và phát huy nhân tố con người, với tư cách vừa là động lực, vừa là mục tiêu của cách mạng" (3).

Con người Việt nam nói chung, cũng như đội ngũ những người lao động Việt nam nói riêng là thông minh, cần cù chịu khó, lại có số lượng đông đảo. Tính đến ngày 8-7-1996 cả nước có 76 triệu người, trong đó có khoảng 42,62 triệu người trong độ tuổi lao động. Dự kiến đến năm 2 000 số người trong độ tuổi lao động sẽ là 48,72 triệu.Đó là nguồn nhân lực rất lớn của công cuộc đổi mới và phát triển kinh tế. Tuy nhiên, ở nước ta việc phát huy nguồn lực này còn nhiều hạn chế.

+ Trước đây, nền kinh tế nước ta chủ yếu dựa trên cơ sở quan hệ sản xuất công hữu với hai hình thức quốc doanh và tập thể, hoạt động theo cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp, các quan hệ hàng hóa - tiền không được coi trọng, cho nên tính năng động, sáng tạo của người lao động bị kìm hãm.

+ Trong thời kỳ đổi mới, người lao động có điều kiện phát huy tài năng sáng tạo của mình để xây dựng đất nước. Tuy nhiên, sự phát huy đó cũng còn nhiều hạn chế, bởi vì :

- Lực lượng lao động nước ta nhiều nhưng trình độ, tay nghề nói chung còn yếu kém. Số lao động có trình độ phổ thông cơ sở chiếm 25%, phổ thông trung học 13% ; chỉ có 9% là lao động kỹ thuật. Hằng năm số người học hết

---

* PTS triết học, Đại học thương mại

(1) *Từ điển triết học giản yếu*, Nxb Đại học và trung học chuyên nghiệp, Hà nội, 1991, tr 281, 282

(2) V.I.Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1977, t 38, tr 430

(3) *Văn kiện Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ, khóa VII*, tháng 1-1994, tr 45 - 46

Digitized by Google

phổ thông trung học được vào học tiếp ở các trường đại học, cao đẳng và dạy nghề mới ở mức 7% (4).

Đến nay, nước ta có khoảng 800 nghìn cán bộ có trình độ cao đẳng - đại học trở lên, với 10 nghìn giáo sư, tiến sĩ, phó giáo sư, phó tiến sĩ, thạc sĩ, chiếm 2,3% tổng số lao động xã hội. Cơ cấu đội ngũ cán bộ này chưa hợp lý về nhiều mặt, chỉ có 15,4% được đào tạo về các ngành kỹ thuật. Trong tổng số cán bộ khoa học - kỹ thuật, tỷ lệ nữ chiếm 37,6%, số cán bộ đại học thuộc các dân tộc thiểu số chỉ chiếm 2,5%, trong đó còn 12 dân tộc chưa có người nào tốt nghiệp cao đẳng - đại học. Sự phân bố cán bộ khoa học kỹ thuật giữa các ngành không cân đối. Có 63,7% cán bộ khoa học - kỹ thuật làm việc ở các cơ quan hành chính sự nghiệp nói chung còn các ngành sản xuất kinh doanh chỉ có 32,7% (chỉ tiêu này ở Thái lan là 58,2%, Hàn quốc 48%, Nhật bản 64,4%). Tỷ lệ cán bộ có trình độ cao đẳng - đại học trong các doanh nghiệp là 3,7% (trong đó các doanh nghiệp nhà nước 9,5%, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài 11,1% ; các đơn vị sự nghiệp 29,8%, cơ quan hành chính 22,3% và tổ chức đảng, đoàn thể 21,8%) (5).

- Người lao động nước ta còn mang nặng những thói quen của nền sản xuất nhỏ, thủ công, chưa đáp ứng ngay được với nền kinh tế thị trường đang phát triển theo hướng "công nghiệp hóa, hiện đại hóa".

- Bước vào nền kinh tế thị trường nhưng nước ta chưa có một "hành lang pháp luật" đầy đủ để phát huy yếu tố người lao động.

- Tham nhũng, tiêu cực trong đội ngũ cán bộ quản lý, lãnh đạo còn nghiêm trọng, làm ảnh hưởng lớn đến tính tích cực, chủ động sáng tạo của người lao động.

Từ những điều làm được và chưa làm được trong việc phát huy yếu tố con người những năm qua, từ ánh sáng Đại hội lần thứ VIII của Đảng chúng tôi xin đề xuất một số phương hướng và giải pháp, nhằm phát huy tốt hơn yếu tố con người trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

1 - *Quan tâm đúng mức tới nhu cầu và lợi ích của người lao động.*

Trong sản xuất cũng như trong hoạt động xã hội, con người luôn luôn bị kích thích, bị thôi thúc bởi hàng loạt các động lực. Ở nước ta hiện nay, nền kinh tế tuy đã ra khỏi khủng hoảng và bước vào thời kỳ phát triển mới, nhưng đời sống vật chất của người lao động còn khó khăn, do đó, cần có sự quan tâm đúng mức tới nhu cầu và lợi ích của người lao động, mà trước hết là lợi ích kinh tế. Trước đây, đã có lúc do chúng ta nặng về kêu gọi nhân dân "thắt lưng buộc bụng" để xây dựng chủ nghĩa xã hội mà ít chú ý đến lợi ích kinh tế của họ, cho nên ở chừng mực nhất định, chúng ta chẳng những đã không kích thích được người lao động hăng say sản xuất, mà có khi ngược lại, còn làm cho họ quay lưng lại với sản xuất. Chúng ta đã quên rằng những nhu cầu thiết thực trước mắt bảo đảm sự tồn tại của người lao động, chính là những động lực to lớn thúc đẩy họ làm việc. Hiện nay trong tất cả các nhu cầu và lợi ích, thì nhu cầu và lợi ích kinh tế của cá nhân người lao động vẫn là động lực mạnh nhất, có ý nghĩa quyết định nhất tới tất cả các động lực khác. Quan tâm đúng mức, giải quyết thỏa đáng vấn đề lợi ích kinh tế cho người lao động là một khâu rất quan trọng tạo ra động lực để phát huy tính năng động sáng tạo của họ. Tuy nhiên, Nhà nước cũng phải có chính sách để tác động hợp lý tới các lợi ích khác, đặt lợi ích kinh tế trong tổng thể các lợi ích, kết hợp hài hòa giữa lợi ích kinh tế với lợi ích tinh thần, lợi ích chung với lợi ích riêng, lợi ích trước mắt với lợi ích lâu dài.

2 - *Xây dựng môi trường xã hội, tạo điều kiện để phát huy yếu tố con người.*

---

(4) Xem Tập thể tác giả, Chủ biên : *Lê Xuân Trinh "Kinh tế - xã hội Việt nam năm 2000 : Mục tiêu, phương hướng và giải pháp chủ yếu"* Tạp chí kế hoạch hóa (Ủy ban kế hoạch nhà nước) xuất bản, tháng 12-1990, tr 36

(5) Báo *Nhân dân* ngày 12-12-1996, tr 1

Digitized by Google

PHÁT HUY YẾU TỐ CON NGƯỜI TRONG LỰC LƯỢNG SẢN XUẤT Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

PHƯƠNG KỲ SƠN *

Tư tưởng xuyên suốt của Đảng ta trong đường lối đổi mới hiện nay là : coi con người là xuất phát điểm, là động lực, là mục tiêu của cách mạng nước ta. Vậy làm thế nào để phát huy tốt nhất được yếu tố con người trong lực lượng sản xuất phục vụ đắc lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước ?

Chúng ta đều biết, phương thức sản xuất là cách thức con người thực hiện quá trình sản xuất vật chất ở những giai đoạn lịch sử nhất định. Phương thức sản xuất là sự thống nhất biện chứng giữa quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất, trong đó, "lực lượng sản xuất là sự thống nhất hữu cơ giữa tư liệu sản xuất (trước hết là công cụ lao động) và những người sử dụng những tư liệu này để sản xuất ra của cải vật chất" (1). Trong lực lượng sản xuất yếu tố con người đóng vai trò chủ thể và quyết định. Con người chẳng những là chủ thể tham gia trực tiếp vào quá trình lao động sản xuất bằng sức mạnh cơ bắp, bằng trí tuệ của mình, mà còn không ngừng sáng tạo ra những công cụ lao động để nối dài các khí quan của mình nhằm tác động vào tự nhiên một cách hiệu quả nhất.

Lê-nin đã từng nói : *"Lực lượng sản xuất hàng đầu của toàn thể nhân loại là công nhân, là người lao động"* (2). Trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, Bác Hồ kính yêu thường nhắc nhở : muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết phải có con người xã hội chủ nghĩa.

Xuất phát từ vai trò của con người trong lực lượng sản xuất, cũng như trong công cuộc đổi mới xây dựng đất nước, "tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về các lĩnh vực văn hóa, xã hội là chăm sóc, bồi dưỡng và phát huy nhân tố con người, với tư cách vừa là động lực, vừa là mục tiêu của cách mạng" (3).

Con người Việt nam nói chung, cũng như đội ngũ những người lao động Việt nam nói riêng là thông minh, cần cù chịu khó, lại có số lượng đông đảo. Tính đến ngày 8-7-1996 cả nước có 76 triệu người, trong đó có khoảng 42,62 triệu người trong độ tuổi lao động. Dự kiến đến năm 2 000 số người trong độ tuổi lao động sẽ là 48,72 triệu. Đó là nguồn nhân lực rất lớn của công cuộc đổi mới và phát triển kinh tế. Tuy nhiên, ở nước ta việc phát huy nguồn lực này còn nhiều hạn chế.

+ Trước đây, nền kinh tế nước ta chủ yếu dựa trên cơ sở quan hệ sản xuất công hữu với hai hình thức quốc doanh và tập thể, hoạt động theo cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu, bao cấp, các quan hệ hàng hóa - tiền không được coi trọng, cho nên tính năng động, sáng tạo của người lao động bị kìm hãm.

+ Trong thời kỳ đổi mới, người lao động có điều kiện phát huy tài năng sáng tạo của mình để xây dựng đất nước. Tuy nhiên, sự phát huy đó cũng còn nhiều hạn chế, bởi vì :

- Lực lượng lao động nước ta nhiều nhưng trình độ, tay nghề nói chung còn yếu kém. Số lao động có trình độ phổ thông cơ sở chiếm 25%, phổ thông trung học 13% ; chỉ có 9% là lao động kỹ thuật. Hằng năm số người học hết

---

* PTS triết học, Đại học thương mại

(1) *Từ điển triết học giản yếu*, Nxb Đại học và trung học chuyên nghiệp, Hà nội, 1991, tr 281, 282

(2) V.I.Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1977, t 38, tr 430

(3) *Văn kiện Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ, khóa VII*, tháng 1-1994, tr 45 - 46

Digitized by Google

phổ thông trung học được vào học tiếp ở các trường đại học, cao đẳng và dạy nghề mới ở mức 7% (4).

Đến nay, nước ta có khoảng 800 nghìn cán bộ có trình độ cao đẳng - đại học trở lên, với 10 nghìn giáo sư, tiến sĩ, phó giáo sư, phó tiến sĩ, thạc sĩ, chiếm 2,3% tổng số lao động xã hội. Cơ cấu đội ngũ cán bộ này chưa hợp lý về nhiều mặt, chỉ có 15,4% được đào tạo về các ngành kỹ thuật. Trong tổng số cán bộ khoa học - kỹ thuật, tỷ lệ nữ chiếm 37,6%, số cán bộ đại học thuộc các dân tộc thiểu số chỉ chiếm 2,5%, trong đó còn 12 dân tộc chưa có người nào tốt nghiệp cao đẳng - đại học. Sự phân bố cán bộ khoa học kỹ thuật giữa các ngành không cân đối. Có 63,7% cán bộ khoa học - kỹ thuật làm việc ở các cơ quan hành chính sự nghiệp nói chung còn các ngành sản xuất kinh doanh chỉ có 32,7% (chỉ tiêu này ở Thái lan là 58,2%, Hàn quốc 48%, Nhật bản 64,4%). Tỷ lệ cán bộ có trình độ cao đẳng - đại học trong các doanh nghiệp là 3,7% (trong đó các doanh nghiệp nhà nước 9,5%, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài 11,1% ; các đơn vị sự nghiệp 29,8%, cơ quan hành chính 22,3% và tổ chức đảng, đoàn thể 21,8%) (5).

- Người lao động nước ta còn mang nặng những thói quen của nền sản xuất nhỏ, thủ công, chưa đáp ứng ngay được với nền kinh tế thị trường đang phát triển theo hướng "công nghiệp hóa, hiện đại hóa".

- Bước vào nền kinh tế thị trường nhưng nước ta chưa có một "hành lang pháp luật" đầy đủ để phát huy yếu tố người lao động.

- Tham nhũng, tiêu cực trong đội ngũ cán bộ quản lý, lãnh đạo còn nghiêm trọng, làm ảnh hưởng lớn đến tính tích cực, chủ động sáng tạo của người lao động.

Từ những điều làm được và chưa làm được trong việc phát huy yếu tố con người những năm qua, từ ánh sáng Đại hội lần thứ VIII của Đảng chúng tôi xin đề xuất một số phương hướng và giải pháp, nhằm phát huy tốt hơn yếu tố con người trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

1 - *Quan tâm đúng mức tới nhu cầu và lợi ích của người lao động.*

Trong sản xuất cũng như trong hoạt động xã hội, con người luôn luôn bị kích thích, bị thôi thúc bởi hàng loạt các động lực. Ở nước ta hiện nay, nền kinh tế tuy đã ra khỏi khủng hoảng và bước vào thời kỳ phát triển mới, nhưng đời sống vật chất của người lao động còn khó khăn, do đó, cần có sự quan tâm đúng mức tới nhu cầu và lợi ích của người lao động, mà trước hết là lợi ích kinh tế. Trước đây, đã có lúc do chúng ta nặng về kêu gọi nhân dân "thắt lưng buộc bụng" để xây dựng chủ nghĩa xã hội mà ít chú ý đến lợi ích kinh tế của họ, cho nên ở chừng mực nhất định, chúng ta chẳng những đã không kích thích được người lao động hăng say sản xuất, mà có khi ngược lại, còn làm cho họ quay lưng lại với sản xuất. Chúng ta đã quên rằng những nhu cầu thiết thực trước mắt bảo đảm sự tồn tại của người lao động, chính là những động lực to lớn thúc đẩy họ làm việc. Hiện nay trong tất cả các nhu cầu và lợi ích, thì nhu cầu và lợi ích kinh tế của cá nhân người lao động vẫn là động lực mạnh nhất, có ý nghĩa quyết định nhất tới tất cả các động lực khác. Quan tâm đúng mức, giải quyết thỏa đáng vấn đề lợi ích kinh tế cho người lao động là một khâu rất quan trọng tạo ra động lực để phát huy tính năng động sáng tạo của họ. Tuy nhiên, Nhà nước cũng phải có chính sách để tác động hợp lý tới các lợi ích khác, đặt lợi ích kinh tế trong tổng thể các lợi ích, kết hợp hài hòa giữa lợi ích kinh tế với lợi ích tinh thần, lợi ích chung với lợi ích riêng, lợi ích trước mắt với lợi ích lâu dài.

2 - *Xây dựng môi trường xã hội, tạo điều kiện để phát huy yếu tố con người.*

---

(4) Xem Tập thể tác giả, Chủ biên : *Lê Xuân Trinh "Kinh tế - xã hội Việt nam năm 2000 : Mục tiêu, phương hướng và giải pháp chủ yếu"* Tạp chí kế hoạch hóa (Ủy ban kế hoạch nhà nước) xuất bản, tháng 12-1990, tr 36

(5) Báo *Nhân dân* ngày 12-12-1996, tr 1

Digitized by Google

Con người là chủ thể, đồng thời con người cũng là sản phẩm của sự vận động xã hội, của chế độ xã hội. Vì vậy, muốn phát huy được yếu tố con người cần phải có môi trường thích ứng. Việc giải phóng lực lượng sản xuất được thực hiện trước tiên và chủ yếu nhất là ở khâu xóa bỏ những cơ chế đã và đang kìm hãm tính tích cực, chủ động sáng tạo của người lao động ; đồng thời phải xây dựng một cơ chế mới bảo đảm thực hiện giải phóng người lao động về mọi mặt. *Thứ nhất*, thực hiện chính sách bảo đảm các nhu cầu và lợi ích của con người, kết hợp hài hòa với tất cả các loại lợi ích trong đó lợi ích kinh tế và lợi ích cá nhân chính đáng của người lao động được quan tâm đúng mức hơn. *Thứ hai*, không chỉ cải tạo quan hệ sản xuất mà cùng với nó, chúng ta phải đổi mới và đẩy mạnh công tác giáo dục tư tưởng cho quần chúng nhân dân, lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động. *Thứ ba*, nâng cao năng lực quản lý nhà nước thông qua các hệ thống chính sách để tạo "hành lang pháp luật" cho việc phát huy yếu tố con người trong hoạt động kinh tế. Ở nước ta, việc nâng cao năng lực quản lý nhà nước với một hệ thống luật hoàn chỉnh, phù hợp và nghiêm minh là điều kiện quyết định để vừa phát huy được tính năng động của con người lại vừa bảo đảm được mục tiêu phát triển sản xuất thực hiện "dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh". *Thứ tư*, từ sự đề cao và kế thừa truyền thống văn hóa dân tộc, phải hướng tới một phong cách sản xuất, kinh doanh Việt nam với mục tiêu văn minh, công bằng, hiệu quả. Bằng cách nêu những tấm gương sản xuất kinh doanh giỏi, lên án lối làm ăn chỉ biết mục tiêu duy nhất là lợi nhuận trước mắt, tham nhũng, coi thường đạo đức và hủy hoại môi trường. Hơn nữa ngày nay, chỉ bằng sự kế thừa "cha truyền con nối" thì không thể phát triển được. Do đó, ngoài việc phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, chúng ta phải tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới để phát triển toàn diện.

3 - *Đổi mới và tăng cường chiến lược giáo dục đào tạo con người.*

Giáo dục và đào tạo trực tiếp giúp con người nâng cao trí tuệ, hiểu biết và khả năng vận dụng những tri thức khoa học, kỹ thuật vào sản xuất. Giáo dục đào tạo giúp chúng ta tạo ra đội ngũ lao động lành nghề, các chuyên gia công nghệ, những nhà quản lý giỏi. Đó là những con người lao động với hàm lượng trí tuệ ngày càng cao.

Hiện nay, do sự tác động mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật hiện đại và công nghệ thông tin tiên tiến, nền kinh tế thế giới đang bước vào xu hướng thị trường hóa với những biến động phong phú, đa dạng và nhanh chóng, khoa học và thông tin là nguồn tạo ra tri thức đồng thời cũng là nguồn tạo ra của cải. Một nền kinh tế thị trường như vậy, ngày càng đòi hỏi người lao động phải có kiến thức khoa học kỹ thuật và trình độ cao, biết ứng xử linh hoạt và sáng tạo. Đối với nước ta, bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, cần phải tăng cường kiến thức, đào tạo đội ngũ trí thức có đủ trình độ để thực hiện nhiệm vụ tăng tốc, chạy tắt, đón đầu, làm chủ những ngành sản xuất mũi nhọn, công nghệ tiên tiến, khắc phục tình trạng nhiều lao động nhưng lại thiếu lao động lành nghề và đội ngũ cán bộ quản lý khoa học - kỹ thuật giỏi như hiện nay. Mặt khác ở nước ta, mục tiêu tăng trưởng kinh tế phải gắn với "định hướng xã hội chủ nghĩa", do đó giáo dục, đào tạo người lao động, ngoài kiến thức khoa học - kỹ thuật để phục vụ sản xuất, phải có quan điểm Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nắm được chủ trương, đường lối của Đảng, vận dụng chính sách của Nhà nước vào phát triển kinh tế. Vì vậy, giáo dục, đào tạo đội ngũ người lao động vừa "hồng' vừa "chuyên" là quốc sách hàng đầu trong chiến lược phát triển con người và có ý nghĩa quyết định đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta ❑

Digitized by Google

CÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN TRONG SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

NGUYỄN VĂN PHÚC *

PHÁT triển công nghiệp nông thôn là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước, đã được đề cập trong nhiều văn bản, nghị quyết của Đảng. Đó cũng là nội dung quan trọng hàng đầu trong nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn mà bản chất là quá trình chuyển dịch một cách cơ bản cơ cấu kinh tế nông thôn, nâng cao trình độ kỹ thuật và công nghệ ở nông thôn, nhằm góp phần giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội ở nông thôn.

Sau một thời kỳ gặp nhiều khó khăn, có những bước thăng trầm, hiện nay công nghiệp nông thôn ở nước ta đã có những bước phát triển mới đáng khích lệ. Thực trạng đó có thể xem xét trên một số khía cạnh sau :

a) Công nghiệp nông thôn phát triển một cách rộng khắp ở nhiều vùng, sản phẩm ngày một đa dạng hơn, các loại hình tổ chức sản xuất kinh doanh cũng như các hình thức tổ chức đơn vị sản xuất - kinh doanh ngày càng phong phú hơn. Có thể thấy, quy mô, tốc độ tăng trưởng của công nghiệp nông thôn tăng lên và bao gồm nhiều trình độ phát triển rất khác nhau. Nhìn khái quát, công nghiệp nông thôn ở vùng đồng bằng phát triển cao hơn so với miền núi ; vùng làng nghề truyền thống thường phát triển nhanh hơn và có chiều sâu hơn các nơi khác. Qua số liệu của một số tỉnh có thể ước tính tốc độ tăng trưởng của công nghiệp nông thôn đạt tới khoảng 10 - 12%/năm trong thời kỳ 1993 - 1995 ; ở những tỉnh có điều kiện thuận lợi, tốc độ tăng trưởng cao hơn hẳn ở tỉnh kém phát triển, đặc biệt là các tỉnh miền núi. Nếu như ở các tỉnh có truyền thống sản xuất tiểu thủ công nghiệp như Hà bắc, Hà tây, Nam hà và Ninh bình, nhịp độ phát triển ở mức cao trên dưới 20% thì ở các tỉnh miền núi chỉ đạt nhịp độ rất thấp khoảng 3 - 5%. Tương tự, trong khi ở các tỉnh miền xuôi có truyền thống sản xuất tiểu thủ công nghiệp, cơ cấu công nghiệp nông thôn đa dạng hơn, thì ở các tỉnh miền núi, công nghiệp nông thôn lại thiên về các nghề khai thác thủ công tài nguyên thiên nhiên và các dịch vụ phục vụ cho chính nghề đó (mặc dù việc phát triển các nghề này cũng đã gần tới mức giới hạn và gây ra những tác động rất bất lợi cho môi trường sinh thái). Cơ cấu ngành nghề của công nghiệp nông thôn dễ bị biến động dưới tác động của thị trường. Những ngành nghề phổ biến là chế biến nông sản, sản xuất vật liệu xây dựng, cơ khí nhỏ phục vụ nông nghiệp, dệt may gia công và sản xuất hàng thủ công mỹ nghệ.

b) Trình độ kỹ thuật và công nghệ của công nghiệp nông thôn đã được nâng cao nhưng còn lạc hậu, nhiều yếu tố truyền thống có xu hướng bị xem nhẹ, thậm chí bị bỏ qua. Biểu hiện rõ nhất là sự tăng cường sử dụng các thiết bị cơ giới (cơ khí hóa), thay thế các nguyên liệu truyền thống bằng nguyên vật liệu hiện đại và cải tiến, đa dạng hóa sản phẩm, thích ứng hơn với đòi hỏi của thị trường. Ở nhiều địa phương, đã ứng dụng những thiết bị có giá trị cao, thuộc những công nghệ tương đối tiên tiến. Chẳng hạn, lò luyện kim cao tần (luyện kim bằng lò điện) trị giá từ 800 triệu tới hàng tỉ đồng được trang bị ở Ý yên (Nam hà), An hải (Hải phòng) ; nhiều thiết bị gia công cơ khí (máy phay, máy đột dập hàng trăm tấn,...)

* Trường đại học kinh tế quốc dân, Hà nội

Digitized by Google

trị giá hàng trăm triệu đồng đã được trang bị ở Nam ninh (Nam hà), Đa hội (Hà bắc)... Tuy vậy, những điển hình trên chưa nhiều. Phần lớn thiết bị được sử dụng trong công nghiệp nông thôn thuộc các thế hệ trước, được sản xuất từ hàng chục năm và phần nhiều đã bị các xí nghiệp quốc doanh hoặc công nghiệp đô thị thải loại. Tỷ lệ thiết bị do các cơ sở tự thiết kế, tạo dựng cao, có nơi tới 70 - 80%, có nơi hoàn toàn sử dụng công cụ thủ công tự chế. Mức độ khai thác các thiết bị, máy móc không cao, phổ biến ở mức 60 - 65% và nhiều cơ sở (kể cả nhiều cơ sở có thiết bị trị giá tới vài trăm triệu) cũng không đánh giá, phân tích tình hình sử dụng thiết bị.

c) Sản phẩm của công nghiệp nông thôn rất phong phú và đa dạng nhằm phục vụ các nhu cầu thiết yếu của nhân dân trên thị trường cả nước. Tuy ở nhiều nơi, công nghiệp nông thôn còn hoạt động phục vụ nhu cầu địa phương, nhưng thị trường của công nghiệp nông thôn nói chung cũng như của mỗi đơn vị sản xuất kinh doanh trong công nghiệp nông thôn nói riêng đang được mở rộng sang thị trường toàn quốc. Đặc biệt, sản phẩm của các làng nghề còn được xuất khẩu sang nhiều nước khác nhau như các làng nghề chạm khắc gỗ ở Đồng ky (Hà bắc), La xuyên (Nam hà) làng sơn mài Cát đằng (Nam hà), chạm khảm ở Thường tín (Hà tây), các sản phẩm thủ công mỹ nghệ, thêu ren ở nhiều nơi khác. Ngay sản phẩm gạch ngói thủ công của khu vực Hương canh (Vĩnh phú) cũng được đưa sang Lào, Trung quốc ; các sản phẩm tơ tằm thủ công ở các làng nghề thuộc Thái bình, Nam hà đã được xuất sang Nhật bản, Hồng công và Đài loan ; các sản phẩm kim khí xây dựng của nhiều địa phương (Đa hội - Hà bắc, Vân tràng - Nam hà,...) cũng được tiêu thụ ở khá nhiều vùng ở miền Bắc. Nhiều sản phẩm của công nghiệp nông thôn có mức giá khá cao, nhưng phần lớn thuộc nhóm giá thấp. Đáng chú ý là việc nghiên cứu, thiết kế những sản phẩm mới chưa được thực hiện một cách có hệ thống trong công nghiệp nông thôn. Hiện cũng không có một cơ sở nào thiết kế sản phẩm mới riêng cho công nghiệp nông thôn nên hầu hết các sản phẩm mới ra đời trên cơ sở sao chép, mô phỏng các sản phẩm đã có trên thị trường.

d) Quan hệ liên kết hợp tác của công nghiệp nông thôn được mở rộng, đặc biệt mật thiết với công nghiệp ở đô thị. Quan hệ tuy được hình thành trên cơ sở tự phát và kế thừa quan hệ lịch sử, nhưng đã dần được củng cố và hoàn thiện trên thực tế, nhất là trong ngành may mặc, sản xuất kim khí, chế biến thực phẩm... Quan hệ này đã được tổ chức trên cơ sở quan hệ thị trường, tuy mới chỉ là việc bảo đảm đầu ra của sản xuất và các đơn vị ở nông thôn thường phải chấp nhận phần thua thiệt hơn. Sự hiệp tác theo nghĩa có sự hỗ trợ và phân công một cách lâu dài, ổn định giữa các đơn vị kinh doanh ở đô thị với một số đơn vị ở nông thôn chưa thực sự hình thành.

Tuy nhiên, sự phát triển của công nghiệp nông thôn ở nước ta hiện còn nhiều khó khăn, vướng mắc :

- Khả năng cạnh tranh của sản phẩm do công nghiệp nông thôn sản xuất là rất thấp trong khi chưa có sự bảo hộ hữu hiệu của nhà nước. Trên thị trường, sản phẩm của công nghiệp nông thôn không chỉ phải cạnh tranh với sản phẩm của công nghiệp hiện đại ở các đô thị trong nước, mà còn phải cạnh tranh với sản phẩm của nhiều công ty nước ngoài. Trong khi đã thua kém về chất lượng, mẫu mã, sản phẩm của công nghiệp nông thôn nước ta lại còn thua kém cả về giá cả do hàng nhập từ nước ngoài (trước hết là từ Trung quốc và Thái lan) có thể trốn được thuế. Ngoài ra, do có sự phân hóa về thu nhập và mức sống, thị trường nông thôn trở nên bị "xé lẻ" thành nhiều mảng với những đặc tính khác nhau, có những yêu cầu khác nhau.

- Khả năng đổi mới và tự đổi mới của công nghiệp nông thôn hạn chế. Nguyên nhân chủ yếu là điểm xuất phát thấp, năng lực công nghệ nội sinh của công nghiệp nông thôn yếu kém, trong khi điều kiện về vốn còn hạn chế,

Digitized by Google

thị trường công nghệ - kỹ thuật cho nó chưa phát triển, ... Ngoài ra, do cơ sở hạ tầng của nông thôn còn ở trình độ thấp nên các công nghệ và thiết bị được nhập về từ nước ngoài và từ đô thị cần được thích nghi hóa hơn nữa. Đáng chú ý là nhiều công nghệ truyền thống có thể được hiện đại hóa (cơ khí hóa nhiều khâu, nhiều giai đoạn phổ biến không mang tính đặc thù bản sắc) thì chưa được hiện đại hóa, trong khi nhiều công nghệ khác có tính đặc sắc cao, có tính chất truyền thống thật sự thì lại bị mất đi do những nguyên liệu đặc thù bị thay thế. Chẳng hạn, sơn ta đã bị thay bằng sơn công nghiệp nên hàng sơn mài của Việt nam không khác sản phẩm sơn mài của một số nước trong khu vực.

- Sự quản lý nhà nước đối với công nghiệp nông thôn còn nhiều bất cập, đặc biệt là nhiều địa phương chưa có những giải pháp thích hợp. Lực lượng quản lý nhà nước ở mỗi địa phương quá mỏng, trong khi chức năng, nhiệm vụ lại quá lớn. Thực tiễn cho thấy rằng ở những nơi cán bộ quản lý nhà nước có sự năng động, tìm kiếm được những giải pháp và sự hỗ trợ cụ thể cho công nghiệp nông thôn thì bộ phận kinh tế này sẽ phát triển nhanh chóng.

- Hệ thống dịch vụ và hỗ trợ cho các đơn vị sản xuất - kinh doanh công nghiệp nông thôn vừa thiếu vừa yếu trong khi nhu cầu về các dịch vụ này đang tăng lên một cách nhanh chóng. Qua điều tra ở Thái bình, hầu như tất cả các cơ sở đều cần tư vấn, hướng dẫn, thậm chí soạn thảo giúp các hồ sơ cần thiết trong việc đăng ký thành lập doanh nghiệp, đầu tư, chuyển hướng hoặc mở rộng lĩnh vực kinh doanh,... Số cơ sở có khả năng làm dịch vụ tư vấn cho các đơn vị sản xuất ở các tỉnh rất ít, chưa kể tới ở các huyện, thị trấn là những nơi gần gũi với điều kiện sản xuất - kinh doanh thuộc công nghiệp nông thôn. Tình trạng khá phổ biến là các cơ sở sản xuất - kinh doanh không biết rõ có những đơn vị nào làm tư vấn, dịch vụ về những loại hoạt động nào, nên khi có nhu cầu thường rất lúng túng. Ngoài ra, về mặt thể chế, việc bảo vệ quyền lợi của người sử dụng các dịch vụ cũng chưa được thực hiện tốt. Khi có những thiệt hại do chuyển giao công nghệ cho dân cư nông thôn, việc truy cứu trách nhiệm của những người có trách nhiệm hầu như chưa được tiến hành. Dịch vụ bảo hiểm cho sản xuất hầu như chưa được triển khai ở nông thôn nói chung, cho các đơn vị công nghiệp nông thôn nói riêng.

- Khu vực nông thôn thiếu nguồn nhân lực có chất lượng cao, có trình độ, hiểu biết, kỹ năng và kinh nghiệm thực tiễn cần thiết phục vụ sản xuất kinh doanh. Những quy định, chính sách của nhà nước chưa được phổ biến và giải thích đủ rõ và đủ sâu cho dân cư nông thôn để họ có thể quyết định các vấn đề liên quan tới tổ chức kinh doanh và sản xuất kinh doanh. Nhiều luật và pháp lệnh quan trọng có ảnh hưởng lớn tới tổ chức và vận hành các hoạt động kinh doanh như Luật lao động, Luật doanh nghiệp tư nhân, Luật công ty, Pháp lệnh về kế toán, ... vẫn chưa được nhiều người biết tới và hiểu rõ. Các thủ tục liên quan tới việc tổ chức kinh doanh cũng trong tình trạng tương tự. Tình trạng người có tay nghề, có khả năng kinh doanh bỏ nông thôn ra thành thị vẫn tiếp tục diễn ra. Một số địa phương đã tìm cách khắc phục tình trạng này bằng cách tạo các điều kiện thuận lợi về thủ tục kinh doanh, về địa điểm để thu hút các nhà kinh doanh ở các đô thị chuyển về nông thôn và đã thu được một số kết quả bước đầu. Tuy nhiên nếu xét về mặt kinh tế thì trên mặt bằng chung hiện nay, những ưu tiên dành cho các doanh nghiệp khi họ chuyển về nông thôn là chưa đủ sức hấp dẫn.

*
* *

Để phát triển công nghiệp nông thôn và phát huy được vai trò của nó đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, theo tôi cần quán triệt một số quan điểm chủ yếu sau đây :

- Phát triển công nghiệp nông thôn là sự nghiệp của chính bản thân nông thôn, có sự hỗ

Digitized by Google

trợ, hiệp tác và trực tiếp tham gia của các doanh nghiệp ở đô thị và các khu công nghiệp. Nhà nước đóng vai trò quan trọng trong quá trình này nhưng không thể làm thay các doanh nghiệp và các nhà kinh doanh. Người trực tiếp thực hiện sự phát triển công nghiệp nông thôn là các nhà kinh doanh và dân cư nông thôn. Bởi vậy, các chính sách cần hướng vào lực lượng này.

- Phát triển công nghiệp nông thôn là một quá trình động. Bởi vậy, việc phát triển công nghiệp nông thôn cần theo những phương án thích hợp cho từng giai đoạn, phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Các tác động lịch sử cần được xem xét và phân tích toàn diện. Đồng thời, các chính sách kích thích cần được nghiên cứu và thay đổi kịp thời khi môi trường có thay đổi.

- Cũng như nền kinh tế nói chung, công nghiệp nông thôn hoạt động theo cơ chế thị trường. Nhà nước sẽ đóng vai trò điều tiết thông qua các quy hoạch và chính sách nhằm định hướng công nghiệp nông thôn, tránh sự cạnh tranh thái quá, nhưng cũng không can thiệp trực tiếp vào sản xuất kinh doanh và gò ép với các đơn vị sản xuất cũng như với từng vùng.

- Công nghiệp nông thôn phát triển không chỉ vì mục đích tự thân mà chính là vì các mục tiêu kinh tế - chính trị - xã hội, vì lợi ích của các chủ thể có liên quan. Bởi vậy, phải xác định được rõ và cụ thể các mục tiêu phát triển, các lợi ích mà nó đáp ứng cũng như mức độ đáp ứng các lợi ích đó.

- Việc phát triển công nghiệp nông thôn không thể đặt biệt lập, tách rời khỏi sự phát triển của công nghiệp ở các đô thị. Bởi vậy, cần tìm các hình thức, biện pháp tạo ra sự kết hợp, liên kết giữa các đơn vị công nghiệp nông thôn với các cơ sở công nghiệp đô thị. Sự kết hợp này phải được tổ chức và thực hiện trên cơ sở các quy hoạch phát triển công nghiệp, các quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương và các ngành.

Để thúc đẩy công nghiệp nông thôn phát triển theo chủ trương của Đảng và Nhà nước, trong thời gian tới nên tập trung vào một số giải pháp sau đây :

1 - Nhanh chóng hoàn thiện quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của các vùng lãnh thổ để có căn cứ xác định các hướng cần khuyến khích công nghiệp nông thôn kinh doanh, hoạt động. Các quy hoạch đã được hoạch định cần được xem xét, đánh giá lại, đặc biệt là về tính hiện thực và tính hệ thống của chúng. Những mục tiêu quá tham vọng, thiếu cơ sở thực tiễn hoặc quá dàn trải dễ dẫn tới thất bại. Nhiều địa phương khuyến khích phát triển các hoạt động chế biến nông sản phẩm, nhưng khi các đơn vị chế biến đi vào hoạt động thì lại không có nguyên liệu. Đó chính là hậu quả của tình trạng phát triển thiếu quy hoạch. Trong việc xây dựng các quy hoạch, cần hết sức tránh xu hướng khép kín (theo ngành hoặc lãnh thổ) mà hầu như theo thói quen các nhà hoạch định đều ít nhiều mắc phải.

2 - Phát triển mạnh mẽ các hoạt động dịch vụ, phục vụ cho công nghiệp nông thôn và cho cả các ngành sản xuất vật chất, các lĩnh vực khác của đời sống xã hội ở nông thôn. Các dịch vụ chuyển giao công nghệ và đổi mới kỹ thuật cũng như các dịch vụ tư vấn kinh doanh cần được ưu tiên trong thời gian tới. Việc phát triển các dịch vụ này đòi hỏi có sự tham gia của chuyên gia thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau, đặc biệt là những cán bộ trực tiếp giải quyết các vấn đề liên quan tới dịch vụ cần tư vấn. Mô hình tư vấn, dịch vụ kiểu "một cửa" cho các khu chế xuất, khu công nghiệp có thể được xem xét và vận dụng một cách thích hợp.

3 - Phát triển mạnh các làng nghề, đặc biệt là các làng nghề truyền thống, lấy đó làm những trung tâm để mở rộng các nghề đó ; đồng thời phát triển các nghề có liên quan với nó cũng như các hoạt động sản xuất phi nông nghiệp nói chung. Phát triển kiểu "lan tỏa" là

(Xem tiếp trang 23)

Digitized by Google

ĐẢNG BỘ LẠNG SƠN CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ NÔNG – LÂM NGHIỆP THEO HƯỚNG SẢN XUẤT HÀNG HÓA

HOÀNG TANH *

LẠNG sơn có 10 huyện và 1 thị xã, trong đó có 7 huyện vùng cao, 5 huyện biên giới. Trong 225 xã, phường, thị trấn có 135 xã vùng cao, 20 xã và 1 thị trấn biên giới. Khi bước vào thực hiện công cuộc đổi mới, Lạng sơn gặp muôn vàn khó khăn : điểm xuất phát rất thấp ; kinh tế chậm phát triển, mang nặng tính thuần nông, tự nhiên, tự cấp, tự túc, công nghiệp nhỏ bé, lạc hậu, hạ tầng cơ sở thấp kém. Thêm vào đó, tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội có nhiều diễn biến phức tạp, nhất là ở khu vực biên giới. Làm thế nào vượt qua được những khó khăn, thử thách ấy để đưa sự nghiệp cách mạng của tỉnh đi lên, sớm thoát ra khỏi cảnh nghèo nàn, lạc hậu và giải quyết có hiệu quả việc xóa đói giảm nghèo, nâng cao đời sống nhân dân, từng bước thực hiện thắng lợi mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh". Đó là những vấn đề mà đảng bộ Lạng sơn ngày đêm trăn trở, suy nghĩ.

Đảng bộ Lạng sơn đã quán triệt nghiêm túc các chủ trương, đường lối của Trung ương, vận dụng vào thực tiễn của địa phương ; xác định cơ cấu kinh tế mới của tỉnh là : *nông - lâm - công nghiệp - du lịch dịch vụ ;* lần lượt đề ra các chủ trương, giải pháp cụ thể, phù hợp ; giải quyết tích cực những vấn đề kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và xây dựng hệ thống chính trị trên địa bàn tỉnh nhằm thực hiện thắng lợi cơ cấu kinh tế nói trên.

Trong cơ cấu kinh tế chung của tỉnh, trước mắt, nông - lâm nghiệp vẫn chiếm một tỷ trọng lớn, bởi vì trên địa bàn Lạng sơn, tiềm năng để phát triển nông - lâm sản hàng hóa có nhiều thuận lợi : diện tích đất nông lâm nghiệp rất lớn, độ màu mỡ khá ; khí hậu ôn hòa, mát mẻ thích hợp với nhiều loại cây công nghiệp, cây ăn quả, cây lấy gỗ có giá trị kinh tế cao và có điều kiện phát triển chăn nuôi đại gia súc, gia cầm v.v...

Căn cứ vào định hướng phát triển kinh tế - xã hội của cả nước và xuất phát từ đặc điểm của tỉnh, đảng bộ Lạng sơn đã xác định nông - lâm nghiệp là mặt trận hàng đầu, là con đường giải quyết có hiệu quả việc "xóa đói giảm nghèo", từng bước vươn lên làm giàu. Song, trước mắt Lạng sơn cần đẩy nhanh việc thực hiện sự *chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông - lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa* ; phát triển những cây, con có giá trị kinh tế cao và tăng nhanh giá trị trên đơn vị diện tích canh tác.

Để đẩy nhanh sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông - lâm nghiệp có kết quả, 5 năm qua (1991 - 1995) đảng bộ Lạng sơn đã có nhiều giải pháp đồng bộ :

- Đã tập trung chỉ đạo công tác giao đất, giao rừng cho các hộ gia đình, đơn vị kinh tế, trường học, lực lượng vũ trang... quản lý, kinh doanh. Đến nay tỉnh đã giao được 320 162,59 ha rừng và đất rừng cho 42 199 hộ, đạt 82% tổng diện tích cần giao. Phong trào nhận đất, nhận rừng để phát triển sản xuất, kinh doanh đã thực sự trở thành nhu cầu đối với nhân dân các dân tộc trong tỉnh. Hiện còn 68 292 ha, sẽ giao xong trong năm 1997.

- Trên cơ sở quy hoạch kinh tế - xã hội đã được xây dựng, tỉnh ủy chỉ đạo các ngành chức năng xây dựng các chương trình, dự án phát triển cây, con theo các vùng tập trung như : dự án phát triển cây hồi 20 000 ha ở các huyện Văn quan, Cao lộc, Văn lãng, Bình gia, Bắc sơn, Chi lăng. Dự án phát triển cây chè 800 ha ở huyện Đình lập. Dự án phát triển cây cà phê 1 000 ha ở Hữu lũng. Dự án phát triển cây thuốc lá 3 500 ha ở các huyện Bắc sơn, Hữu lũng, Cao lộc, Chi lăng, Lộc bình và thị xã Lạng sơn. Dự án phát triển các loại cây ăn quả (quýt, na dai, hồng không hạt, mơ,

* Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư tỉnh ủy Lạng Sơn

Digitized by Google

mận, đào tiên, vải thiều, nhãn). Ngoài các dự án nói trên tỉnh còn chú ý xây dựng các vùng chuyên canh như : vùng cây thông 25000 ha ở huyện Lộc bình, Đình lập ; vùng chăn nuôi bò ở các huyện Bắc sơn, Bình gia, Đình lập.

- Tăng cường chỉ đạo công tác khuyến nông, khuyến lâm tạo điều kiện thuận lợi để cho các địa phương và hộ gia đình phát triển sản xuất có hiệu quả. Hàng năm ngân sách địa phương bỏ ra từ 1 đến 2 tỉ đồng để trợ giá các loại giống mới (lúa, ngô, dưa hấu) cho dân ; in các quy trình kỹ thuật về cây, con đưa xuống thôn bản, phổ biến cho nhân dân thực hiện. Tỉnh còn cử hàng trăm cán bộ khuyến nông trực tiếp xuống cơ sở hướng dẫn các hộ gia đình phát triển sản xuất và tăng vốn đầu tư cho nông - lâm nghiệp thời kỳ 1991 - 1995 gấp 4 lần thời kỳ 1986 - 1990.

- Tập trung củng cố, sắp xếp lại hệ thống tổ chức làm dịch vụ kỹ thuật nông - lâm nghiệp, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu phát triển sản xuất về các mặt cung ứng giống, nước cho sản xuất, bảo vệ động thực vật. Tỉnh còn chỉ đạo các ngân hàng thương mại cho dân vay vốn một cách thuận lợi ; chỉ đạo việc thu mua sản phẩm và định hướng thị trường cho người sản xuất.

- Phát huy sức mạnh tổng hợp của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các hội quần chúng, hội nghề nghiệp tích cực tham gia vào việc tuyên truyền, giáo dục, vận động các tầng lớp nhân dân phát triển sản xuất, thực hiện "xóa đói giảm nghèo". Các tổ chức phụ nữ, thanh niên, Hội nông dân, Hội cựu chiến binh v.v... làm tốt việc tín chấp cho vay vốn để phát triển sản xuất.

- Chính quyền, các đoàn thể nhân dân, các hội quần chúng đã phối hợp chặt chẽ với nhau chỉ đạo việc xây dựng các mô hình kinh tế hộ, mô hình trang trại để rút kinh nghiệm ; đồng thời tiến hành sơ kết, tổng kết để nhân ra diện rộng.

- Dành kinh phí thích đáng để phục vụ công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ đảng, chính quyền, đoàn thể cấp xã, phường, thị trấn và các trưởng thôn, trưởng bản về chủ trương, đường lối, chính sách phát triển sản xuất nông - lâm nghiệp của Đảng và Nhà nước. Mặt khác, tổ chức cho cán bộ chủ chốt xã, trưởng bản ở vùng cao, vùng xa, vùng biên giới đi tham quan, học tập mô hình phát triển kinh tế của các tỉnh bạn nhằm tạo ra sự chuyển biến tích cực về đổi mới tư duy kinh tế, cách làm ăn mới của đội ngũ cán bộ cơ sở.

- Quan tâm đúng mức đến việc xây dựng kết cấu hạ tầng. Huy động nhiều nguồn vốn cho việc tu sửa, nâng cấp và xây dựng mới các công trình về giao thông, điện, nước, thông tin liên lạc, hệ thống phát thanh truyền hình...

Do có những biện pháp chỉ đạo tích cực và đồng bộ nêu trên nên việc thực hiện chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông - lâm nghiệp ở Lạng sơn đã có những chuyển biến mới đạt được một số kết quả :

Một là, đã góp phần quan trọng vào tốc độ tăng trưởng, GDP của tỉnh đạt bình quân là 11,54% thời kỳ 1991 - 1995. Việc khai thác tiềm năng đất đai, phát triển sản xuất hàng hóa có tiến bộ rõ rệt. Tỷ trọng cơ cấu ngành cũng được chuyển dịch : nông nghiệp từ 81,85% năm 1991 xuống còn 75,31% năm 1995 ; lâm nghiệp từ 18,15% năm 1991 lên 24,69% năm 1995 ; chăn nuôi từ 13,35% năm 1991 lên 17,35% năm 1995. Trong nông nghiệp, do thay đổi cơ cấu giống mới, thực hiện thâm canh nên tổng sản lượng lương thực quy thóc cũng tăng nhanh từ 98 709 tấn năm 1991 lên 180 348 tấn năm 1995, tăng 82% so với năm 1991. Tổng đàn gia súc năm 1995 tăng lên 4,92% so với năm 1991.

Hai là, đã hình thành một số vùng cây công nghiệp, cây ăn quả tập trung và có sản phẩm hàng hóa khá. Diện tích cây thuốc lá 1 875 ha, sản lượng 2 116 tấn. Diện tích cây hồi 10 311 ha, sản lượng 16 000 tấn. Diện tích cây chè 645 ha, sản lượng 1856 tấn. Diện tích cây cà phê 185 ha, bắt đầu được thu hoạch với sản lượng trên 15 tấn. Diện tích cây ăn quả : quýt 689 ha, sản lượng 2 134 tấn ; na dai 284 ha, sản lượng 2 320 tấn ; hồng 165 ha, sản lượng 928 tấn và các cây vải thiều, nhãn cũng đã bắt đầu có sản phẩm.

Ba là, diện tích rừng được khoanh nuôi bảo vệ và diện tích rừng trồng tăng nhanh, đã đưa độ che phủ của rừng từ 17% năm 1991 lên 21,2% năm 1994 và theo dự tính, đến hết năm 1996 độ che phủ của rừng có thể đạt ở mức 25%.

Bốn là, mô hình hộ gia đình phát triển kinh tế vườn rừng xuất hiện ngày càng nhiều ở hầu hết các địa bàn trong tỉnh. Những hộ này làm ăn có hiệu quả, tăng thu nhập, mở ra con đường khả thi để "xóa đói giảm nghèo" và làm giàu từ tiềm năng đất đai. Đời sống của đại bộ phận đồng bào các dân tộc Lạng sơn được ổn định. Tình trạng thiếu đói lúc giáp hạt những năm trước đây của tỉnh đã được khắc phục. Đời sống vật chất và tinh thần của một bộ phận dân cư được nâng lên rõ rệt. Một số hộ đã xây dựng được nhà mái bằng, nhà tầng và mua sắm được các phương tiện đắt tiền như ti-vi, xe máy, xe công nông, ô tô vận tải... Số

Digitized by Google

hộ đói nghèo từ 24,07% năm 1993 giảm xuống còn 19,66% năm 1995, số hộ giàu ngày càng tăng. Ở một số vùng nhân dân đã xác định mùa vụ và bố trí cơ cấu cây trồng phù hợp : đưa cây ngô, cây khoai tây, đưa hấu xuống chân ruộng một vụ ; do đó đã đem lại hiệu quả kinh tế cao (1 ha gieo trồng thu được từ 60 - 70 triệu đồng/năm). Một số hộ trồng hồi, quýt, na dai, ... đã có thu nhập cao từ 20 triệu đồng đến hàng trăm triệu đồng/năm ; cá biệt có những hộ đạt từ 200 đến 300 triệu đồng/năm.

Năm là, làm thay đổi hẳn cơ cấu kinh tế nông thôn. Một số vùng chuyển từ nền kinh tế thuần nông sang làm ngành nghề khác, thực hiện sự phân công lại lao động trong gia đình, vừa sản xuất nông - lâm nghiệp vừa làm thêm các ngành nghề khác. Những nơi có điều kiện còn phát triển thêm các nghề sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến nông - lâm sản, xây dựng nhà v.v... ; đồng thời phát triển các hình thức kinh tế hợp tác đa dạng làm cho nông thôn miền núi có nhiều đổi mới theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Thực hiện chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông - lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa còn làm thay đổi cuộc sống của đồng bào các dân tộc thiểu số ở vùng cao. Họ không còn sống du canh, du cư, phá rừng làm rẫy như trước đây, mà chuyển sang định canh, định cư, trồng cây công nghiệp, cây ăn quả, chăn nuôi... Vì vậy ở Lạng sơn đã xuất hiện một số thôn bản của đồng bào dân tộc ít người làm ăn giỏi, có hộ thu nhập từ 10 - 20 triệu đồng/năm.

Thực hiện chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông lâm nghiệp ở Lạng sơn tuy có những khởi sắc, nhưng những gì đạt được cũng mới chỉ là bước đầu. Tỉnh chúng tôi hiện đang còn nhiều mặt hạn chế cần giải quyết như : Tốc độ chuyển dịch cơ cấu còn chậm và còn ở diện hẹp. Số hộ điển hình về làm ăn giỏi và có thu nhập cao chưa nhiều. Chưa có khối lượng sản phẩm hàng hóa lớn để phát triển công nghiệp chế biến và xuất khẩu. Nhiều xã vùng cao, xa xôi hẻo lánh, đường giao thông xuống cấp nghiêm trọng, đi lại rất khó khăn. Trình độ dân trí thấp. Vốn để đầu tư phát triển sản xuất còn thiếu. Đó là những khó khăn, thách thức lớn mà trước mắt đảng bộ và nhân dân các dân tộc Lạng sơn phải vượt qua. Nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của tỉnh là phải đẩy nhanh hơn nữa việc chuyển dịch cơ cấu sản xuất nông - lâm nghiệp theo hướng sản xuất hàng hóa và thực hiện chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Từ nay đến năm 2000 chúng tôi sẽ tập trung chỉ đạo thực hiện những mục tiêu đã được xác định một cách có hiệu quả theo những định hướng sau :

Tập trung sức thực hiện bằng được các dự án đã được duyệt nhằm phát triển các loại cây, con trên địa bàn của tỉnh ; chỉ đạo tốt việc huy động các nguồn vốn phục vụ cho đầu tư phát triển ; đầu tư vốn, chuyển giao khoa học - kỹ thuật, đưa cán bộ khuyến nông, khuyến lâm về cơ sở... Chỉ đạo hình thành nhiều mô hình làm ăn giỏi ở các vùng, phổ biến kinh nghiệm để nhanh chóng nhân ra diện rộng.

Phát huy sức mạnh tổng hợp của Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội cùng hướng vào việc tuyên truyền, giáo dục, vận động các tầng lớp nhân dân ra sức phát triển sản xuất nông - lâm sản hàng hóa. Đối với vùng cao, vùng xa xôi hẻo lánh, vùng biên giới có nhiều khó khăn, các đoàn thể nhân dân, các tổ chức xã hội cần đứng ra làm nhiệm vụ tín chấp, để dân được vay vốn thuận lợi, phát triển sản xuất, xóa đói giảm nghèo.

Tiếp tục thực hiện tốt phương châm "nhà nước và nhân dân cùng làm" ; đẩy mạnh việc xây dựng kết cấu hạ tầng ; phát triển mạnh mạng lưới giao thông nông thôn, điện, thông tin liên lạc... đáp ứng kịp thời, có hiệu quả việc phát triển sản xuất, lưu thông hàng hóa.

Định hướng thị trường, tổ chức tốt việc thu mua sản phẩm cho người sản xuất ; phát triển công nghiệp chế biến nông lâm sản hàng hóa cho xuất khẩu.

Song song với nhiệm vụ đẩy mạnh phát triển kinh tế, quan tâm giải quyết những vấn đề xã hội bức xúc, làm tốt công tác quốc phòng - an ninh, tạo môi trường lành mạnh cho kinh tế - xã hội phát triển.

Làm tốt nhiệm vụ củng cố, xây dựng hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở trong sạch, vững mạnh. Tăng cường công tác đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ các cấp, đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ của giai đoạn cách mạng mới.

Phát huy tinh thần tự lực, tự cường và kinh nghiệm của những năm qua, được trung ương và các địa phương bạn giúp đỡ, đảng bộ và nhân dân các dân tộc Lạng sơn quyết phấn đấu hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ kinh tế - xã hội thời kỳ 1996 - 2000, góp phần tích cực cùng cả nước thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.❑

Digitized by Google

Hải phòng phấn đấu làm cho giáo dục thực sự là quốc sách hàng đầu

TRẦN XUÂN ĐÌNH *

MƯỜI năm qua, giáo dục Hải phòng phát triển khá mạnh. Mỗi năm số học sinh các bậc học tăng trên 3 vạn. Đội ngũ giáo viên các cấp về cơ bản đã được chuẩn hóa, trình độ được nâng cao rõ rệt. Cơ sở vật chất được tăng cường. Đã có 151/170 xã (chiếm 88,8%) có trường nhiều tầng. Huyện Kiến thụy đạt 100% số xã có trường nhiều tầng. Nhiều trường được tu bổ, nâng cấp theo hướng khang trang hiện đại như các trường PTTH Ngô Quyền, Thái Phiên, trường năng khiếu Trần Phú, trường Cao đẳng sư phạm v.v... Chất lượng giáo dục có chuyển biến rõ, nhất là ở bậc tiểu học, ở trường chuyên, lớp chọn. Học sinh đỗ vào các trường cao đẳng, đại học ngày càng nhiều (Năm 1989 chỉ có 5% số học sinh tốt nghiệp vào đại học năm 1996 lên tới 33%). Trường PTTH Vĩnh bảo (một trường ở xa trung tâm thành phố) năm học 1995 - 1996 có 46% học sinh thi đỗ vào đại học chính quy ; riêng lớp chọn có tới 98% học sinh đỗ vào đại học. Trường chuyên ban đầu tiên của Hải phòng (PTTH Ngô Quyền) đã có tỷ lệ thi đỗ tốt nghiệp 100% và 86% học sinh đỗ vào đại học, đứng đầu trong các trường chuyên ban đầu tiên của cả nước có học sinh đỗ vào đại học, được Bộ giáo dục và đào tạo tặng bằng khen. Số học sinh của Hải phòng đạt các giải cao trong các kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, quốc tế ngày càng tăng. Từ 16 giải học sinh giỏi quốc gia năm 1985, năm 1996 Hải phòng đạt được 81 giải (trong đó có 10 giải nhất). Mười năm qua giáo dục Hải phòng còn đạt 7 giải quốc tế, trong đó có 2 Huy chương vàng về môn Nga văn (1987) và Toán (1996).

Hiệu quả giáo dục đã đáp ứng ngày càng tốt hơn sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Tháng 8 năm 1996, Hội khỏe Phù Đổng toàn quốc lần thứ IV tổ chức tại Hải phòng đã thành công tốt đẹp, gây ấn tượng sâu sắc đối với đồng bào cả nước và bạn bè quốc tế. Hải phòng đã huy động hàng vạn học sinh các cấp học tham gia đóng góp tích cực và có hiệu quả cho hoạt động có ý nghĩa chính trị, văn hóa-thể thao rộng lớn này. Chỉ riêng năm học vừa qua, các đơn vị giáo dục và địa phương Hải phòng đã được nhận 5 Huân chương Lao động và hàng loạt phần thưởng cao quý khác.

Những thành tựu mà ngành giáo dục và đào tạo của Hải phòng đạt được vừa qua có nhiều nguyên nhân, trong đó có ba nguyên nhân trực tiếp sau :

- Cơ chế quản lý mới của giáo dục được triển khai theo hướng Chỉ thị 287 của Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng (nay là Thủ trưởng Chính phủ) ngày 4 - 8 - 1992. Ngành giáo dục bước đầu được giao quyền chủ động quản lý kinh phí, con người và công việc để phát huy nội lực, thu hút ngoại lực.

- Hải phòng đã có một số chủ trương thiết thực thu hút người tài, giữ lại người giỏi cho ngành giáo dục như : phụ cấp 20% lương cho giáo viên giỏi dạy ở trường chuyên, trợ cấp từ 1 đến 1,5 triệu đồng cho học sinh giỏi học Đại học sư phạm, trợ cấp từ 40 đến 100 nghìn đồng một tháng cho giáo viên dân lập, mầm non ngoại thành.

- Tích cực tổ chức thực hiện cuộc vận động xã hội hóa giáo dục thông qua đại hội giáo dục các cấp, thống nhất cơ chế, quan tâm

* Bí thư Ban cán sự Đảng. Giám đốc Sở giáo dục và đào tạo Hải phòng

Digitized by Google

giúp đỡ sự nghiệp giáo dục. Xây dựng quỹ hỗ trợ học sinh nghèo vượt khó, học giỏi, trao học bổng cho học sinh giỏi, học sinh nghèo số tiền từ 450 đến 500 ngàn đồng/năm. Mỗi năm có khoảng từ 300 đến gần 500 học sinh được trao học bổng.

Nhìn vào thực chất của quá trình vận động giáo dục và nhất là đặt giáo dục trước yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, giáo dục Hải phòng còn bộc lộ nhiều yếu kém :

- Hàng năm thiếu khoảng 2000 giáo viên, đặc biệt là giáo viên trung học cơ sở và phổ thông trung học ở ngoại thành.

- Thiếu phòng học và những trang thiết bị hiện đại phục vụ cho việc dạy và học. Mỗi năm thiếu khoảng 700 phòng học (khoảng 10% tổng số phòng học hiện có).

- Kinh phí hàng năm cấp cho giáo dục còn thiếu. Ngân sách nhà nước mới đủ chi cho khoảng 50 - 60% nhu cầu phát triển giáo dục của thành phố.

- Chất lượng giáo dục đại trà, nhất là ở các vùng sâu, vùng xa còn hạn chế.

- Những hiện tượng tiêu cực trong ngành như dạy thêm tràn lan, thu tiền thêm không đúng quy định chưa được giải quyết triệt để.

- Hiệu quả đào tạo, nhất là đào tạo nguồn nhân lực cho thành phố mở, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa còn thấp.

Những mặt yếu kém trên đây có nguyên nhân từ phía khách quan và có cả ở phía chủ quan :

- Cơ chế quản lý mới trong giáo dục chưa được thực hiện triệt để, chưa phát huy được quyền chủ động của các cấp quản lý giáo dục, các đơn vị giáo dục ; chính sách cho giáo viên chưa thỏa đáng. Bình quân thu nhập của giáo viên đứng thứ 18 (theo số liệu điều tra của Bộ kế hoạch và đầu tư) ; chưa quan tâm đến loại hình trường lớp mới như bán công, dân lập, tư thục ; chưa thể chế hóa công tác xã hội hóa giáo dục ; chưa đổi mới mạnh mẽ nội dung chương trình, phương pháp dạy và học, quản lý giáo dục ; một số ngành, một số cấp chưa có sự quan tâm cụ thể đối với giáo dục, vì thế giáo dục chưa "thực sự là quốc sách hàng đầu".

Mục tiêu những năm tới của Hải phòng là mọi ngành, mọi cấp, trước hết là trong ngành giáo dục quyết tâm phấn đấu làm cho giáo dục "thực sự là quốc sách hàng đầu".

- Giáo dục phải phát triển với tốc độ nhanh, chất lượng và hiệu quả cao thực hiện "chuẩn hóa, chính quy hóa tiến tới hiện đại hóa" phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa như lời căn dặn của đồng chí Tổng bí thư Đỗ Mười khi về thăm và làm việc với ngành giáo dục Hải phòng ngày 1 và 2 - 9 - 1996 ; khẩn trương đáp ứng nguồn nhân lực (cả nguồn nhân lực tinh hoa và nhân lực đại trà) cho thành phố mở, để Hải phòng xứng đáng là một trong ba cực phát triển kinh tế mạnh của các tỉnh phía Bắc, góp phần sớm hội nhập được với các nước trong khu vực.

- Phổ cập trung học cơ sở vào năm 2000. Đào tạo đủ nhân lực phục vụ cho việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nông thôn và liên doanh với nước ngoài ở các khu công nghiệp mới như Nomura, ChinhFong, Đình vũ v.v..

Để thực hiện những mục tiêu tưởng như đơn giản ấy, toàn ngành giáo dục Hải phòng phải tập trung mọi sức lực, trí lực tìm ra những giải pháp hữu hiệu làm chuyển biến tình hình trong giai đoạn sắp tới :

- Phát huy truyền thống tôn sư trọng đạo, hiếu học, truyền thống anh hùng trong chiến đấu trước đây của thành phố Cảng để ngày nay tiếp tục xây dựng, phát triển sự nghiệp giáo dục. Phải làm sao để cho từng người, từng gia đình, từng dòng họ, làng xã, quận huyện đều có ý chí quyết tâm học tập, chăm lo đến sự nghiệp giáo dục.

- Tiếp tục đa dạng hóa các loại hình trường lớp, đặc biệt chú ý tham mưu với các cấp lãnh đạo hỗ trợ về ngân sách, về đất đai cho các loại trường bán công, dân lập, tư thục.

- Tiếp tục tham mưu với lãnh đạo các cấp để cho ngành giáo dục và đào tạo được chủ động quản lý ngân sách, tổ chức kết hợp với quản lý theo lãnh thổ, thực hiện triệt để cơ chế mới trong quản lý giáo dục.

Digitized by Google

- Đẩy mạnh phong trào xã hội hóa giáo dục và tích cực quốc tế hóa giáo dục để phát huy thế mạnh của thành phố cảng biển, tranh thủ sự đầu tư của các nhà doanh nghiệp trong và ngoài nước.

- Quan tâm hơn nữa đến việc đào tạo, bồi dưỡng giáo viên đủ về số lượng, mạnh về chất lượng trong đó thực hiện cho được kế hoạch đã đề xuất với thành phố : từ nay đến năm 2000, mỗi năm tuyển thêm 900 học sinh trung học sư phạm ; 620 sinh viên cao đẳng sư phạm và 400 sinh viên đại học sư phạm theo địa chỉ đào tạo tại địa phương, cử đi đào tạo tại Hà nội và ở nước ngoài 50 thạc sĩ, 10 tiến sĩ các chuyên ngành.

- Tiếp tục đổi mới nội dung chương trình, đưa một tỷ lệ thích hợp số tiết địa phương học vào chương trình chính khóa, đổi mới phương pháp dạy và học, lấy học sinh làm trung tâm để phát huy trí lực của học sinh, đổi mới phương pháp quản lý giáo dục.

- Nhân nhanh các điển hình tiên tiến, những cách làm tích cực, có hiệu quả trong việc phát triển giáo dục như : phong trào xây dựng trường nhiều tầng (100% số xã có trường nhiều tầng) của huyện Kiến thụy ; phong trào xây dựng quỹ "học điền" của các xã ở huyện Tiên lãng ; phong trào nâng cao chất lượng giáo dục của các trường ở huyện Vĩnh bảo ; phong trào xây dựng quỹ "khuyến học", quỹ "hỗ trợ học sinh nghèo vượt khó" của Hội từ thiện, Đài phát thanh và truyền hình, Đoàn thanh niên, Hội phụ nữ Hải phòng v.v..

Để giáo dục phát triển với nhịp độ nhanh, chất lượng và hiệu quả cao, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, tránh nguy cơ tụt hậu ngày càng xa, giữ vững độc lập tự chủ, để chúng ta vươn lên làm chủ đất nước, tránh nguy cơ phải đi làm thuê, làm nô lệ trí tuệ, chúng tôi đề nghị :

Một là, các cấp lãnh đạo đảng, chính quyền, các tổ chức xã hội và tất cả mọi người trước hết hãy coi giáo dục là quốc sách vừa để xây dựng đất nước, vừa để phòng thủ quốc gia trong thời đại mới. Từ đó thiết lập hành lang bảo vệ an toàn ngăn chặn các tệ nạn xã hội xâm nhập vào trường học, chăm lo cho khu vực này chu đáo, đủ mạnh với tinh thần "giáo dục là đội quân chủ lực trong việc xây dựng chiến lược con người" như ý đồng chí Tổng bí thư Đỗ Mười đã nhiều lần nhắc nhở.

Hai là, cần có cơ chế quản lý mới tối ưu cho ngành giáo dục để phát huy quyền chủ động cho các cấp quản lý giáo dục và cho các đơn vị trường học. Cơ chế mới đó phải thực sự tạo thành động lực mới thật mạnh mẽ cho người học, cho người dạy, cho người sử dụng sản phẩm của giáo dục. Điều này hết sức quan trọng, ví như trong nông nghiệp, từ khi ta đổi mới cơ chế quản lý, đầu tư của nhà nước cho nông nghiệp không nhiều hơn so với thời bao cấp, nhưng hiệu quả lại rất lớn mà ta không ngờ tới. Vì cơ chế này đã phát huy được nội lực và thu hút được ngoại lực, làm cộng hưởng các động lực, tăng hiệu quả theo cấp số nhân.

Ba là, cần có chính sách thỏa đáng với tinh thần ưu đãi và tôn vinh nghề dạy học, tăng hệ số lương cho các thầy cô giáo tương xứng với ngành được coi là "quốc sách hàng đầu".

Bốn là, cần có quỹ "học điền" cho con nông dân đi học đại học, trước hết là đại học sư phạm. Có như vậy chúng ta mới thực sự quan tâm đến dân, vì đại bộ phận con nông dân hiện nay không đủ tiền để học đại học (mà phần lớn dân ta là nông dân). Tất nhiên vấn đề này cần phải tính sao cho phù hợp với Luật đất đai.

Năm là, cần tăng đáng kể ngân sách chi cho giáo dục hiện nay và quản lý chi cho thật hiệu quả để nó thực sự là cấp số nhân, đẩy mọi hoạt động giáo dục vươn lên. Tốt nhất vẫn là dành thế chủ động cho ngành giáo dục trong việc đầu tư dưới sự kiểm tra kiểm soát nghiêm ngặt của các ngành chức năng.

Sáu là, thể chế hóa việc thực hiện đối với các loại hình trường lớp bán công, dân lập, tư thục để nó phát triển mạnh mẽ hơn. Ví dụ cấp đất xây trường, cho vay tiền với lãi suất thấp để làm trường, hỗ trợ học phí cho học sinh là con gia đình chính sách học ở trường này v.v. ❑

Digitized by Google

CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA DƯỚI GÓC NHÌN CỦA MỘT ĐƠN VỊ KINH TẾ CƠ SỞ

NGUYỄN TRẦN NAM *

ĐẠI hội lần thứ VIII của Đảng khẳng định : công nghiệp hóa, hiện đại hóa là nhiệm vụ trung tâm trong suốt thời kỳ quá độ. Nhiệm vụ này đòi hỏi phải được nhận thức và quán triệt đầy đủ ở các cấp trung ương cũng như địa phương ; ở tầm vĩ mô của nhà nước cũng như ở từng đơn vị cơ sở. Điều đó càng có ý nghĩa trong điều kiện phát triển nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, trong đó quốc doanh là chủ đạo. Vấn đề đặt ra là : một đơn vị doanh nghiệp nhà nước cần làm gì để thực hiện CNH - HĐH. Từ thực tiễn sản xuất kinh doanh của một đơn vị kinh tế cơ sở chúng tôi thấy có một số vấn đề cơ bản như sau.

I - Sản xuất kinh doanh phải gắn với thị trường, đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng.

Trước đây, trong cơ chế tập trung, quan liêu bao cấp, các đơn vị sản xuất không quan tâm tới thị trường, và khách hàng, mà làm theo các chỉ tiêu trên giao. Sản phẩm làm ra có được tiêu thụ hay không đã có nhà nước lo, không ảnh hưởng gì tới các đơn vị. Ngày nay, chuyển sang cơ chế thị trường, sản xuất cái gì, sản xuất bao nhiêu, như thế nào là do thị trường, do nhu cầu của khách hàng quyết định. Đối với một đơn vị kinh tế cơ sở, giải quyết vấn đề này là cả một quá trình từ chuyển biến về nhận thức đến tổ chức thực hiện các biện pháp kinh tế - xã hội ; bởi tâm lý, thói quen, lề lối của cơ chế cũ không dễ gì xóa bỏ ngay một lúc. Để giải quyết tình hình đó, chúng tôi cho rằng các đơn vị kinh tế phải làm tốt ba điều : *Một là*, xác định mặt hàng và thị trường. *Hai là*, coi trọng khách hàng và có chính sách thích ứng. *Ba là*, nâng cao chất lượng, cải tiến mẫu mã để tăng sức cạnh tranh của sản phẩm làm ra.

Trong những năm đổi mới vừa qua, Công ty sứ Thanh trì (thuộc Tổng công ty thủy tinh và gốm xây dựng - Bộ xây dựng) đã có nhiều giải pháp để trụ vững và phát triển trong cơ chế thị trường.

Trước đây, do phải bung ra lo đời sống cho số đông cán bộ công nhân, chúng tôi đã sản xuất nhiều mặt hàng chất lượng thấp và đã sản xuất một cách manh mún, không hiệu quả. Về sau, xuất phát từ thực tế trong và ngoài nước, chúng tôi xác định mặt hàng chủ lực là sứ vệ sinh. Phương hướng chung là phải tổ chức sản xuất kinh doanh có hiệu quả để chiếm lĩnh thị trường trong nước, thay thế hàng ngoại nhập và tiến tới xuất khẩu. Mục tiêu xuyên suốt là chất lượng tốt nhất, mẫu mã đẹp nhất, dịch vụ bán hàng và sau bán hàng tốt nhất, giá rẻ nhất. Từ đó, công ty chủ động tìm hiểu nhu cầu và thị hiếu của khách hàng về sản phẩm của mình để đề ra bước đi thỏa mãn sự đòi hỏi của họ.

Giai đoạn đầu (1991 - 1992) trên thị trường hàng ngoại nhập là chủ yếu ; thiết bị, cơ sở vật chất của công ty còn lạc hậu nên sức cạnh tranh của sản phẩm làm ra còn yếu. Để len chân vào thị trường lúc này chúng tôi nhằm vào khách hàng trong nước có nhu cầu sản phẩm có kỹ thuật thấp, trung bình và giá rẻ. Mục tiêu được xác định là sản phẩm tốt, tiện lợi, giá rẻ để thu hút khách hàng. Giai

* Giám đốc Công ty sứ Thanh trì, Hà nội

Digitized by Google

đoạn 1993 - 1994, sau khi tìm ra công nghệ sứ vệ sinh cao cấp, có kỹ thuật công nghệ mới, chúng tôi đẩy tới một bước về chất lượng, cải tiến mẫu mã đáp ứng mong muốn của khách hàng để thực hiện mục tiêu thay thế hàng ngoại nhập cùng loại. Đến năm 1995 sản phẩm của Công ty làm ra đến đâu tiêu thụ hết đến đó. Mục tiêu đẩy lùi hàng của Trung quốc, hàng nhãn hiệu Champion của Thái lan về cơ bản thực hiện được. Từ đó, chúng tôi mở rộng quan hệ quốc tế nâng cao chất lượng xuất khẩu. Chúng tôi cho rằng, để chiếm lĩnh thị trường thì chất lượng tốt, giá thành hạ mới chỉ đáp ứng được một nửa yêu cầu ; phần còn lại chính là làm tốt công tác tiêu thụ sản phẩm. Do đó, một trong những vấn đề mà chúng tôi đặc biệt chú trọng là nâng cao chất lượng dịch vụ bán hàng và sau bán hàng. Trước hết, đó là sự tiện lợi khi sử dụng sản phẩm gồm hướng dẫn lắp đặt, sử dụng, bảo hành miễn phí, xử lý ngay các khiếu nại của khách hàng... đến việc vận chuyển, giao nhận tận nơi mua, tại nơi công trình. Tiếp theo, đó là coi trọng đội ngũ bán hàng. Công ty tổ chức 6 đại lý lớn trên cả nước, 3 đại lý khu vực cấp 2, hệ thống giới thiệu sản phẩm ở Hà nội, TP Hồ Chí Minh. Qua hệ thống này sản phẩm sứ vệ sinh của công ty đã được bày bán ở 600 - 700 cửa hàng vật liệu xây dựng trong cả nước. Đây vừa là người bán hàng, vừa là người nắm được thị hiếu của khách hàng về chất lượng, mẫu mã, chủng loại. Vì vậy, chúng tôi có chính sách ưu đãi riêng cho các đại lý lớn, có chế độ khuyến khích, khen thưởng cho các đối tượng bán được nhiều hàng... để họ gắn bó chặt chẽ với công ty, coi sự phát triển của công ty như là lợi ích của chính mình. Đặc biệt từ tháng 10-1995, công ty có chế độ bảo đảm lợi nhuận cho các nhà bán lẻ, bán buôn thỏa đáng, ngang với bán hàng ngoại. Kết quả thật đáng phấn khởi : 3 tháng cuối năm 1995, doanh thu bán hàng bằng 10 tháng đầu năm ; 9 tháng đầu năm 1996, doanh thu đạt 33 tỉ đồng (cả năm 1995 là 19 tỉ đồng).

Rõ ràng, đối với một doanh nghiệp thì phải bảo đảm sản xuất kinh doanh có lãi ngày càng cao ; và từ hiệu quả đó sẽ có điều kiện đầu tư phát triển hơn nữa. Thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa không ngoài mục tiêu phát triển doanh nghiệp mà trước hết là đáp ứng yêu cầu của thị trường, mong muốn của khách hàng. Điều này vừa là yêu cầu đòi hỏi, vừa là mục đích cần đạt tới.

II - Đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ.

Muốn đáp ứng yêu cầu của khách hàng, chiếm lĩnh thị trường trong nước và vươn ra nước ngoài, các DNNN phải tạo ra sản phẩm hàng hóa có chất lượng cao. Điều đó không chỉ dựa vào con người khéo tay chăm chỉ ; không thể dựa vào công nghệ lạc hậu, thiết bị cũ kỹ, mà phải có công nghệ tiên tiến, thiết bị máy móc hiện đại. Tuy nhiên, trong điều kiện nước ta còn nghèo, các DNNN có nguồn vốn hạn chế nên vấn đề đặt ra là từ thực tế của mỗi đơn vị phải tìm ra con đường giải quyết thỏa đáng. Trong thực tế, để đáp ứng nhu cầu phát triển thì doanh nghiệp nào, quốc gia nào cũng thiếu vốn. Vấn đề là ở chỗ trình độ hiện đại của công nghệ đến mức nào và giải quyết việc hiện đại hóa từng bước ra sao.

Từ nhận thức đó, chúng tôi xác định không chỉ dừng lại ở những sản phẩm có kỹ thuật đơn giản, giá rẻ mà đặt ra mục tiêu phải sản xuất hàng có chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế, có giá trị cao và có sức cạnh tranh lớn. Việc đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ đặt ra song song với việc nâng cao hiệu quả sử dụng trang thiết bị hiện có. Bởi vậy, chúng tôi tập trung giải quyết 3 vấn đề : *Một là,* làm chủ kỹ thuật công nghệ. Điều có ý nghĩa nổi bật là năm 1992 chúng tôi đã tìm ra công nghệ sản xuất sứ vệ sinh cao cấp - đó là bước ngoặt về kỹ thuật công nghệ, tạo ra khả năng cạnh tranh của công ty trên thị trường. Từ đó các sản phẩm có giá trị tăng cao, đáp ứng yêu cầu của thị trường và công ty có tích lũy lớn. Giá trị của 1 kg sản phẩm tăng nhanh : Năm

Digitized by Google

1991 trên 5 000 đ ; năm 1992 là 10 000 đ ; năm 1993 là 15000 đ ; năm 1994 là 17 000 đ ; năm 1995 là 20 000 đ và năm 1996 phấn đấu 25 000 đ. *Hai là,* đẩy mạnh hoạt động cải tiến kỹ thuật. Do rút ngắn thời gian vận chuyển goòng nên đã nâng năng suất đốt lò từ 30 mẻ/tháng lên 40 mẻ/tháng. Do phát huy sáng kiến trong xử lý nguyên liệu đầu vào, nên đã nâng cao công suất dây chuyền nhập của I-ta-li-a từ 75 000 sản phẩm/năm lên 120 000 sản phẩm/năm... *Ba là,* từng bước đầu tư chiều sâu, hiện đại hóa công nghệ. Từ tháng 11-1992 công ty đã xây dựng phương án vay ngoại tệ để mua thiết bị máy móc tiên tiến. Dây chuyền sản xuất đồng bộ của I-ta-li-a với giá trị 1,7 triệu USD và 13 tỉ đồng VN được nhập ; tháng 9-1994 đã lắp đặt xong, đi vào sản xuất. Do công nghệ, thiết bị hiện đại, cùng với việc cho các dây chuyền tự làm, nên từ cuối năm 1994 sản phẩm đã liên tục được đổi mới và nâng cao chất lượng. Có thể thấy điều đó qua các số liệu về cơ cấu sản phẩm như sau : Năm 1992 có 100% sản phẩm chất lượng đơn giản ; năm 1993 có 70% sản phẩm đơn giản, 30% sản phẩm trung bình ; năm 1994 có 40% sản phẩm đơn giản, 10% trung bình và 50% cao cấp ; năm 1995 có 100% sản phẩm trung bình và cao cấp ; năm 1996 phấn đấu 100% sản phẩm cao cấp.

Có thể khẳng định, đến nay chúng tôi hoàn toàn có khả năng chế tạo các sản phẩm cao cấp, có phẩm cấp sứ theo xu hướng đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Trong hướng tương lai, chúng tôi tiếp tục đầu tư nhiều thiết bị sản xuất đưa công suất lên 600 000 sản phẩm/năm 1997 và từ 700 000 đến 1 000 000 sản phẩm/năm vào những năm sau. Bên cạnh đó là đầu tư dây chuyền sản xuất các phụ kiện sứ vệ sinh kèm theo - một hướng đi mới trong tương lai.

III - Rèn luyện, đào tạo đội ngũ lao động mới.

Con người là nhân tố cơ bản nhất để đạt được các mục tiêu đề ra. Trong điều kiện cơ chế mới, máy móc kỹ thuật mới đòi hỏi phải có đội ngũ lao động, năng động, có kỹ thuật, có kỷ luật, có lòng say mê và lao động hiệu quả cao. Đội ngũ này không tự nhiên mà có, đặc biệt lại chuyển từ cơ chế cũ sang. Bởi vậy, họ phải được rèn luyện, đào tạo từ kiến thức cho đến tác phong, nền nếp... để đáp ứng yêu cầu của kỹ thuật công nghệ mới.

Trước hết, chúng tôi giáo dục động viên toàn công ty nhận thức rõ được trách nhiệm của mình trong sự nghiệp phát triển của công ty. Công ty phát triển mạnh thì mới có điều kiện cải thiện đời sống cho cán bộ công nhân viên (CBCNV). Kết quả đạt được của công ty là kết quả của cả tập thể người lao động từ lãnh đạo đến công nhân. Và do đó, tất cả các thành viên đều phải đóng góp vào quá trình đổi mới của công ty trên cương vị cụ thể của mình.

Để làm tốt việc này, chúng tôi xây dựng các quy trình sản xuất, chức năng nhiệm vụ cụ thể của từng bộ phận. Phân công, phân nhiệm cụ thể. Quy chế thưởng phạt rõ ràng và kịp thời. Gắn quyền hạn với trách nhiệm, quyền lợi với nghĩa vụ. Thực hiện khoán sản phẩm cho người lao động. Hiện nay mức thu nhập bình quân từ 700 đến 800 ngàn đồng/tháng (năm 1996) phần nào phản ánh năng lực lao động của CBCNV công ty. Tổ chức bộ máy gọn nhẹ là yêu cầu đặt ra của cơ chế mới và cũng chỉ khi nào làm tốt mới phát huy hết năng lực của từng cá nhân. Với đội ngũ đông, bộ máy cồng kềnh của cơ chế cũ chuyển sang, đòi hỏi người lãnh đạo phải xử lý mạnh dạn, kiên quyết. Ngay khi bước vào cơ chế mới chúng tôi mạnh dạn cho nghỉ chờ việc trên 200 người, chỉ giữ lại 70 người để củng cố, sắp xếp lại nhà máy. Cùng với sự phát triển của công ty, chỉ sau một thời gian ngắn, số lao động trên lại tiếp tục được trở lại làm việc.

Một doanh nghiệp muốn phát triển, muốn đi xa, vươn xa phải xây dựng được đội ngũ lao động, đội ngũ cán bộ ngày càng

Digitized by Google

trưởng thành. Máy móc cũ, nhà xưởng cũ, thiết bị cũ... không đáng sợ, mà điều đáng sợ nhất cho sự đi lên, cho sự thành bại của một đơn vị lại là con người với tư duy cũ. Bởi vậy, phải đào tạo mới, thường xuyên đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao trình độ về mọi mặt cho mọi đối tượng từ nhân viên văn thư, cho đến đội ngũ cán bộ chủ chốt. Chúng tôi xác định có 3 nguồn cán bộ : từ đội ngũ sẵn có, tuyển học sinh, sinh viên mới ra trường và chuyển từ nơi khác đến. Việc thu hút lao động, xây dựng đội ngũ không phải bằng mệnh lệnh, áp đặt mà phải bằng thù lao xứng đáng, bằng không khí và phong cách làm việc quy củ, bằng việc tạo điều kiện thuận lợi cho người lao động yên tâm sản xuất và cái lớn hơn chính là triển vọng tương lai của nhà máy.

Có thể nói, vẫn mảnh đất này, con người này, sản phẩm như xưa ; nhưng chỉ sau 5 năm, công ty sứ Thanh trì đã trụ vững và vươn lên trong cơ chế thị trường. Từ lúc hàng ngoại chiếm bá chủ thị trường trong nước, tới nay sản phẩm sứ cao cấp, công nghệ cao của công ty sứ Thanh trì đã có một thị phần đáng kể trong nước và xuất khẩu. Sản phẩm nhãn hiệu "Viglacera" của công ty đã xuất hiện và vững vàng bên cạnh các sản phẩm có uy tín lớn khác như TOTO, COTO,.... Con đường phát triển của công ty đã rộng mở.

Các doanh nghiệp nhà nước (DNNN) ngày càng đi vào thế ổn định mạnh mẽ và khẳng định vai trò chủ đạo của mình trong nền kinh tế quốc dân. Bước vào giai đoạn đẩy mạnh CNH, HĐH, để các DNNN có điều kiện đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ hơn nữa, chúng tôi kiến nghị một số vấn đề sau :

1. Khi xem xét, đánh giá một DNNN cần phải xem xét đầy đủ hiệu quả kinh tế - xã hội mà đơn vị đó mang lại. Điều đó có nghĩa là ngoài các chỉ tiêu như các khoản nộp nhà nước, lợi nhuận, thu nhập của CBCNV, cần phải đánh giá cao hơn một số chỉ tiêu khác như : mức độ hoàn trả vốn vay đầu tư và giá trị tài sản tăng thêm do đầu tư, đổi mới công nghệ. Bởi lẽ, sau khi hoàn trả vốn vay (cả gốc và lãi) thì những tài sản máy móc, thiết bị đó vẫn tồn tại, là của nhà máy và cũng là của nhà nước - chúng vẫn sẽ tiếp tục tạo ra sản phẩm và sinh lời. Điều quan trọng là bên cạnh những giá trị bằng tiền (như trên) cần phải đặc biệt coi trọng những lợi ích rất giá trị (không quy ra được thành tiền) do sự phát triển của DNNN mang lại như uy tín sản phẩm, tên tuổi của đơn vị trong ngoài nước ; giải quyết việc làm, đời sống cho người lao động...

2. Hiện nay, nhà nước đã có chính sách miễn, giảm thuế với những sản phẩm mới thay thế hàng nhập và với những nhà máy mới. Tuy nhiên, cần mở rộng quan niệm về nhà máy mới không chỉ gồm những nhà máy xây dựng mới hoàn toàn mà còn gồm những nhà máy vẫn tên tuổi như cũ nhưng đã thay đổi căn bản về công nghệ, dây chuyền, mẫu mã sản phẩm... Thực tế cho thấy việc chuyển từ nhà máy cũ lạc hậu thành nhà máy mới hiện đại là quá trình còn khó khăn phức tạp hơn là xây dựng mới.

3. Để khuyến khích và tạo điều kiện cho các đơn vị đi sâu nghiên cứu sản phẩm mới cần có sự giảm, miễn thuế phù hợp trong vài năm đầu. Bởi lẽ, thời gian này vừa phải trả lãi ngân hàng vừa phải đầu tư chi phí thử nghiệm, chi phí quảng cáo, chi phí khác rất lớn để sản phẩm chiếm lĩnh được thị trường..., trong khi việc thu từ tiêu thụ sản phẩm là rất hạn chế.

4. Trên phạm vi vĩ mô, các DNNN rất cần sự tạo điều kiện hỗ trợ về những thông tin, dự báo, thị trường thế giới và đặc biệt là chính sách bảo hộ sản xuất trong nước thông qua việc kiểm soát chặt chẽ hàng nhập lậu, thực hiện chính sách thuế hợp lý với hàng ngoại nhập để các sản phẩm trong nước có đủ sức cạnh tranh trên thị trường❑

Digitized by Google

CHỖ NGỒI

TIẾN HẢI

TẠI hội nghị tổng kết công tác năm 1995 của ngành X, thấy tôi ngồi ở hàng ghế gần cuối hội trường, mấy đồng chí cán bộ lãnh đạo của ngành bèn mời tôi lên hai hàng ghế trên cùng dành riêng cho khách. Tôi cảm ơn, rồi từ chối và xin phép các anh ấy cho tôi được tự nhiên.

Đến giờ giải lao, một anh bạn đồng nghiệp kéo tôi đi uống bia. Vừa mới chạm cốc anh đã nói :

- Tại sao người ta mời lên hàng ghế trên ông lại từ chối ?

- Mình thích thoải mái, vả lại ngồi đâu chẳng được.

Anh bạn nốc một hơi hết vại bia đầy rồi phê phán : "Ông suy nghĩ đơn giản thế không được đâu. Ở đời, cái chỗ ngồi là cực kỳ quan trọng. Tôi kể cho ông nghe vài mẩu chuyện có thực trong cuộc sống rồi ông sẽ rõ". Có lẽ không riêng gì "tửu" mà "bia nhập ngôn cũng xuất" cho nên anh bạn tôi kể rất say sưa.

+ Cơ quan mình có một cán bộ mà mọi người thường cho là "hoắng" (tiếng lóng chỉ những người hay bắng nhắng - T.H). Anh ta "hoắng" ấy thế mà "được việc". Chỉ là một cán bộ cấp vụ nhưng tên tuổi của anh ta được rất nhiều người biết đến. Đi công tác các địa phương, các ngành, anh ta được khối người vị nể, thậm chí còn được trọng vọng nữa. Bí quyết của việc đó là do đâu ? Một phần cũng là ở những hội nghị như thế này đây. Tại các hội nghị quan trọng, anh ta bao giờ cũng tìm cách *ngồi* ở những hàng ghế đầu, gần các quan chức cao cấp. Anh ta còn tìm cách lại gần mấy đồng chí lãnh đạo cấp cao đến dự họp cười nói, bắt tay làm như là quen thân lắm. Ông tính, vì phép lịch sự ai lại từ chối cái bắt tay và lời chào của người khác bao giờ. Hình ảnh của anh ta lọt vào mắt tất cả những người dự hội nghị, lọt cả vào ống kính của mấy vị phóng viên nhiếp ảnh, phóng viên truyền hình, rồi hôm sau được xuất hiện trên các mặt báo và trên màn ảnh nhỏ. Các cụ ta có câu "quen sợ dạ, lạ sợ áo quần". Anh ta có cái dáng người tương đối bệ vệ, ăn mặc lúc nào cũng chỉnh tề lại dám đàng hoàng, ngang nhiên bắt tay, cười nói với các quan chức cao cấp thế thì ai chẳng tưởng anh ta là một nhân vật quan trọng.

+ Ở bộ nọ do trụ sở còn khá chật chội vì thế người ta quy định cán bộ cấp vụ trở lên mới có phòng làm việc riêng ; còn trưởng phó phòng vẫn phải ngồi làm việc chung với các nhân viên. Vị trưởng phòng kế hoạch tỏ ra rất khó chịu trước quy định đó. Ông đòi mình cũng phải có phòng làm việc riêng. Đòi hỏi đó không được chấp nhận ông bèn nảy ra sáng kiến : *ngồi riêng* ở một góc dễ nhìn nhất để sao cho khi khách lạ bước vào phòng là có thể nhìn thấy ngay "thủ trưởng" ; bàn làm việc và cả cái ghế ngồi cũng phải khác của nhân viên (rộng hơn, sang hơn). Ông còn cho làm một cái bảng nhỏ bằng mi-ca để ở trên bàn làm việc ghi rõ họ, tên và chức vụ của mình. Thế là ổn. Lúc này chẳng ai có thể nhầm lẫn ông với các nhân viên được nữa.

Anh bạn tôi còn kể luyên thuyên về nhiều trường hợp đại loại như thế. Anh nói cả chuyện người lái xe của một bộ trưởng, do chưa nắm vững những bài học vỡ lòng về nguyên tắc xã giao cho nên ngồi ngay vào cái ghế đối diện với ông chủ tịch tỉnh trong bữa tiệc chủ tịch tỉnh chiêu đãi bộ trưởng. Lại nữa, một nhân viên tháp tùng thủ trưởng đi công tác, do không nắm vững quy tắc lễ tân, đã ngang nhiên lên xe ngồi chễm chệ ở vị trí của thủ trưởng (vì cho rằng thủ trưởng phải ngồi ở ghế trước, bên cạnh lái xe - thật ra đó là cái ghế dành cho người bảo vệ hoặc thư ký riêng).

Kể xong, anh bạn tôi ra vẻ thạo đời : "Bốn trường hợp trên và cả trường hợp của ông nữa đều đáng phê phán. Trường hợp thứ nhất phải phê phán cái thói hợp hĩnh, muốn lợi dụng chỗ ngồi để lòe bịp thiên hạ, tìm cách leo cao. Trường hợp thứ hai phải phê phán tư tưởng địa vị, quá đề cao chỗ ngồi của mình, không thấy cái quan trọng nhất không phải là chỗ ngồi, mà là có làm tốt công việc ở chỗ ngồi đó không. Trường hợp thứ ba và thứ tư, nói là để rút kinh nghiệm, bởi vì đã là cán bộ, dù ở cấp nào đi nữa cũng cần phải nắm vững những nguyên tắc tối thiểu về xã giao. Còn trường hợp của ông thì cần phải phê phán cái thói "bình dân rởm". Ông tưởng cứ ngồi ở cuối hội trường mới là khiêm tốn, bình dân và giản dị ư ? Hoàn toàn không phải. Ông làm như thế chỉ gây "khó" cho người khác mà thôi".

Anh bạn tôi nói thẳng thắn và xem ra không phải là không có lý ❑

Digitized by Google

THẾ GIỚI 1996 : MỘT NĂM NHÌN LẠI

VÕ THỦ PHƯƠNG

NĂM 1996 qua đi, để lại phía sau một dải biến cố sôi động và khá đặc biệt so với năm trước. Mặc dù bức tranh thế giới còn nhiều mảng sáng, tối đan xen nhưng những đường nét chính của tương lai đã bắt đầu rõ dần lên.

Bức tranh kinh tế thế giới. Có thể phác họa nền kinh tế thế giới trong năm vừa qua theo ba nét lớn.

1 - Đà phục hồi và tăng trưởng kinh tế từ các năm đầu 90 tiếp tục được phát huy. Trong suốt 7 năm qua, năm 1996 là năm có mức tăng GDP cao nhất, ước tính là 3,8% (năm 1995 là 3,5%). Trên tất cả các khu vực của thế giới, lạm phát đều ở mức thấp, có thể nói trong suốt 30 năm qua, năm 1996 là năm mà chỉ số lạm phát ở mức độ khả quan nhất, và có thể mức này sẽ được giữ sang năm 1997. Kinh tế thế giới phát triển với mức độ đáng kể. Các sản phẩm mới, tốt hơn, rẻ hơn, xuất hiện ngày càng nhanh và nhiều hơn. Tổng số vốn đầu tư trực tiếp tăng gần gấp 4 lần so với những năm 80. Nguyên nhân đưa đến tình trạng sáng sủa của nền kinh tế thế giới *trước hết* là do tác động mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học, công nghệ, sự tự do hóa thương mại và đầu tư. *Nguyên nhân thứ hai* là nền tài chính thế giới khá ổn định, tạo ra một môi trường tốt, tin cậy cho hoạt động kinh tế. Nếu như năm 1995 thế giới chứng kiến sự chao đảo, bấp bênh của thị trường tài chính thế giới với sự khủng hoảng của đồng Pê-sô ở Mê-hi-cô, sự sụp đổ của Ngân hàng Ba-ring (Barrings) ở Anh và sự thua lỗ của một loạt ngân hàng ở Nhật ; thì trong năm 1996, những bóng mây giông tố đe dọa nền tài chính thế giới đã lùi xa, trời quang mây tạnh và con thuyền kinh tế có thể vững tiến.

Trong sự tăng trưởng chung của kinh tế thế giới, có thể thấy rõ sự phát triển không đồng đều ở các khu vực, châu lục :

Tại Bắc Mỹ, tình hình phát triển kinh tế rất khả quan. Tới năm 1996, Mỹ đã trải qua 6 năm liền phục hồi và tăng trưởng, GDP tăng 2,4%, chỉ số lạm phát thấp : 2,8% và tình trạng thất nghiệp cũng giảm, chỉ có 5,1% (mặc dù còn cao hơn chỉ số "an toàn" : 4%). Sự phục hồi và tăng trưởng của Mỹ tác động khá nhiều đến kinh tế thế giới vì Mỹ ảnh hưởng tới 40% nền công nghiệp thế giới ; Ca-na-đa cũng nằm trong tiến trình tăng trưởng, tuy GDP tăng 1,4%, thấp hơn Mỹ.

Với Liên minh châu Âu (EU), mức tăng GDP trung bình là 1,8% (năm 1995 : 2,6%). Cụ thể, ở Pháp GDP tăng 1,3% ; I-ta-li-a : 1,1% ; Đức : 1,3%. Trong năm 1996, thất nghiệp là vấn đề đau đầu của các nước EU : 11,7% tổng số lao động bị thất nghiệp (18,3 triệu người thất nghiệp chính thức). Các nhà kinh tế giải thích tình trạng thất nghiệp của các nước EU là do chu kỳ và do sự chuyển đổi cơ cấu kinh tế. Thâm hụt ngân sách ở các nước EU cũng là vấn đề nhức nhối : chỉ có 6 trong số 15 nước là thâm hụt ngân sách dưới 3% và nợ nhà nước dưới 6% GDP, còn các nước khác đều phải đối mặt với sự thâm thủng ngân sách lớn.

Mỹ la tinh, đang trong quá trình phục hồi, tăng trưởng GDP là 3% (năm 1995 là 1%).

Nhóm các nước chuyển đổi, GDP tăng trung bình là 0,4% (năm 1995 : 1,3%).

Nhóm các nước đang phát triển, GDP trung bình tăng 6,3%, lạm phát giảm xuống còn 13,3%.

Châu Phi, GDP trung bình tăng 5%.

Đông Á là khu vực tiếp tục tăng trưởng, dù tốc độ hơi giảm nhưng vẫn đứng đầu thế giới, trong đó Nhật đạt tốc độ tăng trưởng GDP 3,5% (năm 1995 là 0,9%). NICs đạt 7% và các nước khác trung bình GDP tăng 6,5% (năm 1995 là 8%)

Digitized by Google

2 - Xu thế toàn cầu hóa kinh tế phát triển mạnh trong năm 1996 tác động to lớn tới mọi mặt của đời sống kinh tế và đang làm thay đổi bộ mặt thế giới.

Tháng 3 năm 1996, lần đầu tiên trong lịch sử, sự hợp tác liên châu lục Á - Âu được thể chế hóa qua diễn đàn ASEM. Sự kiện này đã hình thành cạnh cuối cùng của tam giác mà ba đỉnh là ba trung tâm chủ yếu : Bắc Mỹ - châu Á - EU.

Các hoạt động của Tổ chức thương mại thế giới (WTO), khu vực mậu dịch tự do của ASEAN (AFTA), Hiệp định buôn bán tự do Bắc Mỹ (NAFTA), Tổ chức hợp tác kinh tế châu Á - Thái bình dương (APEC), EU và các tổ chức khác được đẩy mạnh theo xu hướng tự do hóa thương mại (hàng hóa, dịch vụ) và đầu tư. Thương mại thế giới năm 1996 dự kiến tăng 7%. Các nước ASEAN muốn đẩy mạnh hơn nữa quá trình tiến tới tự do hóa của AFTA, đã rút ngắn mốc thực hiện, trước đây dự định vào năm 2008, nay dự định 2003 (và có thể còn sớm hơn). EU đẩy mạnh nhất thể hóa và đang hoàn tất từng bước để tiến tới liên minh tiền tệ vào tháng 1 năm 1999. Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) đang đẩy mạnh tiến trình thương lượng để ký kết một hiệp định về tự do hóa đầu tư toàn cầu vào giữa năm 1997. Lưu thông tiền tệ có quy mô chưa từng thấy : đạt hơn 1300 tỉ USD mỗi ngày, gấp 60 lần trao đổi thương mại và vượt qua sự kiểm soát của các quốc gia. Đầu tư trực tiếp (FDI) tiếp tục tăng, phần lớn tập trung vào các nước đang phát triển mà chủ yếu là các nước châu Á. Viện trợ phát triển (ODA) cũng tăng về con số tuyệt đối, song tỷ lệ tăng đang giảm dần : khoảng 2% năm 1996 so với 2,7% những năm 80. Số vốn đầu tư FDI đã kích thích sự tăng trưởng của kinh tế thế giới, thúc đẩy các doanh nghiệp cải tiến công nghệ, cạnh tranh quốc tế và tự do hóa thương mại.

3 - Cạnh tranh kinh tế gay gắt trong sự kiềm chế, nhân nhượng, tránh đổ vỡ. Trong xu thế toàn cầu hóa kinh tế, các nước đều mở cửa, hội nhập để tận dụng vốn, công nghệ cao của các nước khác, đưa nền kinh tế của quốc gia mình vươn lên. Đi vào hội nhập và hợp tác sẽ có điều kiện hiểu mình và hiểu người, hạn chế được những mâu thuẫn, bất đồng ; tuy nhiên tham gia hội nhập tức là phải chấp nhận một cuộc cạnh tranh gay gắt tới mức mà "thương trường" cũng căng thẳng, gay gắt như "chiến trường". Sự cạnh tranh diễn ra trên mọi lĩnh vực, từ cạnh tranh tiếp nhận vốn FDI, tới cạnh tranh về thương mại, đầu tư, khoa học, công nghệ cao. Tuy nhiên, mọi sự cạnh tranh đều diễn ra trong một môi trường mà các bên tham gia đều biết cái ngưỡng của mức độ gay gắt, biết điểm dừng để tránh sự đổ vỡ và đảo lộn trong quan hệ kinh tế, thương mại (mà chắc chắn hậu quả xấu sẽ chia cho cả đôi bên). Trong "cuộc chiến" vi mạch, tháng 8 năm 1996, Mỹ và Nhật đã đi tới ký hiệp định, theo đó Nhật cam kết mở cửa thị trường trị giá 44 tỉ USD ; trong cuộc "xung đột bản quyền" giữa Mỹ và Trung quốc, khi sự việc tưởng như sẽ tan nát trong vòng vài ngày thì cả hai bên đều xuống thang, tháng 6 năm 1996 Trung quốc và Mỹ ký thỏa ước, theo đó Trung quốc chấp nhận đóng cửa hơn 30 nhà máy sản xuất đĩa từ và đồng ý giám sát việc nhập lậu và lấy bản quyền của Mỹ, đổi lại Mỹ ủng hộ Trung quốc vào WTO.

Cục diện chính trị thế giới.

Đã hơn 5 năm kể từ khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên xô và các nước Đông Âu sụp đổ, chấm dứt cục diện hai cực đối đầu đã kéo dài gần nửa thế kỷ. Năm năm chưa phải là một khoảng thời gian dài nhưng cũng đủ để ló dạng những nét chấm phá của một cục diện thế giới thời kỳ "hậu chiến tranh lạnh".

1 - Với năm 1996, đã có thể thấy rõ hơn sự chuyển dịch của dòng chảy chính trị về hướng đa trung tâm, đa cực.Thời gian đã làm nhạt nhòa dần chủ nghĩa hướng tâm vốn phổ biến trong thời kỳ trước đây. Các nước Đông Âu đã thôi hướng tâm vào Nga và chính các nước trong cộng đồng SNG cũng vậy. Các nước Tây Âu đã không còn phải núp dưới bóng "chiếc ô hạt nhân" của Mỹ nữa. Tuy không công bố, song các nước Nhật bản, Anh, Pháp, Đức, ... đều coi việc phát huy vai trò cường quốc của mình một cách độc lập hơn trên trường quốc tế là mục tiêu chiến lược của mình. Mức độ độc lập của họ tăng lên và trong nhiều tình huống của năm 1996, các nước Tây Âu đã dám "đối mặt" với Mỹ, thậm chí còn kiện Mỹ. Nhật bản đang mở rộng vai trò của mình trên thế giới và giảm dần sự phụ thuộc chính trị - quân sự vào Mỹ. Một số nước định hướng phát triển mà không trực tiếp liên minh với một cường quốc nào. Sự kiện gần như cả thế giới lên án và phản đối đạo luật Hem-sơ Bơ-tơn của Mỹ cho thấy thế giới ngày nay không cho phép bất cứ nước nào, dù là siêu cường, xuất khẩu hay áp đặt luật pháp của mình

Digitized by Google

sang các nước khác. Sự thay đổi định hướng ngoại giao của một số nước như Nga cũng cho phép cảm nhận một điều gì đó : Năm 1996, từ khi ông Pơ-ri-ma-kốp lên làm ngoại trưởng, Nga thực hiện đường lối ngoại giao "toàn phương vị", quan tâm cả Đông và Tây thay vì chỉ hướng về phương Tây như trước đây.

Tuy chưa thể khẳng định rằng đã hình thành một thế giới đa cực với những tuyến phân chia tương đối nào đó, nhưng những tiền đề của một cục diện đa cực đã xác định rõ hơn trong năm 1996.

Trong nhiều năm qua, thế giới được chứng kiến sự quật khởi của Trung quốc trên lĩnh vực kinh tế. Kinh tế Trung quốc tăng gấp 4 lần trong 15 năm (là kỷ lục tăng trưởng của thế giới). Phát triển kinh tế của Trung quốc luôn đi đôi với sự phát triển quân sự. Theo một số dự đoán thì đến năm 2020 kinh tế Trung quốc sẽ vượt Mỹ về con số tuyệt đối (dự đoán lạc quan hơn thì sẽ vượt tới 1,5 lần). Dù muốn hay không, như nhận xét của các nhà phân tích quốc tế, Trung quốc vẫn được thế giới nhìn nhận như một siêu cường cạnh tranh ngôi thứ với Mỹ trong tương lai.

2 - Cục diện chính trị thế giới năm 1996 diễn biến phức tạp với thuận nghịch đan xen, song bao trùm lên tất cả vẫn là các yếu tố tích cực. Các hội nghị cấp cao trong năm 1996 cho thấy một sự lắng dịu trong quan hệ quốc tế. Các mâu thuẫn được giải quyết một cách ôn hòa hơn.

Dư luận quốc tế trong năm qua đặc biệt quan tâm đến việc giải quyết các cuộc xung đột. Phải nhìn nhận rằng tình hình chính trị quốc tế năm 1996, có lúc, có nơi rất căng thẳng, súng vẫn nổ và máu vẫn đổ : Áp-ga-ni-xtan tưởng như đã tạm yên ắng, bỗng lại bùng nổ chiến tranh, bom đạn tiếp tục tàn phá thủ đô Ca-bun, con đường máu lửa sẽ đưa đất nước này tới đâu ? ; Bắc Ai-len với sự cố gắng đáng kể của phía chính phủ, liệu có thiết lập được một nền hòa bình dù là mong manh hay không, và tiến trình hòa bình liệu có bị lâm vào ngõ cụt không, nếu như IRA vẫn tiếp tục tiến hành các vụ đánh bom... ?. Ở Trung Đông, nếu trong năm 1995 chính sách "đổi đất lấy hòa bình" đem đến cho nhân dân nhiều hy vọng thì năm 1996 là năm thất vọng với sự thay đổi chính phủ ở Ix-ra-en. Con đường đi tới hòa giải còn có nhiều bế tắc ; lục địa đen vẫn nóng bỏng, bom đạn đang đe dọa cả tính mạng con người lẫn nền dân chủ. Các sự kiện ở Da-ia, Bu-run-đi làm tình hình châu Phi vốn khó khăn càng khó khăn hơn...

Tất cả những sự kiện trên cho thấy những nguy cơ tiềm tàng và khả năng bất ổn định của thế giới mà chúng ta đang sống. Tuy nhiên các xung đột và tranh chấp diễn ra trong năm 1996 còn nói lên một khía cạnh khác : trước hết, dù có lúc đẫm máu, các cuộc xung đột đều bị giới hạn trong khuôn khổ một quốc gia, hoặc trong vùng biên giới hai nước, mà không lan rộng ra khu vực. Trong các cuộc tranh chấp giữa các nước, các bên đều biết tự kiềm chế, không để xảy ra xung đột vũ trang. Trong việc khắc phục và giải quyết các cuộc xung đột, nếu không lấy quyền lợi của nhân dân tại khu vực xung đột làm mục tiêu chính mà chỉ nhằm phục vụ các cuộc bầu cử, vận động bầu cử hoặc các mưu đồ chính trị khác của các nước lớn, thì sớm hay muộn xung đột cũng bùng nổ lại, và có thể còn khốc liệt hơn.

Quan hệ giữa các cường quốc trong năm qua vẫn theo chiều hướng của các năm trước, lúc căng thẳng, lúc hòa dịu, nhưng xu thế hòa dịu có phần mạnh hơn. Đặc biệt quan hệ Trung - Nga nồng ấm lên. Theo đánh giá của Chủ tịch Giang Trạch Dân thì quan hệ đó còn tốt đẹp hơn các thời kỳ trước đây.

Trong xu thế chung, tình hình Đông Nam Á cũng tươi tắn thêm lên với sự phát triển của tinh thần ASEAN. Bất chấp sự ngăn cản từ bên ngoài, khối ASEAN đã quyết định kết nạp 3 nước : Lào, Cam-pu-chia và Mi-an-ma trong năm 1997. Bên cạnh đó trong khu vực cũng tiềm ẩn những yếu tố gây mất ổn định.

3 - Năm 1996 là năm nhiều chính phủ bị thay đổi và là năm đấu tranh nội bộ các nước lớn diễn ra khá quyết liệt.

Tại Mỹ, năm 1996 là năm bầu cử với sự đụng đầu quyết liệt giữa đảng Dân chủ và đảng Cộng hòa. Ông Bin Clin-tơn trúng cử với nỗi lo canh cánh phải đối phó với Quốc hội Mỹ do đảng Cộng hòa chi phối. Sự cọ xát quyền lực giữa hai đảng xem ra còn kéo dài và không kém phần gay cấn.

Ở Nga, Tổng thống En-xin đã thắng cử khá chật vật bằng cách liên minh với tướng Lê-bét, và liên minh này cũng không tồn tại lâu. Một nước Nga không thể cùng lúc có hai "tổng thống", đó là nguyên nhân mà ông Lê-bét phải giã từ chỗ đứng trong nội các để chờ thời.

Digitized by Google

Tướng Lê-bét ra đi, song nội các của tổng thống En-xin vẫn phải đối mặt với nhiều thế lực đối lập khá mạnh mà trước hết ông phải tìm cách "chung sống" với Quốc hội Nga nơi những người đối lập chiếm đa số.

Năm 1996 ghi lại rất nhiều cuộc thay đổi chính phủ : Nhật bản, Thái lan, Ô-xtơ-rây-li-a, Tây ban nha, Ấn độ, Ix-ra-en, và nhiều nước Đông Âu... Trước những biến cố lớn của tình hình thế giới, trước sự phát triển rất nhanh của khoa học và công nghệ, tâm lý muốn có thay đổi lan rộng trong nhân dân ở nhiều nước, mọi người muốn có một nhà nước mới, mô hình mới. Có thể gọi phần lớn các cuộc bầu cử trong năm qua là các cuộc "bầu cử cho sự thay đổi".

Việt nam với thế giới.

Vấn đề nổi bật của Việt nam trong năm 1996 là tiến trình hội nhập với thế giới. Sau một năm tham gia ASEAN, bình thường hóa quan hệ với Mỹ, ký kết nghị định hợp tác với Liên minh châu Âu (EU), Việt nam có điều kiện hội nhập một cách đầy đủ hơn vào hệ thống thương mại Đông Nam Á và với thế giới. Vị thế Việt nam trên trường quốc tế tăng lên rõ rệt. Trên lĩnh vực kinh tế, Việt Nam đã đạt được những thành tựu đáng khích lệ : lạm phát giảm đáng kể vào đầu năm 1996, cuối tháng 9 lạm phát giảm xuống mức rất thấp là 3%, tăng trưởng GDP ước tính đạt mức 9,0% - 9,5% (đánh giá của Ngân hàng thế giới). Việt nam đã hòa nhập từng bước vào nền kinh tế thế giới và điều này góp phần tăng cường sức cạnh tranh của nền kinh tế Việt nam.

Tuy nhiên quá trình hội nhập cũng đặt ra trước Việt nam những thách thức lớn : - *Trước hết,* Việt nam là một nước nghèo, nền kinh tế mới ra khỏi khủng hoảng, lại đang trong quá trình chuyển đổi cơ cấu nên sức cạnh tranh rất thấp ; *thứ hai* là sự phát triển hết sức mạnh mẽ và nhanh chóng của khoa học, công nghệ mà đặc biệt là tin học đã tạo ra một môi trường quốc tế mở mà trong đó vai trò quốc gia, nếu không biết bảo vệ, sẽ dần bị lu mờ. Trong bối cảnh như vậy, Việt nam thực hiện chính sách rộng mở quan hệ với quốc tế và kiên định giữ gìn bản sắc dân tộc. Phương châm của chúng ta là : hội nhập mà không hòa tan, mở cửa mà không đánh mất mình.

Diễn biến chính trị - kinh tế thế giới trong năm qua nói chung có lợi cho Việt nam trong quá trình phát triển, tuy nhiên điều quan trọng hơn cả là chúng ta phải chủ động phát huy nội lực bản thân kết hợp hài hòa sức mạnh dân tộc với sức mạnh của thời đại để có thể vững bước tiến vào thế kỷ XXI ❑

Tìm hiểu khái niệm

INTERNET, TÁC DỤNG VÀ HẠN CHẾ

● **Internet** (In-tơ-net) là một mạng lưới khổng lồ bao gồm tất cả những mạng liên kết máy tính toàn cầu và các tài nguyên thông tin. Đôi khi nó được nhắc đến với cái tên "siêu lộ thông tin". Internet được hình thành, phát triển trên cơ sở hội nhập các mạng lưới máy tính từng quốc gia và nối mạng trên toàn thế giới.

Internet ra đời tại Mỹ vào cuối những năm 60. Lúc đầu nó chỉ nối mạng một vài máy tính của một số trung tâm nghiên cứu và trường đại học trong khuôn khổ một dự án liên quan đến quốc phòng. Từng bước, hệ thống Internet được nhân rộng ra nhiều nước. Cuối năm 1995 Internet đã "bành trướng" tới trên 150 nước với hơn 60 000 mạng thành phần và lôi cuốn khoảng 40 triệu người sử dụng. Sự tăng trưởng của Internet diễn ra theo cấp số nhân. Ước chừng mỗi tháng số người sử dụng tăng 20% và sau mỗi chu kỳ sáu tháng sẽ tăng lên gấp đôi. Thế giới máy tính và sự phổ biến thông tin đã gia tăng đột ngột vào năm 1989 với sự ra đời của hệ thống thông tin toàn cầu (World Wide Web - WWW).

● **Tác dụng của Internet :** Nhờ Internet con người có thể trao đổi với nhau qua máy tính cá nhân và do đó sự ngăn cách của không gian tựa như không còn nữa. Nếu như vô tuyến truyền hình chỉ cho phép con người tiếp thu thông tin một cách thụ động thì Internet đã tạo ra một môi trường mới cho quá trình trao đổi thông tin, trong đó người sử dụng có thể chủ động tham gia bày tỏ ý kiến của mình trong quá trình tiếp nhận thông tin. Với Internet, người sử dụng có thể nói chuyện tay đôi hoặc thảo luận đông người trong không gian rộng : liên quốc gia, liên lục địa với một chi phí không đáng kể. Hệ thống Internet hiện đang cung cấp cho người sử dụng khá nhiều dịch vụ như :

E-mail (Electronic mail), cho phép gửi và nhận thư qua Internet ngay lập tức và đến bất kỳ nơi nào (có mạng thành phần) trên thế giới.

Digitized by Google

Usenet : Internet có hòm thư tiếp nhận các cuộc tranh luận, hội thảo về mọi chủ đề, từ khoa học, chính trị cho đến giải trí, thể thao... chỉ cần thuê bao là người sử dụng sẽ nhận được tại "hộp thư" của mình những thông điệp từ các thành viên khác về chủ đề mà mình quan tâm ; đồng thời mọi người cũng sẽ nhận được thông điệp của mình. Thông thường trên mạng lưới bao giờ cũng có một hoặc một số người nào đó am hiểu các vấn đề mà người sử dụng đặt ra.

IRC (Internet relay chat), cho phép người sử dụng trò chuyện trực tiếp với người đối thoại. Tuy nhiên nếu số người tham gia cuộc đối thoại đông thì dễ xảy ra sự hỗn độn trên màn hình.

- Dịch vụ truyền tệp thông tin (FTP - File Transfer Protocol) cho phép người sử dụng gửi và nhận các tệp thông tin dữ liệu theo giao thức FTP/của nghị định điều khiển truyền tin, nghị định liên mạng TCP/IP (Transmission Control Protocol/Internetworking Protocol). Các tệp thông tin dữ liệu ở đây có thể thể hiện dưới dạng văn bản, hình ảnh, chương trình máy tính, hoặc hỗn hợp.

- Dịch vụ truy nhập vào máy chủ từ xa - Telnet, cho phép người sử dụng truy nhập vào máy tính chủ của mình từ xa thông qua một máy tính chủ khác. Nó tạo điều kiện cho người sử dụng đi khắp thế giới mà vẫn có thể thông tin liên lạc trên Internet như đang ở nhà.

Trên phạm vi toàn thế giới, mạng Internet tập trung phục vụ những lĩnh vực chủ yếu sau :

- Nghiên cứu khoảng 44%
- Thương mại khoảng 31%
- Quốc phòng khoảng 10%
- Đào tạo khoảng 8%
- Quản trị hành chính khoảng 7%

Internet không những có khả năng lưu thông các dữ liệu tin học mà lưu thông cả hình ảnh, âm thanh, và tiến tới sẽ lưu thông cả mùi vị (!). Internet còn cho phép người sử dụng tra cứu từ xa thư mục của các thư viện lớn trên thế giới (như thư viện Quốc hội Mỹ), chiêm ngưỡng những kiệt tác của các bảo tàng nổi tiếng như Pơ-ra-rô (ở Ma-đơ-rit), Oc-say (ở Pa-ri),...

Ngày nay phần lớn các trường đại học, các cơ quan nghiên cứu và nhiều tổ chức quốc tế cũng đã nối mạng với Internet. Các cá nhân nếu có một máy vi tính, một modem (thiết bị chuyển số nối máy tính với máy điện thoại) và một phần mềm tin học, thì có thể nối mạng với Internet thông qua các công ty chuyên trách về các dịch vụ này.

Với tầm ứng dụng của mình, Internet mở ra một khả năng mới cho hoạt động của các công sở, nhân viên của các công sở (nhà nước hoặc tư nhân) có thể làm việc tại nhà riêng thông qua mạng Internet (kể cả các quan chức cao cấp, như bộ trưởng). Khả năng này đã được thử nghiệm ở một vài nơi. Nếu điều này trở nên phổ biến, thì sẽ góp phần giải quyết được nạn ùn tắc giao thông ở các thành phố, đồng thời cũng sẽ tiết kiệm được nhiều thời gian cho con người.

● **Hạn chế của Internet :** Ban đầu Internet được hình thành trên cơ sở miễn phí, nhằm tạo điều kiện cho các nhà khoa học trên thế giới trao đổi thông tin và hỗ trợ nhau. Ngày nay Internet đã thay đổi hình thức hoạt động , các dịch vụ trả tiền đã xuất hiện và một số vấn đề khó khăn đã nảy sinh : vấn đề an ninh, quyền tác giả, độ tin cậy của thông tin...

Thực tế cho thấy, nhờ một máy tính đã được nối với mạng, bất kỳ người sử dụng nào cũng có thể phát đi thông tin của mình và tiếp nhận thông tin của mạng lưới. Cơ chế tự do này tạo ra tình trạng nhiễu loạn thông tin, trộm cắp thông tin, tài sản và hiện tượng xâm phạm bản quyền tác giả. Để bảo đảm an toàn cho những hệ thống tin học, người ta đã chế tạo ra những cơ cấu đặc biệt có tên là "bức tường lửa" (Firewall). Các tin mật phải được mã hóa trước khi tung vào mạng lưới.

- Internet là mạng lưới thông tin khổng lồ nhưng không được quản lý một cách tập trung nên có ảnh hưởng lớn đến chính trị. Nếu để tự do thì "nền dân chủ" sẽ thuộc về các ông chủ của phương tiện thông tin đại chúng.

Do Internet là một "siêu lộ thông tin" nên nó cũng mang một số đặc điểm của mạng lưới giao thông, đó là sự tắc nghẽn "giao thông" thông tin. Khi số người sử dụng tập trung quá đông, các mạng lưới bị nối nhiều đến mức không thể bắt liên lạc với bất cứ một "máy chủ" nào thì không thể thực hiện được các hoạt động trên hệ thống Internet. Như vậy là nếu hệ thống Internet có khả năng "cứu" hệ thống giao thông đường bộ thoát khỏi tình trạng ùn tắc vào các giờ cao điểm, thì đến lượt mình, Internet lại bị tình trạng ùn tắc đe dọa.

Theo tạp chí "Courrier International" (số 203, năm 1994) thì : những tiến bộ và thành tựu về tin học thật là kỳ diệu. Nhưng trong tương lai không xa chúng sẽ giam hãm con người trong căn nhà của mình bởi một hệ thống các mạng lưới siêu lộ cao tốc thông tin và bởi màn hình T.V. nối với thế giới bên ngoài... Báo viết sẽ không còn vào năm 2034, các mục mà chúng ta ham đọc sẽ xuất hiện trên màn hình, các nhà hát sẽ đóng cửa, các rạp chiếu bóng và phòng hòa nhạc cũng vậy. Các phòng trưng bày tranh, hiệu sách và ngay cả cửa hàng bán bánh cũng sẽ biến mất. Muốn mua bán gì chỉ cần bấm vào ô "dịch vụ từ xa" trên máy tính, muốn xem gì đã có màn hình. Ngay cả chuyện trò, giao hảo và tìm bạn tình cũng thông qua máy tính (!). Lúc đó con người sẽ "cô đơn" biết bao và phải chăng đó là tương lai cùng với Internet ?

Sự phát triển mạnh mẽ của Internet bên cạnh tác dụng tích cực (mà đó là quan trọng và chủ yếu) tạo thuận lợi cho sự tăng cường hợp tác trên trường quốc tế, còn có những ảnh hưởng tiêu cực. Trong một chừng mực nào đó nó góp phần làm rộng thêm hố sâu ngăn cách giữa các nước nghèo và nước giàu, làm hình thành sự đặc quyền thông tin.

Dù còn nhiều thiếu sót (mà chắc chắn những thiếu sót này sẽ bị hạn chế dần trong quá trình phát triển, nhờ những quy chế, hoặc đạo luật mới), Internet vẫn ngày càng trở nên một phương tiện giao lưu thông tin siêu hạng. Nhân loại đặt nhiều kỳ vọng vào hệ thống Internet ❑

Digitized by Google

● HỢP ĐỒNG DÂN SỰ. HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG. HỢP ĐỒNG KINH TẾ

● **Hợp đồng dân sự** là sự thỏa thuận giữa các bên với nhau khi tham gia hợp đồng về việc xác lập, thay đổi hoặc chấm dứt quyền, nghĩa vụ dân sự.

. Hợp đồng dân sự là công cụ pháp lý quan trọng để thực hiện các giao dịch dân sự. Hợp đồng dân sự được xác lập giữa cá nhân với cá nhân, giữa cá nhân với pháp nhân, giữa pháp nhân với pháp nhân. Ví dụ như hợp đồng mua bán nhà ở giữa bên A và bên B ; hợp đồng bảo hiểm giữa công dân và công ty bảo hiểm, ... Hợp đồng dân sự phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của Bộ luật dân sự như sau : đối tượng của hợp đồng (tài sản hoặc công việc được giao dịch) ; số lượng ; chất lượng ; giá cả ; phương thức thanh toán ; thời hạn ; đặc điểm ; phương thức thực hiện hợp đồng, quyền, nghĩa vụ của mỗi bên ; trách nhiệm do vi phạm hợp đồng. Nếu thiếu một trong những nội dung chủ yếu trên thì hợp đồng dân sự được coi là chưa được giao kết.

Hợp đồng dân sự có các loại sau : hợp đồng có hiệu lực, hợp đồng vô hiệu lực, hợp đồng đơn vụ, hợp đồng song vụ.

+ Hợp đồng dân sự có hiệu lực là hợp đồng thể hiện giao dịch dân sự có giá trị pháp lý và được pháp luật bảo hộ. Hợp đồng dân sự có hiệu lực kể từ thời điểm giao kết trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc do pháp luật có quy định khác. Thời điểm có hiệu lực của hợp đồng dân sự tùy thuộc vào từng loại hợp đồng cụ thể. Thí dụ như hợp đồng mua bán có hiệu lực từ thời điểm hai bên trả tiền và nhận được tài sản.

Xác định thời điểm có hiệu lực của hợp đồng dân sự có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định thời điểm phát sinh quyền, nghĩa vụ trách nhiệm của các bên tham gia hợp đồng.

+ Hợp đồng dân sự vô hiệu lực là hợp đồng giao dịch dân sự không có giá trị pháp lý, do một trong những nguyên nhân sau : người tham gia hợp đồng không có đủ năng lực hành vi dân sự ; mục đích, nội dung của hợp đồng trái pháp luật, vi phạm điều cấm của pháp luật hoặc trái đạo đức xã hội ; bị lừa dối, cưỡng ép tham gia hợp đồng, trái với nguyên tắc tự nguyện xác lập hợp đồng, thiếu các nội dung chủ yếu của hợp đồng mà pháp luật quy định.

Khi hợp đồng dân sự vô hiệu thì mỗi bên tham gia hợp đồng phải chịu hậu quả pháp lý theo quy định của pháp luật. Thí dụ như các hợp đồng vi phạm điều cấm của pháp luật (buôn bán ma túy, tiền giả...) hay trái với đạo đức xã hội (mua bán tranh ảnh đồi trụy...) thì tài sản, lợi tức thu được bị tịch thu sung quỹ nhà nước. Các bên có lỗi phải tự chịu phần thiệt hại của mình, nếu chỉ có một bên có lỗi thì bên đó phải bồi thường thiệt hại cho bên kia.

+ Hợp đồng đơn vụ là hợp đồng mà trong đó chỉ có một bên có quyền và một bên có nghĩa vụ. Trong hợp đồng đơn vụ bên có quyền không phải thực hiện bất cứ một nghĩa vụ nào đối với bên có nghĩa vụ. Ngược lại, bên có nghĩa vụ không có một quyền nào đối với bên có quyền. Thí dụ như hợp đồng cho, tặng tài sản trong đó người tặng, cho tài sản có nghĩa vụ trao tài sản cho người được tặng, cho ; còn người được tặng, cho có quyền nhận tài sản mà không có bất cứ nghĩa vụ gì.

+ Hợp đồng song vụ là hợp đồng mà trong đó các bên tham gia ký kết đều có quyền và nghĩa vụ. Trong hợp đồng này, quyền của bên này là nghĩa vụ của bên kia và ngược lại. Thí dụ như hợp đồng mua bán tài sản, người bán có nghĩa vụ trao tài sản cho người mua và có quyền nhận tiền từ người mua ; còn người mua có nghĩa vụ trao tiền cho người bán và có quyền nhận tài sản từ người bán.

● **Hợp đồng lao động** là sự thỏa thuận giữa người lao động và người sử dụng lao động về quyền và nghĩa vụ của các bên trong quan hệ lao động.

Hình thức tuyển dụng lao động bằng hợp đồng được áp dụng cho tất cả các quan hệ lao động trừ những người làm việc theo chế độ công chức, theo chế độ bầu cử hay những người làm việc trong lực lượng vũ trang. Các loại hợp đồng lao động bao gồm :

Hợp đồng lao động không xác định thời hạn là hợp đồng không ấn định trước thời hạn kết thúc trong bản hợp đồng lao động. Loại hợp đồng này được áp dụng cho những công việc có tính chất thường xuyên, ổn định từ 1 năm trở lên ;

- Hợp đồng lao động xác định thời hạn từ 1 năm đến 3 năm là loại hợp đồng được ấn định trước thời hạn 1 năm, 2 năm, hoặc 3 năm trong bản hợp đồng lao động. Loại hợp đồng này áp dụng cho những công việc đã xác định được thời hạn kết thúc ;

- Hợp đồng lao động theo mùa vụ hoặc theo một công việc nhất định mà thời hạn dưới 1 năm được áp dụng cho những công việc có tính chất tạm thời được hoàn thành trong một vài ngày, 1 vài tháng đến dưới 1 năm hoặc để tạm thời thay thế người đi làm nghĩa vụ quân sự, nghỉ chế độ thai sản...

Hợp đồng lao động vô hiệu là những cam kết không có hiệu lực thi hành ngay từ lúc ký kết hợp đồng do vi phạm quy định pháp luật. Hợp đồng lao động vô hiệu gồm có : hợp đồng vô hiệu từng phần và hợp đồng vô hiệu toàn phần. Tùy theo mức độ vô hiệu (từng phần hay toàn phần) mà hậu quả pháp lý được xử lý khác nhau. Nếu vô hiệu từng phần thì chỉ mất hiệu lực của phần đó, còn các nội dung khác vẫn được phép thực hiện. Vô hiệu toàn bộ thì toàn bộ hợp đồng không được phép thực hiện.

● **Hợp đồng kinh tế** là sự thỏa thuận bằng văn bản, tài liệu giao dịch giữa các bên ký kết về việc thực hiện công việc sản xuất, trao đổi hàng hóa, dịch vụ, nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học - kỹ thuật và các thỏa thuận khác có mục đích kinh doanh với quy định rõ ràng về quyền và nghĩa vụ của mỗi bên.

Digitized by Google

Hợp đồng kinh tế phải có đủ các điều kiện sau :

- Nội dung được ký nhằm mục đích phục vụ hoạt động kinh doanh và chỉ được ký kết trong phạm vi nghề nghiệp kinh doanh đã đăng ký ;
- Chủ thể của hợp đồng ít nhất phải có một bên là pháp nhân, còn bên kia có thể là pháp nhân hoặc cá nhân có đăng ký kinh doanh ;
- Hình thức hợp đồng phải được thể hiện bằng văn bản.

Hợp đồng kinh tế vô hiệu : là hợp đồng mà nội dung quyền và nghĩa vụ của các bên được xác lập trái với những quy định của pháp luật, do đó không có hiệu lực để thực hiện. Có hai loại hợp đồng kinh tế vô hiệu : hợp đồng kinh tế vô hiệu toàn bộ và hợp đồng kinh tế vô hiệu từng phần.

Hợp đồng kinh tế vô hiệu toàn bộ : là hợp đồng mà nội dung ký kết vi phạm điều cấm của pháp luật (hợp đồng sản xuất và tiêu thụ hàng giả) ; không bảo đảm tư cách chủ thể của quan hệ hợp đồng (Thí dụ : một trong các bên ký hợp đồng không có giấy phép đăng ký kinh doanh theo quy định pháp luật, người ký hợp đồng không đúng thẩm quyền hoặc có hành vi lừa đảo). Đối với hợp đồng kinh tế vô hiệu toàn bộ dù các bên chưa thực hiện, đang thực hiện hoặc đã thực hiện xong hợp đồng đều bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Hợp đồng kinh tế vô hiệu từng phần : là hợp đồng kinh tế có nội dung vi phạm một phần điều cấm của pháp luật nhưng không ảnh hưởng đến các phần còn lại. Hợp đồng kinh tế từng phần chỉ vô hiệu những phần thỏa thuận trái với pháp luật ; còn những phần khác vẫn có hiệu lực thực hiện. Trong trường hợp này, các bên phải sửa đổi điều khoản trái pháp luật, khôi phục các quyền và lợi ích ban đầu, đồng thời có thể bị xử lý theo các quy định của pháp luật đối với phần vô hiệu đó ❑

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN – THỰC TIỄN

HỘI NGHỊ TỔNG KẾT THÍ ĐIỂM ĐÀO TẠO KỸ THUẬT VIÊN CẤP CAO

Trong hai ngày 11 và 12-12-1996, tại Hà nội, Bộ giáo dục - đào tạo đã tổ chức hội nghị Tổng kết thí điểm đào tạo kỹ thuật viên cấp cao (KTVCC, còn gọi là cao đẳng kỹ thuật), với sự tham gia của lãnh đạo và các chuyên viên của các vụ chức năng thuộc Bộ giáo dục - đào tạo (GD - ĐT), đại diện Ban khoa giáo trung ương, Văn phòng chính phủ, một số trường cao đẳng, trung học chuyên nghiệp (THCN) và một số công ty, xí nghiệp... Giáo sư, tiến sĩ Vũ Ngọc Hải, thứ trưởng Bộ GD - ĐT chủ trì hội nghị.

Đào tạo KTVCC là một hệ đào tạo mới đã được Bộ GD - ĐT đưa vào thí điểm ở 6 trường THCN : Trường TH kỹ thuật mỏ, Trường TH kinh tế kỹ thuật công nghiệp nhẹ, Trường TH hóa chất, Trường TH giao thông vận tải khu vực I, Trung tâm đào tạo bưu chính viễn thông 1 và Trường TH văn hóa nghệ thuật Hà nội, từ năm học 1991 - 1992. Sự ra đời của mô hình đào tạo này nhằm đáp ứng những chuyển đổi nhanh chóng trong nền kinh tế và khoa học, công nghệ nước nước ta mấy năm qua. Trước những chuyển đổi này, mục tiêu đào tạo của hệ THCN đã bộc lộ nhiều thiếu sót, nhược điểm ; kỹ thuật viên được đào tạo theo mô hình này vừa không đủ tri thức để đáp ứng nhu cầu của nền sản xuất mới với trình độ kỹ thuật và công nghệ hiện đại, vừa không đủ năng lực thực hành để chỉ đạo sản xuất, hướng dẫn người thợ trong quá trình sản xuất. Nhu cầu của nền sản xuất mới đòi hỏi một loại cán bộ kỹ thuật và quản lý kinh tế trung gian có trình độ lý thuyết, chuyên môn cao và đặc biệt là khả năng thực hành giỏi. Đó chính là KTVCC với phẩm chất "thợ hay, thầy giỏi", "nói được, làm được".

Như vậy, sự phân hóa mục tiêu đào tạo kỹ thuật viên THCN và sự ra đời của loại cán bộ KTVCC (cao đẳng kỹ thuật) là một yêu cầu khách quan, phù hợp với xu thế phát triển. Trên thế giới, mô hình đào tạo KTVCC đã được áp dụng từ lâu và rất thành công.

Sau gần 5 năm thí điểm, việc đào tạo KTVCC đã đưa lại một số kết quả đáng ghi nhận. Các cơ sở đào tạo cùng các cơ quan chức năng của Bộ GD - ĐT đã hoàn thành một loạt các đề tài nghiên cứu tạo luận chứng cho mô hình đào tạo mới này, xây dựng kế hoạch, nội dung, chương trình đào tạo phù hợp, nâng cấp cơ sở vật chất - kỹ thuật, xây dựng đội ngũ giáo viên..., đồng thời tổ chức tuyển sinh và đào tạo học sinh. Đến nay, đã có 5 trong 6 cơ sở đào tạo thí điểm KTVCC tổ chức thi tốt nghiệp nhiều khóa. Nhìn chung chất lượng của học sinh tốt nghiệp đạt yêu cầu của mục tiêu đào tạo đề ra. Hầu hết học sinh tốt nghiệp đều có việc làm và thích ứng nhanh chóng với môi trường sản xuất, kinh doanh, nhận được đánh giá tốt của các cơ sở tiếp nhận.

Một kết quả nổi bật nhất là vừa qua, 4 trong 6 cơ sở đào tạo KTVCC đã được Chính phủ quyết định nâng cấp thành trường cao đẳng. Đó là : Trường cao đẳng văn hóa nghệ thuật Hà nội, Trường cao đẳng kinh tế - kỹ thuật công nghiệp nhẹ, Trường cao đẳng kỹ thuật mỏ, và Trường cao đẳng giao thông vận tải khu vực I.

Trong thời gian hội nghị, các đại biểu tham dự đã tập trung ý kiến thảo luận một số vấn đề chủ yếu : Sự cần thiết và đúng đắn của mô hình đào tạo KTVCC, những điểm thiếu sót, chưa hoàn thiện của nội dung chương trình đào tạo và cơ chế tuyển sinh, sự bất cập của đội ngũ giáo viên và cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác giảng dạy và học tập... Hội nghị cũng nêu lên một số đề xuất, kiến nghị nhằm mở rộng quy mô và nâng cao chất lượng đào tạo KTVCC, bảo đảm cho mô hình đào tạo này phát triển trên những quy mô và bước đi thích hợp.

Hai vấn đề quan trọng được nhấn mạnh là nhanh chóng xây dựng đội ngũ giáo viên đạt chuẩn của giáo viên cao đẳng, đủ sức gánh vác trách nhiệm đào tạo đội ngũ KTVCC chất lượng cao phục vụ công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và nâng cấp cơ sở vật chất - kỹ thuật, trang thiết bị để phục vụ tốt cho công tác giảng dạy và học tập, một yếu tố cực kỳ quan trọng trong việc đào tạo cán bộ kỹ thuật. Đó là trách nhiệm không chỉ của các cơ sở đào tạo mà còn là của Bộ GD - ĐT, của các bộ, ngành chủ quản ❑

VÕ ĐĂNG THIÊN *(lược thuật)*

Digitized by Google

QUẢNG CÁO

LESICO

CÔNG TY CÔNG NGHIỆP ĐÁ XUẤT KHẨU LÂM ĐỒNG

LAM DONG EXPORTED STONE INDUSTRY COMPANY

OFFICE : 15 LE HONG PHONG ST. DA LAT
TEL : (063) 822432 - 822500 * FAX : (8463) 822432
● HCMC BRANCH : 178/A6 TO HIEN THANH ST. DIST 10
● HA NOI BRANCH : 3F2 THAI HA - DONG DA DIST.

❑ Với thiết bị khai thác đá của Italia và thiết bị chế biến đá ốp lát của Đài Loan, Công ty đã và đang sản xuất đá ốp lát hoa cương thiên nhiên với nhiều loại màu sắc đẹp : màu đỏ Rubi, đỏ đậm, màu vàng, đen tuyền, trắng chấm đen, màu xanh, màu tím, cườm đốm nâu... Các loại đá có chất lượng và độ bóng cao, tính thẩm mỹ trong kiến trúc đẹp.

❑ Các sản phẩm đã được tiêu thụ nhiều ở thị trường trong nước, tại các khách sạn 3 đến 5 sao ở TP. Hồ Chí Minh và xuất khẩu sang Đài Loan, Campuchia, Thái Lan...

❑ Công ty sẵn sàng phục vụ kể cả việc gia công lắp ghép, làm la va bô, quầy bar, cầu thang và vật liệu trang trí nội thất theo yêu cầu của quí khách.

❑ **Các dự án kêu gọi đầu tư :**

◆ Mở rộng và hiện đại hóa dây chuyền thiết bị khai thác đá granite: 5.000 m^3/năm.

◆ Mở rộng và hiện đại hóa nhà máy sản xuất đá ốp lát : 100.000 m^3/năm



GIÁM ĐỐC : Ô. NGUYỄN TIẾN DŨNG



❑ With Italy's stone exploiting equipment and Taiwan's slab processing equipment, the company has manufactured natural marble slabs in assorted beautiful colors : ruby red, dark red, yellow, jet black, black dots on white, blue, purple, beady brown dots... Assorted stones of high quality and gloss, aethetic beauty in architecture. Products being well consumed in domestic market, at 3 to 5 star hotels in HCMC anf exported to Taiwan, Cabodia, Thailand...

❑ The Company is ready to meet your request including custom assembling, installing washbowl, bar counter, staircase and interior decoration materials upon customer's request.

❑ **Projects appealing for investment :**

◆ Widening and modernizing granite exploiting equipment line : 5,000 m^3/year.

◆ Widening and modernizing slab manufacturing factory 100,000 m^2/year.



LESICO

Digitized by Google







CÔNG TY CẤP NƯỚC LÂM ĐỒNG

ĐC : 03 Đinh Tiên Hoàng - Đà Lạt
ĐT : (063) 822457 - 821831
Add : 03 Dinh Tien Hoang St., Da Lat City
Tel : (063) 822457 - 821831

- Sản xuất và cung cấp nước sạch cho nhu cầu tiêu dùng trong phạm vi toàn tỉnh Lâm Đồng.
- Thiết kế và thi công hệ thống cấp nước sinh hoạt cho từng khu vực của từng hộ gia đình trong hệ thống cấp nước của tỉnh.

Tổng công suất : 30.000 m^3/ngày đêm. Dự kiến phát triển năm 2000 : 48.000 m^3/ngày

CÁC NHÀ MÁY TRỰC THUỘC :

- **Nhà máy nước Đà Lạt :** công suất năm 95 là 25.000 m3/ngày đêm, kế hoạch phát triển năm 2000 là 31.000 m^3/ngày đêm ; đang thực hiện dự án cải tạo mạng lưới cấp nước do Đan Mạch viện trợ 103 tỷ đồng.
- **Nhà máy nước Bảo Lộc** : công suất 3.000 m3/ngày đêm, kế hoạch phát triển năm 2000 là 10.000 m^3/ngày đêm.
- **Nhà máy nước Di Linh** : công suất 1.000 m3/ngày đêm, kế hoạch phát triển năm 2000 là 2.500 m^3/ngày đêm.
- **Nhà máy nước Đức Trọng** : công suất 1.000 m3/ngày đêm, kế hoạch phát triển năm 2000 là 3.200 m^3/ngày đêm.
- **Nhà máy nước Lâm Hà :** kế hoạch phát triển năm 2000 là 1.000 m3/ngày đêm.

Rất hân hạnh được phục vụ quí khách hàng trong tỉnh

SCOPES OF ACTIVITY :

- Producing and supplying clean water to serve consumption demand within the entire Lam Dong province.
- Designing and constructing water supply system for each region and households within the province's water supply system.

Total output : 30.000 m^3/day and night. Estimated development in the year 2000 : 48,000 m^3/day.

It's having pleasure to serve customers in the province



LAM DONG WATER SUPPLY COMPANY

Digitized by Google

CTY XÂY DỰNG THỦY LỢI - THỦY ĐIỆN DAKLAK

Chúc mừng Năm mới !

ĐỊA CHỈ : *Số 3 Lê Thị Hồng Gấm*
TP. Buôn ma Thuột Tỉnh Daklak
ĐIỆN THOẠI : *050 - 852639 - 852810*
FAX : *050 - 856389*



TRỤ SỞ CÔNG TY



CHUYÊN :

- Xây dựng công trình Thủy lợi, Thủy điện nhỏ.
- Xây dựng các công trình thuộc dự án Nông Nghiệp và Phát triển Nông Thôn :
  - **Công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp.**
  - **Khai hoang, xây dựng cánh đồng.**
  - **Hạ tầng cơ sở nông thôn.**
- Sản xuất vật liệu và khai thác, cung ứng vật tư xây dựng.
- Sửa chữa cơ giới và gia công cơ khí.

GIÁM ĐỐC
TẠ MINH HÀNG

3 HUY CHƯƠNG VÀNG CÔNG TRÌNH CHẤT LƯỢNG CAO NĂM 1995 - 1996





KỶ NIỆM 20 NĂM NGÀY THÀNH LẬP CÔNG TY 1977 - 1997.

Digitized by Google

BƯU ĐIỆN TỈNH ĐẮK LẮK

HEAD OFFICE : 4 Doc Lap Street,
Buon Ma Thuot City, Dak Lak Province
TEL : (050) 855719 - 853732.
FAX : 84.50.855341.



Giám đốc : VÕ THÀNH NAM





DAK LAK POST OFFICE

DAK LAK POST OFFICE IS VERY PLEASED TO SERVE ALL LOCAL AND OVERSEAS CUSTOMERS BY FOLLOWING SERVICES :

TELE - COMMUNICATION :

Provide, Install, maintain tele communication equipments and information system : Telephone, Facsimile, telex, wireless telephone... With modern equipments, reasonable price. Receive and deliver at door local and international fax, telex... Transferring local and international calls with services : priortity notice paging, collect call with central switch board equipments of ERICSSON, modern and quality guaranted, Videophone service.

POSTAL SERVICES :

All kinds of postal services, local and international newspaper distribution, receive and deliver of parcels and mail items, emergency mail service, fast money transferring, flower telegraph, postal card retail of local and overseas magazines new spapers.

WE ARE WILLING AND READY TO SERVE YOU FAST - ACCURATE - SAFE - CONVENIENT.

BƯU ĐIỆN TỈNH DAK LAK HÂN HẠNH ĐƯỢC PHỤC VỤ QUÝ KHÁCH TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC NHỮNG DỊCH VỤ SAU :

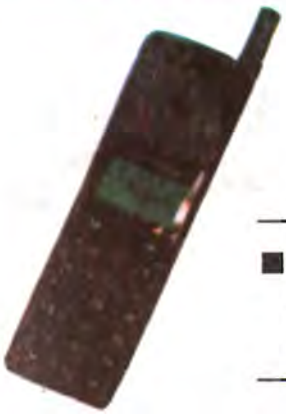
- THÔNG TIN VIỄN THÔNG :

Cung cấp, lắp đặt, bảo dưỡng các thiết bị thông tin viễn thông và các hệ thống thông tin : Điện thoại, máy fax, telex, điện thoại di động... thuộc thế hệ mới và với giá cả phải chăng. Nhận và chuyển phát nhanh fax và telex trong nước và quốc tế với các dịch vụ thông báo sớm, nhắn tin qua tổng đài trung tâm bằng các thiết bị ERICSSON hiện đại và chất lượng, dịch vụ điện thoại thấy hình.

- DỊCH VỤ BƯU ĐIỆN :

Các loại dịch vụ bưu điện, phát hành báo chí trong nước và quốc tế, nhận và chuyển bưu phẩm và bưu điện, chuyển thư nhanh, chuyển tiền nhanh, điện hoa, bán lẻ báo chí trong nước và quốc tế.

CHÚNG TÔI LUÔN SẴN SÀNG PHỤC VỤ QUÝ KHÁCH : NHANH CHÓNG - CHÍNH XÁC - AN TOÀN - TIỆN LỢI.



■ **Điện thoại di động Việt Nam VINAPHONE đã phủ sóng các thị xã, thành phố thuộc 18 tỉnh thành. Trong đó có thành phố Buôn Ma Thuột tỉnh Đak Lak hoạt động từ 26/6/1996.**

■ **VINAPHONE is now being operated in 18 cities and provinces, including Buon Ma Thuot City in Dak Lak province which operating since June 26th, 1996.**

Digitized by

CÔNG TY SỮA VIỆT NAM

VINAMILK

Sữa mẹ là nguồn dinh dưỡng tốt nhất cho trẻ em. Tuy nhiên khi sữa mẹ không đủ cung cấp cho bé thì Bác sĩ khuyên bạn dùng sữa bột cùng với sữa mẹ hoặc thay thế nếu cần.

Dielac là một trong những nhà máy của **Vinàmilk** sản xuất sữa bột trẻ em bằng quy trình công nghệ tiên tiến, hợp vệ sinh và hiện đại nhất tại Việt Nam. Vì thế các loại **sữa bột Dielac là nguồn dinh dưỡng hoàn hảo nhất cho đứa con yêu dấu của bạn.**



Sữa bột **Dielac** (nhãn xanh) rất giống với sữa mẹ về giá trị dinh dưỡng, được dùng khi bé mới một (1) ngày tuổi.

Sữa bột **Dielac** (nhãn đỏ) cung cấp nhiều chất dinh dưỡng và vitamin cần thiết cho sự tăng trưởng cơ thể và phát triển trí não của bé, thích hợp cho trẻ từ ba (3) tháng tuổi trở lên.

Sữa bột béo MẬT ONG, HOA MAI, ÔNG THỌ (NHÃN TRẮNG), ÔNG THỌ (NHÃN ĐỎ) là nguồn thực phẩm lý tưởng, giàu chất đạm, polyvitamin phù hợp với trẻ từ một (1) năm tuổi trở lên và người lớn.

Giá bán sỉ và lẻ các loại sữa bột **Dielac** như bên :

Sản phẩm Dielac	Giá bán sỉ (đ/hộp)	Giá bán lẻ (đ/hộp)
Sữa bột béo Dielac (nhãn xanh)	15.000	15.600
Sữa bột béo Dielac (nhãn đỏ)	17.800	18.400
Sữa bột béo Hoa Mai	18.300	18.900
Sữa bột béo Mật Ong	18.700	19.300
Sữa bột béo Ông Thọ (nhãn trắng)	18.500	19.100
Sữa bột béo Ông Thọ (nhãn đỏ)	17.800	18.400

Địa chỉ : 36 - 38 Ngô Đức Kế. Quận 1. TP Hồ Chí Minh. Tel : 8299377 - 8244227 - 8299644 - 8241591
Chi nhánh : 25B Phan Đình Phùng, Hà Nội. Tel : 8284187 - 8284188. 113 Triệu Nữ Vương, ĐN. Tel : 897222 - 897449

Digitized by Google

ĐIỆN LỰC ĐAKLAK

Địa chỉ : 01 - Lê Lợi - TP Buôn Ma Thuột.
Điện thoại : 852317 - 852304 FAX : 0 - 50 - 852860



HUÂN CHƯƠNG LAO ĐỘNG HẠNG BA

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH :

- Sản xuất và kinh doanh điện năng.
- Xây lắp đường dây và trạm biến áp có điện áp từ 35 KV trở xuống.
- Cải tạo lưới điện.
- Sửa chữa thiết bị điện.
- Thiết kế công trình điện có điện áp từ 22 KV trở xuống.

Chúc Mừng Năm Mới





ĐIỆN LỰC ĐAKLAK thuộc Công ty điện lực III (Tổng công ty điện lực Việt Nam) là đơn vị sản xuất kinh doanh điện năng trên địa bàn tỉnh Đaklak. Trong những năm qua, được sự quan tâm lãnh đạo và hỗ trợ của các cấp, các ngành tập thể CBCNV Điện lực Đaklak đã đoàn kết, nỗ lực phấn đấu, hoàn thành nhiệm vụ với nhịp độ tăng trưởng cao. Năm 1994, tập thể CBCNV điện lực Đaklak được Nhà nước tặng Huân chương lao động hạng Ba, tập thể CBCNV nhà máy thủy điện Đrây Hlinh được Thủ tướng chính phủ tặng bằng khen. Năm 1995 tập thể CBCNV nhà máy thủy điện Đrây Hlinh được nhà nước tặng Huân chương lao động hạng Ba. Năm 1996 Điện lực Đaklak hoàn thành 120,72% chỉ tiêu kế hoạch năm và nhịp độ tăng trưởng 49,69%.



Trong điều kiện cơ sở vật chất kỹ thuật hiện tại, tập thể CBCNV Điện lực Đaklak tiếp tục phấn đấu để phát triển toàn diện, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu hợp lý về sử dụng điện của quý khách hàng với mục tiêu : Tiện lợi, an toàn và hiệu quả kinh tế cao.

Nhân dịp đón **Xuân Đinh Sửu 1997**, thay mặt tập thể CBCNV Điện lực Đaklak, tôi xin chân thành gửi đến các cấp ủy Đảng, chính quyền, đoàn thể, ban ngành, doanh nghiệp, quý khách hàng lời cảm ơn và lời chúc mừng năm mới thắng lợi mới.

Thay mặt ban lãnh đạo Điện lực Đaklak, tôi xin gửi tới toàn thể CBCNV và gia đình lời chúc : Năm mới đoàn kết, an khang, thịnh vượng.

GIÁM ĐỐC ĐIỆN LỰC ĐAKLAK
Kỹ sư : ***ĐẶNG NGỌC TÝ***



Digitized by Google

IN TẠI NHÀ IN TẠP CHÍ CÔNG SẢN - 28 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI - ĐT : 8267244 ★ CHỈ SỐ 1265 ISSN 0866-7276 ★ GIÁ : 3000Đ

Digitized by Google

Digitized by Google

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản



UNIV. OF MICH.
JUL 14 1997
CURRENT SERIALS

2
1-1997

MÙA XUÂN CÔNG NGHIỆP HOÁ - HIỆN ĐẠI HOÁ

Digitized by Google

BƯU ĐIỆN TỈNH LONG AN

ĐỊA CHỈ : 55 Trương Công Định - Phường 1 - TX. Tân an - Tỉnh Long an
ĐIỆN THOẠI : 826234 - 826278 - 826462 ● FAX : 826630



Giám đốc TRẦN TẠO

● Tập trung nguồn kinh phí đầu tư gần 100 tỉ đồng xây dựng cơ sở hạ tầng, thiết bị kỹ thuật, công nghệ mới.

Toàn tỉnh có 31 bưu cục (2 + 3) phục vụ đến các cụm kinh tế, thị tứ trong tỉnh.

● 100% huyện, thị, 6 bưu cục khu vực được trang bị Tổng đài điện thoại điện tử kỹ thuật số EWSD, tổng dung lượng 19456 số. Các nhà thuê bao hoàn toàn được thỏa mãn thông qua các dịch vụ đặc biệt của Tổng đài EWSD ; tự động quay số nội tỉnh, trong nước, quốc tế.

● Hệ thống vi ba số được trang bị đồng bộ với hệ thống Tổng đài. Hiện nay đang chuẩn bị trang bị thêm đường truyền cáp quang nội tỉnh. Bước vào thế kỉ 21 với xa lộ thông tin rộng mở.





● Năm 1996 đã đầu tư gần 700 triệu đồng phục vụ cho thông tin để chống lũ lụt, góp phần hạn chế hậu quả lũ lụt gây ra. 100% xã, đồn trạm biên phòng, xã biên giới, có máy điện thoại, phục vụ tốt cho an ninh quốc phòng và phát triển nông thôn.

● Với tinh thần tận tụy, vì khách hàng, bảo đảm chất lượng, từng bước hạ giá thành lắp đặt thuê bao, cho khách hàng trả chậm, đáp ứng nhu cầu lắp đặt điện thoại của mọi người, mọi nhà.

● Tất cả các dịch vụ : Bưu phẩm, bưu kiện, báo chí chuyển tiền nhanh, điện hoa, EMS, điện báo, điện thoại Fax, Telex, gintex, di động, truyền số liệu, nhắn tin, 108... đáp ứng cho các cơ quan, đơn vị và nhân dân mọi lúc, mọi nơi, phong phú về chủng loại, chất lượng ngày càng được nâng cao.

● Các chỉ tiêu chính đạt được trong năm 1996 : Doanh thu 31 tỉ đồng. Nộp ngân sách hơn 1,8 tỉ đồng. Máy điện thoại phát triển mới : 3650 máy. Mật độ điện thoại : 1,1 máy/100 dân. 100% xã có Tạp chí Cộng sản, báo Nhân dân, báo Long an.

Là người bạn đồng hành thân thiết gắn bó từng ngày từng giờ.

BƯU ĐIỆN LONG AN

Kính chúc quí khách hàng năm mới :

Sức khỏe - hạnh phúc -
An khang - thịnh vượng

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 512

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội - Dây nói : 8252061-8252062*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Dây nói : 8225768*

MỤC LỤC

PHẤN ĐẤU THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI VIII CỦA ĐẢNG	XÃ LUẬN - Phơi phới sức xuân đất nước	3
	VŨ ĐÌNH CỰ - Chủ nghĩa xã hội và văn minh trí tuệ	5
	PHẠM XUÂN NAM - Phát huy sức mạnh tổng hợp của các khoa học liên ngành phục vụ sự nghiệp đổi mới đất nước	9
	TÀO HỮU PHÙNG - Vốn và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa	14
	LÊ QUANG THƯỞNG - Về xây dựng các tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh	18
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	HỒ VĂN THÔNG - Lý thuyết phát triển và những bài học cần suy ngẫm	22
	NGUYỄN SINH CÚC - Chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng đồng bằng sông Cửu long giai đoạn 1996 - 2000	27
	LÊ HỒNG TIẾN - Kế hoạch hóa trong nền kinh tế thị trường	31
	TRẦN VĂN TÀ - Người lao động và vấn đề tiền lương hiện nay	35
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	NGÔ YÊN THI - Di sản cố đô Huế với quá trình công nghiệp hóa và phát triển đô thị ở Thừa thiên - Huế	39
	NGUYỄN THẾ THÔN - Vấn đề mới và cấp bách trong công tác bảo vệ môi trường	42
	NGUYỄN QUỐC ANH - Công tác giáo dục đạo đức, chính trị cho học sinh, sinh viên	45
	TRẦN QUỐC TUẤN - Một số giải pháp cơ bản để đẩy nhanh cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước	49
ĐIỀU TRA	PHẠM TẤT THẮNG - NGUYỄN VŨ BÌNH - Vấn đề người lao động ngoại tỉnh ở thủ đô Hà nội	51
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	VŨ LÂN - Phức tạp của phức tạp	54
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	VŨ HIỂN - Hàn quốc mùa tuyết trắng	55
QUA SÁCH BÁO NƯỚC NGOÀI	Phải chăng tăng trưởng chậm là điều đáng lo ngại ?	58
TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN	Hội nghị triển khai nhiệm vụ kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 1997	60

Bìa 1 : Tranh PHẠM VĂN TƯ

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

Передовая Статья - Страна в просветании. ВУ ДИНЬ КЫ - Социализм и духовная цивилизация. ФАМ СУАН НАМ - Развитие тотальной силы всех отраслей во имя курса обновления страны. ТАО ХЫУ ФУНГ - Капитал и проблема повышения эффективности капиталоиспользования в процессе индустриализации и модернизации страны. ЛЕ КУАНГ ТХЫОНГ - О построении здоровых и крепких базовых партийных организаций. ХО ВАН ТХОНГ - Теория развития и уроки, достойные размышления. НГУЕН ШИНЬ КУК - Перестановка экомической структуры в дельте Кыу Лонга (Ме Конг) в 1996-2000 периоде. ЛЕ ХОНГ ТЬИЕН - Планирование при рыночной экономике. НГО УЕН ТХИ - Архитектурные наследия старийной столицы Хуэ и процесс индустриализации и урбанизации в Тхыа Тхиен - Хуэ районе. НГУЕН ТХЕ ТХОН - Новая насущная проблема в деле защиты окружающей среды. НГУЕН КУОК АНЬ - Политическое и моральное воспитание для школьников и студентов. ВУ ХИЕН - Южная Корея в сезоне снегопада.

CONTENTS

Editorial article : The youthful vitality of the country. VŨ ĐÌNH CỰ : Socialism and intellectual civilization. PHẠM XUÂN NAM : Promoting the combined strength of relevant branches for the sake of the country's industrialization and modernization. TÀO HỮU PHÙNG : Capital sources and the enhancement of their efficiency during the industrialization and modernization. LÊ QUANG THƯỞNG : About the task of building up wealthy and powerful Party grassroots organizations. HỒ VĂN THÔNG : The theory of development and lessons worthy of meditation. NGUYỄN SINH CÚC : The shift of economic structure of the Mekong River Delta for the 1996 - 2000. LÊ HỒNG TIẾN : Planning under the market economy. NGÔ YÊN THI : Vestiges of the ancient capital Huế and the task of industrialization and urban development in Thua Thien - Huế province. NGUYỄN THẾ THÔN : New and urgent problem of environmental protection. NGUYỄN QUỐC ANH : The work of political and moral education for pupils and students. VŨ HIỂN : South Korea in the snowfall season.

SOMMAIRE

Editorial - Le pays en allégresse. VŨ ĐÌNH CỰ - Le socialisme et la civilisation d'intelligence. PHẠM XUÂN NAM - Faisons valoir la force conjuguée des sciences interdisciplinaires au service de l'oeuvre de renouveau du pays. TÀO HỮU PHÙNG - Le capital et l'élevation de l'efficacité de son utilisation au service de l'industrialisation et de la modernisation. LÊ QUANG THƯỞNG - Sur l'édification des organisations de base du Parti propres et solides. HỒ VĂN THÔNG - La théorie du développment et des leçons à réfléchir. NGUYỄN SINH CÚC - La transmutation de la structure économique du delta du Mékong dans la période 1996 - 2000. LÊ HỒNG TIẾN - La planification dans l'économie de marché. NGÔ YÊN THI - Le patrimoine de l'ancienne capitale Hue et l'industrialisation et l'urbanisme dans le Thua Thien - Hue. NGUYỄN THẾ THÔN - Les nouveaux et urgents problèmes dans la protection de l'environnement. NGUYỄN QUỐC ANH - Le travail d'éducation morale et politique parmi les écoliers et étudiants. VŨ HIỂN - La Corée du Sud en saison de neige.

SUMARIO

Editorial - La fuerza primaveral del país en flor. VŨ ĐÌNH CỰ - El socialismo y la civilización intelectual. PHẠM XUÂN NAM - Desplegar en alto la fuerza global de las ciencias interramales al servicio de la obra de renovación del país. TÀO HỮU PHÙNG - El capital y la elevación de la eficiencia de su utilización al servicio de la industrialización y modernización. LÊ QUANG THƯỞNG - Sobre la construcción de las organizaciones de base del Partido limpias y sólidas. HỒ VĂN THÔNG - La teoría del desarrollo y las lecciones a reflexionarse. NGUYỄN SINH CÚC - La trasmutación de la estructura económica del delta del Mekong en el periodo de 1996 - 2000. LÊ HỒNG TIẾN - la planificación en la economía de mercado. NGÔ YÊN THI - El vestigio de la Capital Imperial de Huế y el proceso de la industrialización y desarrollo urbano en Thừa thiên - Huế. NGUYỄN THẾ THÔN - El problema nuevo pero urgente en el trabajo de la protección del medio ambiente. NGUYỄN QUỐC ANH - El trabajo de la educación moral y política para los alumnos y estudiantes. VŨ HIỂN - Corea del Sur en tiempo de nieve.

目錄

•社論：我們的祖國充滿春天的活力•武亭巨：社會主義和智慧文明•范春南：發揮跨門類學科的綜合力量，爲國家革新事業服務•曹友逢：資本及提高資本的使用效益，服務于工業化、現代化•黎光貴：關于建設廉潔、強大的黨基層組織•胡文通：發展學說和必須思考的教訓•阮生菊：1996年—2000年階段九龍江平原經濟機制的轉換•黎紅踐：市場經濟中的計劃化•吳安詩：順化古都遺產和承天一順化的都市化發展•阮世村：環保工作中新的但迫切的問題•阮國英：對學生、大學生進行道德、政治教育•武賢：白雪皚皚的韓國

Digitized by Google



XÃ LUẬN

PHƠI PHỚI SỨC XUÂN ĐẤT NƯỚC

VỚI dân tộc ta, mùa xuân là sự khởi đầu tốt lành, mới mẻ của một năm, là sự trỗi dậy đầy sức sống, là sự tươi tắn ngọt ngào hương sắc và ấm áp tình đời.

Đất nước Việt nam với hàng nghìn năm lịch sử ngời sáng chiến công đã có biết bao mùa xuân tươi đẹp. Nhưng mùa xuân này như thể xuân hơn, bởi chúng ta đang ở một thời điểm hào hùng, sôi động - thời điểm đưa Nghị quyết Đại hội VIII vào cuộc sống, thực hiện bước chuyển vươn tầm làm rạng ngời đất nước, - thời điểm đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa vừa là đòi hỏi tất yếu của cuộc sống, là nhiệm vụ trung tâm của sự nghiệp cách mạng nước ta trong suốt thời kỳ quá độ, vừa như một sức xuân sống động, một dòng chảy tràn trề dưỡng chất làm cơ thể đất nước ngày càng trẻ trung sức lực, ngày thêm đổi thịt thay da.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa như sức xuân đất nước vì quá trình thực hiện và đẩy mạnh sự nghiệp trọng đại này cũng đồng thời là quá trình giải phóng và tăng cường mọi năng lực của xã hội, phát triển lực lượng sản xuất, kiến tạo quan hệ sản xuất mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đưa nền kinh tế đến bước phát triển mới, làm thay đổi bộ mặt xã hội, tận dụng và phát huy mọi tiềm năng đất nước, thu hút, động viên mọi nguồn lực và trí tuệ của cả cộng đồng dân tộc phục vụ sự nghiệp chung, tạo ra không khí sôi động, phong cách làm việc mới mẻ trong đời sống xã hội.

Sức xuân của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước càng mạnh mẽ hơn bởi đó chính là sự tiếp tục đẩy mạnh đổi mới mọi mặt đời sống đất nước. Đó là sự kế tiếp huyền diệu giúp

Digitized by Google

ta nâng tầm, nhìn nhận ngày càng rõ hơn những quy luật vận động, phát triển khách quan của các quá trình kinh tế - xã hội, thấy hết những nhân tố thuận lợi để phát huy, những yếu kém để sửa chữa, vận dụng tốt hơn chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh vào điều kiện cụ thể của nước ta hiện nay, phát huy hơn nữa truyền thống cách mạng vẻ vang của dân tộc Việt nam, động viên hơn nữa tính năng động sáng tạo và năng lực vô tận của nhân dân lao động, đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước, mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, tăng thêm bè bạn, nâng cao uy tín và vị trí của Việt nam.

Bước vào thời kỳ mới đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, chúng ta đứng trước những thách thức và khó khăn mới. Những khó khăn thách thức đó đã được Đảng ta khái quát một cách cô đọng ở 4 nguy cơ. Nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế luôn là vấn đề gay gắt vì điểm xuất phát của nước ta còn thấp kém, lại phải đi lên trong môi trường cạnh tranh quyết liệt. Có nhiều thế lực vẫn muốn thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình" để chống phá cách mạng nước ta. Trong khi đó, chệch hướng xã hội chủ nghĩa và quan liêu, tham nhũng vẫn là những nguy cơ lớn.

Tuy nhiên, chúng ta cũng thấy rõ và nắm chắc trong tay vận hội mới, thời cơ mới và tình thế mới. Vận hội và thời cơ từ bối cảnh quốc tế và trong nước đem lại. Đó là không khí hòa bình và hợp tác quốc tế, là sự tác động mạnh mẽ của cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật, là môi trường khu vực có chiều hướng ổn định và thuận lợi, là những bài học của các nước đi trước. Thời cơ và tình thế mới còn do chúng ta tự tạo ra. Đó là thế mới, lực mới, gia tốc mới và khả năng mới. Thế mới và lực mới là sự tổng hòa của những thành tựu to lớn mà chúng ta đã đạt được cả ở trong nước và việc mở rộng quan hệ với bạn bè quốc tế. Gia tốc mới là sự vượt trội, là tốc độ tăng trưởng liên tục ở mức cao, tạo đà cho giai đoạn tiếp theo. Khả năng mới bắt nguồn từ những bài học kinh nghiệm đúc rút qua thực tiễn, là cục diện tươi sáng của đất nước, vừa đứng vững trong độc lập tự chủ, vừa có thể vươn xa, là sự nắm bắt và vận dụng đúng quy luật để có thể phân định đường đi, nước bước trong giai đoạn mới.

Để thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cần phải tạo ra động lực mới với việc nắm bắt và tận dụng mọi điều kiện thuận lợi, "chớp" lấy thời cơ, khắc phục nguy cơ, vượt qua thách thức ; khai thác mọi tiềm năng đất nước, phát huy ý chí Việt nam, sức mạnh Việt nam, giá trị truyền thống Việt nam ; kết hợp sức mạnh dân tộc và sức mạnh thời đại ; thực hiện có hiệu quả chiến lược tăng tốc, vượt trước, đón đầu, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Vậy là, với sự định hướng chính xác và phát động đúng thời điểm, bản đại hợp xướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước do người nhạc trưởng thiên tài là Đảng ta chỉ huy nhất định sẽ thành công và sẽ làm rạng rỡ mùa xuân đất nước. Thiết thực góp phần vào sự nghiệp trọng đại và vẻ vang này, Tạp chí Cộng sản - cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng cộng sản Việt nam luôn nắm chắc và thực hiện thật tốt chức năng, nhiệm vụ của mình, xứng đáng là ngọn cờ lý luận của Đảng, cùng với các lực lượng báo chí hùng hậu cả nước cất cao lời ca hùng tráng, cổ vũ toàn Đảng, toàn dân hăng hái tiến lên.

Công nghiệp hóa là quá trình sáng tạo, là sự kết hợp nhuần nhuyễn cả ba yếu tố : thiên thời - địa lợi - nhân hòa. Công nghiệp hóa, hiện đại hóa chính là sự bồi bổ cho đất nước ta bốn mùa tốt tươi bát ngát, chan chứa hạnh phúc và phơi phới sức xuân. ❑

Digitized by Google

CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ VĂN MINH TRÍ TUỆ

VŨ ĐÌNH CỰ *

NHỮNG năm gần đây, với sự phát triển cao của khoa học và công nghệ, nhất là công nghệ thông tin (CNTT), người ta thường dự báo rằng loài người đang bước vào một nền văn minh mới được gọi là *văn minh trí tuệ* do những tính chất đặc thù của nó.

Văn minh trí tuệ có quan hệ thế nào với sự phát triển của chủ nghĩa xã hội và bản chất của nó có thể dung hợp với các thiết chế tư bản chủ nghĩa (TBCN) nói riêng và chủ nghĩa tư bản nói chung hay không ? Đó là vấn đề đáng bàn luận. Bài này xin nêu một số suy nghĩ bước đầu :

1- Văn minh trí tuệ, phát triển biện chứng của lịch sử loài người

a) Dựa trên các kết quả nghiên cứu của Mo-gan (Morgan) - một nhà nghiên cứu nhân chủng học và xã hội học hầu như suốt đời sống với các bộ lạc ở châu Mỹ, Ph. Ăng-ghen trong tác phẩm "Nguồn gốc của gia đình, của sở hữu tư nhân và của nhà nước", viết vào những năm cuối thế kỷ XIX (1882) đã tổng quát hóa sự phân kỳ về mặt văn hóa của lịch sử phát triển loài người như sau : "Thời đại mông muội - thời đại trong đó việc chiếm hữu những sản vật tự nhiên sẵn có chiếm ưu thế ; những sản phẩm do con người tạo ra thì chủ yếu đều là những công cụ tạo điều kiện thuận lợi cho việc chiếm hữu kia. Thời đại dã man - thời đại trong đó, con người học được cách chăn nuôi súc vật và làm ruộng, học được những phương pháp thông qua hoạt động của con người để tăng việc sản xuất các sản vật tự nhiên. Thời đại văn minh - thời đại trong đó, con người học được cách tinh chế thêm những sản vật tự nhiên, thời đại của công nghiệp chính cống và của nghệ thuật "(1). Tuy chấp nhận cách phân kỳ trên đây Ph. Ăng-ghen cũng nhấn mạnh rằng nó còn chưa làm rõ được "bước quá độ từ thời đại dã man sang thời đại văn minh và sự trái ngược nổi bật giữa hai thời đại ấy"(2). Những kết quả nghiên cứu trong thế kỷ XX cho thấy sự phân kỳ lịch sử xã hội nguyên thủy cổ đại phức tạp hơn và sự quá độ sang thời đại văn minh cũng rất đa dạng và xảy ra rất khác nhau, thậm chí đến thế kỷ XX vẫn còn tồn tại các bộ lạc. Bộ phận tiên tiến nhất của loài người có thể đã tiến sang thời đại văn minh vào khoảng vài nghìn năm trước Công nguyên (TCN) (ví dụ, văn minh cổ Ai-cập xuất hiện khoảng 3000 - 4000 năm TCN). Tuy nhiên phần lớn các nhà nghiên cứu tán thành tiêu chí của sự quá độ sang thời đại văn minh mà Ph.Ăng-ghen đã nêu ở trên, nghĩa là về mặt sản xuất con người đã có thể tinh chế thêm các sản phẩm tự nhiên ; về mặt quan hệ xã hội đã xuất hiện sự phân công lao động, hình thành các giai cấp và xuất hiện nhà nước với sự tan rã của công xã thị tộc, xuất hiện chữ viết và một số loại hình nghệ thuật.

b) Con người là sinh vật duy nhất có trí tuệ trên trái đất. Bởi vậy, hoạt động trí tuệ của con người đã phát triển ngay từ thời nguyên thủy. Trong lao động con người đã sáng tạo ra các công cụ lao động thô sơ từ các sản vật tự nhiên (dụng cụ bằng đá, tìm ra lửa, v.v.). Chính nhờ lao động mà trí tuệ của con người càng ngày càng phát triển, đến mức mà "chỉ có con người là mới đạt được đến chỗ in cái dấu ấn của mình lên giới tự nhiên..."(3). Đây là một quá trình biện chứng của quan hệ tương hỗ giữa tăng trưởng lực lượng sản xuất và phát triển trí tuệ của nhân loại, thể hiện bằng sự chuyển sang thời đại văn minh và tiếp theo là sự hình thành và phát triển các nền văn minh rực rỡ cổ Ai-cập, Hy lạp, La mã, Lưỡng hà, Trung hoa, Ấn độ. v.v.. Do đó, có thể nói quá trình lịch sử phát triển của loài người gắn bó hữu cơ với quá trình phát triển trí tuệ và đồng thời với nó là quá trình tăng trưởng lực lượng sản xuất. Tiến trình lịch sử này tuân theo những quy luật biện

---

* GS, TS, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban khoa học - công nghệ - môi trường của Quốc hội

(1) C.Mác - Ph.Ăng-ghen : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1984, t 6, tr 55

(2) C.Mác - Ph.Ăng-ghen : *Sđd*, t 6, tr 55

(3) C.Mác - Ph.Ăng-ghen : *Sđd*, t 5, tr 481 - 482

Digitized by Google

chứng của sự phát triển, có giai đoạn liên tục đều đặn, nhưng cũng có những bước nhảy vọt đột biến. Sự chuyển sang thời đại văn minh là một trong những đột biến đó, như Ph.Ăng-ghen đã nhận xét ở trên. Trong thời kỳ đầu của thời đại văn minh, trí tuệ con người mới chỉ đủ năng lực tạo ra các công cụ lao động và phương pháp để thông qua hoạt động con người làm tăng việc sản xuất các sản vật tự nhiên, như trong trồng trọt và chăn nuôi. Nhờ sự tích lũy kinh nghiệm và kiến thức qua hàng chục thế kỷ, trí tuệ con người lại đạt tới những đỉnh cao mới với sự xuất hiện khoa học và các công nghệ ngày càng tinh vi. Các tiền đề đó của trí tuệ chính là cốt lõi bước nhảy vọt mới của lực lượng sản xuất : cách mạng công nghiệp (khoảng từ thế kỷ XVII sang thế kỷ XVIII) với sự xuất hiện máy móc, đã làm thay đổi về chất của lực lượng sản xuất. Lao động thủ công dùng cơ bắp của con người đã được thay thế bằng lao động với máy móc dùng các lực lượng tự nhiên làm động lực (máy hơi nước, điện lực...).

Tiếp tục tiến trình đó, trí tuệ loài người như có thêm "đôi hài vạn dặm", tiến tới sự khám phá những quy luật của giới tự nhiên về phía vô cùng nhỏ cũng như về phía vô cùng lớn. Kết quả là đã ra đời *thuyết tương đối* Anh-xtanh và *thuyết lượng tử* hồi đầu thế kỷ XX. Tiếp theo đó những công nghệ mới ra đời và khoảng từ giữa thế kỷ XX lại có bước đột biến mới trong lực lượng sản xuất với sự ra đời của loại máy móc mới. Loại máy móc trước đây chủ yếu chỉ thay được lao động cơ giới của con người bằng các động lực tự nhiên mạnh gấp nhiều lần động lực cơ bắp. Còn loại máy móc mới, ngoài những đặc tính trên, nó còn có khả năng thay được ngày càng nhiều chức năng trí tuệ con người trong lao động ; nghĩa là thay con người không phải chỉ trong lao động cơ giới mà còn cả trong nhiều chức năng của lao động trí óc, điển hình là máy điện toán (com-pu-tơ). Trên cơ sở máy điện toán, hàng loạt công nghệ mới ra đời, trong đó dẫn đầu là CNTT. Hệ thống công nghệ mới đã làm thay đổi về chất hệ thống công nghiệp cả về kết cấu cơ sở và sản phẩm. Trong các giá trị tạo thành sản phẩm, thành phần giá trị do trí tuệ cũng ngày càng chiếm phần áp đảo. Trong các sản phẩm dịch vụ thì điều này lại càng rõ rệt. Mọi lĩnh vực hoạt động của xã hội cũng xảy ra điều tương tự, nghĩa là yếu tố trí tuệ ngày càng có vai trò ngự trị. Cũng chính nhờ vào bước nhảy vọt này mà trí tuệ con người được vận dụng và phát triển mạnh mẽ với tốc độ chưa từng có. Căn cứ vào đặc điểm trên đây có thể nói rằng nhân loại đã có bước đột biến sang *giai đoạn mới* của thời đại văn minh mà nhiều người gọi là *văn minh trí tuệ*. Đó là kết quả tiến trình phát triển biện chứng của lịch sử, gắn liền với sự phát triển lực lượng sản xuất trong quan hệ tương hỗ với sự phát triển trí tuệ của nhân loại.

2- Văn minh trí tuệ và thị trường hàng hóa

a) Khi nói về văn minh trí tuệ có ý kiến cho rằng sự phát triển của loài người như thế là lại trở về với cơ sở là ý thức và tinh thần vì trí tuệ là thuộc phạm trù ý thức và tinh thần. Điều đó không đúng. Như đã trình bày ở trên, văn minh trí tuệ chủ yếu là bước phát triển mới của lực lượng sản xuất, phải dựa trên cơ sở vật chất kỹ thuật và khoa học, công nghệ ở trình độ cao. Mặt khác trí tuệ là sản phẩm của bộ não, cũng là một hình thức vận động cao của vật chất. Cốt lõi của văn minh trí tuệ là CNTT, mà trong đó thông tin là yếu tố cơ bản. Thông tin là một thuộc tính của vật chất, nó *phản ánh tính đa dạng của vận động của vật chất trong các quan hệ về hệ thống và quan hệ tương hỗ giữa tất yếu và ngẫu nhiên của quy luật vận động*. Chính vì vậy mà CNTT có bước phát triển mạnh mẽ về mặt lý luận sau khi *San-nơn (Shannon) đưa ra được công thức lượng hóa thông tin* (4). Theo công thức này, khi xét một hệ thống xác định, thông tin về hệ thống đó sẽ bằng không nếu trạng thái của nó đã được tiền định. Ngược lại thông tin sẽ bằng vô cùng nếu hoàn toàn không có khả năng biết được trạng thái của hệ thống. Trong các trường hợp khác thông tin có giá trị từ không đến vô cùng. Như vậy, công thức của San-nơn đã chứng tỏ rằng sự tồn tại CNTT trái với triết học duy tâm hoặc triết học bất khả tri. Chủ nghĩa duy tâm chủ quan phủ nhận sự tồn tại của thế giới khách quan, tất yếu phủ nhận sự tồn tại của mọi loại công nghệ, trong đó có CNTT. Còn chủ nghĩa duy tâm khách quan lại cho rằng mọi quy luật của các hiện tượng mà con người nhận thức chẳng qua đều quyết định bởi một "ý chí vũ trụ", hoặc "ý niệm tuyệt đối" - một tên gọi khác của "thượng đế" - do đó, mọi hiện tượng, sự kiện đều do "ý niệm tuyệt đối" tiền định. Nên theo công thức San-nơn mọi

(4) C.Shannon và W.Weaver : *Lý thuyết toán học về thông tin liên lạc*, Nxb Illinois, Press, 1963, ch.I

Digitized by Google

thông tin đều bằng không và không thể có CNTT vận hành với các "đầu vào" đều bằng không. Chủ nghĩa bất khả tri phủ nhận khả năng nhận thức được thế giới của con người, do đó, nó phủ nhận sự tồn tại của thông tin và dẫn đến phủ nhận CNTT. Chỉ có chủ nghĩa Mác với nhận thức luận biện chứng, bằng thực tiễn khẳng định khả năng nhận thức thế giới khách quan luôn luôn vận động và phát triển theo những quy luật của sự thống nhất mâu thuẫn, của các quá trình phủ định của phủ định, của những quan hệ tương hỗ giữa tất yếu và ngẫu nhiên, giữa tương đối và tuyệt đối, v.v.. *không những phù hợp về mặt phương pháp luận mà lại còn tạo ra cơ sở triết học cho CNTT và văn minh trí tuệ phát triển vững chắc. "Ý niệm, khái niệm, lô gích hay tư duy không phải là giả định, không phải là tiền đề, mà trước hết là kết quả của hiện tượng vật chất"*(5). Chính vì không thấy bản chất đó của thông tin nên một số triết gia mác xít Liên xô (cũ) trong một thời gian nhất định đã sai lầm bài xích điều khiển học (một bộ phận của CNTT)

b) Tuy nhiên chúng ta phải thấy sự khác nhau rất cơ bản giữa một *sản phẩm vật thể với thông tin, kiến thức và trí tuệ*. Trước hết, đó là quan hệ sở hữu của con người với sản phẩm vật thể thì đầy đủ (quyền sử dụng, quyền chiếm hữu, quyền định đoạt) nhưng đối với sản phẩm trí tuệ thì quan hệ sở hữu của con người rất hạn chế và thậm chí ngầm chứa một mâu thuẫn về bản chất trong quan hệ đó. Điều này tôi đã có dịp trình bày ở bài đăng trên Tạp chí Cộng sản số 4, tháng 2-1996, trong đó có dự đoán khó khăn của Tổ chức thương mại thế giới (WTO) khi đàm phán về thương mại các sản phẩm trí tuệ (liên quan đến sản phẩm viễn thông và máy điện toán). Và điều ấy đã xảy ra tại hội nghị WTO ở Xin-ga-po giữa tháng 12-1996.

Vì đặc điểm trên đây, các sản phẩm trí tuệ với hàm lượng trí tuệ ngày càng cao sẽ càng ngày càng mâu thuẫn với cơ chế tư bản chủ nghĩa về hàng hóa. *"Tới một giai đoạn phát triển nhất định của quá trình trao đổi thì phát sinh sự cần thiết phải phân các hàng hóa ra làm hai cực : giá trị trao đổi và giá trị sử dụng"*(6). Đối với các sản phẩm trí tuệ thì thực sự có khó khăn của sự phân cực này. Làm thế nào để định ra xác thực giá trị sử dụng của một sản phẩm trí tuệ, ví dụ định luật vạn vật hấp dẫn của Niu-tơn ? Càng khó có thể xác định giá trị trao đổi của các sản phẩm trí tuệ bởi vì sự sản sinh ra các sản phẩm trí tuệ tuân theo các quy luật sáng tạo thường có nhiều rủi ro và đột biến, khác hẳn với các quy luật sản xuất vật thể. Mặc dầu trong thị trường tư bản chủ nghĩa hiện đại người ta xây dựng một thị trường to lớn về mua bán công nghệ (có hàm lượng trí tuệ cao), nhưng cũng chính ở đây xảy ra sực bóc lột siêu lợi nhuận và đầy rẫy bất công (vì lẽ chẳng có tiêu chí đáng tin cậy nào để xác định giá trị trao đổi của công nghệ, mà trước hết là giá trị trao đổi của trí tuệ).

Để trình bày thấu đáo chủ nghĩa tư bản, C.Mác đã bắt đầu bộ *Tư bản* bằng cách phân tích hàng hóa, vì nó là cốt lõi của mọi thiết chế tư bản chủ nghĩa. Chính vì vậy mà Đêriđa viết trong *"Những bóng ma của Mác"*(7): *"Hàng hóa, thật là phức tạp, thật là rối rắm, khó xử, làm tê liệt nan giải và có thể không quyết định được. Thật là hoang mang, một sự vật - hàng hóa, khi cần phải tiếp cận nó bằng một loại mưu mô "siêu hình", và những sự ve vãn "thần học"."*

Một khi sản phẩm trí tuệ không còn chịu sự khống chế huyền bí của "ma lực hàng hóa" của các thiết chế tư bản chủ nghĩa thì hiển nhiên sự phát triển văn minh trí tuệ trong lòng chủ nghĩa tư bản, vừa là một hiện thực tất yếu lại vừa là khởi đầu của một quá trình phủ định.

3- Văn minh trí tuệ hướng về con người

Nếu văn minh trí tuệ trong bản chất chứa đựng các yếu tố phủ định các thiết chế cơ bản của chủ nghĩa tư bản, thì tất yếu nó phải *hướng về con người, lấy con người làm trung tâm của sự phát triển xã hội* phù hợp với nó. Trước hết văn minh trí tuệ chứa đựng một tiềm năng làm dịu dần và tiến tới hạn chế sự phân cực về trình độ nhận thức. Nhờ sự phổ cập máy điện toán giá hạ với sự nối mạng trong từng quốc gia và toàn cầu, sự luân chuyển tri thức cực kỳ nhanh chóng, thuận tiện và rẻ tiền, tạo tiền đề cho sự nhanh chóng nâng cao dân trí, phổ biến kiến thức, tay nghề và công nghệ. Nếu sự phân cực về trí tuệ bị hãm lại và tiền đề cho việc

(5) V.I.Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1981, t 29, tr 437

(6) C.Mác : *Góp phần phê phán chính trị kinh tế học*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1964, tr 49

(7) G.Đêriđa : *Những bóng ma của Mác*, Nxb Chính trị quốc gia, TC II Bộ quốc phòng, Hà nội, 1994, tr 307

Digitized by Google

vận dụng chúng được tạo ra thì rõ ràng *một loại của cải vô cùng quý giá là trí tuệ sẽ được phân phối công bằng hơn,* tất yếu dẫn đến mọi hình thức của phân cực giàu nghèo sẽ bị hạn chế lại. Đó là một đòn mạnh mẽ giáng vào tình trạng bất công chưa từng có hiện nay trên toàn thế giới và ngay trong từng nước tư bản phát triển về sự phân phối quá vô lý những của cải mà toàn xã hội tạo ra. Trong "*Những bóng ma của Mác*" cũng đã nêu lên hướng giải quyết vấn đề này, mặc dầu nó khó có tính hiện thực trong khuôn khổ của các thiết chế tư bản chủ nghĩa.

Văn minh trí tuệ cũng tiềm ẩn một khả năng là làm hạn chế sự tha hóa lao động của con người. Chủ nghĩa Mác đã vạch rõ, một khi xã hội đã phân chia giai cấp có sự bóc lột giá trị thặng dư, thì lao động của người lao động, của người công nhân trở thành lao động tha hóa : "*Sự tha hóa* của công nhân vào sản phẩm của anh ta không những chỉ có ý nghĩa là lao động của anh ta trở thành một vật, một tồn tại *bên ngoài,* mà còn có ý nghĩa là lao động của anh ta tồn tại *ở bên ngoài anh ta,* không phụ thuộc vào anh ta, xa lạ với anh ta, và lao động ấy trở thành một lực lượng độc lập với anh ta, có nghĩa là đời sống mà anh ta chuyển vào vật, chống lại anh ta như một đời sống đối địch và xa lạ" (8).

Văn minh trí tuệ với các năng lực của CNTT và hệ thống công nghệ mới, tuy chưa được giải phóng khỏi quan hệ bóc lột, vẫn có tiềm năng tác động hạn chế sự tha hóa lao động. Một mặt hàm lượng trí tuệ trong các sản phẩm tăng lên sẽ thúc đẩy cơ cấu sản xuất dịch chuyển về phía gia tăng các sản phẩm trí tuệ. Mặt khác, trong lao động sáng tạo các sản phẩm trí tuệ, ở một mức độ nhất định *con người tự tìm thấy mình* trong lao động ngay trong xã hội hiện tại. Mặc khác, tính xã hội hóa cao của lực lượng sản xuất trong văn minh trí tuệ tạo điều kiện để phục hồi ý nghĩa đích thực ban đầu của lao động *như là một nhu cầu sáng tạo* để phát triển bản thân và phát triển cộng đồng. Hiển nhiên một xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa sẽ là điều kiện phát huy văn minh trí tuệ, hạn chế và tiến đến loại bỏ sự tha hóa lao động.

Văn minh trí tuệ còn tạo ra năng lực cải thiện dần và tiến tới *làm hài hòa mối quan hệ giữa con người và giới tự nhiên,* cụ thể là làm giảm nhẹ các tác động làm hủy hoại môi trường. Sự phát triển hệ thống công nghệ mới dẫn đến các công nghệ sạch, giảm tiêu thụ nguyên liệu và năng lượng trong sản xuất, xử lý các chất thải của sản xuất và sinh hoạt theo hướng tái chế và tái sử dụng. Văn minh trí tuệ còn làm thay đổi hành vi của con người để dần dần trở về với mối quan hệ hài hòa trong đó con người cũng là một bộ phận của giới tự nhiên, nghĩa là phần "dấu ấn" hoạt động của con người lên giới tự nhiên (các đô thị, các công trình kết cấu hạ tầng lớn, lượng đi - ô - xit các bon tán phát, v.v.) được giữ ở dưới mức ngưỡng phá vỡ cân bằng sinh thái và bảo đảm khả năng tự phục hồi của trái đất, tránh được thảm họa biến đổi khí hậu toàn cầu.

*

* *

Sự trình bày và phân tích quá trình phát triển của văn minh trí tuệ trên đây không phải là một cách tiếp cận xem xét toàn diện quá trình phát triển của xã hội loài người, mà chỉ là một đóng góp làm rõ thêm phương pháp hình thái kinh tế - xã hội của chủ nghĩa duy vật lịch sử trong hoàn cảnh hiện đại. Chúng ta có căn cứ khoa học để khẳng định rằng chủ nghĩa xã hội không những không trái gì với văn minh trí tuệ mà ngược lại *văn minh trí tuệ, với lực lượng sản xuất loại mới và bản tính hướng về con người và hài hòa với giới tự nhiên, phải là một thuộc tính của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.*

Nước ta sau mười năm đổi mới, đã đạt các tiền đề cần thiết để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Chúng ta có thời cơ để vận dụng các lực lượng sản xuất của văn minh trí tuệ nhằm bảo đảm một sự tăng trưởng cao và phát triển bền vững. Những tiền đề quan trọng của văn minh trí tuệ là trình độ dân trí, tay nghề của lao động, một nền giáo dục, khoa học và công nghệ phát triển cao... đã được Hội nghị lần thứ 2 BCH trung ương Đảng (khóa VIII) đề ra các định hướng chiến lược. Ngoài ra phải đặc biệt chú trọng phát triển kết cấu hạ tầng của CNTT và ứng dụng rộng rãi ngành công nghệ này trong các lĩnh vực kinh tế - xã hội. Như vậy tiến sang thế kỷ XXI, chúng ta đã có những tiền đề cho văn minh trí tuệ phát triển. ❑

(8) C.Mác - Ph.Ăng-ghen ; *Sđd,* t 1, tr 111

Digitized by Google

PHÁT HUY SỨC MẠNH TỔNG HỢP CỦA CÁC KHOA HỌC LIÊN NGÀNH PHỤC VỤ SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI ĐẤT NƯỚC

PHẠM XUÂN NAM *

HỘI nghị lần thứ hai Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa VIII) đã đề ra định hướng chiến lược phát triển khoa học và công nghệ đến năm 2020. Để góp phần quán triệt Nghị quyết quan trọng đó của Đảng, chúng tôi nêu lên một số ý kiến về việc phát huy vai trò của từng khoa học chuyên ngành, đồng thời đặc biệt coi trọng kết hợp chặt chẽ giữa khoa học xã hội nhân văn với khoa học tự nhiên và công nghệ thành một thể thống nhất liên ngành để phục vụ đắc lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

I

Quy luật phát triển của khoa học là ngày càng phân hóa thành nhiều chuyên ngành sâu ; đồng thời cũng ngày càng đòi hỏi phải có sự gắn kết, phối hợp giữa các liên ngành rộng. Không nhận thức được đầy đủ quy luật đó, thì trong hành động thực tế người ta rất dễ rơi vào cực đoan này hay cực đoan khác trong việc đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học, xây dựng hệ thống tổ chức, hình thành các chương trình đề tài nghiên cứu và triển khai v.v..

Ở nước ta, trong những năm qua, giới khoa học đã bắt đầu chú ý đến việc áp dụng phương pháp tiếp cận liên ngành. Song bên cạnh những thành tựu đáng ghi nhận, không ít trường hợp mới chỉ dừng lại ở sự lắp ghép có tính hình thức về mặt tổ chức, cán bộ theo số cộng, chứ chưa phải là sự gắn kết hữu cơ để nhân lên sức mạnh tổng hợp của các tri thức khoa học liên ngành.

Về thực chất, giữa các ngành khoa học, nhất là giữa khoa học xã hội nhân văn với khoa học tự nhiên và công nghệ còn có sự tách rời nhau, chưa tạo thành hợp lực để nghiên cứu toàn diện và giải quyết đồng bộ những vấn đề nảy sinh trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và trong sự phát triển của bản thân các ngành khoa học.

Trước tình hình đó, chúng ta càng thấy nổi lên sự sáng suốt và tầm nhìn xa của C. Mác, khi ông đã dự báo từ hơn 150 năm trước : "Về sau khoa học tự nhiên bao hàm trong nó khoa học về con người, cũng như khoa học về con người bao hàm trong nó khoa học tự nhiên" (1).

Thực tế của cuộc cách mạng khoa học và kỹ thuật hiện đại đã hoàn toàn chứng tỏ : tuy mỗi khoa học chuyên ngành đều có vai trò quan trọng của nó trong việc nghiên cứu và giải quyết những vấn đề cụ thể của sản xuất và đời sống, nhưng sự phối kết chặt chẽ giữa các ngành khoa học xã hội và nhân văn với các ngành khoa học tự nhiên và kỹ thuật đã trở thành xu thế và yêu cầu tất yếu khách quan.

Chính do yêu cầu phải nghiên cứu, giải quyết những vấn đề do thực tiễn cuộc sống đặt ra, nên trong những thập kỷ gần đây, trên thế giới đã xuất hiện nhiều môn khoa học mới dựa trên cơ sở liên kết ngay ở bên trong của mỗi ngành tri thức của nhiều chuyên ngành khác nhau. Ví như : khoa học về lao động, tâm lý học kỹ thuật, mỹ thuật công nghiệp, ngôn ngữ học vi tính v.v..

Có thể nói, mấy chục năm trước đây ít ai ngờ rằng một ngành khoa học mũi nhọn của thời đại ngày nay - ngành tin học - lại là con

* Phó giám đốc Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia

(1) C. Mác : *Bản thảo kinh tế - triết học năm 1844*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1962, tr 141

Digitized by Google

đẻ của sự phối kết giữa ngôn ngữ học (thuộc lĩnh vực khoa học nhân văn) với một số ngành khoa học tự nhiên như toán học, vật lý học. Đặc biệt ở giai đoạn phát triển hiện nay của ngành tin học, việc phát minh trí tuệ nhân tạo lại đòi hỏi phải có sự đóng góp trí tuệ ở trình độ cao không chỉ của nhiều ngành khoa học tự nhiên và công nghệ mà còn của một loạt ngành khoa học xã hội và nhân văn, như ngôn ngữ học, tâm lý học và cả triết học nữa.

Song vấn đề ở đây là cần làm gì và làm như thế nào sử dụng và phát huy được sức mạnh của các khoa học liên ngành để nghiên cứu và giải quyết tốt hơn những vấn đề của đất nước trong giai đoạn đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa ?

II

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa có nội dung rất phong phú, song điều cốt lõi là cải biến lao động thủ công, lạc hậu thành lao động sử dụng tiến bộ kỹ thuật và công nghệ hiện đại để đạt tới năng suất lao động xã hội cao.

Để thực hiện được điều cốt lõi này, vấn đề hoàn toàn không đơn giản là chỉ cần có chính sách hấp dẫn thu hút vốn đầu tư, tiếp nhận việc chuyển giao kỹ thuật, công nghệ hiện đại và học tập kinh nghiệm quản lý của bên ngoài, mặc dầu đó là những vấn đề rất quan trọng không thể thiếu. Bởi lẽ kinh nghiệm thực tế của nhiều nước đang phát triển đi vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đã cho thấy mọi nhân tố ngoại sinh - vốn, kỹ thuật, công nghệ, kinh nghiệm quản lý của nước ngoài - chỉ có thể biến thành năng lực nội sinh cho sự phát triển nhanh, lành mạnh, có hiệu quả và bền vững của các quốc gia khi chúng được lựa chọn, tiếp thu và vận dụng phù hợp với điều kiện cụ thể về tự nhiên, kinh tế, xã hội, văn hóa của từng nước.

Vì vậy, để thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhất thiết chúng ta phải nắm quy luật của thiên nhiên nhiệt đới và á nhiệt đới ở nước ta, đồng thời phải hiểu sâu đặc điểm của một nước đang trong quá trình chuyển sang nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa để đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, sớm khắc phục nghèo nàn, lạc hậu, rút ngắn khoảng cách về trình độ phát triển so với các nước trên thế giới, tiến tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng văn minh. Về mặt này, chúng ta không thể trông chờ bên ngoài càng không thể tiếp nhận theo kiểu rập khuôn máy móc mọi sự "chuyển giao" kiến thức của bất cứ ai. Chúng ta phải tự nghiên cứu, tìm tòi phát hiện cho được hệ thống và kết cấu vận hành của các quy luật trong sự tồn tại tự nhiên vốn có và trong sự tác động qua lại với xã hội ở một trình độ phát triển cụ thể của lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất, mà trung tâm là con người với tâm hồn, đạo lý, thị hiếu, giá trị văn hóa của dân tộc.

Nhưng điều nói trên sẽ không thể trở thành sự thật, nếu không có sự kết hợp, phối hợp tốt giữa các ngành khoa học tự nhiên và công nghệ với khoa học xã hội và nhân văn.

Nhìn rộng ra thế giới, trong những thập niên vừa qua, nhiều học giả nước ngoài, nhiều tổ chức quốc tế đã từng cổ vũ và hỗ trợ cho các nước đang phát triển làm theo lý thuyết và mô hình đúc kết từ kinh nghiệm của các nước công nghiệp tiên tiến ở phương Tây. Nhưng trải qua kiểm nghiệm trong thực tiễn, giờ đây nhiều nhà khoa học có đầu óc khách quan của các cơ quan Liên hợp quốc cũng đã phải lên tiếng báo động về các mô hình "phát triển xấu" do quan niệm chưa đúng về công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở các nước đang phát triển. Trong đó, đáng chú ý là ba loại mô hình "phát triển xấu" sau đây :

Một là : Tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa chạy theo sự tăng trưởng kinh tế đơn thuần bằng cách dựa vào các giải pháp kỹ thuật và công nghệ là chủ yếu mà xem nhẹ việc phát huy các nhân tố xã hội, nhân tố con người. Nói cách khác, việc áp dụng các kỹ thuật và công nghệ ngày càng cao để đạt lợi nhuận tối đa cho các nhà tư bản đã đẩy hàng

Digitized by Google

triệu người lao động ra ngoài lề xã hội khiến họ phải sống lay lắt qua ngày bằng những khoản trợ cấp thất nghiệp, trong sự mòn mỏi về thể chất và tha hóa về tinh thần, kéo theo nhiều tệ nạn xã hội nan giải.

Với kết quả của cuộc điều tra xã hội học nghiêm túc tiến hành năm 1993, cựu bộ trưởng giáo dục Mỹ W. Ben-nét (từng làm việc dưới thời tổng thống Ri-gân) đã thừa nhận rằng : sự tăng trưởng liên tục GDP của Hoa kỳ dựa trên những thành tựu mới nhất của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại "còn có thể có một tên gọi khác là sự xuống cấp xã hội" (2). Điều đáng chú ý trong kết quả điều tra của W. Ben-nét là chính sự xuống cấp xã hội (gia đình tan vỡ, ly hôn, tội phạm và bạo lực...) lan tràn ở Mỹ lại góp phần đáng kể vào việc làm tăng GDP. Ví dụ : các luật sư giải quyết ly hôn có thể kiếm được vài tỉ đô la mỗi năm. Nạn cướp bóc gia tăng đã kích thích ngành công nghiệp phòng ngừa tội phạm, bảo vệ tài sản công dân làm ăn phát đạt với doanh thu hơn 65 tỉ đô la/năm v.v..(3).

Hai là : Tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo chủ nghĩa kỹ trị, tách rời môi trường văn hóa, cắt đứt với các giá trị truyền thống ưu tú thì "kết quả thu được sẽ rất khập khiễng, mất cân đối cả về kinh tế lẫn văn hóa, đồng thời tiềm năng sáng tạo của mỗi dân tộc sẽ bị suy yếu đi rất nhiều" (4), như ông Tổng giám đốc cơ quan giáo dục, khoa học, văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) đã nhận xét. Nhưng không phải ngày nay mà ngay từ mấy thế kỷ trước đây, Ra-bơ-le, một nhà văn hóa thời Phục hưng, đã có câu nói nổi tiếng : "Khoa học mà không có lương tâm thì chỉ làm bại hoại tâm hồn" (5). Đầu thế kỷ này, nhà tư tưởng lớn của Ấn độ Ma-hat-ma Găng-đi còn nhấn mạnh : Khoa học mà không có nhân văn thì đó là một trong 7 loại tội xã hội (6).

Ba là : Tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa bằng cách khai thác cạn kiệt tài nguyên, phá vỡ sự cân bằng sinh thái, gây ô nhiễm môi trường sẽ kéo theo những hậu quả không thể lường được đối với sự sống trên hành tinh chúng ta.

Cũng vẫn theo nhận xét của một số học giả Hoa kỳ, điều trớ trêu là "thực tế ô nhiễm môi trường ở Mỹ" - một nước đã đạt tới trình độ công nghiệp hóa, hiện đại hóa cao nhất thế giới - "lại đóng góp hai lần vào việc làm tăng tổng sản phẩm quốc nội" : lần thứ nhất, một nhà máy hóa chất nào đó trong khi tạo ra một số lượng sản phẩm nhất định góp phần thúc đẩy tăng trưởng GDP, thì cũng đồng thời gây ra sự ô nhiễm môi trường như một sản phẩm song hành. Lần thứ hai, một nhà máy khác lại phải sản xuất ra một loại sản phẩm khác để xử lý các chất độc hại và dĩ nhiên điều đó cũng được tính vào tăng trưởng GDP (7).

Những mô hình "phát triển xấu" kể trên đã cung cấp những bài học rất bổ ích, dù đó là bài học phản diện và nó nhắc nhở chúng ta phải tính toán cặn kẽ khi vạch các kế hoạch tiến vào tương lai.

Không có một ngành khoa học riêng lẻ nào, thậm chí không có một nhóm ngành khoa học tự nhiên và công nghệ hay khoa học xã hội và nhân văn nào tách biệt ra có thể đề xuất những giải pháp đúng đắn, toàn diện cho việc phòng ngừa và khắc phục các loại mô hình "phát triển xấu" đó.

Do vậy, đối với nước ta hiện nay, các ngành khoa học xã hội và nhân văn phải phối hợp chặt chẽ với các ngành khoa học tự nhiên và công nghệ để đi sâu nghiên cứu và tìm ra câu trả lời thỏa đáng cho những "bài toán thực tiễn" khó, những phương án phát triển kinh tế - xã hội phức tạp và hầu như chưa có tiền lệ trong lịch sử :

---

(2), (3) Dẫn theo C. Cobb, T. Halstead : *If the GDP is up, why is America down ?* (Nếu GDP tăng, tại sao nước Mỹ lại đi xuống ?) *The Atlantic Monthly review* 10-1995, p. 65

(4) Federico Mayor : *Diễn văn tại lễ phát động thập kỷ quốc tế phát triển văn hóa*, Paris, 21-1-1988

(5) Dẫn theo *Phương pháp luận về vai trò của văn hóa trong phát triển*, Nxb Khoa học xã hội, Hà nội, 1993, tr 48

(6) Danh ngôn của Găng-đi ghi tại khu tưởng niệm ông ở Niu Đê-li

(7) C. Cobb, T. Halstead : Tài liệu đã dẫn, tr 66

Digitized by Google

- Làm sao vừa kịp thời nắm bắt, tiếp thu, làm chủ và cải tiến các công nghệ cao của thế giới để đi nhanh vào hiện đại ở những khâu quyết định của sản xuất, kinh doanh nhằm nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, từng bước giành lấy phần thắng trong cuộc đua tranh "ai thắng ai" trên thị trường vừa coi trọng kết hợp công nghệ truyền thống với công nghệ hiện đại, áp dụng công nghệ thích hợp để tạo ra được nhiều công ăn việc làm, giảm bớt tỷ lệ thất nghiệp ở thành thị và nâng tỷ lệ thời gian lao động có ích ở nông thôn.

- Làm sao giữ được cân đối, hài hòa giữa thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, trên nền tảng của những thành tựu khoa học và công nghệ, với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và trong suốt quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ; quyết không hy sinh công bằng xã hội, hy sinh con người để chạy theo tăng trưởng kinh tế đơn thuần.

- Làm sao tiếp tục mở cửa tăng cường giao lưu hợp tác quốc tế để hội nhập với thế giới trong xu thế toàn cầu hóa và khu vực hóa hiện nay, đồng thời vẫn bảo vệ và phát huy được bản sắc văn hóa dân tộc, xem đó là nguồn năng lực nội sinh đóng vai trò quyết định cho việc lựa chọn, tiếp thu và vận dụng các nguồn lực ngoại sinh (vốn, kỹ thuật, công nghệ, kinh nghiệm quản lý của nước ngoài) để đạt tới sự phát triển nhanh, lành mạnh của đất nước.

- Làm sao khai thác và sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên, nhất là các tài nguyên có khả năng tái sinh của một vùng thiên nhiên nhiệt đới, thực hiện một kiểu công nghiệp hóa, hiện đại hóa thân môi trường nhằm xác lập mối quan hệ cộng sinh, bền vững giữa con người với tự nhiên, đảm bảo nâng cao chất lượng sống của mọi người dân thuộc thế hệ hôm nay và các thế hệ mai sau theo đạo lý tốt đẹp của dân tộc : "tre già để gốc cho măng" chứ không phải kiểu phát triển tàn phá môi trường để đến nỗi "đời cha ăn mặn, đời con khát nước", như ông cha ta cũng đã từng cảnh báo.

III

Trên thực tế, giải quyết tốt những vấn đề vĩ mô đã khó, ở tầm vi mô, sự kết hợp, phối hợp giữa khoa học tự nhiên và công nghệ với khoa học xã hội nhân văn cũng không đơn giản chút nào. Có thể thấy điều này qua một số ví dụ sau :

Chẳng hạn, *vấn đề tiếp tục giảm tỷ lệ tăng dân số tự nhiên.* Trong những năm qua, nhờ thực hiện chương trình dân số - kế hoạch hóa gia đình, tỷ lệ tăng dân số ở nước ta đã dần dần giảm xuống từ 3,0% ở thời kỳ 1975 - 1980 xuống còn khoảng 2% từ năm 1994 đến nay. Tuy vậy, so với nhiều nước trong khu vực, thì tỷ lệ tăng dân số của Việt nam vẫn thuộc loại cao (thời kỳ 1985 - 1990, tỷ lệ tăng dân số của Hàn quốc là 1%, Trung quốc : 1,17%, Thái lan : 1,7%...).

Với tốc độ đó, mỗi năm dân số nước ta tăng thêm khoảng 1,5 triệu người, bằng số dân của một tỉnh trung bình. Không có một sự phát triển kinh tế thần kỳ nào, không có một chương trình tạo việc làm, một quy mô xây dựng nhà ở, trường học, bệnh viện... to lớn nào có thể đáp ứng được sự tăng vọt dân số ấy. Do đó, vấn đề tiếp tục giảm tỷ lệ tăng dân số trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa là rất cấp bách. Tuy nhiên, không thể giải quyết vấn đề này bằng những biện pháp y học và kỹ thuật đơn thuần. Đây là điều có liên quan đến một loạt vấn đề về tâm lý xã hội, quan niệm hạnh phúc gia đình, trình độ dân trí, sinh hoạt văn hóa, nuôi dưỡng người già không nơi nương tựa v.v.. Do vậy, để thực hiện được mục tiêu giảm tỷ lệ tăng dân số xuống dưới 1,8% vào năm 2000, thì cần có sự phối hợp tốt hơn giữa ngành y tế với các ngành xã hội học gia đình, tâm lý học, văn hóa, giáo dục...

Hoặc như vấn đề chống tham nhũng ở nước ta đang trở thành vấn đề chính trị - xã hội rất nhức nhối hiện nay, mà nếu không giải quyết dứt điểm thì chẳng những sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa sẽ bị cản trở, mà

Digitized by Google

còn có nguy cơ đe dọa đến sự tồn vong của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc. Để ngăn chặn và đẩy lùi "quốc nạn" này, thời gian vừa qua Đảng và Nhà nước đã đề ra nhiều chỉ thị, nghị quyết. Khóa họp mới đây của Quốc hội cũng đã quyết định sớm xây dựng và ban hành Pháp lệnh chống tham nhũng. Đó là việc làm rất quan trọng và cần thiết. Song theo chúng tôi, Pháp lệnh chống tham nhũng (cũng như Luật chống tham nhũng sau này) không nên chỉ quan tâm đến những khía cạnh pháp lý, kỹ thuật của vấn đề mà còn cần chú ý đến cả khía cạnh tâm lý nữa.

Cách đây hơn 10 năm, nhà nước ta đã ban hành pháp lệnh chống tệ hối lộ. Pháp lệnh đó tuyên bố trừng trị nghiêm cả kẻ đưa hối lộ và kẻ nhận hối lộ. Như vậy vô hình trung đã tạo ra môi trường pháp lý đẩy cả hai kẻ tội phạm bí mật thông đồng với nhau, bịt kín mọi đầu mối, khó có cách gì phát hiện ra được. Lẽ ra, chỉ cần tuyên bố trừng trị rất nghiêm khắc kẻ nhận hối lộ, đồng thời để ngỏ khả năng cho kẻ đưa hối lộ (dù là chủ động hay bị ép buộc) bất cứ lúc nào cũng có thể đến tố cáo trước nhà chức trách và được miễn tội.

Về mặt này, Sắc lệnh số 223 ngày 27-11-1946 về việc trừng trị các tội nhận, đưa hối lộ, biển thủ công quỹ do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký đã nêu lên một kinh nghiệm điển hình. Sắc lệnh đó quy định "phạt khổ sai từ 5 năm đến 20 năm và phạt bạc gấp đôi tang vật hối lộ, phù lạm hay biển thủ. Người phạm tội còn có thể bị xử tịch thu nhiều nhất là đến ba phần tư gia sản". Nhưng nếu "người phạm tội đưa hối lộ cho một công chức mà tự ý cáo giác cho nhà chức trách... và chứng minh rằng đã đưa hối lộ vì bị cưỡng bách ước hứa hay là dùng cách trá ngụy thì người ấy được miễn hết cả tội" (8). Việc quy định cách trừng phạt như trên bề ngoài tưởng như lỏng lẻo, nhưng thực chất là đã tạo ra một mâu thuẫn tâm lý tiềm tàng giữa kẻ định đưa hối lộ và kẻ có thể nhận hối lộ khiến cho hai kẻ đó không dễ dàng lao vào con đường phạm pháp.

Dĩ nhiên cuộc đời không phải bao giờ cũng giản đơn như vậy. Song đưa ra điều đó, chúng tôi chỉ muốn nhấn mạnh : ngay trong khoa học pháp lý cũng cần vận dụng tri thức của các ngành khoa học khác, trong đó có việc áp dụng phương pháp theo dõi, điều tra bằng các phương tiện kỹ thuật tinh xảo, nhưng không thể không coi trọng tâm lý học xã hội.

Còn nhớ một đoạn rất hay trong "Binh thư yếu lược" : "Tướng mà dậy sớm, khuya nằm, lời lẽ kín đáo, đó là tướng chỉ huy được 100 người. Tướng mà ngoài mặt hăm hở, trong lòng ân cần, biết người khó nhọc, thương kẻ đói rét, đó là tướng chỉ huy được 1000 người. Tướng mà gần người hiền, tiến người tài, thành thực rộng rãi, đó là tướng chỉ huy được 10 000 người. Tướng mà dùng nhân ái đối với kẻ dưới, lấy tín nghĩa phục nước láng giềng, trên biết thiên văn, dưới biết địa lý, giữa biết việc người, coi bốn biển như một nhà, đó là tướng... không ai địch nổi" (9).

Như vậy, trong lĩnh vực quân sự, người xưa cũng đã coi vị tướng nào nắm được cả khoa học tự nhiên (thiên văn, địa lý) lẫn khoa học xã hội và nhân văn (lòng người) thì mới trở thành vị tướng vô địch trong thiên hạ.

Ngày nay, trong điều kiện mới, chúng ta hoàn toàn có cơ sở để tin rằng một khi Đảng và Nhà nước ta đề ra được chiến lược và các chính sách đúng đắn để sử dụng và phát huy được sức mạnh tổng hợp của các ngành khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên và công nghệ của nước nhà, thì nhất định chúng ta sẽ hoàn thành thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.❑

---

(8) Tư liệu lịch sử : "Sắc lệnh đầu tiên của chính phủ về ấn định hình phạt tội đưa và nhận hối lộ, Xem báo *Nhân dân* ngày 27-11-1996

(9) Xem : *Lịch sử Việt nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà nội, 1971, t 1, tr 201 và bài giới thiệu của Văn Tân về cuốn *Binh thư yếu lược*, Nxb Khoa học xã hội, Hà nội, 1977 (in lần thứ hai), tr 10-11

Digitized by Google

VỐN VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN PHỤC VỤ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

TÀO HỮU PHÙNG *

NẾU so với các nước công nghiệp phát triển, nước ta đã tụt hậu tới cả trăm năm về trình độ công nghệ. So với những nước trong khu vực Đông - Nam Á, nước ta cũng đã tụt hậu tới vài chục năm. Trong thời đại hiện nay, khi mà những thành tựu khoa học - công nghệ đang là động lực quan trọng cho sản xuất, thì sự tụt hậu về trình độ công nghệ là một trong những nguyên nhân trực tiếp dẫn tới sự tụt hậu về kinh tế. Đại hội VIII của Đảng đã chỉ rõ : "*Giai đoạn từ nay đến năm 2000 là bước rất quan trọng của thời kỳ phát triển mới - đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*" (1). Để thực hiện mục tiêu này, chúng ta cần thực hiện hàng loạt những chính sách, trong đó một vấn đề quan trọng phải kể đến là vốn đầu tư, vì vốn là một tiền đề cơ bản cho mọi hoạt động sản xuất kinh doanh.

I - NHU CẦU VỀ VỐN

Kinh nghiệm các nước cho thấy rằng trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhu cầu về vốn thường hết sức căng thẳng. Ở nước ta, muốn đạt mục tiêu tăng trưởng kinh tế 9 - 10% từ nay đến năm 2000 như Đại hội VIII của Đảng đã đề ra, thì chúng ta phải nâng dần tỷ lệ đầu tư toàn xã hội (so với GDP) lên tới 30% vào năm 2000, tức là nhu cầu về vốn trong giai đoạn 1996 - 2000 cần khoảng 41 - 42 tỉ USD (tính theo mặt bằng giá năm 1995). Trong tổng nhu cầu vốn nói trên, 50% có thể huy động từ các nguồn lực trong nước, số còn lại sẽ được huy động từ bên ngoài dưới các hình thức khác nhau. Vốn trong nước sẽ được huy động chủ yếu từ bốn nguồn. Cụ thể là :

- Vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước. Trong giai đoạn 1996 - 2000 dự tính sẽ huy động vốn đầu tư phát triển từ ngân sách nhà nước đạt khoảng 5,5 - 6% GDP và bằng 21% tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội.

- Vốn tín dụng ưu đãi của nhà nước dự tính sẽ đạt khoảng 16,6% tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội, trong đó vốn huy động từ dân cư dưới hình thức phát hành trái phiếu chính phủ và thu hồi nợ cũ chiếm 7%, vốn nhà nước huy động từ nước ngoài cho vay lại chiếm 9,6%.

- Vốn đầu tư phát triển của các doanh nghiệp nhà nước, dự kiến chiếm khoảng 14 - 15% tổng vốn đầu tư xã hội.

- Vốn đầu tư phát triển của dân cư sẽ chiếm khoảng 16 - 17% tổng vốn đầu tư toàn xã hội trong giai đoạn 1996 - 2000.

Tuy nhiên, nếu tính riêng cơ cấu vốn đầu tư phát triển trong nước thì vốn đầu tư từ ngân sách chiếm 25%, vốn tín dụng ưu đãi của nhà nước chiếm 14%, vốn tự đầu tư của doanh nghiệp 28% và vốn của dân cư chiếm khoảng 33%. Một nguồn đầu tư phát triển rất quan trọng khác cần được tích cực huy động có hiệu quả trong thời gian tới là các nguồn vốn nước ngoài ; trong đó, tập trung mạnh vào các nguồn như : đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), vay ODA và các hình thức vay nợ với lãi suất ưu đãi khác. Dự kiến nguồn vốn FDI đưa vào thực hiện chiếm 31% và vốn ODA chiếm khoảng 17% tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội. Nhưng một vấn đề cơ bản đang được đặt ra rất cấp bách đối với các nhà lập chính sách, các nhà quản lý và các nhà khoa học trong cả nước là làm thế nào để có thể huy động được vốn đáp ứng về cơ bản nhu cầu vốn đầu tư nói trên.

---

* GS, TS, Thứ trưởng Bộ tài chính

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1996, tr 167

Digitized by Google

II - CÁC GIẢI PHÁP HUY ĐỘNG VỐN

Trong việc tìm kiếm các giải pháp huy động vốn đầu tư phát triển nền kinh tế trong thời gian tới, cần quán triệt quan điểm của Đảng và Nhà nước coi vốn trong nước là quyết định, vốn bên ngoài là quan trọng. Trên cơ sở đó chúng ta cần để ra hệ thống giải pháp huy động vốn phù hợp với từng giai đoạn phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Mặt khác, trong giai đoạn 1996 - 2000 và các năm tiếp theo, ở nước ta có nhu cầu vốn đầu tư phát triển rất lớn, nhưng khả năng đáp ứng của ngân sách nhà nước thì có hạn. Do đó, chúng ta cần thống nhất chủ trương của nhà nước là đa dạng hóa các nguồn và các giải pháp huy động vốn nhằm huy động sự đóng góp nhân lực, vật lực, tài lực của các tổ chức kinh tế - xã hội, của các tầng lớp dân cư và của toàn xã hội cho đầu tư phát triển, phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Thực tế cho thấy, việc huy động vốn đầu tư phát triển ở nước ta thời gian qua còn có một số mặt hạn chế và tồn tại cần được khắc phục. Đó là các hình thức và công cụ huy động vốn còn nghèo nàn, đơn giản, thiếu tính hấp dẫn người đầu tư ; chính sách lãi suất còn có sự bất cập với cơ chế thị trường, gây khó khăn cho việc huy động vốn ; hệ thống pháp lý bảo đảm an toàn về vốn và tài sản cho các đối tượng vay và cho vay chưa đầy đủ và đồng bộ gây tiêu cực trong nền kinh tế, như tham nhũng, lãng phí và thất thoát tài sản trong toàn bộ nền kinh tế. Trong thời gian tới, nhà nước cần nghiên cứu và ban hành chính sách huy động vốn chung trong nền kinh tế gắn với việc đề ra các giải pháp huy động cụ thể đối với từng nguồn vốn. Đặc biệt là các giải pháp huy động vốn đầu tư phát triển một số lĩnh vực kinh tế - xã hội có ý nghĩa quan trọng :

Một là, đối với nguồn vốn từ ngân sách nhà nước. Cần tiếp tục cải cách thuế giai đoạn hai, nhanh chóng đưa vào cuộc sống các loại thuế VAT, thuế thu nhập công ty, thuế thu nhập cá nhân. Việc cải cách thuế sẽ bảo đảm được nhu cầu tăng thu cho ngân sách nhà nước hằng năm, bao quát hết nguồn thu, xóa bỏ hiện tượng thuế trùng lên thuế. Mặt khác, nó tạo điều kiện thúc đẩy sản xuất phát triển và tạo môi trường kinh doanh bình đẳng hơn cho các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế. Bên cạnh việc hoàn thiện các sắc thuế cần phải hoàn thiện cơ chế quản lý thu thuế, đặc biệt là công tác chống thất thu thuế, chống buôn lậu, chống làm hàng giả trên cơ sở có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cấp, các ngành dưới sự chỉ đạo thường xuyên, tích cực và sáng tạo của các cấp ủy đảng, chính quyền. Tập trung kịp thời các nguồn thu vào ngân sách nhà nước và bảo đảm kế hoạch thu của ngân sách nhà nước hàng năm do Quốc hội phê duyệt, góp phần giải quyết các yêu cầu chi của ngân sách nhà nước trong từng thời kỳ. Việc tăng thu ngân sách nhà nước là để tạo nguồn tăng chi cho đầu tư phát triển. Phấn đấu thực hiện tiết kiệm triệt để các khoản chi tiêu dùng chưa thực sự bức bách (như mua sắm trang thiết bị văn phòng hiện đại, chi hội nghị, hội thảo, chi xây dựng trụ sở, mua xe ô tô...) để tập trung tạo vốn cho đầu tư phát triển, nhất là đầu tư phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) của Đảng. Tuy nhiên, để có thể tăng tỷ lệ chi của ngân sách nhà nước cho đầu tư phát triển trong thời gian tới, cần đổi mới mạnh cơ cấu chi ngân sách nhà nước theo hướng dành một tỷ trọng cao hơn của chi ngân sách nhà nước cho mục tiêu đầu tư phát triển (khắc phục tình trạng nặng về chi cho tiêu dùng như hiện nay). Ngoài việc tập trung các khoản chi cho các công trình xây dựng cơ sở hạ tầng có trọng tâm, trọng điểm theo chương trình chi tiêu công cộng của nhà nước, cần dành một tỷ lệ chi nhất định hỗ trợ chi cho các doanh nghiệp nhà nước lớn, có ý nghĩa quan trọng trong việc thực hiện các cân đối lớn của nền kinh tế để nuôi dưỡng các nguồn thu của ngân sách nhà nước, nhằm nâng cao vai trò chủ đạo của khu vực kinh tế nhà nước trong nền kinh tế.

Hai là, đối với việc thu hút vốn thông qua hoạt động tín dụng ưu đãi của nhà nước. Cần tăng cường huy động vốn đầu tư cho ngân sách nhà nước bằng việc đẩy mạnh công tác phát

Digitized by Google

hành các loại trái phiếu chính phủ, nhất là các loại trái phiếu trung và dài hạn. Tạo điều kiện thuận lợi để huy động các nguồn vốn vay nước ngoài với lãi suất ưu đãi để thực hiện việc cho vay lại của nhà nước cho đầu tư phát triển. Nâng cao sức mạnh tài chính của Quỹ hỗ trợ đầu tư quốc gia trong việc khuyến khích cho vay phát triển kinh tế, đồng thời lấy Quỹ hỗ trợ đầu tư quốc gia là cơ sở để thu hút thêm một lượng vốn bổ sung trong xã hội cho đầu tư phát triển. Ngoài ra, việc thu hút vốn vay ưu đãi của nước ngoài cũng cần chú trọng hơn đến chất lượng của công tác lập dự án đầu tư nhằm xây dựng một danh mục dự án có tính khả thi cao, đủ sức hấp dẫn các chủ đầu tư nước ngoài.

Ba là, đối với việc huy động các nguồn vốn từ khu vực doanh nghiệp. Cần thực hiện chế độ tiết kiệm trong sản xuất, tiết kiệm trong chi phí kinh doanh để tăng lợi nhuận của doanh nghiệp, từ đó tạo cơ sở tăng tích lũy cho mở rộng sản xuất, nâng cao trình độ công nghệ, kỹ thuật sản xuất để nâng cao khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và có điều kiện vươn ra thị trường nước ngoài, trước hết là thị trường các nước thuộc khối ASEAN. Thực hiện đa dạng hóa các hình thức thu hút vốn của các doanh nghiệp như phát hành cổ phiếu, trái phiếu, liên doanh, liên kết. Xúc tiến mạnh cổ phần hóa một số doanh nghiệp nhà nước, coi đó là một trong những giải pháp huy động vốn có hiệu quả. Thực hiện việc để lại khấu hao cơ bản cho các doanh nghiệp nhà nước để tái đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh trên cơ sở kết hợp với việc sử dụng các công cụ thuế, khuyến khích các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế sử dụng lợi nhuận để lại tái đầu tư. Mặt khác, trong điều kiện tích lũy của các doanh nghiệp còn hạn hẹp, cần cho phép các doanh nghiệp vay ngân hàng thương mại với lãi suất có thể chấp nhận được để đầu tư cho một số công trình sản xuất mới có trình độ công nghệ cao, thật sự cần thiết cho nền kinh tế trong công cuộc đổi mới hiện nay. Đương nhiên, cần bảo đảm nguyên tắc "tự vay, tự trả" nhằm tạo điều kiện vật chất để hoàn trả các khoản vay đúng thời hạn hợp đồng.

Bốn là, đối với việc huy động các nguồn vốn trong xã hội, trong các tầng lớp dân cư. Cần tạo ra một môi trường đầu tư thuận lợi, nhất là môi trường pháp lý bảo đảm được an toàn về tài sản của các đối tượng tham gia các hoạt động vay và cho vay, xác định rõ trách nhiệm vay và trả nợ. Đặc biệt là luật pháp hóa sự đóng góp công sức của nhân dân vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên cơ sở ban hành một pháp lệnh về huy động lao động công ích. Đồng thời cần có cơ chế, chính sách và luật pháp khuyến khích các tầng lớp nhân dân bỏ vốn đầu tư phát triển sản xuất, làm giàu chính đáng, tạo việc làm và nâng cao thu nhập, góp phần cải thiện đời sống vật chất. Tạo ra một môi trường giao lưu vốn trong nền kinh tế trên cơ sở phát triển mạnh thị trường vốn. Coi trọng việc xây dựng hệ thống các trung gian tài chính với chức năng mua và bán vốn, trong đó có các quỹ đầu tư như quỹ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng đô thị (được hình thành trên cơ sở có đóng góp của ngân sách nhà nước, của các tổ chức kinh tế - xã hội, của các tầng lớp dân cư, các nguồn viện trợ nước ngoài), quỹ đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn (được thành lập trên cơ sở đóng góp bằng hiện vật, như thóc, vật liệu xây dựng, bằng tiền, bằng ngày công lao động của nhân dân trong địa bàn...), quỹ đầu tư phát triển giao thông, nhất là ở vùng núi, vùng sâu, vùng xa trên cơ sở sự đóng góp của ngân sách nhà nước, của các tổ chức kinh tế - xã hội, của nhân dân địa phương (chủ yếu là ngày công lao động) và một phần viện trợ của nước ngoài. Việc thành lập và đưa vào hoạt động có hiệu quả các quỹ nói trên sẽ góp phần quan trọng vào việc cải thiện chất lượng cơ sở hạ tầng ở các khu vực trong cả nước, cải thiện môi trường giao lưu hàng hóa dịch vụ sản xuất kinh doanh, đặc biệt là các dịch vụ tài chính phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

III - NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ

Một trong những khâu rất quan trọng gắn liền với việc tích lũy vốn đầu tư là việc phân bổ và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư trong nền kinh tế. Việc này tập trung vào mấy điểm :

Digitized by Google

1 - Đối với việc phân bổ các nguồn vốn và việc nâng cao hiệu quả sử dụng vốn trong nền kinh tế. Trước đây, trong cơ chế cũ việc phân bổ các nguồn vốn được thực hiện theo kế hoạch và các biện pháp mệnh lệnh hành chính. Từ khi thực hiện công cuộc đổi mới đến nay, cơ chế phân bổ các nguồn vốn đã có sự thay đổi. Đã xuất hiện nhiều công cụ phân bổ vốn có hiệu quả và phù hợp với cơ chế mới, góp phần tạo ra một môi trường giao lưu vốn khá thông thoáng. Đó là các hình thức liên doanh, liên kết, góp vốn cổ phần để thành lập các công ty mới, phát hành cổ phiếu, trái phiếu... tạo ra môi trường cho người có vốn có thêm các cơ hội để lựa chọn các hình thức đầu tư. Tuy nhiên, cơ chế phân bổ vốn hiện nay trong nền kinh tế còn có một số hạn chế nhất định. Đó là vấn đề lãi suất và môi trường phân bổ vốn chưa thực sự phù hợp với cơ chế thị trường.

2 - Về vấn đề lãi suất. Trong thời gian qua, chúng ta đã từng bước đổi mới cơ chế và chính sách lãi suất góp phần tích cực vào việc thúc đẩy sản xuất phát triển. Tuy nhiên, chính sách lãi suất của ta còn có một số điều bất cập, chưa phù hợp với cơ chế thị trường. Thời gian qua, trên thị trường tiền tệ ở nước ta có tình trạng đọng vốn ở các ngân hàng thương mại, còn các doanh nghiệp lại thiếu vốn. Về lâu dài, nên tạo điều kiện môi trường để lãi suất được hình thành theo cơ chế thị trường. Trước mắt, các ngân hàng thương mại cần đẩy mạnh cải tiến công nghệ, kỹ thuật, dịch vụ gắn với việc giảm chi phí quản lý để tạo cơ sở giảm lãi suất đến mức hợp lý nhất, nhằm góp phần thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh phát triển, góp phần thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

3 - Về các công cụ phân bổ các nguồn vốn. Lâu nay, ở nước ta hệ thống các ngân hàng là một công cụ gián tiếp duy nhất thực hiện việc phân bổ các nguồn vốn trong nền kinh tế. Do đó, việc phân bổ còn có nhiều hạn chế, gây ảnh hưởng nhất định đến sự phát triển kinh tế - xã hội ở trong nước. Tuy nhiên, từ khi thực hiện chủ trương đổi mới đến nay, đã xuất hiện một công cụ phân bổ vốn trực tiếp có ý nghĩa rất quan trọng, đó là các loại chứng khoán. Điều đáng chú ý là ở nước ta đến nay vẫn chưa có thị trường chứng khoán. Trong thời gian tới, cần có các giải pháp tích cực để thúc đẩy mạnh thị trường vốn phát triển, đặc biệt là sự hình thành thị trường chứng khoán. Bởi vì, việc mở rộng các hình thức thu hút vốn trực tiếp thông qua phát hành chứng khoán sẽ cung cấp một cơ chế giám sát chặt chẽ hơn, trong đó chính những người cho vay vốn sẽ là những người trực tiếp tham gia quá trình giám sát không chỉ việc sử dụng số vốn huy động nói riêng mà là tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung của doanh nghiệp. Chính vì vậy, việc hình thành thị trường chứng khoán sẽ tạo ra một môi trường và hệ thống các công cụ đánh giá hiệu quả sử dụng vốn của nền kinh tế.

4 - Coi tiết kiệm là quốc sách. Việc thiết lập các công cụ đánh giá hiệu quả sử dụng vốn trong nền kinh tế cần phải quán triệt chủ trương tiết kiệm trong sản xuất, tiêu dùng và trong chi ngân sách của nhà nước là quốc sách. Bởi vì, tiết kiệm là một giải pháp chung nhất để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Bài học tiết kiệm để xây dựng và thúc đẩy nền kinh tế phát triển ở nước Nhật rất đáng để cho chúng ta suy ngẫm. Đương nhiên để thực hiện được mục tiêu trên, cần tiếp tục thực hiện đổi mới chế độ kế toán, kiểm toán để nhanh chóng tạo ra hệ thống các công cụ phản ánh chính xác tình hình và hiệu quả sử dụng vốn trong các đơn vị kinh tế - xã hội, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý vốn đầu tư phát triển trong toàn bộ nền kinh tế.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta là sự nghiệp của toàn đảng, toàn dân. Do đó, Đảng và Nhà nước cần có chủ trương, chính sách, cơ chế và luật pháp đồng bộ để huy động sức mạnh tổng hợp của toàn xã hội gắn chặt với việc phân bổ và sử dụng các nguồn lực huy động được một cách có hiệu quả để góp phần thực hiện thành công nhiệm vụ xây dựng đất nước với mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh và hạnh phúc.❑

Digitized by Google

VỀ XÂY DỰNG CÁC TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH

LÊ QUANG THƯỞNG *

I - Tiếp nối cuộc vận động xây dựng chi bộ, đảng bộ cơ sở 4 tốt theo Chỉ thị của Ban bí thư khóa III từ những năm 60, việc tiến hành xây dựng các tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh ở các đảng bộ trong cả nước theo Chỉ thị 55 CT/TƯ ngày 14-10-1978 của Ban bí thư khóa V và các chỉ thị của Ban bí thư khóa VI, đã thu được nhiều kết quả và kinh nghiệm tốt. Tuy nhiên do tình hình đất nước những năm đó gặp nhiều khó khăn, thử thách gay gắt và trong quá trình chuyển từ cơ chế quản lý tập trung, quan liêu, bao cấp sang cơ chế quản lý mới, đã đặt ra cho các tổ chức cơ sở đảng những yêu cầu mới ; một số không ít tổ chức cơ sở đảng không theo kịp đòi hỏi của công cuộc đổi mới, có sự giảm sút về vai trò lãnh đạo và chất lượng sinh hoạt đảng ; số tổ chức cơ sở đảng đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh ở các vùng, các khu vực phổ biến chỉ còn 25-30%, số tổ chức cơ sở đảng yếu kém tăng lên nhiều, có nơi 20-30%.

Từ sau khi có Nghị quyết Trung ương 3 khóa VII về một số nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn đảng, các cấp ủy đã tập trung chỉ đạo việc đổi mới và chỉnh đốn các tổ chức cơ sở đảng, tạo ra những chuyển biến quan trọng về tăng cường sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của nhiều tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên, bảo đảm cho công cuộc đổi mới toàn diện đất nước đạt được những thắng lợi to lớn, có ý nghĩa quan trọng.

Theo hướng dẫn của Ban tổ chức trung ương và sự chỉ đạo trực tiếp của các cấp ủy tỉnh, huyện và tương đương, nhiều tổ chức cơ sở đảng đã đăng ký phấn đấu để đạt danh hiệu tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh với 5 tiêu chuẩn quy định. Số tổ chức cơ sở đảng đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh dần dần tăng lên, bình quân chung hiện nay là trên 50% ; số tổ chức đảng yếu kém giảm, còn khoảng trên dưới 10%.

Nhiều tỉnh, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Trung ương đã tiến hành việc sơ kết, rút kinh nghiệm, biểu dương, khen thưởng những tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh tiêu biểu (trên cơ sở kiểm tra, đánh giá những tổ chức cơ sở đảng đạt tiêu chuẩn do cấp ủy huyện và tương đương đề nghị), đồng thời đề ra một số giải pháp để chủ động thực hiện công tác này đạt kết quả cao hơn trong thời gian tới. Các cấp ủy và tổ chức đảng cũng đã đề nghị với Trung ương xem xét biểu dương, khen thưởng trên *160 tổ chức cơ sở đảng* trong sạch, vững mạnh tiêu biểu xuất sắc nhất.

Ở khu vực nông thôn, tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh đã đi đầu trong việc lãnh đạo việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế, phát triển ngành nghề, xóa đói, giảm nghèo, làm giàu chính đáng, xây dựng các công trình phúc lợi và cơ sở hạ tầng của sản xuất và đời sống nhân dân. Ở các doanh nghiệp, tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh đã vươn lên lãnh đạo nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đổi mới công nghệ và cơ chế quản lý, từng bước thích ứng với cơ chế thị trường, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và bảo đảm quyền làm chủ của tập thể lao động. Tại các cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp, tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh đã lãnh đạo phát huy rõ nét hơn tính tích cực, chủ động của cán bộ, công chức, viên chức trong việc phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ chuyên môn, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước, phục vụ có hiệu quả các mặt sản xuất và đời sống nhân dân. Ở các đơn vị quân đội và công an, tổ chức cơ sở

* Phó trưởng Ban tổ chức trung ương

Digitized by Google

đảng trong sạch, vững mạnh đã làm tốt nhiệm vụ lãnh đạo xây dựng các đơn vị vững mạnh toàn diện, đáp ứng yêu cầu giữ vững an ninh, quốc phòng trong tình hình mới. Các tổ chức cơ sở đảng đạt được tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh cũng đã quan tâm đến các mặt xây dựng Đảng về tư tưởng và tổ chức, chăm lo xây dựng và phát huy vai trò hoạt động của chính quyền, cơ quan quản lý và các đoàn thể ở cơ sở.

Trong hàng vạn tổ chức cơ sở đảng đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh, đã được các cấp ủy xem xét, biểu dương, có nhiều tổ chức cơ sở đảng tiêu biểu, có từ 10 đến 15 năm liên tục đạt tiêu chuẩn tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh như : nhà máy cơ điện Trần phú ; phường Cửa đông - quận Hoàn kiếm, xã Dục tú - huyện Đông anh (Hà nội) ; bệnh viện Phụ sản (TP Hồ Chí Minh) ; xã Dũng phong - huyện Kỳ sơn, trường phổ thông trung học Hoàng Văn Thụ (tỉnh Hòa bình) ; xã Đại đồng - huyện Thạch thất, xã Hồng dương - huyện Thanh oai (Hà tây) ; xã Thụy vân - thành phố Việt trì, Công ty Supe phốt phát và hóa chất Lâm thao (tỉnh Vĩnh phú) ; xã Hồng việt - huyện Đông hưng (tỉnh Thái bình) ; xã Nghĩa lợi - huyện Nghĩa hưng (tỉnh Nam hà) ; xã Thương kiệm - huyện Kim sơn (tỉnh Ninh bình) ; xã Thường sơn - huyện Đô lương (tỉnh Nghệ an) ; xã Vạn bình - huyện Vạn ninh (tỉnh Khánh hòa) ; xã Vĩnh chấp - huyện Vĩnh linh (tỉnh Quảng trị) ; thị trấn An thạnh - huyện Thuận an (tỉnh Sông bé) ; chi bộ Đồn 827 Sa mát (tỉnh Tây ninh) ; Nông trường Cẩm mỹ (tỉnh Đồng nai)... Có những tổ chức cơ sở đảng trong vài ba năm gần đây đã từ yếu kém vươn lên xuất sắc như ở xã Hà lễ, huyện Kim thi (tỉnh Hải hưng) ; Công ty Viphacô (tỉnh Sông bé)...

Tuy nhiên đi sâu nghiên cứu, khảo sát tình hình thực tế, chúng ta có thể thấy chất lượng các tổ chức cơ sở đảng rất không đồng đều. Không ít cơ sở ở các vùng, các khu vực, nhất là trong các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, cơ quan hành chính, vùng sâu, vùng xa đô thị... vẫn còn nhiều khó khăn, yếu kém. Các cơ sở đó chưa làm tốt nhiệm vụ tự đổi mới, tự chỉnh đốn, chưa thực hiện đúng chức năng lãnh đạo theo quy định ; tình hình kinh tế - xã hội phát triển chậm, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, nội bộ đảng chưa được củng cố vững chắc, tư tưởng đảng viên và quần chúng có những diễn biến phức tạp, các mặt tiêu cực chưa được phát hiện và xử lý ; niềm tin của nhân dân với cán bộ, đảng viên và tổ chức đảng giảm sút...

Nguyên nhân trực tiếp của tình hình trên là do tổ chức đảng ở những nơi đó còn thiếu tinh thần chủ động vươn lên, do sự chỉ đạo của các cấp ủy cấp trên trong việc xây dựng các tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh còn thiếu thường xuyên, sâu sát, chưa đi vào nền nếp theo sự hướng dẫn, chỉ đạo của Trung ương. Cấp ủy và các ban xây dựng đảng chưa đầu tư thời giờ và công sức đúng mức trong công tác kiểm tra, sơ kết, đánh giá tình hình, biểu dương và phát huy những cơ sở phấn đấu tốt, giúp đỡ những cơ sở còn trong tình trạng khó khăn, yếu kém vươn lên, kiện toàn tổ chức và cán bộ ở những nơi quá yếu kém, nội bộ mất đoàn kết nghiêm trọng.

II - Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong những thập kỷ tới mà Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng đề ra là một sự nghiệp cách mạng vĩ đại, đầy khó khăn, thử thách, đặt ra cho Đảng ta phải tiếp tục làm tốt "nhiệm vụ tự đổi mới, tự chỉnh đốn", "xây dựng Đảng ngang tầm đòi hỏi của thời kỳ mới".

Báo cáo chính trị tại Đại hội VIII đã chỉ rõ một trong bảy nội dung xây dựng Đảng trong những năm tới là phải "nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng", trong đó cần tiếp tục "chỉ đạo tốt cuộc vận động xây dựng cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh ; chấn chỉnh các cơ sở yếu kém", thực hiện tốt yêu cầu nâng độ đồng đều về chất lượng tổ chức cơ sở đảng, mở rộng diện các tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh ở tất cả các vùng, các khu vực, bảo đảm và phát huy vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng ở tất cả các cơ sở theo những yêu cầu ngày càng cao hơn của sự nghiệp đổi mới.

Để thực hiện tốt yêu cầu đó, cần tăng cường sự chỉ đạo của các cấp ủy đối với công

Digitized by Google

tác xây dựng Đảng, mở rộng và nâng cao chất lượng các tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, thu hẹp diện cơ sở yếu kém, đưa công tác này đi vào nền nếp.

Theo báo cáo sơ kết của những nơi làm tốt việc này và theo dõi tình hình thực tế ở một số điểm trong thời gian vừa qua, chúng tôi thấy nổi lên một số vấn đề có ý nghĩa phổ biến trong công tác chỉ đạo cần phải quan tâm để tiếp tục làm tốt hơn nữa việc xây dựng các tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh :

1 - Yếu tố quan trọng hàng đầu đối với việc nâng cao chất lượng các tổ chức cơ sở đảng, bảo đảm có nhiều tổ chức cơ sở đảng ở các vùng, các khu vực đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh là phải *nâng cao nhận thức của các tổ chức đảng và đông đảo đảng viên về tinh thần tự đổi mới, tự chỉnh đốn đảng* theo Nghị quyết Trung ương 3, khóa VII.

Đảng ta mang bản chất cách mạng của giai cấp công nhân, có tổ chức chặt chẽ và thống nhất trong cả nước. Sức mạnh của Đảng thể hiện ở tính tiên phong về tư tưởng và hành động, ở tính tự giác của mỗi tổ chức đảng và từng đảng viên ở sự đoàn kết thống nhất, phấn đấu vì mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Sự phát triển của Đảng ta gắn liền với những diễn biến của tình hình đất nước và quốc tế với sự phát triển của xã hội, dân tộc và giai cấp. Đảng tiên phong là chính đảng luôn nhận thức được đầy đủ các yếu tố khách quan chi phối và tự giác phấn đấu để vượt qua những khó khăn, trở ngại, chủ động khắc phục những yếu kém và khuyết điểm, thường xuyên tăng cường sức chiến đấu để không ngừng đi lên. Một trong những giải pháp có ý nghĩa chiến lược và có tính quy luật trong quá trình xây dựng Đảng là Đảng phải thường xuyên tự đổi mới và chỉnh đốn. Xây dựng các tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên theo tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh, thu hẹp diện cơ sở yếu kém, là thể hiện cụ thể sự nhận thức về quy luật đó. Nó đòi hỏi từng tổ chức đảng và mỗi đảng viên phải phát huy vai trò chủ động không ngừng phấn đấu vươn lên trong từng thời kỳ cách mạng.

2 - Trên cơ sở nâng cao ý thức tự giác của mỗi tổ chức đảng và từng đảng viên về đổi mới và chỉnh đốn đảng nói chung, về tinh thần phấn đấu đạt danh hiệu tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh nói riêng, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của tổ chức đảng ghi trong Điều lệ Đảng và văn bản hướng dẫn của Trung ương về tiêu chuẩn tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh ; đồng thời xuất phát từ tình hình thực tế của mỗi loại cơ sở mà *đề ra chương trình, kế hoạch, giải pháp phấn đấu sớm đạt tiêu chuẩn cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh.*

Các tổ chức cơ sở đảng, dù ở môi trường công tác nào cũng phải nắm vững nhiệm vụ trung tâm phù hợp với tình hình và yêu cầu đối với mỗi loại cơ sở nhằm phát triển kinh tế, từng bước thực hiện có hiệu quả sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Mỗi tổ chức đảng phải lấy phát triển kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân, bảo đảm sự ổn định về chính trị - xã hội làm mục tiêu và thước đo chủ yếu ; đồng thời phải nắm vững nhiệm vụ xây dựng cấp ủy, chi bộ, đội ngũ cán bộ, đảng viên ; nâng cao sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của tổ chức đảng theo yêu cầu của công cuộc đổi mới, chăm lo công tác phát triển đảng viên có chất lượng, bảo đảm tính kế thừa của Đảng.

Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đòi hỏi đảng viên phải tự giác học tập để không ngừng nâng cao kiến thức và năng lực hoạt động thực tiễn. Đó cũng là trách nhiệm và tiêu chuẩn của tổ chức đảng và đảng viên hiện nay.

3 - Trong điều kiện đảng cầm quyền, thước đo kết quả nâng cao chất lượng các tổ chức cơ sở đảng đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh không chỉ ở kết quả xây dựng nội bộ đảng đoàn kết tốt mà phải thể hiện ở sự vững mạnh của các cơ quan, chính quyền, các tổ chức kinh tế - xã hội và các đoàn thể quần chúng do Đảng lãnh đạo, hoạt động theo đúng luật pháp và có hiệu quả cao. Tổ chức đảng

Digitized by Google

phải củng cố mối quan hệ giữa đảng viên và quần chúng, có trách nhiệm giáo dục, bồi dưỡng, giới thiệu người tham gia vào các cơ quan chính quyền và đoàn thể ; hướng dẫn, giúp đỡ, kiểm tra, giám sát và tạo mọi điều kiện tốt nhất cho những cán bộ chính quyền và đoàn thể hoàn thành nhiệm vụ được giao. Cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh là ở đó tổ chức và hoạt động của chính quyền và đoàn thể cũng phải vững mạnh.

4 - Trong tình hình hiện nay, với nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa và mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, bên cạnh những mặt tích cực cần phát huy, đã phát sinh nhiều biểu hiện tiêu cực rất đáng lo ngại. Các tổ chức cơ sở đảng phải thể hiện ý thức bảo vệ Đảng, *chủ động đấu tranh ngăn chặn và đẩy lùi các biểu hiện giảm sút lý tưởng và ý chí phấn đấu, chống tư tưởng thực dụng, tệ quan liêu, tham nhũng và sự thoái hóa về đạo đức lối sống* của một bộ phận cán bộ, đảng viên. Tổ chức đảng phải tăng cường công tác giáo dục và quản lý đội ngũ cán bộ, đảng viên, giữ vững bản chất giai cấp công nhân và tính tiên phong của Đảng. Tổ chức đảng phải tăng cường chức năng kiểm tra, giám sát cán bộ, đảng viên hoạt động trong bộ máy chính quyền và các cơ quan quản lý, hạn chế đến mức thấp nhất các biểu hiện tiêu cực, xem xét, xử lý đúng mức và kịp thời những cán bộ đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng và pháp luật Nhà nước. Cơ sở đảng mang danh hiệu trong sạch, vững mạnh không thể có tình trạng một số cán bộ, đảng viên xa rời lý tưởng cách mạng và mục đích phấn đấu, vi phạm kỷ luật Đảng và pháp luật Nhà nước làm tổn hại đến uy tín của Đảng.

5 - Đưa việc xây dựng, củng cố và phát triển các tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh vào nền nếp thường xuyên, theo một quy trình thống nhất.

Hằng năm từng cơ sở cần tiến hành kiểm điểm, xem xét, đánh giá kết quả phấn đấu lấy ý kiến quần chúng và các đoàn thể, đối chiếu với 5 tiêu chuẩn của một cơ sở đảng trong sạch vững mạnh, xem cơ sở đảng mình có đạt danh hiệu trong sạch vững mạnh hay còn ở diện khá hoặc yếu kém, sau đó đề nghị cấp ủy cấp trên kiểm tra, đánh giá chính thức.

Các cấp ủy huyện và tương đương hằng năm hoặc tối thiểu 2 năm một lần trên cơ sở báo cáo của các cơ sở đảng cần tiến hành kiểm tra, xem xét, đánh giá kịp thời ; biểu dương khen thưởng và công nhận những tổ chức cơ sở đảng qua kiểm tra và bình xét đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh. Hướng dẫn, giúp đỡ những cơ sở còn trong diện khá và yếu kém vươn lên sớm trở thành cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh.

Cấp ủy tỉnh và tương đương tùy theo tình hình thực tế từng nơi, tối thiểu là 5 năm 1 lần cần tiến hành việc kiểm tra, sơ kết, xem xét, đánh giá biểu dương các tổ chức cơ sở đảng đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh tiêu biểu của toàn đảng bộ. Từ đó sơ kết, rút kinh nghiệm và phổ biến để nâng cao chất lượng và mở rộng diện các tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh trong địa phương, hoặc trong lĩnh vực hoạt động và lãnh đạo của đảng bộ.

6 - Các cấp ủy cấp trên của tổ chức cơ sở đảng, nhất là cấp ủy cấp trên trực tiếp (huyện, quận và tương đương) cần tăng cường chỉ đạo đối với việc xây dựng, củng cố các tổ chức cơ sở đảng, nhất là đối với các cơ sở trọng điểm (doanh nghiệp, cơ quan, trường học, vùng đồng bào dân tộc và tôn giáo...) và những nơi yếu kém ; quan tâm chỉ đạo các cấp, các ngành, giúp đỡ các cơ sở khắc phục khó khăn, chăm lo kiện toàn đội ngũ cốt cán ở cơ sở, tổ chức việc phổ biến kinh nghiệm ở những điển hình tiến tiến, từng bước nâng độ đồng đều về chất lượng của các tổ chức đảng ở các loại cơ sở khác nhau.

Cần có hình thức khen thưởng cả về tinh thần và vật chất ở mức phù hợp đối với các tổ chức cơ sở đảng đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh tiêu biểu ở từng đảng bộ theo hướng dẫn của Trung ương.❑

Digitized by Google

LÝ THUYẾT PHÁT TRIỂN VÀ NHỮNG BÀI HỌC CẦN SUY NGẪM

HỒ VĂN THÔNG *

CÁC quốc gia dân tộc ngày nay càng thấy rõ rằng, muốn tồn tại thì phải phát triển, *phát triển theo chiều sâu và phát triển vì con người.*

Phát triển đang trở thành phương thức sống và mục tiêu ở mọi cấp độ hoạt động của đời sống xã hội. Người ta đang ghép phạm trù phát triển thành tính từ của hàng loạt các khoa học chuyên ngành như : kinh tế học phát triển, xã hội học phát triển, chính trị học phát triển, tâm lý học phát triển v.v..

Nghiên cứu về sự phát triển đã có từ lâu, đặc biệt về mặt lý thuyết bao quát là từ Hê-ghen và nhất là C. Mác. Chủ nghĩa Mác chính là học thuyết chung về sự phát triển, trong đó vạch ra nguồn gốc, quy luật và cơ chế của sự phát triển, đặc biệt là cơ cấu và quy luật của sự phát triển xã hội. Nhưng trong ba, bốn thập kỷ gần đây, việc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nhiều nước, những mâu thuẫn và tiến triển của chủ nghĩa tư bản, cách mạng khoa học công nghệ, cuộc sống tụt hậu của đa số các quốc gia, dân tộc đã đặt ra rất nhiều vấn đề cụ thể về sự phát triển, đòi hỏi phải nghiên cứu nó trong chi tiết, cùng các biện pháp, chính sách khả thi. Chủ yếu là tập trung ở các hướng lớn sau đây :

- Làm thế nào để các quốc gia, dân tộc chưa phát triển có thể trở thành các nước phát triển ?

- Phát triển như thế nào để không đánh mất con người, phát triển vì con người. Và từ đấy xác định tiêu chuẩn để đánh giá sự phát triển và tìm ra cơ chế tổ chức cho sự phát triển hiện thực ?

- Thời đại văn minh trí tuệ hiện nay đang đặt ra vấn đề phát triển như thế nào và làm thế nào để phát triển tiếp tục được trong thế kỷ XXI ?

Trong hơn ba thập kỷ gần đây, nhiều học giả và nhà chính trị phương Tây luôn quan tâm và đề xuất những tư tưởng và mô hình phát triển cho các nước đang phát triển. Thậm chí, họ dùng sức ép kinh tế, chính trị để cưỡng bức nhiều nước phải chấp nhận tư tưởng và mô hình mà họ đề xuất. Ở đây có sự pha trộn phức tạp giữa ý đồ chính trị và việc nghiên cứu đề xuất khoa học.

Nhiều học giả đã vạch ra nguyên nhân của sự lạc hậu ở các quốc gia này là :

- Chủ nghĩa dân tộc, bộ tộc hẹp hòi, đóng cửa, không hiểu văn minh của thời đại. Cuộc sống bị tình cảm, tín ngưỡng chi phối mà không vươn đến lợi ích kinh tế, hạch toán hiệu quả và lý tính khoa học.

- Tập thể, cộng đồng hòa tan và nuốt mất cá nhân, động lực và lợi ích cá nhân bị triệt tiêu làm mất một nền tảng sáng tạo sâu xa của sự phát triển liên tục của xã hội.

- Nhà nước được lập ra từ bên trên và đứng ở trên "lo cho dân" được đâu hay đó, thay vì nhà nước tạo điều kiện môi trường để từng người dân tự lo, tự khẳng định bằng nỗ lực cá nhân của mình.

Từ đó dẫn đến hiện trạng :

- Nhiều nước chìm đắm trong phương thức sống cổ truyền, văn hóa lạc hậu, không có khả năng tự đổi mới, tự thích ứng để phát triển.

* GS triết học, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

- Cuộc sống bị phân chia theo dân tộc, bộ tộc địa phương, quyền lực nhà nước không thật sự được tập trung, sự huy động xã hội yếu ớt và rời rạc. Mâu thuẫn dân tộc, tôn giáo luôn nổi cộm và dễ đi đến xung đột. Bùng nổ dân số, môi sinh bị tàn phá, bệnh tật và tệ nạn xã hội không ngừng phát triển ; thiếu đói thường xuyên, nợ nần chồng chất.

Sự lạc hậu như một hệ thống bao hàm cả chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, không thể giải quyết mặt này nếu không giải quyết mặt kia. Và nhiều quốc gia dân tộc không biết đến lúc nào mới tiếp cận được với nền văn minh đương đại để tự phát triển.

Phương hướng giải quyết cơ bản phải : phát triển về kinh tế, chủ yếu là tạo được năng suất lao động cao trên cơ sở ứng dụng những thành tựu của cách mạng khoa học công nghệ, phát triển kinh tế thị trường, tạo dựng được cơ sở hạ tầng ngày một đầy đủ ; huy động đầu tư, tiết kiệm cao, khuyến khích nỗ lực và sáng kiến cá nhân, đơn vị ; điều tiết và tính hiệu quả trên quy mô xã hội, và cuối cùng là mức sống, khả năng tiêu thụ phải được nâng cao.

Về mặt chính trị - xã hội - phải có nhà nước mạnh cùng với đội ngũ lãnh đạo, quản lý có học vấn, có trách nhiệm, có khả năng tập hợp và huy động sức mạnh toàn xã hội cho mục đích phát triển, phát triển các phương tiện thông tin và đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục đào tạo, tạo ra một thế hệ người theo yêu cầu phát triển đương đại ; ổn định dân số, đẩy lùi nghèo khổ, các bệnh tật, tệ nạn xã hội, đẩy lùi các nguy cơ xung đột xã hội, tạo cho được sự ổn định, đồng thuận chính trị để phát triển.

Từ nguyên nhân, thực trạng và hướng giải quyết trên, nhiều học giả đã đề xuất các mô hình phát triển cho các nước còn lạc hậu như sau :

- Khuynh hướng thứ nhất : Dựa trước hết và chủ yếu vào chuyển giao kỹ thuật - công nghệ sản xuất và dạy cho họ biết sử dụng. Từ đó sẽ kéo theo làm biến đổi tất cả. Có thể bắt đầu từ nông nghiệp hoặc trực tiếp ngay từ công nghiệp.

- Khuynh hướng thứ hai cho rằng, không thể làm riêng một mặt mà phải cải biến toàn bộ hệ thống xã hội cổ truyền. Thống nhất được dân tộc như một hệ thống phát triển tạo ra các quá trình liên hợp mới, có khả năng thích nghi, tự hoàn thiện. Mô hình này phải du nhập từ các nước phát triển vào, và điều đó dẫn đến phải chấp nhận những cơn chấn động không tránh được.

- Khuynh hướng thứ ba, xem động lực cơ bản của phát triển là chuyển biến trong nền văn hóa xã hội. Phải tập trung cải biến hệ thống những giá trị xã hội và hệ tư tưởng ở cấp vĩ mô. Thay đổi căn bản những quan điểm về kinh tế, về khoa học, về lao động chủ động, về hiệu quả... đối lập lại với những lễ nghi, tập quán, hội hè và cách xử sự theo lối phục tùng, chờ đợi, ban ơn, v.v..

- Khuynh hướng thứ tư là hướng vào biến đổi tâm lý cá nhân, khuyến khích nỗ lực, tham vọng và lợi ích cá nhân, mở rộng thông tin để cá nhân so sánh, đòi hỏi mà hoạt động theo yêu cầu hiện đại hóa. Khuynh hướng này cho đó là chìa khóa cho sự phát triển ở mọi nước, nhất là các nước đang phát triển.

- Khuynh hướng thứ năm cho rằng, gần như là quy luật của lịch sử, mọi sự phát triển xã hội đều gắn với đô thị hóa. Các nước lạc hậu muốn phát triển thì phải đô thị hóa, đó là trục trung tâm kéo theo tất cả.

- Khuynh hướng thứ sáu cho rằng, điều mấu chốt cho sự phát triển của các nước lạc hậu là cải biến hệ thống chính trị, nhất là xây dựng một nhà nước có thể chế mạnh, thống nhất được xã hội, loại bỏ tình trạng vô chính phủ để cho nhiều thế lực hoạt động không phụ thuộc vào cái gì chung cả. Sức người, sức của bị phung phí, giằng xé từ nhiều phía thì không thể nói đến phát triển.

Từ giác độ lý luận, mỗi cách nhận định và đề xuất như trên đều chứa đựng những giá trị đáng trân trọng. Nhưng hầu như không quốc gia "thế giới thứ ba" nào áp dụng được để tạo ra sự phát triển. Bởi vì :

Digitized by Google

- Trước hết đó là những mô hình, phương thức từ ngoài đưa vào, không gắn được với điều kiện lịch sử và truyền thống dân tộc. Do đó, khi bắt tay vào hành động phải phụ thuộc vào sự chỉ huy từ bên ngoài, theo lợi ích bên ngoài. Vấn đề đặt ra một cách sống còn là mỗi dân tộc phải biết kế thừa kinh nghiệm của các dân tộc khác, nhưng phải tự tìm ra phương thức phát triển của chính mình. Trong đó, mọi truyền thống tích cực của dân tộc phải trở thành linh hồn sống của sự phát triển. Phát triển không phải là sự vay mượn, hay nhờ nước khác làm hộ. Phát triển phải là *tự phát triển*. Một số nước trở thành NIC đâu có phải "vay mượn" mô hình thuần túy từ phương Tây ?

- Ý muốn của các học giả thì tốt, nhưng thực hiện thì lại qua các chính phủ và các tập đoàn tư bản. Chuyển sự hiện đại từ phương Tây sang là phải chuyển qua các quan hệ kinh tế - chính trị xác định. Cho nên khi chuyển, bỏ ra một thì phải lấy về 2, 3, 4... Viện trợ mỗi năm hiện nay cho các nước kém phát triển trên dưới 50 tỉ USD thì các nước phát triển thu về 500 tỉ USD từ lãi nợ, mua rẻ bán đắt, lãi ròng của các công ty... chưa kể đến làm cạn kiệt tài nguyên và phá hoại môi sinh ; chuyển những công nghệ độc hại, lạc hậu sang để tận dụng lao động, tài nguyên rẻ ; mặt khác còn lôi kéo chất xám, vốn đầu tư chạy ngược về các nước phát triển.

- Các điều kiện cho vay và viện trợ được đặt ra theo kiểu cưỡng bức chính trị và kinh tế, như yêu cầu phải tư nhân hóa mạnh, thị trường tự do, tôn trọng nhân quyền, dân chủ hóa... Tất cả vấn đề tưởng như là cần thiết, nhưng vượt qua một giới hạn hợp lý nào đó, hay định hướng theo nhiều mục đích chính trị, kinh tế vị kỷ thì sẽ đẩy xã hội vào hỗn loạn, phá nát mọi khả năng phát triển.

Ở đây không phải lòng chân thành mà ý đồ muốn thao túng chính trị. Không phải họ muốn xây dựng một nền dân chủ, tự do nhân quyền cho toàn xã hội, mà là muốn tạo môi trường cho các lực lượng chống đối có lợi ích phù hợp với lợi ích của họ. Những gì không phù hợp với lợi ích của họ đều bị quy kết thành vi phạm tự do, dân chủ, nhân quyền. Các phạm trù chân thực đều bị đảo ngược. Quần chúng muốn dân chủ đòi hỏi những đổi thay xã hội thì chính phủ lại giúp họ xây dựng các đội quân của "thần chết" để giết tất cả những ai đối lập với chính phủ như ở En Xan-va-đo, Goa-tê-ma-la... Tự do, nhưng phải theo điều kiện của các nước phát triển, nếu không thì bị lên án, bị lật đổ, bị cô lập, cấm vận. Chống xâm lược nhưng lại là xâm lược, bảo vệ hòa bình nhưng lại là thực hiện chiến tranh...

Mọi ý đồ của giới khoa học phương Tây khuyến cáo về các mô hình phát triển đối với các nước thế giới thứ ba như thế thì làm sao mà có thể đạt được kết quả ?

Muốn đạt được kết quả, trước hết họ phải đấu tranh, thay đổi các quan hệ bất hợp lý hiện thời, điều mà các lý thuyết phát triển không hề đề cập đến. Tuy nhiên, từ các lý thuyết phát triển cho các nước lạc hậu đã phản ánh một xu thế không thể đảo ngược của vận động lịch sử đương đại. Từ các lý thuyết phát triển đó, có thể rút ra những ý tưởng tích cực để suy ngẫm trong sự nghiệp CNH, HĐH ở nước ta :

1 - Xây dựng và mở rộng nền kinh tế thị trường, sản xuất hàng hóa, thoát khỏi sản xuất tự cung tự cấp, bao cấp. Bảo đảm trong sản xuất, đầu ra có giá trị cao hơn đầu vào, tạo được hiệu quả kinh tế trong từng đơn vị cũng như trên quy mô toàn quốc. Kích thích cạnh tranh, tự chịu trách nhiệm, tìm tòi sáng tạo của mọi cá nhân đơn vị để đáp ứng kịp thời, có chất lượng các nhu cầu của xã hội, hoạt động vì lợi ích của mình theo yêu cầu phát triển có hiệu quả chung của toàn đất nước.

2 - Tổ chức một nhà nước mạnh, có thể chế tập trung hữu hiệu, tổ chức, điều tiết, định hướng, khuyến khích và huy động tất cả cho sự phát triển của đất nước. Hình thành môi trường chính trị ổn định, không phải bằng bạo lực mà bằng hàng loạt chính sách hòa hợp dân tộc, vì lợi ích phát triển chung, không để quyền lực tập trung biến thành sự độc tài cá nhân. Tập trung quyền lực nhưng phải bảo

Digitized by Google

đảm cơ chế dân chủ không ngừng được mở rộng.

3 - Đào tạo và bồi dưỡng để nhanh chóng có một lớp người có học vấn cao, có đạo đức, vì lợi ích của đất nước, có khả năng sáng tạo và ứng dụng các thành quả phát triển của nhân loại đã tích lũyđược. Từ đó tạo ra đời sống văn hóa, tinh thần mang bản sắc dân tộc và chứa đựng được nội dung của thời đại.

4 - Tạo ra sự thống nhất trong xã hội về tư tưởng và hành động vì mục đích phát triển chung. Xây dựng ý thức công dân thực hiện lợi ích của mình theo yêu cầu phát triển của đất nước. Khuyến khích mọi nỗ lực cá nhân, đơn vị bằng một hệ thống động lực vật chất và tinh thần có tác dụng hiện thực trực tiếp. Làm cho mỗi cá nhân, đơn vị biết tiêu dùng tối thiểu, tiết kiệm, đầu tư tối đa và mong muốn đóng góp cho sự phát triển đất nước được nhiều hơn. Huy động được mọi nguồn lực chính trị, kinh tế xã hội từ các tầng lớp người khác nhau, nhưng không gây ra sự chồng chéo, hỗn loạn, đối nghịch nhau. Tạo ra cho được tinh thần đại đoàn kết và sự đồng thuận xã hội để phát triển.

5 - Khuyến khích tối đa các sáng kiến của từng cá nhân đơn vị, thử - sai - tự chịu trách nhiệm, tự trả giá để từ đó rút kinh nghiệm mà vươn lên. Qua bộ máy chính trị, nhà nước sàng lọc, tổng hợp, đề xuất thành các sáng kiến chiến lược. Phải xây dựng sự năng động của toàn dân tộc chứ không chỉ ở một số người cầm quyền.

6 - Xây dựng khả năng thích ứng thường xuyên, tổng kết và tiếp nhận mọi biến đổi trong nước và quốc tế. Dám tự phê phán, tự phá bỏ những gì lạc hậu, không còn thích hợp với yêu cầu phát triển. Làm cho sự tự thích nghi, tự tái tổ chức của từng hệ thống nhỏ đến toàn bộ hệ thống xã hội phải là phương thức hoạt động thường xuyên của sự phát triển.

7 - Có hệ thống pháp luật đủ để xã hội hoạt động thống nhất ; có cơ chế dân chủ để kiểm soát chặt chẽ đội ngũ cán bộ các cấp, các ngành. Quyền lực nhà nước phải bị giới hạn và kiểm soát không để biến thành quyền lực cá nhân lộng quyền, áp bức và cướp đoạt thành quả lao động của đa số nhân dân. Kiểm soát chặt chẽ và thường xuyên sàng lọc để có một đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất và năng lực là một trong những vấn đề rất cơ bản bảo đảm cho sự phát triển của đất nước.

8 - Hoạt động cho sự phát triển là một cuộc đấu tranh gay gắt và cũng là một cuộc tìm kiếm tối đa sự thỏa hiệp hài hòa cần thiết. Tìm tiếng nói chung, lợi ích chung giữa các dân tộc, quốc gia, giữa các cá nhân, tầng lớp xã hội khác nhau trở thành điều kiện thiết yếu của sự phát triển.

9 - Sự phát triển xã hội do những xu hướng chung chi phối, nhưng diễn biến cụ thể không có tính phát triển đơn trị. Sự phát triển hiện thực diễn ra qua rất nhiều ngẫu nhiên, qua nguyện vọng, ý chí, thử - sai của các cá nhân, đơn vị, quốc gia rất khác nhau. Phải biết chuẩn bị đón những cơ may không phải lúc nào cũng có nhưng không hiếm. Phương pháp tư duy về xác suất, tai biến phải được ứng dụng thường xuyên. Hoạt động có ý thức phải biết thực hiện với các cơ may, không lặp lại.

Tuyệt đối hóa cái chung khỏi hiện thực cụ thể sẽ dễ bị cầm tù trong đó, không vươn ra được với cuộc sống sinh động đầy những thử thách và cơ may cụ thể. Tận dụng được cơ may có thể tạo đà phát triển rất nhanh, còn bỏ lỡ, là bỏ lỡ khả năng và điều kiện của sự phát triển.

10 - Muốn phát triển phải biết định hướng xa theo các xu hướng của lịch sử, phải có tầm nhìn chiến lược năm, ba mươi năm và hơn thế nữa. Tránh tình trạng hành động chỉ biết chạy chụp dựt trong tầm nhìn năm, ba tuần, năm, bảy tháng. Phát triển phải là sự thống nhất hữu cơ giữa chiến lược xa và hành động cụ thể.

Không thể hoạt động phát triển mà không có định hướng xa, không có lý tưởng bao quát. Nhưng không thể thực hiện điều đó một cách trực tiếp, tức khắc mà phải qua từng bước kế tiếp nhau. Nói một cách khác, con người vươn tới những đỉnh xa qua thực hiện những khả

Digitized by Google

năng khả thi trong lịch sử cụ thể. Tự đánh mất lý tưởng, đánh mất định hướng chung và không biết hành động theo những khả năng thực tế đều là những hành động cản trở phát triển.

11 - Phát triển chỉ có thể diễn ra trong công bằng xã hội, không thể để của cải, quyền lực dồn về cho một số ít, còn đa số dân phải chịu cuộc sống bần cùng, bị nô dịch. Điều đó sẽ dẫn đến xung đột, làm mất ổn định chính trị ảnh hưởng đến sự phát triển.

Không thể có sự công bằng chia đều, nhưng phải điều tiết và tạo điều kiện cho mọi người bảo đảm được cuộc sống và sống ngày một khá hơn. Vấn đề chủ yếu là : một mặt phải gạt bỏ tư tưởng bình quân, bao cấp làm cho mọi người thụ động, chờ đợi sự ban ơn từ trên, mặt khác phải tạo điều kiện ban đầu tương đối như nhau cho mọi người về giáo dục, y tế, bảo hiểm, tài trợ, cho vay vốn ban đầu... để họ có thể phát huy tối đa tính chủ động, sự nỗ lực và tự chịu trách nhiệm cá nhân trong đời sống xã hội.

12 - Tập trung cao độ quyền lực cho các cơ quan nhà nước là tối cần thiết cho sự phát triển, nhưng điều đó chỉ có ý nghĩa tình thế, tạo cơ sở và định hướng ban đầu. Còn về lâu dài, phát triển phải thực hiện bằng quá trình dân chủ hóa toàn bộ đời sống xã hội, trong đó có sự tham gia ngày càng rộng rãi của đa số nhân dân vào quá trình chính trị : vạch chính sách, tổ chức và nhân sự của bộ máy nhà nước. Cùng với những việc đó là sáng kiến, tính tự chủ của cá nhân, đơn vị được thực hiện một cách phổ biến trên cơ sở phát triển và tận dụng tối đa các thành quả của cách mạng khoa học công nghệ.

13 - Ngoài những vấn đề trên, muốn có sự phát triển bền vững, lâu dài cũng cần nhận biết cả những kinh nghiệm và thực tế lịch sử nóng hổi của nhiều nước đang phát triển. Cụ thể là :

- Phát triển chứ không phải hủy diệt nông nghiệp và nông thôn. Tạo công ăn việc làm cho nông dân (đa số dân cư) chứ không phải đẩy nông dân ra đường và vào các khu ổ chuột của các thành phố.

- Tránh việc bóc lột tàn tệ người lao động bằng lương chết đói và thời gian làm việc quá dài, biến đa số dân cư thành vật hy sinh cho lợi nhuận trước mắt của thiểu số kinh doanh. Phải biết phân phối lại ngay từ đầu, tôn trọng tất cả mọi người và lấy cuộc sống của đa số, của toàn xã hội làm mục đích trung tâm.

- Loại bỏ cho được sự hình thành tam giác quyền lực giữa giới chủ nước ngoài, một bộ phận giới chủ trong nước và các quan chức có quyền thế liên kết với nhau vì lợi ích của nước ngoài, bỏ mặc dân tộc và sự phát triển của đất nước mình.

- Không phải chỉ hướng vào xuất khẩu mà quên đi việc tạo lập sự phát triển thị trường trong nước. Thực hiện tiết kiệm nhưng phải nâng khả năng tiêu dùng trong nước lên nhanh.

- Huy động toàn bộ sức mạnh của quốc gia cho sự phát triển, không thể chỉ dựa vào giới tư bản nước ngoài và tầng lớp tư bản trong nước. *Tiết kiệm và công sức của hàng triệu, triệu người lao động và gia đình của họ sẽ là nguồn vốn khổng lồ cho sự phát triển.* Một nhà nước mạnh, có uy tín, thật sự hoạt động vì dân vì nước sẽ huy động được sức mạnh đó.

- Trong phát triển có sự phụ thuộc lẫn nhau, nhưng không để bị lệ thuộc vào nước ngoài. Có độc lập, tự chủ cùng với bản sắc dân tộc riêng mới có phát triển thật sự.

- Ngay từ đầu phải xem việc bảo vệ môi sinh, tài nguyên thiên nhiên và ổn định dân số là điều kiện, là môi trường cơ bản để có phát triển bền vững.

- Tấn công mạnh, có hiệu quả vào các tệ nạn xã hội, bảo vệ được trật tự an ninh xã hội. Xây dựng một cuộc sống lành mạnh để mỗi người có điều kiện làm việc vì sự phát triển của đất nước mà vẫn đạt được lợi ích cá nhân chính đáng của mình.❑

Digitized by Google

CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ VÙNG ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG GIAI ĐOẠN 1996 - 2000

NGUYỄN SINH CÚC *

I - Thực trạng chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở đồng bằng sông Cửu long

Trong những năm đổi mới (1986 - 1996) đồng bằng sông Cửu long (ĐBSCL) đã đạt được những thành tựu to lớn trong phát triển kinh tế, xã hội mà nổi bật là tăng nhanh nhịp độ sản xuất lúa hàng hóa, bảo đảm vững chắc an toàn lương thực quốc gia (xem biểu 1)

Biểu 1 - *Tình hình sản xuất vùng ĐBSCL giai đoạn 1986 - 1996*

	1986	1990	1991	1992	1993	1994	1995	1996
- Diện tích (1000 ha)	2291	2580	2807	2925	2993	3038	3190	3465
- Năng suất (tạ/ha)	30,8	36,7	36,8	37,4	36,9	39,9	40,2	39,6
- Sản lượng (1000 tấn)	7063	9480	10350	10947	11066	12121	12832	13712

Nếu so sánh năm 1996 với năm 1986, thì diện tích lúa vùng ĐBSCL tăng 1174 ngàn ha (51,2%), năng suất lúa tăng 9 tạ/ha (28,1%), và sản lượng lúa tăng 6 629 ngàn tấn (93,6%). Điều đó có ý nghĩa là 10 năm đổi mới với tác động tích cực của Nghị quyết Đại hội VI của Đảng (1986), Nghị quyết 10 của Bộ chính trị (1988), Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VII) và các chính sách kinh tế của Đảng và Nhà nước, vựa lúa hàng hóa ĐBSCL đã tăng gấp đôi sản lượng. Nói một cách hình ảnh, sức mạnh tổng hợp của đường lối đổi mới kinh tế của Đảng ta đã tạo thêm một "ĐBSCL mới" ngay trên vùng đất "chín rồng" trong một thập kỷ. Đây là một nhịp độ tăng trưởng kinh tế chưa từng có trong lịch sử nông nghiệp thế giới và Việt nam từ xưa tới nay. Cũng trong 10 năm tương ứng sản lượng lúa toàn thế giới chỉ tăng 19,7%, của châu Á - Thái bình dương tăng 13,3%, cả nước Việt nam tăng 60%. Đó là nguyên nhân chủ yếu đưa Việt nam từ một nước thiếu lương thực triền miên (mỗi năm phải nhập khẩu hàng triệu tấn), trở thành một nước sản xuất lương thực phát triển nhanh và ổn định, không chỉ thỏa mãn mọi nhu cầu tiêu dùng trong nước mà còn dư thừa để xuất khẩu gạo với quy mô bình quân 1,7 triệu tấn/năm, liên tục từ 1989 đến nay.

Năm 1996 vừa qua dù bão lũ lớn xảy ra ở mọi miền đất nước (41/53 tỉnh thành), nhưng sản lượng lương thực cả nước vẫn đạt 29 triệu tấn (riêng ĐBSCL đạt gần 14 triệu tấn), gạo xuất khẩu đạt trên 3 triệu tấn. Chính sự tăng tốc của sản xuất lúa gạo vùng ĐBSCL đã góp phần chủ yếu tạo ra sự ổn định và tăng trưởng sản xuất lương thực cả nước. Lúa hàng hóa của vùng ĐBSCL nhiều và ngày càng tăng : Năm 1990 : 3,1 triệu tấn ; năm 1991 : 2,3 ; năm 1992 : 4,9 ; năm 1993 : 5,7 ; năm 1994 : 5,5 ; năm 1995 : 6,5 và năm 1996 : 7,5 triệu tấn. Đó là tiền đề vật chất quan trọng nhất bảo đảm duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế 8,2%/năm, ổn định tình hình xã hội và góp phần đưa đất nước thoát ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội.

Vị thế của ĐBSCL đối với cả nước quan trọng là vậy, song lúa nhiều đến đâu và tăng nhanh với tốc độ thần kỳ 6 - 7%/năm như vừa qua (thế giới 1,5%/năm, Trung quốc 0,5%/năm, Thái lan - 0,3%/năm, Mi-an-ma 2%/năm, Ấn độ 3,2%/năm, Việt nam 4,6%/năm) cũng không thể biến ĐBSCL thành một vùng giàu có, phồn vinh theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Thực trạng về kinh tế ở vùng ĐBSCL hiện nay vẫn còn nghèo, tăng trưởng kinh tế chậm so với các vùng khác trong nước. Bình quân 5 năm (1991 - 1995), tốc độ tăng GDP của vùng ĐBSCL chỉ có 8,2% so với 11% của vùng Đông nam bộ và 9,5% của đồng bằng sông Hồng ; tốc độ kim ngạch xuất nhập khẩu trực tiếp là 28,6% so với 45,5% của vùng Đông nam bộ ; tỷ trọng vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài chỉ có 3,7% so với 55,9% của Đông nam bộ, 29% của vùng đồng bằng sông Hồng và 4% của duyên hải miền Trung. Tuy ĐBSCL sản xuất ra 50% sản lượng lúa, 80% sản lượng lương thực hàng hóa và 90% sản lượng gạo xuất khẩu, nhưng tỷ trọng GDP của vùng so với cả nước đến năm 1995 chỉ có 22,5% ; trong khi vùng Đông nam bộ chỉ sản xuất ra 3,7% sản lượng lúa nhưng tạo ra đến 30,6% giá trị GDP (giá thực tế) của cả nước. Thu nhập và đời sống dân cư ĐBSCL cho đến nay vẫn còn thấp : 204 ngàn đồng/người/tháng, bằng 69,8% của vùng Đông nam bộ, riêng nông

* PGS, PTS, Vụ trưởng, Tổng cục thống kê

Digitized by Google

thôn 178 ngàn đồng so với 243 ngàn đồng của nông thôn vùng Đông nam bộ. GDP bình quân đầu người của vùng so với cả nước chỉ bằng 92,8%, trong khi đó vùng Đông nam bộ là 244,8%. Nguyên nhân của thực trạng đó là do cơ cấu kinh tế trong vùng chuyển dịch rất chậm. Nhìn chung toàn vùng, đến năm 1995, cơ cấu kinh tế theo GDP phổ biến là : nông - lâm nghiệp và thủy sản 70 - 80%, công nghiệp 8 - 15%, dịch vụ, thương mại 12 - 15%. Ở các tỉnh sản xuất lúa hàng hóa lớn như An giang, Đồng tháp, Kiên giang vẫn còn nặng về thuần nông. Hệ thống cơ sở hạ tầng ở ĐBSCL yếu kém, nhất là đường bộ, điện phục vụ cho sản xuất và tiêu dùng. Đến nay, toàn vùng mới có 67% số xã có điện, 68% số xã có đường ô tô (cả nước 62% và 87,9%, đồng bằng sông Hồng 98,2% và 99,4%). Hệ thống trạm, trại nghiên cứu khoa học và thực nghiệm, cơ sở công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản còn nhiều yếu kém, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển sản xuất hàng hóa gắn với thị trường. Đồng tháp có lượng lúa hàng hóa lớn, mỗi năm cung cấp cho đất nước khoảng 1 triệu tấn gạo, vẫn chưa có lấy một nhà máy xay xát đánh bóng gạo xuất khẩu hiện đại. Bởi vậy, gần 2 triệu tấn lúa sản xuất hằng năm tại tỉnh này phải chuyển đi nơi khác để chế biến, xuất khẩu. Tình hình tương tự cũng diễn ra đối với các địa phương khác và các sản phẩm như mía, trái cây, thủy sản..., làm cho cơ cấu kinh tế ở vùng sâu, vùng xa chậm chuyển đổi. Tỉnh Cần thơ có thế mạnh về công nghiệp và dịch vụ so với các tỉnh khác trong vùng vẫn chưa thoát khỏi tình trạng thuần nông (tỷ trọng nông nghiệp vẫn chiếm khoảng 38 - 40%, trong khi công nghiệp chỉ có 22 - 23% GDP của tỉnh).

Trong những năm đổi mới, ĐBSCL đã có những điển hình về chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa. Các trung tâm công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản được xây dựng hoàn thiện như Phụng hiệp, Trà nóc (Cần thơ), Chợ mới, Châu thành (An giang). Năm 1995, giá trị công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản chiếm 60% tổng giá trị công nghiệp của tỉnh Cần thơ, giá trị thủy sản xuất khẩu đạt 39 triệu USD, chiếm 1/4 giá trị xuất khẩu toàn tỉnh. Các cơ sở xay xát, đánh bóng gạo xuất khẩu toàn tỉnh đã đạt công suất 250 ngàn tấn/năm. Ở huyện Chợ mới (An giang) có 15 287 cơ sở sản xuất tiểu thủ công nghiệp, thu hút 32 000 lao động, tạo ra giá trị 134 tỉ đồng, chiếm 26% giá trị sản xuất của huyện. Ở đây đã hình thành mô hình công nghiệp hóa nông thôn. Ở xã Hòa an có 36 nhà máy xay xát và đánh bóng gạo xuất khẩu với công suất vài trăm tấn/ngày. Lao động nông nghiệp được chuyển sang hoạt động công nghiệp và dịch vụ ngay trên địa bàn xã theo hướng "ly nông bất ly hương". Thực tế cho thấy chỉ một nhà máy đánh bóng gạo xuất khẩu ở Tân an đã thu hút thêm 150 lao động. Công nghiệp đã tạo ra hàng loạt dịch vụ phi nông nghiệp, tạo tiền đề để chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng tích cực.

Hiện nay công nghiệp và dịch vụ ở ĐBSCL có hạn chế là tính tự phát, manh mún và không đồng bộ, nên không ổn định cả quy mô và tốc độ. Ngay cả ở Chợ mới và Hòa an, công nghiệp nông thôn vẫn trong tình trạng máy móc thiết bị cũ, công suất thấp, kỹ thuật lạc hậu. Bên cạnh đó, cơ sở hạ tầng, nhất là điện và đường ô tô ở từng thôn, xóm vùng ĐBSCL còn yếu kém, chưa đáp ứng được các yêu cầu của công nghiệp và dịch vụ thời kỳ công nghiệp hóa. Ngoài lúa, ĐBSCL còn là vùng có sản lượng trái cây và thủy sản lớn nhất nước, mỗi năm có khoảng nửa triệu tấn quả và một triệu tấn cá, tôm. Đó là những mặt hàng tươi sống có chất lượng cao, nhưng đòi hỏi quy trình và công nghiệp chế biến, bảo quản, vận chuyển an toàn. Sự lạc hậu về điện và đường bộ ở ĐBSCL đã và đang là thách thức đối với yêu cầu công nghiệp hóa và hiện đại hóa trong giai đoạn hiện nay. Nó đã làm ảnh hưởng đến sản xuất, chế biến và tiêu thụ các loại nông sản, thủy sản ở các địa phương và tác động tiêu cực đến xu hướng chuyển dịch cơ cấu trong nội bộ ngành nông nghiệp của vùng. Thực tế cho thấy đã xuất hiện xu hướng chuyển dịch ngược chiều với yêu cầu đa dạng hóa trong nông nghiệp. Ở một số nơi nhiều hộ nông dân đã chuyển một phần đất trồng cây ăn trái sang trồng lúa, màu, làm tăng thêm tính độc canh trong nông nghiệp. Năm 1995, khi giá lúa ĐBSCL và cả nước tăng cao, thấy làm lúa có lãi, nên các hộ mở rộng diện tích lúa bằng mọi giá (kể cả tăng vụ 3). Giống lúa IR 50404 có năng suất cao, nhưng chất lượng thấp, bạc bụng, không thể chế biến thành gạo xuất khẩu ; việc giá lúa ĐBSCL giảm đến mức thấp, có thời điểm dưới 1 000 đ/kg trong năm 1996 vừa qua, là do chất lượng gạo thấp (chủ yếu là giống lúa IR 50404). Giống lúa này được gieo cấy tràn lan, bất chấp đến nhu cầu của thị trường (trong nước và xuất khẩu), không phù hợp với quy hoạch của trung ương. Ở nhiều tỉnh như Cần thơ, An

Digitized by Google

giang, Đồng tháp, Vĩnh long đã có chủ trương hạn chế mở rộng lúa vụ 3 (giống lúa IR 50404), nhưng nông dân vẫn không thực hiện và hậu quả là lúa hàng hóa dư thừa, khó tiêu thụ.

Xu hướng độc canh lúa và mở rộng diện tích lúa bằng mọi giá ở ĐBSCL năm 1996 vừa qua đã phải trả giá. Nhiều hộ nông dân bị thua lỗ lớn trong vụ lúa hè thu vừa qua, do giá lúa tụt nhanh và ở mức thấp (dù năng suất vẫn cao). Đây là một trong những yếu tố tác động xấu đến chuyển dịch cơ cấu trong nội bộ ngành trồng trọt của các tỉnh trong vùng, gây khó khăn cho việc chuyển cơ cấu kinh tế chung của vùng trọng điểm lúa số một của cả nước theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đó là lý do tại sao ĐBSCL nhiều lúa nhưng vẫn nghèo.

II - Những giải pháp chủ yếu

Phương hướng chung để chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng ĐBSCL đến năm 2000, đã xác định là : nông nghiệp - thủy sản - công nghiệp và dịch vụ. Chuyển mạnh nền kinh tế thuần nông, độc canh lúa sang kinh tế đa ngành, đa dạng hóa cây trồng, vật nuôi, nhưng vẫn lấy sản xuất lúa hàng hóa làm trọng tâm, kết hợp với phát triển công nghiệp chế biến và dịch vụ phi nông nghiệp ở nông thôn, tăng thu nhập cho nông dân trồng lúa. Theo hướng đó, cơ cấu kinh tế vùng ĐBSCL đến năm 2000 sẽ bảo đảm tỷ lệ cân đối giữa nông nghiệp, thủy sản, công nghiệp và dịch vụ. Trong nông nghiệp là giảm tỷ trọng trồng trọt từ 80% hiện nay xuống 70%, tăng tỷ trọng chăn nuôi từ 20% lên 30%, xóa dần tình trạng độc canh lúa, nhất là lúa chất lượng thấp. Trên cơ sở đa dạng hóa cây trồng và mở rộng diện tích lúa đặc sản, có chất lượng cao phù hợp với thị trường trong và ngoài nước. Các giải pháp chủ yếu là :

Thứ nhất : Các bộ, ngành cần phối hợp với các địa phương trong vùng hoàn thiện quy hoạch tổng thể vùng ĐBSCL theo tinh thần Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng, xây dựng vùng này thành trung tâm sản xuất nông nghiệp hàng hóa xuất khẩu số một của Việt nam, trọng tâm là lúa gạo, gắn với công nghiệp chế biến và các dịch vụ. Với phương châm "nông - lâm - ngư nghiệp phát triển theo hướng kinh tế hàng hóa, gắn với công nghiệp chế biến, đáp ứng nhu cầu trong nước, đẩy mạnh xuất khẩu, phát huy lợi thế sinh thái, bảo vệ môi trường và tài nguyên" (1). Trên cơ sở quy hoạch tổng thể đó, các bộ, ngành cần có quy hoạch cụ thể để làm cơ sở cho việc xây dựng kế hoạch đầu tư vốn và công nghệ, bảo đảm cho sự phát triển ổn định, vững chắc theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Quy hoạch mới phải bảo đảm cho ĐBSCL phát triển toàn diện, nhất là công nghiệp chế biến nông sản, thủy sản và các dịch vụ thương mại, du lịch bên cạnh thế mạnh tuyệt đối về sản xuất lúa gạo. Vì vậy, việc hoàn thiện các khu chế xuất Cần thơ, Trà nóc, các trung tâm chế biến và đánh bóng lúa gạo xuất khẩu ở Mỹ tho, Long an, các trung tâm thương mại và dịch vụ lớn ven sông Tiền, sông Hậu, các thị trấn, thị tứ và các tụ điểm công nghiệp nông thôn đang hình thành rất đa dạng... cần được hoàn thiện quy hoạch và đầu tư thỏa đáng.

Trong nông nghiệp và nông thôn, cần sớm hoàn thiện quy hoạch các vùng lúa xuất khẩu, vùng cây ăn trái, vùng chăn nuôi theo hướng sản xuất gắn với thị trường. Vì vậy, vai trò của công tác quy hoạch vùng kinh tế nói chung, nông nghiệp nói riêng có ý nghĩa quyết định. ĐBSCL có lợi thế là sớm tiếp cận với sản xuất hàng hóa, nhất là lúa gạo. Nhưng lợi thế đó chỉ có thể phát huy khi có các chính sách vĩ mô phù hợp ; trước hết là chính sách đầu tư vốn và công nghệ cho các vùng sản xuất hàng hóa.

Thứ hai : Tập trung vốn đầu tư của trung ương và địa phương (nhất là thu hút mạnh mẽ vốn của nước ngoài) để xây dựng cơ sở hạ tầng trong vùng. Trước hết, cần xây dựng đường bộ và điện là hai khâu yếu kém nhất hiện nay đang cản trở quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế trong vùng. Việc nghiên cứu hoàn thiện các phương án nâng cấp đường ô tô đến các vùng trọng điểm sản xuất hàng hóa trong vùng phải dựa vào địa hình và thủy văn từng tiểu vùng, vùng Đồng tháp mười, tứ giác Long xuyên, bán đảo Cà mau, tây sông Hậu. Thực tế mùa lũ 3 năm liên tiếp (1994 - 1996) cho thấy hệ thống cầu, đường không đủ sức chống đỡ với lũ lụt kéo dài của vùng ĐBSCL. Nếu vẫn duy trì hệ thống cầu, đường như hiện nay thì năm nào cũng cần hàng trăm tỉ đồng để sửa chữa, khôi phục đường sá sau lũ, nhưng giao thông vẫn ách tắc. Phương châm "chung sống với lũ" cần được thể hiện ngay cả đối với quy hoạch và thiết kế công trình giao thông thủy, bộ của vùng.

Trong khi nguồn vốn trong nước còn hạn chế, nhà nước cần có chính sách để thu hút các nhà đầu tư nước ngoài, các tổ chức quốc tế đến hợp tác, liên doanh ở vùng này. Muốn đạt được mục tiêu trên,

(1) *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1991, tr 14

Digitized by Google

cần ưu tiên thỏa đáng về thuế, đơn giản hóa thủ tục cho các chương trình, dự án đầu tư về cơ sở hạ tầng, miễn các loại thuế cho các dự án giao thông đường bộ.

Thứ ba : Cùng với cơ sở hạ tầng, cần khẩn trương xây dựng các khu chế xuất Cần thơ, Trà nóc và đưa ngay vào hoạt động. Hai khu chế xuất này, với các ngành công nghiệp kỹ thuật cao như điện tử, cơ khí, hóa chất, phân bón, vật liệu xây dựng, thủy tinh, may mặc... sẽ thu hút 80% năng lực sản xuất công nghiệp vùng ĐBSCL. Nó là đầu tầu kéo theo hàng loạt ngành công nghiệp và dịch vụ phi nông nghiệp của các địa phương khác trong vùng. Thu hút thêm lao động nông nghiệp dư thừa ở nông thôn. Các khu chế xuất đó sẽ là những mô hình mới về tổ chức và quản lý, phân công lao động xã hội theo hướng công nghiệp hóa. Phát triển các trung tâm công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản quy mô lớn, kỹ thuật cao tại các vùng sản xuất nông sản, thủy sản hàng hóa lớn như tôm, cá ở Minh hải, Kiên giang, lúa gạo ở An giang, Đồng tháp, trái cây ở Vĩnh long, Bến tre, Tiền giang, Cần thơ.

Các trung tâm dịch vụ và thương mại lớn như Cần thơ, Cà mau, Châu đốc, Long xuyên, Mỹ tho, Rạch giá... cần được xây dựng thành những trung tâm thương mại - dịch vụ - du lịch tổng hợp, có sức hấp dẫn đối với các thương gia và khách du lịch. Đặc biệt, các hình thức du lịch miệt vườn, du lịch sinh thái, làng văn hóa bản sắc, cần được khai thác quản lý và đầu tư thỏa đáng nhằm tăng thu nhập nội tệ và ngoại tệ, cải thiện môi sinh ở các vùng nông thôn, thúc đẩy : "Chuyển dịch cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn có hiệu quả" (2).

Thứ tư : Để kích thích môi trường đầu tư và phát triển công nghiệp và dịch vụ trong vùng, Chính phủ cần xây dựng vùng kinh tế trọng điểm miền Tây gắn với TP Hồ Chí Minh và cả miền Đông nam bộ. ĐBSCL có đủ các điều kiện để phát triển vùng kinh tế trọng điểm với trọng tâm là nông nghiệp hàng hóa gắn với công nghiệp chế biến và xuất khẩu nông sản, thủy sản. Trên cơ sở quy hoạch tổng thể hợp lý và đầu tư vốn ban đầu thỏa đáng, chắc chắn vùng kinh tế trọng điểm này sẽ sớm đem lại hiệu quả thiết thực thúc đẩy nhịp độ tăng trưởng kinh tế.

Thứ năm : Muốn chuyển đổi cơ cấu kinh tế có hiệu quả cần phát triển mạnh mẽ về khoa học và công nghệ. ĐBSCL có thuận lợi là gần TP Hồ Chí Minh (trung tâm khoa học và công nghệ lớn của cả nước), Trường đại học Cần thơ, Viện lúa ĐBSCL, hai nông trường sản xuất giống lúa sông Hậu và Cờ đỏ, các trung tâm khuyến nông (đã hình thành và phát triển trong 10 năm đổi mới với hàng ngàn kỹ sư, cán bộ kỹ thuật). Với lợi thế và tiềm năng đó, ĐBSCL có đủ tiền đề và điều kiện để đưa nhanh tiến bộ kỹ thuật và công nghệ vào các ngành sản xuất vật chất và dịch vụ, tạo ra bước ngoặt trong phát triển công nghiệp, xây dựng, thương mại, du lịch, dịch vụ và nhất là nông nghiệp. Chính phủ có chính sách thỏa đáng để thu hút cán bộ khoa học - kỹ thuật và quản lý kinh tế có trình độ cao về với ĐBSCL. Viện khoa học nông nghiệp miền nam, Viện lúa ĐBSCL, các nông trường và trạm trại giống, cây, con trong vùng, tập trung lực lượng và kinh phí hoàn thiện tập đoàn giống cây, giống con có năng suất cao, chất lượng sản phẩm tốt, đáp ứng được yêu cầu của thị trường trong nước và nước ngoài. Đối với giống lúa, cần xóa bỏ các giống lúa chất lượng gạo thấp, khó tiêu thụ, chọn lọc và lai tạo các giống lúa chất lượng cao là tiêu chuẩn số một.

Nếu các giải pháp trên được thực hiện, thì từ nay đến năm 2000 và 2010, cơ cấu kinh tế vùng ĐBSCL sẽ chuyển đổi theo hướng tích cực (xem biểu 2).

Biểu 2 : *Dự đoán xu hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng ĐBSCL đến năm 2010 (theo GDP, giá trị thực tế)*

Đơn vị tính : %

Ngành	1997	1998	1999	2000	2005	2010
Nông nghiệp	62,5	60,3	58,2	55,4	40,0	34,0
Công nghiệp	12,5	14,2	15,4	17,0	30,0	35,0
Dịch vụ	25,0	25,5	26,4	27,0	30,0	31,0

Dự kiến đến năm 2000 và 2010, ĐBSCL vẫn là vùng sản xuất lúa gạo xuất khẩu lớn nhất ở Việt nam và của khu vực Đông - Nam Á. Tuy vậy, đến năm 2010, cơ cấu kinh tế của vùng sẽ chuyển dịch theo hướng : nông nghiệp 34%, công nghiệp 35% và dịch vụ 31%. Lúc đó, công nghiệp ĐBSCL trọng tâm vẫn là chế biến nông sản và hải sản xuất khẩu với công nghệ cao, chất lượng tốt, đủ sức cạnh tranh trên thương trường quốc tế. ĐBSCL với cơ cấu kinh tế hợp lý, có tăng trưởng kinh tế cao, sẽ là một vùng giàu có và văn minh ở thế kỷ XXI.❑

(2) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1996, tr 175

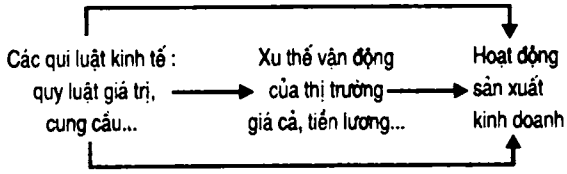
Digitized by Google

KẾ HOẠCH HÓA TRONG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

LÊ HỒNG TIẾN *

I. KINH TẾ THỊ TRƯỜNG VÀ NHỮNG ĐẶC TRƯNG CỦA NÓ

Kinh tế thị trường là nền kinh tế trong đó các phương thức tổ chức kinh tế, phương thức vận hành nền kinh tế luôn tôn trọng và tuân thủ quy luật cung cầu và các quy luật khác của sản xuất hàng hóa. Nói cách khác, kinh tế thị trường là nền kinh tế vận hành theo yêu cầu của các quy luật sản xuất hàng hóa thông qua sự dẫn dắt của giá cả và các tín hiệu diễn ra trên thị trường. Nền kinh tế thị trường là nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường. Còn cơ chế thị trường là tổng thể sự tác động của các quy luật kinh tế khách quan tới xu thế vận động của thị trường, tới hoạt động sản xuất kinh doanh của các chủ thể kinh tế.



Như vậy, hành vi của sản xuất kinh doanh chịu sự tác động trực tiếp của thị trường. Thị trường biến động dẫn đến sản xuất kinh doanh cũng biến động. Ở đây, thị trường theo nghĩa rộng là môi trường chuyển tải, môi trường thực hiện các hoạt động của kinh tế thị trường. Thị trường theo nghĩa hẹp là không gian và thời gian mà ở đó diễn ra các quan hệ hàng hóa - tiền tệ, là nơi diễn ra các quá trình trao đổi, mua bán sản phẩm hàng hóa và dịch vụ. Thị trường bao gồm nhiều loại như : thị trường sản phẩm hàng hóa, thị trường tiền tệ, thị trường vốn, thị trường sức lao động v.v.

Kinh tế thị trường biểu hiện với nhiều loại hình khác nhau nhưng bản thân nó cũng chỉ là một trong nhiều loại mô hình kinh tế. Lịch sử nhân loại đã trải qua các mô hình kinh tế như :

- Kinh tế tự nhiên làm được gì ăn nấy.
- Kinh tế tự cung tự cấp là kinh tế tự sản tự tiêu, làm cho mình.
- Kinh tế hàng hóa là sản xuất hàng hóa để bán cho người khác.
- Kinh tế thị trường là kinh tế hàng hóa phát triển ở trình độ cao, trong đó, các quan hệ kinh tế được lượng hóa thành tiền, các yếu tố sản xuất đều được mua, bán trên thị trường. Vì thế, mặc dù sản xuất quyết định thị trường trao đổi, nhưng đến lượt nó, thị trường cũng là yếu tố quyết định hành vi sản xuất, phân phối, tiêu dùng các sản phẩm hàng hóa.
- Kinh tế phi hàng hóa là kinh tế được Mác và Ăng-ghen dự báo khi hai ông luận giải về vận mệnh của nền sản xuất hàng hóa trong xã hội cộng sản tương lai. Ăng-ghen đã tóm tắt ý của Mác năm 1875 như sau : Một khi xã hội đã nắm giữ các tư liệu sản xuất thì nền sản xuất hàng hóa sẽ bị loại trừ.

Như vậy, kinh tế thị trường chỉ là một trong nhiều loại hình kinh tế. Nhưng bản thân nó lại gồm :

- Kinh tế thị trường tiền tư bản chủ nghĩa là kinh tế thị trường chưa có bóc lột lao động làm thuê.
- Kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa là kinh tế thị trường dựa trên cơ sở bóc lột lao động làm thuê. Kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa chia thành hai giai đoạn :

+ Kinh tế thị trường tư bản chỉ nghĩa tự do cạnh tranh. Ở đây, vai trò của nhà nước không đáng kể nên có hiện tượng vô chính phủ, tự phát, mù quáng...

+ Kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa hiện đại đã có sự can thiệp của nhà nước bằng pháp luật, kế hoạch nên hạn chế phần nào khuyết tật của kinh tế tự do cạnh tranh.

- Kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa là khái niệm mới xuất hiện những năm gần đây. Đó là nền kinh tế thị trường do nhà nước xã hội chủ nghĩa quản lý dưới sự lãnh đạo của đảng cộng sản.

Nền kinh tế thị trường nói chung, có những đặc trưng chủ yếu sau đây :

Kinh tế thị trường là hình thái thể hiện trình độ phát triển cao của kinh tế hàng hóa. Các quan

* PTS, Phân viện Chính trị quốc gia tại TP Hồ Chí Minh

Digitized by Google

hệ hàng hóa - tiền tệ mở rộng và bao quát mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế. Lợi nhuận vừa là mục đích vừa là động lực chi phối hành vi sản xuất, phân phối và tiêu dùng.

Kinh tế thị trường một mặt có vẻ như hỗn độn, ngẫu nhiên, tự phát, nhưng mặt khác, nó vận động một cách ổn định tương đối, có khả năng điều tiết hoạt động của các thành viên, các yếu tố tham gia thị trường. Sức mạnh điều khiển vô hình của thị trường có được là do sự vận động của hàng loạt quy luật khách quan của kinh tế thị trường. Giá cả như là một tín hiệu cơ bản của quan hệ cung cầu, cũng từ đó mà người tiêu dùng và các chủ thể sản xuất kinh doanh điều chỉnh hành vi của mình.

Kinh tế thị trường có đặc trưng tự nguyện, tự do lựa chọn, tự do hóa giá cả, phân phối theo quan hệ cung cầu. Cạnh tranh là đặc trưng phổ biến. Nó buộc doanh nghiệp tạo ra sản phẩm tốt, giá thành hạ. Đó là sự so tài trong hoạt động kinh tế.

Kinh tế thị trường càng phát triển thì trình độ xã hội hóa càng cao. Sản xuất kinh doanh không đóng kín trong một vùng hay trong một nước mà triển khai và có mối liên hệ trên qui mô cả nước, khu vực và thế giới. Kinh tế thị trường là kinh tế mở, quốc tế hóa, toàn cầu hóa.

Kinh tế thị trường vừa có mặt tích cực, vừa có mặt tiêu cực. Muốn cho kinh tế thị trường hoạt động bình thường với ý nghĩa phát triển theo định hướng mong muốn của con người, đặc biệt là nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa như chúng ta đang xây dựng, nhất thiết phải tăng cường vai trò của nhà nước với hệ thống luật lệ thể chế để phát huy mặt tích cực, hạn chế, ngăn ngừa mặt tiêu cực của nó.

Trong kinh tế thị trường có sự tác động của nhà nước, các chủ thể sản xuất kinh doanh và người tiêu dùng vừa phải thích nghi với cơ chế thị trường, vừa phải tuân thủ luật lệ và thể chế của nhà nước.

II. TÍNH KẾ HOẠCH VÀ KẾ HOẠCH HÓA NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG

Cũng như mọi nền kinh tế, kinh tế thị trường muốn phát triển đòi hỏi phải hướng tới cân đối, duy trì thường xuyên tính cân đối.

Cân đối là bảo đảm sự cân bằng theo quan hệ tỷ lệ giữa các phần tử cấu thành hệ thống. Trong một hệ thống, khi đạt tới sự cân đối sẽ làm cho hệ thống phát triển và tồn tại cân đối mới trong một hệ thống mới. Như vậy, sự cân đối chỉ là tạm thời, một cân đối không ngừng bị phá vỡ và đạt đến một cân đối khác cao hơn. Có như vậy mới có sự phát triển. Vậy là, sự phát triển đòi hỏi hướng tới cân đối, đòi hỏi phải duy trì thường xuyên tính cân đối. Đồng thời, một cân đối cụ thể nào đó sẽ luôn bị thay đổi trong quá trình phát triển. Trong hoạt động thực tiễn, việc giải quyết thường xuyên sự mất cân đối là một trong những yêu cầu và dấu hiệu bảo đảm cho sự phát triển.

Tính kế hoạch của một nền kinh tế thể hiện ở chỗ nhận thức và duy trì được thường xuyên tính cân đối theo yêu cầu khách quan về quá trình đầu tư, bố trí lao động, phân công ngành nghề giữa hai khu vực chủ yếu : khu vực I và khu vực II, cân đối trong từng khu vực, cân đối hàng - tiền, cân đối xuất - nhập, cân đối tổng cung - tổng cầu, cân đối thu - chi ngân sách.v.v... Trong khuôn khổ vi mô, thì tính kế hoạch thể hiện ở việc nắm bắt và duy trì thường xuyên các cân đối phù hợp với yêu cầu khách quan về các yếu tố của sản xuất và các quá trình quản lý trong toàn bộ dây chuyền sản xuất kinh doanh.

Từ những biểu hiện trên đây, có thể thấy, tính kế hoạch của nền kinh tế chỉ có thể thực hiện với hai điều kiện : có sự phân công lao động xã hội, phân công sản xuất mạnh mẽ và có khả năng nhận thức, tác động, điều tiết một cách thường xuyên, bảo đảm tính cân đối của nền kinh tế.

Có ý kiến cho rằng, tính kế hoạch là thuộc tính của nền kinh tế có kế hoạch. Thực ra, tính kế hoạch là phạm trù khách quan, tồn tại ngay cả trong nền kinh tế thị trường.

Nền kinh tế thị trường là nền kinh tế hàng hóa phát triển ở trình độ cao. Nếu xét tính kế hoạch của nó theo điều kiện thứ nhất nêu trên, thì ở đây, sự phân công lao động, phân công sản xuất đã diễn ra một cách sâu sắc làm nảy sinh nhu cầu hợp tác. Chính hợp tác đòi hỏi phải thiết lập các cân đối giữa các yếu tố sản xuất, các quá trình lao động. Như vậy, kinh tế thị trường đã có sự hiện diện của sự phân công lao động, phân công sản xuất thì cũng tất nhiên có sự hiện diện

Digitized by Google

của hợp tác của các quan hệ tỷ lệ cân đối, và hiện diện tính kế hoạch.

Tính kế hoạch của một nền kinh tế xét theo điều kiện thứ hai tức là khả năng nhận thức, duy trì thường xuyên tính cân đối, thì không hoàn toàn như nhiều người quan niệm rằng kinh tế thị trường là vô chính phủ, là mù quáng và tự phát. Điều đó có thể đúng khi nền kinh tế ở giai đoạn tự do cạnh tranh hoặc kinh tế tiền tư bản chủ nghĩa. Còn trong kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa hiện đại là kinh tế thị trường có sự can thiệp của nhà nước tư sản, thì nhà nước sử dụng luật lệ, kế hoạch và những công cụ khác để điều tiết nền kinh tế. Thí dụ, ở Nhật bản, nội các của Chính phủ Ha-tô-ya-ma, vào năm 1954 đã thông qua kế hoạch 5 năm đầu tiên của Nhật bản từ sau chiến tranh. Tiếp theo, cứ hai hoặc ba năm chính phủ lại thông qua kế hoạch mới.

Như vậy, nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa hiện đại là nền kinh tế có mang tính kế hoạch. Tuy nhiên, do bản chất của nền kinh tế với sở hữu tư nhân thống trị, do sự thao túng của những công ty độc quyền, tính kế hoạch đó trong tổng thể nền kinh tế quốc dân chỉ mang tính tượng trưng, không thực hiện được. Muốn sản xuất có kế hoạch trên quy mô toàn xã hội, kinh tế tư bản chủ nghĩa phải xóa bỏ được hình thức độc quyền và tính "cát cứ" của sở hữu tư nhân và làm như vậy là đồng nghĩa với việc xóa bỏ chế độ chiếm hữu tư bản chủ nghĩa. Đó là mâu thuẫn mà bản thân kinh tế tư bản chủ nghĩa không tự giải quyết được. Chính vì thế, Lê-nin đã khẳng định rằng, việc giải quyết những mâu thuẫn nội tại của kinh tế tư bản chủ nghĩa *chính là* và *nhất định là* việc chuyển sang một hình thức tổ chức kinh tế xã hội cao hơn, một hình thức có kế hoạch của chủ nghĩa xã hội.

Như trên đã nói, tính kế hoạch là yêu cầu khách quan của việc phát triển nền kinh tế. Yêu cầu khách quan này được nhận thức và phản ánh thành một hệ thống các mục tiêu, các biện pháp, các phương tiện và thời hạn thực hiện với những bước đi cụ thể, trong khoảng thời gian nhất định. Đó là kế hoạch hóa.

Về thực chất, kế hoạch hóa nền kinh tế thị trường là việc nhận thức nhu cầu khách quan của xã hội để xác lập một kế hoạch nhằm đáp ứng nhu cầu đó. Do đó, một nền kinh tế có thể được kế hoạch hóa mà không đạt được tính kế hoạch nếu như kế hoạch đã xác định nhưng không phản ánh đúng đắn nhu cầu khách quan của xã hội, không thể hiện các cân đối khách quan của nền kinh tế.

Nền kinh tế thị trường hiện đại là nền kinh tế có sự quản lý của nhà nước bằng pháp luật, bằng kế hoạch... Do vậy, vai trò của kế hoạch hóa nền kinh tế thị trường là : Cụ thể hóa đường lối, chiến lược phát triển của đất nước ; huy động và khai thác các nguồn lực ; xây dựng và bảo đảm các cân đối chủ yếu ; điều tiết các hoạt động của các chủ thể sản xuất - kinh doanh nhằm thực hiện chiến lược phát triển chung.

III. CÁC MÔ HÌNH KẾ HOẠCH HÓA VÀ MÔ HÌNH KẾ HOẠCH HÓA Ở NƯỚC TA

Kế hoạch hóa có nhiều mô hình, nhưng xét theo phương pháp tác động thì kế hoạch hóa có hai mô hình :

- *Kế hoạch hóa trực tiếp* là kế hoạch hóa mà mọi chỉ tiêu, mọi cân đối đều do nhà nước xác định. Nhà nước trực tiếp giao kế hoạch cho các đơn vị kinh tế.

- *Kế hoạch hóa gián tiếp* là kế hoạch hóa trong đó các đơn vị kinh tế tự xác định kế hoạch của mình. Nhà nước không trực tiếp giao kế hoạch, mà gián tiếp, thông qua quan hệ hàng hóa tiền tệ, đòn bẩy kinh tế để điều chỉnh kế hoạch của các đơn vị kinh tế.

Xét theo mối quan hệ giữa nhà nước và các đơn vị kinh tế, giữa kế hoạch và thị trường thì kế hoạch hóa có các mô hình sau đây :

- *Kế hoạch hóa tập trung cao độ.* Đây là mô hình cộng sản thời chiến. Trong đó, các quyết định vĩ mô, vi mô đều tập trung vào tay nhà nước ; xóa bỏ quan hệ hàng hóa - tiền tệ ; xóa bỏ cơ chế thị trường. Sự vận động nền kinh tế dựa vào sự chỉ huy tập trung và động viên tinh thần là chính.

- *Kế hoạch hóa tập trung.* Đây là mô hình trong đó, các quyết định vĩ mô tập trung vào tay nhà nước, các quyết định của doanh nghiệp cơ bản cũng tập trung vào tay nhà nước. Nhà nước tác động đến sản xuất kinh doanh bằng kế hoạch trực tiếp, lấy cơ cấu đẳng cấp về quyền lực hành chính nhà nước làm cơ sở. Sử dụng phương pháp

Digitized by Google

hành chính là chủ yếu. Quan hệ hàng hóa - tiền tệ, vai trò của thị trường rất yếu ớt.

- *Kế hoạch hóa tập trung có hạn chế.* Điểm khác nhau của mô hình này với mô hình kế hoạch hóa tập trung là ở chỗ : một số quyền quyết định của doanh nghiệp được giao cho doanh nghiệp tự quyết định. Các chỉ tiêu hiện vật của kế hoạch nhà nước được giảm bớt. Chỉ tiêu giá trị được mở rộng phạm vi. Cơ chế thị trường có tác dụng bổ sung nhất định, bắt đầu chú ý vận động đòn bẩy kinh tế. Đã có sự kết hợp biện pháp hành chính với biện pháp kinh tế.

- *Kế hoạch kết hợp với thị trường* là mô hình kinh tế phát triển theo cơ chế thị trường một cách có kế hoạch trong đó, quyền quyết định vĩ mô thuộc nhà nước. Các hoạt động của các đơn vị kinh tế do đơn vị tự quyết định. Nhà nước quản lý có kế hoạch toàn bộ nền kinh tế quốc dân, nhưng không dùng biện pháp hành chính mà chủ yếu thông qua biện pháp kinh tế để hướng dẫn các đơn vị kinh tế thực hiện kế hoạch nhà nước.

Mô hình kế hoạch hóa nền kinh tế của nước ta : Vào những năm 1954 - 1980, mô hình kinh tế nước ta về cơ bản là mô hình kế hoạch hóa tập trung. Sau Đại hội VI của Đảng (1986) đến nay, chúng ta xây dựng mô hình kết hợp kế hoạch với thị trường. Tức là xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước (bằng pháp luật, kế hoạch, chính sách và các công cụ khác) theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Tuy chưa có nền *kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa* hoàn thiện, nhưng kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa mà nước ta hướng tới không phải là nền kinh tế của "chủ nghĩa xã hội thị trường", một thứ chủ nghĩa xã hội hỗn hợp với chủ nghĩa tư bản, trong đó chiếm hữu tư nhân là chủ đạo. "Chủ nghĩa xã hội thị trường" lấy đa nguyên chính trị làm nền tảng tư tưởng. Khác với "chủ nghĩa xã hội thị trường", *kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa* coi thành phần kinh tế nhà nước là chủ đạo, không chấp nhận đa nguyên chính trị. Nhà nước xã hội chủ nghĩa là người quản lý dưới sự lãnh đạo của đảng cộng sản để tổ chức xây dựng xã hội mới, xã hội xã hội chủ nghĩa.❑

Vấn đề mới...

(Tiếp theo trang 44)

vậy việc bảo vệ và phát triển rừng ở miền núi phải được coi như là một công đoạn trong sản xuất điện năng và sản xuất nông nghiệp ở miền xuôi. Nhà nước cần phải đầu tư cho miền núi, lấy những lợi nhuận của miền xuôi bù trì cho miền núi, như là một sự đền đáp thích đáng công lao bảo vệ và phát triển môi trường sinh thái cho cả nước. Đó cũng là thực hiện công bằng xã hội giữa miền núi và miền xuôi.

Hoạch định môi trường sinh thái là sự xác định, quy định những phạm vi không gian lãnh thổ của môi trường sinh thái, đó cũng là sự xác định, quy định những cảnh quan sinh thái khác nhau theo các mục đích, định hướng của môi trường sống của con người qua từng giai đoạn khác nhau. Công việc này đòi hỏi phải có các chương trình, đề án liên ngành cho các vùng và cho cả nước. Hiện nay ở nước ta có Viện điều tra quy hoạch rừng thuộc Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn. Viện này có thể đảm nhiệm việc hoạch định môi trường sinh thái và xây dựng các công trình sinh thái phòng hộ cho các tỉnh miền núi phía Bắc nước ta cùng với sự tham gia của Viện địa lý, Viện sinh thái - tài nguyên sinh vật, các viện khác cùng với các trường đại học, kết hợp sự triển khai của các địa phương.

Hoạch định môi trường sinh thái và xây dựng các công trình sinh thái phòng hộ cùng các mô hình kinh tế - môi trường là những vấn đề mới, nhưng cần phải làm và phải làm ngay. Hy vọng rằng ở các tỉnh miền núi phía Bắc sẽ có các chương trình, đề án về vấn đề này. Môi trường sinh thái được hoạch định, các công trình sinh thái phòng hộ được xây dựng và việc thiết lập nhiều mô hình kinh tế - môi trường cho từng vùng sẽ là động lực thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở các tỉnh miền núi phía Bắc nước ta.❑

Digitized by Google

NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ VẤN ĐỀ TIỀN LƯƠNG HIỆN NAY

TRẦN VĂN TÁ *

VIỆC thực hiện cải cách tiền lương từ năm 1993 và việc sửa đổi, bổ sung các chính sách xã hội trong những năm gần đây đã góp phần cải thiện một bước quan trọng đời sống của những người hưởng lương trong khu vực nhà nước, các cán bộ nghỉ hưu và các đối tượng chính sách xã hội.

Tuy nhiên, do chỉ số giá sinh hoạt luôn luôn biến động qua các năm, đặc biệt là giá hàng lương thực, thực phẩm và một số nhu yếu phẩm tăng cao, nên tiền lương và thu nhập thực tế của người hưởng lương giảm sút mạnh. Nếu tính theo mặt bằng giá hiện nay, tiền lương thực tế chỉ bằng khoảng gần 70% so với năm 1993.

Mặc dù tiền lương thực tế của người lao động hưởng lương giảm, nhưng phần chi lương và các khoản chi có tính chất lương của ngân sách nhà nước không ngừng tăng lên do mở rộng thêm các đối tượng được hưởng và bổ sung một số chính sách (phụ cấp 20% lương cho giáo viên ; phụ cấp đặc thù cho các ngành y tế, thủy văn ; điều chỉnh mức trợ cấp cho người có công với cách mạng từ đầu năm 1995 ; điều chỉnh mức sinh hoạt phí cho cán bộ xã, phường từ giữa năm 1995...). Tổng chi ngân sách nhà nước về lương và các khoản chi có tính chất lương trong năm 1996 là 19 654 tỉ đồng, tăng gấp hơn 3 lần so với trước khi cải cách tiền lương. Mức tăng bình quân hằng năm về chi lương và các khoản chi có tính chất lương là 36,5%, cao hơn gấp nhiều lần tốc độ tăng trưởng kinh tế. Hậu quả là đã làm cho tỷ trọng chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển ngày càng doãng ra (hiện là 63/37). Quỹ tiền lương và các khoản chi có tính chất lương trong ngân sách năm 1996 đã chiếm tới 48% tổng số chi thường xuyên. Riêng ngành giáo dục, chi tiền lương chiếm đến 2/3 tổng chi thường xuyên của ngành. Nếu chiều hướng này tiếp tục phát triển thì ngân sách nhà nước sẽ trở thành ngân sách tiêu dùng.

Cải cách tiền lương năm 1993 đặt ra mục tiêu thực hiện chính sách tiền lương mới đi đôi với cải cách hành chính, sắp xếp lại bộ máy, tinh giảm biên chế. Nhưng thực tế, mục tiêu này không thực hiện được. Từ năm 1993 đến nay, biên chế trong khu vực hành chính sự nghiệp không những không giảm mà còn tiếp tục tăng lên. Năm 1993 tổng số công chức, viên chức trong khu vực hành chính sự nghiệp là 1,102 triệu người ; đến tháng 6 năm 1996 con số này là 1,288 triệu người, tăng gần 17 vạn người, trong đó chủ yếu là tăng trong ngành giáo dục - đào tạo (mỗi năm tăng bình quân từ 5 đến 5,5 vạn người).

Điều đáng chú ý là tổng số các đối tượng hưởng lương, trợ cấp thường xuyên từ ngân sách nhà nước quá lớn và ngày càng tăng. Đến ngày 30-6-1996 tổng số các đối tượng này là 6 089 316 người, trong đó cơ cấu bố trí giữa các lĩnh vực rất khác nhau : Chiếm tỷ trọng cao nhất là đối tượng người có công với cách mạng (39,13%) ; các đối tượng nghỉ hưu và trợ cấp nghỉ việc (28,07%) ; những người làm việc trong lĩnh vực sự nghiệp (không kể sự nghiệp kinh tế) cũng chiếm tới 17,51% trong đó hơn 3/4 là thuộc lĩnh vực giáo dục - đào tạo với 793 051 người.

Khu vực quản lý hành chính nhà nước lâu nay thường bị mang tiếng là bộ máy cồng kềnh, thủ tục rườm rà, kém hiệu lực, nhưng thực tế số lượng biên chế lại quá nhỏ bé, chỉ chiếm có 3,24% so với tổng số các đối tượng hưởng lương và trợ cấp thường xuyên từ ngân sách nhà nước và chỉ bằng 0,28% dân số cả nước (trong khi mức trung bình của thế giới về số biên chế quản lý hành chính nhà nước thường chiếm khoảng 2% dân số). Điều đáng nói trong khu vực này là chất lượng đội ngũ công chức, viên chức còn rất hạn chế, không tương xứng với yêu cầu của nhiệm vụ quản lý trong cơ chế mới. Nhà nước

* PGS, PTS, Bộ tài chính

Digitized by Google

chưa ban hành được pháp lệnh công chức và chưa có quy chế về công vụ để làm cơ sở cho việc tuyển dụng, sử dụng đào tạo, bồi dưỡng và nâng cao chất lượng của công chức, viên chức. Theo đánh giá chung thì hiện nay có khoảng 20 đến 30% công chức, viên chức không đáp ứng được yêu cầu nhưng vẫn phải để trong biên chế nhà nước.

Mặt khác, những năm vừa qua xuất hiện một xu hướng "công chức hóa" cán bộ xã, phường. Cán bộ xã, phường hưởng lương, phụ cấp từ ngân sách nhà nước tăng lên nhanh chóng, bao gồm cả trợ cấp cho cán bộ xã, phường nghỉ hưu. Nhiều nơi số lượng cán bộ xã do nhà nước trả lương hoặc phụ cấp lên đến 20 người. Vì vậy, đến năm 1996 tổng chi lương, phụ cấp có tính chất lương cho cán bộ xã, phường (884 tỉ đồng), đã lớn hơn toàn bộ tiền lương của công chức nhà nước từ huyện đến trung ương (852 tỉ đồng).

Ngoài ra, tính chất bao cấp của ngân sách đối với các hoạt động sự nghiệp còn quá lớn, không chỉ đối với giáo dục, đào tạo, y tế mà cả đối với nghiên cứu khoa học, văn học nghệ thuật, báo chí, văn hóa thông tin v.v..

Trong các doanh nghiệp nhà nước, cơ chế tiền lương, cơ chế phân phối, sử dụng các quỹ khen thưởng, phúc lợi, lợi nhuận để lại cho doanh nghiệp đều chậm được đổi mới. Việc xác định đơn giá tiền lương, quản lý tiền lương và thu nhập không gắn với năng suất lao động, chất lượng và hiệu quả công tác, dẫn đến tình trạng chênh lệch tiền lương và thu nhập quá lớn giữa các ngành, giữa các doanh nghiệp ; một số doanh nghiệp có mức thu nhập quá cao, không hợp lý.

Trong điều kiện tiền lương và thu nhập thực tế giảm sút mạnh, hầu hết các cơ quan, đơn vị, các tổ chức đảng, đoàn thể đều đã bằng cách này hay cách khác tìm các nguồn thu để trợ cấp thêm cho cán bộ, viên chức với mức phổ biến là từ 100 000 đồng đến 200 000 đồng/tháng, có nơi đến 700 000 đồng hoặc 800 000 đồng/tháng. Suy cho cùng thì tất cả các khoản tiền này đều có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước, nhưng lại nằm ngoài sự quản lý của các cơ quan chức năng của nhà nước, nằm ngoài sự kiểm soát của ngân sách nhà nước. Tình hình đó đã làm cho tiền lương mất dần tác dụng, không tương xứng với sức lao động bỏ ra, không còn là động lực khuyến khích người lao động ; tiền lương không phải là nguồn thu nhập chính của người lao động ; nó đã quay trở lại tính chất phường hội như trước cải cách tiền lương năm 1993. Tình hình này cũng đã dẫn đến hiện tượng "chảy chất xám" đang diễn ra hằng ngày với quy mô ngày càng lớn. Khá nhiều người có trình độ chuyên môn cao, do tiền lương và thu nhập thấp nên đã bỏ các cơ quan hành chính, sự nghiệp ra làm kinh doanh, hay đi làm cho các cơ quan, văn phòng đại diện, các tổ chức kinh tế nước ngoài.

Trong quá trình thực hiện chế độ lương mới, việc điều chỉnh, bổ sung một số chính sách phụ cấp có tính chất cục bộ ở một số ngành, các chế độ học phí, viện phí cho phép để lại một phần để tăng thu nhập cho cán bộ, tình trạng thu tiền học, tiền khám chữa bệnh tràn lan và thái quá... đã làm cho hệ thống lương mang tính chắp vá, có nguy cơ phá vỡ quan hệ tiền lương, phá vỡ những nguyên tắc thiết kế của chế độ lương mới, tạo nên sự chênh lệch về thu nhập và những vấn đề xã hội phức tạp.

Tuy nhiên, hệ thống lương cải cách không phải là không có vấn đề phải bàn. Có thể nói rằng hệ thống thang, bảng lương mới có nhiều tiến bộ, song việc chia ra quá nhiều bậc trong một ngạch và việc nâng lương chỉ đơn thuần dựa vào thời gian đã làm cho tiền lương mang tính chất bình quân, không khuyến khích người lao động tận tâm với công việc và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác.

Những mâu thuẫn trên đây đã làm cho tiền lương và việc bảo đảm tiền lương thực tế của người lao động trong khu vực nhà nước trở thành vấn đề kinh tế - xã hội có tính chất bức xúc.

Việc cải cách chính sách tiền lương trong thời gian trước mắt và những năm tiếp theo cần phải được thực hiện theo những định hướng sau đây :

Digitized by Google

Một là, bảo đảm tiền lương thực tế của khu vực quản lý hành chính nhà nước tương đương với mức thu nhập trung bình của xã hội, làm cho tiền lương thực hiện đúng chính sách phân phối theo lao động, khuyến khích tài năng, thu hẹp dần sự chênh lệch giữa tiền lương của công chức nhà nước với tiền lương của khu vực sản xuất kinh doanh. Đi đôi với việc tuyển chọn, bồi dưỡng nâng cao chất lượng công chức, cần xúc tiến nhanh việc tiêu chuẩn hóa công chức.

Kinh nghiệm của nhiều quốc gia cho thấy, tiền lương và thu nhập của công chức, viên chức trong khu vực quản lý hành chính nhà nước thông thường bằng khoảng 70 - 80% tiền lương và thu nhập của những người làm công việc tương tự trong khu vực sản xuất kinh doanh. Công chức, viên chức nhà nước được ổn định về việc làm và có độ an toàn việc làm cao hơn khu vực tư nhân, nên tiền lương và thu nhập có thể thấp hơn, nhưng nếu quá thấp thì sẽ không giữ được những người có trình độ nghiệp vụ chuyên môn cao, trình độ quản lý giỏi làm việc trong khu vực nhà nước.

Để có thể nâng lương tối thiểu, lương trung bình của công chức nhà nước, điều quan trọng là phải đánh giá lại đội ngũ công chức hiện nay ; phải xem xét việc giảm biên chế đối với cả các cơ quan đảng và đoàn thể chính trị - xã hội do ngân sách nhà nước trả lương. Đặc biệt, cần chấm dứt xu hướng "công chức hóa" cán bộ xã, phường.

Để cải cách tiền lương thực sự có hiệu quả, không thể chuyển ngang theo ngạch, bậc hiện có của công chức sang chế độ lương mới một cách máy móc, mà phải bồi dưỡng, đào tạo lại cho những người không đủ tiêu chuẩn và kiên quyết loại ra khỏi biên chế những người không đáp ứng được yêu cầu công việc. Nếu không làm được việc này, thì các bước tiếp theo của cải cách tiền lương sẽ lặp lại tình hình y như khi xếp chuyển lương mới vào năm 1993 là : tiền lương tăng, biên chế không những không giảm mà còn tiếp tục tăng thêm.

Hai là, cải cách tiền lương phải đặt trong bối cảnh tình hình kinh tế - xã hội, tình hình ngân sách nhà nước.

Những năm vừa qua, nền kinh tế nước ta liên tục tăng trưởng và ổn định ; ngân sách nhà nước tuy vẫn còn căng thẳng nhưng đã bảo đảm được yêu cầu chi thường xuyên và dành một phần cho đầu tư phát triển. Tuy vậy, do tích lũy nội bộ nền kinh tế còn ở mức thấp, nhu cầu vốn cho đầu tư phát triển đòi hỏi rất lớn, cho nên việc giải quyết tiền lương phải bảo đảm được quan hệ hợp lý giữa tích lũy và tiêu dùng xã hội theo xu hướng tiết kiệm tiêu dùng, tăng đầu tư cho tích lũy. Trong điều kiện hiện nay, rõ ràng là nhu cầu cho tiêu dùng và nhu cầu cho tích lũy đều tăng. Đó là sự đòi hỏi cần thiết, khách quan. Song xu hướng được coi là hợp lý trong bố trí cơ cấu chi ngân sách hiện nay là tốc độ tăng tiền lương trong một chừng mực nhất định có thể cao hơn chi thường xuyên nói chung, nhưng phải thấp hơn tốc độ tăng chi cho đầu tư phát triển.

Ba là, giải quyết vấn đề tiền lương phải đi liền với việc thực hiện xã hội hóa mạnh mẽ đối với một số hoạt động sự nghiệp, nhất là đối với giáo dục - đào tạo, y tế... nhằm huy động các nguồn lực tài chính của toàn xã hội thực hiện phương châm "nhà nước và nhân dân cùng làm", xóa bỏ dần sự bao cấp của ngân sách nhà nước đối với một số hoạt động sự nghiệp. Phải đổi mới về cơ bản phương thức hoạt động và cơ chế trả lương trong các đơn vị thuộc lĩnh vực sự nghiệp (giáo dục - đào tạo, y tế, văn hóa, khoa học, nghệ thuật, báo chí, phát thanh, truyền hình...) khi thực hiện xã hội hóa.

Trên thực tế, có rất nhiều lĩnh vực của hoạt động sự nghiệp đã tiến hành xã hội hóa mà dân đã chấp nhận, nhưng là sự "xã hội hóa ngầm". Trong các trường học, ngoài học phí, cha mẹ học sinh còn phải nộp thêm rất nhiều khoản cho trường. Tại các bệnh viện, nhất là các bệnh viện tuyến cuối, ngoài viện phí người bệnh còn phải nộp thêm nhiều khoản phí dịch vụ khác với mong muốn chữa khỏi bệnh. Như vậy, trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo cần phát triển các hình thức trường bán công, trường dân lập, hoặc chuyển một số trường công sang bán công dưới

Digitized by Google

hình thức nhà nước lo cơ sở vật chất cho nhà trường, còn các chi phí thường xuyên thì do trường tự trang trải bằng tiền học phí. Nhà nước tập trung đầu tư vào một số trường chuyên, các trường năng khiếu chất lượng cao, đào tạo nhân tài, đầu tư ở các vùng khó khăn, trình độ dân trí thấp. Đối với việc khám chữa bệnh, cần phát triển khám chữa bệnh theo bảo hiểm y tế ; khuyến khích các hình thức bệnh viện bán công và các dịch vụ y tế tư nhân có sự kiểm tra, giám sát chặt chẽ về mặt chuyên môn của nhà nước,... Đối với khoa học, công nghệ cần sắp xếp lại các cơ quan nghiên cứu ; nhà nước bảo đảm kinh phí cho các cơ sở nghiên cứu khoa học cơ bản ; các chương trình quốc gia về khoa học, công nghệ, chuyển dần sang cơ chế cấp phát theo nhiệm vụ được giao. Đối với các cơ sở nghiên cứu ứng dụng triển khai chuyển về cho các doanh nghiệp tự trang trải kinh phí, hoặc tự bảo đảm kinh phí thông qua ký kết các hợp đồng phát triển công nghệ, ứng dụng kỹ thuật đối với các doanh nghiệp.

Nếu không từng bước xã hội hóa đối với các hoạt động sự nghiệp, thì ngân sách nhà nước mỗi năm phải chi tăng thêm về tiền lương và những khoản chi có tính chất lương khoảng 5000 đến 6000 tỉ đồng. Khi đó chi tiền lương sẽ chiếm trên 60% chi thường xuyên, không có nguồn để dành cho đầu tư phát triển. Vì vậy, từng bước xã hội hóa là giải pháp chủ yếu mở lối ra cho ngân sách nhà nước và tạo điều kiện nâng tiền lương thực tế cho công chức, viên chức trong khu vực nhà nước.

Bốn là, việc thực hiện cải cách tiền lương phải được xem xét trong mối quan hệ với việc giải quyết các chính sách xã hội nói chung. Tuy vậy, cách thức giải quyết vấn đề tiền lương và các chính sách xã hội không phải hoàn toàn như nhau, nhưng phải bảo đảm được tính hợp lý và tránh tạo ra sự chênh lệch về thu nhập quá lớn, phá vỡ sự công bằng trong xã hội. Việc giải quyết tiền lương dựa vào chất lượng và hiệu quả công tác ; các chế độ trợ cấp, phụ cấp cho các đối tượng chính sách phụ thuộc vào chính sách xã hội của Đảng và Nhà nước. Lâu nay bất cứ động thái gì về tiền lương là kéo theo hàng loạt những vấn đề về trợ cấp xã hội và chính sách xã hội, làm cho việc giải quyết tiền lương trở nên hết sức phức tạp. Vì thế, cần phải có sự tách biệt đối với việc xử lý hai vấn đề nói trên và giải quyết những vấn đề xã hội theo hướng tách bảo hiểm xã hội ra khỏi ngân sách nhà nước, nâng cao chất lượng hoạt động của bảo hiểm xã hội để bảo đảm lương hưu cho người lao động ; phát triển bảo hiểm y tế và xã hội hóa một số chính sách xã hội bằng sự đóng góp của cộng đồng.

Năm là, tăng cường quản lý nhà nước về tiền lương, thu nhập của các bộ, ngành và các cơ quan chức năng về lao động và tiền lương. Tăng cường kiểm tra, giám sát tài chính đối với việc chi tiêu ngân sách, việc quản lý sử dụng vốn, tài sản nhà nước để kiểm soát và ngăn chặn được việc sử dụng tiền nhà nước cũng như việc đặt ra thu các loại phí, lệ phí nhằm mục đích tăng thu nhập một cách tự phát và tùy tiện. Đối với khu vực doanh nghiệp nhà nước, việc khuyến khích thông qua đổi mới cơ chế tiền lương và cách trả lương là đúng, song sai lầm là đã buông lỏng quản lý vĩ mô về tiền lương, dẫn đến tình trạng tiền lương chưa gắn với năng suất, chất lượng, hiệu quả ; từ đó tạo ra sự chênh lệch quá lớn về tiền lương và thu nhập giữa các doanh nghiệp với nhau, giữa khu vực doanh nghiệp với các khu vực hành chính, sự nghiệp. Cải cách tiền lương đối với doanh nghiệp nhà nước phải gắn với đổi mới hoạt động tài chính của doanh nghiệp. Nhà nước phải quản lý tiền lương thu nhập của doanh nghiệp thông qua đơn giá tiền lương, điều tiết đối với những người có thu nhập cao thông qua thuế thu nhập cá nhân, đổi mới quản lý, sử dụng quỹ phúc lợi, quỹ khen thưởng trong các doanh nghiệp nhà nước.

Với cách đặt vấn đề như vậy, việc cải cách tiền lương toàn diện trên các mặt : thang bảng lương ; quan hệ bội số giữa tiền lương tối đa và tối thiểu ; mức lương tối thiểu, v.v. phải giải quyết từng bước, thận trọng, tính toán kỹ đến các điều kiện kinh tế - xã hội. Trong năm 1997 chỉ có thể giải quyết bù trượt giá do biến động của giá cả trong những năm vừa qua, nhằm khôi phục lại tiền lương thực tế và giảm bớt khó khăn cho những người hưởng lương và trợ cấp xã hội.❑

Digitized by Google

DI SẢN CỐ ĐÔ HUẾ VỚI QUÁ TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA VÀ PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ Ở THỪA THIÊN - HUẾ

NGÔ YÊN THI *

Từ thuở Hùng Vương dựng nước, Thừa thiên - Huế là một vùng đất thuộc bộ *Việt thường*, là một trong 15 bộ của đất nước *Văn lang*. Trải qua bao biến chuyển của lịch sử, những tên gọi như Thuận hóa, Phú xuân... đã gắn chặt với lịch sử và truyền thống của một vùng đất mà ngày nay vẫn được gọi tên là Thừa thiên - Huế.

Dưới thời các chúa Nguyễn, địa bàn Thừa thiên - Huế được xem như bàn đạp quan trọng để các chúa Nguyễn thực hiện công cuộc khai phá về phương Nam. Với quá trình lập dinh phủ từ Phước yên - Kim long - Bác vọng - Phú xuân, mảnh đất Thừa thiên - Huế từ thế kỷ XVII - XVIII đã có sự thay da, đổi thịt theo đà phát triển của dân tộc qua các thời chúa Nguyễn với sự tăng trưởng về dân số, lãnh thổ, kinh tế, văn hóa, quân sự, ngoại thương...

Do vị trí quan trọng của vùng đất Thừa thiên - Huế, các chúa Nguyễn đã không ngừng đẩy mạnh đô thị hóa ở vùng đất này. Theo nhiều tài liệu viết thì khởi điểm rõ nét nhất của quá trình đô thị hóa là khi dinh phủ được dời về Kim long (1638). Đến năm 1774, khi đô thành Phú xuân được thành lập, một trung tâm mới Kim long - Phú xuân được hình thành. Phú xuân lúc bấy giờ đã tập trung các công trình kiến trúc đô thành, hệ thống dân cư kinh thành với những thành tựu về kinh tế, xã hội, văn hóa, tư tưởng, nghệ thuật... của một thủ phủ Đàng Trong. Vào thời ấy, Phú xuân đã là một trung tâm chính trị của khu vực, nơi phát triển về kinh tế, có nhiều phường hội thủ công chuyên nghiệp đã ra đời. Theo tài liệu của Lê Quí Đôn, thời ấy đã có : Phường Đúc - chuyên đúc đồng ; Kim long, Triều sơn - chuyên chằm nón ; nhiều xã chuyên làm các mặt hàng bằng gấm, vóc, sa, lãnh ; làng An cựu dệt lụa ; Dốc sơ làm giấy ; Hiền lương rèn sắt... Sản xuất hàng hóa phát triển, mạng lưới chợ được hình thành ở các địa phương để phục vụ nhu cầu trao đổi buôn bán. Trung tâm đô thành Phú xuân nối liền với phố Thanh hà của người Hoa đã trở thành một điểm buôn bán lớn, giao dịch với các lái buôn phương Đông, phương Tây, thu hút nhiều nhân tài cả Đàng Trong và các nước đến làm việc.

Đến thời vua Quang Trung, Phú xuân đã là Kinh đô một nước Việt nam đầy sức sống, kinh đô mở đầu cho công cuộc cải cách và mở cửa của một đất nước đã từng đánh bại các thế lực phong kiến xâm lược hùng mạnh.

Dưới triều Nguyễn, kế thừa những thành tựu các thời kỳ lịch sử trước, từ năm 1802 đến 1858, một trung tâm chính trị, văn hóa của dân tộc đã hình thành rõ rệt tại Huế. Nhiều công trình kinh tế - văn hóa rất có ý nghĩa đã được xây dựng. Nhờ vậy, Thừa thiên - Huế bây giờ mới có một tổng thể di tích được công nhận là di sản văn hóa thế giới. Đây là một kho sử liệu phong phú, một di sản văn hóa dân tộc đặc sắc và là tài nguyên quí báu để chúng ta phát triển kinh tế, văn hóa, du lịch.

*
* *

Hai mươi năm xây dựng vừa qua, Thừa thiên - Huế cũng đã tạo được những mốc đáng kể, đánh dấu sự chuyển biến đi lên, mà nét nổi bật nhất là từ một tỉnh nghèo, lạc hậu trở thành một tỉnh có cơ cấu kinh tế công nghiệp - du lịch - dịch vụ - nông nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH).

Thời kỳ 1991 - 1995, nền kinh tế của Thừa thiên - Huế tăng trưởng với nhịp độ khá, mức tăng trưởng bình quân GDP trong 5 năm qua là 9%. Cơ cấu kinh tế có bước chuyển dịch tiến bộ theo hướng phát huy, khai thác các tiềm năng, thế mạnh của tỉnh về công nghiệp, du lịch, thủy sản... Tỷ trọng các ngành công nghiệp - xây dựng trong GDP tăng lên, và nông nghiệp giảm xuống.

* Ủy viên trung ương Đảng, Bí thư tỉnh ủy Thừa thiên - Huế

Digitized by Google

Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp đạt mức tăng trưởng khá cao, bình quân 23%/năm, đóng góp 40% tổng thu ngân sách địa phương. Một số xí nghiệp đã được đầu tư chiều sâu với thiết bị và công nghệ tiên tiến. Công nghiệp chế biến thực phẩm và công nghiệp vật liệu xây dựng đang trở thành ngành kinh tế mũi nhọn ; du lịch phát triển nhanh và đang từng bước khẳng định vị trí ngành mũi nhọn lâu dài. Các ngành, lĩnh vực khác đều có bước phát triển.

Những kết quả đạt được thời kỳ vừa qua đã tạo ra được những tiền đề tuy chưa hoàn toàn đầy đủ, nhưng rất cần thiết để Thừa thiên - Huế chuyển sang thời kỳ phát triển mới, đẩy mạnh công cuộc CNH, HĐH.

Bước vào thời kỳ phát triển mới, Thừa thiên - Huế đang có nhiều thuận lợi. Cục diện cách mạng nước ta và nhiệm vụ mục tiêu của chặng đường mới đã được Đại hội VIII của Đảng xác định. Đất nước đang có thời cơ lớn để phát triển. Thừa thiên - Huế có nhiều tiềm năng thế mạnh, kể cả tiềm năng nguồn lực về chất xám. Mảnh đất Thừa thiên - Huế vốn có truyền thống tự lực, tự cường từ thuở xa xưa khi còn là mảnh đất *"đầu sóng ngọn gió"* ; có truyền thống cải cách và mở cửa dưới thời Quang Trung, có một quá trình đô thị hóa luôn mang tính kế thừa, một di sản văn hóa được công nhận là di sản thế giới. Có thể nói yếu tố truyền thống và hiện đại, cũng như các yếu tố thiên nhiên, xã hội và con người đã và đang hòa quyện trong quá trình đi lên của Thừa thiên - Huế. Điều này đặc biệt thể hiện rõ trong quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa của tỉnh.

Trong giai đoạn hiện nay CNH, HĐH luôn gắn liền với quá trình đô thị hóa. Công nghiệp hóa sẽ tạo động lực thúc đẩy đô thị hóa đi nhanh hơn ; đồng thời quá trình đô thị hóa sẽ tác động trở lại, tạo điều kiện thuận lợi để CNH, HĐH, nhất là đối với khu vực nông thôn.

Ở Thừa thiên - Huế, quá trình đô thị hóa đã diễn ra từ rất lâu gắn liền với quá trình hình thành thủ phủ Đàng Trong và kinh thành Huế. Với kinh thành Huế không thể dùng cách nhìn nội, ngoại thành kiểu đô thị tập trung thời hiện đại. Từ thuở ban đầu, những người đầu tiên xây dựng Huế đã tạo cho Huế một không gian đô thị rộng mở. Từ cái ý tưởng ban đầu đó mà đến nay cái tên Huế và "Thừa thiên Huế" đã hòa quyện đến mức khó tách biệt và cũng không làm lu mờ đi cái sắc thái đặc biệt riêng có của nó để thành "Thừa thiên - Huế". Lịch sử đã để lại cho chúng ta những bài học kinh nghiệm về vấn đề này. Có một thời người Pháp đã thực hiện quá trình đô thị hóa theo hình thái đô thị mới và đã rất chú ý đến không gian đô thị rộng mở của Huế nên đã đặt những công trình quan trọng ở rất xa trung tâm (nhà máy nước Vạn niên, sân bay Phú bài, cảng Thuận an, khu nghỉ mát Cảnh dương, Bạch mã. ..), thế nhưng cũng vẫn có những khu phố mới ở Trần Hưng Đạo, Phan Đăng Lưu phá vỡ cảnh quang đặc thù Huế là kiến trúc đô thành nhà vườn - *"một loại kiến trúc đô thị sinh thái bền vững hay đô thị môi trường"*.

Kế thừa di sản cố đô Huế, rút kinh nghiệm từ quá khứ, hơn 20 năm xây dựng và phát triển vừa qua, không gian đô thị của Huế ngày càng mở rộng ra toàn tỉnh, gắn kết được giữa hiện đại và truyền thống, giữ được bản sắc vốn có. Phương hướng phát triển đô thị trong thời gian tới là tập trung quy hoạch, đầu tư xây dựng các thị xã, thị trấn, thị tứ, gắn với các vùng kinh tế trọng điểm với chức năng là những hạt nhân thúc đẩy các vùng phát triển.

Với chức năng là tỉnh ly, là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa nổi tiếng, thành phố Huế đã và sẽ thực sự là động lực thúc đẩy đô thị hóa các vùng trong tỉnh theo hướng nối kết đô thị trung tâm với các vùng đô thị vệ tinh khắp 4 hướng Đông - Tây - Nam - Bắc và theo 2 trục chính trải dài theo quốc lộ 1A và trục ngang Thuận an - quốc lộ 49. Sự phát triển đô thị xuyên suốt chiều dài và chiều rộng của tỉnh từ khu công nghiệp mía đường, xi măng Đồng lâm, Văn xá (Phong thu - Phong điền, Tứ hạ - Hương trà) đến khu công nghiệp thương mại vốn có của thành phố Huế, sân bay Phú bài, khu công nghiệp dệt may, khu công nghiệp tập trung Phú bài (Hương thủy), khu đô thị mới của cảng nước sâu Chân mây và tiềm năng du lịch Bạch mã - Lăng cô (Phú lộc) sẽ gắn liền với hành lang đô thị hóa của vùng kinh tế trọng điểm : Dung quất - Đà nẵng - Huế - Đông hà. Phát triển khu công nghiệp cảng Thuận an, bia Huế, đông lạnh sông Hương (của Phú vang) với khu công nghiệp chế biến lâm sản A lưới - Nam đông thông qua quốc lộ 49 tiếp giáp với nước bạn Lào. Đó là sự phát triển đồng bộ, đều khắp, có tính khả thi của một đô thị Huế sinh thái - môi trường. Mặt khác, với việc kế thừa và phát triển, lấy đô thị Huế làm hạt nhân lan tỏa, quá trình đô thị hóa toàn tỉnh vẫn bảo đảm tiếp thu truyền thống, giữ được không gian rộng mở, tạo được không gian đô thị chuyển tiếp và không gây ra những va chạm đáng tiếc. Như vậy, việc *"kết hợp hài*

Digitized by Google

hòa giữa bảo tồn di tích Cố đô với xây dựng mới, giữa tính hiện đại với tính dân tộc và bản sắc văn hóa Huế" không chỉ là yêu cầu riêng của quá trình phát triển Huế (*với vai trò đô thị hạt nhân*) mà còn là đòi hỏi chung của quá trình đô thị hóa trên phạm vi toàn tỉnh.

Đô thị hóa bao giờ cũng gắn liền với quá trình CNH, HĐH, được tính toán trong điều kiện đặc thù của một vùng đất là yếu tố đặc biệt cần được quan tâm lưu ý.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa không chỉ là việc tăng thêm tốc độ và tỷ trọng của sản xuất nhóm ngành công nghiệp trong nền kinh tế mà còn là yếu tố đặc biệt quan trọng để tăng tốc độ phát triển của 2 nhóm ngành khác là nông nghiệp và dịch vụ làm chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng hiện đại, tạo nền tảng cho sự tăng trưởng nhanh, hiệu quả cao và bền vững của toàn bộ nền kinh tế quốc dân. Đó là một quá trình lâu dài và toàn diện với 3 nội dung cơ bản : Chuyển dịch cơ cấu kinh tế từ nông nghiệp - công nghiệp - dịch vụ sang cơ cấu công nghiệp - du lịch, dịch vụ - nông nghiệp ; đẩy mạnh phát triển các ngành có lợi thế như công nghiệp vật liệu xây dựng, công nghiệp chế biến, công nghiệp nhẹ, các ngành nghề thủ công mỹ nghệ, du lịch - dịch vụ và thủy sản ; quá trình đó gắn chặt với đẩy mạnh CNH, HĐH nông nghiệp và kinh tế nông thôn.

Để đẩy nhanh quá trình CNH, HĐH, vấn đề đặt ra là phải tạo ra một sự phát triển đột phá ở một số ngành kinh tế hấp dẫn là một động tác cần thiết khởi đầu cho sự phát triển kinh tế nói chung, cũng như quá trình CNH nói riêng. Đối với Thừa thiên - Huế mũi kinh tế có tính chất đột phá trước mắt và tương lai là các ngành có lợi thế so sánh. Đó là công nghiệp chế biến, công nghiệp vật liệu xây dựng, công nghiệp nhẹ và công nghiệp "không khói" - du lịch. Ưu tiên đầu tư thiết bị và công nghệ tiên tiến, hiện đại vào các ngành và sản phẩm có thị trường ổn định, có nguyên liệu tại chỗ. Vật liệu xây dựng là tiềm năng khoáng sản lớn nhất. Tập trung đầu tư phát triển công nghiệp vật liệu xây dựng như : sản xuất xi măng, đá ốp lát trang trí, đá xây dựng, gạch tuy nen... ; đồng thời tập trung phát triển các ngành công nghiệp nhẹ, công nghiệp mới và sạch. Đây là ngành công nghiệp mũi nhọn để thúc đẩy kinh tế phát triển và là nguồn thu chủ yếu cho ngân sách.

Đổi mới thiết bị, công nghệ để nâng cao chất lượng chế biến hải sản đông lạnh. Xây dựng nhà máy đường gắn với vùng mía được quy hoạch. Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản ở nông thôn để vừa góp phần tạo thị trường ổn định cho sản phẩm nông nghiệp, vừa phát triển kinh tế, vừa thực hiện CNH, HĐH trên địa bàn nông thôn ; đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp nhẹ gắn với truyền thống và tay nghề của vùng đất này. Tạo chính sách khuyến khích đầu tư chiều sâu, từng bước đi vào tinh xảo, hiện đại hóa ngành nghề thủ công. Khôi phục và phát triển ngành nghề, làng nghề truyền thống, nhất là các ngành, nghề thu hút nhiều lao động và có sản phẩm xuất khẩu như : thêu ren, điêu khắc, mộc mỹ nghệ...

Tập trung cho công tác quy hoạch phát triển ngành công nghiệp, hình thành các khu công nghiệp tập trung gắn với định hướng đô thị hóa và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quan tâm bảo vệ môi trường sinh thái, cảnh quan thiên nhiên.

Với thế mạnh về thiên nhiên và văn hóa, Thừa thiên - Huế có tiềm năng lớn để phát triển du lịch. Đây là ngành kinh tế mũi nhọn cả với trước mắt và lâu dài, tương xứng với một trong những trung tâm văn hóa, du lịch của cả nước.

Tuy vậy, hiện nay lĩnh vực này mới ở bước đầu của sự phát triển. Sản phẩm du lịch cũng chỉ mới là sự khai thác tài nguyên một cách đơn giản. Trong cơ cấu chi tiêu của du khách, chủ yếu chi tiêu cho dịch vụ lưu trú và đi lại, điều này thể hiện khá rõ trình độ phát triển du lịch còn thấp. CNH, HĐH trong ngành du lịch ở Thừa thiên - Huế đòi hỏi phải nâng cao cả điều kiện cơ sở vật chất - kỹ thuật lẫn chất lượng lao động, nâng cao trình độ tổ chức phối hợp các ngành chuyên môn hóa trong du lịch, mà thể hiện tập trung nhất ở trình độ xây dựng và thực hiện chương trình du lịch của các doanh nghiệp lữ hành, đổi mới, nâng cao chất lượng và đa dạng hóa các sản phẩm du lịch với các loại hình du lịch như : văn hóa, lịch sử, sinh thái, môi trường, thể thao...

Từ trong chiều sâu của quá khứ, Thừa thiên - Huế đang có vị trí xứng đáng trong hiện tại. Kết hợp tốt giữa truyền thống và hiện đại trong quá trình đô thị hóa và công nghiệp hóa hiện nay là đòi hỏi để khai thác tốt sức mạnh của truyền thống, nâng Thừa thiên - Huế lên tầm cao mới trong tương lai.❑

Digitized by Google

VẤN ĐỀ MỚI VÀ CẤP BÁCH TRONG CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

NGUYỄN THẾ THÔN *

Để phục vụ công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở các tỉnh miền núi phía Bắc, ngoài vấn đề phát triển giao thông miền núi, việc hoạch định môi trường sinh thái và xây dựng các công trình sinh thái phòng hộ cùng các mô hình kinh tế - môi trường là những vấn đề rất cấp bách hiện nay. Chúng ta không thể công nghiệp hóa, hiện đại hóa trên những vùng núi xác xơ, môi trường sinh thái suy thoái trầm trọng, hoặc đã và đang bị hủy diệt, đời sống của nhân dân còn quá khó khăn.

Hậu quả của việc chặt phá rừng làm nương rẫy và khai thác rừng trong lâm nghiệp nhiều năm qua đã dẫn đến sự suy kiệt và hủy diệt môi trường, thảm phủ cây xanh, gây suy thoái, biến đổi lớn môi trường địa mạo - thổ nhưỡng, gây mất ổn định nghiêm trọng môi trường nước, làm thay đổi môi trường không khí của vi khí hậu, tiểu khí hậu và cả khí hậu địa phương. Có thể nêu ra đây một số ví dụ : tỉnh Sơn la hiện tại rừng chỉ còn chiếm dưới 12% diện tích đất tự nhiên. Hậu quả của nạn chặt phá rừng đã đưa đến cho Sơn la hơn 72% diện tích của toàn tỉnh là đất trống, đồi núi trọc. Điều đó gây nên sự mất cân bằng sinh thái trầm trọng, nạn lũ quét và trượt lở đất năm 1991 ở thị xã Sơn la và liên tiếp xảy ra sau đó đã gây nhiều tổn thất nặng nề. Ở Lai châu tỷ lệ rừng còn kém cả Sơn la cùng nạn lũ quét khủng khiếp đã xảy ra trong các năm 1995, 1996 ở Mường lay. Ở các tỉnh miền núi khác lũ quét xảy ra phổ biến ở nhiều nơi. Nguyên nhân lũ quét có nhiều, nhưng căn bản nhất và quyết định nhất như đã nói là do nạn chặt phá rừng, hủy diệt môi trường cây xanh gây nên.

Một điều hiển nhiên ai cũng biết là rừng đóng vai trò cực kỳ quan trọng trong việc điều tiết khí hậu thủy văn. Rừng là những "nhà máy" sản xuất dưỡng khí khổng lồ, là nơi điều tiết thán khí, là nơi giữ được cân bằng hơi nước, điều tiết mưa, là nơi giữ ẩm, điều tiết nước mặt, nước ngầm. Nước mưa theo thân cây xuống rễ cây, thấm sâu vào đất. Trong rừng có lớp không khí mặt đệm dưới tán rừng, được che nắng ít bức xạ, ít nóng, ít gió, nên có độ ẩm cao, chống được sự bốc hơi mặt đất, chống được sự bốc hơi của nước trong đất, làm cho môi trường địa mạo - thổ nhưỡng ở trên núi luôn có độ ẩm, luôn chứa nước ở trong và chính lượng nước này điều tiết dòng chảy nước mặt, nước ngầm cho mùa khô. Vì thế ở các nơi còn rừng, trong các dòng suối luôn luôn có nước với lưu lượng đáng kể.

Khi thảm rừng đã bị tàn phá, không còn lớp không khí mặt đệm của tán rừng, lớp không khí mặt đất bị bức xạ trực tiếp của ánh nắng mặt trời, nhiệt độ nóng lên, gió thổi mạnh, nước ở trong đất bị bốc hơi nhanh chóng. Vào mùa khô, đất trên núi rất khô, môi trường địa mạo - thổ nhưỡng thiếu nước, không làm được chức năng điều tiết nước cho mùa khô, dòng chảy cạn kiệt. Do không có thảm rừng, đến mùa mưa không có vật cản của cây rừng, trên mặt đất nhiều khe rãnh mương xói xuất hiện, dòng chảy lao xuống, nước trong sông suối dâng lên nhanh, gây lũ lớn. Mặt khác các bộ rễ của cây rừng cắm sâu vào đất, ăn sâu vào các kẽ nứt của đá gốc như là những chiếc cọc chống lại sự di chuyển xuống phía dưới của các lớp đất sườn. Khi không còn rừng, ở những nơi do cấu tạo địa chất có lớp vỏ phong hóa vụn tơi, vào mùa mưa lớp đất sườn trương lên, mềm bở ra, trọng lượng tăng nhanh, lực dính kết lại yếu đi nhiều do sự vụn tơi trong mùa khô, dòng chảy lao xuống cuốn phăng đi tất cả, tạo ra một dòng bùn nước tràn dâng nhanh chóng, cuốn quét lên thung lũng. Nạn lũ quét ở Mường lay xảy ra theo đúng cơ chế đó. Hơn nữa khi không còn rừng, khí hậu mặt đệm và khí hậu tiểu địa hình ở trên sườn nóng lên, hoạt động của dòng

* PGS. PTS, Viện địa lý, Trung tâm khoa học tự nhiên và công nghệ quốc gia

Digitized by Google

thăng tăng nhanh, gây đoản nhiệt lớn, gây mưa địa hình đột ngột cũng là nguyên nhân dẫn đến lũ quét ở miền núi. Vì vậy, muốn chấm dứt được lũ quét, không có con đường nào khác là phải khôi phục lại thảm phủ rừng ở trên sườn núi của các lưu vực sông suối. Trong hiện trạng môi trường sinh thái ở miền núi hiện nay, cần có sự nghiên cứu dự báo, xác định những vùng có khả năng lũ quét để hoạch định tốt môi trường, để bảo vệ rừng hoặc trồng rừng, xây dựng những công trình sinh thái phòng hộ ở những nơi đó.

Ở những nơi không còn rừng, lũ xong, nước lại khô nhanh. Vào mùa khô, đất trên sườn núi khô, kéo theo sự khô khan nhanh chóng ở các vùng thấp chân sườn hoặc trong các thung lũng. Vì vậy nhiều cây trồng như cà phê trồng ven đồi núi không có cây rừng, cây bị chết do hạn sinh lý hoặc bị thui chột lúc ra hoa kết trái. Ở những nơi trên sườn núi có rừng thì cây trồng ở chân sườn, ở ven thung lũng phát triển xanh tốt, năng suất cao hơn nhiều.

Nạn thiếu nước ở đáy thung lũng và không còn thảm phủ rừng ở trên sườn núi đã làm mất khả năng điều tiết nhiệt độ, làm cho nhiệt độ không khí trong thung lũng xuống thấp vào những đêm đông lặng trời, dẫn đến sự xuất hiện sương muối ở nhiều nơi, gây thiệt hại cho cây trồng.

Khi đã không còn rừng thì toàn bộ lưu vực trở nên khô hạn. Các mỏ nước trên sườn bị khô kiệt, các hồ, các suối không còn nước. Nhiều nơi còn nhiều đất canh tác nhưng vì thiếu nước dân phải bỏ đi nơi khác sinh sống. Hồ thủy điện Sơn la sẽ được khởi công xây dựng vào năm 1998, hàng ngàn hộ gia đình trong lòng hồ phải di chuyển đi nơi khác, trong đó một bộ phận rất lớn sẽ được chuyển lên cao nguyên Nà sản, nơi còn đất để canh tác, nhưng thiếu nước trầm trọng. Dân tại chỗ đang khó khăn, môi trường sinh thái vẫn đang tiếp tục suy giảm lại chuyển thêm dân di cư từ lòng hồ đến nữa với một số lượng có nơi trong dự kiến còn lớn hơn nhiều so với dân tại chỗ. Điều đó đặt ra một vấn đề cấp bách là phải có một hoạch định tốt về môi trường với các mô hình kinh tế - môi trường hiệu quả để ổn định và phát triển kinh tế - xã hội ở đây.

Ngoài việc di dân tập trung, ở ven hồ thủy điện Hòa bình và Sơn la có một bộ phận dân di vén lên ven hồ. Đây là lực lượng tàn phá thảm phủ rừng ven hồ nghiêm trọng, gây xói mòn trên các sườn núi ven hồ làm đất trên sườn trôi nhanh xuống, góp phần nhanh chóng lấp đầy hồ. Phải hoạch định môi trường sinh thái với các mô hình kinh tế môi trường thích hợp cho bộ phận nhân dân này để trồng rừng, khôi phục lại rừng ven hồ, bảo vệ rừng, bảo đảm ổn định, nâng cao đời sống cho họ.

Miền núi là nơi cư trú của nhiều dân tộc ít người với truyền thống du canh du cư hoặc du canh định cư, đốt nương làm rẫy, tập tục canh tác quá lạc hậu, năng suất cây trồng quá thấp. Cần nhanh chóng có các quy hoạch về kinh tế xã hội gắn với môi trường sinh thái cho miền núi, định rõ các vùng có chức năng môi sinh khác nhau mà giao đất, giao rừng theo những chức năng đó cùng với những mô hình kinh tế - môi trường thích hợp gắn với những nhiệm vụ bảo vệ và phát triển môi trường trong sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững ở cả miền núi và miền xuôi, bảo đảm những nhu cầu thiết yếu về lương thực và thực phẩm cho nhân dân.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở miền núi rõ ràng là phải phát triển sản xuất với trình độ cao, năng suất cao. Muốn công nghiệp hóa cần phải có nhà máy, xí nghiệp công nghiệp, các cơ sở sản xuất công nghiệp. Muốn có nhà máy phải có nguồn nguyên liệu cung cấp cho sản xuất, chế biến nông nghiệp. Nguyên liệu ấy chính là sản phẩm từ nông nghiệp, lâm nghiệp và tài nguyên khoáng sản. Tài nguyên khoáng sản thì có hạn, rừng tự nhiên thì cạn kiệt chưa phục hồi. Bởi vậy, nguồn nguyên liệu cho công nghiệp chỉ còn dựa vào sản xuất nông nghiệp với nền nông nghiệp toàn diện, bao gồm cả sản xuất lâm nghiệp, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp. Cấp bách nhất hiện nay là phải hoạch định môi trường sinh thái, quy định những nơi phát triển các hệ sinh thái nông nghiệp, nông lâm kết hợp và lâm nghiệp cùng các mô hình kinh tế - môi trường khác nhau để sản xuất các nguyên liệu cung cấp cho công nghiệp, đồng thời đáp ứng một phần nhu cầu về lương thực, thực phẩm cho nhân dân. Các mô

Digitized by Google

hình kinh tế - môi trường phải được xây dựng trên cơ sở ứng dụng, áp dụng các lý thuyết địa hệ thống và hệ sinh thái vào những nhiệm vụ thực tiễn cụ thể. Đó là mô hình cảnh quan sinh thái ứng dụng có mục tiêu kinh tế và môi trường được cơ cấu tổng hợp thống nhất bởi ba mô thức : *mô thức cấu trúc* là mô thức tĩnh gồm có các thành phần tự nhiên vốn có ; *mô thức chức năng sinh thái kinh tế* là mô thức động của hoạt động địa hệ thống và hệ sinh thái của hệ sinh vật có giá trị kinh tế và đảm bảo chất lượng môi trường ; *mô thức không gian lãnh thổ* là mô thức của sự sắp xếp, bố trí các thành phần cấu trúc và diễn thế của chức năng sinh thái kinh tế theo không gian lãnh thổ với những diện tích và không gian hợp lý nhất để hoạt động sinh thái đạt hiệu quả về kinh tế và môi trường trong sự phát triển bền vững. Mọi mô hình kinh tế - môi trường ở miền núi trước hết phải giải quyết được vấn đề nước, nước cho sản xuất và nước cho sinh hoạt trong cân bằng sinh thái bền vững của thảm phủ cây xanh và môi trường địa mạo - thổ nhưỡng. Có nhiều mô hình có thể ứng dụng cho phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường ở miền núi, nhưng tùy theo từng nơi, từng chức năng mà có sự áp dụng thích hợp như mô hình ruộng nương bậc thang ; nương rẫy bền vững (mô hình nông nghiệp bền vững trên đất dốc) ; luân canh rừng - nương rẫy, vườn rừng ; vườn rừng - vườn quả ; rừng trồng cây lấy gỗ, cây đặc sản, cây công nghiệp, trảng cỏ - chăn nuôi ; tán rừng - chăn nuôi ; RVAC hoặc VAC cho miền núi v.v.. Ở mỗi mô hình có các cấu trúc riêng, có chức năng sinh thái kinh tế riêng, có cây trồng vật nuôi thích hợp và hiệu quả nhất, bảo đảm một lượng hàng hóa nông nghiệp cung cấp cho công nghiệp, bảo đảm tính bền vững của môi trường. Điều đó đòi hỏi phải nghiên cứu và đánh giá chi tiết khi lập các mô hình. Mô hình kinh tế - môi trường là nền tảng để xây dựng các làng sinh thái.

Miền núi có một thế mạnh to lớn là du lịch sinh thái. Du lịch sinh thái là du lịch tự nhiên của con người tìm về với môi trường thiên nhiên, du lịch tới các vùng tự nhiên có các cảnh quan sinh thái đã được bảo vệ, cải tạo hoặc xây dựng để hưởng thụ môi trường sinh thái tự nhiên ; con người hòa nhập vào trong thiên nhiên làm cho cuộc sống đa dạng, sinh động và tốt đẹp hơn. Miền núi phía Bắc nước ta có nhiều cảnh đẹp hoành tráng, hùng vĩ (cổng trời, cao nguyên, sơn nguyên) có những đỉnh núi cao chọc trời và những hẻm vực sâu, có rừng già nguyên sinh, có thảo nguyên ; có nhiều nơi khí hậu lạnh mát. Núi Phan-xi-păng, Mẫu sơn, Bắc sơn, Mộc châu, thung lũng Điện biên, hồ Ba bể - Sông Năng, thác Bản dốc v.v.. đều là những địa chỉ nổi tiếng có môi trường sinh thái hấp dẫn. Miền núi có nhiều dân tộc với đường nét văn hóa khác nhau. Thiên nhiên và con người ở những nơi đó tạo nên sắc thái độc đáo riêng biệt của từng vùng. Sự cần thiết phải hoạch định môi trường sinh thái để phục vụ du lịch sinh thái và du lịch văn hóa nhân văn đang được đặt ra. Khách du lịch sinh thái chỉ đến để thưởng ngoạn những nơi có môi trường sinh thái tuyệt mỹ. Đây là một ngành đang phát triển và phát triển nhanh chóng cùng với sự phát triển kinh tế của đất nước. Hoạch định môi trường sinh thái để mở mang cho một ngành du lịch mà miền núi nước ta có tiềm năng to lớn đang là một vấn đề cấp thiết.

Sức ép về dân số của cả nước đang tăng lên kèm theo với nhu cầu gỗ nguyên liệu và nhiên liệu. Nhà nước đã có chủ trương đóng cửa rừng từng phần tiến tới đóng cửa rừng trong phạm vi cả nước. Đó là một biện pháp đúng đắn để bảo vệ, khôi phục và phát triển môi trường sinh thái, nhưng nhu cầu về gỗ cho nhân dân chắc không thể không giải quyết. Vấn đề là phải có hoạch định, quy định những nơi phục hồi lại rừng, tu bổ rừng, trồng rừng để khai thác hợp lý, cung cấp gỗ nguyên liệu cho nhân dân với luật đất đai, giao đất giao rừng đến từng người dân trong cơ chế lâm nghiệp xã hội.

Hoạch định môi trường sinh thái, bảo vệ và phát triển rừng ở các tỉnh miền núi cũng liên quan đến sự sống còn của các tỉnh miền xuôi. Rừng bảo đảm nguồn nước lâu dài cho điện năng và hồ thủy điện, hạn chế và khắc phục được lũ lụt cho các tỉnh miền xuôi, ổn định nước cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp ở miền xuôi. Bởi

(Xem tiếp trang 34)

Digitized by Google

CÔNG TÁC GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC, CHÍNH TRỊ CHO HỌC SINH, SINH VIÊN

NGUYỄN QUỐC ANH *

I - THỰC TRẠNG

Những năm qua Đảng và Nhà nước ta đã có nhiều nghị quyết, chủ trương về công tác thanh niên như Nghị quyết 25/BCT (khóa VI), Nghị quyết Trung ương 4 (khóa VII)... Các nghị quyết này đã thể hiện sự quan tâm toàn diện của Đảng và Nhà nước ta trong việc chăm lo bồi dưỡng con người mới, góp phần làm chuyển biến nhận thức ở nhiều nơi, nhiều cấp. Nhưng xét trên tổng thể, nó vẫn chưa thực sự được đưa vào cuộc sống, đáp ứng với yêu cầu, nhiệm vụ của cách mạng. Điều đó thể hiện trên các mặt sau :

Thứ nhất : Vai trò quản lý nhà nước của các cơ quan làm công tác giáo dục đào tạo (GD-ĐT) ít được chú ý phát huy. Điều đó không chỉ thể hiện ở chỗ ngân sách cho GD-ĐT chưa xứng với yêu cầu đòi hỏi, mà còn thiếu cả biện pháp hành chính để tạo điều kiện có một môi trường lành mạnh, trong sạch, công bằng, kỷ cương cho giáo dục. Chính vì thế, nhà trường - nơi nuôi dưỡng đạo đức, lý tưởng, nhân cách hoài bão, ước mơ, trí tuệ và thể lực... cho học sinh, sinh viên cũng không tránh khỏi sự xâm nhập, tấn công của các hiện tượng tiêu cực và các tệ nạn xã hội...

Thứ hai : Chúng ta chưa tạo được sự phối hợp đồng bộ giữa các cấp, các ngành, các lực lượng xã hội trong việc chăm sóc, giáo dục thế hệ trẻ. Một số nơi, cấp ủy đảng thiếu sự chỉ đạo thường xuyên, chính quyền buông lỏng quản lý, trong khi đó nhiều gia đình các ông bố, bà mẹ mải lo làm ăn, ít quan tâm tới việc giáo dục con cái, thậm chí một số ít còn làm gương xấu cho con cái. Một số tổ chức chính trị - xã hội tập trung đầu tư công sức nhiều vào làm kinh tế, tham gia quản lý điều hành các dự án... mà ít quan tâm tới trách nhiệm phối hợp với ngành GD-ĐT và đoàn thanh niên trong công tác giáo dục thế hệ trẻ. Nếu có sự tham gia tích cực hơn của gia đình và các đoàn thể xã hội, chắc chắn việc giáo dục thế hệ trẻ sẽ thuận lợi hơn rất nhiều.

Thứ ba : Bản thân ngành giáo dục, trước nhất là các nhà trường còn nhiều yếu kém và lúng túng. Điều đó gây không ít khó khăn cho công tác giáo dục đạo đức, chính trị, xây dựng nhân cách và lý tưởng sống của học sinh, sinh viên, thể hiện chủ yếu trên các mặt :

1 - Ở những mức độ khác nhau, các nhà trường đều nhận thức được tầm quan trọng của công tác chính trị, tư tưởng và đã tổ chức các hoạt động giáo dục bồi dưỡng cho học sinh, sinh viên theo quy định của ngành. Tuy nhiên, hoạt động giáo dục công dân mới chỉ tiến hành ở bậc phổ thông (mặc dù nhiều điểm trong chương trình giáo dục công dân còn phải xem xét lại cho có hệ thống và chính xác). Việc giảng dạy các môn lý luận chính trị và tổ chức sinh hoạt chính trị cho sinh viên ở hầu hết các trường đại học, cao đẳng hầu như chỉ làm qua loa, lại bị cắt xét nghiêm trọng cả về thời gian học tập và nội dung. Các chủ trương, chính sách cụ thể liên quan đến đời sống, học tập, việc làm của học sinh, sinh viên thì thông tin quá ít ỏi và thường chậm, việc giải thích, hướng dẫn thực hiện thiếu sự nhất quán ; thậm chí nhiều chủ trương thay đổi liên tục gây thắc mắc lúng túng trong học sinh, sinh viên. Do chưa coi trọng đúng mức nội dung giáo dục đạo đức, chính trị ngay từ khi xây dựng chương trình cho từng cấp học, ngành học nên công tác quản lý, kiểm tra việc thực hiện nội dung này ở các trường cũng buông lỏng. Do đó, nhiều sai phạm kéo dài không được uốn nắn, chấn chỉnh kịp thời. Nhìn chung, trong thời gian qua, hiệu quả công tác giáo dục đạo đức, chính trị còn rất thấp.

2 - Mặt trái của cơ chế thị trường đã ảnh hưởng trực tiếp vào trong nhà trường, nhất là những tiêu cực trong học tập, thi cử, cấp bằng...

* Ủy viên Ban thường vụ Trung ương Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Phó chủ tịch kiêm Tổng thư ký trung ương Hội sinh viên Việt nam

Digitized by Google

đã làm "chao đảo niềm tin của xã hội, của sinh viên vào công bằng xã hội và kỷ cương phép nước" (báo Nhân dân ngày 13-12-1991). Nhà trường có nơi đã bị thương mại hóa nên tình trạng mua bằng, bán điểm xảy ra nghiêm trọng. Hàng loạt vụ tiêu cực trong quản lý thi cử đã không được xử lý nghiêm, thậm chí còn được lãnh đạo một số trường và ngành GD-ĐT dung túng, bao che, khiến cho việc thi cử đã trở thành một căn bệnh, làm đau lòng, nhức nhối cả xã hội. Rồi chuyện dạy thêm, học thêm không lành mạnh theo kiểu "học đón đầu" (học trước chương trình), "học bù" (vì thời gian dạy chính thức ở lớp không dạy hết chương trình) !... với những khoản đóng góp của học sinh, sinh viên được một số người hiểu là xã hội hóa giáo dục, đã làm cho tình cảm thầy trò bị tổn thương, làm xói mòn truyền thống "tôn sư trọng đạo" bao đời nay của dân tộc. Những vi phạm kỷ cương phép nước và truyền thống đạo lý nghề dạy học của một số người, ở một số nơi đã làm ảnh hưởng đến việc tuyên truyền, giáo dục đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên của đại bộ phận thầy, cô giáo chân chính hết lòng vì học sinh, của các tổ chức đảng, chính quyền và đoàn thanh niên.

3 - Các chủ trương cải cách, nội dung chương trình giáo dục thay đổi liên tục dẫn đến sự hoang mang, lo lắng không chỉ của học sinh, sinh viên, mà của tất cả các gia đình có con em đang đi học. Đồng thời, việc này còn gây lãng phí rất lớn nguồn lực cho đào tạo của nhà nước, của xã hội, vì gắn với mỗi thay đổi là một lần phải đầu tư lại, chưa nói đến hiệu quả nhận được và nếu sai thì ảnh hưởng cho cả một thế hệ. Việc giáo dục, hướng nghiệp cho học sinh, sinh viên ít được chú ý theo định hướng, nhu cầu của đất nước (về số lượng, tỷ lệ cơ cấu theo ngành nghề, cấp bậc đào tạo...), mà có lúc còn bị lạc hướng, chạy đua, tập trung vào các ngành nghề hiện được coi là "mốt". Việc mở các lớp đại học tại chức, đại học từ xa tràn lan và cấp bằng có khi tùy tiện, vô hình trung tạo ra một lớp người coi thường việc rèn luyện, phấn đấu vì giá trị lao động và trí tuệ đích thực; coi trọng các hư danh và giá trị vật chất, thiếu trách nhiệm với gia đình, quê hương, đất nước. Như vậy, đây không còn thuần túy là vấn đề đào tạo chuyên môn, mà là cả vấn đề đạo đức, nhân cách, trách nhiệm của toàn xã hội đối với thế hệ trẻ.

4 - Vấn đề đời sống, bảo đảm điều kiện sinh hoạt, học tập, rèn luyện, vui chơi cũng có ảnh hưởng lớn đến việc giáo dục đạo đức, ý thức chính trị cho học sinh, sinh viên. Đời sống của học sinh, sinh viên, nhất là học sinh ở nông thôn và sinh viên từ các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa, khó khăn gay gắt. Bên cạnh việc đại bộ phận số học sinh, sinh viên này cố gắng khắc phục khó khăn, bảo đảm học tập bằng các việc làm chính đáng, cũng còn một số ít tìm cách xoay xở bằng mọi cách, kể cả vi phạm pháp luật và các quy định chuẩn mực về nếp sống, đạo đức. Môi trường văn hóa, xã hội quanh các nhà trường không phải ở mọi nơi đều lành mạnh. Những kẻ xấu vì đồng tiền sẵn sàng dùng mọi thủ đoạn dụ dỗ, lôi kéo, giăng cạm bẫy để đưa học sinh, sinh viên sa ngã vào con đường bất chính như cờ bạc, nghiện hút ma túy, ăn chơi trụy lạc, mại dâm, trộm cắp... Từ đó, các âm mưu và thủ đoạn "diễn biến hòa bình" có mảnh đất thuận lợi để thực hiện. Bị thất bại trong chiến dịch "chuyển lửa về quê nhà" cuối những năm 80, đầu 90 và bị chúng ta tấn công quyết liệt trong tổ chức thực hiện Nghị định 87/CP, các thế lực thù địch và kẻ xấu đã chuyển sang những thủ đoạn tinh vi và nguy hiểm hơn như : tăng cường tiếp sức cho việc buôn bán ma túy nhằm vào đối tượng học sinh, sinh viên ; đưa sách báo văn hóa phẩm độc hại bằng kỹ thuật cài đặt vào các chương trình máy tính ; tổ chức các hoạt động tôn giáo trái pháp luật trong học sinh, sinh viên... Trong khi đó, kinh tế thị trường đã làm cho hầu hết các hoạt động văn hóa, thể dục thể thao, vui chơi, giải trí... đều phải hạch toán. Nhiều hoạt động hấp dẫn tuổi trẻ nhưng tuổi trẻ không thể tham gia do thiếu kinh phí, địa điểm và điều kiện tổ chức. Trong vài năm gần đây, với việc mở rộng quy mô và các loại hình đào tạo, một vấn đề nổi cộm nữa là việc có một bộ phận khá lớn sinh viên không có điều kiện ở tập trung, phải tự tìm kiếm chỗ ở trong xã hội, chưa được thu hút, tập

Digitized by Google

hợp vào các hoạt động do nhà trường tổ chức và quản lý. Phải chăng, hiện nay chúng ta vẫn còn đang né tránh những sự thật này, thậm chí nhiều nơi còn có xu hướng muốn khỏa lấp đi vì sợ ảnh hưởng đến thành tích của địa phương, cơ sở ?

Những vấn đề nêu trên đang hằng ngày, hằng giờ tác động đến công tác giáo dục đạo đức, chính trị và lý tưởng cho học sinh, sinh viên. Trong những điều kiện đó, các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thanh niên... cùng đội ngũ những người làm công tác giáo dục đã có nhiều cố gắng, khắc phục khó khăn để thực hiện nhiệm vụ của mình, góp phần giữ vững ổn định chính trị và trật tự an toàn cho đất nước, đào tạo ra lớp người lao động mới phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Mặc dù vẫn còn một bộ phận học sinh, sinh viên sa sút về đạo đức, mờ nhạt về lý tưởng và hoài bão, nhưng đại đa số học sinh, sinh viên hiện nay có ý thức chính trị tốt, thừa nhận các kết quả đổi mới đất nước, có niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước, có trách nhiệm với gia đình, với đất nước, do đó có ý thức học tập và rèn luyện để trở thành người lao động chân chính. Trong kết quả đó có sự nỗ lực đóng góp của Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh, Hội sinh viên Việt nam (SVVN). Với việc phát động phong trào "học tập, rèn luyện vì ngày mai lập nghiệp, vì dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh", các phong trào hoạt động lớn của tuổi trẻ trường học những năm qua như các hoạt động giáo dục truyền thống, khuyến học, khuyến tài, nhân đạo, từ thiện, giáo dục pháp luật, hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao... do đoàn thanh niên, hội sinh viên các cấp tổ chức đã có tác dụng nhất định trong việc tập hợp, giáo dục học sinh, sinh viên định hướng, chuẩn bị cho họ hành trang vào đời, tham gia xây dựng đất nước do Đảng lãnh đạo. Các hoạt động đó cũng đã tạo môi trường phấn đấu, rèn luyện, cho một bộ phận đoàn viên thanh niên tự khẳng định mình và trưởng thành. Nhiều người trong số đó đã vươn lên thực hiện lý tưởng của Đảng và vinh dự được đứng trong hàng ngũ của Đảng. Bên cạnh đó, cũng đã bộc lộ những mặt còn thiếu sót, yếu kém của đoàn thanh niên, hội sinh viên như : chưa đoàn kết và tập hợp được rộng rãi đoàn viên thanh niên học sinh, sinh viên ; một số hoạt động chưa có hiệu quả và tác dụng thiết thực. Đoàn và hội chưa tìm ra giải pháp để giáo dục và ngăn chặn kịp thời một bộ phận học sinh, sinh viên, đoàn viên vi phạm kỷ luật, đạo đức. Vẫn còn một bộ phận học sinh, sinh viên mang tư tưởng thực dụng và trung bình chủ nghĩa... Đội ngũ cán bộ đoàn, hội tuy rất nhiệt tình, nhưng chưa hoàn toàn an tâm công tác vì còn thiếu một chính sách cụ thể và sự quan tâm, động viên thỏa đáng đối với họ.

II - NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

Sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) đất nước là một sự nghiệp vĩ đại mà yếu tố quyết định sự thành công là con người, nhưng trên hết và trước hết vẫn phải là bảo vệ được thành quả cách mạng và chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ được nhân dân và Đảng. Vì vậy, vấn đề quan trọng số một là chuẩn bị đội ngũ những người lao động, những trí thức mới có bản lĩnh chính trị và lòng trung thành với lý tưởng xã hội chủ nghĩa, có đạo đức công dân tốt, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, bảo đảm đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp CNH, HĐH. Công tác giáo dục thế hệ trẻ nói chung, công tác giáo dục đạo đức, chính trị cho học sinh, sinh viên nói riêng, càng có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Việc Hội nghị lần thứ 2 Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) ra nghị quyết về định hướng chiến lược giáo dục-đào tạo và nhiệm vụ đến năm 2000 đã thể hiện sự quan tâm đặc biệt của Đảng ta về vấn đề này. Tôi xin đề xuất một số vấn đề cần quan tâm thực hiện như sau :

1 - Quán triệt và tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII), tiếp tục tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 4 và Chỉ thị 33/BBT (khóa VII) về công tác thanh niên. Tổ chức kiểm tra thực hiện các nhiệm vụ đó của các cấp chính quyền, các đoàn thể quần chúng cũng như việc phối hợp giữa các cấp, các ngành trong thực hiện nội dung của các nghị quyết đó.

2 - Tập trung lãnh đạo, chấn chỉnh lại việc cải cách và đổi mới giáo dục theo các định hướng

Digitized by Google

của Nghị quyết Trung ương 2, trong đó đặc biệt chú trọng việc lập lại kỷ cương, nền nếp, trật tự giáo dục và tăng cường các điều kiện cho công tác giáo dục đạo đức, chính trị, tư tưởng, ý thức và trách nhiệm công dân của học sinh, sinh viên.

Các nội dung cụ thể cần tập trung làm trong công tác giáo dục đạo đức, lý tưởng cho học sinh, sinh viên là :

- Đẩy mạnh việc giáo dục đạo đức, lối sống, truyền thống đạo đức và văn hóa dân tộc, ý thức trách nhiệm của học sinh, sinh viên đối với bản thân, với gia đình, làng xóm, nhà trường, với quê hương, đất nước ; ý thức tự hào dân tộc và trách nhiệm của tuổi trẻ trong việc góp sức dựng xây đất nước "sánh vai với các cường quốc năm châu".

- Giáo dục truyền thống cách mạng của địa phương, của Đảng, của các đoàn thể bằng những tấm gương anh hùng, liệt sĩ, những chiến công... trong chiến đấu bảo vệ Tổ quốc và dựng xây đất nước. Trên cơ sở đó, chú trọng tổ chức và kiểm tra việc giáo dục ý thức, trách nhiệm công dân, ý thức chính trị ; dạy và học chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong các nhà trường bảo đảm có chất lượng và hiệu quả.

- Tăng cường công tác giáo dục định hướng nghề nghiệp cho học sinh phổ thông, trách nhiệm nghề nghiệp cho học sinh, sinh viên các trường trung học chuyên nghiệp và dạy nghề cao đẳng, đại học, đáp ứng được các yêu cầu nguồn nhân lực cho CNH, HĐH. Đồng thời cần giáo dục ý thức tiết kiệm, chống lãng phí, tích lũy vốn để thúc đẩy phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội.

- Tăng cường tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho học sinh, sinh viên, nâng dần ý thức và trách nhiệm công dân của từng người trong việc tuân thủ hiến pháp, pháp luật và các quy tắc sống của xã hội Việt nam.

3 - Lực lượng tham gia làm công tác giáo dục học sinh, sinh viên phải là sự phối hợp chặt chẽ của cả gia đình, nhà trường và xã hội. Muốn vậy, phải tăng cường tuyên truyền trách nhiệm của gia đình tham gia vào việc quản lý, giáo dục con em mình bằng các phương tiện thông tin đại chúng, bằng sự vận động của các đoàn thể chính trị - xã hội. Riêng trong nhà trường, cần huy động đội ngũ các thầy cô giáo ngoài nhiệm vụ giáo dục chuyên môn, cùng tham gia tích cực vào việc giáo dục các nội dung trên, làm gương tốt cho học sinh, sinh viên noi theo. Động viên vai trò xung kích của đoàn thanh niên, hội sinh viên, đội thiếu niên tiền phong gắn với việc tạo cơ chế và điều kiện tổ chức thực hiện, tham gia các chương trình kinh tế - xã hội cụ thể, phù hợp để thực hiện việc giáo dục trong hành động thực tiễn, lấy kết quả hoạt động thực tiễn làm thước đo và tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả giáo dục. Đồng thời, cần sớm chỉ đạo ban hành quy định về chế độ, chính sách đối với đội ngũ cán bộ làm công tác thanh niên trong nhà trường, để họ có thể an tâm và có điều kiện hoàn thành nhiệm vụ.

4 - Đề nghị nhà nước tăng cường các biện pháp hành chính để lập lại trật tự và môi trường lành mạnh cho công tác giáo dục trong các nhà trường, đặc biệt tập trung tiếp tục thực hiện tốt Nghị định 36/CP, Nghị định 87/CP của Thủ tướng Chính phủ tăng cường đấu tranh chống tệ nạn ma túy và các tệ nạn xã hội khác trong học sinh, sinh viên. Trong điều kiện kinh phí còn hạn chế, cần tính toán sử dụng có hiệu quả nhất các cơ sở vật chất sẵn có. Tu bổ, sửa chữa các cơ sở đã xuống cấp để đưa vào khai thác. Trong quy hoạch mới đô thị và các trường học, cần chú ý quy hoạch khu vực giáo dục, vui chơi, giải trí... cho thanh thiếu niên, học sinh, sinh viên. Trước mắt, đề nghị kiểm tra lại hiệu quả hoạt động của các cơ sở văn hóa sẵn có. Nơi nào hoạt động sai mục đích, hoặc kém hiệu quả cần chấn chỉnh hoặc thu hồi. Mạnh dạn giao cho đoàn thanh niên, hội sinh viên quản lý những cơ sở đó nhất là ở các thành phố lớn, nơi tập trung đông học sinh, sinh viên, có nhu cầu lớn về tổ chức các hoạt động văn hóa lành mạnh để thu hút, tập hợp và hướng dẫn họ sử dụng hữu ích thời gian nhàn rỗi. Để tạo điều kiện cho công tác giáo dục học sinh, sinh viên, nhà nước cần sớm ban hành văn bản pháp luật quy định nghĩa vụ, trách nhiệm đóng góp của họ đối với đất nước, tạo sự bình đẳng về nghĩa vụ đối với mọi người.❑

Digitized by Google

Một số giải pháp cơ bản để đẩy nhanh cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước

TRẦN QUỐC TUẤN *

TRONG những nội dung cơ bản của đường lối đổi mới kinh tế giai đoạn 1996 - 2000 do Đại hội lần thứ VIII của Đảng đề ra, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước là một chủ trương kinh tế lớn, là một giải pháp quan trọng nhằm huy động tiềm năng lao động xã hội và cơ cấu lại khu vực doanh nghiệp nhà nước, góp phần thúc đẩy quá trình chuyển đổi nền kinh tế tập trung sang nền kinh tế thị trường.

Sau 4 năm làm thí điểm cổ phần hóa ở 9 doanh nghiệp theo chỉ đạo của chính phủ, và ở hàng loạt doanh nghiệp cấp bộ, ngành khác, thì hiệu quả cổ phần hóa đang ngày một rõ dần. Cụ thể như ở Công ty đại lý liên hiệp vận chuyển, mức tăng doanh thu hằng năm. Năm 1993 là 16,5 tỉ ; năm 1994 là 24,1 tỉ và năm 1995 là 57 tỉ đồng, tăng 40% so với trước khi cổ phần hóa. Cổ tức vượt con số 30% so với mức đại hội cổ đông đặt ra, và lợi nhuận đã tăng gấp rưỡi so với năm trước. Bên cạnh đó, vốn doanh nghiệp tăng gấp 2,5 lần và đạt con số 17,6 tỉ đồng. Mức nộp thuế các loại tăng 3,36 lần ; lãi ròng tăng hơn 7 lần; thu nhập của cán bộ, nhân viên và người lao động bình quân/tháng tăng từ 1,2 triệu đồng lên 2 triệu đồng ; trong khi đó số lao động khi chưa cổ phần hóa là 90 người, nay lên tới 300 người.

Tương tự như vậy, Công ty cơ điện lạnh có mức tăng doanh số hằng năm : Năm 1992 là 42 tỉ đồng ; năm 1993 là 45 tỉ đồng ; năm 1994 là 77 tỉ ; năm 1995 là 213,9 tỉ đồng, tăng 60% so với trước đó. Cũng tại đây, mức đóng góp ngân sách và thu nhập của người lao động cũng tăng nhanh mức thuế nộp ngân sách tăng hơn 6,5 lần ; lãi ròng tăng 1,44 lần ; và thu nhập của người lao động đạt hơn 1,5 triệu đồng/tháng so với 1,2 triệu đồng trước đó.

Ở Công ty giầy Hiệp an, mức đóng góp ngân sách tăng 5,6 lần ; lãi ròng tăng 6,1 lần và thu nhập của người lao động đạt 840 nghìn đồng/tháng (tăng gấp 2 lần) và trong tháng 8-1996 lãi 65 triệu đồng so với trước. Ngoài ra Công ty còn đầu tư 2,2 tỉ đồng xây dựng thêm xưởng mới. Nhận xét chung rút ra từ những doanh nghiệp này là trước khi cổ phần hóa cán bộ ngần ngại, công nhân không mặn mà ; nhưng sau đều thấy cổ phần hóa là cần thiết, bởi nó mang lại hiệu quả thiết thực hơn.

Từ việc tổng kết thực tiễn cổ phần hóa 4 năm qua, Chính phủ đã ra Nghị định 28/CP ngày 7-5-1996 về cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước, và Bộ tài chính ban hành Thông tư số 50 TC/TCDN hướng dẫn thực hiện bước sang giai đoạn mở rộng trên quy mô cả nước.

Tuy nhiên, một chủ trương lớn, tiến hành trong thời gian lâu dài, và có ảnh hưởng sâu rộng đến đời sống kinh tế của đất nước, thì một vài văn bản của nhà nước chưa thể đủ. Nó còn đòi hỏi phải có những văn bản cụ thể hơn để hướng dẫn việc tổ chức thực hiện. Chẳng hạn như thế nào là loại doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ (loại doanh nghiệp đó có vốn và lao động là bao nhiêu, trình độ trang thiết bị như thế nào,...) và các điều kiện kèm theo để có thể tiến hành cổ phần hóa.

Do đó, để thúc đẩy tiến trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước nhanh hơn, trong tình hình hiện nay theo tôi, cần thực hiện một số điểm sau đây :

* Thạc sĩ, Ngân hàng trung ương tại TP Hồ Chí Minh

Digitized by Google

- Tạo ra "sân chơi" bình đẳng giữa doanh nghiệp nhà nước và công ty cổ phần về những điều kiện hoạt động kinh doanh. Bởi vì, chính sách đối với doanh nghiệp nhà nước hiện nay còn có những ưu đãi tạo nên nhiều lợi thế như : tài sản doanh nghiệp nhà nước khấu hao thấp, việc làm ổn định hơn, toàn bộ lợi nhuận sau thuế do doanh nghiệp làm ra đều được để lại. Sau khi đã trích 35% cho quỹ phát triển sản xuất, doanh nghiệp nhà nước còn tới 65% dùng để làm quỹ khen thưởng và quỹ phúc lợi...

- Có hệ thống thông tin chính xác, tin cậy về tình hình hoạt động sản xuất - kinh doanh và kết quả tài chính của doanh nghiệp cổ phần đã qua kiểm toán độc lập, bằng hình thức thông tin qua báo chí, đài, qua các tổ chức đoàn thể.

- Triển khai nhanh và cụ thể hóa cơ sở pháp lý đầy đủ cho việc cổ phần hóa theo Nghị định 28/CP của Chính phủ ban hành ngày 7-5-1996, như :

+ Việc xác định danh mục loại hình doanh nghiệp cần phải cổ phần hóa ở những mức độ nào.

+ Vấn đề xác định giá trị doanh nghiệp khi tiến hành cổ phần hóa. (Đó là một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến việc cổ phần hóa bị ì ạch, thậm chí dẫm chân tại chỗ vì bốn năm qua chúng ta đã đẩy lên quá cao phần giá trị còn lại của doanh nghiệp).

+ Vai trò làm chủ của người lao động trong doanh nghiệp cổ phần hóa. (Trong Nghị định 28/CP quy định về việc bán chịu cổ phiếu cho người lao động đã ghi rõ "Được mua chịu một số cổ phiếu trong 5 năm với lãi suất 4% năm". Thông tư 50 TC/TCDN ngày 30-8-1996 của Bộ tài chính còn quy định thêm : "Hàng năm người lao động phải trả tối thiểu 20% giá trị cổ phiếu mua chịu và 4% lãi trên số nợ vay ; nếu người lao động không trả được nợ trong hai năm liền giá trị cổ phiếu mua chịu thì phải hoàn trả cho Nhà nước". Như vậy rất khó khăn cho người lao động).

- Bên cạnh đó, để thúc đẩy tiến trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước một cách có hiệu quả, ngành ngân hàng có vai trò :

+ Tiếp tục cung ứng vốn tín dụng theo cơ chế cho vay như đối với doanh nghiệp nhà nước.

+ Tham gia mua cổ phần trong doanh nghiệp cổ phần hóa. Điều đó có lợi cho ngành ngân hàng là, thông qua tư cách người cổ đông, ngân hàng sẽ nắm được sát sao tình hình sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp, tạo điều kiện thúc đẩy quá trình phát triển sản xuất - kinh doanh có hiệu quả hơn, (vì trong lợi ích của doanh nghiệp có lợi ích của ngân hàng).

- Bên cạnh đó, cần sớm hình thành thị trường chứng khoán trong mối quan hệ thị trường vốn. Thị trường tiền tệ, vừa tạo điều kiện để thực hiện mua bán cổ phiếu, lại vừa thúc đẩy nhanh tiến trình cổ phần hóa.

- Sau cùng là, nhà nước sớm ban hành luật cổ phần hóa.

Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước là một chủ trương của Đảng và Nhà nước trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội ở nước ta. Nhằm đa dạng hóa sở hữu, tạo động lực cho người có vốn cổ phần và người lao động trong doanh nghiệp hăng say lao động vì lợi ích chính đáng, đồng thời phù hợp với chủ trương xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần trong tiến trình đổi mới nền kinh tế nước ta.

Cổ phần hóa còn góp phần tích cực cho việc hình thành thị trường chứng khoán - một yêu cầu cấp thiết của quá trình vận hành nền kinh tế thị trường, và đó là một trong các giải pháp để giải quyết cơ cấu lại kinh tế quốc doanh, tạo điều kiện thúc đẩy nền kinh tế phát triển ổn định và bền vững.❑

Digitized by Google

VẤN ĐỀ NGƯỜI LAO ĐỘNG NGOẠI TỈNH Ở THỦ ĐÔ HÀ NỘI

PHẠM TẤT THẮNG - NGUYỄN VŨ BÌNH

Sự phát triển kinh tế ở nước ta từ khi đổi mới nền kinh tế đến nay đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng. Song kinh tế thị trường phát triển cũng xuất hiện nhiều vấn đề kinh tế - xã hội hết sức phức tạp. Một trong các vấn đề nảy sinh là việc di chuyển lao động từ nông thôn, từ các tỉnh lân cận vào các thành phố lớn như Hà nội, TP Hồ Chí Minh. Ở thủ đô Hà nội, theo số liệu điều tra của Sở lao động - thương binh và xã hội, tính đến tháng 6 năm 1993 có 1,7 vạn lao động ngoại tỉnh (LĐNT) đến Hà nội tìm việc làm. Năm 1995 khoảng trên 2 vạn người. Riêng tại quận Hai Bà Trưng, năm 1992 có 2 424 người, năm 1993 có 3 087 người, năm 1994 có 4 776 người và năm 1995 là 4 770 người *. Những người LĐNT đến Hà nội hầu hết là từ các tỉnh đồng bằng Bắc bộ như : Hà bắc, Hải hưng, Thái bình, Nam hà, Thanh hóa, Hà tây... Lực lượng lao động này đã góp phần giải quyết được tình trạng thiếu lao động ở một số ngành nghề, song cũng đã làm gia tăng sức ép về việc làm của thành phố. Quá trình tìm việc làm và sinh hoạt của người LĐNT gây ảnh hưởng đến tình hình trật tự - trị an và gây mất mỹ quan thủ đô. Mặt khác, quyền lợi và cuộc sống của người LĐNT không được bảo đảm. Họ phải sống lang thang vất vưởng và thường bị gây sức ép trong khi đi tìm việc.

Hiện tượng di chuyển lao động là biểu hiện tất yếu của quan hệ cung và cầu lao động trên thị trường lao động. Mức cầu về lao động ở thủ đô Hà nội những năm đầu thập kỷ 90 tăng vọt vì những lý do sau : 1 - Quá trình đô thị hóa thủ đô làm tăng nhanh nhu cầu về lao động trong xây dựng ; 2 - Mức tăng thu nhập của một bộ phận dân cư thủ đô làm thay đổi điều kiện sinh hoạt và họ cần có người giúp việc ; 3 - Công nghệ tái chế sản phẩm phát triển đòi hỏi một lực lượng thu gom nguyên liệu ; 4 - Nhu cầu đi lại, giao dịch và chuyên chở tăng mạnh trong nền kinh tế thị trường. Trong khi đó mức cung lao động ở vùng ngoại thành, vùng nông thôn các tỉnh lân cận cũng tăng nhanh chóng bởi quá trình chuyên môn hóa lao động trong điều kiện chia lại ruộng đất cho nông dân ; tốc độ tăng dân số, lao động vẫn ở mức cao ; ngành nghề ở nông thôn chưa tạo đủ việc làm cho lực lượng lao động tại chỗ. Mặt khác, lao động thời vụ của nông nghiệp cũng là một nguyên nhân tăng mức cung lao động ở nông thôn trong những thời điểm "nông nhàn".

Quan hệ cung cầu của thị trường lao động chỉ là *điều kiện cần* của việc di chuyển dòng người lao động, còn thu nhập mới chính là *điều kiện đủ và quyết định* sự di chuyển này. Liệu có xảy ra việc di chuyển lao động hay không khi mà thu nhập giữa các thành phố lớn không có sự chênh lệch (hoặc chênh lệch rất nhỏ) với thu nhập ở các vùng nông thôn ? Chắc chắn là không, bởi vì quan hệ gia đình, quan hệ họ tộc và quan hệ làng xã gắn rất chặt với người nông dân Việt nam. Vì vậy, dòng người lao động từ các vùng nông thôn di chuyển ra thành thị có nguyên nhân chính từ sự chênh lệch về thu nhập giữa thành thị và nông thôn. Tóm lại, quan hệ cung - cầu lao động và chênh lệch về thu nhập trong nền kinh tế thị trường đã dẫn tới việc di chuyển lao động từ các vùng nông thôn vào các thành phố lớn. Đây là một xu thế tất yếu của nền kinh tế thị trường, là vấn đề không chỉ của nước ta, mà là hiện tượng phổ biến ở các nước, kể cả những nước phát triển.

Lao động của người lao động ngoại tỉnh trên địa bàn Hà nội diễn ra hết sức phức tạp, đa dạng. Người lao động ở khắp mọi nơi và làm mọi công việc, từ những công việc có kỹ thuật như thợ nề, thợ mộc đến những công việc đòi hỏi có vốn như xích lô, xe ôm và đặc biệt phần lớn người LĐNT là người lao động giản đơn. Công việc của những người không có vốn, không có kỹ

* Theo báo *Lao động* số 84, ngày 11 tháng 7 năm 1996

Digitized by Google

thuật chủ yếu là bốc xếp, vận chuyển hàng hóa, vật liệu xây dựng ; những công việc đòi hỏi nhiều đến sức khỏe và những công việc đột xuất, không thường xuyên. Nghiên cứu về người LĐNT hoạt động trên thị trường (chợ lao động) ở Hà nội, chúng tôi rút ra một số đặc trưng sau :

Thứ nhất, tính tiết kiệm là nét đặc trưng nhất của người LĐNT. Đặc trưng tiết kiệm được chi phối từ chính nguyên nhân di chuyển lao động và mục đích cao nhất của người LĐNT là kiếm tiền để mang về quê hương nuôi sống gia đình. Người LĐNT tiết kiệm bằng mọi cách : tiết kiệm ăn, tiết kiệm ở, tiết kiệm cả trong đi lại... mong tích góp được một khoản tiền khá hơn. Tính tiết kiệm có ảnh hưởng, tác động chi phối rất lớn tới những đặc trưng khác cũng như toàn bộ quá trình lao động của người LĐNT.

Thứ hai, tính tự do của lao động. Người lao động đến và đi, di chuyển từ khu vực này đến khu vực khác, lựa chọn việc làm cho mình hoàn toàn tự do. Vì tính tự do của lao động rất cao nên việc quản lý, tổ chức lao động gặp rất nhiều khó khăn (hơn nữa đây lại là một thị trường mang tính tự phát).

Thứ ba, tính thời vụ của lao động. Người LĐNT phần lớn là nông dân, hơn nữa họ cũng là những lao động chính của các hộ nông dân ở nông thôn. Trong thời gian nông nhàn, việc họ đi lao động ở các thành phố, địa phương khác không ảnh hưởng nhiều tới công việc của gia đình. Nhưng đến thời vụ, họ là một bộ phận không thể thiếu được của địa phương. Điều đó đã tạo ra tính thời vụ trong lao động của người LĐNT. Tuy nhiên cũng có một bộ phận người LĐNT thường trực trên địa bàn thủ đô, kể cả những khi thời vụ.

Thứ tư, điều kiện sống, sinh hoạt giản đơn. Họ ăn không đủ chất, ngủ trên hè phố, những sinh hoạt khác thì tùy tiện và kém văn hóa... Cuộc sống không bảo đảm đối với bản thân người LĐNT và những ảnh hưởng của nó với môi trường xung quanh là lý do quan trọng gây mất thiện cảm của người dân thủ đô đối với người LĐNT.

Trong quá trình tìm việc làm và lao động của người LĐNT ở Hà nội, có một số ít lao động có những hành vi không đúng đắn, thiếu văn hóa và thậm chí phạm pháp. Song, phần lớn những người LĐNT đều giữ được bản chất cần cù trong lao động, giữ gìn được những giá trị đạo đức của người nông dân dựa trên nhận thức đúng đắn - kiếm tiền bằng sức lao động của bản thân mình.

Đi sâu vào tìm hiểu lao động của những người LĐNT, chúng tôi nhận thấy, về cơ bản lao động của họ được chia làm ba nhóm.

- *Nhóm lao động có vốn* : Đó là những người chở xe ôm, đạp xích lô. Vốn của họ tuy không lớn (xích lô, xe máy) nhưng đối với những người LĐNT thì đó cũng là một tài sản và hơn nữa là một phương tiện để kiếm sống. Đội ngũ này có điều kiện sinh hoạt tốt hơn các nhóm khác vì điều kiện sống của họ gắn liền với việc bảo quản phương tiện lao động. Nhóm lao động này không có khả năng vươn lên bởi ngoài số vốn ít ỏi là phương tiện kiếm sống, họ không khác gì những lao động giản đơn, không có kỹ thuật.

- *Nhóm lao động có kỹ thuật* : Họ bao gồm những thợ nề, thợ mộc và các ngành nghề khác như thợ sản xuất gạch men, thợ in, thợ may, thợ cơ khí, v.v... Đặc trưng của nhóm này là lao động có đào tạo và quan trọng hơn là *họ có khả năng vươn lên*, tìm kiếm việc làm dễ hơn và ổn định hơn. Trên thực tế, chúng ta đã gặp không ít những tiểu chủ, chủ xưởng... là người lao động ngoại tỉnh đi lên từ những người thợ lao động có kỹ thuật.

- *Nhóm lao động giản đơn* : Là nhóm có số lượng đông nhất, mang nhiều đặc trưng nhất của người LĐNT. Phần đông trong số họ tham gia vào những "chợ" lao động trên địa bàn thành phố (thường gọi là "cửu vạn"). Nhóm này còn có những người mua bán phế liệu phế phẩm (thường gọi là "đồng nát"), bán vé xổ số, bán tạp phẩm lưu động... Xu hướng của nhóm lao động này hiện đang giảm dần về số lượng bởi hai nguyên nhân. *Một là,* tốc độ đô thị hóa, xây dựng bùng nổ trong hai, ba năm trước đến nay đã, đang giảm dần và đi vào ổn định. *Hai là,* lượng phế liệu, phế phẩm giảm tối đa sau một thời gian hoạt động của đội ngũ "đồng nát" đông đảo.

Như vậy, sự tồn tại của lực lượng LĐNT trên địa bàn Hà nội phản ánh sự dư thừa lao động ở nông thôn, đã tạo thành dòng người tràn vào thành phố để tìm kiếm việc làm. Đây là một yếu tố tồn tại lâu dài trong nền kinh tế thị trường.

Xét dưới nhiều góc độ, nhất là việc giải tỏa sức ép về việc làm và nhân khẩu ở Hà nội, chúng ta cần hạn chế và giảm tối đa số lượng lao

Digitized by Google

động này trên địa bàn. Vấn đề quan trọng đặt ra là phải có biện pháp phù hợp để tổ chức, quản lý lực lượng này sao cho có hiệu quả nhất. Việc quản lý lực lượng này cần gắn với việc quản lý lao động, giải quyết việc làm trên từng địa bàn ; cần sử dụng đồng bộ các biện pháp tuyên truyền, kinh tế, xã hội kể cả các biện pháp hành chính trong những trường hợp nhất định và phải có sự phối hợp của các ngành, các cấp, các cơ quan có liên quan trên địa bàn thành phố. Xuất phát từ đó chúng tôi xin kiến nghị một số vấn đề cụ thể như sau :

1 - Sớm xây dựng, hoàn thiện chiến lược về lao động và các chương trình giải quyết việc làm trên phạm vi từng địa phương và trên toàn quốc ; xây dựng các thị trấn, thị tứ, các khu kinh tế ở ngoại thành thu hút lao động nhằm giải tỏa sự tập trung nhân khẩu và lao động ở các thành phố lớn. Trên cơ sở đó có chính sách giúp đỡ họ, với biện pháp sử dụng có hiệu quả quỹ quốc gia về việc làm trên địa bàn (trong đó có phần đầu tư hỗ trợ tạo điều kiện cho LĐNT).

2 - Tạo điều kiện về sinh hoạt cho người LĐNT. Hiện nay người LĐNT phần lớn đang tạm trú trong các nhà trọ rẻ tiền, một số ăn ngủ ngay trên vỉa hè và có số ít người tạm trú tại nhà của người thân. Theo chúng tôi, mỗi phường nên xây dựng một khu nhà nghỉ trọ với các điều kiện sinh hoạt tối thiểu như điện, nước, công trình công cộng... để tập trung số lao động trên địa bàn phường. Và để trợ giúp người lao động, việc thu lệ phí sinh hoạt ở những nhà nghỉ này phải phù hợp với người LĐNT (bằng hoặc rẻ hơn chút ít so với giá thị trường). Giải quyết được vấn đề sinh hoạt, tạm trú của người lao động theo phương thức này sẽ :

+ Quản lý được nhân khẩu LĐNT trên địa bàn phường và qua đó quản lý được nhân khẩu trên địa bàn quận và thành phố.

+ Khắc phục được tình trạng sinh hoạt tùy tiện của người LĐNT làm ảnh hưởng đến nếp sống văn hóa ở thủ đô.

+ Bảo đảm và bảo vệ được quyền lợi của người LĐNT. Kiểm soát được trật tự trị an và những tiêu cực nảy sinh trong đội ngũ lao động này.

3 - Xây dựng và quy định các điểm chờ việc ở những nơi tập trung đông LĐNT (như kinh nghiệm của quận Hai Bà Trưng). Tuy nhiên có một thực tế là các điểm chờ việc hiện nay chưa thực sự có sức hấp dẫn. Điều đó có nhiều nguyên nhân, nhưng nguyên nhân cơ bản là sự tổ chức quản lý, hướng dẫn chưa cụ thể, nhất là thông tin về lao động, việc làm, bảo vệ lợi ích, an toàn lao động, cũng như xử lý tranh chấp trong hợp đồng... Bởi vậy, ở các điểm này cũng cần có sự tổ chức, hướng dẫn, hình thành màng lưới các trung tâm giới thiệu việc làm tại các điểm chờ việc ở các phường. Như vậy, để quản lý được đội ngũ lao động này, chúng ta cần có sự đầu tư cả về công sức và kinh phí.

4 - Phát thẻ lao động có thời hạn cho các LĐNT. Phòng lao động các quận, công an và chính quyền các phường cần tổ chức phát thẻ lao động cho các đối tượng với thủ tục đơn giản, gọn nhẹ. Thẻ lao động ghi rõ tên tuổi, quê quán, công việc và khu vực làm việc. Việc xét cấp thẻ dựa trên cơ sở đơn đề nghị có xác nhận của chính quyền địa phương nơi người lao động cư trú. Việc làm này vừa góp phần quản lý, hướng dẫn LĐNT trên từng địa bàn, vừa là biện pháp góp phần bảo đảm trật tự trị an, an toàn xã hội.

5 - Xây dựng và hoàn thiện quy chế thuê và sử dụng lao động. Việc thuê và sử dụng LĐNT hiện nay thông qua những thỏa thuận bằng miệng giữa người thuê và người lao động. Hình thức này không bảo đảm việc đánh giá đúng giá trị sức lao động cũng như không bảo vệ được lợi ích của người lao động. Mặt khác, các cơ quan chức năng cũng khó kiểm soát được các hoạt động của người LĐNT. Vì thế cần hình thành quy chế thuê và sử dụng lao động. Đi đôi với việc xây dựng quy chế, nhà nước (cụ thể là chính quyền cấp quận, cấp thành phố) cần thành lập các đơn vị, các tổ chức làm chức năng giám sát việc thực hiện hợp đồng đã đăng ký của cả hai bên tham gia, đồng thời xử lý các trường hợp vi phạm hợp đồng.

Xu hướng chung của lực lượng LĐNT trong thời gian tới là quá trình ổn định về số lượng. Đó là một yếu tố thuận lợi cho việc quản lý đội ngũ lao động này. Thực hiện quản lý một cách khoa học dựa trên tâm lý, đặc trưng của người LĐNT sẽ hạn chế những tiêu cực và phát huy được tính tích cực của họ, góp phần vào nhiệm vụ xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của thủ đô.❑

Digitized by Google

Phức tạp của phức tạp

VŨ LÂN

ANH nhà báo được mời đến để giới thiệu về một ngành đang "ăn nên làm ra". Trong khi chờ làm việc với "sếp", anh ngồi chuyện phiếm với "cánh văn phòng", "lính" lái xe. Chẳng ai bảo ai, câu chuyện lại được bắt đầu từ tiền lương, thu nhập và việc làm. Một anh khoe rằng, anh có người bạn thân mới "chạy" về công tác ở ngành X được vài năm mà đã mua được đất, làm được nhà lầu, sắm được phương tiện sinh hoạt, sang trọng mà tiền vẫn còn "vô tư". Một người khác góp vui bằng câu chuyện : mấy đứa lúc học vừa kém, vừa lười, nhưng hôm hội trường gặp lại, có đứa là tỷ phú thành lập công ty trách nhiệm hữu hạn, có ô tô riêng ; có anh bỏ ra một lúc hơn chục triệu đồng khao bạn cũ. Một chị khác nói : cạnh nhà có một ông thủ trưởng một cơ quan chẳng dính dáng gì đến kinh tế, vậy mà toàn "khách sộp" đến. Thế rồi chẳng bao lâu ông ta xây cho mỗi đứa con một dinh cơ riêng và còn mua vài miếng đất xây tường để đấy...

Câu chuyện đang rôm rả thì "sếp" bước vào :

- Chào cả nhà, chào nhà báo ! Đang bàn chuyện gì mà sôi nổi thế ?

Một anh đứng lên :

- Dạ, thưa anh, bọn em đang góp phần tìm "khâu đột phá" vào tệ tham nhũng đấy ạ !

- Hay lắm ! Tớ cũng đang "máu" tham gia vấn đề ấy lắm đấy. Mỗi khi nghe đài, đọc báo, xem ti vi thấy nhiều tay tham nhũng táo bạo, tày trời, máu trong người tớ như sôi lên. Nếu có quyền, tớ cứ cho xử bắn hết những đứa tham nhũng để làm gương cho thiên hạ.

Nói rồi "sếp" mời nhà báo vào phòng làm việc. Anh trợ lý của "sếp" buông theo một câu :

- Nếu người lãnh đạo nào cũng như "sếp" của tôi thì sẽ không có tệ tham nhũng !

Anh nhà báo bỗng nhiên gõ nhẹ ngón tay vào trán : Sao lâu nay báo chí ít viết về gương những cán bộ có chức, có quyền vừa lãnh đạo, quản lý giỏi lại sống trong sạch, liêm khiết, mà chỉ biểu dương những anh nhân viên bưu điện, chị cán bộ ngân hàng, chú lái xe tắc xi, cháu học sinh... trả lại tiền thừa hoặc của cải, đồ trang sức của khách bỏ quên hay đánh rơi ? Đã có được mấy bài báo viết về một cán bộ có chức, có quyền từ chối "phong bì" hoặc không chịu nhận khoản "phần trăm" "lại quả", hay phần "bồi dưỡng" sau những vụ làm ăn phất phát ? Nghĩ vậy, nhà báo dự định : ngoài bài viết về thành tích của ngành sẽ viết cả về "sếp" của ngành này nữa. Trong sổ tay của anh đã có được "trích ngang" về "sếp" : 52 tuổi ; kỹ sư kinh tế ; bậc lương hơn 6 phẩy ; một vợ, 3 con (2 trai, 1 gái đã trưởng thành ra ở riêng) ; nhà ở khu tập thể cao tầng ; là người có năng lực lãnh đạo, quản lý làm ăn năng động, có hiệu quả ; sống liêm khiết, quyết đoán, giao du rộng...

Như vậy là đã có "bột" để gột nên "hồ". Anh muốn xác minh một vài chi tiết cho chắc chắn. Thông thường người ta hay căn cứ vào nhà cửa, của cải, phương tiện sinh hoạt và cách sinh sống của vợ, con các cán bộ để đánh giá khả năng kinh tế của họ. "Sếp" biết ý, đã cho địa chỉ nhà riêng và mời nhà báo đến chơi.

Khu nhà lắp ghép cao tầng nơi "sếp" ở được xây dựng từ những năm 1979 - 1980. Căn hộ của "sếp" tận tầng 3 và ở đầu hồi, phải đi dọc hành lang qua 3 hộ khác mới vào được. Diện tích cả hai phòng rộng 28 m^2 ; khu phụ có được cải tạo hợp lý và đẹp hơn. Với hàm thứ trưởng như "sếp" mà vẫn ở như thế thì cũng là chuyện hiếm. Thế là sau buổi làm việc và đến thăm nhà riêng của "sếp", hai bài báo đã được hình thành.

Khi bài báo sắp lên khuôn thì nhà báo nhận được lời thỉnh cầu khẩn khoản của "sếp" : "Để nghị hãy khoan đăng các bài báo". Lý do : "Tình hình bây giờ phức tạp lắm". Cái phức tạp mà "sếp" nói thực ra lại là chỗ khó nói của "sếp".

Câu chuyện là thế này :

Mấy ngày sau khi đến thăm và làm việc ở cơ quan, anh nhà báo nhận được thư của "tập thể dân đen" trong ngành gửi đến. Họ có một yêu cầu khẩn thiết : trước khi cho đăng bài viết về ngành và về "sếp" xin nhà báo làm rõ và trả lời mấy câu hỏi :

- Có phải thật sự ngành đang làm ăn có hiệu quả hay phải sống nhờ vào tiền vay nhà nước ? Có bao nhiêu công ty do ngành quản lý đang dở sống dở chết, đứng bên bờ của sự phá sản ?

- Ngành thua lỗ như vậy thì lấy đâu ra các khoản tiền hàng trăm triệu đồng định kỳ được nộp để hằng tháng cán bộ lãnh đạo và các phòng, ban chia nhau với danh nghĩa "tiền thưởng". Tất nhiên "dân đen" cũng có phần, nhưng chỉ bằng 1/10 của "sếp".

- Thử hỏi "sếp" lấy đâu ra tiền để xây ba nhà lầu cho ba đứa con và mua sắm tiện nghi sang trọng, lại còn vài "lô" đất xây tường để đấy ? Việc "sếp" chịu khó leo nhà tầng ở khu chung cư có phải để "gần dân" cùng chung khó khăn với quần chúng, hay là một cách "chùi mép" sau khi "ăn vụng" ?

Đọc xong lá thư, anh nhà báo thấy ớn lạnh sống lưng.

Tìm hiểu lại thì thấy các chi tiết nêu trong bức thư đều đúng. Nhiều điều yếu kém và nguy cơ đổ vỡ của ngành là có thật chứ không phải ngành đang "ăn nên làm ra" "trên đà phát triển" như "sếp" từng báo cáo. Anh nhà báo đã đến ngay tòa soạn rút lại hai bài báo trước khi nhận được lời thỉnh cầu nói trên của "sếp". Anh ghi vào sổ tay : "Cái phức tạp của phức tạp là ở chỗ này đây. Đừng bao giờ để cho cái vỏ đẹp bên ngoài lòe bịp và che lấp cái ruột xấu bên trong".❑

Digitized by Google

[illegible]

Bút ký của VŨ HIỀN

CHỈ nguyên việc được ngồi trên máy bay của Hãng hàng không quốc gia Việt nam bay thẳng từ Hà nội sang Xơ-un, được thấy người mình điều hành chuyến bay, được nghe lời hướng dẫn hành khách bằng tiếng Việt nam, trong tôi đã rộn lên niềm vui pha lẫn chút xúc động. Mới cách đây dăm bảy năm, mỗi khi ra nước ngoài, bước vào máy bay là coi như bắt đầu một cuộc sống với môi trường xa lạ. Lạ và buồn nhất là tuyến đường toàn người mình đi mà trên máy bay người ta chẳng thèm dịch lấy một vài từ ngữ ra tiếng Việt. Thế mà bây giờ mình ngồi trên máy bay Việt nam bay xa, bay xa. Cảm giác vui và xao xuyến ấy cứ ngân nga trong tôi, mãi đến khi ai đó reo lên : tuyết, tuyết... tôi mới trở lại với thực tế chuyến thăm Hàn quốc của Đoàn đại biểu cấp cao Hội nhà báo Việt nam. Máy bay hạ dần độ cao khi vào không phận Hàn quốc, và qua cửa sổ máy bay, như òa vào mắt tôi là khung cảnh một Hàn quốc bát ngát màu trắng tuyết.

TỪNG NGHE VỀ "SỰ KỲ DIỆU TRÊN SÔNG HÀN"

Dư luận thế giới và cả ở Việt nam ta trong những năm qua nhắc nhiều đến Cộng hòa Hàn quốc. Người ta coi đây như một quốc gia vươn tầm thành một trong "bốn con rồng châu Á". Điều được khen ngợi nhất là đất nước này từ một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu, trong vài chục năm tiến lên thành một trong những nước công nghiệp hóa tiên tiến. Hàn quốc đã trở thành thành viên của Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế của các nước công nghiệp phát triển (OECD) với giá trị tổng sản phẩm xã hội đứng thứ 11 trên thế giới. Nếu năm 1962, GNP của Hàn quốc là 2,3 tỉ USD, thì năm 1995 đã tới 451,7 tỉ USD ; GDP đầu người từ 82 USD năm 1962 lên 10 076 USD năm 1995 và 11 200 USD năm 1996. Năm 1995, xuất khẩu của Hàn quốc đạt 125 tỉ USD.

Người ta thường kể về những nhân tố dẫn tới thành công của Hàn quốc. Một là, vai trò của chính phủ trong việc điều tiết kinh tế. Trong những kế hoạch 5 năm phát triển kinh tế, chính phủ Hàn quốc thường hướng các doanh nghiệp tập trung vào những ngành công nghiệp đặc biệt quan trọng bằng cách khuyến khích miễn giảm thuế, trợ cấp, cho vay nhẹ lãi... Hai là, Hàn quốc thực hiện chiến lược kinh tế hướng ra xuất khẩu, thay thế hàng nhập khẩu. Ba là, lực lượng lao động của Hàn quốc dồi dào, rẻ nhưng được đào tạo kỹ và có kỷ luật. Sự trân trọng truyền thống kết hợp với việc hiện đại hóa nhanh chóng nền giáo dục đã giúp Hàn quốc trở thành một trong những nước có tỷ lệ người biết chữ cao nhất thế giới.

VÀ NHỮNG ĐIỀU TRÔNG THẤY

Biết về Hàn quốc đại thể như thế nhưng quả là "trăm nghe không bằng một thấy". Đoàn 10 nhà báo chúng tôi, có người đã từng đi dăm bảy nước, cũng có tích lũy đôi chút về kiến thức và sự hiểu biết, thế mà khi "mục sở thị" vẫn không khỏi có những ngỡ ngàng.

Điểm dễ thấy nhất là, điều kiện tự nhiên của Hàn quốc không dễ dàng thuận lợi. Với 99 394 km^2, gần 45 triệu dân, Hàn quốc thuộc dạng "thường thường bậc trung" về diện tích và dân số so với thế giới. Đã thế, có tới hơn 70% diện tích của Hàn quốc là đồi núi. Chúng tôi được Hội nhà báo Hàn quốc hướng dẫn đi thăm tới 6 trong số 9 tỉnh của Hàn quốc. Ngồi trong xe hoặc trên máy bay qua nhiều vùng đất, mọi người trong đoàn tôi có chung nhận xét là đất đai Hàn quốc lắm đá nhiều sỏi hơn cả vùng miền Trung của ta. Đồi núi là chính, nhưng lại cằn cỗi đến mức cỏ cây chỉ mọc lưa thưa. Tôi có cảm tưởng cả nước Hàn quốc không có lấy một cánh đồng thật thoáng rộng, tít tắp để cho con cò bay lả bay la như ở Việt nam ta.

Digitized by Google

Sự hoành tráng và bề thế của một nước công nghiệp cũng là điều rất rõ. Ở các nơi mà đoàn tới thăm, hệ thống đường giao thông và phương tiện giao thông, hệ thống khách sạn, nhà hàng, phố phường đều rất tốt, hiện đại và thuận tiện. Chỉ riêng thủ đô Xơ-un với khoảng 10 triệu dân đã có tới hơn 2 triệu xe ô tô con ; bình quân cả nước, cứ khoảng 10 - 15 người có 1 xe ô tô con. Tại khắp các bến tầu, bến xe, trên đường phố chính của các tỉnh, thành phố, nhiều loại hàng hóa như thức ăn hộp, nước uống, thuốc lá, những đồ dùng thông thường đều được bán bằng máy tự động.

Hàn quốc khá thành công trong việc công nghiệp hóa nông nghiệp. Hiện nay tổng số dân làm nông nghiệp chỉ còn khoảng hơn 5 triệu người, chiếm 11% dân số. Tất cả các công việc của nhà nông đều được cơ giới hóa, ứng dụng các công nghệ tiên tiến, đặc biệt là công nghệ sinh học và hóa học. Bởi vậy, nhiều loại nông sản hàng hóa của Hàn quốc đạt chất lượng cao như cam, quít, cà chua... không có hạt.

Người Hàn quốc có tác phong công nghiệp và có trình độ dân trí khá cao. Điều đó thể hiện : ăn mặc lịch sự, đi lại nhanh nhẹn, làm việc nghiêm túc, việc nào ra việc nấy ; sống và làm việc theo luật pháp ; đặc biệt luật lệ giao thông và trật tự công cộng được bảo đảm tốt. Trong khi biết tin và biết sợ pháp luật, người Hàn quốc vừa say mê công việc, vừa tỏ ra sẵn sàng chấp nhận mạo hiểm để hy vọng giành thế lợi cho mình trong kinh doanh. Để phát triển kinh doanh cũng như tăng trưởng bền vững, họ cố gắng hạn chế đến mức tối thiểu sai lầm do chấp nhận mạo hiểm bằng cách lao tâm khổ tứ, làm việc nhiều hơn.

Đặc biệt, Hàn quốc làm tốt công tác bảo tồn, bảo tàng, tôn tạo di tích lịch sử, đề cao các truyền thống và giá trị văn hóa dân tộc. Khi đến các chùa chiền, miếu mạo, khi thăm các viện bảo tàng hay các di sản văn hóa, tôi thấy về mặt văn hóa, giữa Hàn quốc và Việt nam có nhiều nét tương đồng. Trong viện bảo tàng, họ xây dựng những nhà tranh, mái rạ, những cối xay thóc, cối giã gạo, những phương tiện đánh bắt cá như chài, lưới hoặc đó, lờ... tất cả như thể phiên bản của Việt nam. Người Hàn quốc nói có 5000 năm lịch sử và truyền thống hiển hách chống ngoại xâm nhưng khi hỏi về những trận thắng oanh liệt được ghi trong sử sách thì không thấy có nhiều như ở Việt nam. Tuy nhiên,họ đầu tư rất lớn để tuyên truyền và bảo vệ những giá trị truyền thống. Xã hội Hàn quốc lưu giữ truyền thống Khổng giáo một cách mạnh mẽ, thể hiện ở sự bảo vệ giá trị gia đình, coi trọng tôn ti trật tự và quan hệ trên dưới.

Những điểm mạnh của Hàn quốc khá nhiều, nhưng khi tới đất nước này cũng thấy rất rõ những khó khăn, thách đố mà Hàn quốc đang gặp. *Một là,* ngoài nguồn lực con người, tiềm năng về tự nhiên rất hạn chế. Hơn nữa, bản thân nguồn lực con người cũng đang bị báo động vì mức lương hiện nay phải trả cho người lao động khá cao (800 - 1000 USD/1 tháng cho một công nhân bình thường) nên sẽ ngày càng tăng thêm tình trạng thừa lao động không đủ yêu cầu mà các doanh nghiệp đòi hỏi, nhưng lại rất thiếu lao động có tay nghề đến làm việc cho các doanh nghiệp. *Hai là,* một số hàng hóa của Hàn quốc bán trong nước bị ứ đọng và thừa ế. Vì thu nhập của người dân đã cao lên, nhu cầu về hàng hóa chất lượng cao càng tăng lên và tâm lý người tiêu dùng muốn hướng sang hàng ngoại. Có những công ty sản xuất ô tô của Hàn quốc đang tồn đọng hàng ngàn ô tô con không thể bán được. Từ đó dẫn tới sản xuất bị đình đốn, nền kinh tế bị ảnh hưởng và tốc độ phát triển chậm lại. *Ba là,* khi đã trở thành nước phát triển với những ý đồ toàn cầu về kinh tế, Hàn quốc phải chấp nhận đua tranh với các siêu cường kinh tế trong điều kiện thế và lực chưa đủ mạnh. *Bốn là,* tình hình chính trị ở Hàn quốc chứa đựng nhiều yếu tố mất ổn định. Đó là quan hệ chưa bình thường giữa Bắc và Nam, là căn bệnh tham nhũng và mâu thuẫn nội bộ, đến mức cả cựu tổng thống cũng phải ngồi tù, trong khi còn phải đối phó với sự xáo trộn không tránh khỏi về chính trị. Tính đến cuối năm 1996, các cuộc đình công của công nhân

Digitized by Google

các ngành công nghiệp đã làm cho đất nước này bị thiệt hại hơn 1 tỉ USD.

TRÔNG NGƯỜI VÀ NGẪM ĐẾN TA

Đi 10 "ngày đàng" ở Hàn quốc, ít nhiều cũng thấy những "sàng khôn".

Tôi suy nghĩ mãi về một số điều. *Một là,* việc quảng cáo. Dọc theo những đại lộ của các thành phố Hàn quốc, những cửa hàng, cửa hiệu đều rất khang trang. Họ làm theo kiểu phương Tây, quan hệ chặt chẽ với phương Tây. Thế nhưng quảng cáo, áp phích dù có xanh, đỏ, tím, vàng đầy ắp, đẹp mắt và rực rỡ đến đâu cũng rất ít trường hợp dùng chữ nước ngoài. Còn ở ta, ở Hà nội, thành phố Hồ Chí Minh chỗ nào cũng thấy quảng cáo tấm lớn với những hàng chữ tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Trung quốc, Nhật bản... Lại nữa, vừa qua ta mới chỉ dẹp bỏ một số biển quảng cáo cho phong quang đường phố, thì một số báo chí phương Tây đã rộ lên phản ứng. Rõ ràng là sự can thiệp đó thật phi lý. Thế nên, việc ta, ta cứ làm, đường ta ta cứ đi thì mới có thể đến đích.

Hai là, việc kiểm soát nhập khẩu. Chính phủ Hàn quốc sử dụng nhiều biện pháp để kiểm soát chặt chẽ việc nhập khẩu và người tiêu dùng hàng nhập khẩu. Theo quy định, có 250 loại hàng hóa cấm nhập vào Hàn quốc và 490 mặt hàng khác bị hạn chế. Biện pháp khác để kiểm soát là các nhà nhập khẩu buộc phải tạo ra một phần quỹ ngoại tệ và buộc phải có mức xuất khẩu tối thiểu. Chính phủ có thể đánh thuế nặng đối với những người sử dụng hàng hóa nhập ngoại. Mặc dù danh mục hàng hóa mà chính phủ muốn kiểm soát có sự thay đổi theo từng thời gian cụ thể và điều kiện cụ thể, nhưng nhìn chung, Hàn quốc là một trong những thị trường bị kiểm soát chặt chẽ nhất trong các nước công nghiệp hóa.

Ba là, bài học về cách thức phát triển. Hàn quốc đã thành công trong việc tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước với thời gian ngắn bằng các giải pháp hiệu quả : tăng tốc, đi tắt, đón đầu. Điều kiện bảo đảm và nhân tố cơ bản đưa tới thành công đó chính là việc tận dụng và "chớp" được công nghệ mới của phương Tây, là việc phát huy những giá trị châu Á và đặc biệt là tăng cường ý chí mạnh mẽ của cộng đồng dân tộc. Đối với nước ta hiện nay, cả ba yếu tố cơ bản nhất đó đều có đủ. Ta đã mở rộng quan hệ ngoại giao với hơn 160 nước, có quan hệ kinh tế với hơn 100 nước, các khu vực và các tổ chức kinh tế quốc tế. Đó là tiền đề rất tốt để có thể tranh thủ vốn và công nghệ. Chúng ta có tài nguyên thiên nhiên phong phú, có bờ biển dài và thềm lục địa rộng, có vị trí địa - tự nhiên, địa - kinh tế thuận lợi. Tiềm năng lớn nhất của chúng ta là con người với đội ngũ lao động rất đông đảo, người lao động có tay nghề, cần cù, sáng tạo, lại có ưu thế về giá cả sức lao động còn thấp. Và điều quan trọng mang tính quyết định là đất nước ta hòa bình, thống nhất, độc lập và ổn định, có chính quyền của dân, do dân và vì dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt nam đầy bản lĩnh, giàu trí tuệ sáng tạo, luôn gắn bó mật thiết với nhân dân. Đó là những điều kiện cần và đủ tạo khả năng mới cho sự phát triển của đất nước ta.

Hàn quốc đang trong mùa tuyết trắng. Đây là thời điểm kết thúc một năm và đón chào năm mới. Người Hàn quốc cho rằng, năm nào có tuyết nhiều là năm đó mùa màng bội thu ; Khách tới thăm lúc tuyết rơi là có nhiều may mắn, thuận lợi. Đoàn chúng tôi thật may vì đã đi thăm và biết thêm nhiều điều về đất nước Hàn quốc. Riêng tôi, tôi luôn liên tưởng đến một Việt nam ngày mai. Tôi tin rằng, với thế và lực mới sau hơn mười năm đổi mới, phát huy sức mạnh vô song của khối đại đoàn kết dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng, tận dụng những tiềm năng to lớn của đất nước, của chế độ xã hội mới, biết cách nghiên cứu học tập kinh nghiệm và tranh thủ sự giúp đỡ của bạn bè, biết cách tận dụng thời cơ, khắc phục nguy cơ, vượt qua thách thức, nhất định chúng ta sẽ thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng văn minh.❑

Digitized by Google

PHẢI CHĂNG TĂNG TRƯỞNG CHẬM LÀ ĐIỀU ĐÁNG LO NGẠI ?*

TRƯỚC tình hình phát triển có phần chững lại của các nước Đông Á, hiện có hai luồng ý kiến trái ngược nhau về tương lai của các nền kinh tế này. Ý kiến thứ nhất cho rằng, các "con hổ" châu Á đang ở vào thời điểm tồi tệ nhất và trong tương lai họ sẽ phải vật lộn nhiều hơn để tồn tại. Loại ý kiến thứ hai không đồng ý với nhận định trên, và cho rằng, đây chỉ là sự "tạm nghỉ" để tiếp tục tiến lên, do đó tăng trưởng chậm là điều hoàn toàn không đáng lo ngại.

Trong thập kỷ 80, kinh tế của một số nước Đông Á tăng trưởng với mức độ 2 con số. Với ngân bản vị thấp và một nguồn lao động rẻ, các nhà xuất khẩu của các nước này đã thu được lợi lớn. Tuy nhiên, hiện nay họ đang gặp khó khăn : tiền lương và chi phí sản xuất tăng lên trong khi hiệu quả lại giảm xuống. Vì thế, rất nhiều công ty lớn đang sa vào cảnh khó khăn. Điều này diễn ra ở hầu khắp châu Á. Thời kỳ tăng trưởng cao đã kết thúc, nhiều khó khăn mới nảy sinh, từ vấn đề tiền lương đến lĩnh vực tiền tệ. Đành rằng một số khó khăn này xảy đến theo chu kỳ và có thể sẽ dần dần mất đi, song những năm tháng tăng trưởng với mức độ gần 2 con số đã chấm dứt.

Quả thật, mọi điều đã thay đổi. Thời kỳ bùng nổ từng mang lại lợi nhuận lớn cho các nhà kinh doanh châu Á và các nhà đầu tư phương Tây đã một đi không trở lại. Trong lúc đó, giá đồng "yên" tăng so với đồng đô la ; lãi suất giảm mạnh, Nhật thì hướng sản xuất ra bên ngoài. Thêm vào đó còn có một sự bùng nổ thị trường đầu tư quốc tế toàn cầu.

Nếu lấy Hàn quốc làm ví dụ thì chúng ta thấy, trong thời gian đầu của phép màu kinh tế, Hàn quốc hướng vào các ngành công nghiệp lao động rẻ như giày dép, quần áo, xe đạp v.v. Sau đó, các tổ hợp công nghiệp (cha-ê-bôn) đã đi một bước lớn vào các ngành công nghiệp nặng, như đóng tàu và hóa dầu, là hai lĩnh vực tạo ra được lợi thế so sánh với sự giúp đỡ toàn diện của nhà nước. Tuy nhiên, lợi thế lao động của Hàn quốc đã biến mất : lương tăng gấp đôi chỉ trong 3 năm qua và hiện tại các cha-ê-bôn đang phải vật lộn với vấn đề đó. Tại nhà máy sản xuất đồ gia dụng của công ty điện tử Samsung ở Su-vôn (Suwon), cách Xơ-un 50 km về phía Nam, lương bình quân đã tăng lên tới 12,7 USD một giờ. Trong khi đó ở Ma-lai-xi-a là chưa đến 2 USD, còn ở Trung quốc chỉ có 96 xu.

Những chi phí khác - đặc biệt là về dịch vụ - cũng tăng lên với mức độ tương tự. Ở Hàn quốc, chi phí trung bình về giao thông vận tải và phân phối chiếm tới 17% doanh số, còn ở Mỹ và Nhật, chi phí này chỉ chiếm từ 7 đến 8%. Để đương đầu với khó khăn này, Samsung, công ty có 180 000 công nhân ở Hàn quốc, đang có kế hoạch chuyển các ngành sản xuất ở trong nước sang các cơ sở có chi phí thấp hơn ở nước ngoài. Năm ngoái, họ cũng thay thế những dây chuyền sản xuất không có tính cạnh tranh mà theo tính toán đã lên tới 1,5 tỉ USD. Trong 5 năm tới, Samsung có kế hoạch đầu tư 30 tỉ USD vào các dây chuyền sản xuất phức tạp hơn như viễn thông và bán dẫn.

Tại Hồng công, một công trình nghiên cứu của Pơ-ri-grin In-vet-mơn (Pregrine Investment) đã thổi bùng lên ngọn lửa bi quan về viễn cảnh kinh tế của Đông Á. Không tán đồng với quan điểm về sự suy giảm theo chu kỳ trong lĩnh vực điện tử và các ngành công nghiệp khác, các nhà kinh tế của Pơ-ri-grin cho rằng, nguyên nhân chính là thuộc về cơ cấu và nó khiến cho kinh tế khu vực giảm sút nhanh hơn bất kỳ sự tưởng tượng nào. Lý do

---

Nguồn : *Tạp chí Kinh tế Viễn đông* ngày 31-10-1996 ; các bản tin tham khảo "*Tin kinh tế hàng ngày*" của TTXVN ngày 6-8, 28-11 và 9-12-1996 ; báo *Đầu tư* số 192, ngày 10 - 16/12/1996

Digitized by Google

chủ yếu là do đồng đô-la tăng 30% so với đồng yên trong những năm trước đã tác động xấu đến sự cạnh tranh trong lĩnh vực xuất khẩu của các nước Đông Á và kìm tỷ giá của các đồng tiền này (chính thức hoặc lỏng lẻo) so với đồng đô la.

Tuy nhiên, nhiều nhà phân tích lại cho rằng : điều thần diệu của châu Á dù có thuộc về quá khứ thì sự chậm lại trong mức tăng trưởng kinh tế ở Đông Á gần đây chỉ là sự "tạm nghỉ" và không phải là một xu hướng đáng lo ngại.

Tại hội nghị của Diễn đàn kinh tế thế giới về các quan hệ Đông Á - châu Âu ở Hồng công mới đây, ông To-ru ku-su-ka-oa, chủ tịch công ty Phu-gi ri-sớt In-sti-tiu đã phát biểu : "Với tốc độ khoảng 7,5%, sự phát triển ở khu vực này vẫn cao và tôi tin rằng chúng ta vẫn giữ được mức tăng trưởng như vậy trong phần còn lại của thập kỷ này". Vậy thì tại sao các nền kinh tế Đông Á phát triển chậm lại ? Đó chính là kết quả của các chính sách chủ động "làm nguội" nền kinh tế do nhu cầu của thế giới đối với hàng xuất khẩu điện tử của châu Á giảm đi và do đồng đô la mạnh lên. Tuy nhiên những yếu tố này vẫn không làm khu vực này chệch khỏi con đường tăng trưởng cao. Có những yếu tố chủ đạo vẫn tiếp tục duy trì sự phát triển kinh tế như năng suất cao, đầu tư vào hạ tầng cơ sở, tự do hóa thương mại và nguồn vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài dồi dào. Không còn nghi ngờ gì nữa, sự phát triển kinh tế của khu vực đang tiến gần đến mức phát triển của các nước công nghiệp, đưa tới việc cải thiện vững chắc mức sống của nhân dân. Thành công của khu vực là do cơ sở bên trong vững chắc kết hợp với tăng cường buôn bán và đầu tư nước ngoài. Phép màu ở đây là : ngoài hoạt động kinh tế hết sức thành công còn có các chính sách kinh tế và tài chính thận trọng mà các nước này đã thực hiện.

Song, bên cạnh việc dự đoán sự tăng trưởng vẫn mạnh mẽ, các chuyên gia kinh tế cũng cảnh báo rằng động lực của sự phát triển đã thay đổi, các chính phủ không thể dựa vào các mức tỷ giá hối đoái thấp và nhân công rẻ để tìm kiếm tăng trưởng được nữa. Mặt khác, cơ cấu cạnh tranh cũng đã thay đổi, có nghĩa là phải thu nhỏ các ngành công nghiệp cần nhiều lao động lại và điều này sẽ tạo ra các khó khăn. Ông Gu-a-tam Ka-gi, giám đốc điều hành Ngân hàng thế giới nói : "Đạt được những tiến bộ cơ bản là cần thiết nhưng chưa đủ. Điều cần thiết cho một tương lai kinh tế lành mạnh của châu Á là phải phát triển hạ tầng thông qua sự tham gia lớn hơn của giới tư nhân ; cải tạo các xí nghiệp quốc doanh ; cải thiện ngành tài chính bằng cách phát triển những bộ khung luật pháp và bảo đảm một hệ thống ngân hàng vững mạnh".

Vậy các xu hướng được dự báo cho một tương lai gần sẽ như thế nào? Không ai có thể nói chắc chắn, song giai đoạn tiếp theo của phép màu châu Á dường như sẽ ít màu nhiệm hơn. Theo một số nhà quan sát, khả năng cạnh tranh hiện tại của các con hổ châu Á đã yếu đi đồng thời với thách thức đang tăng lên từ những nước châu Á kém phát triển hơn và từ các nền kinh tế đang trỗi dậy ở Mỹ la tinh và Trung Âu. Chỉ số tăng trưởng cũng không đơn thuần là trò chơi con số. Chẳng hạn, nếu tốc độ tăng trưởng của Thái lan là 5% (năm 1995 là 8%) thì nó vẫn đủ sức ganh đua với các nước phương Tây. Song tại một nước vẫn đang trong thời kỳ phát triển, mỗi một phần trăm tăng trưởng là cả một vấn đề. Ở Hàn quốc, theo nhà nước, mức độ 6% là giới hạn cuối cùng, còn các nhà quản lý kinh tế cho rằng, bất kỳ một tỷ lệ nào đó thấp hơn cũng có nghĩa là thảm họa cho các công ty nhỏ. Ở Thái lan, theo tính toán của các chuyên gia, mức độ 5% sẽ là lợi ích "con số không" (0) trong lĩnh vực lao động.

Tóm lại, khi châu Á tiến đến một kỷ nguyên mới, chắc chắn sẽ có những người thành công và những người thất bại. Mức độ thành công và thất bại phụ thuộc vào việc các nước này bắt kịp công nghệ tiên tiến và kỹ năng quản lý hiện đại ra sao. Ngoài ra còn có các yếu tố khác ảnh hưởng tới các quyết định đầu tư, tài chính và mức độ ổn định kinh tế vĩ mô là những nhân tố quyết định, có ảnh hưởng đến tiềm năng lâu dài của một đất nước.❑

TRỊNH CƯỜNG (*Tổng thuật*)

Digitized by Google

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

HỘI NGHỊ TRIỂN KHAI NHIỆM VỤ KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 1997

Từ ngày 25 đến 27-12-1996, tại Hà nội, Bộ tài chính đã tổ chức Hội nghị triển khai nhiệm vụ kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 1997. Tham dự hội nghị có lãnh đạo Bộ tài chính, các vụ, viện, tổng cục của bộ ; các sở tài chính, cục thuế của 53 tỉnh thành trong cả nước ; đại diện của các cơ quan trung ương như Quốc hội, Chính phủ, Bộ kế hoạch và đầu tư... ; các phóng viên báo chí của trung ương và Hà nội. Đồng chí Nguyễn Sinh Hùng, ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ tài chính chủ trì hội nghị. Đồng chí Phan Văn Khải, Ủy viên Bộ chính trị, Phó thủ tướng Chính phủ đến nói chuyện với hội nghị.

Sau khi nghe báo cáo về tình hình thực hiện nhiệm vụ công tác tài chính năm 1996 và những nội dung cơ bản của nhiệm vụ công tác ngành tài chính năm 1997, các đại biểu đã tham gia thảo luận. Các ý kiến phát biểu đều khẳng định những mặt làm được là : Năm 1996, tình hình kinh tế - xã hội của đất nước tiếp tục chuyển biến theo hướng tích cực, giữ được tăng trưởng khá, mặc dù thiên tai xảy ra dồn dập và ở nhiều nơi, gây thiệt hại về người và của lớn hơn so với mấy năm trước. Các chỉ tiêu kinh tế cơ bản đều đạt mức dự kiến : nhịp độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) đạt 9,5% ; sản xuất lương thực đạt 29 triệu tấn ; giá trị sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp tăng 4,8% - 5%; giá trị sản xuất công nghiệp tăng 14% ; kim ngạch xuất khẩu tăng 32% ; chỉ số lạm phát giữ được mức tăng 4,5%/ năm... Sự ổn định và phát triển tích cực của nền kinh tế là điều kiện cơ bản để hoàn thành các nhiệm vụ tài chính và dự toán thu chi ngân sách. Năm 1996, lĩnh vực tài chính - ngân sách đã có tiến bộ đáng kể : tỷ lệ động viên từ GDP vào ngân sách nhà nước vẫn tăng (từ 13,1% năm 1991 lên 22% năm 1996). Ngân sách nhà nước năm 1996 ước thực hiện thu đạt 96,9% dự toán , trong đó thu trong nước do ngành thuế quản lý ước đạt 102% kế hoạch ; thực hiện chi đạt 99,5% kế hoạch ; giữ được mức thiếu hụt ngân sách nhà nước năm 1996 trong phạm vi Quốc hội cho phép là khoảng 3,1% GDP (năm 1995 là 4,2%), phần bội chi này dành hoàn toàn cho đầu tư phát triển.

Cùng với những mặt làm được, ngành tài chính còn những mặt hạn chế : Năm 1996, thực hiện thu ngân sách không đạt kế hoạch ; tình trạng buôn lậu, trốn thuế, lậu thuế, nợ đọng và chiếm dụng thuế vẫn còn diễn ra ở nhiều địa phương, cơ sở. Chuyển sang cơ chế mới, có nhiều loại hình doanh nghiệp, việc nắm bắt nguồn thu và tổ chức thực hiện nguồn thu ở các địa phương (nhất là các cơ sở liên doanh với nước ngoài) còn gặp nhiều khó khăn. Nhiều hoạt động kinh tế của các doanh nghiệp không được phản ánh đầy đủ, còn tình trạng trốn tránh sự quản lý của tài chính, nằm ngoài sự kiểm soát của hệ thống kế toán, thống kê, ngân hàng. Hoạt động tài chính ngân hàng chưa làm tốt vai trò khuyến khích tiết kiệm trong sản xuất tiêu dùng, chưa tạo cơ chế đủ mạnh để thúc đẩy việc huy động các nguồn lực cho phát triển sản xuất kinh doanh. Trong việc kiềm chế lạm phát, không kịp thời phát hiện và xử lý những yếu tố gây ra giảm phát liên tục những tháng giữa năm, làm bất lợi cho sản xuất và xuất khẩu. Các hoạt động nhập khẩu bằng tín dụng thương mại không được kiểm soát chặt chẽ. Những thiếu sót trong chính sách tiền tệ và thuế đã kích thích nhập khẩu một số mặt hàng quá mức tiêu dùng, gây ứ đọng và giảm thu ngân sách, kìm hãm xuất khẩu, làm tăng nhanh nhập siêu, ảnh hưởng không tốt đến sản xuất kinh doanh trong nước.

Về chi ngân sách nhà nước, tình trạng chi tiêu lãng phí của công, nhất là sử dụng công quỹ vào việc tổ chức các hội nghị, lễ đón phần thưởng, ngày kỷ niệm riêng của từng ngành, cơ quan... và công tác lễ tân mang tính hình thức, phô trương. Đặc biệt là dùng tiền của công quỹ ăn uống, tiêu pha rất lãng phí, mặc dù Chính phủ đã có chỉ thị nhưng vẫn không giảm bớt. Một số vụ tham nhũng tiền bạc, tài sản nhà nước tiếp tục xảy ra ở nhiều địa phương trong cả nước, làm giảm lòng tin của nhân dân đối với chính phủ.

Nói chuyện tại Hội nghị, đồng chí Phó thủ tướng Chính phủ Phan Văn Khải đã nhấn mạnh : Ngành tài chính đã hai năm (năm 1995 - 1996) không hoàn thành kế hoạch về thu ngân sách. Năm 1997, ngành cần khắc phục tình trạng thất thu ngân sách, phấn đấu hoàn thành tốt dự toán ngân sách mà chính phủ giao cho. Trước mắt, cần tập trung bồi dưỡng nguồn thu. Muốn có nguồn thu tốt phải sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước, tổ chức lại sản xuất, vì các doanh nghiệp làm ăn tốt mới có nguồn thu tốt. Vấn đề đặt ra là cần đầu tư chiều sâu cho các doanh nghiệp, hướng dẫn các doanh nghiệp làm dự án vay vốn. Các doanh nghiệp tư nhân làm ăn có hiệu quả, nhà nước sẽ bỏ vốn từ 5% đến 10% hướng dẫn doanh nghiệp tư nhân phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Cải tiến về phương thức cho vay tránh tình trạng như hiện nay, ngân hàng không cho vay được và doanh nghiệp cũng không vay được. Coi trọng việc đầu tư vốn để phát triển sản xuất, không nên đầu tư nhiều vào dịch vụ, ăn uống.

Năm 1996 thu ngân sách đạt tỷ lệ thấp so với các năm trước đây. Năm 1997, muốn khắc phục thất thu ngân sách, ngành tài chính cần coi trọng giáo dục đào tạo con người, chú ý tuyển chọn cán bộ thuế bảo đảm "hồng và chuyên".

Cần thực hiện chính sách tiết kiệm trong chi tiêu trên cơ sở thực hiện các quy định, chế độ chính sách. Tập trung các nguồn thu vào ngân sách, tránh để ngoài sổ sách. Muốn thực hiện tốt nhiệm vụ, ngành cần coi trọng tích lũy, trả nợ, tiết kiệm tiến tới cân đối được thu chi ngân sách.❑

P.V.

Digitized by Google

QUẢNG CÁO

CÔNG TY XÂY DỰNG SỐ 42

ĐỊA CHỈ : An bình - Thuận an, Sông bé
Điện thoại : 8966743 - Fax : 84.8.8966743

- Công ty xây dựng 42 là đơn vị chuyên thi công các công trình thủy lợi, hệ thống thủy công của công trình thủy điện, xây dựng đường giao thông, công trình dân dụng khai thác và sản xuất VLXD, các dịch vụ về sửa chữa các loại xe máy, thiết bị ; dịch vụ về khách sạn, nhà hàng.



Trạm trộn Betol công suất 24 m^3/h đang phục vụ đổ betol mái tràn Dateh›

- Hàng năm công ty có khả năng thi công 6 triệu m^3 đất - đá, đào đắp - đổ 40.000 m^3 bê tông, Xây lát 30.000 m^3, khai thác 150.000 m^3 cát và đá các loại, sửa chữa hàng trăm xe máy thiết bị.

Công ty sẵn sàng phục vụ quí khách và các công ty trong và ngoài nước



GIÁM ĐỐC CÔNG TY
LÊ ĐĂNG VIÊN

CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT PHÂN BÓN HỮU CƠ TÂY NGUYÊN (DAVICO Ltd)

- Địa chỉ : B7 khu Đồi sao TP Buôn ma thuột - Đắc lắc ĐT : 050.852476
- Nhà máy sản xuất Eakmát - Hòa thắng - TP Buôn ma thuột - Đaklak. ĐT : 050.862367 - 050.862107 - 050.862278
- Chức năng : sản xuất phân bón hữu cơ chế biến công nghiệp và kinh doanh các loại phân bón phục vụ sản xuất nông nghiệp.
- Năng lực : Sản xuất 5000 tấn sản phẩm/năm
- Sản phẩm truyền thống : phân lân sinh hóa hữu cơ, Phân hữu cơ tổng hợp HUBICOMIX. Đặc biệt đã sản xuất được phân đạm vi sinh, đây là một tiến bộ vượt bậc của công nghệ sinh học.





KÍNH CHÚC QUÝ KHÁCH HÀNG MỘT NĂM MỚI AN KHANG THỊNH VƯỢNG

Digitized by Google

BỐ CÁO
THÀNH LẬP DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC
CÔNG TY CÀ PHÊ BUÔN MA THUỘT

1/ Tên doanh nghiệp :

CÔNG TY CÀ PHÊ BUÔN MA THUỘT

Tên giao dịch đối ngoại :

Buôn ma thuột Coffee Company

Viết tắt : **BANMECOFE**

2/ Trụ sở chính đặt tại : Km 4, Quốc lộ 14 - phường Tân lập thành phố Buôn ma thuột, tỉnh Đác lắc.

Điện thoại : 050.856 052 - 050.852 564

3/ Văn phòng đại diện tại : 104 Cô Bắc, phường Cô Giang Quận 1 - thành phố Hồ Chí Minh.

Điện thoại : 08.8330923

4/ Công ty cà phê Buôn ma thuột là doanh nghiệp nhà nước được thành lập theo :

- Công văn số : 2983/ĐMDN ngày 21 tháng 6 năm 1996 của Bộ trưởng, Trưởng ban đổi mới doanh nghiệp về việc phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước thuộc UBND tỉnh Đác Lắc.
- Quyết định thành lập số : 1798 ngày 21-9-1996 của Chủ tịch UBND tỉnh Đác Lắc.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số : 110902 ngày 25 tháng 9 năm 1996 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đác Lắc cấp.
- Giấy phép kinh doanh xuất khẩu số : 303 1006/CP ngày 8 tháng 10 năm 1996 do Bộ trưởng Bộ thương mại cấp.

5/ Phạm vi kinh doanh :

- Trồng, chăm sóc cà phê, dâu.
- Thu mua chế biến cà phê, nông sản xuất khẩu.
- Thu mua, dịch vụ bán buôn, bán lẻ vật tư hàng hóa phục vụ sản xuất và tiêu dùng.
- Xuất khẩu cà phê, nông sản, nhập khẩu vật tư, thiết bị máy móc, hàng hóa phục vụ sản xuất, chế biến và tiêu dùng.
- Thi công cơ giới : Khai hoang, đắp đập, xây dựng công trình giao thông nông thôn (với quy mô nhỏ).

6/ Công ty có các đơn vị trực thuộc :

+ Xí nghiệp kinh doanh dịch vụ tổng hợp Ea Cao
+ Xí nghiệp thu mua, chế biến cà phê, nông sản trung tâm.
+ Xưởng thu mua chế biến tơ.
+ Đội thi công cơ giới nông nghiệp và xây dựng.
+ Các đội sản xuất trồng cà phê.

7/ Tổng vốn kinh doanh : 8.399.178.620 đồng

8/ Công ty cà phê Buôn ma thuột hoạt động theo mô hình tổ chức mới từ ngày 1 tháng 10 năm 1996.

GIÁM ĐỐC
NGUYỄN QUANG THỤ



GIÁM ĐỐC
NGUYỄN QUANG THỤ



Digitized by Google

TỔNG CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG 6

Trụ sở chính : 55A
Pasteur, Q.1
TP Hồ Chí Minh
Điện thoại :
8299829 - 8293868
Fax : 84 - 8 - 8299475
Tài khoản : 02.0122
Ngân hàng Đầu tư
Phát triển
TP. Hồ Chí Minh



Với 17 Công ty thành viên hạch toán kinh tế độc lập và ba doanh nghiệp thành viên hạch toán kinh tế phụ thuộc, CIENCO 6 hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực chủ yếu :

- Xây dựng các công trình giao thông trong và ngoài nước
- Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng
- Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng và cấu kiện bêtông đúc sẵn
- Sửa chữa phương tiện, thiết bị thi công và gia công dầm thép, cấu kiện thép, sản phẩm cơ khí khác.
- Cung ứng, xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị giao thông vận tải
- Vận chuyển hành khách bằng taxi, xe buýt, vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng.
- Tư vấn đầu tư xây dựng công trình giao thông
- Xuất khẩu lao động
- Kinh doanh nhà, đất, khách sạn và các dịch vụ khác
- Kinh doanh tiền tệ

CÁC CÔNG TRÌNH LỚN ĐANG THỰC HIỆN :

- Sân đỗ nặng sân bay quốc tế TSN, Quốc lộ 14 & 51, đường Bến lức - Đức hòa Long an, Khu công nghiệp AMATA Biên hòa, nâng cấp cảng Salgon...

NĂNG LỰC SẢN XUẤT :

- Xây dựng cầu : 1500 - 3000 m/năm
- Bến cảng nước sâu : 600 - 1000 m/năm
- Mặt đường bê tông nhựa : 120 km/năm
- Đường băng sân bay : 5 km/năm
- Dầm, cọc, cấu kiện BT : 30.000 - 50.000 m^3/năm
- Sản xuất đá : 500.000 - 1.500.000 m^3/năm
- Đóng mới phương tiện thủy : 10.000 T/năm
- Kết cấu thép : 1.500 T/năm
- Đóng cọc bêtông : 800 md/ngày
- Cung cấp bê tông tươi đến công trình : 1.000 m^3/ngày
- San lấp mặt bằng :45.000 m^3/tháng
- Xây dựng công nghiệp dân dụng : 10.000 m^2/năm
- Vận chuyển hành khách (Vinataxi) : 700.000 lượt người/năm

Digitized by Google

CÔNG TY XÂY DỰNG GÒ VẤP

(Doanh nghiệp nhà nước)

TRỤ SỞ ĐẶT TẠI : SỐ 01 NGUYỄN VĂN NGHI, PHƯỜNG 4, QUẬN GÒ VẤP, TP. HỒ CHÍ MINH
ĐIỆN THOẠI : 8942321 - 8940132



- ***Các chức năng chính :***
  - Chuyên ngành kinh doanh địa ốc.
  - Xây dựng công trình công nghiệp, công trình công cộng.
  - Xây dựng, sửa chữa nhà ở...
  - Trang trí nội thất.
  - Thiết kế mẫu nhà ở.
  - Mua bán VLXD và các loại gạch cao cấp...
- ***Hiện đang thực hiện quy hoạch :***
  1. Khu biệt thự và phố lầu (84 căn) khu đất Phan Văn Trị P.5 Gò Vấp (mặt tiền đường).
  2. Khu biệt thự và nhà phố khu đất gần cầu An Lộc P.17 Gò Vấp (mặt tiền đường).
  3. Khu nhà liên kế (09 căn) đường Nguyễn Văn Lượng P.16 Gò Vấp (mặt tiền đường).
  4. Khu nhà 43 căn biệt thự vườn và nhà song lập tại đường 26/3 P.17 quận Gò Vấp (dọc bờ sông Bến Cát).
- ***Thủ tục mua bán nhanh gọn dễ dàng. Đảm bảo đúng thủ tục do Nhà nước quy định. (Đã nộp thuế chuyển mục đích sử dụng đất, giấy phép xây dựng, thiết kế mẫu nhà...).***
- ***Quý khách có nhu cầu xin liên hệ với chúng tôi qua địa chỉ trên.***

HÂN HẠNH ĐƯỢC ĐÓN TIẾP QUÝ KHÁCH

Giám đốc : LÊ MINH CHÂU

Digitized by Google



Chúc Mừng Năm Mới

HỘI XUÂN 97

Khai mạc : 7/2 - 16/2/1997
Tức Mùng 1 Tết - Mùng 10 Tết

CHƯƠNG TRÌNH PHỤC VỤ

- Ca nhạc, tấu hài, xiếc, múa lửa, trích đoạn cải lương
- Trưng bày phong lan, cây cảnh - non bộ
- Vườn hoa sưu tập
- Câu cá - Câu tôm
- CLB sân TENNIS
- Sân trượt PaTin
- Em tập lái xe
- Vòng quay đu lượn
- Xe lửa Du lịch
- Trò chơi nhà banh



CÔNG VIÊN PHÚ LÂM

Mũi tàu, Đường Hùng Vương, Phường 13 - Q.6 : ĐT : 8750387 - 8754945



- Nhà chơi giải trí, tham quan lý tưởng, phong cảnh hữu tình
- Quý khách sẽ hài lòng với một mùa xuân hạnh phúc và thịnh vượng - phát tài.

KÍNH MỜI

- Các đơn vị, cá nhân tham gia đầu tư các mô hình trò chơi phục vụ tại công viên Phú Lâm

XIN NHẬN

- Phục vụ tiệc cưới - liên hoan sinh nhật - Hội nghị Báo cáo chuyên đề
- Trang trí hoa cảnh - Khảo sát xây dựng các công trình khu vui chơi giải trí - Hoa viên - Vườn cảnh

Digitized by Google

CÔNG TY TÂN CẢNG SÀI GÒN
SAIGON NEW PORT

★ Địa chỉ : Phường 22 - Quận Bình Thạnh (Kế bên cầu Sài Gòn) - TP.HCM
★ ĐT : 8.990.706 ● Fax : 84 - 8 - 8.994.388



★ Nhờ áp dụng khoa học kỹ thuật hiện đại, nhờ đưa dàn cẩu khung bánh lốp vào hoạt động và quy hoạch bãi hợp lý. TÂN CẢNG có khả năng tiếp nhận 600.000 TEU/năm container qua Cảng.



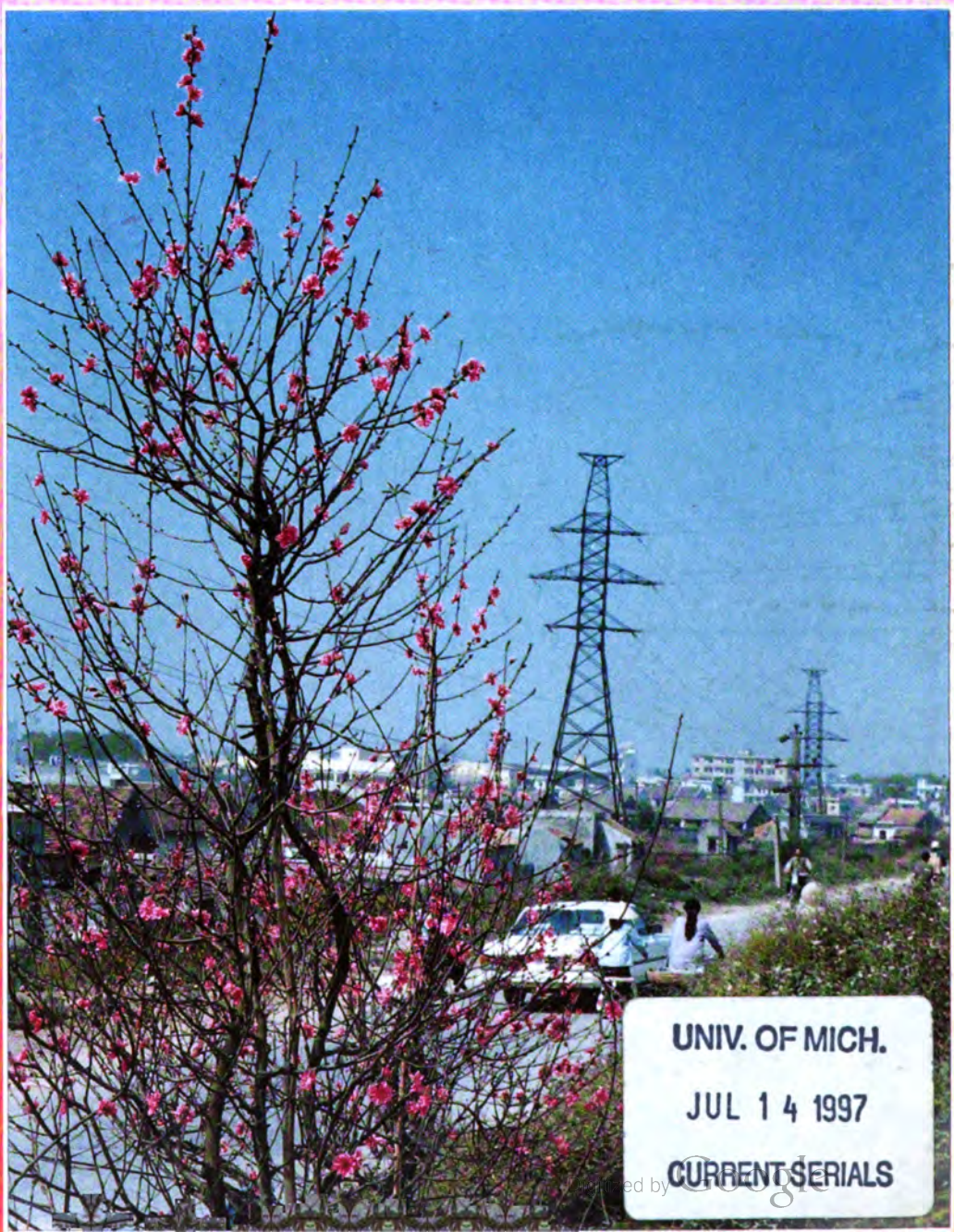
CÔNG TY TÂN CẢNG SÀI GÒN HÂN HẠNH ĐƯỢC ĐÓN TIẾP QUÝ KHÁCH

• IN TẠI NHÀ IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN - 38 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI - ĐT : 8267244 ★ CHỈ SỐ 1265 ISSN 0866-7276 ★ GIÁ : 3000Đ

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản

MỪNG ĐẢNG MỪNG XUÂN



3
2-1997

UNIV. OF MICH.
JUL 14 1997
CURRENT SERIALS

Digitized by Google



CÔNG TY THỰC PHẨM

THIÊN HƯƠNG

TÂN THỚI HIỆP - HÓC MÔN - T.P HỒ CHÍ MINH ♦ TEL : 8910803 8915329 ♦ FAX : 84.8.8911174

Chi nhánh tại Hà Nội
53 Ngô Sĩ Liên - Đống Đa
Tel : 04.8.269789
Tổng đại lý tại Buôn Mê Thuột
Cửa hàng Kinh doanh Tổng hợp
26A Nơ Trang Long
Tel : 050.853160/855685
Tổng đại lý tại Cần Thơ
42 - 44 Nguyễn An Ninh
Tel : 071.822084/822085
Tổng đại lý tại Sóc Trăng
29 Nguyễn Hồng Phước
Tel : 079.821204

VI HUONG
THIEN HUONG FOOD CO.

Tổng đại lý tại Long Xuyên
74 Nguyễn Trãi
Tel : 076.853633
Tổng đại lý tại Bạc Liêu
30 Lý Thường Kiệt
Tel : 078.822232 - 822529
Tổng đại lý tại Vinh
Xí nghiệp Kinh doanh Nông Sản
Tel : 038.853713
Tổng đại lý tại Hải Phòng
37 Hoàng Văn Thụ
Tel : 031.841740



SẢN PHẨM VỊ HƯƠNG ĐƯỢC TIÊU THỤ TRÊN TOÀN CÕI VIỆT NAM, ĐƯỢC XUẤT QUA CÁC NƯỚC : CỘNG HÒA BA LAN, LIÊN BANG NGA, CH SÉC, ÚC, PHẦN LAN, PHÁP, CAMPUCHIA, LÀO VÀ CÁC NƯỚC ASEAN.



Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 513 · THÁNG RA HAI KỲ

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội - Điện thoại : 8252061 - 8252062*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Điện thoại : 8225768*

MỤC LỤC

KỶ NIỆM LẦN THỨ 67 NGÀY THÀNH LẬP ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM (3-2-1930 - 3-2-1997)	Xã luận - Nâng cao năng lực tổ chức thực hiện, phấn đấu đưa nhanh Nghị quyết Đại hội VIII vào cuộc sống	3
	ĐỖ MƯỜI - Xây dựng Đảng thật sự trong sạch, vững mạnh, mãi mãi là Đảng cộng sản Việt nam quang vinh	5
	NGUYỄN VĂN AN - Đánh giá tổng quát và kinh nghiệm của 4 năm đổi mới, chỉnh đốn Đảng	9
	HỒ KIẾM VIỆT - Giữ vững và nâng cao bản lĩnh chính trị của Đảng trong thời kỳ phát triển mới	14
	TRỊNH GIA BAN - Lê-nin và đảng theo học thuyết Lê-nin trong tư tưởng, tình cảm Hồ Chí Minh	19
KỶ NIỆM LẦN THỨ 90 NGÀY SINH ĐỒNG CHÍ TRƯỜNG CHINH (9.2.1907 - 9.2.1997)	ĐỨC VƯỢNG - Những cống hiến xuất sắc của đồng chí Trường Chinh đối với cách mạng Việt nam	21
	HÀ XUÂN TRƯỜNG - Trường Chinh, một tư duy văn hóa sáng tạo	26
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	NGUYỄN ĐĂNG THÀNH - Những yêu cầu của lãnh đạo chính trị đối với nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta	33
	NGUYỄN KIM KHÁNH - Xây dựng đội ngũ cán bộ quản ký kinh tế cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	36
	TRẦN ĐÌNH THIÊN - Vấn đề vùng - lãnh thổ trong chiến lược cơ cấu kinh tế	40
	LƯƠNG QUỲNH KHUÊ - Xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc	42
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	TRƯƠNG MINH DỤC - Phát triển khoa học và công nghệ trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở miền Trung	46
	NGUYỄN VĂN KẾT - Sóc sơn khắc phục khó khăn để khẳng định mình	50
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	TĂNG ĐÔ - Để cho con cháu cái gì	55
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ SỰ KIỆN	TRƯƠNG GIANG LONG - Một số vấn đề trong quá trình hội nhập Việt nam - ASEAN	57
TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN	- Hội thảo "Sân khấu Đông - Nam Á"	60

Bìa 1 : *Xuân về* — *Ảnh : VĂN PHÚC*

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

ПЕРЕДОВАЯ СТАТЬЯ - Повышая организаторские способности, стараемся быстро превратить в жизнь решения 8ого съезда партии. ДО МЫОЙ - Укрепляем партию, делая её здоровой, закалённой и достойной вечной славы. НГУЕН ВАН АН - Общая оценка и опыт 4 лет обновления и реорганизации партии. ХО КИЕМ ВЬИЕТ - Сохраняем и повышаем политические качества партии в новом периоде развития. ЧИНЬ ЗА БАН - Ленин и ленинская партия в чувствах и идеях Президента Хо Ши Мина. ДЫК ВЬЮНГ - Выдающиеся вклады Тов. Чыонг Тыиня в революционный курс Вьетнама. ХА СУАН ЧЫОНГ - Тов. Чыонг Тыинь - творческий мыслитель в области культуры. НГУЕН ДАНГ ТХАНЬ - Требования политического руководства к рыночной экономике по социалистической ориентации нашей страны. НГУЕН КИМ ХАНЬ - Формирование контингента экономических менеджеров для курса индустриализации и модернизации страны. ЛЬЮНГ КУИНЬ ТХЕ - Создаём современную и оригинальную национальную культуру. ЧЬЮНГ МИНЬ ЗУК - Развитие науки и технологии в процессе индустриализации и модернизации в провинциях средней части страны. ЧЬЮНГ ЗАНГ ЛЮНГ - Некоторые проблемы интеграции Вьетнама в АСЕАН.

CONTENTS

Editorial : Enhance the organisational ability in order to turn quickly the VIIIth party congress' resolution into reality. ĐỖ MƯỜI : Building up and making the Party purified, powerful, and worthy of an ever glory. NGUYỄN VĂN AN : General assessment and experience of the last 4 years of renovation and reorganization of the Party. HỒ KIỂM VIỆT : Holding firm and enhancing political attitude of the Party in the new stage of development. TRỊNH GIA BAN : Lenin and Leninist party in thoughts and feelings of Hồ Chí Minh. ĐỨC VƯỢNG : Great contributions of comrade Truong Chinh to the Vietnamese revolution. HÀ XUÂN TRƯỜNG : Comrade Truong Chinh - a creator in the field of culture NGUYỄN ĐĂNG THÀNH : Requirements for political guidance under the market economy with socialist orientation in Vietnam NGUYỄN KIM KHÁNH : Forming a contingent of econmomic managers for the sake of the country's industrialization and modernization. LƯƠNG QUỲNH KHUÊ : Forming a modern and original national culture. TRƯƠNG MINH DỤC : Promoting the science and technology development in the process of industrialization and modernization in the central provinces of Vietnam TRƯƠNG GIANG LONG : Some problems of Vietnam's integration into ASEAN.

SOMMAIRE

Editorial - Elevons notre capacité d'organisation, tâchons de réaliser rapidement les Résolutions du VIIIe Congrès du Parti. ĐỖ MƯỜI - Edifions notre Parti propre, solide qui reste à jamais le Parti communiste du Vietnam glorieux. NGUYỄN VĂN AN - Aperçu général et expériences obtenues après 4 ans de renouveau et de réorganisation du Parti. HỒ KIỂM VIỆT - Maintenir et élever le caractère politique du Parti dans la nouvelle étape de développement. TRỊNH GIA BAN - V. I. Lénine et le Parti selon sa doctrine dans la pensée de Ho Chi Minh. ĐỨC VƯỢNG - Les brillantes contributions de Truong Chinh à la révolution vietnamienne. HÀ XUÂN TRƯỜNG - Truong Chinh - une pensée créative dans le domaine culturel. NGUYỄN ĐĂNG THÀNH - Les exigences de la direction politique à l'égard de l'économie de marché selon l'orientation socialiste dans notre pays. NGUYỄN KIM KHÁNH - Edifier un contingent de gestionnaires en économie au service de l'industrialisation et de modernisation du pays. LƯƠNG QUỲNH KHUÊ - Edifier une culture d'avantgarde imprégnée de l'identité culturelle nationale. TRƯƠNG MINH DỤC - Le développement des sciences et de la technologie dans le processus d'industrialisation et de modernisation au Centre Vietnam. TRƯƠNG GIANG LONG - Quelques questions dans l'intégration du Vietnam à l'ANSEA.

SUMARIO

Editorial - Elevamos la capacidad de organización y realización con el esfuerzo de introducir las Resoluciones del Octavo Congreso del Partido en la vida. ĐỖ MƯỜI - Edificamos nuestro Partido verdaderamente puro, sólido y digno de ser el glorioso Partido Comunista de Vietnam. NGUYỄN VĂN AN - Evaluación general de las experiencias de cuatro años de renovación y reorganización del Partido. HỒ KIỂM VIỆT - Mantener y elevar el temperamento político del Partido en el nuevo período de desarrollo. TRỊNH GIA BAN - V.I. Lenin el partido leninista en el pensamiento y el sentimiento de Ho Chi Minh. ĐỨC VƯỢNG - Excelentes contribuciones de Trường Chinh para con la revolución vietnamita. HÀ XUÂN TRƯỜNG - Trường Chinh, un pensamiento cultural creador. NGUYỄN ĐẶNG THÀNH - Las exigencias de la dirección política para con la economía de mercado a la orientación socialista en Vietnam. NGUYỄN KIM KHÁNH - Edificar un contingente de gestionarios económicos al servicio de la industrialización y modernización del país. LƯƠNG QUỲNH KHUÊ - Edificar una cultura de vanguardia impregnada de la identidad nacional. TRƯƠNG MINH DỤC - El desarrollo científico y tecnológico en el proceso de industrialización y modernización en el Centro. TRƯƠNG GIANG LONG - Algunos problemas en el proceso de integración de Vietnam en ASEAN.

目錄

•社論：加強組織能力，爲盡快落實黨的八大決議而奮鬥★★★ 杜梅：建設眞正廉潔強大的黨，永遠光榮的越南共產黨•阮文安：四年來黨組織工作的革新整頓的評價、概述和經驗•胡劍越：維護和提高黨在新發展時期的政治才能•鄭嘉邦：胡志明思想感情中有關列寧學說中的列寧和黨•德旺：長征同志對越南革命的杰出貢獻•何春長：長征有著創造性的文化思維•阮登成：對堅持我國社會主義既定方向的市場經濟的政治領導的一些要求•阮金慶：爲國家工業化、現代化培養經濟管理幹部隊伍•梁瓊奎：建立富有民族本色的先進文化•張明育：中部工業化、現代化進程中的科技發展•張江龍：越南匯入東盟過程中的若干問題

Digitized by Google

XÃ LUẬN

NÂNG CAO NĂNG LỰC TỔ CHỨC THỰC HIỆN, PHẤN ĐẤU ĐƯA NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI VIII VÀO CUỘC SỐNG

XUÂN này chúng ta kỷ niệm lần thứ 67 Ngày thành lập Đảng (3-2-1930 - 3-2-1997). Đây là mùa xuân đầu sau Đại hội VIII, cũng là mùa xuân đầu của thời kỳ phát triển mới - thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Kỷ niệm ngày thành lập Đảng trong mùa xuân này, Đảng ta tiếp tục tự đổi mới, tự chỉnh đốn, nâng cao hơn nữa năng lực lãnh đạo và năng lực tổ chức thực hiện, động viên những cố gắng lớn nhất của toàn đảng, toàn dân và toàn quân nhằm đưa Nghị quyết Đại hội VIII vào cuộc sống với bước đi vững chắc, với nhịp độ ngày càng nhanh.

Nghị quyết Đại hội VIII là kết quả tổng kết mười năm đổi mới, là sự phát triển một cách sâu sắc và toàn diện đường lối đổi mới của Đảng trên tổng thể và trong từng lĩnh vực cụ thể. Nghị quyết nêu lên phương hướng, nhiệm vụ và những giải pháp lớn nhằm trong vài chục năm tới, đưa nước ta trở thành một nước công nghiệp, và đặc biệt là trong năm năm tới, tạo ra một bước chuyển quan trọng về cả thế và lực để đất nước dày dặn hành trang bước vào thế kỷ 21. Nghị quyết cũng đã đúc kết những bài học lãnh đạo cách mạng và đề ra những nhiệm vụ to lớn nhằm xây dựng Đảng ngang tầm với thời kỳ mới. Toàn bộ Nghị quyết của Đảng phải được thực hiện trong cuộc sống. Và vì vậy, nâng cao năng lực tổ chức thực hiện của Đảng có ý nghĩa quyết định lúc này. Để làm được như thế, cần làm tốt cả bốn khâu trong toàn bộ quá trình.

***Một là,** tổ chức, động viên toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân học tập, nghiên cứu, nắm vững các quan điểm cơ bản của Đại hội VIII và các nghị quyết tiếp theo của Ban chấp hành trung ương, của Bộ chính trị. Tổ chức nghiên cứu và quán triệt nghiêm túc, sâu sắc các quan điểm của Đảng là để tạo nên sự thống nhất về nhận thức dẫn tới thống nhất trong hành động, sao cho mọi cán bộ, đảng viên đều nói và làm theo nghị quyết Đảng. Đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của các cấp bộ đảng, chính quyền trong năm 1997.*

***Hai là,** trên cơ sở quán triệt sâu sắc Nghị quyết của Đại hội VIII, nắm vững chủ trương, chính sách của Đảng và của Nhà nước, các cấp, các ngành cần vạch ra những mục tiêu, phương hướng, giải pháp sát hợp với tình hình của từng địa phương, từng ngành, từng cơ sở, đơn vị ; chú trọng những khâu then chốt cấp bách ; tập trung chỉ đạo thực hiện một cách kiên quyết, có hiệu quả.*

***Ba là,** trong quá trình thực hiện, các cấp phải đi sâu, đi sát cơ sở ; hướng dẫn cụ thể và tăng cường công tác kiểm tra ; phát hiện và kịp thời biểu dương những cá nhân, đơn vị làm tốt, phê phán và kỷ luật thích đáng những cá nhân, đơn vị hành động trái với quan điểm của Đảng, vi phạm các nguyên tắc lãnh đạo của Đảng và pháp luật của Nhà nước.*

***Bốn là,** làm tốt việc tổng kết thực tiễn. Có tổng kết thường xuyên, các ngành, các cơ sở, đơn vị mới phát hiện được ngành mình, cơ sở mình, đơn vị mình vận dụng đường lối quan điểm của Đảng đạt tới mức độ nào ; kế hoạch, chương trình, nội dung công việc, tiến độ thực hiện kết quả ra sao và điều cơ bản là rút ra được những bài học bổ ích để tiếp tục tiến lên ; từ đó củng cố vững chắc thêm lòng tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân vào sự nghiệp đổi mới vì chủ nghĩa xã hội.*

Digitized by Google

Trong quá trình tổ chức thực hiện, cần coi trọng việc xây dựng và củng cố quan điểm, lập trường cách mạng, kịp thời uốn nắn và khắc phục các khuynh hướng tư tưởng lệch lạc.

1 - Khắc phục tư tưởng trông chờ, ỷ lại ; xây dựng tinh thần chủ động, tự lực tự cường, giữ vững lòng tin, nêu cao tinh thần trách nhiệm và ý chí quyết thắng, phát huy tính năng động, sáng tạo để giành được những thắng lợi ngày càng to lớn hơn. Trên lý luận cũng như trong thực tiễn, sự vận động phát triển của các sự vật, hiện tượng đều do những nhân tố bên trong quyết định. Muốn công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bản thân chúng ta phải cố gắng đem hết sức lực, tài năng để giải quyết công việc sát với hoàn cảnh thực tế của mình. Sự giúp đỡ của bên ngoài, sự hợp tác của các đối tác là cần thiết và quan trọng, thậm chí không thể thiếu, nhưng không thể thay thế cho sự nỗ lực chủ quan của chúng ta. Sự lớn mạnh lên bằng cố gắng chủ quan sẽ càng tạo thêm điều kiện để mở rộng hợp tác với bên ngoài, có lợi cho đôi bên và qua đó, tranh thủ được những điều kiện thuận lợi cần thiết cho sự phát triển không ngừng của đất nước. Nguyên lý này hoàn toàn đúng cho cả nước, cũng như cho từng ngành, từng địa phương, từng cơ sở. Mọi biểu hiện trông chờ, ỷ lại, thiếu tự tin đều có hại cho việc phát huy sức mạnh nội lực do chính chúng ta tạo ra.

Xây dựng tư tưởng chủ động, tự lực, tự cường không có nghĩa là đóng cửa, biệt lập. Làm như thế sẽ sa vào tư tưởng cục bộ, bản vị, dẫn đến vi phạm kỷ cương pháp luật. Một địa phương, một cơ sở khi giải quyết công việc và chăm lo lợi ích của mình không được xâm phạm tới lợi ích của đơn vị khác, của cấp trên, của cả nước, cũng không tự trói buộc mình mà cần tranh thủ sự giúp đỡ của cấp trên, sự hợp tác của đơn vị khác. Phải luôn luôn có ý thức đóng góp vào lợi ích chung. Những hiện tượng vi phạm chính sách, chế độ, vi phạm pháp luật v.v. xét đến cùng là do thiếu ý thức làm chủ, đi ngược quan điểm chủ động, tự lực tự cường.

2 - Khắc phục và chống chủ nghĩa hình thức, chống thói xa hoa lãng phí, kiên quyết bài trừ tham nhũng, đề cao tinh thần tiết kiệm và hiệu quả. Càng đi vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa, càng phải gạt bỏ lối làm việc hình thức, phù phiếm, bài trừ tệ tham ô, lãng phí, xà xẻo của công, xây dựng tinh thần tiết kiệm nghiêm ngặt. Tiết kiệm thời gian, vật tư, tiền vốn, đất đai và tài nguyên ; tiết kiệm cả trong sản xuất và tiêu dùng. Hiệu quả kinh tế - xã hội là thước đo cao nhất, là tiêu chuẩn đánh giá cao nhất của mỗi kế hoạch, mỗi dự án, cũng như hoạt động của mỗi người lao động, của mỗi tổ chức và mỗi đơn vị. Liên doanh hợp tác, sản xuất, kinh doanh lỗ vốn, làm ra bao nhiêu ăn bấy nhiêu, chi tiêu phung phí, vượt định mức, vượt chế độ, vượt khả năng sản xuất cho phép, không bảo đảm tái sản xuất giản đơn, không có tích lũy để tái sản xuất mở rộng là trái với luật pháp và đạo lý cách mạng, là tội ác với nhân dân và Tổ quốc.

3 - Thực hiện đúng đắn nguyên tắc tập trung dân chủ trong lãnh đạo và quản lý. Có tập trung dân chủ mới có sức mạnh thống nhất để tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa, mới khơi dậy đầy đủ và mạnh mẽ tinh thần trách nhiệm, ý chí tiến công, trí thông minh và tài sáng tạo của nhân dân. Biểu hiện cơ bản của tập trung dân chủ trong quá trình lãnh đạo tổ chức thực hiện Nghị quyết VIII là Trung ương nắm những nhiệm vụ then chốt có ý nghĩa toàn quốc, toàn dân, có tác dụng quyết định đến sự phát triển của đất nước và kiên quyết tập trung các điều kiện lao động, vật tư, kỹ thuật, tiền vốn bảo đảm cho các nhiệm vụ đó được thực hiện tốt ; kiên quyết khắc phục lối tập trung quan liêu, bao biện gây ra sự gò bó cứng nhắc làm cho cấp dưới có thói quen ỷ lại thụ động. Thực hiện phân cấp quản lý, mở rộng quyền chủ động cho cơ sở, tạo ra những điều kiện cần thiết để cơ sở chủ động sáng tạo giải quyết các vướng mắc, khai thác các tiềm năng của mình thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao vừa có lợi cho địa phương, cơ sở vừa có lợi cho cả nước.

4 - Phát huy cao độ tinh thần đại đoàn kết toàn dân, coi công nghiệp hóa, hiện đại hóa là sự nghiệp của toàn dân dưới sự lãnh đạo của Đảng, vận động nhân dân các dân tộc, các ngành, các giới, tạo ra các phong trào thi đua sôi nổi, rộng khắp, thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội. Đi sâu vận động quần chúng, kết hợp với việc quản lý nhà nước bằng pháp luật. Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra phải trở thành tư tưởng và hành động thường trực trong mỗi cán bộ, đảng viên.

Thiết thực chào mừng ngày thành lập Đảng, toàn đảng, toàn dân đồng tâm nhất trí, đoàn kết một lòng, nêu cao tinh thần độc lập tự chủ, tự lực, tự cường, cần kiệm xây dựng đất nước, quyết tâm biến những quyết định trọng đại của Đại hội VIII thành thực tiễn hào hùng, sống động trên khắp đất nước ta. ❑

Digitized by Google

XÂY DỰNG ĐẢNG THẬT SỰ TRONG SẠCH, VỮNG MẠNH, MÃI MÃI LÀ ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM QUANG VINH

ĐỖ MƯỜI
Tổng bí thư BCH trung ương Đảng cộng sản Việt nam



Lời Bộ biên tập : Ngày 2-2-1997, đồng chí Tổng bí thư Đỗ Mười tròn 80 tuổi. Bộ biên tập *Tạp chí Cộng sản* kính chúc đồng chí luôn mạnh khỏe, cùng Bộ chính trị, Ban chấp hành trung ương Đảng lãnh đạo toàn đảng, toàn quân và toàn dân ta phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng, đưa sự nghiệp đổi mới đất nước vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh đến thành công.

Nhân dịp này, *Tạp chí Cộng sản* xin trích giới thiệu bài nói quan trọng của đồng chí Tổng bí thư Đỗ Mười tại Hội nghị triển khai công tác xây dựng Đảng ngày 9-10-1996.

••• CHÚNG ta đang đứng trước những yêu cầu và nhiệm vụ to lớn, nặng nề : Giữ vững nền độc lập tự do của Tổ quốc ; đưa đất nước thoát khỏi đói nghèo, lạc hậu, từng bước tiến lên chủ nghĩa xã hội ; đánh bại mọi âm mưu và hoạt động chống phá cách mạng nước ta. Chỉ có xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội mới giữ vững được độc lập, tự do của Tổ quốc. Đây là sự nghiệp rất to lớn, không chỉ có ý nghĩa lịch sử đối với cách mạng Việt nam mà còn có ý nghĩa quốc tế.

Thực tiễn nước ta và các nước trên thế giới đã chứng minh rằng, để hoàn thành được sứ mệnh cao cả đó, nhất thiết phải có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố bảo đảm tính định hướng chính trị đi lên chủ nghĩa xã hội. Không có sự lãnh đạo của Đảng thì không thể có độc lập dân tộc vững chắc, không có quyền làm chủ thực sự của nhân dân và càng không có chủ nghĩa xã

Digitized by Google

hội. Điều đó giải thích vì sao lúc này chúng ta nhấn mạnh xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt có ý nghĩa sống còn.

Nhìn lại 10 năm đổi mới vừa qua, chúng ta khẳng định những thành tựu của công cuộc đổi mới gắn liền với sự lãnh đạo của Đảng một nhân tố quyết định tạo ra những thành tựu đó. Đồng thời, chính trong quá trình lãnh đạo công cuộc đổi mới mà Đảng ta ngày càng trưởng thành, ngày càng dày dạn thêm kinh nghiệm. Và cũng chính trong quá trình đổi mới, công tác xây dựng Đảng đạt được nhiều kết quả quan trọng. Đại hội VIII đã khẳng định những kết quả đó.

Ở đây, tôi nhấn mạnh thêm 2 điểm :

- Kết quả cơ bản, quan trọng nhất, nổi bật nhất của công tác xây dựng Đảng trong 10 năm qua là chúng ta đã đề ra và từng bước bổ sung, hoàn thiện dần đường lối đổi mới một cách đúng đắn sáng tạo, hình thành ngày càng rõ hơn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Điều này thể hiện tập trung ở Cương lĩnh, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, Hiến pháp 1992, Điều lệ Đảng, các nghị quyết của Đại hội và Hội nghị Trung ương Đảng, Bộ chính trị, Ban bí thư...

- Chúng ta đã kịp thời khẳng định và chỉ đạo thực hiện một cách kiên quyết và nhất quán nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách ; kịp thời có định hướng tư tưởng chính trị đúng đắn, uốn nắn những nhận thức lệch lạc, chống những luận điệu thù địch.

Những kết quả, thành tựu đó là cơ sở vững chắc để xây dựng sự thống nhất trong Đảng và trong nhân dân ; chấn chỉnh tổ chức ; nâng cao chất lượng đảng viên ; đào tạo, bố trí cán bộ phù hợp với yêu cầu của cơ chế quản lý mới.

Những kết quả và thành tựu đó một lần nữa thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng, sự kiên định và sự nhạy bén, sáng tạo, của Đảng ta - Đảng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng của giai cấp công nhân và của dân tộc Việt nam.

Có đặt công cuộc đổi mới và sự lãnh đạo của Đảng ta trong bối cảnh quốc tế phức tạp và tình hình trong nước có những diễn biến sôi động, chúng ta mới thấy hết ý nghĩa và tầm vóc của những việc đã làm, những thành tựu mà nhân dân ta đã đạt được.

Chúng ta có quyền tự hào về những thành tựu đã đạt được trong công cuộc đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo. Chúng ta giữ vững niềm tin vào Đảng, kiên định sự lãnh đạo của Đảng, bác bỏ mọi mưu toan muốn phủ nhận vai trò lãnh đạo của Đảng hoặc gieo rắc tư tưởng "đa nguyên, đa đảng".

Tuy nhiên, phải thừa nhận rằng, bước vào thời kỳ mới, công tác xây dựng Đảng cũng còn không ít khuyết điểm. Điều này các văn kiện Đại hội VIII đã chỉ rõ, mọi người chúng ta đều có thể cảm nhận được. Tôi không nhắc lại. Tôi chỉ lưu ý một vấn đề : đó là tình hình suy thoái trong Đảng về đạo đức, lối sống, và cả về tư tưởng chính trị ; không phải chỉ ở đảng viên thường mà ở cả cán bộ lãnh đạo các cấp.

- Về tư tưởng chính trị đó là các biểu hiện phai nhạt lý tưởng, giảm sút ý chí phấn đấu, dao động về con đường đi. Ngại sinh hoạt chính trị, nhạt chính trị, chỉ muốn làm giầu, chạy theo lợi ích kinh tế thuần túy. Giảm sút niềm tin vào chủ nghĩa Mác - Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, coi nhẹ sự lãnh đạo của Đảng, không muốn làm công tác đảng.

- Về đạo đức, lối sống có những hiện tượng : Chạy theo lối sống thực dụng, lợi dụng chức quyền và những sơ hở trong cơ chế, chính sách để tham nhũng, ăn cắp của công, hối lộ, đòi hối lộ. Thu vén cá nhân, chiếm dụng của công (đất đai, nhà cửa, tiền bạc. ..), làm giàu bất chính. Kém ý thức tổ chức kỷ luật, đặt cá nhân mình lên trên hết, trước hết. Tham vọng cá nhân, kèn cựa địa vị, tranh giành ngôi thứ, mất đoàn kết nội bộ. Cục bộ địa phương, gia trưởng độc đoán, quan liêu, xa dân, ức hiếp quần chúng. Tiêu xài lãng phí, xa xỉ, ăn chơi sa đọa...

Digitized by Google

Tóm lại, đó là những biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân trỗi dậy mạnh mẽ và táo tợn trong điều kiện cơ chế thị trường hiện nay.

Chúng ta cần khẳng định mặt thắng lợi, mặt được của chúng ta là cơ bản. Nhưng mặt khác cũng phải thấy cho hết những yếu kém, những tiêu cực nghiêm trọng để có biện pháp giải quyết. Nếu chỉ ngồi khen nhau, ca ngợi một chiều thì sẽ mắc bệnh "kiêu ngạo cộng sản". Phải thấy những biểu hiện suy thoái, tiêu cực đó là những biểu hiện nghiêm trọng, không thể xem thường, vì nó xa lạ với bản chất của Đảng, rất dễ làm thoái hóa, biến chất Đảng, làm mất uy tín và thanh danh của Đảng. Không phải ngẫu nhiên mà đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân ta lo lắng về tình hình này. Các phần tử xấu thì kích động, lợi dụng để bôi nhọ Đảng ta, mưu toan làm cho Đảng ta tự biến chất, tan rã từ bên trong.

Nguyên nhân của tình trạng suy thoái đó có nhiều ; trong đó đáng chú ý là :

- Đảng ta lãnh đạo và hoạt động trong hoàn cảnh mới, có nhiều thuận lợi nhưng cũng nảy sinh nhiều yếu tố phức tạp. Trong điều kiện phát triển kinh tế nhiều thành phần, áp dụng cơ chế thị trường, mở cửa với bên ngoài, cán bộ, đảng viên hằng ngày, hằng giờ chịu tác động của các nhân tố tư bản chủ nghĩa, tiền tài, vật chất..., kể cả những hoạt động chống phá Đảng.

- Trong khi đó, Đảng thiếu sự chuẩn bị đầy đủ cho bước chuyển này, không chú ý đúng mức vấn đề giáo dục, rèn luyện phẩm chất chính trị và đạo đức, cũng như chưa coi trọng việc quản lý, bảo vệ cán bộ, đảng viên. Có lúc, có nơi nhấn mạnh một chiều lợi ích kinh tế, làm giàu, năng động, tháo vát, dẫn đến xem nhẹ mặt chính trị, phẩm chất, đạo đức.

- Một bộ phận cán bộ, đảng viên thiếu ý thức học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức ; sống buông thả, có tâm lý hưởng thụ, xả hơi sau những năm tháng chiến tranh gian khổ, ác liệt.

- Cơ chế, chính sách còn thiếu đồng bộ và chặt chẽ ; chưa bảo đảm sự công bằng chưa chăm lo đúng mức đời sống của cán bộ, đảng viên.

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng, đất nước ta đang tiến vào một thời kỳ phát triển mới, khó khăn, phức tạp, nhưng rất sôi động và hào hùng. Để lãnh đạo đất nước ta tiến lên, chúng ta phải ra sức chăm lo xây dựng và củng cố Đảng, làm cho Đảng ngày càng trong sạch, vững mạnh, có sức chiến đấu cao, khắc phục được những hiện tượng suy thoái, tiêu cực. Phải thực hiện tốt các biện pháp mà Đại hội VIII và các nghị quyết của Trung ương, Bộ chính trị đã chỉ ra.

Đặc biệt, phải giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng, nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất cách mạng và trình độ trí tuệ của cán bộ, đảng viên. Làm tốt công tác giáo dục chính trị tư tưởng, giúp cho cán bộ, đảng viên hiểu rõ tình hình và nhiệm vụ của đất nước, xác định được trách nhiệm của mình, phấn đấu hoàn thành tốt nhất nhiệm vụ được giao và giữ gìn phẩm chất, đạo đức.

Uốn nắn những nhận thức lệch lạc, những quan điểm mơ hồ, những biểu hiện dao động về tư tưởng, suy giảm niềm tin vào chủ nghĩa xã hội và sự lãnh đạo của Đảng. Phê phán và bác bỏ những quan điểm sai trái, thù địch.

Thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ, nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng, tăng cường quản lý, rèn luyện đảng viên và cán bộ. Có quy định cụ thể bảo đảm mọi đảng viên đều phải nghiêm chỉnh chấp hành Điều lệ Đảng, thi hành các quyết định của Đảng, phục tùng kỷ luật của Đảng ; đồng thời phát huy sáng kiến và trách nhiệm của đảng viên, tham gia thảo luận và quyết định các chủ trương công tác của tổ chức đảng, thực hiện tốt hơn nữa dân chủ trong Đảng.

Mọi đảng viên, cán bộ phải rèn luyện, trau dồi tính đảng, ý thức tổ chức kỷ luật, tự giác đặt mình trong sự quản lý của chi bộ, tham gia

Digitized by Google

đầy đủ sinh hoạt đảng, tuân thủ sự phân công và kỷ luật của Đảng.

Giải quyết tình trạng mất đoàn kết ở một số nơi trên cơ sở phân tích đúng nguyên nhân, có biện pháp phù hợp, kể cả biện pháp tổ chức. Mọi hoạt động vô tổ chức, vô kỷ luật, cố tình không chấp hành chỉ thị, nghị quyết của Đảng, gây chia rẽ bè phái trong Đảng đều phải bị xử lý kỷ luật nghiêm.

Khắc phục tình trạng một bộ phận cán bộ, đảng viên sa sút phẩm chất chính trị, đạo đức và lối sống. Đòi hỏi cán bộ, đảng viên phải tự rèn luyện, tự phấn đấu, giữ gìn phẩm chất chính trị và đạo đức, chống chủ nghĩa cá nhân.

Cần nhấn mạnh rằng, trách nhiệm của người đảng viên cộng sản là làm cách mạng, làm chính trị. Khi chưa có chính quyền thì vận động và lãnh đạo nhân dân giành lấy chính quyền. Khi có chính quyền rồi thì phát huy vai trò của chính quyền xây dựng đất nước, bảo vệ Tổ quốc. Đảng viên phải lãnh đạo và vận động nhân dân thực hiện đường lối chính trị của Đảng, xây dựng đất nước độc lập, thống nhất, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Như vậy, nếu coi nhẹ chính trị, nhạt chính trị, ngại sinh hoạt chính trị thì không còn là người cộng sản nữa. Thử hỏi các lĩnh vực hoạt động trong xã hội (kinh tế, văn hóa, khoa học, xây dựng nhà nước, xây dựng Đảng...) có lĩnh vực nào không mang tính chính trị ? Đảng viên hoạt động ở lĩnh vực nào cũng không thể quên chính trị, xa rời chính trị. Chính trị chung và chính trị trên lĩnh vực mà mình phụ trách. Trong bất cứ thời kỳ nào, hoàn cảnh nào, đảng viên đều phải giác ngộ chính trị, nêu cao tính tiên phong, gương mẫu. Đảng viên phải "khổ trước, sướng sau", tận tụy hy sinh vì lợi ích của nhân dân. Chỉ có như vậy đảng viên mới được dân tin yêu, mến phục.

Các tổ chức đảng phải thường xuyên giáo dục, rèn luyện, quản lý đảng viên, kể cả đảng viên là cán bộ cấp cao. Chi bộ, cấp ủy phải có biện pháp giám sát, kiểm tra các hoạt động của đảng viên, nhất là những đảng viên giàu lên một cách bất thường, những đảng viên có quan hệ đến tiền, hàng, quan hệ với người nước ngoài, những đảng viên có vợ, chồng, con làm ăn phi pháp... Xử lý kịp thời và nghiêm minh những trường hợp đảng viên vi phạm pháp luật, vi phạm tư cách đảng viên, thoái hóa, biến chất, bất kể họ là ai, ở cương vị nào. Mọi sự dung túng, bao che đều là có tội. Phát động và hướng dẫn nhân dân tham gia đấu tranh chống tham nhũng, chống các tệ nạn tiêu cực. Vừa qua hình như có nơi ngần ngại vấn đề này. Phải thấy rằng, không có nhân dân chúng ta không làm được gì hết ; và không có việc gì mà dân không làm được nếu có sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng. Chống tham nhũng là việc khó và phức tạp, nhưng nếu có sự tham gia tích cực của dân và nếu có sự lãnh đạo, tổ chức tốt thì nhất định sẽ làm được.

Một vấn đề nữa là phải làm tốt công tác phát triển đảng, thực hiện trẻ hóa đội ngũ của Đảng. Hiện nay Đảng ta có hơn 2 triệu đảng viên, nhưng tỷ lệ đảng viên trẻ thấp. Đảng viên hưu và mất sức chiếm tới 27%. Tuổi bình quân của đội ngũ đảng viên tới hơn 43. Đây là điều rất đáng suy nghĩ.

Phải tuyên truyền, giáo dục thanh niên, củng cố Đoàn thanh niên vững mạnh làm đội dự bị của Đảng. Đẩy mạnh công tác phát triển Đảng. Chỉ có như vậy chúng ta mới tăng thêm được sinh lực mới, sức chiến đấu mới cho Đảng, mới có nguồn để đào tạo, lựa chọn cán bộ. Mỗi chi bộ, mỗi đảng viên phải đặt thành trách nhiệm, chế độ công tác trong việc bồi dưỡng, kết nạp đảng viên mới.

... Chúng ta phải dành nhiều công sức hơn nữa cho công tác xây dựng Đảng, làm cho Đảng ta ngày càng trong sạch, vững mạnh, mãi mãi là Đảng Cộng sản Việt nam quang vinh, một Đảng cách mạng, chiến đấu, được dân tin yêu, đủ sức lãnh đạo và tổ chức toàn dân thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bảo vệ vững chắc độc lập, tự do của Tổ quốc xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta ❑

Digitized by Google

ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT VÀ KINH NGHIỆM CỦA 4 NĂM ĐỔI MỚI, CHỈNH ĐỐN ĐẢNG

NGUYỄN VĂN AN *

HỘI nghị lần thứ 3 Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa VII) họp vào tháng 6-1992. Thời điểm đó, đất nước đã qua 5 năm thực hiện đường lối đổi mới. Dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ra đã phấn đấu đạt được nhiều thắng lợi quan trọng, song đất nước vẫn chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội ; các thế lực thù địch lợi dụng tình hình khó khăn trong nước và tình hình quốc tế diễn biến phức tạp tăng cường chống phá Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta bằng nhiều thủ đoạn ; nội bộ Đảng bộc lộ những diễn biến mới phức tạp về nhận thức và tư tưởng, một số cơ sở đảng buông lỏng vai trò lãnh đạo, thậm chí cá biệt có dấu hiệu rệu rã và tê liệt trong hoạt động. Với bản lĩnh chính trị vững vàng, với ý chí độc lập tự chủ và sáng tạo, với truyền thống đoàn kết và thống nhất của Đảng ta, bằng những phân tích khoa học, khách quan tình hình thuận lợi và khó khăn, Hội nghị đã ra Nghị quyết *Về một số nhiệm vụ đổi mới, chỉnh đốn Đảng*.

Bộ chính trị, Ban bí thư trung ương đã dành nhiều công sức chỉ đạo toàn đảng, toàn dân, và cả hệ thống chính trị thực hiện Nghị quyết này. Các cấp ủy đảng, các tổ chức đảng đã nghiên cứu, quán triệt Nghị quyết một cách nghiêm túc và xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể. Trung ương đã chọn các đảng bộ : Hà nội, TP Hồ Chí Minh, Thái bình, Tây ninh, Yên bái, Quảng nam - Đà nẵng, Cần thơ, đảng bộ Công nghiệp nhẹ làm điểm để rút kinh nghiệm. Các cấp ủy và các tổ chức đảng từ trung ương đến cơ sở bên cạnh việc chỉ đạo thực hiện Nghị quyết có trọng tâm, trọng điểm đã coi trọng công tác tuyên truyền, vận động quần chúng tham gia xây dựng Đảng. Có thể nói đây là đợt sinh hoạt chính trị rộng lớn trong nội bộ đảng, được sự hưởng ứng tích cực của toàn dân. Đại đa số đảng viên biểu thị ý thức trách nhiệm cao trong thực hiện Nghị quyết. Các ban Đảng như Ban tổ chức, Ban tư tưởng - văn hóa, Ban dân vận, Ban kinh tế, Ủy ban kiểm tra... đã ra quân đồng loạt, vừa chủ động vừa phối hợp chặt chẽ xây dựng kế hoạch, giúp Ban bí thư hướng dẫn chỉ đạo và kiểm tra thực hiện. Ban cán sự đảng Chính phủ và các bộ, ngành đã thể chế hóa về mặt nhà nước một số chủ trương của Đảng thành luật và văn bản dưới luật nhằm hoàn thiện bộ máy, từng bước đổi mới đồng bộ các hoạt động quản lý của nhà nước và các đoàn thể chính trị - xã hội. Trong quá trình chỉ đạo, các cấp ủy, từ cơ sở đến trung ương đã kịp thời, thường xuyên, liên tục sơ kết rút kinh nghiệm để đưa việc thực hiện Nghị quyết ngày càng toàn diện, theo chiều sâu và có hiệu quả hơn... Phân tích những kết quả và tồn tại chủ yếu của hơn bốn năm thực hiện Nghị quyết, bước đầu chúng ta có thể đánh giá tổng quát và rút ra một số kinh nghiệm quan trọng là :

I - ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT

Nghị quyết Trung ương 3 *"Về một số nhiệm vụ đổi mới, chỉnh đốn Đảng"* ra đời đúng lúc, đáp ứng những yêu cầu bức xúc của công tác xây dựng Đảng ; được đông đảo cán bộ, đảng viên và quần chúng đồng tình ủng hộ và tích cực thực hiện. Nghị quyết đã được các cấp ủy đảng từ trung ương đến cơ sở quan tâm triển khai, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, sâu rộng, liên tục. Nghị quyết đã thực sự đi vào cuộc sống. Quá trình triển khai Nghị quyết là quá trình phát huy các truyền thống vẻ vang của Đảng, nâng cao uy tín và năng lực lãnh

* Ủy viên Bộ chính trị, Trưởng Ban tổ chức trung ương

Digitized by Google

đạo, sức chiến đấu và kỷ luật của Đảng, làm trong sạch đội ngũ cán bộ đảng viên, góp phần bảo đảm thực hiện có kết quả nhiệm vụ chính trị do Đại hội VII của Đảng đề ra, tạo nên những thành tựu to lớn có ý nghĩa quan trọng đưa công cuộc đổi mới đất nước bước sang một thời kỳ mới, thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Rõ ràng, đổi mới, chỉnh đốn Đảng đã đem lại những kết quả cơ bản :

1 - Tạo được sự thống nhất cao hơn về chính trị, tư tưởng trong Đảng và trong xã hội. Nhận thức của cán bộ, đảng viên về chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, về mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, về vai trò lãnh đạo của Đảng trong sự nghiệp đổi mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa có những tiến bộ khá rõ rệt. Ý thức trách nhiệm trong công tác xây dựng Đảng, tinh thần cảnh giác cách mạng chống "diễn biến hòa bình" của cán bộ, đảng viên cũng đã được nâng cao, do đó khắc phục được một bước quan trọng sự phân tâm, dao động về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, và đẩy lùi được tư tưởng muốn đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập.

Tuy nhiên, công tác tư tưởng còn thiếu sắc bén, nhiều vấn đề lý luận và thực tiễn về xây dựng chủ nghĩa xã hội chưa được làm sáng tỏ. Đấu tranh chống những quan điểm sai trái chưa kịp thời, thiếu sức thuyết phục. Công tác giáo dục, rèn luyện phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống cho cán bộ, đảng viên và giáo dục lý tưởng, truyền thống cách mạng, văn hóa dân tộc nhất là trong thanh niên chưa được quan tâm đúng mức.

2 - Kiện toàn một bước hệ thống tổ chức đảng và các tổ chức trong hệ thống chính trị ; *kiên trì thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ* trong tổ chức và sinh hoạt đảng ; bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng từ trung ương đến cơ sở, nâng cao hơn năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của nhiều cấp ủy, tổ chức đảng.

Vai trò lãnh đạo của các tổ chức cơ sở đảng được tăng cường ; mở rộng việc xây dựng cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh, thu hẹp diện cơ sở yếu kém, giải quyết được nhiều "điểm nóng" ở các vùng. Công tác đảng viên được tăng cường và đổi mới, công tác phát triển đảng được nâng lên một bước.

Song, đổi mới, chỉnh đốn Đảng về tổ chức vẫn còn nhiều khuyết điểm, tồn tại : hệ thống tổ chức đảng, nhà nước, đoàn thể các cấp còn một số vấn đề về chức năng nhiệm vụ, tổ chức bộ máy và mối quan hệ chưa được quy định rõ ; chất lượng, hiệu quả hoạt động thấp ; tệ quan liêu, xa rời dân vẫn là vấn đề đáng quan tâm. Sự chuyển biến ở các loại hình tổ chức cơ sở đảng chưa đều. Công tác giáo dục, quản lý đảng viên nhìn chung còn nặng về hình thức. Công tác phát triển đảng vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu về chất lượng, cơ cấu.

3 - Tạo được một số chuyển biến tích cực về công tác cán bộ. Trước hết là sự nhất trí về nguyên tắc : Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ ; về quan điểm tiêu chuẩn đức - tài, trong đó, đức là gốc; đưa công tác cán bộ đi dần vào nền nếp, thực hiện dân chủ, tập thể trong đánh giá, tuyển chọn, bố trí cán bộ. Các cấp ủy đã quan tâm nhiều hơn đến công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và kịp thời, bổ sung, sửa đổi một số chế độ, chính sách cán bộ. Đội ngũ cán bộ chủ chốt từ trung ương đến cơ sở đã được kiện toàn, trẻ hóa một bước quan trọng. Năng lực, trình độ cán bộ được nâng lên ; số đông giữ được phẩm chất đạo đức, lối sống lành mạnh. Ngày càng xuất hiện nhiều cán bộ lãnh đạo, quản lý giỏi, làm việc năng động, có hiệu quả - nhất là ở cơ sở và một số ngành kinh tế, kỹ thuật. Tình trạng mất đoàn kết được khắc phục một bước.

Tuy nhiên, công tác cán bộ vẫn còn nhiều vấn đề rất đáng quan tâm : tình trạng sa sút về phẩm chất đạo đức, lối sống của một bộ phận cán bộ. Năng lực, trình độ và cơ cấu đội ngũ phát triển chưa theo kịp yêu cầu cơ chế thị trường và mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế. Việc phân công, phân cấp quản lý cán bộ còn phân tán. Chậm đổi mới việc tạo nguồn cán bộ. Hiệu quả công tác đào tạo cán bộ thấp ; chưa có cơ chế phát hiện, đào tạo, sử dụng nhân tài. Hệ thống chính sách cán bộ còn chắp vá, chưa tạo ra động lực để khuyến khích

Digitized by Google

người làm việc có hiệu quả, người công tác ở cơ sở. Đấu tranh chống tham nhũng, tiêu cực chưa có cơ chế phù hợp, tổ chức thực hiện chưa tốt nên kết quả thấp.

4 - Chú trọng đổi mới phương thức lãnh đạo và công tác vận động nhân dân của Đảng. Các cấp ủy và tổ chức đảng, nhất là cấp trung ương và một số địa phương đã quan tâm đổi mới phương thức lãnh đạo đối với các tổ chức trong hệ thống chính trị, quy định rõ hơn về sự lãnh đạo của Đảng với Nhà nước và các đoàn thể chính trị - xã hội ; xác định rõ hơn chức năng, nhiệm vụ, quy chế hoạt động của mỗi tổ chức. Đổi mới quy trình dân chủ hóa khi ra các nghị quyết, quyết định sát hợp với thực tế và cuộc sống đặt ra. Quan tâm lựa chọn cán bộ có đủ tiêu chuẩn, được tín nhiệm tham gia các cơ quan nhà nước và tổ chức đoàn thể ; xây dựng nhà nước và cải cách hành chính ; củng cố tổ chức và đổi mới hoạt động của các đoàn thể chính trị - xã hội, gắn hoạt động của các tổ chức với nhiệm vụ chính trị, đem lại lợi ích thiết thực cho các thành viên, tạo ra những chuyển biến tích cực, bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng bằng tổ chức.

Trong việc đổi mới phương thức lãnh đạo và công tác vận động quần chúng của Đảng, vẫn còn nhiều khó khăn, lúng túng, nhất là trong việc giải quyết mối quan hệ giữa Đảng và cơ quan chính quyền, giữa tập thể và cá nhân. Sự lãnh đạo của cấp ủy và tổ chức đảng đối với việc xây dựng các tổ chức chính trị - xã hội ở một số nơi còn yếu ; việc tập hợp quần chúng vào các tổ chức kết quả còn thấp.

5 - Kết quả đổi mới và chỉnh đốn Đảng hơn 4 năm qua đã góp phần quyết định bảo đảm cho công cuộc đổi mới toàn diện của đất nước đạt được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng trên nhiều mặt đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và chuyển sang thời kỳ phát triển mới : đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

II - MỘT SỐ KINH NGHIỆM BƯỚC ĐẦU

Từ thực tiễn tổ chức thực hiện và những kết quả đạt được, cũng như những tồn tại, khuyết điểm trong hơn 4 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 3, có thể rút ra một số kinh nghiệm sau đây :

1 - Trong quá trình đổi mới và chỉnh đốn, Đảng phải giữ vững định hướng và không xa rời nguyên tắc, phải kiên định và phát triển sáng tạo những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh ; thực hiện đúng đắn nguyên tắc tập trung dân chủ. Đổi mới nhưng không phủ nhận thành tựu quá khứ, không dao động trên những vấn đề nguyên tắc, không lẫn lộn những vấn đề chiến lược và sách lược ; chống các khuynh hướng bảo thủ, dao động, cơ hội.

2 - Đổi mới và chỉnh đốn Đảng vừa là nhiệm vụ cấp bách, vừa là nhiệm vụ cơ bản, lâu dài, là quy luật tồn tại và phát triển của Đảng. Để có đủ khả năng và điều kiện lãnh đạo cách mạng, Đảng phải thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu về mọi mặt. Chỉ có chăm lo đầy đủ công tác xây dựng Đảng, thường xuyên tự đổi mới, tự chỉnh đốn Đảng mới nâng cao được sức chiến đấu và lãnh đạo thành công sự nghiệp đổi mới.

3 - Đổi mới chỉnh đốn Đảng phải được tiến hành một cách toàn diện, ngày càng đi vào chiều sâu trên tất cả các lĩnh vực và trong cả hệ thống chính trị. Trong điều kiện Đảng cầm quyền, đổi mới, chỉnh đốn Đảng phải được tiến hành trên tất cả các lĩnh vực chính trị, tư tưởng, tổ chức, cán bộ, đảng viên, phương thức lãnh đạo... Đảng phải thường xuyên chăm lo xây dựng, củng cố các tổ chức khác trong hệ thống chính trị, từng bước hoàn thiện cơ cấu, cơ chế vận hành, xử lý tốt mối quan hệ giữa các tổ chức. Đổi mới, chỉnh đốn Đảng phải gắn với đổi mới toàn bộ hệ thống chính trị, trong đó coi trọng đổi mới hoạt động của Nhà nước và cải cách nền hành chính quốc gia, đổi mới phương thức hoạt động của các đoàn thể chính trị - xã hội, khơi dậy và phát huy trí sáng tạo của nhân dân, dựa vào dân để xây dựng Đảng.

4 - Đổi mới, chỉnh đốn Đảng phải kết hợp chặt chẽ với việc thực hiện nhiệm vụ chính trị

Digitized by Google

trong đó phát triển kinh tế là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng Đảng là nhiệm vụ then chốt, cải thiện đời sống nhân dân, giữ vững ổn định chính trị, xây dựng và bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa. Lấy kết quả phát triển kinh tế - xã hội làm mục tiêu và thước đo kết quả đổi mới, chỉnh đốn Đảng. Thực tiễn cho thấy địa phương, đơn vị nào làm tốt công tác xây dựng Đảng thì kết quả thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương, đơn vị đó tốt hơn và ngược lại.

5 - Để việc triển khai thực hiện Nghị quyết đạt kết quả, trước hết các cấp ủy và tổ chức đảng phải tổ chức quán triệt nghị quyết, cụ thể hóa Nghị quyết thành chương trình, kế hoạch hành động cụ thể, sát hợp. Phải xác định những khâu trọng tâm, tập trung những vấn đề bức xúc, có ý nghĩa đột phá ; tiến hành chỉ đạo điểm, đi sâu vào các chuyên đề, mở rộng diện ; phân công các cấp ủy viên chỉ đạo từng đơn vị, nhất là những nơi trọng yếu ; thực hiện sự chỉ đạo trực tiếp, thường xuyên của cấp ủy ; định kỳ sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm, nâng cao chất lượng chỉ đạo của cấp ủy và hiệu quả đổi mới, chỉnh đốn trên từng mặt công tác, chú trọng phát hiện những nhân tố mới, xử lý kịp thời những vấn đề mới nẩy sinh từ cuộc sống. Chú trọng cả hai mặt đổi mới và chỉnh đốn, trong đó đổi mới phải trên cơ sở nguyên tắc và chỉnh đốn để đổi mới toàn diện và đạt kết quả tốt hơn.

III - TIẾP TỤC ĐỔI MỚI VÀ CHỈNH ĐỐN, XÂY DỰNG ĐẢNG NGANG TẦM ĐÒI HỎI CỦA THỜI KỲ MỚI

Kế thừa những kết quả và kinh nghiệm đổi mới và chỉnh đốn Đảng hơn 4 năm qua, Đại hội lần thứ VIII của Đảng xác định phải không ngừng xây dựng Đảng vững mạnh về chính trị, tư tưởng và tổ chức ngang tầm với đòi hỏi của thời kỳ mới. Như vậy, tiếp tục đổi mới và chỉnh đốn Đảng là nhằm đạt mục tiêu *nâng cao hơn nữa sức chiến đấu và năng lực lãnh đạo của Đảng, khắc phục các khuyết điểm, các biểu hiện yếu kém để Đảng lãnh đạo có kết quả công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước trong thời kỳ mới.*

Nhằm đạt mục tiêu đó, trong quá trình đổi mới, chỉnh đốn Đảng tới đây, cần nắm vững các yêu cầu cơ bản là :

Đổi mới và chỉnh đốn phải nhằm tăng cường hơn nữa sự thống nhất nhận thức trong Đảng và trong nhân dân về đường lối đổi mới toàn diện, về sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa ; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ; kiên định chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh.

Đổi mới và chỉnh đốn Đảng toàn diện sâu sắc, trước hết là tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, củng cố hệ thống tổ chức, xây dựng và thực hiện chiến lược cán bộ, nâng cao chất lượng các tổ chức cơ sở đảng trong sạch vững mạnh, nâng cao chất lượng đảng viên, tích cực phát triển đảng.

Đổi mới và chỉnh đốn Đảng gắn liền với quá trình thực hiện cải cách nền hành chính quốc gia, nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan nhà nước và các đoàn thể chính trị xã hội.

Đổi mới và chỉnh đốn Đảng gắn với việc thực hiện có hiệu quả những nhiệm vụ chính trị do Đại hội VIII của Đảng đề ra.

Trên nền tảng mục tiêu và yêu cầu trên, cần tập trung thực hiện tốt những vấn đề cơ bản sau :

- *Công tác chính trị, tư tưởng* phải chú trọng tăng cường giáo dục, nâng cao nhận thức cho toàn đảng về bản chất giai cấp công nhân của Đảng ; mặt khác phải thường xuyên quan tâm tổ chức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân học tập, nghiên cứu, quán triệt đầy đủ những quan điểm cơ bản mà Đại hội VIII của Đảng đã nêu. Phải xây dựng và có kế hoạch giáo dục chính trị cơ bản hằng năm cho đảng viên. Công tác giáo dục chính trị - lý luận phải được tiến hành sâu rộng bằng những hình thức phong phú, hấp dẫn, sắc bén đến mọi đối tượng. Tăng cường hơn nữa công tác nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn nhằm cung

Digitized by Google

cấp những luận cứ khoa học cho những quyết sách của Đảng và Nhà nước.

- Để tăng cường củng cố Đảng về tổ chức, nâng cao chất lượng và hiệu quả của hệ thống tổ chức của Đảng, chúng ta cần *thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ* trong tổ chức và sinh hoạt Đảng ; đề cao tính tự giác, kỷ luật của cán bộ đảng viên ; thực hiện nghiêm túc, thường xuyên chế độ tự phê bình và phê bình ; tăng cường ý chí thống nhất, đoàn kết trong Đảng. Tiếp tục cải tiến bộ máy đảng, nhà nước và đoàn thể theo hướng tinh giản và hiệu quả.

- *Coi trọng nâng cao năng lực, sức chiến đấu của các tổ chức cơ sở đảng và đội ngũ đảng viên.* Hướng chủ yếu trong đổi mới, chỉnh đốn các tổ chức cơ sở đảng là nhằm làm cho các cơ sở đảng quán triệt đầy đủ đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước để chủ động đề ra các giải pháp đúng và tổ chức lãnh đạo thực hiện có hiệu quả các giải pháp đó nhằm hoàn thành tốt nhiệm vụ chính trị của cơ sở. Cần tập trung đi sâu vào các vấn đề lớn là : bổ sung, cụ thể hóa quy định về chức năng, nhiệm vụ của từng loại hình cơ sở đảng, bảo đảm cho mỗi tổ chức cơ sở đảng thực sự là tế bào, là nền tảng của Đảng với chức năng là hạt nhân chính trị ở cơ sở. Nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng, chất lượng kiểm tra và quản lý đảng viên ; đẩy mạnh công tác quy hoạch, đào tạo và bồi dưỡng cán bộ cơ sở ; tiếp tục chỉ đạo có chiều sâu cuộc vận động xây dựng tổ chức cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh.

Trong công tác đảng viên, tập trung vào các vấn đề cơ bản như : phân công công tác cho đảng viên, tăng cường công tác giáo dục, quản lý, kiểm tra, xem xét kỷ luật những đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng, vi phạm pháp luật. Tăng cường công tác phát triển đảng, cố gắng để kết nạp được nhiều quần chúng ưu tú trong công nhân, trí thức, nông dân thanh niên... vào Đảng.

- Trong công tác cán bộ phải giữ vững nguyên tắc : Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý cán bộ của cả hệ thống chính trị đồng thời phát huy trách nhiệm của các thành viên trong hệ thống chính trị. Cán bộ phải là người trung thành với mục tiêu, lý tưởng của giai cấp công nhân, với lợi ích của dân tộc. Cán bộ phải có đủ đức, đủ tài và phải coi đức là gốc. Từ nguyên tắc đó, chúng ta sẽ khẩn trương hoàn thiện các quy chế, quy trình về tuyển chọn, phân công, quản lý cán bộ.

- *Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quần chúng*, củng cố chặt chẽ mối quan hệ giữa đảng và quần chúng. Công tác vận động quần chúng luôn luôn là một nhiệm vụ chiến lược của Đảng. Thời gian tới, nhiệm vụ chiến lược đó phải được triển khai sâu rộng theo phương hướng : củng cố, mở rộng tổ chức và hoạt động của Mặt trận tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, mọi hoạt động của Mặt trận, tổ chức chính trị - xã hội đều hướng về cơ sở, nhằm tập hợp quần chúng thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của Đảng và Nhà nước ta ; thể chế hóa phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra". Các cấp ủy cơ sở cần làm tốt việc phân công đảng viên làm công tác vận động quần chúng.

- Để đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng, cấp ủy các cấp cần *tập trung xây dựng các chương trình hành động toàn khóa*, xác định rõ thời gian, biện pháp, nhiệm vụ trọng tâm ; mặt khác hoàn thiện quy chế hoạt động, xác định các mối quan hệ công tác rõ ràng, khoa học, cải tiến lề lối làm việc...

- *Công tác kiểm tra và kỷ luật của Đảng cần được tăng cường* theo hướng : kiểm tra việc chấp hành đường lối, chính sách, chỉ thị, nghị quyết của Đảng ; chấp hành Điều lệ Đảng ; giữ gìn phẩm chất đạo đức cách mạng của đảng viên. Ủy ban kiểm tra các cấp dành những nỗ lực chính của mình cho công việc kiểm tra vi phạm kỷ luật của đảng viên và các tổ chức đảng, góp phần giữ gìn sự trong sạch của nội bộ đảng, bảo vệ an toàn về chính trị. ❑

Digitized by Google

GIỮ VỮNG VÀ NÂNG CAO BẢN LĨNH CHÍNH TRỊ CỦA ĐẢNG TRONG THỜI KỲ PHÁT TRIỂN MỚI

HỒ KIẾM VIỆT *

ĐẠI hội lần thứ VIII của Đảng ta đã thành công rực rỡ. Đại hội đã tổng kết chặng đường 10 năm đổi mới vừa qua và khẳng định quyết tâm tiếp tục đường lối đó, đưa đất nước tiến lên trong thời kỳ phát triển mới, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Điều đó phản ánh một cách tổng quát sự nhất trí chính trị, tinh thần của toàn đảng, toàn dân và toàn quân ta, trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm đường lối của Đảng.

Nhìn lại thực trạng 10 năm trước, đất nước ta ở trong tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng, công cuộc xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc được tiến hành trong hoàn cảnh phải đối phó với "cuộc chiến hòa bình" chống các nguy cơ ngoại nhập và nội sinh, chúng ta càng cảm nhận được sâu sắc *sự vững vàng bản lĩnh chính trị của Đảng ta*, thể hiện ở *tinh thần độc lập tự chủ, tự lực tự cường, kiên định mục tiêu lý tưởng cách mạng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ; kiên định đường lối đổi mới, nhanh chóng tổng kết thực tiễn, không ngừng hoàn thiện lý luận, sáng tạo, nhạy bén về tư duy chiến lược sách lược, quyết định đúng đắn đường lối đối nội, đối ngoại và có giải pháp hợp lý để tổ chức thực hiện có hiệu quả.*

Bản lĩnh này tiếp nối truyền thống dân tộc và đã được rèn luyện, vun đắp trong thực tiễn lãnh đạo cách mạng Việt nam từ những ngày đầu thành lập Đảng cho đến ngày nay.

Trong thời kỳ phát triển mới của cách mạng nước ta, trước mắt chúng ta *là những thách thức lớn bên cạnh những thời cơ lớn.*

"Thuận lợi và khó khăn, thời cơ và nguy cơ đan xen nhau. Chúng ta phải chủ động nắm thời cơ, vươn lên phát triển nhanh và vững chắc, tạo ra thế và lực mới, đồng thời luôn luôn tỉnh táo, kiên quyết đẩy lùi và khắc phục các nguy cơ, kể cả những nguy cơ mới nảy sinh, bảo đảm phát triển đúng hướng" (1).

Bản lĩnh chính trị của Đảng phải được giữ vững và nâng cao trong việc xây dựng Đảng ngang tầm đòi hỏi của thời kỳ mới, *trong việc giải quyết những vấn đề cơ bản* sau đây :

Vấn đề hàng đầu là kiên định và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nắm vững tính cách mạng và tính khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, áp dụng lập trường quan điểm, phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh giải quyết tốt những vấn đề lý luận thực tiễn của cách mạng nước ta, nhất là những vấn đề còn chưa sáng tỏ trong quá trình đổi mới vừa qua.

Trong khi xuất phát từ lập trường, quan điểm, phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh để giải quyết những vấn đề lý luận thực tiễn đó, dĩ nhiên phải *vận dụng cả những tri thức* tích lũy

* Học viện chính trị - quân sự, Bộ quốc phòng

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, 1996, tr 18

Digitized by Google

được từ các khoa học, bao gồm cả khoa học xã hội - nhân văn và khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và *tổng kết kinh nghiệm* từ thực tiễn các phong trào cách mạng của quần chúng ở nước ta và trên thế giới. Có đứng vững trên lập trường, quan điểm và phương pháp của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh mới tiếp thu có hiệu quả các thành quả trí tuệ của nhân loại, làm giàu trí tuệ của Đảng và giải quyết thành công những vấn đề cách mạng đặt ra, một cách độc lập, sáng tạo.

Công tác giáo dục chính trị, lãnh đạo tư tưởng phải được đề cao và quan tâm đúng mức. Có như vậy mới không để xảy ra tình trạng lệch lạc về nhận thức, mơ hồ về quan điểm, giao động về tư tưởng, suy giảm niềm tin vào con đường đã chọn. Đó là một bài học đã được tổng kết từ thực tiễn phong trào cộng sản và công nhân quốc tế và của chính chúng ta.

Về phương diện "chống", nói tổng quát, có hai khuynh hướng phải phòng và chống, đó là hữu khuynh và tả khuynh. Tùy tình hình thực tế mà khuynh hướng này hay khuynh hướng kia nổi lên hàng đầu, nhưng đó là những cực đoan khác nhau, mà không phòng, chống khuynh hướng này thì cũng không đạt được hiệu quả cao trong phòng, chống khuynh hướng kia.

Trong bài "Ba mươi năm hoạt động của Đảng", Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết : "Đảng ta không ngừng đấu tranh chống những khuynh hướng cải lương của giai cấp tư sản và những khuynh hướng manh động của giai cấp tiểu tư sản trong phong trào dân tộc ; chống luận điệu tả của bọn Tờ-rốt-kít trong phong trào công nhân ; chống những khuynh hướng hữu và "tả" trong Đảng khi quy định và chấp hành chiến lược và sách lược của Đảng ở mỗi thời kỳ" (2).

Với tinh thần đó, trong quá trình đổi mới vừa qua, Đảng đã chủ trương "khắc phục giáo điều và chủ nghĩa kinh nghiệm, đồng thời chống chủ nghĩa cơ hội hữu khuynh và xét lại".

Báo cáo của Ban chấp hành trung ương Đảng khóa VII về các văn kiện trình Đại hội VIII, do đồng chí Tổng bí thư trình bày, nêu rõ : "Trong quá trình tự đổi mới và chỉnh đốn, Đảng phải kiên định và phát triển sáng tạo những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng. Phải xuất phát từ thực tiễn để đề ra giải pháp về xây dựng Đảng. Chống các khuynh hướng cơ hội, bảo thủ, cực đoan" (3).

Quán triệt phương hướng "xây, chống" trong công tác tư tưởng, lý luận mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu, chúng ta không chỉ tiến hành trong nội bộ Đảng mà cả trong xã hội, chống các khuynh hướng chính trị - tư tưởng đối địch với chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm đường lối của Đảng.

Như vậy, công tác tư tưởng, lý luận chẳng những xây dựng tính đảng, tính chiến đấu cho các tổ chức đảng và từng đảng viên mà còn góp phần tạo lập, phát huy bản lĩnh chính trị của Đảng. Từ bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Đảng nắm chắc chân lý để vững tin vào việc quyết định đường lối, chủ trương, hoạch định chính sách và tổ chức thực tiễn thực hiện đường lối, chủ trương chính sách. Đảng cũng dự kiến các khuynh hướng tư tưởng và hành vi lệch lạc, sai lầm nảy sinh trong các tình huống phức tạp phải ứng phó, khi triển khai đường lối, chủ trương, chính sách vào cuộc sống để chủ động định hướng và chủ động ngăn ngừa, khắc phục.

Vấn đề quan trọng nữa để giữ vững và nâng cao bản lĩnh chính trị của mình là Đảng

(2) Hồ Chí Minh : *Về Đảng cộng sản Việt nam* , Nxb Chính trị quốc gia, 1993, t 1, tr 95

(3) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, 1996, tr 48

Digitized by Google

phải *thực hiện có hiệu quả mối quan hệ máu thịt với nhân dân trong thời kỳ mới.*

Về mối quan hệ này, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, đã xác định là một bài học lớn của Đảng. Bởi vì "*sự nghiệp cách mạng là của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân.* Chính nhân dân là người làm nên thắng lợi lịch sử. Toàn bộ hoạt động của Đảng phải xuất phát từ lợi ích và nguyện vọng chân chính của nhân dân. Sức mạnh của Đảng là ở sự gắn bó mật thiết với nhân dân..." (4).

Sự gắn bó dân với đảng, đảng với dân, khiến cho trong quá trình chuẩn bị ra quyết định và thực hiện các quyết định, Đảng huy động được trí tuệ và sức mạnh của nhân dân một cách thuận lợi.

Được đông đảo nhân dân và tất cả các dân tộc trong cả nước tin yêu, sẵn sàng đóng góp ý kiến cho sự lãnh đạo của Đảng và cũng sẵn sàng hành động biến quyết định của Đảng thành lực lượng vật chất trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ngày nay, cũng là một dấu hiệu về chất lượng bản lĩnh chính trị của Đảng ta trong thời kỳ mới. Đồng thời đó cũng là một điều kiện quan trọng để Đảng ta giữ vững và nâng cao hơn nữa bản lĩnh chính trị của mình.

Khác với thời kỳ cách mạng và chiến tranh trước đây, ngày nay, đất nước đang ở giai đoạn đầu quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của nhà nước mới sơ khai, cơ cấu giai cấp - xã hội có sự biến đổi. Hơn nữa, kẻ thù lại đang thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình", trong hoàn cảnh kinh tế nước ta còn kém phát triển, một bộ phận cán bộ, đảng viên và trong nhân dân, ở mức độ khác nhau, đã ít nhiều bị tác động trước âm mưu đó. Điều này dễ hiểu vì xét về lợi ích, nguyện vọng, nhân dân ta có những điểm tương đồng phù hợp với yêu cầu phát triển của đất nước, theo mục tiêu Đảng đã đề ra phấn đấu cho một nước Việt nam dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Nhưng đồng thời những điểm khác nhau về nhu cầu, lợi ích giữa các bộ phận dân cư, là điều không tránh khỏi. Vậy nên cần chủ động nắm bắt tình hình để có giải pháp thích hợp, sao cho những vướng mắc đó không gây cản trở đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Việc thực hiện đại đoàn kết dân tộc, trên cơ sở *thống nhất trong toàn dân, đấu tranh cho những lợi ích chung của dân tộc theo mục tiêu xác định và xây dựng một nếp sống xã hội có kỷ cương, có đạo lý,* đặt ra cho Đảng một yêu cầu cao về bản lĩnh chính trị. Đảng phải kiên định mục tiêu cách mạng, đồng thời hiểu biết sâu sắc lợi ích, nguyện vọng, ưu điểm, nhược điểm của các giai cấp, các tầng lớp, các dân tộc để định chính sách cụ thể và hình thức phương pháp thích hợp vận động quần chúng, nhằm cố kết toàn bộ cộng đồng dân tộc Việt nam trong Mặt trận dân tộc thống nhất, thực hiện vai trò làm chủ của nhân dân đối với chính quyền nhà nước.

Bản lĩnh của Đảng trong công tác quần chúng là phát động được quần chúng, tạo ra những động lực mới thúc đẩy phong trào cách mạng của nhân dân. *Một mặt,* phải xóa bỏ bệnh quan liêu, mệnh lệnh, thái độ hẹp hòi, biệt phái trong các tổ chức đảng và từng đảng viên, dám nhìn thẳng vào sự thật, nói đúng sự thật, sẵn sàng tự phê bình các khuyết điểm, sai lầm và quyết tâm sửa chữa. *Mặt khác,* phải cấp bách nâng cao dân trí, khắc phục tình trạng lạc hậu của dân cư trước sự chuyển biến cách mạng nước ta sang thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trước âm mưu của các thế lực thù địch muốn phi chính trị hóa môi trường xã hội đẩy nhân dân ta vào trạng thái thờ ơ về chính trị để dễ bề thực hiện "diễn biến hòa bình",

(4) *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* - Nxb Sự thật, Hà nội, 1991, tr 5

Digitized by Google

Đảng phải kiên định đường lối, theo cách nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh "phải đưa chính trị vào giữa dân gian" (5), giác ngộ yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội cho toàn dân trong quá trình nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài.

Thực hiện được khối đại đoàn kết toàn dân theo ý tưởng của Đảng là thực sự tạo lập cho Đảng *một hậu thuẫn nhân dân vững chắc,* trên nền tảng khối liên minh công nhân, nông dân, trí thức, với giai cấp công nhân phát triển về số lượng, nâng cao về chất lượng, để Đảng phát huy bản lĩnh chính trị của mình thực hiện *vai trò lãnh đạo chính quyền nhà nước, hệ thống chính trị,* thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, xây dựng chủ nghĩa xã hội trong *thời kỳ phát triển mới.*

Một vấn đề cơ bản không kém phần quyết định để giữ vững và nâng cao bản lĩnh chính trị của Đảng là *củng cố Đảng về tổ chức và nâng cao bản lĩnh chính trị của đảng viên.*

Bản lĩnh chính trị của Đảng có được điểm tựa vật chất vững chắc ở tổ chức đảng, bởi Đảng vốn có truyền thống đoàn kết,có tổ chức chặt chẽ, quy tụ được trí tuệ của toàn Đảng trong quyết định đường lối, chính sách và khi hành động. Đó là nhân tố cực kỳ quan trọng để Đảng phát huy nội lực và sức mạnh của toàn dân, sức mạnh hệ thống chính trị, đưa đất nước tiến lên trên con đường tự do, hạnh phúc.

Ngày nay, trước sự phát triển của cách mạng nước ta đòi hỏi tiếp tục quá trình đổi mới tư duy, giải quyết những vấn đề lý luận và thực tiễn còn chưa rõ, cũng như phát hiện và giải quyết những vấn đề mới đặt ra, không khỏi phát sinh những ý kiến khác nhau trong thảo luận, tranh luận. Không nên đồng nhất tình hình đó với tình trạng mất đoàn kết. Tuy vậy, do các nguyên nhân khác nhau, đang tồn tại hiện tượng mất đoàn kết nghiêm trọng ở một số ngành và địa phương, gây mất uy tín của Đảng, khiến cho đảng bộ ở đó không phát huy được sức mạnh lãnh đạo và hạn chế nhiệt tình quần chúng đóng góp trí tuệ cho Đảng.

Để xây dựng tổ chức đảng vững mạnh (bao gồm cả cơ quan lãnh đạo các cấp và tổ chức cơ sở đảng) Đại hội lần thứ VIII của Đảng chỉ rõ những vấn đề cần quan tâm thực hiện :

- Giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng.
- Giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng trên cơ sở đường lối chính trị, nguyên tắc tổ chức và tình thương yêu đồng chí.
- Thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ.
- Nâng cao sức chiến đấu của tổ chức cơ sở đảng.
- Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng.

Việc củng cố tổ chức đảng không tách rời việc nâng cao chất lượng đảng viên, cán bộ. Vì vậy, việc nâng cao bản lĩnh chính trị của Đảng cũng phụ thuộc vào chất lượng bản lĩnh chính trị của đảng viên, cán bộ.

Bản lĩnh chính trị ở mỗi đảng viên, cán bộ thể hiện ở *sự kiên định* chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, *trung thành* với Cương lĩnh, đường lối, Điều lệ của Đảng, *kiên quyết* giữ vững độc lập chủ quyền của Tổ quốc và định hướng xã hội chủ nghĩa ; *có tinh thần tích cực chủ động* trong công tác theo đúng nguyên tắc tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách ; *mẫn cảm về chính trị,* kiên quyết và khôn khéo trong nắm bắt thời cơ, khắc phục nguy cơ ngay trong lĩnh vực hoạt động của mình, trên cương vị mình đảm nhiệm ; *tỉnh táo và thường xuyên kiểm tra nhân cách mình,* triệt tiêu từ mầm mống những tác động của chiến lược "diễn biến hòa

(5) Hồ Chí Minh : *Về Đảng cộng sản Việt nam,* Nxb Chính trị quốc gia, 1993, t 1, tr 289

Digitized by Google

bình" và những yếu tố dẫn mình đến thoái hóa, biến chất, đồng thời không để tụt hậu về năng lực.

Những tổ chức cơ sở đảng có được đại bộ phận đảng viên có bản lĩnh chính trị như vậy mới thực sự là những đảng bộ trong sạch vững mạnh. Các chi bộ có đội ngũ đảng viên đó, nhất định là những pháo đài kiên cố để giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa. Những tổ chức cơ sở đảng như vậy hoàn toàn có đủ bản lĩnh chính trị để thực hiện vai trò lãnh đạo của mình trong cơ cấu hệ thống chính trị ở cơ sở. Cơ sở nào có những đảng viên không còn bản lĩnh chính trị, thậm chí đã đi vào con đường thoái hóa biến chất, mà không bị đấu tranh, thì đảng bộ ấy rõ ràng là yếu kém. Do vậy, Đại hội lần thứ VIII của Đảng đã nhận định : sức chiến đấu của một bộ phận tổ chức cơ sở đảng suy yếu là do đảng viên, cán bộ ở đó đã phai nhạt lý tưởng cách mạng, tha hóa về phẩm chất, đạo đức.

Ở người đảng viên, cán bộ, bản lĩnh chính trị có quan hệ gắn bó chặt chẽ với đạo đức cách mạng. Phẩm chất, bản lĩnh chính trị của đảng viên, cán bộ là kết quả tổng hợp sự giác ngộ chính trị và sự tu dưỡng đạo đức cách mạng.

Đạo đức cách mạng theo tư tưởng Hồ Chí Minh là :"khi gặp khó khăn, gian khổ, thất bại cũng không sợ sệt, rụt rè, lùi bước, vì lợi ích chung..., không ngần ngại hy sinh tất cả lợi ích riêng của cá nhân mình... Khi gặp thuận lợi và thành công cũng vẫn giữ vững tinh thần gian khổ, chất phác khiêm tốn, "lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ" ; lo hoàn thành nhiệm vụ cho tốt chứ không kèn cựa về mặt hưởng thụ ; không công thần, không quan liêu, không kiêu ngạo, không hủ hóa" (6).

Đạo đức cách mạng như vậy đã hàm chứa nội dung chính trị, là đạo đức - chính trị. Đạo đức đó cũng nói lên bản lĩnh của đảng viên, cán bộ trong ứng xử các quan hệ đối với Tổ quốc, nhân dân với Đảng.

Trong tình hình hiện nay của đất nước, đạo đức cách mạng là một nhân tố cực kỳ quan trọng trong giữ vững và nâng cao bản lĩnh chính trị cho đảng viên, cán bộ. Có đạo đức cách mạng, đảng viên, cán bộ mới giữ và phát huy được vai trò tiên phong của mình, giương cao được ngọn cờ lãnh đạo của Đảng, mới có khả năng thuyết phục, quy tụ quần chúng và tổ chức cho quần chúng thực hiện có hiệu quả đường lối chính sách của Đảng, chủ trương kế hoạch của Nhà nước.

Sự sa sút đạo đức của đảng viên, cán bộ đã trở thành vấn đề chính trị. Đối với cá nhân thì người đảng viên, cán bộ đó tự tước bỏ sinh mệnh chính trị trước nhân dân. Cũng có người bị kẻ thù lợi dụng, hoặc kéo sang hàng ngũ của chúng, chống Đảng, chống chế độ. Các thế lực phản động lợi dụng những phần tử này để nói xấu, vu cáo, kích động chống đối... hòng làm cho nhân dân giảm sút niềm tin và thiếu nhiệt tình đấu tranh xây dựng và bảo vệ Đảng. Khi chúng ta nói tham nhũng là quốc nạn thì tham nhũng ở đây không dừng lại trên bình diện đạo đức mà đã trở thành vấn đề chính trị.

Trong 10 năm đổi mới, giữ vững vai trò lãnh đạo của mình, vượt qua những thử thách hiểm nghèo, giành được thắng lợi, Đảng đã "tiếp tục giữ vững và phát huy được bản lĩnh và kinh nghiệm của các thời kỳ trước, lãnh đạo có kết quả công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước trong những tình huống mới hết sức phức tạp" (7). Với việc nâng cao hơn nữa bản lĩnh chính trị của mình trên cơ sở đổi mới và chỉnh đốn Đảng, chắc chắn rằng Đảng ta sẽ vươn lên ngang tầm đòi hỏi của thời kỳ phát triển mới. ❑

(6) Hồ Chí Minh : *Về Đảng cộng sản Việt nam*, Nxb Chính trị quốc gia, 1993, t 1, tr 364

(7) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, 1996, tr 136

Digitized by Google

LÊ-NIN VÀ ĐẢNG THEO HỌC THUYẾT LÊ-NIN TRONG TƯ TƯỞNG, TÌNH CẢM HỒ CHÍ MINH

TRỊNH GIA BAN

CÁCH đây 73 năm, ngày 21 tháng Giêng năm 1924, Lê-nin vĩ đại đã vĩnh biệt chúng ta.

Sửng sốt trước "cái tang chung của toàn thế giới", với lòng tiếc thương vô hạn đối với người thầy đầy tin yêu, hy vọng và ngưỡng mộ, Nguyễn Ái Quốc đã viết những trang, những dòng xúc động nói lên tiếng nói chung của tất cả những người lao động và bị áp bức từ các bình nguyên phì nhiêu ở châu Á, châu Phi : "Lê-nin mất", tin này đến với mọi người như sét đánh ngang tai. Lê-nin qua đời, giai cấp vô sản phương Tây đã mất đi "một thủ lĩnh, một lãnh tụ, một người thầy", còn các dân tộc phương Đông thì đã mất "một người con vĩ đại hơn nữa, cao quý hơn nữa" (1).

Song, sẽ không trọn vẹn với Lê-nin, nếu như chỉ thấy sự qua đời của người thầy vĩ đại của mình là tổn thất, đau thương. Từ trong mất mát, Nguyễn Ái Quốc thấy chói ngời một niềm tin mãnh liệt, rằng "Lê-nin bất diệt" và sự nghiệp của Lê-nin nhất định sẽ được thực hiện : "Khi còn sống, Người là người cha, thầy học, đồng chí và cố vấn của chúng ta. Ngày nay, Người là ngôi sao sáng chỉ đường cho chúng ta đi tới cuộc cách mạng xã hội (2). Lê-nin "đã đặt cơ sở cho một kỷ nguyên mới", là "người sáng tạo ra cuộc đời mới", là "ngọn hải đăng soi đường cho toàn thể nhân loại bị áp bức đi tới giải phóng" (3).

Hồ Chí Minh là người sớm nhận rõ sự thống nhất giữa sự nghiệp đấu tranh vĩ đại chống áp bức và đạo đức cách mạng cao cả của Lê-nin. Ở Người, sự ngưỡng vọng Lê-nin không chỉ bởi Lê-nin, với trí sáng tạo phi thường, đã vạch ra con đường giải phóng các dân tộc bị nô dịch và tổ chức thắng lợi công cuộc giải phóng đó, mà còn bởi Lê-nin là một tấm gương sáng ngời về đạo đức của người cộng sản. Trên con đường cứu nước, Nguyễn Ái Quốc đã dành tình cảm sâu sắc nhất, thiết tha nhất đối với Lê-nin, - "người dũng cảm nhất"(4) trong tất cả những con người dũng cảm. Và lần nữa, Nguyễn Ái Quốc lại cất lên tiếng nói thay cho nỗi lòng và tình yêu của nhân dân bị áp bức đang đi theo con đường của Lê-nin : "Không phải chỉ thiên tài của Người, mà chính là tính coi khinh sự xa hoa, tinh thần yêu lao động, đời tư trong sáng, nếp sống giản dị, tóm lại là đạo đức vĩ đại và cao đẹp của người thầy, đã ảnh hưởng lớn lao tới các dân tộc châu Á, và đã khiến cho trái tim của họ hướng về Người, không gì ngăn cản nổi" (5).

Ở Hồ Chí Minh, tin yêu Lê-nin với tính chất là tin yêu một mẫu mực đạo đức cộng sản chủ nghĩa cao đẹp, thống nhất biện chứng với sự tin tưởng vào con đường giải phóng của Lê-nin.

Trước Hồ Chí Minh, đã từng có những người Việt nam yêu nước bôn ba hải ngoại tìm đường giải phóng dân tộc. Và Hồ Chí Minh cũng không phải là người đầu tiên biết đến chủ nghĩa Mác - Lê-nin, chủ nghĩa xã hội. Nhưng khác với các bậc tiền bối, Người ra nước ngoài không phải tìm chỗ dựa về lực lượng vật chất, mà đi tìm một giá trị tinh thần, một lý luận, một con đường để giải phóng giống nòi. Thiên tài của Người là đã đánh giá đúng tầm quan trọng của lý luận cách mạng, đã nắm bắt được bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, thấy được những đặc điểm mới của thời đại, và sự cần thiết phải gắn cách mạng Việt nam với trào lưu cách mạng vô sản thế giới. Trong suốt cuộc đời mình, Người đã tiếp xúc với nhiều nhà cách mạng, nhà văn hóa, nhà tư tưởng lỗi lạc, nghiên cứu nhiều học thuyết, nhưng không có một vĩ nhân nào, một học thuyết nào giành được lòng kính yêu, niềm tin tưởng và ảnh hưởng sâu sắc đến Người như Lê-nin và chủ nghĩa Mác - Lê-nin nói chung, cũng như học thuyết của Lê-nin về Đảng nói riêng.

Hồ Chí Minh đã sớm nhận thấy sự thống nhất giữa tư tưởng của Lê-nin với tư tưởng Mác, Ăng-ghen, đánh giá cao công lao to lớn của Lê-nin đối với

---

(1) Xem Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1995, t 1, tr 295

(2) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, t 1, tr 193

(3) Hồ Chí Minh : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, t 1, tr 77

(4) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1995, t 1, tr 236

(5) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 1, tr 295

Digitized by Google

việc bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác trong thời đại mới. Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm đến những chỉ dẫn của Lê-nin về các vấn đề dân tộc và thuộc địa, và tư tưởng cách mạng sáng tạo của Lê-nin đã ảnh hưởng sâu sắc đến tư duy lý luận của Người. Hồ Chí Minh đã nhiều lần nhắc lại lời kêu gọi của Lê-nin đối với các nhà cách mạng phương Đông : "Trước mắt các bạn đang có một nhiệm vụ mà trước kia những người cộng sản toàn thế giới không có : dựa vào lý luận và thực tiễn chung của chủ nghĩa cộng sản, áp dụng vào những điều kiện đặc biệt, không có ở các nước châu Âu, các bạn phải vận dụng lý luận và thực tiễn ấy vào điều kiện, khi nông dân là quần chúng cơ bản, khi cần phải giải quyết nhiệm vụ đấu tranh không phải chống tư bản, mà chống những tàn tích của thời trung cổ" (6).

Sinh ra từ đất mẹ Việt nam anh hùng và thấm sâu truyền thống tự lực, tự cường, quật khởi của dân tộc, Nguyễn Ái Quốc rất nhạy cảm tiếp thu tư tưởng của Lê-nin về vai trò to lớn, chủ động sáng tạo của công cuộc đấu tranh tự giải phóng của các dân tộc thuộc địa. Người đã nhiều lần nhắc lại quan điểm của Lê-nin rằng, cách mạng ở phương Tây muốn thắng lợi thì phải liên hệ chặt chẽ với phong trào đấu tranh chống đế quốc ở các nước thuộc địa và phụ thuộc. Người nhấn mạnh : "Lê-nin là người đầu tiên đã hiểu và đánh giá hết tầm quan trọng lớn lao của việc lôi cuốn nhân dân các nước thuộc địa vào phong trào cách mạng" ; Lê-nin là người đầu tiên đã kiên quyết chỉ trích mọi thành kiến đối với nhân dân các nước thuộc địa đã ăn sâu vào tận xương tủy của nhiều công nhân châu Âu và châu Mỹ ; và chỉ ra rằng "nếu không có sự tham gia của các dân tộc thuộc địa thì cách mạng xã hội chủ nghĩa không thể có được" (7).

Hồ Chí Minh đã sớm thấy mối quan hệ giữa cách mạng Việt nam với phong trào cách mạng thế giới. Người viết : "Vấn đề dân tộc, như Lê-nin đã dạy chúng ta, chỉ là một bộ phận của vấn đề chung về cách mạng vô sản và chuyên chính vô sản"(8). Như vậy, với Người, *độc lập dân tộc phải gắn liền với chủ nghĩa xã hội ; chủ nghĩa yêu nước chân chính phải gắn liền với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân.*

Vốn tư chất là một con người sáng tạo, lại tiếp nhận ảnh hưởng sâu sắc của sự sáng tạo của tư tưởng Lê-nin và trở thành một nhà cách mạng sáng tạo, Hồ Chí Minh không giáo điều rập khuôn. Đối với cách mạng Việt nam, Người chủ trương tiến hành một cuộc cách mạng do chính đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo, ngay cả trong điều kiện một nước nông nghiệp, giai cấp công nhân chưa lớn mạnh về số lượng. Cuộc cách mạng đó không chỉ chống phong kiến mà trước hết là chống đế quốc xâm lược. Cách mạng Việt nam phải trải qua thời kỳ dân tộc và dân chủ nhằm mục tiêu chiến lược là chống đế quốc, giành độc lập dân tộc và chống phong kiến, đem lại ruộng đất cho nông dân ; nhưng không thể dừng ở đó, mà phải tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa, thực chất là sự nghiệp xây dựng một nước Việt nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ, giàu mạnh, và góp phần xứng đáng vào sự nghiệp chung của nhân dân thế giới, như Di chúc của Người đã chỉ rõ.

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu chiến lược của cách mạng Việt nam, vận dụng sáng tạo tư tưởng của Lê-nin vào việc xây dựng các nhân tố bảo đảm cho cách mạng đi đến thành công, Hồ Chí Minh đã dành tâm lực của mình vào việc xây dựng khối liên minh công nông làm nền tảng để xây dựng một mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi chống kẻ thù của giai cấp và của dân tộc. Để giành chính quyền và bảo vệ chính quyền, Người chú trọng xây dựng lực lượng vũ trang làm nòng cốt cho bạo lực cách mạng quần chúng ; đồng thời Người cũng hết sức chú trọng tranh thủ lực lượng đoàn kết của nhân dân tiến bộ ủng hộ và giúp đỡ sự nghiệp đấu tranh của nhân dân ta. Thấm nhuần tư tưởng của Lê-nin về vai trò lãnh đạo của một Đảng kiểu mới của giai cấp vô sản, Hồ Chí Minh đã sáng lập và toàn tâm toàn ý chăm lo cho sự trưởng thành và vững mạnh không ngừng một chính đảng của giai cấp công nhân trong điều kiện Việt nam. Người chỉ rõ, chính đảng đó là nhân tố quyết định *"trước hết"* đối với mọi thắng lợi của cách mạng.

Hình ảnh Lê-nin và Đảng của giai cấp công nhân Việt nam, do Người sáng lập theo học thuyết Lê-nin, luôn luôn trong tâm trí của Người. Dù trong bất kỳ hoàn cảnh nào, khi còn bôn ba hải ngoại, hay khi đã trở về nước lãnh đạo cách mạng ; khi đất nước còn đen tối, hay khi đã giành được chính quyền, Người vẫn luôn vững một niềm tin son sắt vào sự nghiệp của Lê-nin, con đường của Lê-nin, và Đảng cộng sản theo học thuyết Lê-nin.

Nhấn mạnh *Đảng theo học thuyết Lê-nin*, là Đảng đứng vững trên lập trường của chủ nghĩa Mác -

(Xem tiếp trang 56)

(6) Trích theo Hồ Chí Minh : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, t 2, tr 19

(7) Xem Hồ Chí Minh : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, t 1, tr 76

(8) Hồ Chí Minh : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, t 1, tr 33

Digitized by Google

NHỮNG CỐNG HIẾN XUẤT SẮC CỦA ĐỒNG CHÍ TRƯỜNG CHINH ĐỐI VỚI CÁCH MẠNG VIỆT NAM

ĐỨC VƯỢNG *

ĐỒNG chí Trường Chinh, tên khai sinh là Đặng Xuân Khu (trong quá trình hoạt động còn mang các bút danh Sóng Hồng, T. Tr., Tân Trào, C.G.P, Cờ giải phóng, Nhân, Thận, Toàn, Qua Ninh, T. C, Tr.C, Một đảng viên CSĐD, Quyết chiến, XXX...) sinh ngày 9-2-1907 và mất ngày 30-9-1988, quê quán làng Hành thiện, phủ Xuân trường, (nay là xã Xuân hồng, huyện Xuân thủy) tỉnh Nam định, xuất thân từ một gia đình khoa bảng, bản thân là một trí thức.

Đồng chí Trường Chinh bắt đầu có những hoạt động yêu nước từ năm 1923 khi bước vào học Trường thành chung Nam định. Năm 1927, từ hoạt động yêu nước, đồng chí chuyển sang hoạt động cách mạng, gia nhập tổ chức Việt nam thanh niên cách mạng đồng chí hội ; năm 1929, gia nhập Đông dương cộng sản Đảng ; năm 1930, gia nhập Đảng cộng sản Việt nam. Từ đấy, đồng chí trở thành nhà hoạt động cách mạng chuyên nghiệp. Là một người có sức chịu đựng cao, ăn đói, mặc rét, từng bị địch lùng sục đuổi bắt trong những ngày hoạt động bí mật, được đồng bào, đồng chí đùm bọc, chở che, đồng chí vượt qua mọi khó khăn gian khổ, càng hoạt động càng tôi luyện ý chí cách mạng kiên cường, càng nâng cao bản lĩnh chính trị, tỏ rõ phẩm chất và năng lực của người cách mạng ưu tú, trở thành Tổng bí thư của Đảng. Với đồng chí, cách mạng bao giờ cũng là trên hết, trước hết.

Suốt 65 năm hoạt động cách mạng, đồng chí Trường Chinh có nhiều cống hiến xuất sắc đối với đất nước và dân tộc, nổi bật là :

1. Dưới sự chỉ đạo của lãnh tụ Hồ Chí Minh, đồng chí Trường Chinh là một kiến trúc sư của Cách mạng Tháng Tám năm 1945.

Năm 1939, ở Đông dương xảy ra nhiều sự kiện chính trị lớn. Chính phủ Mặt trận nhân dân Pháp đổ, ảnh hưởng trực tiếp đến Đông dương. Thực dân Pháp mở chiến dịch khủng bố gắt gao những người cộng sản Đông dương và các tổ chức cơ sở đảng. Tiếp đó, chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ (1-9-1939), ít nhiều gây xáo trộn đến Đông dương. Đảng cộng sản Đông dương phải rút vào hoạt động bí mật. Chủ trương của Đảng lúc này là liên hiệp các tầng lớp nhân dân, các lực lượng cải cách dân chủ tiến bộ, không phân biệt giai cấp, đảng phái, tôn giáo, dân tộc vào Mặt trận dân chủ thống nhất để chống phản động thuộc địa, chống phát xít, đòi tự do, cơm áo, hòa bình.

Năm 1940, phát xít Nhật chiếm Đông dương, đẩy nước ta vào tròng bị thống trị của hai tên đế quốc Nhật và Pháp. Cách mạng Việt nam một lần nữa lại lâm vào tình thế khó khăn. Hầu hết các ủy viên Trung ương đều bị địch bắt. Trước tình hình đó, với tinh thần trách nhiệm của một người cộng sản, một xứ ủy viên Xứ ủy Bắc kỳ, đồng chí Trường Chinh đã trao đổi bàn bạc tập thể và đi tới quyết định khôi phục Trung ương Đảng. Hội nghị Trung ương tháng 11-1940 đã bàn về tình hình Đông dương, xúc tiến việc củng cố Đảng, củng cố các đoàn thể trong Mặt trận thống nhất dân tộc phản đế Đông dương, nhất trí chuyển hướng chỉ đạo chiến lược, nêu cao nhiệm vụ giải phóng dân tộc, xác định kẻ thù phải đánh đổ là đế quốc Nhật, Pháp. Hội nghị bầu Ban chấp hành Trung ương lâm thời của Đảng gồm các đồng chí Trường Chinh, Hoàng Văn Thụ, Hoàng Quốc Việt, Phan Đăng Lưu... Đồng chí Trường Chinh được Trung ương phân công làm Quyền Tổng bí thư của Đảng.

Sau Hội nghị Trung ương tháng 11-1940 là Hội nghị Trung ương tháng 5-1941, do Chủ tịch Hồ Chí Minh, đại diện Quốc tế Cộng sản chủ trì. Đồng chí Trường Chinh là một trong những người tham dự

* PGS, PTS sử học, Ban tổ chức trung ương

Digitized by Google

Hội nghị. Hội nghị nhận định tổng thể tình hình thế giới và tình hình Đông dương, cho rằng, chiến tranh thế giới thứ hai là chiến tranh giữa hai thế lực đế quốc chủ nghĩa và đang có nguy cơ chuyển biến thành chiến tranh chống chủ nghĩa xã hội. Đông dương bị đế quốc lôi cuốn vào khói lửa chiến tranh, gây sự đổ nát về kinh tế và rối loạn về xã hội. Trong khi mối đe dọa của thực dân Pháp còn chồng chất, thì bàn tay tàn bạo của phát xít Nhật đối với nhân dân ta ngày càng bóp chặt. Để đưa cách mạng Đông dương tiến lên, Hội nghị khẳng định mạnh mẽ vai trò lãnh đạo của Đảng. Chỉ có Đảng mới đoàn kết được các dân tộc đấu tranh chống kẻ thù chung, giành độc lập bằng cuộc cách mạng giải phóng dân tộc. Hội nghị quyết định thành lập Mặt trận Việt minh, quyết định khởi nghĩa vũ trang, giành chính quyền về tay nhân dân. Hội nghị nhất trí với Nghị quyết Trung ương về cách mạng Đông dương do đồng chí Trường Chinh soạn thảo. Hội nghị bầu Ban chấp hành trung ương chính thức do đồng chí Trường Chinh làm Tổng bí thư và Ban thường vụ trung ương gồm các đồng chí Trường Chinh, Hoàng Văn Thụ, Hoàng Quốc Việt.

Về kết quả Hội nghị trung ương tháng 5-1941, đồng chí Trường Chinh viết : "Chúng ta đều biết cuộc Hội nghị này rất quan trọng. Nó đã phân tích tình hình Việt nam và thế giới một cách sâu sắc... Chủ trương, chính sách mà Trung ương đề ra trong Hội nghị lịch sử đó đã được toàn Đảng chấp hành nghiêm chỉnh và đã dẫn đến thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám (1945)" (1).

Sau Hội nghị trung ương tháng 5-1941, trên cương vị Tổng bí thư của Đảng, đồng chí Trường Chinh cùng tập thể Ban chấp hành trung ương Đảng, xúc tiến mạnh mẽ việc xây dựng phong trào cách mạng trong toàn quốc, xây dựng Đảng, phát triển mạnh các đoàn thể cứu quốc trong Mặt trận Việt minh, đẩy tới nhiều cuộc đấu tranh chống đế quốc xâm lược Đông dương, giành độc lập, tự do cho Tổ quốc. Đồng chí Trường Chinh đã soạn thảo kế hoạch bảo vệ Đảng, tổ chức An toàn khu. Nhờ đó mà lực lượng cách mạng được bảo toàn. Bản thân đồng chí đã lăn lộn khắp nơi để xây dựng cơ sở, truyền đạt nghị quyết của Đảng đến nhân dân, chuẩn bị mọi mặt cho cuộc Tổng khởi nghĩa trong toàn quốc.

Đứng trước âm mưu của Nhật muốn truất quyền Pháp nhằm độc chiếm Đông dương, ngày 7-5-1944, đồng chí Trường Chinh viết bản Chỉ thị: *"Sửa soạn khởi nghĩa"*, để nhân cơ hội Nhật - Pháp đánh nhau, Đảng phát động nhân dân vùng lên khởi nghĩa giành chính quyền. Đồng chí Trường Chinh và Thường vụ trung ương theo dõi sát tình hình, kịp lãnh đạo các địa phương chuẩn bị lực lượng, sẵn sàng khởi nghĩa.

Bước sang năm 1945, cục diện chiến tranh thế giới thứ hai ở vào giai đoạn quyết liệt và quyết định. Tình hình chuyển biến mau lẹ, buộc phát xít Nhật phải bị động đối phó. Thường vụ trung ương và đồng chí Trường Chinh dự đoán Nhật sẽ đảo chính Pháp ở Đông dương. Dự đoán đó đã trở thành hiện thực. Sự kiện này xảy ra ngày 9-3-1945. Đồng chí Trường Chinh quyết định triệu tập Hội nghị thường vụ trung ương mở rộng vào ngày 9-3-1945 để bàn việc đối phó với tình hình khi xảy ra đột biến. Tại Hội nghị, đồng chí nhận định : việc Nhật đảo chính Pháp cũng không thể làm cho Nhật đứng lâu trên mảnh đất Đông dương, quyền thống trị của Nhật ở Đông dương nhất định sẽ tan rã. Nhận định này rất quan trọng. Nó xác định mục tiêu chiến lược của cách mạng và gây niềm tin tưởng, phấn khởi trong nhân dân. Đồng chí Trường Chinh và Thường vụ trung ương nhận định rằng, Pháp đã bị Nhật đánh bại, cho nên kẻ thù chính, cụ thể, trước mắt của cách mạng Đông dương là phát xít Nhật. Vì vậy, khẩu hiệu : "Đánh đuổi phát xít Nhật, Pháp" trước đây phải được thay bằng khẩu hiệu : "Thành lập chính quyền cách mạng của nhân dân Đông dương, chống lại chính quyền Nhật và chính quyền bù nhìn của bọn việt gian thân Nhật". Nhân thời cơ Nhật đảo chính Pháp, đồng chí Trường Chinh và Thường vụ trung ương chủ trương phát động một cao trào kháng Nhật, cứu nước mạnh mẽ, làm tiền đề cho cuộc Tổng khởi nghĩa, động viên nhân dân nỗ lực phấn đấu, đứng ở tư thế làm chủ đất nước khi quân Đồng minh đổ bộ vào Đông dương, quyết tâm đánh đuổi quân Nhật ra khỏi đất nước.

Đồng chí trực tiếp soạn thảo chỉ thị nổi tiếng : *"Nhật, Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta"*, phân tích sâu sắc tình thế mới, điều kiện mới, cục

(1) Trường Chinh : *Hồ Chủ tịch, lãnh tụ kính yêu của giai cấp công nhân và nhân dân Việt nam*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1970, tr 25 - 26

Digitized by Google

diện mới của cách mạng Đông dương, chiến lược, chiến thuật của Đảng. Tư tưởng chỉ đạo có tính chất bao trùm của Chỉ thị thực chất là chương trình hành động cách mạng của nhân dân ta thời kỳ tiền khởi nghĩa. Cần hành động ngay, hành động kiên quyết, nhanh chóng, chủ động, sáng tạo, đẩy mạnh cao trào kháng Nhật, cứu nước, tiến tới tổng khởi nghĩa. "Thắng lợi cuối cùng nhất định về tay chúng ta" (2).

Chỉ thị *"Nhật, Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta"* là một văn kiện lịch sử. Nó ra đời đúng vào thời điểm khởi đầu một giai đoạn mới có tính chất bước ngoặt của cách mạng Việt nam. Cùng với *"Thư kêu gọi Tổng khởi nghĩa"* của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Chỉ thị *"Nhật, Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta"* của Tổng bí thư Trường Chinh đã làm dấy lên cao trào cách mạng cứu nước sục sôi trong toàn quốc diễn ra suốt từ tháng 3 đến tháng 8-1945. Theo đề nghị của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Hội nghị toàn quốc của Đảng và Đại hội quốc dân Tân trào họp vào tháng 8-1945, đã quyết định phát động Tổng khởi nghĩa trong cả nước, thành lập Chính phủ lâm thời, ghi dấu ấn lịch sử, quyết định thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám ở Việt nam.

Tổng bí thư Trường Chinh đã tổng kết về Cách mạng Tháng Tám, nêu bật những thành tựu mà nhân dân ta đã giành được trong Cách mạng Tháng Tám mà nguyên nhân chính là sự lãnh đạo của Đảng rất sáng tạo, kịp thời, tập hợp được đông đảo lực lượng nhân dân trong Mặt trận Việt minh, cùng nhau vùng lên khởi nghĩa thắng lợi. Ưu điểm cơ bản của Cách mạng Tháng Tám là chuẩn bị chu đáo, đặc biệt là chuẩn bị về đường lối, nghệ thuật, xác định kẻ thù chính cần đánh đổ, chuẩn bị tốt lực lượng và tổ chức chặt chẽ, lôi cuốn được mọi tầng lớp nhân dân, thống nhất ý chí và hành động. Đồng chí kết luận : "Cách mạng Tháng Tám Việt nam là một cuộc cách mạng giải phóng dân tộc" (3). Cuộc cách mạng ấy nhất định sẽ giành được thắng lợi cuối cùng khi nó tiến lên cách mạng xã hội chủ nghĩa.

2 - Giương cao ngọn cờ cách mạng của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, Tổng bí thư Trường Chinh đã có những đóng góp to lớn trong việc hoạch định đường lối chống thực dân Pháp.

Vấn đề này được thể hiện trong tác phẩm : *"Kháng chiến nhất định thắng lợi"* viết năm 1947, Báo cáo *"Bàn về cách mạng Việt nam"* tại Đại hội II của Đảng (1951) và một số tác phẩm, chỉ thị quan trọng khác của đồng chí. Đồng chí Trường Chinh nêu rõ mục đích của cuộc kháng chiến là giành độc lập, tự do cho Tổ quốc. Muốn vậy, phải đạt được ba mục tiêu về quân sự : Tiêu diệt lực lượng địch trên đất nước ta ; đè bẹp ý chí xâm lược của địch ; lấy lại toàn bộ đất nước". Vì cuộc kháng chiến của nhân dân ta chống xâm lược là sự tiếp tục cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân bằng hình thức chiến tranh, cho nên cuộc kháng chiến còn có mục tiêu vì dân chủ tự do, vì hòa bình thế giới. Vì giải phóng dân tộc là yêu cầu nóng bỏng và cấp bách nhất, cho nên yêu cầu dân chủ (chủ yếu là thực hiện chính sách ruộng đất cho nông dân - Đ.V) không thể đặt ngang hàng với yêu cầu giải phóng dân tộc (4). Đường lối kháng chiến của Đảng ta, theo Tổng bí thư Trường Chinh, là đoàn kết toàn dân chống thực dân Pháp, cô lập kẻ thù, tranh thủ thêm nhiều bầu bạn ủng hộ Việt nam. Cuộc kháng chiến của nhân dân ta được tiến hành theo đường lối chiến tranh nhân dân, do nhân dân tiến hành, dưới sự lãnh đạo của Đảng. Lực lượng kháng chiến là giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, giai cấp tiểu tư sản, giai cấp tư sản dân tộc, chủ yếu là giai cấp công nhân và giai cấp nông dân. Phương châm kháng chiến là đánh lâu dài, vừa đánh vừa giữ gìn và bồi dưỡng lực lượng, chuyển thiếu thành đủ, yếu thành mạnh, khiến cho địch từ mạnh chuyển sang yếu, từ thắng chuyển sang bại. Chiến thuật của ta là tích cực tiến công, giải quyết mau trong từng trận, lấy du kích chiến làm lối đánh phổ biến nhất, dần dần chuyển sang vận động chiến, xây dựng lực lượng bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương, dân quân tự vệ. Hình thái chiến tranh trong kháng chiến, theo quan điểm của đồng chí Trường Chinh, là kháng chiến trên các mặt trận quân sự, kinh tế, văn hóa,

(2) Đây là câu kết thúc của Chỉ thị "Nhật, Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta" do đồng chí Trường Chinh viết ngày 12-3-1945, *Văn kiện Đảng 1930 - 1945*, Ban nghiên cứu lịch sử Đảng trung ương xuất bản, Hà nội, 1977, t 3, tr 393

(3) Trường Chinh : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1987, tr 169

(4) Xem Trường Chinh : *Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt nam*. Nxb Sự thật, Hà nội, 1987, t 2, tr 30

Digitized by Google

ngoại giao, đánh địch ở cả ba vùng : thành thị, nông thôn, miền núi.

Những quan điểm về chiến tranh cách mạng của đồng chí Trường Chinh đã góp phần xây dựng kho tàng lý luận về chiến tranh giải phóng dân tộc và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc của nhân dân Việt nam. Quan điểm này đã được Đại hội II của Đảng thừa nhận và Hội nghị lần thứ nhất Ban chấp hành trung ương Đảng khóa II nhất trí bầu lại đồng chí làm Tổng bí thư của Đảng.

Đường lối của Đảng, tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của các đồng chí Trường Chinh, Lê Duẩn,... về cuộc kháng chiến chống Pháp đều là những tiền đề quan trọng để Đảng ta hoạch định đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước sau đó.

3 - Đồng chí Trường Chinh có công lớn góp phần quan trọng vào việc đề ra đường lối đổi mới.

Ngày 10-7-1986, Tổng bí thư Lê Duẩn từ trần. Ngày 14-7-1986, Ban chấp hành trung ương Đảng họp phiên đặc biệt, nhất trí bầu đồng chí Trường Chinh làm Tổng bí thư của Đảng. Đây là lần thứ ba Đồng chí được bầu làm Tổng bí thư. Sau khi nhận trọng trách mới, đồng chí Trường Chinh đã cùng Trung ương Đảng tập trung lãnh đạo công việc chuẩn bị tốt cho Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng, đồng thời lãnh đạo giải quyết những vấn đề cấp bách về kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, đối ngoại.

Trong bài phát biểu quan trọng tại Hội nghị cán bộ nghiên cứu dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội VI của Đảng (họp từ ngày 7 đến 10-7-1986), đồng chí Trường Chinh nêu rõ :

"... Để thực hiện đường lối của Đảng đã được Đại hội lần thứ IV và Đại hội lần thứ V nêu ra, quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta đòi hỏi chúng ta phải *đổi mới* trên nhiều mặt : *đổi mới tư duy, nhất là tư duy kinh tế, đổi mới phong cách làm việc, đổi mới tổ chức và cán bộ.* Đại hội VI của Đảng ta phải đáp ứng yêu cầu đó. Bước đổi mới phải được thể hiện trong nội dung các văn kiện của Đảng, trước hết là trong Báo cáo chính trị và trong phương hướng bố trí nhân sự của Trung ương, của các cấp ủy đảng tại đại hội các cấp và Đại hội toàn quốc lần này".

Khẳng định rằng sự đổi mới đó dựa trên những bài học được đúc kết từ những thắng lợi đã đạt được và những khuyết điểm, sai lầm mà chúng ta đã phạm trong 11 năm qua (1975 - 1986), khi cả nước bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, đồng chí Trường Chinh nêu lên mấy bài học kinh nghiệm quan trọng :

Một là, sức mạnh của một nước, của cách mạng *chính là ở nhân dân.* Để thật sự phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động, phải tin tưởng ở nhân dân, mọi chủ trương, chính sách đều phải *lấy dân làm gốc.* Cha ông ta từ xưa đã nghĩ và làm như vậy. Trong thời đại ngày nay, từ tiền khởi nghĩa đến Cách mạng Tháng Tám, kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ... Đảng ta đều làm như vậy. *Đi lên chủ nghĩa xã hội ngày nay lại càng phải làm như vậy.*

Chính sách của Đảng phải xuất phát từ lợi ích, nguyện vọng và trình độ của dân. Đánh giá chính sách của chúng ta đúng hay sai, tốt hay xấu là phải nhìn ở chỗ đa số quần chúng nhân dân có phấn khởi, đồng tình, hăng hái thực hiện hay không ? Sản xuất có được đẩy mạnh, kinh tế có phát triển, đời sống có ổn định và từng bước được cải thiện, quốc phòng, an ninh có vững mạnh hay không ? Ai thực hiện chính sách ? Đó *là nhân dân*, không phải ai khác. Ngay cả trong trường hợp chính sách đúng rồi mà nhân dân chưa hiểu, chưa đồng tình thì cũng không làm được. Khi đó phải ra sức giáo dục, giải thích cho dân, biết chờ đợi dân. Có khi phải điều chỉnh chính sách cho phù hợp với thực tế và với trình độ của quần chúng.

Phải giáo dục, làm cho dân hiểu, dân tin ở Đảng, *tạo ra phong trào cách mạng* rộng lớn, sôi nổi của nhân dân lao động tự nguyện, hăng hái phấn đấu xây dựng chủ nghĩa xã hội. Từ khi cả nước bước vào thời kỳ quá độ, không ít cán bộ, đảng viên đã xa dân, đã quên những năm tháng gian khổ, hy sinh, cùng nhân dân đồng cam cộng khổ, tưởng rằng chỉ có làm cách mạng lúc bí mật, tiến hành chiến tranh giải phóng mới cần dựa vào dân, còn xây dựng chủ nghĩa xã hội thì nhân dân chỉ một mực nghe theo. Lê-nin đã nói : "Nguy cơ của một đảng cầm quyền chính là ở chỗ cắt rời mối liên hệ với quần chúng nhân dân".

Bài học "*cách mạng là sự nghiệp của quần chúng*" trước đây rất quan trọng, *bây giờ càng quan trọng,* đó là bài học lịch sử vô giá của cách mạng nước ta.

Digitized by Google

Hai là, trong công tác lãnh đạo, phải tôn trọng quy luật khách quan, vận dụng nó vào thực tế. Đồng chí Tổng bí thư Lê Duẩn đã nói : "Làm chủ là nắm vững quy luật và hành động theo quy luật". Đúng thế ; cưỡng lại quy luật thì chẳng những không làm chủ được mà còn bị nó quật lại.

Hơn 10 năm qua đã cho thấy rõ muốn chuyển biến tình hình kinh tế - xã hội, trước hết phải *thay đổi nhận thức, thay đổi tư duy*, đặc biệt là *tư duy kinh tế*. Chủ nghĩa Mác - Lê-nin nêu lên những nguyên lý chung có tính phổ biến. Song vận dụng những nguyên lý đó vào hoàn cảnh Việt nam như thế nào là việc của chúng ta phải làm ; không ai có thể làm thay chúng ta được. Muốn vậy, phải xuất phát từ thực tế Việt nam, với những con người Việt nam cụ thể, với điều kiện phát triển cụ thể của lịch sử, của nền kinh tế, của điều kiện xã hội, của những truyền thống Việt nam...

Đồng chí Trường Chinh đã nêu lên một số vấn đề có tính quy luật về xây dựng kinh tế, cải tạo xã hội chủ nghĩa và kết luận :

"Có thể nói ngay rằng làm sai quy luật thì không thể đi lên chủ nghĩa xã hội được, càng sai quy luật thì con đường lên chủ nghĩa xã hội càng kéo dài ra, chứ không hề gần lại với chúng ta. Đốt cháy giai đoạn, làm trái quy luật, tưởng như vậy là đi nhanh hơn, kỳ thật sẽ đi rất chậm.

Tóm lại, *tôn trọng quy luật khách quan, vận dụng đúng đắn, hành động theo quy luật* chính là cách đi lên chủ nghĩa xã hội đúng nhất và nhanh nhất, không có con đường nào khác. Đó là bài học thứ hai của chúng ta."

Ba là, để bảo đảm huy động được đầy đủ sức mạnh của nhân dân trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, bảo đảm cho việc tự giác vận dụng các quy luật, tạo điều kiện thuận lợi phát huy tác dụng tích cực của chúng, *nhất thiết phải giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng.*

Đảng lãnh đạo phải nắm vững hệ thống quy luật tác động lên xã hội trong từng giai đoạn lịch sử. Trên cơ sở nhận thức đúng hệ thống quy luật đó, sự lãnh đạo của Đảng phải nhằm phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của nhân dân, hướng họ vào việc tự giác hành động theo quy luật. Sức mạnh của quy luật là vô địch. Lực lượng hùng hậu của chuyên chính vô sản, tiềm năng to lớn của nhân dân lao động có được phát huy đầy đủ hay không chính là ở chỗ lực lượng đó, tiềm năng đó có được hướng vào việc hành động hợp quy luật hay không...

Tư tưởng đổi mới và ba bài học mà đồng chí Trường Chinh rút ra đến nay vẫn còn nóng hổi.

Tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (tháng 12-1986), Tổng bí thư Trường Chinh đọc Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng, nêu bật tình hình và nhiệm vụ ; phương hướng cơ bản của chính sách kinh tế - xã hội ; nhiệm vụ và chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta ; phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động ; nâng cao hiệu quả quản lý của Nhà nước xã hội chủ nghĩa ; nâng cao năng lực và sức chiến đấu của Đảng. Đồng chí nhấn mạnh : "Thái độ của Đảng ta trong việc đánh giá tình hình là nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật" (5). Trên cơ sở những thành tựu đã giành được và những khuyết điểm, sai lầm đã mắc phải, Báo cáo chính trị rút ra *bốn bài học lớn*, trong đó, bài học thứ nhất, thứ hai và thứ tư, đồng chí Trường Chinh đã nêu ở Hội nghị cán bộ nghiên cứu dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội VI. Báo cáo chính trị bổ sung thêm bài học thứ ba là : "Phải biết kết hợp sức mạnh của dân tộc với sức mạnh của thời đại trong điều kiện mới" (6).

Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương (khóa V) do đồng chí Trường Chinh trình bày đã được Đại hội lần thứ VI của Đảng nhất trí thông qua, mở ra thời kỳ đổi mới sâu sắc và toàn diện trên đất nước ta. Đường lối đổi mới của Đảng đã được đẩy mạnh thực hiện từ sau Đại hội VI và được bổ sung, phát triển trong các Đại hội VII và VIII của Đảng.

Đồng chí Trường Chinh là nhà lãnh đạo cách mạng, lãnh đạo nhà nước, nhà lý luận của Đảng. Lý luận của đồng chí bắt nguồn từ chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng thời, nắm bắt nhanh nhậy tình hình thực tế của đất nước để cùng toàn đảng, toàn dân xây dựng và thực hiện đường lối cách mạng và đổi mới. ❑

(5) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1987, tr 12

(6) Văn kiện *đã dẫn*, tr 30

Digitized by Google

TRƯỜNG CHINH,
MỘT TƯ DUY VĂN HÓA SÁNG TẠO

HÀ XUÂN TRƯỜNG

HOẠT động văn hóa nghệ thuật là một bộ phận trong toàn bộ sự nghiệp lớn lao của đồng chí Trường Chinh, nhưng cũng thật khó tách từng bộ phận của sự nghiệp đó để đánh giá cho chính xác. Mỗi bộ phận có những nét đặc thù, nhưng đối với đồng chí Trường Chinh những nét đặc thù đó đều là rất tương đối, nó được tập hợp lại không phải ngẫu nhiên, mà theo một đường hướng, một quy luật chung của cách mạng Việt nam. Từ một bài thơ tưởng như ngẫu nhiên chợt cảm hứng trên đường đi, đến một quyết định lớn lao quan hệ đến số phận của đất nước, tôi cảm giác như mọi việc đều được xếp đặt, mọi việc như đã đón trước. Cũng như Hồ Chí Minh và các học trò của Người, Trường Chinh làm văn hóa, nghệ thuật là để làm cách mạng, mục tiêu là cách mạng. Điều đặc biệt ở Trường Chinh là văn hóa là công tác thường ngày, công tác được Đảng phân công phụ trách. Có thể nói dù ở trên cương vị nào, của Đảng hay Nhà nước suốt một thời gian dài trên nửa thế kỷ cho đến lúc mất, Trường Chinh là hiện thân của công tác tư tưởng và văn hóa của Đảng. Khác với hoạt động đấu tranh chính trị, quân sự và kinh tế, tính chất Trường Chinh trong hoạt động văn hóa, nghệ thuật mang nhiều dấu ấn nhất của cá tính tác giả. Trường Chinh là nhà lý luận, là nhà văn hóa lớn của Đảng. Đồng chí nổi tiếng về tính nguyên tắc, phong cách cẩn thận, tỉ mỉ, con người uyên thâm trên mặt trận tư tưởng - văn hóa. Nhưng tính nguyên tắc của đồng chí không ràng buộc sự cởi mở trong tư duy những tiếp nhận, những ý tưởng mới ngoài hệ thống chính thống.

Đã nhiều lần đọc tác phẩm của đồng chí Trường Chinh, và hơn thế tôi được vinh dự sống trong không khí của nhiều văn bản của đồng chí Trường Chinh từ giữa năm 1947 cho đến sau này, tôi thấy bao chứa nhiều mặt của lĩnh vực tư tưởng và văn hóa, bao chứa nhiều tư duy sâu thẳm của một lãnh tụ cách mạng vô sản, dành nhiều thời gian nhất cho lĩnh vực này ; và hơn nữa trên lĩnh vực văn hóa, nghệ thuật phức tạp và tế nhị này, tuy tưởng như thống nhất với những nguyên tắc chung, nhưng khi đi sâu vào vấn đề, chúng ta sẽ thấy có những nét khác biệt. Làm thơ để nói lên một quan điểm về thơ, làm thơ để nói lên một cảm xúc không thể tả được ngoài thơ.

Trong cuộc đấu tranh của Đảng ta về đường lối cách mạng, cuộc đấu tranh những năm 1933 - 1935 mà người đứng đầu là đồng chí Hải Triều về "duy tâm hay duy vật" và "nghệ thuật vị nghệ thuật hay nghệ thuật vị nhân sinh" đã làm sáng tỏ ở mức độ nhất định quan điểm của Đảng về văn học, nghệ thuật. Ở thời kỳ Mặt trận dân chủ, văn chương mác xít được phổ biến rộng rãi qua những tờ báo của Đảng và của Mặt trận dân chủ. Những khuynh hướng tả thực, yêu nước và tiến bộ chịu ảnh hưởng của Đảng. Sau thời kỳ Mặt trận dân chủ, chính trị và văn hóa bước vào một thời kỳ mới, tập hợp mọi lực lượng đoàn kết toàn dân giải phóng dân tộc. Mặt trận Việt nam độc lập đồng minh (gọi tắt là Việt Minh) thành lập. Hội nghị lần thứ tám của BCH TƯ Đảng cộng sản Đông dương (1941) dưới sự chủ tọa của Bác Hồ, bầu đồng chí Trường Chinh làm Tổng bí thư của Đảng. Thường vụ trung ương Đảng họp ngày 25-3-1943 đã quyết định : "Đảng

Digitized by Google

cần phải cán bộ chuyên môn hoạt động về văn hóa, đặng gây ra một phong trào văn hóa tiến bộ, văn hóa cứu quốc chống lại văn hóa phản động thụt lùi. Ở những đô thị văn hóa như Hà nội, Sài gòn, Huế... phải gây ra những tổ chức văn hóa cứu quốc và phải dùng những hình thức công khai hay bán công khai đặng đoàn kết các nhà văn hóa, trí thức..." Thi hành quyết định đó, *Hội văn hóa cứu quốc* được thành lập và *Đề cương văn hóa Việt nam* ra đời do đồng chí Trường Chinh soạn thảo có sự góp ý của Bác Hồ. Trong thời điểm đó, mặc dầu còn một số hạn chế, nhìn tổng quát, bản *Đề cương* không những đáp ứng được những yêu cầu cấp bách của giới trí thức lúc bấy giờ mà còn đề xuất đúng đắn những tư tưởng lớn cho một nền văn hóa Việt nam mà chúng ta đang xây dựng. Trên thực tế, tinh thần yêu nước của giới trí thức Việt nam đã được nung nấu, có những lúc bị thực dân và phong kiến khủng bố, đàn áp nhưng không bao giờ tắt. Cái thiếu là thiếu ngọn cờ tiên phong. Sự chuẩn cho ngọn cờ tiên phong đó là các phong trào văn học dù dưới hình thức dân tộc chủ nghĩa, hay cải lương, là phong trào truyền bá quốc ngữ, là hướng thanh niên vào sự nghiệp cứu nước, vào khoa học, nâng cao dân trí. Cho nên khi có *Đề cương văn hóa* thì như ánh sáng tỏa ra mau chóng, nó phổ biến bằng nhiều con đường vào đời sống xã hội bấy giờ.

Trên báo *Tiên phong* số 2 ngày 1-12-1945 bằng một giọng văn sắc gọn, đồng chí cổ vũ cho "ba nguyên tắc, ba khẩu hiệu" :

"- Dân tộc hóa

- Khoa học hóa

- Đại chúng hóa

"Phàm cái gì chống lại tinh thần dân tộc độc lập, thống nhất, phải thẳng cánh đập tan

"Phàm cái gì trái khoa học, phản tiến bộ, phải kiên quyết bài trừ

"Phàm cái gì phản đại chúng, xa đại chúng, phải nhất luật phê phán

"Ba nguyên tắc trên đây là cái khâu của một sợi dây chuyền. Nó có tính cách liên hoàn. Không thể hoàn thành nhiệm vụ vận động văn hóa mới Việt nam nếu ta bỏ sót một nguyên tắc nào trong ba nguyên tắc ấy".

Đấu tranh cho ba nguyên tắc đó, một mặt đề phòng các khuynh hướng dân tộc hẹp hòi, cải lương, một chiều, mặt khác chống lại các khuynh hướng tờ-rốt-kít phá hoại đoàn kết dân tộc. Vì quyền lợi tối cao của đoàn kết dân tộc, Trường Chinh không ngần ngại vạch trần quyển sách *Hai Bà Trưng khởi nghĩa* của Nguyễn Tế Mỹ do nhà Hàn Thuyên xuất bản, xuyên tạc lịch sử, coi đó là "một con quỷ đội lốt mác xít". Bài báo bảo vệ một cách sắc sảo chủ nghĩa duy vật lịch sử.

Những nhóm trí thức yêu nước hồi đó như "Tri Tân", "Thanh Nghị" tuy có tấm lòng thiết tha yêu nước, nhưng không hiểu hết thời thế. Thời thế lộn xộn, mất hướng nẩy sinh thứ văn chương mà Trường Chinh gọi là "văn chương không đau mà rên" "văn chương bò sát đất". Trong bối cảnh như vậy bài báo "Mấy nguyên tắc lớn của vận động văn hóa mới Việt nam lúc này" giải thích *Đề cương văn hóa* là tiếng nói đầy thuyết phục đối với lực lượng yêu nước, đồng thời phê phán quyết liệt những thế lực đối địch. Với một thái độ chân tình, thẳng thắn với một sự hiểu biết thấu đáo, Đảng đã nhanh chóng tập hợp những lượng trí thức cùng với toàn dân đứng lên làm Tổng khởi nghĩa.

Cuộc kháng chiến chống Pháp bùng nổ. Hầu hết trí thức yêu nước, không phân biệt giai cấp, tín ngưỡng, dân tộc hưởng ứng lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh ra chiến khu kháng chiến. Tháng 7-1948, tiếp tục làm nhiệm vụ của Đại hội văn hóa lần thứ nhất tháng 11-1946 bị bỏ dở (do giặc Pháp gây hấn), Đại hội văn hóa toàn quốc lần thứ hai họp ở Phú thọ là Đại hội đầu tiên của giới văn hóa Việt nam dưới sự lãnh đạo của Đảng họp trong những năm đầu của cuộc kháng chiến gian khổ. Trường Chinh thay mặt Trung ương Đảng đọc báo cáo *Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt nam.*

Digitized by Google

Tiếp theo *Đề cương văn hóa Việt nam, Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt nam* là công trình hoàn thiện nhất, đặt cơ sở lý luận cho đường lối xây dựng nền văn hóa văn nghệ cách mạng, và giải quyết những vấn đề thực tiễn của văn hóa nước ta trong giai đoạn cách mạng dân tộc và dân chủ. Ngày nay đọc lại *Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt nam*, nhiều người ngạc nhiên về tính khoa học và tinh thần cách mạng của một tác phẩm ra đời trong hoàn cảnh kháng chiến bề bộn bao việc nước sôi lửa bỏng, các cơ quan chỉ đạo của Đảng phải ở trong rừng, những tài liệu tra cứu rất thiếu thốn. Bảy chương của bản báo cáo thể hiện một lối văn chính luận, chiến đấu, súc tích, sáng sủa, lôi cuốn từ đầu chí cuối. *Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt nam* là một tác phẩm sáng giá của văn hóa - văn nghệ mác xít nước ta. Trong tác phẩm này, Trường Chinh đã giải quyết những vấn đề quan hệ giữa văn hóa, nghệ thuật với kinh tế, chính trị, quan hệ giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần. Một mặt nói "kinh tế quyết định văn hóa" mặt khác khẳng định "sự chênh lệch giữa kinh tế và văn hóa là một đặc điểm của xã hội phân chia giai cấp".

Nguồn gốc và tính chất của nghĩa lãng mạn là một vấn đề phức tạp của văn học nước ta. Trường Chinh cho chúng ta một nhận định khá thuyết phục chứa đựng ngay trong mâu thuẫn của thực trạng xã hội đang chuyển mình :

"Các nhà văn lãng mạn nước ta từ những năm 1926 - 1927 đến năm 1945 chỉ có thể sao chép một cách vụng về những nhà văn lãng mạn Pháp, vì điều kiện kinh tế và xã hội đẻ ra chủ nghĩa lãng mạn Pháp không giống điều kiện kinh tế và xã hội Việt nam trong thời kỳ đó. Nhưng văn học lãng mạn Việt nam mọc ra được những năm 1926 - 1927 là vì khi đó ở Việt nam đã bắt đầu có chủ nghĩa tư bản dân tộc và sau đó càng ngày lối sống của tư sản và tiểu tư sản thành thị càng chống lại lễ giáo phong kiến, tập quán của xã hội phong kiến Việt nam suy tàn. Hơn nữa, vì các tầng lớp tư sản dân tộc và tiểu tư sản Việt nam tìm thấy trong chủ nghĩa lãng mạn một tiếng thở dài chống chế độ thuộc địa".

Nhận định về quan hệ giữa quan điểm và tư tưởng đấu tranh vũ trang, Trường Chinh viết một câu chắc nịch rất sát với thực tế của nước ta :

"Cuộc đấu tranh về tư tưởng đã biến thành cuộc đấu tranh vũ trang. Cuộc công kích bằng vũ khí thay thế cho cuộc công kích bằng ngòi bút. Văn hóa cách mạng đã đi trước thực trạng kinh tế và ảnh hưởng lại xã hội một cách mãnh liệt".

Giải quyết quan hệ biện chứng giữa giai cấp vô sản và tính dân tộc của nền văn hóa Việt nam, tác giả nhấn mạnh đến cái gốc :

"Về xã hội, lấy giai cấp công nhân làm gốc

Về chính trị lấy độc lập dân tộc, dân chủ nhân dân và chủ nghĩa xã hội làm gốc

Về tư tưởng lấy học thuyết duy vật biện chứng và duy vật lịch sử làm gốc

Về sáng tác văn nghệ lấy chủ nghĩa hiện thực xã hội chủ nghĩa làm gốc".

Cho đến hôm nay ngót nửa thế kỷ, những vấn đề cụ thể được đề ra trong *Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt nam* gần như chưa hết vấn đề thời sự. Những vấn đề như "nghệ thuật và tuyên truyền", "phê bình và luận chiến", "làm thế nào để sáng tác văn nghệ được tốt", vẫn còn theo đuổi chúng ta cho đến tận hôm nay.

"Nghệ thuật và tuyên truyền không hoàn toàn khác nhau, nhưng cũng không hoàn toàn giống nhau, tuyên truyền cao tới một mức độ nào đó thì tuyên truyền trở thành nghệ thuật. Nghệ thuật thiết thực tới một mức độ nào đó thì nghệ thuật có tính chất rõ rệt là tuyên truyền".

Trong lúc đòi hỏi "tính kịp thời" tác giả không quên đặc trưng của nghệ thuật, sự nghiền ngẫm lâu dài :

"Văn nghệ sĩ nào có đủ điều kiện hoặc cao hứng muốn sáng tác kỹ và lâu dài để cho tác phẩm nghệ thuật của mình được "vĩnh cửu"

Digitized by Google

xin cứ làm. Một điều chắc chắn là nếu văn nghệ sĩ đó trung thành với thời đại, đi sát cuộc chiến đấu của dân tộc và đời sống của nhân dân, thì tác phẩm của họ nghệ thuật càng cao và càng có ý nghĩa tuyên truyền mạnh"

Câu nói nổi tiếng hồi đó để khích lệ phê bình : "Không có phê bình không có luận chiến, phong trào văn nghệ nước ta êm đềm quá, trầm mặc quá ! Nó khác nào con ngựa đi bước một, cổ rũ xuống đất, thiếu một cái roi phê bình quất cho nó lồng lên". Một thời hình tượng đó được ca ngợi vì tính sát thực dí dỏm của nó... Nói đến ngựa những ngày đầu kháng chiến thì ai cũng thích vì là "chiến mã" mà ! Nhưng sau này "để xuyên tạc" chính trong chúng ta có những người cho rằng Trường Chinh coi phê bình văn học là cái roi ngựa ! Khỏi phải nói tới tính thô bỉ của một lời xuyên tạc.

Không có một tác phẩm nào không có những hạn chế về hoàn cảnh lịch sử cụ thể, *Chủ nghĩa Mác và văn hóa Việt nam* không có ngoại lệ. Nhưng tác phẩm lý luận bắt rễ từ đời sống dân tộc giải quyết những vấn đề của cả một giai đoạn lịch sử chắc chắn sức sống của nó còn lâu dài.

Cho đến tháng 12-1968, cùng với các thư của Trung ương Đảng gửi các Đại hội văn nghệ toàn quốc, Trường Chinh thay mặt Trung ương Đảng bao giờ cũng chuẩn bị một bài phát biểu đánh giá tình hình, nêu lên những vấn đề mà các Đại hội quan tâm. Đồng chí đề cập hầu hết các vấn đề thuộc sáng tạo nghệ thuật : tính đảng, tính nhân dân, tính dân tộc, phương pháp sáng tác, hình tượng nghệ thuật, đào tạo và bồi dưỡng lực lượng trẻ, viết người thật và hư cấu nghệ thuật, phê phán và xây dựng, phê bình, tự do sáng tạo..., kế thừa truyền thống dân tộc và tiếp thu tinh hoa, văn hóa thế giới...

Về quan hệ giữa văn nghệ và chính trị, đồng chí viết : "... đã có những quan điểm giản đơn, thiển cận về vấn đề văn nghệ phục vụ chính trị, dẫn tới chỗ coi nhẹ trách nhiệm cá nhân, ít khuyến khích sự suy nghĩ, tìm tòi của từng người trong việc sáng tác ; gò bó đề tài và hình thức nghệ thuật một cách hẹp hòi, phiến diện. Nhiều tác phẩm muốn "phục vụ chính sách" và "phục vụ kịp thời", nhưng lại rơi vào chỗ tầm thường hóa văn nghệ, đẻ non, làm vội, tuyên truyền chính sách một cách khô khan hoặc công thức".

"Văn nghệ phục vụ chính trị tức là phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân, phục vụ đấu tranh nhằm thực hiện hòa bình thống nhất nước nhà, phục vụ sự nghiệp cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Phương thức phục vụ rất phong phú ; văn nghệ sĩ phải hoàn toàn tự nguyện và phải chủ động trong sự sáng tác của mình". Những quan điểm trên đây hoàn toàn xa lạ với các luận điểm cho Đảng ta là "buộc chặt văn nghệ với chính trị" là "đảng trị". "Phục vụ kịp thời không có nghĩa là giới hạn văn nghệ trong việc tuyên truyền thời sự sốt dẻo hàng ngày như tuyên truyền báo chí. Hãy chấm dứt tình trạng bắt văn nghệ sĩ phải đem xã luận ghép thành văn, hoặc phải "hát" gượng những khẩu hiệu chính trị khô khan".

"Đảng kiên quyết phản đối mọi biểu hiện của chủ nghĩa hẹp hòi, bè phái, của chủ nghĩa quan liêu thường dùng mệnh lệnh trong lãnh đạo văn nghệ. Đảng chủ trương tôn trọng tính độc lập của tổ chức văn nghệ, tôn trọng tự do sáng tác của văn nghệ sĩ, song Đảng tự nhận có trách nhiệm giúp anh chị em văn nghệ sĩ càng ngày càng thấy rõ đường lối cách mạng do Đảng vạch ra là đúng, lý tưởng của Đảng là cao đẹp nhất".

Về văn nghệ gắn bó với cuộc sống, đồng chí viết :

"Đi sâu vào quần chúng để tích lũy những cảm xúc lấy trong cuộc sống hàng ngày của quần chúng, những nhận xét về người và việc tổng hợp lại thành nhận xét khái quát. Lúc đó tác phẩm sẽ bật ra như hoa nở trên cành khi mùa xuân đến. Không phải hoa tầm thường, mà hoa thơm, hoa đẹp... Văn nghệ sĩ tách rời cuộc sống thì văn chẳng ra văn, thơ chẳng

Digitized by Google

thành thơ, nhạc không ra nhạc, họa bất thành họa, vì chẳng truyền cảm cho ai hết".

Tác giả gắn quan điểm về cuộc sống, về quần chúng với phương pháp sáng tác hiện thực xã hội chủ nghĩa.

"Phương pháp đó xuất phát từ thực tế, miêu tả cuộc sống thực tế của quần chúng".

"Hiện thực không đứng ỳ một chỗ, nó luôn luôn phát triển, luôn luôn chuyển động. Cho nên tả đúng không phải là tả sự vật chết, mà tả sự vật đang phát triển".

"Hiện thực xã hội chủ nghĩa không cấm người ta mơ ước. Văn nghệ không mơ ước khác nào con chim không cánh, cái thuyền không buồm". "Không tưởng tượng làm sao được ? Xuất phát từ đời sống thực tế và dựa vào quy luật phát triển khách quan của sự vật, trí tưởng tượng của ta có thể đi trước hiện thực một vài bước và nâng cao đời sống thực tế vươn lên. Sứ mệnh của văn học, nghệ thuật không phải chỉ thu hẹp trong việc ghi chép, biểu hiện đời sống một cách trung thực, mà còn phải mở cái màn của tương lai cho tâm hồn con người vút lên. Trong tác phẩm Phao-xtơ, cuối thế kỷ XVII, Gớt đã đoán trước loài người thế nào cũng có ngày phải lao mình vào khoảng không vũ trụ, mặc dù có phải chạm trán với cõi hư vô".

"Phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa là phương pháp sáng tác tốt nhất, nhưng không phải duy nhất.. Điều đó có nghĩa là phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa thu hút và bao dung tất cả những yếu tố tích cực của những phương pháp khác, chẳng hạn như phương pháp lãng mạn, phương pháp tượng trưng. Chủ trương ấy nhằm khuyến khích văn nghệ sĩ ta sáng tạo, tìm ra những cái mới làm cho phương pháp hiện thực xã hội chủ nghĩa phát triển và phong phú thêm. Nó hoàn toàn không có nghĩa là chúng ta dung hòa các trường phái nghệ thuật hoặc đề xướng thuyết chung sống hòa bình giữa các khuynh hướng tư tưởng đối lập". Đồng chí cho "những hình tượng nghệ thuật là tiếng nói kỳ diệu của tâm hồn".

Trong các bài phát biểu về văn nghệ, đồng chí đều phân tích công tác phê bình. Quan điểm rõ ràng là "một nền văn nghệ mà công tác lý luận và phê bình yếu ớt, kém tính chiến đấu thì không phát triển nhanh được".

Tính đảng là tất yếu đối với văn nghệ sĩ xã hội chủ nghĩa, và đối với tác phẩm hiện thực xã hội chủ nghĩa. Đồng chí không đồng nhất tính đảng của văn nghệ sĩ với tính đảng của tác phẩm, vì không phải bao giờ cái này cũng là nguyên nhân của cái kia. Tác phẩm còn là kết quả của tài năng. "Không phải chỉ có những người đảng viên mới cần có tính đảng vô sản, mà mọi văn nghệ sĩ, kể cả những văn nghệ sĩ ngoài Đảng, nếu muốn thật tiến bộ, cũng cần rèn luyện cho mình một tính đảng vô sản vững vàng". "Tác phẩm có tính đảng còn là một tác phẩm mang tính nghệ thuật cao. Tính đảng của một tác phẩm văn nghệ của ta chính là ở nội dung tư tưởng yêu nước và yêu chủ nghĩa xã hội được thể hiện dưới những hình thức nghệ thuật phong phú, sinh động và trong sáng phục vụ cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và của nhân dân, gây lòng tin tưởng đối với Đảng ta và chế độ ta".

Mỗi lần nhắc đến tính cách người Việt nam, Trường Chinh như bị hút vào một quyến rũ khó dứt :

"Tính cụ thể và hoàn cảnh lịch sử - xã hội đó trước hết phải thể hiện ở đâu ? Ở tính dân tộc và tính thời đại. Miêu tả những con người mới của Việt nam phải hệt Việt nam, ném vào bất cứ một nước anh em nào cũng không thể lẫn được như thế mới hiện thực... Đó là tâm hồn và tính cách của người Việt nam. Tâm hồn và tính cách ấy thế nào ? Cái gì là những nét độc đáo trong phẩm chất của người Việt nam ? Phải chăng là những đức tính như kiên cường, khôn khéo, cần cù, giản dị, v.v.. Những đức tính ấy do điều kiện kinh tế, địa lý và lịch sử sinh ra, do rèn luyện lâu đời trong đấu tranh giai cấp, đấu tranh dân tộc và đấu tranh với tự nhiên mà được bồi dưỡng nên. Trong tâm hồn Việt nam, nó không tách rời ra mà biết họp lại.

Digitized by Google

Không phải ngẫu nhiên mà chúng ta thấy nhiều đức tính của Nguyễn Trãi, Nguyễn Bỉnh Khiêm, Quang Trung và của nhiều nhân tài khác trong lịch sử lại được kết tinh và nâng cao trong Hồ Chủ tịch".

Khi nói tới việc bồi dưỡng lực lượng trẻ, đồng chí không quên sự liên hệ chặt chẽ giữa các thế hệ, : "việc đào tạo, bồi dưỡng lực lượng trẻ phải do đảng ủy và những đồng chí lãnh đạo chủ chốt, những văn nghệ sĩ và những người làm công tác văn nghệ lão luyện trực tiếp phụ trách...

"Coi trọng việc bồi dưỡng lực lượng trẻ không có nghĩa là xem nhẹ lực lượng hiện có, lực lượng cũ, trái lại phải coi trọng và săn sóc lực lượng cũ, vì đây là vốn quý của Đảng, của nhân dân".

Trong mấy năm đầu kháng chiến chống Pháp, mặc dầu giao thông cản trở, một mình một ngựa cùng với chú bảo vệ đi giảng bài cho một lớp đại học hay một lớp bồi dưỡng cán bộ tuyên huấn của địa phương, đồng chí suýt chết vì bom Pháp ở Phú minh (Đại từ - Thái nguyên) ; Thu đông 1947, đồng chí bị mắc kẹt khi quân Pháp nhảy dù xuống Bắc cạn trong dịp giảng bài, chỉ vì không nhỡ hẹn cho một lớp học. Sự quan tâm đến đào tạo thế hệ trẻ là một trong những đức tính rất quý ở đồng chí, tận tâm như một thầy giáo mô phạm.

Bàn đến tính dân tộc và truyền thống dân tộc, đồng chí phê phán cả hai khuynh hướng xem thường cũng như không chọn lọc có phê phán di sản dân tộc. "Cần nhận rõ rằng nền văn nghệ cách mạng của chúng ta thừa kế tất cả những giá trị văn nghệ do các thời đại trước tạo ra và truyền lại... Tôi tin rằng trong kho tàng văn nghệ của nhân dân từ Bắc đến Nam, ở dân tộc Kinh cũng như ở các dân tộc thiểu số anh em, chúng ta sẽ thấy rất nhiều châu báu".

Trường Chinh rất coi trọng việc tiếp thu tinh hoa của văn nghệ thế giới, nhưng không quên nhắc nhở : "... Học không phải là "cóp" mà là nghiên cứu kinh nghiệm của người, xây dựng cái độc đáo của mình".

Trong quan hệ giữa phê phán và ca ngợi đồng chí quan tâm trước hết đến tính chân thật "khẳng định cái mới không có nghĩa là chỉ ca ngợi một chiều... Đảng yêu cầu văn nghệ ta phải có tính chân thật cao, nghĩa là biểu dương cái hay, phê bình cái dở trong xã hội, trong công tác... Phê bình cũng là để khẳng định cái mới, khẳng định tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội. Phản đối tô hồng nhưng cũng kiên quyết phản đối bôi đen, gây bi quan, thất vọng xuyên tạc chế độ ta" "Chúng ta bác bỏ quan điểm không xung đột trong nghệ thuật, sự cân đối giữa cái tốt và cái xấu trong mỗi nhân vật... Anh hùng cũng là người cho nên cũng có khuyết điểm, có đấu tranh tư tưởng giữa cái đúng và cái sai trong con người mình. Văn nghệ sẽ có thể viết những khuyết điểm đó, nhưng phải viết về cuộc đấu tranh giữa tư tưởng đúng với tư tưởng sai, kết thúc bằng thắng lợi của tư tưởng đúng... Ta miêu tả người anh hùng chứ không tả siêu nhân".

Đối với các khuynh hướng khác không cùng một giòng với chủ nghĩa hiện thực, đồng chí đã có một sự đánh giá và phân tích thích đáng. Đồng chí rất nghiêm khắc đối với khuynh hướng phản động, trụy lạc, sa đọa, nhưng rất cởi mở với những giòng, những khuynh hướng tiến bộ. Đối với *Tự lực văn đoàn*, đồng chí viết : "Dù sao, hoạt động của nhóm *Tự lực văn đoàn* cũng đã góp phần đẩy mạnh phong trào văn nghệ nước ta tiến lên một bước". "Đối với những trào lưu văn nghệ trong khoảng từ năm 1930 đến trước Cách mạng Tháng Tám, chúng ta cần tiếp tục giới thiệu và phân tích những tác phẩm hiện thực và tiến bộ... Đối với trào lưu văn nghệ lãng mạn, chúng ta không nên mạt sát, vơ đũa cả nắm, mà cần đi vào phân tích những giòng tiến bộ trong những thời kỳ khác nhau".

Về báo chí, xuất bản : tác giả đi từ chức năng, nhiệm vụ của báo chí, nhà xuất bản của Đảng đến cách viết báo, cách viết một thể loại cụ thể như xã luận đến công việc in ấn. Đồng chí hiểu những công việc báo chí đến mức mà

Digitized by Google

người làm báo và xuất bản phát sợ, vì chính tác giả là một nhà báo bậc thầy, người kế tục sự nghiệp của Nguyễn Ái Quốc đã tạo nên một văn phong chính luận cách mạng cho nền văn học nước nhà. Sau khởi nghĩa, người ta thường thấy một anh "mo-rát-xi-ê" chiều nào cũng nằm dài trên bàn của nhà in Lê Văn Tân sửa bài cho báo "*Cờ giải phóng*" và người ta ngạc nhiên, chính anh "mo-rát-xi-ê" ấy là Đặng Xuân Khu, Tổng bí thư Đảng cộng sản Đông dương. Khi Đảng cộng sản Đông dương tuyên bố "tự giải tán" (một chiến thuật của Đảng lúc bấy giờ). Đồng chí Trường Chinh là người trực tiếp phụ trách công tác tư tưởng và văn hóa của Đảng, đồng thời chịu trách nhiệm trực tiếp những cơ quan ngôn luận của Đảng như các *Tạp chí Tiền phong, Tạp chí Sinh hoạt nội bộ, Tạp chí Học tập* (Tạp chí Cộng sản), các báo *Cờ giải phóng, Sự thật, Nhân dân.* Trong thời kỳ hoạt động bí mật cho đến mấy năm đầu kháng chiến chống Pháp, đồng chí vừa là người phụ trách vừa là thư ký tòa soạn, vừa là biên tập viên, lo bài, làm "mi-đơ" (trình bày) và cả sửa "mo-rát". Đồng chí cẩn thận từ dấu phảy. Tôi không thấy đồng chí viết một câu văn cẩu thả, hay viết một câu mà không ai đoán được. Đến chữ ký đồng chí cũng viết ngang bằng sổ thẳng. Bác Hồ khen bí danh Thận trong kháng chiến mà sau này đồng chí còn giữ, vì nó thể hiện đúng phong cách cẩn thận chu đáo.

Nhiều năm tôi đã được chứng kiến sức đọc của đồng chí dưới ngọn đèn dầu hoa kỳ nhỏ bé trong rừng Việt bắc. Tri thức của đồng chí rất rộng, nhất là về sử dân tộc. Vì vậy, chúng ta không ngạc nhiên về tính uyên bác của những bài viết của đồng chí, nhất là quan điểm lịch sử. Trong số những bài viết của đồng chí ở nhiều thời kỳ khác nhau có nhiều biến động trong xã hội ta, nhiều bài nhằm đáp ứng những yêu cầu của thời sự lúc bấy giờ. Vì vậy, nhận định các tác phẩm của đồng chí Trường Chinh chúng ta không thể tách rời bối cảnh lịch sử cụ thể của những tác phẩm đó. Mỗi tác phẩm trước tiên là sản phẩm của một bối cảnh lịch sử nhất định.

Phong cách và tư duy của Trường Chinh thể hiện trên từng bài viết, từng công trình. Phong cách ấy thể hiện bằng một giọng văn chính luận đặc sắc. Tố Hữu từ lâu đã có một nhận xét rất xác đáng : "Trên các sách báo, văn của đồng chí Trường Chinh đã tạo nên một nền nếp tư tưởng và diễn tả mới trong văn học. Nó sắc bén, cụ thể, chắc gọn hun đúc lửa chiến đấu, trái với lối văn mơ hồ, luộm thuộm, ba hoa, mềm yếu của thời trước và của một số người làm văn nghệ thời nay". Quả vậy, Trường Chinh không bao giờ chịu bất cứ một biểu hiện nửa vời. Trong xử lý một số vấn đề cụ thể, đồng chí có lúc va vấp, trong cách nhìn nhận một số tác phẩm cụ thể có thể có trường hợp chưa thật thỏa đáng, và ngay trong những vấn đề nêu lên không phải không có những vấn đề còn cần được bàn thêm và đi sâu. Nhưng với tư duy ấy, phong cách ấy, đồng chí đã kịp thời thấy được cái gì không phù hợp, nhạy bén lý giải chúng. Không phải một lần. trước anh em văn nghệ sĩ, đồng chí tự phê bình về những sai sót trong sự lãnh đạo của Đảng đối với văn nghệ sĩ. Một tư duy như vậy không bao giờ cũ. Cùng với Đại hội lần thứ VI của Đảng, Trường Chinh là một trong những hình tượng đại diện cho thời kỳ đổi mới của đất nước. Cái mới của tư duy là sự phát hiện tiếp tục, sự vận động tiếp tục. Mác nói : "Tư duy mới cần phải có là phép biện chứng (duy vật) vì phép biện chứng không chịu khuất phục trước một cái gì". Trường Chinh đã vận dụng tư duy duy vật biện chứng và duy vật lịch sử vào sự phân tích và giải quyết các vấn đề văn hóa Việt nam trong những điều kiện lịch sử khác nhau, của giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa đang tiến triển. Đồng chí đã đóng góp to lớn vào sự nghiệp xây dựng nền văn hóa mới, nền văn nghệ mới của nước ta. ❑

Digitized by Google

NHỮNG YÊU CẦU CỦA LÃNH ĐẠO CHÍNH TRỊ ĐỐI VỚI NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG THEO ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở NƯỚC TA

NGUYỄN ĐĂNG THÀNH *

Ở mỗi nước, sự lãnh đạo của đảng cầm quyền và của hệ thống chính trị nói chung đối với nền kinh tế về bản chất là sự lãnh đạo có tính chính trị, mặc dù có thể có những hình thức và phương pháp lãnh đạo hết sức tinh tế. Sự lãnh đạo đó là cần thiết, vì lợi ích của quốc gia, lợi ích của giai cấp, cầm quyền. Ở nước ta, những thành tựu đã đạt được, những mặt yếu kém hoặc tồn tại còn phải giải quyết trong công cuộc đổi mới hiện nay trực tiếp hay gián tiếp là kết quả của sự lãnh đạo chính trị của Đảng và Nhà nước ta đối với nền kinh tế. Để tiếp tục đưa công cuộc đổi mới tiến lên, làm cho đất nước ta phát triển nhanh, vững bền theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ mới đòi hỏi phải nâng cao hơn nữa sự lãnh đạo chính trị đối với kinh tế, ở cả tầm vĩ mô và vi mô.

Từ việc nghiên cứu sự lãnh đạo chính trị đối với kinh tế ở nước ta và kinh nghiệm ở các nước khác, chúng tôi cho rằng sự lãnh đạo chính trị của Đảng đối với nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, phải đạt được một số yêu cầu và nội dung chủ yếu sau :

1 - Chính trị lãnh đạo kinh tế là tổ chức và chỉ đạo nền kinh tế theo quan điểm bảo vệ lợi ích giai cấp

Ở bất cứ xã hội nào, mục tiêu của lãnh đạo chính trị đối với kinh tế đều là làm cho nền kinh tế được tổ chức và vận hành theo hướng có lợi cho giai cấp cầm quyền.

Trong nền kinh tế hiện đại, những hình thức và nội dung của những quan hệ kinh tế cơ bản rất đa dạng, phong phú, có sự hòa trộn đan xen của nhiều thành phần, nhiều lực lượng kinh tế, nhiều phương thức tổ chức quản lý và phân phối. Hiện thực đó khiến nhiều người quan niệm về các hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh dường như chỉ còn là những "hình thức, cơ chế chung sáng tạo giá trị". Không còn vấn đề ai sở hữu, ai quyết định, ai chi phối tổ chức và phân phối giá trị ?...

Song thực chất thì những hình thức tổ chức kinh tế, những quan hệ kinh tế tưởng như "vượt trên giai cấp", "phi chính trị" đó lại là những sản phẩm của sự tác động chính trị vào kinh tế trong những điều kiện nhất định nhằm tổ chức và vận hành những quan hệ kinh tế cơ bản, sao cho trong những điều kiện mới, trật tự những quan hệ kinh tế đó trở thành cơ cấu duy trì bảo vệ lợi ích của giai cấp và tập đoàn xã hội nắm quyền. Điều đó dù ở xã hội nào vẫn luôn là mục đích, là đặc trưng của tư duy và hành động chính trị đối với kinh tế.

Ở nước ta quan điểm giai cấp trong lãnh đạo chính trị đối với kinh tế hiện nay biểu hiện tập trung ở yêu cầu : *phát triển nền kinh tế theo cơ chế thị trường mà không chệch hướng xã hội chủ nghĩa.*

Theo yêu cầu đó, chúng ta phải giải quyết hàng loạt những mâu thuẫn, thách đố to lớn mà nhiều quốc gia đang phát triển kinh tế thị trường cũng gặp phải. UNESCO đã tổng kết những mâu thuẫn đó là 1 - tăng trưởng kinh tế nhưng không đem lại công ăn việc làm ; 2 - tăng trưởng kinh tế nhưng phân cực giàu nghèo trong xã hội ; 3 - tăng trưởng kinh tế nhưng làm mất dân chủ trong thực tế ; 4 - tăng trưởng kinh tế nhưng làm mất bản sắc văn hóa ; 5 - tăng trưởng kinh tế nhưng trút gánh nặng lại cho các thế hệ sau.

Là nước xác định con đường phát triển theo định hướng chủ nghĩa xã hội, chúng ta còn phải nhận thức và xử lý nhiều vấn đề khác, chẳng hạn :

- Sở hữu tư nhân trong kinh tế thị trường là một trong những động lực phát triển quan trọng, do vậy tất yếu phải mở rộng, phát huy nó. Làm ngược lại,

* PTS, Phó viện trưởng Viện khoa học chính trị, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

thu hẹp hay hạn chế sẽ triệt tiêu động lực phát triển. Song mở rộng và phát triển thành phần sở hữu này sẽ hàm chứa một khả năng thực tế : kết cấu sở hữu của nền kinh tế dễ sẽ không còn đặc trưng xã hội chủ nghĩa.

Sự phát triển đến một mức nào đó của thành phần kinh tế này về mặt xã hội có thể dẫn tới hình thành những tầng lớp, giai cấp đối lập, có thế lực và địa vị kinh tế. Khi đó, việc tham gia vào cơ cấu quyền lực chính trị của các tầng lớp, giai cấp này cũng sẽ được đặt thành vấn đề và mâu thuẫn trực tiếp với bản chất của toàn bộ chế độ chính trị của chúng ta là : *quyền lực chính trị thuộc và chỉ thuộc về nhân dân lao động, dưới sự lãnh đạo của Đảng.*

- Nền kinh tế thị trường ngày nay là nền kinh tế toàn cầu mở. Chúng ta cần và phải mở rộng quan hệ kinh tế quốc tế, tranh thủ sức mạnh kinh tế và công nghệ của tư bản quốc tế. Điều đó đồng thời cũng mang theo một nguy cơ là sức mạnh kinh tế của những tập đoàn tư bản quốc tế cùng với những "luật chơi" kinh tế quốc tế, kết hợp với kinh tế tư nhân trong nước dần dần tạo thành áp lực làm xoay chuyển chế độ chính trị v.v...

Hiện nay, sau mười năm đổi mới dưới sự lãnh đạo vững vàng và sáng suốt của Đảng, chúng ta vừa có sự phát triển vượt bậc về kinh tế, vừa có những đổi mới quan trọng về chính trị, giữ được ổn định, không chệch hướng xã hội chủ nghĩa, nhưng cũng đã và đang có nhiều vấn đề gây cấn, chẳng hạn :

- Chuyển dịch cơ cấu, cải biến nông nghiệp mới chỉ là bắt đầu, nhưng xu hướng người nông dân bị đẩy khỏi ruộng đất, rơi vào các khu ổ chuột ở các thành phố... đã xuất hiện và trở thành nguy cơ thực tế. Sự phân cực trong xã hội có xu hướng gia tăng.

- Kinh tế thị trường ở nước ta, dù mới bước đầu, đã làm tăng nguy cơ thoái hóa, biến chất của không ít những cán bộ, quan chức nhà nước. Nhiều kẻ trong giới chủ trong và ngoài nước dùng tiền bạc đút lót, mua chuộc cán bộ, tạo "ô dù", lợi dụng cơ quan nhà nước và kẽ hở của pháp luật để đục khoét. Còn người bị thiệt nhất lại chính là các tầng lớp nhân dân lao động.

- Ở các cơ sở kinh tế tư nhân và liên doanh, cơ chế lãnh đạo chính trị như thế nào, xây dựng và hoạt động của các tổ chức chính trị - xã hội ra sao để bảo vệ lợi ích người lao động còn đang là vấn đề chưa có giải pháp thích hợp.

2 - Tiêu chí cơ bản, trực tiếp của lãnh đạo chính trị đối với kinh tế là hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội.

Lý luận mác xít coi *mục tiêu căn bản và quan trọng của cách mạng xã hội chủ nghĩa là giải phóng sức sản xuất.* Theo lý luận này, giai cấp tư sản trở thành đối tượng của cách mạng vô sản là vì trong những điều kiện đương thời, nó là giai cấp cản trở sự phát triển của sức sản xuất xã hội. Còn thước đo của sự tiến bộ xã hội - theo Lê-nin, suy cho cùng là ở năng suất lao động xã hội, là ở chỗ xã hội mới đưa ra được kiểu tổ chức lao động có năng suất cao hơn. Ngay cả các vấn đề xã hội cũng chỉ được giải quyết tốt nhất nếu có một nền tảng kinh tế vững vàng. Các kết quả nghiên cứu về xã hội ngày nay đều khẳng định : "Càng chậm phát triển, độ bất bình đẳng xã hội càng cao hơn".

Về cơ bản, lâu dài, các mục tiêu chính trị, kinh tế, xã hội đó chỉ có thể đạt được trên cơ sở khoa học công nghệ tiên tiến. Vì vậy, *xây dựng và phát triển được một cơ sở giáo dục, khoa học và công nghệ cao* cho nền kinh tế là một vấn đề then chốt mà lãnh đạo chính trị phải chú trọng và tập trung thực hiện.

3 - Tôn trọng quy luật tự nhiên của sự vận động và phát triển kinh tế

Chính trị lãnh đạo kinh tế, có nghĩa là can thiệp trực tiếp hay gián tiếp vào nền kinh tế và các hoạt động kinh tế nhằm đạt được những mục tiêu đã hoạch định. Tuy nhiên can thiệp như thế nào lại là vấn đề quan trọng. Bài học từ những nền kinh tế thành công, cũng như từ các nền kinh tế trì trệ, suy sụp là ở chỗ cần có thái độ khách quan đối với "quy luật tự nhiên" của nền kinh tế - những quy luật kinh tế khách quan, những yếu tố và những liên hệ tự nhiên, khách quan trong nền kinh tế.

Để mặc kinh tế phát triển tự do, tự phát hoặc chỉ đạo, can thiệp vào kinh tế một cách thô bạo, duy ý chí, không tính tới "quy luật tự nhiên" của nền kinh tế đều là những sai lầm ở các cực khác nhau trong sự lãnh đạo của chính trị đối với kinh tế. Kết luận rút ra là : phải tính tới và tôn trọng những yếu tố, những liên hệ kinh tế tồn tại một cách khách quan do lịch sử để lại, coi chúng là những dữ kiện cơ sở để hoạch định đường lối chính sách kinh tế theo những quy luật kinh tế khách quan, đó là một trong những yêu cầu cơ bản của sự lãnh đạo đúng đắn, có hiệu quả của chính trị với kinh tế.

Digitized by Google

4 - Xây dựng mối liên hệ chặt chẽ giữa những nhà lãnh đạo chính trị và giới kinh doanh :

Sự liên hệ mật thiết giữa những nhà lãnh đạo chính trị và giới kinh doanh trong thực tế là điều kiện không thể thiếu để bảo đảm chính trị tác động và lãnh đạo một cách có hiệu quả đối với nền kinh tế.

Trong điều kiện kinh tế thị trường và mở cửa, ở mọi cấp độ, quan hệ kinh tế là phong phú, đa chiều. Giới chính trị hiểu và nắm vững những vấn đề then chốt của kinh tế một cách nhanh nhạy và xác thực không gì bằng qua tiếng nói của các doanh nghiệp. Mặt khác, ở những giai đoạn tạo dựng cơ sở kinh tế, các doanh nghiệp và cả nền kinh tế không thể phát triển được nếu không có sự hỗ trợ chủ động tích cực của giới chính trị.

Nếu có được một liên hệ mật thiết, quan hệ giữa chính trị và giới kinh doanh sẽ không dừng lại ở con số cộng mà có khả năng tạo ra nhiều sáng kiến, thiết thực thúc đẩy nền kinh tế theo xu hướng chính trị đã định. Theo một ý nghĩa nào đó, đây là quan hệ "hai bên cùng có lợi" trước hết và trực tiếp cho sự thúc đẩy công việc của mỗi giới.

Song quan hệ này cũng hàm chứa một nguy cơ, một hiện tượng tiêu cực vẫn thường xảy ra. Đó là sự câu kết giữa chính trị và kinh tế để mưu lợi riêng cho những người trong cuộc, và hình thành các đường dây ma-phi-a. Vì thế xây dựng và phát triển mối quan hệ này đòi hỏi lãnh đạo chính trị phải chủ động, đồng thời phải hết sức tỉnh táo làm sao chỉ nhằm mục tiêu vì sự phát triển kinh tế chung, vì lợi ích kinh tế và chính trị chung của cả quốc gia, của cả tập thể và cộng đồng. Trong khía cạnh này, rất cần một hệ thống pháp luật chặt chẽ và một kiểu đạo đức chính trị xã hội chủ nghĩa.

5 - Kiểm soát chặt chẽ những vấn đề cơ bản và then chốt của hoạt động kinh tế : Đó là ngân sách, vốn, các công cụ tài chính khác, các chính sách, công cụ điều chỉnh "đóng - mở" quan hệ kinh tế đối ngoại ; xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội cơ bản.

Do vai trò to lớn của nó trong nền kinh tế thị trường hiện đại, tài chính và ngân hàng trở thành những điểm then chốt mà lãnh đạo chính trị nhất thiết phải quan tâm. Đúng hướng hay chệch hướng của nền kinh tế có thể thấy ngay từ sự đúng hướng hay chệch hướng của cơ cấu và cách thức phân phối, điều hành các nguồn vốn đầu tư. Do vậy, chính trị không thể chỉ là công tác tư tưởng, không thể chỉ là việc luận bàn chung chung để bảo vệ, duy trì đường lối ; chính trị lãnh đạo kinh tế phải quan tâm và kiểm soát được những vấn đề gốc gác "lưng túi" của nền kinh tế, những vấn đề then chốt và nhạy cảm của kinh tế. Tất nhiên là bằng phương pháp thích hợp.

6 - Chính trị lãnh đạo kinh tế, xét trực tiếp và tổng thể, chính là nghệ thuật động viên các nguồn lực cho phát triển kinh tế

Sự vận động của các xã hội cho đến nay đều đã khẳng định : Ngày nay không huy động được sức dân thì không một quốc gia chậm phát triển nào có thể chuyển sang phát triển thực sự được. "Huy động sức dân" là phương thức cơ bản để tạo nên sức mạnh "nội sinh" đủ khả năng "hấp thu" những yếu tố "ngoại sinh" làm cơ sở nền tảng cho sự phát triển vững bền, ổn định của mỗi quốc gia dân tộc. Do vậy, huy động sức dân về mọi mặt cho phát triển kinh tế - xã hội chính là tiêu chí tổng hợp biểu thị sức mạnh trực tiếp và tổng quát của lãnh đạo chính trị.

Lịch sử đã chứng kiến có nhiều phương thức huy động nhân lực, tài lực, có nhiều phương thức lãnh đạo chính trị khác nhau, ứng với những nền kinh tế có đặc trưng khác nhau. Đã có thời kỳ sức sống, sự tăng trưởng thần kỳ của nền kinh tế xô viết được bắt đầu từ tinh thần lao động cộng sản. Hàng ngàn, hàng vạn con người hăng say lao động quên mình trên những công trường thanh niên cộng sản, vượt qua mọi gian khổ vì mục tiêu chung dựng xây cơ sở vật chất cho xã hội mới - xã hội xã hội chủ nghĩa. Tất nhiên cũng cần nhận thức lại về cơ sở kinh tế hiện thực để có thể duy trì lâu bền tinh thần lao động quên mình ấy. Song dù sao sự lãnh đạo chính trị để huy động sức mạnh tổng hợp của dân tộc vẫn hoàn toàn là một vấn đề cần phải được khai thác, thể hiện.

Ngày nay trong nền kinh tế thị trường, phương thức huy động nhân lực, tài lực không chỉ là huy động các nghĩa vụ mà căn bản là điều hòa các lợi ích. Công cụ cơ bản để chính trị huy động được các nguồn lực là hệ thống luật pháp, chính sách kinh tế có lợi cho tất cả mọi người nhằm kích thích và ràng buộc các thành viên xã hội.

Mặt khác có nhiều mặt thuộc lĩnh vực xã hội có thể tác động và chi phối sự phát triển kinh tế. Vì vậy, nêu cao ngọn cờ đại đoàn kết dân tộc, để ra

Digitized by Google

những chính sách xã hội tạo công bằng và giảm phân cực xã hội, đoàn kết các tầng lớp, các giai cấp, các lực lượng xã hội... vì mục tiêu chung là sự phát triển, phồn vinh của quốc gia dân tộc - cũng là một yêu cầu đặc trưng có tính chất tổng hợp của lãnh đạo chính trị với kinh tế.

7 - Quyền lực chính trị và sự lãnh đạo tập trung thống nhất

Đây là yêu cầu cần thiết trước hết để bảo đảm cho tính nhất quán ngay từ việc xây dựng và quyết định đường lối, chính sách kinh tế. Đây cũng là điều kiện cần thiết hàng đầu trong tổ chức chỉ đạo và điều hành nền kinh tế.

Thực tế lịch sử chỉ ra rằng, không một quốc gia nào tạo được phát triển kinh tế thực sự mà quyền lực chính trị không tập trung. Quyền lực phân tán không ổn định, việc chỉ đạo thực thi đường lối, chính sách sẽ không triệt để và thiếu nhất quán, người lãnh đạo khó có thể dành toàn bộ tâm lực vào việc chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế của đất nước. Trong thực tế, đã có những ví dụ về các thể chế chính trị độc tài lãnh đạo thành công sự phát triển kinh tế chẳng hạn như ở Chi lê dưới thời Pi-nô-chê, ở Hàn quốc dưới thời Pắc-chung-Hy. Trong điều kiện hiện nay, khi mà nền kinh tế thị trường của các quốc gia bị chi phối bởi quan hệ kinh tế toàn cầu, và dân chủ hóa trở thành một xu thế phổ biến, sự lãnh đạo kinh tế cũng cần dân chủ hóa. Nhưng điều đó không mâu thuẫn với một nguyên tắc : quyền lực chính trị phải tập trung. Nói cách khác, *tập trung bằng cơ chế dân chủ, là yêu cầu cần thiết để chính trị có thể lãnh đạo hữu hiệu sự phát triển kinh tế.*

Tất nhiên, trong thực tế xử lý mối quan hệ này còn nhiều khó khăn, phức tạp và rất cụ thể. Việc giải quyết chúng chắc chắn không thể chỉ bằng lý luận trừu tượng mà phải bằng sự phân tích và tổng kết từ thực tiễn.

Sự nghiệp đổi mới, phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta đã đi qua chặng mở đầu tốt đẹp. Giai đoạn mới công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước đã bắt đầu được triển khai. Những vấn đề, những mâu thuẫn mà Đảng ta, Nhà nước ta, những người lãnh đạo chính trị phải giải quyết là rất gay gắt. Nhưng cũng vì thế, đòi hỏi một sự ổn định chính trị, một sự lãnh đạo chính trị thống nhất, tập trung rất cao. Đó cũng là bài học lớn mà Đại hội VIII của Đảng vừa qua khẳng định ❑

XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ KINH TẾ CHO CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

NGUYỄN KIM KHÁNH *

ĐẠI hội lần thứ VIII của Đảng đã đặc biệt coi trọng đến công tác cán bộ trong quá trình xây dựng Đảng ngang tầm với đòi hỏi của thời kỳ mới và khẳng định : "Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ toàn diện cả về lý luận chính trị, phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn và năng lực, thực tiễn. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng cả cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, các nhà doanh nghiệp và các chuyên gia, trước hết là đội ngũ cán bộ chủ chốt trong hệ thống chính trị ; coi trọng cả đức và tài, đức là gốc" (1).

Lao động quản lý kinh tế nói chung, nhất là lao động của người lãnh đạo quản lý nói riêng, thuộc loại hình lao động sáng tạo và phức tạp, bởi vì đối tượng tác động của nó là con người và cộng đồng với muôn vàn thiên hướng, lợi ích rất khác nhau trong hoạt động kinh tế - xã hội. Lực lượng sản xuất càng phát triển cao, trình độ xã hội hóa càng sâu sắc, thì các quan hệ hợp tác, liên kết, phân công lao động càng đa dạng và phức tạp hơn. Do đó, vai trò của quản lý và lao động quản lý trong nền kinh tế ngày một nâng cao và trở thành nhân tố quan trọng cho sự phát triển. Xu hướng đó thể hiện ở sự chuyên môn hóa ngay trong lĩnh vực quản lý kinh tế, đòi hỏi kỹ năng, kỹ xảo của lao động quản lý cùng với trang bị về kỹ thuật phục vụ quản lý ngày một hiện đại. Điều đó đòi hỏi nhân tố con người trong lao động

* PTS. Học viện kỹ thuật quân sự

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1996, tr 145 - 146

Digitized by Google

quản lý (nhà lãnh đạo, nhà quản lý và chuyên gia) phải liên tục phát triển cùng với nhịp độ chung của nền kinh tế - xã hội.

Từ sau Cách mạng Tháng Tám, ở nước ta đã dần dần hình thành đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước và quản lý kinh tế, đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ của sự nghiệp cách mạng. Đội ngũ cán bộ quản lý và chuyên gia trong lĩnh vực kinh tế tuy cũng đã được xây dựng và hình thành nhưng vẫn là sản phẩm từ nền kinh tế thời chiến, tập trung - bao cấp. Ngày nay trong điều kiện kinh tế thị trường trước những yêu cầu mới của nền kinh tế - xã hội, vấn đề đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế còn nhiều bất cập, đòi hỏi Đảng ta trong đường lối cán bộ phải đặc biệt coi trọng xây dựng đội ngũ này, bởi vì đây chính là rường cột của cả quốc gia.

Nhiều năm qua công cuộc đổi mới cho thấy, đây là lĩnh vực còn tồn đọng nhiều ách tắc và khó khăn thường hay vấp phải sự bảo thủ và trì trệ của lề lối làm việc và tư duy cũ, làm cho quần chúng còn than phiền nhiều. Chuyển sang nền kinh tế thị trường, thiết chế nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, mở rộng quan hệ quốc tế với nhiều hệ thống chính trị khác nhau, đang đặt ra nhiều thách thức và đòi hỏi mới đối với công tác cán bộ. Và đây cũng là khâu quyết định quan trọng trong công cuộc cải cách hành chính hiện nay.

Nếu nhìn một cách tổng quát sự hẫng hụt và bất cập nặng nề của đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế trong thời gian qua trước hết bắt nguồn từ chỗ việc tuyển chọn, đào tạo, sử dụng và đãi ngộ còn đặt ra nhiều vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu để tìm giải pháp hoàn thiện. Quyết định 874/TTg của Chính phủ (ngày 20-11-1996) về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và công chức nhà nước nhằm trang bị những kiến thức và kỹ năng cơ bản, bổ sung kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ và quản lý, chính là để xây dựng đội ngũ cán bộ công chức nhà nước thành thạo về chuyên môn, nghiệp vụ, trung thành với chế độ, tận tụy với công vụ, có trình độ quản lý tốt, đáp ứng yêu cầu của việc kiện toàn và nâng cao hiệu quả của bộ máy quản lý nhà nước, thực hiện chương trình cải cách một bước nền hành chính quốc gia. Thiết nghĩ, đối với đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế - một bộ phận quan trọng của đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước, cũng cần phải được nâng cao hơn nữa cả về số lượng và chất lượng.

Trên bước đường xây dựng lại đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế đã có những bước ngoặt quan trọng, trong đó có cả thành quả tích cực lẫn những hậu quả tiêu cực và tạo ra những thách thức mới. Cán bộ quản lý kinh tế ở nước ta, so với nhiều nước trong khu vực có bước thích nghi khá nhanh, điều đó đã góp phần không nhỏ vào thành công bước đầu trong công cuộc đổi mới. Mặt khác, trong môi trường mới, tệ nạn buôn lậu, tham nhũng, cửa quyền, hối lộ và làm ăn phi pháp, bất lương cũng trở nên nghiêm trọng. Theo số liệu thống kê từ năm 1993 đến tháng 9 năm 1996, chúng ta đã khởi tố 2 042 vụ tham nhũng với 3 579 bị can, 1 461 vụ án buôn lậu với 2 941 bị can. Trong đó tham ô chiếm 21,05% ; cố ý làm trái 11,07% ; lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa 11,99% ; lừa đảo chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa 11,26% ; kinh doanh trái phép, làm và buôn bán hàng giả, buôn bán hàng cấm 14,37% ; buôn bán chất ma túy 16,47%. Thực tế đó đã bộc lộ sự yếu kém cả về trình độ và phẩm chất trong đội ngũ cán bộ quản lý. Bên cạnh đó, việc gắn bồi dưỡng quan điểm kinh tế - chính trị và học nghề mới còn rất lúng túng, bất cập, thậm chí bị xem nhẹ và có nơi còn bị "bỏ quên".

Muốn có nhiều nhà quản lý giỏi trong nền kinh tế thị trường, như Lê-nin từng nói, tất yếu phải học chuyên gia tư sản. Nhưng bên cạnh trình độ chuyên môn, vấn đề bảo đảm quan điểm kinh tế - chính trị của cán bộ và đức tính trung thành đối với lợi ích quốc gia và dân tộc đang là vấn đề thời sự. Thời thế đang và sẽ là môi trường để đất nước có được điều kiện sàng lọc đội ngũ cán bộ cách mạng có phẩm chất và trình độ ngang tầm với thế giới. Nhưng ngược lại quan hệ thị trường cũng tạo ra nhiều tệ nạn tha hóa nhân cách bởi thế lực đồng tiền chi phối. Ở đây, theo tôi cần có quan điểm định hướng trên hai vấn đề cơ bản. *Một là*, thấy những bất cập trong chuyên môn nghề nghiệp, quyết chí học hỏi, kể cả việc học hỏi các chuyên gia tư sản. Có như vậy mới

Digitized by Google

nhanh chóng đuổi kịp các nước lân cận. Đồng thời phải bảo đảm cho đội ngũ quản lý kinh tế nước ta có bản lĩnh chính trị vững vàng. *Hai là*, nhất quán chuyển sang kinh tế thị trường và thiết chế nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa có sự lãnh đạo của Đảng sớm vượt qua giai đoạn giao thời, từng bước tạo ra môi trường với trật tự kinh tế và kỷ cương nhà nước kiểu mới, đẩy lùi nạn quan liêu, tham nhũng và những biểu hiện vô chính phủ trong quản lý kinh tế - xã hội.

Nội dung của hai vấn đề định hướng cơ bản đó trước hết phải được thể hiện trong chính sách "cầu hiền". Cụ thể, đất nước muốn có đội ngũ cán bộ quản lý có tài, có đức và tâm huyết (gọi là nhân tài) trong quản lý kinh tế, cần phải có chính sách đãi ngộ thỏa đáng đối với họ. Đã đến lúc Đảng và Nhà nước cần có giải pháp đồng bộ tạo khả năng tìm kiếm người tài bằng chính sách cơ chế rõ ràng để tạo nguồn, xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế. Trước mắt cần có biện pháp hữu hiệu ngăn chặn nạn "chảy chất xám" từ khu vực kinh tế nhà nước, các tổ chức đảng và tổ chức quần chúng sang các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh và các công ty có vốn đầu tư của nước ngoài mà nguyên nhân là do chênh lệch quá lớn về thu nhập của người lao động. Chính sách đãi ngộ có một ý nghĩa quan trọng hàng đầu trong chính sách "cầu hiền". Hơn thế nữa, ngay cả trong lĩnh vực chống tham nhũng (quốc nạn), "... nếu mức lương của những người làm công ăn lương mà quá thấp (không bảo đảm mức sống bình thường) thì khó có thể lôi kéo họ vào guồng máy đấu tranh chống tham nhũng" (2).

Tuy nhiên, bên cạnh việc chú trọng đến chế độ đãi ngộ, chúng ta cũng phải có quan điểm tổng thể về chính sách cán bộ. Không một quốc gia phát triển nào lại không có chiến lược tổng thể trong lĩnh vực "cầu hiền", nhằm cạnh tranh "mua" chất xám. Trong từng doanh nghiệp cũng vậy, có sự hợp tác là có sự cạnh tranh, và suy cho cùng đó là cả một quá trình đấu trí rất tinh vi. Hơn nữa nhân tài dù ở lĩnh vực nào cũng không thể dàn đều, mà luôn có thứ bậc. Theo kinh nghiệm của các nước, lựa chọn người đầu đàn là quan trọng nhất trong cả quá trình sử dụng nhân tài. Thực tế cho thấy nếu chọn sai đầu đàn thì cả đội ngũ cũng sẽ kém hiệu quả. Bởi vậy, vấn đề là lựa chọn nhân tài đầu đàn như thế nào. Kinh nghiệm là phải liên tục chọn lựa và sàng lọc, trong đó thực tài phải được thể hiện qua hiệu quả công việc, đức phải thể hiện qua lối sống cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư.

Một nền giáo dục, đào tạo tốt thường có cơ chế lựa chọn rất khôn khéo, ở chỗ tạo được môi trường để phát huy hết mọi loại tài năng, tạo ra xu hướng : việc khó tìm người tài, người tài tìm chỗ phù hợp sở trường để cống hiến... Kết quả là mọi người làm đúng việc với khả năng và sở trường thích hợp nhất. Đương nhiên trong môi trường hiện nay phải tính đến cả các yếu tố cung, cầu và giá cả sức lao động. Như vậy, trên toàn xã hội lao động có thể đạt đến trình độ toàn dụng. Muốn vậy, trước mắt chính sách tiền lương cần phải tiếp tục cải tiến bảo đảm cho mọi người làm công ăn lương cũng như cán bộ quản lý kinh tế có thể tái sản xuất sức lao động bằng chính nghề của mình. Tình trạng thu nhập ngoài lương cao hơn tiền lương theo thang bậc không phải là hiếm đã làm cho nhà nước không quản lý nổi thu nhập của người lao động và do đó quan hệ phân phối vẫn đang chứa đựng cả trạng thái cào bằng bình quân, cả trạng thái bất công. Ngay trong khu vực nhà nước có cảnh "kẻ ăn không hết, người lần chẳng ra". Những bất hợp lý đó đang ảnh hưởng đến đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế khu vực nhà nước. Thiết nghĩ, cũng cần phải có chế độ công khai hóa thu nhập của những cán bộ quản lý kinh tế chủ chốt, nhằm góp phần hạn chế thu nhập phi lao động, chống tham nhũng và làm ăn phi pháp.

Mặc dầu vậy, dấu hiệu tích cực trong việc sử dụng đúng người, đúng việc của giai đoạn đầu chuyển sang nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường đã xuất hiện. Nhiều tổ chức và doanh nghiệp đã chú ý "cầu hiền" ; hệ thống đào tạo cũng đa dạng hơn tạo cơ hội thêm cho việc "tầm sư học đạo". Tiếc rằng điểm sáng nhỏ đó lại xuất hiện sớm hơn ở bên ngoài khu vực kinh tế nhà nước. Có hiện tượng người năng lực có hạn và cầu an lại thường cố tìm "cầu nối" để vào "trú ngụ" trong khu vực nhà nước ; trong

(2) *Tạp chí Cộng sản*, số 20/tháng 10 - 1996, tr 35

Digitized by Google

khi đó người có tài, có chí, có gan thì tự lo lót để ra làm doanh nghiệp tư nhân, thậm chí bỏ cả biên chế nhà nước ra làm bên ngoài để có thu nhập cao hơn, mặc dầu độ ổn định thấp hơn và rủi ro có cao hơn. Đó là một thực trạng đáng lo ngại. Trước thực tế đó, có hai vấn đề đang đặt ra :

- Không thể để người có tài, có chí xa lánh nhà nước. Nhà nước phải có chính sách đãi ngộ thỏa đáng, cạnh tranh và thu hút mạnh nhất để có đội ngũ viên chức quốc gia nói chung và các nhà doanh nghiệp giỏi có tầm cỡ nói riêng ;

- Không phân biệt, kỳ thị và chèn ép người tài, có chí trong khu vực kinh tế tư nhân, kể cả trong giáo dục dân lập... bằng những biện pháp có tính chất độc quyền.

Phải có chính sách cụ thể để tạo môi trường rộng mở cho sự phát triển và thi thố tài năng, nhằm hình thành đội ngũ cán bộ quản lý kinh tế có trí tuệ ở mọi khu vực và thành phần kinh tế. Từ đó bằng các chính sách tuyển dụng và đãi ngộ, mà nhà nước tạo dựng đội ngũ cán bộ và bộ máy ngày càng trí tuệ hơn, đủ mọi tầm cỡ và thế hệ để đuổi kịp và sánh vai với các dân tộc trên thế giới.

Để đưa những ý tưởng đó vào cuộc sống thực tế, theo tôi, phải hướng tới thực thi các chế độ và chính sách nhằm tạo ra đội ngũ lao động quản lý kinh tế chuyên nghiệp và quản lý kinh tế làm thuê.

Người lao động trong nghề lãnh đạo quản lý kinh tế và chuyên gia đương nhiên phải là người có vốn nghề nghiệp. Do tính phức tạp của loại hình lao động này mà cán bộ quản lý kinh tế và chuyên gia phải có đủ năng khiếu, phẩm chất tâm lý đặc biệt. Người quản lý kinh tế và chuyên gia đương nhiên cần có học vấn ; chọn lọc kỹ càng trong các trường đào tạo, song cái quan trọng hơn cả là sự sàng lọc và bộc lộ tài năng qua công tác thực tiễn. Tránh tình trạng bố trí cán bộ nặng về tính chất "xem người xếp việc" hơn là "xem việc xếp người", dẫn đến nể nang, ô dù, đỡ đầu và duy ý chí, vừa gây lãng phí lớn tài năng của đất nước, vừa tạo ra không khí làm việc thiếu môi trường thi thố, phấn đấu.

Muốn quản lý kinh tế trở thành một nghề phải áp dụng chế độ quản lý làm thuê, còn gọi là chế độ ủy quyền quản lý hay đội ngũ quản lý nhà nghề và hoạt động theo chế độ hợp đồng lao động. Đây là một trong nhiều bí quyết khiến cho nền kinh tế thị trường của nhiều nước xây dựng được bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế với đội ngũ viên chức có tài, mẫn cán, không tham nhũng. Nhiều doanh nghiệp tư bản lớn, hoặc doanh nghiệp cổ phần đã chọn lựa đội ngũ quản lý kinh tế và chuyên gia làm thuê vừa có tài, lại vừa trung thành. Thiết nghĩ, nước ta cũng cần quan tâm học hỏi bí quyết đó để tìm người quản lý trung thành, chứ không phải hòa đồng người quản lý vào ông chủ sở hữu (đại diện cho nhà nước), để khắc phục tình trạng vô chủ trong các doanh nghiệp nhà nước.

Sự nhập nhằng và lẫn lộn giữa quản lý, sử dụng và sở hữu tạo ra nhiều khe hở trong giám sát hoạt động đã là điều kiện cho nhiều cán bộ thoái hóa, lạm dụng chức quyền để tư túi. Thực tế vừa qua cho thấy giám đốc của doanh nghiệp nhà nước lại do cấp trên chọn cử trên cơ sở trưng cầu ý kiến tập thể. Bởi vậy thường để có ghế, không ít "vị" đã phải lo lót lấy lòng cả cấp trên và tập thể để giữ ghế, lúc đứng ngoài cuộc thì tìm các thủ đoạn nói xấu lãnh đạo, gây mất đoàn kết, làm cho có nơi mất đoàn kết kéo dài. Trong sự tranh dành vì địa vị thiếu lành mạnh đó, sự đấu tranh của quần chúng, nếu lại thiếu thông tin, thì dễ bị lạc hướng, có lúc chọn phải những kẻ cơ hội vào bộ máy quản lý. Suy cho cùng, nếu không có cơ chế rõ ràng gắn quyền và trách nhiệm đối với người quản lý, thì khó có thể tránh được tình trạng trên.

Để thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, điều quan trọng là nâng cao hiệu quả khu vực kinh tế nhà nước. Bởi vậy, thay vì đi tìm ông chủ đích thực cho các doanh nghiệp nhà nước, theo tôi, nên vận dụng đội ngũ quản lý nhà nghề với chế độ quản lý làm thuê. Giải quyết bài toán này cần tiến hành từng bước thận trọng trên con đường phát triển nền kinh tế thị trường đi đôi với xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, thực hiện sự bình đẳng của toàn dân trước hiến pháp và pháp luật - mọi người sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật ❑

Digitized by Google

Vấn đề vùng lãnh thổ trong chiến lược cơ cấu kinh tế

TRẦN ĐÌNH THIÊN *

MỘT trong những quan điểm lớn về phát triển và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng khẳng định, là : "Tập trung thích đáng nguồn lực cho các lĩnh vực, các địa bàn trọng điểm ; đồng thời quan tâm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của mọi vùng trong nước ; có chính sách hỗ trợ những vùng khó khăn, tạo điều kiện cho các vùng đều phát triển" (1).

Bởi vậy, sẽ là một thiếu sót lớn khi phân tích chiến lược cơ cấu nói chung hay một khía cạnh của nó là chiến lược cơ cấu ngành nói riêng nếu không đề cập đến vấn đề phát triển vùng - lãnh thổ. Điều này càng có ý nghĩa đặc biệt đối với một nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu như nước ta đang trong quá trình chuyển sang hệ thống kinh tế thị trường hiện đại. Vấn đề là ở chỗ nền kinh tế nông nghiệp của ta vốn mang nặng đặc trưng phân tán, manh mún, tức là biệt lập theo từng vùng, từng địa phương nhỏ, thậm chí trong phạm vi từng huyện, xã. Sự biệt lập này phản ánh tình trạng tự cấp, tự túc trong đời sống kinh tế - xã hội. Đây là một cản trở rất lớn đến quá trình phát triển nền kinh tế thị trường và trực tiếp làm giảm nhịp độ và hiệu quả chuyển dịch cơ cấu ngành.

Quá trình xã hội hóa sản xuất, phát triển công nghiệp tất yếu dẫn tới sự phá vỡ thế biệt lập như đã nói ở trên, tạo ra mối liên kết trên phạm vi toàn quốc và quốc tế. Trong quá trình liên kết kinh tế ngày càng rộng lớn này, do có sự khác biệt về điều kiện phát triển (tự nhiên, xã hội, văn hóa, v.v..) giữa các vùng (không tùy thuộc vào biên giới hành chính), việc hình thành các vùng kinh tế với những ưu thế và điều kiện phát triển khác nhau, có khuôn khổ cơ cấu ngành khác nhau ở từng vùng, từng địa phương trở thành một xu hướng tất yếu. Chính trong tổ hợp này chứa đựng mối quan hệ tương thuộc, chế định lẫn nhau giữa cơ cấu ngành và cơ cấu vùng của sự phát triển kinh tế.

Nói chung, sự phát triển cân đối trong một tương quan hợp lý giữa các vùng, các địa phương có tác động rất mạnh đến hiệu quả tổng thể của quá trình tăng trưởng lâu dài cũng như trong chiến lược cơ cấu ngành. Ở đây cũng nổi lên một số điểm cần được suy xét một cách nghiêm túc.

Trong quy hoạch tổng thể hiện nay, nước ta hình thành 8 vùng kinh tế lớn, đó là :

1 - Vùng miền núi Tây bắc ;
2 - Vùng Đông bắc - Việt bắc ;
3 - Vùng đồng bằng sông Hồng ;
4 - Vùng bắc Trung bộ ;
5 - Vùng duyên hải miền Trung ;
6 - Vùng Tây nguyên ;
7 - Vùng đông Nam bộ ;
8 - Vùng đồng bằng sông Cửu long (tây Nam bộ).

Xung quanh sự phân chia này, hiện vẫn tồn tại những quan niệm khác nhau. Đây thực sự là một vấn đề khoa học cần được tiếp tục nghiên cứu để đi đến một cách nhìn thống nhất, có căn cứ khoa học - thực tiễn bảo đảm sự phân chia vùng hợp lý hơn về mặt kinh tế - xã hội.

Thực tế những năm qua cho thấy sự tăng trưởng, phát triển kinh tế chung của cả nước là khá cao, nhưng tốc độ tăng trưởng giữa các địa phương (vùng, tỉnh) lại khá chênh lệch. Tốc độ tăng trưởng cao nhất đạt được ở những tỉnh, những vùng có các lợi thế và điều kiện phát triển sơ bộ (cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực, vốn, thị trường và tài nguyên thiên nhiên), phù hợp hơn với những đòi hỏi của cơ chế thị trường. Đó là các thành phố lớn như : TP Hồ Chí Minh, Hà nội, Hải phòng, Bà rịa - Vũng tàu, Quảng ninh. Những địa phương này có cơ sở hạ tầng tương đối tốt hơn, trình độ lao động và năng lực công nghiệp cao hơn, có lợi thế về khả năng tạo vốn, về tiềm năng tự nhiên hơn xét trên quan điểm thị trường. Với những ưu thế thực tế có thể khai thác, sử dụng ngay và có hiệu quả hơn như vậy, dòng vốn đầu tư, cả trong nước lẫn ngoài nước cũng tập trung mạnh hơn vào những địa phương này. Trong khi đó, ở các địa phương, nông thôn hay miền núi, ngoại trừ sự gia tăng nào đó ở một số thôn xã thì tốc độ tăng trưởng chung thấp xa hơn đáng kể so với các đô thị.

* PTS, Viện kinh tế học

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1996, tr 86

Digitized by Google

Xét theo vùng lớn, có tình trạng là vùng nào không có những đầu tàu công nghiệp - đô thị thực sự mạnh hoặc thiếu những điều kiện phát triển sơ bộ như đã kể ở trên, nói chung đạt tốc độ phát triển chỉ bằng 1/2 đến 2/3 tốc độ của các vùng khác.

Sự so sánh giữa hai vùng bắc Trung bộ và đông Nam bộ minh họa rõ thêm nhận xét đó. Vùng đông Nam bộ nói chung có những điều kiện thuận lợi hơn hẳn vùng bắc Trung bộ như : có các trung tâm công nghiệp - đô thị lớn và cực kỳ năng động như TP Hồ Chí Minh, Biên hòa và Vũng tàu, có cơ sở hạ tầng tốt hơn, điều kiện tự nhiên cho sự phát triển từ đất đai, khí hậu đến khoáng sản đều thuận lợi. Trong khi đó, vùng bắc Trung bộ, nếu xét toàn bộ, mặc dù có các thành phố Huế, Vinh và gần đây là Thanh hóa với tư cách là những trung tâm khu vực, rõ ràng vẫn thiếu những đô thị - công nghiệp đủ sức đóng vai trò là đầu tàu tăng trưởng của vùng. Điều kiện thiên nhiên không thuận lợi cho sự phát triển kinh tế nông thôn dẫn tới chỗ dân nghèo, thiếu vốn phát triển, thiếu cơ sở hạ tầng. Có thể kể thêm nhiều điểm không thuận lợi khác cho sự phát triển tương đối của bắc Trung bộ so với đông Nam bộ, đặc biệt cho sự khởi động nhanh ban đầu. Vì thế, có sự khác biệt khá đáng kể về tốc độ phát triển và tăng trưởng kinh tế giữa hai vùng trong thời gian vừa qua. Sự khác biệt này hàm chứa trong nó sự khác biệt đáng kể về tốc độ chuyển dịch cơ cấu ngành giữa hai vùng. Trong khi vùng đông Nam bộ có những bước tiến mạnh trong lĩnh vực công nghiệp cũng như trong bản thân khu vực nông thôn - nông nghiệp thì ở bắc Trung bộ, ngoại trừ một số bước tiến đáng kể về công nghiệp của tỉnh Thanh hóa, khó nhận thấy một sự chuyển dịch mạnh về cơ cấu ngành ở đây. Bắc Trung bộ hầu như vẫn giữ nguyên dạng của một nền kinh tế nông nghiệp nông thôn truyền thống. Chắc chắn rằng đây là tình trạng vẫn còn tiếp tục tồn tại trong một thời gian nữa, không chỉ giữa hai vùng nêu trên mà giữa tất cả các vùng trong cả nước (xem biểu).

Biểu : *Cơ cấu ngành của cả nước và của các vùng (% GDP) năm 1994*

	Tỷ phần của vùng trong GDP cả nước	Công nghiệp trong GDP vùng	Nông, lâm nghiệp trong GDP vùng	Xây dựng trong GDP của vùng	Dịch vụ trong GDP của vùng
Cả nước		22,05	28,70	7,60	41,65
1. Miền núi Tây bắc	2,06	40,07	35,28	7,65	16,09
2. Đông bắc - Việt bắc	8,45	13,87	38,15	10,54	39,14
3. Đồng bằng sông Hồng	19,48	14,57	25,88	10,16	49,06
4. Bắc Trung bộ	8,27	11,28	38,57	8,89	43,29
5. Duyên hải miền Trung	7,62	14,70	34,71	6,84	45,62
6. Tây nguyên	2,69	11,40	45,47	11,54	33,44
7. Đông Nam bộ	32,88	39,35	9,12	6,67	40,58
8. Tây Nam bộ	18,56	10,30	52,03	4,39	34,50

Nguồn : *Bộ kế hoạch và đầu tư, Viện chiến lược phát triển*

Từ thực tế trên, có ba vấn đề lớn đặt ra cho định hướng phát triển vùng trong chiến lược cơ cấu chung trong giai đoạn tới :

Thứ nhất, tập trung đầu tư để nâng tốc độ tăng trưởng lên khoảng 2 hoặc 3 lần ở những vùng, địa phương có điều kiện thuận lợi, như Hà nội - Hải phòng - Quảng ninh ; TP Hồ Chí Minh - Biên hòa - Vũng tàu và tuyến tăng trưởng duyên hải miền Trung : Liên chiểu - Đà nẵng - Dung quất (để bù lại cho những vùng có tốc độ tăng trưởng còn thấp). Điều đó có nghĩa là trong giai đoạn trước mắt, về mặt khách quan, phải chấp nhận tình huống phát triển chưa cân bằng giữa các vùng, các địa phương. Đây là điều kiện bắt buộc để định mục tiêu phát triển của mỗi vùng nhằm đạt tốc độ tăng trưởng cao của cả nền kinh tế. Vì trên thực tế do có sự khác nhau về trình độ xuất phát giữa các vùng, nên mức độ tích lũy và thu hút vốn đầu tư, đặc biệt là vốn đầu tư nước ngoài, còn có sự chênh lệch đáng kể. Do đó, sự lựa chọn phương án phát triển không cân bằng giữa các vùng để đạt mục tiêu tăng trưởng cao cho giai đoạn tới là bao hàm tính hợp lý.

Thứ hai, việc tập trung đầu tư quá mức vào một số vùng, địa phương luôn luôn dẫn đến tình trạng

Digitized by Google

phát triển mất cân đối giữa chúng. Hiện nay, chưa ai có thể tính toán một cách chính xác mức độ ảnh hưởng của tình trạng này đến mục tiêu tăng trưởng dài hạn của nền kinh tế. Song, điều rõ ràng là nó chứa đựng khả năng làm giảm hiệu quả phát triển kinh tế - xã hội nói chung cũng như hiệu quả kinh tế nói riêng. Vì thế, song song với việc tập trung đầu tư theo địa bàn như trên để đáp ứng mục tiêu tăng trưởng cao mang tính ngắn và trung hạn, cần có chiến lược đầu tư để tận dụng tối đa lợi thế phát triển tiềm năng của từng vùng, tạo môi trường để liên kết nhau, làm cho tất cả các vùng đều phát triển. Trong quan điểm dài hạn, không nên kéo dài tình trạng chênh lệch phát triển quá mức giữa các vùng, địa phương. Giải quyết vấn đề này đòi hỏi phải tạo ra các điều kiện cơ bản để giảm dần sự chênh lệch về khả năng và cơ hội hấp dẫn đầu tư giữa các địa phương. Văn kiện Đại hội lần thứ VIII của Đảng đã khẳng định : "Đầu tư ở mức cần thiết cho các vùng kinh tế trọng điểm để thúc đẩy sự phát triển của toàn bộ nền kinh tế" (2).

Thứ ba, đây là điểm tổ hợp hai điểm trên và liên quan trực tiếp đến sự lựa chọn cơ cấu ngành như đã nêu ở trên - lựa chọn cơ cấu ngành phát triển cho từng vùng. Trước hết, cần thấy rằng quan điểm tăng trưởng với mức độ chênh lệch giữa các vùng trong giai đoạn tới có liên quan chặt chẽ với định dạng cơ cấu ngành tổng quát. Các vùng - địa phương mà nông nghiệp - nông thôn chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu, thiếu các đầu tàu tăng trưởng mạnh là các đô thị - công nghiệp cần và buộc phải chấp nhận một tốc độ tăng trưởng tương đối thấp hơn. Còn các địa phương - vùng công nghiệp - đô thị có thể và cần được quan tâm đầu tư để đạt tốc độ tăng trưởng cao hơn hẳn. Mặt khác, xuất phát từ cách nhìn dài hạn, cần tính tới việc đầu tư nâng dần tốc độ tăng trưởng ở những nơi trình độ còn thấp. Gấp rút xây dựng chiến lược cơ cấu ngành hợp lý của mỗi vùng và trên cơ sở hình thành những trung tâm tăng trưởng mạnh là các đô thị - công nghiệp để đóng vai trò xung lực thúc đẩy tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu ngành của địa phương - vùng. Nếu không làm được điều đó, khó tránh khỏi sự chênh lệch phát triển quá mức giữa các vùng địa phương, ảnh hưởng đến tốc độ tăng trưởng cao và lâu bền, cũng như mục tiêu dân giàu,nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh ❑

(2) *Sđd*, tr 89

Xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc

*LƯƠNG QUỲNH KHUÊ**

Từ xu hướng phát triển của thế giới hiện nay, thế kỷ XXI được các nhà tương lai học dự báo sẽ là thế kỷ của *sự Phục hưng văn hóa vĩ đại*. Sự bùng nổ thông tin trên hành tinh, việc mở rộng các mối liên kết kinh tế, văn hóa, khoa học giữa các quốc gia hiện nay khiến cho các dân tộc ngày càng xích lại gần nhau trong xu hướng toàn cầu hóa. Song, nhân loại cuối thế kỷ XX cũng đang chứng kiến bước song hành thuận nghịch về hai phía vô cùng (Les deux infini) của chính bản thân mình. Đó là sự toàn cầu hóa về lối sống và sự khẳng định bản sắc dân tộc độc đáo của mỗi nền văn hóa.

Tổng kết thực tiễn xây dựng đất nước, tiếp thu tinh thần của thời đại, Đảng ta khẳng định một trong mười lĩnh vực chủ yếu của định hướng phát triển đất nước hiện nay là "Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc" mô hình văn hóa này hàm chứa một nội dung lý luận và thực tiễn vô cùng sâu sắc trong những điều kiện mới của dân tộc và thời đại.

Trước hết là tính chất tiên tiến của nền văn hóa Việt nam.

Từ cơ cấu nội tại của mỗi nền văn hóa cho phép ta khẳng định : nền văn hóa tiên tiến phải là nền văn hóa được xây dựng trên nền tảng của một hệ tư tưởng tiên tiến. Văn hóa không đồng nhất với tư tưởng nhưng hệ tư tưởng luôn luôn là cốt lõi của mọi nền văn hóa, là hạt

* PTS, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

nhân kết dính tất cả các yếu tố cấu thành của văn hóa. Với thử thách nghiệt ngã của lịch sử, hệ tư tưởng Mác - Lê-nin hiện nay vẫn được khẳng định bởi tính ưu việt - tiên tiến của nó so với các hệ tư tưởng khác. Đây là *hệ tư tưởng duy nhất* lấy việc giải phóng con người làm mục tiêu cao cả của mình - giải phóng không chỉ theo nghĩa làm cho con người thoát khỏi mọi hình thức bóc lột, áp bức, bất công về thể xác mà còn là sự giải phóng tinh thần, giải phóng mọi tiềm năng sáng tạo, mở ra những điều kiện xã hội tốt đẹp cho sự phát triển toàn diện của nhân cách. Do vậy, nền văn hóa Việt nam tiên tiến phải lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng, trong đó vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội phải là nội dung tư tưởng cốt lõi trong văn hóa, văn nghệ nước ta.

Nền văn hóa được xây dựng trên nền tảng của một hệ tư tưởng tiên tiến tất yếu phải thống nhất với chế độ xã hội tiên tiến. Trong thời đại ngày nay, không còn nghi ngờ gì nữa, đó chính là chế độ xã hội chủ nghĩa. Đây là sự lựa chọn của chính lịch sử, là con đường hợp quy luật phát triển của xã hội loài người. Đối với nước ta, không còn con đường nào khác để có độc lập dân tộc và tự do hạnh phúc thật sự cho nhân dân ngoài con đường xã hội chủ nghĩa. Những gì đã và đang xảy ra ở Liên xô (cũ) và một số nước Đông Âu là cái giá quá đắt của sự chệch hướng mà nhân dân lao động phải gánh chịu. Xã hội Mỹ, nền văn hóa Mỹ với việc đề cao chủ nghĩa cá nhân cực đoan dẫn đến tan vỡ gia đình và cộng đồng ; con người cá nhân cô đơn, bất hạnh và khủng hoảng về tinh thần trong sự sung mãn của tiện nghi vật chất không thể là mẫu hình lý tưởng của nhân loại tiến bộ. Đúng như sự khái quát của Thủ tướng Ma-lai-xi-a M.Mô-ha-mát : "Đối với hầu hết người châu Á, nước Mỹ là một bức tranh kỳ cục của những cảnh vừa đi vừa bắn súng và những cảnh dùng ma túy quá liều. Mỗi tháng chỉ tính riêng ở Niu-Yoóc đã có 150 đến 200 người bị bắn chết. Tính chung trong cả nước, cứ 30 hoặc 40 giây lại có một phụ nữ bị hãm hiếp và việc sử dụng loại thuốc phiện Crack đã lên đến mức bệnh dịch. Có 250 000 bệnh nhân mắc bệnh AIDS, hàng nghìn người đồng tính luyến ái biểu tình trên các đường phố, và những người thay đổi giới tính tràn ngập các đường phố". Thủ tướng Ma-lai-xi-a kết luận : "Phải chăng thực tế đây là một xã hội lý tưởng" (1).

Sau nữa, cũng cần nhận rõ thêm rằng việc xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa và xây dựng nền văn hóa Việt nam hiện nay là một quá trình thống nhất, không thể tách rời. Chế độ xã hội tiên tiến quy định tính chất tiên tiến của nền văn hóa ; đồng thời nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc lại vừa là mục tiêu, vừa là động lực xây dựng xã hội mới.

Vì những lẽ trên, nền văn hóa tiên tiến cũng phải bao hàm cả tính chất hiện đại, tiến bộ và nhân văn. Hiện đại vì nền văn hóa ấy được nuôi dưỡng và phát triển bởi nền sản xuất hiện đại, nó hấp thu được những tri thức, những thành tựu khoa học mới nhất của loài người để phát triển. Hiện đại không đồng nghĩa với cái mới (xét theo thời điểm xuất hiện) bởi có những sự vật, hiện tượng mới xuất hiện nhưng lại là cái cũ, cái lạc hậu ; hoặc nhân danh cái mới nhưng thực chất lại là cái phản tiến bộ, phản văn hóa. Cho nên hiện đại phải gắn với tính chất tiến bộ và nhân văn. Một nền văn hóa tiên tiến không thể dung nạp những yếu tố lạc hậu, phản động, hạ thấp và xuyên tạc bản chất con người. Song hiện đại và tiến bộ cũng không có nghĩa là chối từ quá khứ. Ngược lại, sự phát triển hợp quy luật của mọi nền văn hóa hiện đại là ở chỗ biết tiếp thu có chọn lọc toàn bộ di sản văn hóa dân tộc và tinh hoa văn hóa nhân loại, phát triển lên một tầm cao mới vì sự giải phóng con người và tiến bộ xã hội, chống lại tất cả những gì đi ngược lại lợi ích chân chính của con người.

(1) "Phương Đông vượt lên phương Tây"- trích báo "*Nhân dân*" số 14747, ngày 2.11.1995, tr 3

Digitized by Google

Với cách hiểu như trên, tính chất tiên tiến của một nền văn hóa không bao giờ xa lạ với dân tộc, ngược lại nó phải được tắm mình, nuôi dưỡng và phát triển trong mạch nguồn văn hóa dân tộc. Nền văn hóa Việt nam tiên tiến phải đậm đà bản sắc dân tộc cả về nội dung và hình thức biểu hiện của nó.

Văn hóa mang tính dân tộc vì nó được sáng tạo, lưu truyền trong cộng đồng dân tộc với một sinh thái thiên nhiên, sinh thái xã hội - lịch sử riêng. Cùng với thời gian, qua nhiều thế hệ, những đặc điểm dân tộc in dấu ấn lên các sáng tạo văn hóa, dần dần lắng lọc, định hình tạo nên bản sắc dân tộc của văn hóa, phân biệt rõ văn hóa của cộng đồng này, dân tộc này với văn hóa của cộng đồng khác, dân tộc khác. Như vậy, bản sắc dân tộc là sắc thái gốc, là thẻ căn cước của một nền văn hóa (identité culturelle). Bản sắc dân tộc làm nên cái cốt lõi vững chắc giúp cho nền văn hóa luôn giữ được tính duy nhất, tính thống nhất, tính nhất quán so với bản thân mình trong quá trình phát triển. Bản sắc dân tộc thể hiện trong tất cả các lĩnh vực của đời sống văn hóa : trong ý thức "thuộc về" một dân tộc, một cội nguồn ; trong cách cảm, cách nghĩ, cách tư duy ; trong lối sống và phương thức ứng xử ; trong thị hiếu và lý tưởng ; trong cách dựng nước và giữ nước, cách sáng tạo văn hóa vv.. Bản sắc dân tộc không chỉ bộc lộ ở những dấu hiệu hình thức mà chủ yếu lại nghiêng về chiều sâu bên trong - diện mạo có hồn của một nền văn hóa. Nghĩa là bản sắc dân tộc phải đậm đà trong cả nội dung và hình thức của một nền văn hóa với cái nhìn biện chứng của mối quan hệ này.

Với những nền văn hóa có chiều sâu cội nguồn, có chiều dài lịch sử và một chủ thể thông minh sáng tạo thì bản sắc dân tộc của văn hóa qua sự chưng cất của thời gian sẽ kết thành những giá trị truyền thống vững bền làm nên sức sống nội tại, năng lượng tinh thần tiềm ẩn của mỗi dân tộc. Cách đây mấy ngàn năm, ngay từ thời Văn Lang - Âu Lạc, những con người Việt nam ngày ấy đã sáng tạo nên một nền văn hóa Đông Sơn rực rỡ, tỏa sáng cả vùng Đông - Nam Á. Bản sắc dân tộc của văn hóa Việt nam cũng bắt đầu hình thành từ cội nguồn ấy, sâu rễ bền gốc từ đấy. Như vậy, trước khi mất nước vào tay Triệu Đà, dân tộc Việt nam đã sớm hình thành một nền văn hóa giàu cá tính, có bản sắc riêng. Đó là văn hóa Hùng Vương - Đông Sơn chói sáng. Nhờ căn nguyên kỳ diệu này khiến cho suốt ngàn năm bị phong kiến phương Bắc đô hộ, bị cưỡng chế về văn hóa, không những dân tộc Việt nam không bị đồng hóa mà văn hóa Việt nam còn biết thâu hóa những yếu tố mà mình còn thiếu, lặng lẽ tích tụ thêm năng lượng để rồi lại trỗi dậy mạnh mẽ trong kỷ nguyên Đại Việt. Chính nội lực của nền văn hóa ấy cũng đã góp phần làm nên hai cuộc kháng chiến thần thánh chống Pháp và chống Mỹ, mở ra một thời đại mới cho dân tộc - Thời đại Hồ Chí Minh.

Được thử thách, rèn dũa trong chiều dài lịch sử dựng nước và giữ nước, bản sắc dân tộc của văn hóa Việt nam đã kết thành những giá trị tinh thần bền vững, được lưu truyền và phát triển qua nhiều thế hệ làm nên truyền thống quý giá của dân tộc Việt nam. Theo chúng tôi, bảng giá trị đó là :

1 - Yêu nước

2 - Nhân nghĩa

3 - Cần cù và tài hoa trong lao động sản xuất

4 - Tính cộng đồng sâu sắc

5 - Tư duy mềm, khoan hòa, thích ứng

6 - Gần gũi và hài hòa với thiên nhiên, tâm hồn bình dị, giàu cảm xúc.

Tuy nhiên, bản sắc dân tộc không phải là cái bất biến. Cùng với sự vận động của lịch sử, bản sắc dân tộc của văn hóa cũng biến đổi, phát triển, vừa kế thừa những nét đẹp của truyền thống, vừa nảy sinh những nhân tố mới, tạo nên những truyền thống mới. Nghĩa là bản sắc dân tộc của văn hóa luôn luôn phát triển những nội dung mới, biểu hiện trong những hình thức mới, nhưng vẫn không mất đi cái

Digitized by Google

căn cốt sâu xa của nó. Chẳng hạn - yêu nước là một trong những giá trị hàng đầu của bản sắc văn hóa Việt nam. Trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, tinh thần yêu nước của dân tộc ta đã được phát huy đến cao độ, trở thành chủ nghĩa anh hùng cách mạng, thành ý chí "Không có gì quý hơn độc lập, tự do". Đường lối đổi mới xây dựng đất nước của Đảng ta hiện nay đi vào cuộc sống đã tạo nên những định hướng giá trị mới cho toàn xã hội: "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh". Đó cũng là nội dung mới của giá trị yêu nước trong điều kiện hiện nay.

Nếu hiểu nội dung bản chất nhất của văn hóa là trình độ phát triển của con người (hay trình độ người của các quan hệ xã hội) thì bản sắc dân tộc của văn hóa chính là cái phần tinh túy nhất thấm sâu trong tâm hồn, cốt cách, bản lĩnh của một dân tộc và nó sẽ biểu hiện trên tất cả các quan hệ, các lĩnh vực hoạt động xã hội của con người. Trong nhiệm vụ xây dựng nền văn hóa hiện nay, vấn đề này càng cần được nhận thức một cách sâu sắc. Nghĩa là : "Bản sắc dân tộc và tính chất tiên tiến của nền văn hóa phải được thấm đậm không chỉ trong công tác văn hóa - văn nghệ, mà cả trong mọi hoạt động xây dựng, sáng tạo vật chất, ứng dụng các thành tựu khoa học, công nghệ, giáo dục và đào tạo... sao cho trong mọi lĩnh vực chúng ta có cách tư duy độc lập, có cách làm vừa hiện đại vừa mang sắc thái Việt nam" (2).

Để xây dựng thành công nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, cần quán triệt một số chủ trương, biện pháp cụ thể sau :

Thứ nhất : Nền văn hóa Việt nam phải là nền văn hóa của cả 54 dân tộc trong cộng đồng các dân tộc Việt nam. Cho nên cần "khai thác và phát triển mọi sắc thái và giá trị văn hóa, nghệ thuật của các dân tộc trên đất nước ta, tạo ra sự thống nhất trong tính đa dạng và phong phú của nền văn hóa Việt nam" (3).

Thứ hai : Nền văn hóa Việt nam tiên tiến giàu bản sắc dân tộc phải được xây dựng trên cơ sở kế thừa và phát huy các giá trị tinh thần, đạo đức và thẩm mỹ, các di sản văn hóa - nghệ thuật của dân tộc, đồng thời mở rộng cánh cửa ra bên ngoài, tăng cường giao lưu văn hóa quốc tế. Phải từ tâm hồn, đạo lý, cốt cách của dân tộc mà tiếp thu có sàng lọc văn hóa của các dân tộc khác ; đồng thời đấu tranh chống sự xâm nhập và tiêu dùng các loại văn hóa phẩm độc hại, ngăn ngừa những khuynh hướng sùng ngoại, lai căng, mất gốc vv..

Thứ ba : Quản lý tốt các hoạt động văn hóa thông tin và củng cố, tăng cường mạng lưới văn hóa cơ sở. Một trong ba chương trình quốc gia về văn hóa thông tin là xây dựng đời sống văn hóa cơ sở, trong đó chú trọng vấn đề gia đình văn hóa, làng bản văn hóa, nếp sống văn minh đô thị.

Thứ tư : Xây dựng gia đình văn hóa mới với các tiêu chí : no ấm, bình đẳng, tiến bộ và hạnh phúc là một nội dung quan trọng của mục tiêu xây dựng nền văn hóa Việt nam hiện nay.

Thứ năm : Xây dựng và phát triển nền văn hóa nghệ thuật Việt nam hiện đại, giàu bản sắc dân tộc độc đáo, hướng con người vươn tới cái chân, cái thiện, cái mỹ là một nội dung trọng yếu của sự nghiệp xây dựng và phát triển văn hóa Việt nam .

Văn hóa là tài sản chung của toàn dân tộc. Việc giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc của văn hóa hiện nay không chỉ là đòi hỏi của con tim mà còn vì lợi ích sống còn của dân tộc trước những thời cơ và thách thức của thời đại. Đồng thời nền văn hóa Việt nam tiên tiến giàu bản sắc dân tộc sẽ tạo dựng nên những con người có đủ tài năng và bản lĩnh để hòa nhập vào thế giới hiện đại mà không bị hòa tan - "HÒA NHI BẤT ĐỒNG" ❑

(2) (3) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII* Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội 1996, tr 30, 111

Digitized by Google

PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ TRONG QUÁ TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA Ở MIỀN TRUNG

TRƯƠNG MINH DỤC *

TRONG những năm qua, cùng với sự phát triển của khoa học công nghệ của cả nước, khoa học và công nghệ khu vực miền Trung cũng có những bước phát triển quan trọng đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương trong khu vực.

Thứ nhất, hoạt động khoa học, công nghệ đã cung cấp các luận cứ khoa học cho việc hoạch định các chủ trương, chính sách về phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh đến năm 2000 và 2020. Thông qua các cuộc điều tra cơ bản, các đề án quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của các tỉnh từ 1995 đến 2000 và 2020 ; đề án phát triển nông nghiệp nông thôn, đề án thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo tinh thần Nghị quyết hội nghị Ban chấp hành trung ương lần thứ 7 (khóa VII)..., lãnh đạo các địa phương có những quyết định, những chủ trương, chính sách phát triển kinh tế - xã hội đúng đắn và có hiệu quả.

Thứ hai, khoa học - công nghệ đã góp phần thúc đẩy các ngành kinh tế - xã hội phát triển.

Trong lĩnh vực nông nghiệp đã tạo được các giống cây trồng mới, hình thành bộ giống lúa ngắn ngày, các giống ngô và một số giống cây công nghiệp có năng suất cao, chất lượng tốt ; lựa chọn thành công một số giống cây thích hợp với từng vùng sinh thái. Áp dụng có hiệu quả nhiều tiến bộ kỹ thuật thâm canh, tăng năng suất cây trồng. Trong công nghệ sản xuất đã tiếp thu những tiến bộ về sắp xếp cơ cấu mùa vụ, luân canh xen canh, gối vụ, tăng vụ và nâng cao hệ số sử dụng đất.

Trong ngành lâm nghiệp đã có những tiến bộ kỹ thuật về nhân giống, chăm sóc, tái sinh rừng ; những tiến bộ kỹ thuật trong khai thác, tận dụng gỗ. Trong chăn nuôi đã áp dụng những tiến bộ kỹ thuật về chọn lai giống, thâm canh nuôi trồng các loại thủy, hải sản. Nhờ vậy, trong những năm qua, nông nghiệp, nông thôn các tỉnh trong khu vực đạt được những thành tựu đáng kể về sản lượng lương thực, năng suất cây trồng và vật nuôi, giải quyết an toàn lương thực, góp phần ổn định kinh tế - xã hội và tạo những tiền đề cần thiết cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trong các ngành công nghiệp, giao thông vận tải, xây dựng đã lựa chọn và áp dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật trong sản xuất, đặc biệt là trong công nghiệp chế biến, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, sản xuất vật liệu xây dựng, làm tốt khâu thông tin chuyển giao công nghệ và thực hiện tốt khâu thẩm định công nghệ, đặc biệt là áp dụng công nghệ sản xuất vật liệu xây dựng và vật liệu mới, áp dụng các công nghệ tự động hóa trong sản xuất, góp phần nâng cao chất lượng sản phẩm.

Trong lĩnh vực y tế, các tỉnh miền Trung đã tập trung đầu tư các thiết bị và công nghệ tiên tiến để sản xuất tân dược, thiết bị kiểm tra tân dược, thiết bị hiện đại phục vụ khám, chữa bệnh cho nhân dân.

Ngành khoa học xã hội và nhân văn đã triển khai nghiên cứu nghệ thuật truyền thống của các dân tộc, góp phần đề xuất những giải pháp có tính khả thi để giữ gìn những vốn văn hóa dân tộc, xây dựng nền văn hóa tiên tiến mang bản sắc dân tộc ; định hướng giải quyết những vấn đề giáo dục - đào tạo. Các khoa học kinh tế, xã hội học đã đóng góp một phần trực tiếp hay gián tiếp trong việc thực hiện các

* PTS, Phân viện Đà nẵng, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

Digitized by Google

chính sách của Đảng và Nhà nước về phát triển nông nghiệp, nông thôn và miền núi ; cung cấp những căn cứ khoa học cho việc đề ra các chủ trương chính sách quan trọng về phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương, trong việc thẩm định các luận chứng kinh tế - xã hội, của các dự án đầu tư và liên doanh.

Việc quản lý môi trường được chú ý, các địa phương đã xây dựng được chiến lược bảo vệ môi trường trên cơ sở đánh giá đầy đủ thực trạng môi trường của khu vực, đề ra các chính sách bảo vệ, giám sát môi trường.

Ngoài ra các hoạt động thông tin khoa học được củng cố và tăng cường, góp phần thúc đẩy hoạt động khoa học, công nghệ trong khu vực.

Những thành tựu trong hoạt động khoa học, công nghệ đã góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tăng năng suất lao động xã hội ; tạo ra những tiền đề quan trọng cho sự phát triển kinh tế - xã hội ở giai đoạn tiếp theo.

- *Thứ ba*, bước đầu xây dựng được tiềm lực khoa học, đặc biệt là đào tạo được đội ngũ khoa học có khả năng vươn lên giải quyết những vấn đề khoa học, công nghệ đặt ra trong quá trình phát triển các khu vực. Đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật của khu vực miền Trung tuy chưa nhiều, nhưng được trưởng thành qua thực tiễn địa phương có nhiều cố gắng vươn lên trong điều kiện khó khăn, cơ sở vật chất thiếu thốn. Đó là vốn quý cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội cũng như xây dựng nền khoa học, công nghệ chất lượng cao.

- *Thứ tư*, sự tác động của khoa học, công nghệ đã nâng cao ý thức vận dụng khoa học, kỹ thuật vào đời sống của nhân dân ; nâng cao trình độ dân trí lên một bước. Người dân quan tâm vận dụng những tiến bộ kỹ thuật, có ý thức lựa chọn giống mới để đạt hiệu quả cao trong sản xuất kinh doanh. Do đó, ý thức vươn lên để làm chủ khoa học, kỹ thuật được hình thành và phát triển trong công nhân, nông dân và nhân dân lao động.

Tuy nhiên, bên cạnh những tác động tích cực đó hoạt động khoa học, công nghệ miền Trung đang đặt ra nhiều vấn đề cần giải quyết. Có thể nêu ra mấy nét lớn sau :

- Hoạt động khoa học, công nghệ miền Trung mang tính chất chắp vá, phân tán, manh mún.

Do điều kiện địa lý trải dài theo chiều dài đất nước, nên trong quá trình phát triển ở miền Trung hình thành nhiều trung tâm kinh tế - xã hội. Đây là một nguyên nhân khiến cho hoạt động khoa học - công nghệ miền Trung mang tính phân tán, cục bộ địa phương. Khoa học, công nghệ miền Trung chưa tạo ra sự liên kết giữa các đơn vị khoa học, các địa phương trong việc giải quyết những vấn đề có tính khu vực trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở vùng này.

- Đầu tư ngân sách cho hoạt động khoa học - công nghệ còn hạn chế. Nếu như nguồn ngân sách nhà nước năm 1994 đầu tư cho khoa học, công nghệ của 35 tỉnh, thành phố là 70 tỉ đồng, thì các tỉnh miền Trung và Tây nguyên chỉ được 13,8 tỉ, chiếm 19,7%. Tuy còn nghèo nhưng các tỉnh miền Trung đã dành ngân sách địa phương đầu tư cho hoạt động khoa học, công nghệ và môi trường là 18,8 tỉ đồng, tăng 14% so với chỉ tiêu ngân sách được giao. Năm 1995 ngân sách đầu tư cho hoạt động khoa học công nghệ miền Trung là 16,3 tỉ, nhưng so với nhu cầu chỉ đạt 23,5%. Tỉnh có đầu tư lớn như Quảng nam - Đà nẵng cũng chỉ đáp ứng 34% nhu cầu. Kinh phí đã ít nhưng sử dụng không được tập trung, không có trọng điểm. Đây là nguyên nhân làm cho khoa học, công nghệ miền Trung vẫn theo con đường tự cung tự cấp và đóng cửa, chưa có sự hợp tác liên kết để khai thác các nguồn lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của khu vực.

- Cơ chế chính sách chưa phù hợp để thúc đẩy hoạt động khoa học, công nghệ phát triển. Lương, điều kiện sống và làm việc, chế độ cung cấp thông tin chưa tạo động lực thúc đẩy người làm khoa học, kỹ thuật. Nạn chảy chất xám ra hai đầu đất nước và từ cơ quan nhà nước ra các xí nghiệp liên doanh vẫn chưa được ngăn chặn một cách hữu hiệu.

- Ở miền Trung thiếu đội ngũ cán bộ đầu đàn với chất lượng cao, hàm lượng trí thức thấp so với hai đầu đất nước. Theo số liệu của Bộ khoa học công nghệ và môi trường, đến

Digitized by Google

tháng 6 năm 1993 ở miền Trung lao động được đào tạo từ công nhân kỹ thuật trở lên có 380,2 ngàn người, chiếm 9,4% lao động trong nền kinh tế quốc dân, trong đó có 117 ngàn người lao động kỹ thuật, 96,6 ngàn người có trình độ trung học chuyên nghiệp, 66,1 ngàn người có trình độ cao đẳng, đại học và 600 người có trình độ trên đại học. So với vùng trọng điểm Bắc bộ và Nam bộ, số cán bộ khoa học kỹ thuật ở miền Trung chiếm tỷ lệ thấp (xem bảng).

Đơn vị tính : %

	Trọng điểm KT miền Trung (+)	TĐKT Bắc bộ	TĐKT Nam bộ	Cả nước
Số cán bộ trình độ cao đẳng, đại học	10,5	26,5	17,4	100
Trên đại học	6,6	73,9	6,5	100

Tỷ lệ lao động trình độ đại học, cao đẳng và trên đại học thấp, chỉ chiếm 1,7% trong tổng số lao động, trong khi đó ở Bắc bộ : 3,94%, Nam bộ : 2,94%. Cơ cấu của đội ngũ khoa học có trình độ cao cũng không hợp lý : phần lớn là cán bộ kỹ thuật, cán bộ khoa học tự nhiên rất ít. Trong đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật có trình độ phó tiến sĩ, tiến sĩ có 18% là khoa học xã hội và nhân văn, 46,7% là khoa học kỹ thuật, 8,3% là khoa học tự nhiên, 15% không rõ. Đa số cán bộ có trình độ cao tập trung ở cơ quan trung ương, số công tác ở địa phương rất ít, thường không làm khoa học mà tham gia công tác quản lý. Vì vậy, ở miền Trung thiếu hụt lực lượng khoa học, công nghệ đầu đàn trên nhiều lĩnh vực. Trong khi đó, khu vực này cũng chưa có chính sách phù hợp để thu hút cán bộ khoa học - kỹ thuật, chưa có chiến lược để sử dụng đội ngũ trí thức, đội ngũ khoa học, kỹ thuật một cách hợp lý, tạo điều kiện để họ phát huy trí tuệ của mình cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Đây là nguyên nhân giải thích vì sao khoa học - công nghệ khu vực chậm phát triển.

- Ở miền Trung cơ sở đào tạo còn thiếu, chất lượng đào tạo chưa cao. Đến năm 1994 miền Trung có 20 trường cao đẳng, đại học với 15 250 sinh viên. Như vậy, có 20 sinh viên/1 vạn dân ; thấp hơn 3 lần vùng trọng điểm kinh tế Bắc bộ (60 sinh viên/1 vạn dân) và 1,5 lần vùng trọng điểm kinh tế Nam bộ (30 sinh viên/1 vạn dân). Các trường đại học trải khắp các thành phố Huế, Đà nẵng, Quy nhơn, Nha trang nên ít hỗ trợ lẫn nhau ; ngành nghề đào tạo hạn chế, chất lượng đào tạo không cao. Hơn nữa do chưa kết hợp đúng đắn giữa đào tạo và sử dụng, cho nên nhiều thanh niên giỏi phải đi học nơi khác và phần lớn họ không trở về. Vì vậy, miền Trung luôn luôn thiếu cán bộ khoa học có trình độ chuyên môn cao.

Mặt khác, việc đào tạo lại đội ngũ cán bộ khoa học, kỹ thuật hiện có cũng chưa làm được bao nhiêu, nên phần lớn đội ngũ cán bộ chưa cập nhật kiến thức mới, không có điều kiện để vươn lên, vì thế trình độ chuyên môn không đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự phát triển.

Sự yếu kém của khoa học, công nghệ là một nguyên nhân quan trọng làm cho tiềm năng kinh tế của miền Trung chưa đủ khai thác một cách có hiệu quả phục vụ cho đời sống nhân dân, là nguyên nhân tụt hậu của miền Trung so với hai đầu của đất nước.

*
* *

Sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội theo tinh thần của Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng là phấn đấu đến năm 2020 nước ta trở thành một nước công nghiệp. Trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội từ năm 1995 đến 2020, duyên hải miền Trung được xác định là một trong ba trọng điểm kinh tế của đất nước. Với sự hình thành các cụm công nghiệp Chân mây (Thừa thiên - Huế) ; Liên chiểu (Đà nẵng) ; Dung quất (Quảng ngãi) và chuỗi đô thị mới ven biển sẽ tạo đòn bẩy cho sự phát triển kinh tế miền Trung. Điều đó đặt ra nhiệm vụ nặng nề cho sự nghiệp khoa học, công nghệ. Để khoa học, công nghệ miền Trung phát triển góp phần đắc

(+) Ghi chú : - Trọng điểm kinh tế Bắc bộ gồm Hà nội, Hải phòng, Hải hưng, Quảng ninh
- Trọng điểm kinh tế Nam bộ gồm TP Hồ Chí Minh, Đồng nai, Bà rịa, Vũng tàu
- Trọng điểm kinh tế miền Trung gồm 7 tỉnh duyên hải miền Trung từ Quảng trị đến Khánh hòa

Digitized by Google

lực thúc đẩy sự nghiệp xây dựng kinh tế, văn hóa của vùng cần quán triệt các quan điểm và định hướng sau :

- Quán triệt đường lối, chính sách của Đảng về khoa học, công nghệ ; nắm bắt xu hướng phát triển của khoa học, công nghệ thế giới, khu vực và trong nước để lựa chọn hướng phát triển khoa học, công nghệ vùng phù hợp.

- Gắn chặt hoạt động khoa học, công nghệ với thực tiễn sản xuất đời sống, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của mỗi địa phương cũng như khu vực. Tập trung nguồn lực để tạo đột phá khẩu cho sự phát triển khoa học, công nghệ nói riêng và kinh tế - xã hội nói chung.

- Khai thác và huy động mọi nguồn lực để phát triển khoa học, công nghệ. Khơi dậy tiềm năng của đội ngũ khoa học - kỹ thuật trong khu vực. Mở rộng hợp tác, liên kết giữa các địa phương, giữa khu vực với các khu vực khác trong nước, hợp tác quốc tế. Từng bước thu hẹp khoảng cách về khoa học, công nghệ giữa miền Trung với hai vùng trọng điểm kinh tế của cả nước.

Để đạt được những mục tiêu trên, cần thực hiện tốt các giải pháp sau :

- Xây dựng chiến lược phát triển khoa học, công nghệ cho khu vực và cho từng địa phương, từng ngành, trong các lĩnh vực nông, lâm, ngư nghiệp, công nghiệp, giao thông vận tải, bưu điện, y tế, giáo dục... Trong nông nghiệp, tiếp tục chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi nhằm chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn. Ứng dụng rộng rãi những thành tựu sinh học phục vụ cho sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp, chế biến nông sản thực phẩm. Hướng phát triển khoa học, công nghệ trong nông nghiệp là xây dựng một nền nông nghiệp sạch.

Trong công nghiệp chú ý ứng dụng và phát triển các công nghệ cao, cần đầu tư đúng để ứng dụng công nghệ điện tử và tin học. Nghiên cứu nhập những công nghệ hiện đại, nâng cao và phát triển công nghệ truyền thống. Chú trọng phát triển khoa học xã hội và nhân văn làm cơ sở cho các quyết sách của lãnh đạo địa phương về phát triển kinh tế, xã hội, văn hóa, giáo dục, giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

Chú ý phát triển thông tin khoa học công nghệ ở các tỉnh, tập trung xử lý các dữ liệu cần thiết phục vụ cho lãnh đạo quản lý ở địa phương, trao đổi thông tin ở trong và ngoài nước.

Có chiến lược bảo vệ môi trường sinh thái trên cơ sở đánh giá hiện trạng môi trường và đề ra các giải pháp bảo vệ, giám sát môi trường trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Chú trọng bồi dưỡng và sử dụng hiệu quả nguồn năng lực có trình độ văn hóa và kỹ năng nghề nghiệp ngày càng cao ; ưu tiên hàng đầu cho phát triển giáo dục đào tạo, nghiên cứu triển khai, xây dựng tiềm lực khoa học, công nghệ ngày càng lớn mạnh. Có kế hoạch đào tạo và đào tạo lại đội ngũ khoa học công nghệ, tập trung khâu đào tạo cán bộ khoa học đầu đàn.

Giải quyết mối quan hệ giữa phát triển khoa học công nghệ, giáo dục đào tạo với phát triển kinh tế - xã hội. Vừa quan tâm đào tạo đội ngũ cán bộ khoa học, công nghệ trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, vừa chú ý xây dựng và phát triển tốt lực lượng nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên và kinh tế, kỹ thuật.

- Có chế độ chính sách để khuyến khích người làm công tác khoa học - kỹ thuật, tạo ra động lực cho sự phát triển của chính khoa học công nghệ. Động lực này nằm trong lợi ích của người nghiên cứu, phát minh và ứng dụng có hiệu quả khoa học công nghệ. Trả công xứng đáng cho người trực tiếp làm khoa học, tạo điều kiện làm việc cho nhà khoa học từ cung cấp thông tin, xây dựng môi trường dân chủ, đoàn kết. Nâng cao chức trách nhiệm vụ trong lĩnh vực nghiên cứu, khuyến khích những tìm tòi khoa học, những kiến giải khác nhau, không định kiến hẹp hòi, làm thui chột nhiệt tình sáng tạo của người nghiên cứu.

Digitized by Google

Tìm ra phương thức và cơ chế hoạt động cho phép kết hợp và phát huy tối đa trí tuệ tập thể cũng như tài năng của cá nhân nhà khoa học. Hạn chế và đi đến chấm dứt nạn chảy chất xám trong cơ quan nhà nước ra các xí nghiệp đầu tư của nước ngoài, khu vực kinh tế tư nhân.

- Đầu tư để mở rộng và phát triển các trường đại học, cao đẳng, các trung tâm và viện nghiên cứu đóng trên địa bàn. Cần xây dựng một số cơ sở nghiên cứu khoa học phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội miền Trung. Các cơ quan nghiên cứu này có thể gắn với các trường đại học khu vực. Các trường đại học khu vực phải tự vươn lên để đảm nhận nhiệm vụ đào tạo sau đại học, đáp ứng nhu cầu xây dựng đội ngũ khoa học, công nghệ có trình độ cao.

- Nâng cao trình độ dân trí cho nhân dân lao động, đào tạo đội ngũ người lao động có trình độ lành nghề, mở mang ngành nghề, tạo môi trường thuận lợi cho khoa học phát triển. Trước đây, do trình độ dân trí thấp, nên sức sản xuất xã hội còn ở mức thấp, nhu cầu ứng dụng rộng rãi khoa học, công nghệ chưa trở thành nhu cầu bức thiết. Với việc nâng cao dân trí, mở rộng ngành nghề sản xuất, người dân có điều kiện làm quen và vận dụng khoa học - kỹ thuật vào sản xuất và đời sống. Đây chính là một động lực quan trọng thúc đẩy khoa học, công nghệ phát triển và đi vào đời sống của nhân dân một cách rộng rãi.

- Thiết lập quan hệ hợp tác liên kết trong hoạt động khoa học giữa các địa phương, giữa miền Trung với các cơ quan khoa học trung ương để giải quyết những vấn đề khoa học lớn ở khu vực. Mở rộng và tăng cường hợp tác quốc tế trong hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, thông tin cũng như tiếp nhận công nghệ mới tiên tiến, từng bước đưa trình độ khoa học công nghệ các tỉnh trong khu vực vươn lên đáp ứng yêu cầu phát triển ngày càng cao của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. ❑

SÓC SƠN
khắc phục khó khăn để khẳng định mình

NGUYỄN VĂN KẾT *

SÓC sơn là một huyện ngoại thành của Hà nội có diện tích 30 651 ha, chiếm 1/3 diện tích Hà nội, nhưng số dân chỉ 22 vạn người. Dân số của huyện bố trí không đều, chủ yếu tập trung ở những nơi bằng phẳng, thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp, làm thủ công nghiệp và các ngành dịch vụ. Còn những nơi địa hình phức tạp (nhiều gò đồi, ao hồ), thì dân cư ít hơn. Ở Sóc sơn đất đai bạc màu, diện tích gò đồi nhiều, diện tích đất nông nghiệp không lớn, điều kiện sản xuất khó khăn "chưa nắng đã hạn, chưa mưa đã úng lụt". Trong số các quận, huyện của Hà nội thì Sóc sơn là địa phương có thu nhập thấp nhất, đời sống nhân dân còn khó khăn.

Tuy vậy, thời gian qua với sự nỗ lực của đảng bộ và nhân dân, huyện Sóc sơn đã đạt được một số kết quả đáng khích lệ : năng suất lúa bốn năm liền (từ 1993 đến 1996) đạt trên 5 tấn/ha, sản lượng quy thóc cả năm 1996 là 58 743 tấn. Chăn nuôi phát triển tốt, đàn trâu, bò có 26 300 con, đàn lợn 69 000 con. Gia cầm được phát triển theo mô hình trang trại, hiện lên tới 700 000 con. Ngoài ra ở huyện còn nuôi trồng một số thủy sản khác. Các sản phẩm đó bảo đảm nhu cầu của địa phương và cung ứng một phần cho nhu cầu của thành phố và các tỉnh bạn. Đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân từng bước được cải thiện. Cùng với sự phát triển kinh tế, nhân dân ngày càng phấn khởi và tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng...

* Bí thư huyện ủy huyện Sóc sơn, Hà nội

Digitized by Google

Để có được những kết quả đó, đảng bộ và nhân dân Sóc sơn đã xuất phát từ thực tế của huyện, dựa trên sự giúp đỡ của thành phố và các ngành, sự cố gắng kiên trì bền bỉ nhiều năm qua trong việc xác định được một số khâu có tính đột phá của địa phương.

1 - Tạo từng bước chuyển biến về kinh tế

a) Về sản xuất công nghiệp : Trên địa bàn Sóc sơn có hàng chục doanh nghiệp thuộc quyền quản lý của trung ương như Công ty cơ khí 19 - 8, nhà máy cơ khí Cờ đỏ, Công ty gốm xây dựng Xuân hòa, nhà máy chè xuất khẩu Kim anh... Các doanh nghiệp này đã đóng góp một phần cho đời sống kinh tế - xã hội của Sóc sơn như tạo thêm việc làm cho con em địa phương và tham gia vào một số hoạt động xã hội, an ninh quốc phòng. Xác định đây là nguồn lực rất quý góp phần giúp Sóc sơn tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa nên huyện đã cố gắng tạo điều kiện cho các xí nghiệp sản xuất kinh doanh và hợp tác nhiều mặt về kinh tế - xã hội. Trong tương lai hướng này tiếp tục được củng cố và phát triển.

Nhưng đó là các xí nghiệp thuộc quyền quản lý của trung ương, còn các cơ sở công nghiệp, thủ công nghiệp của địa phương thì còn rất ít, quy mô sản xuất nhỏ và mặt hàng sản xuất còn đơn điệu. Các cơ sở công nghiệp của Sóc sơn hiện tại hoạt động chủ yếu trên các lĩnh vực như sản xuất vật liệu xây dựng, cơ khí nhỏ ở địa phương và bước đầu tham gia chế biến các sản phẩm nông - lâm nghiệp (như chế biến thực phẩm, mây tre đan, may mặc...), trong đó nổi lên là sản xuất vật liệu xây dựng và chế biến lương thực, thực phẩm. Sản phẩm của các cơ sở đã đáp ứng được một phần nhu cầu của địa phương, của nội thành Hà nội và các tỉnh bạn. Phương hướng phát triển công nghiệp thời gian tới của địa phương cũng xác định vật liệu xây dựng là một trong những sản phẩm chủ yếu.

Giải pháp mà Sóc sơn coi trọng là cùng các bên liên quan thực hiện thành công việc liên doanh như giữa xí nghiệp cơ khí nông cụ Sóc sơn với Tổng công ty xuất nhập khẩu xây dựng Việt nam (VINACONEX). Nếu liên doanh đi vào hoạt động có kết quả sẽ góp phần rất lớn trong việc thúc đẩy về mọi mặt kinh tế - xã hội của địa phương. Ngoài ra ở dạng tiềm năng, Sóc sơn còn có một mỏ cao lanh với trữ lượng khoảng trên một triệu tấn. Nếu có vốn và công nghệ để khai thác thì đây sẽ là một thế mạnh, bảo đảm nguyên liệu cho công nghiệp chế biến không chỉ của địa phương mà còn cho cả các tỉnh bạn.

Nhìn chung, công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp của Sóc sơn mới chỉ đáp ứng một phần nhu cầu của sự phát triển kinh tế địa phương. Tuy vậy, với sự cố gắng của mình, trong 9 tháng đầu năm 1996, giá trị sản xuất công nghiệp Sóc sơn đạt 23 081 triệu đồng, năm 1995 tổng giá trị sản phẩm xã hội của ngành công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp do huyện quản lý đạt 25,5 tỉ đồng. Để thực hiện tốt chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa của đất nước và thúc đẩy sự phát triển mạnh của địa phương, trong tương lai Sóc sơn chú trọng việc tăng dần tỉ lệ phát triển công nghiệp so với nông nghiệp. Quá trình phát triển công nghiệp, bên cạnh việc tuân thủ quy hoạch chung còn phải biết khai thác tiềm năng của địa phương để bảo đảm kết quả tốt. Kế hoạch phát triển công nghiệp của Sóc sơn là : tốc độ tăng giá trị sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp lên tới 45% (cuối năm 1995 tỉ lệ nông nghiệp của Sóc sơn là 80% ; trong khi công nghiệp và các ngành khác chỉ đạt 20% tổng giá trị sản phẩm).

b) Sản xuất nông nghiệp

Là huyện nông nghiệp, nhưng nhiều năm qua nhân dân Sóc sơn vẫn sống trong cảnh đói nghèo. Thời bao cấp năng suất lúa hai vụ cả năm chỉ đạt dưới 40 tạ/ha, chăn nuôi kém phát triển, các ngành công nghiệp có rất ít... Khi tiến hành đổi mới, Huyện ủy và Ủy ban nhân dân đã quyết tâm tạo bước nhảy quan trọng về nông nghiệp. Sản xuất nông nghiệp là thế mạnh của Sóc sơn hiện nay và cả trong tương lai gần. Điều đó thể hiện ở diện tích đất sản xuất nông nghiệp (13 206 ha, chiếm 42,29% diện tích tự nhiên) và ở giá trị sản phẩm xã hội mà nông nghiệp mang lại (chiếm tới 80% giá trị tổng sản phẩm xã hội của toàn huyện). Hiện nay Sóc sơn đã áp dụng các tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất

Digitized by Google

nông nghiệp. Hiệu quả của việc đó được thể hiện ở cơ cấu mùa vụ : do áp dụng khoa học đã tăng số lần sử dụng đất lên 2,2 lần, diện tích gieo trồng tăng lên nhiều (từ dưới 20 000 ha trước đây, nay đã lên 27 680 ha (năm 1996), diện tích vụ đông tới 5 500 ha , sản lượng thóc tăng rõ rệt. Nhưng điều quan trọng là nó giúp cho người dân hình thành cách làm việc khoa học, quen dần và tin tưởng vào các phương pháp sản xuất tiên tiến. Cơ cấu giống cũng có sự thay đổi cơ bản nhằm đem lại hiệu quả kinh tế cao. Những giống cây có năng suất cao, khả năng chống chọi với thiên tai tốt được đưa vào gieo trồng đã đem lại kết quả tốt, được người nông dân tin tưởng, phấn khởi. Điều đó là minh chứng xác thực của những chương trình kinh tế - xã hội của địa phương.

Bên cạnh việc trồng cây lương thực, các loại cây ăn quả cũng đang từng bước phát triển. Sau một thời gian nghiên cứu, thử nghiệm, và qua thực tiễn Sóc sơn đã tìm ra những giống cây thích hợp với điều kiện tự nhiên là : vải thiều, nhãn lồng, na dai và hồng không hạt. Việc phát triển các loại cây này đã đạt được kết quả bước đầu. Hiện tại có hộ nông dân đã thu hoạch từ vườn cây ăn quả vài chục triệu đồng một năm. Tổng diện tích vườn quả của toàn huyện đã lên tới 750 ha, Sóc sơn đang phấn đấu để sau năm 2000 diện tích vườn quả lên tới 2000 ha. Trong tương lai, kinh tế VAC sẽ giành được một vị trí xứng đáng trong cơ cấu kinh tế của huyện Sóc sơn nhằm đem lại sự phồn vinh cho địa phương.

Trong nông nghiệp của Sóc sơn ngành chăn nuôi có một ưu thế lớn hơn nhiều so với các địa phương khác : gần thành phố Hà nội, có điều kiện chăn thả và chăm sóc tốt. Vì vậy Sóc sơn là nơi cung cấp thực phẩm đáng kể cho thành phố Hà nội. Hiện tại số lượng đàn trâu, bò có 26 300 con. Đàn gia súc này còn có khả năng tăng lên nhiều lần, do điều kiện địa bàn chăn thả vẫn còn rất nhiều. Vấn đề cần giải quyết ở đây là tạo ra một thị trường tiêu thụ với các mặt hàng phong phú về chủng loại. Làm được việc này đòi hỏi phải có sự quan tâm của nhiều phía, sự tác động của các yếu tố khoa học - kỹ thuật như giống, bảo vệ thú y... và cần có thời gian. Chăn nuôi trong gia đình kết hợp với mô hình trang trại đã và sẽ bảo đảm cung cấp một khối lượng lớn sản phẩm cho thị trường với chất lượng cao. Phương pháp chăn nuôi công nghiệp cũng đã được các hộ gia đình áp dụng vào chăn nuôi gia súc, gia cầm và đem lại kết quả tốt.

Điều chúng tôi đang trăn trở là làm sao để nâng cao giá trị hàng hóa chăn nuôi. Hướng đi có lẽ là tìm kiếm nguồn vốn để phát triển công nghiệp chế biến sản phẩm của ngành chăn nuôi, trong tương lai sẽ cung cấp cho thị trường các loại hàng hóa thực phẩm chế biến có giá trị cao. Đây là tiềm năng cần khai thác và Sóc sơn mong nhận được sự ủng hộ từ nhiều ngành liên quan, để sớm đưa công nghệ sinh học vào chăn nuôi...

Thành tựu đáng kể nhất trong thời gian qua của Sóc sơn là trồng cây gây rừng. Việc này đã được thực hiện kiên trì, bền bỉ cách đây hơn mười năm (trước khi nhà nước có chương trình 327 phủ xanh đất trống đồi trọc). Phong trào trồng rừng ở Sóc sơn có được kết quả tốt là do cấp ủy và chính quyền địa phương đã vận dụng tốt các chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước, đáp ứng được nguyện vọng của dân, làm cho người dân nhận thức rõ quyền lợi và nghĩa vụ của mình. Hiện tại chương trình 327 phát huy tốt tác dụng đã phủ xanh toàn bộ đất trống, đồi trọc của huyện. Một số hộ gia đình đã tự đầu tư vốn để phát triển vườn rừng. Chủng loại cây trồng đã có sự thay đổi : các loại cây có giá trị kinh tế cao như cây ăn quả, chè.. đã thay thế cho rừng bạch đàn trước đây. Việc làm này vừa nâng cao giá trị kinh tế của hàng hóa vừa góp phần giữ gìn độ mầu cho đất. Có thảm rừng tươi tốt chim muông kéo về làm tổ, đàn ong mật phát triển đem lại nguồn lợi lớn. Phát triển vườn rừng, đồi rừng vừa phục vụ chính sách kinh tế - xã hội quốc gia, vừa góp phần phát triển du lịch của địa phương. Hiện nay cảnh quan tươi đẹp của Sóc sơn đã thu hút được du khách tới thăm, và số lượng khách đến Sóc sơn hằng năm ngày một tăng.

Trong kế hoạch phát triển nông nghiệp mai sau của huyện, Sóc sơn cố gắng điều chỉnh tỉ lệ trồng trọt và chăn nuôi hợp lý, tăng dần so với hiện nay. Phát triển nuôi trồng những cây, con

Digitized by Google

có giá trị kinh tế cao, giảm dần nhưng vẫn bảo đảm lượng lương thực cho nhu cầu địa phương.

c) Các dịch vụ phục vụ đời sống xã hội và sản xuất : Đây cũng là một tiềm năng lớn của Sóc sơn. Huyện đang từng bước hình thành và phát triển 4 trung tâm lớn của huyện là thị trấn Sóc sơn, Phù lỗ, Trung giã và Thanh xuân. Tại các xã đã hình thành các trung tâm khu vực, gắn với 12 chợ nông thôn. Ngoài ra cảng hàng không quốc tế Nội bài (nằm trên địa phận huyện Sóc sơn) cũng đem lại một phần lợi ích kinh tế cho địa phương. Những trung tâm này đã và sẽ là nguồn thu quan trọng cho ngân sách, đồng thời giải quyết công ăn việc làm góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội của địa phương.

Sắp tới các khu công nghiệp kỹ thuật cao được hình thành sẽ góp phần tạo ra một khối lượng lớn công ăn, việc làm, và cùng với việc cung cấp các dịch vụ cho các khu công nghiệp đó sẽ góp phần đẩy nhanh kinh tế địa phương phát triển. Với điều kiện tự nhiên của Sóc sơn, khu du lịch cuối tuần khi được hình thành sẽ là một nguồn lợi lớn về kinh tế cho địa phương. Hiện nay kế hoạch xây dựng khu nghỉ cuối tuần đang được các cấp có thẩm quyền xem xét và hoàn toàn có khả năng thành hiện thực trong tương lai gần.

Tuy nhiên, trong khi phát triển dịch vụ, du lịch, Sóc sơn cũng sẽ phải làm tốt công tác an ninh trật tự và quốc phòng trên địa bàn địa phương, phòng chống các tệ nạn xã hội, giữ gìn môi trường trong sạch lành mạnh về văn hóa tinh thần.

2 - Giữ ổn định để tiến lên

Đạt được các kết quả về kinh tế như trên là do Sóc sơn đã giữ vững ổn định chính trị, tạo điều kiện cho nhân dân làm ăn sinh sống. Xuất phát từ việc quán triệt tốt các nhiệm vụ chính trị của Đảng và Nhà nước đề ra, Sóc sơn đã làm tốt công tác tư tưởng, chính trị trong cán bộ, đảng viên. Việc chấn chỉnh đội ngũ cán bộ, bố trí sắp xếp cán bộ theo năng lực, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn cũng như sự kết hợp hài hòa giữa các thế hệ, đã đem lại hiệu quả cao trong công tác chỉ đạo. Đoàn kết nội bộ được giữ gìn, đã tránh hiện tượng chia rẽ, bè phái làm giảm sức mạnh của tập thể và do đó không để kẻ xấu lợi dụng.

Việc tổ chức thực hiện công tác an ninh, giữ vững ổn định chính trị cần phải kết hợp tốt nhiều yếu tố khác nhau. Mặc dù địa hình Sóc sơn tương đối phức tạp, giáp với một số đô thị lớn và các tỉnh bạn, nhưng công tác an ninh - quốc phòng vẫn bảo đảm tốt. Được sự quan tâm của lãnh đạo huyện, các lực lượng công an, quân đội đã làm tốt nhiệm vụ của mình. Lực lượng công an, quân đội thực hiện đúng chức năng tham mưu cho cấp ủy đồng thời cũng là lực lượng chủ công trong việc phòng chống và tấn công tội phạm. Các phong trào an ninh trật tự ở cơ sở được phát động (như các mô hình "tự quản", "liên kết" các cụm tổ...) đã hạn chế được các tệ nạn xã hội, các vụ trọng án cũng ít xảy ra và nếu có cũng bị điều tra phát hiện, xử lý kiên quyết, kịp thời.

Sóc sơn đã kết hợp chặt chẽ với các tỉnh bạn trong hợp đồng chiến đấu để bảo vệ an ninh trật tự địa phương, đặc biệt việc hiệp đồng giữa các huyện giáp ranh để phòng và chống tội phạm.

Do làm tốt công tác an ninh - quốc phòng nên trong những năm gần đây mặc dù cuộc sống sôi động và phức tạp nhưng Sóc sơn giữ được bình yên, tạo điều kiện cho kinh tế phát triển, xã hội lành mạnh.

3 - Phát huy tính ưu việt của chế độ

Không chỉ chú ý đến phát triển kinh tế, Sóc sơn còn làm tốt công tác xã hội.

Chúng tôi xác định rõ rằng : cách giúp đỡ hiệu quả nhất để người dân thoát khỏi cảnh đói nghèo chính là tạo điều kiện để họ phát triển sản xuất, tự nuôi sống bản thân và gia đình họ, đồng thời điều đó cũng góp phần phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, dân có giầu thì nước mới mạnh. Là huyện mà tỉ lệ nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế còn lớn, sản xuất và đời sống của những người làm nghề nông còn rất nhiều khó khăn, Sóc sơn đã chú ý đến việc khuyến nông và tiến hành có hiệu quả việc hỗ trợ cho sản xuất nông nghiệp trên nhiều mặt. Đặc biệt phải kể đến việc cho nông dân vay vốn. Tổng cộng trong 9 tháng đầu năm 1996, từ nhiều nguồn

Digitized by Google

khác nhau địa phương đã cho nhân dân vay vốn sản xuất tổng cộng trên 60 tỉ đồng, trong đó cho nông dân vay để khắc phục đói nghèo là trên 14 000 lượt hộ với số tiền hơn 40 tỉ đồng. Riêng quỹ hỗ trợ nông dân nghèo đã cho nông dân vay để sản xuất là 15,8 tỉ đồng. Được sự hỗ trợ về mọi mặt, người dân yên tâm sản xuất, hiệu quả kinh tế - xã hội thể hiện rõ, đời sống nhân dân dần dần được cải thiện, nhân dân càng tin tưởng vào đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước.

Ngoài ra với những hộ có hoàn cảnh khó khăn, điều kiện mọi mặt để sản xuất và sinh hoạt hạn chế, địa phương đã phát động phong trào "lá lành đùm lá rách", giúp đỡ bà con cả về vật chất và tinh thần để họ có thể từng bước khắc phục khó khăn, ổn định cuộc sống.

Địa phương xác định một trong những nhiệm vụ trung tâm là thực hiện "xóa đói giảm nghèo". Huyện đã tiến hành điều tra tỉ mỉ đến từng hộ, sắp xếp đánh giá hộ đói nghèo thật khách quan, khoa học và chính xác, sau đó có biện pháp cụ thể, hiệu quả để xóa đói giảm nghèo. Nhờ đó tình hình tiến triển rất đáng khích lệ.

Những kết quả đạt được trong kinh tế - xã hội có phần đóng góp không nhỏ của công tác giáo dục, đào tạo. Trong phát triển giáo dục, đào tạo huyện chú ý cả vào số lượng và chất lượng, quan tâm thích đáng đến điều kiện giảng dạy và đồ dùng học tập ở nhà trường.

Hiện nay mỗi xã ít nhất cũng có một trường xây nhiều tầng, cá biệt có xã có tới 5 trường nhiều tầng. Trước đây giáo viên ở địa phương thiếu hụt cả về số lượng và chất lượng, nay đã được bảo đảm khá. Huyện đã có cố gắng lớn trong việc chủ động liên kết với các trường đại học, cùng với sự đóng góp của nhân dân để đào tạo đủ số giáo viên các cấp, bảo đảm chất lượng. Đời sống giáo viên cũng được sự quan tâm của địa phương. Huyện cấp đất cho giáo viên sản xuất phụ thêm, giúp đỡ làm nhà ở, đồng thời có chính sách trợ giúp để các thầy, cô yên tâm công tác. Được sự quan tâm về mọi mặt, phong trào học tập trong các trường chuyển biến rõ rệt. Hiện tại huyện có hơn 7 vạn học sinh. Kết quả thi tốt nghiệp của các cấp học luôn đạt tỉ lệ cao, đặc biệt trong năm học 1995 - 1996 số học sinh thi đỗ vào các trường đại học, cao đẳng đạt tỉ lệ hơn 30%. Đây là một trong những thành tựu nổi bật của Sóc sơn khi chuyển sang cơ chế thị trường và đi vào công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Sóc sơn đặc biệt coi trọng công tác chăm sóc sức khỏe ban đầu cho nhân dân : 100% số trạm y tế xã đã được xây mái bằng, trang thiết bị được nâng cấp bảo đảm tốt việc khám, chữa bệnh cho nhân dân. Huyện đã cấp 18 000 thẻ khám bệnh miễn phí cho người nghèo, không ngừng bồi dưỡng nâng cao trình độ cho cán bộ y tế từ huyện đến cơ sở. Huyện cũng hoàn thành tốt các chương trình y tế và thực hiện có kết quả công tác dân số kế hoạch hóa gia đình.

Việc thực hiện Pháp lệnh người có công đạt kết quả khá. Huyện đã chăm sóc giúp đỡ 38 bà mẹ Việt nam anh hùng, xây dựng 78 nhà tình nghĩa, tặng 1 500 sổ tiết kiệm cho gia đình chính sách. Các phong trào thi đua "người tốt, việc tốt", "xây dựng nông thôn mới", các hoạt động văn hóa thể dục, thể thao phát triển rộng khắp đã tạo khí thế hồ hởi trong nhân dân, tăng niềm tin vào Đảng, Nhà nước và chế độ.

Nhìn lại các kết quả đạt được trên các mặt kinh tế - xã hội chúng tôi thấy rằng làm được những điều đó là do : đảng bộ và nhân dân Sóc sơn đã phát huy năng lực của mình, khắc phục khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ. Xuất phát từ những chủ trương của Đảng, các ban ngành, các xã đã vận dụng sát hợp vào thực tiễn địa phương với tác phong sâu sát chặt chẽ của đội ngũ cán bộ cơ sở. Cụ thể là, ngoài công tác chuyên trách, mỗi đồng chí trong huyện ủy trực tiếp phụ trách một cơ sở, mỗi tháng phải dự một cuộc họp chi bộ ở cơ sở để vừa lắng nghe tâm tư nguyện vọng của các đảng viên và bà con, vừa giúp đỡ để tháo gỡ khó khăn, chỉ đạo thực hiện đường lối của Đảng, nhờ đó kết quả ngày càng tốt hơn.

Chúng tôi tâm niệm rằng : phấn đấu vì lợi ích của nhân dân, luôn quan tâm chăm lo tới dân thì mọi khó khăn đều có thể giải quyết được. Vì vậy chúng tôi tin tưởng rằng bước vào thời kỳ mới, cùng với thủ đô Hà nội và cả nước, huyện Sóc sơn sẽ có những chuyển biến nhanh chóng trên con đường thực hiện mục tiêu dân giầu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. ❑

Digitized by Google

ĐỂ CHO CON CHÁU CÁI GÌ

TĂNG ĐÔ

Từ xưa đến nay, đã là bậc làm ông bà, cha mẹ, ai cũng mong khi về già có gì để lại cho con, cho cháu. Nhưng quan niệm về việc này không phải ai cũng như ai. Có người coi vàng bạc, châu báu, điền sản, gia tài là thứ quý nhất, phải dành dụm, thậm chí tước đoạt của kẻ khác mà thực hiện ý nguyện của mình. Có người lại coi của cải tiền bạc là thứ dao hai lưỡi, phúc đấy mà họa đấy, nên để lại cho con không gì tốt hơn là bồi dưỡng cho chúng có chí hướng, có đức hạnh và nghề nghiệp.

Dã sử chép : Vua Hùng không chia của cải vật chất cho các hoàng tử mà hướng nghiệp cho họ làm. Người thì cấy cày, người thì chăn nuôi, người thì săn bắn ; mỗi vị một phương lo việc làm ăn, nên con vua Hùng không ai hư đốn, ai cũng có nghề, hàng năm đều có sản vật do chính tay mình làm ra để mang về kinh đô chúc thọ vua cha. Chính sử nước ta thì chép hàng loạt danh nhân cao trọng như Chu Văn An, Nguyễn Trãi, Hải Thượng Lãn Ông... trọng nghĩa khinh tài, không lo *tích của* mà lo *tích đức* cho con. Bởi theo các vị : " Của người ăn thì còn, của con ăn thì hết !" (1).

Lòng vị tha, trọng nghĩa tình mà xem nhẹ vật chất, từ lâu đã trở thành truyền thống đạo đức quý báu của dân tộc ta. Đặc biệt, khi đất nước lâm nguy, đời sống cộng đồng bị đe dọa, truyền thống đó càng ngời lên, sáng chói. Ta biết, thời Bác Hồ và Đảng ta vừa lập nước, trong cuộc vận động "đem vàng đổi súng cối xay" để bảo vệ nền Độc lập, có người đã hiến Chính phủ kháng chiến toàn bộ tài sản của mình mấy trăm lạng vàng một lúc. Thời chống Mỹ cứu nước, hàng vạn gia đình hai miền Nam - Bắc đã cống hiến cho cách mạng biết bao sản nghiệp. Có người mang cả gỗ làm nhà, giường, phản, là những thứ định dành cho con, ra lát đường để xe vượt qua hố bom của giặc. Rồi trong cuộc sống hôm nay, bao gia đình còn phải vất vả làm lụng, lo tính lắm mới dư dật được đôi đồng. Họ cũng rất muốn để dành chút ít của cải cho con, nhưng khi nghe tin đồng bào các nơi bị thiên tai, lụt lội, gây thiệt hại về người và của, họ đã mang cả số tiền tiết kiệm của mình gửi trợ giúp đồng bào bị nạn, v.v.. Những người như thế không để của cho con mà để tiếng thơm và lòng nhân ái.

Ấy thế mà cũng trong cuộc sống hôm nay không ít người bị đồng tiền làm cho mờ trí. Họ tuyệt đối hóa giá trị đồng tiền. Họ nghĩ, càng nhiều tiền bạc, của cải thì càng có vật bảo mạng chắc chắn, càng hạnh phúc, cao sang hơn hẳn người đời. Trong cơ chế thị trường sơ khai mà chúng ta đang vận dụng nhằm đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, họ lợi dụng bao nhiêu kẽ hở của luật pháp để gặm nhấm, bòn rút, ăn cắp và chiếm đoạt của công ; hoặc buôn lậu, trốn thuế, nhận hối lộ v.v. để tích của cho con và ăn chơi xa hoa, trụy lạc.

Trong họ cũng có kẻ bị pháp luật trừng trị, nhưng họ dám "hy sinh đời bố để củng cố đời con !". Khẩu ngữ "hy sinh đời bố, củng cố đời con" thốt ra từ miệng họ khoảng dăm bảy năm gần đây đã nhanh chóng trở thành một triết lý, một lẽ sống của những phần tử thoái hóa biến chất trong hàng ngũ cán bộ đảng và nhà nước. Bỏ ngoài tai sự khuyên răn của Đảng, xem thường pháp luật, họ ngầm thi nhau chụp lấy khi cơ hội đến. Nhẹ thì đánh một vài quả để lúc về hưu có cái mà để của cho con. Nặng thì móc vào đường dây buôn lậu lớn, "đớp" những quả đậm, tẩu tán thật nhanh và vô cùng kín đáo. Họ trở thành những kẻ cực giàu trong xã hội ta. Họ để của cho con, cho cháu nào những xe hơi trăm cây, biệt thự nghìn cây, nào những tài khoản bí mật ở các ngân hàng có trời biết được. Nghe nói có kẻ kệch cỡm còn để của cho cả con chó Mi-nu yêu dấu (!)

Đáng trách là chung quanh ta vẫn có người ngộ nhận khen họ là những kẻ tinh khôn, tài trí hơn người, và chê các cán bộ đảng viên sống liêm khiết, trong sạch là "khốt" là "hâm", là thiếu năng lực. Khôn mà sáng tạo khoa học, công nghệ, sản xuất, kinh doanh đúng pháp luật, tạo

(1) Nguyên văn câu thơ trong *Quốc âm Thi tập* : "Của thết người là của còn... Hãy năng tích đức để cho con".

Digitized by Google

ra nhiều của cải, trở nên giàu có để ích nước, lợi nhà, thì mới đáng khen, đáng phục, đáng gọi là khôn. Còn đi lừa lọc, chụp dựt, hoặc lợi dụng chức quyền ăn cắp của công về làm giàu mà để của cho con, thì sao gọi là khôn được ?

Những kẻ hư đốn tội lỗi ấy không biết gì (hoặc cố tình không biết) những gương sáng trọng nghĩa, khinh tài của cha ông ta ngày trước và của đồng bào, đồng chí hôm nay ! Không biết đến mức ấy, phải gọi là *bất tri*. Biết chút ít mà không theo gương tốt, cố vụ lợi làm càn là *bất lương*. Quyết làm giàu cho mình bằng ăn cắp của dân, bớt xén tiền viện trợ, tiền vay nợ nước ngoài... là *bất nhân*. Giàu bốc lên lại hãnh tiến, quay lưng với sự nghèo khó, tai ương của đồng bào, đồng chí chung quanh là *bất nghĩa*. "Hy sinh đời bố củng cố đời con" bằng thứ của *bất tri, bất lương, bất nhân, bất nghĩa* ấy mà là phúc ư ? Mà bền được ư ? Sớm muộn mặt trái của đồng tiền tội lỗi sẽ trả lời họ. Nhưng đợi đến lúc phường sâu mọt tự phản tỉnh thì ngân khố trống rỗng, nhân dân còng lưng gánh nợ nước ngoài, nên phải nhanh tay mà diệt trừ quốc nạn.

Nhiều người nói, nhà nước mình giữ của chưa giỏi, đánh trộm cũng chưa đau. Dẫu cho nhận định đó là đúng và là nguyên nhân quan trọng nhất dẫn đến nạn tham nhũng lan tràn, thì việc giáo dục một cách tích cực, thường xuyên đối với cán bộ, đảng viên, nhất là đối với những người được giao nắm giữ các ngành kinh tế, kế hoạch, tài chính, ngân hàng... cũng không thể coi nhẹ. Giáo dục tốt và thường xuyên tại các cơ sở đảng, các đơn vị công tác ở các ngành, các cấp sẽ giúp cho không ít người dần dần nhận ra rằng : *xưa nay, ở đời có nhiều cách và nhiều thứ để lại cho con cháu. Để lại cho con không nhất thiết phải là của cải. Càng không nên để cho chúng thứ của cải do mình ăn cắp, gian lận, tham nhũng mà có.* Có phải thế chăng ? ❑

LÊ - NIN ...

(Tiếp theo trang 20)

Lê-nin, luôn sáng tạo trước mọi hoàn cảnh, không chệch con đường của Lê-nin, Đảng có thể hoàn thành sứ mạng là người lãnh đạo và người tiêu biểu chân chính của giai cấp và của dân tộc, không thể bị thoái hóa và biến chất. Theo quan niệm của Hồ Chí Minh, "Lê-nin và Đảng cộng sản chỉ là một" (9). Cho nên, bất kỳ ở nơi nào và lúc nào, hễ đảng xa rời học thuyết về đảng của Lê-nin, thì nhất định sớm muộn sẽ đi đến suy thoái. Sự đổ vỡ của Liên xô và Đông Âu vừa qua là bằng chứng lịch sử cụ thể về điều đó.

Không thể thiếu vắng một nguyên tắc nào trong các nguyên tắc tổ chức cấu thành một đảng cách mạng chân chính đã được hình thành một cách biện chứng, khách quan, nghiêm ngặt và đầy tính thực tiễn, mà Lê-nin thiên tài đã đề xướng và thực hiện trên thực tế : Đó là một tổ chức của những người tiên tiến, giác ngộ nhất của giai cấp công nhân, đại biểu chân chính cho lợi ích của giai cấp và của dân tộc ; gắn bó mật thiết với quần chúng ; có kỷ luật nghiêm minh, thống nhất ý chí và hành động ; lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản ; coi đấu tranh tự phê bình và phê bình là quy luật phát triển nội tại.

Hiện thời, không ít người cho rằng, nhắc lại những nguyên tắc khô cứng đó, thật là "khổ lắm", Nhưng chính đó là nguy cơ cho những ai đang xa rời nguyên lý lê nin nít về đảng mà Hồ Chí Minh, sinh thời, đã từng cảnh báo nghiêm khắc.

Hồ Chí Minh luôn luôn đòi hỏi Đảng ta phải là một tổ chức lấy nguyên tắc lý luận, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lê-nin "làm cốt" ; Đảng ta "là đạo đức, là văn minh", "là hiện thân của trí tuệ, danh dự và lương tâm của dân tộc" (10).

Nếu như ngày nay đang có một bộ phận không nhỏ đảng viên ở nhiều cương vị khác nhau đã không chịu soi mình vào những chuẩn mực đạo đức, văn minh, trí tuệ, lương tâm và danh dự, đã và đang trên đà thoái hóa (!)... thì đó là một nỗi lo âu và chua xót đối với những người cộng sản trong sáng và nhân dân lao động Việt nam. Bộ phận đảng viên đó nhất định sẽ bị cuộc sống cách mạng sàng lọc. Đảng theo học thuyết của Lê-nin vĩ đại, do Hồ Chí Minh thiên tài ngàn lần tin yêu sáng lập, dù có phải vượt qua nhiều khó khăn, trở ngại, nhất định mãi mãi là niềm tự hào, là lực lượng tinh thần cao quý nhất của giai cấp công nhân và dân tộc Việt nam ta ❑

(9) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1995, t 2, tr 209

(10) Hồ Chí Minh : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, t 2, tr 20

Digitized by Google

MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRONG QUÁ TRÌNH HỘI NHẬP VIỆT NAM - ASEAN

TRƯƠNG GIANG LONG *

THÁNG 7-1995, Việt nam chính thức trở thành thành viên của Hiệp hội các nước Đông - Nam Á (ASEAN), đánh dấu một mốc mới trên chặng đường hội nhập giữa nước ta với các nước trong khu vực và trên thế giới. Hiện thực trên đây là một bằng chứng khẳng định nguyên tắc ngoại giao nhất quán "Việt nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập và phát triển".

Việt nam gia nhập ASEAN, thu hút sự quan tâm của chính chúng ta và bè bạn có thiện chí với Việt nam, sự kiện đặc biệt này có tầm quan trọng không riêng đối với Việt nam mà còn đối với lịch sử Đông - Nam Á. Một kỷ nguyên mới đã thực sự sang trang ở khu vực này. Nhân tố Việt nam trong ASEAN không chỉ đưa lại tác động tích cực về hợp tác kinh tế với một thị trường hơn 70 triệu dân, mà còn có ý nghĩa chính trị sâu rộng. Chúng ta trân trọng thiện chí của các nước thành viên ASEAN khi các bạn đánh giá cao quyết định của Chính phủ ta, một quyết định thể hiện bản lĩnh chính trị độc lập, tự chủ và tinh thần trách nhiệm cao đối với dân tộc và đối với khu vực. Sự hội nhập chắc chắn là bước chuyển biến tích cực nhằm tạo ra những điều kiện quốc tế thuận lợi cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc, đồng thời góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh chung của nhân dân thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Xu thế tất yếu

Chúng ta đang sống trong một thế giới đầy biến động. Nhiều đổi thay căn bản đang diễn ra sâu rộng trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Sự tan rã của hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa ở Liên xô (cũ) và Đông Âu cùng những biến đổi như vũ bão của cách mạng khoa học - kỹ thuật - công nghệ làm cho những mâu thuẫn vốn có của thế giới tuy vẫn tồn tại nguyên vẹn với tất cả tính chất phức tạp và gay gắt xưa nay nhưng lại được thể hiện dưới các hình thức mới rất tinh tế. Dưới áp lực của cách mạng tin học, của kỹ thuật và công nghệ hiện đại, quá trình quốc tế hóa và sự giao lưu quốc tế đang hòa quyện vào nhau, thâm nhập, chuyển hóa, tạo nên bức tranh toàn cảnh khá sinh động. Xu thế trên đây làm cho không một quốc gia riêng biệt nào có thể đứng ngoài cuộc.

Nền kinh tế thị trường tạo ra sức cuốn hút đối với tất cả các quốc gia. Sự phát triển đơn lẻ theo kiểu khép kín, biệt lập không đủ sức giành thắng lợi trước những ưu thế kỹ thuật và sự liên kết có tính quốc tế. Thị trường của từng quốc gia đang hòa nhập vào thị trường khu vực và thị trường toàn cầu.

Đây là cơ hội thuận lợi để cho mỗi quốc gia sớm có điều kiện hòa nhập vào dòng chảy của nền kinh tế thế giới, nhưng đồng thời đó cũng là sự thách thức khắc nghiệt đối với những quốc gia chậm phát triển, nếu không biết nắm thời cơ và không biết cách ứng xử linh hoạt, sáng tạo.

Khu vực Đông - Nam Á cũng không nằm ngoài quỹ đạo này, mặc dù những năm qua, đây là khu vực khá năng động. Nhiều chỉ tiêu phát triển kinh tế đạt mức khả quan. Tuy vậy, nhìn chung những tác nhân gây mất ổn định vẫn còn tiềm tàng. Do lợi thế về địa lý và chính trị, khu vực này thường xuyên "được" một số nước lớn "quan tâm". Không phải ngẫu nhiên mà lịch sử các nước ở khu vực này phần lớn đều là lịch sử đấu tranh chống xâm lược. Vì vậy, để giữ vững độc lập và chủ quyền của mỗi quốc gia, con

* PTS, Trường đại học kinh tế TP Hồ Chí Minh

Digitized by Google

đường liên kết, hợp tác, tạo thành sức mạnh cộng đồng là giải pháp được nhiều nước đồng tình. Ở đây, ngay cả những ưu thế vượt trội về kinh tế ở một số nước cũng nảy sinh nhu cầu tất yếu : liên kết. Trong cơn lốc cạnh tranh mang tính toàn cầu, vấn đề vốn, nguyên liệu, thị trường, công nghệ... không thể là vấn đề riêng biệt của mỗi nước. Các quốc gia khu vực Đông - Nam Á nhìn thấy rất rõ vị trí và tương lai của khối ASEAN trên bản đồ kinh tế và chính trị thế giới trước hết phụ thuộc vào độ bền vững của việc xác lập mối quan hệ hợp tác giữa các quốc gia trong khu vực. Do đó, nhìn ở cả góc độ kinh tế lẫn chính trị, sự hợp tác trên tinh thần đôi bên cùng có lợi là phương án tối ưu. Với ý nghĩa ấy, nước ta càng cần hợp tác, hội nhập, nắm thời cơ để đẩy nhanh sự phát triển. Đó là hướng đi mà chúng ta đã chọn.

Con đường phía trước không phải toàn nhung lụa

Do những điều kiện khác biệt về lịch sử, kinh tế, chính trị, xã hội của mỗi nước, sự hợp tác chắc chắn không phải chỉ có thuận lợi, thậm chí có thể nảy sinh một số vấn đề. Điều đó đòi hỏi các nước thành viên phải có nhiều nỗ lực và thiện chí để cùng giải quyết.

Trước hết trong kinh tế, những trở ngại bước đầu của quá trình hội nhập đòi hỏi chúng ta phải có quyết tâm rất lớn. Từ thực trạng một nền kinh tế kém phát triển, lại bị chiến tranh tàn phá và bị sự phong tỏa của chính sách cấm vận thù địch kéo dài, hậu quả là nền kinh tế còn non kém, cơ sở hạ tầng và thiết bị kỹ thuật lạc hậu, manh mún ; mức thu nhập quốc dân tính theo đầu người so với các nước trong khu vực còn là một khoảng cách khá xa. Muốn đuổi kịp các nước, ta cần phải có thời gian, có vốn và quan trọng là phải có những quyết sách đúng. Do đó, cùng với những khó khăn về cơ sở vật chất, kỹ thuật, vấn đề mấu chốt có ý nghĩa quyết định số phận của quá trình hội nhập là công tác cán bộ. Phẩm chất chính trị, lòng trung thành và tình yêu Tổ quốc là điều quan trọng, cần thiết của cán bộ, nhưng sự am tường về kinh tế, vốn ngoại ngữ, kinh nghiệm về kinh tế thị trường... là những đòi hỏi bức bách không thể thiếu. Vì vậy, để bảo đảm thắng lợi cho quá trình hội nhập trước mắt cũng như lâu dài, việc đào tạo đội ngũ cán bộ là mục tiêu cần phải được ưu tiên giải quyết, theo hướng cập nhật hóa và hiện đại hóa. Phải chủ động để trong một khoảng thời gian ngắn ta có đủ một đội ngũ chuyên gia có bản lĩnh chính trị, am tường về chuyên môn ; sắc sảo và nhanh nhạy trong công việc. Đồng thời có kế hoạch lâu dài để đào tạo đón đầu, chuẩn bị một đội ngũ cán bộ kế cận có năng lực thích ứng với mọi đổi thay của thực tiễn công việc và yêu cầu của nhiệm vụ. Sự kết hợp linh hoạt, đồng bộ giữa đẩy nhanh một bước công nghiệp hóa với việc đổi mới có trọng điểm công tác cán bộ là giải pháp có ý nghĩa quyết định trong việc khắc phục có hiệu quả những khó khăn và trở ngại trên con đường hội nhập.

Hội nhập có định hướng

Hội nhập là con đường tất yếu, xét cả về trước mắt cũng như lâu dài. Nhưng hội nhập theo những nguyên tắc nào thì đó lại là vấn đề cần nghiên cứu ở rất nhiều góc độ, có thể khái quát mấy điểm sau :

Thứ nhất : Với thiện chí là bạn của tất cả các nước, quan điểm nhất quán của Việt nam là tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, trên tinh thần hợp tác, bình đẳng, cùng có lợi giữa các nước thành viên ; thừa nhận sự đa dạng hóa các loại hình quan hệ và bản sắc riêng của mỗi nước. Có thể hiểu tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt ấy là : Lấy mục tiêu lợi ích chung giữa các quốc gia làm điểm tương đồng, trên cơ sở "thống nhất trong sự đa dạng hóa", nhằm tạo ra sự đồng cảm và nhất trí cao đối với những vấn đề có tác động chi phối mọi nước thành viên.

Thứ hai : Hòa nhập nhưng không mất tự chủ, không thụ động trông chờ ỷ lại. Tôn trọng sự giúp đỡ của bạn bè, nhưng đồng thời phải khẳng định : hợp tác trên tinh thần tự lực tự cường ; giữ vững độc lập chủ quyền về các mặt. Đẩy mạnh đa dạng hóa, đa phương hóa là nhằm để bảo vệ một cách hợp lý nền sản xuất trong nước, khai thác có hiệu quả tài nguyên quốc gia ; củng cố độc lập dân tộc, đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng kinh tế, rút ngắn khoảng cách tụt hậu, từng bước

Digitized by Google

phấn đấu đuổi kịp các nước trong khu vực ; giữ gìn và phát huy bản sắc truyền thống tốt đẹp của nền văn hóa dân tộc. Đó là mục tiêu tổng quát của hợp tác, nhằm tạo ra những lợi thế để sớm khẳng định vai trò và vị trí của ta trong đối tác bình đẳng, cùng có lợi với các nước trong khu vực và trên toàn thế giới.

Thứ ba : Cùng với việc đẩy mạnh hợp tác trong khu vực, chúng ta chủ trương quan hệ hợp tác với tất cả các nước trên thế giới. Mở rộng không phải với ý nghĩa dàn trải mà có trọng điểm, tùy thuộc vào từng vấn đề và vào từng thời điểm mà có những quyết sách thích ứng. Ta chủ trương mở rộng nhằm củng cố lợi ích của chúng ta nhưng không làm phương hại đến lợi ích của các nước khác. Mở rộng trên tinh thần kết hợp lợi ích dân tộc với việc tăng cường tình đoàn kết hữu nghị giữa các nước, không vì quan hệ với quốc gia này mà xa lánh quốc gia khác. Không làm cho các quan hệ cản trở lẫn nhau, mà hướng nó vào các mục tiêu chính, trước hết là mục tiêu phát triển kinh tế. Phương hướng chung để chủ động thực hiện chiến lược đối ngoại là tranh thủ mọi điều kiện khách quan thuận lợi để tăng cường hợp tác ; tranh thủ vốn, kỹ thuật cho sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Quan hệ và hợp tác nhiều mặt nhưng vẫn giữ được chủ quyền của mình cả về kinh tế, văn hóa, xã hội và không bị biến dạng bởi bất kỳ một áp lực nào từ bên ngoài.

Sự hội nhập để phát triển là một vấn đề không đơn giản. Tuy vậy dù quá trình đó có khó khăn, phức tạp đến đâu, thế giới cũng vẫn phát triển theo quy luật của nó. Nắm bắt quy luật, kiên trì và nhất quán quan điểm đổi mới toàn diện, có chiến lược và sách lược ngoại giao đúng, linh hoạt, mềm dẻo và sáng tạo, chúng ta nhất định tạo được môi trường quốc tế thuận lợi, đưa sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến thành công. ❑

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN – THỰC TIỄN

HỘI THẢO "SÂN KHẤU ĐÔNG - NAM Á"

Trong không khí rộn rịp và khẩn trương của những ngày cuối năm 1996, Viện sân khấu phối hợp với Viện nghiên cứu Đông - Nam Á tổ chức hội thảo khoa học "Sân khấu Đông - Nam Á". Đây là cuộc hội ngộ đầu tiên giữa các nhà khoa học Việt nam với các nhà khoa học nghệ thuật học của một số nước Đông - Nam Á nhằm trao đổi, nghiên cứu về mối quan hệ giữa sân khấu Việt nam và sân khấu các nước trong khu vực.

Tới dự hội thảo có đông đủ các nhà khoa học, các chuyên gia sân khấu, các nhà văn hóa học và nghệ thuật học của các nước trong khu vực ; một số đại biểu, đại diện cho các cơ quan nghiên cứu, các trường đại học thuộc Bộ văn hóa - thông tin, Bộ giáo dục và đào tạo, Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia ; nhiều nghệ sĩ có tên tuổi, đại diện cho các đơn vị nghệ thuật ở trung ương, Hà nội và một số địa phương. Hội thảo vinh dự được đón tiếp hầu hết các vị đại biểu của sứ quán các nước Đông - Nam Á, Trung quốc, Ấn độ, Ru-ma-ni...

Sau bài phát biểu của giáo sư Trung Kiên, thứ trưởng Bộ văn hóa - thông tin và lời khai mạc của giáo sư Hoàng Chương, Viện trưởng Viện sân khấu là báo cáo để dẫn của nhà xã hội học nghệ thuật - nhà nghiên cứu sân khấu Nguyễn Phan Thọ. Với nội dung súc tích, phong phú và mang tính khoa học sâu sắc, tác giả để dẫn đã phân tích một cách khá toàn diện những đặc trưng cơ bản của văn hóa Đông - Nam Á để hiểu về sân khấu vùng văn minh lúa nước này. Bản để dẫn nhấn mạnh : "Đông - Nam Á là một trong những khu vực có nền văn hóa cổ xưa trên thế giới. Một vùng đất vừa là ngã ba đường, vừa trải dài rộng lớn. Do đó nền văn hóa ở đây vừa hội tụ đủ những nét đông, tây, vừa mang sắc thái độc đáo, đa dạng, muôn hình muôn vẻ". Bản để dẫn nêu lên những yêu cầu chính để các đại biểu thảo luận, trong đó chú ý đến vấn đề : "Làm sao có thể gìn giữ được bản sắc dân tộc mà vẫn phát triển được nền sân khấu truyền thống của mỗi nước, trong bối cảnh mở rộng sự giao lưu văn hóa giữa các nước trên thế giới ; tìm những nét tương đồng và dị biệt giữa các nền sân khấu của các nước Đông - Nam Á để từ đấy có thể học tập và trao đổi kinh nghiệm cho nhau.

Với 26 bản tham luận được trình bày trong hai ngày 26 và 27 tháng 12 vừa qua, cùng với một số ý kiến của hầu hết các vị đại diện cho các sứ quán tại Hà nội, các nhà khoa học lần lượt giới thiệu những quan điểm của mình. Một

Digitized by Google

số bài viết mang tính khái quát, đi vào phân tích những nét chung nhất của sân khấu Đông - Nam Á. Giáo sư Phạm Đức Dương nhấn mạnh : "Ngày nay khi thế giới chuyển từ đối đầu sang đối thoại và tập trung nguồn lực cho sự tăng trưởng kinh tế... thì việc giao lưu văn hóa trên thế giới ngày càng được mở rộng. Tình hình trên đặt ra hai vấn đề bức xúc là, trong khi chạy theo sự tăng trưởng kinh tế trong cơ chế thị trường, làm thế nào để những giá trị nhân bản của các nền văn hóa truyền thống không bị xói mòn và trong khi giao lưu với nước ngoài mà vẫn giữ được, không đánh mất cái bản sắc văn hóa dân tộc". Cùng cách nhìn như vậy, giáo sư Trần Bảng nêu lên quá trình hình thành các nền sân khấu truyền thống ở các nước thuộc khu vực Đông - Nam Á, ảnh hưởng của hai nền văn hóa lớn Ấn độ và Trung hoa, đồng thời nêu lên một số đặc điểm chủ yếu của các loại hình sân khấu ở các nước này.

Một số tham luận đi sâu phân tích khuynh hướng phản ánh của các loại hình sân khấu truyền thống. Giáo sư Cao Xuân Phổ đề cập đến "cái thiêng" trong sân khấu cổ truyền Đông - Nam Á. Ông viết : "Hầu hết các sân khấu cổ truyền Đông - Nam Á đều gắn với một hệ tín ngưỡng hoặc tôn giáo nào đó... Cái lõi của tín ngưỡng tôn giáo là "cái thiêng" - cái thiêng nói lên mối quan hệ giữa con người, cá nhân và siêu nhân. Có thể thấy rõ điều này ở các điệu múa thiêng của các tộc người trên khắp vùng Đông - Nam Á. Cái nhìn tổng quan về sân khấu Đông - Nam Á được trình bày rõ nét trong bài viết của nhà văn Lý Khắc Cung. Nhiều nhà khoa học lại bàn về phương pháp nghệ thuật của sân khấu truyền thống các nước Đông - Nam Á. Giáo sư Nguyễn Đức Lộc, nhà nghiên cứu Mịch Quang đều có những nhận định chung : sân khấu Đông - Nam Á là *sân khấu tổng hợp*, bao gồm trong một vở diễn cả hát, múa và thoại. Nó là sân khấu cách điệu mang *nhiều tính ước lệ* ; nó là *sân khấu tự sự*, gắn liền với sự phát triển của sân khấu phương Đông.

Tính dân gian trong sân khấu truyền thống Đông - Nam Á là một *đặc điểm nổi bật*, khá phổ biến. Nó được các nhà nghiên cứu Ngô Văn Doanh, Tô Đông Hải, Trương Sĩ Hùng đề cập và lý giải.

Hội thảo được làm sáng tỏ bằng những tham luận giới thiệu sâu về sân khấu từng nước. Đó là tham luận của Phạm Thị Vinh về sân khấu Ma-lai-xi-a giới thiệu Main Putari và vũ kịch Mak yang nổi tiếng của người Mã lai ; của Vũ Tuyết Loan về sân khấu Cam-pu-chia với tiêu đề "Tác phẩm Riêm kê trên sân khấu" ; đó là "Vài nét về sân khấu In-đô-nê-xi-a và Ma-lai-xi-a của giáo sư Mai Ngọc Chừ ; hoặc đề cập tới ảnh hưởng của sân khấu Ấn độ trong sự giao lưu và tiếp xúc với sân khấu Đông - Nam Á của Trần Thị Lý.

Một số báo cáo khác của Hoàng Kim Dung, nghệ sĩ ưu tú Tâm Chính, Phạm Trung Dũng và của Phạm Duy Tùng lại đi sâu vào những loại hình sân khấu đặc thù ở Đông - Nam Á như múa rối, xiếc, mỹ thuật sân khấu.

Hội thảo được nghe những tham luận có giá trị khoa học cao của các nhà khoa học từ các nước bạn tới như giáo sư, tiến sĩ Mohd Anis (Ma-lai-xi-a), giáo sư Belen Calingacion (Phi-líp-pin), nhà nghiên cứu sân khấu Phuphieng Sisouphanh (Lào) v.v..

Các báo cáo khoa học này giới thiệu một cách hệ thống những đặc điểm của sân khấu từng nước với truyền thống riêng, những kinh nghiệm thành, bại trong quá trình gìn giữ và phát triển sân khấu dân tộc. Các báo cáo trở lên sinh động, khi được tác giả tự minh họa hoặc chiếu tư liệu trên màn hình.

So sánh giữa sân khấu Đông - Nam Á với sân khấu Việt nam, giữa sân khấu Đông - Nam Á với sân khấu châu Âu cũng được đặt ra trong một số tham luận. Giáo sư Tất Thắng, PTS Phạm Thị Thành, nhà nghiên cứu Trương Bỉnh Tòng, Nguyễn Văn Thành đều có những nhìn nhận giống nhau khi đề cập tới những nét tương đồng và khác biệt trong nền sân khấu ở các nước này. Đây là những vấn đề cần nghiên cứu sâu hơn nữa để có thể có những nhận định chuẩn xác hơn. Tuy nhiên, bước đầu chúng ta cũng thấy được một số nét tương đồng khá điển hình, giữa sân khấu Việt nam và sân khấu Đông - Nam Á - đó là *tính tổng thể, tính dân gian, tính ước lệ, cách điệu, tính nhân văn* và đặc biệt là *tính tôn giáo*. Hai đêm biểu diễn các trích đoạn chèo và tuồng do các nghệ sĩ nổi tiếng của Nhà hát chèo và Nhà hát tuồng Việt nam đảm nhiệm là những tham luận sống động, góp phần thắng lợi cho hội thảo.

Nhận xét về kết quả của hội thảo PTS Viện trưởng Viện nghiên cứu Đông - Nam Á Phạm Đức Thành nêu rõ : "Những mục đích chính của hội thảo cơ bản đã đạt được cả về nội dung lẫn hình thức. Mặc dù sự hiểu biết về văn hóa Đông - Nam Á nói chung và sân khấu nói riêng ở Việt nam cho đến nay vẫn còn hạn hẹp, hội thảo khoa học lần này mới chỉ là bước đầu xới lên các vấn đề thuộc lĩnh vực sân khấu Đông - Nam Á, nhưng cũng góp một phần không nhỏ vào việc giao lưu hiểu biết lẫn nhau".

Dù với những đề tài cụ thể khác nhau như đi sâu vào nghiệp vụ sáng tạo hoặc phác họa nên những bức tranh chung về nền sân khấu mỗi nước, sân khấu của cả khu vực hoặc ở dạng phân tích về mặt cơ sở văn hóa của nền sân khấu Đông - Nam Á..., song tất cả tham luận trong hội thảo này đều nhằm mục tiêu quan trọng nhất, có ý nghĩa sống còn là cùng nhau trao đổi kinh nghiệm, bàn cách khắc phục những khó khăn trở ngại, tìm hướng đi đúng và những hình thức thích hợp cho mỗi nước để vừa phát triển cao hơn nhưng vẫn giữ được cái bản sắc dân tộc. ❑

PHAN NGUYỄN
(Tổng thuật)

Digitized by Google

QUẢNG CÁO

GB BXD

CÔNG TY GẠCH BÔNG & ĐÁ ỐP LÁT SỐ 1
FLOOR TILE & SLAB COMPANY No.1

GẠCH MEN CERAMIC VITALY

SẢN PHẨM ĐẠT HUY CHƯƠNG VÀNG HỘI CHỢ QUỐC TẾ HÀNG CÔNG NGHIỆP '96

GẠCH BÔNG

SẢN PHẨM ĐƯỢC CẤP DẤU CHẤT LƯỢNG CẤP I NHÀ NƯỚC

927 TRẦN HƯNG ĐẠO
QUẬN 5, TP. HCM
TEL : 8351128
2/34 HƯƠNG LỘ 11, P.15
Q. TÂN BÌNH - TP. HCM
TEL : 8644998 - 8495367
FAX : 84.8.8495292

BỘ XÂY DỰNG

TỔNG CÔNG TY VẬT LIỆU XÂY DỰNG SỐ 1

9 - HỒ TÙNG MẬU LẦU 4 - QUẬN 1 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TEL : 8.291803 - 8.230809 - 8.212960 - 8.210706 - 8.2121192 FAX : 84.8.213233

- Căn cứ QĐ Số 997/BXD/TCLĐ. Ngày 20-11-1995 của Bộ trưởng Bộ xây dựng Về việc thành lập Tổng Công ty Vật liệu xây dựng Số I. (Tiền thân là Liên hiệp các xí nghiệp VLXD Số I, được thành lập năm 1984) là một doanh nghiệp nhà nước chuyên về các lĩnh vực :

1. Sản xuất và kinh doanh các mặt hàng VLXD : gạch, ngói, gạch bloc, gạch granito, gạch men, gạch ceramic, sứ vệ sinh, vật liệu chịu lửa - chịu acid, vật liệu cách nhiệt, thủy tinh gia dụng, sản phẩm cơ khí xây dựng.
2. Khai thác, chế biến và cung ứng : Các loại đất sét cho sản xuất gạch ngói, gốm sứ, cao lanh, cát trắng, đá xây dựng và đá khôi.
3. Tư vấn đầu tư xây dựng và chuyển giao công nghệ sản xuất VLXD và vật liệu chịu lửa.
4. Thi công lắp đặt thiết bị, xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, công trình kỹ thuật hạ tầng.
5. Xuất khẩu, nhập khẩu vật tư, phụ tùng, thiết bị lẻ và đồng bộ trong lĩnh vực VLXD.

● Với những sản phẩm truyền thống như gạch ngói Đồng Nai, gạch men Thanh Thanh, sứ vệ sinh Thiên Thanh, gạch bông Đời Tân, đá Hoà An, cát Cam Ranh, cao lanh Đất Cuốc... được sản xuất bằng dây chuyền thiết bị công nghiệp hiện đại của Mỹ, Đức, Italia... Chúng tôi bảo đảm phục vụ cho các công trình xây dựng của quý khách với một chất lượng cao nhất.

Chúng tôi rất hân hạnh đón chào quý khách, bạn hàng trong và ngoài nước

Digitized by Google

CHÚC MỪNG NĂM MỚI

CÔNG TY DƯỢC PHẨM ĐỒNG THÁP

(IMEXPHARM)

IMEXPHARM

Trụ sở chính : Số 4 đường 30/4 Thị xã Cao lãnh tỉnh Đồng **tháp**
ĐT : (067) 851620 - 851621 - 851414 Fax : (84-67) 853106
Chi nhánh tại TP. HCM : 4B - 5B đường số 2 Lữ Gia phường 15, quận 11 TP.HCM
ĐT : 8656090 - 8651149 - 8656103 Fax : (84-8) 8659893
Chi nhánh tại Hà nội : 31 Láng hạ - Hà nội, ĐT : (04) 8351278



Công Ty Dược Phẩm Đồng Tháp là một **đơn vị** sản xuất kinh doanh, được phép xuất nhập **khẩu** trực tiếp nguyên liệu dược và thuốc thành **phẩm.**

Trang thiết bị hiện đại cho dây chuyền **sản xuất** cũng như kiểm tra chất lượng thuốc.

Hiện có 71 mặt hàng được phép của Bộ Y Tế cho lưu hành toàn quốc.

Công Ty Dược Phẩm Đồng Tháp mong muốn được hợp tác với các tổ chức trong và ngoài nước về các lĩnh vực như : Nghiên cứu khoa học, sản xuất và kinh doanh dược phẩm

NHÀ MÁY BỘT BÍCH CHI

(BICH CHI POWDER FACTORY)

***Địa chỉ*: 45x1 QL.80, TX Sa đéc, Tỉnh Đồng tháp - Điện thoại : 861910**
***Văn Phòng đại diện*: 578A Bến Hàm Tử, Quận 5, TP. HCM - Điện thoại : 8353843**

★ Sản phẩm được sản xuất bằng công nghệ mới "Ép đùn - chín khô" (Dry - Extrusion Cooking) như : Bột đậu xanh, Bột đậu nành, Bột mè đen...

★ Sản phẩm truyền thống : Bột gạo lọc, Hủ tiếu, bánh phở...

★ Nhận gia công sấy : bắp, đậu nành, cám.

★ Nhà Máy đang tham gia cung ứng sản phẩm cho Chương trình Quốc gia phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em và Chương trình Quốc gia phòng chống các rối loạn do thiếu iốt.

★ Nhà Máy được sự tín nhiệm của khách hàng trên 25 năm.



Digitized by Google

TỔNG CÔNG TY XĂNG DẦU VIỆT NAM

PETROLIMEX

CÔNG TY XĂNG DẦU BẮC TÂY NGUYÊN

(PETROLIMEX BAC TAY NGUYEN)

Địa chỉ : 01 - Nguyễn Du - Thị xã Pleiku - Tỉnh Gia Lai
Điện Thoại : 059.824195 - 824196 - Fax : 059.826459
GIÁM ĐỐC : PHAN VĂN NGỰ



- *MẶT HÀNG KINH DOANH :* Xăng ôtô cao cấp, xăng ôtô thông dụng, diesel thông dụng, dầu lửa, dầu nhớt các loại, gas và bếp gas (Xăng dầu tiêu chuẩn chất lượng Quốc Gia).
- *NĂNG LỰC PHỤC VỤ, KINH DOANH :* Đội xe chuyên dùng và tổng kho xăng dầu đáp ứng mọi nhu cầu vận chuyển, tồn chứa phục vụ khách hàng.
- *HỆ THỐNG CỬA HÀNG BÁN LẺ XĂNG DẦU :* Trải khắp địa bàn hai tỉnh Gia lai - Kon tum với qui mô khang trang, thiết bị cột bơm tiên tiến nhất của Nhật
- *ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CÔNG NHÂN :* Trẻ, năng động, có trình độ kỹ thuật, khai thác có hiệu quả thiết bị hiện đại, Nhân viên bán hàng được đào tạo nghiệp vụ kỹ thuật kinh doanh xăng dầu phục vụ nhiệt tình, nhanh chóng và lịch sự.

Công ty xăng dầu Bắc Tây Nguyên luôn luôn phục vụ chu đáo mọi nhu cầu và làm hài lòng tất cả các Quý khách khi đến với Công ty

Digitized by Google

CÔNG TY CƠ KHÍ CÔNG TRÌNH THỦY 276

HYDROMECO 276 - VIETNAM

● Địa chỉ : 220 Bis, Điện Biên Phủ (Tân Cảng), Quận Bình Thạnh, TPHCM

● ĐT : 8 990571 - 8 994651 ● Fax : 84.8.990773



Xáng nạo vét cỡ nhỏ, gàu 0,4 m^3
Small dredger type with bucket 0,4 m^3 volume.



Lắp ráp cửa quay đứng (Rộng x cao = 2,5 x 6m) cho công trình Mương Trì - T. An Giang
Installing vetical swing gate (Width x height = 2,5 x 6m) for Muong Tri sluice An Giang province

CHUYÊN THIẾT KẾ, CHẾ TẠO VÀ LẮP ĐẶT

- ❖Thiết bị cơ khí thủy công cho các công trình thủy lợi và thủy điện
- ❖Các loại kết cấu thép, dầm cầu, bồn chứa, cho ngành xây dựng, giao thông, dầu khí, cấp nước và dân dụng.
- ❖Thiết bị nâng hạ và thiết bị nổi : Cầu trục, tời, máy vít, sà lan, canô,...
- ❖Đường ống thép dẫn nước qua sông (chìm và nổi)



Chế tạo lắp đặt cửa cung tràn Hồ chứa nước sông Quao tỉnh Ninh thuận

Digitized by Google

BƯU ĐIỆN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

125 Hai Bà Trưng - Quận I - TP. Hồ Chí Minh
Tel : 08.8244244 - 8293310
Fax : 84.8.8241635 - TELEX : 811219 BDTP VT



CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ CHỦ YẾU :

❑ Tổ chức xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác và kinh doanh mạng lưới Bưu chính Viễn thông trên địa bàn TP. Hồ Chí Minh.

❑ Tư vấn, khảo sát, thiết kế và xây lắp chuyên ngành thông tin liên lạc.

❑ Sản xuất, xuất nhập khẩu và kinh doanh vật tư thiết bị chuyên ngành Bưu chính Viễn thông và các ngành nghề khác.

CÁC SẢN PHẨM CHỦ YẾU

*** Về Viễn Thông :**

❑ Điện thoại nội hạt, liên tỉnh và quốc tế.

❑ Fascimile, điện báo, telex trong nước và quốc tế, nhắn tin, điện thoại di động, vô tuyến di động, điện thoại công cộng dùng thẻ, dịch vụ 108, hộp thư thoại, HCD...

❑ Truyền số liệu, thuê kênh riêng.

❑ Thiết kế, chế tạo và thi công lắp đặt các loại cột cao đến 150 m.

*** Về Bưu Chính :**

❑ Chấp nhận và chuyển phát Bưu phẩm - Bưu kiện trong và ngoài nước.

❑ Chuyển phát hàng nhanh (EMS, PCN, DHL, FEDEX, ABE, UPS...)

❑ Các loại tem chơi, tem thư, điện hoa chúc mừng, điện quà...

❑ Dịch vụ thư, điện chuyển tiền và chuyển tiền nhanh toàn quốc.

❑ Phát hành báo chí trung ương và các báo địa phương.

AN TOÀN
NHANH CHÓNG
CHÍNH XÁC
TIỆN LỢI
LỊCH SỰ - VĂN MINH



Nhân dịp XUÂN ĐINH SỬU 1997
Kính chúc Quý khách hàng HẠNH PHÚC - AN KHANG - THỊNH VƯỢNG

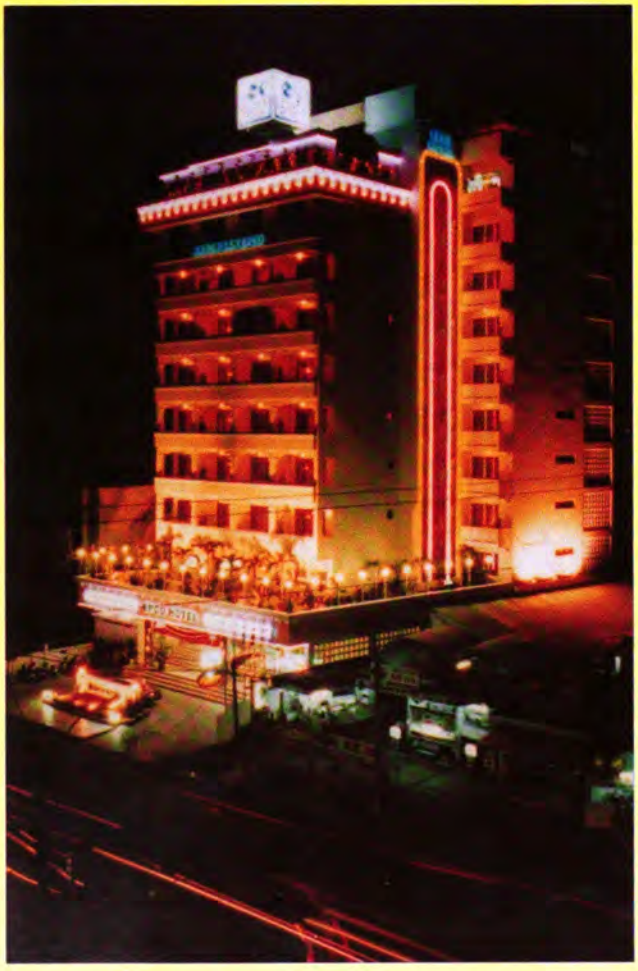
Digitized by Google



EPCO LTD.



CÔNG TY KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU CHẾ BIẾN NÔNG HẢI SẢN DU LỊCH - KHÁCH SẠN XÂY DỰNG VÀ THƯƠNG MẠI QUẬN 3 (TNHH)



TRỤ SỞ CHÍNH : 01 NGUYỄN THƯỢNG HIỀN, QUẬN 3,
TP.HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM
ĐT : 84.8.8390382 - 8324392 TELEX : 811514 EPCO VT
FAX : 84.8.8324744 - 8334880

CHÚC MỪNG NĂM MỚI

XUÂN ĐINH SỬU '97

Kinh doanh xuất nhập khẩu tổng hợp, trực tiếp thường xuyên đi khắp các thị trường châu Âu, châu Á, châu Mỹ, châu Đại dương và châu Phi.

Văn phòng đại diện ngoài nước : Tại Sydney (Australia), tại Los Angeles (Mỹ).

Huân chương Lao động hạng 3, bằng khen Bộ Thương mại, giấy khen Cục Hải quan thành phố, Cúp vàng chất lượng quốc tế thị trường Mỹ.

Kính chúc quí khách năm mới

AN KHANG THỊNH VƯỢNG

IN TẠI NHÀ IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN - 38 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI - ĐT : 8267244 ★ CHỈ SỐ 1265 ISSN 0866-7276 ★ GIÁ : 3000Đ

Digitized by Google

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản



UNIV. OF MICH.
JUL 14 1997
CURRENT SERIALS

4
2-1997

Digitized by Google

CÔNG TY 28 - Agtex

● Văn phòng chính : Số 03 Nguyễn Oanh - Gò Vấp - TP Hồ Chí Minh
ĐT : 8.942.238 - 8.940.014 Fax 84.8.943.053 Tel : 813.144 VT

● Chi nhánh tại Hà nội : 14C Lý Nam Đế - Quận Hoàn kiếm ◆ ĐT : 048.468.957 ◆ Fax : 048.468.957

● Cụm công nghiệp Hậu cần tại Long bình - Biên hòa - Đồng nai ĐT : 061.883.062

* Chức năng bổ sung : Thu đổi ngoại tệ - Kinh doanh bất động sản
Kinh doanh xây dựng hạ tầng cơ sở công nghiệp và dân dụng



CÔNG TY CHÀO ĐÓN SỰ HỢP TÁC VỚI CÁC ĐỐI TÁC TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 514 · THÁNG RA HAI KỲ

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội - Điện thoại : 8252061 - 8252062*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Điện thoại : 8225768*

MỤC LỤC

PHẤN ĐẤU THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI VIII CỦA ĐẢNG	NGUYỄN TẤN DŨNG - Tiếp tục thực hiện tốt cổ phần hóa một bộ phận doanh nghiệp nhà nước	3
	NGUYỄN SINH HÙNG - Mấy vấn đề về công tác tài chính năm 1997	6
	TRẦN THỊ THANH THANH - Thực hiện công ước quốc tế quyền trẻ em ở Việt nam	12
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	BÙI ĐÌNH THANH - Vài suy nghĩ về mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội hiện nay	17
	NGUYỄN VĂN TRỌNG - Khoa học tự nhiên và văn hóa truyền thống	21
	ĐÀO TRÍ ÚC - Tham nhũng : nhận diện từ các khía cạnh pháp lý và cơ sở pháp lý mới	24
	ĐÀO HUY GIÁM - Kinh tế thương mại thế giới năm qua và triển vọng năm 1997	29
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	VŨ ĐÌNH THÀNH - Tỉnh ủy Thái bình với nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa địa phương	34
	XUÂN LÊ - Vì sao công ty dịch vụ hậu cần thủy sản Bà rịa - Vũng tàu sản xuất - kinh doanh có hiệu quả	37
	PHAN THANH KHÔI - Củng cố và phát triển đội ngũ trí thức các dân tộc thiểu số	40
ĐỌC SÁCH	CHU THÁI THÀNH - Trí thức Việt nam trong sự nghiệp đổi mới xây dựng đất nước	44
TÌM HIỂU KINH NGHIỆM CHA ÔNG	ĐINH VĂN TIẾN - Một số suy nghĩ và bài học rút ra từ các cuộc cải cách hành chính trong lịch sử Việt nam	49
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	VŨ PHÒNG - Hội thảo, cái mốt ?	52
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	NGUYỄN HUY QUÝ - Về xây dựng văn minh tinh thần xã hội chủ nghĩa ở Trung quốc	53
	NGUYỄN HOÀNG GIÁP - Nền kinh tế Mỹ hiện nay : Sự phát triển và vấn đề đặt ra	56
TÌM HIỂU KHÁI NIỆM	- Cấm vận. Các hình thức cấm vận	59
TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN	- Họp mặt cộng tác viên Tạp chí Cộng sản	59
	- Hội nghị tổng kết thực hiện chính sách tiền tệ năm 1996	60
TIN VẮN		

Bìa 1 : Đồng chí Tổng bí thư Đỗ Mười trồng cây lưu niệm tại nhà sàn Bác Hồ. *Ảnh tư liệu.*

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

За лучшее исполнение решений 8ого съезда партии. НГУЕН ТАН ЗУНГ - За лучшее дальнейшее акционерование части государственных предприятий. НГУЕН ШИНЬ ХУНГ - Некоторые финансовые проблемы в 1997ом году. ЧАН ТХИ ТХАНЬ ТХАНЬ - Реализация международной конвенции о детях во Вьетнаме. ***Исследование - обмен мнениями.*** БУЙ ДИНЬ ТХАНЬ - Некоторые мнения об отношении между экономическим ростом и развитием общества в нынешней обстановке. НГУЕН ВАН ЧОНГ - Естественные науки и традиционная культура. ДАО ЧИ УК - Обличение коррупции с юридической точки зрения и с точки зрения новых юридических оснований. ДАО ТХУ ЗАМ - Международная торговая экономика в прошлом году и её перспективы в 1997ом году. ***Практика - опыт.*** ВУ ДИНЬ ТХАНЬ - Партийный комитет провинции Тхай Биня и задачи локальной идустриализации и модернизации. СУАН ЛЕ - Почему Ба риа - Вунг тау компания по снабжению служб для продуктов моря достигает эффективного производства и бизнеса. ФАН ТХАНЬ ХОЙ - Укрепление и расширение рядов интеллигентов национальных меншинств. ***Со страниц книг*** ТЮ ТХАЙ ТХАНЬ - Вьетнамская интеллигентция в курсе обновления и строительства страны. ***Мир : проблемы, события*** НГУЕН ТХУ КУЙ - О формировании социалистической духовной цивилизации в Китае. НГУЕН ХОАНГ ЗАП - Современная экономика США : развитие и проблемы.

CONTENTS

For the best implementation of the Decisions of the Vilith Party Congress. NGUYEN TAN DUNG : Continuing equitization of a part of State- owned enterprises. NGUYEN SINH HUNG : Some financial problems in 1997. TRAN THI THANH THANH : Implementation of the International Convention on Children in Vietnam. ***Research - opinion exchange.*** BUI DINH THANH : Some thoughts about the relation between economic growth and the development of society at present. NGUYEN VAN TRONG : Natural sciences and traditional culture. DAO TRI UC : Corruption as seen from the point of view of the law and new legal bases. DAO HUY GIAM : World trade economy in 1996 and its prospects in 1997. ***Practice - experience.*** VU DINH THANH : Thai Binh Province Party Committee and the task of local industrialization and modernization. XUAN LE : Why Ba Ria - Vung Tau Aquaculture Service Supply Company reaches an efficient production and business. PHAN THANH KHOI : Strengthening and developing the contingent of the ethnic minorities' intellectuals. ***Reading.*** CHU THAI THANH : Vietnamese intelligentsia in the cause of the country's renovation and development. ***World : problems, events.*** NGUYEN HUY QUY : About the building of socialist spiritual civilization in China. NGUYEN HOANG GIAP : The present-day US economy : the development and problems

SOMMAIRE

En exécution des Résolutions du Vilè Congrès national du Parti. NGUYEN TAN DUNG - Continuer à mettre en actionnariat une parti des entreprises d'Etat. NGUYEN SINH HUNG - Quelques problèmes sur les finances de 1997. TRAN THI THANH THANH - Sur l'exécution au Vietnam de la Convention internationale sur les droits des enfants. ***Etudes - Echanges de vue.*** BUI DINH THANH - Quelques réflexions sur la relation actuelle entre la croissance économique et le développement social. NGUYEN VAN TRONG - Les sciences naturelles et la culture traditionnelle. DAO TRI UC - La corruption : vue sous l'angle juridique et sur la nouvelle base juridique. DAO HUY GIAM - Le commerce mondial de l'année dernière et ses perspectives en 1997. ***Réalité - Expérience.*** VU DINH THANH - Le Comité provincial du Parti de Thai Binh et l'industrialisation et la modernisation de la localité. XUAN LE - Pourquoi la production et le commerce de la Compagnie de services logistiques des produits aquatiques de Ba Ria - Vung Tau, sont-ils efficaces ?. PHAN THANH KHOI - Renforcement et développement du contingent des intellectuels issus des ethnies minoritaires. ***Lecture*** CHU THAI THANH - L'intelligentsia vietnamienne dans l'oeuvre de renouveau et l'édification du pays. ***Le Monde : problèmes, événements.*** NGUYEN HUY QUY - Sur l'édification de la civilisation spirituelle socialiste en Chine. NGUYEN HOANG GIAP - L'économie américaine d'aujourd'hui : son développement et ses questions posées

SUMARIO

Esforzarse por realizar las Resoluciones del Octavo Congreso Nacional del Partido. NGUYỄN TẤN DŨNG - Continuar realizando bien el trabajo de convertir en empresas accionistas una parte de las empresas estatales. NGUYỄN SINH HÙNG - Algunos problemas sobre el trabajo fiscal de 1997. TRẦN THỊ THANH THANH - Cumplimiento de la Convención Internacional sobre el derecho del niño en Vietnam. ***Estudios - Intercambios.*** BÙI ĐÌNH THANH - Algunas reflexiones sobre la relación entre el crecimiento económico y el desarrollo social en la actualidad. NGUYỄN VĂN TRỌNG - La ciencia natural y la cultura tradicional. ĐÀO TRÍ ÚC - La corrupción vista desde los aspectos y bases jurídicos nuevos. ĐÀO HUY GIÁM - La economía comercial mundial del año pasado y su perspectiva en 1997. ***Prácticas - experiencias.*** VŨ ĐÌNH THÀNH - El Comité Provincial del Partido de Thai Binh y la tarea de industrialización y modernización. XUÂN LÊ - Por qué logra éxitos en la producción y comercio la compañía de servicios de productos acuáticos de Ba Ria - Vung Tau ?. PHAN THANH KHÔI - Consolidar y desarrollar el contingente intelectual de las nacionalidades étnicas. ***Lecturas.*** CHU THÁI THÀNH - La intelectualidad vietnamita en la obra de renovación y edificación del país. ***El mundo : problemas y acontecimientos.*** NGUYỄN HUY QUÍ - Sobre la edificación de la civilización espiritual socialista en China. NGUYỄN HOÀNG GIÁP - La economía actual de Estados Unidos : desarrollo y problemas planteados.

目錄

●爲實現黨的八大決議而奮鬥★★★ 阮進勇：繼續落實好一部份國有企業的股份化●阮生雄：1997年財政工作中的几個問題●陳氏清清：在越南實現兒童國際權公約●研究探討★★★ 裴亭清：對目前經濟增長與社會發展間關係的一些想法●阮文仲：自然科學和傳統文化●陶智郁：貪污——從法理角度和法理基礎上揭穿其面目●陶輝監：過去一年的世界經貿及其1997年的展望●實踐——經驗★★★ 武亭成：太平省委和地方工業化、現代化的任務●春黎：爲何巴地一頭頓水產后勤服務公司的生產經營有效益？●潘清魁：鞏固和發展少數民族知識分子隊伍●閱讀★★★ 朱太成：在國家革新建設事業中的越南知識分子●世界：問題、事件★★★ 阮輝貴：中國的建設社會主義精神文明●阮黃甲：美國經濟現狀：發展及面臨的問題

Digitized by Google

TIẾP TỤC THỰC HIỆN TỐT CỔ PHẦN HÓA MỘT BỘ PHẬN DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC

NGUYỄN TẤN DŨNG *

Cổ phần hóa (CPH) một bộ phận doanh nghiệp nhà nước (DNNN) là chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước nhằm chuyển một số DNNN thành công ty cổ phần để huy động thêm vốn mới và tạo điều kiện cho người lao động trong doanh nghiệp, cho các tổ chức và cá nhân ngoài doanh nghiệp (theo từng trường hợp cụ thể) góp vốn đầu tư phát triển doanh nghiệp, trong đó nhà nước vẫn nắm tỷ lệ cổ phần cần thiết chi phối.

Mục đích CPH là "để huy động thêm vốn, tạo thêm động lực thúc đẩy doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả, làm cho tài sản nhà nước ngày càng tăng lên, không phải để tư nhân hóa".(1)

Thực hiện CPH sẽ có thêm vốn để đầu tư phát triển doanh nghiệp ; xác lập và nâng cao quyền làm chủ thực sự của doanh nghiệp và người lao động ; gắn bó người lao động với chất lượng, hiệu quả lao động ; thực hiện quản lý dân chủ (đại hội cổ đông, hội đồng quản trị, ban kiểm soát...) cùng với quy định trách nhiệm, quyền hạn vật chất rõ ràng cho người quản lý và người lao động. Đó là một trong những giải pháp quan trọng để huy động sức dân và tạo điều kiện cho người lao động tăng thu nhập chính đáng, khắc phục tình trạng thụ động, ỷ lại. Cổ phần hóa sẽ góp phần chống tham nhũng, lãng phí, thiếu trách nhiệm trong hoạt động của doanh nghiệp ; tạo nên phương thức quản lý sáng tạo, nhanh nhạy và hiệu quả trong cơ chế thị trường.

Cổ phần hóa một bộ phận DNNN cũng nhằm xác lập đan xen quyền sở hữu của nhà nước, của người lao động và các thành phần kinh tế khác, thực hiện dân chủ hóa và xã hội hóa trong hoạt động kinh tế, thực hiện nhất quán và đa dạng chính sách kinh tế nhiều thành phần của Đảng và Nhà nước ta ; mặt khác cũng góp phần cơ cấu lại DNNN để nhà nước tập trung nguồn lực vào các lĩnh vực trọng yếu, xây dựng các DNNN chủ lực đủ sức chủ đạo, chi phối nền kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đồng thời đây cũng là một điều kiện thuận lợi để xây dựng giai cấp công nhân vững mạnh trong tình hình mới. Vì vậy, CPH một bộ phận DNNN của ta khác về chất với doanh nghiệp cổ phần các nước tư bản chủ nghĩa và cũng khác hẳn với chiến dịch tư nhân hóa ồ ạt theo liệu pháp sốc như ở một số nước.

Cổ phần hóa là công việc mới, chúng ta còn ít kinh nghiệm, rất nhiều khó khăn về việc lập khung pháp lý, cơ chế tài chính, phương pháp tiến hành, tâm lý xã hội. Những năm qua Chính phủ và một số bộ, ngành, tỉnh, thành phố đã lập ban chỉ đạo, hình thành nhiều văn bản hướng dẫn, tiến hành chỉ đạo thí điểm. Sau hơn 3 năm thực hiện đã có 10 DNNN triển khai CPH và đã đi vào hoạt động đạt được một số kết quả bước đầu đáng khích lệ.

Sau CPH, các doanh nghiệp phát triển mạnh hơn về nhiều mặt, làm ăn có hiệu quả hơn, bảo đảm được tốt hơn lợi ích nhà nước, doanh nghiệp và của người lao động. Theo báo cáo của Công ty đại lý liên hiệp vận chuyển GEMADEP, Công ty cơ điện lạnh REE, Công ty giầy Hiệp an và Công ty sản xuất thức ăn gia súc VIFOCO mệnh giá mỗi cổ phiếu có loại 100 000 đồng và 200 000 đồng ; tỷ lệ cổ phần của nhà nước chiếm từ 18% đến 30%, công nhân viên trong doanh nghiệp từ 33% đến 50%, công nhân viên ngoài doanh nghiệp từ 20% đến 49%. Do thực hiện CPH, số lao động tại các doanh nghiệp này đã tăng lên 1,5 đến 3 lần so với trước. Công ty cơ điện lạnh doanh thu tăng 5 lần, Công ty đại lý liên hiệp vận chuyển GEMADEP đưa lãi vào tăng vốn cổ phần 3 lần, dự kiến sẽ tăng 8 lần, thu nhập của người lao động của GEMADEP bình quân

* Ủy viên Thường vụ Bộ chính trị, Trưởng ban kinh tế trung ương

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1996, tr 94

Digitized by Google

2,4 triệu đồng, nộp ngân sách đều tăng hơn so với trước khi CPH.

Nhà nước giữ được vai trò chỉ đạo và điều tiết công ty cổ phần phát triển đúng hướng như : tăng sản phẩm hàng hóa và dịch vụ cho xã hội ; tăng thu nhập của người lao động ; tăng vốn và phần đóng góp của công ty với nhà nước, có thêm nhiều việc làm ; bảo đảm vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng, các đoàn thể quần chúng tham gia và giám sát hoạt động của công ty ; công ty chấp hành tốt pháp luật của nhà nước. Qua hoạt động (đại hội cổ đông, hội đồng quản trị, ban kiểm soát...) các công ty cổ phần gắn kết mục tiêu sản xuất, tích lũy, tiêu dùng hài hòa và có hiệu quả hơn, chưa phát hiện thấy tham nhũng, lãng phí, tiêu cực ; công nhân viên công ty gắn bó với công việc, nhiệt tình và chủ động sáng tạo hơn, kiến thức và tay nghề được nâng lên.

Bên cạnh những kết quả đạt được, trong quá trình thực hiện cũng bộc lộ những hạn chế, lúng túng và vướng mắc cần được tháo gỡ. Số lượng DNNN thực hiện CPH, còn quá ít, thời gian đăng ký và triển khai còn chậm và chưa đồng đều ở các bộ, ngành, địa phương. Thủ tục, quy trình chuyển phần tài sản từ sở hữu nhà nước sang sở hữu của công ty cổ phần, các quy định pháp lý về cổ phiếu và tính linh hoạt của cổ phiếu (mua bán, chuyển nhượng, thừa kế, thế chấp...), các thủ tục hành chính chưa được quy định đầy đủ, thống nhất. Về cách thức bán cổ phiếu, về chế độ ưu đãi đối với các công ty cổ phần chưa thật hoàn thiện và thỏa đáng (con dấu, mực dấu, biển xe, xuất nhập khẩu, vay vốn...).

Còn tình trạng trên là do nhiều nguyên nhân : *Thứ nhất*, một số cấp ủy đảng, lãnh đạo chính quyền, tổ chức công đoàn và người lao động nhận thức chưa đầy đủ ý nghĩa, tầm quan trọng và sự cần thiết CPH ; tâm lý lo mất việc làm, suy yếu kinh tế nhà nước, mất quyền điều hành, quyết định... từ đó chưa tập trung kiên quyết chỉ đạo, thiếu kế hoạch, chương trình, chỉ tiêu rõ ràng, chủ yếu chờ vào sự tự giác của lãnh đạo các doanh nghiệp. *Thứ hai*, hệ thống văn bản pháp lý về CPH như luật hay pháp lệnh về CPH, cách tính giá trị đất và tài sản, tỷ lệ cổ phiếu cho các đối tượng... thiếu và chậm. *Thứ ba*, các chính sách chế độ đã có chưa thật đủ để hướng dẫn, khuyến khích doanh nghiệp và người lao động hăng hái tham gia CPH như : việc vay vốn, xuất nhập khẩu, cách tính yếu tố lợi thế, xử lý khi bị rủi ro và đối xử bình đẳng giữa công ty cổ phần với DNNN ; chính sách ưu đãi đối với phần vốn tự bổ sung của doanh nghiệp, vốn cho người lao động nghèo mua cổ phiếu...

Từ thực trạng trên, để đẩy mạnh hơn nữa CPH một bộ phận DNNN với yêu cầu tích cực và vững chắc, theo chúng tôi cần tập trung chỉ đạo làm tốt những vấn đề sau :

Các cấp ủy đảng, lãnh đạo các bộ, ngành, các địa phương, các tổ chức công đoàn và lãnh đạo các DNNN cần quán triệt chủ trương, ý nghĩa, sự cần thiết và mục tiêu CPH của Đảng đã được Chính phủ xác định trong Nghị định 28/CP (ngày 7-5-1996). Một mặt giải thích, tuyên truyền sâu rộng những nội dung đó ; mặt khác cần khẩn trương rà soát, bổ sung các văn bản, các chính sách, chế độ cần thiết ; đồng thời chuẩn bị sớm xây dựng pháp lệnh hoặc luật về CPH. Các bộ, ngành, địa phương phải lập ban chỉ đạo, có chương trình kế hoạch cụ thể, đồng bộ, sát thực tế và quyết định lựa chọn ít nhất từ 2 đến 3 doanh nghiệp thực hiện CPH trong năm 1997 - 1998 ; qua đó rút kinh nghiệm để tiếp tục triển khai CPH mạnh mẽ, vững chắc hơn vào những năm sau.

Đối tượng CPH là những doanh nghiệp quy mô vừa và nhỏ đang làm ăn có lãi hoặc triển vọng phát triển tốt ; các đơn vị sản xuất kinh doanh phụ trợ của các tổng công ty mạnh ; một số lĩnh vực phục vụ công cộng có quy mô vừa và nhỏ, một số doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh hàng tiêu dùng thông thường, các doanh nghiệp không thuộc diện nhà nước cần phải giữ 100% vốn. Có thể CPH một số doanh nghiệp không phải là then chốt của nền kinh tế nhưng đang có lãi và có mức đóng góp lớn vào ngân sách nhà nước. Căn cứ vào những đối tượng trên các bộ, ngành, địa phương phải xác định cụ thể DNNN nào cần CPH và làm rõ vai trò của DNNN được CPH đối với nền kinh tế, khả năng chi phối thị trường của nó mà xác định tỷ trọng cổ phần nhà nước cần nắm để từ đó xây dựng phương án CPH phù hợp đối với từng doanh nghiệp.

Khi thực hiện các hình thức CPH như Nghị định 28/CP quy định, có thể mở rộng thêm các hình thức như : lập công ty cổ phần mới dựa trên một

Digitized by Google

DNNN hiện có làm sáng lập viên, rồi bán cổ phần cho công nhân viên chức trong doanh nghiệp và ngoài doanh nghiệp ; tiếp tục làm thí điểm bán cổ phần cho doanh nghiệp và người nước ngoài với tỷ lệ thích hợp...

Trên cơ sở định giá tài sản của doanh nghiệp, nên chia thành cổ phần có mệnh giá thấp để công nhân viên chức có thể trích từ tiền lương hoặc tiền thưởng của mình mua dần cổ phần theo quy định cho mỗi người. Song song với việc bán cổ phần của doanh nghiệp, nên chú trọng gọi thêm cổ phần mới của người lao động trong hoặc ngoài doanh nghiệp để đầu tư phát triển theo dự án được duyệt. Đối với công nhân viên chức nghèo, ngoài những ưu đãi như Nghị định 28/CP, nên có chính sách hỗ trợ từ quỹ quốc gia giải quyết việc làm, quỹ xóa đói giảm nghèo... để giúp họ mua được một số cổ phần nhất định, tạo điều kiện tích lũy tăng dần cổ phần của mình lên. Tiếp tục nghiên cứu mở rộng hơn các hình thức thu hút công nhân viên chức mua cổ phiếu, bảo đảm tỷ lệ cổ phần của người lao động trong doanh nghiệp CPH chiếm khoảng từ 30 - 50%, đồng thời tăng thêm tính linh hoạt quyền sử dụng cổ phiếu, khuyến khích người lao động tham gia CPH và thực sự làm chủ, gắn bó với doanh nghiệp.

Hiện nay việc xác định giá trị DNNN khi CPH có nhiều khó khăn, phức tạp và vướng mắc, nhất là việc xác định hệ số lợi thế và giá trị quyền sử dụng đất. Dựa trên các nguyên tắc trong Nghị định 28/CP, nên tính đến các yếu tố cấu thành nguồn gốc tài sản của DNNN, sự biến động của tài sản và khấu hao tài sản qua các thời kỳ, giá trị tài sản hiện thực. Ngoài ra nên tính đến độ uy tín và khả năng sinh lợi chưa vững chắc do mới chuyển sang hoạt động theo cơ chế thị trường. Vì vậy quá trình kiểm toán, xác định giá trị doanh nghiệp và chuẩn bị phương án CPH phải trên tinh thần kết hợp hài hòa lợi ích nhà nước, doanh nghiệp và người lao động. Cần đưa ra trao đổi thảo luận dân chủ, có lý, có tình với công nhân viên chức trong doanh nghiệp và các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, tạo ra sự nhất trí cao, tự giác khi thực hiện. Song cũng cần chỉ đạo chặt chẽ, phòng ngừa tiêu cực, thất thoát tài sản nhà nước. Nên lập hội đồng thẩm định để giúp ban chỉ đạo CPH có quyết định đúng đắn.

Phần vốn tự bổ sung của DNNN có trước khi CPH do sinh lãi từ vốn nhà nước cấp, do không phải nộp thuế vốn, do phần chênh lệch giá trong các kỳ điều chỉnh giá trước đây, một phần khấu hao cơ bản và lợi nhuận mà nhà nước để lại bổ sung vốn cho doanh nghiệp ; nhưng một phần cũng do công sức của người lao động trong doanh nghiệp tạo ra và tiết kiệm trong sản xuất kinh doanh. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về "việc chia lãi cho công nhân" [2], nên chăng tùy theo điều kiện cụ thể của từng doanh nghiệp mà trích để lại một phần vốn tự bổ sung chia cho công nhân viên chức của doanh nghiệp (kể cả người đã nghỉ hưu) dưới hình thức cấp hẳn một số cổ phiếu cho từng người.

Thực hiện chính sách ưu đãi đối với doanh nghiệp và công nhân viên chức của doanh nghiệp khi CPH như Nghị định 28/CP quy định (thuế, lệ phí trước bạ, vay vốn ngân hàng, xuất nhập khẩu, các thủ tục hành chính, người lao động được cấp, mua trả chậm cổ phiếu...) cần chú ý chỉ đạo, kiểm tra để bảo đảm thực hiện đúng và thực sự công bằng trong công nhân viên chức. Thực hiện bình đẳng giữa công ty cổ phần với DNNN và doanh nghiệp của các thành phần kinh tế khác. Quan tâm chăm lo xây dựng tổ chức đảng và các đoàn thể quần chúng trong công ty cổ phần.

Về tổ chức chỉ đạo thực hiện CPH, nhất thiết phải lập ban chỉ đạo CPH ở các bộ, ngành và địa phương, có quy chế hoạt động, phân công trách nhiệm rõ ràng, định rõ thời gian hoàn thành các khâu công tác, nhất là việc xác định các doanh nghiệp phải CPH và phương án tiến hành cụ thể. Ban chỉ đạo CPH trung ương cần sớm tổ chức hội nghị bồi dưỡng và trao đổi kinh nghiệm về tiến hành CPH.

Tập trung chỉ đạo thực hiện tốt CPH một bộ phận DNNN nằm trong tiến trình tiếp tục đổi mới và phát triển có hiệu quả thành phần kinh tế nhà nước, để kinh tế nhà nước thực sự đóng vai trò chủ đạo trong nền kinh tế nhiều thành phần như Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng đề ra. Các cấp ủy đảng, các ngành chức năng cần xem đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên trong chương trình công tác của mình. ❑

(2) Sắc lệnh số 29 - SL, điều 89, do Chủ tịch Hồ Chí Minh ký ngày 12-3-1947

Digitized by Google

MẤY VẤN ĐỀ VỀ CÔNG TÁC TÀI CHÍNH NĂM 1997

NGUYỄN SINH HÙNG *

NĂM 1996, tình hình kinh tế - xã hội của đất nước tiếp tục chuyển biến theo hướng tích cực. Mặc dù thiên tai, bão lụt diễn ra trên diện rộng và gây thiệt hại lớn, nhưng tăng trưởng kinh tế vẫn giữ được ở mức khá cao và ổn định (9,5%). Một số ngành kinh tế quan trọng vượt lên rõ rệt tạo ra cơ cấu kinh tế mới phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Lĩnh vực tài chính ngân sách có những tiến bộ đáng kể. Tỷ lệ động viên từ GDP vào ngân sách nhà nước liên tục tăng trong những năm vừa qua và giữ ở mức ổn định khoảng 22% năm 1996, bảo đảm nhu cầu chi tiêu dùng thương xuyên và ngày càng tăng chi đầu tư xây dựng cơ bản và trả nợ.

Mức độ tích lũy trong ngân sách nhà nước (thặng dư thu, chi thường xuyên) dành cho đầu tư và trả nợ tăng so với các năm trước (năm 1994 : 6 540 tỉ đồng, năm 1996 : 15 508 tỉ đồng). Cơ cấu chi ngân sách nhà nước đang chuyển biến theo hướng tích cực. Bội chi ngân sách nhà nước tiếp tục được kiềm chế ; giữ được mức thiếu hụt ngân sách năm 1996 trong phạm vi Quốc hội cho phép là khoảng 3,1% GDP (năm 1995 là 4,2%), và mức bội chi này dành hoàn toàn cho đầu tư phát triển.

Năm 1996, tiếp tục thực hiện việc đổi mới, hoàn thiện cơ chế, chính sách tài chính nhằm nâng cao tiềm lực và làm lành mạnh nền tài chính. Chính sách tài chính quốc gia cho thời kỳ 1996 - 2000 đã được Bộ chính trị cho ý kiến chỉ ra mục tiêu, yêu cầu và các giải pháp để động viên, phân phối và sử dụng tiết kiệm, có hiệu quả các nguồn lực tài chính trong nước, ngoài nước phục vụ nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Luật ngân sách nhà nước lần đầu tiên được Quốc hội thông qua quy định các chuẩn mực pháp lý cho việc phân cấp quản lý ngân sách về việc lập, chấp hành, quyết toán ngân sách và trách nhiệm, quyền hạn của các cơ quan nhà nước, các cấp, các ngành, các tổ chức, cá nhân đối với ngân sách nhà nước. Tiếp tục thực hiện cải cách thuế bảo đảm ổn định tỷ lệ động viên vào ngân sách nhà nước, đồng thời tăng khả năng tích tụ vốn để mở rộng phát triển sản xuất - kinh doanh.

Tuy nhiên, trước yêu cầu nhiệm vụ thực hiện sự nghiệp đổi mới và phát triển, công tác tài chính còn nhiều hạn chế :

- Năm 1996 thu ngân sách không đạt kế hoạch (*bằng 96,9%* mức dự kiến) ; tình trạng buôn lậu, trốn thuế, lậu thuế, nợ đọng và chiếm dụng thuế còn phổ biến.

- Hoạt động tài chính chưa làm tốt vai trò khuyến khích tiết kiệm trong sản xuất và tiêu dùng, chưa tạo cơ chế đủ mạnh để thúc đẩy việc huy động các nguồn lực cho phát triển sản xuất kinh doanh. Trong khi kiềm chế lạm phát, không kịp thời phát hiện và xử lý những yếu tố dẫn tới giảm phát liên tục gây bất lợi cho sản xuất và xuất khẩu. Các hoạt động nhập khẩu bằng tín dụng thương mại dưới hình thức mở L/C trả chậm không được kiểm soát chặt chẽ, những thiếu sót trong chính sách tiền tệ và thuế đã kích thích nhập khẩu một số mặt hàng quá mức cần thiết, gây ứ đọng vốn và giảm thu

* PTS, Ủy viên trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ tài chính

Digitized by Google

ngân sách, kìm hãm xuất khẩu, làm tăng nhanh nhập siêu ảnh hưởng không tốt đến phát triển sản xuất kinh doanh trong nước và cán cân thương mại.

- Nhiều hoạt động kinh tế của các doanh nghiệp không được phản ánh đầy đủ trong hệ thống hạch toán kế toán, thống kê, trốn tránh sự kiểm soát của tài chính nhà nước.

- Tình trạng chi tiêu lãng phí của công, nhất là sử dụng công quỹ vào việc tổ chức các hội nghị, lễ hội, ngày kỷ niệm của từng ngành, cơ quan... còn khá phổ biến. Việc mua sắm, trang bị, công tác lễ tân mang nặng tính phô trương, hình thức. Đặc biệt là việc dùng tiền của công quỹ ăn uống, tiêu pha rất lãng phí tuy bị lên án từ nhiều năm nhưng đến nay vẫn không giảm bớt. Nghiêm trọng hơn là nhiều vụ tham nhũng lớn tiền bạc, tài sản nhà nước tiếp tục xảy ra.

*

* *

Năm 1997 có ý nghĩa rất quan trọng : năm thứ hai của kế hoạch 5 năm 1996 - 2000, năm đầu tiên triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng. Để tăng nhanh khả năng và tiềm lực tài chính của đất nước, lành mạnh hóa một bước nền tài chính quốc gia, mục tiêu cơ bản của công tác tài chính là thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển, triệt để thực hành tiết kiệm trong sản xuất và tiêu dùng, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tài chính, tăng tích lũy để tạo vốn cho đầu tư phát triển, đáp ứng nhu cầu chi thường xuyên cấp bách, xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa tích lũy với tiêu dùng, giữa tài chính nhà nước với tài chính doanh nghiệp, dân cư, ngân sách trung ương với ngân sách địa phương, quản lý thống nhất nền tài chính quốc gia, phát triển thị trường tài chính trong nước nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế với nhịp độ cao. Tiếp tục đổi mới và hoàn thiện cơ chế, chính sách tài chính phù hợp với tiến trình đổi mới kinh tế, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, làm cho tài chính thực sự trở thành công cụ quan trọng của nhà nước trong quản lý, điều tiết vĩ mô nền kinh tế. Củng cố, kiện toàn hệ thống tổ chức-bộ máy ngành tài chính, tạo ra sự chuyển biến quan trọng trong việc nâng cao hiệu lực, năng lực và hiệu quả quản lý tài chính của đất nước. Để đạt được những mục tiêu trên, cần thực hiện tốt các nhiệm vụ chủ yếu sau :

1 - Tổ chức thực hiện dự toán ngân sách năm 1997

- *Về công tác thu ngân sách* : Dự toán thu ngân sách nhà nước năm 1997 tăng 12,2% so với năm 1996, là mức tăng thấp nhất kể từ năm 1991 đến nay. Xét trên tổng thể trong mối quan hệ với tăng trưởng GDP và chỉ số tăng giá dự kiến, chúng ta coi đây là mức tăng tối thiểu để phấn đấu nhằm nâng cao tính vững chắc, hạn chế tình trạng bị động trong cân đối ngân sách nhà nước. Tiếp tục nghiên cứu sửa đổi hệ thống chính sách thuế theo hướng đơn giản, dễ thực hiện nhằm thúc đẩy sản xuất kinh doanh phát triển để nuôi dưỡng, phát triển nguồn thu, điều tiết thu nhập dân cư, bảo đảm thu ngân sách nhà nước tốt hơn. Cải tiến phương pháp quản lý thu và nâng cao hiệu lực bộ máy thu thuế, thu phí và lệ phí, phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương, với các ngành, các cấp, tăng cường công tác thanh tra và kiểm tra áp dụng các biện pháp chế tài đặc biệt về kinh tế và hành chính để chống trốn, lậu thuế và dây dưa thuế bất kể thuộc thành phần kinh tế nào. Tập trung lực lượng kiểm tra, chống thất thu trong các khu vực còn thất thu lớn, trong các lĩnh vực còn nhiều tiềm năng như kinh doanh xuất nhập khẩu ; nhà và đất ; kinh tế ngoài quốc doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài... Thực hiện đầy đủ và đồng bộ các biện pháp nghiệp vụ thu, thực hiện đúng chế độ chứng từ hóa đơn, kiểm tra kế toán, mở rộng diện thu thuế trực tiếp qua

Digitized by Google

Kho bạc nhà nước, từng bước áp dụng và mở rộng hình thức nộp thuế theo kê khai trên cơ sở thực hiện chế độ kế toán hộ kinh doanh ; thực hiện tốt việc lập bộ thuế và duyệt bộ thuế, công khai mức thuế của từng hộ, duy trì và nâng cao hiệu quả hoạt động của hội đồng tư vấn thuế xã, phường.

Đối với các doanh nghiệp nhà nước, phải thay đổi cách thức quản lý, đi sâu kiểm soát bằng được các yếu tố chi phí, chế độ nộp ngân sách của doanh nghiệp nhà nước thông qua việc tổ chức thực hiện tốt các chế độ, chính sách tài chính đối với doanh nghiệp nhà nước theo luật và các văn bản hướng dẫn Luật doanh nghiệp nhà nước tạo thuận lợi cho hoạt động của doanh nghiệp nhằm tăng tích lũy của khu vực này. Từ nay, ngành tài chính không duyệt quyết toán cho các doanh nghiệp, nên hệ thống tài chính phải tăng cường kiểm tra quyết toán, chi tiêu của các doanh nghiệp, loại trừ những chi tiêu bất hợp lý, lãng phí ra khỏi chi phí sản xuất để tăng thu cho ngân sách nhà nước.

- *Về công tác quản lý chi ngân sách* : Yêu cầu của việc quản lý chi ngân sách là phải hết sức tiết kiệm, có hiệu quả. Nếu thu không đạt dự toán thì phải giảm chi tương ứng, không bố trí các khoản chi khi chưa có nguồn thu. Cơ quan tài chính bảo đảm cấp phát kinh phí theo kế hoạch và tiến độ thực hiện công việc. Việc cấp phát vốn phải theo đúng quy trình, trình tự quản lý của từng khoản chi và phải rải đều trong năm theo tiến độ công việc ; không được tùy tiện cắt giảm các khoản chi đã được cân đối trong dự toán và có nguồn thu bảo đảm.

- *Trong cấp phát chi xây dựng cơ bản :* Tổ chức rà soát, đánh giá đúng hiệu quả vốn đầu tư những năm qua đối với những dự án, những ngành đã và đang đầu tư lớn. Trên cơ sở tiến độ thi công đã duyệt, cơ quan tài chính cải tiến quy trình và thủ tục bảo đảm việc cấp phát, thanh toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản phù hợp với tiến độ thi công, không để nợ đọng kéo dài đối với việc thanh toán khối lượng vốn đầu tư đã thực hiện. Tăng cường công tác kiểm tra kế toán, kiểm toán đối với việc sử dụng vốn xây dựng cơ bản. Có biện pháp cụ thể kết hợp với các cơ quan thi hành pháp luật của nhà nước ở trung ương và địa phương để quản lý và giám sát hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản có hiệu quả, hạn chế và ngăn ngừa các hiện tượng tiêu cực làm thất thoát vốn đầu tư của nhà nước. Nâng cao chất lượng công tác thẩm định của tài chính trước, trong quá trình thực hiện và kết thúc dự án đầu tư.

Việc quản lý các khoản vay nợ, viện trợ chính phủ cần bảo đảm sử dụng có hiệu quả và có khả năng trả nợ. Giải quyết các vướng mắc về cơ chế, chính sách và các thủ tục hành chính để giải ngân nhanh đối với các khoản vay nợ, tăng tỷ trọng vốn thực hiện đối với đầu tư trực tiếp. Tăng nguồn vốn đối ứng trong nước để tiếp thu nhanh và có hiệu quả vốn bên ngoài ; tính toán chặt chẽ khả năng trả nợ, gắn việc sử dụng vốn vay với trách nhiệm trả nợ. Hoàn thiện các cơ chế quản lý để bảo đảm phản ánh đầy đủ các nguồn vay nợ, viện trợ vào ngân sách nhà nước theo quy định của Luật ngân sách nhà nước.

- *Trong chi tiêu thường xuyên* : Trước hết, cần bảo đảm ưu tiên cho giáo dục đào tạo, khoa học công nghệ (nghiên cứu cơ bản, ứng dụng, triển khai) theo tinh thần của Nghị quyết Trung ương 2 (khóa VIII) ; bảo đảm có trọng điểm cho các lĩnh vực khác ; phấn đấu ưu tiên cho vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc ít người. Xúc tiến việc thẩm định và phê duyệt các chương trình quốc gia, quản lý tốt các chương trình mục tiêu quốc gia bảo đảm vốn kịp thời, nhanh chóng tới người sử dụng. Các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chủ động bố trí lồng ghép các chương trình quốc gia trên địa bàn bảo đảm nguyên tắc thực hiện có hiệu quả nhất các mục tiêu của từng chương trình. Đối với chi hành chính sự nghiệp cần tiết kiệm

Digitized by Google

chi đúng mục đích, đúng nội dung, có hiệu quả. Năm 1997, cần tập trung nghiên cứu để sửa đổi, bổ sung, ban hành các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu và trang cấp thiết bị trong khu vực hành chính sự nghiệp phù hợp với khả năng của ngân sách nhà nước và đặc thù của các đơn vị hành chính sự nghiệp để làm căn cứ lập dự toán, quản lý và kiểm tra chi tiêu. Cải tiến và tổ chức thực hiện nghiêm túc quy chế cấp phát ngân sách, tăng cường công tác kiểm tra giám sát của các cơ quan tài chính (nhất là sự phối hợp chặt chẽ với cơ quan kiểm toán, nội chính) đối với quá trình chi tiêu, sử dụng ngân sách nhà nước. Hệ thống kho bạc nhà nước phối hợp với cơ quan tài chính ở các cấp trong việc quản lý chi tiêu ngân sách nhà nước, tổ chức triển khai việc cấp phát, thanh toán trực tiếp các khoản chi, thực hiện tốt việc kiểm tra, kiểm soát chi theo quy định của Luật ngân sách nhà nước. Nơi nào chi tiêu lãng phí, chi không có hiệu quả, cơ quan ra quyết định phải chịu trách nhiệm trực tiếp, cơ quan tài chính thiếu kiểm tra, kiểm soát phải liên đới chịu trách nhiệm.

Đối với ngân sách xã, ngân sách nhà nước giữ ổn định khoán mức hỗ trợ cho ngân sách xã như hiện nay. Tiếp tục bảo đảm chi cho các xã miền núi, vùng cao, vùng sâu khó khăn thu không đủ chi, các xã còn lại huy động thêm các nguồn thu theo chế độ quy định tại xã. Tăng cường hiệu lực quản lý tài chính ở các xã, đồng thời huy động được nguồn lực của cộng đồng để thực hiện nhiệm vụ phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội và giải quyết các nhu cầu khác tại xã.

2 - Tiếp tục đổi mới hệ thống chính sách tài chính vĩ mô

Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của Bộ chính trị và Chính phủ tiếp tục hoàn thiện chính sách tài chính quốc gia làm cơ sở nền tảng cho việc hoạch định các chủ trương và chính sách dài hạn trong lĩnh vực quản lý tài chính, ngân sách và phát triển thị trường tài chính. Nghiên cứu đổi mới mạnh mẽ cơ cấu và biện pháp cân đối ngân sách nhà nước theo quan điểm phân phối ngân sách gắn với phân phối tài chính doanh nghiệp và dân cư. Xác định rõ những việc ngân sách phải chi, những việc cùng với các doanh nghiệp và dân cư cùng làm, từng bước kết hợp thu ngân sách với các biện pháp huy động nguồn lực tài chính. Chủ động đóng góp ý kiến vào các quy hoạch tổng thể phát triển các ngành kinh tế - kỹ thuật quan trọng, các vùng kinh tế, các địa bàn trọng điểm theo cơ cấu kinh tế và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1996 - 2000 và hằng năm mà nghị quyết của Đảng và Quốc hội đã xác định. Nhằm mục tiêu tiến tới ổn định nền tài chính, năm 1997 và những năm tiếp theo, ngành tài chính tiếp tục phối hợp với các cơ quan có liên quan để đề ra các chính sách, giải pháp chống lạm phát, kiểm soát lạm phát ở mức hợp lý và ổn định (chỉ số tăng giá cả hàng hóa và dịch vụ năm 1997 phấn đấu ổn định ở mức dưới 10%) ; đồng thời thông qua các công cụ thuế, điều hành ngân sách, dự báo giá cả, thị trường sớm phát hiện và khắc phục những yếu tố giảm phát gây khó khăn cho sự phát triển. Tham gia với Ngân hàng nhà nước để phối hợp có hiệu quả hơn giữa chính sách tài chính và chính sách tiền tệ, tín dụng góp phần ổn định giá trị đồng tiền, thúc đẩy quá trình tiếp tục đổi mới hệ thống ngân hàng, tiến tới xây dựng và ban hành Luật ngân hàng tạo khuôn khổ pháp lý và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống ngân hàng. Tiếp tục đổi mới hệ thống chính sách thuế, thực hiện cải cách thuế bước II theo hướng "đơn giản, ổn định, công bằng, khuyến khích làm ăn hợp pháp ; bảo đảm tỷ lệ động viên hợp lý vào ngân sách nhà nước, đồng thời tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tích tụ vốn để đầu tư phát triển" [1]. Trước mắt, trên cơ sở ý kiến tham gia của đại biểu Quốc hội khóa IX kỳ họp thứ 10, tiếp tục hoàn thiện 3 luật thuế :

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1996, tr 102

Digitized by Google

Luật thuế trị giá gia tăng (VAT) ; *Luật thuế thu nhập công ty* và *Luật thuế thu nhập dân cư* để trình Quốc hội ban hành. Xây dựng chính sách thống nhất về thu, quản lý, sử dụng các loại phí và lệ phí ; sớm trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành *Pháp lệnh phí và lệ phí* để đưa công tác quản lý phí và lệ phí vào nền nếp. Thực hiện nghị quyết của Quốc hội, chương trình công tác của Chính phủ về triệt để tiết kiệm, chống lãng phí trong sản xuất và tiêu dùng xã hội, cần sớm thể chế hóa, xây dựng, ban hành *Pháp lệnh tiết kiệm, chống lãng phí*, trước hết trong việc quản lý, sử dụng vốn và tài sản nhà nước, tạo ra chế định để khuyến khích tiết kiệm toàn xã hội. Việc huy động các nguồn lực gồm : vốn, tài sản, đất đai, tài nguyên và lao động để xây dựng và phát triển đất nước đang đặt ra yêu cầu hết sức bức bách.

3 - Đẩy mạnh huy động các nguồn lực để phục vụ phát triển kinh tế, thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và chiến lược phát triển con người.

Bổ sung và hoàn chỉnh các chính sách về huy động vốn, đa dạng hóa các nguồn vốn trong và ngoài nước dành cho đầu tư phát triển, cụ thể là :

- Hoàn thiện cơ chế và tổ chức phát hành trái phiếu chính phủ làm cho nó đi vào nền nếp thông qua các hình thức trái phiếu, tín phiếu kho bạc nhà nước. Thực hiện cơ chế đấu thầu rộng rãi cho phép các ngân hàng, các công ty tài chính tham gia nhằm giảm lãi suất và kéo dài thời hạn huy động vốn. Tiếp tục thực hiện cổ phần hóa một bộ phận doanh nghiệp nhà nước để có thêm nguồn vốn đầu tư chiều sâu, đầu tư mở rộng sản xuất trên cơ sở tiếp tục hoàn chỉnh cơ chế, chính sách cổ phần hóa, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành về cổ phần hóa, hoàn thiện cơ chế quản lý đối với công ty cổ phần. Cùng phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chủ quản trung ương và địa phương, có kế hoạch cụ thể để tổ chức thực hiện cho được và cho tốt các chính sách này.

- Hoàn thiện đồng bộ hệ thống cơ chế chính sách và các giải pháp thúc đẩy mạnh mẽ quá trình đa dạng hóa và mở rộng nhiều hình thức thu hút vốn, chuyển mọi khoản tiền nhàn rỗi thành vốn sống, được quay vòng sinh lời, thúc đẩy giao lưu các nguồn vốn tạo sự phát triển thị trường vốn trung và dài hạn.

Năm 1997, xây dựng cơ chế huy động và phát động phong trào tham gia đóng góp của toàn dân vào việc xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội theo phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm, nhằm đẩy nhanh việc xây dựng và phát triển các hệ thống giao thông, điện, thủy lợi và các công trình khác. Thực hiện việc phân cấp về xây dựng đường sá theo hướng trung ương lo xây dựng các quốc lộ, đường liên tỉnh ; tỉnh xây dựng các tuyến đường từ tỉnh đến huyện và liên huyện bằng ngân sách địa phương, một phần hỗ trợ của ngân sách trung ương và bằng nguồn vốn huy động trong dân. Đường từ huyện đến xã, liên xã và trong nội xã thì do huyện và xã huy động sức dân là chủ yếu.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ chế huy động vốn trong nước và nước ngoài, đẩy mạnh hình thức phát hành trái phiếu công trình đối với một số dự án đầu tư có khả năng thu hồi vốn với các điều kiện ưu đãi về lãi suất và các quyền lợi khác. Hướng dẫn và khuyến khích các doanh nghiệp phát hành trái phiếu công ty; đồng thời, tiếp tục nghiên cứu để thực hiện phát hành trái phiếu chính phủ ra thị trường tài chính quốc tế khi điều kiện thuận lợi.

- Trong lĩnh vực sự nghiệp, nghiên cứu ban hành đồng bộ các chính sách động viên sức dân thực hiện chủ trương nhà nước và nhân dân hợp lực chăm lo phát triển sự nghiệp giáo dục - văn hóa, y tế - xã hội, từng bước thực hiện đa dạng hóa các nguồn đóng góp phát triển sự nghiệp giáo dục - đào tạo, các

Digitized by Google

hoạt động văn hóa - thông tin, sự nghiệp chăm sóc sức khỏe nhân dân.

- Phát triển nhanh thị trường bảo hiểm, các hình thức bảo hiểm và các công cụ huy động nguồn lực tài chính khác như xổ số kiến thiết, huy động sự đóng góp tự nguyện, quỹ từ thiện... để tăng thêm nguồn lực và khả năng tài chính hỗ trợ ngân sách nhà nước.

4 - Đẩy mạnh việc thực hiện chính sách tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng

Thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội khóa IX kỳ họp thứ 10 về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, chống tham nhũng là một trong những nhiệm vụ bức bách của mọi ngành, mọi cấp. Trước mắt, thực hiện Pháp lệnh về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (cần tập trung vào nhiệm vụ chống tệ lãng phí) trong quản lý, sử dụng vốn, tài sản nhà nước (bao gồm sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước ; tài sản, nhà cửa, đất đai, tài nguyên thiên nhiên ; đầu tư xây dựng cơ bản bằng nguồn vốn nhà nước và trong doanh nghiệp nhà nước). Chuẩn bị các điều kiện cần thiết từ việc hoàn thiện các văn bản hướng dẫn pháp lệnh đến khâu phối hợp với các cơ quan, đơn vị để triển khai tổ chức thực hiện pháp lệnh một cách nghiêm túc, đồng bộ tạo ra một sự chuyển biến mới trong công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí. Khẩn trương hoàn thiện cơ chế kiểm soát chi ngân sách nhà nước qua kho bạc nhà nước theo đúng tinh thần Luật ngân sách nhà nước.

Quản lý chặt chẽ tài sản công, tiết kiệm chi tiêu quản lý hành chính nhà nước. Phải có biện pháp để ngăn ngừa, phòng chống là chính : chống lãng phí, chống thất thoát tiền vốn của nhà nước. Thực hiện công khai hóa tài chính và thể chế các thủ tục hành chính, rà soát và quản lý chặt chẽ việc thực hiện các định mức, tiêu chuẩn, chế độ chi tiêu... giám sát thường xuyên và chặt chẽ bảo đảm việc sử dụng ngân sách đúng mục đích, có hiệu quả. Các ngành, các cấp, căn cứ vào dự toán ngân sách được giao, xây dựng dự án tiết kiệm (trong dự án xác định rõ khoản mục tiết kiệm, mức tiết kiệm và các biện pháp thực hiện của từng đơn vị sử dụng ngân sách) ; thực hiện tốt các biện pháp chống lãng phí, chống tham nhũng trên diện rộng nhưng không tràn lan, có trọng tâm, trọng điểm. Cần tập trung vào các khâu nắm nhiều tiền, của, tài sản của nhà nước, giữ nhiều quyền hành có thể bị lạm dụng và có dấu hiệu tham nhũng. Có kế hoạch cụ thể phối hợp với các cơ quan nội chính và các tổ chức quần chúng, kiên quyết trong chỉ đạo điều hành, phát huy sức mạnh tập thể để đấu tranh chống tham nhũng, chống lãng phí.

Tình hình mới, yêu cầu mới đặt ra cho công tác tài chính những nhiệm vụ rất nặng nề, đòi hỏi cán bộ ngành tài chính phải không ngừng rèn luyện, nâng cao phẩm chất chính trị và năng lực chuyên môn, đoàn kết trong từng đơn vị và toàn ngành, kiện toàn tổ chức bộ máy, xây dựng và thực hiện chế độ trách nhiệm công tác của công chức cũng như của mỗi đơn vị kết hợp với việc thực hiện cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả công tác quản lý tài chính.

Năm 1997 là năm đầu tiên thực hiện *Luật ngân sách nhà nước*, cũng là năm bản lề tiếp tục tạo đà để đạt được những mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000. Toàn ngành tài chính quyết tâm cố gắng vươn lên, khắc phục mọi khó khăn, tranh thủ sự giúp đỡ của các ngành, các cấp, tập trung trí tuệ và sức lực thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ mà Đảng, Quốc hội, Chính phủ đã giao. ❑

Digitized by Google

THỰC HIỆN CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ QUYỀN TRẺ EM Ở VIỆT NAM

TRẦN THỊ THANH THANH *

CÔNG ước quốc tế Quyền trẻ em được Đại hội đồng Liên hợp quốc thông qua tháng 12 năm 1989.

Đây là văn bản pháp lý mang tính ràng buộc đối với tất cả các quốc gia thành viên. Công ước gồm 54 điều, chia thành 3 phần, với 4 nhóm quyền cơ bản của trẻ em : quyền sống, quyền được phát triển, quyền được bảo vệ khi bị thiệt thòi và quyền được tham gia bày tỏ nguyện vọng đối với các vấn đề có liên quan.

Việt nam là một trong những nước đầu tiên ở châu Á đã phê chuẩn Công ước mà không bảo lưu một điều khoản nào. Ngày 5 tháng 3 năm 1991, đồng chí Đỗ Mười, nguyên là Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng lúc đó đã ký chính thức Công ước và tuyên bố : "Không có nhiệm vụ nào cao quý bằng việc đem lại cho trẻ em một tương lai tốt đẹp hơn".

Trẻ em là hạnh phúc của gia đình, là tương lai của đất nước, là lớp người kế tục sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ; "vì lợi ích mười năm trồng cây, vì lợi ích trăm năm trồng người", tư tưởng đó được kiên trì thực hiện ngay từ khi nước Việt nam mới giành độc lập. Năm 1960, thực hiện Chỉ thị 197 của Ban bí thư trung ương Đảng, cả nước có "phong trào toàn dân chăm sóc và bảo vệ thiếu niên, nhi đồng", năm 1979 Quốc hội thông qua Pháp lệnh "bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em".

Vậy là trước khi ký Công ước, Việt nam đã có truyền thống về sự quan tâm chăm sóc trẻ em. Công ước về quyền trẻ em thấm đượm tinh thần nhân văn, phù hợp với quan điểm của Đảng, Nhà nước ta và lợi ích của trẻ em Việt nam. Vì vậy nó là cơ sở, là động lực thúc đẩy chúng ta hành động tích cực hơn vì trẻ em.

- Nhà nước ta đã *từng bước luật pháp hóa công tác bảo vệ và chăm sóc trẻ em.* Đặc biệt Hiến pháp năm 1992 có nhiều điểm quy định về trách nhiệm của nhà nước và các thành viên xã hội đối với việc chăm lo sức khỏe, giáo dục, phúc lợi xã hội... cho trẻ em. Các văn bản pháp quy đã kết hợp hài hòa giữa sức mạnh truyền thống văn hóa dân tộc với sức mạnh pháp lý quốc gia và pháp lý quốc tế để tạo ra động lực mới trong nhân dân nhằm chăm sóc, bảo vệ trẻ em với chất lượng cao hơn.

- *Để có đầu mối giám sát và tổ chức phối hợp việc thực hiện công ước về quyền trẻ em, thông qua Luật bảo vệ, chăm sóc, giáo dục trẻ em, Chính phủ đã thiết lập hệ thống Ủy ban bảo vệ, chăm sóc trẻ em các cấp,* cơ quan tham mưu giúp Chính phủ quản lý nhà nước, tham gia hoạch định các chiến lược, kế hoạch, chính sách, kiểm tra, giám sát việc chỉ đạo, phối hợp tổ chức thực hiện các mục tiêu của Chương trình hành động vì trẻ em. Đến nay, hệ thống Ủy ban bảo vệ, chăm sóc trẻ em (UBBV và CSTE) đã thiết lập trên các tỉnh, thành của cả nước với 70% quận, huyện, hơn 50% số xã, phường và hơn 50 000 cộng tác viên tình nguyện cấp cơ sở. Như vậy, vấn đề trẻ em đã trở thành một bộ phận trong công tác quản lý nhà nước và vận động xã hội ; hoạt động có tính chất liên ngành, liên cấp và có vị trí trong chương trình nghị sự và hành động của quốc gia.

- *Đặt vấn đề chăm sóc, bảo vệ và phát triển trẻ em là bộ phận quan trọng trong Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước,* Chỉ thị số 38/TƯ của Ban bí thư về "Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em" (ngày 31-4-1994) đã nhấn mạnh : "sự nghiệp bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước, các đoàn

* Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban bảo vệ và chăm sóc trẻ em Việt nam

Digitized by Google

thể nhân dân, của mọi công dân và mỗi gia đình". Trong phạm vi và khả năng của mình, cần tạo điều kiện tối đa để mọi trẻ em được bảo vệ, chăm sóc và được phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ.

Để biến nội dung của luật pháp và chiến lược trên thành thực tế, Hội nghị quốc gia vì trẻ em được tổ chức vào ngày 11 và 12-12-1991 tại Hà nội đã nhất trí thông qua chương trình hành động quốc gia vì trẻ em (1991 - 2000) của Chính phủ, bảo đảm thực hiện các mục tiêu đã được cam kết ở Hội nghị thượng đỉnh thế giới vì trẻ em, trong đó có 4 mặt ưu tiên : sức khỏe cho mọi trẻ em ; giáo dục tiểu học cho mọi trẻ em ; chăm lo đời sống, văn hóa tinh thần của mọi trẻ em ; quan tâm đến trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Mục tiêu cơ bản đến năm 2000 là :

1 - Giảm tỷ lệ tử vong của trẻ em dưới 1 tuổi từ 4,6% (năm 1990) xuống 3% (năm 2000) ; giảm tỷ lệ tử vong của trẻ em dưới 5 tuổi từ 8,1% (năm 1990) xuống 5,5% (năm 2000).

2 - Giảm tỷ lệ tử vong liên quan đến thai sản từ 0,11% (năm 1990) xuống 0,081% (năm 2000).

3 - Giảm tình trạng suy dinh dưỡng của trẻ em dưới 5 tuổi từ 41,8% (năm 1990) xuống 30% (năm 2000).

4 - Tăng tỷ lệ dân được dùng nước sạch ở thành phố từ 43% (năm 1990) lên 82% và ở nông thôn từ 42% (năm 1995) lên 80% vào năm 2000.

5 - Bảo đảm 90% trẻ em dưới 15 tuổi phổ cập tiểu học và 100% trẻ em hoàn thành lớp 3, giảm tỷ lệ lưu ban tiểu học và bỏ học xuống 5%, xóa mù chữ cho lứa tuổi 15, tăng người biết chữ trong độ tuổi từ 15 đến 35 từ 87,6% (năm 1990) lên 93% (năm 2000).

6 - Xây dựng các trung tâm văn hóa và các phương tiện dành cho thiếu nhi ở 50% số quận, huyện và nhiều phường, xã vào năm 2000.

7 - 70% trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (bao gồm trẻ em mồ côi, không nơi nương tựa, trẻ em lang thang cơ nhỡ, trẻ em là nạn nhân của tệ nạn xã hội ; trẻ em bị khuyết tật...) được chăm sóc, bảo vệ, và phục hồi hòa nhập với cộng đồng.

Để thực hiện được các mục tiêu trên, chương trình đã đề ra các chiến lược cơ bản như : 1 - Làm giảm sự cách biệt và chú ý đối tượng chưa được chăm sóc ; 2 - Tăng cường sự tham gia của cộng đồng ; 3 - Coi trọng truyền thông và vận động xã hội ; 4 - Bồi dưỡng cho phụ nữ ; 5 - Phối hợp có hiệu quả với các nước có viện trợ, song phương, đa phương và các tổ chức phi chính phủ.

Ngân sách nhà nước ta đã tăng dần trong kế hoạch hằng năm cho các mục tiêu liên quan đến trẻ em. Nó thể hiện ở tỷ trọng ngân sách chi cho các lĩnh vực xã hội chiếm từ 24% đến 28% trong tổng số chi ngân sách nhà nước. Đặc biệt là từ 1991 đến nay đã hình thành thêm những chương trình mới trực tiếp phục vụ cho mục tiêu trẻ em như : "xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học" ; "chương trình tiêm chủng mở rộng", "chương trình phổ cập muối i-ốt, chương trình Vi-ta-min A', "chương trình nha học đường", "chống tiêu chảy", "chương trình phòng chống trẻ em suy dinh dưỡng và bảo vệ trẻ em đặc biệt khó khăn", "chương trình xây dựng các trường dân tộc nội trú", "chương trình nước sạch"... với nguồn kinh phí đến 500 tỉ đồng. Mặt khác thực hiện quan điểm xã hội hóa công tác bảo vệ, chăm sóc trẻ em, những năm qua trên cả nước đã tăng thêm nhiều trăm tỉ đồng từ sự tham gia, đóng góp của các cơ quan, đoàn thể nhân dân, các doanh nghiệp, hiệp hội, các nhà từ thiện... Riêng số tỉnh có quỹ bảo trợ trẻ em tăng từ 7 tỉnh (năm 1993) lên 50 tỉnh (năm 1995) với số tiền hơn 15 tỉ đồng.

Nhờ có nguồn ngân sách to lớn của nhà nước, cùng với sự giúp đỡ của quốc tế (đặc biệt là nguồn hỗ trợ từ Quỹ nhi đồng Liên hợp quốc UNICEF tăng bình quân hằng năm từ 12 triệu USD/năm 1991 lên 25 triệu USD/năm 1995) và huy động của cộng đồng Việt nam, nhiều năm qua Việt nam đã mở rộng và duy trì tỷ lệ tiêm chủng cho trẻ em dưới 1 tuổi trên 85% ; tiêm vắc-xin chống bại liệt trên 98%. Kết quả đã giảm nhanh chóng tỷ lệ tử vong của trẻ em dưới 1 tuổi và dưới 5 tuổi ; có khả năng khống chế và loại trừ một số bệnh như : uốn ván, sởi, bại liệt ; hạ tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng từ 54% (năm 1991) xuống 44% (những xã có chương trình : 39%) năm 1996 ; tỷ lệ học sinh ở

Digitized by Google

độ tuổi phổ cập tăng từ 75% năm 1991 lên 85% năm 1995 ; phổ cập và xóa mù chữ được hơn 2 triệu em trong độ tuổi ; tỷ lệ người dân nông thôn được dùng nước sạch tăng từ 21% năm 1991 lên 42% năm 1995. Tăng số lượng nhà văn hóa thiếu nhi từ 103 (năm 1991) lên 168 (năm 1996). 96% số tỉnh có nhà văn hóa thiếu nhi (năm 1996) ; 28% số quận, huyện có trung tâm văn hóa và có 20 996 điểm vui chơi ở xã, phường cho trẻ em. Số lượng sách, báo, tạp chí, phát thanh, truyền hình dành cho trẻ em đều tăng lên về số lượng, phong phú về thể loại và mở rộng địa bàn phục vụ. Nhờ vậy, khác với những năm trước 1990, không chỉ những trẻ em ở thành phố, thị xã lớn được thưởng thức các sản phẩm văn hóa, mà nhiều trẻ em ở vùng núi, vùng sâu, vùng xa, trẻ em thuộc gia đình nghèo cũng đã được xem sách, báo, nghe chương trình phát thanh của đài tiếng nói Việt nam, xem chương trình bông hoa nhỏ, chương trình ca, múa, phim truyện hay của đài truyền hình dành cho thiếu nhi ; đi tham quan phong cảnh đất nước và vui chơi, tập thể thao, đá bóng, học đàn, học vẽ v.v..

Đối tượng trẻ em mồ côi, không nơi nương tựa, trẻ em trong các gia đình nghèo, trẻ em khuyết tật, lang thang, cơ nhỡ, trẻ em bị lợi dụng tình dục, bị nghiện hút... trước đây là niềm riêng tư của mỗi gia đình, nay được nhà nước có chính sách hỗ trợ cùng gia đình và cộng đồng đỡ đầu chăm lo và bảo vệ (thông qua các chương trình quốc gia : xóa đói giảm nghèo, trợ cấp xã hội, chăm sóc bảo vệ trẻ em đặc biệt khó khăn, phục hồi chức năng hòa nhập cộng đồng, vì nụ cười trẻ thơ...). Những tỉnh, thành có số trẻ em đặc biệt khó khăn được chăm sóc đạt tỷ lệ cao như : Sóc trăng, Hà nội gần 90% ; TP Hồ Chí Minh, Hà bắc khoảng 70% ; Nam hà, Tuyên quang, Quảng ninh khoảng 50%... Trên cả nước đến nay đã có khoảng 60% trẻ em mồ côi không nơi nương tựa được chăm sóc (bằng ngân sách của nhà nước, giúp đỡ của quốc tế, của các đoàn thể, của các nhà từ thiện, các doanh nghiệp và các gia đình, họ hàng, xóm giềng) ; khoảng 35 000 trẻ em khuyết tật được vá môi hoặc phục hồi chức năng, hòa nhập cộng đồng ; hơn 11 000 trẻ em lang thang cơ nhỡ được chăm sóc, tạo việc làm.

Bản thân trẻ cũng có vai trò rõ nét hơn trong việc tham gia ý kiến phản ánh nguyện vọng của mình thông qua tháng hành động vì trẻ em (từ ngày 15-5 đến ngày 30-6 hằng năm) ; thông qua diễn đàn : "ngày phát thanh vì trẻ em" hằng năm, qua các cuộc thi tìm hiểu, các cuộc tiếp xúc giữa trẻ em với người lớn, thông qua sinh hoạt thường xuyên ở nhà trường và gia đình.

Những việc chúng ta làm trên đây tuy mới bước đầu và chưa lớn nhưng đã nói lên rằng nước ta tuy thuộc nhóm các nước có mức thu nhập bình quân đầu người thấp, nhưng đã đạt nhiều kết quả trong việc chăm sóc trẻ em ; đạt hầu hết các mục tiêu trung hạn vì trẻ em (năm 1995) ; cải thiện tình hình trẻ em về mọi mặt, nâng chất lượng cuộc sống của trẻ em lên bước phát triển mới. Điều đó không phải nước đang phát triển nào cũng làm được.

Những tiến bộ nói trên bắt nguồn từ đường lối đổi mới của Đảng và Nhà nước, phát triển kinh tế đồng thời với việc giải quyết các vấn đề xã hội, đặt con người vào vị trí trung tâm của sự phát triển mà trẻ em là đối tượng ưu tiên, biết vận động phong trào toàn dân chăm sóc, bảo vệ và giáo dục trẻ em, theo phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm ; có chính sách tranh thủ sự giúp đỡ và mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, đặc biệt là tổ chức nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF), tổ chức nhi đồng Thụy điển và các tổ chức quốc tế khác.

Bà tiến sĩ Ri-ma Sa-la - trưởng đại diện của UNICEF tại Việt nam, trong lễ công bố chính thức Báo cáo tiến bộ của các quốc gia năm 1996 (tại Hà nội ngày 15-6-1996) đã nói : "Bốn năm liên tục Việt nam luôn dẫn đầu về giảm tỷ lệ tử vong trẻ em trong bảng xếp hạng thành tựu các quốc gia toàn cầu. Bảng xếp hạng thành tựu các quốc gia toàn cầu xếp các nước theo 3 tiêu chuẩn về việc hoàn thành các quyền trẻ em một cách tích cực. Cụ thể là tỷ lệ phần trăm trẻ em đủ dinh dưỡng, tỷ lệ phần trăm trẻ em học hết lớp 5 và tỷ lệ phần trăm trẻ em sống trên 5 tuổi - và so sánh các chỉ tiêu này với các nguồn lực sẵn có được thông báo chính thức như tổng thu nhập quốc dân bình quân đầu người. Với thành tựu đó

Digitized by Google

Việt nam được xếp là một trong 5 nước dẫn đầu về cả 3 tiêu chuẩn".

Trong nhận xét cuối cùng của Ủy ban quyền trẻ em thuộc Liên hợp quốc về kết quả của Việt nam sau 2 năm thực hiện Công ước có đoạn như sau : "Ủy ban hài lòng ghi nhận những cố gắng của Chính phủ Việt nam nhằm bảo đảm việc thực hiện các điều khoản của công ước về quyền trẻ em và các tiêu chuẩn nhân quyền đặt ra trong đó".

Từ những kết quả làm được và chưa làm được trong những năm qua, có thể đúc rút hai bài học rất cơ bản, đó là :

- Biết biến cam kết, ý chí chính trị thành nỗ lực thực tiễn, các điều khoản của Công ước, của Luật bảo vệ chăm sóc giáo dục trẻ em thành chương trình hành động có mục tiêu, có chiến lược và kế hoạch ngân sách, trong đó bao gồm chương trình hành động vì trẻ em của các bộ, ngành, đoàn thể và đặc biệt là chương trình hành động vì trẻ em của các địa phương. Chú ý xây dựng kế hoạch trọng điểm vùng, nhằm chuyển tải sự cung ứng dịch vụ lồng ghép và xây dựng năng lực vào các huyện nghèo, miền núi, vùng xa. Đây không chỉ là vấn đề xác định trách nhiệm, quyền hạn, nguồn lực, mà còn là sự tăng cường hơn, mở rộng thêm nguồn lực để bảo đảm việc thực hiện mục tiêu trên khắp cả nước ; đồng thời thông qua kế hoạch của địa phương có thể giảm bớt sự chênh lệch cách biệt giữa các vùng, thực hiện sự công bằng, hài hòa, thống nhất giữa quốc gia và địa phương.

- Tạo điều kiện để phát huy tối đa các phương tiện và nguồn lực sẵn có, cùng với sự giúp đỡ của quốc tế. Chẳng hạn việc sản xuất trong nước vắc-xin chống bại liệt, chống tiêu chảy.. nhằm giảm tỷ lệ tử vong của trẻ em ; hay bằng nguồn lực trong nước, của gia đình để thay đổi cơ cấu cây trồng, cải tạo vườn tạp, tăng vốn để chăn nuôi, cải thiện bữa ăn, học tập phương pháp nuôi dạy con theo khoa học..., nhằm giảm tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng. Chú ý tiếp thu kỹ thuật tiên tiến hiện đại, coi trọng các biện pháp kỹ thuật, truyền thống dân tộc như : sử dụng cây thuốc nam chữa bệnh theo phương pháp đông y.

Tuy nhiên, trên lĩnh vực này, chúng ta còn phải đương đầu với nhiều thử thách rất lớn, đặc biệt về phương diện bảo vệ trẻ em. Bên cạnh vấn đề bảo vệ số trẻ dân tộc ở vùng cao, vùng sâu, trẻ em các gia đình khó khăn khỏi bị thiệt thòi về quyền học tập (khoảng hơn 2 triệu) chúng ta phải giải quyết nhiều hậu quả của tệ nạn xa hội. Tình trạng trẻ em lang thang lao động để kiếm sống ở các thành phố ngày càng gia tăng (hơn 16 000) ; trẻ em bị lợi dụng tình dục, trẻ em bị lôi kéo vào hút, hít hêrôin,... bị lôi kéo vào văn hóa phẩm độc hại, trẻ em có nguy cơ làm trái pháp luật chưa giảm được bao nhiêu...

Trong nhiều nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên thì nguyên nhân chủ quan là hết sức quan trọng. Không ít cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể, nhân dân, gia đình chưa có hiểu biết đầy đủ về quyền và bổn phận do Công ước cũng như luật pháp quy định đối với trẻ em. Từ đó dẫn đến thiếu quan tâm, thiếu ý thức trách nhiệm chăm lo và bảo vệ các quyền của trẻ em. Trên thực tế có rất nhiều trẻ em suy dinh dưỡng, bị lợi dụng, lôi kéo vào con đường tệ nạn không phải xuất thân từ gia đình nghèo, mà là gia đình khá giả, có thu nhập cao. Hiện tượng thiếu tôn trọng, coi thường các quyền của trẻ em, coi thường việc thực hiện các quy định của luật pháp, các chương trình, kế hoạch hành động để chăm lo và bảo vệ trẻ em vẫn thường xảy ra trong một bộ phận lãnh đạo chính quyền, cán bộ các ngành chuyên môn và trong bản thân gia đình của trẻ em. Điều đáng nói là một số ít người (trong đó kể cả cán bộ) đã làm ngơ, bỏ qua, không dám phát hiện, đấu tranh với những hành vi thiếu trách nhiệm, gây tội ác, xâm hại đến tính mạng, nhân phẩm và tinh thần của trẻ em. Thậm chí một bộ phận hoặc vì hám tiền, hoặc vì lợi ích riêng đã gián tiếp hoặc trực tiếp lợi dụng, bóc lột, chà đạp lên thân thể, nhân phẩm trẻ em.

Sự thiếu hoàn thiện đồng bộ trong hệ thống luật pháp, cũng là nguyên nhân quan trọng dẫn đến sự chậm trễ, chưa nghiêm minh, chưa đúng mức... trong một số sự việc. Bộ luật hình sự chưa quy định đầy đủ những tội danh vi phạm, xâm hại đến nhân phẩm, thân thể, tinh thần của trẻ em ; khung hình phạt đối với một số tội danh vi phạm quyền trẻ em chưa đúng mức. Một điều dễ thấy về mặt lý luận, chúng ta còn thiếu nhiều

Digitized by Google

công trình nghiên cứu cơ bản về trẻ em ; về hoạt động thực tiễn đội ngũ làm công tác vì trẻ em từ trung ương đến cơ sở còn quá nhiều hạn chế.

Thời gian tới, để khắc phục những mặt tồn tại, bổ khuyết những điều Ủy ban quyền trẻ em của Liên hợp quốc khuyến nghị, chúng ta một mặt cần kịp thời hoàn thiện hệ thống luật pháp, xây dựng đồng bộ các văn bản dưới luật để tạo ra cơ sở pháp lý cho việc thực hiện các quyền trẻ em. Mặt khác phải phát huy những kết quả, kinh nghiệm tốt để đẩy mạnh hơn nữa việc thi hành các chính sách đã có nhằm giải quyết các nhu cầu bức thiết của trẻ em và phụ nữ.

Kiểm điểm 5 năm thi hành Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em, 4 năm thi hành Chỉ thị của Ban bí thư trung ương Đảng về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc giáo dục trẻ em là một dịp tốt để mở rộng các cuộc vận động toàn xã hội chăm sóc và bảo vệ trẻ em. Sớm hình thành mạng lưới những người tình nguyện làm công tác xã hội bảo vệ trẻ em ở cấp cơ sở ; triển khai nhiều hình thức giáo dục đa dạng thích hợp cho cộng đồng, gia đình ; hình thành các trung tâm tư vấn kết hợp với hướng dẫn, tiến đến phối hợp trên quy mô địa bàn dân cư và rộng hơn là quy mô giữa các địa phương nhằm khảo sát, điều tra, phân tích nguyên nhân tình hình trẻ em liên quan đến các tệ nạn để xây dựng kế hoạch hành động. Tiến hành thường xuyên công tác truyền thông, vận động xã hội nâng cao nhận thức về vấn đề này ; lồng ghép tốt cuộc vận động xây dựng địa bàn dân cư do Mặt trận Tổ quốc chỉ đạo với cuộc vận động xây dựng gia đình "người lớn gương mẫu, trẻ em chăm ngoan" do Ủy ban bảo vệ và chăm sóc trẻ em phát động ; đặc biệt là thông báo những thủ đoạn mới, tinh vi của bọn tội phạm để nhân dân biết và cảnh giác.

Tìm tòi nhiều biện pháp bảo vệ trẻ em, bao gồm việc đưa vào bộ luật hình sự những tội danh xâm phạm đến đời sống yên lành của trẻ em dưới bất kỳ mục đích và vỏ bọc nào ; trừng phạt nặng những kẻ tội phạm, đồng thời thực hiện chính sách bảo vệ, phục hồi phẩm giá cho những trẻ em là nạn nhân của các tệ nạn này.

Tăng cường hơn công tác truyền thông, vận động xã hội, bổ sung thêm nhiều nguồn lực và nâng cao năng lực quản lý công tác trẻ em. Đặc biệt phải nâng tầm công tác kiểm tra, giám sát, theo dõi, đánh giá lên chất lượng mới, thực sự là công cụ quan trọng đối với việc thực hiện Công ước quốc quyền trẻ em và Luật bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em. ❑

KHOA HỌC TỰ NHIÊN...

(Tiếp theo trang 23)

tôi cho rằng đây là những cầu nối văn hóa giao lưu tiếp cận với khoa học thế giới mà nhà nước rất nên khuyến khích.

Xã hội truyền thống của ta hình thành từ nền sản xuất nông nghiệp trồng trọt. Vì vậy, tinh thần tập thể bình quân theo kiểu làng xã thì nhiều nhưng tinh thần hợp tác theo kiểu công nghiệp thì lại thiếu. Trong khi đó hiệu quả nghiên cứu khoa học lại đòi hỏi rất cao sự hợp tác. Không phải ngẫu nhiên mà Hàn quốc đã chủ trương : "Hoan nghênh sự hợp tác, phản đối chủ nghĩa tập thể". Tình hình thực tế ở các tổ chức khoa học ở nước ta cho thấy sự hợp tác còn yếu kém.

Lịch sử phát triển của đất nước cho thấy dân tộc ta có truyền thống tiếp thu các tinh hoa của các nền văn hóa khác một cách sáng tạo. Phong trào Duy tân đầu thế kỷ của các nhà Nho đã để lại nhiều bài học tốt về việc xem xét tự phê phán để loại bỏ những gì không thích hợp trong văn hóa truyền thống. Trước những yêu cầu phát triển của đất nước trong giai đoạn hiện nay, có lẽ cũng nên xem xét lại những gì là bất cập trong văn hóa truyền thống cản trở việc tiến lên của xã hội, điều chỉnh lại nhận thức về khoa học tự nhiên như một bộ phận của nền văn hóa dân tộc hiện đại chứ không phải chỉ đơn thuần như một công cụ để tiếp thu kỹ thuật.❑

Digitized by Google

VÀI SUY NGHĨ VỀ MỐI QUAN HỆ GIỮA TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ VÀ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI HIỆN NAY

BÙI ĐÌNH THANH *

TRONG đời sống quốc tế hiện đại, vấn đề tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội đã trở thành một trong những mối quan tâm hàng đầu của các nước trên thế giới.

Quyết định của Liên hợp quốc tại Hội nghị thượng đỉnh các nước trên thế giới ở Cô-pen-ha-ghen về những vấn đề xã hội toàn cầu hồi tháng 3-1995 đã khẳng định rằng bản thân sự tăng trưởng kinh tế không mang lại hạnh phúc cho con người, nếu không lấy phát triển xã hội làm mục tiêu, không đặt con người vào vị trí trung tâm của phát triển.

Trong Báo cáo chính trị trình bày tại Đại hội VIII, một lần nữa Đảng ta nhấn mạnh quan điểm đã được nêu trong các Đại hội VI và Đại hội VII : "Tăng trưởng kinh tế phải gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và trong suốt quá trình phát triển".

Thực tế phát triển của xã hội ta cho thấy không thể đưa ra các chính sách xã hội một cách tùy tiện theo ý muốn chủ quan. Chính sách xã hội phải tuân theo những nguyên tắc, những quy luật khách quan và đặc thù của nó. Sự hiểu biết các quy luật này là hết sức quan trọng đối với việc hoạch định, hoàn thiện và thực thi các chính sách xã hội. Vấn đề nổi lên hàng đầu là sự nhận thức và giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa nhân tố kinh tế và nhân tố xã hội, giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội. Nó là cơ sở phương pháp luận quan trọng đối với việc soạn thảo và thực hiện những nhiệm vụ cụ thể của chính sách xã hội.

Đặc điểm cơ bản của mối quan hệ giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội là sự *thống nhất biện chứng* giữa hai chính sách. Mỗi chính sách kinh tế đều nhằm những mục tiêu xã hội nhất định và ngược lại, mỗi chính sách xã hội đều dựa trên một cơ sở kinh tế nhất định. Việc nâng cao đời sống vật chất, văn hóa và tinh thần của xã hội, việc đáp ứng những nhu cầu ngày càng cao của con người là mục tiêu cao nhất của sự phát triển kinh tế. Trình độ phát triển của kinh tế là điều kiện vật chất để thực hiện các mục tiêu xã hội. Chỉ có thực hiện tốt chính sách kinh tế mới có thể nâng cao cơ sở vật chất để thực hiện chính sách xã hội. Sự kết hợp giữa mặt kinh tế và mặt xã hội là hết sức quan trọng trong công tác thực tế của các cơ quan hoạch định chính sách. Điều đó thể hiện qua việc chuẩn bị và thẩm tra thực nghiệm đối với các dự thảo nghị quyết, các dự án chính sách, trong việc lựa chọn những phương án tối ưu để lãnh đạo các quá trình kinh tế - xã hội, trong việc dự đoán những kết quả về mặt xã hội của những quyết định về mặt kinh tế, thậm chí về cả các mặt chính trị, tư tưởng. Trong đời sống vật chất và tinh thần của xã hội, con người đóng vai trò chủ thể sáng tạo rất lớn. Chính sách xã hội *công bằng, hợp lý, tiến bộ* tạo ra động lực để thực hiện tốt chính sách kinh tế. Sự kích thích vật chất đúng đắn đối với người lao động vừa là điều kiện thỏa mãn những nhu cầu chính đáng của họ, vừa khuyến khích, động viên họ phát huy tính tích cực và sáng tạo trong lao động, sản xuất. Thực tế cho thấy chính sách xã hội tốt tác động rõ rệt đến việc thực hiện các mục tiêu kinh tế, năng suất và chất lượng lao động.

* GS, Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia

Digitized by Google

Sự thống nhất giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội còn thể hiện ở chỗ : xét đến cùng, chính sách xã hội bao giờ cũng không thể thoát ly được mức độ và trình độ phát triển kinh tế mà xã hội đã đạt được. Tuy nhiên, không nên nhận thức vấn đề này một cách máy móc. Một nước nào đó có thể có nền kinh tế phát triển, nhưng nhân dân vẫn gặp nhiều khó khăn trong đời sống, do chưa có những chính sách xã hội đúng đắn. Ngược lại, có nước mặc dù kinh tế chưa phát triển ở mức cao, nhưng do giải quyết tốt nhiều vấn đề công bằng xã hội, do huy động được tiềm lực của toàn dân vẫn có thể tạo nên một cuộc sống ấm no, hạnh phúc cho nhân dân. Điều đó phụ thuộc trước hết vào bản chất của chế độ xã hội - chính trị, vào năng lực và phẩm chất lãnh đạo của nhà nước với khả năng tạo điều kiện cho việc kết hợp tối ưu sự phát triển kinh tế với việc thỏa mãn ngày càng cao những nhu cầu của xã hội, hướng sự tiến bộ xã hội vào sự phát triển toàn diện của cá nhân con người. Trong thực tế của đời sống xã hội, không phải bất cứ ở đâu, bất cứ lúc nào cũng đạt tới một sự ăn khớp hoàn toàn, một sự kết hợp hoàn hảo giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội, vì cuộc sống mang tính năng động rất lớn, làm cho xã hội biến đổi rất nhanh, trong đó có những tình huống bất ngờ không thể nào lường hết được. Thực tiễn xã hội luôn luôn bỏ xa các nhà hoạch định chính sách và nếu không cải cách bộ máy quan liêu nặng nề, phiền toái thì khoảng cách đó ít có khả năng thu hẹp lại.

Ở nước ta, trong một thời gian khá dài, cả về mặt nhận thức và thực tiễn, chưa có sự kết hợp tốt giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội. Đại hội VI của Đảng đã thừa nhận thiếu sót đó và vạch ra đường lối để sửa chữa. Song, từ nghị quyết đến cuộc sống, việc thực hiện không phải đơn giản, dễ dàng. Nhiều kỳ họp của Ban chấp hành trung ương Đảng, Quốc hội và Chính phủ từ sau đó đến nay đều nghiêm túc đánh giá những vấn đề xã hội cấp bách chậm được giải quyết, thậm chí một số lĩnh vực còn sa sút nghiêm trọng hơn.

Tìm nguyên nhân của tình trạng này, không ít người thường chỉ đổ lỗi cho tác động tiêu cực của nền kinh tế thị trường. Tuy nguyên nhân này là có thật, nhưng không phải là chủ yếu. Nếu chúng ta chấp nhận lập luận đó thì lô gích tất yếu sẽ là kinh tế thị trường càng phát triển, giáo dục của ta càng co lại, càng thụt lùi ư ? Thực tế của các nước xung quanh ta không chứng minh lập luận đó là đúng, mà chứng minh nguyên nhân chủ yếu là chưa quan tâm đúng mức, thậm chí còn buông lỏng lãnh đạo trong sự nghiệp phát triển giáo dục.

Trở lại lịch sử, ngay từ thế kỷ XV, nhà nước phong kiến đã khẳng định tầm quan trọng của giáo dục (giống như ngày nay được xem là quốc sách). Bia tiến sĩ khoa thi Nhâm Tuất (1442) do tiến sĩ Thân Nhân Trung ghi rõ : "Tô điểm cơ đồ, mở mang giáo hóa cho đời thịnh trị, sửa sang chính trị, sắp đặt giáo hóa nhân dân, gây phong tục tốt cũng là nhờ ở đó (tức là nhờ giáo dục và thi cử). Hiền tài là nguyên khí của quốc gia, nguyên khí thịnh thì nước mạnh rồi lên cao, nguyên khí suy thì thế nước yếu rồi xuống thấp".

Nếu quan điểm và nhận thức của chúng ta là : tương lai của đất nước tùy thuộc hoàn toàn vào chiến lược con người thì vai trò của giáo dục là quan trọng hơn cả. Đầu tư cho giáo dục là con đường tất yếu để phát triển đất nước. Trong những năm trước đây, dù còn nghèo, ta đã làm được điều đó và được thế giới đánh giá cao. Ngày nay, chính chúng ta đang làm sứt mẻ truyền thống quý báu đó.

Sự kết hợp giữa kinh tế và xã hội trong việc hoạch định chính sách phải được hình thành ngay từ đầu trong tư duy của các cơ quan và những người có trách nhiệm hoạch định chính sách ; thậm chí việc suy nghĩ, dự kiến những vấn đề xã hội nảy sinh còn phải đi trước một bước khi chuẩn bị đưa ra một đề án xây dựng kinh tế hoặc một chính sách kinh tế. Nếu không làm như thế, có thể phải trả giá cho những phản ứng về mặt tâm lý xã hội không đáng có. Đã có nhiều sự kiện minh họa cho điều nói trên, điển hình như việc xây dựng công trình thủy điện

Digitized by Google

sông Đà, do không chú ý đầy đủ ngay từ đầu để có những giải pháp cơ bản ổn định đời sống nhân dân vùng lòng hồ, nên họ đã gặp rất nhiều khó khăn khi phải thay đổi môi trường sinh sống. Bài học này chắc chắn sẽ được các nhà hoạch định chính sách quan tâm, bởi đất nước ta đang và sẽ còn xây dựng nhiều công trình thủy điện lớn như ở Sơn la, Tây nguyên...

Khi chúng ta nhấn mạnh đến mối quan hệ giữa chính sách xã hội với chính sách kinh tế, thì không vì thế mà coi nhẹ mối quan hệ giữa chính sách xã hội với chính sách chính trị và chính sách văn hóa. Cần bảo đảm mối quan hệ hữu cơ giữa thể chế chính trị, chính sách kinh tế và chính sách xã hội. Các mặt chính trị, kinh tế và xã hội có phạm vi tương đối độc lập, nhưng thường thể hiện xen kẽ, thâm nhập vào nhau và có ảnh hưởng sâu sắc đến nhau. Các chính sách đề ra đúng đắn sẽ cân đối các quan hệ này. Thể chế chính trị dân chủ đúng mức sẽ thúc đẩy kinh tế phát triển hài hòa, làm cho xã hội phồn vinh và ổn định ; kinh tế càng phát triển đúng đắn thì sẽ tạo ra những điều kiện cần thiết để bảo đảm công bằng xã hội, thể chế chính trị vững mạnh hơn.

Phải dự kiến hết tác dụng tích cực hoặc tiêu cực về mặt xã hội của các thể chế chính trị và của chính sách kinh tế. Ngược lại, chính sách xã hội phải góp phần tăng cường tính ưu việt của thể chế chính trị và phát huy hiệu lực của chính sách kinh tế. Ở nước ta, nhà nước về bản chất là nhà nước của dân, do dân và vì dân. Ý chí và mong muốn của nhà nước ta là có những chính sách xã hội đem lại sự ổn định và phát triển xã hội theo lý tưởng "tất cả vì cuộc sống hạnh phúc của con người" được các cộng đồng trong xã hội đồng tình và góp phần thực hiện. Do đó, đối với các nhà hoạt động chính trị, lãnh đạo và quản lý đất nước, mỗi chính sách xã hội đặt ra đều bao hàm những nội dung chính trị nhất định. Xét theo quan điểm đó thì những vấn đề lớn của đất nước đang được đặt ra trong thời kỳ đổi mới, như mối quan hệ giữa phát triển lực lượng sản xuất và củng cố quan hệ sản xuất, mối quan hệ giữa thành thị và nông thôn, mối quan hệ giữa phát triển nguồn vốn trong nước và tranh thủ vốn đầu tư của nước ngoài không chỉ có nội dung kinh tế mà còn bao hàm ý nghĩa chính trị rất quan trọng.

Một liên hiệp xí nghiệp dệt Nam định tan vỡ không chỉ ảnh hưởng về mặt kinh tế, mà còn tác động mạnh về mặt chính trị, tâm lý, tình cảm của cả một thành phố lớn, đòi hỏi Đảng và Nhà nước phải có ngay một loạt các chính sách đồng bộ về kinh tế, chính trị, xã hội, tổ chức nhằm tạo điều kiện cho xí nghiệp từng bước vượt qua khó khăn để tiến lên. Trong mối quan hệ giữa chính sách xã hội và chính sách chính trị, trước hết cần thấy rõ mối quan hệ trực tiếp giữa các chính sách xã hội với bốn nguy cơ mà Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII của Đảng đã chỉ ra. Việc đề ra các chính sách xã hội đúng đắn và thực thi chúng có hiệu quả sẽ trở thành một động lực to lớn, đoàn kết được toàn dân tộc. Đó chính là chính sách đại đoàn kết dân tộc của Đảng và Nhà nước ta thể hiện trong nội dung Nghị quyết 07 của Bộ chính trị. Chính sách đó đang đi vào cuộc sống, góp phần quan trọng ổn định xã hội, bước đầu phát huy mọi tiềm lực vật chất, tinh thần, tài năng của các tầng lớp nhân dân, tạo nên sức mạnh tổng hợp có khả năng khắc phục từng bước nguy cơ tụt hậu về kinh tế, phòng ngừa việc đi chệch hướng mục tiêu chủ nghĩa xã hội ; có khả năng phát động được khí thế của toàn dân đấu tranh có hiệu quả chống quan liêu, tham nhũng, buôn lậu, lãng phí. Kết quả tốt đẹp của những chính sách xã hội cũng là bức thành đồng vững chắc ngăn chặn và làm thất bại mọi âm mưu và thủ đoạn "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch hòng phá hoại sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc ta.

Điểm cần nhấn mạnh : chính sách xã hội là sản phẩm của hệ tư tưởng và đường lối, chiến lược chính trị của một giai cấp, của một chế độ xã hội - chính trị nhất định. Hệ thống chính trị, cơ chế chính trị vừa là cơ sở có ý nghĩa quyết định, vừa là hình thức biểu hiện và công cụ thực hiện những mục tiêu xã hội, còn chính sách xã

Digitized by Google

hội lại là sự phản ánh tập trung những quan điểm và tư tưởng cơ bản của hệ thống chính trị và cơ chế chính trị. Trong lĩnh vực này, không thể có sự lẫn lộn giữa việc mở rộng và tăng cường mối quan hệ giữa nhà nước ta và các nhà nước theo chủ nghĩa tư bản với việc phải bảo đảm thể hiện rõ rệt bản chất tốt đẹp của chế độ xã hội - chính trị của nước ta qua các chính sách xã hội.

Khi nước ta chuyển sang nền kinh tế nhiều thành phần, hoạt động theo cơ chế thị trường, có nhiều ý kiến đề cao mô hình của một số nước Tây Âu về các chính sách phúc lợi xã hội đối với người lao động. Trên thực tế, chúng ta không phủ nhận những kết quả về mặt phúc lợi xã hội mà giai cấp công nhân và những người lao động ở các nước tư bản phát triển đã được hưởng. Nhưng, cũng đừng quên rằng đó là kết quả của kinh tế phát triển đến trình độ cao và là kết quả đấu tranh hàng thế kỷ của giai cấp công nhân và nhân dân lao động những nước đó buộc các nhà nước tư bản phải vì bản thân họ mà điều chỉnh lợi ích của giai cấp tư sản và những người lao động.

Tuy nhiên, không vì thế mà các xã hội tư bản giải quyết được những vấn đề kinh tế - xã hội cơ bản nhiều khi bùng nổ gay gắt, như vấn đề thất nghiệp trầm trọng. Do đó, khi kinh tế ở các nước đó suy thoái hoặc khủng hoảng thì giai cấp công nhân và những người lao động là những nạn nhân đầu tiên phải chịu hậu quả của việc cắt giảm nhiều phúc lợi xã hội. Ở Pháp, chương trình của chính phủ dự định cắt giảm 77 tỉ phơ-răng về các khoản phúc lợi xã hội đối với công nhân, lao động, người về hưu, sinh viên đã làm dấy lên trong những tháng 10 đến 12-1995 các cuộc bãi công rộng lớn, kéo dài của công nhân, lao động trên toàn nước Pháp cùng với phong trào đấu tranh của sinh viên. Còn ở nước Mỹ, chúng ta biết rằng chỉ sau cuộc đại khủng hoảng kinh tế những năm 30, đến năm 1936 mới có Luật bảo hiểm xã hội và cho đến nay, theo báo L'événement du Jeudi (Sự kiện ngày thứ năm) ngày 15-12-1994, có tới 30 triệu người Mỹ làm việc ở các xí nghiệp vừa và nhỏ không được bảo hiểm y tế vì quá đắt. Ngay đối với tình hình Thụy điển, việc nhà nước đánh thuế thu nhập cao để điều tiết lợi nhuận của chủ tư bản và tăng phúc lợi của người lao động đến một mức nào đó cũng không tránh được hậu quả là tính năng động của người lao động ít được kích thích, năng suất lao động giảm, tốc độ phát triển sản xuất chậm, tính cạnh tranh trên thị trường thế giới giảm sút, dẫn đến Đảng xã hội dân chủ mất quyền lãnh đạo.

Những năm gần đây, người ta nói nhiều đến sự tăng trưởng kinh tế của bốn con rồng châu Á (Đài loan, Hàn quốc, Hồng công, Xin-ga-po) xem đó như một mô hình cho các nước đang phát triển học tập. Những thành tựu nổi bật của các nước đó rất đáng được nghiên cứu trân trọng, nhưng như tài liệu của "Trung tâm nghiên cứu ba châu" vạch rõ : "Không nên quên rằng để có những thành tựu đó, cũng đã có những hành động duy trì tuần lao động nhiều giờ, đàn áp công nhân lao động, hạn chế vai trò của công đoàn trong một thời gian dài. Ở Hàn quốc, từ năm 1987 đến 1990, có tới 7 000 cuộc bãi công của công nhân, trung bình mỗi ngày 6,5 cuộc. Phong trào đấu tranh đòi hỏi dân chủ cũng thường xảy ra" (1)

Mối quan hệ giữa chính sách kinh tế, chính sách xã hội và chính sách văn hóa ngày càng có ý nghĩa quan trọng. Nhân tố văn hóa trong những năm gần đây được nhiều nhà nghiên cứu trên thế giới quan tâm. Mô-ri-xơ Gô-đơ-li-ê, nhà nhân học Pháp đưa ra nhận định khái quát : Nếu thế kỷ XX là của con người kinh tế, thì thế kỷ XXI sẽ là của con người văn hóa. Những thập kỷ gần đây, phương Tây bế tắc và thất vọng trước tình trạng chủ nghĩa cá nhân được đẩy đến cao độ và lối sống ngày càng thiên về chủ nghĩa vật chất dẫn đến sự tan vỡ những quan hệ cộng đồng xã hội và sự tha hóa của con người ngày càng sâu sắc đã quay về tìm lối thoát trong những nền văn hóa phương Đông. Đề cao việc trở lại văn hóa phương Đông,

(Xem tiếp trang 36)

(1) Centre tricontinental, Série Documentaire, 44, tr 16 Lorwain La Neuve, Bỉ, 1992

Digitized by Google

KHOA HỌC TỰ NHIÊN VÀ VĂN HÓA TRUYỀN THỐNG

NGUYỄN VĂN TRỌNG *

LỊCH sử văn minh nhân loại ghi nhận bước tiến hóa quan trọng với sự xuất hiện nhóm người có nghề nghiệp trí tuệ mà sử sách gọi là các nhà thông thái. Những người này không trực tiếp tạo ra của cải vật chất mà hướng hoạt động của mình vào việc tìm hiểu thế giới con người và vật chất xung quanh. Trong các nỗ lực nghiên cứu của mình, họ tạo ra những sản phẩm tinh thần cho cộng đồng xã hội. Họ là lớp người mà ngày nay ta gọi là các nhà khoa học.

Các nhà hiền triết phương Đông xuất phát từ quan niệm "thiên nhân hợp nhất", tìm kiếm sự hài hòa của con người và vũ trụ như một tổng thể. Từ đó họ nhấn mạnh mặt đạo đức của con người mà coi nhẹ tính duy lý, và trên thực tế không coi trọng tri thức và hoạt động nhận thức của con người. Trái lại, nền văn hóa phương Tây đề cao tính duy lý, xem con người là chủ thể sử dụng trí lực của mình để nhận thức và lý giải thế giới xung quanh. Các nỗ lực nghiên cứu của họ dẫn đến sự ra đời của các ngành khoa học tự nhiên như toán học, vật lý học, hóa học và sinh vật học. Những tri thức thu nhận được của các ngành khoa học này đã tạo nên các cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật trong sản xuất, biến nhiều nước phương Tây thành các cường quốc công nghiệp.

Các nước phương Đông tiếp thu học tập các ngành khoa học tự nhiên có lẽ chỉ với mục đích thực dụng nhằm đối phó với sức mạnh quân sự và công nghiệp của các nước đế quốc. Trong cuộc vận động cải cách ở Trung quốc hồi đầu thế kỷ, nhiều người đã đề ra chủ trương "Đông học vi thể, Tây học vi dụng". Chỉ sau thời gian dài người ta mới ý thức được tầm quan trọng của việc đưa các ngành khoa học tự nhiên hòa nhập vào nền văn hóa dân tộc nhằm mục đích hiện đại hóa đất nước.

Nhìn vào lịch sử tiếp thu và phát triển các ngành khoa học tự nhiên của nước ta có thể thấy nhiều cái nhìn thiếu chuẩn xác do sự khác biệt về truyền thống văn hóa dẫn đến những bước thăng trầm rõ rệt của khoa học tự nhiên trong thang bậc giá trị mà dư luận xã hội dành cho nó.

Thời gian đầu các nhà khoa học tự nhiên được xã hội trọng vọng, xem như những người nắm trong tay bí quyết xây dựng nền công nghiệp hiện đại. Trong sự trọng vọng này có phần trông đợi quá cao ở các nhà khoa học, coi họ là những người "tiên tri, tiên giác" có sẵn lời giải đáp cho mọi câu hỏi liên quan đến thế giới tự nhiên và các quy trình công nghệ. Hình như có lúc người ta tưởng rằng nếu có một vài nhà vật lý trình độ cao là có thể có bom nguyên tử, có công nghệ vi điện tử hiện đại. Sự thực quan niệm nhà khoa học là biết - tất - cả chỉ thích hợp với thời xa xưa, không còn phù hợp với hiện tại. S.W Ha-kin, một nhà vật lý lý thuyết nổi tiếng đương thời, viết : "Thời Niu-tơn một người có giáo dục rất có thể nắm được toàn bộ kiến thức của nhân loại, ít nhất là trong những nét cơ bản. Song sau đó nhịp độ phát triển của khoa học làm cho khả năng trên không còn nữa... và dẫu là một chuyên gia, bạn cũng chỉ hy vọng nắm bắt được một phần các lý thuyết khoa học. Ngoài ra, khoa học tiến nhanh đến mức mà những kiến thức thu nhận được ở học đường cũng luôn luôn bất cập với thời đại". Như vậy, một nhà khoa học của thời nay không thể cho lời giải đáp có thẩm quyền về mọi vấn đề giống như những nhà thông thái thời xưa.

Các nhà khoa học và các chuyên gia công nghệ có mục đích chuyên môn không giống nhau, tuy khá gần gũi với nhau : các nhà khoa học hướng hoạt động chuyên môn chủ yếu vào mục đích nhận thức, trong khi các chuyên gia công nghệ nhắm vào kết quả ứng dụng nhiều hơn. Mối tương quan giữa khoa học và hiệu

* GS, TS, Viện vật lý - Chi nhánh ở TP Hồ Chí Minh

Digitized by Google

quả ứng dụng là một vấn đề rất khó khăn, gây nhiều tranh cãi ngay cả ở những nước đã có nền khoa học và công nghệ phát triển. Xin trích dẫn ý kiến của nhà vật lý Liên xô P. Ca-pít-xa (giải thưởng Nôben) bàn về vấn đề này trong một bức thư gửi người đứng đầu nhà nước hơn bốn chục năm trước đây : "... Người ta thường cho rằng nhiệm vụ chính của khoa học là giải quyết các khó khăn bức thiết đứng trước nền kinh tế quốc dân. Tất nhiên khoa học phải làm cái đó, nhưng đó không phải là cái chủ yếu. Nền khoa học thực sự tiên tiến là nền khoa học nghiên cứu tính quy luật của thiên nhiên quanh ta, tìm kiếm và tạo ra những phương hướng mới về nguyên tắc trong việc phát triển văn hóa vật chất và tinh thần của xã hội. Nền khoa học tiên tiến không chạy theo sự sai khiến của thực dụng mà tự mình tạo ra những phương hướng mới trong phát triển văn hóa và bằng cách đó thay đổi hình thái sinh hoạt của chúng ta. Tôi đang nói về những phương hướng mới mẻ một cách cơ bản được khoa học tạo nên, thí dụ như vô tuyến điện hồi trước, năng lượng nguyên tử và các chất kháng sinh ngày nay. Những phương hướng này được tạo nên trên cơ sở những phát kiến và lý thuyết khoa học mới được thực hiện trong các phòng thí nghiệm và không dính dáng gì đến các đòi hỏi thực dụng hằng ngày. Cố nhiên giải quyết những vấn đề này liên quan chặt chẽ đến những đòi hỏi của cuộc sống, nhưng mối liên quan này không phải tầm thường hiển nhiên. Điều đó thấy rõ được, ít nhất cũng vì thông thường thoạt tiên chỉ các nhà "bác học" mới dần dần hiểu được và đánh giá đúng mối liên quan ấy, còn các nhà "thực dụng" thì phải sau đó rất lâu...".

Sau mấy trăm năm phát triển, nền khoa học và công nghệ của các nước phương Tây đã đạt được trình độ rất cao trong việc phối hợp hoạt động của các "binh chủng" khác nhau của khoa học và công nghệ để tạo nên các sản phẩm có giá trị đem lại hiệu quả lớn cho xã hội. Khoa học không còn là công việc của một số nhà khoa học riêng lẻ. Công việc tổ chức và quản lý cũng như đầu tư vật chất cho khoa học và công nghệ có tầm quan trọng đặc biệt, quyết định tính hiệu quả của nó đối với xã hội.

Các nước chậm phát triển cũng có thể đạt được thành tích khoa học và công nghệ trong những lĩnh vực chọn lựa nhất định. Theo báo chí cho biết thì Cu ba có nhiều thành tựu về y sinh học đạt trình độ quốc tế ; Bắc Triều tiên làm cho chính phủ Mỹ phải lo lắng về tiềm lực hạt nhân của họ.

Thời gian qua nước ta tuy có một đội ngũ cán bộ chuyên môn được đào tạo khá bài bản nhưng vẫn chưa có một thành tựu nào tương tự như y sinh học của Cu ba và công nghệ hạt nhân của Bắc Triều tiên. Phải chăng do chúng ta chưa có được một chính sách khoa học và công nghệ đúng đắn, chưa đầu tư thích đáng và chưa ý thức được đầy đủ tầm quan trọng của công việc tổ chức và quản lý ?

Bước vào kinh tế thị trường, các ngành khoa học tự nhiên không còn được trọng vọng như trước nữa, lực lượng trẻ ưu tú của xã hội đổ xô vào các ngành học thực dụng. Trong khi đó có ý kiến phát biểu là trường đại học của ta phải dạy cái mà xã hội cần chứ không dạy cái mà ta có khả năng dạy. Ý kiến này khiến cho nhiều người nghĩ rằng cái mà ta có khả năng dạy nhưng xã hội không cần đó chính là các ngành khoa học cơ bản. Sự thiển cận của cách hiểu như thế là khá hiển nhiên. Tuy nhiên, những yếu kém của chúng ta trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và thái độ quay lưng lại của thanh niên đối với các ngành chuyên môn này cũng có cội nguồn từ những bất cập trong truyền thống văn hóa của chúng ta.

Để tránh những hiểu lầm không cần thiết, trước hết cần khẳng định rằng dân tộc ta có truyền thống thông minh, nhạy bén trong việc tiếp thu tinh hoa văn hóa của các dân tộc khác mà vẫn giữ được bản sắc của mình. Người Việt theo học các ngành khoa học tự nhiên ở các đại học phương Tây đạt nhiều kết quả rất khả quan và được đánh giá cao về khả năng tiếp thu, ngay cả trong các ngành học phức tạp nhất. Tuy nhiên chúng tôi cũng muốn lưu ý đến những khiếm khuyết trong truyền thống văn hóa của ta làm trở ngại cho việc phát triển các ngành khoa học tự nhiên.

Digitized by Google

Ai cũng biết dân tộc ta có truyền thống hiếu học. Song có lẽ sự hiếu học truyền thống của người Việt nam phần lớn không phải bắt nguồn từ lòng say mê hiểu biết mà từ truyền thống Nho giáo coi mục đích cuộc đời là học, thi đỗ, làm quan. Do vậy, tùy theo thời thế người ta đổ xô vào học cái gì giúp cho người ta dễ ra "làm quan" (chỗ làm tốt) hơn cả. Xã hội truyền thống Việt nam lại rất trọng tước vị, giàu của mà không có tước vị thì vẫn bị coi khinh. Vì thế mà người ta quá chú trọng đến bằng cấp, học hàm, học vị.

Giáo sư Trần Đình Hượu đã nhận xét rằng sách vở của các nho sĩ Việt nam để lại "thường ít nhằm bàn tranh biện về đạo lý, kinh điển mà ngoài phần văn chương thường chỉ là *phu thuyết, toát yếu, làm nhiệm vụ tóm tắt, giảng giải cho học trò nắm vững để đi thi*" (NVT viết đậm). Cụ Huỳnh Thúc Kháng đả kích lối học khoa cử triều Nguyễn đã đặc biệt chỉ trích việc Bùi Huy Bích làm sách Ngũ kinh tiết yếu tóm tắt Ngũ kinh cho các sĩ tử dùng để đi thi, khuyến khích cách học khuôn sáo, nhồi sọ, không phát huy óc sáng tạo của người học. Cụ Huỳnh cũng cảnh báo rằng cái lối học khoa cử hủ bại đó không phải một sớm một chiều mà chùi sạch đi được. Các sách bộ đề thi của chúng ta bây giờ e rằng cũng có hơi hướng sách tiết yếu của Bùi Huy Bích ngày xưa !

Cần phải nhấn mạnh rằng các ngành khoa học tự nhiên là sản phẩm của trí tuệ sáng tạo và tư duy lô gích. Nội dung của các môn học chẳng những cung cấp cho người đọc những kiến thức cần thiết mà còn dạy cho người học phương pháp luận đúng đắn để thấu hiểu chân lý khách quan. Chính điều này là hết sức quan trọng cho việc nâng cao dân trí - một điều kiện tối cần thiết của hiện đại hóa đất nước.

Nếu như mặt bằng dân trí là cơ sở để phát triển khoa học và công nghệ thì vai trò dẫn dắt của các nhà khoa học công nghệ đầu đàn có ý nghĩa sinh tử trong việc bứt phá thoát ra khỏi tình trạng tụt hậu của đất nước. Song nhân tài trong khoa học tự nhiên có các đặc thù văn hóa của nó. Khoa học tự nhiên đòi hỏi có một thái độ tuyệt đối trọng thị chân lý khách quan. Một khẳng định mâu thuẫn với thực tại phải bị bác bỏ bất chấp uy tín của người rao giảng nó. A-rít-xtốt từng khẳng định rằng tốc độ của vật rơi tỷ lệ với khối lượng của nó. Khoa học bác bỏ khẳng định này trên cơ sở thực nghiệm mặc dù A-rít-xtốt có uy tín rất lớn lao. Truyền thống tôn trọng cương thường của phương Đông không dễ dàng dung hợp với đòi hỏi này. P. Ca-pít-xa cũng nhận xét rằng nhân tài là người không bằng lòng với hiện trạng khoa học và muốn thay đổi nó. Vì vậy nhân tài thường là những người có tính cách gai góc mà quản lý những người như thế để họ phát huy tài năng phục vụ xã hội lại không phải là việc dễ dàng.

Khoa học tự nhiên ngày nay là lĩnh vực rộng mở trong việc giao lưu văn hóa giữa các dân tộc trên thế giới. Các nhà khoa học tự nhiên là những người khát khao tìm kiếm chân lý khách quan, sẵn sàng chấp nhận kết quả tìm tòi của mình dù nó khác biệt với những gì họ chờ đợi. Bởi vậy họ thường là những người ít thành kiến chủng tộc và chính trị. Nếu chúng ta có nhiều nhà khoa học trình độ cao, được giao lưu hợp tác với các nhà khoa học hàng đầu của các nước phát triển thì đó sẽ là những đầu cầu giúp nền khoa học nước ta nhanh chóng đạt trình độ thế giới. Sau Cách mạng Tháng Mười A.Io-phe được giao nhiệm vụ xây dựng ngành vật lý cho Liên xô. Ông vốn là học trò của W.Rơn-gen, có quan hệ khoa học thân thiết với các nhà vật lý hàng đầu của phương Tây hồi đó như M.Qui-ri, N.Bo, E.Ra-thơ-phớt... Thông qua các mối quan hệ này mà nhiều tài năng vật lý của Liên xô được gửi tới làm việc tại các phòng thí nghiệm và đào tạo ở những trường phái khoa học tốt nhất thế giới hồi đó. Nhiều người sau đó đã trở thành những nhà khoa học có những cống hiến xuất sắc cho xã hội Xô viết như P.Ca-pít-xa, L.Lan-đao.

Chúng ta hiện nay cũng có một số nhà khoa học được mời sang hợp tác và làm việc tại nhiều cơ sở nghiên cứu của các nước phát triển. Do trình độ còn hạn chế và các mối quan hệ còn mới mẻ về thời gian nên họ chưa có được vai trò như A.Io-phe. Tuy nhiên chúng

(Xem tiếp trang 16)

Digitized by Google

THAM NHŨNG : NHẬN DIỆN TỪ CÁC KHÍA CẠNH PHÁP LÝ VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ MỚI

ĐÀO TRÍ ÚC *

HIỆN nay, cán bộ, đảng viên và nhân dân ta hết sức quan tâm đến cuộc đấu tranh chống tham nhũng. Đại hội lần thứ VIII của Đảng đã nhận định "nạn tham nhũng đang là một nguy cơ trực tiếp quan hệ đến sự sống còn của hệ thống chính trị" (1). Đại hội cũng đã đề ra nhiệm vụ "phải tiến hành đấu tranh kiên quyết, thường xuyên và có hiệu quả chống nạn tham nhũng trong bộ máy nhà nước, trong các ngành, các cấp từ trung ương đến cơ sở" (2). Như vậy, Đảng ta coi tham nhũng là mối nguy cơ xâm hại đến hệ thống chính trị và bộ máy nhà nước và việc đấu tranh chống tham nhũng phải bao gồm một loạt các giải pháp và biện pháp đồng bộ, thường xuyên. Để làm được như vậy, trước hết, phải nhận diện tệ nạn này. Ở đây, có hai việc cần làm là nhận diện từ *đặc tính* của tham nhũng, từ *tính chất* và *mức độ* của sự thiệt hại do các hành vi tham nhũng gây ra và nhận diện với nghĩa xác định cho được *các đặc trưng pháp lý* của các hành vi tham nhũng.

Đã có nhiều ý kiến, nhiều nhận định ở nhiều diễn đàn và công luận đề cập đến nguy cơ của nạn tham nhũng. Tuy vậy, không thể nói rằng, chúng ta đã biết đầy đủ về tính chất và mức độ nguy hại do các hành vi tham nhũng gây ra cho nhà nước, xã hội và nhân dân ta. Những nhận thức chung chung "tham nhũng là quốc nạn", "bọn tham nhũng rất nguy hiểm, xấu xa" v.v. không thể làm cho cuộc đấu tranh chống tham nhũng đạt kết quả. Bởi vì, ai cũng nghĩ tham nhũng ở chỗ khác chứ không phải ở cơ sở mình. Việc đấu tranh chống tham nhũng yếu kém là do người khác, cấp khác chứ không phải của mình, và đơn vị mình v.v.. Để đấu tranh có hiệu quả, cần có những số liệu hết sức xác thực và đầy đủ về nhiều mặt của nạn tham nhũng. Khoa học nghiên cứu về các tệ nạn xã hội, về các vi phạm pháp luật, nhất là tội phạm học đã tích lũy được khá nhiều phương pháp và công cụ khoa học để ghi nhận tính chất, đặc điểm và mức độ nguy hiểm của các hiện tượng "bệnh lý của xã hội". Tham nhũng cũng không nằm ngoài số các căn bệnh ấy. Do đó, cần dùng những "số đo" đã được coi là phổ biến ấy để chẩn đoán về tình hình tham nhũng. Đó là : Những đặc điểm khách quan ; những đặc điểm chủ quan ; tình trạng tham nhũng trong cơ cấu chung của các tội phạm ; mức tăng giảm tham nhũng theo thời gian ; cơ cấu của các hành vi tham nhũng.

Những đặc điểm khách quan là những thông số về hành vi tham nhũng đã xảy ra. Trước hết nó nói lên mức độ phổ biến của các hành vi tham nhũng. Những thông số như vậy cho phép chúng ta biết được những hành vi đó đã gây ra những thiệt hại như thế nào. Nhiều thống kê (chưa đầy đủ) cho thấy các tài sản của nhà nước, của nhân dân bị chiếm đoạt, bị thất thoát lớn hơn nhiều so với những vi phạm và tội phạm khác cộng lại. Nếu làm cho nhân dân biết được đầy đủ về những thiệt hại như vậy thì quyết tâm chống tham nhũng của mọi người sẽ cao hơn. Thiệt hại không chỉ được đo về kinh tế, vật chất mà còn về mặt tư tưởng, chính trị, đạo đức, lối sống. Các thông số cũng sẽ giúp chúng ta biết có bao nhiêu hành vi thuộc loại chủ động xâm hại, và bao nhiêu vi phạm thuộc loại bất hành vi, tức là không làm một chức trách, công vụ phải làm để gây tổn hại cho nhà nước, cho nhân dân.

Dấu hiệu khách quan còn có nghĩa là : có bao nhiêu hành vi tham nhũng đã mang lại

---

* GS, TS, Viện trưởng Viện nhà nước và pháp luật, Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia

(1), (2) : *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1996, tr 46

Digitized by Google

những hậu quả thực tế và có bao nhiêu hành vi ở dạng tạo ra nguy cơ dẫn đến những hậu quả tai hại ; có bao nhiêu hành vi chỉ là nhất thời ; còn bao nhiêu là hành vi liên tục, kéo dài ; các hành vi đó xảy ra trong những lĩnh vực nào, ở đâu v.v..

Các đặc điểm chủ quan, trước hết giúp chúng ta hiểu về chủ thể - kẻ tham nhũng : theo chức vụ, phạm vi công tác, lứa tuổi v. v.. Kẻ phạm lần đầu hay là kẻ tái phạm nguy hiểm v.v.. Kế đó là những chỉ số về động cơ, mục đích, mức độ lỗi v.v.. Tham nhũng là những hành vi lợi dụng địa vị công tác vì vụ lợi cá nhân - dù là lợi dụng thì chỉ có thể là thái độ cố ý. Tuy nhiên, cũng có lỗi cố ý đối với hành vi, nhưng có thể song song có lỗi vô ý đối với hậu quả xảy ra.

Tình trạng tham nhũng trong cơ cấu các vi phạm và tội phạm nói chung ở nước ta cũng chưa được phản ánh đúng mức ở các báo cáo, thống kê. Tất nhiên, khó khăn lớn nhất ở đây là sự lựa chọn các tiêu chí phân biệt tham nhũng với những gì không nằm trong phạm vi tham nhũng. Nếu chúng ta có được sự phân biệt rõ ràng thì mũi nhọn đấu tranh sẽ tập trung hơn, chính xác hơn và sắc bén hơn.

Gần với dấu hiệu này là những chỉ số về mức tăng, giảm (hay là động thái) của các hành vi tham nhũng. Động thái của tham nhũng có thể biểu hiện về mặt số lượng, tức là mức tăng giảm của các con số tuyệt đối (số lượng) và mức tăng giảm của tỷ lệ giữa các hành vi tham nhũng so với các vi phạm khác. Động thái về mặt tính chất là sự thay đổi theo thời gian của các hành vi tham nhũng xét theo những đánh giá về mức độ thiệt hại, về mức độ trắng trợn và các thủ đoạn tham nhũng v.v.. Theo dõi sự diễn biến như vậy rất cần thiết cho việc xác định các biện pháp đấu tranh. Chẳng hạn, cần có các biện pháp ngăn chặn tức khắc đối với những hành vi nhất thời nguy hiểm, nhưng cũng cần những biện pháp đối với các hành vi xảy ra một cách có hệ thống, lâu dài mà chưa có chiều hướng suy giảm.

Cấu trúc của tham nhũng thể hiện sự tương quan về lượng và chất như đã nói ở trên giữa các loại, nhóm hành vi tham nhũng khác nhau. Đó có thể là cấu trúc về loại hành vi (chẳng hạn, theo các nhóm tội được quy định tại phần các tội phạm của Bộ luật hình sự), cấu trúc theo chủ thể của các hành vi tham nhũng (nghề nghiệp, chức vụ, phạm vi hoạt động, lứa tuổi v.v..), cấu trúc theo địa bàn, lãnh thổ (có thể gọi là địa lý các vi phạm).

Nếu tình hình tham nhũng được phát hiện để rồi được đánh giá trên những thông số khoa học như vậy thì cuộc đấu tranh chống tham nhũng bằng những biện pháp khác nhau, kể cả các biện pháp pháp luật, sẽ mang lại hiệu quả cao.

Tuy nhiên, chúng ta phải thừa nhận những khó khăn mà cuộc đấu tranh này đã và đang gặp phải, những khó khăn bắt nguồn từ chính những đặc tính của các hành vi tham nhũng. Khó khăn thứ nhất là những hành vi tham nhũng thường bị che kín, ở trạng thái ẩn rất khó phát hiện. Nguyên nhân của sự kín đáo đó là do có sự liên kết, "gắn bó", giữa kẻ nhận hối lộ và người đưa hối lộ. Có khi kẻ đưa hối lộ do bị sách nhiễu, bức bách, nhưng cũng không hiếm các trường hợp có sự "muốn mất tiền", tức là được kẻ nhận hối lộ "vui lòng" nhận. Vì vậy, sự điều tra khám phá không mấy khi thành công. Những gì chúng ta biết được có thể nói chỉ là một phần nhỏ của một bức tranh rất tối và rất rộng. Những hành vi đó thay hình đổi dạng liên tục khiến "người thường" hay "mắt thường" không dễ dàng nhận ra được.

Một yếu tố thuộc về đặc điểm nữa của tham nhũng là *địa vị xã hội* của kẻ tham nhũng. Nếu như các vi phạm và tội phạm khác, yếu tố đó rất mờ nhạt, không đặt thành vấn đề, thì đối với tham nhũng, đây là yếu tố cơ bản và chính nó gây cản trở lớn cho việc nhận biết và điều tra, xét xử. Kẻ tham nhũng có thể (và đã luôn luôn) sử dụng lợi thế đó từ hai phía - phía cấp trên và phía cấp dưới hoặc dân thường - bởi sự nể trọng chức vụ và vị trí công tác mà Đảng, Nhà nước và nhân dân đã giao cho họ đảm trách. Đó là chưa kể đến sự bao che từ nhiều phía, với nhiều loại động cơ khác nhau.

Digitized by Google

Yếu tố khó khăn thứ ba trong việc phát hiện và đấu tranh chống tham nhũng là ở chỗ các vụ việc tham nhũng thường gắn liền với các phạm vi chuyên môn nghiệp vụ hoặc quản lý, mà để nhận ra sự tham nhũng cũng phải có chuyên môn về nghiệp vụ hoặc quản lý, nhiều khi đó còn là những quan hệ không chỉ có yếu tố trong nước mà còn có yếu tố nước ngoài hoặc quốc tế.

Vậy nên để phân tích đúng đặc điểm khách quan của tệ tham nhũng, chúng ta cần có những định hướng, nhận thức ở mức độ khái quát nhất. Nói cách khác, cần một khái niệm tổng quan về hành vi tham nhũng với những dấu hiệu pháp lý cơ bản nhất, đặc trưng nhất, có khả năng bao gồm được, "đại diện" được cho những đặc trưng của các hành vi tham nhũng thực tế đã và đang xảy ra ở nước ta. Đó là bước nhận diện tham nhũng cần phải thực hiện trước nhất. Tuy nhiên, phải thấy rõ một tình hình là cho đến nay, không chỉ ở nước ta mà ở các nước khác và thậm chí cộng đồng quốc tế cũng chưa có được một định nghĩa thỏa đáng về khái niệm tham nhũng.

Theo tài liệu hướng dẫn của Liên hợp quốc về cuộc đấu tranh quốc tế chống tham nhũng thì "tham nhũng - đó là sự lợi dụng quyền lực nhà nước để trục lợi riêng". Văn bản đó đã nói rõ hơn về tham nhũng với những hành vi như :

- Người có chức vụ, quyền hạn, trộm cắp, tham ô tài sản nhà nước ;

- Lợi dụng địa vị công tác để trục lợi riêng quá đáng thông qua việc sử dụng không chính thức địa vị chính thức của mình ;

- Tạo ra sự xung đột về thứ tự quan tâm giữa trách nhiệm đối với xã hội và lợi ích cá nhân để mưu cầu trục lợi [3]. Còn theo định nghĩa của Ban nghiên cứu của Hội đồng châu Âu thì tham nhũng bao gồm hành vi hối lộ và bất kỳ một hành vi nào khác của những người được giao thực hiện một trách nhiệm nào đó trong khu vực nhà nước hoặc khu vực tư nhân nhưng đã vi phạm trách nhiệm được giao để thu bất kỳ một thứ lợi bất hợp pháp nào cho cá nhân hoặc cho người khác.

Như vậy, trong các cộng đồng quốc tế, khái niệm tham nhũng cũng có những độ rộng khác nhau. Tuy nhiên, lõi của các khái niệm vẫn là *ba yếu tố* không thể vắng được. Đó là : *vị trí công tác được giao* ; *sự lợi dụng vị trí đó* ; *có mục đích vụ lợi* (cho mình hoặc cho ai đó).

Từ góc nhìn của xã hội, tham nhũng trước hết phải được đánh giá như một hiện tượng xã hội tiêu cực với ba mức độ biểu hiện : *tội phạm hình sự, sự vi phạm pháp luật, sự xâm phạm đạo đức xã hội.*

Xét về phạm vi hoạt động xã hội, hiện tượng tiêu cực đó có mặt ở hai phạm vi quan hệ :

a) Tham nhũng là hành vi thể hiện bản chất phản bội lại công vụ (mua - bán những gì không phải của anh mà là của công vụ mang lại, trái với thực chất của công vụ mà anh được giao). Do đó, có thể gọi tham nhũng chỉ có thể xảy ra trong lĩnh vực quan hệ quyền lực và quản lý.

b) Tham nhũng có biểu hiện trong quan hệ thương mại hay còn gọi là tham nhũng thương mại. Ở đây, về hình thức, cũng lại là những hành vi lợi dụng cương vị thương mại, kinh doanh của những người có vai trò quản lý, đại diện trong ký kết hợp đồng và thực hiện hợp đồng nhưng họ đã lợi dụng, mua bán lợi thế của mình. Cái khác với những hành vi ở nhóm thứ nhất là : ở đây là quan hệ kinh doanh, không nằm trong phạm vi quyền lực hay quản lý nhà nước.

*

Từ những phân tích trên đây về bản chất và đặc tính của tệ tham nhũng có thể đi đến những kết luận như sau :

a) Tham nhũng là hiện tượng xã hội, nó gắn liền với những quan hệ xã hội khách quan (về cơ chế kinh tế, về sản xuất, kinh doanh, về cơ chế hành chính, quản lý, về văn hóa và đạo đức xã hội).

b) Chống tham nhũng phải bằng các giải pháp của toàn xã hội mà Đại hội lần thứ VIII của Đảng đã chỉ ra [4].

(3) Xem International Review of Criminal Policy, No 41 ; A/CONF, 169/14, 13 April, 1995

(4) Xem *Văn kiện đã dẫn*, tr 133 - 134

Digitized by Google

c) Các biện pháp pháp luật phải đủ và đồng bộ và phải được coi như những giải pháp trực tiếp, trực diện chống tham nhũng.

Như vậy, khi nói đến pháp luật chống tham nhũng, chúng ta phải hiểu được vị trí của nó trong toàn bộ các giải pháp và biện pháp chống tham nhũng khác. Chúng ta cũng phải thấy hết được mặt mạnh, mặt yếu, những giá trị, những khả năng và cả những hạn chế của pháp luật để sử dụng đúng mức, đúng chỗ, đúng lúc trong cuộc đấu tranh tổng thể này.

Trong phạm vi pháp luật, đến lượt nó, chúng ta lại phải thấy được vai trò, vị trí, mức độ, "liều lượng" của từng loại pháp luật.

Chúng ta đã thấy, tham nhũng xảy ra ở nhiều phạm vi hoạt động xã hội ; kẻ tham nhũng nằm trong nhiều loại, nhiều nấc thang xã hội và quốc gia, nhiều vị trí. Tuy nhiên, thực chất và những đặc điểm chính của hành vi tham nhũng chỉ là một. Cho nên, phải quan niệm rằng, pháp luật chống tham nhũng không phải và không thể chỉ có một hay vài văn bản ở một hay vài lĩnh vực. Chúng ta chỉ có thể nói ở số nhiều về các luật chống tham nhũng.

Hành vi tham nhũng trước hết là ở trong phạm vi các hoạt động quyền lực và quản lý, do đó luật chống tham nhũng có vị trí trung tâm phải là *luật về công vụ nhà nước*. Chúng ta nói nhiều đến vấn đề cấm thành lập, tham gia, quản lý điều hành các doanh nghiệp tư nhân, các công ty, hợp tác xã đối với các cán bộ, công chức, nói đến việc nhận quà, lập quỹ v.v. là nói đến vấn đề công vụ. Do ta chưa có một văn bản pháp luật như vậy, nên hiệu quả chống tham nhũng phần nào có khó khăn. Chúng ta nói đến việc cấm một người bố trí những người ruột thịt, thân thích làm các công việc về tổ chức nhân sự, kế toán, thủ quỹ trong cơ quan, tổ chức do người đó phụ trách là nói đến các chế định có mục đích chống tham nhũng của luật lao động. Luật đất đai, nhà ở, luật tài chính, ngân hàng, cấp vốn ngân sách, tín dụng, các văn bản về đấu thầu, xuất nhập khẩu, xét dự án đầu tư v.v. đều có những quy định nhằm ngăn ngừa và chống tham nhũng.

Đặc biệt, luật hình sự từ lâu đã có những quy định về các tội phạm tham nhũng và hình phạt đối với các tội đó cũng như các nguyên tắc xử lý các hành vi tham nhũng, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi bất chính, bất hợp pháp v.v..

Đứng trước nhu cầu tăng cường hơn nữa hiệu quả của việc đấu tranh chống tham nhũng, trong điều kiện mới, lẽ đương nhiên, tất cả các công cụ pháp luật chống tham nhũng đó đều phải được xem xét lại để đổi mới, tăng cường, bổ sung.

*

Vừa qua, Quốc hội khóa IX tại kỳ họp thứ 10 đã ra Nghị quyết về việc ban hành Pháp lệnh về chống tham nhũng nhằm tạo ra cơ sở pháp lý đưa cuộc đấu tranh chống tham nhũng có hiệu quả cao hơn. Hiện nay, dự án Pháp lệnh đang được xây dựng.

Pháp lệnh mới, sau khi được Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành, sẽ là một cơ sở quan trọng và cần thiết đưa cuộc đấu tranh chống tham nhũng vào một giai đoạn mới. Chính vì vậy, điều cần thiết trước hết là xác định cho được vị trí của Pháp lệnh trong hệ thống các văn bản pháp luật chống tham nhũng hiện hành của Nhà nước ta. Đứng trước tình hình ấy, cần suy nghĩ về vai trò mới của Pháp lệnh. Có mấy câu hỏi có thể đặt ra làm giải pháp mang tính quan điểm về Pháp lệnh này :

1 - Nó có phải là sự thay thế khoảng trống điều chỉnh trong hệ thống pháp luật hiện nay của chúng ta, chẳng hạn, điều chỉnh những gì luật công chức, công vụ, quản lý nhà nước phải điều chỉnh ?

2 - Nó có quan hệ như thế nào với các văn bản pháp luật đã có của Nhà nước ta : Bộ luật hình sự, Bộ luật tố tụng hình sự, Bộ luật dân sự, Bộ luật lao động, Luật tổ chức Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân, cũng như : Pháp lệnh xử phạt hành chính, Pháp lệnh về tổ chức điều tra hình sự v.v.. ?

Như đã nói ở trên, trong các văn bản này có những nguyên tắc quan trọng chỉ đạo hoạt

Digitized by Google

động của bộ máy nhà nước ta, và toàn bộ quá trình áp dụng pháp luật của các cơ quan, tổ chức, cá nhân. Đặc biệt, phần lớn các văn bản đó đều có những quy định có tác dụng ngăn ngừa hoặc trực diện chống tham nhũng. Các quy định đó cần được xem xét hoàn chỉnh và làm những luận cứ cho Pháp lệnh này như thế nào ?

3 - Có thể coi Pháp lệnh mới này như một văn bản xác định một cách tổng quát những dấu hiệu pháp lý quan trọng nhất của hành vi tham nhũng ? Kế đó, Pháp lệnh đề cập đến những giải pháp phối hợp, xác định trách nhiệm, quy định tổ chức đấu tranh chống tham nhũng ?

Chúng tôi cho rằng, đối với nhóm câu hỏi thứ nhất có thể trả lời phủ định. Cần nhìn thẳng vào một sự thật là, khoảng trống điều chỉnh pháp luật ở phần về quản lý hành chính, về công vụ, công chức là còn quá lớn, không thể lấy một bản pháp lệnh ra để thay thế được. Để chống tham nhũng có hiệu quả, cần xem việc xây dựng và nhanh chóng ban hành các văn bản pháp luật đó như một nhiệm vụ cấp bách của hoạt động làm luật.

Tuy nhiên, nếu xét thấy việc ban hành đó chưa thể được trong thời gian tới, thì rất cần thiết phải có ngay tại Pháp lệnh về chống tham nhũng một số quy định quan trọng để kịp thời ngăn chặn, phòng ngừa tham nhũng. Chẳng hạn như việc kê khai tài sản, vấn đề quà tặng v.v..

Đối với nhóm các câu hỏi thứ hai cũng cần có nhiều nội dung tương tự. Pháp luật hiện hành, trải qua những nỗ lực to lớn của Nhà nước ta, đã tương đối đầy đủ và có hệ thống, thứ bậc, hiệu lực. Bảo đảm tính hệ thống đó là yêu cầu tối thiểu cho hiệu lực và hiệu quả của pháp luật của Nhà nước ta, mà vấn đề hàng đầu là nguyên tắc pháp chế xã hội chủ nghĩa. Tuy vậy, cũng như nhóm vấn đề thứ nhất, từ yêu cầu mới về đấu tranh chống các vi phạm và tội phạm, trong đó có đấu tranh chống tham nhũng, các văn bản hiện hành nhất thiết phải được đổi mới, không ngừng hoàn thiện. Đó chính là cơ sở của việc bổ sung, sửa đổi các bộ luật như Bộ luật hình sự, Bộ luật tố tụng hình sự đang được xúc tiến hiện nay.

Như vậy, chỉ còn nhóm các vấn đề thứ ba. Theo lôgích của sự phân tích thì đó là vấn đề duy nhất có thể trả lời khẳng định.

Chúng ta không thể sử dụng các quy định chi tiết của các ngành luật và các văn bản pháp luật chưa có hoặc đang có, nhưng có thể và cần thiết phải phối hợp trên một định hướng mục tiêu chung các quy định, các hoạt động hiện hành. Đó phải là mục tiêu của pháp lệnh mới.

Vậy Pháp lệnh về chống tham nhũng cần có nội dung điều chỉnh như thế nào ?

Trước hết nó phải quy định những dấu hiệu tổng quát của hành vi tham nhũng. Quy định đó sẽ làm cơ sở, định hướng pháp lý cho việc áp dụng các pháp luật hiện hành có nội dung chống tham nhũng.

Kế đó cần có những quy định về các nguyên tắc của cuộc đấu tranh chống tham nhũng. Các nguyên tắc này thể hiện quan điểm chính thức của Đảng, Nhà nước ta về chống tham nhũng, có tác dụng định hướng giá trị, định hướng thực tiễn đấu tranh của công dân, của các cơ quan bảo vệ pháp luật.

Pháp lệnh cần giao trách nhiệm cụ thể cho từng cá nhân, cơ quan, tổ chức có chức năng bảo vệ pháp luật, quản lý nhà nước trong việc đấu tranh chống tham nhũng, trong việc thực hiện chức năng đó theo quy định của pháp luật. Có thể nói tóm tắt là : ở đây chức năng cũ (không mới) nhưng trách nhiệm mới (trách nhiệm về tổ chức, hành chính, hình sự, dân sự, v.v..).

Cuối cùng, pháp lệnh có thể có những quy định về tổ chức mới, thẩm quyền mới và trách nhiệm mới (chưa có trong các văn bản hiện hành) trong việc phối hợp, chỉ đạo hoặc trực tiếp đấu tranh chống tham nhũng.❑

Digitized by Google

KINH TẾ THƯƠNG MẠI THẾ GIỚI NĂM QUA VÀ TRIỂN VỌNG 1997

ĐÀO HUY GIÁM *

Kể từ năm 1993 kinh tế thế giới bắt đầu thời kỳ hồi phục sau một giai đoạn dài suy thoái nặng nề. Tuy nhiên tốc độ tăng trưởng kinh tế vài năm qua có phần chậm lại. Tăng trưởng chung trên thế giới năm 1994 đạt 2,8%, nhưng năm 1995 chỉ đạt mức 2,4% và mức năm 1996 thấp hơn chút ít. Thời kỳ phục hồi này chậm và thấp hơn mức đạt được trong các thời kỳ phục hồi trước đây, vì thế không sử dụng hết năng lực sản xuất và tiềm năng của nền kinh tế thế giới.

Năm 1996, kinh tế của các nước đang phát triển sáng sủa hơn - tăng trưởng trung bình khoảng 4%, các nước phát triển khoảng 2%. Tuy chỉ đạt được con số tăng trưởng khiêm tốn nhưng các nước phát triển có khối lượng tuyệt đối cao hơn nhiều so với các nước đang phát triển.

Trung quốc vẫn là nước có tốc độ tăng trưởng nhanh, thậm chí nhanh nhất trên thế giới, ước tính đạt trên 9%. Khu vực Đông và Đông - Nam Á đang giảm tốc độ tăng trưởng so với năm trước và đang mất đi vị trí dẫn đầu đã có trong nhiều năm liên tiếp, mặc dù mức tăng trưởng trung bình toàn khu vực có thể đạt mức khoảng 6%. Điều này cho thấy khu vực này đang đứng trước thách thức : liệu có duy trì được tính năng động của mình như trước đây không ? Đó là một vấn đề có tính chất sống còn với khu vực này, đồng thời chứng tỏ cuộc cạnh tranh, giành giật thị trường tiêu thụ hàng hóa, thu hút đầu tư đang ngày càng trở nên khốc liệt và nói lên vị thế cạnh tranh của châu Á nói chung, của các nước đang phát triển trong khu vực nói riêng có tầm quan trọng đặc biệt đối với tương lai phát triển của khu vực. Hơn nữa, các nước đang phát triển trong khu vực đều tăng nhập khẩu ở mức cao hơn xuất khẩu.

Năm 1996, châu Phi có cơ hội một lần nữa đạt tốc độ tăng trưởng nhanh hơn châu Mỹ la tinh và có thể đạt mức cao hơn năm 1995. Tuy nhiên châu Phi nói chung do trải qua nhiều biến cố chính trị và an ninh, khủng hoảng về kinh tế chính trị đã làm cho nhiều nước trên lục địa này thụt lùi vài ba chục năm.

Cuộc khủng hoảng tài chính ở Mê-hi-cô từ năm 1995 đã có những tác động kéo dài, nặng nề với cả nền kinh tế Mỹ la tinh. Từ tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 1994 là 5%, năm 1995 tụt xuống dưới 1% và năm 1996 còn phải đương đầu với nhiều khó khăn.

Cùng với thương mại, đầu tư đang chiếm một vị trí ngày càng quan trọng trong tiến trình công nghiệp hóa. Đó chính là cuộc cạnh tranh thu hút đầu tư và công nghệ cao giữa các nước đang phát triển nhằm mục đích thúc đẩy công nghiệp hóa đất nước.

Một dấu ấn quan trọng trong năm 1996 là thị phần trong thương mại thế giới của các nước đang phát triển với các cường quốc thương mại như Liên minh châu Âu, Mỹ và Nhật đã có khối lượng lớn hơn thương mại của bất cứ nước nào trong số đó. Mỹ, Nhật và Cộng đồng châu Âu trao đổi thương mại với các nước đang phát triển còn nhiều hơn thương mại giữa họ với nhau. Điều này khẳng định hơn nữa sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các khối kinh tế. Đó cũng là một điều kiện cho sự phát triển của nền kinh tế hiện đại, đặc biệt trước

* Phó vụ trưởng Vụ chính sách thương mại đa biên, Bộ thương mại

Digitized by Google

ngưỡng cửa của thế kỷ XXI. Sự phụ thuộc lẫn nhau, mối quan hệ bạn hàng - đối thủ cạnh tranh, ngày càng được khẳng định trong quan hệ quốc tế (dù ở quy mô quốc gia hay doanh nghiệp). Các nước trong khu vực đang ngày càng tham dự sâu hơn trong liên kết kinh tế, ràng buộc lẫn nhau, trước hết đó là Hiệp hội các quốc gia Đông - Nam Á (ASEAN), Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái bình dương (APEC) và Diễn đàn hợp tác Á - Âu (ASEM). Một điều đáng ghi nhận là tốc độ tăng trưởng thương mại giữa các nước đang phát triển châu Á nhanh hơn rất nhiều so với tăng trưởng thương mại giữa các nước phát triển. Xuất nhập khẩu ngày càng chiếm tỷ trọng lớn hơn trong GDP. Năm 1985, xuất nhập khẩu chỉ chiếm 33% GDP toàn thế giới, nhưng đến năm 1995 đã tăng lên 45%. Điều này giải thích tại sao tăng trưởng thương mại thế giới liên tục đạt mức nhanh hơn mức tăng sản xuất.

Tăng trưởng kinh tế dựa vào vào xuất khẩu và công nghiệp hóa ở châu Á.

Năm 1996, nhiều nước châu Á đã đạt được kết quả kỳ diệu về kinh tế. Ma-lai-xi-a đã liên tục duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức trung bình trên 8% suốt 30 năm qua và đang hướng tới mục tiêu trở thành một nước phát triển trong vòng 20 năm tới. Tính trung bình hơn một thập kỷ qua, Hàn quốc, Hồng công, Đài loan, Xin-ga-po có tốc độ tăng trưởng hàng năm trên 7%, Thái lan và In-đô-nê-xi-a trên 6%.

Đặc điểm chung của tất các nước đó là mức độ xuất khẩu hàng chế tác tăng nhanh và vững chắc, gắn liền với tiến trình công nghiệp hóa. Thương mại cởi mở là công cụ phục vụ và thúc đẩy công nghiệp hóa. Trình độ công nghệ không những thể hiện qua công nghệ sản xuất mà còn thể hiện trong trình độ, khả năng và tỷ trọng cung cấp công nghệ nguồn. Nói cách khác là khả năng sáng tạo của nền khoa học. Khoa học và công nghệ bao gồm cả công nghệ quản lý hành chính, cơ cấu nền kinh tế, quản lý kinh doanh và đào tạo nguồn con người. Nhiều nước như Mỹ, Anh, Pháp, Ca-na-đa, Ô-xtrây-li-a, và ngay cả Xin-ga-po, Thái lan cũng đang cạnh tranh gay gắt trên thị trường giáo dục đào tạo.

Hiện nay, trình độ phát triển kinh tế không chỉ thể hiện ở công nghệ sản xuất, dịch vụ kinh doanh và quản lý mà còn thể hiện ở chính bản thân bộ máy hành chính - một bộ phận cấu thành của năng lực cạnh tranh của cả nền kinh tế. Ban đầu người ta thường chú trọng các nguồn lực như tài nguyên thiên nhiên, công nghệ sản xuất. Khi các nguồn lực nói trên không thể tạo nhân tố đột biến được nữa thì chính khả năng cung cấp dịch vụ và tổ chức bộ máy hành chính gọn nhẹ, năng động và hữu hiệu là một trong các vũ khí cạnh tranh có hiệu lực. Công cụ cạnh tranh trên bình diện rộng và rất năng động này đã được tất cả các nước mới công nghiệp hóa vận dụng, tạo ra sự khác biệt, nâng cao sức mạnh cạnh tranh từ nhiều thập kỷ nay.

Phát triển kinh tế trong năm 1996

Mặc dù có rất nhiều hy vọng rằng kinh tế thế giới tiếp tục tăng trưởng cao hơn, nhưng kể từ khi nền kinh tế thế giới bắt đầu phục hồi, chưa năm nào tăng trưởng chung trên toàn thế giới đạt mức như các nhà kinh tế trông đợi. Thất nghiệp ở các nước phát triển có giảm nhưng không đáng kể. Thu nhập của các nước đang phát triển tăng nhưng cũng không nhanh.

Nhiều chính phủ chủ trương ổn định kinh tế vĩ mô hơn là mạo hiểm tìm kiếm cơ hội tăng trưởng cao nhưng kèm theo đó là mối đe dọa mất ổn định. Nhờ xu hướng này môi trường vĩ mô thêm phần ổn định, lạm phát được kìm hãm, giá cả ổn định hơn tại hầu hết các nước, điển hình là Mỹ la tinh, sau cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ ở Mê-hi-cô.

Năm 1995, Mỹ đã khởi xướng cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Nhật, gây sức ép nâng giá đồng tiền, buộc Nhật phải mở cửa thị trường Nhật cho hàng Mỹ. Kết thúc cuộc chiến, Nhật đã nhượng bộ mở cửa thị trường cho nhiều loại hàng Mỹ, trước hết là xe hơi để đổi lấy việc Mỹ giúp đỡ cùng các ngân hàng Nhật can thiệp đưa đồng yên trở lại mức tỷ giá

Digitized by Google

thỏa thuận và không triển khai một số biện pháp trừng phạt khác, tình trạng thâm hụt cán cân thương mại Mỹ - Nhật vốn vẫn tồn tại từ nhiều năm nay đã giảm mạnh. Thậm chí nhiều nhà quan sát cho rằng Mỹ có thể thành công tới mức triệt tiêu hoàn toàn nguồn gốc và tình trạng thâm hụt cán cân thương mại với Nhật trong tương lai gần. Giải quyết được vấn đề thâm hụt mậu dịch với Nhật, nền kinh tế Mỹ đang gạt bỏ đi một trong những nguồn gốc của sự mất ổn định và nhờ đó có thêm nhiều tiềm năng phát triển tốt hơn trong những năm tới.

Tuy nhiên, ổn định là kết quả của nhiều biện pháp thận trọng và nó giải thích tại sao không có tình trạng đột phá và không có tốc độ tăng trưởng cao như nhiều người vẫn mong đợi.

Sau đây là vài nét về kinh tế các nước phát triển năm qua :

Mỹ : Tính đến năm 1996, kinh tế Mỹ đã phục hồi được 6 năm và đây là giai đoạn phục hồi kéo dài nhất kể từ sau chiến tranh thế giới thứ hai. Dẫu chỉ số năm 1996 có giảm so với một vài năm trước, Mỹ vẫn là nước phát triển có nền kinh tế thành công hàng đầu trong năm.

Nhật : Sau 4 năm liền trì trệ với mức tăng trưởng trung bình chỉ đạt 0,5%/năm, năm 1995 Nhật đã có sự phục hồi kinh tế. Sự phục hồi càng rõ nét hơn vào quý IV, nhờ vậy chỉ số tăng trưởng năm 1995 đã đạt 3%. Quý I năm 1996, tốc độ gia tăng phát triển kinh tế đã đạt mức cao kỷ lục trong hai mươi năm qua với tốc độ quy đổi tương đương 12%/năm. Ước tính năm 1996, Nhật vẫn giữ được tốc độ tăng trưởng kinh tế của năm 1995. Tuy nhiên, Nhật không có được các nhân tố phát triển ổn định như Mỹ đang có.

Liên minh châu Âu : Năm 1996, ít người chờ đợi kinh tế châu Âu có chuyển biến tích cực rõ rệt. Mặc dù kinh tế đã phục hồi từ năm 1993 nhưng tốc độ tăng trưởng trong năm 1995 vẫn rất chậm. Tăng trưởng năm 1996 không quá 2%. Cùng với sự phát triển khiêm tốn này là bội chi ngân sách ở mức cao và thị trường tài chính diễn biến phức tạp. Tuy nhiên kinh tế của mỗi nước thành viên Liên minh có những nét khác nhau và mang các triển vọng không đồng đều. Nhìn chung tương lai kinh tế của châu Âu có tác động quan trọng đến bức tranh phát triển kinh tế của cả thế giới nói chung và của các nước phát triển nói riêng. Khó có thể đánh giá chắc chắn được viễn cảnh kinh tế châu Âu trong vài năm tới, nhưng có thể nói là nhiều nước châu Âu sẽ buộc phải thắt chặt chính sách chi tiêu ngân sách và điều chỉnh chính sách tiền tệ nhằm khuyến khích tiêu dùng và đầu tư.

Hội nghị lần thứ nhất các bộ trưởng của Tổ chức thương mại thế giới - một sự kiện lớn trong kinh tế thương mại thế giới.

Năm 1996 đã ghi dấu một trong những sự kiện lớn nhất trong quan hệ kinh tế thương mại thế giới : Hội nghị lần thứ nhất các bộ trưởng của Tổ chức thương mại thế giới (WTO). Tham gia hội nghị có khoảng 4500 đại biểu thuộc 400 đoàn từ 162 nước, các tổ chức quốc tế và phi chính phủ. Hội nghị đã phản ánh rõ nét sự hợp tác toàn diện đang được mở rộng về mặt kinh tế thương mại và cuộc đấu tranh gay gắt về quyền lợi giữa các nhóm nước, trước hết là giữa các nước đang phát triển và các nước phát triển.

Không chỉ trên các các nghị trường quốc tế mà ngay trong kinh doanh, dù ở quy mô quốc gia hay doanh nghiệp đã hình thành một phương thức liên hệ bạn hàng - đối thủ cạnh tranh. Thông qua phương thức này, các doanh nghiệp đều có quyền lợi trong tiến trình mở rộng thị trường, tăng khối lượng nhu cầu, tuy nhiên trong các hoạt động kinh doanh họ đều cố gắng giành được cho mình vị thế thuận lợi và lợi nhuận nhiều nhất. Đồng thời, trên thương trường cũng xuất hiện cạnh tranh không lành mạnh, áp đặt ý chí, cá lớn nuốt cá bé, bóp méo thương mại và gây mất ổn định thị trường, hay thỏa thuận phân chia thị trường. Tất cả các hiện tượng đó đã dẫn tới nhu cầu ổn định môi trường kinh doanh, xác định quy tắc chung và tạo thuận lợi cho kinh tế thương mại nói chung, thúc đẩy phát triển

Digitized by Google

kinh tế. Bốn mươi tám năm tồn tại của Hiệp định chung về thuế quan và thương mại (GATT) đã góp phần khắc phục cơ bản các tồn tại đó. Tại đây các quốc gia liên kết, đấu tranh bảo vệ quyền lợi của mình, đồng thời cạnh tranh lẫn nhau trên cơ sở một hệ thống các định chế chung. Tổ chức thương mại thế giới (WTO) được thành lập và bắt đầu hoạt động từ ngày 1-1-1995 thay thế GATT. Hội nghị tổ chức tháng 12-1996 tại Xin-ga-po là phiên họp đầu tiên của cơ quan quyền lực cao nhất của tổ chức này. Hội nghị đã thể hiện sự đấu tranh gay gắt giữa nhiều nhóm quyền lợi mà trước hết là giữa các nước đang phát triển và các nước phát triển ; tại Hội nghị cũng như thời gian chuẩn bị kéo dài trong suốt năm 1996 là một quá trình vừa đấu tranh vừa nhân nhượng. Hội nghị này là một mốc lịch sử trong quan hệ kinh tế thương mại thế giới, phản ánh 50 năm xây dựng Hệ thống thương mại thế giới với nhiều nét đặc thù :

- Đặc trưng của Hệ thống thương mại thế giới hiện nay là tiến trình toàn cầu hóa. WTO bao trùm cả thương mại hàng hóa và thương mại dịch vụ, quyền sở hữu trí tuệ và đầu tư trong chừng mực có liên quan tới thương mại. Với một khuôn khổ các quy tắc định chế pháp lý áp dụng chung cho mọi thành viên ; với 128 thành viên, hàng năm trao đổi hơn 90% khối lượng thương mại hàng hóa quốc tế và 28 nước đang xin gia nhập ; với 27 ngàn trang văn kiện pháp lý cam kết và nhiều nội dung đang tiếp tục đàm phán, WTO đang khẳng định tiến trình toàn cầu hóa cả về kinh tế và thương mại quốc tế. Tiến trình toàn cầu hóa đã khẳng định không những trong kinh tế thương mại mà còn thể hiện ở sự liên kết và thống nhất chương trình và nội dung phối hợp cơ chế điều tiết thương mại, tài chính, tiền tệ và nhiều mặt khác trong đời sống kinh tế quốc tế. Sự phối hợp giữa Tổ chức thương mại thế giới (WTO) với các tổ chức khác như Ngân hàng thế giới (WB), Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), Tổ chức sở hữu trí tuệ thế giới (WIPO)... đã được nêu lên tại văn kiện thành lập WTO và thể chế hóa bằng các hiệp định hợp tác đã ký giữa WTO với các tổ chức này.

- Tiến trình toàn cầu hóa hướng tới tự do hóa thương mại trên quy mô toàn cầu, với phương thức vừa chặt chẽ vừa mềm dẻo, có ưu đãi với các nước đang phát triển và chậm phát triển với mục tiêu tạo ra cơ hội và điều kiện cho sự phát triển bền vững.

- Đồng thời với tiến trình toàn cầu hóa là tiến trình khu vực hóa với sự hình thành của hơn một trăm liên kết khu vực trong đó một phần lớn được thiết lập từ đầu thập kỷ 90 đến nay. Các liên kết khu vực là sự bổ sung cho tiến trình toàn cầu hóa, cho phép khai thác tốt hơn các lợi thế và ưu thế ở quy mô nhỏ hơn, tạo ra những thị trường ít khác biệt ở quy mô khu vực trong khi còn có nhiều trở ngại trong thương mại trên quy mô toàn cầu. Mặt khác, các liên kết khu vực cũng có những biểu hiện hoặc dẫn tới bảo hộ ở quy mô khu vực.

- Tổ chức thương mại thế giới (WTO) là một thể chế vừa cho phép đàm phán tạo thuận lợi cho thương mại quốc tế vừa có cơ chế hạn chế sự bất công trong thương mại quốc tế, là tổ chức duy nhất có cơ chế giải quyết tranh chấp trong quan hệ kinh tế thương mại thế giới. Khác với hầu hết các tổ chức khác, tại WTO mỗi quốc gia thành viên dù lớn hay nhỏ đều có một lá phiếu giá trị ngang nhau. Diễn đàn WTO cũng thể hiện sự dàn xếp và liên kết quyền lợi giữa các nhóm nước và trong nội bộ từng nhóm nước.

Tiến trình hội nhập quốc tế thể hiện ở cả hai xu hướng toàn cầu hóa và khu vực hóa, đang là xu hướng phổ biến và bao trùm. Không một nước nào muốn phát triển kinh tế mà không cần chủ động khai thác cơ hội này, đồng thời chủ động hạn chế các tác động có hại của tiến trình đó bằng các biện pháp đồng bộ và linh hoạt.

Viễn cảnh nền kinh tế thương mại thế giới trong vài năm tới.

Mặc dù nền kinh tế thế giới đã phục hồi từ năm 1993 nhưng môi trường thương mại dường như chưa tạo được niềm tin cho các nhà

Digitized by Google

hoạch định chính sách cũng như các doanh nghiệp. Thị trường hàng hóa có nhiều nhân tố thiếu ổn định. Mặc dù khối lượng trao đổi mậu dịch quốc tế lần đầu tiên đã vượt qua mốc sáu ngàn tỉ đô la Mỹ, thêm vào đó đô la Mỹ đã tăng giá so với hầu hết các đồng tiền mạnh làm cho khối lượng thực tế trao đổi có thể còn lớn hơn, nhưng thương mại thế giới vẫn còn phụ thuộc và trông đợi nhiều vào việc thực thi Hiệp định U-ru-goay.

Từ năm 1991, tốc độ phát triển thương mại liên tục vượt xa tốc độ tăng trưởng kinh tế và vì vậy thương mại có tầm quan trọng hơn bao giờ hết để thúc đẩy phát triển kinh tế. Năm 1996 là năm thứ tư các nước châu Á tăng nhập khẩu với tốc độ nhanh hơn xuất khẩu. Năm 1996 là năm đầu tiên châu Á có thể mất vai trò là khu vực năng động nhất thế giới từ hơn một thập kỷ qua, và tụt xuống đứng sau Trung và Đông Âu. Năm 1996, thương mại quốc tế về trang thiết bị văn phòng và thiết bị thông tin đã lần đầu tiên vượt lên trên tổng khối lượng mậu dịch nông sản và khoáng sản, trở thành nhóm năng động nhất trong mậu dịch quốc tế hàng thành phẩm.

Những khó khăn kinh tế bộc lộ trong năm 1996 sẽ buộc nhiều nước phải có biện pháp cắt giảm chi tiêu ngân sách và điều chỉnh chính sách tiền tệ, tài chính của mình nhằm khuyến khích đầu tư và đối phó với khả năng nhu cầu tăng chậm hơn các năm trước. Các chính sách đó còn có thể có tác động giảm tốc độ mở rộng thị trường. Các cam kết của Hiệp định U-ru-goay nói chung chưa được cụ thể hóa đáng kể trong năm tới và chưa phát huy tác dụng bao nhiêu. Triển vọng kinh tế chung năm 1997 không sáng sủa hơn năm 1996, trừ một vài nước đang có môi trường và vị thế thuận lợi. Triển vọng kinh tế đó còn có thể tác động trở lại tới nhu cầu và thể hiện tinh tế trong chính sách điều tiết thương mại quốc tế. Trong khi thương mại quốc tế khó đạt mức tăng trưởng 7% như mức độ của năm 1996, thì việc trao đổi nội bộ các khu vực, liên kết kinh tế thương mại ít bị ảnh hưởng của các nhân tố nêu trên và có thể tăng nhanh hơn so với tốc độ trung bình của thế giới và điều này có tác động hạn chế phần nào những mặt tiêu cực trên quy mô toàn cầu. Thương mại quốc tế suy giảm trước hết đe dọa các nền kinh tế phụ thuộc nhiều vào xuất khẩu trong đó có các nước Đông Á và Đông - Nam Á.

Trong môi trường cạnh tranh nhằm tìm kiếm thị trường ngày càng gay gắt, các nước càng chú trọng các biện pháp khuyến khích đầu tư. Nhu cầu đàm phán nhằm mở cửa thị trường tương hỗ sẽ bộc lộ gay gắt hơn và từ cuối năm 1997, tiến trình chuẩn bị cho Hội nghị lần thứ hai các bộ trưởng của Tổ chức thương mại thế giới (WTO) sẽ bắt đầu với nhiều nội dung tập trung vào đàm phán mở cửa thị trường và chuẩn bị cơ hội để bước vào thế kỷ XXI. Đàm phán về dịch vụ, đầu tư và nông sản có thể là các chủ đề hàng đầu trên diễn đàn quốc tế. Dịch vụ, đặc biệt là dịch vụ thông tin viễn thông, tài chính ngày càng có vai trò trong nền kinh tế quốc gia và quốc tế. Ngoài ra, giá hàng nông sản giảm mạnh trong năm 1996 cũng có thể tác động tiêu cực tới thị trường nông sản năm 1997. Thời tiết khắc nghiệt có thể ảnh hưởng tới thu hoạch nông sản và tạo cơ hội cho các nước xuất khẩu nông sản. Nhiều người hy vọng giá cả có thể được cải thiện trong năm 1997 và thị trường sẽ vững lên. Bên cạnh đó, mục tiêu xuất khẩu càng cao, khối lượng xuất khẩu càng lớn thì nền kinh tế càng cần phải giải quyết đồng bộ nhu cầu mở cửa thị trường, biện pháp điều chỉnh thương mại cho trước mắt và cho chiến lược phát triển lâu dài, trong đó, cơ chế kỹ thuật sẽ càng ngày càng chiếm vị trí chủ đạo. Các hình thức điều chỉnh toàn cục sơ đẳng, giản đơn và cứng nhắc hầu như sẽ hoàn toàn bị triệt tiêu và được thay thế bằng các biện pháp cơ chế tinh chỉnh, tinh vi và rất kỹ thuật.

Năm 1997 có nhiều hứa hẹn nhưng cũng có nhiều thử thách với kinh tế thương mại quốc tế và cả với Việt nam.❑

Digitized by Google

TỈNH ỦY THÁI BÌNH VỚI NHIỆM VỤ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐỊA PHƯƠNG

VŨ ĐÌNH THÀNH*

Mười năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, cùng với những thành tựu chung của cả nước, đảng bộ và nhân dân Thái bình cũng đã đạt được những thành tựu và tiến bộ quan trọng : Trong 5 năm 1991 - 1995 tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt bình quân 12,5%. Sản xuất nông nghiệp được mùa liên tục. Năng suất lúa đạt trên 11 tấn/ha. Sản lượng lương thực đạt trên 1 triệu tấn, bình quân lương thực tính theo đầu người đạt trên 660 kg, trong khi bình quân diện tích canh tác trên đầu người chỉ có 300 m^2. Cơ sở hạ tầng được tăng cường một bước. Hệ thống giao thông nông thôn được xây dựng hoàn chỉnh. Tất cả các tuyến đường từ tỉnh xuống huyện, xã đã được rải đá, láng nhựa, 100% số xã có điện, 98% số hộ nông dân có điện dùng trong sinh hoạt và sản xuất kinh doanh. Hệ thống trường học, bệnh xá được xây dựng cơ bản, kiên cố, 100% số xã có lắp đặt điện thoại, bảo đảm thông tin thông suốt. Đó là những cơ sở vật chất quan trọng tạo điều kiện cho Thái bình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong thời gian tới.

Bên cạnh những thuận lợi, đi vào thời kỳ mới, Thái bình cũng đứng trước những khó khăn, thử thách to lớn : Là một tỉnh nông nghiệp, nguồn thu ngân sách từ nội bộ nền kinh tế còn rất hạn hẹp. Sản xuất công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp còn nhỏ bé. Công nghiệp trung ương hầu như không có trên địa bàn. Thiết bị công nghiệp lạc hậu, khả năng cạnh tranh trong cơ chế thị trường của sản phẩm còn rất hạn chế. Giao lưu giữa Thái bình với các tỉnh còn chưa được mở rộng.

Từ sự phân tích, đánh giá khách quan những thuận lợi và khó khăn của địa phương, Đại hội đảng bộ Thái bình lần thứ 15 (tháng 4-1996) đã đề ra những nội dung cơ bản của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trước mắt, trong những năm từ 1996 đến 2000 phải phấn đấu đạt được các mục tiêu : nhịp độ tăng GDP hàng năm 12% (nông nghiệp 6%, công nghiệp 25%, dịch vụ 22%). GDP bình quân đầu người đạt 400 USD. Phấn đấu tạo chuyển biến tích cực trong cơ cấu kinh tế, trong đó nông nghiệp có tỷ trọng 40%, công nghiệp, xây dựng cơ bản dịch vụ 60%.

Để thực hiện được những mục tiêu nêu trên, trong những năm tới, đảng bộ và nhân dân Thái bình sẽ tập trung thực hiện và giải quyết tốt các vấn đề sau :

1 - Phát huy tinh thần tự lực, tự cường, năng động sáng tạo của đảng bộ và nhân dân trong tỉnh, đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp toàn diện, chuyển nhanh sản xuất nông nghiệp sang sản xuất hàng hóa. Đối với Thái bình, trong nhiều năm tới, phát triển nông nghiệp vẫn là tiềm năng và thế mạnh của tỉnh. Vấn đề đặt ra là phải nâng cao chất lượng và hiệu quả của sản xuất nông nghiệp. Qua quá trình sản xuất, nông dân Thái bình đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm, nâng cao trình độ thâm canh lúa. Năng suất lúa có năm đạt trên 12 tấn/ha, nhưng chất lượng gạo còn thấp, giá thành còn cao. Những năm tới phải có sự chuyển đổi tích cực về cơ cấu giống lúa. Ngành nông nghiệp cần cung cấp cho nông dân những giống lúa có năng suất cao, chất lượng gạo tốt, đồng thời hướng dẫn, giúp đỡ nông dân giảm chi phí sản xuất đến mức thấp nhất để hạ được giá thành sản phẩm. Đi đôi với thâm canh lúa, phải đẩy mạnh sản xuất vụ đông, từng bước phấn đấu đưa vụ đông trở thành một trong ba vụ sản xuất chính trong năm. Từ thực tiễn sản xuất của nhân dân địa phương những năm qua cần khẳng định rõ tập đoàn cây vụ đông phù hợp với tập quán canh tác, đất đai của từng vùng, từng địa phương. Trên cơ sở đó nâng cao hệ số sử dụng ruộng đất, nâng cao giá trị thu nhập trên một đơn vị diện tích. Hiện nay 1 ha mới đạt trên dưới 20 triệu đồng. Phấn đấu đưa mỗi ha thu nhập lên 30 đến 40 triệu đồng hoặc hơn nữa. Trên cơ sở tìm kiếm, mở rộng thị trường và hiệu quả kinh tế, từng bước hình thành được các vùng sản xuất tập trung một số cây rau, quả xuất khẩu và tạo nguyên liệu cho công nghiệp chế biến. Phấn đấu thực hiện nền sản xuất nông nghiệp sạch đáp ứng nhu cầu

* Phó bí thư thường trực Tỉnh ủy Thái bình

Digitized by Google

tiêu dùng của thị trường trong và ngoài tỉnh, ngoài nước.

2 - Tiếp tục đẩy mạnh khai thác kinh tế hộ gia đình. Trong những năm đổi mới vừa qua đã xuất hiện nhiều gia đình làm kinh tế VAC giỏi, thu nhập hằng năm đạt từ 40 đến 50 triệu đồng, một số gia đình đạt trên 100 triệu đồng. Huyện Hưng hà đã phát động nhiều hộ gia đình phá bỏ cây tạp, trồng cây có giá trị kinh tế cao. Song, nhìn chung, kinh tế VAC khai thác chưa được bao nhiêu. Phần lớn số gia đình ở nông thôn còn để mảnh vườn, ao chuôm phát triển tự nhiên, chưa cải tạo, chưa đầu tư, nên không có hiệu quả kinh tế. Trong những năm tới cần có sự chỉ đạo tập trung để khai thác có hiệu quả kinh tế hộ gia đình. Phải tổng kết, nhân ra diện rộng mô hình gia đình chăn nuôi theo hướng trang trại để tăng nhanh đàn bò, đàn lợn và gia cầm theo định hướng các chương trình của tỉnh đề ra. Phát triển tốt kinh tế VAC không những tạo được sản phẩm hàng hóa, tạo thu nhập cho nhân dân, mà còn tạo điều kiện để nâng cao chất lượng bữa ăn của mỗi gia đình.

3 - Đẩy nhanh tốc độ cơ giới hóa các khâu trong sản xuất nông nghiệp. Hiện nay, phần lớn các khâu sản xuất, bà con nông dân vẫn còn lao động thủ công, năng suất lao động rất thấp. Phấn đấu từ nay đến năm 2000 đạt tỷ lệ từ 60 đến 70% trở lên cơ giới hóa tất cả các khâu trong sản xuất nông nghiệp từ làm đất, gieo hạt, thu hoạch, vận chuyển, ra hạt, chế biến. Thực hiện tốt cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp chẳng những giải phóng được lao động thủ công, nặng nhọc của người nông dân từ bao đời nay, nâng cao được năng suất lao động nông nghiệp mà còn làm xuất hiện nhiều nhu cầu dịch vụ, từ đó tác động vào quá trình phân công lại lao động trong nông nghiệp, nông thôn. Đây là một nội dụng quan trọng trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn.

4 - Khai thác và phát triển mạnh kinh tế biển. Thái bình có trên 50 km bờ biển, hàng chục ngàn ha đầm. Ban thường vụ tỉnh ủy có nghị quyết chuyên đề về khai thác kinh tế biển. Đại hội 15 đảng bộ tỉnh cũng xác định : khai thác kinh tế biển là hướng quan trọng. Song việc khai thác chưa được bao nhiêu. Kinh tế biển chưa trở thành mũi nhọn và hướng phát triển quan trọng trong nền kinh tế của tỉnh. Tỉnh ủy đã xác định hướng khai thác kinh tế biển phải toàn diện : từ nuôi trồng, khai thác đánh bắt, đến chế biến, vận tải biển và du lịch...

Phải động viên và phát huy mọi thành phần kinh tế tham gia phát triển kinh tế biển. Phát triển kinh tế biển là hướng quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, phải đầu tư sự chỉ đạo của tỉnh và các cấp các ngành, xác định rõ bước đi cụ thể. Trong những năm trước mắt cần quy hoạch vùng đầm bãi, đầu tư làm thủy lợi để trồng cây chắn sóng kết hợp với nuôi các con đặc sản có giá trị cao. Từng bước trang bị các phương tiện có thể đi đánh bắt và thu mua hải sản ngoài khơi xa tạo nguyên liệu cho chế biến. Tuy nhiên, để khai thác, phát triển kinh tế biển, bản thân địa phương phải nỗ lực phấn đấu, đồng thời phải có sự hỗ trợ, giúp đỡ của trung ương về vốn, về kỹ thuật, thị trường...

5 - Khôi phục và phát triển mạnh mẽ ngành nghề ở nông thôn. Trước mắt cần tập trung khôi phục những ngành nghề đã có, đi đôi với du nhập và mở mang ngành nghề mới. Một mặt đẩy nhanh quy hoạch để xây dựng phát triển các thị trấn, thị tứ, biến những nơi này thành các trung tâm sản xuất tiểu thủ công nghiệp, ngành nghề và dịch vụ thương mại. Mặt khác, từng người dân, từng hộ gia đình, từng thôn xóm, từng xã phải tìm cho địa phương mình một nghề để giải quyết lao động dư thừa ở nông thôn và tăng thu nhập cho nông dân. Hướng phát triển ngành nghề phải từ thấp đến cao, tiến tới hình thành các xí nghiệp công nghiệp tập thể ở nông thôn có thiết bị và công nghệ hiện đại, sản xuất được những sản phẩm có chất lượng cao, có khả năng cạnh tranh được trong cơ chế thị trường.

6 - Kiên trì chỉ đạo phát triển công nghiệp theo hướng mà Nghị quyết 9 của tỉnh ủy (khóa 14) và Nghị quyết Đại hội đảng bộ tỉnh lần thứ 15 đã xác định. Trong những năm trước mắt, công nghiệp Thái bình cần tập trung đầu tư phát triển 6 ngành công nghiệp mà địa phương có thế mạnh là : công nghiệp chế biến nông sản thực phẩm ; công nghiệp sử dụng khí mỏ ; công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng ; công nghiệp dệt, da, may mặc ; công nghiệp cơ khí, điện tử ; công nghiệp khai thác và chế biến sản phẩm biển.

Từng bước phấn đấu xây dựng ba khu công nghiệp tập trung là : thị xã Thái bình, Tiền hải, Diêm điền - Thái thụy. Để thực hiện được định hướng trên, cần sắp xếp lại các doanh nghiệp hiện có, giải thể hoặc chuyển hình thức sở hữu đối với những doanh nghiệp làm ăn thua lỗ kéo dài. Đồng thời, tiến hành khẩn trương xây dựng quy hoạch, kế hoạch phát triển công nghiệp của tỉnh một cách đồng bộ, cụ thể, xác định rõ ngành nào, doanh nghiệp nào cần được đầu tư phát triển trước. Đi đôi với tạo điều kiện giữ ổn định sản xuất cho các doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả ở quy mô nhỏ và vừa, cần khảo sát, điều tra, tập trung đầu tư mở rộng một vài doanh nghiệp với trang

Digitized by Google

thiết bị và công nghệ hiện đại, năng lực sản xuất tương đối lớn, tạo nguồn thu cho ngân sách. Tiến hành rà soát, đánh giá lại đội ngũ cán bộ quản lý doanh nghiệp, kiên quyết thay ngay những cán bộ làm ăn thua lỗ ; kỷ luật nghiêm minh những người tham ô, lợi dụng, thiếu tinh thần trách nhiệm gây thất thoát tài sản, vật tư của xí nghiệp. Khuyến khích các doanh nghiệp tư nhân và công ty trách nhiệm hữu hạn phát triển, đi đôi với tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát của nhà nước. Khắc phục tình trạng một số tư nhân không thực hiện đúng nội dung đăng ký sản xuất kinh doanh, lợi dụng lấy đất, tài sản của nhà nước, của tập thể thế chấp vay tiền ngân hàng đi buôn bán, trốn thuế, lậu thuế. Cùng với các vấn đề trên, Thái bình sẽ phối hợp với các bộ, ngành của trung ương có liên quan xây dựng các dự án và kế hoạch khai thác, sử dụng dầu và khí mỏ hiện đang được một công ty nước ngoài tìm kiếm, thăm dò.

Tiếp tục xây dựng, củng cố cơ sở vật chất hạ tầng, tạo cơ sở cho sản xuất phát triển. Trên cơ sở kinh nghiệm của những năm qua, các địa phương trong tỉnh tiếp tục thực hiện tốt phương châm nhà nước và nhân dân cùng làm để củng cố, bảo dưỡng tốt những cơ sở hiện có, xây dựng thêm các cơ sở mới cần thiết. Tiếp tục cải tạo, nâng cấp, mở rộng cảng Diêm điền, tạo điều kiện cho việc giao lưu hàng hóa giữa Thái bình với các tỉnh bạn và nước ngoài ngày càng mở rộng hơn.

7 - Giải quyết tốt vấn đề vốn. Để tạo được nguồn vốn, trước hết phải thực hành nghiêm ngặt chế độ tiết kiệm, chống lãng phí, tham ô, quản lý chặt chẽ các nguồn vốn để đầu tư và sử dụng có hiệu quả. Có chính sách động viên mọi nguồn vốn trong nhân dân. Đồng thời, phải mở rộng liên doanh, liên kết với các tỉnh và với nước ngoài để gọi vốn đầu tư. Tập trung khai thác thị trường trong tỉnh, kết hợp mở mang tìm kiếm thị trường ngoài tỉnh, ngoài nước. Vấn đề hết sức quan trọng để giải quyết thị trường là nâng chất lượng, hạ giá thành sản phẩm. Phải làm cho người sản xuất có tư duy mới về thị trường là sản xuất những sản phẩm mà thị trường trong nước và thế giới cần, chứ không phải sản xuất những cái mà mình có.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là sự nghiệp to lớn đầy khó khăn gian khổ. Đó là sự nghiệp của toàn đảng, toàn dân của mọi cấp, mọi ngành. Vì vậy, cần tạo ra sự nhất trí về tư tưởng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân, khơi dậy truyền thống cách mạng, tinh thần đoàn kết nhất trí, phát huy sức mạnh tập thể của đảng bộ và nhân dân trong tỉnh để thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.❑

VÀI SUY NGHĨ VỀ...

(Tiếp theo trang 20)

chống ảnh hưởng của văn hóa Âu - Mỹ, thủ tướng Ma-lai-xi-a Ma-ha-thit Mô-ha-mét và nhà hoạt động chính trị Nhật bản Sin-ta-rô I-si-ha-ra đã cộng tác viết một quyển sách nhan đề : "Tiếng nói chung của châu Á : hai nhà lãnh đạo bàn về thế kỷ đang đến", trong đó nhấn mạnh những giá trị truyền thống của châu Á, như lòng độ lượng, kính trọng người cao tuổi, dựa vào sự giúp đỡ của gia đình, cộng đồng hơn là của nhà nước. Các tác giả nêu câu hỏi : "Mỹ có quyền gì về đạo đức để dạy cho các nước châu Á, trong khi xã hội Mỹ đang suy sụp về đạo đức, gia đình tan vỡ và tội ác lan tràn ?" (2).

Điều đáng chú ý ở đây là người ta đã không còn xem văn hóa phương Tây là nền văn hóa duy nhất có giá trị. Nhưng, nếu từ nhận thức đó lại đi tới phủ định tất cả mọi giá trị văn hóa của phương Tây cũng là điều không đúng. Cần phải có một thái độ biện chứng và một quan điểm lịch sử đúng đắn trong vấn đề này. Giao lưu văn hóa ngày càng có xu hướng toàn cầu hóa trong thời đại cách mạng thông tin. Vấn đề là ở chỗ chọn lựa, hướng dẫn thu nhận những giá trị tiến bộ của thế giới, những lối sống văn minh, hiện đại nhưng lành mạnh, phù hợp với văn hóa truyền thống của dân tộc.

Thực tế cho thấy rõ tăng trưởng kinh tế luôn luôn phải gắn với phát triển xã hội. Tăng trưởng kinh tế mà văn hóa - xã hội suy yếu là điều vô nghĩa và trái ngược với chế độ xã hội chủ nghĩa lấy sự phát triển con người toàn diện làm mục tiêu trung tâm. Chỉ có văn hóa - xã hội mạnh, có trình độ chính trị cao của nhân dân, có một nhà nước pháp quyền mạnh mới có thể kiềm chế những mặt tiêu cực của kinh tế thị trường. ❑

(2) Tạp chí *Far Eastern Economic Review*, ngày 11-11-1996

Digitized by Google

VÌ SAO CÔNG TY DỊCH VỤ, HẬU CẦN THỦY SẢN BÀ RỊA - VŨNG TÀU SẢN XUẤT - KINH DOANH CÓ HIỆU QUẢ

XUÂN LÊ

CÔNG ty dịch vụ, hậu cần thủy sản Bà rịa - Vũng tàu (DVHCTS với tên giao dịch là BASEASERCO) thuộc Sở thủy sản tỉnh Bà rịa - Vũng tàu mới được thành lập từ tháng 10 năm 1992, có chức năng sản xuất - kinh doanh phục vụ ngành thủy sản. Ra đời trong cơ chế thị trường, công ty vừa thực hiện chế độ hạch toán độc lập, lại vừa phải gánh các khoản công nợ và những tồn tại từ các đơn vị tiền thân khá nặng nề. Bà rịa - Vũng tàu là một trong những tỉnh có môi trường "làm ăn" sôi động vào loại bậc nhất nước ta, nơi tàu bè khắp các miền tập trung nhộn nhịp đánh cá và ra vào tại các cảng lớn nhỏ của vùng biển này. Lợi thế đó làm nảy sinh nhu cầu lớn về dịch vụ xăng dầu, nước ngọt, nước đá và sửa chữa tàu thuyền... Tuy nhiên vào thời điểm từ năm 1992 về trước, những nhu cầu đó cũng chỉ tồn tại dưới dạng tiềm năng, chưa có cơ hội khai thác một cách có hiệu quả.

Nhờ sự chỉ đạo đúng của Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh Bà rịa - Vũng tàu, Công ty dịch vụ hậu cần thủy sản được thành lập và đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh đúng hướng, có hiệu quả, được ngư dân và khách hàng trong, ngoài tỉnh tín nhiệm. Dưới đây là một số chỉ tiêu cơ bản thể hiện kết quả hoạt động của Công ty :

- Doanh số hoạt động của Công ty tăng mạnh qua các năm : Năm 1993 là 76,7 tỉ đồng ; năm 1994 - 132 tỉ ; năm1995 - 251,6 tỉ đồng và năm 1996 là 250 tỉ đồng (gấp 3,3 lần năm 1993).

- Là một trong số ít các doanh nghiệp nhà nước của tỉnh Bà rịa - Vũng tàu liên tục làm ăn có lãi, nộp ngân sách khá nhất trong toàn tỉnh. Năm 1995 các khoản nộp ngân sách của Công ty lên đến 5,6 triệu đồng trên một đầu người.

- Hiệu quả sử dụng vốn : năm 1995 mỗi đồng vốn (kể cả vốn cố định và vốn lưu động) của công ty làm ra 0,28 đồng lãi (chưa kể phần đóng góp cho ngân sách trung ương và địa phương 0,51 đồng). Thời gian quay vòng vốn lưu động rút ngắn. Nếu năm 1994 mỗi vòng chu chuyển vốn lưu động là 17 ngày, thì năm 1995 giảm xuống còn 14 ngày/vòng.

- Công ty mở quy mô sản xuất và dịch vụ, đa dạng hóa sản phẩm, đặc biệt là thu hút một lượng lớn lao động tại địa phương, góp phần tạo công ăn việc làm, bảo đảm thu nhập ổn định cho người lao động. Từ ngày thành lập đến nay Công ty đã đưa vào hoạt động 2 nhà máy mới (nhà máy giày xuất khẩu Bà rịa, nhà máy túi xách Bà rịa). Lúc đầu Công ty chỉ có 200 cán bộ, công nhân viên, nay đã lên đến 1 600 người (gấp 8 lần so với 4 năm trước đây). Điều đáng chú ý là Công ty đã duy trì được mức thu nhập khá cao và ổn định cho cán bộ, công nhân (kể cả lao động phổ thông và lao động tại chỗ) với mức bình quân từ 500 ngàn/người đến vài triệu đồng/người/tháng tùy theo tính chất cụ thể của từng công việc (đặc điểm của Công ty là có nhiều đơn vị trực thuộc với các chức năng công việc rất khác nhau, nên độ phân giải về thu nhập lớn, do đó chỉ tiêu thu nhập bình quân ít có ý nghĩa phân tích) :

Biểu : *Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty dịch vụ, hậu cần thủy sản Bà rịa - Vũng tàu*

Các chỉ tiêu cơ bản	1993	1994	1995	1996
- Doanh số (tỉ đồng)	76,70	132,00	251,60	250,00
- Lợi nhuận (tỉ đồng)	2,75	4,50	4,82	5,00
- Nộp ngân sách (tỉ đồng)	10,66	12,00	6,70	5,50
trong đó nộp ngân sách địa phương	2,30	3,00	3,50	3,00
- Hiệu quả sử dụng vốn (lợi nhuận trên vốn cố định và vốn lưu động)	0,30	0,30	0,28	0,29
- Số lượng cán bộ công nhân viên (người)	200	850	1 200	1 600
- Thu nhập bình quân (ngàn đồng) :				
+ đối với lao động cũ có đào tạo	700	800	850	1000
+ đối với lao động mới, lao động phổ thông	300	400	600	700

Digitized by Google

Những kết quả đạt được trên đây, trước hết là nhờ sự đồng tâm, hiệp lực của một tập thể 1 600 con người. Sức mạnh tập thể đã giúp Công ty khắc phục những khó khăn, vượt qua những thách thức, tạo thế chủ động trong mọi tình huống của cơ chế thị trường. Công ty đặc biệt chú trọng môi trường kinh doanh và luôn có giải pháp năng động, sáng tạo, thích ứng với nền kinh tế thị trường :

Một là, Công ty có một cơ cấu sản xuất - kinh doanh nhiều phương án (hay còn gọi là sản xuất - kinh doanh tổng hợp phục vụ ngành thủy sản). Cơ cấu sản xuất kinh doanh đa dạng thích ứng với thị trường đã làm giảm thiểu những rủi ro trong kinh doanh, làm cho hiệu quả sử dụng vốn cao, ổn định và thu lãi lớn. Điều đó thể hiện ở chỗ Công ty ra đời xuất phát từ những nhu cầu phong phú của ngành thủy sản. Vì là một đơn vị hạch toán độc lập, Công ty được nhà nước cho phép hoạt động tổng hợp, trên cơ sở quản lý và điều hành 11 (có lúc là 12) đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân, nằm rải rác tại các địa phương trong tỉnh. Các đơn vị trực thuộc được giao quyền chủ động trên cơ sở quản lý điều hành tập trung thống nhất về nguồn vốn và mục tiêu kế hoạch (chủ yếu thông qua hai chỉ tiêu : lợi nhuận và các khoản nộp ngân sách) trên cơ sở nguyên tắc *"trực tuyến - chức năng"*. Mười một đơn vị trực thuộc (năm 1995 xí nghiệp khai thác thủy sản chuyển qua đơn vị khác, năm 1996 nhà máy túi xách Bà rịa mới bắt đầu thi công xây dựng và đào tạo công nhân) được phân ra làm 3 khối theo chức năng hoạt động như sau :

1 - Khối sản xuất nước đá có 5 nhà máy (Hồng đức, Bà rịa, Hiệp hòa, Nam long, Incomap) ;

2 - Khối sản xuất gia công có 3 nhà máy (nhà máy giày xuất khẩu Bà rịa, nhà máy cơ khí Bà rịa, nhà máy túi xách Bà rịa).

3 - Khối dịch vụ cơ khí tàu thuyền có 3 đầu mối (văn phòng công ty, trung tâm dịch vụ thủy sản, xí nghiệp cơ khí đóng, sửa tàu thuyền).

Kế hoạch Công ty đề ra cho các đơn vị trực thuộc có tính đến những rủi ro có thể xảy ra do các yếu tố khách quan và chủ quan, tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị thực hiện bằng được chỉ tiêu cuối cùng của toàn Công ty là doanh số và lợi nhuận (trường hợp có trục trặc ở một hoặc vài khâu hay đầu mối, thì Công ty thực hiện cơ chế "san sẻ rủi ro", "cộng đồng trách nhiệm"). Ví dụ kế hoạch năm 1995 chỉ thực hiện được 69% do biến động của thị trường (như ở nhà máy giày xuất khẩu Bà rịa, phía đối tác giao nguyên liệu không đủ), Công ty tìm cách đẩy mạnh các hoạt động khác để bù vào chỗ "trống". Bởi vậy, kết quả Công ty vẫn thu được 4,82 tỉ đồng tiền lãi, cao hơn năm 1994 là 320 triệu đồng. Số vòng quay của vốn lưu động là 25 vòng/năm trong khi năm 1994 là 21 vòng.

Để vận hành có hiệu quả cơ chế hoạt động như trên, Công ty mở rộng quyền của các đơn vị trực thuộc, tận dụng mọi thế mạnh của chúng trong phạm vi pháp luật cho phép, đồng thời gắn trách nhiệm cá nhân với từng người (trường hợp một đơn vị nào đó bị thua lỗ, thì sau 3 tháng, nếu không có phương án khắc phục, giám đốc sẽ bị thay thế). Do đó, mỗi đơn vị, một mặt, phải hết sức nhạy bén với nhu cầu của thị trường, nắm vững tiềm năng và thực lực của mình, mặt khác, phải hiểu rõ pháp luật, đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Hai là, tôn trọng chữ "tín" với khách hàng. Đây là bí quyết mà nhiều nhà doanh nghiệp biết, nhưng không phải ai cũng làm được. Bí quyết của Công ty dịch vụ, hậu cần thủy sản thể hiện ở chỗ bản thân mỗi cán bộ công nhân viên trong Công ty phải biết đoàn kết để tạo dựng uy tín với khách hàng và ra sức gìn giữ nó. Anh em trong Công ty xác định rằng đoàn kết phải trên cơ sở đấu tranh thẳng thắn, vì lợi ích chung. Từ cung cách làm ăn đó, Công ty đã tranh thủ được sự ủng hộ và giúp đỡ của các cơ quan trong và ngoài tỉnh, đặc biệt là Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, Ngân hàng ngoại thương, Sở tài chính - vật giá, Sở thủy sản...

Uy tín với khách hàng còn thể hiện ở tinh thần trung thực, thẳng thắn trong làm ăn. Điều đó chỉ có thể đạt được bằng con đường tuân thủ pháp luật, không giấu khách hàng về những khó khăn của mình, nhưng luôn tỏ rõ sự gắn bó và tích cực làm ăn lâu dài với thái độ sòng phẳng, cùng có lợi và chia sẻ mọi khó khăn, thuận lợi với khách hàng. Nhờ đó nhiều khách hàng không những không rời bỏ Công ty khi gặp khó khăn, mà còn gắn bó hơn,

Digitized by Google

có lúc sẵn sàng giúp đỡ Công ty giải quyết những khó khăn.

Kinh nghiệm làm ăn của Công ty cho thấy khách hàng ổn định là bảo đảm có một thị trường ổn định. Thị trường ổn định đồng nghĩa với hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị và của Công ty ổn định. Công ty luôn coi trọng khách hàng, song không lệ thuộc vào khách hàng, mà luôn chủ động tìm cách tiếp cận và mở rộng thị trường, chủ động hợp tác với khách hàng, tìm cách làm cho khách hàng gắn bó lâu dài bằng việc tạo cho họ những điều kiện thuận lợi hơn các công ty khác.

Ba là, dám nghĩ, dám làm, mạnh dạn lao vào chỗ khó và chấp nhận có thể rủi ro là một bí quyết của thành công. Quan điểm của ban giám đốc Công ty là phải mạnh dạn lao vào chỗ khó để khai thác thị trường mới, nếu ngại khó thì nhiều nhất cũng chỉ có thể thu được "lợi nhuận bình quân", bởi vì thị trường cũ, truyền thống vốn đã có nhiều doanh nghiệp tham gia khai thác. Mà lợi nhuận bình quân trong cạnh tranh thị trường như hiện nay thì thường là không lớn. Muốn có lợi nhuận siêu ngạch, phải lao vào thị trường mới, đón đầu các bí quyết về công nghệ. Nhưng khai thác thị trường mới thì phải chấp nhận nhiều rủi ro, điều cốt yếu là phải có cái gì để dám đứng ra chấp nhận rủi ro. Đó là những con người dám nghĩ, dám làm với tinh thần trách nhiệm cao vì lợi ích chung của Công ty. Thực tế cho thấy mấy năm qua Công ty đều hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ nhà nước giao, hơn nữa không có năm nào là không manh dạn mở rộng thị trường ra những địa bàn mới.

Tuy nhiên, không phải mọi hoạt động của Công ty đều nhằm thu lợi trước mắt, mà bỏ qua, hoặc xem nhẹ lợi ích lâu dài. Thời gian qua Công ty đã góp phần cùng địa phương giải quyết các vấn đề xã hội, đóng góp quỹ từ thiện... Bên cạnh đó Công ty còn có một cơ chế để hỗ trợ thích đáng cho các đơn vị - đầu mối trong những lúc khó khăn, góp phần ổn định thị trường và đời sống của người lao động.

Lao vào chỗ khó không có nghĩa là liều lĩnh mù quáng, mà phải có tính toán chi li, cụ thể và kịp thời thì mới "chớp được thời cơ" đi đến đích trước. Để làm được điều đó, đòi hỏi lãnh đạo Công ty phải phát huy có hiệu quả trí tuệ tập thể, bằng sự đoàn kết và sáng tạo, bằng sức mạnh của cả cộng đồng.

Công ty DVHCTS Bà rịa - Vũng tàu đã tạo được một quy chế làm việc giữa ban giám đốc Công ty với các đơn vị trực thuộc theo chế độ tập trung dân chủ, mở rộng hơn quyền hạn và nghĩa vụ cho các đơn vị cơ sở bảo đảm hoạt động có hiệu quả, đồng thời khai thác các tiềm năng sáng tạo của quần chúng. Cơ chế này thể hiện trước hết ở chỗ toàn thể cán bộ nhân viên trong Công ty đều hướng vào mục tiêu nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất - kinh doanh ; trên cơ sở đó nâng cao thu nhập cho người lao động, bảo đảm tích lũy để mở rộng sản xuất, làm tròn nghĩa vụ đối với nhà nước.

Bốn là, thực sự coi trọng nguồn lực con người và chú ý đến lợi ích của người lao động. Vấn đề này cũng được cụ thể hóa ở quy chế và lề lối làm việc. Công ty thực sự tôn trọng lợi ích của người lao động, làm cho họ được hưởng thụ xứng đáng từ sự đóng góp của mình. Lực lượng lao động của Công ty phần lớn xuất thân từ nông thôn, do đó muốn có nguồn lao động tốt, Công ty phải triển khai nhiều công việc thiết thực và dành khoản đầu tư thích đáng để đào tạo và khuyến khích mọi người tự đào tạo nâng cao tay nghề. Năm 1995 Công ty đã cử nhiều cán bộ, công nhân viên theo học các lớp đại học, trung cấp và học nghề, đồng thời hỗ trợ cho phong trào tự học, đặc biệt là học ngoại ngữ, vi tính, với tổng kinh phí trên 80 triệu đồng. Nhờ vậy chất lượng lao động của Công ty cũng đã có bước cải thiện khá. Đến nay Công ty có 53 đảng viên, 35 người có trình độ đại học, trong đó có 20 kỹ sư, 50 người có trình độ trung cấp ; còn lại là lao động phổ thông. Từ thực tế này Công ty đã đúc kết bốn bài học cơ bản về sử dụng lao động, đó là dùng người phải phù hợp với năng lực, nguyện vọng ; tạo không khí làm việc chan hòa tình người, ngăn chặn kịp thời mọi biểu hiện mâu thuẫn cá nhân, bè phái, mất đoàn kết ; quan tâm thực sự đến đời sống vật chất và tinh thần của người lao động ; kiên quyết thay thế những cán bộ, nhân viên không đủ phẩm chất, kém năng lực.

Digitized by Google

Nhân tố con người trong việc nâng cao hiệu quả sản xuất - kinh doanh, theo quan niệm của Công ty, còn bao gồm cả việc giáo dục nhân cách, xây dựng quan hệ tốt đẹp giữa người với người (đối nhân xử thế). Đối với nội bộ là tôn trọng, đoàn kết và tạo điều kiện để phát huy tài năng ; đối với bên ngoài là có thái độ đúng mực, tranh thủ mọi sự ủng hộ. Cái gốc là bảo vệ lợi ích chính đáng của người lao động. Doanh thu và lợi nhuận có lớn đến mấy, vấn đề cốt lõi cuối cùng vẫn là ở chỗ chúng đem lại được gì cho con người. Đơn cử một trường hợp cụ thể là trong "hợp đồng gia công may giày xuất khẩu" Công ty đã đặt điều kiện là nếu bên B không cung cấp đủ nguyên vật liệu thì vẫn bồi hoàn mức tiền lương cho công nhân ngang bằng định mức gia công giày hằng tháng (100 000 đôi). Trong khi đó nếu gia công được nhiều hơn số lượng theo định mức đó thì đơn giá cho toàn bộ lô giày trong tháng phải được tăng lên. Như vậy, phía nước ngoài không ép được phía ta để ghìm tiền lương ở mức tối thiểu mà nhà nước đã công bố. Công ty làm được điều đó là do thấu suốt được tư tưởng : mọi việc phải xuất phát từ lợi ích người lao động. Những năm qua trong Công ty không xảy ra một trường hợp nào vì lợi ích cá nhân mà móc ngoặc với phía nước ngoài để chia phần lợi nhuận không chính đáng, hoặc chèn ép lợi ích của công nhân, hoặc mua thiết bị rẻ tiền, lạc hậu để kiếm lời làm thiệt hại đến lợi ích tập thể.

Năm là, nắm vững luật pháp, thực hiện "sống và làm việc theo hiến pháp và pháp luật". Công ty coi đây là cung cách làm việc theo hướng hiện đại. Thực tế phát triển của Công ty DVHCTS Bà rịa - Vũng tàu đã chỉ rõ : việc giáo dục cho anh em, nhất là anh em làm công tác quản lý, am hiểu pháp luật (pháp luật trong nước và pháp luật quốc tế), một mặt, sẽ tránh được những rủi ro (hoặc bị lừa đảo) hoặc rơi vào tình trạng vi phạm pháp luật do không nắm vững pháp luật ; mặt khác, còn được pháp luật che chở trong những trường hợp bất trắc. Bởi vậy, sự nhanh nhạy với nhu cầu thị trường là chìa khóa đi tới thành công, nhưng sự nhanh nhạy ấy không thể vượt ra khỏi "hành lang" của pháp luật.❑

CỦNG CỐ VÀ PHÁT TRIỂN ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ

***PHAN THANH KHÔI** **

TRÍ thức nước ta nói chung và trí thức dân tộc thiểu số (DTTS) nói riêng, phần lớn được Đảng và Nhà nước ta đào tạo từ sau hòa bình lập lại ở miền Bắc (1954). Tất nhiên, trước đó Đảng cũng đã tuyển chọn một số con em đồng bào DTTS vào học các trường trong chiến khu. Ở miền Nam, ngay trong thời gian kháng chiến chống Mỹ, cũng có nhiều đợt con em đồng bào DTTS được đưa ra Bắc học tập. Từ khi đất nước thống nhất đến nay, trí thức DTTS có bước phát triển mới và được đào tạo ở nhiều trường trong nước. Có những trường chủ yếu chọn lựa sinh viên là DTTS, hoặc là người sống ở miền núi vào học (trường đại học Tây nguyên, đại học y khoa Bắc thái, đại học sư phạm Việt bắc...).

Tính đến nay, cả nước có koảng 4 000 000 lao động kỹ thuật ; trong đó có trên 1 200 000 người có trình độ trung cấp ; trên 800 000 người có trình độ đại học, cao đẳng ; gần 10 000 tiến sĩ, phó tiến sĩ và thạc sĩ. Số người có trình độ tiến sĩ, phó tiến sĩ và thạc sĩ chỉ chiếm khoảng 1,2% số người có trình độ đại học, cao đẳng. Số người có trình độ sau đại học trong các trường đại học và viện nghiên cứu có cao hơn, nhưng cũng chỉ chiếm 10,4% (ở nhiều nước phát triển, tỷ lệ này là 25 - 30%). *Trí thức người dân tộc thiểu còn chiếm tỷ lệ quá nhỏ trong tổng số người có trình độ đại học, cao đẳng của cả nước.* Các dân tộc Dao, Ê đê, Sán dìu, Sán chây, Chăm, Thổ, Mông, Gia rai, mỗi dân tộc chỉ có 100 - 200 người có trình độ đại học và cao đẳng. Còn 12 dân tộc không có người tốt nghiệp đại học, cao đẳng.

Có thể nhận thấy số lượng tuyệt đối trí thức DTTS có tăng lên chút ít, song tỷ lệ so với tổng số trí thức lại có phần giảm.

* PTS triết học, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

Năm học	Tổng số sinh viên mới tuyển	Trong đó người DTTS (%)
1989 - 1990	22 628	2,5
1990 - 1991	22 787	3,5
1991 - 1992	22 146	3,4
1992 - 1993	25 748	3,05
1993 - 1994	35 320	2,4

Địa bàn miền núi nuôi dưỡng người trí thức DTTS, tạo ra những đặc điểm riêng cho nhóm xã hội này, đồng thời đặt lên vai họ trách nhiệm không nhỏ để đổi mới sự phát triển miền núi, đưa miền núi đi lên cùng với cả nước. Gần đây có người cho rằng khái niệm trí thức trên địa bàn miền núi nên mở rộng, bao hàm cả bộ phận của gần 75 000 lao động chuyên môn đã qua đào tạo trung cấp chuyên nghiệp. Tuy vậy số lượng ấy cùng những người được đào tạo ở bậc cao đẳng và đại học vẫn chưa thấm vào đâu so với yêu cầu phát triển miền núi sắp tới.

Nghị quyết 22 của Bộ chính trị (khóa VI) đã vạch ra những chủ trương, chính sách lớn nhằm phát triển kinh tế - xã hội miền núi. Đó là phương hướng quan trọng mang tinh thần đổi mới mà đồng bào các dân tộc sống trên địa bàn này đang trực tiếp thực hiện. Trí thức DTTS nắm vững ngôn ngữ dân tộc, thông hiểu địa bàn, tâm lý đồng bào đã trở thành lực lượng tuyên truyền có hiệu quả đường lối, chủ trương của Đảng và chính quyền các cấp xuống tận bản làng ; cùng với cán bộ lãnh đạo địa phương tổ chức và vận dụng đường lối chính sách vào hoàn cảnh cụ thể của địa phương, của từng dân tộc ; góp phần kiểm tra đôn đốc thực hiện và nhất là góp ý để bổ sung cho đường lối và chính sách, sát thực và có hiệu quả hơn.

Với kiến thức chuyên môn thông qua hoạt động về khoa học - công nghệ, trí thức DTTS trở thành nguồn lực thúc đẩy sự phát triển miền núi một cách toàn diện cả về kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội, quốc phòng - an ninh, trong đó trung tâm là phát triển kinh tế.

Để thoát khỏi nghèo nàn và lạc hậu, miền núi phải xây dựng theo hướng phát triển kinh tế hàng hóa, liên kết chặt chẽ với các tỉnh đồng bằng. Điều này chỉ có thể đạt được bằng việc đưa nhanh tiến bộ kỹ thuật vào miền núi. Trí thức DTTS là một chủ thể đi đầu thực hiện nhiệm vụ này, trong đó trách nhiệm lớn là bộ phận trí thức liên quan đến nghiên cứu và ứng dụng tiến bộ kỹ thuật ở lĩnh vực kinh tế trồng trọt, chăn nuôi, chế biến nông - lâm sản.

Trí thức DTTS sau những năm được đào tạo và sau thời gian lao động khoa học, trở thành bộ phận lao động chất xám, thành lực lượng "đại diện cho trí tuệ của dân tộc" [1]. Các DTTS nước ta nhìn chung còn nhiều mặt yếu kém, dân trí thấp, tỷ lệ mù chữ cao... thì những người được đào tạo qua trường, thật sự là lực lượng quý hiếm, và là một căn cứ để đánh giá trình độ phát triển của từng dân tộc. Ngày nay bên cạnh sự kính trọng mang tính truyền thống (trật tự dòng họ, tuổi tác, đức độ...), các DTTS có thêm tiêu chí về sự học hành, mức độ "có chữ". Điều này thể hiện bước tiến mới về văn hóa của các DTTS anh em.

Quan trọng hơn, bộ phận có trí tuệ đã góp phần quyết định đến việc nâng cao chất lượng cơ cấu xã hội của từng dân tộc. Chức năng khai sáng là hoạt động lớn và quan trọng của trí thức DTTS. Trí thức DTTS, mà trước hết là trí thức ở các ngành văn hóa - giáo dục, bằng tuyên truyền - thông tin - giảng dạy đã tham gia trực tiếp xây dựng con người mới, nếp sống mới, xóa mù chữ, nâng cao mặt bằng dân trí ở từng vùng. Những kiến thức khoa học mới qua phương tiện thông tin đại chúng thực sự là cầu nối cộng đồng các DTTS với đất nước và thế giới.

Sau 10 năm đổi mới đất nước, miền núi đã đạt được những kết quả đáng mừng : có những mô hình mới để phát triển kinh tế - xã hội thoát khỏi đói nghèo ; một bộ phận đáng kể trong số 3 triệu người du canh, du cư đã có địa bàn sinh sống tương đối ổn định ; chính sách giao đất, giao rừng đạt kết quả tốt. Nền kinh tế tự cung, tự cấp đã có bước chuyển sang nền sản xuất hàng hóa, phát triển kinh tế hộ gia đình, có nơi đã bố trí lại cơ cấu cây trồng cho hợp lý. Cơ sở vật chất - kỹ thuật được xây dựng khá hơn, góp phần làm thay đổi bộ mặt nông thôn miền núi. Sự nghiệp văn hóa, y tế, giáo dục trong các dân tộc phát triển khá ; công tác phát thanh và truyền hình đã triển khai khẩn trương, được đồng bào hoan nghênh... Việc chấn chỉnh tổ chức đảng, chính quyền và kiện toàn cán bộ, tích cực đưa đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước vào thực tiễn... đã giúp cho đồng bào có những nhận thức mới về chính trị, khoa học, kỹ thuật...

Tất cả những kết quả trên đều có sự đóng góp công sức của trí thức DTTS với tính cách là một nguồn lực phát triển trên cơ sở thực hiện nhiệm vụ chuyên môn khoa học của mình.

Nhưng những kết quả trên cũng mới là bước đầu. Miền núi còn rất nhiều khó khăn ; sự phát triển

(1) Đỗ Mười : *Trí thức Việt nam trong sự nghiệp đổi mới xây dựng đất nước*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1995, tr 237

Digitized by Google

kinh tế - xã hội vẫn còn chậm chạp và chưa vững chắc ; số người nghèo đói còn nhiều, cơ sở hạ tầng vẫn thấp kém và tiếp tục xuống cấp, giao lưu hàng hóa rất hạn chế, tài nguyên môi trường bị tàn phá, nạn thất học, mù chữ còn không ít. Để thực hiện tốt nhiệm vụ của sự nghiệp đổi mới, thực hiện tốt các Nghị quyết của Đảng, cán bộ, nhân dân, trong đó có trí thức DTTS có trách nhiệm to lớn và nỗ lực vượt bậc đưa miền núi đi lên cùng đất nước.

Thực trạng lực lượng trí thức miền núi nói chung và trí thức DTTS nói riêng còn rất mỏng. Ngành giáo dục cả nước, trong đó có giáo dục đại học sau mấy năm thực hiện Nghị quyết trung ương 4 (khóa VII) mới chỉ bắt đầu bước ra khỏi sự suy thoái. Do vậy, một số năm tới đây, dù việc đào tạo trí thức cho đồng bào DTTS tiếp tục được ưu tiên, nhưng vẫn chưa tương xứng với sự đòi hỏi cấp bách của nhiệm vụ xây dựng và phát triển miền núi.

Câu hỏi đặt ra là bằng cách nào để trí thức DTTS phát huy hơn nữa khả năng, vượt qua được hạn chế về số lượng ?

Trước hết, cần tăng cường khả năng của trí thức DTTS trong thế cộng đồng. Người trí thức DTTS chỉ có thể có được sức mạnh khi đặt mình trong mối quan hệ và hợp tác với các cộng đồng xã hội liên quan.

Việc tách vấn đề trí thức DTTS ra bàn là chỉ trong phương diện nghiên cứu khoa học. Còn thật ra trong thực tế ở nước ta không có một thực thể trí thức DTTS độc lập (hiểu theo nghĩa tuyệt đối), hơn nữa càng không có chỉ ở một DTTS nào đó. Nếu tách riêng ra, họ khó có thể thực hiện được chức năng phân công lao động xã hội của mình. Bởi vì, một mặt số lượng trí thức của từng DTTS còn quá ít, mặt khác quan trọng hơn là các dân tộc nước ta sống xen kẽ với nhau trên giải đất miền núi phía tây của Tổ quốc, từ đông bắc chạy dọc Trường sơn qua Tây nguyên vào đông Nam bộ. Cho nên cơ cấu DTTS nước ta gắn với cơ cấu lãnh thổ miền núi. Trí thức DTTS nói chung, và ở từng tỉnh, huyện, xã ở miền núi nói riêng bao gồm con em của nhiều DTTS. Trí thức DTTS ở tỉnh Yên bái là lực lượng đại biểu chất xám của gần 30 dân tộc (H'mông, Dao, Thái, Tày...) ; ở tỉnh Quảng nam - Đà nẵng là 4 dân tộc (Cơ-tu, Giẻ-Triêng, Xơ-đăng, Co) ; ở tỉnh Đắc lắc là 32 dân tộc (Êđê, M'nông...). Sự đoàn kết dân tộc trong đội ngũ trí thức DTTS ở các lãnh thổ nhất định ấy mới tạo nên sức mạnh tổng hợp để trí thức hoàn thành công tác chuyên môn của mình.

Cơ cấu trí thức trên lãnh thổ các tỉnh, huyện, xã miền núi dễ nhận thấy sự nổi bật của mối quan hệ giữa trí thức DTTS và trí thức con em đồng bào Kinh. Mở rộng ra đó là quan hệ miền xuôi - miền ngược, mà truyền thống gắn bó đã có từ lâu đời, đi vào tâm khảm con người... Lực lượng trí thức dân tộc Kinh và DTTS có mặt mạnh, yếu khác nhau, nhưng biết bổ sung, nâng đỡ nhau sẽ đạt được những yêu cầu cần thiết của lao động sáng tạo.

Có thể nêu một số ví dụ cụ thể : Công tác y tế ở Tuyên quang đạt được kết quả phải là do sự cố gắng chung trong đó có sự đóng góp trực tiếp của gần 200 bác sĩ, 500 y sĩ và hơn 300 y tá ; ở tỉnh Lạng sơn là của 230 bác sĩ, 480 y sĩ, và hơn 400 y tá ; ở tỉnh Lâm đồng là của 260 bác sĩ, gần 500 y sĩ và 350 y tá... Thành tựu xây dựng con người qua hoạt động giáo dục ở Tây nguyên là kết quả hợp lực không chỉ của các trường đại học với gần 6 500 giảng viên, mà còn của các trường trung học chuyên nghiệp với 355 giáo viên, và của các trường phổ thông với gần 19 000 giáo viên.

Trí thức DTTS đặt trong quan hệ tổng thể sẽ nâng cao được vai trò, vị trí của mình, thể hiện rõ quan điểm đối với miền núi của Đảng ta là : "Sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, phát triển kinh tế, văn hóa miền núi là sự nghiệp chung của nhân dân cả nước, trước hết là sự nghiệp của nhân dân các dân tộc miền núi. Khai thác và xây dựng miền núi là vì lợi ích trực tiếp của nhân dân miền núi, đồng thời vì lợi ích chung của cả nước" (2). Hình ảnh đẹp đẽ của mối quan hệ này là sự phối hợp nhiều mặt của bộ đội biên phòng trong xây dựng miền núi. Tính đến nay đã có 36/40 tỉnh biên giới đã xây dựng "chương trình phối hợp xóa mù chữ - phổ cập giáo dục tiểu học" giữa sở giáo dục - đào tạo và ban chỉ huy bộ đội biên phòng triển khai đến cơ sở. Từ tháng 7-1994 đến tháng 7-1995, bộ đội biên phòng đã mở 262 lớp xóa mù chữ cho hơn 6 240 người, chủ yếu là đồng bào DTTS, 238 lớp phổ cập tiểu học cho 5 650 em gia đình nghèo... Ngoài ra các đơn vị biên phòng phối hợp với các trường mở được 245 lớp xóa mù chữ cho hơn 7 100 em, vận động được 11 620 em bỏ học trở lại trường.

Thứ hai, nâng cao hiệu quả lãnh đạo, tăng cường công tác quản lý, quan tâm hơn nữa đối với đội ngũ trí thức và hoạt động khoa học của cấp bộ đảng, chính quyền, các đơn vị chủ quản có ý nghĩa quan trọng để phát huy khả năng của trí thức DTTS.

(2) Nghị quyết 22 của Bộ chính trị (khóa VI) Về một số chủ trương, chính sách lớn phát triển kinh tế - xã hội miền núi

Digitized by Google

Cán bộ đảng và chính quyền nắm vững tình hình lãnh thổ, đặc điểm của trí thức DTTS, đồng thời phải có sự hiểu biết về khoa học - kỹ thuật, từ đó cụ thể hóa các chủ trương, đường lối cấp trên vào công tác lãnh đạo trí thức và quản lý hoạt động khoa học.

Đảng và chính quyền địa phương cần tích cực chuẩn bị nguồn để đưa đi đào tạo ở các trường cao đẳng, đại học một cách chủ động và có kế hoạch. Song song với vấn đề này, các trường có con em các DTTS học tập cần đổi mới nội dung, phương pháp giảng dạy cho phù hợp với đối tượng, theo tinh thần ưu tiên hợp lý để nâng cao chất lượng đào tạo.

Chính sách của Đảng và Nhà nước có ý nghĩa quyết định đến việc tạo điều kiện để trí thức DTTS vận động được trong thế cộng đồng. Trước mắt vẫn phải tiếp tục khuyến khích cán bộ khoa học - kỹ thuật miền xuôi lên công tác lâu dài ở miền núi. Chỉ thị 525/TTg của Chính phủ (1993) đã đưa ra một số chính sách cụ thể về đãi ngộ và khuyến khích bằng lợi ích nhằm thực hiện chủ trương này. Nhưng hoàn cảnh hiện nay cần được bổ sung, hoàn chỉnh để việc "chiêu hiền đại sĩ" đến với vùng đất miền núi còn nhiều gian khổ.

Chủ trương, chính sách của đảng bộ, chính quyền các cấp, các cơ quan chủ quản cần gắn hoạt động nghiên cứu khoa học với thực tiễn, cụ thể hóa theo kiểu "đặt hàng" những vấn đề cần thiết đối với từng địa phương miền núi. Thiết lập được các mối quan hệ trực tiếp giữa các đơn vị, cơ sở kinh tế - xã hội với các cơ quan và người nghiên cứu khoa học trên cơ sở cùng có lợi vì sự tiến bộ của các dân tộc anh em.

Đất nước còn nhiều khó khăn, tình hình thế giới còn diễn biến phức tạp. Cho nên, chúng ta cần quan tâm đến việc nâng cao lập trường, tạo niềm tin cho người trí thức miền núi vào thắng lợi của sự nghiệp đổi mới đất nước do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo.

Phải thường xuyên bồi dưỡng nghiệp vụ, chuyên môn cho người trí thức miền núi bằng các biện pháp đa dạng (tập trung, tại chức, tại đơn vị, ở địa phương hoặc trung ương, qua hội thảo hoặc thông tin đại chúng...). Có cơ chế kết hợp và phát huy tối đa trí tuệ tập thể và khả năng cá nhân nhà khoa học.

Xây dựng môi trường dân chủ và đoàn kết giữa trí thức dân tộc Kinh và trí thức DTTS, coi đó như một truyền thống và luôn luôn có trách nhiệm vun đắp cho nó mãi mãi tốt tươi.

Đảng và Nhà nước cần tăng đầu tư cho công tác khoa học ở miền núi. Công tác đầu tư cho khoa học phải tiến tới đa dạng hóa các nguồn tài trợ (từ ngân sách nhà nước, từ các doanh nghiệp ở các thành phần kinh tế, từ trong nước và cả ngoài nước...). Và quan trọng hơn là phải phân bổ và sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư cho hoạt động khoa học của các đơn vị, các địa phương trên địa bàn miền núi.

Thứ ba, để nâng cao khả năng của trí thức DTTS phục vụ phát triển kinh tế - xã hội miền núi còn phụ thuộc rất nhiều ở chính sự nỗ lực của người trí thức. Về phần mình, các nhà khoa học phải nêu cao lòng yêu nước, xây dựng hoài bão lớn, cống hiến quên mình cho sự nghiệp nghiên cứu, sáng chế, phát minh, đóng góp tích cực và có hiệu quả cho xã hội, cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đáp ứng sự tin cậy của Đảng, Nhà nước và nhân dân.

Ngay từ lúc đang được đào tạo tại các trường, trí thức tương lai con em các DTTS phải có ý thức vì quê hương mà tích cực vươn tới, tiếp thu những tinh hoa văn hóa của đất nước và của nhân loại, nhưng vẫn giữ gìn truyền thống tốt đẹp của dân tộc mình, gạt bỏ dần những mặt hủ tục, lạc hậu. Cần khắc phục những hạn chế của bản thân về tư duy khái quát, về ngôn ngữ phổ thông, ngoại ngữ... nắm được thực chất các nguyên lý, nội dung khoa học, nâng cao chất lượng học tập của mình.

Trí thức DTTS cần phát huy truyền thống yêu nước, tính cộng đồng, sự chân thành trong cuộc sống, tính cần cù chịu khó... vào công tác chuyên môn khoa học để vươn tới hướng chung của trí thức nước ta trong hoàn cảnh mới hiện nay là : sáng tạo - năng động - thiết thực - có hiệu quả.

Sự nỗ lực của trí thức DTTS còn thể hiện ở tinh thần không thành kiến, không tự ti dân tộc, biết học hỏi đồng nghiệp nhằm đóng góp nhiều hơn cho sự nghiệp chung của dân tộc.

Người trí thức DTTS ngày càng phát huy khả năng của mình trong thế cộng đồng. Do vậy, giữ gìn đoàn kết là trách nhiệm chung, là một trong những yếu tố quyết định tạo nên sức mạnh tổng hợp để những người trí thức DTTS hoàn thành nhiệm vụ vẻ vang của mình đối với quê hương, Tổ quốc. ❑

Digitized by Google

TRÍ THỨC VIỆT NAM TRONG SỰ NGHIỆP ĐỔI MỚI XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC

CHU THÁI THÀNH

HỘI nghị Trung ương lần thứ 2 của Đảng (khóa VIII) đã thông qua Nghị quyết về định hướng chiến lược phát triển khoa học công nghệ và giáo dục đào tạo. Một trong những nội dung trọng yếu mà cả hai nghị quyết cùng đề cập đến là vấn đề xây dựng đội ngũ trí thức của chúng ta hiện nay. Tuy nhiên, không phải chỉ bây giờ, mà trong mọi giai đoạn cách mạng, Đảng và Nhà nước ta hết sức chú trọng đến vị trí, vai trò của đội ngũ trí thức. Cách đây khoảng 2 năm (năm 1995) cuốn sách "**Trí thức Việt nam trong sự nghiệp đổi mới xây dựng đất nước**" của **đồng chí Tổng bí thư Đỗ Mười** do *Nhà xuất bản Chính trị quốc gia ấn hành* đã thể hiện rất rõ điều đó. Cuốn sách đã được xã hội và đặc biệt là giới trí thức nồng nhiệt đón nhận bởi đó là hệ thống những quan điểm cơ bản của Đảng và Nhà nước ta đối với trí thức. Trong bối cảnh hiện nay, những chỉ dẫn của đồng chí Tổng bí thư càng tươi rói ý nghĩa thời sự. Xuyên suốt cuốn sách có ba nội dung cơ bản :

1 - Đảng ta đánh giá cao vai trò của trí thức

Đảng và Nhà nước ta luôn luôn khẳng định vai trò và vị trí quan trọng của đội ngũ trí thức trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, luôn luôn trân trọng, ghi nhận những công lao và tâm huyết của các nhà trí thức và tin cậy vào đội ngũ trí thức. Đảng ta đã nhiều lần khẳng định : *không có trí thức không thể xây dựng chủ nghĩa xã hội* và đó cũng là "quan điểm nhất quán, trước sau như một của Đảng" (tr 13).

Nhìn lại lịch sử anh hùng của một dân tộc có nền văn hiến lâu đời, kết tinh những giá trị lao động sáng tạo của nhân dân ta qua hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước, trong đó "trí thức là đại diện cho trí tuệ của dân tộc, luôn nhận thức sâu sắc trách nhiệm của mình đối với tiền đồ của Tổ quốc" (tr 237). Những trí thức chân chính bao giờ cũng nặng lòng yêu nước, thương dân, dám rũ bỏ tị hiềm, mặc cảm để làm tròn trách nhiệm của mình với dân với nước. Lịch sử nước ta đã ghi lại những tấm gương lớn của nhiều nhà trí thức như : Trần Hưng Đạo, Nguyễn Trãi, Nguyễn Bỉnh Khiêm, La Sơn Phu Tử, Ngô Thì Nhậm, Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Nguyễn Thượng Hiền...

Chúng ta cũng từng tự hào với một Thăng long ngàn năm văn vật. Ở đây có trung tâm Văn miếu Quốc tử giám, nơi đã diễn ra 124 khóa thi của nhiều triều đại và từ trung tâm này có 1 306 tiến sĩ đã đem trí tuệ của mình cống hiến cho đời. Chúng ta càng tự hào có Hồ Chí Minh, người anh hùng dân tộc vĩ đại, người được cả thế giới ngưỡng mộ và trân trọng, tôn vinh là nhà văn hóa lớn. Những áng thơ văn của Người đi vào trái tim con người, phục vụ cho sự nghiệp giải phóng xã hội. Ở Người còn truyền lại cho chúng ta nhiều bài học quý báu về thu phục nhân tâm, trọng dụng nhân tài. Người là hình ảnh tiêu biểu nhất của trí tuệ Việt nam trong thời đại mới. Noi gương Người, đi theo Người, một đội ngũ trí thức mới nước ta đã trưởng thành cùng phong trào cách mạng. Họ đã trải qua thử thách, tôi luyện trong đấu tranh lâu dài của dân tộc, xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Đồng chí Tổng bí thư nêu rõ : "Đảng và Nhà nước ta luôn trân trọng và tin cậy đội ngũ trí thức, coi đó là nguồn vốn trí tuệ rất quý báu của dân tộc ta" (tr 12).

Digitized by Google

2 - Đòi hỏi của Đảng đối với trí thức trong sự nghiệp đổi mới.

Người trí thức mới thể hiện nhận thức và hành động của mình trong lao động sáng tạo khoa học, trong việc cống hiến cho xã hội. *Người làm công tác khoa học xã hội* giúp Đảng xây dựng luận cứ khoa học cho con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, các quyết định lớn, từ định hướng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến những vấn đề về cụ thể như chính sách, quy hoạch, kế hoạch, dự án đầu tư... ; *người làm công tác khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật* tham gia đắc lực vào việc đổi mới quản lý, đổi mới công nghệ, đưa lực lượng sản xuất lên một trình độ phát triển mới, có năng suất, chất lượng và hiệu quả cao nhằm hiện đại hóa đất nước.

Trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa, khoa học và công nghệ có vai trò quyết định lợi thế cạnh tranh và tốc độ phát triển của các quốc gia. Phần thắng trong cuộc chiến "ai thắng ai" trên thị trường, quy đến cùng là do trí tuệ và năng lực sáng tạo của cả dân tộc, biết học hỏi một cách khôn ngoan kinh nghiệm và những thành tựu tri thức của nhân loại, tận dụng lợi thế của nước đi sau, biết đề ra những chủ trương, biện pháp thích hợp, giải quyết có hiệu quả các vấn đề kinh tế - xã hội, công nghệ, kỹ thuật, môi trường sinh thái. Đồng chí Tổng bí thư mong muốn các nhà khoa học phải nêu cao lòng yêu nước, xây dựng hoài bão lớn, cống hiến quên mình cho sự nghiệp nghiên cứu, sáng chế, phát minh, đóng góp tích cực và có hiệu quả cho xã hội, cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Cuốn sách của đồng chí Tổng bí thư nhấn mạnh : "Có thể nói chưa bao giờ công tác lý luận đứng trước những khó khăn, phức tạp như hiện nay và cũng chưa bao giờ có nhiều cơ hội đóng góp, sáng tạo rộng lớn bằng lúc này. Để thực hiện và phát huy đường lối đổi mới của Đảng, đòi hỏi phải nghiên cứu làm sáng tỏ hàng loạt vấn đề vừa cơ bản vừa bức xúc" (tr 129). Trí thức khoa học lý luận và chính trị vừa nghiên cứu vừa tham gia đào tạo cán bộ lãnh đạo về mặt lý luận. Nhiệm vụ ấy hiện nay thật quan trọng. Bởi vì, lý luận là cơ sở tạo lập niềm tin và giữ vững lập trường cách mạng, là ngọn đuốc soi đường cho sự nghiệp của chúng ta. Nó là tiền đề định hướng đúng đắn trong quá trình chuẩn bị và ra quyết định cũng như trong tổ chức thực hiện các quyết định.

Đảng đòi hỏi *ngành báo chí, xuất bản* phải là lực lượng xung kích trên mặt trận văn hóa tư tưởng, là công cụ thông tin nhanh nhạy nhất, thường xuyên tiếp xúc với nhân dân và giải đáp những vấn đề mới do cuộc sống đặt ra, đấu tranh hằng ngày hằng giờ chống những âm mưu, thủ đoạn đen tối của các thế lực thù địch, chống các khuynh hướng sai lầm trên mặt trận tư tưởng, góp phần quan trọng tổ chức, phát động phong trào hành động cách mạng của nhân dân : "Trách nhiệm hàng đầu của nhà báo Việt nam ngày nay là trung thành với nhân dân, phấn đấu vì sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt nam xã hội chủ nghĩa, vì lợi ích của đất nước, vì tự do hạnh phúc của đồng bào. Mọi thông tin, nghị luận và hành vi của nhà báo đều phải thể hiện đầy đủ trách nhiệm cao cả đó" (tr 268). Có thể nói, đó cũng là định hướng khái quát, bao trùm mọi hoạt động của giới báo chí nước ta trong thời gian tới.

Trên *lĩnh vực văn hóa, văn nghệ*, đồng chí Tổng bí thư chỉ rõ : văn hóa vừa là mục tiêu, vừa là động lực, là yếu tố nội sinh của quá trình phát triển. Phải chăm lo nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển văn hóa, văn nghệ trong tình hình mới. Song điều quan trọng nhất, quyết định tương lai của nền văn học Việt nam vẫn nằm trong tay giới văn nghệ sĩ, những người sáng tạo nên những giá trị nghệ thuật, làm giàu thêm kho tàng văn học nghệ thuật, nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân, làm cho nền văn hóa nước ta sánh vai cùng các nền văn hóa khác trên thế giới. Đồng chí Tổng bí thư kêu gọi và mong muốn giới văn nghệ sĩ "Phấn đấu làm tròn thiên chức cao quý đó" (tr 288), nhằm xây dựng và phát triển một nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc theo

Digitized by Google

định hướng xã hội chủ nghĩa với những đặc trưng cơ bản là dân tộc, hiện đại và nhân văn.

Trong cuốn sách, Tổng bí thư dành nhiều trang viết, phân tích vai trò quan trọng của *sự nghiệp giáo dục,* chìa khóa mở cửa tiến vào tương lai. Trí thức ngành giáo dục, những thầy giáo góp phần chủ yếu vào việc nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài "thật sự là trí thức của Đảng", của nhân dân. Ở đâu có cộng đồng dân cư, dù là vùng núi cao, vùng sâu, hay hải đảo đều có mặt thầy, cô giáo. Không có giáo dục thì không thể nói đến phát triển kinh tế và văn hóa. Song, thực tế nền giáo dục còn phải phấn đấu nhiều hơn nữa mới đáp ứng được yêu cầu của đất nước. Chất lượng giáo dục hiện nay còn thấp, những biểu hiện xuống cấp về giáo dục khá nặng nề, tiến trình nâng cao mặt bằng dân trí còn quá chậm, số người được đào tạo có trình độ tay nghề cao cũng như người học vấn đại học và sau đại học còn ít so với nhiều nước trong khu vực.

Đồng chí Tổng bí thư cho rằng, muốn phát triển giáo dục, đào tạo được những con người đáp ứng yêu cầu của đất nước trong thập kỷ này và chuẩn bị cho thế hệ trẻ bước vào thế kỷ XXI, trước hết phải quan tâm đào tạo những người thầy giáo. Đảng và nhân dân ta đặt nhiều hy vọng vào đội ngũ các thầy cô giáo, bởi giáo dục và rèn luyện năng lực, phẩm chất và nhân cách con người từ thuở ấu thơ đến tuổi trưởng thành "phải có các cô giáo, thầy giáo giỏi và mẫu mực", "những nhà giáo giỏi luôn luôn được kính trọng và là những tấm gương sáng của xã hội" (tr 204).

Thế giới đang trải qua những biến đổi to lớn và sâu sắc với những tiến bộ vượt bậc của cách mạng khoa học công nghệ hiện đại. Để đưa đất nước nhanh chóng thoát khỏi nghèo nàn lạc hậu, tiếp cận nền văn minh thế giới cần phải nắm lấy những thành tựu đó của khoa học công nghệ, trước hết ở một số ngành mũi nhọn quan trọng như : tin học, điện tử, tự động hóa, công nghệ sinh học... để phục vụ công cuộc đổi mới. Đó là trách nhiệm của toàn đảng, toàn dân, nhưng "trước hết, là trách nhiệm của đội ngũ các nhà trí thức, các nhà khoa học" (tr 56).

Tin học hóa và tự động hóa là một trong những nội dung cơ bản của cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện nay. Đó là một ngành khoa học đang rất trẻ, ngành khoa học của tương lai, đầy triển vọng. Có những dự báo cho rằng thế kỷ XXI là thế kỷ của thông tin. Vì vậy, trí thức nước ta phải từng bước, nhưng tích cực và khẩn trương đưa tin học vào cuộc sống. "Đảng trao nhiệm vụ nặng nề và quang vinh này cho các nhà khoa học, các nhà tin học nước ta" (tr 57), làm cho tin học từ chỗ được ứng dụng một cách tự phát, lẻ tẻ, cục bộ trở thành một nhu cầu rộng rãi ở mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi lĩnh vực. Phấn đấu sớm hình thành mạng lưới tin học và công nghệ thông tin ở tầm quốc gia. Đồng thời gắn mạng lưới tin học của nước ta với mạng lưới tin học và thông tin quốc tế.

Một trong những nội dung lớn của sự nghiệp đổi mới, theo đồng chí Tổng bí thư, đó là *xây dựng nhà nước pháp quyền* thể hiện bản chất thực sự của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Nhà nước đó phải có một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh để quản lý mọi mặt đời sống xã hội, phát huy mọi tiềm năng của các thành phần kinh tế, bảo đảm quyền con người, mau chóng tạo môi trường pháp lý cho quan hệ quốc tế rộng mở... Chỉ có quản lý xã hội bằng pháp luật mới duy trì, đẩy nhanh sự phát triển xã hội tạo ra sự ổn định trong cuộc sống của cả cộng đồng. Đương nhiên, đây là một công việc phức tạp và khó khăn, vì phải thay đổi, cải tạo căn bản thói quen, nếp sống của xã hội ; xây dựng một hệ thống pháp luật và cơ chế thực hiện pháp luật đồng bộ, có hiệu quả và hiệu lực ; một đội ngũ đông đảo luật gia có trình độ, đủ khả năng nắm cán cân pháp luật...

Cuốn sách còn đề cập đến đội ngũ trí thức nhiều cấp khác nhau, những nơi Tổng bí thư có dịp đến thăm và nói chuyện. Trong đó đáng chú ý nhất là bài nói của đồng chí "Tập trung trí tuệ các nhà khoa học để nghiên cứu, xây dựng Hà nội xứng đáng là thủ đô của nước Việt nam xã hội chủ nghĩa" (tr 20). Hơn bất cứ

Digitized by Google

nơi nào trên cả nước, thủ đô Hà nội có những tiềm năng to lớn. Ở đây tập trung nhiều cơ quan lãnh đạo, quản lý và nghiên cứu của nước ta, nơi hội tụ đông đảo nhất đội ngũ trí thức. Đây cũng là nơi tập trung lực lượng công nhân, thợ thủ công lành nghề, giàu kinh nghiệm - nguồn vốn cực kỳ quý báu phục vụ sự nghiệp đổi mới và phát triển. Đồng chí Tổng bí thư yêu cầu huy động đội ngũ trí thức "tích cực phấn đấu xây dựng một cơ cấu kinh tế đa dạng và hợp lý" (tr 21) trên địa bàn thủ đô.

Con đường đi lên của đất nước ta còn lắm gian truân. Đồng bào ta từ miền ngược đến miền xuôi đáng lẽ phải được sống trong ấm no hạnh phúc. Nhưng đến nay còn một bộ phận vẫn đang sống trong cảnh nghèo nàn, đó là : "điều day dứt của Đảng và Nhà nước, của tất cả chúng ta". Với tất cả tấm lòng bao dung của một nhà lãnh đạo, với tinh thần trách nhiệm cao của người cộng sản, đồng chí Tổng bí thư xúc động nêu lên nguyện vọng của mình, đồng thời cũng khẩn thiết kêu gọi trí thức nước ta "nung nấu bầu nhiệt huyết, nâng cao trách nhiệm trước dân tộc để cống hiến hết sức mình, tích cực góp phần đưa đất nước nhanh chóng tiến lên". Đồng chí nhấn mạnh : "Đảng, Nhà nước và nhân dân trao cho các đồng chí nhiệm vụ đó, rất vẻ vang và cũng rất nặng nề. Mong các đồng chí hạ quyết tâm làm bằng được" (tr 155).

3 - Mối quan hệ của Đảng với trí thức.

Xuất phát từ thực trạng kinh tế - xã hội và yêu cầu khách quan của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng ta đã đề ra chủ trương xây dựng và củng cố liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức. Chính mối quan hệ biện chứng giữa nông nghiệp và công nghiệp trong một nền kinh tế thống nhất có định hướng vừa là điều kiện, vừa là môi trường chủ yếu để giai cấp công nhân, nông dân và tầng lớp trí thức gắn bó với nhau, tác động qua lại, hỗ trợ cho nhau một cách trực tiếp. Trong nền kinh tế định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay, mối quan hệ ấy không đến tự phát mà phải thông qua hoạt động có tổ chức, của giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức do giai cấp công nhân lãnh đạo thông qua đảng tiên phong của nó là đảng cộng sản. Vì vậy, xét về mặt chính trị - xã hội, thì giai cấp công nhân sẽ không hoàn thành sự mệnh lịch sử của mình nếu không tổ chức và lãnh đạo được liên minh này. Cho nên, "xây dựng giai cấp công nhân Việt nam phát triển về số lượng, vững vàng về chính trị, có trình độ học vấn và tay nghề cao, năng động, sáng tạo, xứng đáng là giai cấp lãnh đạo cách mạng" (tr 171) là mục tiêu phấn đấu của Đảng ta.

Là người nắm những cơ sở sản xuất vật chất, kỹ thuật then chốt, tiêu biểu cho lực lượng sản xuất tiên tiến của xã hội, giai cấp công nhân tất yếu có vai trò tiên phong trong công cuộc đổi mới. Đồng chí Tổng bí thư cho rằng : "giai cấp công nhân và đội ngũ trí thức khoa học nước ta có khả năng tiếp cận nhanh với công nghệ hiện đại" (tr 166) để phát triển đất nước. Thực tế cho thấy, ở đâu giai cấp công nhân và đảng của nó lôi kéo, lãnh đạo được trí thức, phát huy tài năng trí tuệ của họ vào mọi công việc của cách mạng thì cách mạng mới có thể phát triển nhanh chóng, đỡ những tổn thất do thiếu hiểu biết, thiếu tri thức đúng đắn.

Có thể nói ở những nơi hoạt động khoa học và lực lượng trí thức yếu kém đều có nguyên nhân do buông lỏng lãnh đạo hoặc hiệu lực quản lý không cao. Đảng luôn coi trọng hoạt động khoa học và tin tưởng vào trí thức. Tuy nhiên, chúng ta phải thẳng thắn chỉ ra rằng "Trong quá trình vận dụng quan điểm đó vào thực tiễn, đã có lúc, có nơi, có người còn mang thái độ hẹp hòi, chưa quan tâm tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho sự tự do sáng tạo, chưa sử dụng có hiệu quả nguồn trí tuệ quý giá của đất nước. Đời sống của anh em trí thức còn nhiều khó khăn. Đó là khuyết điểm, thiếu sót mà Đảng và nhà nước ta phải khắc phục trong thời gian tới" (tr 13). Để tăng cường lãnh đạo và quản lý của Đảng và Nhà nước thì Đảng và Nhà nước phải có chủ trương và đường lối đúng trong xây dựng đội ngũ trí

Digitized by Google

thức và phát triển khoa học. Cán bộ các cấp bộ đảng, chính quyền, cơ quan chủ quản phải nâng cao hiểu biết về lĩnh vực chuyên môn khoa học, kỹ thuật để từ đó cụ thể hóa sát thực các chủ trương đường lối của cấp trên vào công tác lãnh đạo và quản lý đối với trí thức và hoạt động khoa học. Đổi mới lãnh đạo, quản lý trí thức và hoạt động khoa học phải theo tinh thần : tạo ra động lực cho khoa học và công nghệ. Động lực này nằm ở lợi ích của những người nghiên cứu, phát minh và ứng dụng có hiệu quả khoa học và công nghệ phục vụ thiết thực đời sống ; gắn hoạt động nghiên cứu với thực tiễn, với nhu cầu xã hội. Các cấp lãnh đạo cần tạo điều kiện làm việc cần thiết cho nhà khoa học ứng dụng nhanh các kết quả nghiên cứu vào thực tiễn ; khuyến khích những tìm tòi khoa học ; phát hiện, bồi dưỡng và trọng dụng tài năng. Có cơ chế thích hợp để phát huy tối đa trí tuệ tập thể và khả năng của cá nhân nhà khoa học. Tăng đầu tư cho khoa học, đa dạng hóa nguồn đầu tư từ ngân sách nhà nước và nhất là từ các cơ sở sản xuất, kinh doanh, từ viện trợ của nước ngoài...

Mối quan hệ của Đảng với trí thức còn thể hiện trong việc tăng cường chất lượng lãnh đạo và hiệu lực quản lý trí thức ; tăng cường đào tạo đội ngũ trí thức mới và quan tâm đến đời sống của anh chị em làm công việc đặc biệt này. Đảng ta tiếp tục đầu tư cho giáo dục, coi đó là một trong những chính sách đầu tư cho phát triển và trực tiếp tạo ra đội ngũ trí thức.

Đến thăm Trường đại học y thấy còn có nhiều khó khăn, thiếu thốn, ảnh hưởng đến việc nghiên cứu giảng dạy và học tập, đồng chí Tổng bí thư nói : "Đảng và Nhà nước sẽ nghiên cứu các chính sách và biện pháp để giảm bớt khó khăn đó" (tr 74) ; đến với trí thức Thủ đô, đồng chí Tổng bí thư căn dặn "Cần chăm lo đời sống và tạo môi trường tốt để anh chị em mang hết tài năng và trí tuệ cống hiến cho sự phồn vinh của Tổ quốc" (tr 28), "nên suy nghĩ tìm cách làm thêm cái gì đó để có thể kiếm được tiền, mà nuôi nhau và phát triển khoa học" (tr 250). Đảng và Nhà nước có thể hỗ trợ thêm một phần để trí thức giảm bớt khó khăn về vật chất, nhưng xét đến cùng, không ai có thể làm thay được trí thức công việc sáng tạo. Mối quan hệ giữa Đảng và trí thức chỉ thực sự gắn bó khi nào tất cả đều vì lợi ích chung, vì một lý tưởng cao cả : làm cho dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng và văn minh.❑

Một số suy nghĩ...

(Tiếp theo trang 51)

nhà nước tùy theo phẩm cấp. Đó là khoản thu nhập chính và so với xã hội đương thời nguồn thu nhập ấy rất bảo đảm cho cuộc sống của quan lại. Chế độ đó nhằm gắn lợi ích của quan lại chặt chẽ hơn vào vận mệnh của triều đình.

Do nhu cầu xây dựng nhà nước phong kiến trung ương tập quyền bộ máy quan lại ngày càng đông đảo. Bộ máy ấy giúp cho chính quyền trung ương và nhà vua nắm tới tận xã (như dưới thời Lê). Nhưng mặt khác khi triều đại suy sụp, vua quan sa đọa thì bộ máy ấy cũng trở nên cồng kềnh và bộc lộ các tệ nạn ghê gớm như ăm bám, nhũng nhiễu, tham nhũng... đó là mâu thuẫn mà các triều đại phong kiến không giải quyết được.

***

Nhìn lại các cuộc cải cách hành chính của một số triều đại phong kiến Việt nam xưa, có nhiều điều chúng ta có thể học tập, vận dụng vào hoàn cảnh mới với những đòi hỏi mới. Điều có thể rút ra là muốn cho đất nước hưng thịnh thì cần cải cách hành chính. Nhưng điều cốt lõi là phải có những chính sách tiến bộ đáp ứng được đòi hỏi khách quan của đời sống kinh tế - xã hội-văn hóa của đất nước. Ngược lại, có chính sách kinh tế - xã hội tiến bộ chưa đủ, mà cần phải cải cách hành chính để tạo ra bộ máy nhà nước, các thể chế và hệ thống công chức thích hợp mới tạo điều kiện thuận lợi cho các chính sách kinh tế - xã hội đó đi vào cuộc sống và giúp cho nhà nước quản lý một cách chặt chẽ mọi mặt của đời sống xã hội. ❑

Digitized by Google

MỘT SỐ SUY NGHĨ VÀ BÀI HỌC RÚT RA TỪ CÁC CUỘC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRONG LỊCH SỬ VIỆT NAM

ĐINH VĂN TIẾN *

TRONG lịch sử Việt nam đã từng có nhiều cuộc cải cách hành chính. Có những cuộc cải cách đã góp phần làm hưng thịnh triều đại, thúc đẩy xã hội phát triển, nhưng cũng có những cuộc cải cách đã không đem lại kết quả. Nghiên cứu những cuộc cải cách trong lịch sử của dân tộc chúng ta có thể rút ra nhiều bài học bổ ích cho công cuộc cải cách hành chính và đổi mới đất nước hiện nay.

1. Điều dễ nhận thấy là các triều đại đều có những thay đổi về hành chính theo hướng củng cố quốc gia thống nhất, độc lập, tập trung quyền lực vào chính quyền trung ương, đứng đầu là nhà Vua. Việc đầu tiên thường là sắp đặt lại các đơn vị hành chính, cắt đặt các quan chức cai trị sao cho chính quyền trung ương kiểm soát tới mức tối đa các địa phương và đời sống xã hội trong nước. Tuy nhiên kết quả đạt được thì tùy thuộc vào mức độ và biện pháp cải cách. Thời Ngô, Đinh, Tiền Lê chưa có gì thay đổi nhiều so với tổ chức cai trị cũ thời Bắc thuộc (mặc dù Ngô Quyền, Lê Hoàn cũng đã đặt ra trăm quan, định nghi lễ...) Do đó sự ràng buộc của trung ương đối với các địa phương còn lỏng lẻo. Mỗi khi vua chết thì nạn cát cứ lại bùng lên dữ dội. Chẳng hạn sau khi Ngô Quyền mất đi thì loạn 12 sứ quân kéo dài tới hơn 20 năm (từ 944 đến 967).

Lý Công Uẩn lên ngôi lập ra triều đại nhà Lý, bắt đầu xây dựng nhà nước theo lối chính quy. Triều đình định ra hai ban văn võ, quan lại chia thành 9 bậc phẩm, có một số cơ quan chuyên trách. Chia lại đơn vị hành chính, đổi 10 đạo thời Đinh thành 24 lộ. Dưới đó là phủ, huyện, hương, giáp. Năm 1097, Lý Nhân Tông cho xây dựng "Hội điển", ghi rõ các quy chế chính trị, hành chính của nhà nước. Về pháp luật thì năm 1042, Lý Thái Tông cho ban "Hình thư". Bộ luật thành văn đầu tiên của nhà nước phong kiến Việt nam độc lập. Chính quyền của các đời vua Trần về sau cũng đi theo hướng đó, nhưng được củng cố và phát triển ở mức độ cao hơn. Năm 1242, nhà Trần đổi 24 lộ thời Lý làm 12 lộ, bên dưới là các châu, huyện, xã. Bộ máy triều đình cũng gồm 2 ban văn, võ, lập ra Quán, Các, Sảnh, Cục, Đài, Viện. Việc phân nhiệm giữa các cơ quan trung ương rõ ràng hơn. Năm 1230, Trần Thái Tông cho biên soạn sách Thông chế, khảo sát các luật lệ thời trước, sửa đổi hình luật và lễ nghi. Phan Huy Chú có nhận xét về bộ máy quan lại thời Trần : "các chức quan trong, quan ngoài, lớn, nhỏ đều có hệ thống".

Tuy nhiên cũng giống thời Lý, ở thời Trần các chức quan quan trọng phần lớn do họ hàng thân tộc nắm. Tầng lớp quý tộc tôn thất được cử đi trấn giữ ở các nơi. Họ được phân phong ruộng đất kèm theo một số hộ nông dân, từ đó hình thành các điền trang, thái ấp có phủ đệ và lực lượng vũ trang riêng. Đây là một cơ sở kinh tế và chính trị của tình trạng cát cứ và xung đột giữa các vương hầu quý tộc sau này.

Sau khi đánh đuổi giặc Minh và lên ngôi hoàng đế năm 1428, Lê Lợi (tức Lê Thái Tổ) bắt tay vào xây dựng lại quốc gia. Thời Lê sơ, nhất là thời vua Lê Thánh Tông (1460 - 1497) được coi là thời kỳ phát triển hoàn bị nhất của nhà nước phong kiến trung ương tập quyền ở Việt nam.

Năm 1428 Lệ Lợi chia nước ra thành 5 đạo, đứng đầu là chức Hành khiển trông coi cả việc quân dân hành chính và tư pháp. Dưới đạo có trấn, lộ, phủ, huyện, châu, xã. Các đời vua Lê sau này lại thay đổi lại. Chẳng hạn Lê Thánh Tông chia nước thành 12 đạo, nhằm hạn chế bớt

* PTS, PGĐ Trung tâm thông tin, Học viện hành chính quốc gia

Digitized by Google

sức mạnh của địa phương. Ở triều đình, sau mỗi thời vua Lê, bộ máy lại được tổ chức lại. Thời Lê Lợi thì đơn giản, về sau thì phức tạp hơn, chặt chẽ hơn. Năm 1460 Nghi Dân ngoài 2 bộ đã có còn đặt thêm 4 bộ thành 6 bộ : Hộ, Hình, Lại, Công, Binh, Lễ, cùng 6 khoa chia nhau đảm nhiệm các công việc. Năm 1465 Lê Thánh Tông lại đổi 6 bộ thành 6 viện trông coi và thực hành mọi việc và 6 khoa tương ứng để kiểm soát các viện. Năm 1466 lại đổi viện thành bộ và đặt thêm Lục tự để làm các việc khong thuộc 6 bộ. Ngoài ra lại còn các cơ quan khác. Thời kỳ này nhà nước đã với xuống tận xã. Nhà Lê xóa bỏ chế độ phong ruộng cùng với nông dân sống trên ruộng đó cho công thần, vương hầu ; xóa bỏ chế độ cho phép các công thần, vương hầu được tổ chức quân đội riêng như dưới thời Trần. Các quan lại được trả lương theo phẩm cấp gọi là Tuế lộc. Trừ một số vương hầu, quý tộc có khả năng được giữ một số trọng trách trong triều, còn lại nói chung không được dự triều chính. Điều đó chính là xóa đi cơ sở kinh tế và chính trị của mầm mống cát cứ, phân liệt và xung đột của các vương hầu quý tộc.

Tóm lại, việc cải cách hành chính của các triều đại phong kiến Việt nam đều nhằm mục đích và thực tế là đã giúp rất nhiều vào việc xây dựng một quốc gia thống nhất, độc lập và chế độ trung ương tập quyền, phù hợp với yêu cầu phát triển của xã hội Việt nam và quy luật chung của xã hội loài người.

2. Cải cách hành chính là một công việc không thể thiếu để thúc đẩy đất nước phát triển, làm hưng thịnh triều đại. Song điều quyết định thành công lại là các chính sách kinh tế, xã hội, đối ngoại hợp thời, tiến bộ.

Không phải chỉ có nhà Lý, Trần, Lê mà Hồ Quý Ly cũng tiến hành cải cách hành chính và nhiều cải cách trên các mặt khác. Nhưng triều đại Hồ Quý Ly chỉ tồn tại rất ngắn ngủi, còn các triều đại kia thì lại hưng thịnh và tồn tại rất lâu : nhà Lý 125 năm, nhà Trần 175 năm, nhà Lê hơn 300 năm (trong đó có 100 năm hưng thịnh). Ngay trong mỗi triều đại Lý, Trần, Lê không phải các cải cách hành chính của các ông vua đều đạt mục đích là tăng cường quyền lực của chính quyền trung ương và đưa lại sự phát triển cho đất nước. Nhìn chung các đời vua đầu của mỗi triều đại tức là thời Lý sơ, Trần sơ, Lê sơ thì thành công hơn. Các đời vua sau, có thể có những cố gắng nào đó cũng không vực được triều đại mình khỏi suy tàn. Tại sao vậy ?

Xã hội Việt nam thời phong kiến là xã hội nông nghiệp. Do đó phát triển được sức sản xuất nông nghiệp là điều quyết định cho sự hưng thịnh của quốc gia. Để có được điều đó lại liên quan tới nhiều mặt như : chế độ sở hữu ruộng đất, quan hệ giữa nông dân và phong kiến, chính sách của nhà nước đối với công thương nghiệp, bảo vệ đê điều, thủy lợi...

Các đời vua đầu của nhà Lý, Trần đều có các chính sách tích cực trên các mặt đó thể hiện đúng tinh thần "ai nông vi bản" (trọng nông). Vua Lý Công Uẩn hàng năm vẫn thực hành nghi lễ cày tịch điền, hoặc đích thân xem cày, xem gặt. Có khi lại tự mình cầu đảo khi có hạn nán. Để tăng lực lượng sản xuất nông nghiệp, nhà Lý và sau này nhà Trần đều thực hành chính sách "ngụ binh ư nông". Năm 1010 Lý Công Uẩn xuống chiếu bắt những người đào vong phải trở về bản quán làm ăn. Pháp luật nhà Lý cấm trộm cắp, giết trâu bò làm hại đến sức kéo. Khi thiên tai mất mùa, nhà nước cho giảm bớt thuế má. Năm 1010 Lý Thái Tổ xá thuế 3 năm. Năm 1016 được mùa lớn nhưng vẫn xá tô thuế 3 năm. Năm 1017 lại tha tô ruộng... Vào thời Lý bắt đầu xây dựng hệ thống đê điều dọc theo các triều sông ở Bắc bộ để bảo vệ mùa màng. Thời nhà Trần, Lê khi mới lên cũng có những chính sách trọng nông tương tự. Nhờ đó đất nước cường thịnh.

Cuối thời Trần, kinh tế điền trang thái ấp khủng hoảng. Mâu thuẫn giữa lãnh chúa và nông nô, nô tỳ gay gắt. Nhu cầu kinh tế lúc đó là phải xóa bỏ điền trang thái ấp, phát triển ruộng đất tư hữu của địa chủ, giải phóng nông nô và nô tỳ thành người nông dân tự do. Nhà Lê, sau khi đánh đuổi giặc Minh đã làm được điều đó. Một mặt vẫn tăng cường chế độ sở hữu nhà nước về ruộng đất, mặt khác thực hành rộng rãi chính sách Lộc điền, chỉ ban ruộng đất cho quý tộc, quan lại, công thần, chứ không ban kèm nông dân trên ruộng đất ấy. Pháp luật thời Lê sơ (luật Hồng Đức) công nhận quyền tư hữu ruộng đất của giai cấp địa chủ, cho phép mua bán, cầm cố, thừa kế ruộng đất...

Chính vì những chính sách kinh tế, xã hội hợp với đòi hỏi khách quan của đời sống kinh tế đất nước khi đó, hợp với lợi ích của các tầng lớp,

Digitized by Google

giai cấp, kể cả phong kiến và nông dân mà nhà Lê (thời Lê sơ) thúc đẩy được sự phát triển của nước Đại Việt và nhà nước phong kiến lên một bước cao hơn.

Thế mà cũng với mâu thuẫn ấy, trước đó, vào cuối thời Trần, Hồ Quý Ly lại không làm được điều này, mặc dù Hồ Quý Ly thực hiện nhiều cải cách táo bạo như phát hành tiền giấy, hạn điền, hạn nô, giảm thuế khóa. Trước hết Hồ Quý Ly cũng cải cách hành chính, đổi các lộ xa thời Trần thành các trấn, nâng cấp một số châu thành lộ, duyệt định lại các trướng tịch các quan văn võ, và nhiều biện pháp khác nhằm tăng cường quyền lực của chính quyền trung ương. Nhưng Hồ Quý Ly đã không giải quyết đúng mâu thuẫn cơ bản về kinh tế - xã hội, không khoan thư sức dân sau nhiều năm chiến tranh, xung đột liên miên cuối thời Trần, không tạo điều kiện cho giai cấp địa chủ và nông dân tự do được phát triển. Việc hạn điền, hạn nô thực chất chỉ là cách triệt hạ cơ sở kinh tế - xã hội của quý tộc và quan lại cao cấp nhà Trần, nhằm củng cố thế lực của riêng mình. Việc phát hành tiền giấy cũng không phải là hợp nhu cầu của giao lưu buôn bán mà là cách tập trung tài chính vào trong tay nhà nước. Hồ Quý Ly đã giảm thuế, nhưng so với thời Trần sơ thì mức thuế ruộng, thuế đinh vẫn cao hơn. Về văn hóa, xã hội, Hồ Quý Ly lại đả kích tư tưởng Nho giáo (Tống nho) gây bất bình lớn trong tầng lớp quan lại đông đảo xuất thân nho sĩ và giai cấp địa chủ đang lên. Do không có các chính sách hợp lòng người, rốt cuộc Hồ Quý Ly đã thất bại. Hồ Quý Ly đã không thúc đẩy được xã hội nước ta thời đó tiến lên, mà cũng không thu được sự ủng hộ của dân chúng trong cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược.

Hơn 100 năm sau nhà Mạc cũng lặp lại sai lầm tương tự, hơn thế lại có thái độ đớn hèn trước nhà Minh. Vì thế sau 65 năm cầm quyền, mặc dù có cố gắng, nhà Mạc vẫn bị đánh đổ. Còn các đời vua sau của các triều đại phong kiến hưng thịnh như Lý, Trần, Lê, phần lớn đều đi vào vết xe ăn chơi, sa đọa, không chú ý gì tới nhân dân, lại để triều chính cho bọn nịnh thần nhũng nhiễu, thậm chí có người còn ham ức hiếp, đánh giết, chinh phạt mà đẩy nhân dân vào vòng ly tán, chiến tranh... đấy chính là nguyên nhân chính dẫn đến suy sụp.

3 - Xây dựng một bộ máy quan lại theo hướng chính quy hóa.

Đặc điểm chung của các triều đại phong kiến là thường đưa con em, họ hàng thuộc tầng lớp vương hầu tôn thất vào bộ máy nhà nước. Chính quyền trước hết là chính quyền của dòng họ vua. Thậm chí họ hàng anh em hoàng hậu, quý phi cũng được ưu ái cất nhắc làm quan. Điển hình là thời Trần, các vương hầu đều được phân đi trấn các miền. Họ hàng nhà vua nắm tất cả các chức vụ quan trọng trong triều và quân đội như Trần Quang Khải giữ chức thái úy, Trần Quốc Tuấn thống lĩnh toàn bộ quân đội, cùng các tướng khác như Trần Nhật Duật, Trần Khánh Dư... Thời Lý, Trần có mở ra Quốc tử giám chính là để đào tạo con em nhà vua và các vương hầu quý tộc. Nhưng càng về sau nguồn quan lại theo con đường khoa cử càng nhiều, đặc biệt thời Lê. Do yêu cầu của việc xây dựng chính quyền tập trung ngày càng cao, nguồn quan lại có gốc gác quý tộc không đủ. Hơn nữa cũng cần có tầng lớp quan lại có học thức, có tư tưởng nho giáo vững vàng nên các khoa thi được mở thường xuyên để chọn quan lại. Từ thời Lê Thái Tông, việc thi cử tuyển chọn quan lại đã đi vào nền nếp. Ngay cả dưới thời nhà Mạc (1527 - 1592) mặc dù nội chiến liên miên nhưng vẫn tổ chức các kỳ thi. Từ đó bổ sung những người đỗ đạt vào làm quan. Nhìn chung việc trọng dụng trí thức vào bộ máy nhà nước là điều tiến bộ. Mặt tích cực của chế độ khoa cử là đáng kể. Tuy nhiên ngày nay nhìn lại cũng cần thấy mặt trái của nó. Đó là chế độ giáo dục và khoa cử theo lối tầm chương, trích cú chỉ dựa vào các sách kinh điển nho giáo đã khiến tầng lớp trí thức quan lại đa phần trở nên thủ cựu, thiếu sáng tạo và tri thức khoa học.

Các nhà nước phong kiến, đặc biệt từ thời Lê lấy nho giáo làm nền tảng tinh thần của xã hội đã rất chú ý tới việc đề cao đạo đức thanh liêm của người làm quan. Mặt khác, cũng rất chú ý tới chế độ đãi ngộ với hàng ngũ quan lại. Thời Lý, Trần, thu nhập của quan lại chủ yếu dựa vào nguồn cung cấp của nông nô trong phạm vi điền trang thái ấp được phong. Thời Lê, ngoài phần tô do nông dân lĩnh canh ruộng nộp, quan lại được một khoản Tuế lộc bằng tiền của

(Xem tiếp trang 48)

Digitized by Google

HỘI THẢO, CÁI MỐT ?

VŨ PHÒNG

NĂM ngoái huyện X tổ chức khá nhiều cuộc hội thảo khoa học. Nhân về huyện tìm hiểu tình hình, tôi tiện thể hỏi kinh nghiệm về vấn đề này. Chủ tịch huyện là một người bạn cũ. Anh say sưa kể ra nhiều cuộc hội thảo, cả nội dung và thành phần đến dự họp... Rồi anh chỉ tay vào một khung ảnh to có lồng kính : "Ông cứ xem một số hình ảnh này sẽ rõ". Đó là những tấm ảnh màu có chú thích rõ ràng ở bên dưới. Mỗi tấm ảnh ghi lại một cuộc hội thảo khác nhau, nhưng các khuôn mặt trong đó đều giống nhau : họ ngồi nghe, không ghi chép gì cả... Chủ tịch huyện vỗ vai tôi và nói : Bọn mình bây giờ làm gì cũng chụp ảnh, có khi còn quay viđêô để lưu giữ, vả lại sau này có ai hỏi, ta cứ việc cho xem, đỡ phiền phức. Anh cho biết ngày mai có buổi hội thảo về cải tiến thủ tục hành chính.

Chúng tôi đã đến cuộc hội thảo này khá sớm. Hội trường được trang trí lộng lẫy. Trên tấm phông xanh ở bức tường chính, nổi bật hàng chữ : Hội thảo cải tiến thủ tục hành chính. Phóng viên báo, đài và cán bộ phòng văn hóa huyện chuẩn bị góc nhìn để chụp ảnh, ghi hình. Khai mạc hội thảo, Chủ tịch huyện đọc một bài diễn văn hùng hồn về sự cần thiết phải cải tiến các thủ tục hành chính, về nỗi khổ của người dân khi đến các cơ quan nhà nước, rồi anh kêu gọi các đại biểu phát biểu ý kiến, hiến kế... Hội trường im lặng vài phút, sau đó lần lượt các trưởng, phó phòng ban của huyện lên phát biểu. Hầu hết họ nói vo, không chuẩn bị văn bản. Một số người nói dài, nói dai kể lể những hiện tượng tiêu cực, những thủ tục phiền hà mà họ đọc được trên báo, hoặc nghe người khác kể lại, và toàn những chuyện ở trung ương, ở tỉnh bạn, có chuyện xảy ra cách đây đã hơn chục năm. Còn tình hình ở huyện X ra sao thì rất ít người nói tới... Thời gian trôi đi rất nhanh, mới có 5, 6 ý kiến mà đồng hồ điện tử treo cuối hội trường đã gióng 11 tiếng chuông. Chủ tịch vội vàng lên tổng kết, tóm tắt qua loa các ý kiến rồi hô hào mọi người hãy tích cực tham gia cải tiến thủ tục hành chính và tuyên bố bế mạc.

Những cuộc hội thảo của huyện X là vậy, xin miễn bình. Điều cần nói ở đây là : Hiện nay từ trung ương đến địa phương và cơ sở đang có những "cơn sốt" hội thảo khoa học. Có nhiều cuộc hội thảo rất tốt, rất có ý nghĩa lý luận và thực tiễn. Tuy nhiên còn không ít cuộc hội thảo chỉ là để khoa trương, chạy theo "mốt" hoặc để có lý do xin kinh phí... Phải chăng tổ chức các cuộc hội thảo khoa học sao cho thật "khoa học" thiết thực, có hiệu quả và tránh lãng phí cũng là một vấn đề cấp bách trong sửa đổi lề lối làm việc ? ❑

LỜI CẢM ƠN

NHÂN dịp năm mới 1997 và Tết cổ truyền Đinh Sửu, Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản đã nhận được điện, thư, thiếp, lẵng hoa, tặng phẩm chúc mừng và sự giúp đỡ, cộng tác nhiệt tình của nhiều cơ quan đảng, nhà nước, đoàn thể, các ngành, các cơ quan ở trung ương và các địa phương, của nhiều cá nhân trong nước và nước ngoài.

Chúng tôi xin chân thành cảm ơn sự quan tâm sâu sắc và những tình cảm quý báu của các đồng chí, các bạn đã dành cho Tạp chí lý luận và chính trị của Trung ương Đảng. Tập thể Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản sẽ cố gắng nhiều hơn nữa, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ để xứng đáng với sự tin cậy và lòng mong mỏi của các đồng chí và bạn đọc gần xa.

Nhân dịp này, Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản trân trọng gửi đến các đồng chí và các bạn lời chúc mừng tốt đẹp nhất. Kính chúc các đồng chí, các bạn và gia đình dồi dào sức khỏe, hạnh phúc và đạt được nhiều thành tích mới.

Bộ biên tập
TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Digitized by Google

VỀ XÂY DỰNG VĂN MINH TINH THẦN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở TRUNG QUỐC

NGUYỄN HUY QUÝ *

VỪA qua, Hội nghị toàn thể lần thứ 6 Ban chấp hành trung ương khóa 14 Đảng cộng sản Trung quốc đã ra Nghị quyết "*Về một số vấn đề quan trọng trong xây dựng văn minh tinh thần xã hội chủ nghĩa*". Nghị quyết đã đặt vấn đề xây dựng văn minh tinh thần lên một tầm cao chiến lược mới, đồng thời đã xác định tư tưởng chỉ đạo, mục tiêu phấn đấu, những nội dung và biện pháp chủ yếu nhằm nâng cao tố chất tư tưởng, đạo đức của nhân dân và phát triển sự nghiệp văn hóa, đáp ứng yêu cầu của công cuộc hiện đại hóa xã hội chủ nghĩa, đáp ứng yêu cầu của quy hoạch phát triển vượt thế kỷ, từ nay đến năm 2010.

Nghị quyết khẳng định "Văn minh tinh thần xã hội chủ nghĩa là đặc trưng quan trọng của xã hội xã hội chủ nghĩa, là mục tiêu quan trọng và sự bảo đảm quan trọng của công cuộc hiện đại hóa" (1). Những bước thăng trầm trong lịch sử nước Cộng hòa nhân dân Trung hoa và quá trình cải cách, mở cửa mười mấy năm qua đã chứng minh điều đó. Những thành tựu to lớn về kinh tế, xã hội gắn liền với sự giải phóng tư tưởng đã đưa Trung quốc thoát khỏi hậu quả của những năm "cách mạng văn hóa", chuyển sang phát triển hiện đại hóa. Nhưng "nếu văn minh tinh thần làm không tốt thì văn minh vật chất sẽ bị phá hoại, thậm chí xã hội cũng sẽ bị biến chất". Cách đây 10 năm, Hội nghị toàn thể lần thứ 6 Ban chấp hàng trung ương khóa 12 của Đảng cộng sản Trung quốc đã đề ra "*Nghị quyết về phương châm chỉ đạo xây dựng văn minh tinh thần xã hội chủ nghĩa*". Nghị quyết lần này của Đảng cộng sản Trung quốc đã khẳng định "Việc xây dựng văn minh tinh thần đạt được sự tiến triển nhất định và hiệu quả rõ rệt, đã có tác động quan trọng đến việc thúc đẩy cải cách, phát triển, và ổn định". Nhưng kinh tế thị trường và mở cửa đối ngoại cũng có mặt yếu, mặt trái của nó đối với công cuộc xây dựng văn minh tinh thần xã hội chủ nghĩa. Đó là những thử thách gay go và phức tạp, đòi hỏi lãnh đạo phải có đường lối đúng đắn, biện pháp hữu hiệu trong việc kết hợp cải cách, phát triển kinh tế với xây dựng tư tưởng văn hóa. Cuối những năm 80, đồng chí Đặng Tiểu Bình đã nói rằng : "Sai sót lớn nhất trong 10 năm qua chủ yếu là sự sa sút về giáo dục tư tưởng chính trị, một tay tương đối cứng, một tay tương đối mềm" (ý nói "tương đối" coi trọng cải cách mở cửa phát triển kinh tế, "tương đối" coi nhẹ giáo dục chính trị tư tưởng). Nghị quyết lần này của Đảng cộng sản Trung quốc cũng nhắc nhở mọi người phải tỉnh táo thấy rằng : trong công tác lãnh đạo của một số địa phương, một số ngành, giáo dục tư tưởng và văn minh tinh thần vẫn bị coi nhẹ. Trong đời sống tinh thần xã hội còn tồn tại không ít vấn đề, có những vấn đề tương đối nghiêm trọng. Một số lĩnh vực đạo đức bị xuống cấp, chủ nghĩa sùng bái đồng tiền, chủ nghĩa hưởng lạc, chủ nghĩa cá nhân phát triển, các hoạt động mê tín phong kiến, các tệ nạn mại dâm, cờ bạc, ma túy, tràn lan, những thói giả dối, những tội lừa đảo đã gây tai hại cho xã hội ; sự nghiệp văn hóa đã bị những nhân tố tiêu cực làm xói mòn nghiêm trọng, những hiện tượng làm tổn thương đến thể chất và tâm hồn của tuổi trẻ đã nhiều lần bị ngăn cấm mà vẫn chưa chặn đứng được ; tệ tham nhũng ở một số địa phương kéo dài, bản chất đảng viên và cán bộ chính quyền bị sa sút nghiêm trọng ; một số người có thái độ thờ ơ đối với đất nước, mơ hồ và dao động đối với tiền đồ của chủ nghĩa xã hội... Không thấy được mặt chủ yếu của công cuộc xây dựng văn minh tinh thần trong 18 năm qua thì sẽ mất lòng tin, là sai lầm. Nhưng nếu không thấy được tính nghiêm trọng

* Giám đốc Trung tâm nghiên cứu Trung quốc

(1) Những câu trong ngoặc kép đều trích từ Nghị quyết trên.

Digitized by Google

và tính cấp bách của vấn đề thì sẽ mất cảnh giác, sẽ là nguy hiểm.

Nghị quyết không những khẳng định công cuộc xây dựng văn minh tinh thần là một "nhiệm vụ chiến lược trọng đại", mà còn nhấn mạnh tính chất lâu dài phức tạp của nó trong bối cảnh cải cách mở cửa. Nghị quyết đã đề ra tư tưởng chỉ đạo của công cuộc xây dựng văn minh tinh thần xã hội chủ nghĩa là "chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Mao Trạch Đông và lý luận về xây dựng chủ nghĩa xã hội mang đặc sắc Trung quốc của Đặng Tiểu Bình". *Mục tiêu phấn đấu* lâu dài là đào tạo những người công dân xã hội chủ nghĩa *có lý tưởng, có đạo đức, có văn hóa, có kỷ luật, đoàn kết và động viên nhân dân các dân tộc, xây dựng Trung quốc thành "một quốc gia xã hội chủ nghĩa hiện đại hóa, giầu mạnh, dân chủ, văn minh"*. Mục tiêu chủ yếu trong 15 năm tới (từ nay đến năm 2010) là "hình thành lý tưởng chung toàn dân tộc về xây dựng chủ nghĩa xã hội mang đặc sắc Trung quốc, xây dựng niềm tin vững chắc đối với đường lối cơ bản của Đảng, nâng cao rõ rệt tố chất công dân, chủ yếu là các mặt tư tưởng, đạo đức, trình độ học vấn và ý thức pháp chế dân chủ, nâng cao rõ rệt chất lượng của hoạt động văn hóa với những yêu cầu chủ yếu là *tích cực lành mạnh, phong phú đa dạng, phục vụ nhân dân, nâng cao rõ rệt trình độ văn minh ở thành thị và nông thôn* với những tiêu chí chủ yếu là giao tiếp xã hội, trật tự công cộng, môi trường sinh thái ; hình thành một cục diện tốt đẹp trong cả nước của sự phát triển hài hòa giữa xây dựng văn minh vật chất và xây dựng văn minh tinh thần".

Để thực hiện những mục tiêu trên, Đảng cộng sản Trung quốc đã đề ra một loạt nhiệm vụ và biện pháp nhằm nâng cao tố chất về đạo đức tư tưởng của toàn dân và phát triển nền văn hóa xã hội chủ nghĩa. Để đưa đường lối, chủ trương, chính sách xây dựng văn minh tinh thần vào cuộc sống phải tiến hành các hoạt động tư tưởng, đạo đức và văn hóa một cách thường xuyên, lâu dài và sâu rộng xuống tận cơ sở quần chúng. Phải tăng cường đầu tư cơ sở vật chất cho công cuộc xây dựng văn minh tinh thần. "Đầu tư kinh phí của trung ương và địa phương cho công tác tư tưởng văn hóa hằng năm phải tăng theo sự tăng trưởng của nền kinh tế, mức tăng kinh phí đó không được thấp hơn mức tăng thu nhập tài chính".

Đảng cộng sản Trung quốc nhấn mạnh *phải tăng cường* và *đổi mới sự lãnh đạo của Đảng* đối với công cuộc xây dựng văn minh tinh thần. "Xây dựng văn minh vật chất khâu then chốt là ở Đảng, xây dựng văn minh tinh thần khâu then chốt cũng ở Đảng". Nghị quyết kêu gọi lãnh đạo đảng các cấp không được lơ là, mà phải coi trọng công tác tư tưởng văn hóa, thông qua học tập lý luận kết hợp với hoạt động thực tiễn để nâng cao trình độ, xây dựng một đội ngũ những người làm công tác tư tưởng văn hóa thực sự có tài năng, có đức độ và nhiệt tình.

Nhưng điều quan trọng hàng đầu là vai trò gương mẫu của Đảng, của đảng viên. Nghị quyết khẳng định : "Tăng cường văn minh tinh thần trước hết phải quản lý tốt đảng (nguyên văn : "nghiêm trị đảng" - TG), thực hiện tốt đảng phong... Đảng viên cộng sản phải làm gương mẫu cho toàn xã hội. Cán bộ lãnh đạo của Đảng phải làm gương mẫu..., lời nói đi đôi với việc làm... phải làm trước những việc mình đòi hỏi người khác làm, kiên quyết không làm những việc mình ngăn cấm người khác làm, tự giác tiếp thu sự giám sát của Đảng và nhân dân, vượt qua những thử thách về quyền lực, tiền bạc và sắc đẹp".

Để tăng cường lãnh đạo và phối hợp hoạt động, trung ương Đảng cộng sản Trung quốc đã thành lập Ban chỉ đạo xây dựng văn minh tinh thần. Các địa phương : tỉnh, khu tự trị, thành phố trực thuộc cũng có thể thành lập các Ban chức năng tương ứng.

Trong phần kết luận, Nghị quyết cho rằng : "Sự nghiệp vĩ đại xây dựng chủ nghĩa xã hội mang đặc sắc Trung quốc là một cuộc cách mạng vĩ đại mới mẻ. Trong cuộc cách mạng đó, những người cộng sản Trung quốc và nhân dân Trung quốc có niềm tin, có năng lực, trong khi cải tạo thế giới khách quan thì cũng cải tạo thế giới chủ quan, trong khi xây dựng nền văn minh vật chất phát triển cao độ, thì cũng xây dựng nền văn minh tinh thần xã hội chủ nghĩa phát triển cao độ".

Việt nam và Trung quốc có nhiều điểm tương đồng trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội theo con đường xã hội chủ nghĩa. Nghị quyết của trung

Digitized by Google

ương Đảng cộng sản Trung quốc về xây dựng văn minh tinh thần đã đề cập những vấn đề mà hiện nay chúng ta cũng đang nghiên cứu để giải quyết. Hội nghi lần thứ hai Ban chấp hành trung ương Đảng cộng sản Việt nam, thảo luận về vấn đề giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ cũng là một bộ phận thuộc lĩnh vực văn minh tinh thần, gắn liền với vấn đề tư tưởng đạo đức và văn hóa. Những kinh nghiệm của Trung quốc trong lĩnh vực này, kể cả những vấp váp và những thành công, có thể gợi mở cho chúng ta những suy nghĩ tham khảo trong khi giải quyết những vấn đề đang được đặt ra hiện nay ở nước ta.

Nói cho cùng, đặc trưng chủ yếu nhất của chủ nghĩa xã hội là sự phát triển cao độ và hài hòa của văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần, trong đó con người không những có cuộc sống vật chất sung túc mà còn có đời sống tinh thần cao đẹp. Muốn thực hiện được mục tiêu lý tưởng đó, trong quá trình đổi mới và phát triển, chúng ta phải nhận thức và giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa kinh tế và văn hóa, hay nói cách khác : giữa văn minh vật chất và văn minh tinh thần.

Văn hóa, theo nghĩa rộng, bao hàm cả lĩnh vực tư tưởng đạo đức, những quan niệm về thế giới, về nhân sinh, về giá trị. Văn hóa xã hội chủ nghĩa kế thừa những tinh hoa của văn hóa nhân loại, đậm đà bản sắc của từng dân tộc. Nhưng văn hóa xã hội chủ nghĩa có bản chất của nó, phù hợp với bản chất của xã hội xã hội chủ nghĩa. Không có văn hóa xã hội chủ nghĩa thì sẽ không thể có xã hội xã hội chủ nghĩa. Nói như Nghị quyết của Đảng cộng sản Trung quốc lần này : "văn minh tinh thần xã hội chủ nghĩa là đặc trưng quan trọng của xã hội xã hội chủ nghĩa, là mục tiêu quan trọng của công cuộc hiện đại hóa...".

Kinh nghiệm Trung quốc cũng cho thấy giải quyết không tốt vấn đề văn hóa sẽ tác động nguy hại đến phát triển kinh tế - xã hội. Những nhân tố tiêu cực trong lĩnh vực tư tưởng, đạo đức và văn hóa nếu không được hạn chế và khắc phục sẽ gây cản trở cho công cuộc hiện đại hóa đất, làm cho cải cách mở cửa và phát triển của Trung quốc đi chệch hướng xã hội chủ nghĩa. Đó là lý do vì sao trong Nghị quyết lần này của Đảng cộng sản Trung quốc coi "văn minh tinh thần xã hội chủ nghĩa" là một nhân tố "bảo đảm" cho công cuộc hiện đại hóa đất nước.

Về lý luận, nhận thức tầm quan trọng của tư tưởng đạo đức, văn hóa, xử lý đúng đắn mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với xây dựng văn hóa trong quá trình hiện đại hóa đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa không phải là vấn đề đơn giản. Đã từng có một thời kỳ giới lý luận ở các nước xã hội chủ nghĩa quá nhấn mạnh vai trò của vật chất, do đó nhận thức không đầy đủ sự tác động trở lại của ý thức. Cũng có trường hợp quá nhấn mạnh vai trò của tư tưởng, và do đó nhận thức không đầy đủ vai trò của kinh tế. Chuyển sang giai đoạn cải cách mở cửa, việc giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa "văn minh vật chất" và "văn minh tinh thần" càng trở nên quan trọng. Giải quyết không đúng đắn sẽ có nguy cơ hoặc là rơi vào xu hướng bảo thủ, gây trở ngại cho việc phát triển kinh tế, hoặc là rơi vào tình trạng mất phương hướng, đi chệch con đường xã hội chủ nghĩa.

Thể chế kinh tế thị trường (hay kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường) tác động mạnh tới đời sống tinh thần đã hình thành từ thời kinh tế kế hoạch tập trung. Không có sự hướng dẫn đúng đắn và kịp thời thì có thể dẫn tới sự quay ngoắt về quan niệm giá trị, nhân danh đổi mới mở cửa, nhân danh kinh tế thị trường, tự cho phép mình sa đọa về tư tưởng đạo đức, từng bước đi ngược lại lý tưởng mà mình đã từng phấn đấu, biến chất một cách không tự giác, và cuối cùng làm suy yếu sức mạnh của Đảng, làm mất niềm tin của nhân dân với Đảng. Tình hình ở một số nước mấy năm trước đã cho chúng ta bài học cần phải cảnh giác.

Những vấn đề tồn tại trong lĩnh vực tư tưởng, đạo đức và văn hóa ở Trung quốc có những nét gần giống như ở Việt nam chúng ta. Nạn tham nhũng, những tệ nạn xã hội, tình trạng xuống cấp về đạo đức xã hội, đạo đức nghề nghiệp, đạo đức gia đình... đã và đang tồn tại, phát triển, có nơi có lúc đã đến mức báo động. Vấn đề xây dựng văn hóa, xây dựng đạo đức, lối sống Việt nam, xây dựng con người xã hội chủ nghĩa, hay như cách nói của Trung quốc là "xây dựng văn minh tinh thần" cần được đặt lên chương trình nghị sự và chương trình hành động, như một nhiệm vụ vừa có tầm chiến lược, vừa có tính cấp bách. ❑

Digitized by Google

NỀN KINH TẾ MỸ HIỆN NAY: SỰ PHÁT TRIỂN VÀ VẤN ĐỀ ĐẶT RA

NGUYỄN HOÀNG GIÁP *

ÔNG Bin Clin-tơn vừa trúng cử tổng thống nhiệm kỳ thứ hai và lại tiếp tục công việc của mình tại Nhà trắng. Một trong những điểm mà cử tri Mỹ vẫn tín nhiệm ông là trong nhiệm kỳ qua, nền kinh tế nước Mỹ tuy còn đầy rẫy các vấn đề, nhưng đã có những bước khởi sắc.

Với mục tiêu chấn hưng nền kinh tế Mỹ, chính phủ B.Clin-tơn trong những năm qua đã liên tiếp đưa ra các chương trình kinh tế quan trọng. Trước hết, đó là Chương trình kinh tế cả gói 5 năm thúc đẩy kinh tế, giảm thâm hụt ngân sách với các biện pháp chủ yếu như tăng cường sự can thiệp từ phía nhà nước vào điều tiết kinh tế, tư nhân hóa, tăng chi phí cho phúc lợi công cộng, giảm chi ngân sách và cải cách bộ máy hành chính. Tiếp theo, kế hoạch kích thích tăng trưởng kinh tế ngắn hạn, với dự án chi phí 16,3 tỉ USD để tạo dựng công ăn việc làm, hiện đại hóa kết cấu hạ tầng đã được thông qua. Sau đó, một chương trình kinh tế khác với dự án chi 17 tỉ USD cho các ngành công nghệ cao để khôi phục sức cạnh tranh của nền kinh tế và của hàng hóa Mỹ trên thị trường thế giới được thực hiện cùng với kế hoạch 5 điểm phục hồi kinh tế Mỹ theo phương hướng ưu tiên thương mại, chú trọng nhất thể hóa và toàn cầu hóa.

Bằng những nỗ lực cộng với những kết quả đạt được trong quá trình điều chỉnh cơ cấu sản nghiệp và cơ cấu khoa học - công nghệ phục vụ sản xuất ở Mỹ, suy thoái kinh tế Mỹ trong những năm đầu thập kỷ 90 dần dần được khắc phục, tăng trưởng kinh tế năm 1993 nhích lên 2,8%, năm 1994 đạt 3,6%, và năm 1995 đạt xấp xỉ 3,7%. Theo báo cáo của Bộ trưởng thương mại R. Brao (R. Brown) hiện nền kinh tế Mỹ đạt tốc độ tăng trưởng cao nhất kể từ thập kỷ 60 ; chi phí cho mỗi đơn vị lao động ở Mỹ đạt mức thấp nhất trong các nước G7. Lạm phát được giảm xuống còn 2,5%/năm - mức thấp nhất trong 20 năm qua.

Do kinh tế phục hồi nhanh, Mỹ hiện ở vào thế cạnh tranh mạnh và thuận lợi trên nhiều mặt so với Tây Âu và Nhật bản. Với quy mô lớn nhất thế giới, kinh tế Mỹ hiện có tổng giá trị sản phẩm quốc nội đạt 6775 tỉ USD. Trong chu kỳ suy thoái mới đây của các nước tư bản chủ nghĩa, Mỹ đã trở thành nước vượt ra khỏi suy thoái nhanh nhất. Ngay từ năm 1993, kinh tế Mỹ đã có bước phát triển đáng kể, trong khi Tây Âu và Nhật bản vẫn còn tăng trưởng trong ngưỡng số âm (-0,5% và -0,3%). Mỹ tiếp tục là nước xuất khẩu lớn nhất thế giới. Từ năm 1987 đến nay, tỷ lệ tăng hằng năm của Mỹ về xuất khẩu duy trì ở mức 9%, cao hơn Nhật bản (6,6%) và Đức (4,2%) - một nước đứng đầu châu Âu về xuất khẩu.

Vấn đề giải quyết công ăn việc làm của Mỹ cũng bớt căng thẳng hơn. Riêng trong hai năm 1994 và 1995, ở Mỹ đã giải quyết việc làm cho hơn 2 triệu người. Tỷ lệ thất nghiệp hiện nay ở Mỹ là 6,1%, trong khi cộng đồng châu Âu là 10,7%. Còn ở Nhật bản tuy chỉ có 3,4%, nhưng lại là mức cao nhất trong vòng 40 năm trở lại đây.

Thực lực khoa học - kỹ thuật, công nghệ của Mỹ hiện so với Tây Âu và Nhật bản vẫn tiếp tục có ưu thế mạnh hơn. Xét về tỷ lệ kinh phí dành cho nghiên cứu và phát triển khoa học - công nghệ trong GDP giữa Mỹ và các nước này thì sự

* Khoa Quan hệ quốc tế, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

chênh lệch không đáng kể. Năm 1995 tỷ lệ đó của Mỹ đạt 2,86%, Nhật bản đạt 2,88%, Cộng đồng châu Âu đạt 2,12%. Tuy nhiên, xét về con số tuyệt đối sự khác biệt lại rất rõ ràng, bởi vì quy mô GDP của Mỹ lớn hơn. Từ năm 1988 đến 1995, đầu tư bình quân hằng năm cho khoa học - công nghệ ở Mỹ là 161,4 tỉ USD, ở Nhật bản là 96,6 tỉ USD, ở Đức là 45,2 tỉ USD. Mỹ có đội ngũ đông đảo các nhà khoa học, trong đó có rất nhiều chuyên gia hàng đầu thế giới. Theo thống kê, đội ngũ đó của Mỹ là 94,4 vạn người, của Nhật bản là 51,89 vạn, của Đức là 17,64 vạn. Đương nhiên, Mỹ không chỉ có số lượng đông mà còn có cơ chế thu hút các nhà khoa học tầm cỡ quốc tế của nhiều nước tới Mỹ làm việc. Tính về số lượng bản quyền phát minh sáng chế, nước Mỹ chiếm 1/3 tổng số của thế giới. Trong vòng 10 năm (từ 1985 đến 1995), thế giới có khoảng 780 ngàn bản quyền phát minh sáng chế, thì Mỹ chiếm 220 ngàn, Nhật bản : 180 ngàn, Đức : 140 ngàn. Từ năm 1989 đến nay, Mỹ tăng 30% đơn xin bản quyền phát minh, Nhật tăng 8% và Tây Âu hầu như tăng không đáng kể.

Cùng với sự nổi trội của Mỹ về thực lực khoa học - kỹ thuật, kết cấu sản nghiệp của Mỹ cũng được điều chỉnh và cho đến nay, ngành dịch vụ ở Mỹ chiếm tỷ trọng khá cao (70% tổng sản phẩm xã hội). Ưu thế ngành dịch vụ và kỹ thuật cao của Mỹ thể hiện rất rõ nét. Thí dụ, năm 1994 trong ngành máy điện toán, sản lượng của Mỹ trên thị trường máy tính cá nhân chiếm tỷ trọng 70%. Trên thị trường điện tử phần mềm Mỹ có ưu thế áp đảo (chiếm 75%). Điều đáng lưu ý là, cùng với ưu thế về kỹ thuật cao và dịch vụ, một số ngành sản xuất truyền thống của Mỹ như xe hơi, gang thép, bán dẫn... vẫn giữ được những vị trí cạnh tranh mạnh trên thế giới.

Theo "Báo cáo về sức cạnh tranh thế giới" trong các năm 1994 - 1995 của Viện nghiên cứu quản lý quốc tế Thụy sĩ, sức cạnh tranh của nền kinh tế Mỹ hiện nay đã trở lại vị trí hàng đầu thế giới. Mỹ đã vượt Nhật bản, sau 8 năm dài theo đuổi, chạy đua với Nhật bản để giành vị trí số một ; Nhật bản xếp hàng thứ ba và Đức xếp hàng thứ 5. Việc xếp thứ tự về khả năng cạnh tranh của các nền kinh tế dựa vào các tiêu chuẩn chủ yếu như : thực lực tổng thu nhập quốc nội, chính sách kinh tế của chính phủ và hiệu quả cũng như tính khả thi của nó, cơ cấu hạ tầng, trình độ khoa học - kỹ thuật, hoạt động kinh tế quốc tế, thị trường tài chính và chất lượng phục vụ, chất lượng quản lý kinh tế, các tố chất của dân cư tác động đến nền kinh tế.

Xét theo các tiêu chí nêu trên, nền kinh tế Mỹ đã có sự phục hồi và phát triển. Sự phục hồi và phát triển đó ngoài nguyên nhân mang tính chu kỳ và yếu tố khoa học - kỹ thuật - công nghệ, còn có nguyên nhân quan trọng là kết quả của những bước điều chỉnh kinh tế liên tục trong nhiều năm.

Trước hết, trên phương diện vĩ mô, chính sách kinh tế và chiến lược điều chỉnh của chính phủ B. Clin-tơn đã tỏ ra thích hợp và hiệu quả. Coi chấn hưng nền kinh tế là mục tiêu số một, Mỹ chú trọng việc giảm bội chi ngân sách - căn bệnh kinh niên của nền kinh tế Mỹ. Nhờ vậy, bội chi tài chính của Mỹ mấy năm gần đây đã giảm đáng kể. Điều này làm cho tỷ lệ lãi suất thấp được duy trì, góp phần kích thích sự phục hồi và phát triển của nền kinh tế. Chính phủ B. Clin-tơn thúc ép quốc hội thông qua kế hoạch 5 năm giảm bội chi 500 tỉ USD (1993 - 1997). Đồng thời, chính phủ Mỹ còn chú trọng đến việc tăng cường quan hệ ngoại thương, ban hành hàng loạt các biện pháp nhằm thúc đẩy xây dựng kế hoạch xuất khẩu toàn liên bang. Ngoài ra, Mỹ còn chú trọng đẩy nhanh tiến độ các cuộc đàm phán quốc tế về thương mại để có thể ký kết hiệp định GAAT, các hiệp định trong khuôn khổ NAFTA, APEC v.v.. Trên cơ sở đó, tìm kiếm các biện pháp mở rộng thị trường cho hàng hóa Mỹ.

Trên phương diện vi mô, việc cải tạo các xí nghiệp của Mỹ đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận. Từ sự phân tích nguyên nhân suy thoái kinh tế, các xí nghiệp của Mỹ xác định nhiệm vụ trọng tâm là nâng cao năng suất và hiệu quả sản xuất. Để thực hiện nhiệm vụ này, các xí nghiệp một mặt tăng cường đầu tư thiết bị, đặc biệt là thiết bị tự động hóa ; mặt khác cải tiến quản lý,

Digitized by Google

giảm khâu quản lý trung gian, tinh giảm nhân viên, nâng cao hiệu suất. Từ năm 1992 trở lại đây, xu hướng sản xuất của các xí nghiệp Mỹ từng bước bắt đầu được khôi phục, góp phần đưa nền kinh tế Mỹ đi vào phục hồi nhanh và phát triển.

Mặt khác, nền kinh tế dân dụng Mỹ bước vào giai đoạn phát triển mạnh kể từ khi kết thúc chiến tranh lạnh. Trước đây, trong thế đối đầu hai cực, do nhu cầu cạnh tranh quân sự, Mỹ phải dồn nhân tài vật lực phục vụ công nghiệp quân sự. Năm 1986, chi phí quân sự của Mỹ chiếm 6,5% tổng thu nhập quốc nội. Tình hình đó, trên cơ bản đã hạn chế không nhỏ sức phát triển của công nghiệp tiêu dùng. Chiến tranh lạnh kết thúc, Mỹ có điều kiện giảm mạnh dịch vụ quốc phòng, giảm gánh nặng tài chính cho lĩnh vực quân sự, cải thiện môi trường kinh tế vĩ mô. Chính phủ Mỹ dự kiến đến năm 1997, mức chi phí cho quốc phòng giảm xuống còn 3,7% GDP. Hơn nữa, đẩy mạnh phát triển công nghiệp tiêu dùng là một trong những hướng ưu tiên của Mỹ nhằm nâng cao địa vị cạnh tranh của Mỹ trên thế giới. Chính sự ưu tiên này đã tạo ra xung lực mới thúc đẩy kinh tế Mỹ tiến nhanh vào giai đoạn phục hồi sau cơn suy thoái cuối thập kỷ 80 đầu 90.

Tuy nhiên, nền kinh tế Mỹ hiện bộc lộ nhiều vấn đề không thể giải quyết được trong một sớm một chiều. Hai vấn đề dưới đây vẫn tiếp tục là "sự nhức nhối" của nước Mỹ, là gánh nặng đè lên vai chính phủ Mỹ và ảnh hưởng tiêu cực đến bước phát triển hiện nay cũng như trong các năm tiếp theo của kinh tế Mỹ.

Thứ nhất : Vấn đề bội chi tài chính. Đây có thể coi là vấn đề mang tính lịch sử đè nặng lên vai của các đời tổng thống Mỹ. Năm 1993 bội chi ngân sách của Mỹ ở mức cao : 255 tỉ USD, năm 1994 giảm xuống còn 230 tỉ USD. Năm 1995 mặc dù chính phủ B. Clin-tơn đã giảm chi (đặc biệt là giảm chi cho quốc phòng) song bội chi vẫn còn ở mức cao : 198 tỉ USD. Hơn nữa, do B. Clin-tơn chủ trương thực hiện những kế hoạch cải cách khá mạnh mẽ, cho nên bội chi tài chính những năm tới dự đoán có xu hướng tăng lên, trong khi chính phủ Mỹ lại chưa đưa ra được các đối sách khả thi để khắc phục tình trạng gia tăng bội chi ngân sách.

Thứ hai, vấn đề số nợ tăng và tích lũy giảm. Vấn đề nợ tăng không chỉ phản ánh món nợ của nhà nước liên bang tăng ; mà món nợ của các công ty, của từng gia đình Mỹ cũng trở nên trầm trọng hơn. Năm 1993 món nợ của các công ty tương đương 58% tổng thu nhập quốc nội, năm 1994 con số đó là 60% ; năm 1995 là 64%. Còn khoản nợ của các gia đình Mỹ từ 1990 đến 1995 chiếm tương đương từ 89% đến 94% thu nhập cá nhân ; so với các năm của thập kỷ 80, khoản nợ này chiếm khoảng 75%. Trong khi đó, tích lũy tư nhân của Mỹ liên tục giảm sút, hiện nay chưa đầy 4%, là điểm thấp nhất trong vòng một thập kỷ trở lại đây.

Tỷ lệ tích lũy thấp sẽ dẫn đến việc giảm nguồn vốn đầu tư và làm cho nhu cầu cá nhân giảm. Để bù đắp việc thiếu hụt nguồn vốn, Mỹ buộc phải nâng lãi suất, xoay xở nguồn vốn từ nước ngoài ; song lãi suất cao đã làm cản trở sự phát triển kinh tế ở những mức độ khác nhau.

Hai vấn đề nan giải trên cộng với vấn đề khủng hoảng cơ cấu và khủng hoảng chu kỳ khiến kinh tế Mỹ khó có thể phát triển một cách nhanh chóng và càng không thể có được "những bước nhảy ngoạn mục" nào đó trong các năm tới của thập kỷ 90. Cục dự báo và quản lý hành chính của Phủ tổng thống Mỹ dự báo rằng, dưới tác động của hai vấn đề đó, mức tăng trưởng của nền kinh tế Mỹ sẽ có xu hướng giảm dần từ trên 3,7% hiện nay xuống còn 2,7% đến 2,5% trong những năm cuối thế kỷ này. Những bất đồng gay gắt chung quanh vấn đề tài chính giữa quốc hội và chính phủ Mỹ không chỉ làm cho hàng trăm ngàn công chức Mỹ phải nghỉ việc hàng tuần như thời kỳ cuối năm 1995 mà sẽ trở thành điểm mấu chốt gây ra bất ổn của kinh tế Mỹ. Và điều quan trọng hơn nữa là thế giới hiện nay đâu chỉ có nước Mỹ. Nền kinh tế Mỹ đang đứng trước thách thức mang tính toàn cầu trong khi những mâu thuẫn nội tại giữa sự xã hội hóa rất cao của sức sản xuất với sự chiếm hữu tư nhân vẫn tồn tại, ngày càng gay gắt và không thể vượt qua nếu không có những biến đổi mang tính cách mạng ❑

Digitized by Google

Tìm hiểu khái niệm

CẤM VẬN • CÁC HÌNH THỨC CẤM VẬN

● CẤM VẬN :

Là luật lệ chính thức hạn chế, đình chỉ, ngăn cản hoặc chấm dứt quan hệ, hợp tác kinh tế, thương mại của một nước, một nhóm nước hay một tổ chức quốc tế đối với một nước, một nhóm nước nhất định.

Phương thức chủ yếu của cấm vận là tẩy chay hàng hóa ; cấm vận chuyển, cấm việc xuất và nhập khẩu tất cả hay từng loại mặt hàng, vũ khí, lương thực, thuốc men, ngoại tệ, thông tin, khoa học - kỹ thuật... ra hoặc vào các nước bị cấm vận, ngừng viện trợ, cắt mọi quan hệ buôn bán, các hoạt động kinh tế, thương mại ; trừng phạt các đơn vị, tổ chức hay một nước, một nhóm nước có quan hệ làm ăn với nước bị cấm vận... phong tỏa tài sản của nước bị cấm vận ở các ngân hàng hoặc ở các nước khác.

● CÁC HÌNH THỨC CẤM VẬN :

Cấm vận có nhiều hình thức : cấm vận toàn diện hay cấm vận từng phần ; cấm vận đa phương hay đơn phương ; cấm vận tập thể hay cấm vận đối với một nước ; cấm vận của một nước đối với nước khác hay cấm vận mang tính quốc tế.

Cấm vận là hình thức "đối xử có phân biệt". Tùy theo tình hình cụ thể của các nước khác nhau, việc áp dụng lệnh cấm vận mang tính chất và mức độ khác nhau. Lệnh cấm vận có thể kéo dài vô thời hạn nhưng có khi diễn ra trong một thời gian nhất định.

Nói tới cấm vận là nói tới việc áp dụng biện pháp "phi quân sự". Tuy nhiên, cấm vận đôi khi được sử dụng kèm với vũ lực. Thông thường lệnh cấm vận được sử dụng như biện pháp cuối cùng khi mọi khả năng giải quyết vấn đề, giải quyết khủng hoảng bằng con đường ngoại giao, thương lượng, đối thoại... đi tới chỗ bế tắc. Song nhiều khi các nước lớn sử dụng cấm vận như biện pháp ban đầu mở đường cho việc áp dụng các biện pháp cứng rắn, thô bạo hơn như can thiệp sâu vào công việc nội bộ của nước khác, gây sức ép về chính trị, phong tỏa về kinh tế, cô lập về ngoại giao, can thiệp vũ trang...

Trong quan hệ quốc tế, khi một nước hoặc một số nước vi phạm hay phá bỏ các điều luật quốc tế thì một nước hoặc một nhóm nước khác có thể áp dụng chính sách cấm vận. Ngoài ra, cấm vận còn là biện pháp kiềm chế và giải quyết khủng hoảng, ngăn chặn các hoạt động khủng bố quốc tế, việc phổ biến các vũ khí giết người hàng loạt, các cuộc nội chiến, xâm lược, các cuộc xung đột sắc tộc có thể xảy ra. Hiến chương Liên hợp quốc thừa nhận và áp dụng biện pháp cấm vận, kể cả biện pháp cấm vận toàn diện đối với những nước bị coi là đe dọa hòa bình, an ninh quốc tế. Cấm vận có thể được tiến hành trong cả thời chiến lẫn thời bình.

Tuy nhiên, không phải mọi cuộc cấm vận đều mang lại hiệu quả mong muốn. Theo nghiên cứu của Viện kinh tế thế giới tại Oa-sinh-tơn, từ sau chiến tranh thế giới thứ hai đến nay, trong số 104 trường hợp cấm vận thì có khoảng 30% đạt hiệu quả. Cấm vận tạo ra những hệ quả trái ngược. Một mặt, nó đẩy con người, trước hết là những người dân vô tội vào cảnh thiếu thốn, đói khát và chết chóc ; nó tác động sâu sắc đến nền kinh tế và các mối quan hệ kinh tế quốc tế giữa các nước. Mặt khác, trong chừng mực nhất định, nó lại làm tăng sức đề kháng của nước bị cấm vận. Hơn nữa, chính sách cấm vận không những gây thiệt hại cho nước chịu cấm vận mà còn ảnh hưởng tiêu cực đến nước đề ra luật cấm vận. Cấm vận để ngăn chặn khủng hoảng nhưng đôi khi cấm vận cũng lại phát sinh, khủng hoảng. Xem xét các trường hợp bị cấm vận trong thời gian gần đây ở I rắc, Bô-xni-a Héc-xê-gô-vi-na, Ha-i-ti, Xô-ma-ni, I-ran, Li-bi, Cu-ba..., cho thấy tính chất phức tạp và phản tác dụng của chính sách cấm vận.

Dưới danh nghĩa Liên hợp quốc, các nước phương Tây, đứng đầu là Mỹ, thường lạm dụng cấm vận như biện pháp, hành vi chống nước khác. Các đạo luật cấm vận đã trở thành thứ vũ khí tư tưởng và chính trị lợi hại của các nước lớn trong việc kiểm soát, kiềm chế và trừng phạt nhằm mục đích áp đặt những khuôn mẫu, giá trị, lợi ích và ý đồ của họ lên các nước khác, đặc biệt là đối với các nước xã hội chủ nghĩa.

Sau chiến tranh thế giới thứ hai, các nước phương Tây đã áp dụng biện pháp cấm vận toàn diện đối với các nước xã hội chủ nghĩa. Năm 1949, dưới áp lực của Mỹ, Cocom, (Coordinating Committee on Multilateral Export Controls) - hệ thống kiểm soát của phương Tây đối với xuất khẩu vào các nước xã hội chủ nghĩa đã được lập ra. Thông qua liên minh kinh tế và chính trị này, các nước phương Tây, mà thành viên phần lớn là các nước thuộc khối NATO, đã mở rộng bao vây, phong tỏa kinh tế các nước xã hội chủ nghĩa như khống chế chuyển giao kỹ thuật ; quy định những hạng mục cấm vận hết sức nghiệt ngã (các loại vũ khí chiến lược, những mặt hàng thuộc kỹ thuật cao...). Ngày nay, việc cấm vận đó vẫn chưa được xóa bỏ hoàn toàn, mà phần nào chỉ được nới lỏng đối với những mặt hàng phi quân sự và không thuộc kỹ thuật cao ❑

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

HỌP MẶT CỘNG TÁC VIÊN TẠP CHÍ CỘNG SẢN

Sáng 22-1-1997, tại Hà nội, Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản đã tổ chức cuộc họp mặt thân mật với các cộng tác viên của Tạp chí. Nhiều đồng chí lãnh đạo các bộ, ban, ngành, đoàn thể, cơ quan nghiên cứu lý luận, học viện, nhà trường, báo chí và đông đảo cộng tác viên thuộc các thế hệ của Tạp chí đã đến dự.

Đồng chí Hà Đăng, Tổng biên tập Tạp chí Cộng sản đã báo cáo một số nét chủ yếu trong công tác biên tập năm 1996, gợi ý phương hướng năm 1997. Thay mặt Bộ biên tập, đồng chí chân thành cảm ơn các đồng chí lãnh đạo của Đảng, Nhà nước đã thường xuyên quan tâm chỉ đạo đối với mọi mặt của Tạp chí ; cảm ơn các bộ, ban, ngành, các cộng tác viên và đồng nghiệp đã tạo mọi điều kiện thuận lợi giúp đỡ và phối hợp công tác chặt chẽ để Tạp chí hoàn thành nhiệm vụ trong năm qua. Năm 1996 là năm thứ hai Tạp chí ra 2 kỳ/tháng. Nhìn chung Tạp chí vẫn duy trì được chất lượng cũng như số lượng và có những bước phát triển mới. Đồng chí Tổng biên tập cũng mong muốn nhận được sự phê bình, góp ý của cộng tác viên, của bạn đọc xa gần để Tạp chí ngày càng đáp ứng tốt hơn nhiệm vụ chính trị của Đảng, Nhà nước và mong muốn của bạn đọc.

Tại cuộc họp mặt, nhiều đại biểu và các cộng tác viên đã phát biểu ý kiến, khẳng định những cố gắng và kết quả của Tạp chí trong năm qua trên những vấn đề cụ thể về nội dung, hình thức, công tác cộng tác viên, công tác đối ngoại... Thông qua cuộc họp mặt này các đại biểu, cộng tác viên đã kiến nghị một số vấn đề bổ ích, thiết thực nhằm góp phần nâng cao chất lượng của Tạp chí, làm cho Tạp chí ngày càng xứng đáng là cơ quan lý luận và chính trị của Trung ương Đảng. ❑

Digitized by Google

HỘI NGHỊ TỔNG KẾT THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH TIỀN TỆ NĂM 1996

VỪA qua, tại Hà nội, Ngân hàng nhà nước Việt nam đã tổ chức Hội nghị giám đốc ngân hàng nhà nước (các tỉnh phía Bắc) nhằm đánh giá kết quả thực hiện chính sách tiền tệ năm 1996 và triển khai nhiệm vụ điều hành chính sách tiền tệ năm 1997. Hội nghị do Thống đốc Ngân hàng nhà nước Cao Sỹ Kiêm chủ trì. Hội nghị khẳng định : Năm 1996, tình hình kinh tế xã hội của đất nước tiếp tục chuyển theo hướng tích cực giữ được tăng trưởng kinh tế 9,5%/năm, lạm phát giữ được mức tăng 4,5%/năm. Điều đáng chú ý là thiên tai xảy ra dồn dập ở 41/53 tỉnh thành đã gây thiệt hại lớn về của cải và người, nhưng chúng ta đã huy động cả nước nhanh chóng khắc phục hậu quả do bão lũ gây ra. Ngành ngân hàng đã có những đóng góp lớn vào việc bình ổn giá cả, tiền tệ, đáp ứng nguồn vốn lớn, cho sản xuất kinh doanh, góp phần thúc đẩy tăng trưởng, ổn định và phát triển kinh tế. Ngay từ đầu năm, ngành đã triển khai đồng bộ các giải pháp để thực hiện chủ trương của chính phủ nhằm kiềm chế lạm phát, đây là một yếu tố quan trọng làm cho chỉ số lạm phát năm 1996 ở mức thấp : 4,5%. Trong hoạt động của ngân hàng, việc huy động vốn vẫn giữ được tốc độ khá, tăng 29% so với năm 1995. Nhưng việc cho vay còn gặp nhiều khó khăn, vì các doanh nghiệp không bảo đảm được điều kiện vay vốn, thiếu tài sản thế chấp, L/C trả chậm vào nhiều, do kho bạc nhà nước thanh toán trái phiếu trước hạn. Chính vì vậy đã làm cho các ngân hàng thương mại bị ứ đọng vốn tạm thời. Bằng nhiều giải pháp của ngành ngân hàng cùng với các yếu tố khách quan của nền kinh tế, sang quý IV năm 1996 thị trường tín dụng sôi động trở lại. Các nhà đầu tư nước ngoài càng tin tưởng vào các đối tác Việt nam và hàng loạt dự án mới được ký kết, triển khai.

Cùng với những mặt làm được nêu trên, ngành ngân hàng còn có những hạn chế : Việc kiểm chế lạm phát, không kịp thời phát hiện và xử lý những yếu tố gây ra giảm phát liên tục trong những tháng giữa năm gây bất lợi cho sản xuất và xuất khẩu. Các hoạt động nhập khẩu bằng tín dụng thương mại không được kiểm soát chặt chẽ, những thiếu sót trong chính sách tiền tệ và thuế đã kích thích nhập khẩu một số mặt hàng quá mức tiêu dùng, gây ứ đọng, giảm nguồn thu ngân sách, kìm hãm xuất khẩu, làm tăng nhanh nhập siêu, ảnh hưởng không tốt đến sản xuất trong nước. Việc bảo lãnh vay nợ và mở L/C nhập hàng trả chậm của các ngân hàng thương mại còn tùy tiện, kể cả điều kiện mở L/C, mức khống chế về vốn, việc theo dõi thu nợ khi bán hàng; còn nhiều hoạt động của doanh nghiệp vay thương mại nước ngoài phát sinh nằm ngoài kiểm soát của ngân hàng. Ngân hàng chưa thực sự quản lý và kiểm soát được các luồng ngoại hối vào và ra khỏi Việt nam trên các lĩnh vực xuất nhập khẩu, đầu tư nước ngoài, vay nợ viện trợ, chuyển tiền phi mậu dịch, kiều hối... Việc sử dụng ngoại tệ còn quá rộng rãi, tổ chức và cá nhân đều có quyền mở và sử dụng tài khoản ngoại tệ nên tác động không tốt tới thị trường hàng hóa, thị trường ngoại tệ và tỷ giá, ảnh hưởng tới chất lượng của cán cân thanh toán.

Năm 1996, thị trường tiền tệ ở nước ta chưa phát triển mạnh mẽ. Thị trường nội tệ liên ngân hàng còn hoạt động cầm chừng, chưa đóng vai trò chủ động điều tiết cung cầu về vốn và lãi suất trên thị trường. Thị trường ngoại tệ liên ngân hàng tuy vẫn hoạt động đều đặn, nhưng ngân hàng chưa thực sự là người mua bán cuối cùng, còn có tình trạng bị sức ép phải mua, hoặc phải bán. Tính thông tin nhanh nhạy chưa đáp ứng được yêu cầu đòi hỏi của hoạt động kinh doanh trong cơ chế thị trường. Một số cán bộ ngân hàng còn cố ý làm trái quy định, pháp luật dẫn tới bị lừa đảo, chụp giật gây thất thoát tiền bạc của nhà nước. Có vụ việc thanh tra ngân hàng chưa phát hiện hoặc phát hiện ra nhưng biện pháp xử lý chậm, kém hiệu quả nên tác dụng và ngăn ngừa còn bị hạn chế.

Nói chuyện tại hội nghị, Phó thủ tướng Phan Văn Khải nhấn mạnh : Năm 1997, ngành ngân hàng cần tiếp tục điều hành chính sách tiền tệ có hiệu quả, giữ chỉ số lạm phát dưới 8%/năm. Ngân hàng cần đóng vai trò quan trọng trong thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng, từng bước nâng cao chất lượng tín dụng, huy động vốn để đầu tư phát triển các dự án, chương trình kinh tế. Điều quan trọng là đầu tư vốn vào các dự án có tính khả thi lớn. Các dự án mà đơn vị vay không đủ điều kiện vay thì kiên quyết không cho vay. Các ngân hàng thương mại phải thực sự là "bà đỡ" của nền kinh tế. Ngân hàng đã có nhiều tiến bộ, nhưng qua thanh tra còn nhiều tiêu cực, chất lượng tín dụng kém, một bộ phận cán bộ sa sút phẩm chất, tham nhũng, vi phạm pháp luật. Những vụ việc vi phạm cần xử lý một cách nghiêm túc, nghiêm minh, nếu không sẽ gây hậu quả lớn hơn. Ai làm tốt thì khen thưởng. Cần đánh giá, sắp xếp và sử dụng cán bộ ở các lĩnh vực cho phù hợp với năng lực chuyên môn của mỗi người, đáp ứng với cơ chế mới.

Năm 1997, ngành ngân hàng với 4 chương trình, 3 mục tiêu và 9 giải pháp sẽ góp phần phục vụ nền kinh tế nước ta phát triển, từng bước hội nhập với các nước khu vực.❑

P.V.

TIN VẮN

Vừa qua, tại Bộ biên tập Tạp chí Cộng sản, Hội nhà báo Việt nam do đồng chí Phan Quang Chủ tịch Hội dẫn đầu đã tổ chức trao **Huy chương danh dự của Tổ chức quốc tế nhà báo** (OIJ) cho **đồng chí Hà Đăng - Tổng biên tập Tạp chí Cộng sản và đồng chí Hà Xuân Trường - nguyên Tổng biên tập Tạp chí Cộng sản.**

Đây là phần thưởng cao quý của Tổ chức quốc tế nhà báo dành cho những nhà báo có thành tích và đóng góp xuất sắc trong sự nghiệp báo chí. ❑

Digitized by Google

CÔNG TY DỆT PHONG PHÚ

PHONG PHU TEXTILE COMPANY

PHONGPHUTEXCO

● VĂN PHÒNG & NHÀ MÁY Huyện Thủ đức - Thành phố Hồ Chí Minh
Head Office & Factories ĐT : 896.3533/896.3534/896.3535 Fax : 896.6088
● CHI NHÁNH Ở HÀ NỘI 378 Phố Minh Khai - Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội
Subsidiary in Hanoi ĐT : 862.4830/862.4831/862.4833 Fax : 862.4834



VĂN PHÒNG VÀ NHÀ MÁY
tại Huyện Thủ Đức - Tp. Hồ Chí Minh



PHÒNG TRƯNG BÀY SẢN PHẨM
tại Số 6 Đinh Bộ Lĩnh - Bình Thạnh - Tp. HCM



SẢN PHẨM XUẤT KHẨU CHÍNH
cho Thị trường Nhật bản và Châu Âu

● LỊCH SỬ CÔNG TY :

- 1965 : Được thành lập với tên Nhà máy dệt Phong Phú thuộc Công ty SICOVINA
- 1975 : Nhà máy dệt Phong Phú thuộc Liên hiệp các Xí nghiệp dệt (TEXTIMEX), Bộ công nghiệp nhẹ
- 1992 : Được chuyển đổi thành Công ty dệt Phong Phú thuộc Tổng Công ty dệt may Việt nam (VINATEX), Bộ Công nghiệp

● CÁC NHÀ MÁY THÀNH VIÊN :

- Nhà máy sợi Phong Phú (Tp. Hồ Chí Minh)
- Nhà máy dệt Phong Phú (Tp. Hồ Chí Minh)
- Nhà máy may Phong Phú (Tp. Hồ Chí Minh)
- Nhà máy Chỉ khâu Hà nội (Hà nội)

● CÁC LIÊN DOANH VÀ HỢP TÁC :

- Công ty Coats Tootal - Phong Phú
  (Liên doanh với Vương quốc Anh)
- Xưởng may Phong Phú - Guston Molinel
  (Hợp tác với Pháp)
- Xưởng may Phong Phú - Sumitomo Sundia
  (Hợp tác với Nhật bản)

● SẢN PHẨM :

- Sợi : các loại sợi cọc, sợi OE, 100% cotton, 100% polyester, sợi pha P/C
- Vải : các loại vải jean, calicot, kaki, KT trơn, sọc và carô...
- Khăn : các loại khăn mặt, khăn tay, khăn tắm, khăn trải giường, áo choàng tắm đủ màu, in hoa, thêu (xuất khẩu 85%)
- Sản phẩm may mặc (xuất khẩu từ 80 - 100%)
  . Áo quần bảo hộ lao động cho châu Âu
  . Áo quần jeans cho Nhật bản.
  . Các loại khác : T-shirt và đồ lót bằng tơ tằm, áo sơmi KT,...

● THỊ TRƯỜNG CHÍNH :

- Nội địa (50% doanh thu)
- Xuất khẩu : Nhật, Pháp, Thụy điển, Na uy, Đức, I-ta-lia, Nga...

Digitized by Google

CÔNG TY ĐIỆN MÁY TP. HỒ CHÍ MINH
(BỘ THƯƠNG MẠI)

TODIMAX HO CHI MINH CITY

Nhân dịp năm mới
Kính chúc quí khách hàng AN KHANG, THỊNH VƯỢNG

● **VĂN PHÒNG CÔNG TY :**
29 Tôn Đức Thắng - Quận I
TP. Hồ Chí Minh.
Điện thoại : 8 225903 - 8 292439
Fax : 84.8.8 295480

● **CHI NHÁNH TẠI HÀ NỘI**
8 Phan Bội Châu, Hà nội
Điện thoại : 8 240079



Chúc mừng năm mới

ĐINH SỬU '97

Digitized by Google

CÔNG TY CÀ PHÊ II - LÂM ĐỒNG



Trụ sở : Đường Thống Nhất - Thị trấn Di Linh - Lâm Đồng
ĐT : (063) 870345 - 870157 * Fax : (8463) 870686
Chi nhánh tại TP. Hồ Chí Minh : 30 Phan Xích Long,
Q. Phú Nhuận * ĐT/Fax : (84-8) 440015

Head office : Thong Nhat St., Di Linh Townlet -
Lam Dong Province
Tel : (063) 870345 - 870157 * Fax : (8463) 870686
Hcm City branch : 30 Phan Xich Long St., Phu Nhuan
Tel/Fax : (84-8) 8440015



NGÀNH NGHỀ VÀ PHẠM VI KINH DOANH :

◆ Sản xuất, chế biến xuất khẩu cà phê, các mặt hàng nông sản, hàng thủ công mỹ nghệ, rau, hoa quả...

◆ Nhập máy, vật tư, hàng tiêu dùng, phương tiện vận tải, vật liệu xây dựng phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

◆ Thị trường tiêu thụ : Mỹ, Pháp, Anh, Đức, Thụy Sĩ, Xin-ga-po...

Công ty sẵn sàng hợp tác với các doanh nghiệp, các thành phần kinh tế trong và ngoài nước trên các lĩnh vực mua bán, trao đổi, liên doanh liên kết.

SCOPES OF BUSINESS :

◆ Producing, processing for exporting coffee, assorted agro products, handicraft and fine arts articles, vegetables and fruits...

◆ Importing machinery, materials, consumer goods, transportation mean, construction materials in service of the Company's production.

◆ Major markets : the USA, France, UK, Germany, Switzerland, Singapore...

The company welcomes cooperation with domestic and foreign businesses and economic components in purchasing, selling, exchanging, joint venture and association.



LAM DONG II COFFEE COMPANY

Digitized by Google

CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU LÂM ĐỒNG

LÂM ĐỒNG EXPORT IMPORT COMPANY

* Địa chỉ : 39 Hùng vương, Đà lạt, Lâm đồng.
* Điện thoại : 822044 - 823895 - 823326
* Fax : 0-63-826752
* Văn phòng đại diện : 48 Nguyễn Phi Khanh, Quận 1, TP Hồ Chí Minh.
  - Điện thoại : 8296673
* Giám đốc : Hồ Thị Bút
* Chức năng, nhiệm vụ : là đơn vị xuất nhập khẩu tổng hợp của Tỉnh Lâm đồng
  - Xuất khẩu :

    Nông, lâm sản, khoáng sản, hàng thủ công mỹ nghệ, hàng may mặc, len sợi.
  - Nhập khẩu :

    Máy móc, thiết bị, vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất hàng hóa xuất khẩu. Vật liệu xây dựng, trang thiết bị nội thất, phương tiện vận tải và hàng hóa tiêu dùng.
* Sẵn sàng liên doanh, liên kết với các đơn vị trong và ngoài nước để đẩy mạnh kinh doanh xuất nhập khẩu và chế biến hàng nông lâm sản, thủ công mỹ nghệ, và gia công đan len may mặc xuất khẩu.



Digitized by Google

CÔNG TY XÂY DỰNG VÀ TƯ VẤN ĐẦU TƯ

XÍ NGHIỆP KHẢO SÁT VÀ XÂY DỰNG

THE SURVEY AND CONSTRUCTION ENTERPRISE



1. Ký túc xá Vedan
2. Nhà máy sản xuất gạch
3. Nhà máy sản xuất dây cáp điện
4. Nhà máy chế biến mủ cao su Long Hòa

XÍ NGHIỆP KHẢO SÁT VÀ XÂY DỰNG NHẬN :

- Khảo sát, đo đạc địa hình, lập bản đồ các tỷ lệ.
- Khoan giếng, khoan địa chất công trình.
- Thiết kế và thi công các công trình, xây dựng dân dụng, công nghiệp, khai hoang, giao thông.

RẤT HÂN HẠNH ĐƯỢC ĐÓN TIẾP QUÍ KHÁCH

THE SURVEY AND CONSTRUCTION ENTERPRISE SCOPE OF ACTIVITIES :

- Topographic drawing maps of all scales.
- Well drilling, geographic, drilling for project.
- Construction of works of civil and in dustrial construction, reclamation transportation... ect.

WELCOME TO OUR ENTERPRISE

ĐỊA CHỈ : 29 HOÀNG DIỆU - Q. PHÚ NHUẬN - TP. HỒ CHÍ MINH • ĐIỆN THOẠI : 442432 - 422363 • FAX : 453850
ADDRESS : 29 HOANG DIEU ST. PHU NHUAN DIST. HO CHI MINH CITY • TEL : 442432 - 422363 • FAX : 453850

Digitized by Google

BƯU ĐIỆN LÂM ĐỒNG



- Địa chỉ : Số 16, Trần Phú, TP. Đà Lạt
- ĐT : (063) 822219 - 822348
- Fax : (8463) 823567

Mạng lưới Bưu chính viễn thông đã được hiện đại hóa 100% Bưu cục 2 và 80% bưu điện khu vực được lắp đặt tổng đài điện tử.

❖ Mục tiêu năm 1996 :

- Doanh thu cước tăng 1,45 lần so với năm 1995 là 56 tỉ đồng.

- Phát triển máy mới : 6.550 máy, đưa mật độ bình quân từ 1,78 máy/100 dân lên 2,47 máy/100 dân và 60% số xã trong tỉnh có máy điện thoại.

- Hoàn chỉnh, lắp đặt xong cột Antene cao 100 m đưa vào sử dụng.

Sẵn sàng phục vụ và thỏa mãn mọi nhu cầu về thông tin Bưu chính viễn thông



❖ Ngoài các dịch vụ truyền thông, hiện nay còn có nhiều dịch vụ mới :

- Faxcimile
- Điện thoại di động
- Nhắn tin
- Dịch vụ giải đáp thông tin kinh tế xã hội 108
- Dịch vụ điện hoa
- Bưu phẩm chuyển phát nhanh EMS
- Chuyển tiền nhanh
- Nhiều dịch vụ được áp dụng cho tổng đài điện tử ENS

Rất hân hạnh được phục vụ quý khách

◀ *Thông tin di động*

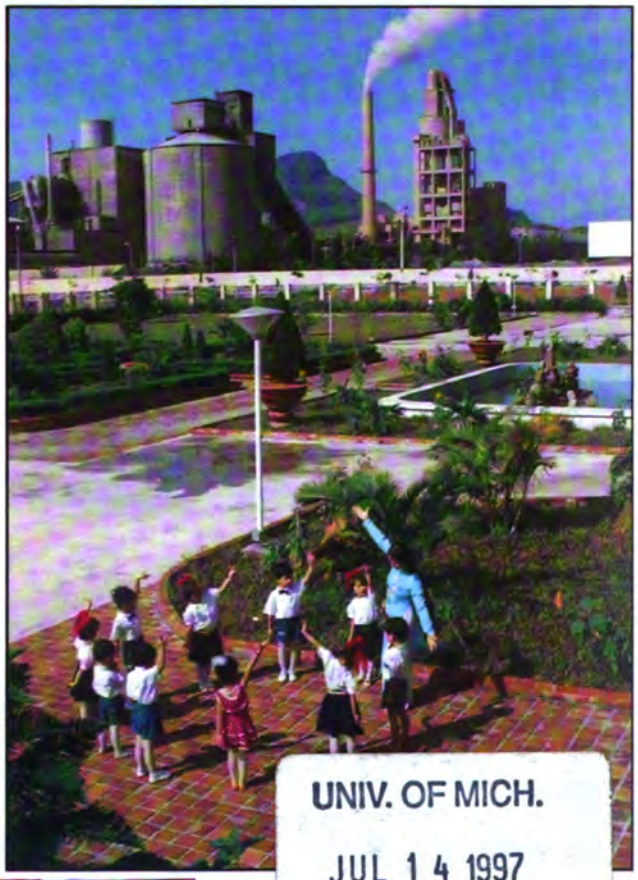
IN TẠI NHÀ IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN - 38 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI - ĐT : 8267244 ★ CHỈ SỐ 1265 ISSN 0866-7276 ★ GIÁ : 3000Đ

Digitized by Google

HX
9
H68B

Tạp chí Cộng sản







UNIV. OF MICH.
JUL 14 1997
CURRENT SERIALS

5
3-1997

Digitized by Google

CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU ĐẦU TƯ TỈNH KON TUM

KONTUM IMPORT - EXPORT AND INVESTMENT COMPANY



KOTIMEX

VĂN PHÒNG CHÍNH : 104 Lê Hồng Phong, Kon Tum
ĐIỆN THOẠI: (060) 862215, 862256, 862171, 864365
FAX : (060) 862215
Giám đốc Công ty : PHẠM THẾ ĐẠT

Công ty XNK Đầu tư tỉnh Kontum sẵn sàng hợp tác với các đơn vị trong và ngoài nước đến đầu tư, liên doanh trên các lĩnh vực hoạt động kinh tế.

Công ty Xuất nhập khẩu Đầu tư tỉnh KonTum được thành lập doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 182/QĐ-UB ngày 10/10/1992 của UBND tỉnh Kon Tum.

- Giấy phép đăng ký thành lập doanh nghiệp số : 101798 ngày 4/12/1992 của Trọng tài kinh tế tỉnh Kon Tum.

- Giấy phép kinh doanh XNK số : 306.0.001/GP của Bộ Thương mại.

*** Các đơn vị trực thuộc :**

1. Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu.
2. Xí nghiệp khai thác vận chuyển lâm sản.
3. Xí nghiệp ván ép liên doanh.
4. Xí nghiệp May xuất khẩu.
5. Xí nghiệp kinh doanh hàng nông sản xuất khẩu.
6. Xí nghiệp xây dựng cơ bản và công trình giao thông.
7. Chi nhánh kinh doanh XNK tại TP. Hồ Chí Minh.
   Địa chỉ : 63 Đường D2 - Quận Bình Thạnh.
   Điện thoại : 08.8995401.

*** Phạm vi kinh doanh :**

- Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu các mặt hàng :

+ **Lâm sản** : Sản xuất theo đơn đặt hàng, các mặt hàng chế biến từ gỗ : tủ, giường, bàn ghế, ván ép, ván lạng, ván sàn...

Các mặt hàng lâm sản phụ : song mây, tre, nứa, lồ ô...

+ **Nông sản** : Sắn lát, cà phê, cao su, đậu đỗ các loại...

+ **Sản xuất**, gia công xuất khẩu trực tiếp các mặt hàng may mặc.

- **Nhập khẩu** : Các loại vật tư, máy móc thiết bị, hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống.

- Đầu tư XDCB các công trình : Công nghệ dân dụng và giao thông.

- Làm dịch vụ xuất khẩu, nhận ủy thác xuất nhập khẩu cho các đơn vị có yêu cầu.



Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 515 · THÁNG RA HAI KỲ

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội - Điện thoại : 8252061 - 8252062*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Điện thoại : 8225768*

MỤC LỤC

PHẤN ĐẤU THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI VIII CỦA ĐẢNG	CHU VĂN RỊ - Xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp, trước nhất là người đứng đầu	3
	PHẠM GIA KHIÊM - Phấn đấu đưa Nghị quyết Trung ương 2 vào cuộc sống	6
	ĐẶNG VŨ CHƯ - Ngành công nghiệp đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	8
	NGUYỄN DUY GIA - Cải cách nền hành chính quốc gia trong thời kỳ đổi mới	12
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	VƯƠNG THỊ HANH - Công tác cán bộ nữ trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa	17
	HOÀNG XUÂN SÍNH - Suy ngẫm về tương lai đất nước	20
	PHAN XUÂN DŨNG - Đi thẳng vào khoa học và công nghệ hiện đại	25
	NGUYỄN QUANG THÁI - Mấy vấn đề về phát triển khu công nghiệp trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa	29
	TRẦN BẠCH ĐẰNG - Góp phần tìm hiểu sự thay đổi môi trường nhân văn trong đô thị hóa ở Việt nam hiện nay	33
	LÊ XUÂN LỰU - Vì sao chống tham nhũng kém hiệu quả ?	37
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	ĐẶNG CẢNH KHANH - Văn hóa luật pháp - truyền thống và bài học hôm nay	41
	NGUYỄN SƠN - Báo chí thành phố Hồ Chí Minh trên đường tự đổi mới	45
	LÊ XUÂN ĐÌNH - Phú yên phát triển sản xuất hàng hóa	50
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	TRẦN TRỌNG - Tại sao NATO ?	54
TÌM HIỂU KHÁI NIỆM	Thư tín dụng thương mại (L/C). Các loại L/C	58
TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN	Hội thảo khoa học : Chủ tịch Hồ Chí Minh với công tác bảo vệ sức khỏe	60

Bìa 1 : *Một số hình ảnh về người phụ nữ trong lao động sản xuất, giáo dục đào tạo.*
Ảnh : TTXVN, VĂN PHÚC, ĐINH QUANG THÀNH

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

ТЬЮ ВАН РИ - Формирование рядов ведущих кадров, прежде всего лидирующих кадров. ФАМ ЗА ХИЕМ - Стараемся ввести резолюции второго пленума центрального комитета кпв в жизнь. ДАНГ ВУ ТЬЫ - Индустрия идет в первом ряду в курсе индустриализации и модернизации страны. НГУЕН ЗУЙ ЗА - Реформы государственной администрации в периоде обновления. ВЬЮНГ ТХИ ХАНЬ - Работа с женщинами кадарми в курсе индустриализации и модернизации страны ХОАНГ СУАН ШИНЬ - Размышление над будущим страны ФАН СУАН ЗУНГ - Берёмся прямо за современную науку и технологию. НГУЕН КУАНГ ТХАЙ - Некоторые проблемы о развитии промышленной зоны в течение индустриализации и модернизации. ЧАН БАТЬ ДАНГ - К разузнаванию изменений атмосферы гуманизма в течение урбанизации во Вьетнаме в настоящее время. ЛЕ СУАН ЛЫУ - Почему борьба против коррупции оказывается неэффективной ?. ДАНГ КАНЬ ХАНЬ - " Культура " законов : традиции и уроки. НГУЕН ШОН - Пресса в городе Хо Ши Мина на пути самообновления. ЧАН ЧОНГ - Почему НАТО ?

CONTENTS

CHU VĂN RỴ - Building a contingent of the most important cadres of all levels, and first of all the leaders. PHẠM GIA KHIÊM - Striving to introduce the Resolution of the Second Plenum of the Party Central Committee into life. ĐẶNG VŨ CHƯ - The industry goes the first in the course of the country's industrialization and modernization. NGUYỄN DUY GIA - Reformation of State administration in the period of renovation. VƯƠNG THỊ HẠNH - The work with women cadres in the course of industrialization and modernization. HOÀNG XUÂN SÍNH - Thinking over the country's future. PHAN XUÂN DŨNG - Promoting the modern science and technology. NGUYỄN QUANG THÁI - Some problems on the development of industrial zones in the course of the country's industrialization and modernization. TRẦN BẠCH ĐẰNG - Studies on the changes of the humane environment during the present urbanization in Vietnam. LÊ XUÂN LỰU - Why the anti-corruption struggle gained bad results? ĐẶNG CẢNH KHẠNH - Law culture- traditions and experiences. NGUYỄN SƠN - Ho Chi Minh City's Press on the Way of self-renovation. TRẦN TRỌNG - Why NATO ?

SOMMAIRE

CHU VĂN RỴ - Edifier un contingent de cadres-clés de diverses instances, en premier lieu les cadres principaux. PHẠM GIA KHIÊM - Tâchons de mettre en exécution les Résolutions du 2e Plénum du Comité central du Parti. ĐẶNG VŨ CHƯ - La branche d'industrie s'engage en tête dans l'oeuvre d'industrialisation et de modernisation du pays. NGUYỄN DUY GIA - La réforme administrative dans la période de renouveau. VƯƠNG THỊ HẠNH - Le travail à l'intention des femmes cadres dans l'oeuvre d' industrialisation et de modernisation du pays. HOÀNG XUÂN SÍNH - Réflexions sur l'avenir du pays. PHAN XUÂN DŨNG - Engageons-nous dans la science et la technologie modernes. NGUYỄN QUANG THÁI - Quelques problèmes sur le développement des zones industrielles dans l'oeuvre d'industrialisation et de modernisation du pays. TRẦN BẠCH ĐẰNG - Contributions à l'étude des changements du milieu humain dans l'urbanisation au Vietnam d'aujourd'hui. LÊ XUÂN LỰU - Pourquoi la lutte contre la corruption s'avère-t-elle peu efficace ?. ĐẶNG CẢNH KHANH - Culture juridique - traditions et leçons d'aujourd'hui. NGUYỄN SƠN - La presse de Ho Chi Minh-ville en voie d'auto-rénovation. TRẦN TRỌNG - Pourquoi l'OTAN ?

SUMARIO

CHU VĂN RỴ - Edificación de un contingente de claves cuadros en todos los niveles, ante todo los principales. PHẠM GIA KHIÊM - Nos esforzamos por introducir la Resolución del Segundo Pleno del C.C. en la vida. ĐẶNG VŨ CHƯ - La rama industrial a la cabeza en la obra de industrialización y modernización del país. NGUYỄN DUY GIA - La reforma de la administración nacional en el período de renovación. VƯƠNG THỊ HẠNH - El trabajo de cuadros femeninos en la obra de industrialización y modernización del país. HOÀNG XUÂN SÍNH - Reflexión sobre el futuro del país. PHAN XUÂN DŨNG - Marcha directa a las ciencias y tecnología moderna. NGUYỄN QUANG THÁI - Algunos problemas sobre la formación de las zonas industriales en la obra de industriali zación y modernización. TRẦN BẠCH ĐẰNG - Contribución a conocer el cambio del medio ambiente humanista en la urbanización en Vietnam en la actualidad. LÊ XUÂN LỰU - ¿ Por qué resulta poco eficaz la lucha contra la corrupción ? ĐẶNG CẢNH KHANH- La cultura jurídica - tradiciones y lecciones de hoy. NGUYỄN SƠN - La prensa de Ciudad Ho Chi Minh en renovación. TRẦN TRỌNG - ¿ Por qué OTAN ?

目錄

•周文易：建設各級骨幹幹部隊伍，首先著重予領導幹部•范嘉謙：爲落實第二中央決議而奮鬥•鄧武諸：在國家工業化、現代化事業中，工業起著龍頭作用•阮維嘉：革新時期的國家行政改革•王氏幸：在國家工業化、現代化事業中的婦女幹部工作•黃春聘：對國家未來的思考•潘春勇：勇往直前，向現代科學技術邁進•阮光泰：在工業化、現代化事業中發展工業區的一些問題•陳白騰：爲探討目前越南都市化中人文環境的改變而貢獻一份力量•黎春榴：爲甚麼反貪污的效果還差?•鄧景卿：文化法律—傳統與當今的教訓•阮山：胡志明市新聞報刊——自身改革的道路上•陳仲：爲甚麼北大西洋公約組織……

Digitized by Google

XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ CHỦ CHỐT CÁC CẤP, TRƯỚC NHẤT LÀ NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU

CHU VĂN RỰ *

ĐẠI hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng vạch rõ : "Tình hình và nhiệm vụ mới đặt ra rất nhiều yêu cầu cho công tác cán bộ. Toàn đảng phải hết sức chăm lo xây dựng thật tốt đội ngũ cán bộ... trước hết là đội ngũ cán bộ chủ chốt trong hệ thống chính trị" (1). Trong phạm vi bài viết này, tôi chỉ nêu một số ý kiến chung quanh vấn đề nói trên.

1 - Từ khi ra đời đến nay, lúc nào Đảng ta cũng coi trọng công tác cán bộ, bởi vì cán bộ có vai trò quyết định trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng. Đảng ta và Bác Hồ đã dày công xây dựng và rèn luyện nên các thế hệ cán bộ kế tiếp nhau đảm đương và hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ của từng thời kỳ cách mạng. Đây là lực lượng ưu tú của dân tộc, của giai cấp và của Đảng.

Kế thừa và phát huy truyền thống của các thế hệ cán bộ trước, 10 năm đổi mới vừa qua, đội ngũ cán bộ nước ta có bước phát triển mới. Trước những biến động phức tạp của tình hình thế giới, trước sự tấn công của các thế lực thù địch, trước những khó khăn của đời sống xã hội và của bản thân, đội ngũ cán bộ nước ta tuyệt đại bộ phận trung thành với sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc ; có lối sống lành mạnh, chịu khó vươn lên về mọi mặt, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Cán bộ chủ chốt các cấp, nhất là cấp chiến lược, có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, chủ động, sáng tạo lãnh đạo công cuộc đổi mới đất nước vượt qua nhiều khó khăn, giành được những thành tựu rất quan trọng.

Tuy nhiên, so với yêu cầu nhiệm vụ chính trị của thời kỳ mới, đội ngũ cán bộ của nước ta còn nhiều mặt hạn chế về kiến thức và năng lực quản lý kinh tế, quản lý nhà nước, vận động quần chúng. Một số ít sa sút về chính trị, thoái hóa về đạo đức và lối sống, nặng tư tưởng cục bộ, địa phương, cá nhân chủ nghĩa, gây mất đoàn kết nội bộ. Tình hình trên do nhiều nguyên nhân, trong đó có những nguyên nhân chủ yếu là : Trước tình hình mới, cán bộ ta chưa có sự chuẩn bị đầy đủ về mọi mặt để kịp thời thích ứng với hoàn cảnh, nhiệm vụ mới ; công tác cán bộ chưa chủ động nhạy bén ; thiếu một chiến lược cán bộ tổng thể ; hệ thống chính sách thiếu đồng bộ ; việc quán triệt các quan điểm và nguyên tắc cơ bản của Đảng về công tác cán bộ chưa sâu sắc, chưa đầy đủ ở tất cả các cấp ; sự tự rèn luyện, tự phấn đấu của bản thân bộ phận cán bộ này có phần lơi lỏng.

2- Lựa chọn và bố trí đúng cán bộ chủ chốt, nhất là người đứng đầu các cấp là một trong

---

* Ủy viên trung ương Đảng, Phó trưởng ban Tổ chức trung ương

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1996, tr 145

Digitized by Google

những việc làm hết sức quan trọng. Ở đâu lựa chọn và bố trí đúng cán bộ chủ chốt và người đứng đầu thì ở đó sẽ có những tấm gương cán bộ lãnh đạo tốt để mọi người noi theo ; phẩm chất đạo đức cách mạng, ý thức tổ chức kỷ luật và trách nhiệm của từng cá nhân người lãnh đạo được đề cao ; đường lối, quan điểm của Đảng được giữ vững và quán triệt, pháp luật, quy định, quy chế làm việc được tôn trọng ; dân chủ được phát huy, tập hợp được trí tuệ của tập thể, tạo được sự phấn khởi, đoàn kết và thống nhất ý chí ; cán bộ tốt, có năng lực được phát hiện, bồi dưỡng, cán bộ thoái hóa và các hiện tượng tiêu cực được kịp thời ngăn chặn. Ngược lại, ở đâu cán bộ chủ chốt và người đứng đầu phẩm chất đạo đức, năng lực làm việc yếu thì công việc kém hiệu quả, trong nội bộ tư tưởng không thống nhất, hiện tượng bè phái nảy sinh, kỷ cương bị vi phạm, lòng tin của cán bộ, nhân dân bị giảm sút.

Lựa chọn và bố trí đúng cán bộ chủ chốt là một công việc khó khăn, nhất là trong tình hình hiện nay. Bởi vì, khi thực hiện thường vấp phải tư tưởng cục bộ địa phương, gia trưởng, dẫn đến việc phân tích đánh giá cán bộ thiếu khách quan, thiếu nhất quán, né tránh, cảm tính, coi nhẹ tiêu chuẩn, hiệu quả làm việc và uy tín cán bộ, vi phạm nguyên tắc tập trung dân chủ.

Chuẩn bị tốt đội ngũ cán bộ kế cận là tạo nguồn để bố trí đúng cán bộ chủ chốt các cấp. Kinh nghiệm ở những nơi cán bộ chủ chốt vững vàng chính là do làm tốt công tác quy hoạch cán bộ, biết chuẩn bị đội ngũ kế cận. Xây dựng tốt đội ngũ kế cận chính là khơi dậy tiềm năng to lớn của tất cả đội ngũ cán bộ của chúng ta. Trên cơ sở đó tạo ra những khả năng rộng lớn để có một đội ngũ cán bộ chủ chốt đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng, đáp ứng về cơ cấu, đồng bộ và thống nhất giữa các ngành, các cấp và giữa các lĩnh vực lãnh đạo và quản lý.

Xây dựng đội ngũ cán bộ kế cận đòi hỏi phải có tầm nhìn xa, có mục tiêu định hướng rõ ràng, nắm chắc các nguyên tắc, quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác cán bộ, phải thận trọng và kiên trì.

Tóm lại, bố trí đúng cán bộ chủ chốt và người đứng đầu là yếu tố rất quan trọng bảo đảm cho việc thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị ; bố trí sai cán bộ chủ chốt và người đứng đầu chẳng những nhiệm vụ chính trị không hoàn thành mà còn có thể gây ra những tổn thất không nhỏ. Xây dựng đội ngũ cán bộ kế cận là tạo nên nhân tố mới chuẩn bị kế tiếp lớp cán bộ cũ. Không xây dựng được đội ngũ kế cận, hoặc xây dựng không tốt đội ngũ kế cận sẽ dẫn đến tình trạng lúng túng, hoặc hẫng hụt trong công tác cán bộ. Chăm lo đội ngũ cán bộ chủ chốt và xây dựng đội ngũ cán bộ kế cận chính là một trong những yêu cầu, nội dung rất cơ bản của chiến lược cán bộ của Đảng ta.

3 - Để chăm lo đội ngũ cán bộ chủ chốt và xây dựng đội ngũ cán bộ kế cận đáp ứng tình hình và nhiệm vụ cách mạng hiện nay, cần nắm chắc một số quan điểm cơ bản của Đảng ta về công tác cán bộ là :

Cán bộ có vai trò to lớn, quyết định trong thực hiện nhiệm vụ cách mạng. Đảng trực tiếp lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ. Công tác cán bộ là trách nhiệm của các cấp ủy, các tổ chức đảng và của mỗi thành viên trong hệ thống chính trị.

Công tác cán bộ nói chung, việc xây dựng đội ngũ cán bộ nói riêng, đặc biệt là việc lựa chọn, bố trí cán bộ chủ chốt và người đứng đầu phải xuất phát và gắn chặt với nhiệm vụ chính trị của thời kỳ mới - thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Digitized by Google

Xác định như thế tức là xuất phát từ thực tế khách quan, từ nhiệm vụ chung của đất nước kết hợp với nhiệm vụ cụ thể của từng ngành, từng cơ sở, đơn vị để rèn luyện và xây dựng đội ngũ cán bộ, chứ không phải xuất phát từ ý muốn chủ quan.

Đội ngũ cán bộ của ta phải xây dựng trên cơ sở lập trường cách mạng của giai cấp công nhân. Cán bộ, đặc biệt là cán bộ chủ chốt hiện nay và cả cán bộ kế cận dù xuất thân ở giai cấp nào, tầng lớp nào, hoạt động ở bất kỳ lĩnh vực nào cũng phải được bồi dưỡng và trau dồi lý tưởng cách mạng của giai cấp công nhân, trung thành với lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc.

Công tác cán bộ phải được tiến hành theo nguyên tắc tập trung dân chủ. Đây là một nguyên tắc cơ bản, xuyên suốt trong từng nội dung cụ thể của công tác cán bộ của Đảng ta.

Công tác cán bộ phải bảo đảm tính kế thừa và phát triển, sự kết hợp tốt giữa các thế hệ, bảo đảm vừa ổn định vừa phát triển trên cơ sở tiêu chuẩn là chính. Đội ngũ cán bộ ngày càng được chuyên môn hóa, trí thức hóa và trẻ hóa.

Nhiệm vụ của công tác cán bộ từ nay đến đầu thế kỷ XXI là xây dựng, bổ sung, kiện toàn đội ngũ cán bộ hiện có, chú trọng đội ngũ cán bộ chủ chốt ; đồng thời xây dựng tốt các lực lượng cán bộ, trong đó có lực lượng cán bộ kế cận cho thời kỳ phát triển sau năm 2000. Để thực hiện được nhiệm vụ đó, trên nền tảng những quan điểm vừa nêu trên, chúng ta cần nắm vững tiêu chuẩn cán bộ của thời kỳ mới là : Có bản lĩnh chính trị vững vàng, trung thành với lý tưởng cách mạng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ; trung thực, gương mẫu về đạo đức và lối sống, cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư, có ý thức tổ chức kỷ luật cao, thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ ; có trình độ chuyên môn phù hợp với nhiệm vụ đảm đương, có sức khỏe tốt. Tóm lại, người cán bộ của giai đoạn mới phải đủ đức và tài, trong đó đức là gốc, tài là quan trọng.

Để có được những cán bộ đúng tiêu chuẩn, đáp ứng với nhiệm vụ đề ra, công tác cán bộ từ nay đến cuối thế kỷ cần làm tốt các công việc : xây dựng chiến lược cán bộ, trong đó chú trọng xây dựng hệ thống chính sách cán bộ, đào tạo bồi dưỡng, tạo nguồn, bổ sung và kiện toàn đội ngũ hiện có ; trước mắt cần lưu ý một số vấn đề :

- Trên cơ sở xác định tiêu chuẩn của từng chức danh cán bộ từ trung ương đến cơ sở ở tất cả các lĩnh vực công tác, chúng ta phải tiến hành khảo sát, phân tích, phân loại và đánh giá cán bộ thật chính xác. Từ đó bố trí đúng cán bộ theo phương châm : vừa ổn định vừa phát triển ; các lớp cán bộ kế tiếp nhau liên tục ; có lên, có xuống, có vào có ra ; lấy hiệu quả công việc để đánh giá và bố trí cán bộ ; đề cao nguyên tắc tập trung dân chủ và kỷ luật chấp hành.

- Bồi dưỡng kiến thức về mọi mặt cho cán bộ chủ chốt các cấp theo đặc điểm và yêu cầu của từng loại cán bộ, để kịp thời đáp ứng được chức trách nhiệm vụ đang đảm nhiệm.

- Tăng cường quản lý và kiểm tra của cấp ủy đối với đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp nhằm động viên kịp thời cán bộ, nhưng mặt khác cũng nhằm bảo vệ tốt cán bộ trong tình hình phức tạp hiện nay.

- Bản thân cán bộ chủ chốt các cấp cần thấy rõ trách nhiệm được giao, quyết tâm vươn lên, xứng đáng với niềm tin của Đảng và của nhân dân.

- Xây dựng tốt đội ngũ cán bộ kế cận. Cần khắc phục tư tưởng chờ đợi, hoặc nôn nóng, sơ lược, làm cho qua chuyện, làm vì yêu cầu của cấp trên chứ không phải vì chính yêu cầu nhiệm vụ của đơn vị mình, cơ sở mình, địa phương mình. Bí thư đảng và thủ trưởng các đơn vị, các ngành, các cấp phải đích thân chủ động chăm lo công tác này.❑

Digitized by Google

PHẤN ĐẤU ĐƯA NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 2 VÀO CUỘC SỐNG

PHẠM GIA KHIÊM *

NGHỊ quyết Hội nghị lần thứ 2 Ban chấp hành trung ương khóa VIII về giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ đã vạch ra định hướng chiến lược khoa học và công nghệ cho thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000, là một bước cụ thể hóa đường lối Đại hội VIII trên lĩnh vực phát triển khoa học và công nghệ (KHCN)

Nghị quyết 37 của Bộ chính trị về "Chính sách khoa học và kỹ thuật" (năm 1981) đặt nền móng cho một thời kỳ phát triển KHCN theo quy hoạch và kế hoạch của Nhà nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng ; khẳng định những nguyên tắc cơ bản của chính sách Nhà nước về KHCN trong thời kỳ đất nước vừa thống nhất, đi lên CNXH. Lần đầu tiên Việt nam có một chính sách thành văn về KHCN. Nhưng đó là chính sách trong thời kỳ phát triển theo mô hình kế hoạch hóa tập trung, Nhà nước bao cấp hầu hết các hoạt động KHCN, kinh tế hàng hóa và cơ chế thị trường chưa phát triển, quan hệ quốc tế chưa được mở rộng.

Nghị quyết 26 của Bộ chính trị về "Khoa học và công nghệ trong sự nghiệp đổi mới" (năm 1991) là nghị quyết thể hiện quan điểm đổi mới của Đảng trong lĩnh vực KHCN phù hợp với tình hình chung của công cuộc đổi mới do Đảng đề xướng và lãnh đạo từ Đại hội VI. Nghị quyết đã hình thành những nguyên tắc cơ bản của chính sách KHCN của Đảng trong thời kỳ chuyển đổi sang một nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng XHCN. Đó là chính sách trong thời kỳ khai phá những hướng đi mới trong điều kiện đa phương hóa và mở cửa, hội nhập với nền kinh tế trong khu vực và thế giới.

Nghị quyết Trung ương 2, Khóa VIII, ra đời trong hoàn cảnh cách mạng nước ta chuyển sang một giai đoạn mới với nhiệm vụ trọng tâm là công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trong nước, những thành tựu quan trọng của công cuộc đổi mới đã tạo ra thế và lực mới. Sau nhiều năm khó khăn, ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, tạo bước tăng trưởng khá, giải quyết thành công vấn đề an toàn lương thực, bảo đảm quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị. Chính sách kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường theo định hướng XHCN đã gặt hái những thành công bước đầu.

Trên trường quốc tế, do chính sách đối ngoại rộng mở của Đảng ta, cho phép ta có thể hội nhập trên thực tế với nền kinh tế thị trường trong khu vực và trên thế giới. Chuyển giao công nghệ thông qua đầu tư nước ngoài, hợp tác trên cơ sở song phương và đa phương phát triển với nhịp độ rất khả quan. Nếu biết tận dụng cơ hội, ta có thể bỏ qua những bước sơ khởi, tiến thẳng lên những nấc thang cao hơn trong phát triển, rút ngắn khoảng cách tụt hậu.

Với những đặc điểm đó, việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 đòi hỏi một cách nghĩ, cách làm với tinh thần chủ động, sáng tạo, nhất quán trên mọi phương diện. Trước hết tập trung vào ba nhóm công việc lớn sau, để cụ thể các biện pháp mà Nghị quyết đưa ra :

a) Xây dựng chiến lược phát triển KHCN từ nay đến năm 2020.

b) Xây dựng hệ thống cơ chế chính sách tạo động lực cho KHCN.

c) Các biện pháp về mặt tổ chức, quản lý.

Về xây dựng chiến lược KHCN, Nghị quyết đã chỉ ra nhiệm vụ cho các lĩnh vực khoa học, bao gồm khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ, cho việc xây dựng tiềm lực KHCN. Nghị quyết đã chỉ ra những nhiệm vụ cụ thể cho các ngành KHCN. Trong đó, nổi lên quan trọng là phải đạt trình độ công nghệ trung bình trong khu vực ở những ngành sản xuất và dịch vụ chủ yếu từ nay cho đến năm 2000.

---

* Ủy viên trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ khoa học, công nghệ và môi trường

Digitized by Google

Theo hướng đó, chúng ta phải sớm xác định một lộ trình công nghệ cụ thể từng năm, cho các ngành, nhằm từng bước vươn lên trình độ công nghệ tiên tiến trong khu vực ở phần lớn các ngành kinh tế trọng điểm vào năm 2020 như công nghệ sinh học, sản xuất lương thực, chế biến nông - lâm - hải sản, cơ khí điện tử, công nghệ thông tin, bưu chính viễn thông, khai thác và chế biến dầu khí, giao thông vận tải, xây dựng, vật liệu cơ bản, sản xuất và sử dụng năng lượng, y dược, phát triển một số ngành công nghiệp biển.

Chúng ta cũng cần tranh thủ đi ngay vào những công nghệ tiên tiến nhất, mặt khác phải ra sức tận dụng những cơ sở vật chất - kỹ thuật đang có. Trước hết chúng ta phải lấy ứng dụng và chuyển giao công nghệ là chính. Chủ trương này phản ánh hướng đi tất yếu, nhằm tăng trưởng nhanh về mặt kinh tế, tạo việc làm cho nhân dân và từng bước xây dựng năng lực KHCN quốc gia.

Để thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ chiến lược nói trên cần có một *cơ chế, chính sách đồng bộ* để tạo ra động lực mạnh mẽ đẩy sự nghiệp KHCN tiến lên.

Nhiệm vụ quan trọng nổi lên là phải rà soát lại các văn bản pháp luật, sửa đổi và trình Chính phủ ban hành các văn bản cần thiết cho phù hợp với chủ trương mới trong Nghị quyết Trung ương 2. Cụ thể là cần chuẩn bị các dự án sau đây :

- Dự thảo Luật khoa học và công nghệ, làm sao thể hiện được khuôn khổ pháp lý cho mọi hoạt động KHCN trong điều kiện một nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân, một nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước, trong điều kiện quan hệ quốc tế rộng mở.

- Nghị định của Chính phủ về việc cho phép viện và trường lập các tổ chức sản xuất - kinh doanh các sản phẩm và dịch vụ gắn với hướng chuyên môn của mình, như một bước làm xích lại gần nhau giữa khoa học và sản xuất, khuyến khích các hình thức kinh doanh bằng khoa học, hình thành các ngành nghề mới trên cơ sở khoa học và công nghệ.

- Cải tiến chính sách và cơ chế khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nghiên cứu và ứng dụng khoa học và công nghệ ; chính sách tạo vốn cho KHCN từ các nguồn khác nhau, như một hướng huy động toàn dân, trước hết là giới kinh doanh sản xuất, vào việc phát triển KHCN, tăng cường đầu tư cho khoa học từ nguồn sản xuất.

- Cải cách ngạch lương, phụ cấp theo lương cho cán bộ KHCN nhằm khuyến khích đưa khoa học đến với vùng sâu, vùng xa, tạo điều kiện cho cán bộ khoa học sống và làm việc bằng chính ngành nghề cao quý của mình. Bổ sung, sửa đổi các chế độ khen thưởng, đãi ngộ thích đáng cho các công trình, sản phẩm KHCN có hiệu quả ; chính sách sử dụng cán bộ khoa học đã đến tuổi về hưu nhưng vẫn còn sức khỏe và năng lực cống hiến.

Các biện pháp về mặt tổ chức quản lý hệ thống cơ quan khoa học và công nghệ, nhiệm vụ triển khai nghị quyết đòi hỏi phải :

- Quy định lại chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của hệ thống quản lý nhà nước về khoa học công nghệ và môi trường, tập trung vào những khâu then chốt nhất của quản lý nhà nước như vạch chiến lược dài hạn và kế hoạch kiểm soát vĩ mô, thiết lập hành lang pháp lý.

- Tiếp tục sắp xếp lại hệ thống các cơ quan nghiên cứu KHCN, trong đó chuyển mạnh các viện ứng dụng về các doanh nghiệp.

- Xây dựng cơ chế hoạt động mới của Hội đồng chính sách KHCN quốc gia coi đó như một cơ cấu ra quyết định và hỗ trợ chính phủ ra quyết định chính xác và kịp thời trong lĩnh vực phát triển KHCN.

- Đổi mới cơ chế kế hoạch hóa KHCN, trước hết là cơ chế quản lý các chương trình KHCN quốc gia cho giai đoạn 1996 - 2000 đã được Chính phủ phê duyệt, Bộ sẽ tiếp tục cải tiến quản lý các chương trình, đề tài trong chương trình sao cho có hiệu quả, thiết thực, gắn với việc thực hiện các mục tiêu kinh tế - xã hội, phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nhiệm vụ quan trọng nhất trong hướng này là tăng cường khâu đánh giá nghiệm thu các đề tài nghiên cứu khoa học cấp Nhà nước nhằm nâng cao hiệu quả của đồng vốn cho nghiên cứu, định hướng đúng đắn cho các tập thể và cá nhân nhà khoa học phục vụ đời sống.

Những nội dung trên đây là những nhiệm vụ cốt lõi của chương trình hành động của Bộ khoa học, công nghệ và môi trường thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 đã được Chính phủ phê duyệt. Muốn thực hiện thành công Nghị quyết quan trọng này, ngoài sự cố gắng của cán bộ khoa học trong bộ và ngoài bộ, cần có sự cộng tác và phối hợp chặt chẽ của các cấp các ngành, vì sự nghiệp phát triển KHCN luôn luôn là sự nghiệp của toàn đảng, toàn dân. ❑

Digitized by Google

NGÀNH CÔNG NGHIỆP ĐI ĐẦU TRONG SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

ĐẶNG VŨ CHƯ *

CÓ thể khẳng định rằng, bất cứ một nước chậm phát triển nào, muốn đạt được trình độ của một nước phát triển đều phải trải qua một nấc thang có tính tất yếu lịch sử, đó là công nghiệp hóa.

Trên thế giới đã có nhiều nước tiến hành công nghiệp hóa, như các nước Tây Âu, Nhật bản, các nước và lãnh thổ NICs (Hàn quốc, Đài loan, Hồng công, Xin-ga-po...). Tuy thành công ở những mức độ khác nhau, nhưng các nước này đã xác lập được vị thế vững chắc của mình trong nền kinh tế thế giới. Trong lịch sử phát triển kinh tế thế giới, công nghiệp hóa ở những nước khác nhau có sự khác nhau về mô hình, thời gian thực hiện và cả ảnh hưởng của nó đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở nước đó. Điều đó có nghĩa là đường lối và các bước đi của quá trình công nghiệp hóa ở nước này, khu vực này, không thể áp dụng dập khuôn máy móc cho một nước khác, một khu vực khác.

Ở Việt nam, đường lối công nghiệp hóa đã được Đảng ta xác định ngay từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III (1960) ; nhưng do nhiều nguyên nhân khách quan và chủ quan, công cuộc công nghiệp hóa của chúng ta đã không thu được những kết quả như mong muốn. Hiện nay, hoàn cảnh, điều kiện quốc tế và trong nước, trình độ phát triển kinh tế - xã hội của nước ta đã khác nhiều so với những năm của thập kỷ 60, 70. Điều này đặt ra cho chúng ta trách nhiệm nặng nề trong việc xác định những mục tiêu lớn, lựa chọn cơ cấu kinh tế và tìm được bước đi thích hợp trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Trong quá trình phát triển kinh tế ở nước ta hiện nay, cần nhận thức sâu sắc rằng, đường lối đổi mới do Đảng ta khởi xướng, chính là nền tảng, lý luận và thực tiễn cho quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Ngược lại, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa lại chính là động lực thúc đẩy sự nghiệp phát triển kinh tế và là phương tiện để đạt được những mục tiêu cơ bản về kinh tế - xã hội. Mặc dầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa không chỉ là quá trình phát triển công nghiệp, song, sự phát triển của các ngành công nghiệp có vai trò quan trọng và tích cực trong việc thúc đẩy các ngành kinh tế khác và cả nền kinh tế quốc dân phát triển.

Trong 10 năm vừa qua, đặc biệt là 5 năm 1991 - 1995, nhờ hoạt động theo cơ chế mới và có những bước đi thích hợp, ngành công nghiệp nước ta đã có nhiều cố gắng, đạt được những tiến bộ đáng tự hào và phát triển thêm một bước mới rất cơ bản, khẳng định được vai trò và vị trí của mình trong sự nghiệp phát triển kinh tế của đất nước. Tốc độ tăng trưởng bình quân hằng năm của toàn ngành đạt 13,7% ; trong đó, công nghiệp trung ương đạt 16,13%. Giá trị xuất khẩu hàng công nghiệp tăng 25,95%. Một số ngành có mức tăng trưởng bình quân cao như : thép 25,83%, hóa chất, phân bón 20,1%, dệt - may 26,2%, da giầy 22,1%. Ngành cơ khí, tuy gặp nhiều khó khăn cũng đạt mức tăng bình quân 16,3% Các ngành điện tử, giấy, sành sứ thủy tinh, rượu - bia - nước giải khát, thuốc lá, dầu thực vật, chế

* Ủy viên trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ công nghiệp

Digitized by Google

biến sữa có mức tăng trưởng khá, đặc biệt là trong vài năm gần đây. Ngành điện, từ chỗ những năm đầu kỳ kế hoạch (1991 - 1992) còn thiếu nguồn ổn định cho sản xuất (nhất là phía nam) đã dần dần khắc phục được tình trạng này, bảo đảm cung cấp điện cho phát triển kinh tế - xã hội với sản lượng điện hằng năm tăng bình quân 16%. Năm 1996 là năm đầu tiên thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng ngành công nghiệp cũng đã đạt được kết quả đáng khích lệ. Tốc độ phát triển chung của công nghiệp là 14,1%, trong đó công nghiệp quốc doanh trung ương 14,39%, khu vực ngoài quốc doanh 11,9%, khu vực đầu tư nước ngoài 21,7%. Tổng kim ngạch xuất khẩu năm 1996 toàn ngành đạt khoảng 3,9 tỉ USD, trong đó dầu khí 1,2 tỉ, dệt may 1,1 tỉ, da giầy 0,5 tỉ...

Tuy nhiên, công nghiệp Việt nam cũng còn nhiều hạn chế cần phải vượt qua. Đánh giá một cách khái quát có thể nêu mấy vấn đề nổi bật như sau :

- Chủ yếu vẫn còn là ngành công nghiệp gia công. Ngoại trừ các sản phẩm phục vụ tiêu dùng trong nước, hầu hết các sản phẩm xuất khẩu đều được thực hiện dưới hình thức gia công như : các sản phẩm dệt, may, da giầy... Mặc dầu đã hình thành được một số cơ sở của các ngành công nghiệp mới như chế tạo ô tô, xe máy, điện tử... nhưng đối với những sản phẩm có hàm lượng khoa học công nghệ cao này cũng mới chỉ dừng lại ở trình độ lắp ráp CKD, SKD... mà hầu hết linh kiện đều do nước ngoài cung cấp. Tỷ lệ nội địa hóa ở các sản phẩm lắp ráp mới ở mức trên dưới 10%. Công nghiệp thép, tuy là một trong các ngành nền tảng cho công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa, song phần sản phẩm đi từ quặng trong nước mới đạt một phần rất nhỏ, chủ yếu vẫn phải nhập phôi về cán, kéo, sản xuất thép thông dụng cung cấp cho thị trường trong nước. Trong khi đó, một số tài nguyên khoáng sản vẫn chủ yếu phải xuất khẩu dưới dạng thô mà chưa qua chế biến sâu, nên hiệu quả thấp.

- Trình độ công nghiệp vẫn còn ở mức lạc hậu, mặc dù gần đây một số đơn vị trong nước, hoặc một số công trình liên doanh với nước ngoài đã đầu tư để có được những công nghệ tiên tiến, theo kịp trình độ thế giới. Song ở hầu hết các ngành kinh tế - kỹ thuật, trình độ thiết bị, công nghệ còn lạc hậu từ 2 - 3 thế hệ so với trình độ trung bình của thế giới. Đây là hạn chế cơ bản khiến sản xuất công nghiệp của ta tiêu hao nhiều nguyên nhiên vật liệu, năng suất lao động thấp mà chất lượng, khả năng cạnh tranh của sản phẩm lại không cao. Chi phí nguyên vật liệu trong giá thành sản phẩm công nghiệp của ta thường cao hơn so với các nước trong khối ASEAN từ 20 - 30%, trong khi đó năng suất chỉ bằng 60 - 70%. Ví dụ, để sản xuất 1 KWh điện chạy than, các nước khác dùng 1 900 Kcal, ta tiêu hao 2 700 Kcal ; hiệu suất nhiệt trong các nhà máy nhiệt điện loại này của họ là 35%, ta mới đạt 29% ; tổn thất điện của họ từ 12 - 15%, của ta là 22% v.v.

- Chưa hình thành các ngành công nghiệp mũi nhọn. Trong giai đoạn 1991 - 1995, hầu hết các ngành công nghiệp đều có mức tăng trưởng khá, song ta vẫn chưa xác định được các ngành công nghiệp mũi nhọn cần tập trung đầu tư phát triển, góp phần đẩy nhanh quá trình phát triển của đất nước. Với lợi thế dồi dào về nguồn nhân lực, việc phát triển một số ngành thu hút nhiều lao động, chỉ đáp ứng được nhu cầu bức xúc trước mắt trong giai đoạn quá độ.

Từ nay đến năm 2000, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải được đẩy mạnh với những thuận lợi cơ bản về nhiều mặt. Đó là kinh tế cả nước có tốc độ tăng trưởng khá và ổn định, lạm phát được kiềm chế ; nguồn vốn đầu tư (bao gồm cả tích lũy từ GDP và vốn nước ngoài) ngày càng tăng... Tuy nhiên, nhiều khó khăn vẫn gay gắt, đặc biệt là trình độ công nghệ của các ngành kinh tế, kể cả trình độ quản lý, tay nghề của lực lượng lao động còn ở mức thấp, khả năng tài chính eo hẹp, cuộc đấu tranh giành thị trường, nhất là đấu tranh với hàng nhập lậu vẫn còn gay gắt... Trong bối cảnh đó, ngành công nghiệp cũng không tránh khỏi những khó khăn chung. Quán triệt Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng, ý thức được vị trí hàng đầu của mình trong công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, định hướng phát triển ngành đến năm 2010 và 2020 đã được xây dựng và triển khai thực hiện theo những quan điểm cơ bản sau :

Digitized by Google

- Tham gia một cách tích cực với vai trò là động lực và nòng cốt của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế. Phát triển sản xuất với nhịp độ cao, bảo đảm đáp ứng những yêu cầu cơ bản của xã hội.

- Chuyển mạnh từ một nền công nghiệp gia công sang nền công nghiệp sản xuất. Nâng dần tỷ trọng xuất khẩu FOB trong tổng kim ngạch xuất khẩu các sản phẩm dệt, may, da giầy ; phấn đấu đến năm 2000, đạt mức 70%. Đối với ngành sản xuất thép, tiến tới tự túc được nguyên liệu cho sản xuất, hạn chế tình trạng nhập phôi. Đối với các ngành sản xuất ô tô, xe máy, thiết bị điện, điện tử, nâng dần tỷ lệ nội địa hóa các chi tiết, linh kiện trong cấu thành sản phẩm.

- Phát triển ngành công nghiệp toàn diện. Đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong bản thân ngành công nghiệp theo hướng đi thẳng vào hiện đại, hạn chế nhập khẩu các thiết bị đã qua sử dụng nhưng công nghệ tiên tiến, chấm dứt nhập khẩu công nghệ lạc hậu mặc dù thiết bị mới, công nghệ gây ô nhiễm môi trường.

- Nhanh chóng xác định được các ngành công nghiệp mũi nhọn để tạo cho nền kinh tế một động lực phát triển thực sự. Các ngành đó có thể là công nghiệp luyện kim ; cơ khí chế tạo và cơ khí động lực ; lọc và hóa dầu ; điện tử, tin học và công nghiệp chế biến các sản phẩm từ nông nghiệp nhiệt đới và công nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu.

- Đẩy mạnh xuất khẩu trên cả 3 mặt : tăng nhanh kim ngạch, đa dạng hóa mặt hàng và mở rộng thị trường. Tăng nhanh tỷ lệ xuất khẩu sản phẩm đã qua chế biến, hạn chế và tiến tới không xuất khẩu nguyên liệu thô, kể cả các loại nguyên liệu ta có trữ lượng lớn.

Từ những quan điểm trên, những mục tiêu lớn được đặt ra cho một số ngành công nghiệp là :

1. *Công nghiệp năng lượng :* Đáp ứng đủ nhu cầu về sản lượng điện, bảo đảm cung cấp điện an toàn và liên tục cho các phụ tải ; đến năm 2000 sản lượng điện đạt trên 30 tỉ Kwh. Thực hiện chương trình điện khí hóa nông thôn, đến năm 2000 phấn đấu 100% huyện và 80% xã có điện.

Đẩy mạnh tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí nhằm mục tiêu năm 2000 đạt khoảng 20 triệu tấn dầu và khí quy đổi. Xây dựng nhà máy lọc dầu công suất 6,5 triệu tấn/năm. Hoàn thành 2 công trình đường ống dẫn khí với năng lực thông qua 4,5 - 5 tỉ m^3/năm.

Cung cấp cho nền kinh tế quốc dân và thị trường xuất khẩu khoảng 10 - 12 triệu tấn than sạch vào năm 2000. Đáp ứng đủ nhu cầu than cho sản xuất điện, xi măng, phân đạm trong nước và ổn định thị trường xuất khẩu ở mức hợp lý nhất, trên cơ sở tính toán hiệu quả kinh tế - xã hội tối ưu.

2 - *Công nghiệp luyện kim và cơ khí chế tạo :* Đẩy mạnh đầu tư chiều sâu các cơ sở sản xuất thép hiện có và xây dựng mới một số cơ sở luyện kim để đạt sản lượng 2 triệu tấn vào năm 2000.

Tăng nhanh khả năng đáp ứng các loại thiết bị toàn bộ cho ngành sản xuất xi măng, chế biến đường mía, các cụm thiết bị sơ chế chè, chế biến cao su, thiết bị sản xuất gạch ngói ; các trạm thủy điện nhỏ, các loại động cơ, các trạm cấp nước... Nâng cao chất lượng các loại thiết bị lẻ, các loại máy phục vụ công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản và cơ giới hóa các khâu trong sản xuất nông nghiệp. Triển khai chế tạo một số chủng loại thiết bị, máy móc công suất lớn phục vụ các ngành kinh tế. Thực hiện tốt chương trình nội địa hóa ô tô nhằm xây dựng được một ngành công nghiệp ô tô quốc gia trong những năm tới.

3 - *Công nghiệp hóa chất và hóa dầu :* Thỏa mãn nhu cầu phân lân trong nước và có một phần phân lân nung chảy xuất khẩu. Hoàn thành việc mở rộng Nhà máy phân đạm Hà bắc đưa công suất lên 40 vạn tấn/năm, đưa công trình sản xuất phân đạm u rê từ khí thiên nhiên vào hoạt động trong năm 1999 với công suất 600 000 tấn/năm và chuẩn bị điều kiện để mở rộng đợt 2 vào sau năm 2000, phục vụ mục tiêu đáp ứng từ 70 đến 75% nhu cầu phân đạm cho nông nghiệp. Tạo ra một bước chuyển biến cơ bản về cơ cấu phân bón phục vụ nông nghiệp. Phát triển công nghiệp nguyên liệu từ hóa dầu như sản xuất PVc, Dop, sơ sợi tổng hợp v.v.

4 - *Công nghiệp điện tử - tin học :* Công nghiệp điện tử phấn đấu đáp ứng từ 50 đến 60% nhu cầu sản phẩm điện tử trong nước.

Digitized by Google

Đưa tỷ lệ chi tiết, linh kiện chế tạo trong nước lên 30 - 40% giá trị. Tạo một bước tiến mới trong công nghiệp lắp ráp. Đưa tin học trở thành một phương tiện phổ biến trong quản lý và phát triển kinh tế - xã hội.

5 - *Công nghiệp tiêu dùng và chế biến thực phẩm :* Đáp ứng nhu cầu của xã hội về những mặt hàng tiêu dùng chủ yếu với chất lượng ngày càng cao, cạnh tranh có hiệu quả với hàng ngoại nhập. Tăng nhanh kim ngạch xuất khẩu hàng tiêu dùng, gấp đôi mức thực hiện 5 năm 1991 - 1995, trong đó các doanh nghiệp quốc doanh trung ương chiếm khoảng 50 - 55%. Mức tăng kim ngạch bình quân hàng năm dự kiến 23 - 24%.

Để thực hiện được các mục tiêu trên, cần phải tiến hành đồng bộ các biện pháp kinh tế, kỹ thuật, tổ chức hành chính... Trong đó cần nhấn mạnh tới những giải pháp về tạo nguồn lực bao gồm nguồn lực về tài chính và nguồn lực về lao động và các biện pháp về khoa học công nghệ. Cụ thể là :

- Vốn là một trong những yếu tố quan trọng nhất của quá trình sản xuất xã hội. Trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa của chúng ta hiện nay, vốn càng có vai trò quan trọng hơn lúc nào hết, trong đó, nguồn vốn trong nước là cơ bản, nguồn vốn nước ngoài là quan trọng.

Để có được nguồn lực về tài chính tích lũy từ nội bộ nền kinh tế, một mặt các hoạt động sản xuất - kinh doanh, đặc biệt trong các ngành công nghiệp, phải tạo ra lợi nhuận trên cơ sở phát huy các lợi thế so sánh của mình ; mặt khác phải có các cơ chế thích hợp để thu hút vốn từ trong dân, tạo sự liên kết kinh tế về vốn giữa các doanh nghiệp, không phân biệt các thành phần kinh tế. Có như vậy mới huy động được nguồn lực về tài chính của toàn dân, của mọi thành phần kinh tế vào quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Ngoài ra, cần có các cơ chế, chính sách phù hợp để thu hút vốn đầu tư nước ngoài cho các công trình có quy mô lớn, đồng thời tạo điều kiện cho các doanh nghiệp tham gia tích cực hơn vào quan hệ kinh tế quốc tế.

- Với tư cách là mục tiêu và động lực của phát triển, con người ngày càng có vai trò to lớn trong mọi lĩnh vực đời sống kinh tế - xã hội. Đặc biệt, nó được xác định là yếu tố năng động nhất trong quá trình thúc đẩy tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Chính vì vậy, nguồn nhân lực cần phải được huy động, quản lý chặt chẽ và có biện pháp, chính sách khuyến khích phát triển. Kinh nghiệm của nhiều nước trên thế giới và trong khu vực, đặc biệt là các nước mới công nghiệp hóa cho thấy, ở thời đại ngày nay, việc chăm lo đầy đủ đến con người là bảo đảm chắc chắn nhất cho sự phồn vinh và thịnh vượng của đất nước.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và cách mạng về con người là hai mặt của một quá trình phát triển thống nhất. Trong đó phải kết hợp cả đào tạo lại và đào tạo mới đội ngũ cán bộ quản lý và khoa học công nghệ các cấp cùng lực lượng lao động kỹ thuật, làm cho họ có đủ năng lực đáp ứng được các đòi hỏi ngày càng cao hơn do đời sống xã hội đặt ra...

- Khoa học và công nghệ là cốt lõi của quá trình công nghiệp hóa. Nói cách khác, công nghiệp hóa là quá trình trang bị và trang bị lại công nghệ hiện đại cho tất cả các ngành kinh tế quốc dân. Trong điều kiện hiện nay, quá trình trang bị và trang bị lại công nghệ cho các ngành phải bao gồm cả phần cứng lẫn phần mềm của công nghệ.

Hiện đại hóa, xét trên góc độ kinh tế - kỹ thuật là cái đích cần vươn tới trong quá trình công nghiệp hóa. Tuy nhiên, xét trên toàn cục, hiện đại hóa chỉ là phương tiện, điều kiện để đạt tới mục tiêu của quá trình công nghiệp hóa. Do vậy, cần phải có sự kết hợp hài hòa giữa công nghiệp hóa, hiện đại hóa, với hướng đi cụ thể như sau :

+ Đi thẳng vào công nghệ hiện đại ở một số ngành, một số doanh nghiệp, một số sản phẩm có nhu cầu có điều kiện mang lại hiệu quả cao.

+ Hiện đại hóa công nghệ truyền thống.

+ Khai thác, sử dụng, cải tiến, hiện đại hóa kỹ thuật hiện có.

Trong điều kiện nguồn nhân lực dồi dào, trình độ quản lý có hạn, và đặc biệt là thiếu vốn, việc tạo ra nhiều tầng công nghệ khác nhau, phối hợp hoạt động giữa chúng để mang lại hiệu quả cao về cả kinh tế - xã hội là một tất yếu khách quan. ❑

Digitized by Google

CẢI CÁCH NỀN HÀNH CHÍNH QUỐC GIA TRONG THỜI KỲ ĐỔI MỚI

NGUYỄN DUY GIA *

1 - Hơn năm mươi năm xây dựng và phát triển nhà nước, đặc biệt trong mười năm thực hiện đường lối đổi mới do Đại hội Đảng cộng sản Việt nam lần thứ VI đề ra, bộ máy nhà nước và hệ thống hành chính nhà nước đã đóng góp tích cực với những thành tựu quan trọng trong nhiều lĩnh vực, nhất là lĩnh vực kinh tế và xã hội, góp phần đưa đất nước thoát ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, ổn định chính trị, bảo đảm an ninh - quốc phòng. Song bên cạnh đó, hoạt động của bộ máy nhà nước cũng bộc lộ nhiều khuyết tật, nhược điểm. Thực trạng bộ máy nhà nước và nền hành chính quốc gia đã được Thủ tướng Chính phủ nêu lên từ kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa IX : "Nền hành chính quốc gia đến nay chưa được tổ chức lại một cách căn bản để bảo đảm công tác quản lý nhà nước theo cơ chế mới kể cả về tổ chức, bộ máy, quy chế làm việc và năng lực, phẩm chất của đội ngũ công chức".

Cải cách bộ máy nhà nước, cải cách nền hành chính quốc gia là một nhiệm vụ rất bức thiết, xuất phát từ tình hình hiện tại, phù hợp với xu hướng phát triển chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung sang nền kinh tế thị trường có sự quản lý của nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Phải hoàn thiện nhà nước và cải cách nền hành chính quốc gia, làm cho bộ máy nhà nước hoạt động thật hiệu quả, lập lại trật tự kỷ cương trong toàn bộ đời sống kinh tế - xã hội, phát huy vai trò làm chủ của nhân dân lao động, nâng cao hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước, tăng cường sức chiến đấu và vai trò lãnh đạo của Đảng - yếu tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt nam. Đó là một yêu cầu khách quan và cũng là chủ trương quan trọng của Đảng, Nhà nước ta. Nó đã và đang trở thành hành động sôi nổi trong hoạt động của mọi cấp, mọi ngành, vươn lên đáp ứng ngày càng tốt hơn nhiệm vụ cách mạng lớn lao trong thời kỳ mới.

Đảng ta đã khẳng định : trọng tâm cải cách bộ máy nhà nước nhằm vào hệ thống hành chính với nội dung chính là xây dựng một hệ thống hành pháp và quản lý hành chính nhà nước thông suốt từ trung ương xuống cơ sở, có đủ quyền lực, hiệu lực, sử dụng đúng quyền lực và có hiệu quả...

Những năm gần đây chủ trương này ngày càng được xác định rõ.

Hành chính với tư cách là hành chính nhà nước hay hành chính công, không đồng nhất với chính trị. Hành chính phục vụ chính trị. Xét về mặt nhà nước, chính trị là biểu hiện ý chí, quyền lực của nhà nước, bao gồm cả lập pháp, hành pháp và tư pháp. Còn hành chính là quản lý công của bộ máy nhà nước, cụ thể là của bộ máy hành pháp, là thực thi quyền lực hành pháp.

Hành chính không đồng nghĩa với công việc giấy tờ, sự vụ, đầy rẫy những bệnh hoạn quan liêu, gây ách tắc cho tiến trình phát triển. Hành chính do chính trị chi phối, lệ thuộc vào chính trị và phục vụ chính trị. Mặc dù có tính độc lập tương đối nhưng hành chính là hành pháp hành động, thực thi quyết định chính trị. Do đó, hành chính có đặc trưng là một hệ thống chặt chẽ, thứ bậc, tương đối ổn định..., có nghiệp vụ, kỹ thuật, kỹ năng và công nghệ tương đối hoàn chỉnh và độc lập.

Xét trên giác độ tổng thể và toàn diện của vấn đề, thì hành chính là sự tổ chức điều hành toàn bộ công việc hằng ngày của hệ thống hành pháp nhà nước trên tất cả các lĩnh vực ; là sự thực thi pháp luật bằng các văn bản pháp quy, các thiết chế, các quy trình và thủ tục hành chính một cách khoa học, hợp lý và hiệu quả ; là sự quản lý cụ thể một nguồn tài lực to lớn, thể hiện qua ngân sách nhà nước để phục vụ

* GS, TS, Giám đốc Học viện hành chính quốc gia

Digitized by Google

lợi ích chung của toàn xã hội ; là sự tiếp xúc hằng ngày và cung ứng những dịch vụ công trực tiếp cho công dân một cách hiệu quả nhất ; là một hệ thống quản lý bảo đảm cho xã hội phát triển có kỷ cương, nền nếp, bảo đảm cho các quyền và nghĩa vụ của công dân được phát triển và thực hiện theo luật định.

Tóm lại, hành chính là quản lý nhà nước trên lĩnh vực hành pháp (gọi là hành chính nhà nước).

2 - Sự khác nhau rõ nét giữa chính trị và hành chính, giữa lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước thể hiện : một bên là định hướng cho xã hội, cho nhà nước những vấn đề trọng đại về đường lối, chính sách ; chỉ đạo thực hiện đưa nó vào cuộc sống thông qua công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động nhân dân và thông qua hệ thống nhà nước để biến thành pháp luật, và một bên là tổ chức thực hiện định hướng đó. Hành chính gắn liền với chính trị bao gồm đường lối của Đảng, luật pháp của Nhà nước do cơ quan lập pháp ban hành bằng công tác quản lý thường xuyên theo phương thức quản lý bằng pháp luật là chính.

Như vậy, nền hành chính quốc gia là một hệ thống tổ chức và định chế có chức năng thực thi quyền hành pháp, tức là quản lý công việc công hằng ngày của nhà nước. Nó được tạo thành bởi một hệ thống các pháp nhân (chính phủ, các bộ, các hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân, các cơ quan sự nghiệp tự quản...) có thẩm quyền tổ chức và điều chỉnh mọi quá trình xã hội và mọi hành vi của các tổ chức (chính trị - kinh tế - văn hóa - xã hội...) của mọi công dân bằng những văn bản pháp quy thực quyền, lập quy của quyền hành pháp ; mục đích của nó là nhằm giữ gìn trật tự công, phục vụ lợi ích công và lợi ích của công dân một cách có hiệu quả.

Qua đó, xác định rõ vị trí của nền hành chính quốc gia trong hệ thống tổ chức bộ máy nhà nước gồm 3 quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp. Nó là bộ phận hợp thành của bộ máy nhà nước làm chức năng thực thi quyền lực hành pháp, tức là quyền thống nhất tổ chức và quản lý toàn bộ xã hội trên cơ sở chấp hành các đạo luật và các nghị quyết của Quốc hội và chịu sự giám sát của Quốc hội.

3 - Trong mười năm đổi mới, chúng ta đã có những bước cải cách, sửa đổi trong tổng thể và trên từng bộ phận có ý nghĩa quan trọng trong nền hành chính quốc gia.

Trước yêu cầu bức xúc của công cuộc đổi mới đất nước một cách toàn diện, sâu sắc, nhất là đổi mới kinh tế, đang đi vào chiều sâu, cải cách hệ thống hành chính nhà nước đã tập trung vào những vấn đề cơ bản sau :

- Hoàn thiện cơ cấu Chính phủ, sắp xếp lại hợp lý các bộ, cơ quan thuộc Chính phủ ; rà soát lại chức năng, thẩm quyền của bộ, của bộ trưởng ; nâng cao quyền hạn, trách nhiệm của Thủ tướng Chính phủ, bộ trưởng và các thành viên khác v.v..

- Xác định rõ chức năng, thẩm quyền và cơ cấu tổ chức bộ máy chính quyền địa phương trong bộ máy hành chính nhà nước thống nhất và chịu sự chỉ huy, điều hành thống nhất của Chính phủ ; là người đại diện cho cộng đồng địa phương trên những vấn đề được Chính phủ ủy quyền hoặc pháp luật quy định ; Hội đồng nhân dân là cơ quan ra quyết nghị, thực hiện quyền giám sát theo thẩm quyền và không điều hành công việc hàng ngày ; Ủy ban nhân dân là cơ quan hành chính nhà nước, đại diện cho Chính phủ tại địa phương, đồng thời là cơ quan chấp hành của hội đồng nhân dân cùng cấp ; phân định rõ phạm vi và thẩm quyền của các cấp chính quyền trong việc quản lý hành chính nhà nước trên các lĩnh vực kinh tế - xã hội.

- Đổi mới hoạt động của các tổ chức sự nghiệp trên cơ sở những quan điểm, nguyên tắc cơ bản của nền kinh tế thị trường, có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Cải cách công cụ và chế độ công chức ; đẩy mạnh bồi dưỡng và đào tạo chính quy đội ngũ công chức nhà nước.

- Cải cách thủ tục hành chính, xây dựng pháp luật hành chính và thể chế hóa các chủ trương chính sách của Đảng thành pháp luật.

- Cải cách ngân sách quốc gia, phân cấp ngân sách nhà nước và chế độ quản lý tài chính của các cơ quan nhà nước.

Digitized by Google

- Hiện đại hóa từng bước công sở và quy chế hóa chế độ làm việc trong hệ thống hành chính nhà nước.

Những kết quả đó hết sức quan trọng, đã góp phần thúc đẩy việc nâng cao từng bước hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước. Tuy nhiên, những kết quả đó chưa tạo ra những thay đổi căn bản. Nền hành chính quốc gia về cơ bản vẫn còn mang nặng những khuyết tật, làm cho nó chưa thành một nền hành chính chính quy, hiện đại của một nhà nước thực sự "của dân, do dân, vì dân", một nhà nước của chế độ dân chủ và nhà nước pháp quyền, một nhà nước có một nền hành chính đủ mạnh, có đủ quyền lực, hiệu quả để thực hiện đầy đủ các đường lối, chính sách, luật pháp và trước hết là phục vụ thúc đẩy công cuộc đổi mới một cách toàn diện, sâu sắc, mà trọng tâm là đổi mới về kinh tế đang được đẩy mạnh, phát triển đúng hướng, đưa đất nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

4 - Cải cách nền hành chính quốc gia thực chất là điều chỉnh và cải cách thể chế và cơ cấu bộ máy hành pháp về phương diện tổ chức và về phương diện thiết chế, đồng thời điều chỉnh cả về hành vi, ứng xử và thái độ của đội ngũ công chức, về kiến thức, kỹ năng và năng lực, nhằm thúc đẩy tính hiệu lực, hiệu quả tổ chức và đạt được những mục tiêu phát triển đất nước.

Cải cách nền hành chính quốc gia không làm thay đổi bản chất nhà nước xã hội chủ nghĩa, không vi phạm những quan điểm, nguyên tắc của Đảng và của Nhà nước ta mà nhằm làm cho Nhà nước ta thực sự là "của dân, do dân, vì dân" hơn. Chính vì vậy, cải cách nền hành chính quốc gia cũng phải tuân theo những quan điểm có tính nguyên tắc sau đây :

- Cải cách nền hành chính và bộ máy nhà nước phải đặt trong tổng thể công cuộc đổi mới hệ thống chính trị và đặt dưới sự lãnh đạo chặt chẽ, toàn diện của Đảng.

- Bảo vệ và phục vụ lợi ích chung của quốc gia và lợi ích của công dân, bảo đảm toàn bộ quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, mà nền tảng là liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức do Đảng cộng sản Việt nam lãnh đạo.

- Bảo đảm cho nhà nước quản lý theo pháp luật và bằng pháp luật, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

- Quyền lực nhà nước là thống nhất, không phân chia, nhưng có phân công, phối hợp giữa các cơ quan nhà nước để thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp trong hệ thống bộ máy nhà nước thống nhất.

- Kiên trì nguyên tắc tập trung dân chủ nhưng phải phù hợp với tính chất và đặc điểm của đối tượng là bộ máy nhà nước (khác với Đảng, đoàn thể, các tổ chức kinh tế...), và phải thích ứng với trình độ phát triển kinh tế - xã hội hiện thời.

- Nguyên tắc kết hợp quản lý theo ngành và quản lý theo địa phương và lãnh thổ trong tổ chức và hoạt động quản lý nhà nước phải được thống nhất với nhau theo luật pháp và dưới sự điều hành thống nhất của hệ thống hành chính nhà nước - Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam.

- Phân biệt và kết hợp quản lý nhà nước về kinh tế với quản lý kinh doanh và sự nghiệp, thực hiện đúng vai trò, vị trí và chức năng của nhà nước trong quản lý kinh tế - xã hội, nhà nước không trực tiếp sản xuất, kinh doanh và tổ chức hoạt động sự nghiệp.

5 - Trên cơ sở những nguyên tắc trên và được sự chỉ đạo của Đảng, Nhà nước, chúng ta đã có nhiều công trình nghiên cứu, tổ chức các cuộc hội thảo trong nước cũng như quốc tế nhằm xác định được những mục tiêu chủ yếu, phương hướng, nội dung chính và phương châm của công cuộc cải cách nền hành chính quốc gia.

Những mục tiêu chủ yếu cải cách nền hành chính quốc gia trước mắt là :

- Xây dựng một chiến lược cải cách hành chính toàn diện. Mục tiêu này đòi hỏi việc xác định kế hoạch cải cách những bộ phận cấu thành hệ thống quản lý nhà nước và nền hành chính quốc gia chung.

- Tăng cường hoạt động hành pháp trong mối quan hệ hữu cơ và chặt chẽ với hoạt động lập pháp và tư pháp phù hợp với những yêu cầu cụ thể của Việt nam, giải quyết một cách có hiệu quả mối quan hệ giữa trung ương và địa phương trong quản lý nhà nước.

- Nâng cao hiệu lực và hiệu quả của bộ máy hành chính nhà nước, với nội dung cụ thể là xây dựng mô hình bộ, mô hình ủy ban

Digitized by Google

nhân dân và quy trình quản lý điều hành có hiệu quả nhất.

- Tăng cường năng lực quản lý nguồn nhân lực, giải quyết những vấn đề về công vụ, công chức, góp phần hoàn thiện quy chế công chức để phục vụ cho một nền hành chính chính quy, phù hợp với cơ chế thị trường.

- Phát triển nguồn nhân lực theo hướng tăng cường và mở rộng việc đào tạo công chức cho nền hành chính quốc gia. Đây là mục tiêu rất quan trọng, vì nhân tố con người có tính quyết định thắng lợi trong cải cách nền hành chính quốc gia.

- Tăng cường năng lực thiết chế tài chính trong bộ máy hành chính nhà nước, bao gồm những vấn đề về xây dựng, thực hiện và quản lý ngân sách của các đơn vị hành chính ; kiểm tra việc chấp hành ngân sách, bảo đảm nâng cao hiệu quả của việc sử dụng ngân sách cho bộ máy hành chính nhà nước.

Những phương hướng chủ yếu cải cách hành chính quốc gia bao gồm :

- Xác định và thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả và tính trách nhiệm của các cơ cấu hành chính.

- Kết hợp kỷ luật và kiểm tra vốn là cần thiết cho trách nhiệm của chính phủ với sự mềm dẻo cần thiết trong hoạt động để phù hợp với những điều kiện khác nhau trong các phạm vi chức năng và lãnh thổ.

- Kiểm tra và giảm tối đa các thói lạm dụng, tham nhũng, quan liêu và làm sai chức năng.

- Nâng cao sự liên kết theo chương trình giữa các đơn vị hành chính chính thức, và giữa các đơn vị trung ương với chính quyền địa phương và các tổ chức kinh tế.

Những nội dung chính của cải cách hành chính quốc gia rất rộng lớn và hết sức phức tạp, nó liên quan đến mọi khâu, mọi quá trình của toàn bộ hoạt động kinh tế - xã hội. Nội dung cải cách hành chính ở nước ta "nhằm vào các cơ quan hành chính, chủ yếu là bộ, cơ quan ngang bộ và cơ quan thuộc chính phủ, Ủy ban nhân dân các cấp và các sở chuyên môn ở cấp tỉnh theo hướng : tập trung quyền hành pháp vào chính phủ là cơ quan hành chính nhà nước cao nhất, xây dựng nền hành chính có hiệu lực, hiệu quả, chống mọi biểu hiện phân tán, cục bộ địa phương, bản vị" (1).

- Nội dung quan trọng đầu tiên của cải cách nền hành chính là nhằm vào quyền hành pháp và bộ máy hành chính nhà nước ở trung ương trên nguyên tắc quyền lực thống nhất, có phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước để thực hiện quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp và phải xử lý một cách khoa học, hợp lý mối quan hệ giữa quyền lực thống nhất với ba quyền, và giữa ba quyền với nhau. Theo quan niệm quyền lực thống nhất, có phân công và phối hợp, thì chấp hành và hành chính nhà nước nằm trong quyền hành pháp ; Quốc hội nắm quyền lực thống nhất, nhưng theo sự phân công, thì thực thi quyền lập pháp và quyền giám sát tối cao ; chính phủ thực thi quyền hành pháp và chịu sự giám sát của Quốc hội.

- Một vấn đề quan trọng là cải cách bộ máy hành chính từ trung ương đến địa phương theo hướng gọn, nhẹ và có hiệu quả, phải chuyển từ một bộ máy cồng kềnh, lẫn lộn giữa hành chính - kinh tế với kinh doanh, sự vụ và thủ công, sang một bộ máy làm chức năng, nhiệm vụ của cơ quan hành pháp chính quy, hiện đại.

- Nền hành chính quốc gia phải được thể chế hóa và quy định bằng hệ thống luật pháp hành chính để điều chỉnh các quan hệ hình thành trong quá trình quản lý nhà nước, phân định các hoạt động hành chính tác nghiệp quản lý nhà nước (tức là hành chính hoạt động hay hành chính quản lý) với hành chính tài phán.

- Phương thức quản lý của bộ máy nhà nước chủ yếu bằng pháp luật, đó cũng là đặc trưng của quản lý nhà nước, khác với quản lý của bất kỳ một chủ thể nào khác. Phương thức quản lý bằng pháp luật bao quát hoạt động của toàn thể bộ máy nhà nước (bao gồm cả các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp), đó là phương thức quản lý của bộ máy hành pháp, tức là phương thức hoạt động của nền hành chính quốc gia. Ngoài phương thức quản lý bằng pháp luật ra, nhà nước còn quản lý xã hội bằng phương pháp kinh tế, tổ chức, giáo dục chính

(1) Báo cáo của Thủ tướng Võ Văn Kiệt tại kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa IX, tháng 12-1992

Digitized by Google

trị - tư tưởng ; tất cả kết hợp lại đều nhằm một mục đích là hiệu lực và hiệu quả, mà trong đó, theo quan điểm của Dảng ta, thì phương pháp giáo dục chính trị - tư tưởng có vị trí đặc biệt quan trọng và phương thức quản lý bằng pháp luật là đặc trưng quan trọng của quản lý nhà nước.

- Phương châm của cải cách nền hành chính quốc gia, do tính chất phức tạp, rộng lớn và quan trọng của nó, nên đó là một quá trình lâu dài, ít nhất vài ba kế hoạch 5 năm. Phải xây dựng một chiến lược cải cách toàn diện, dài hạn ; xác định rõ các mục tiêu chung, mục tiêu bộ phận ; gắn cải cách hành chính với chính trị, với cải cách kinh tế ; gắn nó với nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, hoàn thiện nhà nước và mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, tăng trưởng kinh tế lâu bền ; và cuối cùng là phải gắn nó với quyết định chính trị, ủng hộ về chính trị, ủng hộ của mỗi người dân, nhân tố tiên quyết bảo đảm sự thành công của công cuộc cải cách.

Đo đó, phải xác định các kế hoạch cụ thể, các bước đi chính xác, rõ ràng cho từng thời gian, xác định rõ các vấn đề ưu tiên phải giải quyết trước. Đảng ta khẳng định cải cách một bước nền hành chính nhà nước, mà bước trước mắt là tập trung giải quyết về thể chế hành chính, về tổ chức bộ máy và về xây dựng đội ngũ công chức là hết sức đúng đắn và quan trọng.

6 - Hiệu lực và hiệu quả quản lý của bộ máy nhà nước nói chung, và hành chính nhà nước nói riêng, xét cho cùng được quyết định bởi phẩm chất, năng lực và hiệu suất công tác của đội ngũ công chức ; tức là được quyết định bởi con người. Đây là vấn đề quan trọng, được Đảng và Nhà nước ta luôn quan tâm. *Phải xúc tiến đào tạo một đội ngũ công chức nhà nước thành thạo nghề nghiệp, trong sạch và được đãi ngộ thích đáng.*

Để giải quyết được vấn đề này, chúng ta cần có một quy chế công chức hoàn chỉnh, quy định các ngạch bậc công chức, chế độ tuyển dụng, quyền và nghĩa vụ của công chức hành chính nhà nước. Trên cơ sở một bộ máy tổ chức được chấn chỉnh, biên chế gọn nhẹ, phải có kế hoạch đào tạo và đào tạo lại đội ngũ công chức hành chính nhà nước. Cần có chế độ bổ nhiệm công chức và chế độ đãi ngộ thích đáng nhằm triệt tiêu một trong những nguyên nhân gây ra nạn tham nhũng trong bộ máy nhà nước, làm thay đổi phong cách phục vụ của công chức trong bộ máy hành chính nhà nước.

Trên cơ sở xác định công cụ và có quy chế công chức, phải cải cách mạnh mẽ sự nghiệp đào tạo và đào tạo lại đội ngũ công chức. Để đáp ứng mục tiêu này đòi hỏi phải có sự cố gắng rất lớn của các ban, bộ, ngành ; đặc biệt là Học viện hành chính quốc gia phải nhanh chóng phát triển để trở thành trung tâm đào tạo và bồi dưỡng công chức cao cấp và trung cấp trong hệ thống hành chính và trung tâm nghiên cứu khoa học (cơ bản cũng như ứng dụng) về quản lý nhà nước. Việc tăng cường cho Học viện hành chính quốc gia về cải cách chương trình, giáo trình, phương pháp sư phạm, về đội ngũ giảng dạy và nghiên cứu, về phương tiện và vật chất, cũng như tiến tới xây dựng một số trường hành chính khu vực để đào tạo công chức hành chính nhà nước trong giai đoạn tới là vấn đề cần thiết và cấp bách.

Tình trạng tinh giản đội ngũ công chức hiện nay không đạt kết quả, trang bị kỹ thuật còn thủ công, lạc hậu, cơ sở hạ tầng về giao thông, liên lạc... chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển mới ; những thủ tục hành chính còn nhiều phiền hà, nghiệp vụ và kỹ năng, kỹ thuật hành chính còn thấp, thiếu nền nếp... đang làm cho hiệu lực của bộ máy hành chính nhà nước giảm sút, cần phải được khắc phục. Cùng với con người, các phương tiện kỹ thuật hiện đại cho hoạt động của bộ máy hành chính cũng cần được thay đổi, bổ sung.

Một nền hành chính nhà nước có hiệu lực còn phải dựa trên một hệ thống pháp luật hành chính đầy đủ và có hiệu lực. Sự thiếu hệ thống, thiếu đồng bộ, thiếu cụ thể của pháp luật hành chính là một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến nhiều khuyết điểm trong quản lý nhà nước. Cho nên, muốn cải cách nền hành chính quốc gia được tốt, chúng ta cần bắt tay ngay vào hoàn thiện hệ thống pháp luật hành chính nhằm quy định đúng đắn về tổ chức và hoạt động của nền hành chính, và do đó, nó điều tiết các mối quan hệ giữa nền hành chính, các cơ quan với công dân, nhằm bảo đảm đáp ứng tốt nhất những nhu cầu của công dân và xã hội. ❑

Digitized by Google

CÔNG TÁC CÁN BỘ NỮ TRONG SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

VƯƠNG THỊ HẠNH*

1- Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đang đòi hỏi công sức đóng góp của toàn xã hội, đòi hỏi phải phát huy cao hơn bao giờ hết tiềm năng, sức sáng tạo, nghị lực của mọi tầng lớp xã hội. Sự tham gia ngày càng nhiều của phụ nữ trong mọi lĩnh vực hoạt động của xã hội và trong công tác lãnh đạo quản lý là xu thế tất yếu, đồng thời cũng mở ra triển vọng và cơ hội mới để phụ nữ phát triển tài năng và trí tuệ. Nắm bắt xu thế, có định hướng đúng và có chính sách phù hợp sẽ xây dựng được đội ngũ cán bộ nữ đông về số lượng, mạnh về chất lượng, góp phần thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Trên cơ sở mục tiêu chung do Đại hội VIII của Đảng đã đề ra, xuất phát từ thực tế phong trào và nguyện vọng chính đáng của các tầng lớp phụ nữ, căn cứ vào *"Chiến lược quốc gia vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt nam đến năm 2000"* và *"Cương lĩnh hành động của Hội nghị thế giới lần thứ IV về phụ nữ"* (diễn ra tháng 9-1995 ở Bắc kinh, Trung quốc) mà Chính phủ ta đã cam kết thực hiện, phương hướng hoạt động cơ bản của Hội liên hiệp phụ nữ Việt nam những năm tới là : đoàn kết rộng rãi các tầng lớp phụ nữ, phát huy mọi tiềm năng, sức sáng tạo, tinh thần tự lập, tự cường và phẩm chất tốt đẹp của phụ nữ Việt nam ; nâng cao kiến thức mọi mặt của phụ nữ, thực hiện nam nữ bình đẳng ; chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ và kiện toàn bộ máy nhằm đáp ứng với tình hình thực tế và nâng cao hiệu quả hoạt động của các cấp hội ; tham gia xây dựng và kiểm tra giám sát việc thực hiện pháp luật, các chủ trương chính sách nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp, chính đáng của chị em.

Để thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ trên, Hội liên hiệp phụ nữ Việt nam đã đề ra nhiều chương trình hành động thiết thực, trong đó nổi bật nhất là góp phần *tăng cường hơn nữa công tác cán bộ nữ trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.*

Những năm qua, đặc biệt là trong 10 năm đổi mới vừa qua, dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, công tác cán bộ nữ đã được Hội liên hiệp phụ nữ và ban nữ công các cấp, các ngành đặc biệt quan tâm. Nhờ vậy đội ngũ cán bộ nữ đã liên tục phát triển về số lượng và chất lượng, cố gắng đáp ứng những đòi hỏi của nhiệm vụ cách mạng. Trong các cơ quan dân cử : nữ đại biểu Quốc hội chiếm 18,5% ; đại biểu hội đồng nhân dân tỉnh, thành chiếm 20,4%, cấp huyện thị : 18,4% ; xã phường : 14,1%. Trong cơ quản quản lý nhà nước các cấp cán bộ nữ chiếm tỷ lệ 10 - 12%. Cấp cơ sở tỷ lệ này chỉ khoảng 5%. Trong các cấp ủy đảng : có 1 nữ Ủy viên Bộ chính trị, 10,5% Ủy viên Trung ương Đảng là nữ, ở các cấp ủy từ cơ sở đến tỉnh, thành cán bộ nữ từ 7 - 15%. Trong các đoàn thể chính trị, xã hội cán bộ nữ từ 15 - 25% (không kể đoàn thể phụ nữ). Trong sản xuất kinh doanh, cả trong khu vực quốc doanh và ngoài quốc doanh, đã xuất hiện những phụ nữ giỏi trên thương trường. Nhiều chị là tổng giám đốc, phó giám đốc, giám đốc công ty và chủ doanh nghiệp.

Có thể khẳng định rằng, đội ngũ cán bộ nữ đã phát triển và trưởng thành rõ rệt có bản lĩnh chính trị, phần lớn được đào tạo cơ bản, có chuyên môn, nghiệp vụ ; nhạy bén, năng động ; có trách nhiệm cao trong công tác và tinh tế trong quan hệ, ứng xử, dễ cảm hóa ; trung thực và biết giữ mình trước những tiêu cực xã hội. Rõ ràng, phụ nữ có khả năng trong

* Phó chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ Việt nam

Digitized by Google

công tác lãnh đạo, quản lý cũng như trong các lĩnh vực hoạt động khác. Mặc dù vậy, công tác cán bộ nữ hiện nay đang còn nhiều lúng túng, khó khăn. Ở các ngành, các cấp tỷ lệ cán bộ nữ còn thấp, nguyên nhân không phải do phụ nữ không có năng lực mà do một phần nhận thức của xã hội đối với phụ nữ và hệ thống chính sách tạo điều kiện cho phụ nữ được tham gia bình đẳng trong các lĩnh vực hoạt động ; cơ chế lựa chọn và bồi dưỡng cán bộ nữ còn chưa đầy đủ. Mặt khác bản thân phụ nữ còn có lúc, có nơi thiếu tự tin, chưa vươn lên mạnh mẽ.

2 - Định hướng chung của công tác cán bộ nữ

Tăng cường công tác cán bộ nữ không phải chỉ là để có cơ cấu nữ trong bộ máy lãnh đạo, mà chính là để phát huy tiềm năng của phụ nữ, không để lãng phí nguồn tài năng có ích cho xã hội. Điều quan trọng là, các vấn đề về quyền và sự bình đẳng của phụ nữ trên các lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội cần được xem xét một cách toàn diện. Trong công tác cán bộ nữ, phải nhận thức phụ nữ là một lực lượng quan trọng trong sự phát triển của xã hội, phải được bình đẳng về quyền lợi, trách nhiệm. Họ phải được quan tâm, tạo điều kiện để tham gia bình đẳng trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, kể cả việc tham gia vào quá trình ra quyết định. Có người đại diện của mình trong các cơ quan lãnh đạo sẽ bảo đảm tiếng nói của phụ nữ được phản ánh và những vấn đề về giới sẽ được xem xét đầy đủ hơn trong quá trình ra quyết định và thực thi quyết định. Bởi vậy, công tác cán bộ nữ thực chất là một trong những nội dung của nhiệm vụ giải phóng phụ nữ. Công tác cán bộ nữ là nhiệm vụ của tất cả các thành viên của hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Từ nhận thức trên, xuất phát từ tình hình đội ngũ cán bộ nữ hiện nay và yêu cầu của công tác cán bộ trong giai đoạn mới, mục tiêu của công tác cán bộ nữ là :

a - Củng cố và phát triển đội ngũ cán bộ nữ đồng bộ từ trung ương tới cơ sở, đặc biệt chú trọng đội ngũ cán bộ cơ sở và cán bộ dân tộc, vùng sâu, vùng xa ; trong các hệ thống dân cử, quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, cơ quan đảng và các đoàn thể chính trị - xã hội.

b - Tăng tỷ lệ cán bộ nữ trong các lĩnh vực nói trên theo mục tiêu đề ra của chiến lược vì sự tiến bộ của phụ nữ Việt nam tới năm 2000. Cụ thể là : trong các cơ quan dân cử tỷ lệ cán bộ nữ từ 20 - 30% ; ở các cấp chính quyền từ 15 - 20%. Ở các bộ, ngành có đông nữ cán bộ lãnh đạo chủ chốt có nữ tham gia. Trong các xí nghiệp có từ 30% nữ trở lên, có giám đốc hoặc phó giám đốc là nữ.

c - Phát triển đội ngũ cán bộ khoa học nữ trong các lĩnh vực khoa học tự nhiên, kỹ thuật và công nghệ, trong các ngành khoa học xã hội nhân văn và văn hóa nghệ thuật. Giảm khoảng cách giới trong đào tạo và phát triển bằng việc bảo đảm cho phụ nữ quyền tiếp cận bình đẳng tới các cơ hội phát triển kỹ năng ở các ngành công nghệ mới để cạnh tranh trên cơ sở bình đẳng với nam giới về nghề nghiệp, ngăn chặn hoặc hạn chế tối thiểu việc thất nghiệp đối với phụ nữ do thiếu hoặc hạn chế về kỹ năng công nghệ.

d - Quan tâm phát triển đảng viên nữ, nhất là ở cấp cơ sở, để tạo nguồn bổ sung cán bộ nữ trong các ngành, các cấp.

3 - Những giải pháp thiết thực

a - *Tăng cường nâng cao nhận thức giới và đánh giá phụ nữ trên quan điểm giới.* Ý thức trọng nam, coi thường khả năng và trí tuệ của phụ nữ trong xã hội và gia đình đang và vẫn là trở ngại không nhỏ trong việc nhìn nhận, đánh giá và sử dụng cán bộ nữ. Cần khắc phục mọi biểu hiện không tin tưởng ở khả năng và hẹp hòi trong sử dụng cán bộ nữ. Trong việc đánh giá và sử dụng cán bộ nữ cần căn cứ vào tiêu chuẩn, hiệu quả công việc, xem xét về khả năng và triển vọng của chị em. Đánh giá đúng, quan tâm và chủ động giao việc, chắc chắn sẽ phát huy và đào tạo được nhiều cán bộ nữ tốt. Bên cạnh việc tin tưởng giao việc, động viên kịp thời, cần chú trọng công tác giáo dục về vấn đề giới cho phụ nữ, trang bị những kiến thức cơ bản nhằm nâng cao nhận thức về giới cho cán bộ, hội viên và đông đảo phụ nữ để chị em có ý thức phấn đấu, tham gia bình đẳng vào quá trình phát triển của đất nước, đồng thời tác động tích cực góp phần làm chuyển biến nhận thức giới đối với xã hội. Mặt khác, cũng phải quan tâm đến thiên chức làm mẹ, sinh con, nuôi dạy con cái và chăm sóc gia đình để có sự đánh giá công bằng đối với cán bộ nữ.

b - *Tạo nguồn cán bộ nữ - khâu quan trọng mang tính chiến lược.* Tiếp tục tổ chức và thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng và đào

Digitized by Google

tạo lại đội ngũ cán bộ nữ, đổi mới và đa dạng hóa chương trình, nâng cao chất lượng cán bộ nữ theo tinh thần Chỉ thị 37 của Ban bí thư về công tác cán bộ nữ. Có thể quy hoạch từ nhiều nguồn *trong lực lượng lao động nữ đông đảo* (52% lao động xã hội, 37% của số lực lượng lao động có trình độ đại học và cao đẳng) trải rộng trong mọi lĩnh vực hoạt động. Đó là nguồn lực phong phú để chọn lựa nhân tài nữ. *Từ đội ngũ nữ làm khoa học kỹ thuật,* lựa chọn cán bộ nữ làm công tác nghiên cứu, giảng dạy, quản lý khoa học, những chuyên gia giỏi trong các lĩnh vực khác nhau. *Trong đội ngũ cán bộ nữ đương chức ở các ngành, các cấp,* lựa chọn, bồi dưỡng để tạo nguồn cho những vị trí lãnh đạo cao hơn. *Từ lực lượng nữ sinh* trong các trường đại học, cao đẳng, các trường dạy nghề, phát hiện tài năng trẻ, khuyến khích tài năng trẻ sử dụng và tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng họ, nhằm hình thành được nguồn đội ngũ cán bộ kế cận trẻ, tài năng.

Để tạo nguồn cán bộ nữ, cần chú ý chăm lo phát triển lực lượng lao động nữ, nâng cao mặt bằng dân trí, chuyên môn, tay nghề cho phụ nữ. Cần xây dựng đội ngũ nữ nghiên cứu và chuyên viên giỏi trong các cơ quan ra quyết định. Tăng tỷ lệ nữ trong các trường học và tạo điều kiện để các em gái được đi học, đặc biệt là ở nông thôn, miền núi. Đồng thời đẩy mạnh đào tạo đội ngũ nữ trí thức.

c - *Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nữ.* Để nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ nữ, đáp ứng được yêu cầu của tình hình mới, cần cải cách công tác đào tạo, bồi dưỡng, từ việc xây dựng hệ thống trường, lớp đến nội dung, phương pháp, hình thức và thời gian đào tạo. Cụ thể là :

- Cần có chương trình, thời gian, thời điểm đào tạo phù hợp, đặc biệt đối với cán bộ nữ ở cơ sở, vì hầu hết chị em là lao động chính hoặc là chủ hộ trong gia đình. Thời điểm thuận tiện nhất cho việc đào tạo cán bộ nữ là ở giai đoạn chưa sinh con và giai đoạn sau khi nuôi con nhỏ.

- Với chức năng gia đình, phụ nữ ít có thời gian và điều kiện để nắm bắt thông tin, tự trau dồi kiến thức để nâng cao năng lực quản lý, lãnh đạo. Vì vậy, cần có kế hoạch tiếp tục từng bước bồi dưỡng cán bộ nữ trong quá trình công tác. Cần ưu tiên cho việc đào tạo lại và đào tạo nâng cao đối với cán bộ nữ, để họ luôn đổi mới kiến thức, kỹ năng và phương pháp tư duy đáp ứng yêu cầu quản lý.

- Chú trọng tăng tỷ lệ chiêu sinh cán bộ nữ trong các khóa đào tạo, bồi dưỡng ngắn ngày và dài ngày. Đồng thời có chính sách phụ cấp thích hợp, tạo điều kiện cho phụ nữ đi học, đặc biệt đối với phụ nữ có con nhỏ.

d - Tăng cường các chính sách xã hội đối với gia đình. Dù ở bất cứ cương vị nào, phụ nữ đều phải dành thời gian và có trách nhiệm đối với gia đình. Do bị chi phối bởi công việc gia đình, chị em chịu thiệt thòi hơn nam giới trong việc học tập và nâng cao trình độ, nắm bắt thông tin và tham gia các hoạt động xã hội. Vì vậy, chính sách xã hội phải tập trung giảm nhẹ công việc gia đình cho phụ nữ. Ngoài các chính sách về tạo việc làm, tăng thu nhập, xóa đói, giảm nghèo thì chính sách đào tạo, đào tạo lại và nâng cao tay nghề cho phụ nữ cần chú trọng tới các yêu cầu : tăng cường các hệ thống dịch vụ phục vụ gia đình nhằm giảm nhẹ công việc nội trợ cho phụ nữ ; mở rộng và nâng cao chất lượng hệ thống nhà trẻ, mẫu giáo, cơ sở y tế chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em ; cải tiến chế độ bảo hiểm xã hội, xây dựng và ban hành chế độ cân bằng trách nhiệm của nam giới trong việc cùng chăm sóc con cái, các thành viên trong gia đình ; xây dựng chính sách hỗ trợ và khuyến khích tài năng trẻ nữ ; nghiên cứu và sớm ban hành chế độ giảm ngày lao động trong tuần (làm việc 5 ngày trong tuần) để tái sản xuất sức lao động, để có điều kiện nghỉ ngơi, giải trí, chăm sóc gia đình, con cái.

e - Ý chí phấn đấu của phụ nữ. Yếu tố quyết định sự thành công của phụ nữ vẫn là sự tự lực phấn đấu của bản thân chị em, đồng thời cần có sự hỗ trợ của các thành viên trong gia đình mà trước hết là người chồng. Bản thân người phụ nữ tự giác ngộ về giới, ý thức được trách nhiệm tham gia hoạt động xã hội. Khắc phục tư tưởng tự ti và đánh giá thấp phụ nữ. Tự tin và luôn khiêm tốn học hỏi, khát vọng vươn lên bình đẳng với nam giới. Chị em cũng cần phải xây dựng phương pháp làm việc khoa học, sắp xếp hợp lý công việc xã hội và công việc gia đình để có thời gian tự bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ, nâng cao năng lực công tác, để không bị tụt hậu trước thời cuộc. Muốn vậy, đòi hỏi cán bộ nữ càng phải có nghị lực và quyết tâm cao. ❑

Digitized by Google

SUY NGẪM VỀ TƯƠNG LAI ĐẤT NƯỚC

HOÀNG XUÂN SÍNH *

1 - Cốt lõi của công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Đồng chí Tổng bí thư Đỗ Mười tại Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành trung ương Đảng (khóa VII) ngày 25-7-1994 đã nói : "Mục tiêu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa là tạo ra tiềm lực to lớn, đủ khả năng xây dựng một cuộc sống ấm no, hạnh phúc của toàn dân, thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng văn minh, bảo vệ vững chắc nền độc lập của Tổ quốc".

Mục tiêu là rất cao cả, bởi tất cả vì hạnh phúc của toàn dân. Trong nhiều văn kiện của Đảng còn nêu rõ bước đi đúng đắn, khoa học, phù hợp với tình hình của đất nước. Để các bước đi đó khởi động và giữ vững được nhịp độ vững chắc, phải nhìn thấy cốt lõi của vấn đề. Ở đây, xin mạnh dạn nêu lên mấy điểm :

- Chiến lược thị trường trong nước và tìm thị trường ngoài nước.

- Giải quyết tốt vấn đề nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và nhân tài.

- Hòa nhập với thế giới, đặc biệt với các nước là cội nguồn của công nghiệp hóa và có nền khoa học cao.

Thật vậy, một nhà nghèo muốn kiếm thêm tiền phụ vào lương, người mẹ hằng ngày làm bánh chưng, bánh giò để bán cho người qua lại ăn sáng. Nhưng hàng xóm xung quanh cũng làm như vậy. Muốn có khách ăn, người mẹ phải cố gắng làm ngon và sạch, nhất là tránh có mỡ nhiều gây cholexteron ảnh hưởng đến sức khỏe, để lôi cuốn khách. Người mẹ không thể nói cho các con là dùng tiền ăn sáng và trưa để ăn bánh nhà làm, khỏi tốn tiền đi chợ làm cơm. Làm như vậy bánh bán được ít, không lãi nếu không nói là lỗ, không kể ăn như thế không no và không đủ chất, và điều quan trọng là còn vốn đâu để làm bánh ngày hôm sau. Và như thế mong muốn thoát khỏi đồng lương ít ỏi đành tan ra mây khói. Một quốc gia cũng vậy, hàng hóa làm ra chỉ là hàng gia công cho nước ngoài, không xuất khẩu được, ngay cả thị trường trong nước cũng bị tràn ngập bởi những mác nọ mác kia, thế thì làm sao có thể tái sản xuất được, đừng nói tới mở rộng sản xuất, trong khi dân số tăng nhanh như vậy ? Tìm kiếm được thị trường là cả một công trình khoa học. Trước hết phải đầu tư nhiều chất xám vào khâu công nghệ, quản lý và nghiên cứu thị trường. Thị trường cho một hàng hóa sản xuất là vấn đề then chốt, cho phép tái sản xuất.

Không giải quyết tốt vấn đề nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và nhân tài, thì không bảo đảm được vấn đề thị trường, vì phải đầu tư chất xám cho chất lượng sản phẩm, cho năng suất... Ở đây ngoài việc phải có nhân lực và nhân tài, còn cần có trình độ dân trí. Dân trí có được nâng cao thì từ đó mới tạo ra nguồn nhân lực và tuyển được nhân tài.

Ta muốn xuất khẩu được hàng hóa, muốn đào tạo nhiều nhân tài, phải hòa nhập với thế giới và tìm đến cội nguồn của công

* Nhà toán học

Digitized by Google

nghiệp hóa, đến các nước có nền công nghiệp lâu đời và khoa học tiên tiến. Việc nghiên cứu các nước mới công nghiệp hóa, để tìm kinh nghiệm của một nước nghèo trong quá khứ đã khởi động thế nào để đi vào công nghiệp, đó là việc tất nhiên phải làm. Nhưng không thể ngừng ở đấy. Để nắm bắt được kỹ thuật hiện đại nhất, ta còn phải đến các nước có khoa học tiên tiến nhất, nếu không ta chỉ học được những điều lạc hậu, nhập máy móc lỗi thời, năng suất thấp, và cuối cùng sản phẩm làm ra không cạnh tranh được vì giá thành cao và chất lượng thấp. Việc đào tạo nhân tài cũng vậy. Ta biết rằng những nhà khoa học lớn, thí dụ những người được giải thưởng Nobel, là do môi trường khoa học của nước mà người đó định cư và do thiên tài của nhà khoa học (thường tỷ lệ 3/4 là do môi trường khoa học và 1/4 là do thiên tài). Nước ta là một nước có tri thức cao. Công nhân và trí thức của ta được nước ngoài công nhận là khéo tay và thông minh. Cộng đồng người Việt ở nước ngoài cũng tỏ rõ điều đó. Nhưng điều đáng tiếc là ta thiếu môi trường khoa học. Môi trường khoa học bao gồm phòng thí nghiệm với máy móc hiện đại, thư viện đầy đủ thông tin, sau nữa là thầy và đồng nghiệp giỏi toàn tâm toàn ý với sự nghiệp khoa học, ngân sách dành cho nghiên cứu khoa học thích đáng, và nhất là tác phong làm việc khoa học tập thể (điều mà ta không quen do nhiều lý do). Hiện giờ ta chảy chất xám rất nặng vì có nhiều người giỏi được đi đào tạo ở nước ngoài không về. Những người này thường được coi là không yêu nước hoặc bị gán nhãn hiệu không tốt. Sự thật không hoàn toàn như vậy. Quê hương là nơi chôn rau cắt rốn, nhưng quê hương cũng là nơi mà mọi khả năng tốt đẹp của con người phải được phát triển. Người Trung quốc có câu đáng để ta suy nghĩ : "Đi học mà về là yêu nước, đi học mà ở lại là vì nước". Dội ngũ những người làm khoa học ở lại một số nước có nền khoa học tiên tiến, nếu vẫn tha thiết với quê hương, thì đó sẽ là cầu nối nước khoa học còn kém phát triển với nước phát triển. Cái cầu đó rất có ích. Ta đừng coi việc hòa nhập với thế giới làm chảy chất xám mà ngại ngùng. Nước nào mới phát triển cũng thường bị mất nhiều chất xám. Dòng máu sẽ quay về quê hương khi quê hương đủ khả năng tiếp nhận họ, nghĩa là có môi trường khoa học và người tài được trọng dụng.

2 - Gánh nặng của quá khứ

Trước khi tìm hiểu các nước từ nghèo mà chỉ mấy chục năm nay đã khởi động tốt công nghiệp, ta nên tự tìm hiểu mình, để qua đó xem có áp dụng kinh nghiệm của các nước đó được không ? Việt nam vào loại có quá khứ đè nặng trên vai mang nét đặc thù trên thế giới.

Trong quá khứ, ở Việt nam, ngoài hoàng tộc và quan lại cao của triều đình phong kiến thì xã hội được xếp theo thứ tự : sĩ, nông, công, thương. Nghĩa là từ xưa đến nay người buôn bán, kinh doanh bao giờ cũng ở địa vị thấp, thậm chí một thời còn bị coi thường. Thực ra từ cổ chí kim, việc giao lưu thương mại giữa nước này với nước kia đóng vai trò rất quan trọng. Những kiến thức khoa học nhập vào Trung quốc và lọt khỏi Trung quốc một phần đáng kể là từ con đường tơ lụa. Chính do buôn bán ở những thế kỷ trước và sau Công nguyên mà hình thành một bộ môn của toán ở thế kỷ thứ VIII mà ngày nay ta gọi là môn *đại số*. Buôn bán theo đường biển đã giúp công nghệ đóng tầu phát triển và từ đó thúc đẩy môn *thiên văn* rồi môn *giải tích* và cùng với *giải tích* là đại số của thế kỷ XVII. Ngày nay từ việc sản xuất các máy bay siêu âm đến nghiên cứu vật lý vũ trụ, người ta phải đụng chạm rất nhiều đến những hệ phương trình vi phân mà nền tảng là giải tích. Muốn giải các phương trình vi phân đó, phải nhờ vào những máy tính cực mạnh, con người với một ê kíp dù lớn đến đâu, bỏ ra hàng trăm năm, cũng không thể giải bằng tay được. Thương mại đóng vai trò rất quan trọng trong kinh tế, thương gia lại bị xếp hàng

Digitized by Google

cuối trong xã hội, lâu dần làm ta không có truyền thống buôn bán. Ở thời buổi này, buôn bán trở nên có tính chất toàn cầu, nó đã trở thành một môn khoa học cần có hiểu biết về lịch sử, địa dư, kinh tế, văn hóa, tâm lý... các nước trên thế giới và từ đó con người phải biết nhiều ngoại ngữ. Đã có người nói : thương trường là chiến trường. Muốn buôn bán giỏi, trước hết phải hiểu đối tác, mà muốn hiểu, trước tiên phải nghe và nói được tiếng nước họ ; việc đào tạo người có ngoại ngữ giỏi ở ta hiện nay vẫn đang là bài toán hóc búa.

Lịch sử Việt nam là lịch sử một chuỗi chống ngoại xâm. Mỗi lần ta bị đô hộ là một lần đối phương tìm đủ mọi cách đồng hóa dân tộc ta. Sách vở, cung điện, đền đài, mọi thứ có dấu vết văn hóa Việt nam đều bị tàn phá, đốt ra tro bụi. Sự hiển hách trong lịch sử chống ngoại xâm của ta không chỉ là đuổi quân thù ra khỏi nước sau mười năm, trăm năm, ngàn năm bị đô hộ, mà còn ở chỗ giữ được văn hóa khỏi bị đồng hóa. Một số luận án tiến sĩ của Nhật bản đã đặt vấn đề nghiên cứu thời kỳ vua Tự Đức, mà một số mặt nào đó giống thời kỳ Minh Trị của Nhật bản. Về thời gian, hai thời kỳ của hai vua đó gần trùng lặp nhau ; về mặt chính trị cả hai nước đều chịu sức ép đòi mở cửa biển ra thế giới bên ngoài. Minh Trị đã làm cho thời kỳ của mình nổi bật nhất trong các triều đại. Dưới sự trị vì của Hoàng đế Minh Trị, chỉ trong vài chục năm Nhật bản đã có thể đạt điều mà phương Tây phải mất hàng trăm năm. Nhà vua đã có những cải cách chính trị, xã hội, kinh tế, khoa học, công nghiệp... để sau này Nhật bản trở thành một quốc gia hiện đại với các ngành công nghiệp hiện đại. Trong khi đó vua Tự Đức bỏ ngoài tai các bản tường trình của Nguyễn Trường Tộ đề nghị cải cách chính trị, kinh tế, văn hóa, giáo dục, khoa học... Rốt cuộc gánh nặng của lịch sử để lại là gần trăm năm làm thuộc địa, thuần túy cung cấp tài nguyên cho thực dân Pháp, không hề có những công trình xây dựng đáng kể nào. Sau đó là một cuộc chiến tranh hơn ba mươi năm, một cuộc chiến tranh với những đế quốc lớn nhất trên thế giới, tàn khốc nhất trong lịch sử nhân loại. Chúng ta đã kiên cường chiến đấu và giành chiến thắng để có đất nước thống nhất hôm nay. Nhưng chúng ta cũng cần biết rằng, các cuộc chiến tranh xâm lược đó đối với nước ta đã để lại những di hại khôn lường.

3 - Hãy tìm hiểu và học tập các nước

Tìm hiểu Nhật bản, Hàn quốc, Xin-ga-po hay Đài loan, ta cũng chỉ học được một số điểm, không thể lấy nguyên bản được.

Nhật bản khởi động từ thời Minh Trị (1868 - 1912), đến chiến tranh thế giới thứ hai đã có một nền công nghiệp hiện đại sản xuất được máy bay, tầu chiến... Nhật, Đức, Hàn quốc đã được hưởng một sự giúp đỡ quan trọng của Mỹ sau cuộc chiến tranh đó. Năm 1954, công nhân Nhật bản còn phải làm 14 giờ một ngày, và mỗi bữa chỉ có hai bát cơm với hai con cá khô nhỏ. Năm 1956, thành phần chính của bữa ăn ở Tây Đức còn là khoai tây. Tình hình còn khó khăn hơn nhiều ở Hàn quốc vào thời điểm đó. Sự giúp đỡ quan trọng của Mỹ sau chiến tranh thế giới thứ hai cho nhiều nước, đã giúp họ hồi phục nhanh chóng. Ta cũng không thể lấy mô hình của Hồng công hay Xin-ga-po, bởi các lãnh thổ này, gián tiếp qua những hoạt động chủ yếu là thương mại, đã biết sử dụng lợi thế cho mình từ quy chế thuộc địa cũ của nước Anh.

Vùng đất làm ta chú ý và suy nghĩ nhiều là Đài loan. Tuy không được hưởng sự giúp đỡ quan trọng của Mỹ như đối với Tây Đức, Nhật bản hay Hàn quốc. Đài loan vẫn thành công trong việc chuyển từ tình trạng kém phát triển nặng nề đến một nền kinh tế có thành tích đáng kể. Chính sản xuất công nghiệp - tất cả sản phẩm chế tạo tại Đài loan - đã đưa Đài loan ngày nay tới vị trí trội lên trong những lãnh vực khó và có công nghệ cao như tin học ; ở đây phải kể đến phần không nhỏ các liên doanh đầu tư với

Digitized by Google

Nhật bản. Trước tiên giáo dục đóng vai trò hàng đầu và việc thiết lập một hệ thống đào tạo đã là một trục quan trọng của đường lối chính trị. Nghiên cứu khoa học ở những buổi đầu chưa xuất hiện, vì nền kinh tế còn quá yếu. Phải đợi đến những năm bảy mươi của thế kỷ, chính sách về nghiên cứu khoa học mới ra đời. Đài loan phải chịu hiện tượng chảy chất xám rất nặng nề. Giữa những năm tám mươi, mỗi năm gần 7000 sinh viên rời Đài loan đi tu nghiệp ở Mỹ ; phần lớn trong số này ở lại Mỹ và rất ít trở về xứ sở. Sự khác nhau giữa lương ở Mỹ và Đài loan, cộng thêm môi trường khoa học ở Đài loan kém hẳn Mỹ là nguyên nhân chính cho sự không quay trở về của lực lượng du học. Để đối phó với tình hình chảy chất xám, chiến lược khoa học của chính quyền dựa trên ba trục chính : tạo ra một thể chế đại học xuất sắc có uy tín cao, đầu tư một số tiền quan trọng trong một số ít đề án có định ranh giới rõ ràng và có nhiều hứa hẹn ; cuối cùng, xây dựng một khu nghiên cứu khoa học công nghiệp để đẩy mạnh lĩnh vực này. Một khu như vậy có thể đóng vai trò then chốt, làm tăng giá trị người làm khoa học trong xã hội. Với các cố gắng trên trong lĩnh vực khoa học, Đài loan mong muốn giải quyết càng nhanh càng tốt sự phụ thuộc của mình vào công nghệ Nhật bản.

4 - Phải làm gì để đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ?

Hội nghị lần thứ hai Ban chấp hành trung ương khóa VIII họp từ ngày 16 đến ngày 24-12-1996 thảo luận và quyết định về định hướng chiến lược và mục tiêu nhiệm vụ đến năm 2000 trên hai lĩnh vực giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ cho ta thấy tầm quan trọng của hai vấn đề đó.

Điều cần trước tiên là vốn. Ta có thể có ba nguồn vốn : vay nước ngoài, liên doanh với nước ngoài, khuyến khích dân tiết kiệm để nhà nước có thể sử dụng nguồn vốn trong nước. Trong ba nguồn vốn đó không nên xem thường nguồn cuối cùng, và cũng nên sử dụng nguồn vốn đó để khởi động.

Chính trong thời kỳ này, ta phải phát động toàn dân sống lành mạnh, tiết kiệm. Cần vận động trong trường học, nhất là các trường đại học lối sống này. Sinh viên ăn mặc lành lặn, đủ ấm là được. Con em nhà giàu không được phung phí tiền bạc vào những hoạt động hút sách đàng điếm. Nên vận động sinh viên (có thể cả học sinh), lập quỹ học bổng cho sinh viên, học sinh nghèo bằng cách tự mình tiết kiệm. Ngoài ra sinh viên, thanh niên, phụ nữ có thể tăng cường vận động tuyên truyền để thay đổi cách cưới xin, ma chay hiện nay. Ăn quá nhiều trong đám cưới, và tệ hơn nữa ăn cũng linh đình trong ma chay. Có những đám cưới hiện nay mời cả trăm hay cả ngàn người đến dự tiệc. Nếu một tháng phải dự mấy đám cưới và mấy đám ma, thì người được báo tin thấy rất khó xử. Nếu tò mò mở một tờ báo Pháp ra, ở mục đám cưới ta sẽ thấy mấy dòng sau đây : mấy lời đăng trên báo thay giấy báo hỉ, không nhận đồ mừng. Hay ở mục báo tang : đám ma cử hành trong nội bộ gia đình, không nhận vòng hoa. Hay còn nữa : thi thể người chết được cống hiến cho khoa học (nghĩa là thi thể để sinh viên y khoa mổ xẻ), theo ý nguyện của người mất. Việc làm đó hay xảy ra đối với nghệ sĩ nổi tiếng hay viện sĩ khoa học. Tất nhiên việc cưới xin, ma chay hiện nay rất khó giải quyết, vì đây là trình độ dân trí và thường mọi người sợ dư luận xã hội. Nếu lúc nào cũng sợ dư luận xã hội thì làm gì còn có những nhà khoa học như Gâu-nơ Bru-nơ (1548 - 1600) và Ga-li-lê (1564 - 1624) ? Cả hai đều là người Ý, bị xử lên giàn hỏa thiêu, do tòa án chống dị giáo, vì ủng hộ học thuyết của nhà khoa học Ba lan Ni-cô-lai Cô-péc-ních (1473 - 1543) khẳng định quả đất quay xung quanh mặt trời ! Phải có người làm khoa học chống lại những ý tưởng lạc hậu thì mới có chuyện du hành vũ trụ trong ngày nay chứ ! Ai có biết sự hy sinh của người làm khoa học mà cuộc sống được định nghĩa là : "Sống nghĩa là thức" theo cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng ?

Digitized by Google

Cho nên với kiến thức học được ở nhà trường, sinh viên nên xung phong làm những việc truyền bá khoa học để nâng cao dân trí. Cần có những buổi nói chuyện giải thích cách ăn uống giản dị, tiết kiệm, bảo vệ sức khỏe. Mức tiết kiệm cao của các gia đình Nhật bản đã tạo cho các ngân hàng và các tổ chức tài chính khác rất nhiều tiền vốn để đầu tư mạnh cho khu vực tư nhân. Các chính sách kinh tế của Chính phủ Nhật bản vào năm 1960 nhằm khuyến khích tiết kiệm, đẩy mạnh đầu tư, bảo vệ các ngành công nghiệp tăng trưởng và khuyến khích xuất khẩu. Hiện giờ ta hay nói "dân giàu, nước mạnh", thực ra nên khuyến khích tiết kiệm, nếu không muốn nói thắt lưng buộc bụng, để nước mạnh. Hiện có những người lợi dụng chữ "dân giàu" thi nhau vơ vét của công và để vơ vét cho nhanh đã gây ra những nhiễu, tham ô. Với kiểu vơ vét này thì quả có một tầng lớp rất giàu, nhưng kho bạc nhà nước thì rỗng. Thế thì làm sao cho "nước mạnh" được ?

Trên đây là nói nguồn vốn trong nước có thể tận dụng để đầu tư. Chính nguồn vốn đó cũng nói lên trình độ dân trí, tức là phải có giáo dục tham gia vào. Nhưng cũng phải nói nhà nước khi sử dụng vốn của nhân dân nên có chính sách bảo vệ để nhân dân tin tưởng. Trong mấy điều cốt lõi của công nghiệp hóa, hiện đại hóa nói ở phần đầu, ta thấy vai trò của giáo dục có mặt khắp mọi nơi. Hãy tham khảo bài học của Nhật bản. Trình độ học vấn là một nhân tố quan trọng trong chế độ thuê người làm việc suốt đời của Nhật bản. Để có việc làm trong công ty hàng đầu cần phải tốt nghiệp một trường đại học hàng đầu, và để đạt được điều đó thì lại phải tốt nghiệp các trường trung học phổ thông và cơ sở hàng đầu. Nhật bản cũng tự công nhận là một nước rất nghèo tài nguyên vật chất, và cách duy nhất để có thể tiến bộ về kinh tế và xã hội là thông qua những tiến bộ kỹ thuật do nhân dân Nhật bản - nguồn tài nguyên hiện thực duy nhất - làm, trên một lối sống tiết kiệm, khoa học, có ý thức đầy đủ về trách nhiệm đối với quốc gia.

Vai trò rất quan trọng của giáo dục - đào tạo là hàng đầu và hiển nhiên. Trước mắt có thể làm được gì thì làm ngay. Chẳng hạn cần bỏ cơ chế "thoáng" cho bằng cấp một cách dễ dàng hiện nay ở các trường đại học. *Chấm dứt* tình trạng học thêm là *một điều khẩn cấp,* nhưng chấm dứt việc cho bằng theo lối học một tuần không nghỉ rồi thi ngay và ai cũng đỗ là việc *chống tối khẩn.* Ai cũng có bằng cao hạng giỏi, hạng xuất sắc, nhưng không làm được việc, hay còn làm hỏng việc, thì đất nước sẽ ra sao ?

Các cụ ngày xưa đã luôn luôn nói : học phải hành. Người ta không thể học để rồi ngồi ngâm thơ uống rượu như những công tử phong lưu của triều đại phong kiến. Hay như một số trường hợp hiện nay, với mảnh bằng đại học, lọt vào biên chế nhà nước, vứt hết các kiến thức đã học, không hề đọc sách để nâng cao trình độ, làm việc hời hợt, rồi ngồi đợi tăng lương. Học không hành như vậy thì nhà nước mất công đào tạo mà chất lượng công việc không có, sẽ dẫn đến tình trạng suy thoái của đất nước. Nếu các cụ nói *Học* thì chúng ta nói *giáo dục - đào tạo*, và các cụ nói *Hành* thì chúng ta nói *khoa học - công nghệ*. Hơi dài một chút, nhưng rõ hơn. Người học xong đại học, khi làm việc, phải luôn trau dồi kiến thức để nâng cao chất lượng công việc của mình ; nếu làm khoa học, phải hiểu từ lúc còn là sinh viên, là con đường sẽ đầy gian khổ ; nếu không làm việc được từ 12 giờ đến 16 giờ mỗi ngày, thì không nên làm khoa học. Làm khoa học không phải là thuần túy công bố công trình, mà phải xem công việc mình làm dẫn tới đâu. Có những ngành khoa học có ứng dụng trực tiếp đến kỹ thuật và công nghệ, có những ngành không thể thấy ngay ứng dụng được, nhưng do nội dung phong phú, sử dụng nhiều công cụ mạnh của những ngành khác, nên người ta tiên đoán được sức mạnh ứng dụng của chúng. ❑

Digitized by Google

ĐI THẲNG VÀO KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ HIỆN ĐẠI

PHAN XUÂN DŨNG *

1 - Khoa học và công nghệ là nền tảng của phát triển lực lượng sản xuất

Trong suốt chiều dài lịch sử con người luôn luôn sử dụng công nghệ để làm tăng sức mạnh cho mình. Nhờ công nghệ chăn nuôi và trồng trọt, con người đã từ xã hội hoang sơ với săn bắn hái lượm là chính, tiến lên khai thác thiên nhiên chủ yếu dựa vào lao động cơ bắp, thủ công, sức kéo của gia súc, sức nước và sức gió. Thế kỷ XVII, kỹ thuật chưa phát triển, khoa học chưa tác động nhiều tới kỹ thuật, chủ yếu vẫn nhằm vào việc lý giải và cải tiến kỹ thuật cũ của thế kỷ XVI. Tới thế kỷ XVIII, do nhu cầu mở rộng thị trường thế giới của chủ nghĩa tư bản, truyền bá những tư duy mới của các "nhà khai sáng" nên trong các lĩnh vực kinh tế chủ yếu đã xuất hiện những điều kiện cơ bản để tạo ra những bước ngoặt có tính cách mạng về kỹ thuật dẫn đến cuộc *cách mạng công nghiệp lần thứ nhất*. Đặc trưng của nó là sự thay thế hệ thống kỹ thuật cũ bằng hệ thống kỹ thuật mới dựa vào nguồn lực của máy hơi nước và nguyên liệu than và sắt. *Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ hai* xuất hiện vào nửa sau thế kỷ XIX, khi có những nguồn năng lượng mới trên cơ sở điện năng, động cơ đốt trong và dầu mỏ.

Đầu thế kỷ XX, những bế tắc của vật lý cổ điển đã được giải quyết bằng một cuộc cách mạng trong vật lý học - đồng thời là cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật của thế kỷ này, trên cơ sở thuyết lượng tử của Mác-xơ Plăng-cơ (1900), thuyết tương đối của Anh-xtanh (1905) và cơ học lượng tử (1925)... Những khái niệm mới ra đời, như tính tương đối của không gian và thời gian ; tính gián đoạn của năng lượng và vật chất ; tính thống nhất giữa hạt và sóng... đã góp phần thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của hàng loạt ngành, như hóa học, sinh học, thiên văn học..., đã tăng cường sự hiểu biết của con người về bản chất của thế giới tự nhiên và thế giới vật chất. Từ đó tạo ra tiền đề cho cuộc cách mạng khoa học hiện đại.

Từ giữa thế kỷ XX cuộc cách mạng khoa học hiện đại đã làm đảo lộn cục diện thế giới trong tất cả các lĩnh vực. Nếu trong nhiều thế kỷ trước đây khoa học hầu như phát triển một cách độc lập, cho tới thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX mới có quan hệ mật thiết với kỹ thuật và công nghệ, thì nửa sau thế kỷ XX, với cuộc *cách mạng công nghiệp lần thứ ba*, khoa học đã giữ vị trí chủ đạo trong dây chuyền "khoa học - kỹ thuật - công nghệ - sản xuất". Kể từ đây khoa học đã biến thành lực lượng sản xuất trực tiếp. Việc đột phá vào vi mô của thế giới hữu cơ và vô cơ đã tăng cường gấp bội sức mạnh trí tuệ của con người.

Yếu tố xuất phát điểm, có tính quyết định và phổ biến của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ ba là tự động hóa và điều khiển học hóa. Trong các lĩnh vực máy móc đã được điều khiển bằng chương trình số (CNC), "thiết kế - chế tạo" đã có sự trợ giúp của máy tính điện tử (CAD/CAM), hệ thống sản xuất linh hoạt (FMS) đã đưa nền sản xuất chuyển từ tự động hóa cục bộ sang tự động hóa tổng hợp. Đây cũng là xuất phát điểm của việc cách mạng hóa các phương thức sản xuất vật chất, tổ chức, quản lý kinh tế - xã hội, khiến các quan hệ sản xuất và quan hệ xã hội của con người thay đổi theo.

Từ giữa thập niên 70, với những đặc điểm và xu thế phát triển mới, thế giới đã bước sang giai đoạn của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ hiện đại, đưa nhân loại tiến vào ngưỡng cửa của thời đại văn minh trí tuệ, trong đó trí tuệ của con người đóng vai trò quyết định của sự phát triển với năng lượng của nền kinh tế là thông tin. Chính trong giai đoạn này những ngành công nghệ cao (High-Tech) xuất hiện, như công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu mới, công nghệ tự động hóa trên cơ sở kỹ thuật vi điện tử. Sản xuất trên cơ sở *điện - cơ khí* đã chuyển sang *cơ - điện tử*.

Sự ra đời của ngành tin học đã làm cho khả năng lưu giữ, xử lý và truyền bá kiến thức ở

* Tiến sĩ khoa học kỹ thuật, Ban khoa giáo trung ương

Digitized by Google

quy mô và tốc độ mà trước đó chưa hề có, rút ngắn đến mức tối thiểu thời gian đưa các phát minh sáng chế vào cuộc sống. Trong lĩnh vực kinh tế, tin học đã góp phần quyết định làm tăng hàm lượng trí tuệ trong hàng hóa. Những quốc gia nào chiếm lĩnh đỉnh cao của tin học, thì thu nhập nhiều bằng trí tuệ. Hiện đại hóa nền kinh tế ở các nước phát triển vừa qua thực chất là thay đổi cơ cấu công nghệ, trong đó những công nghệ cũ tiêu hao nhiều tài nguyên và sức lao động bằng những ngành công nghệ cao giảm suất tiêu hao các nguồn lực tính trên một đơn vị sản phẩm. Ví dụ, trong các sản phẩm vi mạch tích hợp hàm lượng nguyên vật liệu và năng lượng chỉ chiếm từ 5 - 2%, còn lại 95 - 98% là chất xám. Nhờ ngành công nghệ cao mà ở Mỹ năng lượng tiết kiệm lũy kế ước khoảng 3800 triệu tấn nhiên liệu quy ước trong thời gian 1974 - 1985. Trong các nước thuộc tổ chức tiêu thụ dầu lửa tỷ suất tiêu dùng năng lượng trong tổng sản phẩm quốc nội năm 1985 giảm 20% so với năm 1973, suất tiêu hao dầu lửa giảm 37%. Nhờ đổi mới trên cơ sở công nghệ cao trong thời kỳ 1965 - 1985, mà nền công nghiệp Nhật bản tăng lên 2,5 lần trong khi mức tiêu thụ năng lượng, nguyên vật liệu vẫn giữ nguyên như trước. Nhìn chung chi phí năng lượng trên một tấn sản phẩm trong các ngành có mức tiêu hao năng lượng nhiều nhất (hóa chất, luyện kim...) tính đến cuối thập niên 80 đã giảm xuống 30 - 35%.

Như vậy, từ thập kỷ 90 khoa học và công nghệ đã hoàn toàn mang ý nghĩa sống còn đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, củng cố an ninh quốc phòng của nhiều quốc gia. Thế mạnh tuyệt đối trước đây của các yếu tố sản xuất truyền thống, như tài nguyên thiên nhiên, sức lao động dồi dào và rẻ chỉ còn mang ý nghĩa tương đối. Trí tuệ sẽ là nền tảng của sự thịnh vượng.

2 - Một số bài học về phát triển công nghệ của các nước

Kinh nghiệm của nhiều nước cho thấy, đối với các nước Đông và Đông - Nam Á quá trình chuyển giao công nghệ được tiến hành theo các phương thức sau : *Cách thứ nhất*, các nhà doanh nghiệp tiến hành các hiệp định về cấp giấy phép cho các công ty nước ngoài để chuyển giao công nghệ, họ tự giám sát cẩn thận và mọi nỗ lực sẽ tập trung vào vận hành hiệu quả công nghệ nhập. *Cách thứ hai*, mua mẫu sản phẩm, tháo rời và sao chép lại. *Cách thứ ba*, chuyển giao công nghệ dưới dạng mua máy móc trên thương trường. *Cách thứ tư*, khuyến khích đầu tư nước ngoài, một công ty đa quốc gia thiết lập chi nhánh ở nước sở tại chắc chắn sẽ đưa công nghệ mới tới đó. Nhưng dẫu sao giữa các nước này cũng có sự khác biệt đáng kể, như Nhật bản và Hàn quốc thiên về chủ động lấy công nghệ và tự mình áp dụng. Đài loan, Xin-ga-po và Hồng công lại muốn để cho công ty nước ngoài đầu tư vào và mang theo công nghệ mới. Tuy nhiên điều đáng lưu ý là công nghệ nước ngoài sẽ không có tác dụng nếu không bám rễ được vào trong nước. Nghĩa là đất nước đó phải có một tiềm năng, nội lực nhất định về khoa học và công nghệ để hấp thụ nó từ bên ngoài.

Chuyển giao công nghệ không dừng lại ở giới hạn tiếp nhận thụ động kiến thức của người khác. Bí quyết sản xuất là một tài sản quý báu và có thể dựa vào đó mà cải tiến, phát triển thêm. Sự khác biệt này đã phân biệt 5 nước Đông Á với nhiều nước khác ở chỗ một bên là tự mình phát triển nền kinh tế và một bên là ỷ lại vào "người khác". Nhiều người cho rằng Nhật bản và NICs là những nước đi sao chép, họ đã không hiểu rằng việc sao chép như vậy đòi hỏi phải có năng lực hoạt động nghiên cứu - triển khai (R-D) ở mức độ cao cần thiết. Từ những năm 80 chi phí cho R-D của Nhật bản đã lên đến mức 3% GNP, cao hơn hẳn so với các nước phương tây, còn Hàn quốc và Đài loan ở mức 2 - 3%.

Hàn quốc đã khẳng định kinh nghiệm của mình, rằng muốn có mức tăng trưởng cao trước hết phải nhận rõ vai trò của khoa học và công nghệ. Bởi vậy phải có một đội ngũ cán bộ nghiên cứu và ứng dụng có trình độ cao, một đội ngũ công nhân lành nghề đủ mạnh có khả năng tiếp nhận, ứng dụng và đồng hóa, làm chủ và đổi mới công nghệ hiện đại nhập ngoại, từ đó tạo ra được các sản phẩm xuất khẩu có hàm lượng công nghệ cao có sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Để đạt được mục tiêu này, chính phủ tăng đầu tư hằng năm cho R-D : Năm 1963 là 0,24% GNP ; 1994 - 2,61% ; 1996 - 3% và dự kiến năm 1998 là 4% và năm 2000 là 5% GNP, trong đó khu vực tư nhân đầu tư là chủ yếu. Cụ thể năm 1991 nhà nước 20%, tư nhân 80%, tới năm 1994 tỷ lệ đó là 16 - 84. Các trung tâm đào tạo phấn đấu đạt 30 cán bộ khoa học trên 10 ngàn dân vào năm 2000. Chính phủ khuyến khích bằng tài chính, miễn giảm thuế cho các mục tiêu phát triển công nghệ, các hoạt động R-D, nghiên cứu cơ bản, hợp tác về khoa học và công nghệ.

Digitized by Google

Trước thời kỳ mở cửa ở Trung quốc việc nhập công nghệ thường là vấn đề tranh cãi về mặt chính trị. Họ luôn lo ngại về việc chuyển giao công nghệ sẽ đi đôi với việc chuyển giao hệ tư tưởng tư sản. Những năm cuối thập kỷ 70, với chiến lược hiện đại hóa nước này đã thực sự coi trọng phát triển khoa học công nghệ. Đến nay Trung quốc đã có một đội ngũ gần 11 triệu cán bộ khoa học, trong đó có hơn 1 triệu người tham gia trực tiếp vào R-D. Có trên 5 ngàn cơ quan R-D độc lập và trên 7 ngàn đơn vị liên kết R-D, và đã đạt được nhiều thành tựu khoa học công nghệ ngang tầm với trình độ thế giới.

Bài học quan trọng của Trung quốc là kiên trì sự lãnh đạo của đảng cộng sản, giữ vững ổn định chính trị, kiên trì chính sách mở cửa, kết hợp công tác nghiên cứu với hoạt động đổi mới công nghệ, thu hút lực lượng cán bộ khoa học và công nghệ, nâng cao dân trí. Trong một thời gian ngắn khoa học công nghệ phát triển mạnh đã đưa đất nước Trung quốc lên vị trí siêu cường về kinh tế.

Như vậy, nếu biết bỏ qua kiểu phát triển tuần tự trong những khu vực trọng yếu và then chốt của nền kinh tế, sớm chuyển sang một chiến lược phát triển có tính "ngắm đón", kết hợp với "đi tắt, đón đầu" tiến thẳng vào các ngành công nghệ cao để tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa, thì thực tế đã cho thấy, một nước kém phát triển hoàn toàn có thể trở thành một nước công nghiệp chỉ trong vòng 20 năm.

3 - Thực trạng khoa học và công nghệ nước nhà và nhiệm vụ đi tắt đón đầu

Tổng kết thành tựu 10 năm đổi mới, Đại hội VIII của Đảng đã đánh giá : "Hoạt động khoa học và công nghệ gắn bó hơn với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, thích nghi dần với cơ chế thị trường" (1). Thực vậy, theo đánh giá của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn, ít nhất 30% năng suất lúa ở nước ta là nhờ khoa học. Còn theo Bộ khoa học công nghệ và môi trường, khoa học và công nghệ đã có những đóng góp to lớn trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của nước nhà. Chỉ tính riêng việc phản biện cho đề án xây dựng nhà máy nhiệt điện Phú mỹ (Bà rịa - Vũng tàu) đã có thể mang lại lợi ích hơn 200 triệu USD...

Tuy nhiên, bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa trình độ chung của công nghệ nước ta đang ở mức trung bình kém. Cụ thể trong ngành công nghiệp, nếu so với các nước phát triển, hệ thống máy móc, thiết bị của ta lạc hậu từ 2 đến 4 thế hệ ; mức tiêu hao nhiên liệu nhiều gấp 1,5 đến 2 lần ; năng suất công nghiệp chỉ đạt 30%. Một lao động nông nghiệp chỉ nuôi được 3 người, trong khi đó ở Mỹ là 30 người. Các loại vật liệu mới, như gốm kỹ thuật, com-pô-gít chỉ chiếm 5% tổng số các loại vật liệu đang sử dụng. Trong các lĩnh vực sản xuất công nghiệp hệ số cơ giới hóa chỉ đạt 50% mức chung của thế giới. Ngành máy cái của công nghiệp chỉ tương đương với thời kỳ cách đây 30 - 50 năm của các nước trung bình trên thế giới. Nếu so với các nước công nghiệp phát triển thì còn lạc hậu 50 - 100 năm. Hệ số đổi mới công nghệ là 8 - 10%. Lượng hao phí năng lượng và nguyên liệu trên 50%, số thiết bị chỉ sử dụng 1 ca/ngày chiếm tới 80%.

Theo số liệu của Bộ kế hoạch và đầu tư, từ năm 1988 đến hết tháng 12 năm 1996 cả nước đã có 1959 dự án đầu tư được cấp giấy phép, trong đó có 1633 dự án còn hiệu lực, với tổng vốn đầu tư 28 400 triệu USD. Thẩm định các dự án cho thấy nhiều dự án phát huy tác dụng tốt trong việc chuyển giao công nghệ tiên tiến, đặc biệt như trong lĩnh vực dầu khí, viễn thông. Các ngành cơ khí nông nghiệp, máy công cụ, máy phục vụ ngành công nghiệp nhẹ... đã góp phần làm tăng giá trị sản lượng và năng suất lao động lên 2 lần so với năm 1990. Nhiều ngành từ chỗ nhập khẩu hoàn toàn thiết bị, đến nay chúng ta đã có gần 20 loại sản phẩm đáp ứng được 70 - 80% nhu cầu trong nước. Kể từ năm 1991 đến nay có 40 - 60% vốn đầu tư nước ngoài được dành cho phát triển công nghệ, đưa tổng giá trị thiết bị và công nghệ nhập lên khoảng 4 tỉ USD. Nếu so với nhu cầu phát triển của đất nước thì số vốn đầu tư này chưa đáng là bao. Nhưng điều đáng nói là trong một đợt Bộ khoa học, công nghệ và môi trường kiểm tra thí điểm 727 thiết bị, 3 dây chuyền sản xuất của 42 cơ sở, thì có tới 60 - 70% thiết bị cũ tân trang lại. Do sử dụng công nghệ lạc hậu đã xảy ra hàng trăm tai nạn chết người, hơn 20 ngàn tai nạn nghề nghiệp hằng năm, các loại khí độc thải ra nhiều gấp 15 lần mức cho phép...

---

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1996, tr 59

Digitized by Google

Chất lượng đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ so với một số nước có thu nhập tương đương thì nước ta thuộc vào loại khá. Hiện nay có khoảng 8 ngàn tiến sĩ và phó tiến sĩ, trên 700 ngàn có trình độ đại học, cao đẳng, trên 2 triệu công nhân kỹ thuật. Đây là điều kiện quan trọng cho quá trình phát triển khoa học, tiếp thu, làm chủ và thích nghi với công nghệ tiên tiến. Nhưng điều đáng bàn là sự bất hợp lý trong cấu trúc ngành nghề và phân bố lực lượng khoa học và công nghệ. Số cán bộ được đào tạo về các ngành khoa học kỹ thuật chỉ chiếm 15,4%. Hơn nữa tỷ lệ cán bộ khoa học và công nghệ trong các doanh nghiệp còn thấp (năm 1992 chỉ chiếm 32%, trong khi đó ở Thái lan là 58,2%, Hàn quốc - 48%, Nhật bản - 64,4%).

Bên cạnh đó trong các viện và trung tâm khoa học tuổi bình quân của tiến sĩ là 52,8 ; phó tiến sĩ là 48,1 ; giáo sư là 59,5 ; phó giáo sư là 56,4 ; cấp viện trưởng là 55 ; cấp viện phó là 50,9 (số liệu điều tra ngày 1-7-1995). Như vậy, đến năm 2000 hơn 80% số người có học hàm, học vị đó sẽ đến tuổi về hưu. Từ đó gây nên tình trạng hẫng hụt cán bộ khoa học kế cận. Vì vậy, từ thực trạng trên nhiệm vụ đi tắt, đón đầu của khoa học và công nghệ nước ta đang đặt ra một số vấn đề trước mắt như sau :

1. Muốn trở thành một nước công nghiệp trong vòng 10 - 20 năm tới, nước ta chỉ còn con đường là tiến thẳng vào công nghệ hiện đại, kiên quyết đoạn tuyệt với thứ công nghệ lạc hậu để tránh biến nước ta thành bãi thải công nghệ. Xử lý nghiêm minh những cá nhân hay tập thể vì vụ lợi trước mắt mà nhập công nghệ lạc hậu làm thiệt hại cho đất nước. Nghiên cứu, khảo sát để nhập công nghệ hiện đại phù hợp với điều kiện sản xuất của Việt nam.

2. Coi khu vực kinh tế nhà nước là nơi đi đầu trong việc ứng dụng và chuyển giao công nghệ tiên tiến. Có như vậy kinh tế nhà nước mới thực sự đóng vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2 Ban chấp hành trung ương Đảng khóa VIII đã khẳng định : "... đi thẳng vào các công nghệ tiên tiến nhất, trước hết ở những ngành, những lĩnh vực có tác động chi phối nền kinh tế quốc dân, những ngành có giá trị gia tăng cao, ngành công nghiệp mới xây dựng, ngành sản xuất sản phẩm xuất khẩu chủ lực" (2).

3. Phải ra sức tạo động lực phát triển toàn diện đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ. Thực hiện các chính sách tạo nguồn, đặc biệt các chính sách sử dụng nhân lực khoa học và công nghệ vì mục tiêu phát triển đất nước theo hướng đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Chú ý điều chỉnh các chính sách cụ thể về sử dụng, thu hút và đãi ngộ nhân tài. Như Nghị quyết Trung ương 2 khóa VIII nêu rõ : "Nâng cao năng lực nội sinh về khoa học và công nghệ để có khả năng tiếp thu các tri thức mới của thế giới, thích nghi, làm chủ các công nghệ tiên tiến từ nước ngoài ; nghiên cứu giải quyết các vấn đề khoa học và công nghệ do thực tiễn đặt ra trong quá trình phát triển ; bảo đảm căn cứ khoa học cho các quy hoạch, kế hoạch phát triển" (3).

4. Coi việc xây dựng khu công nghệ cao là một nhiệm vụ chiến lược quan trọng trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nghị quyết Trung ương 7 khóa VII của Đảng đã quyết định thành lập 2 trung tâm công nghệ cao tại Hà nội và TP Hồ Chí Minh với mục tiêu biến chúng thành hạt nhân mới của công nghệ, thành đầu tàu của khoa học, nơi thực thi các ý tưởng táo bạo của các nhà sáng chế, là nơi giao lưu và hợp tác công nghệ, đào tạo và huấn luyện chuyên gia công nghệ xuất sắc... Khu công nghệ cao là cầu nối giữa khoa học và công nghệ với thị trường.

5. Kinh nghiệm các nước đã chỉ ra rằng, trở ngại đáng kể đối với quá trình phát triển thường nặng về yếu tố chủ quan. Điều này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong đánh giá vai trò của khoa học và công nghệ đối với quá trình phát triển của những nước đi sau với mục tiêu cần đạt tới là độc lập về kinh tế và chính trị. Vì thế đội ngũ cán bộ quản lý nói chung, cũng như cán bộ khoa học và công nghệ nói riêng phải là những con người cách mạng, biết đặt quyền lợi dân tộc lên trên lợi ích cá nhân.

6. Khoa học công nghệ chỉ tồn tại thông qua hoạt động cụ thể của con người, nghĩa là nó phải hoạt động trong những bối cảnh, môi trường nhất định. Vì thế khoa học và công nghệ có khả năng phát huy tác dụng khi và chỉ khi nó nằm trong một cơ chế phù hợp và thuận lợi, trong đó sự quan tâm của xã hội phải được thể hiện bằng sự đầu tư thích đáng về sức người và sức của. ❑

(2), (3) Báo *Nhân dân*, ngày 5-2-1997

Digitized by Google

Mấy vấn đề về phát triển khu công nghiệp trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa

NGUYỄN QUANG THÁI *

TRÊN cơ sở những thành tựu của 10 năm đổi mới, Việt nam đã vượt qua cuộc khủng hoảng và chuyển sang giai đoạn đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Chính sách phát triển công nghiệp trong giai đoạn mới có một ý nghĩa rất quan trọng trong việc chỉ ra phương hướng và những giải pháp, làm cho không chỉ ngành công nghiệp phát triển nhanh, vững chắc mà còn tạo ra xung lực cho sự phát triển dài hạn của nền kinh tế quốc dân. Một khâu có tính chất đột phá trong chính sách phát triển công nghiệp là xây dựng các khu công nghiệp (bao gồm cả khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao).

Trước hết chúng ta cần thấy rằng xây dựng các khu công nghiệp không phải là vấn đề quá mới mẻ. Trong mấy chục năm gần đây ở nước ta cũng đã hình thành khoảng 20 khu công nghiệp như Thái nguyên, Việt trì, Thượng đình (Hà nội), Biên hòa (Đồng nai), Hải phòng, Đà nẵng, v.v...Ở các nước, nhất là khu vực Đông Á đã hình thành có kết quả hàng loạt các khu công nghiệp, khu chế xuất như Thâm quyến (Trung quốc), Cu-a-la Lăm-pơ 1700 ha (Ma-lai-xi-a), Clac 4400 ha, Su-bic 206 ha (Phi-lip-pin), Băng-pa-công 650 ha (Thái lan), Gia-các-ta 320 ha (In-đô-nê-xi-a) v.v...

Vậy khu công nghiệp nên hiểu là gì và đâu là những ưu điểm của các khu công nghiệp ?

Khu công nghiệp theo cách hiểu được nhiều người thừa nhận hiện nay có những đặc điểm chung như sau :

- Có hệ thống kết cấu hạ tầng thống nhất, bao gồm hệ thống giao thông, thông tin liên lạc, cấp điện, cấp thoát nước bảo đảm khai thác có hiệu quả cao nhất các xí nghiệp công nghiệp bố trí trong phạm vi hàng rào khu công nghiệp ;
- Có ban quản lý thống nhất của khu công nghiệp ;
- Khu dân cư, đô thị được bố trí ngoài hàng rào khu công nghiệp.

Việc hình thành các khu công nghiệp cho phép sử dụng tiết kiệm quỹ đất, giảm chi phí và tăng hiệu quả trong việc bảo vệ môi trường. Theo kinh nghiệm các nước, hình thành khu công nghiệp sẽ cho phép bố trí các loại hình khu công nghiệp trải ra trong một khu vực diện tích đủ rộng hàng trăm ha, tạo ra những sản phẩm có chất lượng cao, giá thành cạnh tranh. Nhờ vậy, các khu công nghiệp cũng cho phép tạo ra giá trị sản lượng cao, mỗi ha có thể tạo ra trị giá gia tăng hàng chục triệu USD. Các khu công nghiệp cũng cho phép xây dựng các xí nghiệp công nghiệp có thể thu hút nhiều lao động, bình quân mỗi ha có thể thu hút hàng trăm lao động. Tính trung

* PGS, TS, Phó viện trưởng Viện chiến lược phát triển

Digitized by Google

bình, nếu cả nước mở ra 5000 ha khu công nghiệp thì có khả năng tạo việc làm cho 1 triệu người lao động.

Trong sự nghiệp phát triển các khu công nghiệp, các khu cũ đều có nhược điểm chung là thiếu quy hoạch tổng thể hoặc có quy hoạch xây dựng đã lâu, chưa được điều chỉnh kịp thời. Vì thế, phần lớn các xí nghiệp công nghiệp bố trí trong các khu công nghiệp này đang hoạt động không có hiệu quả, sản xuất các sản phẩm chất lượng thấp và giá thành khá cao. Chẳng hạn, gang thép tại Thái nguyên hiện nay có giá thành đắt hơn hàng nhập khẩu tương đương khá nhiều. Thêm vào đó, những khu công nghiệp như Thượng đình (Hà nội), Biên hòa I (Đồng nai) đang hoạt động xen lẫn trong hoặc gần khu dân cư, gây ra ô nhiễm môi sinh khá nghiêm trọng. Vì thế, trong tương lai, vấn đề rất quan trọng là nâng cấp và hoàn thiện các khu hiện có. Trong một số trường hợp để giải quyết những vướng mắc về xử lý môi trường đôi khi người ta phải dời chuyển một vài xí nghiệp gây ô nhiễm nặng (về không khí, về nước thải, về tiếng ồn, v.v...) đi nơi khác. Tuy nhiên, việc xử lý này cần rất thận trọng vì nó liên quan đến sinh hoạt của hàng vạn cư dân vùng kế cận đang sinh sống dựa trực tiếp hoặc gián tiếp vào các khu công nghiệp này.

Trong phạm vi toàn lãnh thổ, việc xây dựng một số nhà máy công nghiệp riêng lẻ hoặc xen lẫn trên các vùng đô thị như các nhà máy giấy, nhà máy đường, v.v... là nhu cầu cần thiết. Do đó, cùng với việc bố trí lại các khu hiện có, chúng ta cũng cần xây dựng các xí nghiệp riêng lẻ, có thể tận dụng được những lợi thế so sánh và thuận tiện cho việc bố trí lao động và cư dân.

Đồng thời, nhu cầu xây dựng các khu công nghiệp tập trung theo quan niệm đã nêu, đang trở nên cấp bách. Trong quy hoạch phát triển các tỉnh, thành phố và vùng lãnh thổ, chúng ta đã dự kiến hình thành cả trăm khu công nghiệp lớn nhỏ. Vừa qua Thủ tướng chính phủ, sau khi xem xét các dự án trên các vùng kinh tế trọng điểm đã cho phép xây dựng sớm 33 khu công nghiệp tại cả Bắc, Trung và Nam và một số khu cụm công nghiệp ở các tỉnh, thành khác.

Việc lựa chọn ưu tiên và trình tự xây dựng các khu công nghiệp sẽ bảo đảm tính khả thi của các dự án này, bởi lẽ, chỉ với các dự án đã được ưu tiên đầu tư cũng đòi hỏi nhiều vốn và các điều kiện bảo đảm.

Ở nhiều tỉnh cũng đã chủ động đưa ra các dự án ưu tiên về xây dựng các khu công nghiệp, góp phần đẩy mạnh sự phát triển công nghiệp và dịch vụ có liên quan trên các địa bàn này. Về cơ bản, đó là những quan niệm đúng.

Thực hiện các dự án khu công nghiệp, trên nhiều tỉnh, thành đã tạo ra được nhiều khu công nghiệp, góp phần đẩy mạnh sự phát triển kinh tế ở địa phương. Khu chế xuất Tân thuận, khu chế xuất đầu tiên của nước ta đã được TP Hồ Chí Minh tập trung chỉ đạo. Sau 4 - 5 năm xây dựng đã có trên 100 xí nghiệp triển khai trên khu chế xuất này. Khu chế xuất Linh trung sau một số khởi động chậm ban đầu cũng đã có bước phát triển mới. Đặc biệt, ở các khu công nghiệp Hà nội, Hải phòng và nhất là ở vùng Đồng nai, Bình dương trong một vài năm đã hình thành gần 10 khu công nghiệp hứa hẹn có hiệu quả khá cao. Các khu này không chỉ xây dựng

Digitized by Google

nhanh mà còn thu hút nhanh các nhà đầu tư đến thuê đất và triển khai sản xuất. Một điển hình là nhà máy sản xuất máy tính của hãng Fujitsu trên khu công nghiệp Đồng nai II triển khai dự án trong 9 tháng và đã có thể xuất khẩu sản phẩm và sau khi khai trương đầu năm 1997 sẽ có thể xuất khẩu 480 triệu USD, tạo việc làm cho hơn 1500 công nhân trên một vùng đất chỉ 5 ha và xây dựng công nghiệp chỉ trên 8000 m^2. Bên cạnh nhiều điển hình làm ăn có hiệu quả, chúng ta cũng thấy không ít khu công nghiệp làm ăn khó khăn, thậm chí phải chuyển đổi như khu chế xuất Đồ sơn, khu chế xuất Sóc sơn, khu chế xuất Cần thơ, v.v...

Ở đây chúng tôi muốn bàn thêm về những điều kiện tiền đề cần chú ý để bảo đảm xây dựng các khu công nghiệp có hiệu quả.

Có hai nhân tố tác động đến hiệu quả : trong hàng rào và ngoài hàng rào khu công nghiệp.

Khi xây dựng các khu công nghiệp, người ta chú ý trước hết đến các tiền đề trực tiếp, đó là :

- Có *mặt bằng rộng rãi* để xây dựng các khu công nghiệp, thông thường từ vài chục ha đến hàng trăm ha. Các khu này cần được chọn ở vị trí thuận tiện cho xây dựng, nhưng hạn chế làm ảnh hưởng đến đất lúa ;

- Có điều kiện thuận lợi về *cấp điện*. Trong không ít trường hợp, như khu công nghiệp Nô-mu-ra (Hải phòng) hoặc khu công nghiệp Việt nam - Xin-ga-po (Bình dương) đã xây dựng nhà máy điện nội bộ công suất hàng chục Mê-ga-oát, đủ cung cấp cho khu và nếu thừa có thể bán lại cho lưới điện quốc gia ;

- Có khả năng cung cấp *nước sạch* cho sản xuất công nghiệp. Trong một số ít trường hợp, nhất là trong giai đoạn triển khai ban đầu có thể sử dụng hệ thống bơm nước ngầm, nhưng về lâu dài phải có hệ thống cấp nước mặt ổn định, còn nước ngầm nên được coi là dự phòng ;

- Có khả năng xây dựng hệ thống *bảo vệ môi trường*. Chẳng hạn cần xây dựng hệ thống xử lý nước thải, bao gồm hệ thống xử lý làm sạch để dùng nhiều lần hoặc tạo ra nước thải sạch trước khi cho thải ra hệ thống nước của khu vực, ra các sông ngòi. Kinh nghiệm của nhà máy làm bột ngọt VEDAN, khâu xử lý nước sạch chưa hoàn thiện đã triển khai sản xuất nên gây ra những hậu quả còn gây nhiều tranh cãi, đến nay rất đáng làm bài học về việc tuân thủ luật bảo vệ môi trường ngay từ khâu phê duyệt dự án. Hệ thống xử lý chất thải rắn và khói cũng phải được xem trọng, nhất là với các chất thải có hóa chất độc, có thể có tác động lâu dài đến môi trường xung quanh. Trong khu công nghiệp cần bố trí tỷ lệ xây dựng công nghiệp vừa phải, không quá 50% diện tích chiếm đất, để dành phần thích đáng cho khu cây xanh và hồ nước ;

- Có hệ thống *đường giao thông* nội bộ và nối ra đường quốc gia, có đường *liên lạc viễn thông* thuận lợi để khai thác có hiệu quả công trình. Khi xây dựng, cần tính đến việc triển khai sản xuất sau này sao cho thuận tiện, bố trí hợp lý *kho bãi, đường vận chuyển nguyên liệu và thành phẩm*.

Những yếu tố vừa nêu thường được các nhà quy hoạch rất chú ý khi xây dựng và phê duyệt dự án các khu công nghiệp. Nếu có những vi phạm này khác thì thường cũng thấy tác động khá sớm.

Digitized by Google

Tuy nhiên, đối với những tác động của các yếu tố bên ngoài hàng rào thì sự chú ý thường ít hơn và nếu có hệ quả xấu thì cũng phải có thời gian lâu mới nhìn thấy. Lý do của ảnh hưởng này ở chỗ các nhân tố ngoài hàng rào thường phụ thuộc vào cả sự phát triển khác, khó dự tính từ đầu khi xây dựng các khu công nghiệp. Tuy nhiên, những tác động tiêu cực này lại rất khó khắc phục. Có thể kể ra một vài nhân tố như sau :

- *Khu dân cư và đô thị kế cận :* Người lao động làm việc trong khu công nghiệp, dù là thanh niên, rồi cũng có gia đình, do đó xuất hiện nhu cầu nhà ở cho khu gia đình, và bệnh viện, trường học cho con trẻ, khu vui chơi giải trí, v.v... Những nhu cầu này không thể để chính quyền địa phương phải giải quyết, mà không có sự tham gia đóng góp của các xí nghiệp đóng trong khu công nghiệp ;

- *Cung cấp lao động :* Thông thường các khu công nghiệp được xây dựng xa các khu dân cư và đô thị hiện có. Thành thử, lao động có sẵn trong các khu đô thị kế cận không thể bảo đảm đủ. Lao động trực tiếp làm việc trên 1000 ha của các khu công nghiệp Bình dương (nam Sông bé) có thể lên tới 200 - 300 nghìn người, nhưng khả năng cung cấp tại chỗ chỉ chiếm 1/3. Vậy ai sẽ lo việc đào tạo lao động cho các khu công nghiệp này, khi mà ngay tại TP Hồ Chí Minh, trong 6 tháng đầu năm 1997 này cũng cần tới hàng vạn lao động qua đào tạo ;

- *Vận tải đô thị vùng quanh khu công nghiệp* cũng là vấn đề phải xử lý. Trong trường hợp khu công nghiệp nam Sông bé đã nêu, hằng ngày sẽ có hàng chục vạn người đi làm từ TP Hồ Chí Minh lên khu công nghiệp này, chắc chắn sẽ gây ra ách tắc giao thông trên quốc lộ 13 (hiện chỉ cho phép 2 làn xe) nếu con đường này không được mở rộng hoặc có đường thoát khác. Đối với vùng kinh tế trọng điểm phía bắc, về lâu dài, cần tính đến ảnh hưởng lan rộng ra cả vùng đồng bằng sông Hồng, và do đó ý nghĩa của cảng Hải phòng, Cái làn và cả cảng nước sâu Nghi sơn sẽ rất quan trọng, trong việc vận chuyển nguyên liệu và thành phẩm cho các khu công nghiệp và cả vùng.

Những yếu tố đã nêu trên cho thấy việc xử lý đòi hỏi nhiều thời gian và chi phí, nhất là khi không được dự liệu trước. Có thể nói, đây cũng là những yếu tố chưa được dự liệu sớm và đúng mức hiện nay.

Như vậy, việc phát triển các khu công nghiệp một mặt là cần thiết và là góp phần quan trọng cho tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Mặt khác, nếu không xử lý ngay từ đầu những điều kiện tiền đề cho phát triển các khu công nghiệp thì trong quá trình triển khai sẽ xuất hiện những nhân tố kìm hãm, thậm chí sẽ là khâu "thắt cổ chai" cho sự phát triển, đòi hỏi nhiều thời gian và chi phí để xử lý. Cuối cùng làm ảnh hưởng đến hiệu quả phát triển các khu công nghiệp này.

Ngoài ra vấn đề *quản lý các khu công nghiệp* từ khâu quy hoạch đến triển khai cũng cần được cải tiến, nhưng không làm phiền hà thêm cho các nhà đầu tư vì sự thiếu phối hợp giữa các cơ quan trong nước.

Việc huy động các *nhà đầu tư trong nước* từ mọi thành phần kinh tế tham gia xây dựng và khai thác các cơ sở hạ tầng khu công nghiệp và phát triển các xí nghiệp bên trong là những hướng rất đáng quan tâm, bổ sung cho nguồn *đầu tư nước ngoài*.❑

Digitized by Google

GÓP PHẦN TÌM HIỂU SỰ THAY ĐỔI MÔI TRƯỜNG NHÂN VĂN TRONG ĐÔ THỊ HÓA Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

TRẦN BẠCH ĐẰNG

DÂN tộc Việt nam có lịch sử nhiều ngàn năm văn hiến, trong đó giá trị nhân văn cao nhất là giải phóng dân tộc thoát khỏi kiếp nô lệ ngoại bang, giành độc lập cho Tổ quốc, tự do, hạnh phúc cho nhân dân, đồng thời xây dựng quan hệ hòa bình, hữu nghị với tất cả các dân tộc trên thế giới. Cho đến nay, giá trị này vẫn được phát huy trong bối cảnh quốc tế thật sôi động và phức tạp.

Xét trên những khía cạnh cụ thể và trong phạm vi đô thị hóa, trong mười năm qua từ sau đổi mới, môi trường nhân văn đã có những biểu hiện thuận nghịch dưới sự tác động mạnh mẽ của các nhân tố kinh tế - xã hội.

Chuyển sang kinh tế thị trường, mở rộng kinh tế đối ngoại, bước vào ngưỡng cửa của công nghiệp hóa, hiện đại hóa, dân cư đô thị Việt nam đến nay có khoảng 14,7 triệu người, chiếm 20% dân số [1] - một tỷ lệ còn khiêm tốn so với nhiều nước đang phát triển, chỉ tương đương với Nhật bản vào những năm hai mươi của thế kỷ này. Vậy mà, những mâu thuẫn nảy sinh do đô thị hóa đã được dư luận xã hội báo động, thậm chí phê phán gay gắt, trong đó có vấn đề "ô nhiễm môi trường nhân văn".

Từ chế độ kinh tế tập trung, bao cấp chuyển sang kinh tế thị trường là bước phát triển mạnh mẽ về lực lượng sản xuất đi đôi với sự hình thành quan hệ xã hội hợp lý hơn để kích thích tăng trưởng kinh tế. Đô thị là địa bàn chứng kiến sự hoạt động tấp nập của nhiều thành phần kinh tế - kinh doanh công, thương nghiệp, dịch vụ, đủ màu sắc trong quan hệ hợp tác và cạnh tranh quyết liệt. Sự phân tầng xã hội và phân hóa giàu nghèo diễn ra nhanh chóng nhưng nhìn chung, mức sống của dân cư đô thị được nâng lên rõ rệt. Tình trạng hưởng thụ văn hóa đồng nhất và hạn hẹp thời bao cấp được thay thế bằng sự phát triển nhiều hình thức tiêu dùng văn hóa phong phú, với các phương tiện nghe nhìn tiên tiến.

Về phương diện nhân văn, con người khắc phục được lối sống ỷ lại, trì trệ, trông chờ vào sự bao cấp của nhà nước, sự cứu trợ của tập thể. Vai trò của cá nhân không bị "hòa tan", "chìm lấp" trong cộng đồng, mà tự khẳng định giá trị tài năng của mình, phát huy tính năng động, sáng tạo với ý chí tự lực tự cường, vì lợi ích của bản thân và của xã hội.

Cùng với sự cải thiện đời sống, nhiều giá trị nhân văn truyền thống của dân tộc như : lòng nhân ái, tình thương yêu, đoàn kết dân tộc, gắn bó với gia đình, sống thủy chung v.v. được phát huy trong các phong trào "đền ơn đáp nghĩa", "xóa đói giảm nghèo", "giúp đỡ người tàn tật", "lạc quyên giúp đồng bào bị thiên tai", "tuyên dương những người con hiếu thảo", "ủng hộ nhân dân Cuba" v.v.

Diện mạo văn hóa đô thị đã khởi sắc. Văn hóa trong sản xuất - kinh doanh được nâng lên cả về mặt kiến thức lẫn nghệ thuật. Bộ mặt thị trường đẹp hẳn lên và người tiêu dùng được tôn trọng khác hẳn thời bao cấp. Văn minh kiến trúc được áp dụng rộng rãi. Con người đô thị ăn mặc đẹp hơn, giao thiệp lịch sự hơn.

Nhu cầu tiêu dùng văn hóa của cư dân đô thị tăng mạnh, đòi hỏi các hình thức thỏa mãn đa dạng hơn trước và mở rộng giao lưu văn hóa với thế giới.

Hưởng thụ văn hóa tại nhà (bằng truyền hình, vidéo, cassette v.v.) đã trở thành phổ biến trong đô thị. Điện ảnh trong nước đổi mới về nội

(1) Theo số liệu của Bộ xây dựng trong "Chiến lược phát triển đô thị thời kỳ 1996 - 2020"

Digitized by Google

dung và nghệ thuật. Nhiều bộ phim truyền hình nước ngoài có giá trị nhân văn và nghệ thuật được người xem tán thưởng (như : Cuốn theo chiều gió, Nô tỳ Isaura, ÔShin, Bao Công, Ngôi nhà nhỏ trên thảo nguyên...). Nhiều trào lưu mới trong giới trẻ thành phố như : nhạc nhẹ với âm thanh điện tử, biểu diễn thời trang, thi hoa hậu, hoạt động vũ hội, du lịch về nguồn, các cuộc thi "SV" của sinh viên được truyền hình v.v... Các hình thức sinh hoạt văn hóa khác như : chơi cây cảnh, ga-lơ-ry tranh, tập võ thuật, thể dục nhịp điệu cùng các đợt giao lưu về văn nghệ - thể thao trong và ngoài khu vực ASEAN đã cải thiện đáng kể môi trường nhân văn đô thị.

Sự gắn bó về tình cảm gia đình trong đô thị hóa ở Việt nam, tuy cũng chịu tác động của cơ chế thị trường nhưng vẫn có chiều hướng được củng cố. Đa số gia đình đô thị mới tách khỏi lối sống nông thôn chưa lâu và còn liên hệ chặt chẽ với bà con dòng họ ở quê hương, nên vẫn giữ được văn hóa gia đình truyền thống. Do phát triển phân công lao động và phân hóa xã hội nên nhiều gia đình có cơ hội làm giàu. Các thành viên trong gia đình phải sớm tự lập bằng năng lực bản thân và sự thành đạt rất khó dựa vào lý lịch, chức quyền của bố mẹ như thời bao cấp. Quan hệ gia đình ruột thịt là cơ sở đáng tin cậy của sự hợp tác chặt chẽ để đạt hiệu quả kinh tế cao trong môi trường kinh tế mới, trở thành "hạt nhân kinh tế - xã hội" ở đô thị. Truyền thống giúp đỡ tương trợ trong nội bộ gia đình khi khó khăn vẫn được củng cố dưới những hình thức và biểu hiện mới.

Như vậy, sự phát triển kinh tế thị trường ở đô thị cũng đã tạo ra những khả năng, phương tiện mới để củng cố và phát huy bản sắc nhân văn truyền thống của dân tộc. Đó là những khía cạnh tích cực vẫn được tiếp tục khai thác, và cần được duy trì, phát huy...

Cũng xin điểm qua vài nét về "Sự ô nhiễm môi trường nhân văn" trong các đô thị.

Kinh tế thị trường, với cơ chế vận hành khách quan của nó, lấy đồng tiền làm thước đo các hoạt động kinh tế, hiệu quả của nó cũng như quy mô thu nhập, tài sản và sức mạnh kinh tế. Khác với kinh tế tự cấp, tự túc ở nông thôn, sống ở đô thị mà không kiếm được tiền thì khó tồn tại. Để thỏa mãn nhu cầu đa dạng và không ngừng tăng lên của mình, mọi người đều cố gắng "kiếm được nhiều tiền". Cũng từ đó mà nẩy sinh những mặt tích cực và tiêu cực trong cách kiếm tiền và sử dụng đồng tiền.

Mấy năm qua, sản xuất hàng hóa trong nước phát triển mạnh, có nhiều mặt hàng truyền thống và hiện đại có thể cạnh tranh được trên thị trường. Điều đáng ngạc nhiên là khá nhiều danh xưng các công ty và mặt hàng Việt nam phải dùng tiếng nước ngoài để trình diện. Ở Nhật bản cũng như nhiều nước trong khu vực, người ta có thể phiên âm tên bằng chữ la tinh cho người nước ngoài dễ đọc, chứ không "đổi quốc tịch" cho những "đứa con thân yêu" của mình. Còn ở nước ta, nhiều người cho rằng có lấy tên Tây thì mới được coi trọng và hàng dễ bán vì người tiêu dùng có thói quen sùng ngoại. Khía cạnh thực dụng ở đây đã thủ tiêu niềm tự hào dân tộc - một giá trị nhân văn truyền thống của người Việt nam.

Trên lĩnh vực kinh tế, chúng ta còn thấy biết bao thủ đoạn gian dối, lừa đảo, tội lỗi để kiếm nhiều tiền : buôn lậu, trốn thuế, quỵt nợ, biển thủ, làm hàng giả v.v... "Sống chết mặc bay, tiền thầy bỏ túi" là phương châm hành động của những kẻ tha hóa về nhân cách, đạo đức, tự bôi nhọ nhân phẩm để thu đồng tiền bất chính.

Chúng ta cũng đặc biệt lưu ý đến khía cạnh nhân văn trong lĩnh vực sử dụng lao động. Nhiều doanh nghiệp lợi dụng tình trạng thừa lao động ở đô thị đã áp đặt giá công khoán rẻ mạt để ép buộc người lao động phải làm việc dưới hình thức tăng ca vô tội vạ, thực tế là 12-13 giờ/ngày mới đủ sống. Cực nhọc nhất có lẽ là mấy chục vạn lao động thừa ở nông thôn vào đô thị [2] mong có việc làm để nâng cao mức sống chủ yếu bằng lao động giản đơn, dịch vụ, phải sống tạm bợ, chung chạ, dễ nảy sinh tệ nạn xã

(2) Riêng TP Hồ Chí Minh hiện có 700 000 người nhập cư chưa có hộ khẩu thường trú, chưa kể 200 000 người từ ngoại thành ra vào thành phố để kiếm sống

Digitized by Google

hội. Gần đây, dư luận xã hội phẫn nộ trước những hành vi của một số nhà quản lý nước ngoài chà đạp nhân phẩm của người lao động Việt nam như : đánh đập tàn bạo, phạt quỳ, phơi nắng, bắt chui qua háng, quấy rối tình dục v.v...

Về lối sống đô thị, nhiều người làm giàu bất chính đã lao vào cuộc sống hưởng thụ sa đọa như : cờ bạc, nghiện hút, mại dâm..., tiêu thụ văn hóa phẩm đồi trụy, phi nhân tính. Cặn bã của lối sống phương Tây được những kẻ hám tiền lén lút nhập vào thị trường văn hóa đô thị đầu độc môi trường nhân văn bằng các loại băng hình kích động bạo lực, khiêu dâm, các loại sách dịch ca tụng lối sống trụy lạc, buông thả, vô trách nhiệm, tôn thờ đồng tiền và gây tội ác. Rất nhiều thanh thiếu niên phạm tội bởi nhiễm các văn hóa phẩm độc hại này. Sự tôn thờ đồng tiền bất chính đã hủy hoại phẩm giá một số cán bộ có chức có quyền ; họ phạm tội tham nhũng và còn gây nên biết bao sự oan trái, bất công trong xã hội.

Sự ô nhiễm môi trường nhân văn cũng diễn ra khá mạnh trong cuộc sống gia đình ở đô thị. Hiện tượng phân rã và suy yếu gia đình đang tăng lên, một mặt do đặc điểm của điều kiện sống ở đô thị, mặt khác do sự tác động của cơ chế thị trường. Kiểu gia đình kép - hai, ba thế hệ sống chung một mái nhà - không nhiều (3) làm suy giảm mối quan hệ truyền thống giữa các thế hệ về các mặt tình cảm, giáo dục, kinh nghiệm sống, làm nảy sinh vấn đề xã hội (như sự thiếu chăm sóc người già cô đơn). Đáng lo ngại hơn là mấy năm gần đây, những vụ án nội bộ gia đình đã tăng lên ở đô thị : anh em, con cháu, vợ chồng kiện nhau về tài sản, thậm chí có trường hợp đánh đập, giết hại nhau nữa. Số vụ ly hôn, ly thân tăng lên. Giáo dục gia đình bị xuống cấp. Hằng năm, tỷ lệ tội phạm thanh, thiếu niên chiếm từ 70 - 80 % trong cơ cấu tội phạm mà chủ yếu là ở đô thị, trong đó hơn 40 % trẻ em phạm tội có nguyên nhân vì gia đình. Trong số trẻ em hư (ăn cắp, nghiện hút, cờ bạc, mại dâm...) có hơn 60 % là do gia đình bỏ mặc và 29 % là do gia đình nuông chiều.

Chỉ cần phác họa vài nét về sự thay đổi môi trường nhân văn ở nước ta mấy năm qua, cũng đủ thấy nhiệm vụ bức xúc phải lành mạnh hoá lĩnh vực này trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đô thị hóa.

Giá trị nhân văn của dân tộc Việt nam cũng như các dân tộc khác trên từng bước phát triển của mình đều thể hiện sự kết hợp giữa tính truyền thống và tính hiện đại, giữa bản sắc dân tộc và tinh hoa nhân loại. Cái khó nhất và quý nhất là biết gạn đục khơi trong, tránh bảo thủ, đồng thời cũng tránh buông thả, tự đánh mất mình.

Đô thị Việt nam còn rất trẻ. Dân cư đô thị nhìn chung còn giữ được bản sắc nhân văn truyền thống của nền văn minh nông nghiệp lâu đời được thử thách qua những cao trào giải phóng dân tộc. Đó là một điểm mạnh cơ bản cần được khai thác trong giai đoạn mới.

Kinh nghiệm ở nước ta cũng như ở các nước cho biết : phải giải quyết đúng đắn quan hệ giữa cá nhân và cộng đồng. Phải biết chăm sóc, tôn trọng tài năng, sức sáng tạo, lợi ích chính đáng của từng cá nhân, nhưng không để nó phát triển thành chủ nghĩa cá nhân, ích kỷ bất chấp hoặc chống lại lợi ích của cộng đồng. Cùng với việc chăm sóc và đề cao giá trị nhân văn của từng cá nhân, phải ra sức giải quyết các vấn đề xã hội, tạo môi trường xã hội lành mạnh để mọi người có điều kiện phát huy tính thiện, đấu tranh từ bỏ cái ác. Không thể quy mọi nguyên nhân suy thoái đạo đức cho cơ chế thị trường.

Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng : "Mỗi con người đều có cái thiện và cái ác ở trong lòng. Ta phải biết làm cho phần tốt ở trong mỗi con người nảy nở như hoa mùa xuân và phần xấu bị mất dần đi"(4). Chính vì vậy, Bác Hồ đã phát động phong trào "Người tốt, việc tốt".

Đầu tư để nâng cao giá trị con người Việt nam trong bước phát triển mới hiện nay trở thành vấn đề bức xúc. Kinh nghiệm của Nhật

(3) Theo một mẫu điều tra ở TP Hồ Chí Minh số gia đình có ông bà ở chung với con, cháu chiếm 21%

(4) Hồ Chí Minh : *Về công tác văn hóa văn nghệ*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1971, tr 91

Digitized by Google

bản và các nước đang phát triển trong khu vực cho biết : cần "thắt lưng buộc bụng" để tập trung đưa giáo dục lên ngang hàng với thế giới mới mong có những con người đủ sức tài làm chủ đất nước. Phát triển mạnh văn hóa nghệ thuật, thông tin đại chúng với nội dung tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc cũng là một cách hữu hiệu nâng cao giá trị con người và đấu tranh chống những cặn bã của văn hóa ngoại lai. Thời gian nhàn rỗi của dân cư đô thị đòi hỏi phải được thỏa mãn bằng sinh hoạt tinh thần lành mạnh, nếu không thì văn hóa phẩm độc hại sẽ thay thế.

Để tạo được môi trường nhân văn lành mạnh, vấn đề công ăn, việc làm là mối quan tâm hàng đầu. Số người chưa có việc làm ở đô thị hiện nay chiếm khoảng 7%, chưa kể số chưa đủ việc làm ở nông thôn sẵn sàng làm tăng tỷ lệ này ở đô thị. Cần lưu ý rằng thanh, thiếu niên không có việc làm dễ trở thành hư hỏng và gây ra tệ nạn xã hội, bởi vì : "nhàn cư vi bất thiện", "bần cùng sinh đạo tặc". Định hướng phát triển kinh tế cần kết hợp chặt chẽ với tạo thêm nhiều việc làm trong từng bước đi, đồng thời nâng cao tỷ lệ lao động qua đào tạo để đáp ứng tốt nhu cầu sức lao động cho phát triển, không nên để tình trạng tự phát về cung cầu trên thị trường lao động như hiện nay.

Quan hệ gia đình vẫn là khâu có nhiều tác dụng mạnh mẽ đối với mọi cá nhân trong việc phát huy giá trị nhân văn truyền thống từ thế hệ này sang thế hệ khác. Gia đình có vai trò rất lớn đối với sự hướng thiện và chống cái ác của mỗi thành viên. Không nên để cho đồng tiền biến tình cảm yêu thương ruột thịt thành quan hệ vị kỷ lạnh lùng. Cần tổ chức đời sống đô thị như thế nào đó để các thế hệ trong gia đình được sống gần gũi nhau, tương thân tương ái, khuyên bảo nhau, tuy vẫn độc lập về kinh tế. Ở Xin-ga-po, khi xây các chung cư, nhà nước khuyến khích bằng giá thuê đối với những thành viên gia đình muốn ở gần nhau. Đó là một kinh nghiệm quý.

Để lành mạnh hóa môi trường xã hội, không thể không nói đến quốc nạn tham nhũng vẫn đang trầm trọng. Nó có sức công phá mạnh vào thành quả kinh tế, cản trở sự phát triển xã hội, bôi nhọ nhân phẩm của những con người đại diện cho chế độ, tiếp tay đắc lực cho những tệ nạn xã hội khác. Trừng trị không nghiêm cũng có nghĩa là dung dưỡng. Mà đã là quốc nạn thì phải huy động sức mạnh toàn dân để trừ khử. Nếu bộ máy nhà nước chưa lành mạnh thì khó tổ chức được một xã hội lành mạnh.

Quy hoạch và quản lý tốt đô thị cũng là một biện pháp rất quan trọng để lành mạnh hóa xã hội đô thị. Tập trung dân cư quá đông đúc vào đô thị lớn, sẽ phát sinh nhiều vấn đề gay gắt cả về môi trường sinh thái lẫn môi trường xã hội. Điều kiện tài nguyên và lao động của Việt nam cho phép tổ chức nhiều đô thị nhỏ ở khắp vùng đất nước. Ma-lai-xi-a cũng cho ta kinh nghiệm này : "Phân phối đồng đều các khu vực công nghiệp cho từng địa phương".

Khác với quản lý nông thôn, quản lý đô thị đòi hỏi những quy định thật chặt chẽ đến từng chi tiết (cho đến việc xả rác, gây tiếng ồn, giao thông, phòng cháy chữa cháy, trật tự đường phố, ô nhiễm môi trường v.v.). Quy định nghiêm mà thực hiện cũng phải nghiêm bằng một bộ máy quản lý có trình độ, có hiệu lực cùng với sự tuân thủ tự giác của dân cư đô thị. Có lẽ, Xin-ga-po cũng cho ta bài học tốt về vấn đề này.

Còn nhiều vấn đề cần bàn trên khía cạnh môi trường nhân văn trong đô thị hóa, chưa thể đề cập hết được. Công nghiệp hóa, đô thị hóa góp phần giải quyết một số vấn đề xã hội, nhưng cũng phát sinh nhiều vấn đề mới quan hệ đến đời sống tinh thần của dân cư đô thị. Đầu tư cho phát triển kinh tế và đầu tư giải quyết các vấn đề xã hội có quan hệ qua lại khăng khít với nhau, nhưng là hai lĩnh vực khác nhau. Nếu đồng tiền có thể làm thước đo hiệu quả đầu tư kinh tế thì nó lại không thể đo được chính xác sự gia tăng, hay suy giảm giá trị nhân văn của con người trong xã hội. Chính vì vậy mà định hướng của chúng ta không chỉ có "dân giàu, nước mạnh" mà còn là "xã hội công bằng, văn minh". ❑

Digitized by Google

VÌ SAO CHỐNG THAM NHŨNG KÉM HIỆU QUẢ ?

LÊ XUÂN LƯU *

ĐẢNG và Nhà nước ta đánh giá tham nhũng là quốc nạn, là nguy cơ của đất nước. Việc chống tệ nạn này đã được triển khai mấy năm nay nhưng hiệu quả vẫn còn thấp, tình trạng tham nhũng có chiều hướng gia tăng.

Một câu hỏi được đặt ra : vì sao Đảng ta đã lãnh đạo nhân dân ta đánh thắng giặc ngoại xâm, kể cả những tên đế quốc đầu sỏ, mà nay với thứ "giặc nội xâm" này lại chưa đẩy lùi và chiến thắng được ?

Tìm câu trả lời không phải dễ, vì đây là một hiện tượng xã hội - đạo đức phức tạp nằm ngay trong nội bộ ta, nhưng không phải là không tìm được. Đây là trách nhiệm của mọi công dân và với tinh thần đó, tôi nêu lên mấy suy nghĩ.

Chúng ta thực hiện một nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đó là điều hợp quy luật. Thực tiễn trong mấy năm qua đã chứng minh rằng nền kinh tế nhiều thành phần, cơ chế thị trường đã góp phần tích cực đẩy mạnh sự phát triển của lực lượng sản xuất và thúc đẩy nền sản xuất phát triển. Nhờ vậy, đất nước đã thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và đã tạo ra những tiền đề cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Tuy vậy, bản thân nền kinh tế nhiều thành phần và cơ chế thị trường mang trong mình nó những yếu tố tạo môi trường thuận lợi cho việc nảy sinh và phát triển những tiêu cực xã hội. Trước hết nó *thúc đẩy chủ nghĩa cá nhân phát triển*, làm cho không ít người xa rời mục tiêu lý tưởng, bỏ quên lợi ích tập thể, cộng đồng, chỉ lo thu vén cá nhân, chạy theo đồng tiền bằng mọi giá. Nó làm nảy sinh tư tưởng địa vị, tìm kiếm quyền lực dựa vào chức quyền để vơ vét tài sản của nhà nước, của nhân dân. Đó là một trong những điểm chính yếu nhất thuộc nguồn gốc của tệ tham nhũng.

Song, để xem xét tại sao việc chống tham nhũng kém hiệu quả, để nó phát triển tràn lan, cần tìm ra những nguyên nhân cụ thể của nó. Có nguyên nhân trực tiếp và có nguyên nhân sâu xa.

Nguyên nhân trực tiếp là sự lãnh đạo, điều hành thiếu tích cực và triệt để, để cho những kẻ tham nhũng vô hiệu hóa các giải pháp đề ra.

Chúng ta biết rằng những kẻ tham nhũng là *những người trong bộ máy nhà nước* (hiểu theo nghĩa rộng bao gồm cơ quan đảng, nhà nước, các tổ chức kinh tế, các tổ chức xã hội), nắm tài sản của tập thể, của nhà nước, có chức có quyền, dựa vào chức quyền, lợi dụng vị trí công tác để tham nhũng. Họ có mặt khắp nơi, trên mọi lĩnh vực hoạt động của đất nước và ở mọi cấp. Trong số họ có người là viên chức thường, có người là cán bộ lãnh đạo quản lý một cơ quan, đơn vị... có nơi là cả một tập thể. Họ có mối quan hệ gắn bó với nhau từ cơ sở sản xuất kinh doanh đến cơ quan hành chính sự nghiệp và cả bộ máy có trách nhiệm duy trì luật pháp. Vì vậy, nó làm cho công tác chống tham nhũng không được thực hiện một cách tích cực và triệt để. Điều này cũng dễ hiểu vì *không bao giờ kẻ tham nhũng lại chống lại bản thân họ*. Thực tiễn trong mấy năm qua đã chứng minh điều đó.

Chẳng những kẻ tham nhũng không nghiêm chỉnh thực hiện nghị quyết, chỉ thị mà còn dựa vào những sơ hở để tìm cách luồn tránh, che đậy, chống lại và hoàn thiện biện pháp, thủ đoạn nhằm tiếp tục tham nhũng. Họ lắm mưu nhiều kế, tìm cách *tập hợp lực lượng, tạo phe cánh* bảo vệ nhau, nhất là tìm mọi cách tranh thủ cho được cấp trên để có ô dù che chắn. Không ít người đã trở thành tù

* GS triết học

Digitized by Google

bình của họ. Mặt khác, bằng nhiều thủ đoạn trực tiếp và gián tiếp họ cô lập, trung lập hóa những người trung thực, trù dập và loại bỏ những ai tích cực đấu tranh chống lại họ. Họ tìm cách làm cho dân chủ nội bộ, sinh hoạt *phê bình* và *tự phê bình* không còn thực chất để không ai có điều kiện tiếp cận và phanh phui những việc làm tội lỗi của họ. Họ làm cho nguyên tắc tập thể lãnh đạo chỉ còn là hình thức để chi phối việc bố trí cán bộ, dễ bề tạo phe cánh và gạt bỏ đối thủ của mình.

Trong lúc đó công tác chống tham nhũng lại thiếu những biện pháp tích cực, triệt để và chưa dựa được vào những người trung thực và quần chúng nhân dân.

Do tham nhũng nên nhiều người đã giàu lên một cách nhanh chóng, có cuộc sống vương giả, thế nhưng đến nay ta vẫn chưa có được biện pháp hữu hiệu để ngăn chặn. Việc yêu cầu cán bộ, đảng viên báo cáo tài sản và nguồn gốc thu nhập là cần thiết để ngăn ngừa tiêu cực, bảo vệ cán bộ đảng viên, bảo vệ sự trong sạch của Đảng. Việc xử lý nghiêm minh đối với những kẻ tham nhũng và tài sản bất minh là để bảo vệ luật pháp, bảo vệ kỷ cương phép nước, bảo vệ đạo đức là việc làm đầy tính nhân văn. Thế nhưng ta chưa làm được như vậy.

Cơ quan chức năng thường đòi hỏi người tố giác tham nhũng phải có đầy đủ chứng cứ nhưng tự mình thì ít tiến hành những cuộc điều tra từ những đơn tố giác. Nhiều trường hợp được phát hiện rồi nhưng lại không được xử lý nghiêm minh. Một khi kẻ tham nhũng vẫn tồn tại, người tố cáo không được bảo vệ, thì họ sẽ phải gánh chịu sự trả thù bằng cách này hay cách khác của bọn tham nhũng.

Những nguyên nhân trực tiếp này đã làm cho cán bộ đảng viên trung thực, quần chúng nhân dân mất lòng tin, từ đó mà giảm nhiệt tình trong cuộc đấu tranh chống tội ác này.

Nguyên nhân sâu xa nằm ngay trong công tác tư tưởng và công tác tổ chức của Đảng.

Nói như vậy không phải là phủ nhận những thành quả lớn lao của công tác tư tưởng và công tác tổ chức. Chúng ta đều biết cuối những năm 80, đầu những năm 90, chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên xô và các nước Đông Âu sụp đổ, nhưng Việt nam vẫn giữ vững con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa đã lựa chọn và thực hiện thành công sự nghiệp đổi mới đưa đất nước ngày càng ổn định và phát triển. Đây là một thắng lợi to lớn trong đó công tác tư tưởng và công tác tổ chức đã có sự đóng góp xứng đáng.

Thế nhưng *trên lĩnh vực chống tham nhũng, công tác tư tưởng và công tác tổ chức đã có nhiều điều bất cập và có cả những chủ trương chưa thật phù hợp với định hướng xã hội chủ nghĩa của cuộc cách mạng nước ta trong thời kỳ quá độ.*

Định hướng xã hội chủ nghĩa là một vấn đề cơ bản trong đường lối của cách mạng nước ta. Nó đòi hỏi công tác tư tưởng phải quán triệt sâu sắc phương hướng chính trị - giai cấp trong công tác xây dựng con người.

Trong điều kiện phát triển nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường và mở cửa, định hướng xã hội chủ nghĩa đòi hỏi công tác tư tưởng trong xây dựng con người xã hội chủ nghĩa phải nắm vững những phương hướng chủ yếu sau đây : Xây dựng chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa, chống mọi biểu hiện xa rời mục tiêu lý tưởng cách mạng ; xây dựng đạo đức xã hội chủ nghĩa, giáo dục sâu sắc các quan điểm đúng đắn về làm giàu, về mối quan hệ giữa con người với nhau về hưởng thụ... để làm cơ sở cho việc xác định lẽ sống và lối sống ; xây dựng chủ nghĩa tập thể, chống chủ nghĩa cá nhân ; xây dựng tinh thần cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư, chống tham ô, lãng phí.

Định hướng xã hội chủ nghĩa đòi hỏi phải chăm lo xây dựng đạo đức xã hội chủ nghĩa cho con người. Đạo đức đó là đạo đức xây dựng trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lê-nin và truyền thống tốt đẹp của dân tộc, được kết tinh ở Hồ Chí Minh, con người tiêu biểu cho đạo đức mới của con người Việt nam, mà nội dung là : Trung với Đảng, với nước ; hiếu với dân ; nhân ái ; cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư ; khiêm tốn, giản dị.

Đảng và Nhà nước khuyến khích mọi người làm ra thật nhiều của cải cho mình và cho xã hội, nhưng phải bằng lao động chân chính của mình và giàu sang về của cải phải đi đôi với sự trong sáng của đạo đức và tâm hồn.

Digitized by Google

Giá trị con người không phải ở túi tiền mà ở trí tuệ, tâm hồn và đạo đức của con người. Đồng tiền chỉ có giá trị khi nó do lao động chân chính của mình làm ra. Đồng tiền đó đưa lại hạnh phúc cho con người. Nhưng đồng tiền kiếm được bằng con đường bất chính như tham nhũng, buôn lậu thì nó chỉ tàn phá con người, đưa lại bất hạnh cho con người.

Hưởng thụ là động lực thúc đẩy con người lao động sản xuất. Nhưng nếu vì hưởng thụ mà chạy theo đồng tiền bằng mọi cách đánh mất đi những giá trị tinh thần, đạo đức, quên đi trách nhiệm lao động cống hiến thì con người chỉ là một thây ma.

Công tác tư tưởng cần nhiệt thành cổ vũ cho tư tưởng đạo đức xã hội chủ nghĩa, đề cao mọi tư tưởng đạo đức có lợi cho lao động sáng tạo, phát triển nền sản xuất, đoàn kết dân tộc và tiến bộ xã hội, hướng tư tưởng đạo đức tới chân, thiện, mỹ và chống lại sự giả dối, cái ác, cái xấu do kinh tế thị trường gây ra.

Định hướng xã hội chủ nghĩa đòi hỏi phải xây dựng chủ nghĩa tập thể, chống chủ nghĩa cá nhân. Nền kinh tế mà chúng ta xây dựng hiện nay gồm nhiều thành phần nhưng lấy sở hữu nhà nước, sở hữu tập thể làm nền tảng. Coi nhẹ hoặc bỏ quên xây dựng chủ nghĩa tập thể thì sự nghiệp khó thành công. Cái cốt lõi của con người xã hội chủ nghĩa mà chúng ta xây dựng là chủ nghĩa tập thể cao đẹp. Cái cao đẹp đó không chiếm lĩnh thì chủ nghĩa cá nhân lấn át.

Chủ nghĩa cá nhân dẫn con người đến những hành vi tiêu cực, tội lỗi. Nó thúc đẩy những người kém giác ngộ chạy theo đồng tiền bằng cách : buôn lậu, làm hàng giả, trốn thuế, lừa đảo trong buôn bán, trong vay tiền ngân hàng. Nó thúc đẩy những viên chức không chịu rèn luyện trong bộ máy nhà nước tham nhũng và chạy theo quyền lực.

Chống chủ nghĩa cá nhân là chống cái ác, cái xấu mà chủ nghĩa cá nhân đem lại cho con người, làm cho con người tốt đẹp và có điều kiện để phát triển chứ không phải dày xéo lên con người, coi nhẹ lợi ích cá nhân. Chính chế độ mà chúng ta xây dựng là chế độ coi trọng lợi ích chính đáng của cá nhân và bảo đảm cho nó được thỏa mãn một cách đúng đắn nhất.

Phấn đấu đi lên chủ nghĩa xã hội từ một đất nước kém phát triển là một sự nghiệp đầy khó khăn và gian khổ. Sự nghiệp đó chỉ có thể thành công khi công tác tư tưởng xây dựng và phát động được tinh thần cần kiệm xây dựng đất nước của mọi công dân, làm cho mọi người thấy rõ tham ô, lãng phí là tội ác, là điều sỉ nhục, cần kiệm là một phẩm chất cao đẹp.

Cần khẳng định rằng trong những năm qua, công tác tư tưởng đã có nhiều cố gắng và làm được nhiều việc không nằm ngoài những vấn đề trên. Thế nhưng công tác tư tưởng vừa qua còn có biểu hiện thiếu sâu sắc, một số vấn đề còn bất cập, có vấn đề còn quá mờ nhạt và có cả vấn đề hình như còn vắng bóng.

Chẳng những thế, các phương tiện thông tin đại chúng với những nội dung hằng ngày được đưa ra bên cạnh những tác động tích cực, thì do chạy theo thị hiếu tầm thường hoặc do thiếu thận trọng đã để xảy ra cả những trường hợp đáng tiếc, tác động tiêu cực đến đạo đức và lối sống của con người.

Quảng cáo là hoạt động cần thiết vì nó gắn liền với nền sản xuất hàng hóa, nhưng phải biết chọn lọc. Phương tiện thông tin đại chúng là nơi truyền đạt tiếng nói của Đảng và Nhà nước ta, là công cụ để xây dựng con người, cho nên không thể truyền bá những kiểu sinh hoạt, những hình ảnh có tính khêu gợi, kích thích đua đòi thú ăn chơi, tiêu xài, chạy theo lối sống "vật chất", "dục vọng" của phương Tây.

Chức năng giáo dục của công tác tư tưởng đòi hỏi các phương tiện thông tin đại chúng thực hiện tốt phương thức kết hợp xây và chống trong xây dựng con người, xây cái đúng, cái tốt, chống cái sai, cái xấu và tuyệt nhiên không vì một cái gì, nhất là vì đồng tiền mà truyền bá những điều trái với truyền thống đạo đức tốt đẹp và tâm hồn của con người Việt nam.

Công tác tổ chức cán bộ của Đảng và Nhà nước ta trong những năm qua đã có đóng góp đáng kể, là một trong những yếu tố quyết định làm nên thắng lợi của sự nghiệp đổi mới. Tuy nhiên, việc quán triệt định hướng

Digitized by Google

xã hội chủ nghĩa trong công tác tổ chức cũng chưa đầy đủ, còn có những tồn đọng cần khắc phục.

Trước hết, đó là việc kinh doanh của con em cán bộ, nhất là cán bộ cao cấp. Điều lệ Đảng quy định đảng viên không được bóc lột. Thế nhưng, một số con em cán bộ cao cấp đang là những nhà kinh doanh giàu lên nhanh chóng. Có những người chạy ra nước ngoài kinh doanh và không đóng góp gì cho đất nước. Một số nắm những công tác béo bở trong nước nên có nhiều thuận lợi trong việc lựa chọn ngành kinh doanh, tạo cơ sở hạ tầng, vay vốn và nhất là có điều kiện nắm bí mật kinh tế của quốc gia để xoay xở làm ăn. Tình hình này gây ra bất công và bất bình trong xã hội.

Chế độ phân phối chưa bảo đảm được công bằng. Chúng ta đề ra nguyên tắc phân phối theo lao động nhưng thu nhập thực tế của cán bộ đương chức không phải chỉ có đồng lương. Không ít viên chức nhà nước biến công vụ thành công cụ để kiếm chác. Một số ngành, cơ quan không có chức năng kinh doanh cũng tổ chức ra công ty này, công ty nọ hoặc tận dụng mọi phương tiện của cơ quan làm dịch vụ để kiếm thêm chia nhau. Tệ nạn "phong bì" trong các ngày lễ hội, các cuộc họp, quà cáp vào các ngày lễ, tết tràn lan. Những điều này gây ra bất công giữa các loại cán bộ, giữa đương chức và nghỉ hưu. Từ bất công làm nảy sinh bất bình và làm cho một số người không muốn nghỉ hưu.

Thứ hai là chế độ tuyển lựa công nhân viên chức thiếu quy chế chặt chẽ. Nguyên tắc tập thể lãnh đạo ở nhiều nơi chỉ là hình thức nên kẻ tham nhũng dễ xếp người để tạo phe cánh. Cải cách hành chính mà không tập trung vào phát hiện và loại trừ tham nhũng ra khỏi bộ máy thì cải cách khó thành công.

Thứ ba là luật pháp chưa đầy đủ và đồng bộ, chưa bao quát hết các lĩnh vực hoạt động của đất nước để quy định hành lang hoạt động và hành vi cho mọi con người, quy định tội danh và mức xử phạt để ràng buộc con người và dễ bề xét xử.

Thứ tư là công tác chống tham nhũng đã thiếu chỗ dựa vững chắc trong khi những kẻ tham nhũng biết lôi kéo, tranh thủ lực lượng, biết tìm chỗ dựa và biết phân hóa cô lập, trung lập hóa những người trung thực chống lại họ.

Thứ năm là tiền lương quá thấp. Cải cách tiền lương đã mấy năm rồi, giá cả đã tăng lên khoảng 30% nhưng đồng lương không thay đổi kịp. Tiền lương không đủ sống làm nảy sinh nhiều tiêu cực. Chất xám chảy ra ngoài, cán bộ viên chức phải kiếm việc làm thêm để thêm thu nhập, không tập trung trí tuệ sức lực vào thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình và có người trước khó khăn của đời sống không làm chủ được mình đã đi vào con đường bất chính.

Giải quyết tốt vấn đề phân phối là yếu tố bảo đảm công bằng xã hội và tạo ra động lực để phát huy con người trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước và góp phần quan trọng vào công cuộc chống tiêu cực, chống tham nhũng. Tuy có khó khăn nhưng là một việc có thể làm được nếu thực hiện một cách đồng bộ : tăng lương đi đôi với triệt để chống tham nhũng, lãng phí : xóa bỏ bao cấp, xóa bỏ chế độ "phong bì"; nghiêm cấm quà cáp, đồng thời giảm mạnh biên chế nhà nước đi đôi với thay đổi phong cách làm việc.

Không ai nghĩ rằng đấu tranh chống tham nhũng là một việc làm dễ dàng, nhất là khi nó đã trở thành một tệ nạn tràn lan, nhưng không phải là không làm được. Ở các nước tư bản, tham nhũng là bản chất của chế độ. Trong xã hội ta, tham nhũng không phải là bản chất của chế độ, mà là sự tha hóa của một bộ phận cán bộ, đảng viên, viên chức nhà nước. Tuy vậy, ta cũng không nghĩ rằng chống tham nhũng rồi chúng ta sẽ có một xã hội trong đó mọi người đều trong sáng, không chút vẩn đục. Điều đó sẽ là không tưởng vì một khi còn nền kinh tế nhiều thành phần, cơ chế thị trường thì còn cơ sở khách quan cho tệ tham nhũng phát sinh. Nhưng chúng ta có thể hạn chế đến mức thấp nhất nếu công tác chống tham nhũng được lãnh đạo và điều hành một cách tích cực đến nơi, đến chốn, *làm tốt công tác tư tưởng, công tác tổ chức* và *biết dựa vào nhân dân.*❑

Digitized by Google

VĂN HÓA LUẬT PHÁP – TRUYỀN THỐNG VÀ BÀI HỌC HÔM NAY

ĐẶNG CẢNH KHANH *

I - Ổn định xã hội từ một nền văn hóa luật pháp

Không còn nghi ngờ gì nữa, trong những điều kiện của xã hội hiện đại, pháp luật ngày càng có ý nghĩa quan trọng. Nó góp phần vào việc điều chỉnh các mối quan hệ chính trị, kinh tế, văn hóa, đạo đức.. giữa con người với con người, tạo cơ sở cho sự ổn định xã hội.

Tuy nhiên, không thể có một xã hội sống trên luật pháp nếu không có được một nền văn hóa luật pháp, một nền văn hóa mà trong đó mỗi công dân sẽ được trang bị đầy đủ những kiến thức cần thiết để suy nghĩ và hành động theo luật pháp.

Chúng ta đều biết vào thời kỳ cường thịnh nhất của nho giáo ở Việt nam, trong khi người ta đang tranh luận với nhau khá quyết liệt về việc nên dùng đạo đức hay dùng luật pháp để điều hành xã hội thì Nguyễn Trãi viết :

"Văn trị chung tu chí thái bình"

Có nghĩa là dù đức trị, pháp trị hay bất kỳ phương thức cai trị nào đi chăng nữa thì điều quan trọng hơn tất cả vẫn phải là xây dựng được một nền văn hiến chung. Chỉ có một nền tảng văn hiến cao, bao hàm trong đó cả những kiến thức văn hóa về luật pháp người ta mới có được những điều kiện để chung tu một xã hội thái bình và ổn định.

Lời khẳng định của Nguyễn Trãi cách đây gần sáu trăm năm đến nay vẫn còn có giá trị thực tiễn.

Một nền văn hóa luật pháp chỉ có thể được hình thành phát triển và củng cố trên cơ sở của rất nhiều yếu tố, nhưng quan trọng nhất, theo chúng tôi là ở những điểm sau đây :

Thứ nhất, một hệ thống pháp luật chặt chẽ, hợp lý, nhân đạo và phù hợp với xu hướng phát triển tiến bộ của xã hội.

Thứ hai, trình độ nhận thức, hành động và sự ủng hộ của mỗi người dân đối với pháp luật. Nói một cách khác, mỗi người dân đều phải là những người có văn hóa cao trong tư duy pháp luật.

Thứ ba, một cơ chế hoàn thiện trong việc thực thi luật pháp, khuyến khích việc chấp hành đầy đủ luật pháp và không để lọt lưới các hành vi sai lệch.

Với cách đặt vấn đề như trên, việc giáo dục luật pháp cho công dân có thể được coi là một trong những lĩnh vực quan trọng nhất của nền văn hóa luật pháp. Các nhà tư tưởng theo quan điểm pháp trị trước đây đều rất coi trọng công việc tuyên truyền và giáo dục pháp luật. Cả Hàn Phi tử, người được coi là sáng lập và truyền bá học thuyết pháp trị lẫn những người trực tiếp thực thi học thuyết pháp trị như Thương Ưởng, Lý Tư... đều khẳng định rằng không thể kết tội một người nếu người đó chưa được dạy dỗ đầy đủ về những điều khoản và quy ước của luật pháp . Khép tội một người trong khi không giáo huấn cho họ về pháp luật, khi họ không ý thức được hậu quả tội lỗi trong hành vi của mình có thể bị coi là một điều trái với đạo lý.

Ngày nay, trong những điều kiện của xã hội hiện đại, với sự phức tạp ngày càng tăng của các mối quan hệ xã hội, bên cạnh các biện pháp củng cố hiệu lực của bộ máy luật pháp, vấn đề giáo dục nhận thức pháp luật và ý thức công dân bao giờ cũng được đặt lên hàng đầu đối với mỗi quốc gia. Thực tế đã chỉ ra rằng, xã hội càng hiện đại, con người càng cần phải nắm vững những kiến thức chủ đạo quy định những mối quan hệ giữa họ với nhau, giữ được sự cân bằng và hợp lý giữa cá nhân và cộng đồng, giữa quyền lợi

* PGS, PTS, Viện trưởng Viện nghiên cứu thanh niên

Digitized by Google

và nghĩa vụ. Nói cách khác, xã hội càng văn minh, con người càng phải học hỏi và nắm vững được những cách thức đúng đắn nhất để sống với nhau một cách nhân ái. Có thể nói, những kiến thức về luật pháp là cơ sở cần thiết và căn bản để ngăn chặn những hành vi vi phạm pháp luật, nó giúp cho mỗi cá nhân tìm thấy sự tự do và tự giác trong hoạt động của mình bên cạnh những người khác. Chính vì vậy mà nhiều nhà nghiên cứu đã cho rằng sự nhận thức pháp luật là phương thức đúng đắn để tìm thấy tự do trong hành động.

Ở nước ta, công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa đang đòi hỏi ngày càng cao vai trò của pháp luật. Trên thực tế, chính những sự lúng túng của chúng ta trong việc xây dựng hệ thống các văn bản luật, sự lỏng lẻo trong việc thực thi luật pháp từ khâu xét xử cho đến khâu thi hành án và đặc biệt sự thiếu hiểu biết trong tư duy và hành động theo luật pháp của công dân, đã cho thấy con đường để đi tới một xã hội công dân, sống và làm việc theo luật pháp, quả thực là không đơn giản. Xây dựng một nền văn hóa luật pháp rõ ràng ngày càng trở nên cần thiết hơn.

II - Từ giáo dục luật pháp đến giáo dục ý thức luật pháp cho thanh, thiếu niên

Thanh, thiếu niên là đối tượng quan trọng nhất của việc giáo dục luật pháp. Trước hết vì luật pháp đối với họ là mới mẻ hơn đối với những đối tượng cao tuổi khác. Thứ nữa họ là lực lượng nhạy cảm, năng động và dễ bị thương tổn nhất trong mối quan hệ với luật pháp.

Nếu nhận thức luật pháp là nền tảng cho việc thực thi luật pháp, thì việc tăng cường giáo dục luật pháp cho thanh, thiếu niên có thể được coi là việc làm quan trọng, nhằm mở rộng phạm vi các hoạt động tự do và tự giác của họ trong khuôn khổ của cuộc sống pháp luật. Về phương diện này, nâng cao nhận thức pháp luật của thanh, thiếu niên chính là con đường đúng đắn nhất để xây dựng một nền văn hóa luật pháp.

Bất kể trong trường hợp nào, nói về giáo dục luật pháp, trước hết vẫn là phải giáo dục những nội dung của văn bản luật cho thanh niên. Trong những năm gần đây, dưới áp lực của cuộc sống thường ngày, của những lao động và đấu tranh trong môi trường phức tạp và đầy xáo động của nền kinh tế sản xuất hàng hóa, rất nhiều thanh niên đã buộc phải nghiên cứu, tìm hiểu về luật pháp. Chính điều đó đã giúp họ chủ động và năng động vươn lên, vượt qua những khó khăn và phức tạp của cuộc sống hằng ngày để tìm thấy chỗ đứng của mình trong sự đổi mới của xã hội.

Những cuộc điều tra về các chủ doanh nghiệp tư nhân, trong đó có nhiều doanh nghiệp trẻ đã cho thấy hầu hết các chủ doanh nghiệp làm ăn phát đạt đều là những người có kiến thức và hiểu biết khá sâu sắc về pháp luật. Nắm vững luật pháp được coi là một trong những bí quyết thành công quan trọng đối với họ.

Tuy nhiên, có thể nói phần đông thanh thiếu niên ta vẫn chưa có được những kiến thức pháp luật cần thiết để vào đời. Nhiều người trong số họ chỉ khi bị kết án mới vỡ lẽ rằng mình đã phạm vào những tội tầy đình. Rất nhiều người khác, chỉ thực sự bắt tay vào nghiên cứu pháp luật khi đã ở trong cảnh tù đày. Thật đáng sợ khi hằng ngày chúng ta bị bao vây bởi một bầu không khí của những người thiếu hiểu biết về luật pháp, bởi sự rình rập và đe dọa của những hành vi sai lệch một cách vô ý thức.

Có lẽ chưa bao giờ chúng ta lại có những điều kiện tốt đẹp và đầy đủ như hiện nay trong việc xây dựng và hoàn thiện một hệ thống pháp luật cũng như đưa pháp luật vào trong cuộc sống hằng ngày. Trong thời gian qua Quốc hội ta đã thông qua và trong tương lai sẽ còn thông qua nhiều bộ luật mới mà trong đó hàm chứa rất nhiều những nguyên tắc và quy chuẩn đối với hoạt động sống của mỗi con người. Bởi vậy, những nội dung cần thiết của việc giáo dục luật pháp cũng trở nên to lớn, nhu cầu nâng cao nhận thức luật pháp cho thanh niên cũng ngày càng khẩn thiết hơn.

Nội dung giáo dục pháp luật cho thanh niên cũng không thể chỉ dừng lại ở những kiến thức thuần túy luật pháp mà còn phải mở rộng tới rất nhiều những vấn đề có liên quan, trong đó quan trọng nhất là giáo dục ý thức luật pháp.

Cần phải chú ý nhiều tới khía cạnh giáo dục ý

Digitized by Google

nghĩa đạo lý của luật pháp cũng như của việc thi hành luật pháp. Người xưa khi nói về luật pháp bao giờ cũng rất coi trọng việc giải thích những cơ sở đạo đức cũng như tính hợp lý của luật pháp. Khổng Tử khuyên các nhà lập pháp rằng : "Nếu tự mình giữ theo chính đạo thì chẳng đợi ra lệnh dân cũng ăn ở đúng phép, còn tự mình chẳng giữ theo chính đạo thì dẫu ra lệnh trói buộc dân, họ cũng không theo" (sách Luận ngữ, Tử Lộ, 6). Ông cũng nhấn mạnh thêm : "Nhà cầm quyền nếu chuyên dùng pháp lệnh mà dẫn dắt dân, chuyên dùng hình phạt mà trị thì có thể dân sợ mà chẳng dám phạm pháp đó thôi chứ họ nào biết xấu hổ vì phạm tội. Vậy muốn dẫn dắt dân, phải dùng đức hạnh, muốn trị dân phải dùng lễ tiết, thì chẳng những dân biết tội lỗi là đáng xấu hổ mà họ còn được cảm hóa mà trở nên tốt lành" (Sách Luận ngữ, vi chính tiết 3).

Điều đó giải thích tại sao có rất nhiều kẻ phạm tội khi được giáo huấn đầy đủ đã hiểu biết về tội lỗi của mình và sẵn sàng nhận lĩnh những hình phạt mà không hề chống đối và ca thán. Nhiều người đã tự day dứt và hổ thẹn suốt đời với những hành vi sai phạm của mình.

Cha ông chúng ta khi xây dựng luật pháp để trị nước bao giờ cũng chú ý xem luật pháp đó có phù hợp với "thiên thời, địa lợi, nhân hòa", tức là có thuận với đạo lý và lòng người hay không, coi đó là cơ sở cho việc xây dựng ý thức chấp hành luật pháp. Sử gia Phan Huy Chú trong khi đề cao mặt đạo lý trong các điều luật trị nước đã nhận xét : "Hình của nhà Lý thì lỗi ở khoan rộng, hình của nhà Trần thì lỗi ở nghiêm khắc" và cho rằng do biết dựa vào đạo lý và lòng người mà luật của thời Hồng Đức, nhà Lê : "thật là cái mẫu mực để trị nước, cái khuôn phép để an dân" (1).

Luật pháp của chúng ta ngày nay, dựa trên nền tảng của một chế độ tiến bộ và nhân đạo. Nó không nhằm bảo vệ quyền lợi cho giai cấp thống trị cũng như cho một nhóm người giàu có và quyền thế trong xã hội mà phục vụ cho quyền lợi của số đông những người lao động. Chính vì vậy, về cơ bản, nó không những không mâu thuẫn mà còn phù hợp với nhu cầu sống chung của toàn xã hội, được sự chấp nhận và ủng hộ của đông đảo nhân dân. Điều đó tạo thành cơ sở đạo lý cho luật pháp, là chỗ dựa cho việc nâng cao ý thức chấp hành luật pháp. Về phương diện này, có thể nói do tính chất tiến bộ và nhân đạo của mình, luật pháp của chúng ta có khả năng tạo ra ý thức tự giác chấp hành và tuân thủ luật pháp cao hơn mọi loại luật pháp chỉ bảo vệ quyền lợi cho những cá nhân và những nhóm người riêng lẻ khác.

Với cách hiểu như trên, một trong những nội dung quan trọng của việc giáo dục ý thức pháp luật cho thanh niên chính là phải giúp họ nhận thức được tính hợp lý cũng như bản chất tiến bộ và nhân đạo trong luật pháp của chúng ta, tạo cơ sở cho họ chủ động, tự do và tự giác trong mọi hoạt động sống của mình. Ở đây, luật pháp không tồn tại như một yếu tố tự thân mà có sự kết hợp nhuần nhuyễn và sâu sắc với các giá trị đạo đức, với tình cảm nhân ái và lành mạnh giữa con người với con người trong xã hội.

III - Hướng tới những phương thức năng động

Vấn đề cốt lõi của việc nâng cao nhận thức pháp luật cho thanh niên không phải chỉ ở nội dung của việc giáo dục mà còn ở phương thức để đưa những nội dung này vào cuộc sống thực tiễn. Nói một cách khác, phải tìm những phương thức hợp lý và năng động để xã hội hóa những nội dung trên.

Thời gian gần đây, các nhà giáo dục đã nói nhiều tới những hình thức đa dạng của việc xã hội hóa giáo dục. Mặc dù có rất nhiều ý kiến còn cần phải được tranh luận và làm sáng tỏ thêm, nhưng thực tế ngày càng cho thấy chúng ta không thể duy trì mãi những phương thức giáo dục cổ điển và cứng nhắc trước đây trong những điều kiện mới.

Sự đa dạng hóa các phương thức giáo dục trong đó có giáo dục pháp luật cho thanh, thiếu niên có nghĩa rằng các nhà giáo dục nói chung cũng như những hình thức giáo dục chính quy sẽ không còn giữ vai trò độc quyền của mình trong giáo dục. Về

(1) Phan Huy Chú : *Lịch triều hiến chương loại chí*, Nxb Sử học, Hà nội, 1961, t 3, tr 94

Digitized by Google

phương diện này, có thể hiểu rằng mọi hình thức mang lại sự hiểu biết và nâng cao sự nhận thức của con người đều mang ý nghĩa lớn lao của sự giáo dục, đều cần phải được vận dụng.

Chúng ta đã bàn nhiều tới việc xây dựng một cơ chế hợp lý để có thể tập hợp được sức mạnh chung của toàn xã hội cho công tác giáo dục, đặc biệt là giáo dục pháp luật. Cần phải nâng cao vai trò của nhà trường và gia đình, sức mạnh của các tổ chức và đoàn thể xã hội, cộng đồng, phát huy ý thức tự giác và trách nhiệm của cá nhân trong giáo dục pháp luật. Cần phải kết hợp được các hình thức giáo dục khác nhau, chính quy và phi chính quy, bắt buộc và tự nguyện, động viên khuyến khích và xử lý trừng trị, kết hợp việc tuyên truyền giáo dục với kiểm tra kiểm soát tạo thành một mạng lưới giáo dục chung, năng động, chặt chẽ và hợp lý trong toàn xã hội.

Sau cùng, chúng tôi muốn bàn thêm về vai trò giáo dục luật pháp của chính hoạt động luật pháp. Không còn nghi ngờ gì nữa, luật pháp, tự bản thân nó đã mang tính giáo dục rất cao.

Quản Trọng, một trong những nhà đặt nền móng cho tư tưởng pháp trị của Trung Quốc đã nói về vai trò giáo dục của chính pháp luật như sau : "Pháp chế đã ban ra rồi thì không được phép bàn tán gì nữa mà chỉ có tuân thủ thì dân sẽ không dám có tư tình. Hình phạt phải theo đúng mà không buông tha ai, thì dân sẽ không dám cẩu thả mà phải làm điều ngay thẳng. Tước lộc ban đúng mức thì kẻ dưới sẽ không dám làm rối loạn bề trên. Ba điều ấy nếu thi hành trong nước, sẽ thành tập tục, rồi ra chẳng cần phải cưỡng ép mà mọi việc sẽ được trị lý, điều hòa" (Quản tử, thiên 15. Trọng lệnh).

Như vậy, một khi được sử dụng đúng đắn và hợp lý, bản thân luật pháp sẽ không chỉ có tác động kiểm soát và điều chỉnh hành vi của cá nhân mà còn trở thành một công cụ giáo dục có ý nghĩa thực tiễn cao. Do đó, thời nào cũng vậy, việc sử dụng và phát huy sức mạnh giáo dục của hoạt động luật pháp bao giờ cũng rất được coi trọng. Bên cạnh sự trừng trị những hành vi phạm pháp, bao giờ người ta cũng nhấn mạnh tới tính răn đe trong sự trừng trị này. Hiện nay, ở nhiều nước trên thế giới,người ta vẫn giữ lại quy tắc là mỗi khi thi hành các án tử hình, người ta đều ghi lại bằng hình ảnh và truyền bá trên các phương tiện thông tin đại chúng để lấy đó làm gương cho những kẻ khác.

Ở nước ta, trên thực tế, chúng ta đã chưa chú ý đúng mức tới khía cạnh giáo dục trong việc thực thi luật pháp. Giữa mặt luật pháp và mặt giáo dục, giữa nhà làm luật và nhà giáo dục dường như còn thiếu hẳn sự phối hợp. Chỉ riêng con số những tái phạm pháp luật quá cao trong thanh niên cũng đã nói lên khả năng giáo dục thông qua việc thực thi luật pháp của chúng ta còn yếu ớt như thế nào. Chính số lượng những thanh niên có tiền án, tiền sự lại tiếp tục gây án thậm chí với cường độ cao hơn trước đã buộc các nhà làm luật phải suy nghĩ.

Nhiều nhà nghiên cứu khoa học trong thời gian gần đây đã không hài hước chút nào khi ví một số bản án được công bố để xử tội các can phạm cũng nhẹ như một thứ "vắc xin" phòng dịch chỉ làm tăng thêm khả năng miễn dịch để chống lại pháp luật của chúng ta mà thôi. Những điều tra xã hội học trong thời gian gần đây cho thấy, có nhiều thanh niên phạm pháp, sau một thời gian ở tù, khi được thả, lại tiếp tục gây án, táo bạo và dữ tợn hơn.

Những thực tế nêu trên đòi hỏi chúng ta cần có những phương thức giáo dục năng động, hợp lý nhằm nâng cao không ngừng nhận thức pháp luật cho thanh, thiếu niên. Để kết thúc bài viết này, chúng tôi muốn nhắc lại lời của vua Lê Thái Tổ khi nói với quần thần và dân chúng về tầm quan trọng của pháp luật cũng như ý nghĩa giáo dục của việc ban hành luật pháp như sau :

" Từ xưa đến nay, trị nước phải có pháp luật, không có pháp luật thì sẽ loạn. Cho nên học tập đời xưa, đặt ra pháp luật là để dạy từ các tướng hiệu, quan lại dưới đến dân chúng trăm họ biết thế nào là thiện là ác, điều thiện thì làm, điều chẳng lành thì tránh..." (2). Như vậy, ban hành luật cũng chính là để nhằm mục đích giáo dục chứ không phải chỉ là để trừng phạt. Câu nói của vua Lê quả là đến nay vẫn còn nguyên giá trị thực tiễn.❑

(2) *Đại Việt sử ký toàn thư.* Nxb Khoa học xã hội, Hà nội, 1983, t 2 , tr 292

Digitized by Google

BÁO CHÍ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH TRÊN ĐƯỜNG TỰ ĐỔI MỚI

NGUYỄN SƠN *

VỚI buổi phát sóng ngắn ngủi lúc 11 giờ 30 ngày 30-4-1975 lịch sử, Đài phát thanh Sài gòn đã ghi dấu sự sụp đổ hoàn toàn của chế độ do Mỹ dựng lên ở nước ta, qua lời tuyên bố đầu hàng vô điều kiện của Tổng thống chính quyền Sài gòn - tướng Dương Văn Minh. Sáng sớm hôm sau, ngày 1-5-1975 - Đài phát thanh Sài gòn giải phóng và tối 1-5-1975 Đài truyền hình thành phố đã kịp thời phát đi lời kêu gọi đầu tiên của Ủy ban quân quản thành phố Sài gòn - Gia định, tiếng nói chính thức của chính quyền cách mạng qua phương tiện thông tin đại chúng của mình.

Những chiếc cầu nối đầu tiên giữa chính quyền nhân dân với quần chúng vùng đô thị mới giải phóng.

Kết hợp với công tác vận động quần chúng của các đoàn thể giải phóng, báo chí cách mạng làm rõ chủ trương chính sách của chính quyền nhân dân, vạch trần âm mưu thủ đoạn lừa bịp của kẻ thù, nhanh chóng ổn định tư tưởng của các giới, các tầng lớp đồng bào thành phố.

Tiếp theo Đài phát thanh, Đài truyền hình, ngày 3-5-1975 tờ "Sài gòn giải phóng", báo hằng ngày của Đảng bộ thành phố đã ra mắt bạn đọc. Nhằm đối tượng bà con người Hoa, còn có tờ báo hằng ngày bằng chữ Hoa do Ban Hoa vận thành ủy xuất bản (sau này trở thành bản chữ Hoa của báo SGGP). Trong mấy tháng sau đó, đã liên tiếp ra đời năm tờ báo là cơ quan ngôn luận của các đoàn thể thành phố : Hội phụ nữ, Liên hiệp công đoàn, Đoàn thanh niên cộng sản, Ủy ban đoàn kết những người công giáo yêu nước, Hội phật giáo.

Cũng trong thời gian đó, tờ nhật báo " Tin sáng", một dạng báo tư nhân, đã ra mắt bạn đọc dưới sự điều hành của một số trí thức yêu nước đã ít nhiều tham gia đấu tranh chống Mỹ với cương vị "dân biểu" đối lập trong chính quyền Sài gòn cũ.

Tiếng nói của Đảng và tiếng nói của nhân dân là một.

Mạng lưới báo chí thành phố từ mười đơn vị sau giải phóng, hiện nay lên đến 38 đơn vị gồm 2 đài, 35 báo, tạp chí in, 1 tạp chí nghe nhìn. Ngoài báo tiếng Việt, báo "Sài gòn giải phóng" có phụ bản tiếng Hoa cùng ra hằng ngày. "Thời báo kinh tế Sài gòn" góp phần của thành phố vào công tác thông tin đối ngoại của cả nước bằng hai phụ bản tiếng Anh ra hằng ngày và hằng tuần, một phụ bản tiếng Pháp ra hằng tháng. Tổng cộng có 24 phụ bản, phụ san tiếng Việt và ngoại ngữ do các đơn vị báo chí thành phố xuất bản.

Tuy cơ quan chủ quản có khác nhau, đối tượng khác nhau, tất cả các báo, tạp chí đều là tiếng nói của nhân dân hoạt động trong khuôn khổ luật pháp nhà nước, theo đường lối chủ trương chính sách của Đảng, góp phần xây dựng và bảo vệ thành phố, tăng cường đại đoàn kết toàn dân trong Mặt trận tổ quốc thành phố. Công nhân, lao động, cựu chiến binh, thanh niên, phụ nữ, văn nghệ sĩ, thầy thuốc, nhà khoa học, nhà công thương,

* Phó trưởng Ban tư tưởng - văn hóa thành ủy TP Hồ Chí Minh

Digitized by Google

tín đồ tôn giáo, thiếu niên, nhi đồng v.v..đều có báo chí của mình.

Trên địa bàn này còn có đội ngũ hơn 200 phóng viên, biên tập viên của hơn 40 đơn vị báo, đài trung ương có tòa soạn hoặc văn phòng thường trú tại thành phố. Đó cũng là một nguồn cung cấp thông tin quan trọng không thể thiếu được đối với cán bộ và nhân dân thành phố.

Dân chủ là bản chất và mục tiêu của chế độ ta. Dân chủ được thực hiện thông qua nhiều hình thức hoạt động như : sinh hoạt của Quốc hội, Hội đồng nhân dân thành phố, quận, huyện phường xã, hoạt động của Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể, hoạt động của các cơ quan thông tin đại chúng. Sự hình thành mạng lưới báo chí đa dạng của thành phố là điều kiện thuận lợi để nhân dân có quyền tự do báo chí và quyền tự do ngôn luận trên báo chí, đồng thời để báo chí thực hiện đúng vai trò của mình là thực hiện thông tin hai chiều : tiếng nói của các tổ chức trong hệ thống chính trị và diễn đàn của nhân dân.

Lực lượng xung kích phục vụ công cuộc đổi mới của đất nước và thành phố.

Lời kêu gọi "nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật" từ Đại hội VI của Đảng đã mở đường cho báo chí thành phố hào hứng bắt tay vào tự đổi mới và phục vụ sự nghiệp đổi mới của đất nước.

Từ chủ trương của Ban bí thư trung ương Đảng (khóa V) phát động phê bình trong toàn đảng trước khi mở Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội VI, Ban thường vụ thành ủy đã tạo mọi điều kiện thuận lợi để các cơ quan thông tin đại chúng tham gia sinh hoạt này của Đảng bộ. Các phóng viên báo, đài được mời dự họp và được cung cấp những thông tin, những tư liệu cần thiết liên quan đến đợt phê bình và tự phê bình. Từ giữa năm 1986 báo chí thành phố đã đăng những bài báo góp ý xây dựng Đảng, phê bình đảng viên cán bộ, phê bình công tác lãnh đạo của một số cơ quan, đơn vị. Mở đầu từ đó, cuộc đấu tranh chống tiêu cực, chống tham nhũng do Đảng phát động trong những năm tiếp theo đã được sự hưởng ứng nhiệt thành của báo chí thành phố.

Một số tờ báo thành phố đã mạnh dạn đổi mới thông tin nhằm cung cấp cho người đọc những thông tin sớm nhất, cần thiết và bổ ích. Báo Sài gòn giải phóng là tờ báo đầu tiên đưa tin hằng ngày về giá vàng và giá cả thị trường ; đầu tiên đưa tin tai nạn hàng không kèm theo danh sách toàn thể hành khách đi trong chiếc máy bay của hàng không Việt nam khởi hành từ Hà nội bốc cháy khi sắp hạ cánh xuống Băng cốc.

Theo đà phát triển của công cuộc đổi mới đất nước, báo chí thành phố tiếp tục tỏ rõ tính năng động, nhạy bén trong đổi mới thông tin, thực hiện thông tin nhiều chiều, phong phú, đa dạng, ngày càng rút ngắn khoảng cách so với trình độ hiện đại của báo chí các nước trong thời đại bùng nổ thông tin. Ý kiến phong phú của đại biểu các giới, các nhà hoạt động xã hội, các chuyên gia trong các ngành khoa học góp phần xây dựng các chủ trương chính sách lớn, các đạo luật và trong các đợt sinh hoạt chính trị, đã được chú ý trình bày và tổng hợp tốt, tạo nếp quen sinh hoạt dân chủ rộng rãi. Trong những ngày lễ lớn, các đợt kỷ niệm lịch sử, báo chí thành phố đã tạo nên những sản phẩm sinh động, có sức truyền cảm mạnh mẽ, cung cấp nhiều tư liệu quý về lịch sử dân tộc, lịch sử cách mạng.

Những thử thách liên tục trong quá trình phát triển của báo chí thành phố.

Đổi mới thông tin báo chí cũng như đổi mới nói chung là một quá trình tìm tòi, khai phá, vừa làm vừa rút kinh nghiệm, không phải con đường đi lên của báo chí thành phố lúc nào cũng suôn sẻ, đạt chất lượng và hiệu quả xã hội cao.

Thử thách đầu tiên là đổi mới báo chí theo mô hình nào ? Trong khi làn sóng "cải tổ"

Digitized by Google

đang dâng cao ở Liên xô (cũ) và Đông Âu, đã xuất hiện khuynh hướng nôn nóng, cực đoan, rập khuôn "dân chủ hóa", "công khai hóa" theo kiểu "cải tổ", không tính tới, hoặc lờ đi trước những mưu toan lợi dụng của các phần tử chống đối cách mạng ở trong nước và ngoài nước.

Trong thực hiện hai chức năng tiếng nói của Đảng và diễn đàn của nhân dân, đã có lúc có xu hướng nặng về chức năng thứ hai, coi việc làm chức năng thứ nhất như một dạng làm "báo nhà nước" như lời chế riễu của giới báo chí trong chế độ Sài gòn trước đây đối với những tờ báo do chính phủ tài trợ. Sự lãnh đạo của cấp ủy đảng đối với báo chí có lúc bị coi như hạn chế đổi mới báo chí. Cường điệu chức năng "tiếng nói của nhân dân" thường gắn liền với cường điệu quyền lực của báo chí, thậm chí coi báo chí là "đệ tứ quyền" như cách nói trong chế độ tư bản. Những người đề cao "đệ tứ quyền" phải chăng do không hiểu rằng trong chế độ ta mọi quyền lực đều thuộc về nhân dân, trước hết là nhân dân lao động, nhân dân là người duy nhất làm chủ đất nước.

Quá trình xây dựng và đấu tranh nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả xã hội của báo chí thành phố thường xuyên diễn ra xoay quanh việc giữ đúng định hướng chính trị, đúng tôn chỉ mục đích và đối tượng phục vụ của mỗi đơn vị. Vài tờ báo có lúc để cho một số người có khuynh hướng cực đoan lợi dụng diễn đàn của báo mình để đưa ra những cảm thụ đời sống và đánh giá xã hội phiến diện nhằm gây tác động xấu trong quần chúng. Sự đi chệch định hướng thông tin còn biểu hiện ở xu hướng vồ vập đề cao một chiều cuộc sống "thiên đường" ở các nước phương Tây. Đối với nước mình thì dễ dàng bôi bác rẻ rúng thành phần kinh tế nhà nước. Không ít tờ báo chỉ vì chưa đứng vững ở vị trí của mình, có lúc muốn mình trở thành tiếng nói của toàn xã hội, của toàn quốc, nên không tránh khỏi sai phạm đáng tiếc. Qua việc thực hiện Chỉ thị 08 ngày 31-3-1992 của Ban bí thư trung ương Đảng (khóa VII), báo chí thành phố đã có ý thức hơn trong việc đi đúng tôn chỉ mục đích, phục vụ đúng đối tượng của mình. Thực tiễn cho thấy những báo càng làm tốt việc này, càng thu hút thêm nhiều người đọc, càng hỗ trợ đắc lực cho việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của cơ quan chủ quản.

Hiệu quả xã hội của báo chí được thử thách nhiều nhất và ở diện rộng là trong đấu tranh chống tiêu cực, chống tham nhũng. Sự phát hiện chính xác kịp thời trên báo chí những vụ tham nhũng đã góp phần đáng kể tăng thêm sức mạnh cho các cơ quan thực thi pháp luật. Đáng tiếc là sự phối hợp này có lúc chưa tốt do những bài báo thông tin thiếu chính xác, vơ đũa cả nắm, chưa quán triệt ý thức xây dựng, chưa nắm vững mục đích giáo dục, phòng ngừa. Đã có không ít những biểu hiện vi phạm pháp luật trong thông tin, làm tổn thương phẩm giá, danh dự của từng tổ chức, từng con người.

Nâng cao chất lượng và hiệu quả của báo chí thành phố cũng là một quá trình đấu tranh thường xuyên để giải quyết các mâu thuẫn : giữa nâng cao độ nhanh nhạy với bảo đảm tính chính xác của thông tin, giữa thông tin đa dạng cho quần chúng với bảo đảm giữ gìn bí mật quốc gia, giữ vững đường lối đối ngoại của Đảng, Nhà nước, giữa đề cao tính chiến đấu của báo chí cách mạng với bảo đảm tuân thủ luật pháp.

Cơ chế thị trường - lực đẩy và cạm bẫy

Trong lúc một số doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn thành phố bắt đầu thử nghiệm phương thức quản lý theo cơ chế thị trường, nhiều tờ báo ở đây cũng sớm thực hiện tự hạch toán kinh doanh có lãi bằng chính nghề làm báo.

Mạnh dạn chia tay với hệ thống phát hành báo chí theo cung cách thời bao cấp, nhiều cơ quan báo chí thành phố đã tự mình

Digitized by Google

tổ chức mạng lưới phát hành báo trực tiếp đến tay người đọc sớm nhất. Nhiều hình thức giao lưu tiếp xúc cởi mở giữa người viết và người đọc báo, nghe đài, đã giúp giới báo chí thành phố hiểu rõ và đáp ứng kịp thời các nhu cầu đa dạng, phong phú của từng đối tượng mà mình phải phục vụ.

Theo cơ chế thị trường thì khách hàng là "thượng đế" nên cũng đòi hỏi báo chí nâng cao không ngừng hiệu quả thông tin, nâng cao chất lượng nội dung và hình thức trình bày, in ấn tờ báo. Các báo sớm tự hạch toán và đi đầu trong việc sử dụng phương thức quảng cáo đã tăng được doanh thu, nhờ đó từng bước nâng cao mức thu nhập của cán bộ phóng viên báo, đóng góp một phần cho cơ quan chủ quản, đồng thời tăng mức trả nhuận bút, tiếp sức cho việc thu hút và mở rộng lực lượng cộng tác viên. Doanh thu tăng, nhiều báo đã sớm đầu tư cho việc trang bị các phương tiện kỹ thuật chuyên dùng mà vài năm trước chưa phóng viên nào dám mơ tưởng, đồng thời từng bước thực hiện vi tính hóa, hiện đại hóa trang thiết bị trong dây chuyền các khâu xuất bản và in báo. Nhiều tờ báo có đủ tài chính để tự chi phí cho phóng viên đi công tác nước ngoài phản ánh những sự kiện lớn của thế giới. Do đó tính cập nhật và thông tin trực tiếp ngày càng trở nên nhanh chóng và hấp dẫn, mang nét riêng phong phú.

Nhưng báo chí thành phố với mức độ khác nhau cũng không tránh khỏi những tác động tiêu cực của cơ chế thị trường. Khuynh hướng muốn tăng số lượng phát hành báo để kiếm tiền đã đưa đến những hình thức câu khách, khai thác thị hiếu thấp kém của một bộ phận quần chúng. Tính hấp dẫn được đẩy mạnh bằng những hình ảnh ít nhiều khỏa thân , những phóng sự điều tra kéo dài nhiều kỳ báo, về các tệ nạn xã hội, các vụ án, với nhiều chi tiết quá cụ thể, vi phạm vào nguyên tắc nghề nghiệp khi vô tính đã tuyên truyền tội ác, bạo lực. Có lúc, có báo đã dễ dãi "xé rào" phạm kỷ luật thông tin chỉ vì sợ chậm chân hơn đồng nghiệp khi đưa tin về một số sự kiện sốt dẻo mang tính nhạy cảm. Cũng do sự cạnh tranh không lành mạnh, đã dẫn đến hiện tượng một số phóng viên và tòa soạn báo bỏ qua khâu xác minh, thẩm định tính xác thực của sự việc trước khi đưa lên báo đài. Nhất là trong đấu tranh chống tham nhũng, ý thức "chụp giựt", không "chịu thua" đồng nghiệp của phóng viên và tòa soạn là một trong những nguyên nhân đẻ ra những bài báo không phản ánh đúng sự thật, làm giảm uy tín của báo chí, gây hậu quả không lợi cho công tác điều tra , xử lý. Có những vụ việc do quá nhiều báo tham gia, đã đưa lại liều lượng thái quá trong nhận xét, đánh giá bản chất và mức độ của sự kiện.

Đáng quan tâm nhất đối với chúng ta là phẩm chất và đạo đức người làm báo. Đã xuất hiện những dạng rất tinh vi nhằm sử dụng công cụ báo chí để mưu lợi cho cá nhân người cầm bút mà người đứng đầu cơ quan báo chí cũng như các cơ quan chức năng không dễ gì phát hiện hoặc cảm nhận rất rõ nhưng lại chưa đủ yếu tố pháp lý để ngăn chặn, xử lý. Dư luận đã nhiều lần phê phán sự kém hiệu lực của cơ quan quản lý nhà nước về báo chí trước những hiện tượng thiếu sòng phẳng trong việc tự phê bình và cải chính, sửa sai của báo chí khi thông tin không đúng sự thật.

"Nói đến báo chí trước hết phải nói đến những người làm báo chí" (*)

Theo luật pháp nước ta, không có chế độ kiểm duyệt đối với nội dung sách, báo, tạp chí. Đảng lãnh đạo báo chí không là "cầm tay chỉ việc" mà bằng cách định hướng đường lối, quan điểm ; kiểm tra hoạt động của báo chí trên góc độ chính trị tư tưởng ; bồi dưỡng và bố trí đội ngũ cán bộ báo chí. Vì vậy, khâu có ý nghĩa quyết định nhất để báo chí đi đúng

(*) *Hồ Chí Minh, bài nói tại Đại hội II Hội nhà báo Việt nam. Toàn tập, Nxb Chính trị quốc gia 1996, t 9, tr 412*

Digitized by Google

định hướng chính trị tư tưởng của Đảng trước hết là người làm báo, mà quan trọng nhất chính là người nắm khâu "duyệt" cuối cùng : Tổng biên tập.

Thực tiễn hai mươi năm qua ở thành phố cho thấy mọi thành tựu và vấp váp của từng cơ quan báo chí đều bắt nguồn từ mặt mạnh, mặt yếu của đội ngũ làm báo ở mỗi nơi, mà trước hết là của người đứng đầu cơ quan báo chí đó.

Hội nhà báo thành phố có 913 hội viên, kể cả 213 hội viên công tác ở các báo, đài trung ương đóng tại thành phố. Trong tổng số hội viên đó có non một phần tư - 212 người - có trên 25 năm tuổi nghề đã được tặng Huy chương "Vì sự nghiệp báo chí Việt nam". Như vậy đa số nhà báo ở thành phố thuộc lớp trẻ, mới vào nghề sau giải phóng.

Số trẻ này có mặt mạnh là năng nổ, xông xáo trong nghề nghiệp, ham thích đổi mới, một số có trình độ học vấn tương đối khá. Nhưng do sự tuyển chọn ở nhiều báo nặng về tiêu chuẩn nghiệp vụ, nên nhiều phóng viên yếu về trình độ chính trị , thậm chí ngại nghiên cứu lý luận Mác - Lê-nin và các văn kiện chính trị của Đảng. Về ý thức và phương pháp tư tưởng, thường chủ quan, nóng vội, dễ tự măn, tự cao.

Số anh chị em đứng tuổi phần đông là cán bộ chủ chốt ở một số cơ quan báo, đài được rèn luyện và trưởng thành trong kháng chiến. Có trình độ và ý thức chính trị tốt, có vốn sống thực tế và kinh nghiệm nghề nghiệp nhất định. Một số bị hạn chế về trình độ học vấn, kiến thức và trình độ nghiệp vụ trước yêu cầu của thời kỳ mới.

Những đơn vị thực hiện đúng định hướng chính trị và ít phạm sai sót lớn là nhờ có vai trò quyết định của Tổng biên tập, đồng thời cũng nhờ có sự hợp tác đồng bộ của lực lượng cốt cán có nhiều tuổi nghề nói trên.

Trong khi đó có một số đơn vị nhiều lần vấp sai phạm mà việc khắc phục rất khó khăn. Nguyên nhân như người trong cuộc đã tự phê bình, chủ yếu là do bản lĩnh chính trị non yếu của Tổng biên tập. Đồng thời cũng do lực lượng cốt cán ở đơn vị đó vừa thiếu, vừa yếu về chính trị, tư tưởng.

Tuy nhiên cũng có những nơi không thiếu cốt cán, tuổi nghề bình quân tương đối cao, nhưng chất lượng và hiệu quả công tác vẫn bị hạn chế, nhiều sai sót có thể tránh được vẫn xảy ra. Ở đây có vấn đề tâm huyết nghề nghiệp ít nhiều bị nguội lạnh, phong cách làm báo chưa đổi mới kịp với tình hình mới.

Rõ ràng việc bồi dưỡng, đào tạo và bố trí cán bộ, trước hết là cán bộ chủ chốt, luôn luôn là khâu then chốt trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo báo chí của cấp ủy đảng.

Do nhu cầu phát triển, mỗi đơn vị báo chí vẫn thường xuyên bổ sung đội ngũ của mình, trước hết về số lượng. Cái khó nhất hiện nay là vấn đề chất lượng, bao gồm nhiều mặt : lập trường và bản lĩnh chính trị vững, năng lực nghiệp vụ giỏi, đạo đức và tấm lòng trong sáng. Một nhà báo đàn anh đã tâm sự với các nhà báo mới vào nghề : "Rèn cái tài đã khó, giữ cho cái tâm luôn trong sáng, trung thực, thẳng thắn còn khó hơn, nhất là trong cơ chế thị trường, đồng tiền và cái "danh hảo" đang có sức cám dỗ rất lớn".

Vai trò và trách nhiệm của các tổ chức đảng

Từ Chỉ thị đầu tiên sau giải phóng (ra ngày 13-12-1982) về công tác báo chí thành phố, Ban thường vụ thành ủy đã lần lượt đề ra nhiều quyết định quan trọng nhằm định hướng cho hoạt động báo chí trong thời kỳ mới. Ngày 20-5-1988 Ban thường vụ thành ủy đã họp toàn thể để thảo luận và thông qua Nghị quyết " về việc phát huy vai trò và trách nhiệm của Đảng bộ lãnh đạo sử dụng tốt hơn nữa báo chí thành phố".

Sau khi Ban bí thư ra Chỉ thị 08 ngày 31-3-1992 về việc tăng cường lãnh đạo, quản lý báo chí, trong những năm vừa qua, thường

Digitized by Google

trực thành ủy đã chủ trì hơn mười cuộc họp để tự kiểm điểm sự lãnh đạo báo chí xuất bản của thành ủy, đồng thời kiểm điểm, nhận xét, đề ra phương hướng hoạt động cho báo chí thành phố nói chung và cho từng cơ quan đài, báo chính trị nói riêng.

Trong nhiều năm liền, thường trực thành ủy đã thường xuyên thực hiện chế độ sinh hoạt định kỳ hằng tuần, hằng tháng với các Tổng biên tập báo, đài. Yêu cầu sinh hoạt là để hướng dẫn, rút kinh nghiệm công tác báo chí, đồng thời thông tin về tình hình thời sự chính sách theo chỉ đạo của cấp trên, đi đôi với tiếp nhận thông tin từ cơ sở lên qua mạng lưới phóng viên báo, đài.

Hoạt động báo chí thành phố Hồ Chí Minh từ sau giải phóng, nhất là trong mười năm đổi mới, đã có những đóng góp đáng kể vào việc dân chủ hóa đời sống xã hội, phục vụ công cuộc đổi mới của thành phố và cả nước.

Thành tựu đạt được bắt nguồn từ nhiều yếu tố : Sự lãnh đạo, chỉ đạo đúng đắn với ý thức trách nhiệm cao của thành ủy, trước hết là Ban thường vụ thành ủy ; tinh thần say mê nghề nghiệp, lao động quên mình, năng nổ, xông xáo của đội ngũ phóng viên, biên tập viên, đi đầu là những người điều hành cơ quan báo chí ; tiến bộ trong sự quan tâm lãnh đạo chăm sóc của các cơ quan chủ quản báo chí.

Tuy nhiên vẫn còn không ít những sai sót và những việc chưa làm được. Trách nhiệm trước hết thuộc về các cơ quan tham mưu giúp việc cho cấp ủy, chính quyền trong lãnh đạo, quản lý báo chí.

Để chuẩn bị hành trang bước vào thế kỷ XXI, việc nâng cao chất lượng và bổ sung đội ngũ báo chí theo đúng các tiêu chuẩn quy định là một yêu cầu cơ bản và cấp bách đặt ra cho cấp ủy đảng từ thành phố đến cơ quan chủ quản và ban biên tập của từng báo, đài. ❑

PHÚ YÊN PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT HÀNG HÓA

LÊ XUÂN ĐÌNH *

PHÚ yên là một tỉnh ven biển miền Trung, phía bắc giáp tỉnh Bình định, nam giáp Khánh hòa, tây giáp Gia lai, Đắc lắc và phía đông giáp biển Đông, có diện tích tự nhiên 5 278 km^2, trong đó diện tích đất nông nghiệp là 62 242 ha (diện tích đất canh tác là 55 708 ha). Dân số của tỉnh có hơn 760 ngàn người, trong đó hơn 75% làm nông nghiệp.

Trong những ngày đầu kháng chiến ở Nam bộ, Phú yên là nơi dừng chân của nhiều đoàn quân Nam tiến để củng cố lực lượng, bổ sung vũ khí trang bị, tiếp tục vào Nam chiến đấu chống thực dân Pháp. Phú yên là nơi sản xuất và chi viện lương thực chủ yếu trong những năm kháng chiến cho vùng cực nam Trung bộ và tỉnh Đắc lắc. Người dân Phú yên khi nhớ về cội nguồn đều nhắc đến những vần thơ sâu nặng nghĩa tình, như :

"Sông Ba chảy xuống Đà rằng
Ai thương Đắc lắc cho bằng Phú yên"...

và

"Hạt gạo Tuy hòa chia bảy chia ba
Hạt hẩm để lại nuôi con
Hạt trắng, hạt trong gửi qua dốc Mô ..."

Ngày nay, Phú yên vẫn là một tỉnh nông nghiệp, năng suất lúa ở đây thuộc loại cao so với cả nước (nhiều nơi đạt10 tấn/ha 2 vụ, cá biệt có xã đạt 14 tấn/ha), nhưng vì đất đai chật hẹp (diện tích trồng lúa bình quân dưới 600 m^2/người, trong đó hơn 1/3 diện tích cấy một vụ lúa) nên toàn tỉnh chưa vượt qua được con số ba chục vạn tấn lương thực hàng năm. Đảng bộ và nhân dân Phú yên đã sớm nhận thức rằng nếu chỉ dựa vào độc canh cây lúa thì không thể vươn lên giàu có được. Đánh giá một cách tổng quát tình

* PTS kinh tế

Digitized by Google

hình kinh tế - xã hội của tỉnh là điểm xuất phát thấp, tiềm năng không nhiều, cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện có còn rất nghèo nàn lại thiếu đồng bộ. Bởi vậy, ngay sau khi tái lập tỉnh, Phú yên đã hết sức coi trọng việc xác định phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, trong đó vấn đề chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu cây trồng và ngành nghề được đặt lên vị trí hàng đầu tạo thế đi lên vững chắc cho tỉnh. Qua 5 năm (1991 - 1995) phấn đấu, Phú yên đã vượt qua nhiều khó khăn thử thách, tạo được bước chuyển biến ban đầu có ý nghĩa quyết định cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội lâu dài trên địa bàn tỉnh :

Biểu : *Các chỉ tiêu kinh tế - xã hội chủ yếu của tỉnh Phú yên thời kỳ 1991 - 1995*

Các chỉ tiêu cơ bản	1991	1992	1993	1994	1995	Năm 1995 so với 1991, %
1 - Giá trị sản lượng nông nghiệp (giá cố định năm 1989), tỉ đồng	209,7	211,5	188,3	213,8	223,1	106,39
Trong đó :						
+ Trồng trọt	159,6	154,2	126,6	100,9	169,1	105,95
+ Chăn nuôi	50,1	57,3	61,7	52,9	54,0	107,78
2 - Giá trị tổng sản lượng công nghiệp (giá cố định năm 1989), tỉ đồng	61,3	66,0	72,2	78,7	89,4	145,84
3 - Tổng sản phẩm trong tỉnh (GDP), tỉ đồng	285,4	301,0	294,7	357,4	392,1	137,39
4- Tổng giá trị xuất khẩu, 1000 USD	16 228	21 094	22 958	98 231	157970	973,05
5 - GDP bình quân đầu người (giá thực tế), 1000 đồng	759,6	869,2	891,8	1298,3	1720,4	226,49

Thời kỳ 1991 - 1995 là kế hoạch 5 năm đầu tiên sau khi tái lập tỉnh, mặc dầu còn bề bộn nhiều việc như : tổ chức lại bộ máy, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, quy hoạch lại ngành nghề sản xuất kinh doanh, và bị thiên tai thường xuyên đe dọa (đặc biệt là trận lụt báo lịch sử xảy ra vào cuối năm 1993) làm cho sản xuất nông nghiệp bị thiệt hại nặng nề, nhưng Phú yên đã phấn đấu đạt nhịp độ tăng trưởng bình quân trong nông nghiệp là 2,7%/năm (sản lượng lương thực quy thóc năm 1995 đạt 28,5 vạn tấn - cao nhất từ trước tới nay), các ngành trồng trọt và chăn nuôi đều có bước phát triển. Công nghiệp của tỉnh tuy còn yếu, tỷ trọng thấp, nhưng mấy năm qua đã bắt đầu có mức tăng trưởng khá nhanh : Năm 1995 giá trị tổng sản lượng công nghiệp tăng 145,84% so với năm 1991. Tính riêng khu vực nhà nước thì ngành công nghiệp có nhịp độ tăng trưởng trung bình hằng năm là 18%, nhiều doanh nghiệp qua củng cố, đổi mới quản lý và công nghệ đã bắt đầu đi vào làm ăn ổn định và đem lại hiệu quả cao. Lĩnh vực xuất khẩu đã tạo được bước nhảy quan trọng. Năm 1995 tổng giá trị xuất khẩu tăng gấp gần 10 lần so với năm 1991.

Kết quả đạt được trên đây tuy là bước đầu, nhưng nó đã khẳng định phương hướng phát triển kinh tế - xã hội do Đại hội đảng bộ lần thứ XI của tỉnh đề ra là đúng đắn. Kinh tế - xã hội phát triển ổn định đã góp phần củng cố cơ sở vật chất - kỹ thuật cả ở thị xã, thị trấn và nông thôn. Hệ thống giao thông phát triển mạnh, xe cơ giới có thể đến trung tâm hầu hết các xã, kể cả các xã ở miền núi. Toàn tỉnh có 100% trung tâm huyện, thị và gần 51,6% (50/97) xã, phường có điện lưới quốc gia, 54% số hộ gia đình đã có điện dùng cho sinh hoạt. Riêng ở thị xã Tuy hòa và huyện Tuy hòa trên 80% số hộ có điện dùng. Nhìn chung đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân trong tỉnh đã có bước cải thiện rõ rệt : 87% số hộ có mức sống ổn định (từ đủ ăn đến giàu có), trong đó 11,5% số hộ giàu, 29,4% số hộ khá ; 61% số hộ nông dân đã xây được nhà ở kiên cố và bán kiên cố ; sự nghiệp y tế, giáo dục, văn hóa... từng bước được nâng lên.

Digitized by Google

Nguyên nhân của những thành tựu đạt được trên đây có nhiều, nhưng trước hết phải nói đến sự chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền và tinh thần sáng tạo, tự lực tự cường của quần chúng nhân dân ; đặc biệt là đã kết hợp được những lợi thế so sánh của tỉnh với nhu cầu của nền kinh tế thị trường, cụ thể là :

1 - Nắm bắt nhu cầu của thị trường, khai thác lợi thế so sánh của mình để chuyển đổi cơ cấu kinh tế và cơ cấu cây trồng theo hướng sản xuất hàng hóa. Phân tích về sự chuyển đổi cơ cấu cây trồng trong những năm qua cho thấy : những loại cây trồng có diện tích tăng nhanh bao gồm lúa, rau, đậu, lạc, dừa. Đặc biệt là cây mía, năm 1995 diện tích tăng gấp 2,5 lần so với năm 1991. Khi phát hiện nhu cầu của thị trường về cây mía, tỉnh có chủ trương mạnh dạn khuyến khích nông dân đầu tư phát triển mạnh, đưa diện tích trồng mía lên 10182 ha (năm 1995) vượt kế hoạch đề ra 164%. Đến nay cây mía đã được khẳng định là một trong những cây mũi nhọn về sản xuất hàng hóa, chuyển dịch cơ cấu cây trồng của tỉnh. Việc tập trung phát triển các vùng nguyên liệu mía để phục vụ cho công nghiệp mía đường (và sau mía đường) là đúng hướng, vì nó phù hợp với đồng đất của Phú yên và đưa lại hiệu quả kinh tế cao. Nhờ cây mía mà nhiều xã vùng trung du trước đây thiếu đói quanh năm, nay đã đủ ăn (lãi thu được từ một héc-ta mía cao gấp 3 lần so với lúc trồng lúa).

Trong lĩnh vực ngư nghiệp, sản lượng đánh bắt hải sản năm 1995 đạt 21 ngàn tấn, vượt kế hoạch 131%, diện tích nuôi tôm đạt 969 ha, vượt kế hoạch 138%. Tỉnh đã mạnh dạn chuyển một số vùng đất trũng vốn trước đây chỉ trồng được 1 vụ lúa năng suất thấp và bấp bênh sang nuôi tôm. Đến nay tỉnh đã hình thành một số vùng nuôi tôm tập trung, như ở huyện Tuy hòa, Sông cầu và Tuy an.

2 - Phát hiện và khuyến khích những nhân tố mới trong lĩnh vực sản xuất - kinh doanh. Trong điều kiện kinh tế thị trường, về mặt nguyên tắc, nơi nào tổ chức sản xuất - kinh doanh có hiệu quả thì nên chớp thời cơ làm ngay, dám chấp nhận rủi ro. Nhờ những quyết định kịp thời của đội ngũ cán bộ chủ chốt, mà trong một số trường hợp tỉnh Phú yên đã đi trước đón đầu trong đầu tư, khuyến khích mở mang ngành nghề. Chẳng hạn để khai thác thế mạnh về biển, tỉnh đã mạnh dạn đầu tư nâng công suất tàu thuyền đánh bắt cá lên 42 214 CV, trong khi kế hoạch đề ra chỉ có 20 000 CV. Kế tiếp theo là sự ra đời một số ngành nghề mới, như nghề câu cá ngừ đại dương. Để làm được nghề này phải sắm thuyền đủ lớn mới có thể ra khơi xa bờ từ 70 hải lý trở lên để câu cá (mỗi con cá ngừ nặng từ 50 - 150 kg) và bán cá tươi tại thuyền (với giá 3 USD/kg). Chỉ tính riêng năm 1996 ước tính ngư dân Phú yên thu được vài ngàn tấn cá ngừ đại dương. Nếu 6 năm về trước trên địa bàn tỉnh Phú yên hầu như không có cơ sở công nghiệp, thì nay một số nhà máy đã mọc lên (2 nhà máy đông lạnh chế biến súc sản và hải sản xuất khẩu, nhà máy lắp ráp tivi màu và đầu vidéo ; 2 nhà máy lắp ráp xe gắn máy ; nhà máy may mặc xuất khẩu, sản xuất đá ốp lát, đồ gỗ mỹ nghệ xuất khẩu, chế biến hạt điều ...). Bên cạnh việc chú trọng phát triển công nghiệp mía đường trên địa bàn của tỉnh, Phú yên đã mạnh dạn đầu tư xây dựng các nhà máy, các công trình dịch vụ hoạt động trên địa bàn các tỉnh bạn để tạo nguồn tích lũy cho tỉnh, như xây dựng nhà máy chế biến cà phê trên địa bàn tỉnh Đồng nai. Các cơ sở sản xuất kinh doanh của Phú yên đã có mặt ở nhiều nơi như ở TP Hồ Chí Minh, Hà nội, Hải phòng... Nhờ cách làm đó cho nên mặc dù Phú yên chưa có cảng biển, nhưng tỉnh đã vươn ra được nhiều thị trường trong và ngoài nước. Năm 1991 sản phẩm xuất khẩu của tỉnh mới chỉ có mặt ở 8 nước, thì năm 1995 đã trên 30 nước.

3 - Hoàn thiện quan hệ sản xuất trong nông nghiệp, nông thôn phù hợp với cơ chế kinh tế mới. Bên cạnh việc xác định phương hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu cây trồng, đối với một tỉnh nông nghiệp như Phú yên, vấn đề củng cố và hoàn thiện quan hệ sản xuất trong nông nghiệp, nông thôn nhằm tạo năng lực nội sinh cho sự phát triển có ý nghĩa cực kỳ quan trọng. Hiện nay toàn tỉnh đã cơ bản hoàn thành việc giao quyền sử dụng đất nông nghiệp và đất rừng ổn định lâu dài cho các hộ nông dân. Trên cơ sở đó đã thúc đẩy kinh tế hộ phát triển khá mạnh, đồng thời cũng cho ra đời nhiều mô hình mới về kinh tế hợp tác hoạt động có hiệu quả. Từ năm 1979, tỉnh đã làm điểm một số hợp tác

Digitized by Google

xã và rút ra kết luận là phải đổi mới toàn diện hợp tác xã cũ. Tuy nhiên khi chuyển sang mô hình mới hợp tác xã phải bảo toàn được vốn, không gây thất thoát tài sản của tập thể. Đến nay toàn tỉnh đã có 127 hợp tác xã nông nghiệp toàn xã và liên thôn đã chuyển sang hoạt động theo nội dung mới : dịch vụ tưới tiêu nước, đại lý - dịch vụ phân bón, thuốc trừ sâu, giống và hướng dẫn kỹ thuật, cũng như dịch vụ về vốn cho các hộ nông dân. Hợp tác xã kiểu mới tiếp nhận vốn, và chuyển nó thành vốn cổ phần của xã viên để làm cơ sở phân phối lợi nhuận và tạo điều kiện cho xã viên trở thành người chủ đích thực của hợp tác xã. Qua hơn 3 năm hoạt động, các hợp tác xã ở Phú yên đã phát huy tác dụng tốt, đặc biệt là trong phát triển ngành nghề và chuyển dịch cơ cấu cây trồng, đã đảm đương được hơn 80% nhu cầu dịch vụ của các hộ nông dân. Vì thế nhiều nơi nhu cầu của hộ đã thực sự là căn cứ để điều hành lại hoạt động của hợp tác xã. Hoạt động của các hợp tác xã kiểu mới đã có tác dụng thúc đẩy phát triển kinh tế hộ, hộ nông dân cũng thực sự cần đến hợp tác xã, tự nguyện tham gia góp vốn xây dựng hợp tác xã.

Quá trình chuyển đổi hợp tác xã cũ ở Phú yên có những nét đặc thù so với nhiều địa phương khác, đặc biệt là so với các địa phương miền Bắc. Tình trạng nợ tồn đọng của xã viên đối với hợp tác xã và của hợp tác xã với ngân hàng hầu như không đáng kể. Nguồn vốn tự có của các hợp tác xã ở đây lại khá lớn. Bình quân toàn tỉnh (thời điểm chuyển sang hoạt động theo nội dung mới) khoảng 1,1 tỉ đồng một hợp tác xã và đến nay con số đó đã là 3 tỉ đồng. Có hợp tác xã làm ăn khá, như Hòa phong lên tới gần 7 tỉ đồng. Nhưng vấn đề đặt ra là làm thế nào để bảo toàn được vốn và sinh lãi trong điều kiện hiện nay. Các hợp tác xã ở Phú yên đã làm được điều đó, trong khi nhiều hợp tác xã ở các tỉnh khác gặp rất nhiều khó khăn trong việc xử lý vốn tồn đọng.

Những bước đi ban đầu khá vững chắc ấy đã giúp cho Phú yên tự tin hơn trong việc xác định mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong những năm tới. Đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh Phú yên lần thứ XII (tháng 5 năm 1996) đã khẳng định : "Tiếp tục ổn định cơ bản tình hình kinh tế - xã hội ở địa phương. Tập trung sức cho mục tiêu phát triển và tăng trưởng cao, đáp ứng các nhu cầu cơ bản về cải thiện đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân trong tỉnh". Mục tiêu phấn đấu của tỉnh trong thời kỳ 1996 - 2000 được thể hiện qua các chỉ tiêu kinh tế cơ bản như sau :

- Mức tăng trưởng GDP bình quân hằng năm 10 - 11%.

- Mức GDP bình quân đầu người đến năm 2000 sẽ là 3,6 triệu đồng (tương đương 330 USD).

- Giá trị sản xuất công nghiệp bình quân hằng năm tăng 18%.

- Giá trị sản xuất nông-lâm-ngư nghiệp bình quân hằng năm tăng 4 - 4,5%.

- Tổng kim ngạch xuất khẩu trong 5 năm phấn đấu đạt 680 triệu USD ; riêng năm 2000 là 160 triệu USD, trong đó nâng giá trị các mặt hàng địa phương tham gia xuất khẩu từ 3,3% hiện nay lên 10% năm 2000 và ước đạt 16 triệu USD.

- Thu thuế và phí các loại vào ngân sách nhà nước tăng bình quân hằng năm 30 - 35%.

- Tổng vốn đầu tư của toàn xã hội trong 5 năm phấn đấu đạt 4320 tỉ đồng (mỗi năm bình quân huy động 864 tỉ đồng), trong đó từ nguồn ngân sách nhà nước là 810 tỉ đồng (chiếm 18,8% tổng vốn huy động).

Các chỉ tiêu kinh tế trên được thực hiện sẽ tạo cơ sở vững chắc cho việc cải thiện và nâng cao một bước đời sống vật chất, tinh thần cho nhân dân toàn tỉnh, sẽ tạo thêm được việc làm cho khoảng 1,5 vạn người lao động, đến năm 2000 giảm được một nửa số hộ nghèo, không còn hộ đói, đạt tiêu chuẩn quốc gia về xóa nạn mù chữ... Theo kế hoạch mục tiêu đó, cơ cấu kinh tế của tỉnh sẽ có một bước chuyển dịch theo hướng tiến bộ : tỷ trọng ngành nông-lâm-ngư nghiệp sẽ giảm dần từ 44,2% (năm 1995) xuống 34% (năm 2000), nhưng lại tăng mạnh về giá trị tuyệt đối - phấn đấu năm 2000 đạt trên 30 vạn tấn lương thực quy thóc ; trong khi đó tỷ trọng ngành công nghiệp - xây dựng lại tăng với tốc độ nhanh từ 13% (năm 1995) lên 21,5% (năm 2000) ; và thương mại dịch vụ tăng từ 42,8% (năm 1995) lên 44,5% (năm 2000). Kết quả tổng hợp của quá trình phấn đấu này sẽ đưa Phú yên tiến thêm một bước quan trọng về phát triển kinh

Digitized by Google

tế - xã hội và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Nền kinh tế của Phú yên đang được tiếp tục xây dựng và phát triển. Mọi yếu tố cho quá trình đó đang được tính toán, nhưng những trăn trở nhọc nhằn của người dân trên đất Phú yên chưa phải đã hết. Đối với Phú yên - một tỉnh nông nghiệp, nặng về độc canh cây lúa, việc huy động vốn để kiến thiết những khu công nghiệp mới, đặc biệt là chế biến nông sản và nông sản xuất khẩu, việc điều chỉnh cơ cấu cây trồng cho hợp lý bằng cách giảm dần diện tích trồng lúa những nơi chỉ trồng được 1 vụ bấp bênh chuyển sang nuôi tôm vùng trũng, trồng mía vùng trung du và đất đồi, cũng như nghiên cứu trồng các loại cây khác cho giá trị kinh tế cao hơn, như điều, cà phê là một hướng đi đúng. Tuy nhiên, trước mắt cũng như lâu dài, Phú yên còn nhiều khó khăn cần tập trung sức để tháo gỡ :

Một là, khó khăn về vốn. Trong quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, Phú yên đang chú trọng trước hết đến chuyển dịch cơ cấu cây trồng, phát triển công nghiệp chế biến nông sản và đẩy nhanh nhịp độ tăng trưởng ngành công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp : quy hoạch hai khu công nghiệp tập trung ở bắc thị xã Tuy hòa - nam Tuy an và đông Tuy hòa ; nâng diện tích mía lên 17000 ha năm 2000 đồng thời nâng tổng công suất chế biến lên được 4000 tấn mía cây/ngày ; khẩn trương hoàn chỉnh đưa vào sử dụng cảng cá Phường 6 (thị xã Tuy hòa) và xúc tiến việc xây dựng các cảng cá khác, như ở Dân phước (huyện Sông cầu), Tiên châu (huyện Tuy an), Vũng rô (huyện Tuy hòa) ; đóng mới tàu thuyền có công suất lớn để đánh bắt xa bờ, đi dài ngày... Tuy nhiên, để thực hiện được những dự án trên đòi hỏi phải huy động một khối lượng lớn vốn đầu tư. Đây là khâu đột phá trong quá trình tăng trưởng kinh tế và cũng là khâu khó khăn nhất. Trước mắt tỉnh xúc tiến việc khả thi các dự án gọi vốn đầu tư, tranh thủ thời cơ, vận dụng linh hoạt các chính sách để tạo điều kiện thuận lợi thu hút vốn đầu tư ngoài tỉnh và ngoài nước cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Bên cạnh đó cũng cần có giải pháp huy động vốn đầu tư của các thành phần kinh tế trong tỉnh, vận động toàn dân tiết kiệm để tập trung vốn cho phát triển sản xuất dưới nhiều hình thức : tự bỏ vốn đầu tư ; liên doanh liên kết ; góp cổ phần... Rút kinh nghiệm ở một số nơi, tỉnh chủ trương kiên quyết không nhập thiết bị lạc hậu, đi thẳng vào công nghệ hiện đại đối với các cơ sở công nghiệp mới hình thành, như nhà máy cơ khí, xi măng, gạch, chế biến nông sản... Để thực hiện được những mục tiêu trên tỉnh cần có sự hỗ trợ của nhà nước của các cấp, các ngành ở trung ương. Chẳng hạn như việc đầu tư đóng tàu thuyền để đánh bắt xa bờ, vừa bảo vệ được đàn cá sinh sôi phát triển vùng gần bờ, vừa góp phần bảo vệ chủ quyền và an ninh của vùng biển của Tổ quốc.

Hai là, khó khăn về thị trường tiêu thụ. Việc quy hoạch xây dựng các vùng trồng mía tập trung ; khuyến khích mở mang diện tích kết hợp với thâm canh bằng những giống mía cao sản, bảo đảm nguyên liệu ổn định, vững chắc cho công nghiệp mía đường, bên cạnh việc huy động vốn và lao động, vấn đề tiến hành đồng bộ các khâu từ sản xuất - chế biến đến thị trường tiêu thụ, đặc biệt là thị trường tiêu thụ sản phẩm và thị trường nguyên liệu mía. Tuy nhiên, cũng cần tính đến cả những rủi ro về biến động giá cả, tìm giải pháp để bình ổn giá (hay bảo hiểm giá mía nguyên liệu), đồng thời coi việc bảo vệ lợi ích cho người trồng mía là một biện pháp quan trọng để ổn định thị trường mía đường, biến ngành mía đường thành mũi nhọn trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn và công nghiệp hóa nông nghiệp. Cũng như trong chuyển đổi cơ cấu kinh tế nông nghiệp vừa phải chú trọng ngành trồng trọt, vừa phải tăng tỷ trọng ngành chăn nuôi để nâng giá trị kinh tế của sản phẩm nông nghiệp. Song bên cạnh việc bảo đảm lương thực, thực phẩm cho tiêu dùng, có dự trữ và xuất khẩu, cơ cấu cây trồng cũng phải tính đến việc tạo thị trường cung cấp nguyên liệu ổn định, vững chắc cho công nghiệp chế biến...

Thực tế chuyển sang cơ chế thị trường trong mấy năm vừa qua cho thấy đối với những địa phương tỷ trọng nông nghiệp còn lớn như Phú yên thì sự ổn định thị trường và tìm thị trường tiêu thụ sản phẩm có một ý nghĩa quyết định đến phát triển sản xuất.❑

Digitized by Google

TẠI SAO NATO ?

TRẦN TRỌNG

BƯỚC vào năm 1997, trên vũ đài quốc tế đang nổi lên một câu hỏi lớn : Tại sao NATO ?

Những ai am hiểu tình hình, bám sát những bước đi mới của khối NATO đều không khỏi ngạc nhiên trước ý đồ táo bạo của phương Tây vào năm 1997 : NATO đang gấp rút phát triển sang phía Đông, nhanh hơn rất nhiều so với dự kiến.

Khoảng trung tuần tháng 12-1996, những cuộc họp riêng của Hội đồng NATO và cuộc họp có Liên bang Nga dự với tên gọi (16 + 1) diễn ra dồn dập. NATO khăng khăng đòi mở rộng sang phương Đông bằng cách kết nạp thêm 11 nước Đông Âu và Ban tích (thuộc Liên xô cũ). Còn Nga không chấp thuận và dọa "sẽ trả đũa". Cuối cùng NATO nhượng bộ đưa ra cam kết không bố trí vũ khí hạt nhân ở các nước Đông Âu để Nga yên tâm về an ninh. Phía Nga tuyên bố "bảo lưu sự phản đối" và không loại trừ khả năng đạt được thỏa thuận về cơ sở quan hệ Nga - NATO trước tháng 7-1997. Các cơ quan báo chí cả hai phía bình luận đây là một bước tiến thể hiện thiện chí. Người ta cho rằng đưa ra cam kết như vậy là "sự đối xử đúng tầm" với một cường quốc hạt nhân !

Tuy nhiên, ý đồ thực sự của giới lãnh đạo phương Tây trong việc mở rộng NATO còn đi xa hơn thế rất nhiều. Người ta tuyên bố năm 1997 là "năm NATO", "năm quyết định" và dự tính chi 127,4 tỉ đô la để mở rộng NATO ; riêng việc hiện đại hóa quân đội ở 4 nước Đông Âu là hơn 60 tỉ đô la. Những tin tức mới nhất từ Hội đồng tham mưu NATO cho thấy, nhiều dự án cho năm 1997, kể cả dự án kết nạp chính cả nước Nga vào làm một thành viên của NATO nữa đang được chuẩn bị. Hội nghị cấp cao có thể họp sớm hơn và rất có thể không phải (16 + 1) mà là 17 !

Điều đáng lưu ý là qua hoạt động của thông tin truyền thông phương Tây, trong dư luận đang có những nhận thức mơ hồ. Nhiều người nghĩ rằng NATO vốn là tổ chức quân sự nên những vấn đề của nó chẳng liên quan gì đến các mặt khác của đời sống chính trị quốc tế. Có người nghĩ rằng đây hình như chỉ là việc riêng giữa NATO và Nga. Thậm chí có ý kiến cho rằng mở rộng NATO có lẽ cũng "cần thiết" vì nếu không có NATO thì năm 1996 chắc gì đã chấm dứt được chiến tranh Bốt-xni-a !

"Tại sao NATO ?" là một vấn đề lớn và phức tạp, phải nhìn nhận một cách tổng quát. Trước đây câu hỏi lớn đó không đặt ra là điều tự nhiên. Trong những năm 1949-1950 khi chiến tranh lạnh bắt đầu, khối NATO (hồi đó thường gọi là khối quân sự Bắc Đại tây dương) ra đời thì sau đó phe xã hội chủ nghĩa lập ra khối Hiệp ước Vác-xa-va làm đối trọng. Những năm 1990 - 1991, khi thể chế xã hội chủ nghĩa ở Liên xô và các nước Đông Âu đang tan rã, những nhà cải cách ở các nước đó đã quyết định giải tán khối Vác-xa-va. Chiến tranh lạnh kết thúc, và theo lẽ thường thì khối NATO chẳng có lý do gì để tồn tại. Nhưng thực tế diễn ra lại không như vậy. NATO vẫn tồn tại với hàng chục vạn tay súng dưới cờ luôn sẵn sàng chiến đấu cao, vẫn vũ khí thông thường hiện đại và vũ khí hạt nhân đầy ắp các kho. Cơ cấu bộ chỉ huy các chiến trường Tây Âu, Bắc Âu, Nam Âu vẫn giữ nguyên, mỗi năm vẫn 14 lần tập trận đều đặn với chi phí hàng tỉ đô la. Chẳng những vậy, ngày 1-10-1993 Hội

Digitized by Google

nghị cấp cao NATO còn ra quyết định mở rộng NATO sang phía đông. Vì sao NATO vẫn tồn tại ? Điều đơn giản nhưng rất quan trọng là : nếu giải tán NATO tức là hủy bỏ Hiệp ước Bắc Đại tây dương và Mỹ sẽ phải rút quân về Bắc Mỹ. Quyền kiểm soát châu Âu, kể cả vùng Đông Âu và Liên xô (cũ) rộng lớn sẽ rơi vào tay một Tây Âu hùng mạnh. Đối với Mỹ điều đó là không thể được. Chính vì vậy mà câu hỏi "Tại sao NATO ?" được đặt ra từ đó. Cùng với thời gian, nó trở thành một yêu cầu, một sức ép ngày càng lớn trong dư luận châu Âu và trên thế giới đòi giải tán NATO. Tiếp tục duy trì lò lửa chiến tranh Bốt-xni-a có thể là lý do tốt để NATO tồn tại, nhưng sức ép đòi giải tán ngày càng lớn.

Đúng vào thời điểm ấy, một tình huống khác xảy ra làm cho chính giới phương Tây bị bất ngờ lớn : Nhiều tổ chức cộng sản ở các nước SNG và Đông Âu đang nhanh chóng được hồi sinh. Cái mà phương Tây chắc mẩm đã "vĩnh viễn trở về với cát bụi", là chủ nghĩa xã hội đang được những người cộng sản đề ra mục tiêu đấu tranh để phục hồi (dĩ nhiên không phải nguyên xi mô hình cũ). Họ đang là hạt nhân của sự hình thành và phát triển của các lực lượng cánh tả hùng mạnh ở các nước đó.

Sau những cuộc gặp dồn dập ở cấp cao của phương Tây trong năm 1995, dưới khẩu hiệu "ngăn ngừa chiến tranh lạnh quay trở lại", một kế hoạch chống chủ nghĩa xã hội được vạch ra, trong đó có phần quan trọng là sử dụng NATO. Thắng lợi của những người cộng sản Nga trong bầu cử Đu-ma quốc gia, thắng lợi của ứng cử viên cộng sản ở Ba lan và kết quả thu được của cánh tả ở một số nước Đông Âu đã thôi thúc phương Tây gấp rút mở rộng NATO để chống phục hồi chủ nghĩa xã hội. Một kịch bản hoàn chỉnh đến từng chi tiết đã được thực hiện. Chỉ đến khi một số vụ việc bị vỡ lở để lộ ra các bằng chứng thì người ta mới biết. Từ việc chọn Nam tư (cũ) làm địa bàn đến việc đưa tên lửa Tô-ma-hốc, máy bay chiến đấu tàng hình... vào Bốt-xni-a và đẩy mạnh cuộc chiến tranh ở đây lên mức ác liệt, đã làm cho cả châu Âu phải phát sốt ... Từ việc kéo các bên về Mỹ ký Hiệp định Đây-tơn để gạt Nga ra khỏi "nhóm tiếp xúc", đưa ngay 6 vạn quân NATO nhảy vào cuộc, đến các biện pháp trắng trợn dùng tòa án La Hay làm thủ đoạn dự phòng... đều được tính toán theo bài bản đã tính sẵn. Tất cả đều triệt để tận dụng chiêu bài "vì hòa bình". Cả mạng thông tin hiện đại được sử dụng như một dàn "đại hợp xướng" về "hòa bình". Tất cả được thực hiện hoàn hảo đến mức sức ép đòi giải tán NATO xẹp hẳn xuống. NATO bỗng nổi bật lên như một "người anh hùng kiến tạo hòa bình giỏi nhất hành tinh" thời hậu chiến tranh lạnh ! Qua vụ "áp phe hòa bình" này, NATO nghiễm nhiên đứng chân đàng hoàng ở đất Nam tư (cũ), lập được căn cứ quân sự trên lãnh thổ Hung-ga-ri... là chuyện ngót nửa thế kỷ qua, các nhà chiến lược ở Tây Âu nằm mơ cũng chưa dám nghĩ đến !

Đau nhất vẫn là ngót 20 triệu dân các xứ Bốt-xni-a, Crô-a-ti-a và Xéc-bi-a, đánh nhau gần 4 năm trời bằng máu của mình với súng và tiền của người khác để cuối cùng phải chấp nhận một thứ hòa bình áp đặt có lợi cho mình ít hơn là vì lợi ích của nước ngoài. Mâu thuẫn còn nguyên, hận thù chồng chất. Đất nước bị chiếm đóng mà còn phải hàm ơn cái đám "khách không mời" ấy.

Dư luận hoàn toàn ủng hộ việc nghiêm trị tội phạm chiến tranh, nhưng phải đúng người, đúng tội, thật sự là tội phạm chiến tranh và đồng thời phải có nguyên tắc, quyền hạn, luật lệ như thế nào cho phải. Không phải quân chiếm đóng, dù mang tên là IFOR hay "đa quốc gia" nào cũng vậy, tự ý đưa ra danh sách quy cho ai là tội phạm thì tòa án quốc tế cứ vậy ra lệnh truy tố. Việc sử dụng tòa án La Hay là một trong những trò chơi chính trị của các tác giả kịch bản "kiến tạo hòa bình Bốt-xni-a", đồng thời nó cũng tạo ra một tiền lệ nguy hiểm mà nhân dân các dân tộc, đặc biệt là các lực lượng cánh tả, phải cảnh giác.

Digitized by Google

Ai cũng thừa nhận rằng không còn chiến tranh lạnh mà để cho NATO tồn tại và mở rộng thêm là không hợp lý, nhưng một câu hỏi nữa được đặt ra : Tại sao việc NATO mở rộng sang phía Đông chỉ bị có mỗi mình Nga phản đối, còn các nước Đông Âu và Ban-tích (thuộc Liên xô cũ) lại hăng hái xin gia nhập ? Đó là điều có thể hiểu được, vì hai lẽ : *Một là,* về kinh tế, các nước này, tuy ở mức độ khác nhau, nhưng đều đang lâm vào khủng hoảng. Chính phủ các nước đó có đứng được hay không một phần quan trọng tùy thuộc vào khả năng khắc phục khủng hoảng, ổn định tình hình kinh tế và đời sống. Nhưng muốn ổn định kinh tế, khắc phục khủng hoảng thì phải dựa vào EU (cộng đồng châu Âu) về nhiều mặt : khất nợ, vay vốn, kỹ thuật, công nghệ, thương mại, đầu tư, thị trường, viện trợ... Nếu không phải là thành viên NATO thì không giải quyết được. Từng chạm trán với tình hình hóc búa đó, cuối năm vừa qua, Tổng thống mới của Bun-ga-ri P.Xtôi-a-nốp đã nói thẳng ra rằng : "đối với các nước Đông Âu và đối với Bun-ga-ri, khả năng khắc phục khủng hoảng kinh tế gắn liền với việc gia nhập EU, mà con đường tới EU lại phải đi qua NATO" ! *Hai là,* về chính trị, hầu hết các chính phủ của các nước này hiện nay đều thuộc các nhóm mới lên cầm quyền sau khi chế độ xã hội chủ nghĩa ở đó sụp đổ. Trước sự lớn mạnh của cánh tả trong cuộc đấu tranh đòi phục hồi và chống phục hồi chủ nghĩa xã hội trong nước họ và trong cả khu vực, họ mặc nhiên đứng về phía chống phục hồi mà xu hướng tất yếu là dựa vào các thế lực bên ngoài để tồn tại. Do chịu tác động từ hai nhân tố kinh tế và chính trị như vậy, việc các nước Đông Âu và Ban tích xin gia nhập NATO cũng là điều dễ hiểu.

Còn tại sao chỉ mỗi mình Nga phản đối mở rộng NATO ? Điều này có liên quan đến một câu hỏi khác : Tại sao đến tận những ngày cuối cùng năm 1996, NATO phải nhượng bộ, đưa ra cam kết với Nga là không bố trí vũ khí hạt nhân ở các nước Đông Âu ? Thực ra Nga cũng có những vấn đề cơ bản tương tự như các nước Đông Âu nhưng lại có nhiều điểm khác biệt. Nga vẫn là một cường quốc hạt nhân có chân trong 5 nước thường trực Hội đồng bảo an Liên hợp quốc. Nga là quê hương của Cách mạng xã hội chủ nghĩa Tháng Mười, là đất nước của một dân tộc giầu truyền thống anh hùng, kiên cường vĩ đại. Năm qua, lực lượng cánh tả mà nòng cốt là các tổ chức cộng sản đã tích cực đẩy mạnh cuộc đấu tranh phục hồi chủ nghĩa xã hội. Chính quyền ở Nga hiện nay lên tiếng phản đối kịch liệt việc mở rộng NATO sang phía Đông, vì nhiều lẽ. Vì lợi ích dân tộc và quốc gia ; vì không muốn để cho các lực lượng và phe phái trong liên minh cầm quyền kiếm cớ để phê phán ; không để cho cánh tả giành lợi thế trong đấu tranh, khoét sâu vào chỗ yếu trong đối ngoại của chính quyền là thỏa hiệp... Nhiều nhà quan sát cho rằng trong vấn đề này, vì cả đối nội và đối ngoại, Nga đã tỏ rõ thiện chí nhân nhượng nhiều. Tính từ tháng 12-1995 đến nay Nga đã 4 lần tuyên bố "Không cho phép mở rộng NATO sang phía Đông", rồi tiếp theo là 3 lần tuyên bố "sẽ trả đũa" và cuối cùng là "bảo lưu sự phản đối". Các nhà bình luận cho rằng chỉ nguyên sự nhượng bộ đó cũng gói ghém rất nhiều điều cho phép ta hiểu được một phần vấn đề NATO trong cuộc đấu tranh cho phục hồi và chống phục hồi chủ nghĩa xã hội hiện nay. Sự cam kết đó như thế nào ? Ai cũng biết vũ khí tên lửa hạt nhân có 3 tính năng đặc biệt : tầm bắn xa, sức hủy diệt lớn và hậu quả để lại rất lâu. Vì vậy, trong bố trí chiến lược người ta phải chú ý để phòng đòn đánh trả sao cho càng phân tán nhiều càng tốt. Một số nhà chiến lược và chính khách Tây Âu muốn đưa bớt vũ khí hạt nhân sang Đông Âu mà không để tập trung ở Tây Âu nhằm mục đích đó. Trái lại, một số khác lại phản đối, cho rằng làm như vậy là sai lầm. Bởi vì đòn đánh trả thì còn lâu chưa biết đến tận bao giờ mới có, trong lúc nguy cơ phục hồi chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu đã xuất hiện ngay trước mắt. Các nước Đông Âu lại vốn là "thánh địa của cộng sản" hàng mấy chục

Digitized by Google

năm, "không đủ độ tin cậy". "Gửi vàng" còn phải "chọn mặt", huống hồ đây lại là hàng trăm vũ khí hạt nhân !

Giới chiến lược Mỹ có cách tính toán khác. Mỹ có 480 đơn vị vũ khí hạt nhân đặt ở Tây Âu và từ năm 1990 đến nay vẫn đang tiếp tục xây dựng 220 hầm bố trí hạt nhân ở đó. Mục tiêu tập trung của Mỹ là Nga. Đưa NATO đứng chân được cả Đông Âu thì dù trong trường hợp xấu nhất, chủ nghĩa xã hội có phục hồi thắng lợi, Nga cũng không còn đất để khôi phục lại khối Vác-xa-va. Đưa vũ khí hạt nhân áp sát vào biên giới Nga, Mỹ đã nghĩ đến khả năng sau này phải đứng chân ở Đông Âu mà kiềm chế Tây Âu, tính toán phương án nào cũng có lợi cho Mỹ. Phương án cao nhất của Mỹ là không để cho chủ nghĩa xã hội phục hồi ở Nga, kết nạp Nga vào NATO và tạo thành trong đó một liên minh nòng cốt tay đôi, cùng với Nga kiểm soát cả châu Âu dưới quyền bảo trợ của Mỹ. Sự nhân nhượng bằng cam kết không bố trí hạt nhân ở Đông Âu là sản phẩm thỏa hiệp của các tính toán nói trên.

Nga thừa biết mọi tính toán chi tiết của từng bên phương Tây đối với Nga, nhưng do phải đối phó với nhiều thách thức và khó khăn dồn dập trong nước nên Nga buộc phải nhượng bộ và lùi dần từng bước. Nhưng độ lùi nào cũng có giới hạn.

Vào năm kỷ niệm tròn 80 năm Cách mạng Tháng Mười, những người cộng sản và các lực lượng cánh tả ở Nga và các nước SNG, Đông Âu đang xiết chặt hàng ngũ hăng hái đấu tranh cho sự phục hồi chủ nghĩa xã hội. Chống lại sự phục hồi đó, ở phía kia, cả phương Tây đã tiến vào "năm quyết định" và đưa cả khối NATO vào cuộc, làm cho cuộc đấu mang tính chất toàn cầu.

Tại sao NATO ? - Về thực chất đó chỉ mới là một phần trên mặt nổi của cuộc đấu tranh quyết liệt và phức tạp của thời đại. Đã có những biểu hiện báo hiệu tình hình quốc tế năm 1997 sẽ có những biến động phức tạp.❑

Tìm hiểu khái niệm

THƯ TÍN DỤNG THƯƠNG MẠI (L/C). CÁC LOẠI L/C

● **Thư tín dụng thương mại** (viết tắt từ tiếng Anh là L/C - Letter of Credit) là văn bản pháp lý, trong đó ngân hàng mở L/C cam kết trả tiền cho người xuất khẩu, nếu họ xuất trình được một bộ chứng từ thanh toán phù hợp với nội dung của L/C. Thư tín dụng có ý nghĩa rất quan trọng trong thương mại quốc tế. Nó hình thành trên cơ sở của hợp đồng mua bán, tức là phải căn cứ vào nội dung và yêu cầu của hợp đồng để người nhập khẩu làm đơn yêu cầu mở L/C và sau khi đã mở thì L/C lại hoàn toàn độc lập với hợp đồng mua bán. Điều đó có nghĩa là khi thanh toán ngân hàng mở L/C chỉ căn cứ vào L/C mà thôi. Do đó, đòi hỏi các nhà doanh nghiệp khi mua bán và thanh toán quốc tế phải tuân thủ nghiêm ngặt và kiểm tra chặt chẽ toàn bộ nội dung, cũng như các điều khoản của một thư tín dụng thương mại.

Văn bản pháp lý quốc tế thông dụng của tín dụng chứng từ nói chung, cũng như của L/C nói riêng là *"Quy tắc và cách thực hành thống nhất về tín dụng chứng từ, số 500 bản sửa đổi năm 1993"* của Phòng thương mại quốc tế (viết tắt bằng tiếng Anh là UCP - 500). Bản quy tắc này mang tính chất pháp lý tùy ý, khi áp dụng nó các bên đương sự phải thỏa thuận ghi vào L/C, đồng thời có thể có những thỏa thuận khác, miễn là phải có dẫn chiếu. Nội dung chính của bản Quy tắc này gồm : nguyên tắc chung và định nghĩa về tín dụng chứng từ ; hình thức và thông báo thư tín dụng ; trách nhiệm của ngân hàng ; chứng từ thanh toán ; những điều khoản khác, như : quy định về số lượng và số tiền, giao từng phần, ngày hết hiệu lực, cách bốc xếp hàng, xuất trình chứng từ thanh toán v.v..

Hiện nay ở nước ta, các ngân hàng thương mại và các đơn vị kinh doanh ngoại thương đã thống nhất sử dụng bản quy tắc này như một văn bản pháp lý điều chỉnh các loại thư tín dụng L/C được áp dụng trong thanh toán quốc tế giữa Việt nam và các nước.

Digitized by Google

● **Các loại thư tín dụng thương mại**

- *Thư tín dụng không thể huỷ bỏ* là loại thư tín dụng sau khi đã được mở thì ngân hàng mở L/C không được sửa đổi, bổ sung hoặc hủy bỏ, trong thời hạn hiệu lực của nó, trừ khi có sự thỏa thuận khác của các bên tham gia thư tín dụng. Theo tập quán của các ngân hàng thì một thư tín dụng mà không ghi chữ IRREVOCABLE vẫn được coi là không thể hủy bỏ. Thư tín dụng không thể hủy bỏ được áp dụng rộng rãi nhất trong thanh toán quốc tế, nó là loại L/C cơ bản nhất.

- *Thư tín dụng không thể hủy bỏ có xác nhận* là loại thư tín dụng không thể hủy bỏ,được một ngân hàng khác bảo đảm trả tiền theo yêu cầu của ngân hàng mở L/C. Trách nhiệm của ngân hàng xác nhận giống như ngân hàng mở L/C, do đó ngân hàng mở L/C phải trả thủ tục phí xác nhận, có khi còn phải đặt cọc tiền tới 100% trị giá L/C tại ngân hàng xác nhận. Do có hai ngân hàng đứng ra cam kết trả tiền cho người xuất khẩu, nên thư tín dụng loại này là loại bảo đảm nhất cho người xuất khẩu.

- *Thư tín dụng không thể hủy bỏ, miễn truy đòi* là loại L/C mà sau khi người xuất khẩu đã được trả tiền thì ngân hàng mở L/C không còn quyền đòi lại tiền từ người xuất khẩu trong bất cứ trường hợp nào. Khi dùng loại L/C này người xuất khẩu phải ghi lên hối phiếu câu "Miễn truy đòi lại người ký phát" và trong L/C cũng phải ghi như vậy. L/C miễn truy đòi cũng được sử dụng rộng rãi trong thanh toán quốc tế.

- *Thư tín dụng chuyển nhượng* là loại L/C không thể hủy bỏ, trong đó quy định quyền của ngân hàng trả tiền được trả toàn bộ hay một phần số tiền của L/C cho một hay nhiều người theo lệnh của người hưởng lợi đầu tiên. L/ C chuyển nhượng chỉ được chuyển nhượng một lần. Chi phí chuyển nhượng thường do người hưởng lợi đầu tiên chịu.

- *Thư tín dụng tuần hoàn* là loại L/C không thể hủy bỏ sau khi sử dụng xong hoặc đã hết thời hạn hiệu lực thì nó lại tự động có giá trị như cũ, và cứ như vậy nó tuần hoàn cho đến khi nào tổng trị giá hợp đồng được thực hiện. Trong thư tín dụng tuần hoàn cần ghi rõ ngày hết hiệu lực cuối cùng, số lần tuần hoàn và giá trị tối thiểu của mỗi lần đó. Nếu việc tuần hoàn căn cứ vào thời hạn hiệu lực trong mỗi lần tuần hoàn thì phải ghi rõ có cho phép số dư của L/C trước cộng dồn vào những L/C kế tiếp hay không. Nếu không cho phép thì gọi nó là L/C tuần hoàn không tích lũy. Nếu cho phép thì gọi nó là tuần hoàn tích lũy.

- *Thư tín dụng giáp lưng*. Sau khi nhận được L/C do người nhập khẩu mở cho mình hưởng, người xuất khẩu dùng L/C này để thế chấp mở một L/C khác cho người hưởng lợi khác hưởng với nội dung gần giống như L/C ban đầu. L/C mở sau gọi là L/C giáp lưng. Về đại thể L/C gốc và L/C giáp lưng giống nhau, nhưng xét riêng chúng có những điểm cần phân biệt : số chứng từ của L/C giáp lưng phải nhiều hơn L/C gốc ; kim ngạch L/C giáp lưng phải nhỏ hơn L/C gốc, khoản chênh lệch này do người trung gian hưởng dùng để trả chi phí mở L/C giáp lưng và phần hoa hồng của họ ; thời hạn giao hàng của L/C giáp lưng phải sớm hơn L/C gốc. Nghiệp vụ thư tín dụng giáp lưng rất phức tạp, đòi hỏi phải có sự kết hợp khéo léo và chính xác các điều kiện của L/C gốc với L/C giáp lưng, nhất là các vấn đề có liên quan đến vận đơn và chứng từ hàng hóa khác.

- *Thư tín dụng đối ứng* là loại L/C chỉ bắt đầu có hiệu lực khi thư tín dụng kia đối ứng với nó đã mở ra. Trong L/C ban đầu thường phải ghi : "L/C này chỉ có giá trị khi người hưởng lợi đã mở lại một L/C đối ứng với nó để cho người mở L/C này hưởng". Và trong L/C đối ứng phải ghi câu : "L/C này đối ứng với L/C số ... mở ngày ... qua ngân hàng ...". L/C đối ứng thường được sử dụng trong phương thức mua bán hàng, đổi hàng, ngoài ra không loại trừ khả năng dùng trong phương thức gia công quốc tế, tuy ở đây có nhiều phức tạp hơn.

- *Thư tín dụng dự phòng*. Trong trường hợp người xuất khẩu nhận được L/C rồi nhưng không có khả năng giao hàng, để bảo đảm quyền lợi cho người nhập khẩu, ngân hàng mở L/C sẽ cam kết với người nhập khẩu thanh toán lại cho họ trong trường hợp trên. L/C như thế gọi là L/C dự phòng. Nó thường được áp dụng trong các quan hệ có một bên là người đặt hàng (người mua) và một bên là người sản xuất (người bán). Các khoản tín dụng mà người đặt hàng cấp cho người sản xuất như tiền đặt cọc, tiền ứng trước, chi phí mở L/C ... chiếm tỷ trọng 10 - 15% giá trị của đơn đặt hàng. Việc bảo đảm hoàn lại số tiền đó cho người đặt hàng khi người sản xuất không hoàn thành nghĩa vụ giao hàng có ý nghĩa quan trọng.

- *Thư tín dụng thanh toán dần dần* là loại L/C không thể hủy bỏ, trong đó ngân hàng mở L/C hay là ngân hàng xác nhận L/C cam kết với người hưởng lợi sẽ thanh toán dần dần toàn bộ số tiền của L/C trong những thời hạn quy định rõ trong L/C đó. Ngoài ra tùy theo tập quán và sự thỏa thuận giữa các bên tham gia buôn bán quốc tế người ta còn có thể lập ra các loại thư tín dụng L/C khác. Nếu căn cứ vào thời hạn trả tiền thì L/C được phân biệt làm hai loại : *L/C trả tiền ngay*, nghĩa là ngày trả tiền chính là ngày hết hạn hiệu lực của L/C, là ngày ngân hàng nhận được bộ chứng từ. *L/C trả chậm* là người bán hàng cấp tín dụng cho người mua *ký phác hối phiếu* trả tiền sau, hối phiếu có kỳ hạn thì ngày trả tiền có thể nằm ngoài thời hạn hiệu lực của L/C, nhưng ngày chấp nhận hối phiếu phải nằm trong thời hạn hiệu lực của L/C.❑

Digitized by Google

HỘI THẢO KHOA HỌC : CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI CÔNG TÁC BẢO VỆ SỨC KHỎE

Nhân ngày thầy thuốc Việt nam (27-2-1997) và tiến tới kỷ niệm lần thứ 107 ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19-5-1890- 19-5-1997), ngày 25-2-1997, Bộ y tế phối hợp với Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, tổ chức Hội thảo khoa học : *"Chủ tịch Hồ Chí Minh với công tác bảo vệ sức khỏe"*.

Tham dự Hội thảo có 200 cán bộ khoa học gồm nhiều giáo sư, phó giáo sư, phó tiến sĩ, thầy thuốc nhân dân Đông y và Tây y, quân y và dân y thuộc Bộ y tế, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Viện nghiên cứu chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, Trung tâm khoa học xã hội, nhân văn quốc gia và một số trường đại học.

Giáo sư Đỗ Nguyên Phương, Ủy viên trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ y tế, phó tiến sĩ Trần Thị Trung Chiến, Ủy viên trung ương Đảng , thứ trưởng thường trực Bộ y tế và Phó giáo sư Tô Huy Rứa, Uy viên trung ương Đảng, Phó giám đốc thường trực Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, chủ trì Hội thảo.

Ban tổ chức đã nhận được 79 báo cáo khoa học, trong đó có 15 bản đã được trình bày trước Hội thảo.

Các báo cáo đều tập trung vào 6 nội dung chính :

Thứ nhất : Quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về vị trí và trách nhiệm của ngành y tế. Ở phần này các báo cáo nêu rõ Hồ Chí Minh coi y tế là một mặt trận, Đảng, nhân dân giao cho y tế nhiệm vụ chăm lo, phát triển nguồn lực con người. Nhiều báo cáo đã nêu rõ Hồ Chí Minh chính là người thầy trị bệnh cho nước, chữa bệnh cho dân. Bởi vì, Hồ Chí Minh đã mang lại độc lập cho nước, cơm no, áo ấm cho dân - điều kiện quyết định đối với mỗi người và cả dân tộc phát triển về thể chất, lành mạnh về tinh thần. Đó cũng là quan niệm của Hồ Chí Minh về sức khỏe.

Thứ hai : Những quan điểm cơ bản của Chủ tịch Hồ Chí Minh về xây dựng nền y học Việt nam. Căn cứ vào những bài nói, bài viết của Chủ tịch Hồ Chí Minh, các tham luận đã nêu lên 5 quan điểm :

1 - Khoa học, dân tộc, đại chúng

2 - Dự phòng là chính, kết hợp phòng bệnh với chữa bệnh

3 - Kết hợp Đông y với Tây y

4 - Kết hợp dân y với quân y

5 - Sức khỏe bao gồm tinh thần và thể chất

Nhiều tham luận đã chỉ rõ ý nghĩa thời đại của tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nền y học Việt nam. Các tham luận cũng thẳng thắn chỉ ra ngành y tế cần phải cố gắng nhiều hơn nữa trong quá trình xây dựng nền y học Việt nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh.

Thứ ba : Quan niệm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về người cán bộ y tế và về y đức. Đây là phần thu hút nhiều tham luận khoa học nhất. Mỗi tác giả tuy có những tiếp cận và lý giải khác nhau nhưng tựu trung lại nổi lên 3 ý :

1 - Mỗi cán bộ y tế là một chiến sĩ

2 - Cán bộ y tế không chỉ giỏi về chuyên môn mà phải vững vàng về chính trị, yêu dân, yêu nước, đoàn kết nội bộ

3 - Thầy thuốc phải như mẹ hiền. Quan hệ giữa thầy thuốc và người bệnh được các nhà quản lý và khoa học quan tâm nhiều nhất. Nhiều báo cáo đề cao y đức của người thầy thuốc Việt nam. Tuy nhiên có những tham luận cho rằng hiện nay, đã xuất hiện tình trạng đồng tiền chi phối mối quan hệ giữa thầy thuốc và người bệnh, người bệnh được chăm sóc nhiều hay ít, tận tình hay thờ ơ không phải do bệnh nặng hay nhẹ, mà do quà biếu, tiền lót tay nhiều hay ít. Có báo cáo nêu vấn đề để cho người thầy thuốc như mẹ hiền thì bệnh nhân cũng phải là con hiếu thảo.

Thứ tư : Chủ tịch Hồ Chí Minh với cán bộ y tế và cán bộ y tế với Chủ tịch Hồ Chí Minh. Bằng những tư liệu xác thực, các báo cáo đã chỉ rõ đức - tài Hồ Chí Minh đóng vai trò quyết định trong việc hình thành lớp chuyên gia y tế đầu tiên của chính quyền cách mạng. Chính sự quan tâm thường xuyên, tận tình, chu đáo, có thể nói đến mức tỉ mỉ của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với những cán bộ y tế đã tạo nên sự gắn bó đặc biệt giữa Người với cán bộ, nhân viên ngành y.

Thứ năm : Chủ tịch Hồ Chí Minh với việc giữ gìn, nâng cao sức khỏe cho bản thân và những người xung quanh mình. Nhiều tác giả dẫn lời Hồ Chí Minh : Mỗi người dân khỏe là cả nước khỏe. Muốn vậy, mọi người phải thường xuyên rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh, ăn uống điều độ, sống gắn bó, hòa quyện với thiên nhiên. Việc bảo vệ, giữ gìn và rèn luyện để nâng cao sức khỏe của Hồ Chí Minh không chỉ là tấm gương cho những người xung quanh mà còn có ý nghĩa giáo dục lớn đối với mỗi người Việt nam hôm nay.

Thứ sáu : Các địa phương, cơ sở vận dụng và thực hiện những quan điểm của Hồ Chí Minh vào việc xây dựng ngành y tế. Các tham luận cho rằng những thành tựu của ngành y tế không thể tách rời tư tưởng Hồ Chí Minh. Những thiếu sót của cả ngành và mỗi cán bộ y tế những năm gần đây có nguyên nhân do chưa học tập quán triệt sâu sắc tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng và phát triển ngành y tế trong tình hình mới. Nhiều tham luận đánh giá cao việc Bộ y tế ngày 6-11-1996 ban hành 12 điều quy định về đức và quan tâm nhiều hơn tới việc chữa bệnh cho người nghèo cũng như các đối tượng thuộc diện chính sách. Những việc làm đó phù hợp với tư tưởng Hồ Chí Minh.

Báo cáo để dẫn của Giáo sư Đỗ Nguyên Phương, cũng như các tham luận, những ý kiến trong Hội thảo và phát biểu tổng kết của giáo sư Lê Hữu Nghĩa đều khẳng định cần tiếp tục nghiên cứu, vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng và phát triển ngành y tế. Chỉ có như vậy, ngành y tế mới hoàn thành những nhiệm vụ, chỉ tiêu do Đại hội VIII đề ra : "Phấn đấu đến năm 2000 giảm hẳn tỷ lệ mắc bệnh truyền nhiễm gây dịch, các bệnh do ký sinh trùng và suy dinh dưỡng.... Cải thiện các chỉ tiêu cơ bản về sức khỏe của người dân, nhất là sức khỏe bà mẹ trẻ em, nâng cao tuổi thọ bình quân và giảm tỷ lệ tử vong... Phát triển y học cổ truyền dân tộc ; kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại... Có chính sách đãi ngộ để sử dụng tốt cán bộ y tế, nhất là ở những nơi khó khăn... Đề cao y đức "thầy thuốc như mẹ hiền".❑

PTS NGUYỄN KHÁNH BẬT
(tổng thuật)

Digitized by Google

CÔNG TY THÉP MIỀN NAM

SOUTHENRN STEEL COPORATION, SSC

ĐỊA CHỈ VĂN PHÒNG : 56 THỦ KHOA HUÂN - Q.1 - TP - HCM

ĐIỆN THOẠI : 8291539 ; FAX : (84-8) 8296301

CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

+ Sản xuất các loại thép cán nóng dùng cho xây dựng : (sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng TCVN - 1650 - 75, GOGT - 380 - 71 và JIS - 3112).

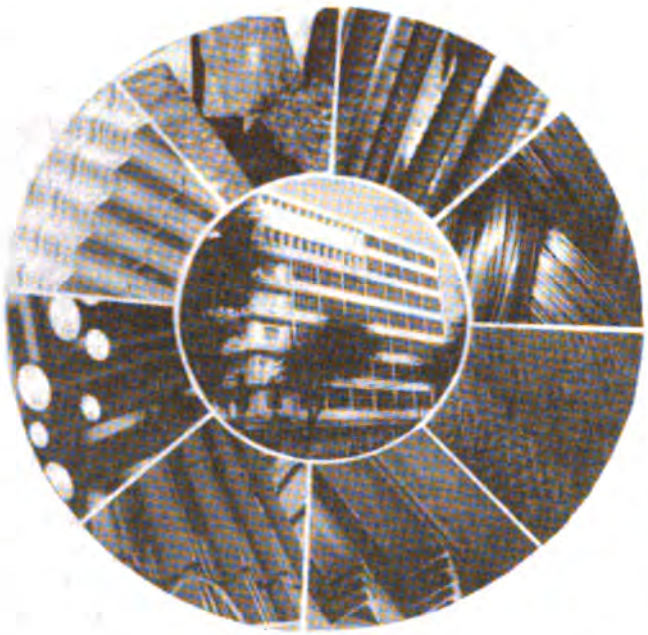
- Thép tròn dạng cuộn từ ϕ6 đến ϕ10
- Thép tròn dạng thanh từ ϕ12 đến ϕ18
- Thép góc đều cạnh cỡ nhỏ.

+ Sản xuất các sản phẩm khác như :

- Đinh đóng gỗ, lưới rào, dây kẽm gai, Fe - Si, đất đèn, đúc gang, đúc thép, tôn mạ, tôn mầu và phụ tùng máy móc.

+ Mua sắt, thép phế liệu và các nguyên liệu phục vụ luyện kim như :

- Điện cực, Fe - Mn, gạch chịu lửa, than cốc.



CÁC NHÀ MÁY TRỰC THUỘC CÔNG TY

+ *Nhà máy Thép Biên Hòa (VICASA) :* Khu Công nghiệp Biên Hòa, Đồng Nai ; Điện thoại (61) 836148.

+ *Nhà máy Thép Thủ Đức (VIKIMCO) :* Xã Phước Long, Thủ Đức, Tp Hồ Chí Minh ; Điện thoại : 8969612.

+ *Nhà máy Thép Nhà Bè (VIỆT THÀNH) :* Xã Tân Thuận, Huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh ; Điện thoại : 8729625 - 8720261

+ *Nhà máy Thép Tân Bình (SONG CHÂU) :* 117 Âu Cơ, Quận Tân Bình, Tp. Hồ Chí Minh ; Điện thoại : 8656862 - 8653581

+ *Nhà máy lưới thép Bình Tây (VIĐOTHEP) :* 337 An Dương Vương, Quận 5, Tp. Hồ Chí Minh ; Điện thoại : 8555316.



+ *Nhà máy thép Tân Thuận (HOÀN THÀNH) :* Xã Tân Thuận, Huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh ; Điện thoại 8723553 - 8720164.

+ *Nhà máy Cơ khí Luyện kim (SADAKIM) :* Khu công nghiệp Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai ; Điện thoại (61) 836170.

+ *XN Xây lắp Luyện kim :* 63 - 65 Hàm Nghi, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh ; Điện thoại : 8297414 - 8298337.

+ *Công ty POSVINA* (Liên doanh với công ty POSCO - Hàn Quốc) ; Xã Phước Long, Thủ Đức, Tp. Hồ Chí Minh ; Điện thoại : 8966517 - 8966041, Fax : (84-8) 966040.

+ *Công ty NIPPOVINA* (Liên doanh với Công ty NOMURA - Nhật Bản và FIW - Malaysia) : Xã Tân Thuận, Huyện Nhà Bè, Tp. Hồ Chí Minh ; Điện thoại : 8728492 - 7828493.

+ *Công ty Tôn Phương Nam* (liên doanh với công ty NOMURA - Nhật Bản và FIW - Malaysia) : Khu công nghiệp Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai ; Điện thoại : 8226127.

+ *Công ty Mạ Công nghiệp VINGAL* (Liên doanh với với Delta Group - Úc) Khu công nghiệp Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai ; Điện thoại : 8220591.

+ *Công ty Thép Tây Đô* (Liên doanh với công ty HO ASIA - Đài Loan, Công ty thép Việt và Tổng công ty An Phú Việt Nam)

Digitized by Google

CÔNG TY CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG

** Địa chỉ : 19 - Nguyễn Chí Thanh - Thành phố Buôn Ma Thuột * Điện thoại : 01-50-52500*

CHÚC MỪNG NĂM MỚI

Nhân dịp năm mới Đinh Sửu 1997 Công ty xin gửi tới Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, Sở GTVT, các cấp, các ngành lời cảm ơn và lời chúc mừng năm mới nồng nhiệt nhất ; mong tiếp tục nhận được sự giúp đỡ của quí cấp, quí ngành tạo điều kiện để công ty hoàn thành nhiệm vụ và ngày một phát triển đi lên.

T/M tập thể CBCNV công ty công trình giao thông
GIÁM ĐỐC **ĐỖ DUY PHƯƠNG**



Công ty công trình giao thông là một đơn vị chủ lực xây dựng cầu đường của Đắc lắc. Trong cơ chế mới để đủ sức cạnh tranh với các thành phần kinh tế cùng xây dựng cầu đường, công ty đã từng bước kiện toàn bộ máy tổ chức theo hướng tinh gọn đủ sức mạnh thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, đồng thời tăng cường đầu tư, đổi mới phương tiện thiết bị đáp ứng yêu cầu mở rộng sản xuất. Trong những năm gần đây công ty đã đầu tư 3 tỷ đồng, kết hợp với các nguồn vốn khác mua mới xe ô tô vận tải, máy san, máy ủi, máy xúc, máy lu... đưa số phương tiện hiện có lên 54 xe máy các loại. Với số phương tiện này công ty có thể đảm nhận thi công cùng một lúc 5 - 6 công trình giao thông. Chất lượng và hiệu quả của công trình được công ty thường xuyên coi trọng. Mọi hiện tượng làm bừa, làm ẩu được công ty xử lý kiên quyết. Nhờ vậy các công trình do công ty thi công đều được ngành giao thông vận tải và khách hàng đánh giá cao. Kết quả sản xuất mỗi năm mỗi cao, năm 1993 tổng giá trị thực hiện 6.801.000.000 đồng, năm 1994 là 8.150.000.000 đồng và năm 1995 khoảng 12 tỷ đồng.



Sản xuất phát triển, đời sống công nhân ngày càng được ổn định, nghĩa vụ nộp ngân sách đầy đủ, nguồn vốn được bảo toàn là động lực tạo niềm tin cho công ty tiếp tục vươn lên khẳng định trong cơ chế thị trường.





Digitized by Google

NGÂN HÀNG NÔNG NGHIỆP TỈNH LÂM ĐỒNG

ĐC : 21A Trần Phú - Đà lạt và các chi nhánh trên khắp địa bàn tỉnh Lâm đồng
ĐT : (063) 822613-822689-822535-822688 * Fax : (8463) 821059



Hoạt động hiện nay của Ngân hàng nông nghiệp tỉnh Lâm đồng :

- Nhận tiền gửi có kỳ hạn và không kỳ hạn bằng tiền Việt Nam, ngoại tệ của tổ chức kinh tế, cá nhân trong nước và ngoài nước bằng các hình thức phát hành chứng chỉ tiền gởi, kỳ phiếu, tiền gởi ngắn hạn và dài hạn.
- Cho vay ngắn hạn, trung và dài hạn bằng tiền Việt Nam đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ hợp pháp của tất cả các thành phần kinh tế.
- Cho vay có tài trợ xuất khẩu, thanh toán quốc tế.
- Cầm cố, cho vay trả góp.
- Kinh doanh mua bán vàng bạc, ngoại tệ, cất trữ giấy tờ có giá.
- Dịch vụ và chi trả kiều hối.
- Nhận ủy thác đầu tư bằng nội, ngoại tệ của các tổ chức trong và ngoài nước.
- Thanh toán chuyển tiền nhanh cho khách hàng.

Hãy đến với Ngân hàng nông nghiệp Lâm đồng, quí khách sẽ hài lòng với đội ngũ cán bộ nghiệp vụ, lịch thiệp, tận tình vì lợi ích của khách hàng.

Digitized by Google

TỔNG CÔNG TY CÀ PHÊ VIỆT NAM

VINA CAFE

Tổng công ty Cà phê Việt nam - VINACAFE được thành lập theo Quyết định số 251/TTg ngày 29-4-1995 của Thủ tướng Chính phủ.

- Trụ sở Tổng công ty :

Số 5 phố Ông Ích Khiêm - Quận Ba đình - Hà nội

Tel : 84.4.8433225/8433226/8232196 Telex : 412288 VICAF VT Fax : 84.4.8456422



Trụ sở chính của TCT Cà phê Việt nam tại Hà nội.



Một vài sản phẩm tiêu thụ nội địa của TCT Cà phê Việt nam



Một trong những vùng nông thôn mới tại Tây nguyên của TCT Cà phê Việt nam

- Các chi nhánh :

+ Tại thành phố Hồ Chí Minh :

Số 28 - Phố Tôn Đức Thắng - Quận I - thành phố Hồ Chí Minh

Tel : 84.8.8290262/8295705

Fax : 84.8.8291615

+ Tại tỉnh Đắclắc :

Xã Hòa thắng - Thành phố Buôn ma thuột - Tỉnh Đắclắc

Tel : 0.50.862093/862144

Fax : 0.50.862247

VINACAFE là doanh nghiệp nhà nước về sản xuất, chế biến cà phê và xuất nhập khẩu cà phê lớn nhất Việt nam, đồng thời kinh doanh tổng hợp các ngành hàng khác. Tại thời điểm thành lập, Tổng công ty bao gồm 68 đơn vị thành viên, trong đó có 60 doanh nghiệp và 8 đơn vị hành chính sự nghiệp.

- Các hoạt động chính :

+ Sản xuất và chế biến : cà phê và các nông sản khác, vật liệu xây dựng.

+ Thương mại và kinh doanh xuất nhập khẩu : sản phẩm cà phê các loại ; nông - lâm - hải sản ; máy móc thiết bị, vật tư và hàng tiêu dùng.

+ Dịch vụ : khoa học kỹ thuật, đào tạo, khuyến nông, xây dựng, vận tải, du lịch, khách sạn, y tế, tư vấn đầu tư...

+ Liên doanh sản xuất phân bón tại Việt nam.

VINACAFE rất hân hạnh được **hợp tác** và **liên doanh** với các đối tác trong và ngoài nước về mọi lĩnh vực hoạt động trên cơ sở cùng có lợi

Digitized by Google

CÔNG TY
SỨ THANH TRÌ



Địa chỉ : Xã Thanh Trì, huyện Thanh Trì, Hà Nội
Điện Thoại : 8611 056 - 8623 410
Fax : 84 - 4 - 8613 147

Add : Thanh Tri Commune, Thanh Tri District, HaNoi Vietnam
Tel : 8611 056 - 8623 410
Fax : 84 - 4 - 8613 147

CÔNG NGHỆ ITALIA
TIÊU CHUẨN CHẤT LƯỢNG CHÂU ÂU

Sản phẩm đã được xuất khẩu đến nhiều nước trên thế giới như :

* Mianma - Italia - Japan - Israen - Liên bang Nga ...

SỨ VỆ SINH CAO CẤP NHÃN HIỆU *Viglacera*

CHI NHÁNH TẠI TP HỒ CHÍ MINH
345 Bàu Cát, F13 - Q. Tân Bình, TP Hồ Chí Minh
PHÒNG TRƯNG BÀY SẢN PHẨM
Kiốt 20, 268 Lý Thường Kiệt - F14, Q.10, TP Hồ Chí Minh - Tel : 864...

Digitized by Google

CÔNG TY CAO SU PHÚ RIỀNG

PHURIENG RUBBER COMPANY

Địa chỉ : Huyện Phước Long - Tỉnh Bình Phước * Tel : 0.65.877767, 877715
* Fax : 0.65.877758

- Sản lượng năm 1997 : 12.200 tấn mủ thành phẩm, trong đó mủ loại 1 (SVR - 3L - SVR - 5L) chiếm hơn 90%.
- Công ty chúng tôi rất hân hạnh được quan hệ với tất cả các bạn hàng trong và ngoài nước có nhu cầu về sản phẩm mủ cao su.



Chúc mừng năm mới

Xuân Đinh Sửu





- *Vườn cây khai thác ở NT 9.*
- *Mủ cốm loại 1 được đưa vào máy ép.*

IN TẠI NHÀ IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN - 38 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI - ĐT : 8267244 ★ CHỈ SỐ 1265 ISSN 0866-7276 ★ GIÁ : 3000Đ

Digitized by Google

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản







6
3-1997



UNIV. OF MICH.
JUL 14 1997
CURRENT SERIALS

Digitized by Google

CÔNG TY PHÁT TRIỂN KHOÁNG SẢN 6

CÔNG TY LIDISACO

Văn phòng : 138B Tô Hiến Thành - Phường 15 - Quận 10 - Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại : 8645174 - 8643911 - 8647809 Fax : 84-8-8643911

NGÀNH NGHỀ :

- Chuyên ngành khảo sát, thăm dò địa chất, khai thác, chế biến và kinh doanh khoáng sản.
- Xuất nhập khẩu trực tiếp.
- Thi công xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp. Kinh doanh hàng thực phẩm công nghệ phẩm.
- Chế tác các sản phẩm từ đá quý.

CÁC SẢN PHẨM CHỦ YẾU :

1. Sản phẩm khai khoáng :

- Tinh quặng Limenite.
- Tinh quặng Zircon.
- Tinh quặng Rutile
- Tinh quặng Monazite.
- Thạch anh tinh thể và phụ gia luyện kim.

2. Sản phẩm công nghiệp.

- Đá xây dựng.
- Đá ốp lát : Marble ; Granite
- Gạch xây dựng các loại.
- Bột màu Dioxide Titanium (TiO_2).

3. Các mặt hàng khoáng sản khác :

- Chì, kẽm, Bauxite, Chromite, Kaolin, thiếc,Wolfram, antimone...

CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ :

1. Liên doanh liên kết với công ty Golden (Mỹ) để lập nhà máy sản xuất bột màu Dioxide Titanium - Bình Thuận.
2. Nhà máy cưa cắt đá Granite : 80.000m^2/năm Bà Rịa - Vũng Tàu.
3. Nhà máy sản xuất gạch ngói Mỹ Xuân công suất 20 triệu viên/năm.
4. Các mỏ do Công ty quản lý :
   - Mỏ sa khoáng Bàu Dòi (Hàm Tân - Bình Thuận).
   - Mỏ sa khoáng Chùm Găng (Hàm Tân - Bình Thuận).
   - Mỏ sa khoáng Gò Đình (Hàm Tân - Bình Thuận).
   - Mỏ sa khoáng Mũi Né, Bình Thuận.
   - Mỏ đá Granite Bao Quan I, Bà Rịa - Vũng Tàu.
   - Mỏ đá Granite Bao Quan II,Bà Rịa - Vũng Tàu.
   - Mỏ đá Granite Tóc Tiên, Bà Rịa - Vũng Tàu.
   - Mỏ sét Mỹ Xuân - Bà Rịa - Vũng Tàu.
   - Mỏ đá Granite Núi Nhọn - Bình Thuận
   - Mỏ đá Granite Hốc Khế, Quảng Nam - Đà Nẵng.

Công ty sẵn sàng liên doanh liên kết, chuyển giao kỹ thuật công nghệ, đầu tư với các công ty trong và ngoài nước tại các vùng mỏ hiện có của Công ty.

Công ty LIDISACO

Hân hạnh đón chào quý khách

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 516 THÁNG RA HAI KỲ

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội - Điện thoại : 8252061 - 8252062*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Điện thoại : 8225768*

MỤC LỤC

PHẤN ĐẤU THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI VIII CỦA ĐẢNG	NGUYỄN DUY QUÝ - Quan điểm của Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt nam	3
	TIẾN HẢI - Cán bộ là cái gốc của mọi công việc	10
	VŨ TRỌNG KIM - Tuổi trẻ Việt nam xung kích trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước	15
	VŨ ĐÌNH CỰ - Nguồn lực trí tuệ và sức mạnh đột phá	19
	CAO SĨ KIÊM - Đổi mới hoạt động ngân hàng phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa	23
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	TRẦN BÁ KHOA - Khoa học dự báo và một vài dự báo khoa học - công nghệ đầu thế kỷ XXI	28
	KHỔNG DOÃN HỢI - Những tín hiệu mới của thời đại chúng ta	32
	NGUYỄN THANH HÀO - LÊ THỊ HỒNG-Về bản chất của chủ nghĩa xã hội và kinh tế thị trường	35
	NGUYỄN ĐẮC HƯNG - Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn	38
	NGUYỄN THẾ LỰC - Xây dựng ý thức quốc phòng - một vấn đề có ý nghĩa xã hội rộng lớn	41
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	LÊ DOÃN HỢP - Một số suy nghĩ về nội dung và bước đi công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở Nghệ an	45
	THÁI SƠN - Bắc sơn trên đường đổi mới	48
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	VŨ PHÒNG - "Cơ chế thiện chí"	52
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	LÊ BÁ THUYÊN - Liên kết Á - Âu vì phát triển và phồn vinh	53
	NGUYỄN VIẾT THẢO - Luật cấm vận, lưỡi gươm Đê-mô-clét	56
TÌM HIỂU KHÁI NIỆM	Thị trường ngoại tệ liên ngân hàng. Thị trường tiền tệ	60

Bìa 1 : Thanh niên với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước *Ảnh :* **TTXVN, NHẤT LINH, BẢO NGỌC**

Digitized by Google

СОДЕР ЖАНИЕ

НГУЕН ЗУЙ КУЙ - Взгляды Хо Ши Мина на социализм и дорогу к социализму Вьетнама. ТИЕН ХАЙ - Кадры есть главная сила для выполнения всех работ. ВУ ЧОНГ КИМ - Молодежь Вьетнама-ударная сила в курсе индустриализации и модернизации страны. ВУ ДИНЬ КЫ - Интеллек -туальный источник и прорывающая сила. КАО ШИ КИЕМ - Обновление банковских операций во имя индустриализации и модернизации. ЧАН БА ХОА - Наука прогнозов и некоторые прогнозы о науке и технике в начале 21 ого века. ХОНГ ЗОАН ХОЙ - Новые сигналы нашей эры. НГУЕН ТХАН ХАО - ЛЕ ТХИ ХОНГ - О сущности социализма и рыночой экономики. НГУЕН ДАК ХЫНГ - Эффективное использование капитала. НГУЕН ТХЕ ЛЫК - Утверждение сознания о национальной обороне - проблема широкого социального значения. ЛЕ БА ТХУЕН - Интеграция Азии и Европы ради развития и процветания.НГУЕН ВЬЕТ ТХАО - Эмбаго - меч Дамослеса.

CONTENTS

NGUYỄN DUY QUÝ - Ho Chi Minh's viewpoints on socialism and the path to it of Vietnam. TIẾN HẢI - Cadres are the main force for fulfiling all works. VŨ TRỌNG KIM - Vietnamese youth always makes an assault in the cource of the country's industrialization and modernization. VŨ ĐÌNH CỰ - Intellectual source and the breaking-though force. CAO SĨ KIỆM - Renovating banking operations to serve the task of industrialization and modernization. TRẦN BÁ KHOA - The science of forecasting and some forecasts of science and technology at the beginning of the 21th century. KHỔNG DOÃN HỢI - New signals of the era. NGUYỄN THANH HẢO - LÊ THỊ HỒNG - About the nature of socialism and market economy. NGUYỄN ĐẮC HƯNG : Effectively using capital sources. NGUYỄN THẾ LỰC - Promoting consciousness of national defese - a problem of great social significance. LÊ BÁ THUYÊN - Integration of Asia and Europe for development and prosperity. NGUYỄN VIỆT THẢO - Embargo - The Damocles sword.

SOMMAIRE

NGUYỄN DUY QUÝ - La pensée de Ho Chi Minh sur le socialisme et le chemin vers le socialisme au Vietnam. TIẾN HẢI - Les cadres constituent l'origine de tout travail. VŨ TRỌNG KIM - La jeunesse vietnamienne - forces d'avant-garde dans l'oeuvre d'industrialisation et de modernisation du pays. VŨ ĐÌNH CỰ - La ressource d'intelligence et la force d'attaque. CAO SĨ KIỆM - Renouveler les activités bancaires au service de l'industrialisation et de la modernisation. TRẦN BÁ KHOA - Les sciences de prévision et quelques prévisions scientifico-technologiques pour le début du XXIe siècle. KHỔNG DOÃN HỢI - Les nouveaux signes de notre époque. NGUYỄN THANH HÀO, LÊ THỊ HỒNG - Sur la nature du socialisme et de l'économie de marché. NGUYỄN ĐẮC HƯNG - Utiliser efficacement le capital. NGUYỄN THẾ LỰC - Edifier la conscience de défense nationale - une question de grande signification sociale. LÊ BÁ THUYÊN - L'intégration de l'Asie et de l'Europe pour le développement et la prospérité. NGUYỄN VIỆT THẢO - La politique d'embargo - épée de Damoclès.

SUMARIO

NGUYỄN DUY QUÝ - El criterio de Ho Chi Minh sobre el socialismo y el camino hacia el socialismo en Vietnam. TIẾN HẢI - El cuadro es la raíz de todos los trabajos. VŨ TRỌNG KIM - La juventud vietnamita es la fuerza de choque en la obra de industrialización y modernización del país. VŨ ĐÌNH CỰ - La fuente de la inteligencia y la fuerza de impacto. CAO SĨ KIỆM - Renovación de la actividad bancaria al servicio de la industrialización y modernización. TRẦN BÁ KHOA - Ciencia de previsión y algunas previsiones científico-tecnológicas a comienzos del siglo XXI. KHỔNG DOÃN HỢI - Nuevas señales de nuestra época. NGUYỄN THANH HÀO - LÊ THỊ HỒNG - Sobre la naturaleza del socialismo y la economía de mercado. NGUYỄN ĐẮC HƯNG - Utilizar eficazmente la fuente de fondos. NGUYỄN THẾ LỰC - Edificación de la conciencia de defensa nacional - un problema de amplia significación social. LÊ BÁ THUYÊN - La asociación Asia-Europa por el desarrollo y la prosperidad. NGUYỄN VIỆT THẢO - La ley de embargo, la espada de Damocles.

目錄

•阮維貴：胡志明主席關于社會主義與越南向社會主義道路邁進的觀點•進海：幹部是各項工作的根本•武仲金：越南青年一代在國家工業化、現代化事業中起著先鋒的作用•武廷巨：智慧資源與突破的力量•高士兼：革新銀行活動，爲工業化、現代化服務•陳伯科：預測科學與二十一世紀科學技術的預測•孔允亥：我們時代的新信號•阮清 豪和黎氏紅：關于社會主義與市場經濟的本質•阮得興：有效地使用資金資源•阮世力：建設國防意識是具有重大社會意義的問題•黎伯詮：亞歐聯結是爲了發展和繁榮•阮曰草：禁運令——达摩克利斯之剑

Digitized by Google

QUAN ĐIỂM CỦA HỒ CHÍ MINH VỀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI VÀ CON ĐƯỜNG ĐI LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

NGUYỄN DUY QUÝ *

1. Bản chất của CNXH theo quan điểm Hồ Chí Minh

Thống nhất với các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, Hồ Chí Minh quan niệm CNXH như một học thuyết khoa học và cách mạng của giai cấp vô sản nhằm xóa bỏ ách thống trị TBCN, thực hiện lý tưởng giải phóng giai cấp và giải phóng toàn thể xã hội loài người, bảo đảm sự phát triển tự do và toàn diện của mỗi người, của mọi người. Do đó, CNXH là một chủ nghĩa nhân đạo hiện thực, CNXH còn được xét với tư cách là một chế độ xã hội kiểu mới thuộc hình thái kinh tế - xã hội cộng sản mà việc xây dựng và hoàn thiện nó như một quá trình lịch sử lâu dài để từng bước đạt tới mục tiêu.

Cái mới và là sự sáng tạo của Hồ Chí Minh khi trình bày bản chất của CNXH là ở chỗ, Người phát hiện thấy lý tưởng XHCN đã chung đúc tất cả lý tưởng giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc và giải phóng xã hội.

Hồ Chí Minh làm phong phú thêm hướng tiếp cận CNXH. Các nhà kinh điển đã làm sáng tỏ bản chất CNXH từ những kiến giải kinh tế, chính trị và xã hội. Ngoài những kiến giải ấy, Hồ Chí Minh còn nhìn nhận bản chất CNXH từ phương diện đạo đức. Tiếp cận đạo đức học tới CNXH, Hồ Chí Minh nhận thấy, *CNXH đối lập, xa lạ với chủ nghĩa cá nhân nhưng không hề phủ nhận cá nhân, trái lại, đề cao, tôn trọng con người cá nhân*, các giá trị và nhu cầu cá nhân, phát triển mọi năng lực cá nhân vì phát triển xã hội và hạnh phúc của con người. Đây là chiều sâu trong tư duy biện chứng, trong nhãn quan văn hóa đạo đức của Hồ Chí Minh.

Theo Hồ Chí Minh, người cách mạng phải có đạo đức cách mạng làm nền tảng mới mong hoàn thành được nhiệm vụ vĩ đại và vẻ vang của cách mạng XHCN và xây dựng CNXH. Để có đạo đức cách mạng thì phải loại trừ mặt trái của nó là chủ nghĩa cá nhân. Đó là một kẻ thù nguy hiểm, một thứ giặc nội xâm, ngăn cản ta một lòng một dạ đấu tranh cho sự nghiệp cách mạng, tự mình phá hủy sự nghiệp của mình. Đây chính là nỗi lo toan thường trực của Người.

Từ tác phẩm lý luận đầu tiên, "Đường cách mệnh" năm 1927 cho đến "Di chúc" để lại cho toàn đảng, toàn dân (1969), Hồ Chí Minh không lúc nào xa rời điều quan tâm lớn lao đó. Người nhấn mạnh rằng : "Không có đạo đức thì dù tài giỏi mấy cũng không lãnh đạo được nhân dân. Vì muốn giải phóng cho dân tộc, giải phóng cho loài người là một công việc to tát, mà tự mình không có đạo đức, không có căn bản, tự mình đã hủ hóa, xấu xa thì còn làm nổi việc gì"(1).

Đáng chú ý là, mặc dù rất chú trọng nhân tố đạo đức trong sự phát triển của CNXH và coi đạo đức XHCN là thuộc về bản chất ưu việt của CNXH, song Hồ Chí Minh không bao giờ xem đạo đức là hiện tượng thuần túy tinh thần, ở bên ngoài các tác nhân khác, gây nên sự chia cắt, đối lập siêu hình giữa kinh tế với đạo đức. Người đề cao sức mạnh tinh thần, đạo đức nhưng không rơi vào duy ý chí, chủ quan hoặc chủ nghĩa đạo đức trừu tượng.

Quan niệm Hồ Chí Minh về chủ nghĩa xã hội trong tính thống nhất biện chứng giữa các nhân tố kinh tế - chính trị - xã hội - văn hóa và

---

* GS,TS, Ủy viên trung ương Đảng, Giám đốc Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1995, t 5, tr 253

Digitized by Google

đạo đức càng làm sáng tỏ Hồ Chí Minh hiểu biết thấu đáo như thế nào về bản chất của CNXH.

Từ cách nhìn mới mẻ và sáng tạo đó về CNXH, Hồ Chí Minh thông qua hoạt động thực tiễn và nghiên cứu lý luận mác xít đã rút ra những kết luận rất sâu sắc về tính tất yếu lịch sử của CNXH ở Việt nam và xác định bản chất của CNXH với tư cách là một chế độ xã hội có khả năng thực hiện quyền làm chủ chân chính của nhân dân lao động, đem lại tự do và hạnh phúc cho mỗi người lao động.

Bốn luận điểm tiêu biểu của Hồ Chí Minh về tính tất yếu lịch sử của CNXH là mối liên hệ hữu cơ giữa độc lập dân tộc với CNXH là :

Luận điểm 1 : "Chỉ có CNXH, CNCS mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức và những người lao động trên thế giới khỏi ách nô lệ" (2).

Luận điểm 2 : "*Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản*" (3).

Luận điểm 3 : "Chỉ có CNCS mới cứu nhân loại, đem lại cho mọi người không phân biệt chủng tộc và nguồn gốc sự tự do, bình đẳng, bác ái, đoàn kết, ấm no trên quả đất, việc làm cho mọi người và vì mọi người, niềm vui, hòa bình, hạnh phúc" (4).

Luận điểm 4 : "*Chỉ có giải phóng giai cấp vô sản thì mới giải phóng được dân tộc* ; cả hai cuộc giải phóng này chỉ có thể là sự nghiệp của CNCS và của cách mạng thế giới" (5).

Bốn luận điểm trên đây được Hồ Chí Minh phát triển trong những thời điểm khác nhau. Nội dung và cách lập luận cũng có những điểm không giống nhau, nhưng đều quy tụ vào một điểm : **CNXH là sự lựa chọn tất yếu của lịch sử.**

Từ đó, Người nói tới bản chất của CNXH bằng cách nói dung dị nhất, thiết thực nhất cốt cho mỗi người dân bình thường có thể hiểu được, cảm nhận được từ vốn sống và kinh nghiệm hằng ngày của họ. Bằng cách đó, Người đã làm nổi bật quan điểm thực tiễn, quan điểm đời sống trong những định nghĩa khoa học về CNXH. Hồ Chí Minh đã nói và viết về CNXH một cách sâu sắc và khoa học, nhưng lại giản dị như những lẽ phải thông thường và do đó có sức cảm hóa mạnh mẽ mọi người lao động đang nung nấu khát vọng giải phóng.

Với câu hỏi "CNXH là gì ?", Người trả lời :

"Xã hội ngày càng tiến, vật chất ngày càng tăng, tinh thần ngày càng tốt, đó là CNXH" (6).

Luận đề tổng quát đó được Người cụ thể hóa thêm :

- "CNXH là cái gì ? Là mọi người được ăn no mặc ấm, sung sướng tự do" (7).

- "CNXH là làm cho mọi người dân được ấm no, hạnh phúc và học hành tiến bộ"(8).

- "CNXH nghĩa là tất cả mọi người các dân tộc ngày càng ấm no, con cháu chúng ta ngày càng sung sướng" (9).

- "Nói một cách tóm tắt, mộc mạc, CNXH trước hết nhằm làm cho nhân dân lao động thoát nạn bần cùng, làm cho mọi người có công ăn việc làm, được ấm no và sống một đời hạnh phúc" (10).

Tóm lại, "CNXH là làm sao cho dân giàu nước mạnh" (11).

Ngay sau khi cách mạng vừa mới thành công, trong thư gửi Ủy ban nhân dân các kỳ, tỉnh, huyện và làng ngày 17-10-1945, Người đã nhấn mạnh : "Chính phủ ta đã hứa với dân, sẽ gắng sức làm cho ai nấy đều có phần hạnh phúc. Trong việc kiến thiết nước nhà, sửa sang mọi việc, phải làm dần dần, không thể một tháng, một năm mà làm được hết. Song ngay từ bước đầu, chúng ta phải theo đúng phương châm" (12).

Tại phiên họp đầu tiên của Ủy ban nghiên cứu kế hoạch kiến quốc ngày 10-1-1946, Người phát biểu : "Chúng ta tranh được tự do, độc lập rồi mà dân cứ chết đói, chết rét, thì tự do, độc lập cũng không làm gì. Dân chỉ biết rõ giá trị của tự do, của độc lập khi mà dân được ăn no, mặc đủ" (13). Vì vậy, Người đòi hỏi : Chúng ta phải làm sao thực hiện ngay : Làm cho dân có ăn, làm cho dân có mặc, làm cho

---

(2) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 10, tr128
(3) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 9, tr 314
(4) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 1, tr 461
(5) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 1, tr 416
(6) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 10, tr 591
(7) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 8, tr 396
(8) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 10, tr 97
(9) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 10, tr 317
(10) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 10, tr 17
(11) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 8, tr 226
(12) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 4, tr 56
(13) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 4, tr 152

Digitized by Google

dân có chỗ ở, làm cho dân có học hành. Cái mục đích chúng ta đi đến là ở đó, đi đến để dân nước ta xứng đáng với tự do độc lập và giúp sức được cho tự do độc lập (14).

Có thể nói, mỗi luận đề tư tưởng của Hồ Chí Minh dù trực tiếp hay gián tiếp đều nổi bật quan niệm của Người về bản chất của CNXH. Đó là bản chất nhân đạo "Tất cả vì hạnh phúc của con người, của nhân dân".

Bản chất của CNXH còn được Hồ Chí Minh làm sáng tỏ khi Người nói tới trọng trách của Đảng với nhân dân, nhất là khi Đảng đã trở thành Đảng cầm quyền.

Người khẳng định : "Hễ còn có một người Việt nam bị bóc lột, bị nghèo nàn, thì Đảng vẫn đau thương, cho đó là vì mình chưa làm tròn nhiệm vụ" (15).

Hồ Chí Minh luôn lấy dân và cuộc sống hạnh phúc của dân làm thước đo hiệu quả, làm căn cứ đánh giá công việc của Đảng và Nhà nước. Bản chất của CNXH, ưu việt của chế độ XHCN có được bộc lộ ra không, có được phản ánh đúng đắn không là ở đó. Người viết : "Chính sách của Đảng và Chính phủ là *phải hết sức chăm nom đến đời sống của nhân dân*. Nếu dân đói, Đảng và Chính phủ có lỗi ; nếu dân rét là Đảng và Chính phủ có lỗi ; nếu dân dốt là Đảng và Chính phủ có lỗi ; nếu dân ốm là Đảng và Chính phủ có lỗi" (16).

Đủ thấy rằng, Hồ Chí Minh đòi hỏi cao như thế nào sự tận tụy hy sinh sự mẫu mực trong sáng của Đảng và Nhà nước, biểu hiện không những ở tổ chức và thể chế mà còn ở từng người, những cán bộ đảng viên của Đảng, những công chức của bộ máy chính quyền, những công bộc của dân. Người thấu hiểu sâu sắc rằng, sự nghiệp xây dựng CNXH đòi hỏi như vậy. Chính điều này làm sáng tỏ biết bao sự nhạy cảm và tinh tế của Hồ Chí Minh khi Người đặt lý luận về Đảng cầm quyền, lý luận về Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân vào vị trí cốt yếu của lý luận về CNXH và xây dựng CNXH. Cũng như vậy, Người xác định đạo đức và tư cách của người cách mạng ở vị trí quan trọng hàng đầu quyết định thành bại của công cuộc kiến thiết CNXH, bởi lẽ, CNXH, từ bản chất của nó là sự đối lập, xa lạ với chủ nghĩa cá nhân như đã nói ở trên.

2. Hồ Chí Minh nói về mục tiêu và động lực của CNXH

Mục tiêu hay mục đích mà đời hoạt động cách mạng của Hồ Chí Minh hướng tới không có gì khác chính là giành lại độc lập tự do cho dân tộc và hạnh phúc cho nhân dân. Người quyết định lựa chọn con đường XHCN cũng chính là vì con đường đó dẫn tới đích đã vạch ra mà Người gọi là ham muốn, ham muốn tột bậc của mình. "Tôi chỉ có một sự ham muốn, ham muốt tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành" (17). Người đã trả lời phỏng vấn một nhà báo nước ngoài như vậy. Đó cũng chính là Người nói về mục tiêu của CNXH.

Nhắc lại ý ấy, trong thư gửi các cháu thiếu niên nhi đồng nhân Tết trung thu kháng chiến ở Việt bắc (25-9-1952), Người viết : "Mục đích của Bác và Đoàn thể cùng Chính phủ là cốt xây dựng cho các cháu đời sống thái bình, tự do, sung sướng" (18).

Chính mục đích ấy đã thúc đẩy Người hành động suốt cuộc đời ; Người xác định rằng : "Mục đích của CNXH là gì ? Nói một cách đơn giản và dễ hiểu là : *không ngừng nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân*, trước hết là nhân dân lao động" (19).

Mục đích, mục tiêu ấy phải được thể hiện trên các phương diện của chế độ XHCN do nhân dân lao động xây dựng và làm chủ.

Đó là chế độ chính trị dân chủ, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân, một trong những vấn đề quan trọng nhất mà Người quan tâm đặc biệt. Điều căn bản của chế độ được Người nói đến với những lời lẽ giản dị, nhưng ẩn chứa điều lớn lao, hệ trọng : "*Dân chủ* là của quý báu nhất của nhân dân"(20). "Chế độ ta là chế độ dân chủ, tức là nhân dân là người chủ" (21). Bao nhiêu lợi ích đều *vì dân*, bao nhiêu quyền hạn đều *của dân*, quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân (22).

---

(14) Xem Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 4, tr 152
(15) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 10, tr 4
(16) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 7, tr 572
(17) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 4, tr 161
(18) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 6, tr 571
(19) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 10, tr 271
(20) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 8, tr 279
(21) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 7, tr 499
(22) Xem Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 5, tr 698

Digitized by Google

Hồ Chí Minh đưa lại một định nghĩa điển hình và hàm súc nhất về dân chủ : "Dân chủ là dân làm chủ và dân là chủ". "Dân chủ là chìa khóa của mọi tiến bộ và phát triển". Quan niệm này đặt nền tảng và giữ vai trò chủ đạo trong lý luận xây dựng nhà nước, xây dựng mối quan hệ giữa Đảng với nhân dân trong điều kiện Đảng cầm quyền và lãnh đạo Nhà nước.

Đó còn là chế độ kinh tế, đường lối chính sách phát triển kinh tế. Theo Hồ Chí Minh, chế độ kinh tế của CNXH phải được tạo lập trên cơ sở chế độ sở hữu xã hội về tư liệu sản xuất. Chỉ có sở hữu xã hội mới bảo đảm xóa bỏ vĩnh viễn ách áp bức, bóc lột do chế độ tư hữu sinh ra.

Vì vậy, Người đặc biệt chăm lo phát triển kinh tế. Người chủ trương vận động bà con nông dân đi vào làm ăn tập thể, tiến dần từng bước từ tổ đổi công đến HTX, từ HTX bậc thấp tới HTX bậc cao theo con đường tập thể hóa nông nghiệp ở nông thôn. Người cũng chú trọng xây dựng và phát triển kinh tế quốc doanh và tập thể trong các ngành nông nghiệp, thương nghiệp, thủ công nghiệp. Đó là những việc làm cần thiết để xây dựng quan hệ sản xuất XHCN. Hồ Chí Minh cũng đặc biệt nhấn mạnh tới vai trò của công nghiệp nặng, của kỹ thuật và công nghệ tiên tiến đối với việc nâng cao năng suất lao động, bảo đảm phồn vinh kinh tế để dân giàu, nước mạnh. Mục đích kinh tế của CNXH là vì lợi ích và hạnh phúc của nhân dân lao động làm chủ chứ không phải lấy kinh tế làm cứu cánh. Do đó, phải thường xuyên quan tâm tới lợi ích thiết thân của người lao động, phải phân phối lợi ích công bằng, chống tham ô lãng phí, thực hành tiết kiệm, đẩy mạnh sản xuất.

Theo Hồ Chí Minh, công bằng và sự hài lòng của dân chúng là những tiêu chí không thể xem thường trong xây dựng kinh tế và sự bền vững của chế độ.

Cùng với chế độ mới, nền kinh tế mới, Hồ Chí Minh còn nhấn mạnh tới nền văn hóa mới và con người mới XHCN trong mục tiêu của CNXH.

Bao quát tất cả các mục tiêu đó, Người nhắc nhở chúng ta : "Cuộc cách mạng XHCN là một cuộc biến đổi khó khăn nhất và sâu sắc nhất. Chúng ta phải xây dựng một xã hội hoàn toàn mới xưa nay chưa từng có trong lịch sử dân tộc ta. Chúng ta phải thay đổi triệt để những nếp sống, thói quen, ý nghĩ và thành kiến có gốc rễ sâu xa hàng ngàn năm. Chúng ta phải thay đổi quan hệ sản xuất cũ, xóa bỏ giai cấp bóc lột, xây dựng quan hệ sản xuất mới không có bóc lột áp bức. Muốn thế chúng ta phải dần dần biến nước ta từ một nước nông nghiệp lạc hậu thành một nước công nghiệp. Chúng ta phải dần dần tập thể hóa nông nghiệp. Chúng ta phải tiến hành cải tạo XHCN đối với công thương nghiệp tư nhân, đối với thủ công nghiệp. Chúng ta phải biến một nước dốt nát, cực khổ thành một nước văn hóa cao và đời sống tươi vui hạnh phúc" (23)

Để thực hiện những mục tiêu đó cần phải phát hiện ra những động lực và những điều kiện đảm bảo cho động lực đó thực sự trở thành sức mạnh thúc đẩy công cuộc xây dựng CNXH, nhất là những động lực bên trong, nguồn nội lực của CNXH. Trên những vấn đề này, Hồ Chí Minh đã đưa ra những chỉ dẫn thiết thực, quý báu.

Những động lực đó, theo Hồ Chí Minh biểu hiện ở hai phương diện : vật chất và tư tưởng. Người khẳng định, nhân tố động lực quan trọng và quyết định nhất là con người, là nhân dân lao động, nòng cốt là công - nông - trí thức. Người nói : "Muốn tiến lên CNXH phải có hai mặt : vật chất và tư tưởng. Tiến lên CNXH phải có người, mà trong số người muốn lên chủ nghĩa xã hội thì cán bộ là đầu tiên và cốt cán" (24). Coi con người là động lực quan trọng nhất, Hồ Chí Minh thường xuyên quan tâm đến lợi ích chính đáng, thiết thân của họ, đồng thời chăm lo bồi dưỡng sức dân. Đó là lợi ích của nhân dân và từng cá nhân. Quan tâm tới lợi ích và nhu cầu của dân, Người thấy rõ, bảo đảm cuộc sống cho dân từ cơm ăn, áo mặc, nhà ở, thuốc chữa bệnh, học hành, đi lại, đó là những điều kiện tối thiểu để phát huy sức mạnh con người. Sức dân là sức mạnh sáng tạo của dân tộc. Với sức mạnh sáng tạo và làm chủ đó, nhân dân trở thành chủ thể xây dựng xã hội mới. Đảng và Nhà nước, thông qua hoạt động lãnh đạo và quản lý cần phải tạo ra những điều kiện để không ngừng phát huy quyền làm chủ của nhân dân, bảo đảm công bằng và bình

(23) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 8, tr 493 - 494
(24) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 9, tr 279

Digitized by Google

đẳng xã hội, dân chủ và tự do cho hoạt động sáng tạo của nhân dân. Không chăm lo lợi ích cho dân và nếu dân không được hưởng lợi ích thì mọi lời tọ tát về CNXH, hóa ra chỉ là lời nói suông, trống rỗng. Hồ Chí Minh không chỉ đề cao lợi ích của dân, Người còn *gắn liền lợi ích với nghĩa vụ*, nhân dân "đã có quyền hạn làm chủ, thì phải *làm trọn nghĩa vụ của người chủ*"(25).

Nói con người là động lực của CNXH, hơn nữa là động lực quan trọng nhất, Hồ Chí Minh đã nhận thấy ở động lực này có sự kết hợp từ cá nhân (sức mạnh cá thể) đến xã hội (sức mạnh cộng đồng). *Truyền thống yêu nước của dân tộc, sự cố kết cộng đồng, sức lao động sáng tạo của nhân dân. Đó là sức mạnh tổng hợp tạo nên động lực quan trọng của CNXH.*

Cùng với động lực này, Hồ Chí Minh còn phát hiện thấy : *Đoàn kết đại đoàn kết toàn dân là nguồn sức mạnh vô địch, là động lực mạnh mẽ của CNXH*. Đoàn kết là một tư tưởng lớn của Hồ Chí Minh, là chiến lược phát triển của cách mạng Việt nam. Với sức mạnh đoàn kết, đại đoàn kết của toàn dân tộc, sức lực và tài trí của nhân dân được nhân lên gấp bội và không có khó khăn nào mà không thể vượt qua được.

"Dễ trăm lần không dân cũng chịu
Khó vạn lần dân liệu cũng xong"

Tổng kết ấy từ thực tiễn đời sống của nhân dân có liên hệ mật thiết với quan niệm của Hồ Chí Minh : "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công".

Nhà nước đại diện cho ý chí và quyền lực của nhân dân, nhà nước của dân, do dân và vì dân là một trong những động lực thúc đẩy mạnh mẽ công cuộc xây dựng CNXH.

Là người sáng lập ra Nhà nước dân chủ cộng hòa đầu tiên ở nước ta, Hồ Chí Minh không chỉ chăm lo giáo dục cán bộ nhân viên các cơ quan nhà nước về ý thức tận tụy phục vụ dân, trung thành với dân, mà còn trực tiếp lãnh đạo, điều hành các công việc nhà nước. Người đặc biệt quan tâm tới hiệu lực của tổ chức, bộ máy, tính nghiêm minh của kỷ luật, pháp luật, sự trong sạch liêm khiết của đội ngũ công chức các cấp từ chính phủ trung ương tới chính quyền ở làng, xã. Người căn dặn : "Trong xã hội không có gì tốt đẹp, vẻ vang bằng phục vụ cho lợi ích của nhân dân" (26). Do đó, "phải đặt lợi ích dân chúng lên trên hết, trước hết" (27). "Việc gì có lợi cho dân, thì phải làm cho kỳ được. Việc gì có hại cho dân, thì phải hết sức tránh" (28).

Ở cương vị Chủ tịch nước, Người đã từng nói trước quốc dân đồng bào ": "Tôi có thể tuyên bố trước Quốc hội rằng Chính phủ này... là một chính phủ chú trọng thực tế và sẽ nỗ lực làm việc" (29). Trách nhiệm của Nhà nước là "phát triển quyền dân chủ và sinh hoạt chính trị của toàn dân, để phát huy tính tích cực và sức sáng tạo của nhân dân, làm cho mọi người công dân Việt nam thực sự tham gia quản lý công việc Nhà nước" (30).

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh về động lực của CNXH, Người rất *coi trọng động lực kinh tế*, phát triển kinh tế, sản xuất, kinh doanh, giải phóng mọi năng lực sản xuất, làm cho mọi người, mọi nhà trở nên giàu có, ích quốc lợi dân. Người gắn liền kinh tế với kỹ thuật, kinh tế với xã hội. Người chủ trương áp dụng "chính sách kinh tế mới" của Lê-nin ngay từ khi Người khởi thảo Điều lệ "Việt nam thanh niên cách mạng đồng chí hội" (1925). Dự cảm và trù tính về tương lai của Người là như vậy.

Người sớm nhận thấy nền kinh tế trong thời kỳ quá độ phải đang dạng, khuyến khích mọi thành phần kinh tế vì lợi ích chung và lâu dài ; "công nghiệp và nông nghiệp là hai chân của nền kinh tế, cho nên công nghiệp và nông nghiệp phải giúp đỡ nhau và cùng nhau phát triển, như hai chân đi khỏe và đi đều thì tiến bước sẽ nhanh và nhanh chóng đi đến mục đích" (31) phải áp dụng khoán để kích thích sản xuất, sản xuất phải đi đôi với tiết kiệm, chống tham ô lãng phí.

Cùng với động lực kinh tế, Hồ Chí Minh cũng nói tới văn hóa - khoa học - giáo dục là động lực tinh thần không thể thiếu của CNXH. Người nhận rõ vai trò ngày càng tăng của văn hóa trong sự phát triển. "Văn hóa phải soi

(25) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 10, tr 290
(26) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 10, tr 276
(27) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 6, tr 90
(28) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 6, tr 88
(29) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 4, tr 430
(30) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 9, tr 590
(31) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 10, tr 544 - 545

Digitized by Google

đường cho quốc dân đi" (32). Phải "đem văn hóa lãnh đạo quốc dân để thực hiện độc lập, tự cường và tự chủ"(33). Phải "xúc tiến công tác văn hóa để đào tạo con người mới và cán bộ mới" (34). Đó là nguồn vốn là của cải quý báu nhất của quốc gia.

Tất cả những nhân tố động lực nêu trên là những nguồn lực tiềm tàng của phát triển. Làm thế nào để những khả năng, năng lực tiềm tàng đó trở thành sức mạnh và không ngừng phát triển. Hồ Chí Minh nhận thấy *vai trò lãnh đạo, sự lãnh đạo của Đảng có ý nghĩa quyết định sự phát huy và phát triển mọi nguồn lực ấy.* **Đảng và sự lãnh đạo của Đảng trở thành động lực thúc đẩy, dẫn dắt, quyết định đối với sự phát triển của CNXH.** Đây là hạt nhân trong hệ động lực của CNXH.

Ngoài các động lực bên trong, những nhân tố nội sinh, sự phát triển của CNXH, theo Hồ Chí Minh, đòi hỏi phải kết hợp được với các nhân tố động lực bên ngoài (ngoại sinh). Một trong những nhân tố động lực bên ngoài là sức mạnh thời đại, đoàn kết quốc tế, chủ nghĩa yêu nước gắn liền với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân.

3. Hồ Chí Minh bàn về bước đi và biện pháp xây dựng CNXH ở Việt nam.

Tư tưởng chủ đạo của Hồ Chí Minh về bước đi và cách làm CNXH ở nước ta là *dần dần, từng bước một, thận trọng và vững chắc.* Ngay khi Người nói tiến nhanh, tiến mạnh lên CNXH thì những bước tiến đó cũng phải vững chắc. Điều đó không có gì mâu thuẫn nhau. Bởi lẽ, một mặt, Hồ Chí Minh coi trọng và đề cao sức mạnh của ý chí, nhưng không bao giờ rơi vào chủ nghĩa duy ý chí.

Đúng quy luật, hợp lòng dân là điều căn bản mà Hồ Chí Minh thường xuyên quan tâm, nhắc nhở cán bộ trong bất kỳ hoạt động nào. Nó phù hợp với triết lý phương Đông, kết hợp các mối quan hệ thiên thời, địa lợi, nhân hòa, trong đó nhân hòa là quan trọng nhất, là gốc như Người từng nói...

Người nhấn mạnh : "Tiến lên CNXH không phải muốn là tức khắc có"(35), không thể một sớm một chiều là có thể giải quyết xong những nhiệm vụ cực kỳ khó khăn phức tạp mà CNXH đặt ra. Người còn nói : Phải tính toán và cân nhắc kỹ lưỡng cách đi, cách làm cho phù hợp với nước mình, dân mình. Phải học tập kinh nghiệm của các nước anh em, nhưng không được sao chép máy móc. Phải độc lập sáng tạo, không được làm bừa, làm ẩu.

Từ những ngày đầu của công cuộc kháng chiến kiến quốc, trong thư gửi thanh niên ngày 17-8-1947, Người đã căn dặn : "Việc gì cũng cần phải thiết thực, nói được, làm được. Việc gì cũng phải từ nhỏ dần dần đến to, từ dễ dần dần đến khó, từ thấp dần dần đến cao. Một chương trình nhỏ mà thực hành được hẳn hoi hơn là một trăm chương trình to tát mà làm không được" (36).

Hồ Chí Minh đòi hỏi phương pháp, biện pháp phải phù hợp với hoàn cảnh thực tế. "Chúng ta phải dùng những phương pháp gì, hình thức gì, đi theo tốc độ nào để tiến dần lên CNXH ? Đó là những vấn đề đặt ra trước mắt Đảng ta hiện nay. Muốn giải quyết tốt những vấn đề đó, muốn đỡ bớt mò mẫm, muốn đỡ phạm sai lầm, thì chúng ta phải học tập kinh nghiệm các nước anh em và áp dụng những kinh nghiệm ấy một cách sáng tạo" (37). Người đã nêu lên một luận điểm nổi tiếng, hết sức tường minh về tinh thần độc lập tự chủ : "Ta không thể giống Liên xô, vì Liên xô có phong tục tập quán khác, có lịch sử, địa lý khác... Ta có thể đi con đường khác để tiến lên CNXH" (38).

Con đường khác đó biểu hiện trong bước đi, cách làm được Hồ Chí Minh đề cập tới, nổi bật ở hai điểm :

- Sự cần thiết phải chuẩn bị những điều kiện để tiến dần lên CNXH.

- Chú trọng tới những hình thức, biện pháp tốc độ để xây dựng chế độ xã hội mới cho phù hợp.

Với quan niệm CNXH là phải có biện pháp chứ không chỉ là đường lối và xây dựng chế độ

(32) Hồ Chí Minh : *Về công tác văn hóa văn nghệ*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1971, tr 72

(33) Hồ Chí Minh : *Về công tác văn hóa văn nghệ*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1971, tr 72

(34) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1995, t 6, tr 173

(35) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 8, tr 338

(36) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 5, tr 186

(37) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 8, tr 494

(38) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 8, tr 227

Digitized by Google

mới phải có mục đích và cách làm (39). Hồ Chí Minh cho rằng : "Đem tài dân, sức dân, của dân làm lợi cho dân" (40), vì lực lượng bao nhiêu là nhờ ở dân hết, dân chúng là "nền tảng lực lượng của Đảng và nhờ đó mà Đảng thắng lợi" (41). Đây là chỗ sâu sắc nhất của tư tưởng nhân dân, tư tưởng lấy dân làm gốc của Người.

4. Hồ Chí Minh nói về thời kỳ quá độ (TKQĐ) lên CNXH ở Việt nam

Người nhấn mạnh đặc điểm to lớn, bao trùm nhất của nước ta khi bước vào TKQĐ : "Đặc điểm to nhất của ta trong TKQĐ là từ một nước nông nghiệp lạc hậu *tiến thẳng* lên CNXH không phải kinh qua giai đoạn phát triển TBCN" (42). Đặc điểm này chi phối các đặc điểm khác. Hồ Chí Minh là người thấu hiểu hơn ai hết những khó khăn trở ngại trên con đường đi tới CNXH do chúng ta không trải qua CNTB, kinh tế nghèo nàn, kỹ thuật lạc hậu, dân trí thấp, lại rất cực khổ do bị áp bức đô hộ của thực dân và những thành kiến hủ tục phong kiến nặng nề. Do đó, ở TKQĐ Người thấy hết tầm quan trọng của những giải pháp phù hợp trong cải tạo và xây dựng để tiến dần từng bước tới CNXH. Do có điều kiện sống và hoạt động trực tiếp ở các nước Tây Âu TBCN, Người cũng đánh giá những thành tựu văn minh, văn hóa nhân loại trong thời kỳ tư sản. CNXH phải biết kế thừa có chọn lọc, phê phán những thành tựu ấy. Ngay từ Đại hội II của Đảng năm 1951, Người đã nhấn mạnh sự cần thiết phải xây dựng những điều kiện để tiến tới CNXH. Tính đến những truyền thống, tập tục lạc hậu chưa được cải tạo hết, những thói xấu, định kiến trong quá khứ, những tàn dư của chế độ cũ còn để lại, Hồ Chí Minh nhấn mạnh sự cần thiết phải có thời gian vừa cải tạo, vừa xây dựng, vừa đổi mới, vừa phát triển, vừa làm vừa học, rút kinh nghiệm, tổng kết thực tiễn, phát triển lý luận.

Thực hiện những nhiệm vụ của thời kỳ quá độ, Người lưu ý phải *rất thiết thực, trọng hiệu quả* chú trọng cả chính trị, kinh tế, văn hóa mà *mấu chốt là ở con người*, ở sức mạnh tổ chức, kỷ luật. Cán bộ là vốn quý, là quyết định chất lượng công việc. Phải đào tạo con người mới, xây dựng CNXH trước hết phải có con người XHCN. Người cũng chú trọng phát huy truyền thống tốt đẹp, kết hợp truyền thống với hiện đại, dân tộc với quốc tế.

5. Hồ Chí Minh nói về Đảng lãnh đạo công cuộc xây dựng CNXH

Nỗi bận tâm lớn nhất của Hồ Chí Minh về Đảng cầm quyền là làm sao cho Đảng không trở thành quan liêu, xa dân, thoái hóa, biến chất làm mất lòng tin của dân. Đây là điều hệ trọng.

Hồ Chí Minh đặc biệt lưu tâm tới cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân và trau dồi thường xuyên đạo đức cách mạng trong Đảng.

Người coi đó là điểm mấu chốt. Chỉ như vậy Đảng mới mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức, mới xứng đáng với lòng tin của dân chúng. Sức chiến đấu của một đảng cách mạng, đảng hành động vì hạnh phúc của nhân dân, sự trong sáng liêm khiết của cán bộ đảng viên nêu gương cho quần chúng, năng lực trí tuệ cao, phương pháp lãnh đạo sáng tạo, linh hoạt, hiệu quả công việc và lợi ích cho dân chúng... đó là những điều thiết thực trong công tác xây dựng Đảng và công tác lãnh đạo của Đảng.

Đảng không có lợi ích cho riêng mình. Lợi ích của Đảng chính là được phục vụ dân, làm hết sức mình để dân có lợi ích.

Đảng cách mạng cầm quyền phải không ngừng nâng cao bản chất giai cấp công nhân, lấy chủ nghĩa Mác - Lê-nin làm kim chỉ nam cho hành động, phải lãnh đạo dân chúng bằng cách phục vụ dân, làm đầy tớ suốt đời trung thành với dân, đem lợi ích cho dân, giáo dục và thuyết phục dân.

"Phải khéo tập trung ý kiến của quần chúng, hóa nó thành cái đường lối để lãnh đạo quần chúng. Phải đem cách nhân dân so sánh, xem xét, giải quyết các vấn đề, mà hóa nó thành cách chỉ đạo nhân dân" (43). Đặc biệt là phải đề cao trách nhiệm với dân, trung thực, thật thà với dân, có lỗi thì dũng cảm nhận lỗi... khắc phục bệnh quan liêu và kiêu ngạo cộng sản...(44). Đó là những chỉ dẫn thiết thực của Hồ Chí Minh về Đảng cầm quyền. ❑

---

(39) Xem Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 5, tr 65
(40) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 5, tr 65
(41) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 5, tr 286
(42) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 10, tr 13
(43) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 5, tr 298
(44) Xem Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 12, tr 213

Digitized by Google

CÁN BỘ LÀ CÁI GỐC CỦA MỌI CÔNG VIỆC

(Vài cảm nhận khi tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề cán bộ)

TIẾN HẢI

Thực là kiêu ngạo và khiếm nhã, nếu như ai đó dám tự nhận mình đã hiểu rất đúng và rất đầy đủ tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề cán bộ. Bởi vì càng tìm hiểu kỹ tư tưởng của Người về vấn đề này, chúng ta càng phát hiện ra nhiều điều mới mẻ và thú vị ; càng thấy những chỉ dẫn của Người là hết sức sáng suốt và cũng có lúc giật thót vì thấy mình hiểu chưa đúng, hoặc làm sai tư tưởng chỉ đạo của Người.

Trong phạm vi bài viết này, tôi chỉ nêu ra vài cảm nhận khi tìm hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề cán bộ.

I - KHI CÁN BỘ LÀ CHỦ THỂ

Khi xét người cán bộ với tư cách là chủ thể, trực tiếp sáng tạo và thực hiện sự nghiệp cách mạng, Chủ tịch Hồ Chí Minh chẳng những đánh giá rất cao vị trí, vai trò của người cán bộ, mà còn có những đòi hỏi hết sức nghiêm khắc. Người thường nói : Đảng muốn lãnh đạo cách mạng đi đến thắng lợi phải có đường lối chính trị đúng đắn. Nhưng để xây dựng được đường lối đúng và làm cho đường lối đó trở thành hiện thực sinh động trong cuộc sống thì nhất thiết phải có một đội ngũ cán bộ vững vàng, đủ sức giúp Đảng hoạch định đường lối và tổ chức thực hiện đường lối. "Cán bộ là cái gốc của mọi công việc" và "Muôn việc thành công hoặc thất bại, đều do cán bộ tốt hoặc kém".

Nói cán bộ là "cái gốc của mọi công việc" tức là mọi việc phải bắt đầu từ đó và phải dựa vào đó. Gốc có vững thì cây mới tốt. Song, để giữ vững được vai trò *là gốc*, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh, bản thân người cán bộ phải có sự nỗ lực rèn luyện để đạt cho được các tiêu chuẩn sau đây :

1 - Tiêu chuẩn đầu tiên không thể thiếu được của người cán bộ cách mạng là *đạo đức cách mạng*. "Sức có mạnh mới gánh được nặng và đi được xa. Người cách mạng phải có *đạo đức cách mạng* làm nền tảng, mới hoàn thành được nhiệm vụ cách mạng vẻ vang" (1). Đạo đức cách mạng ở đây không phải là cái gì trừu tượng, cao xa hoặc từ trên trời rơi xuống, mà là những điều hết sức bình thường, hết sức cụ thể, dễ hiểu.

Người cán bộ có đạo đức cách mạng là người luôn biết đặt lợi ích của Đảng, của giai cấp, của dân tộc lên trên hết; biết giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa lợi ích cá nhân với lợi ích của giai cấp, của Đảng, của dân tộc khi trong mối quan hệ đó nảy sinh những mâu thuẫn.

Người cán bộ có đạo đức cách mạng là người liên hệ mật thiết với nhân dân, biết lắng nghe ý kiến của nhân dân, tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân, khéo tổ chức và lãnh đạo nhân dân ; bằng lời nói và hành động của mình làm cho dân tin, dân phục, dân yêu, từ đó mà tuyên truyền, vận động nhân dân một cách có hiệu quả. Người thường nhắc : cán bộ và đảng viên càng phải nâng cao tinh thần phụ trách trước

(1) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1989, t 8, tr 236

Digitized by Google

Đảng và trước nhân dân, hết lòng hết sức phục vụ nhân dân. Phải thật sự tôn trọng quyền làm chủ của nhân dân. Tuyệt đối không được lên mặt "quan cách mạng" ra lệnh, ra oai. Phải nắm vững quan điểm giai cấp, đi đúng đường lối quần chúng, thành tâm học hỏi quần chúng, kiên quyết dựa vào quần chúng, giáo dục và phát động quần chúng tiến hành mọi chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Phải thực thà, ngay thẳng, không được giấu dốt, giấu khuyết điểm, sai lầm. Phải khiêm tốn, gần gũi quần chúng và thực sự cầu thị, không được kiêu ngạo, chủ quan. Phải luôn luôn chăm lo đến đời sống của quần chúng. Phải chí công vô tư và có tinh thần lo trước thiên hạ, vui sau thiên hạ, v.v. và v.v..

Người cán bộ có đạo đức cách mạng là người có ý thức tổ chức, kỷ luật cao, không độc đoán cá nhân, không tự cho phép mình đứng cao hơn tổ chức, đứng ngoài kỷ luật. Ý thức tổ chức kỷ luật phải được thể hiện cả trong suy nghĩ lẫn trong hành động, cả trong cách nói năng lẫn trong giao tiếp ứng xử hàng ngày.

Người cán bộ có đạo đức cách mạng thì lời nói phải đi đôi với việc làm, làm nhiều hơn nói. Nhân dân thường đánh giá cán bộ, đảng viên thông qua những lời nói và việc làm cụ thể hằng ngày. Nói một đằng làm một nẻo là điều tối kỵ đối với người cán bộ cách mạng. Một sự bất tín, vạn sự chẳng tin. Người cán bộ một khi đã không được dân tin, dân phục, dân yêu thì chỉ là "người vô tích sự, không làm nên trò trống gì".

Người cán bộ có đạo đức cách mạng là người có ý thức tự phê bình và phê bình rất cao. Phê bình phải đi liền với tự phê bình. Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu ra cái căn bệnh thường thấy của cán bộ là chỉ biết phê bình người khác mà không muốn người khác phê bình mình, không tự phê bình, hoặc tự phê bình một cách không thật thà, nghiêm chỉnh. Người chỉ rõ : "Chúng ta không sợ sai lầm, chỉ sợ phạm sai lầm mà không quyết tâm sửa chữa. Muốn sửa chữa cho tốt thì phải sẵn sàng nghe quần chúng phê bình và thật thà tự phê bình. Không chịu nghe phê bình và không tự phê bình thì nhất định lạc hậu, thoái bộ. Lạc hậu và thoái bộ thì sẽ bị quần chúng bỏ rơi" (2). "Dân ta rất tốt, rất yêu thương Đảng, yêu thương cán bộ. Khi ta có khuyết điểm mà nói trước dân, chẳng những dân không ghét, không khinh, mà còn thương yêu, quý trọng, tín nhiệm ta hơn nữa"(3).

Người cán bộ có đạo đức cách mạng là người có lối sống lành mạnh, trong sạch, không xa hoa, lãng phí, hủ hóa, tham nhũng, không có tư tưởng đặc quyền, đặc lợi. Ngay từ những năm đầu, khi ta mới giành được chính quyền, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nghiêm khắc chỉ ra những biểu hiện thoái hóa, biến chất của một bộ phận cán bộ, đảng viên. Đó là tình trạng: "Có những đồng chí lo ăn ngon mặc đẹp, lo chiếm của công làm của tư, lợi dụng địa vị và công tác của mình mà buôn bán phát tài, lo việc riêng hơn việc công. Đạo đức cách mạng thế nào, dư luận chê bai thế nào cũng mặc" (4).

2 - Người cán bộ cách mạng phải có phẩm chất đạo đức tốt nhưng đồng thời phải có năng lực tương ứng với nhiệm vụ được giao. Có đức nhưng lại phải có tài. Người cán bộ có tài mà thiếu đức thường gây ra những tác hại không nhỏ. Ngược lại, chỉ có đức mà thiếu tài thì cũng chẳng khác nào ông bụt ngồi ở trong chùa... Đó là những điều mà Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn thường nhắc.

Năng lực ở đây bao gồm cả năng lực trí tuệ và năng lực tổ chức thực tiễn. Muốn có được năng lực đó, người cán bộ phải chịu khó học tập, rèn luyện, trước hết là học lý luận Mác - Lê-nin. Người nói : "Chúng ta phải nâng cao sự tu dưỡng về chủ nghĩa Mác- Lê-nin

(2) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 8, tr 244
(3) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 10, tr 496
(4) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 4, tr 294

Digitized by Google

để dùng lập trường, quan điểm, phương pháp chủ nghĩa Mác - Lê-nin mà tổng kết những kinh nghiệm của Đảng ta, phân tích một cách đúng đắn những đặc điểm của nước ta. Có như thế, chúng ta mới dần dần hiểu được quy luật phát triển của cách mạng Việt nam, định ra được những đường lối, phương châm, bước đi cụ thể của cách mạng xã hội chủ nghĩa thích hợp với tình hình nước ta. Như thế là phải học tập lý luận, phải nâng cao trình độ lý luận chung của Đảng, trước hết là của cán bộ cốt cán của Đảng" (5). Người còn nhắc đi nhắc lại rằng lý luận không phải là giáo điều, nó là "kim chỉ nam" cho hành động cách mạng ; lý luận không phải là cái gì cứng nhắc, nó đầy tính sáng tạo ; lý luận cần luôn luôn được bổ sung bằng những kết luận mới rút ra trong thực tiễn sinh động.

Học lý luận Mác - Lê-nin để nâng cao trình độ, để nắm bắt được quy luật vận động và phát triển của xã hội. Học lý luận Mác - Lê-nin để trung thành với nó, bảo vệ nó và không ngừng nâng cao, hoàn thiện nó, đó là trách nhiệm của người cán bộ cách mạng. Trong khi chủ nghĩa xã hội lâm vào thoái trào, phong trào cách mạng thế giới gặp khó khăn nghiêm trọng như hiện nay, đọc lại những chỉ dẫn nói trên của Chủ tịch Hồ Chí Minh ta mới thấy khả năng tiên tri, tiên lượng của Người thật là vĩ đại.

Học lý luận chưa đủ, Người còn yêu cầu mỗi cán bộ chúng ta phải nghiên cứu, quán triệt thật sâu sắc đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; phải có trình độ chuyên môn thật giỏi, phải vươn tới những đỉnh cao của khoa học - kỹ thuật, bởi vì ngày nay người cán bộ "không thể lãnh đạo chung chung được nữa rồi", và "chỉ có nhiệt tình không thôi thì chưa đủ, còn phải có tri thức nữa".

3 - Người cán bộ cách mạng còn phải có cả *phong cách công tác khoa học*. Đó cũng là điều mà Chủ tịch Hồ Chí Minh yêu cầu "người cán bộ cách mạng nhất thiết phải có". Theo Người, muốn có phong cách công tác khoa học phải chống bệnh chủ quan, tác phong quan liêu, đại khái ; chống bệnh ham chuộng hình thức, chỉ nhằm về hình thức bề ngoài, chỉ muốn phô trương cho oai ; chống cách làm việc theo lối bàn giấy, ngồi một nơi chỉ tay năm ngón, không chịu xuống địa phương và cơ sở.

II. KHI CÁN BỘ LÀ KHÁCH THỂ

Người cán bộ xét trong mối quan hệ với công tác cán bộ thì họ vừa là chủ thể quản lý vừa là đối tượng quản lý (khách thể). Nếu xét ở giác độ người cán bộ là khách thể thì công tác cán bộ phải được tiến hành phù hợp với đối tượng, nhằm làm cho đối tượng có đầy đủ điều kiện và khả năng phát huy được vai trò của mình.

Với lý do nêu trên, Chủ tịch Hồ Chí Minh có những yêu cầu rất cao đối với công tác cán bộ. Dưới đây là một số yêu cầu cơ bản :

1 - *Phải "hiểu rõ và đánh giá đúng cán bộ"*. Bởi vì, có hiểu rõ và đánh giá đúng cán bộ mới bố trí và sử dụng đúng cán bộ. Có hiểu rõ và đánh giá đúng cán bộ mới phát hiện được đúng ai là cán bộ tốt, ai là cán bộ xấu, ai là người có tài và ai là kẻ bất tài. Có hiểu rõ và đánh giá đúng cán bộ thì việc cất nhắc, đề bạt cán bộ mới tránh được những thiếu sót, sai lầm. Có hiểu rõ và đánh giá đúng cán bộ mới kích thích được mặt tích cực và hạn chế được mặt tiêu cực trong con người cán bộ...

Muốn đánh giá đúng cán bộ phải căn cứ vào những chuẩn mực nhất định. Những chuẩn mực đó có thể thay đổi cho phù hợp với yêu cầu của từng giai đoạn, từng thời kỳ cách mạng. Thí dụ, trong cách mạng dân tộc dân chủ, nhiệm vụ hàng đầu của người cán bộ, đảng viên là nêu gương trong cuộc đấu tranh giữa cái sống và cái chết, phấn đấu hy sinh để giành độc lập tự do cho Tổ quốc.

---

(5) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 7, tr 785

Digitized by Google

Trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, nhiệm vụ hàng đầu của người cán bộ, đảng viên là nêu gương giải quyết tốt mối quan hệ giữa lợi ích cá nhân và lợi ích tập thể, cống hiến hết sức mình vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Hiện nay, cán bộ, đảng viên phải là những người đi tiên phong trong công cuộc đổi mới do Đảng ta đề xướng, có thái độ đúng đắn đối với công cuộc đổi mới, có kiến thức và năng lực thực hiện đổi mới.

2 - Phải *"khéo dùng cán bộ"*. Khéo dùng cán bộ thể hiện ở chỗ đặt người đúng việc, vì việc mà đặt người, chứ không phải vì người mà đặt việc, tức là "nồi tròn úp vung tròn" chứ không thể "nồi tròn úp vung vuông". Chủ tịch Hồ Chí Minh thường căn dặn : "Chúng ta phải nhớ rằng : người đời ai cũng có chỗ hay, chỗ dở. Ta phải dùng chỗ hay của người và giúp người chữa chỗ dở. Dùng người cũng như dùng gỗ. Người thợ khéo thì gỗ to, nhỏ, thẳng, cong đều tùy chỗ mà dùng được" (6). Người còn phê phán : "Thường chúng ta không biết tùy tài mà dùng người. Thí dụ : thợ rèn thì bảo đi đóng tủ, thợ mộc thì bảo đi rèn dao. Thành thử hai người đều lúng túng. Nếu biết tùy tài mà dùng người, thì hai người đều thành công" (7).

Khéo dùng cán bộ còn thể hiện ở chỗ biết kết hợp các thế hệ cán bộ một cách đúng đắn. "Hiện nay, trong đội ngũ cán bộ của Đảng có cán bộ già, có cán bộ trẻ. Cán bộ già là vốn quý của Đảng, họ có kinh nghiệm về mặt lãnh đạo, được rèn luyện, thử thách nhiều trong thực tế đấu tranh. Nhưng cũng có một số cán bộ già đến một thời kỳ nào đấy là dừng lại, không tiến lên được, hay bám lấy cái cũ, không nhạy cảm với cái mới. Còn cán bộ trẻ tuy chưa có một số ưu điểm như cán bộ già, nhưng họ lại hăng hái, nhạy cảm với cái mới, chịu khó học tập, cho nên tiến bộ rất nhanh... Không nên coi thường cán bộ trẻ... coi thường cán bộ trẻ là không đúng. Còn cán bộ trẻ không được kiêu ngạo, phải khiêm tốn học hỏi các đồng chí già có kinh nghiệm" (8).

Muốn dùng cán bộ cho đúng phải hết sức khách quan, công tâm và đặc biệt, phải chống "tư tưởng địa phương chủ nghĩa", "óc bè phái", "óc hẹp hòi"... bởi vì mắc phải những căn bệnh đó thì dứt khoát ai hẩu với mình dù nói không đúng cũng nghe, tài không có cũng dùng. Ai không hẩu với mình dù có tài cũng dìm họ xuống, họ nói phải mấy cũng không nghe. Chủ tịch Hồ Chí Minh vẫn thường nói như vậy.

3 - *Phải "có gan cất nhắc cán bộ"*. Có gan tức là phải mạnh dạn. Sở dĩ Người nói như thế vì chúng ta thường hay "rụt rè", "quá khắt khe" trong việc đề bạt cán bộ. Có gan không có nghĩa là làm vội, làm ẩu, làm liều. Người thường nói : "Trước khi cất nhắc cán bộ, phải nhận xét rõ ràng. Chẳng những xem xét công tác của họ, mà còn phải xem xét cách sinh hoạt của họ. Chẳng những xem xét cách viết, cách nói của họ, mà còn phải xem xét việc làm của họ có đúng với lời nói, bài viết của họ hay không. Chẳng những xem xét họ đối với ta thế nào, mà còn phải xem xét họ đối với người khác thế nào. Ta nhận họ tốt, còn phải xét số nhiều đồng chí có nhận họ tốt hay không. Phải biết ưu điểm của họ, mà cũng phải biết khuyết điểm của họ, không nên chỉ xem công việc của họ trong một lúc, mà phải xem cả công việc của họ từ trước đến nay" (9).

Đối với cán bộ chẳng những phải xem xét rõ ràng trước khi đề bạt mà sau khi đề bạt còn phải tiếp tục bồi dưỡng, giúp đỡ họ để họ có thể hoàn thành tốt nhiệm vụ ở cương vị được giao. Chủ trương "có lên, có xuống" trong công tác cán bộ là hoàn toàn đúng đắn. Song, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh đó là điều "Vạn bất đắc dĩ". Người nói : "Cất nhắc cán bộ,

(6) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 4, tr 292 - 293
(7) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 4, tr 494
(8) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 10, tr 493 - 494
(9) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 4, tr 502

Digitized by Google

không nên làm như "giã gạo". Nghĩa là trước khi cất nhắc không xem xét kỹ. Khi cất nhắc rồi không giúp đỡ họ. Khi họ sai lầm thì đẩy xuống, chờ lúc họ làm khá, lại cất nhắc lên. Một cán bộ bị nhắc lên thả xuống ba lần như thế là hỏng cả đời" (10). Thật là cảm động khi được đọc, được nghe những lời như thế. Nó vừa đơn giản, dễ hiểu, vừa thấu lý, đạt tình, vừa nghiêm khắc, vừa hết sức độ lượng, bao dung và mang đầy tính nhân văn cao cả.

Trên đây chỉ là một số yêu cầu lớn, rất cơ bản của Chủ tịch Hồ Chí Minh đối với công tác cán bộ. Còn toàn bộ tư tưởng của Người về vấn đề này có thể khái quát lại thành những cặp từ mà Người vẫn hay dùng là "hiểu biết", "khéo dùng", "mạnh dạn", "nghiêm khắc", "thương yêu"...

Quán triệt đầy đủ tinh thần của những cặp từ đó đã là điều khó. Cái khó hơn là thực hành đúng nội dung của nó. Muốn vậy, đòi hỏi những người làm công tác cán bộ (thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các cấp ủy đảng, các cán bộ chuyên môn tham mưu về công tác cán bộ...) phải có thái độ khách quan, công tâm, không mảy may xen động cơ cá nhân ; ngoài ra còn phải có con mắt nhạy cảm, tinh đời ; hay nói một cách khác là phải có "tâm", có "tín", có "tài" thì mới có thể xem xét cán bộ một cách đúng đắn, sử dụng cán bộ đúng chỗ, đúng việc, vì lợi ích của cách mạng.

III. NGƯỜI CÁN BỘ TRONG CÁC MỐI QUAN HỆ

Nói chung, lâu nay, chúng ta đã vận dụng một cách đúng đắn, sáng tạo những nguyên lý mác xít - lê nin nít và những chỉ dẫn quý báu của Chủ tịch Hồ Chí Minh về vấn đề cán bộ. Chính vì thế Đảng ta đã có một đội ngũ cán bộ về cơ bản là tốt, đáp ứng được những yêu cầu của sự nghiệp cách mạng trong từng giai đoạn.

Tuy nhiên, sự hoạt động, phát triển của đội ngũ cán bộ và hiệu quả của sự hoạt động đó còn phụ thuộc vào việc giải quyết tốt hay không tốt hàng loạt mối quan hệ. Các mối quan hệ đó là những nguyên nhân rất quan trọng tác động toàn diện đến người cán bộ. Thí dụ :

- Không thể đặt người cán bộ ra ngoài mối quan hệ với đường lối chính trị của Đảng. Tôi không đi sâu phân tích kỹ về vấn đề này, bởi vì chúng ta đã có nhiều dịp nói đến, vả lại, thực tế cũng đã chứng minh rõ vấn đề này. Đường lối sai đương nhiên không thể có đội ngũ cán bộ tốt. Đường lối sai sẽ làm cho người cán bộ mất phương hướng và đẩy hàng loạt cán bộ vào chỗ sai lầm. Tình hình thực tế của nhiều đảng cộng sản trong những năm gần đây đã chứng minh điều đó.

- Không thể đặt người cán bộ ra ngoài mối quan hệ với tổ chức, với cơ chế quản lý kinh tế - xã hội, bởi vì những thứ đó nó quy định phương hướng và mục tiêu hành động của cán bộ, điều khiển cán bộ, buộc người cán bộ phải hành động như thế này chứ không thể như thế khác. Thí dụ, nếu chúng ta xây dựng được một hệ thống quản lý kinh tế khoa học, phù hợp với quy luật phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, có sự quản lý của nhà nước thì đó sẽ là điều kiện hết sức quan trọng buộc người cán bộ phải quan tâm đến hiệu quả kinh tế của sản xuất, kinh doanh, phải đi sâu nắm vững cơ cấu và quá trình sản xuất, nâng cao ý thức trách nhiệm, tinh thần làm chủ, trình độ hiểu biết và khả năng quản lý...

Phải quán triệt những nguyên lý mác xít - lê nin nít và những tư tưởng đúng đắn của Chủ tịch Hồ Chí Minh về vấn đề cán bộ ; đồng thời, khi tiến hành, phải có những biện pháp đồng bộ, tích cực và khoa học. Chỉ có như vậy thì đường lối cán bộ của Đảng mới thực sự mang tính khả thi. ❑

(10) Hồ Chí Minh : *Sđd*, t 4, tr 502

Digitized by Google

TUỔI TRẺ VIỆT NAM XUNG KÍCH TRONG SỰ NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

VŨ TRỌNG KIM *

QUA các thời kỳ cách mạng, Đảng ta và Bác Hồ kính yêu luôn coi trọng công tác thanh niên, chăm sóc và động viên thế hệ trẻ Việt nam hăng hái xung phong, góp phần xứng đáng vào cuộc đấu tranh giành độc lập, tự do cho dân tộc, cống hiến ngày càng to lớn vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Sáu mươi sáu năm qua là chặng đường lịch sử vẻ vang và hào hùng của Đoàn thanh niên cộng sản (TNCS) Hồ Chí Minh. Ra đời từ cao trào cách mạng năm 1930 - 1931, được tôi luyện trong lò lửa đấu tranh của Xô viết Nghệ-Tĩnh, trải qua nhiều thời kỳ phát triển, với nhiều tên gọi khác nhau : Đoàn thanh niên cộng sản Đông dương (1931 - 1936), Đoàn thanh niên dân chủ Đông dương (1937 - 1939), Đoàn thanh niên phản đế Đông dương (1939 - 1941), Đoàn thanh niên cứu quốc Việt nam (1941 - 1956), Đoàn thanh niên lao động Việt nam (1956 - 1970), Đoàn thanh niên lao động Hồ Chí Minh (1970 - 1976) và Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh từ 1976 đến nay.

Dưới lá cờ Đoàn - "Tay cầm cờ đỏ sao vàng tiến lên" (Hồ Chí Minh), hàng triệu đoàn viên và thanh niên từ thế hệ này đến thế hệ khác đã nối tiếp nhau xông lên hàng đầu, đấu tranh anh dũng, lao động hăng say, xung kích sáng tạo... viết lên những trang sử hào hùng của dân tộc, xây đắp nên những truyền thống vẻ vang của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và thế hệ trẻ nước ta.

Trước hết, đó là *truyền thống yêu nước nồng nàn, trung thành tuyệt đối với Đảng, với nhân dân và chế độ xã hội chủ nghĩa.* Truyền thống này đã tạo nên động lực tinh thần vô giá xuyên suốt các thời kỳ lịch sử và được thể hiện sinh động qua các phong trào cách mạng của tuổi trẻ, nhất là ở những bước ngoặt lịch sử của dân tộc, của cách mạng Việt nam. Sáu mươi sáu năm qua, tuyệt đại bộ phận thanh niên nước ta luôn gắn bó và sẵn sàng xả thân vì Tổ quốc, luôn xiết chặt hàng ngũ xung quanh Đảng, tiên phong đưa các đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước vào cuộc sống.

Nói đến thanh niên, ta thường nhắc tới *truyền thống của đội quân xung kích cách mạng, dám đón lấy những trọng trách nặng nề, dám đi đến những nơi khó khăn, nguy hiểm, dám suy nghĩ tìm tòi sáng tạo...* để đảm nhận những khâu yếu, việc khó, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, thực hiện tốt lời dạy của Bác Hồ "Đâu Đảng cần thì thanh niên có, việc gì khó thì thanh niên làm". (1)

Thanh niên Việt nam còn nổi bật ở *truyền thống hiếu học, tôn sư trọng đạo, chuyên cần và sáng tạo, có ý chí vươn lên chiếm lĩnh những đỉnh cao của khoa học và công nghệ.* Vượt qua mọi điều kiện học tập còn khó khăn, thiếu thốn, tuổi trẻ Việt nam từ thế hệ này đến thế hệ khác thi đua học tập và rèn luyện để nhanh chóng hội nhập với nền văn minh nhân loại, để đưa nước ta nhanh chóng

---

* Ủy viên trung ương Đảng, Bí thư thứ nhất trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh

(1) Hồ Chí Minh : *Tuyển tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, t 2, tr 221

Digitized by Google

thoát khỏi cảnh nghèo nàn và lạc hậu, "sánh vai với các cường quốc năm châu" như Bác Hồ kính yêu hằng mong mỏi.

Truyền thống đoàn kết nhất trí, đồng tâm hợp lực vì nghĩa lớn, vì sự nghiệp cao cả của tuổi trẻ Việt nam trong đội ngũ của mình và hợp tác chặt chẽ với bạn bè quốc tế là một truyền thống quý báu của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, khẳng định một cách xuất sắc vai trò là hạt nhân chính trị của phong trào thanh thiếu nhi, xứng đáng là đội dự bị tin cậy của Đảng cộng sản Việt nam.

Trong suốt tiến trình lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc, đặc biệt là trong 66 năm qua, thanh niên Việt nam luôn luôn thể hiện rõ vai trò xung kích của mình trong cuộc đấu tranh với thiên nhiên, chống kẻ thù ngoại xâm, vì sự tồn tại và phát triển phồn vinh của dân tộc. Đánh giá đúng đắn và gửi gắm sự tin cậy vào lực lượng thanh niên, Đảng ta luôn xác định thanh niên là rường cột của quốc gia, là người nắm giữ và quyết định tương lai của dân tộc. Thanh niên có vị trí, vai trò hết sức quan trọng trong công cuộc đổi mới nói chung và sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) đất nước nói riêng.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 Ban chấp hành trung ương Đảng khóa VII đã khẳng định : "Sự nghiệp đổi mới có thành công hay không, đất nước bước vào thế kỷ XXI có vị trí xứng đáng trong cộng đồng thế giới hay không, phần lớn tùy thuộc vào lực lượng thanh niên..."

Chính vì vậy, công cuộc CNH, HĐH đất nước hiện nay đang là môi trường thử thách mới, song cũng là "cơ hội ngàn vàng" để thanh niên Việt nam thể hiện tài năng và sức trẻ, khẳng định rõ hơn vai trò và vị trí của mình trong xã hội, cống hiến nhiều nhất vì sự phồn vinh, thịnh vượng của quốc gia. Nhiệm vụ trọng tâm của tuổi trẻ hôm nay là cùng toàn đảng, toàn dân tập trung mọi lực lượng, tranh thủ mọi thời cơ, vượt qua mọi thử thách, đẩy mạnh công cuộc đổi mới một cách toàn diện và đồng bộ, chuyển mạnh cơ cấu kinh tế, tiếp thu công nghệ sản xuất và phương pháp quản lý tiên tiến, nhằm phát triển kinh tế - xã hội một cách bền vững, bảo đảm sự thắng lợi của công cuộc CNH, HĐH đất nước.

Yêu cầu của sự nghiệp CNH, HĐH đất nước đang đòi hỏi cấp bách phải phát huy lực lượng thanh niên và tăng cường công tác thanh niên, xây dựng nguồn nhân lực nhằm tạo ra một đội ngũ lao động trẻ yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, giàu nhiệt tình và sáng tạo, giỏi về tay nghề, thạo về quản lý, năng động với thị trường, làm chủ khoa học - công nghệ tiên tiến, hiện đại. Bởi vậy, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 2 về giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ vừa qua đã tạo ra những điều kiện mới, những động lực mới, những cơ hội mới cho thanh niên chuẩn bị hành trang trí tuệ đáp ứng những yêu cầu cao của sự nghiệp CNH, HĐH.

Năm 1997, thanh niên cả nước kỷ niệm ngày hội truyền thống của mình, kỷ niệm 66 năm ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh trong bối cảnh có nhiều sự kiện chính trị lớn của đất nước và tuổi trẻ. Đây là năm triển khai sâu rộng Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng vào cuộc sống, là năm tiến hành Đại hội Đoàn các cấp và Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ VII - Đại hội "*Vì sự nghiệp CNH, HĐH đất nước, vì tương lai tươi sáng của tuổi trẻ*". Năm 1997 cũng đã được Hội nghị Ban chấp hành trung ương Đoàn lần thứ 9 (khóa VI) quyết định chọn là "*Năm thanh niên*". Để phát huy truyền thống vẻ vang của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, tiếp tục ghi vào sổ vàng truyền thống của Đoàn những cống hiến xuất sắc của thanh niên trong thời kỳ phát triển mới của đất nước, tuổi trẻ Việt nam quyết tâm xung kích đi đầu thực hiện thắng lợi sự nghiệp CNH, HĐH đất nước, đưa Việt nam nhanh chóng hội nhập với các nước trên thế giới.

Với mục tiêu huy động đông đảo đoàn viên thanh viên vào các phong trào hành động cách mạng của Đoàn, tạo nên phong trào thi đua sôi nổi, hiệu quả trên khắp các

Digitized by Google

địa phương, đơn vị trong cả nước nhằm góp phần tạo nguồn nhân lực trẻ có chất lượng phục vụ cho sự nghiệp CNH, HĐH, tạo môi trường thuận lợi cho thanh niên rèn luyện trưởng thành, tham gia thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chương trình kinh tế, văn hóa - xã hội của nhà nước năm 1997, Ban thường vụ trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh đã chính thức phát động đoàn viên và thanh niên cả nước dấy lên phong trào hành động cách mạng sôi nổi mạnh mẽ với khẩu hiệu : *"Thanh niên xung kích sáng tạo vì sự nghiệp CNH, HĐH đất nước, vì tương lai tươi sáng của tuổi trẻ Việt nam"*.

Công tác Đoàn và phong trào thanh niên cả nước xung kích tập trung thực hiện 7 chương trình hành động, cụ thể là :

1 - Chương trình hành động của Đoàn vì sự phát triển của thanh niên nhằm góp phần tạo nguồn nhân lực trẻ có chất lượng cho sự nghiệp CNH, HĐH đất nước ; khuyến khích và tạo điều kiện cho thanh niên chuẩn bị hành trang vào thế kỷ XXI với lòng yêu nước và lý tưởng cách mạng cao cả ; với đạo đức trong sáng và nếp sống lành mạnh ; với trí thức, tay nghề cao và thể lực tốt.

Trong năm 1997, tập trung vào việc thúc đẩy phong trào "Học tập, rèn luyện vì ngày mai lập nghiệp, vì dân giàu nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh" nhằm động viên thanh niên học tập, nghiên cứu khoa học, phát triển tài năng. Đoàn cần tổ chức tốt các câu lạc bộ học thuật, các cuộc thi, các giải thưởng, các loại quỹ khuyến học, khuyến tài... tổ chức các chiến dịch "ánh sáng văn hóa", các "lớp học tình thương" để tham gia xóa mù chữ và phổ cập giáo dục tiểu học ; mở các trung tâm dạy nghề, giới thiệu việc làm cho thanh niên. Đẩy mạnh phong trào "Thanh niên khỏe để lập nghiệp và giữ nước" ; tạo thêm nhiều điểm hoạt động vui chơi, xây dựng môi trường lành mạnh, tiến bộ và nhân ái, tổ chức tốt các hoạt động xã hội, từ thiện một cách rộng rãi hơn nữa.

2 - Chương trình thanh niên tham gia phát triển kinh tế và xã hội : đoàn viên, thanh niên tích cực tham gia các chương trình phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn, nhân rộng các mô hình làng thanh niên, khu kinh tế thanh niên, trang trại trẻ. Phát triển công nghiệp và dịch vụ, đảm nhận các công trình "Thanh niên sáng tạo làm chủ công nghệ mới" trong các ngành kinh tế mũi nhọn ; chuẩn bị các điều kiện về tinh thần và cơ sở vật chất để huy động đông đảo lực lượng lao động trẻ thực hiện lao động công ích, động viên tinh thần xung phong, tình nguyện của thanh niên xung kích tham gia các chương trình dự án lớn của nhà nước như : mở đường Trường sơn công nghiệp hóa, đường cao tốc, các công trình giao thông, trồng rừng, thủy lợi v.v...

Tiếp tục mở rộng các hoạt động của chương trình dân số - sức khỏe - môi trường, tập trung vào việc phát triển nâng cao chất lượng các chiến dịch truyền thông, nhất là tuyến cơ sở. Chú trọng xây dựng các câu lạc bộ "dân số và phát triển" (với nhiều nội dung lồng ghép), thành lập các "Đội thanh niên tình nguyện bảo vệ nước sạch và vệ sinh môi trường".

Đẩy mạnh các hoạt động phòng chống tệ nạn xã hội, như tệ nạn ma túy, mại dâm, cờ bạc, chống tham ô, lãng phí, chống bệnh hành chính quan liêu... Triển khai thực hiện tốt kế hoạch liên tịch 6 ngành về ngăn chặn tệ nạn ma túy trong học sinh, sinh viên và thanh thiếu nhi.

3 - Chương trình thanh niên thực hiện nhiệm vụ quốc phòng và an ninh : giáo dục nâng cao nhận thức cho thanh niên về nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, ý thức cảnh giác cách mạng, chống âm mưu "diễn biến hòa bình". Chuẩn bị tốt cho thanh niên nhập ngũ và phục vụ quân đội ; tổ chức các lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị, làm tốt công tác hậu phương quân đội, đẩy mạnh các hoạt động kết nghĩa, đoàn kết 3 lực lượng ; tổ chức tốt phong trào "xứng danh bộ đội Cụ Hồ" trong thanh niên quân đội, phong trào "Thực hiện 6 điều Bác Hồ dạy" trong thanh

Digitized by Google

niên công an ; đồng thời tổ chức nhiều hoạt động góp phần nâng cao đời sống văn hóa tinh thần cho đoàn viên thanh niên các lực lượng vũ trang.

Đoàn viên thanh niên các lực lượng vũ trang phối hợp chặt chẽ với đoàn viên thanh niên địa phương cơ sở tích cực tham gia giữ gìn an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, phòng chống tội phạm, đấu tranh mạnh mẽ với các tệ nạn xã hội, nhằm góp phần tạo ra môi trường xã hội lành mạnh, tiến bộ.

4 - Chương trình xây dựng Đoàn, Hội vững mạnh và Đoàn tham gia xây dựng Đảng : tập trung chỉ đạo và tổ chức tốt Đại hội Đoàn các cấp và Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ VII ; chỉ đạo chặt chẽ việc củng cố cơ sở yếu kém, xây dựng tổ chức Đoàn ở những nơi chưa có tổ chức Đoàn, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng tôn giáo, khu vực kinh tế ngoài quốc doanh với quyết tâm "ở đâu có thanh niên, ở đó có tổ chức Đoàn, tổ chức Hội". Phấn đấu kết nạp được 60 vạn đoàn viên mang tên "Lớp đoàn viên Đại hội Đoàn VII" và phát triển 60 vạn hội viên mới vào Hội LHTN Việt nam ; tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động "đoàn viên thanh niên phấn đấu rèn luyện trở thành đảng viên Đảng cộng sản Việt nam" và giới thiệu cho đảng kết nạp 5 000 đoàn viên ưu tú trong năm 1997.

5 - Chương trình nghiên cứu - đào tạo, hoạt động khoa học công nghệ và xuất bản - báo chí : đẩy mạnh các hoạt động nghiên cứu khoa học, đào tạo theo hướng xác lập những nội dung, hình thức hoạt động tập hợp, đoàn kết thanh niên của Đoàn và Hội trong tình hình mới ; bồi dưỡng, phát huy và huy động nguồn nhân lực trẻ, dự báo xu hướng phát triển thanh niên, xây dựng chiến lược công tác thanh niên góp phần thực hiện CNH, HĐH đất nước ; khuyến khích các hoạt động sáng tạo khoa học - kỹ thuật, tiếp nhận và ứng dụng các công nghệ mới trong thanh niên ; tổ chức các cuộc thi, trao giải thưởng "Tuổi trẻ sáng tạo" và giải thưởng khoa học - kỹ thuật cho thanh niên.

Tăng cường các hoạt động xuất bản - báo chí để phục vụ tốt nhiệm vụ chính trị, góp phần giáo dục đạo đức, nếp sống, cho thanh niên ; đồng thời phản ánh nhiều hơn các điển hình tiên tiến, các mô hình tốt, các hoạt động phong phú, đa dạng của tổ chức Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi từ cơ sở.

6 - Chương trình chăm sóc thiếu niên, nhi đồng, xây dựng Đội thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh vững mạnh và tổ chức thực hiện phong trào "mỗi đoàn viên, thanh niên có một việc làm tốt cho các em", tăng cường giáo dục đạo đức, nếp sống văn hóa, pháp luật cho thiếu nhi ; ngăn chặn các tệ nạn xã hội, nhất là ma túy thâm nhập vào thiếu nhi ; tổ chức các hoạt động cho thiếu nhi trên địa bàn dân cư, xây dựng các khu vui chơi và tụ điểm sinh hoạt cho các em. Chăm sóc những thiếu nhi có hoàn cảnh khó khăn đặc biệt. Đẩy mạnh thực hiện chương trình "rèn luyện đội viên", bồi dưỡng đội viên lớn để kết nạp đoàn, nâng cao chất lượng đội ngũ tổng phụ trách ; củng cố hội đồng đội các cấp, tham mưu xác lập cơ chế chính sách và cơ sở vật chất cho công tác thiếu nhi và các hoạt động của đội.

7 - Chương trình hoạt động quốc tế : tăng cường và mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác với các tổ chức và phong trào thanh niên trong khu vực và trên thế giới ; chuẩn bị tốt mọi mặt cho việc đăng cai Hội nghị Tiểu ban thanh niên ASEAN lần thứ 14 ; tham gia FESTIVAL 14 tại Cu ba ; tổ chức giao lưu thanh niên Việt - Nhật ; tham gia con tàu thanh niên Đông - Nam Á. Xây dựng chương trình hội nhập quốc tế thanh niên bước vào thế kỷ XXI, tạo điều kiện cho thanh niên nước ta nhanh chóng, vững vàng hội nhập với thanh niên quốc tế để phục vụ cho sự nghiệp CNH, HĐH đất nước, hỗ trợ và động viên phát triển phong trào thanh niên trong nước.❑

Digitized by Google

NGUỒN LỰC TRÍ TUỆ VÀ SỨC MẠNH ĐỘT PHÁ

VŨ ĐÌNH CỰ *

1 - Vận động quá độ của thời đại quá độ

Phân tích và đánh giá tình hình từ nay đến thế kỷ sau, Đại hội VIII của Đảng ta đã nhận định rằng loài người vẫn đang trong thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản (CNTB) lên chủ nghĩa xã hội (CNXH) ; cách mạng khoa học và công nghệ tiếp tục phát triển với trình độ ngày càng cao, cộng đồng thế giới đứng trước nhiều vấn đề có tính toàn cầu, các nước đều có những cơ hội để phát triển, đồng thời phải đối phó với các thách thức có khi nghiêm trọng... Mọi biến động của thời đại hiện nay cho đến thế kỷ sau, nếu tìm đến tận gốc rễ của vấn đề, đều thấy chúng xoay quanh trục mâu thuẫn cơ bản : mâu thuẫn giữa sở hữu TBCN về tư liệu sản xuất và tính xã hội hóa ngày càng cao của lực lượng sản xuất. Ví dụ : mạng máy tính In-tơ-nét toàn cầu là lực lượng sản xuất hiện đại nhất và cũng có tính xã hội hóa thuộc loại cao nhất hiện nay. Nhưng nó lại nằm trong các công ty siêu quốc gia thuộc sở hữu TBCN. Vì vậy, nó vừa như một *bộ não toàn cầu* lại vừa như một *thùng rác toàn cầu*, làm hạn chế nghiêm trọng tác dụng đáng ra phải có của mạng máy tính này. Vậy là biện chứng của sự vận động quá độ trong thời đại quá độ đòi hỏi vừa phải tạo ra những thực thể xã hội, vừa bảo đảm một sự phát triển theo kịp với nhịp độ của thời đại, tránh được hoặc hạn chế được tác hại gây ra bởi sự chống đối của cái cũ.

Yêu cầu đó đặt ra như một thách thức và là một yếu tố quan trọng trong định hướng chiến lược phát triển khoa học - công nghệ và giáo dục của chúng ta trong thời đại quá độ này.

1.1. Nhân tố quá độ đặc trưng

Bất cứ một quá trình quá độ nào cũng là một chuỗi liên tiếp các phủ định của phủ định mà kết quả cuối cùng là hai mặt của mâu thuẫn thống nhất với nhau hình thành thực thể mới thay cho thực thể cũ. Bản chất đặc trưng làm cho thực thể mới khác về chất đối với thực thể cũ, trong quá trình quá độ được gọi là ***nhân tố quá độ đặc trưng*** (NTQĐĐT - Tiếng Pháp : Facteur caractéristique de transition). Ví dụ, xét quá trình quá độ nước đá tan thành nước thường. Sự khác biệt đặc trưng giữa nước đá và nước thường là ở chỗ : trong nước đá, các phân tử nước (H_2O) có vị trí cố định, còn trong nước thường các phân tử nước có thể dịch chuyển vị trí trong cả khối nước. Để biểu thị cho tính chất đặc trưng này ta dùng đại lượng ***quãng đường dịch chuyển trung bình*** của phân tử nước (tính cho một đơn vị thời gian). Đại lượng này bằng không ở nước đá, bằng một giá trị g lớn hơn không, ở trong nước thường. Như vậy trong quá trình quá độ nước đá tan thành nước thường, đại lượng trên biến đổi từ 0 đến g (> 0). Ở đây NTQĐ ĐT được biểu thị bằng quãng đường dịch chuyển trung bình. Trong các quá trình quá độ phức tạp hơn NTQĐ ĐT được biểu thị bằng nhiều đại lượng đặc trưng thành phần, khi đó NTQĐ ĐT được gọi là ***Vectơ quá độ đặc trưng*** (VQĐ ĐT). Ví dụ quá trình quá độ từ CNTB, hoặc tiền tư bản lên CNXH thì *Vectơ quá độ đặc trưng* có tối thiểu ba đại lượng đặc trưng thành phần :

1 - Mức độ xã hội hóa của sở hữu tư liệu sản xuất ;

2 - Trình độ và hiệu quả của lực lượng sản xuất ;

---

* GS, TS, Ủy viên trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban khoa học - công nghệ và môi trường của Quốc hội

Digitized by Google

3 - Chất lượng của cuộc sống xã hội...

Trong quá trình quá độ tiến lên CNXH cả ba thành phần này đều phải tăng lên (có thể mức tăng của ba thành phần không giống nhau) và đều phải vượt qua các ngưỡng nhất định để cao hơn hẳn CNTB thì quá trình quá độ mới hoàn thành, nghĩa là phải giải quyết vấn đề "ai thắng ai" trên cả ba mặt.

Điều này sẽ ảnh hưởng mạnh mẽ đến định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ nước ta trong thời gian tới.

1.2. Thăng giáng quá độ

Kết quả của bất cứ quá trình quá độ nào cũng là cuối cùng thực thể mới được thiết lập và thực thể cũ bị phủ định. Tuy nhiên, trong từng giai đoạn hoặc từng thời gian, do những yếu tố ngẫu nhiên trong đấu tranh giữa cái mới và cái cũ, có thể xảy ra các biến động đột ngột theo chiều thuận và cũng có thể theo chiều ngược. Các biến động đột ngột đó gọi là ***thăng giáng quá độ*** (TGQĐ - Tiếng Pháp : Fluctuation de transition). Sự tồn tại của *thăng giáng quá độ* có tính phổ quát cho mọi quá trình quá độ có nguyên nhân là sự cạnh tranh giữa cái mới và cái cũ nhưng mang nhiều yếu tố ngẫu nhiên. Hãy xét ví dụ sau đây : Một sự cố làm mất nguồn điện cung cấp năng lượng điện cho một khu vực qua mạng điện. Không phải là sau khi mất nguồn thì dòng điện (hoặc điện thế) tức khắc giảm xuống số không trong toàn mạng, mà có một quá trình quá độ dữ dội xảy ra để chuyển mạng từ trạng thái có điện sang trạng thái không có điện. Ở một số điểm xác định của mạng, xuất hiện các thăng giáng điện áp mãnh liệt, thậm chí điện áp có thể tăng vọt làm cháy nhiều thiết bị, hoặc phóng tia lửa gây cháy nhà nếu không có thiết bị bảo vệ.

Với các quá trình xã hội thì thăng giáng quá độ còn phức tạp hơn. Cái mới tưởng như đã được thiết lập vững chắc ở một bộ phận nào đó của hệ thống, thế mà bỗng chốc lại "diễn biến" trở lại cái cũ. Ngược lại, cái cũ tưởng như "còn vững như thành", chỉ trong phút chốc tan rã và bị cái mới thay thế. *Thăng giáng quá độ* trong xã hội được thể hiện bằng các cuộc cách mạng và phản cách mạng đan xen trong các bộ phận của hệ thống, mặc dầu chung cục thì cách mạng sẽ thắng trong toàn hệ. Khoa học ngày nay đã đạt nhiều thành tựu trong nghiên cứu các quy luật của *Thăng giáng quá độ* trong giới tự nhiên ; trong lĩnh vực xã hội cũng đã đi đến nhiều kết luận có giá trị về các quy luật của *Thăng giáng quá độ*.

1.3. Tầm tương quan quá độ và mức nhạy cảm của quá độ

Một hệ thống đang trong quá trình quá độ, có thể trong một bộ phận xảy ra biến động đột xuất, nó gây ảnh hưởng ra xung quanh. Khoảng cách trung bình mà ở đó ảnh hưởng của biến động đột xuất nói trên còn đáng kể, được gọi là ***tầm tương quan quá độ*** (Tiếng Pháp : Distance corrélative de transition). Hãy xét Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917, nó có ảnh hưởng rộng lớn, nhưng đáng kể nhất là ở lục địa Âu - Á, nghĩa là lúc đó tầm tương quan quá độ (TTQQĐ) là mức lục địa. Nhưng sau chiến tranh thế giới lần thứ 2 thì *tầm tương quan quá* độ mở rộng ra mức toàn cầu, cụ thể là cách mạng theo định hướng XHCN lan rộng đến châu Á, châu Phi và châu Mỹ la-tinh.

Khi có một tác động từ bên ngoài lên một hệ thống thì trong hệ thống sẽ xuất hiện biến động tương ứng. Tùy mức biến động xuất hiện này cao hay thấp ta có thể xác định mức nhạy cảm. Khi hệ thống ở trong quá trình quá độ thì mức nhạy cảm tương ứng là mức nhạy cảm quá độ (MNCQĐ - Tiếng Pháp : Suscepbilité de transition). *Mức nhạy cảm quá độ* thường lớn hơn và có thể bất thường so với mức nhạy cảm bình thường. Ví dụ đưa vốn đầu tư vào một nền kinh tế quá độ, có thể làm cho nền kinh tế đó tăng trưởng nhanh hơn bình thường, nhưng cũng có thể làm cho nó suy sụp thảm hại. *Mức nhạy cảm quá độ* phụ thuộc chủ yếu vào cơ cấu nội tại và các liên kết của các bộ phận trong hệ thống quá độ.

Những tính chất đặc thù nêu trên đây của thời đại quá độ sẽ ảnh hưởng đến quyết sách của chúng ta trong định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ.

Digitized by Google

2. Con người XHCN vừa là động lực vừa là mục tiêu phát triển

Mục tiêu cao nhất của sự phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ của chúng ta là vừa nhằm phục vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, vừa nhằm hình thành nên thế hệ con người Việt nam XHCN như Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dặn trong Di chúc của Người "đào tạo họ thành những người thừa kế xây dựng CNXH vừa "hồng" vừa "chuyên"".

Như vậy, kết quả của phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ không chỉ tạo ra động lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước bằng phát triển lực lượng sản xuất với lực lượng lao động và trí tuệ có chất lượng cao và đồng bộ, mà còn hình thành nên thế hệ con người XHCN với phẩm chất đạo đức, thể lực, tâm lý và văn hóa ngang tầm đòi hỏi của thời đại. Như vậy là đặt con người XHCN vào vị trí trung tâm, vừa là động lực vừa là mục tiêu.

2.1. Lý tưởng và thị trường

Thị trường bao giờ cũng bị điều khiển bởi các ông chủ, hàng trăm năm nay các nhà tư bản đã làm như vậy. Các nhà nước tư sản luôn can thiệp vào thị trường, trực tiếp hay gián tiếp, hướng theo "lý tưởng" của các ông chủ là lợi nhuận tối đa. Một hệ thống kinh tế không thể vận hành khép kín vì nó chỉ là bộ phận của hệ thống kinh tế - chính trị lớn hơn, bao trùm lên nó.

Chúng ta xây dựng nền kinh tế - xã hội theo định hướng XHCN, như đã trình bày ở điểm 1.1, phải phát triển nhanh và đúng hướng *vectơ quá độ đặc trưng*. Vectơ này có ba thành phần, tương quan mạnh yếu của các thành phần đó ảnh hưởng đến hướng của nó (thường biểu thị bằng một mũi tên). Như vậy, lý tưởng của chúng ta phải thể hiện bằng các phương tiện điều khiển thị trường sao cho *vectơ quá độ đặc trưng* tăng nhanh và hướng về CNXH. Muốn vậy, đúng như Đại hội VIII đã chỉ rõ : Phải lấy sở hữu nhà nước làm chủ đạo và từng bước tăng nhanh sự xã hội hóa sở hữu tư liệu sản xuất của toàn xã hội - ứng với thành phần thứ nhất của *vectơ quá độ đặc trưng ;* phải mở cửa, nhanh chóng tiếp thụ công nghệ tiên tiến và đổi mới quản lý đồng thời phát triển năng lực nội sinh về công nghệ để tăng nhanh lực lượng sản xuất và hiệu quả sản xuất - ứng với thành phần thứ hai của *vectơ quá độ đặc trưng ;* nâng cao chất lượng cuộc sống xã hội như xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân, hạn chế phân cực giàu nghèo, thực hiện tốt các chính sách xã hội, bảo vệ môi trường sinh thái và bài trừ tệ nạn xã hội... - ứng với thành phần thứ ba của *vectơ quá độ đặc trưng*.

Để thực hiện chiến lược trên đây, nhiều thế hệ người Việt nam kế tiếp phải có lý tưởng XHCN vững vàng, rèn luyện, học tập đạt tới các đỉnh cao của trí tuệ và "nghệ thuật" của tay nghề, mẫu mực trong quan hệ gia đình và xã hội, như C. Mác đã nói đến 4 yếu tố mà con người phải vươn lên để "làm ra lịch sử" (1), cũng tức là vừa "hồng" vừa "chuyên". Chính sự phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ đúng hướng và có hiệu quả, sẽ trao cho thế hệ trẻ chìa khóa vàng của đạo đức và trí tuệ, tạo cho từng người và cả thế hệ năng lực hoàn thành các nhiệm vụ phức tạp và luôn biến động của thời đại quá độ. Cũng qua đó sẽ hình thành từng bước con người XHCN có đủ phẩm chất và bản lĩnh để điều khiển thị trường, dám vận dụng mọi thành tựu có thể vận dụng được của CNTB hiện đại để xây dựng thành công CNXH, mà không phải chui qua cái khe núi Cáp-đi-a đầy đau khổ của CNTB, như lời khuyên của C.Mác (2).

Với tầm nhìn trên đây ta thấy giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ thực sự sẽ giữ vai trò đột phá.

2.2. Giáo dục và khoa học vì nền văn hóa mới

Nước ta trải qua hàng nghìn năm lịch sử đã xây dựng nên một nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc. Nhất là từ sau Cách mạng Tháng Tám đến nay, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt nam, nền văn hóa dân tộc phát triển lên tầm cao mới, vừa lọc bỏ những yếu tố lỗi thời, vừa tiếp thụ

(1) C.Mác và Ph.Ăng-ghen : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội 1995, t 3, tr 40.

(2) Sđd, t 19, tr 601

Digitized by Google

tinh hoa văn hóa thế giới và sáng tạo ra nhiều giá trị văn hóa mới rất đáng tự hào.

Tuy nhiên trước đòi hỏi của thời đại, chúng ta chưa thể yên lòng với thực trạng văn hóa hiện nay. Sự tấn công ồ ạt của các sản phẩm văn hóa phương Tây nhất là của lĩnh vực nghe nhìn đã có tác động xấu, làm một bộ phận thanh, thiếu niên bị "choáng ngợp" sa vào con đường phạm tội, mất gốc, một bộ phận dân cư chạy theo xã hội tiêu thụ, bắt chước kệch cỡm "Tây hóa". Nhiều truyền thống tốt đẹp của văn hóa dân tộc bị phai nhạt, tạo ra một sự đối lập giả tạo giữa các thế hệ, đe dọa nghiêm trọng sự bền vững của gia đình, gia tăng bạo lực và lối sống cá nhân chủ nghĩa trong cộng đồng và xã hội,... Trong nhiều nguyên nhân của tình hình trên có nguyên nhân quan trọng là giới trí thức nước ta đang bị hẫng hụt và thiếu "vũ khí" nghiêm trọng (kể cả vũ khí "lý luận, thông tin" và các điều kiện vật chất...).

Sự phát triển mạnh mẽ một nền giáo dục và khoa học lành mạnh, chính là để phát triển giới trí thức, bộ phận quan trọng trong sự nghiệp xây dựng nền văn hóa mới. Chăm lo xây dựng giới trí thức của Đảng và cũng là của dân tộc, nhất là các nhân tài, phát huy năng lực trí thức xây dựng CNXH, là một trong các chính sách quan trọng của quốc sách phát triển khoa học và giáo dục. Một thể chế bền vững và thịnh trị bao giờ cũng được nhận dạng bằng các gương mặt trí thức ngời sáng và các thành tựu văn hóa "ngôi sao" của nó.

Trong bối cảnh toàn cầu hóa hiện nay của thời đại quá độ, việc xây dựng một nền văn hóa vững vàng bản sắc dân tộc và chất lượng cao, là hết sức bức xúc. Nó vừa chống lại xu hướng lai căng "Tây hóa" vừa góp phần tích cực xây dựng con người XHCN sáng tạo ra các hình thức giao tiếp mới trong xã hội. Văn hóa vững vàng chính là khả năng sử dụng mức nhạy cảm quá độ cao và thăng giáng quá độ theo chiều thuận lợi cho phát triển xã hội (xem 1.2 và 1.3). Xu hướng tất yếu của thời đại là có sự "hội ngộ" trở lại của giáo dục, khoa học với văn hóa. Một cơ sở giáo dục đồng thời là "xưởng sản sinh" khoa học và trung tâm tỏa ánh sáng văn hóa.

Ở đây chúng ta lại thấy khía cạnh mới vai trò đột phá của khoa học và giáo dục.

2.3. Giáo dục và khoa học sáng tạo tương lai

Người Việt nam vốn có truyền thống rất tốt đẹp là ưu tiên việc học của con cái, thường muốn để lại cho con cái thừa kế tri thức và đạo làm người chân chính hơn là để lại tiền của, châu báu. Như vậy, các gia đình Việt nam đã đặt việc giáo dục lên gia phong hàng đầu từ hằng nghìn năm nay. Ngày nay, chúng ta đặt giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ lên quốc sách hàng đầu, là một sự phát triển ở tầm cao mới truyền thống quý báu đó.

Thực ra giáo dục và khoa học, xét một cách tổng quát, là những giá trị để thừa kế cho các thế hệ sau, quý hơn cả các nguồn lực tự nhiên khác. Nó thuộc loại "siêu lao động quá khứ" vì khó mà tính được giá của giáo dục và khoa học, mà bản thân nó đã có tính xã hội hóa cao trong thực thể. Giáo dục và khoa học là các yếu tố cơ bản sáng tạo ra tương lai. Tứ thư, Ngũ kinh của trường phái Khổng học có ảnh hưởng đáng kể đến tương lai hai ngàn năm của một dân tộc lớn.

Các tài nguyên thiên nhiên không tái tạo (như các khoáng sản : dầu hỏa, than, kim loại, v.v.) đến lúc cạn kiệt sẽ tạo ra nguy cơ hạn chế sự phát triển của các thế hệ nối tiếp, tức là sự phát triển trở nên không bền vững. Trái lại, giáo dục và khoa học luôn luôn là nguồn của các giá trị tái tạo, thậm chí tái tạo mở rộng ở quy mô lớn hơn và chất lượng cao hơn, nên sẽ tạo cho các thế hệ kế tiếp các thuận lợi lớn để phát triển bền vững.

Một khi nguồn lực sáng tạo tương lai được khởi động, nó sử dụng *tầm tương quan quá độ* gia tăng và *mức nhạy cảm quá độ* (xem điểm 1.3) theo chiều thuận lợi, sẽ tạo ra tiền đề của sự rút ngắn thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, quá độ lên CNXH.

Đây cũng là một khía cạnh đột phá của giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ, nhưng đã "sâu rễ bền gốc" ở tầng nền tảng của xã hội tương lai.❑

Digitized by Google

ĐỔI MỚI HOẠT ĐỘNG NGÂN HÀNG PHỤC VỤ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

CAO SỸ KIỆM *

Ở nước ta giai đoạn từ nay đến năm 2000 là bước quan trọng của thời kỳ phát triển mới : đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Để góp phần thực hiện nhiệm vụ này, ngành ngân hàng phải đẩy mạnh toàn diện các hoạt động theo tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng là : "Chuyển mạnh *chính sách tiền tệ* và *hoạt động ngân hàng* phù hợp với cơ chế thị trường, góp phần ổn định sức mua của đồng Việt nam, kiềm chế lạm phát ở mức thấp, huy động và cho vay vốn có hiệu quả... Ngân hàng trung ương có trách nhiệm chính trong việc kiểm soát lạm phát, ổn định giá trị đồng tiền, quản lý ngoại tệ, vàng" (1).

I - Đánh giá kết quả thực hiện chính sách tiền tệ năm 1996

Năm 1996 tình hình kinh tế - xã hội của nước ta tiếp tục chuyển biến theo hướng tích cực. Mặc dù thiên tai xảy ra dồn dập ở diện rộng (41/53 tỉnh thành) gây thiệt hại lớn về người và của, song chúng ta đã huy động cả nước nhanh chóng khắc phục hậu quả do bão lũ gây ra. Tình hình kinh tế tiếp tục ổn định và phát triển (nhiều chỉ tiêu kinh tế cơ bản đều đạt mức dự kiến) : nhịp độ tăng trưởng tổng sản phẩm trong nước (GDP) đạt 9,5% ; sản xuất lương thực đạt 29 triệu tấn ; giá trị sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp tăng 4,8 - 5% ; giá trị sản xuất công nghiệp tăng 14% ; kim ngạch xuất khẩu tăng 32% ; chỉ số lạm phát giữ mức 4,5%/năm... tạo điều kiện thuận lợi cho ngành ngân hàng tiến hành đổi mới tổ chức quản lý. Nhà nước đã ban hành các luật quan trọng như Luật doanh nghiệp tư nhân, Luật công ty, Luật doanh nghiệp nhà nước, Luật đất đai, Luật phá sản doanh nghiệp, Bộ luật lao động, Bộ luật dân sự và một số văn bản dưới luật.. bảo đảm về pháp lý cho sự hoạt động của hệ thống ngân hàng. Đáng chú ý là chính sách mở cửa, mở rộng quan hệ giao lưu kinh tế với các nước trên thế giới của nhà nước đã tạo điều kiện để hệ thống ngân hàng hội nhập vào cộng đồng tài chính tiền tệ thế giới. Các nhà đầu tư nước ngoài càng tin tưởng vào các đối tác Việt nam và hàng loạt dự án mới được ký kết, triển khai. Hội nghị nhóm tư vấn các nhà tài trợ cho Việt nam lần thứ 4 do 18 tổ chức tài chính quốc tế lớn (WB, IMF, EU, ADB, VNDP, Tập đoàn tài chính quốc tế...) và từ 26 nước tài trợ lớn (Nhật, Ca-na-đa, Pháp, Anh, Hàn quốc, Bỉ...) họp tại Hà nội đầu tháng 12-1996 đã đánh giá "kinh tế Việt nam trong thời gian qua rất khả quan", từ đó quyết định tài trợ 2,4 tỉ USD qua các chương trình và dự án bằng nguồn vốn ODA trong năm 1997.

Tuy nhiên, năm 1996 nền kinh tế nước ta không phải không còn nhiều khó khăn : lạm phát được kiềm chế nhưng vẫn chứa đựng nguy cơ tái lạm phát, thu ngân sách nhà nước chưa đáp ứng đủ nhu cầu chi, đầu tư xây dựng cơ bản thấp, bội nhập vì cán cân văng lai bội chi ở mức cao. Sự phối hợp giữa các ngành các cấp trong điều hành kinh tế vĩ mô chưa nhịp nhàng và chưa hiệu quả trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, điều hòa ngân sách. Vốn tự có của các doanh nghiệp (nhất là doanh nghiệp nhà nước) còn quá nhỏ, trong khi nhu cầu vốn đầu tư (dài hạn) của các doanh nghiệp lại rất lớn. Thực tế cho thấy, nợ cũ dây

* PTS, Ủy viên trung ương Đảng, Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt nam

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1996, tr 102 - 103

Digitized by Google

dưa từ thanh toán công nợ giai đoạn II của các doanh nghiệp chưa được giải quyết đứt điểm, nợ mới có chiều hướng tăng thêm. Nhiều doanh nghiệp kinh doanh thua lỗ, khả năng thanh toán suy giảm. Hơn nữa, thiên tai xảy ra dồn dập ở nhiều nơi đã gây thiệt hại lớn về sản xuất và tài sản, trong đó có một phần vốn vay của ngân hàng không thu được nợ lại phải cho vay tiếp.

Hoạt động ngân hàng không thể tách khỏi bối cảnh chung của nền kinh tế. Vấn đề quan trọng là ngành đã biết tranh thủ những thuận lợi, khắc phục khó khăn, tiến hành đổi mới từng bước ổn định vững chắc và đã đạt được một số kết quả đáng khích lệ :

Một là, kiềm chế lạm phát góp phần tăng trưởng kinh tế. Ngay từ đầu năm, Ngân hàng nhà nước đã sử dụng đồng bộ các biện pháp để thực hiện chủ trương của Chính phủ nhằm khắc phục hiện tượng tăng giá như một vấn đề có tính quy luật ở những tháng đầu năm. Đây là một yếu tố quan trọng góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế khá và kiềm chế lạm phát ở mức thấp (một con số).

Hai là, ngành ngân hàng đã củng cố hoàn chỉnh tổ chức bộ máy của hệ thống ngân hàng phù hợp với cơ chế mới. Trong công tác thanh tra, kiểm soát, đã đạt hiệu quả hơn, ngăn chặn bớt rủi ro, tiêu cực. Việc hội nhập với ASEAN đòi hỏi phải hoàn chỉnh hệ thống pháp lý, đổi mới công nghệ, dịch vụ ngân hàng (khâu thanh toán bù trừ, thị trường liên ngân hàng, thanh toán quốc tế) nhằm phục vụ tốt cho hoạt động kinh tế ở Việt nam và phù hợp với thông lệ quốc tế. Đáng chú ý là hệ thống các ngân hàng thương mại đã hoàn thiện và củng cố một bước. Việc đổi mới củng cố hoàn thiện các công cụ huy động vốn đã được tiến hành, mạng lưới quỹ tín dụng nhân dân mở rộng đến mọi miền đất nước. Đến nay cả nước có gần 800 quỹ tín dụng nhân dân, với số vốn hoạt động là 834 tỉ đồng. Ngân hàng phục vụ người nghèo đã hoạt động có hiệu quả ; đã đưa vốn vay đến vùng sâu, vùng xa, vùng cao. Tính đến 31-12-1996, doanh số cho vay đạt 2 099 tỉ đồng với số vay là 1 849 430 hộ.

Ba là, đẩy mạnh huy động vốn nhằm đáp ứng cho nền kinh tế (huy động vốn năm 1996 tăng 29% so với năm 1995). Nhưng việc cho vay ra còn gặp nhiều khó khăn, vì các doanh nghiệp không bảo đảm điều kiện vay vốn. Bằng nhiều giải pháp của ngành ngân hàng cùng với các yếu tố khách quan của nền kinh tế, bước sang quý IV năm 1996 và đầu năm 1997 thị trường tín dụng đã sôi động trở lại.

Bốn là, về đối ngoại và chính sách quản lý ngoại hối. Tiếp tục mở rộng quan hệ với các ngân hàng khu vực và quốc tế, các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế (IMF, WB, ADB...) khai thông các nguồn vốn ưu đãi, hỗ trợ về vốn, kỹ thuật và xử lý có hiệu quả nợ nhà nước, nợ thương mại qua Câu lạc bộ Luân đôn. Coi trọng công tác vay trả nợ nước ngoài và chấn chỉnh vay thương mại như việc mở L/C nhập hàng trả chậm. Tiếp tục tăng cường công tác quản lý ngoại hối theo sự chỉ đạo của Chính phủ là "trên lãnh thổ Việt nam chỉ có đồng Việt nam". Điều hành tỷ giá phù hợp với quan hệ cung cầu trên thị trường, bảo đảm hoạt động kinh doanh có hiệu quả của các ngân hàng thương mại. Sử dụng quỹ điều hòa ngoại tệ vừa đáp ứng được nhu cầu ngoại tệ cho nhập khẩu, vừa duy trì tỷ giá ổn định để khuyến khích xuất khẩu vừa tăng dự trữ ngoại tệ. Những kết quả trên đã từng bước đưa thị trường tiền tệ Việt nam hòa nhập với thị trường khu vực và thế giới.

Bên cạnh những kết quả nêu trên, hoạt động ngân hàng trong năm qua còn một số mặt hạn chế : vốn trung và dài hạn cho nền kinh tế còn thiếu, chất lượng tín dụng chưa cao, công nghệ còn lạc hậu, đội ngũ cán bộ còn bất cập với yêu cầu của nền kinh tế cả về trình độ quản lý và kinh doanh, công tác thanh tra còn yếu. Một số cán bộ ngân hàng thương mại còn thiếu trách nhiệm trong quản lý kinh doanh, có bộ phận thoái hóa biến chất, tham ô, lợi dụng móc ngoặc làm trái chế độ quy định, gây thiệt hại tài sản của nhà nước và của nhân dân.

Ngân hàng chưa thực sự quản lý và kiểm soát được các luồng ngoại hối vào và ra khỏi nước ta

Digitized by Google

trên các lĩnh vực xuất nhập khẩu, đầu tư nước ngoài, vay nợ viện trợ, chuyển tiền phi mậu dịch, kiều hối. Thị trường tiền tệ ở nước ta chưa phát triển mạnh mẽ. Thị trường nội tệ liên ngân hàng còn hoạt động cầm chừng, chưa đóng vai trò chủ động điều tiết cung cầu về vốn và lãi suất trên thị trường. Thị trường ngoại tệ liên ngân hàng cũng chưa thực sự hữu hiệu trong điều hành tỷ giá. Thị trường này tuy vẫn hoạt động đều đặn, nhưng Ngân hàng nhà nước chưa thực sự là người mua bán cuối cùng, còn có tình trạng bị sức ép phải mua hoặc phải bán. Bởi vì, đây cũng là kết quả của sự phản ứng dây chuyền khi các nguồn hàng thương mại gặp khó khăn, khi thông tin chưa thật nhanh nhạy để đáp ứng được yêu cầu đòi hỏi của hoạt động kinh doanh trong cơ chế thị trường. Đáng chú ý là thị trường trái phiếu kho bạc đang có hiện tượng co lại. Hiện đại hóa công nghệ ở hệ thống ngân hàng chưa đồng đều, hiệu quả còn hạn chế so với nhu cầu hội nhập và trình độ ở khu vực và thế giới.

II - Định hướng và giải pháp điều hành chính sách tiền tệ năm 1997

Năm 1997 là năm thứ hai của kế hoạch 5 năm 1996 - 2000, là năm đầu tiên thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng với năm nhiệm vụ kinh tế - xã hội quan trọng mà Chính phủ đã đề ra ; trong đó, có ba nhiệm vụ kinh tế quan trọng nhằm từng bước đưa nước ta theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa :

1- Tiếp tục duy trì nhịp độ tăng trưởng kinh tế cao (9 - 10%) bảo đảm cho nền kinh tế phát triển ổn định, có chất lượng và hiệu quả.

2- Tiếp tục thực hiện các giải pháp kiềm chế lạm phát, giữ chỉ số lạm phát dưới 10%.

3- Thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội miền núi, vùng đồng bào dân tộc, vùng sâu, vùng xa.

Mục tiêu của chính sách tiền tệ là tập trung vào ba nhiệm vụ trên và được thể hiện ở các định hướng lớn sau :

Một là, thích ứng nhanh nhạy với cơ chế thị trường, nâng cao năng lực hoạch định chính sách, năng lực quản lý và kinh doanh, xây dựng hệ thống cơ chế chính sách, hoàn thiện hệ thống các công cụ đã hình thành, phát triển và đưa vào hoạt động có kết quả các thị trường tiền tệ.

Hai là, hiện đại hóa công nghệ ngân hàng, hội nhập quốc tế về các mặt thanh toán, thông tin, báo cáo, điều hành thị trường vốn ngắn hạn và dài hạn, cải cách thủ tục hành chính.

Ba là, hoàn thiện bộ máy tổ chức, điều chỉnh và nâng cao đội ngũ cán bộ cả về nhận thức, kiến thức, cả về trình độ chuyên môn nghiệp vụ và ngoại ngữ cũng như phong cách, phẩm chất, đáp ứng đòi hỏi của thời kỳ đổi mới.

Bốn là, tăng cường công tác thanh tra, kiểm soát và từng bước thực hiện hạch toán để đưa mọi hoạt động ngân hàng vào đúng quỹ đạo của pháp luật.

Muốn thực hiện các mục tiêu kinh tế năm 1997, ngành ngân hàng cần tập trung thực hiện một số giải pháp sau đây :

1– Điều hành chính sách tiền tệ để kiểm soát lạm phát, góp phần duy trì tốc độ tăng trưởng kinh tế cao.

Năm 1996 mặt bằng lãi suất của hệ thống ngân hàng đạt mức thấp nhất từ trước đến nay. Nó đã góp phần thuận lợi cho các doanh nghiệp tiếp cận với vốn vay để mở rộng sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, tình hình kinh tế và lạm pháp năm 1997 sẽ có diễn biến phức tạp hơn, lạm phát sẽ cao hơn năm 1996 (dự kiến 8 - 9%). Do lạm phát có thể cao, nên xu hướng diễn biến của lãi suất sẽ có thể tăng hơn năm 1996 (nếu điều chỉnh lãi suất trong năm 1997 theo hướng này thì có lợi cho việc huy động vốn, nhưng không có lợi cho việc khuyến khích các doanh nghiệp sử dụng vốn vay vào việc mở rộng sản xuất). Vì vậy, việc điều hành lãi suất năm 1997 cần thực hiện theo quan điểm :

- Duy trì sự ổn định về lãi suất, lãi suất phải từng bước phù hợp với chỉ số lạm phát, tạo điều kiện cho các ngân hàng thương mại huy động vốn, nhất là vốn trung và dài hạn.

- Duy trì sự tồn tại hai trần lãi suất khác nhau giữa khu vực nông thôn và khu vực thành thị có điều chỉnh với những vấn đề bất hợp lý nổi lên kể cả những vấn đề nổi lên có tính tình thế.

Digitized by Google

- Trước mắt, cần nghiên cứu để xử lý thêm một bước bảo đảm mức chênh lệch hợp lý giữa lãi suất khu vực thành thị và nông thôn.

- Điều chỉnh lãi suất nội tệ và lãi suất ngoại tệ để duy trì mức chênh lệch hợp lý giữa hai loại lãi suất này.

_ Về chênh lệch lãi suất 0,35%, kiến nghị Chính phủ cho phép ngân hàng thực hiện theo ba bước : *Bước 1*, Ngân hàng nhà nước cần phối hợp với Bộ tài chính tiến hành tổng kết việc thực hiện quy định về mức chênh lệch lãi suất 0,35% để xác định tỷ lệ chênh lệch thích hợp với đặc điểm hoạt động kinh doanh của từng ngân hàng. *Bước 2*, cho phép ngân hàng thực hiện chênh lệch lãi suất 0,35% có phân biệt giữa các ngân hàng theo nguyên tắc (ngân hàng có khó khăn nhiều, địa bàn hoạt động rộng, chi phí hoạt động lớn thì cho phép có mức chênh lệch lãi suất lớn hơn 0,35%, nhưng tối đa không được vượt mức quá 0,5%. Còn ngân hàng nào có điều kiện hoạt động thuận lợi, địa bàn hoạt động hẹp hơn cho phép có chênh lệch lãi suất từ 0,25% đến 0,30%). *Bước 3*, khi các ngân hàng thương mại đã quen với cách điều hành và mọi hoạt động đã đi vào thế ổn định, đề nghị Chính phủ kiến nghị Quốc hội cho phép bỏ quy định chênh lệch lãi suất mà chỉ quy định trần lãi suất.

Về dự trữ bắt buộc : Cần cải tiến thêm một bước nội dung quy chế dự trữ bắt buộc, thực hiện quản lý dự trữ bắt buộc theo số dư bình quân trong kỳ (hiện nay theo ngày), duy trì các hình thức phạt để bảo đảm thực hiện nghiêm dự trữ bắt buộc. Đối với hạn mức tín dụng cần sử dụng mềm dẻo, linh hoạt, phù hợp với tín hiệu thị trường. Mục tiêu phấn đấu là : "Cải tổ hệ thống *ngân hàng* để hoạt động có hiệu quả, thực sự trở thành trung tâm tiền tệ, tín dụng, thanh toán đóng vai trò nòng cốt trên thị trường vốn và tiền tệ" (2)

2– Tăng cường huy động vốn và nâng cao hiệu quả vốn cho vay.

Chính sách tài chính - tiền tệ phải nhằm mục tiêu thúc đẩy sản xuất phát triển, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tăng tích lũy để tạo vốn cho đầu tư phát triển. Năm 1997 ngành ngân hàng sẽ mở rộng việc thực hiện đa dạng hóa các hình thức huy động vốn như : huy động tiền gửi từ các tổ chức kinh tế, tiền gửi tiết kiệm với các mặt hàng khác nhau từ 3 tháng đến 1 năm, dưới nhiều hình thức như : phát hành trái phiếu, tiết kiệm xây dựng nhà ở, nhận vốn ủy thác đầu tư chiều sâu... Các ngân hàng thương mại tính toán cụ thể, có phương án huy động vốn trung và dài hạn phù hợp với đặc điểm riêng của từng ngân hàng thương mại. Năm 1997, cần phấn đấu đưa tỷ trọng huy động vốn trung, dài hạn lên trên 10% trong tổng nguồn vốn huy động. Tiếp tục thực hiện trích 20% vốn huy động ngắn hạn sang cho vay trung, dài hạn. Coi trọng việc cải tiến nâng cao năng suất lao động và hiệu quả dịch vụ ngân hàng trên cơ sở hiện đại hóa công nghệ ngân hàng, đưa thêm các dịch vụ thuê mua, tư vấn đầu tư, quỹ đầu tư..., các dịch vụ về thanh toán séc cá nhân, chuyển tiền điện tử để thu hút các khoản tiền nhàn rỗi của các tổ chức kinh tế và cá nhân vào tài khoản tại ngân hàng nhằm tăng khả năng nguồn vốn tín dụng. Đẩy mạnh việc "Phát triển thị trường vốn bằng nhiều hình thức thu hút tiền gửi trung, dài hạn qua ngân hàng và các công ty tài chính để cho vay đầu tư phát triển. Mở rộng việc phát hành trái phiếu, cổ phiếu và xúc tiến chuẩn bị về thể chế, cán bộ và các điều kiện cần thiết cho việc thiết lập thị trường chứng khoán và bảo đảm sự hoạt động lành mạnh của thị trường này" (3)

Cùng với các hình thức huy động vốn, lĩnh vực đầu tư trung, dài hạn và xây dựng cơ bản cần chủ động tìm các dự án đầu tư có hiệu quả để cho vay, phấn đấu nâng tỷ trọng dư nợ trung, dài hạn từ 29% năm 1996 lên 30% năm 1997. Đối với những công trình và các dự án không có hiệu quả kiên quyết không thực hiện đầu tư vốn tín dụng. Ưu tiên đầu tư chiều sâu cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ đang làm ăn có hiệu quả, có

(2) *Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế – xã hội đến năm 2000*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1991, tr 28

(3) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1996, tr 236

Digitized by Google

suất sinh lời cao, thu hồi vốn nhanh, tạo sản phẩm và việc làm cho xã hội. Tập trung vốn vào các dự án có hiệu quả để phát triển trong lĩnh vực nông - lâm - ngư nghiệp ở các vùng trọng điểm, các trung tâm kinh tế lớn. Mặt khác, cũng dành một phần vốn tín dụng trung, dài hạn để đầu tư chiều sâu cho các hộ nông dân có các dự án phát triển nông - lâm - ngư nghiệp có hiệu quả, mô hình kinh tế V.A.C. Tiếp tục thực hiện đầu tư trung hạn và dài hạn với lãi suất ưu đãi cho các đối tượng thuộc chương trình kinh tế trọng điểm của chính phủ như : cho vay phát triển kinh tế biển, cho người nghèo vay, cho vay tạo việc làm, cho vay tôn nền nhà trên cọc ở đồng bằng sông Cửu long... Đương nhiên, muốn vốn đầu tư có hiệu quả và bảo tồn được vốn cần kiểm soát chặt chẽ trên cơ sở quy định hạn mức các khoản vay thương mại nước ngoài và bảo lãnh vay mở L/C nhập hàng trả chậm đối với các ngân hàng thương mại để hướng các doanh nghiệp sử dụng vốn vay nước ngoài tập trung vào phục vụ sản xuất trong nước, hạn chế và chấm dứt vay thương mại nước ngoài để nhập hàng tiêu dùng mà trong nước có thể sản xuất được.

3– Đổi mới cơ chế quản lý ngoại hối.

Trong công tác quản lý ngoại hối cần xây dựng quy chế về thông tin thống kê để hệ thống hóa và cập nhật hóa các số liệu về luồng ngoại tệ vào và ra, nắm chắc các khoản vay và kế hoạch trả nợ. Dự báo cung cầu ngoại tệ trên thị trường từng tháng, từng quý để làm căn cứ đề xuất các chính sách và các giải pháp về quản lý ngoại hối và điều hành tỷ giá, nâng cao chất lượng cán cân thanh toán. Tiến hành rà soát lại các chế độ về quản lý ngoại hối, loại bỏ những hạn chế về ngoại hối bất hợp lý, đồng thời xây dựng các văn bản mới về quản lý theo hướng tăng cường vai trò quản lý ngoại hối của Ngân hàng nhà nước nhằm đạt các mục tiêu của chính sách tiền tệ và tiến thêm một bước trong việc thực hiện mục tiêu trên đất nước Việt nam chỉ tiêu tiền Việt nam.

Nghiên cứu để thúc đẩy thị trường ngoại tệ liên ngân hàng hoạt động thông qua việc xây dựng quy chế mua, bán ngoại tệ qua ngân hàng, tiến tới không dùng ngoại tệ để thanh toán ở trong nước (bất kể trường hợp nào), với phương châm : "Phát triển thị trường tiền tệ và thị trường vốn, hình thành từng bước thị trường chứng khoán. Tăng khả năng chuyển đổi của đồng tiền Việt nam, thu hẹp việc sử dụng ngoại tệ ở trong nước ; ổn định tỷ giá hối đoái phù hợp với sức mua thực tế của đồng tiền" (4). Mặt khác, hạn chế việc cho vay bằng ngoại tệ của các ngân hàng kể cả cho vay nhập khẩu, tiến tới việc đáp ứng ngoại tệ cho các nhu cầu thanh toán ngoại tệ thông qua việc mua bán ngoại tệ trên thị trường. Coi trọng việc xây dựng quy chế vay, trả nợ nước ngoài, đưa quy trình vay, trả nợ nước ngoài vào nền nếp nhằm kiểm soát có hiệu quả hoạt động này. Quản lý chặt chẽ các khoản vay mới, hạn chế vay thương mại nước ngoài, đặc biệt là vay ngắn hạn và vay của các doanh nghiệp nước ngoài (không vay thương mại để thực hiện các dự án không có khả năng thu hồi vốn). Ưu tiên vay vốn cho các dự án có khả năng thu hồi vốn nhanh, sản xuất hàng xuất khẩu, kiểm soát chặt chẽ việc bảo lãnh của các ngân hàng thương mại cho các doanh nghiệp vay nước ngoài. Nghiên cứu để sớm triển khai nghiệp vụ mua bán ngoại tệ có kỳ hạn giữa các ngân hàng, nhằm tạo điều kiện giảm bớt rủi ro trong các hoạt động tài trợ.

Ngân hàng nhà nước cần tiếp tục thực hiện chủ trương điều hành tỷ giá theo quan hệ cung cầu ngoại tệ trên thị trường, khuyến khích xuất khẩu, kiểm soát nhập khẩu, tăng dự trữ ngoại tệ, góp phần làm lành mạnh cán cân thanh toán và bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô.

Sự nghiệp đổi mới đang đòi hỏi ngành ngân hàng phải phấn đấu vươn lên hoàn thiện, đổi mới phương thức và nội dung hoạt động nhằm góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế của năm 1997 và những mục tiêu mà Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng đề ra, đưa nước ta tiến lên theo hướng đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.❑

---

(4) *Văn kiện đã dẫn*, tr 172

Digitized by Google

KHOA HỌC DỰ BÁO VÀ MỘT VÀI DỰ BÁO KHOA HỌC - CÔNG NGHỆ ĐẦU THẾ KỶ XXI

TRẦN BÁ KHOA *

Từ khi mới xuất hiện, loài người luôn luôn vươn tới tương lai, nhìn thẳng vào hiện tại để tiên đoán tương lai. Ước mơ muôn thuở của con người là làm sao để những hành động của mình phù hợp với những diễn biến phức tạp, mau lẹ của môi trường xã hội và tự nhiên bao la xung quanh.

SỰ HÌNH THÀNH KHOA HỌC DỰ BÁO

Vấn đề bản chất, cơ sở, đặc điểm, phương pháp luận của dự báo khoa học là một trong những nội dung cơ bản của nhận thức luận mác xít. Vấn đề này có ý nghĩa to lớn cả về mặt lý luận và thực tiễn.

Lê-nin cho rằng, dự báo khoa học là một quá trình phức tạp, sáng tạo, là điều kiện cần thiết để nhận thức được bản chất và phát hiện được tính quy luật, các đặc điểm cơ bản của sự vận động, phát triển phức tạp của các hiện tượng, các quá trình xã hội và tự nhiên.

Lê-nin viết : "Những lời tiên tri thần kỳ là những chuyện hoang đường. Nhưng những lời tiên tri khoa học thì là một sự thật"(1)

Nhà bác học Liên xô (cũ) C.A.Ti-mi-ri-a-dép đã cho rằng : khả năng và tiên đoán là hai món quà của sức mạnh huyền bí và sự tiên tri mà con người đã từng mơ tới từ khi ở trong nôi. Khoa học đã mang đến cho loài người hai món quà đó... nghe nói, các nhà tiên tri thời cổ xưa đã từng tiên đoán đúng song nếu đem so sánh những điều đó với những dự đoán của khoa học ngày nay thì chúng thật không đáng kể.

Ngày nay trong kỷ nguyên của những biến đổi xã hội rộng lớn và của cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật diễn ra như vũ bão, dự báo khoa học đã phát triển thành một ngành khoa học : khoa học dự báo, hay dự báo học.

Tuy mới ra đời trong vòng 30 - 40 năm gần đây, nhưng khoa học dự báo đã đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc đề xuất, hoạch định chiến lược, quy hoạch tổng thể và chuyên ngành phát triển kinh tế - xã hội, khoa học - kỹ thuật, quốc phòng và an ninh ở hầu khắp mọi nước trên thế giới.

Dự báo học, hay khoa học dự báo là *khoa học về những nguyên tắc và phương pháp xây dựng các dự báo trong từng ngành khoa học, kể cả khoa học quân sự.* Dự báo là một bộ phận quan trọng và không thể tách rời của mọi ngành khoa học và thường được thể hiện dưới dạng tổng hợp.

Thực tiễn là cơ sở của dự báo khoa học. Thực tiễn đi trước dự báo khoa học, đem lại cho khoa học dự báo những tài liệu thực tế, làm cơ sở cho những dự đoán và kết luận khác nhau về tương lai, làm căn cứ để hoạch định các kế hoạch hiện tại và tương lai. Thực tiễn hết sức phong phú, đa dạng bao gồm thực tiễn lao động sản xuất, đấu tranh giai cấp và xã hội,... Thực tiễn sống động là động lực thúc đẩy khoa học dự báo phát triển, đồng thời cũng là tiêu chuẩn cao nhất kiểm nghiệm tính khoa học và sự đúng đắn của dự báo.

Trước khi xuất hiện dự báo khoa học, bản thân dự báo chỉ mang tính chất kinh nghiệm đơn thuần hoặc những lời tiên tri bói toán "sấm truyền". Dự báo khoa học ra đời trên cơ sở kinh nghiệm và kết quả hoạt động thực tiễn của con người trong lao động sản xuất, đấu tranh giai cấp và xã hội. Khi bắt đầu thể hiện vào hoạt động thực tế những dự kiến của mình, trong đầu óc con người đã hình dung khá rõ những đường nét chủ

* Đại tá, Viện chiến lược quân sự, Bộ quốc phòng

(1) V.I.Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1971, t 27, tr 634

Digitized by Google

yếu những công việc mình sẽ thực hiện và kết quả lao động cuối cùng của mình.

Cơ sở lý thuyết của khả năng dự báo khoa học là quan điểm mác xít về tính quy luật của sự phát triển tự nhiên, xã hội và khả năng nhận thức thực tiễn. Chủ nghĩa duy vật biện chứng khẳng định con người có khả năng hiểu biết được thế giới không những trong quá khứ, hiện tại mà cả trong tương lai.

Việc nghiên cứu cơ sở lý thuyết của dự báo khoa học chỉ ra sự cần thiết phải xác định, dù là sơ bộ, vai trò của *giả thuyết* trong việc tìm hiểu tương lai. Điều này cần thiết vì bản thân dự báo cũng ít nhiều mang tính chất giả thuyết.

Sự khác nhau giữa *giả thuyết* và *dự báo* chủ yếu là ở chỗ : *giả thuyết* dựa trên các quy luật chưa nhận thức được và chỉ ở dạng các dữ kiện khoa học, còn *dự báo* xuất phát từ mối liên quan với quy luật đã biết và có cơ sở khoa học đối với sự phát triển của hiện tượng, quá trình xã hội hoặc tự nhiên nhất định trong tương lai.

Chủ nghĩa Mác - Lê-nin là cơ sở phương pháp luận của việc dự báo, nhất là dự báo xã hội thật sự khoa học. Trong các tác phẩm của Mác, Ăng-ghen, Lê-nin, Hồ Chí Minh, có đủ bằng chứng cho thấy, ở khía cạnh này hay khía cạnh khác, bằng cách này hay cách khác đều có nghiên cứu và đề xuất các dự báo tương lai.

Quá trình nhận thức tương lai là một quá trình nghiên cứu toàn diện, thống nhất. Kết quả cuối cùng của nó là đưa ra những *phán đoán khoa học* về một đối tượng tương lai nào đó. Phán đoán ấy được gọi là *dự báo*. Thực chất dự báo là đoán trước những thay đổi trong quá trình phát triển và kết cục của một hiện tượng, một sự kiện nào đó trên cơ sở các tài liệu thu thập được.

Về các phương pháp dự báo khoa học, nhà triết học duy vật Anh nổi tiếng Bê-cơn, đã coi nó như ngọn đèn chiếu sáng đường đi cho con người trong đêm tối. Phương pháp dự báo ảnh hưởng trực tiếp đến độ chính xác và chiều sâu của các dự báo, các kế hoạch về tương lai.

Ngoài phương pháp biện chứng giúp ta nhìn khái quát, toàn diện, theo quan điểm lịch sử cụ thể và phát triển, *dự báo* học còn vận dụng các phương pháp khoa học chung và chuyên ngành như phân tích hệ thống, ngoại suy, trưng cầu ý kiến chuyên gia, phân tích nhân tố và phân tích hình thái, xác suất, lý thuyết trò chơi, phương pháp tương tự, vận trù học, mô hình hóa v.v...

MỘT VÀI DỰ BÁO KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VÀO ĐẦU THẾ KỶ TỚI

Chưa đầy 4 năm nữa, nhân loại sẽ vượt qua ngưỡng cửa, bỏ lại phía sau thế kỷ XX đầy biến động để bước vào thế kỷ XXI và thiên niên kỷ thứ III. Thế kỷ XXI là thế kỷ gì, gọi ra sao ? Tùy theo góc nhìn, lập trường chính trị, có nhiều cách lập luận khác nhau. Đứng từ góc độ khoa học - công nghệ, số đông các nhà khoa học cho thế kỷ tới là thế kỷ điện tử tin học, sinh học, vật liệu mới, khai thác biển khơi, đi vào không gian vũ trụ... Đứng trên bình diện địa - kinh tế - chính trị, khá đông các nhà chính trị - khoa học cho thế kỷ tới là thế kỷ của châu Á - Thái bình dương. Và còn khá nhiều dự báo khoa học và dự báo xã hội khác đang chờ được thực tế kiểm nghiệm trong tương lai.

Theo các thông tin đã tập hợp được, từ những năm 80 lại đây đã có khoảng 1 500 dự báo khoa học - kỹ thuật đến năm 2000-2025 và một số công trình dự báo mang tính giả thuyết đến năm 2100.

Các công trình dự báo khoa học đến năm 2000 về các vấn đề toàn cầu của câu lạc bộ Rô-ma tiêu biểu nhất là cuốn *"Giới hạn của sự phát triển"* (1972) và *"Báo cáo năm 2000 lên tổng thống Mỹ"* (1980) của trên 100 nhà khoa học Mỹ đã nêu lên một bức tranh toàn cầu ảm đạm về triển vọng cạn kiệt hết tài nguyên năng lượng, lương thực, tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường và sự bùng nổ dân số. Ngoài ra nội dung các dự báo còn nêu ra "thực trạng hiểm nguy" của nhân loại trên các vấn đề nan giải như "sự nghèo khổ giữa sự giàu sang", môi trường xuống cấp, mất lòng tin vào các thể chế, giá trị truyền thống bị suy đồi, sự bành trướng các đô thị không kiểm soát được, nạn lạm phát và cuộc đảo lộn về kinh tế. Tất cả những vấn đề đó được xem như những lời cảnh báo nghiêm túc, "một quả bom" thức tỉnh toàn nhân loại. Các công trình dự báo khoa học sang đầu thế kỷ tới tập trung nhiều hơn

Digitized by Google

vào phương hướng phát triển những ngành khoa học và công nghệ mũi nhọn và bối cảnh xã hội, kinh tế, quân sự, môi trường tác động tới sự tiến triển của khoa học - công nghệ. Các vấn đề về năng lượng, lương thực thực phẩm, tài nguyên thiên nhiên không tái sinh - do trình độ phát triển của công nghệ hiện đại cho phép tiết kiệm trong sử dụng, thực hiện "cách mạng xanh", tìm các nguồn thay thế, tăng sự phát hiện các nguồn dự trữ mới ở vùng xa và thềm lục địa, đáy các đại dương... Trong vòng từ 20 đến 30 năm tới, đó là những vấn đề hóc búa không dễ gì tìm ra giải pháp, nhưng không phải không có lối ra. Về mặt năng lượng, những trữ lượng thực tế và triển vọng tiêu thụ khí đốt cho thấy nguồn năng lượng này còn đủ dùng cho hơn 100 năm nữa. Còn dầu mỏ - đứng về mặt sản lượng và giá cả - được đánh giá là "tương lai màu hồng".

Đối với các nước đang phát triển, việc thay đổi, điều chỉnh cơ cấu công nông nghiệp, chuyển dịch sức lao động nông thôn trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và việc hòa nhập vào xu thế quốc tế hóa nền kinh tế toàn cầu là những vấn đề nan giải trong chiến lược phát triển kinh tế, khoa học công nghệ của họ.

Nguy cơ và thời cơ cùng tồn tại, có cả khó khăn thách thức và thời cơ, vận hội là một đặc trưng rõ nét của thời đại chúng ta. Mục tiêu chiến lược trọng điểm trên lĩnh vực phát triển khoa học - kỹ thuật của các nước trước và sau năm 2000 là 3 nhóm kỹ thuật, công nghệ cao : điện tử tin học, sinh học, vật liệu mới.

Theo viện sĩ, giáo sư Nguyễn Văn Hiệu (trả lời tạp chí Thế giới mới xuân 1994), trong thế kỷ XX, những phát minh của vật lý học về cấu tạo và bản chất các quá trình biến đổi của vật chất đã mở đường cho sự phát minh các nguồn năng lượng mới, vật liệu mới với những tính năng kỳ lạ. Chính điều này đã dẫn tới một cuộc cách mạng trong kỹ thuật và công nghệ trước hết là kỹ thuật điện tử và công nghệ năng lượng. Hai ngành khoa học công nghệ ra đời vào nửa sau thế kỷ XX là công nghệ thông tin và công nghệ sinh học cùng với công nghệ vật liệu mới sẽ có tác động to lớn đến sự phát triển của các nước trong những năm đầu thế kỷ XXI.

Công nghệ tin học : Những lĩnh vực then chốt là máy tính, vi mạch, quang điện tử, máy truyền cảm, máy truyền hình độ nét cao, thông tin số hóa, kỹ thuật phần mềm... trước mắt công nghệ phần mềm đã vượt quá 100 tỉ USD, trong đó Mỹ chiếm 70% thị trường thế giới. Nhiều nước đang phát triển đã tỏ ra có ưu thế về chế tạo phần mềm. Về mặt này, có dự đoán cho rằng trong tương lai, ai khống chế được phần mềm, kẻ đó sẽ khống chế phần cứng của máy tính. Thế kỷ XXI sẽ xuất hiện phổ biến hiện tượng mua phần mềm cho phần cứng của máy tính và gọi đó là "thời đại kinh tế mềm".

Công nghệ vật liệu mới : Trước mắt trình độ sản xuất vật liệu và linh kiện bán dẫn, trên một mức độ rất lớn quyết định trình độ công nghiệp điện tử và công nghiệp chế tạo trang thiết bị tiên tiến. Nhiều công nghệ cao như vi xử lý, hợp chất nhôm III-V, tụ ba chiều, hiệu ứng lượng tử - điện tử... và chẳng bao lâu nữa si-lic sẽ trở thành một chất không trọng lượng, tức thời và tự do, phần mềm sẽ tận dụng được điều này. Có dự báo "thời đại si-lic tự do" sẽ gây chấn động lớn trong công nghệ, nhất là công nghệ quân sự cao mà hiện nay được bàn luận nhiều là thuyết chiến tranh tin học vào đầu thế kỷ XXI. Ngoài ra vật liệu cáp quang dẫn đến "xa lộ cao tốc thông tin". Chất siêu dẫn sẽ gây ra sự biến đổi lớn trong ngành giao thông vận tải, công nghiệp điện lực và đồ sành sứ tinh vi. Công nghệ và kỹ thuật cao về vật liệu mới đang quyết định phương hướng công nghệ, giá thành và chất lượng, giảm bớt nguyên vật liệu và năng lượng trong chế tạo và sử dụng.

Công nghệ cao về sinh học : Nhiều dự báo cho rằng trong tương lai không xa, công nghệ sinh học sẽ có bước đột phá quan trọng. Vào các thập kỷ đầu của thế kỷ XXI, ảnh hưởng của công nghệ cao sinh học sẽ vượt quá ảnh hưởng của vật lý học thế kỷ XX. Thông qua việc nghiên cứu sinh học phân tử, sinh học tế bào và sinh thái học, người ta có thể thay đổi phương thức sống của sinh vật, khiến khó phân biệt ranh giới giữa tự nhiên và nhân tạo, đưa sản xuất nông nghiệp và ngành y dược học đến một bước phát triển mới. Kỹ thuật sinh học có thể khám phá ra những bí ẩn của cuộc sống, mở chiếc "hộp đen" trong

Digitized by Google

cơ thể con người. Thực vật và động vật nhân tạo và các dược liệu siêu cấp nhân tạo đang vượt khỏi phòng thực nghiệm của các nhà khoa học, trở thành các sản phẩm sinh học kỳ diệu mà các nhà công nghiệp đang đầu tư để phát triển. Nước Mỹ đã có 480 xí nghiệp bỏ ra 2 tỉ USD trong năm 1987 để phát triển công nghệ sinh học, cộng với đầu tư của nhà nước lên đến 4,5 tỉ USD. Nhật bản hằng năm đầu tư 1,5 tỉ USD, các nước Tây Âu 0,8 tỉ USD.

Trên *lĩnh vực quân sự*, đã có nhiều dự báo đang hình thành cuộc cách mạng quân sự mới, trong đó công nghệ thông tin đóng vai trò quan trọng nhất. Quá trình *thông tin hóa* tác động mạnh mẽ và sâu sắc hơn quá trình *tự động hóa*. Vũ khí chính xác kỹ thuật cao, gắn nối với hệ thống chỉ huy, kiểm soát, truyền thông, máy tính, tình báo và liên kết hoạt động C^4I^2 đang nâng cao vượt bậc khả năng chiến đấu và từ đó tạo ra cuộc cách mạng trong lĩnh vực tổ chức lực lượng vũ trang và nghệ thuật quân sự. Gần đây giới quân sự Nga đưa ra quan niệm về chiến tranh thế hệ thứ 6. Năm thế hệ trước đó là :

1 - Chiến tranh bộ binh, ky binh và vũ khí lạnh (gươm, dáo)

2 - Chiến tranh bằng hỏa khí và pháo nòng trơn

3 - Chiến tranh bằng hỏa khí và pháo có nòng rãnh xoắn

4 - Chiến tranh bằng hệ thống cơ giới hóa, tự động hóa

5 - Chiến tranh hạt nhân

Chiến tranh thế hệ thứ 6 dựa trên nền tảng công nghệ chủ yếu sau :

- Các hệ thống thu nhập và xử lý thông tin mới, quan trọng nhất là quá trình số hóa thông tin (mạng thông tin liên lạc, số hóa hình ảnh, số hóa bản đồ quân sự)

- Hệ thống chỉ huy kiểm soát, thông tin, máy tính tình báo và liên kết hoạt động C^4I^2

- Vũ khí tinh khôn điều khiển chính xác

- Các phương tiện chiến tranh điện tử và phòng không

- Trinh sát và vũ khí bố trí từ vũ trụ đánh xuống mặt đất

- Rô bốt tinh khôn gọn nhẹ tựa loài "kiến" (phân biệt được sáng tối, vượt qua chướng ngại phức tạp, rải hóa chất, mảnh gốm, xung điện từ).

Tuy nhiên tất cả những hình dung trên mới chỉ đề cập tới các thay đổi về trang bị vũ khí. Trong bất cứ cuộc chiến tranh nào, con người sử dụng vũ khí, trang thiết bị hiện đại mới có vai trò quyết định nhất.

Ở thế kỷ này, nhiều cái đã, đang thay đổi nhanh chóng và sâu sắc đến mỗi con người sinh ra, lớn lên và mất đi hệt như vào những giai đoạn lịch sử khác nhau. Thật vậy, những ai sinh ra đầu thế kỷ này đều đã chứng kiến những biến đổi sâu rộng trong đời sống kinh tế - xã hội do những cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và nhờ những thành tựu khoa học - kỹ thuật kỳ diệu diễn ra trong nhiều lĩnh vực khác nhau, mở đầu bằng sự phát minh thuyết lượng tử về cấu tạo vi mô của vật chất vào đầu thế kỷ. Trong những năm vừa qua, nhiều thông tin khoa học cho thấy số lượng các phát minh khoa học - kỹ thuật tăng gấp hai, ba lần, lượng thông tin khoa học tăng gấp 8 lần, số cán bộ khoa học tăng lên gấp 16 lần, chi phí cho khoa học tăng gấp 30 lần.

Rõ ràng là hoạt động và cơ cấu xã hội ngày càng sôi động và phức tạp thì đòi hỏi về tổ chức quản lý ngày càng tăng. Muốn quản lý tốt guồng máy hoạt động kinh tế - xã hội của một nhà nước, không thể thiếu vắng dự báo khoa học và lập kế hoạch, chiến lược phát triển trung và dài hạn. Đại hội VIII của Đảng vừa qua đã thông qua chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của nước ta trên cơ sở phân tích tình hình mọi mặt và những dự báo khoa học, triển vọng trước mắt và lâu dài.

Khoa học dự báo là một khoa học non trẻ, nhất là đối với các nước đang phát triển, đã khẳng định được chỗ đứng của mình thông qua những công trình dự báo rất bổ ích, để chuẩn bị cho tương lai và ngăn ngừa những sự kiện không mong muốn xảy ra. Ngày mai sinh ra từ hôm nay, khoa học dự báo cần được quan tâm xây dựng đúng với tầm vóc của nó về tổ chức, cán bộ, cơ sở lý luận và thực tiễn nhất là phương pháp luận.❑

Digitized by Google

NHỮNG TÍN HIỆU MỚI CỦA THỜI ĐẠI CHÚNG TA

KHỔNG DOÃN HỢI *

I

THỜI đại chúng ta, hay thời đại hiện nay như Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng cộng sản Việt nam khẳng định, vẫn đang là thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, cho dù chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên xô và ở các nước Đông Âu bị sụp đổ, chủ nghĩa xã hội thế giới lâm vào thoái trào.

Một câu hỏi đặt ra : trong tình hình thế giới đầy biến động, ảnh hưởng của chủ nghĩa xã hội bị giảm sút nghiêm trọng, chủ nghĩa xã hội đang đứng trước nhiều khó khăn, thử thách, chủ nghĩa tư bản thế giới đang còn nhiều khả năng phát triển về kinh tế, đang là lực lượng kinh tế thống trị thế giới... thì việc xác định tính chất của thời đại như trên liệu có chủ quan, khiên cưỡng hay không ? Phải chăng để không đánh mất uy tín của mình, những người cộng sản Việt nam buộc phải khăng khăng giữ lấy những lời tuyên bố trước đây của mình ? Đương nhiên không phải là như vậy.

Trên vũ đài chính trị cũng như trong cuộc sống đời thường trước mọi biến cố và rủi ro cần phải hết sức tỉnh táo để nhận ra trong cái "vạn biến" cái gì là "bất biến" để từ đó tìm ra cho mình một hướng đi tới tương lai. Đối với nước ta cũng vậy. Chúng ta không thể định ra cho mình một chiến lược, sách lược đúng đắn nếu không xác định đúng thời đại mà chúng ta đang sống. Và việc kiên quyết đi theo con đường của chủ nghĩa xã hội mà Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng và nhân dân ta đã lựa chọn chính là xuất phát từ tính chất quá độ lên chủ nghĩa xã hội của thời đại hiện nay. Chỉ có đi theo xu hướng phát triển của lịch sử mới có tương lai.

Việc xác định tính chất của thời đại này hay thời đại khác không phải từ nguyện vọng chủ quan. Thời đại là một khái niệm khoa học dùng để phân kỳ lịch sử xã hội, phân biệt những nấc thang phát triển của xã hội loài người. Chỉ có thể xác định đúng tính chất của thời đại trên cơ sở quan điểm duy vật lịch sử. Như Ăng-ghen đã viết : "Trong mỗi thời đại lịch sử, phương thức chủ yếu của sản xuất kinh tế và trao đổi, cùng với cơ cấu xã hội do phương thức đó quyết định, đã cấu thành cơ sở cho lịch sử chính trị của thời đại và lịch sử của sự phát triển trí tuệ của thời đại, cái cơ sở mà chỉ có xuất phát từ đó mới cắt nghĩa được lịch sử đó" (1).

Xuất phát từ cơ sở lý luận và thực tiễn, C.Mác đã phân tích mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản và chỉ ra lô gíc khách quan dẫn tới sự tự phủ định của chính phủ tư bản, chỉ ra những tín hiệu của thời đại mới - thời đại cộng sản chủ nghĩa.

Đến thời Lê-nin, mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản thế giới đã phát triển lên một trình độ sâu sắc hơn. Phân tích tình hình xã hội hóa sản xuất cao của chủ nghĩa tư bản trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa, Lê-nin chỉ ra cơ sở vật chất của thời đại mới cùng những lực lượng vật chất để thực hiện sự chuyển biến từ thời đại tư bản chủ nghĩa sang thời đại cộng sản chủ nghĩa mà giai đoạn đầu là chủ nghĩa xã hội. Lê-nin đã tiến hành thắng lợi cuộc đột phá đầu tiên vào thời đại mới. Những thắng lợi tiếp theo của phong trào xã hội chủ nghĩa để hình thành một hệ thống xã hội xã hội chủ nghĩa càng chứng minh tính chất khách quan của thời đại.

Ngày nay, mặc dù hệ thống đó không còn, chủ nghĩa xã hội tạm thời đang ở thế thoái trào, song

---

* Chuyên viên cao cấp

(1) C.Mác và Ph.Ăng-ghen : *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Sự thật, Hà nội, 1995, t 21, tr 523

Digitized by Google

tính chất thời đại đã xác định không hề thay đổi. Bởi vì, những cơ sở vật chất và xã hội quy định tính chất, nội dung thời quá độ lên chủ nghĩa xã hội chẳng những không mất đi mà ngày càng chín muồi. Chỉ có nhận thức về thời đại là cần phải thay đổi : thời đại là một quá trình lịch sử dài lâu trải qua con đường gập ghềnh, khúc khuỷu, quanh co, có tiến, có thoái, có thắng lợi, có thất bại tạm thời để cuối cùng mới ngự trị. Điều này có ý nghĩa phổ biến đối với mọi thời đại trong lịch sử. Đó là một "cơn đau đẻ kéo dài" !

II

Tính chất và nội dung của thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội được xác định từ mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản là mâu thuẫn giữa tính chất xã hội của sản xuất và sự chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa. Ngày nay, dưới tác động của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, mâu thuẫn này ngày càng gay gắt. Những chính sách quản lý sản xuất và xã hội của các nước tư bản phát triển nhất hiện nay đều nhằm xoa dịu sự xung đột không thể khắc phục nổi từ mâu thuẫn cơ bản này.

Nền sản xuất tư bản chủ nghĩa đương đại đã ở trình độ xã hội hóa cao hơn nhiều so với thời Lê-nin. Lực lượng sản xuất xã hội đã ngày càng tập trung rất cao, đã mở rộng ra trên phạm vi toàn cầu mà tiêu biểu là sự xuất hiện ngày càng nhiều các công ty xuyên quốc gia. Đó là một đặc trưng của thời kỳ hiện đại.

Các công ty xuyên quốc gia là các loại xí nghiệp lớn có cơ sở ở nước mình và ở các nước khác, khu vực khác có đầy đủ hoặc từng phần thuộc công ty con của nó. Từ cuối thế kỷ XIX, công ty xuyên quốc gia bắt đầu hình thành ở các nước tư bản chủ nghĩa chủ yếu, nhưng lúc ấy trọng tâm đầu tư vào các ngành bảo hiểm, tài chính, đường sắt, hàng không, công trình công cộng, khai thác mỏ và ngành trồng trọt, ít đầu tư vào ngành chế tạo. Từ sau đại chiến thế giới lần hai, tình hình kinh tế, chính trị quốc tế thay đổi, khoa học, kỹ thuật và sản xuất phát triển theo xu thế quốc tế hóa, nên công ty xuyên quốc gia phát triển nhanh chóng. Theo thống kê của Liên hợp quốc, cả thế giới hiện nay có 35 000 công ty xuyên quốc gia, tổng số vốn đầu tư ra nước ngoài là 1 700 tỉ USD, trong đó có 500 công ty xuyên quốc gia có thực lực mạnh nhất (Mỹ có 164, Nhật bản có 11, Anh có 60).

Các công ty xuyên quốc gia có mặt trên mọi lĩnh vực của nền kinh tế. Công ty bán hàng ăn liền "Mc Donal" vào cuối những năm 80 vừa qua đã sử dụng mạng lưới với trên 10 000 đại lý ở 47 nước. Công ty cắt tóc "Fantastic San's" cho đến nay đã có khoảng 2 000 cửa hiệu phục vụ ở 5 quốc gia.

Do không nhận thức được biểu hiện mới của sự tập trung sản xuất trong điều kiện hiện nay, cho nên một số người cho rằng nền sản xuất hiện đại vận động theo xu hướng phi tập trung hóa, do đó dường như mâu thuẫn cơ bản của chủ nghĩa tư bản không còn tồn tại nữa hoặc chí ít ra là không còn gay gắt như trước nữa. Luận cứ cho quan điểm này là sự xuất hiện ngày càng nhiều các xí nghiệp vừa và nhỏ.

Đúng là từ những năm 70 tới nay, các doanh nghiệp vừa và nhỏ xuất hiện ngày càng nhiều. Năm 1987 ở Anh có khoảng 42 000 doanh nghiệp nhỏ và vừa, năm 1988 tăng lên 65 000, năm 1990 là 87 000 và năm 1994 là 92 000. Còn ở Mỹ, nền kinh tế chia làm hai khu vực : khu vực thứ nhất tập hợp một số hãng khổng lồ và khu vực thứ hai bao gồm hằng hà sa số xí nghiệp nhỏ và vừa. Ở Mỹ, tính ra có đến mươi, mười hai triệu xí nghiệp loại này(2).

Nguyên nhân của hiện tượng này là do sự phân công lao động xã hội ngày càng phát triển khiến cho sự xuất hiện các công ty nhỏ và vừa là một nhu cầu khách quan. Để sản xuất ra 20 000 chi tiết của một chiếc ô tô, ở Nhật bản các chủ hãng ô tô sử dụng mạng lưới gia công gồm 36 300 doanh nghiệp, trong đó chỉ có 168 doanh nghiệp lớn, số còn lại là những doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Còn phải kể đến những ưu thế vốn có của các doanh nghiệp vừa và nhỏ trong nền kinh tế thị trường hiện đại.

Sức sống của các doanh nghiệp vừa và nhỏ tạo ra cái vẻ bên ngoài dường như là một "phi tập trung hóa", song về thực chất như nhận định của

(2) Xem : Richard Bergeron : *"Phân phát triển cái giá của chủ nghĩa tự do"*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1995, tr 49

Digitized by Google

các nhà kinh tế học Nhật bản, đó chỉ là một biểu hiện mới của sự tập trung sản xuất, trong đó các hãng vừa và nhỏ lệ thuộc và chịu sự chi phối của các chủ hãng lớn về công nghệ, vốn, thị trường...

Tập trung sản xuất ngày càng cao đồng nghĩa với tính chất xã hội ngày càng cao của sản xuất. Trong điều kiện ấy, không ai có thể bác bỏ luận điểm của Mác nói về sự không phù hợp giữa sự xã hội hóa lao động ngày càng cao với cái vỏ tư bản chủ nghĩa của nó. Và cái vỏ ấy sớm muộn phải nổ tung, và đã nổ tung. Tính chất và nội dung thời đại hiện nay được khẳng định không ngoài những tiền đề vật chất ấy.

Cũng chính từ sự biến đổi của cơ sở vật chất theo xu hướng ngày càng phủ định thời đại tư bản chủ nghĩa mà, một mặt, các lực lượng tiến bộ và cách mạng trên toàn thế giới ngày càng phát triển tạo nên một trong những sức mạnh của thời đại chúng ta, sức mạnh thi hành sự chuyển biến sang thời đại mới; mặt khác, làm suy yếu thế lực đại diện cho thời đại cũ.

Đó là sức mạnh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trong thế giới tư bản chủ nghĩa do sự tha hóa ngày càng sâu sắc không chỉ trong lao động mà cả trong toàn bộ đời sống của con người.

Ở nước Mỹ, nơi được coi là mô hình toàn cầu của sự phát triển, tỷ trọng những gia đình dưới ngưỡng nghèo khổ đã tăng từ 10,3% năm 1980 lên 12,3% năm 1983(3). Số tuyệt đối các gia đình dưới ngưỡng nghèo khổ đã tăng một phần tư từ năm 1979 đến năm 1987(4). Đó là xã hội *"đã làm cho những người nghèo của họ nghèo thêm và làm cho những người giàu của họ giàu thêm, và phân cực giàu nghèo rõ rệt hơn"* (5). Tác giả còn kết luận : "chọn nước Mỹ làm mô hình phát triển có nghĩa là chọn một xã hội bạo hành" (6).

Chính hoàn cảnh của thế giới thứ ba, vốn là thế giới của các dân tộc thuộc địa, đang làm cho các lực lượng tiến bộ ở nơi đây ngày càng gia tăng. Đó là vì "từ năm 1982, nợ đã được sử dụng như một cái cớ để điều chỉnh toàn diện; chỉ trong ngày một, ngày hai nhà nước thế giới thứ ba trở thành con quái vật nhiều đầu phải hạ thủ". Bằng phương tiện IMF (Quỹ tiền tệ thế giới) và Ngân hàng thế giới được mệnh danh là "cỗ xe song mã", các nước công nghiệp phát triển đã thành công trong việc làm phân liệt các quốc gia thế giới thứ ba. "Mỗi nước thuộc thế giới thứ ba từ nhún nhường nhất tới ngạo nghễ nhất, đã bị buộc phải quỳ gối và chỉ lay lắt sống lần hồi từng ngày, tùy thuộc hoàn toàn vào ý muốn chủ quan của các nước công nghiệp" (7).

Làm nòng cốt cho các lực lượng thi hành sự quá độ sang thời đại mới vẫn là nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa. Sự sụp đổ của chế độ xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên xô không có nghĩa là chủ nghĩa xã hội thế giới sụp đổ. Một số nước xã hội chủ nghĩa với số dân trên 1 tỉ người vẫn đang tồn tại. Còn ở các nước xã hội chủ nghĩa trước đây là Liên xô và Đông Âu, các lực lượng xã hội chủ nghĩa đang dần dần phục hồi tiếp tục cuộc đấu tranh. Cũng chính ở các nước này, càng ngày càng có nhiều người muốn quay trở lại chế độ chính trị trước đây. Cuộc sống ngày càng mất ổn định sẽ làm cho nhân dân càng thức tỉnh và tham gia tích cực hơn vào cuộc đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội.

Cùng với sự gia tăng của các lực lương thi hành sự quá độ lên chủ nghĩa xã hội là tình trạng "chủ nghĩa tư bản chống chủ nghĩa tư bản", tình trạng chiến tranh gay gắt và "thầm kín" giữa các nước tư bản chủ nghĩa với nhau, chủ yếu là giữa ba trung tâm kinh tế, chính trị hàng đầu của thế giới, giữa các tập đoàn tư bản xuyên quốc gia, cho dù trong những năm gần đây giữa họ đã và đang có những sự điều chỉnh lợi ích nhất định nhằm làm dịu những xung đột với nhau. Nhưng chỉ có thể làm dịu chứ không thể nào xóa bỏ được những xung đột dưới những hình thức khác nhau. Không phải chỉ bằng chiến tranh, bằng vũ khí nóng mà bằng cả chiến tranh thương mại, chứng khoán, giành giật nơi đầu tư có lợi v.v.

Đó là những tín hiệu mới trong giai đoạn hiện nay của sự quá độ sang thời đại xã hội chủ nghĩa. Những tín hiệu đó là bằng chứng nói lên rằng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi thế giới ngày càng có nhiều khả năng thực hiện.❑

---

(3) Xem Eliane Moosé : *Những người giàu và người nghèo*, Nxb Seuil, Paris, 1985, tr 104

(4) Xem Newsweck, 7-8-1989

(5) Richard Bergeron : *Sđd*, tr 308

(6) Richard Bergeron, *Sđd*, tr 311

(7) Richard Bergeron, *Sđd*, tr 336

Digitized by Google

Về bản chất của chủ nghĩa xã hội và kinh tế thị trường

NGUYỄN THANH HÀO VÀ LÊ THỊ HỒNG *

CÔNG cuộc đổi mới thắng lợi ở nước ta những năm qua đã chứng tỏ đường lối của Đảng ta là đúng đắn và sáng tạo. Chúng ta đã làm được nhiều việc khiến không ít người rất đỗi ngạc nhiên. Đó là thực hiện kinh tế thị trường nhưng vẫn theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trước kia, không chỉ nhiều người trong chủ nghĩa tư bản mà nhiều người trong các nước xã hội chủ nghĩa đã ngộ nhận rằng kinh tế thị trường thuộc về bản chất của chủ nghĩa tư bản. Nhưng thực ra nó là thành quả của lịch sử nhân loại gắn với sản xuất hàng hóa.

Về bản chất, kinh tế thị trường là con người thực hiện trao đổi lao động, thông qua vật đổi vật ở giai đoạn đầu và tiền tệ ở giai đoạn sau này. Đến chủ nghĩa tư bản thì kinh tế thị trường đạt đến đỉnh cao để chuẩn bị đi vào lịch sử theo nghĩa là dần dần mất đi (ở chủ nghĩa cộng sản).

Vậy là mầm mống của kinh tế thị trường đã có từ thời cổ đại khi mà phân công lao động xuất hiện. Để sống được, người ta phải trao đổi lao động cho nhau bắt đầu từ trong gia đình, sau đến làng xóm, bộ tộc và lành địa... Đến chủ nghĩa tư bản sự phân công lao động đạt đỉnh cao và trao đổi lao động cũng mở rộng giữa các quốc gia (quốc tế).

Ở đâu có sản xuất hàng hóa thì ở đó có thị trường. Vậy nên có thể nói điều kiện để tồn tại và phát triển nền sản xuất hàng hóa cũng là điều kiện đối với thị trường. Điều kiện đầu tiên để thị trường tồn tại là có sự phân công lao động xã hội. Từ trước đến nay, ở các nước tư bản chủ nghĩa cũng như các nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội vẫn đang diễn ra sự phân công lao động ngày một rộng khắp và ngày một sâu sắc, như là dòng chảy tự nhiên của kinh tế xã hội. Chỉ có điều quá trình phân công lao động trong chủ nghĩa tư bản luôn xảy ra một cách tự do, mù quáng cùng với sự phân hóa giai cấp, dẫn đến sự tha hóa người lao động, làm phân hóa hai cực giàu nghèo ngày càng sâu sắc. Quá trình phân công lao động được quốc tế hóa theo mô hình này, ngày nay vẫn tồn tại, nên vẫn còn tình trạng : nước giàu càng giàu thêm, còn nước nghèo càng khốn khó. Đây là điều mà những nước chậm phát triển khi "hội tụ" và "hòa nhập" với thị trường hiện đại phải chú ý.

Đối với những nước xây dựng chủ nghĩa xã hội, tuy điểm xuất phát về kinh tế - xã hội còn thấp, nhưng để tiến hành phân công lao động, phát triển xã hội đã luôn có ý thức tránh những "vết xe đổ" nêu trên. Đó chính là việc phân công lao động theo hướng sao cho xã hội công bằng, bình đẳng cùng có lợi và tiến đến ấm no, hạnh phúc cho toàn thể nhân dân lao động. Ở nước ta cũng vậy, do chưa có sẵn mô hình này ta phải "vừa chạy, vừa xếp hàng", vừa làm vừa mò mẫm, tìm tòi. Song trên cơ sở lý luận Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và sự năng động sáng tạo vốn có chúng ta sẽ dần dần tìm được những định hướng và giải pháp đúng đắn để đi tới đích.

Điều kiện thứ hai để tồn tại kinh tế thị trường là do sự tồn tại của các chế độ và hình thức sở hữu khác nhau. Sản xuất hàng hóa và thị trường theo đó thì chế độ nào cũng cần và cũng có (vật phẩm sản xuất ra để tiêu dùng và trao đổi). Càng có nhiều hàng hóa thì nhu cầu trao đổi để nâng cao cuộc sống càng tăng, làm cho thị trường phát triển. Việc tăng cường phát triển sản xuất không chỉ riêng chủ nghĩa tư bản mà chủ nghĩa

* Khoa triết học, Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Digitized by Google

xã hội cũng cần phải có. Có chăng chỉ khác nhau ở mục đích của sản xuất hàng hóa. Chủ nghĩa tư bản cần nhiều hàng hóa trao đổi để tìm kiếm lợi nhuận, hay với nó lợi nhuận là trên hết. Nhưng ở chủ nghĩa xã hội, sản xuất để thỏa mãn nhu cầu của nhân dân lao động được đặt lên hàng đầu. Tất nhiên trong chủ nghĩa xã hội cũng cần đến lợi nhuận. Chỉ có điều nếu chủ nghĩa tư bản lợi nhuận vào trong túi nhà tư bản thì ở chủ nghĩa xã hội lợi nhuận được phục vụ toàn thể nhân dân lao động. Đó chính là tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội so với chủ nghĩa tư bản.

Nói đến quyền sở hữu về tư liệu sản xuất, nhiều người vẫn cho rằng kinh tế thị trường bao giờ cũng phải gắn với sở hữu tư nhân. Thực tế đã chứng minh hiểu như vậy là không đúng. Thế giới hiện đại và việc làm của chúng ta đã làm cho họ thấy quyền sở hữu và quyền quản lý sản xuất không phải là không có tính độc lập tương đối. Có thể tiến hành sản xuất hàng hóa không phụ thuộc vào sở hữu tư nhân, vì bản chất vấn đề là năng suất và hiệu quả của sản xuất. Với nhiều hình thức sở hữu như hiện nay và với việc sản xuất hàng hóa phát triển đến chóng mặt như hiện nay, rõ ràng hiệu quả sản xuất phụ thuộc nhiều vào công nghệ và cách quản lý điều hành sản xuất chứ không hoàn toàn phụ thuộc vào sở hữu. Và chủ nghĩa xã hội với chế độ công hữu làm nền tảng vẫn sản xuất được hàng hóa và tránh được những đau khổ, nhục nhã do sở hữu tư nhân trong chủ nghĩa tư bản gây ra cho nhân dân và xã hội. Chúng ta phát triển sản xuất lấy kinh tế quốc doanh làm then chốt, chủ đạo đã tránh được "máu và bùn nhơ" do sở hữu tư bản tư nhân gây ra từ áp bức bóc lột. Đấy là chưa nói tới việc phát triển sở hữu tư nhân trong lịch sử còn gắn với cướp bóc, chém giết tàn bạo và hủy diệt tự nhiên một cách tàn khốc thông qua chiến tranh xăm lược của chủ nghĩa đế quốc. Điều này chứng minh tính ưu việt của kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa mà chúng ta đang tiến hành. Phương thức điều hành quản lý sản xuất thì chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội tuy có điểm chung là nhằm đạt hiệu quả kinh tế cao. Song chủ nghĩa tư bản coi lợi nhuận là trên hết, nên nó tìm mọi cách bóc lột được nhiều giá trị thặng dư, không loại trừ việc chà đạp lên phẩm giá con người, từ đánh đập, cúp phạt đến đuổi việc... Trong chủ nghĩa xã hội cách quản lý luôn kết hợp hài hòa giữa lợi ích người lao động và lợi nhuận, nên không có áp bức bóc lột hay xúc phạm nhân phẩm người lao động. Ở đây thi đua xã hội chủ nghĩa và cạnh tranh lành mạnh được khuyến khích và được pháp luật bảo vệ.

Để nền kinh tế thị trường tồn tại đương nhiên cần đến sự phân phối sản phẩm lao động. Việc phân chia thành quả lao động thì chế độ xã hội nào cũng có. Ở đâu có lao động thì ở đó cần đến sự phân phối sản phẩm lao động. Chỉ có điều phương thức phân chia sản phẩm lao động luôn luôn mang dấu ấn của chế độ xã hội một cách rõ ràng. Tất nhiên ở mặt này cũng có điểm về danh nghĩa thì giống nhau nhưng thực chất lại khác nhau ở chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội. Đó là cách nói : phân phối theo kết quả lao động của các thành viên trong xã hội. Chủ nghĩa tư bản với sở hữu tư nhân là nền tảng của xã hội thì việc phân phối theo hướng bóc lột lao động thặng dư vẫn là cơ bản. Nếu thời kỳ Mác - Ăng ghen còn sống bộ mặt thật tàn bạo của chủ nghĩa tư bản được phơi bày một cách trắng trợn, lộ liễu, thì ngày nay bóc lột giá trị thặng dư được tiến hành một cách tinh vi kín đáo nhưng cường độ quy mô lại lớn hơn nhiều. Và đương nhiên nó đã vượt ra khỏi biên giới quốc gia và tiến từ cướp bóc lao động thặng dư đến cả tài nguyên và môi trường sinh thái. Quả vậy, nạn nước giàu bóc lột nước nghèo, nước giàu tàn phá, hủy hoại môi trường nước nghèo và cướp bóc tài nguyên nước nghèo vẫn đang tồn tại với tốc độ đáng sợ, mặc dù nó đã xảy ra hàng trăm năm nay.

Còn ở chủ nghĩa xã hội luôn luôn thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động mà Mác, Ăng-ghen, Lê-nin đã chỉ ra. Song đã có lúc chế độ quan liêu, bao cấp làm xuất hiện cách phân phối bình quân, bên cạnh việc phân phối theo

Digitized by Google

lao động. Ngày nay, trong đổi mới, chủ nghĩa xã hội coi nguyên tắc phân phối theo lao động là chủ đạo nhưng bên cạnh đó còn có các hình thức phân phối khác phong phú, đa dạng, kể cả phân phối theo vốn và cổ phần, phù hợp với thực tế. Ngoài ra còn các hình thức phân phối lại cho các đối tượng chính sách và phân phối lại để xóa đói giảm nghèo... Nói chung trong điều kiện kinh tế còn khó khăn nhưng cách phân phối của chủ nghĩa xã hội có tính khoa học, nhân đạo và hơn hẳn so với chủ nghĩa tư bản về nhiều mặt.

Ở một số nước tư bản chủ nghĩa người ta ưa khái niệm thị trường tự do. Người ta thích để cơ chế thị trường vô hình tùy thích chi phối xã hội (điều này rất thịnh hành khi chủ nghĩa tư bản đang phát triển ở những thế kỷ trước).

Để thị trường tự do, mù quáng chi phối cho nên vì lợi nhuận người ta tìm cách trao đổi bất bình đẳng thông qua nhiều mánh khóe, tội ác ghê tởm, làm cho thối hư, tật xấu và cả tội ác lúc đầu trong một quốc gia, sau đó xuyên quốc gia hoành hành một cách dữ dội, phổ biến. Chính vì vậy, qua thị trường đôi khi người ta phất lên trong nháy mắt và cũng trong nháy mắt có người trắng tay. Và đương nhiên quan hệ chính trị, văn hóa, xã hội... cùng bị cơ chế thị trường đó chi phối. Ngày nay, trong thế giới văn minh trao đổi bất bình đẳng vẫn là thông lệ, là nguyên tắc sống còn giữa các nước tư bản phát triển và các nước thế giới thứ ba nghèo đói kiệt quệ.

Còn ở chủ nghĩa xã hội, việc trao đổi thông qua thị trường được thực hiện có sự điều tiết của nhà nước, để làm sao tránh trao đổi bất bình đẳng và tránh những thủ đoạn lừa đảo, chộp giật mà trong chủ nghĩa tư bản đã thực hiện một cách tự do.

Cùng với quy luật giá trị, quy luật cung cầu luôn chi phối việc trao đổi hàng hóa trong xã hội. Chủ nghĩa xã hội thông qua quy luật cung cầu và điều tiết cung cầu để phát triển sản xuất, mở rộng thị trường nhằm mục đích là ngày càng thỏa mãn nhu cầu của nhân dân lao động. Cho nên nhà nước trong chế độ xã hội chủ nghĩa luôn điều tiết cung cầu theo hướng chống cầu giả tạo, một mặt thỏa mãn nhu cầu ; mặt khác hướng dẫn, kích thích nhu cầu lành mạnh, hạn chế xóa bỏ những nhu cầu bản năng thấp hèn... trong xã hội. Bản chất chế độ của chủ nghĩa xã hội là tốt đẹp, nhưng do lực lượng sản xuất ở một số nước theo con đường này còn hạn chế nên sẽ gặp rất nhiều khó khăn trên con đường phát triển, nhưng khó khăn đó chỉ là tạm thời. Cần phải khẳng định rằng vì nhận thức được quy luật của thị trường và có sự định hướng chủ nghĩa xã hội, cho nên đất nước ta đã tránh được rất nhiều những tiêu cực do thị trường đem lại, mặc dù không phải là không còn những tiêu cực tồn tại. Dù mới bắt đầu và còn mò mẫm, song kết quả đó thật quý giá, thật đáng khích lệ. Cho đến hôm nay, tuy còn không ít người vẫn lo ngại sự vận hành của cơ chế thị trường, nhưng vẫn có đủ lý lẽ, bằng chứng để tin rằng chủ nghĩa xã hội và kinh tế thị trường là có thể tồn tại cùng phát triển và thật sự đã tồn tại phát triển ở nước ta. Chúng ta sẽ dần dần tiến hành nghiên cứu tổng kết đúc rút kinh nghiệm để tiếp tục công cuộc đổi mới theo hướng đi mà Mác, Ăng ghen, Lê-nin và Hồ Chí Minh đã chỉ dẫn.

Từ thành công của sự nghiệp đổi mới ở nước ta, chúng ta thấy rằng, chủ nghĩa xã hội và thị trường là điều có thể dung hợp. Để có được kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa điều quan trọng là phải có sự lãnh đạo của đảng cộng sản kiên định, sáng tạo và cách mạng. Sau đó, có một hệ thống chính trị phù hợp mà hạt nhân của nó là nhà nước của dân, do dân và vì dân. Nhà nước này phải có sức mạnh tổng hợp, một mặt giữ ổn định xã hội về chính trị và mặt khác đủ sức điều tiết nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đó là những yếu tố cơ bản nhất bên cạnh các yếu tố khác. Và đương nhiên kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa mà Đảng ta nêu ở đây không chỉ là kinh tế mà từ kinh tế sẽ quyết định đến các vấn đề chính trị, văn hóa, xã hội và an ninh quốc phòng.❑

Digitized by Google

SỬ DỤNG CÓ HIỆU QUẢ NGUỒN VỐN

NGUYỄN ĐẮC HƯNG *

BẤT kỳ một quốc gia nào muốn tăng trưởng và phát triển nền kinh tế đều phải có vốn. Theo các chuyên gia kinh tế tính toán : để đạt mức tăng GDP gấp đôi vào năm 2000, chúng ta cần phải có số vốn là 41 - 43 tỉ USD. Tuy nhiên chúng ta đang đứng trước tình trạng vừa thiếu vốn cho đầu tư,vừa không sử dụng hết nguồn vốn và sử dụng vốn kém hiệu quả.

Theo báo cáo của Ngân hàng nhà nước Việt nam, tổng số vốn thừa của các ngân hàng thương mại (sau khi trừ đi dự trữ bắt buộc và quỹ dự phòng bảo đảm khả năng thanh toán), thời điểm đầu năm 1996 là 3200 tỉ đồng, cuối tháng 6-1996 là 2870 tỉ đồng, đầu tháng 9-1996 là 2000 tỉ đồng. Đó là con số báo cáo và chưa được tổng hợp đầy đủ, trên thực tế con số vốn thừa còn lớn hơn. Vốn thừa trong khi lãi suất cho vay liên tục giảm xuống mức thấp nhất từ trước tới nay. Lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa do Ngân hàng trung ương quy định chỉ còn 1,75%/tháng (từ 1-1-1996), 1,6% (từ tháng 7), 1,5% (tháng 9) và 1,25%/tháng (từ 1-10-1996).

Điều đáng lưu ý là hiện tượng vốn thừa, gắn liền với nợ quá hạn lại gia tăng (một số ngân hàng không dám cho vay vì không đòi được nợ). Theo báo cáo đã được công bố, tỷ lệ nợ quá hạn đến đầu tháng 9-1996 lên 4,37%, cá biệt có ngân hàng thương mại cổ phần tỷ lệ này lên đến con số trên dưới 10%. Nhưng nhiều ý kiến cho rằng, đó cũng không phải là con số đúng mà thực tế còn cao hơn. Như vậy, *rõ ràng là một phần vốn không nhỏ đã sử dụng không có hiệu quả.*

Tình hình trên phản ánh thực trạng việc sử dụng nguồn vốn trong nước. Còn việc sử dụng vốn vay nước ngoài thì thế nào ? Theo dõi trên các phương tiện thông tin đại chúng, chúng ta thấy Việt nam đàm phán và ký kết được khá nhiều dự án, nhiều khoản tài trợ, với số vốn lớn. Nhưng thực tế số vốn đã đưa vào Việt nam chưa được bao nhiêu. Ngay như nguồn vốn ODA ở nước ta tính đến hết tháng 8-1996 chúng ta mới giải ngân được 365 triệu USD (tăng 50% so với cùng kỳ năm ngoái), nhưng mới chỉ đạt có 36% kế hoạch. Tính chung, từ năm 1993 đến hết năm 1995, các nhà tài trợ cam kết trợ giúp Việt nam khoảng 6 tỉ USD, số vốn đã ký kết được là 5 tỉ USD, nhưng mới giải ngân được 1,7 tỉ USD, đạt 30% kế hoạch.

Về nguồn vốn vay của Ngân hàng thế giới (WB), từ năm 1993 đến tháng 8-1996, chúng ta đã ký kết với tổng kim ngạch vay cho 12 dự án là 1296,7 triệu USD, nhưng mới rút được 175,43 triệu USD, đạt 13,5% số vốn đã ký. Cũng tính đến hết tháng 6-1996, chúng ta mới giải ngân được 460,4 triệu USD, trong kế hoạch 725 triệu USD vốn vay của Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF). Tình trạng giải ngân và rút vốn vay của Ngân hàng phát triển châu Á (ADB) còn ở mức độ thấp hơn. Như vậy, vấn đề nổi lên hiện nay về vốn cho tăng trưởng kinh tế không phải là việc huy động vốn, mà chính là việc sử dụng vốn. Nếu chúng ta không giải ngân kịp, không sử dụng hết nguồn vốn, thì điều tất nhiên là sẽ ách tắc tới việc huy động vốn từ bên ngoài, đồng thời việc lưu thông nguồn vốn trong nước cũng bị cản trở.

Trước hết, về nguồn vốn trong nước : Nguyên nhân làm cho nguồn vốn huy động của các ngân hàng thương mại tăng nhanh trong khi lãi suất tiền gửi cũng liên tục giảm thấp là do mạng lưới các ngân hàng được mở rộng và uy tín các ngân hàng nâng cao, đồng tiền ổn định, thu nhập của người dân tăng và tính tiết kiệm vẫn được duy trì, L/C chậm trả, kho bạc nhà nước ngừng phát hành trái phiếu mới và thanh toán trái phiếu đến hạn, v.v... Về việc sử dụng nguồn vốn trong nước, thời gian gần đây hệ thống ngân hàng thương mại đã đổi mới mạnh mẽ hoạt động tín dụng, mở ra nhiều hình thức cho vay khác nhau, với lãi suất và thủ tục cho vay phù hợp với từng đối tượng, đặc biệt là các đối tượng chính sách xã hội cần được ưu tiên. Tính đến hết tháng 9-1996, Ngân hàng phục vụ người nghèo (được thành lập từ cuối năm 1995) đã cho gần 850 000 hộ vay hơn 1400 tỉ đồng ; Ngân hàng công thương cho sinh viên vay phục vụ học tập : 2,2 tỉ đồng, cho vay theo chương trình tín dụng ưu đãi tạo việc làm ở đô thị (76 dự án) là 8,3 tỉ đồng ; cho vay theo chương trình tôn

* PTS kinh tế, Ngân hàng nhà nước Việt nam

Digitized by Google

nền nhà hoặc làm nhà trên cọc ở vùng lũ thuộc đồng bằng sông Cửu long là 22 tỉ đồng ; cho vay kinh tế biển (248 dự án) là 922 tỉ đồng ; cho vay thu mua lương thực trên 4200 tỉ đồng và cho vay ưu đãi lãi suất thấp đối với các nhà xuất khẩu 1200 tỉ đồng... Như vậy tổng số vốn cho vay 9 tháng đầu năm 1996 lên tới 110 000 tỉ đồng.

Vì sao lãi suất cho vay liên tục giảm thấp mà vốn của các ngân hàng thương mại vẫn thừa ? Mặc dù nền kinh tế nước ta đã có sự đổi mới cơ chế nhưng nhiều doanh nghiệp vẫn còn tư tưởng bao cấp, quen với cơ chế xin vốn, cấp ngân sách, xin vốn vay ưu đãi với lãi suất thấp, chưa quen với cơ chế vay trả, xây dựng dự án có hiệu quả để vay vốn ngân hàng. Ở các nước có nền kinh tế thị trường phát triển, vốn tự có cũng như vốn điều lệ của các công ty chủ yếu là vốn cổ phần của các cổ đông. Hằng năm các loại vốn trên đều phải tính lãi và trả lãi cổ tức với mức khá cao, nếu không họ sẽ bán lại cổ phiếu và chứng khoán, làm ảnh hưởng uy tín và gây khó khăn cho hoạt động kinh doanh của công ty. Do đó, họ luôn duy trì một tỷ lệ vốn điều lệ ở mức độ thấp, còn vốn kinh doanh cần tới đâu thì vay ngân hàng tới đó, nếu không sử dụng đến thì lại trả. Ở Việt nam, vốn điều lệ của các doanh nghiệp (doanh nghiệp nhà nước) do ngân sách cấp, không phải trả lãi (chỉ có thuế vốn hoặc hệ số bảo toàn vốn) nên các doanh nghiệp ỷ lại vào nguồn vốn đó, không chủ động vay vốn ngân hàng. Ở các nước tiền để trong kho ngân hàng được quản lý theo cơ chế rất chặt chẽ : có 3 khóa cho mỗi lần cửa và có nhiều lần cửa khác nhau (đó là khóa của thủ quỹ, trưởng phòng kho quỹ, giám đốc... độc lập với nhau), khi xuất tiền ra phải theo một trình tự rất nghiêm ngặt. Tuy nhiên tiền đã ra khỏi kho đến tay người vay thì đã có một "rừng luật" tạo một môi trường pháp lý chặt chẽ để điều chỉnh và xử phạt hành vi của người vay tiền, như : đăng ký doanh nghiệp, vốn pháp định, hoạt động theo đúng chức năng kinh doanh, nộp thuế, phá sản, ... ngăn chặn các trường hợp sử dụng vốn sai mục đích, lừa đảo, chụp giật... Nhưng ở nước ta hiện nay, hệ thống luật vừa thiếu, vừa không đồng bộ, lại thực hiện không nghiêm nên tạo kẽ hở cho người vay vốn lừa đảo, chây ỳ.

Hiện nay, các doanh nghiệp nhà nước vẫn là khách hàng lớn nhất và đông đảo nhất vay vốn ngân hàng, nhưng hàng loạt những vướng mắc về thế chấp, cầm cố, bảo lãnh, công chứng... vay vốn ngân hàng đối với các doanh nghiệp nhà nước chậm được tháo gỡ. Đến đầu tháng 7-1996 mới có Thông tư số 01 liên bộ Tài chính - Tư pháp và Ngân hàng nhà nước hướng dẫn về vấn đề này. Nhưng văn bản đó vừa ra đời đã có nhiều điểm không phù hợp. Có những ý kiến (kể cả ngân hàng và các doanh nghiệp nhà nước) cho rằng việc quy định về quan hệ giữa quyền sở hữu và quyền sử dụng tài sản của các doanh nghiệp nhà nước chưa thật rõ ràng. Đối với doanh nghiệp tư nhân và hộ gia đình, cũng nổi lên một số vấn đề như tài sản thế chấp, giấy tờ chứng nhận quyền sở hữu đất đai (gần 70% so với tổng số là chưa có cơ sở pháp lý). Điều đó đã tạo ra lực cản đối với việc cho vay vốn của các ngân hàng.

Tình trạng thừa vốn nói trên còn do nhiều nguyên nhân khác nữa, song nguyên nhân chủ yếu là thị trường vốn ở nước ta chưa phát triển. Một số cơ chế, chính sách của nhà nước như chính sách tiền tệ, lãi suất, hạn mức tín dụng... chưa thực sự thích ứng với điều kiện của tình hình mới. Một nguyên nhân dẫn tới việc chậm rút vốn vay của các tổ chức tài chính tiền tệ quốc tế đó là do năng lực của các ban quản lý dự án còn yếu. Ở nhiều nơi đã sử dụng cán bộ kiêm nhiệm vì không đủ người, không có cán bộ làm trực tiếp. Các dự án còn mới mẻ, thời kỳ đầu phải mất nhiều thời gian tìm hiểu làm quen với các thủ tục, chính sách của WB, ADB, IMF... Cơ chế quản lý và sử dụng vốn vay của Việt nam còn có quá nhiều cửa, nhiều khâu ; các quy chế, quy định liên quan chưa đồng bộ, nhất quán, thủ tục quy trình rút vốn, chuyển vốn và quản lý tài chính còn đang trong quá trình hình thành ; các quy chế, trình tự, thủ tục trong nước và những quy chế và thủ tục của các tổ chức quốc tế có nhiều chỗ khác biệt. Khâu thẩm định dự án của Việt nam chưa toàn diện, chưa bao quát hết những vấn đề có thể xảy ra sau này, dẫn đến những sửa đổi về Hiệp định tín dụng cũng như Hiệp định dự án. Mặt khác, thủ tục pháp lý trong nước còn cồng kềnh từ khâu phê duyệt dự án, ủy quyền đàm phán, ký kết, phê chuẩn, sửa đổi. Chưa có chính sách thống nhất về vấn đề di dân và vấn đề thuế đối với các dự án do WB, ADB... tài trợ. Sự phối hợp giữa các bộ, ngành chức năng như : Bộ tài chính, Bộ kế hoạch và đầu tư, Ngân hàng nhà nước và các chủ dự án chưa đồng bộ, có nhiều chồng chéo về chức năng. Các thủ tục phê duyệt và cấp vốn đối ứng trên thực tế chưa kịp thời. Như vậy, vấn đề vốn cho nền kinh tế ở Việt nam đang diễn ra tình trạng : "thịt treo mèo nhìn đói". Giải pháp tối ưu cho vấn đề này, theo chúng tôi là *phải thúc đẩy nhanh quá trình phát*

Digitized by Google

triển thị trường vốn ở Việt nam.

Ngân hàng nhà nước đã đưa thị trường ngoại tệ và nội tệ liên ngân hàng vào hoạt động (được khoảng 3 - 4 năm) bước đầu phát huy hiệu quả. Vấn đề đặt ra là chúng ta cần kịp thời tổng kết khẳng định những mặt làm được và chỉ ra những vấn đề còn tồn tại để thúc đẩy thị trường liên ngân hàng hoạt động có hiệu quả, thu hút các ngân hàng thương mại, công ty tài chính, công ty bảo hiểm và quỹ đầu tư tham gia. Đồng thời cần khuyến khích và tạo điều kiện cho các ngân hàng và tổ chức nói trên tham gia đầy đủ và thường xuyên vào thị trường này, tăng tốc độ chu chuyển vốn trong hệ thống ngân hàng.

Lãi suất là giá cả mua bán vốn trên thị trường. Thực tế cho thấy, năm 1996 lãi suất cho vay của nhiều ngân hàng thương mại đã hạ nhanh hơn và hạ trước khi Ngân hàng nhà nước công bố giảm trần lãi suất cho vay tối đa. Ngân hàng nhà nước cần bãi bỏ việc quy định trần lãi suất cho vay tối đa, chỉ công bố lãi suất cho vay tái chiết khấu và lãi suất cho vay trên thị trường liên ngân hàng, để cho lãi suất loại này điều khiển lãi suất trong nền kinh tế, điều chỉnh cung cầu về vốn trên thị trường theo đúng thông lệ quốc tế. Vì thị trường liên ngân hàng đã có kinh nghiệm hoạt động, tình hình cung - cầu về vốn trong nền kinh tế đã có sự thay đổi, số lượng các ngân hàng thương mại đã đông đảo và công nghệ ngân hàng đã đổi mới nhiều (giả dụ tình hình lãi suất diễn biến không kiểm soát được thì quay trở lại quy định trần lãi suất cho vay tối đa cũng không ảnh hưởng lớn đến thị trường vốn).

Thị trường đấu thầu tín phiếu kho bạc được đưa vào hoạt động từ tháng 6-1995. Từ đầu năm 1996 đến tháng 10-1996, Ngân hàng nhà nước đã tổ chức được 3 phiên đấu thầu tín phiếu và 11 phiên đấu thầu trái phiếu kho bạc, với tổng mệnh giá đã phát hành 1030 tỉ đồng, nhưng tổng số tiền đăng ký bán lên tới gần 4000 tỉ đồng, cung luôn lớn hơn cầu. Đồng thời, lãi suất qua đấu thầu giảm từ 13,8%/năm, xuống 10,62%/năm rồi 9,5% và 8,3%/năm, so với lãi suất kho bạc nhà nước trực tiếp phát hành là 12%/năm. Sẽ hiệu quả hơn, nếu đưa toàn bộ trái phiếu kho bạc nhà nước sang Ngân hàng nhà nước tổ chức đấu thầu giữa các ngân hàng thương mại, công ty tài chính và công ty bảo hiểm. Đồng thời, cũng không nên tổ chức phát hành trái phiếu công trình, huy động vốn đầu tư cho các công trình lớn về điện, nước, cơ sở hạ tầng mà đưa sang Ngân hàng nhà nước tổ chức đấu thầu. Nếu thực hiện điều đó, sẽ khai thông việc thừa vốn trong các ngân hàng thương mại, thúc đẩy các ngân hàng thương mại huy động vốn trong dân, có vốn đầu tư kịp thời với lãi suất thấp cho các công trình quan trọng, tiết kiệm cho ngân sách nhà nước... Và điều rõ ràng là sẽ thúc đẩy thị trường vốn phát triển.

Hạn mức tín dụng được Ngân hàng nhà nước đưa ra áp dụng đối với 4 ngân hàng thương mại quốc doanh và 17 ngân hàng thương mại cổ phần lớn từ đầu năm 1995, với mục tiêu là để kiểm soát tổng phương tiện thanh toán và kiềm chế lạm phát. Nhưng thực tế hạn mức tín dụng ở nước ta lâu nay (dù là lạm phát cao hay thấp) ít có ý nghĩa thuyết phục cần được loại bỏ để tạo điều kiện cho các ngân hàng thương mại mở rộng cho vay. Mặt khác, cần thắt chặt công cụ dữ trữ bắt buộc, tăng cường công tác kiểm tra để bảo đảm việc cho vay đúng quy định, bảo đảm chất lượng tín dụng.

Nghiệp vụ kinh doanh của các ngân hàng thương mại ở nước ta nhìn chung còn nghèo nàn, chủ yếu là cho vay trực tiếp. Do đó, việc chuyển hoạt động tín dụng theo hướng mở rộng đồng tài trợ vốn cho các dự án, phát triển tín dụng thuê mua, bảo lãnh, chiết khấu chứng từ có giá v.v. là rất cần thiết. Việc cho vay có tài sản thế chấp không phải bao giờ cũng tốt, mà chủ yếu phải căn cứ vào báo cáo tài chính của doanh nghiệp xin vay trong ba năm gần nhất, hiệu quả dự án và uy tín trên thương trường của khách hàng xin vay.

Tăng cường cán bộ có trình độ chuyên môn và trình độ ngoại ngữ cho công tác quản lý các dự án vay nợ nước ngoài là hết sức cấp bách. Cần mạnh dạn đầu tư kinh phí cử họ đi đào tạo ở nước ngoài. Rà soát lại các thủ tục cũng như việc phối hợp giữa các bộ, ngành, các chủ dự án trong việc quản lý vay nợ nước ngoài. Thực hiện chế độ một cửa và nên tập trung khâu này vào một đầu mối là Ngân hàng nhà nước. Hoàn thiện các thủ tục pháp lý trong các khâu phê duyệt dự án. Có chính sách thống nhất về vấn đề di dân, thuế và cấp vốn đối ứng cho từng dự án.

Một vấn đề cấp bách là cần nhanh chóng hoàn thiện môi trường pháp lý. Trước hết là việc hoàn thiện và ban hành các luật ngân hàng, thương mại, chứng khoán, séc, cổ phiếu, hối phiếu, tín phiếu thương mại và một số bộ luật khác đáp ứng được yêu cầu đổi mới nền kinh tế.❑

Digitized by Google

XÂY DỰNG Ý THỨC QUỐC PHÒNG - MỘT VẤN ĐỀ CÓ Ý NGHĨA XÃ HỘI RỘNG LỚN

NGUYỄN THẾ LỰC *

ĐẠI hội toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đã chỉ rõ : "Trong khi đặt trọng tâm vào nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội, chúng ta không một chút lơi lỏng nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, luôn luôn coi trọng quốc phòng, an ninh, coi đó là hai nhiệm vụ chiến lược gắn bó chặt chẽ". Quan điểm này đặt ra những yêu cầu mới xây dựng và nâng cao *ý thức quốc phòng* cho toàn đảng, toàn dân và toàn quân ta.

Ý thức quốc phòng là một bộ phận của hình thái ý thức chính trị, bao gồm những quan điểm, tư tưởng, lý luận và tình cảm, tâm trạng, truyền thống, tập quán, thói quen, được hình thành phát triển trong quá trình hoạt động gìn giữ đất nước của một giai cấp, quốc gia và dân tộc ở một giai đoạn lịch sử nhất định.

Là sản phẩm của hoạt động phòng thủ quốc gia, ý thức quốc phòng trở lại đóng vai trò như là điều kiện đối với hoạt động đó. Xét từ chiều sâu, nó chính là "năng lực chính trị tinh thần tự vệ" tiềm ẩn ở mỗi cơ thể sống của xã hội. Tiềm năng này mang tính nội sinh, mà bất kỳ quốc gia nào muốn tồn tại, phát triển đều phải có để đề kháng trong cuộc đấu tranh giữ nước và dựng nước. Tự vệ, đề kháng để tồn tại, phát triển và sự tồn tại phát triển đó lại có tác dụng thúc đẩy mở rộng năng lực tự vệ và đề kháng mới, nâng lên một trình độ mới của ý thức quốc phòng. Việc củng cố quốc phòng bao giờ cũng được bắt đầu từ sự "khai thông", "đột phá", "mở đường" về ý thức quốc phòng ở mỗi thành viên xã hội. Vì lẽ đó, ý thức quốc phòng của toàn dân vốn được coi là một phần tiềm lực cấu thành trực tiếp quan trọng của tiềm lực tổng hợp quốc phòng. Phần tiềm lực này tiềm tàng trong nhân tố con người và nguồn lực con người - là nhân tố và nguồn lực giữ vị trí hàng đầu quyết định toàn bộ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trên thực tế, quốc gia nào coi nhẹ ý thức quốc phòng, thiếu cảnh giác là sự "đánh mất" một dạng tài sản đặc biệt mà không một cái gì thay thế được cho dù quốc gia đó rất giàu về vật chất, có binh hùng, tướng mạnh, vũ khí tối tân.

Ở Việt nam, ngay từ thời kỳ đầu lập quốc, nhân dân ta đã phải đối phó với giặc ngoại xâm. Trong toàn bộ lịch sử tồn tại, do tần suất chiến tranh quá lớn nên thời gian mà dân tộc ta được sống trong hòa bình là quá ít. Nhờ biết chăm lo xây dựng ý thức quốc phòng với tư tưởng quan điểm đúng đắn, dân tộc ta đã đánh bại hầu hết các cuộc tiến công xâm lược, kể cả cuộc tiến công của những đội quân mạnh nhất thế giới. Lịch sử dân tộc cũng ghi đậm những bài học thất bại đau xót do mất cảnh giác, coi nhẹ ý thức quốc phòng. Từ những bài học đó, ý thức quốc phòng ở Việt nam sớm được hình thành và dần dần được bồi đắp, tôi luyện cô đúc, nuôi dưỡng và phát triển từ đời này qua đời khác, trở thành giá trị tư tưởng, chính trị tinh thần, văn hóa đạo đức nhân văn, khoa học nghệ thuật và xét từ một góc độ nào đó còn mang cả giá trị kinh tế. Có thể nói rằng, so với nhiều quốc gia dân tộc, ý thức quốc phòng ở nước ta rất mạnh, bền vững, có nhiều nét độc đáo và có những yếu tố hiện đại, hình thành như một trường phái riêng - "trường phái quốc phòng Việt nam".

Ý thức quốc phòng của con người Việt nam được biểu hiện tập trung ở tinh thần yêu nước nồng nàn, lòng tự tôn dân tộc, bản lĩnh kiên cường, không chịu khuất phục trước mọi kẻ thù ;

* PTS triết học, Viện chiến lược quân sự Bộ quốc phòng

Digitized by Google

ở tinh thần tự lập, tự cường, tự chủ, thường xuyên cảnh giác để phòng trước mọi âm mưu thủ đoạn của các thế lực thù địch. Ý thức đó còn dựa vào tri thức và nghệ thuật phòng thủ quốc gia phù hợp với từng thời kỳ, dựa trên quan điểm tư tưởng nhất quán về một nền quốc phòng toàn dân, toàn diện, tổng hợp. Nền quốc phòng đó là sức mạnh tổng hợp của tiềm năng kinh tế, chính trị, văn hóa, khoa học..., của ý thức tự giác về quyền lợi, trách nhiệm, nghĩa vụ của mỗi người đối với sự vinh - nhục, an - nguy, thịnh - suy và tồn - vong của quốc gia. Ý thức quốc phòng của nhân dân ta là ý thức tự bảo vệ bản thân, gia đình, làng xóm, bảo vệ tổ chức chính trị, kinh tế - xã hội và cả quốc gia để đứng vững và phát triển trong mọi thử thách. Trong mỗi triều đại và từng thời kỳ, những nét trên được biểu hiện đậm nhạt khác nhau. Từ sau Cách mạng Tháng Tám năm 1945, một nền quốc phòng kiểu mới và một kiểu mới ý thức quốc phòng ra đời, kế thừa, hoàn thiện và phát triển rực rỡ, trở thành truyền thống và tài sản vô giá của dân tộc Việt nam, kết lại thành "bức tường thành" bất khả xâm phạm, vững chắc hơn bất kỳ thứ "thành quách", "phên dậu" nào khác.

Nếu trước đây, ông cha ta vì không thể chịu cảnh "nước mất, nhà tan" đã chăm lo nuôi dưỡng, hun đúc ý thức quốc phòng, thì ngày nay, để bảo đảm độc lập dân tộc và công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa, yêu cầu nâng cao ý thức quốc phòng càng bức thiết. Với tính cách là "tiềm năng tự vệ nội sinh", ý thức quốc phòng ngày nay đứng trước cuộc "sát hạch" mới. Trạng thái hòa bình ổn định của đất nước, mức độ an toàn cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa là thước đo đánh giá ý thức quốc phòng ở mỗi người, mỗi tổ chức và cả dân tộc. Đồng thời, công nghiệp hóa, hiện đại hóa tạo ra những tiền đề mới để hiện đại hóa ý thức quốc phòng - nâng cao lòng tự hào, ý thức quốc gia dân tộc, củng cố niềm tin, hình thành phương pháp tư duy và thói quen mới, phát triển tri thức và nghệ thuật giữ nước... Với ý nghĩa đó, chúng ta có thể coi ý thức quốc phòng không chỉ là giá trị chính trị - tinh thần, mà là một giá trị kinh tế, là nguồn lực của công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Xây dựng ý thức quốc phòng ở nước ta hiện nay cần quán triệt sâu sắc các quan điểm đã được khẳng định trong Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng : kết hợp chặt chẽ hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ; kết hợp chặt chẽ kinh tế với quốc phòng và an ninh ; gắn chặt nhiệm vụ quốc phòng với nhiệm vụ an ninh, gắn chặt hoạt động quốc phòng an ninh và đối ngoại ; củng cố quốc phòng an ninh là nhiệm vụ trọng yếu thường xuyên của Đảng, Nhà nước và của toàn dân ; hoàn thiện hệ thống pháp luật và bảo vệ Tổ quốc, thể chế hóa các chủ trương chính sách của Đảng, tăng cường sự quản lý của Nhà nước về quốc phòng ; thường xuyên chăm lo xây dựng Đảng, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với quân đội và công an, đối với sự nghiệp củng cố quốc phòng an ninh. Những quan điểm này là bước phát triển mới trong tư duy quốc phòng của Đảng và nhân dân ta.

Ý thức quốc phòng của một dân tộc và của mỗi người không phải tự nhiên mà có. Trải qua kiểm nghiệm thực tiễn bao giờ cũng để lại dấu ấn sâu đậm, là tiêu chuẩn để đo giá trị các quan điểm tư tưởng về quốc phòng và là con đường chủ yếu để hình thành bản lĩnh tự vệ, ý thức thường trực ở mỗi người và mỗi dân tộc. Mặt khác, ý thức quốc phòng còn được hình thành thông qua con đường giáo dục. Từ xưa, ông cha ta đã coi trọng cả hai cách trên. Điều này được phản ánh qua các biện pháp chiến lược "ngụ binh ư nông" - "tĩnh vi dân, động vi binh", chế độ tuyển quân và huấn luyện..., kết hợp việc mở "xạ đình" "giảng võ đường" " trường đua", các kỳ thi Hương - Hội - Đình để phong phẩm hàm với việc tổ chức hướng dẫn cho dân ở tại các xóm làng học võ nghệ ; kết hợp in các sách "binh thư" với việc soạn thảo, phát hành rộng rãi các tài liệu quân sự và quốc phòng đã được phổ thông hóa dưới dạng "bài thơ đánh giặc" "bài ca giữ nước" ... ; kết hợp rèn quân tướng, duyệt binh, tập trận với những hình thức văn hóa

Digitized by Google

truyền thống - lễ hội, lập đền thờ những người có công giữ nước... Tất cả những biện pháp đó có vai trò to lớn, thường xuyên đánh thức tinh thần cảnh giác, khơi dậy và nuôi dưỡng ý thức quốc phòng không chỉ đối với những người cầm quyền, quân đội mà cả toàn dân. Những kinh nghiệm quý báu của ông cha ta về lĩnh vực này cần được hết sức coi trọng, nghiên cứu để kế thừa, cách mạng hóa và phát huy cao độ. Chống các xu hướng coi thường hoặc bê nguyên xi kinh nghiệm cũ mà không đổi mới.

Ngày nay, sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc ở nước ta diễn ra trong điều kiện hòa bình - một nền hòa bình chứa đựng và tiềm ẩn những yếu tố biến động khó lường. Đặc biệt kẻ thù đẩy mạnh áp dụng chiến lược tiến công toàn diện, mà trọng tâm là "diễn biến hòa bình", "bạo loạn lật đổ", kết hợp với các phương thức khác. Kinh nghiệm lịch sử chỉ ra rằng, mỗi khi kẻ thù thay đổi âm mưu thủ đoạn mà chúng ta không sớm phát hiện và có phương thức thích hợp để chống lại thì sẽ bị động và cách mạng chịu tổn thất nặng nề. Hòa bình bao giờ cũng là nguyện vọng tha thiết của nhân dân ta. Nhưng cũng cần nhận rõ : môi trường hòa bình thường dễ tạo ra tư tưởng "hòa bình chủ nghĩa" "an phận", sao nhãng, chủ quan, mất cảnh giác. Chủ trương phát triển kinh tế hàng hóa vận động theo cơ chế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa là tất yếu và đúng đắn. Bên cạnh vai trò to lớn của nó cần nhìn nhận những tác động tiêu cực dễ nảy sinh - tâm lý chạy theo đồng tiền bằng mọi giá ; tuyệt đối hóa lợi ích cá nhân bỏ quên lợi ích cộng đồng ; coi thường giá trị đạo đức, truyền thống dân tộc ; thờ ơ với an nguy của đất nước ; phi ý thức hệ trong quốc phòng ; trốn tránh nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc... Chủ nghĩa đế quốc, các thế lực thù địch luôn tìm cách khai thác, khoét sâu những yếu tố trên để làm suy yếu tiềm năng tự vệ của từng người, từng tổ chức và cả dân tộc ta. Vì vậy, ngay khi thực hiện gắn bó hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ, chúng ta cần nhận thức những nét lớn của sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta.

Thứ nhất, mô hình công nghiệp hóa, hiện đại hóa mà chúng ta xác định hoàn toàn theo quan điểm độc lập tự chủ và đầy sáng tạo, không hoàn toàn giống mô hình công nghiệp hóa ở các nước khác, mặc dù vẫn tuân theo những quy luật chung của công nghiệp hóa. Việc tự mở đường đi trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa đòi hỏi quốc phòng - an ninh cũng phải rất sáng tạo, bám sát từng bước đi, từng phương pháp của công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhạy bén dự báo để có những giải pháp bảo đảm an toàn cho sự nghiệp này.

Thứ hai, công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta là theo định hướng xã hội chủ nghĩa, chứ không phải theo con đường tư bản chủ nghĩa. Định hướng xã hội chủ nghĩa trở thành nguyên tắc then chốt trong cả quá trình xây dựng và bảo vệ. Trong mọi hoàn cảnh và tình huống, khi tìm kiếm những giải pháp để đưa đất nước vượt ra khỏi cửa ải đói nghèo để trở nên giàu có, văn minh, không phải bằng mọi giá và làm chệch hướng xã hội chủ nghĩa, mất độc lập dân tộc. Cần luôn luôn nhớ rằng, kẻ thù khai thác triệt để và không từ một thủ đoạn nào, chúng vừa tinh vi, khôn khéo, vừa trắng trợn và luồn lách vào tất cả các khâu - lập pháp, hành pháp, tư pháp, đầu tư, viện trợ, trao đổi, tham quan du lịch... Kẻ thù luôn tìm cách tách nội dung giai cấp khỏi công nghiệp hóa, hiện đại hóa ; tách nội dung bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ Đảng khỏi nội dung và nhiệm vụ quốc phòng - an ninh. Do đó cả sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và quốc phòng - an ninh là cuộc đấu tranh giai cấp và dân tộc toàn diện, quyết liệt. Cuộc đấu tranh này ngày nay không phân tuyến, mà diễn ra trong hợp tác, cùng tồn tại, đan xen rất tinh vi và phức tạp.

Thứ ba, công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta diễn ra trong điều kiện quốc tế hóa mọi mặt đời sống xã hội. Đây là một xu thế của thời đại. Chúng ta phải mở cửa, tranh thủ các điều kiện bên ngoài để đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nhưng có những thế lực muốn thông qua các hoạt động giao lưu và hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực để tăng sức ép, phá hoại và thanh toán một nước Việt nam xã hội chủ nghĩa. Trên thực tế, xu hướng quốc tế hóa đã tạo ra một dòng xoáy khó cưỡng cuốn đi độc lập tự chủ của

Digitized by Google

nhiều quốc gia dân tộc. Ở nước ta, đó là thời cơ nhưng trong những điều kiện nhất định lại là nguy cơ và thách thức đối với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và quốc phòng - an ninh.

Thứ tư, mọi sai lầm đều phải trả giá. Nhưng sai lầm trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải trả giá rất đắt. Nếu triển khai các công trình lớn, đầu tư dài hạn mà không có sự phối hợp chặt chẽ quốc phòng - an ninh với kinh tế đối ngoại..., không tính toán kỹ lưỡng, chỉ vì lợi ích cục bộ trước mắt, kinh tế đơn thuần, coi nhẹ quốc phòng - an ninh, thì những sai lầm đó không dễ khắc phục, thậm chí có thể để lại những hiểm họa khó lường. Dĩ nhiên không nên tuyệt đối hóa một chiều lợi ích quốc phòng - an ninh gây ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế và bỏ lỡ thời cơ. Song ở đây cần khẳng định : tất cả mọi sự ưu tiên thì ưu tiên hàng đầu phải kể đến quốc phòng và an ninh.

Thực tiễn những năm qua, chúng ta có không ít những sơ hở mất cảnh giác, đặc biệt trên lĩnh vực kinh tế đối ngoại. Những sơ hở và sai lầm này do cả trình độ năng lực, do ý thức và cả những vấn đề thuộc về phẩm chất đạo đức. Hậu quả của những sai lầm này mọi người đều đã rõ.

Để có sự chuyển biến mạnh mẽ ý thức quốc phòng ở nước ta hiện nay đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ và phát triển của đất nước, theo chúng tôi, cần tập trung những biện pháp cơ bản sau đây :

- Nền quốc phòng nước ta là nền quốc phòng tổng hợp, không chỉ bó hẹp trong hoạt động và tiềm năng quân sự mà là tiềm năng đề kháng của mọi lĩnh vực, mọi hoạt động, mọi người. Do đó, cần đẩy mạnh *giáo dục quốc phòng toàn dân rộng rãi.* Từ năm 1981 Đảng ta đã có Chỉ thị 107/CT-TU (28-4-1981) xác định rõ đây là nhiệm vụ cấp thiết có tầm quan trọng chiến lược. Trong mấy năm gần đây, công tác giáo dục quốc phòng có những bước tiến mạnh mẽ và được đổi mới về phương thức. Tuy nhiên theo chúng tôi, cần mở rộng thêm các đối tượng. Có lẽ không nên dừng lại ở đối tượng các trường phổ thông trung học, trung học dạy nghề, cao đẳng, đại học, mà nên triển khai từ bậc tiểu học và trung học cơ sở. Ở các bậc học này chúng ta không cần hình thành một bộ môn giáo dục quốc phòng độc lập mà có thể nghiên cứu để lồng ghép một số khía cạnh nội dung quốc phòng và các môn học đã có (đạo đức, tiếng Việt, thể dục thể thao...) sao cho hợp lý mà không bị gò ép và khiên cưỡng. Đây là vấn đề mới mẻ và khó khăn đòi hỏi phải tiếp tục nghiên cứu với sự hợp tác của các nhà khoa học trên các lĩnh vực tâm lý, giáo dục học, trong ban cải cách giáo dục, hội đồng biên soạn giáo khoa..., và có làm thử rút kinh nghiệm.

Nên sớm mở các lớp giáo dục quốc phòng - an ninh đối với cán bộ lãnh đạo quản lý cao cấp của Đảng, Nhà nước và các ngành (chú ý tới đội ngũ cán bộ chiến lược, cán bộ kinh tế, cán bộ ở các khâu then chốt...). Cần có chương trình bắt buộc ổn định theo một hệ thống chuyên đề chung và có những chuyên đề riêng cho từng lĩnh vực hoạt động (kinh tế, đối ngoại...). Mặt khác trong các hệ thống, chúng ta có thể đẩy mạnh giáo dục truyền thống bằng những hình thức, đặc biệt đi vào các hoạt động lớn của cộng đồng như du lịch, lễ hội...

- Tiếp tục nghiên cứu để hoàn thiện hệ thống pháp luật về bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Triển khai xây dựng Luật nghĩa vụ quốc phòng. Luật này phải rộng hơn Luật nghĩa vụ quân sự và bao quát được quan niệm mới về quốc phòng, đề cập đến nhiều lĩnh vực, mọi ngành, mọi cấp, mọi tổ chức, mọi thành phần (kể cả tổ chức kinh tế tư nhân trong và ngoài nước) và mọi người. Đồng thời, tăng cường sự quản lý của nhà nước đối với vấn đề quốc phòng - an ninh. Thể chế hóa các chủ trương chính sách về quốc phòng - an ninh (kinh phí, phương tiện, lực lượng, cơ chế hoạt động và quản lý quốc phòng...), nhạy bén phát hiện các mâu thuẫn, sự chồng chéo trong tổ chức và cơ chế để có biện pháp xử lý kịp thời.

- Chăm lo xây dựng Đảng. Giữ gìn bản chất giai cấp công nhân của Đảng và nâng cao trình độ năng lực, phẩm chất đạo đức của cán bộ đảng đảng viên là vấn đề trọng tâm bảo đảm cho nền quốc phòng - an ninh vững mạnh trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa.❑

Digitized by Google

MỘT SỐ SUY NGHĨ VỀ NỘI DUNG VÀ BƯỚC ĐI CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA Ở NGHỆ AN

LÊ DOÃN HỢP*

Hội nghị trung ương lần thứ 7 khóa VII của Đảng xác định : Công nghiệp hóa, hiện đại hóa (CNH, HĐH) là quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế, xã hội từ sử dụng lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động cùng công nghệ, phương tiện và phương pháp tiên tiến, hiện đại, dựa trên sự phát triển của công nghiệp và tiến bộ khoa học - công nghệ tạo ra năng suất lao động xã hội cao.

Nhưng để thực hiện thắng lợi sự nghiệp CNH, HĐH, một quá trình vô cùng khó khăn, phức tạp, đòi hỏi phải kết hợp đủ các yếu tố : vốn, kỹ thuật, công nghệ, đất đai, thị trường, quản lý, cán bộ, công nhân kỹ thuật lành nghề và phải có bước đi thích hợp; nôn nóng, chủ quan dễ phạm sai lầm; ngược lại, ngại khó, thụ động sẽ mất thời cơ, tụt hậu. Phải hiểu làm kinh tế khó nhất là phát triển công nghiệp vì nhiều khi chưa làm là một số không (0) nhưng làm thiếu tính toán lại là một số âm. Làm công nghiệp đúng thì giàu lên rất nhanh,nhưng nếu sai lầm thì lụn bại cũng rất nhanh. Để khắc phục khó khăn, đưa đất nước, quê hương thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, đẩy lùi nguy cơ tụt hậu, không có con đường nào khác, ngoài việc đẩy mạnh CNH-HĐH . CNH, HĐH sẽ giúp chúng ta có tiềm lực mới để tăng nhanh tốc độ phát triển, có điều kiện để đi tắt, đón đầu theo kịp bè bạn. Đồng chí Tổng bí thư Đỗ Mười nhấn mạnh : Cần nhận thức sâu sắc rằng không tiến hành CNH, HĐH thì không thể bảo đảm tăng trưởng kinh tế nhanh và lâu bền, không thể phát triển nông nghiệp nhanh và có hiệu quả, không thể giải quyết tốt vấn đề việc làm và tăng thu nhập, đất nước không thể giàu mạnh. Để tiến hành CNH, HĐH trước hết cần tiến hành CNH nông nghiệp, nông thôn. Tham khảo kinh nghiệm của các nước trong khu vực, đặc biệt Trung quốc, đất nước có trên 900 triệu nông dân, các nhà kinh tế Trung quốc đã khẳng định : Nếu để nông thôn lạc hậu, kinh tế hàng hóa chậm phát triển, năng suất lao động thấp, cơ cấu sản xuất độc canh ... thì không thể nói và cũng không thể có CNH, HĐH ở Trung quốc. Thực tiễn ở Trung quốc quá trình CNH, HĐH được tiến hành qua các giai đoạn ; giai đoạn 1 : lấy nông đỡ công, giai đoạn 2 : lấy công bù nông, lấy công dựng nông và giai đoạn 3 : công, nông cùng tiến. Đến lúc này đã có điều kiện để CNH nông thôn, hiện đại hóa nông nghiệp.

Quá trình CNH, HĐH ở Nghệ an trước hết là CNH, HĐH nông nghiệp, nông thôn và miền núi mà nội dung bước đi ban đầu cần chú ý :

1 – Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu kinh tế phù hợp với tiềm năng, lợi thế của mỗi vùng.

Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ 14 xác định 5 vùng kinh tế. Những năm trước mắt dựa vào điều kiện khí hậu, tài nguyên đất đai, lao động của mỗi vùng cần tính toán, bố trí hợp lý cơ cấu cây trồng, vật nuôi thích hợp, theo hướng từng xã, từng huyện phải xác định rõ lợi thế của cây, con, ngành nghề, tính toán khả năng thu mua, tiêu thụ và thị trường để khơi dậy các tiềm năng, huy động sức mạnh đóng góp của mọi thành phần kinh tế. Ở Nghệ an trong những năm tiếp theo cơ cấu kinh tế của các huyện, thành, thị

* Phó bí thư tỉnh ủy Nghệ an

Digitized by Google

đang phổ biến là cơ cấu nông - công nghiệp dịch vụ. Cơ cấu này sẽ dần dần được chuyển đổi thông qua quá trình tổ chức lại sản xuất, hình thành các trung tâm công nghiệp lớn, các xí nghiệp vừa và nhỏ, nhằm khai thác thế mạnh mà tỉnh có điều kiện, nhất là lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng, hình thành nhiều làng nghề mới gia công, chế biến, phơi sấy, cất giữ nông sản, thực phẩm để đến năm 2000 và sau năm 2000 cơ cấu công - nông nghiệp - dịch vụ sẽ thay thế cho cơ cấu kinh tế hiện nay.

2 – *Trên cơ sở quy hoạch tổng thể từ nay đến năm 2000 và 2010* các huyện, thành, thị cần sớm xây dựng xong quy hoạch về kinh tế - xã hội. Xác định rõ quy hoạch phát triển các đô thị để mỗi địa phương có điều kiện và cơ sở để xác định cụm kinh tế - xã hội, qua đó mà tạo quỹ đất để sử dụng vào các mục đích lâu dài như : trồng lúa, màu, cây công nghiệp, phát triển công nghiệp, phát triển các thị trấn, thị tứ và trung tâm xã. Quá trình đi lên, gắn liền với CNH, HĐH là vấn đề đô thị hóa, thông qua các đô thị mà dùng văn minh công nghiệp để từng bước cải tạo nông nghiệp, đồng thời du nhập các ngành, nghề mới (cơ khí, vận tải, sửa chữa, điện tử, điện lạnh, xay xát, chế biến thực phẩm, thức ăn gia súc...) khôi phục các làng nghề truyền thống để chuyển dần lao động nông nghiệp thuần nông sang lao động nông nghiệp đa ngành, đa nghề, coi trọng phát triển công nghiệp và dịch vụ gia đình.

Cùng với quá trình hình thành và phát triển các đô thị nhỏ, cơ cấu kinh tế - xã hội ở nông thôn cũng dần dần thay đổi. Số thị dân làm nông nghiệp, phi nông nghiệp biết suy nghĩ, tính toán năng động và linh hoạt ngày càng tăng, cùng với các cơ sở công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại - dịch vụ xuất hiện ngày càng nhiều. Điều đó làm cho bộ mặt văn hóa, xã hội ở nông thôn cũng sẽ thay đổi nhanh chóng. Chính đây là động lực mới để thúc đẩy nông thôn phát triển.

3 - *Giải quyết tốt thị trường tiêu thụ sản phẩm nông – lâm – ngư nghiệp.*

Nhìn lại sau 10 năm đổi mới, trên lĩnh vực kinh tế, những tri thức và kinh nghiệm của chúng ta trong cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước XHCN chưa nhiều. Ở khu vực nông thôn miền núi, nông dân vẫn giữ thói quen sản xuất và tích lũy trong từng hộ gia đình theo nếp sản xuất nhỏ, kiểu tự cung tự cấp. Thậm chí nhiều xí nghiệp nhà nước vẫn đang sản xuất cái mình dễ làm, chứ chưa phải cái thị trường cần. Cùng với đường lối đổi mới và cuộc cách mạng sinh học trong nông nghiệp, nông dân đã sản xuất một khối lượng nông sản hàng hóa ngày càng lớn vượt mức tích lũy trong từng hộ gia đình. Ở nhiều nơi hàng hóa như lúa, gạo, lạc, rau quả thực phẩm bị ứ đọng, không có thị trường tiêu thụ. Vì vậy, để thúc đẩy CNH, HĐH ở nông thôn cần chú ý đến biện pháp nâng cao kiến thức về kinh tế thị trường, tạo mọi điều kiện cho người sản xuất thuộc bất cứ thành phần nào cũng được đón nhận các thông tin cần thiết cho từng quyết định và hoạt động của mình. Mặt khác, cần quan tâm giải quyết những vấn đề về vốn, giống, phân bón, thuốc trừ sâu, bảo vệ và tiêu thụ sản phẩm, những vấn đề quản lý, dịch vụ ngoài tầm với của kinh tế hộ, để những nơi sản xuất hàng hóa phát triển, nông dân yên tâm, vì đã có định hướng sản xuất, tiêu dùng. Chú ý đến vai trò "bà đỡ" của thương nghiệp nhà nước và các tổ chức HTX dịch vụ. Các huyện, thị cần phát triển các tổ chức khuyến nông, khuyến lâm, khuyến ngư, khuyến công, giúp nông dân tiếp cận thị trường để tránh bị con buôn nâng giá, ép giá. Cần tổ chức lại HTX nông nghiệp theo Chỉ thị 68 của Ban bí thư trung ương và NQ 18 của tỉnh ủy. Đây cũng là một yếu tố quan trọng thúc đẩy sản xuất ở nông thôn phát triển.

4 - *Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là sự nghiệp của toàn dân, của mọi thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo.*

Đảng ta trong quá trình lãnh đạo cách mạng luôn luôn đánh giá đúng vai trò to lớn của lực lượng quần chúng. Ngày nay, khi đất nước bước vào thời kỳ đổi mới, nhất là quá trình tiến hành CNH, HĐH việc huy động sức mạnh của quần chúng và phát huy vai trò đóng góp của các thành phần kinh tế là một tất yếu khách quan, là nhân tố quan trọng quyết định thắng lợi đối với sự nghiệp phát triển kinh tế.

Để phát huy được sức mạnh của các thành phần kinh tế , biện pháp có khả năng thực thi

Digitized by Google

nhất là nhà nước cần tiếp tục có các chính sách phù hợp, ưu tiên để khuyến khích thành lập các xí nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn, nhằm huy động được nhiều nguồn vốn khác nhau từ thu hút lượng tiền nhàn rỗi trong dân, đến khai thác vốn đầu tư trực tiếp của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước. Thực hiện vấn đề này các địa phương sẽ giải quyết được cơ bản lực lượng lao động dư thừa ở nông thôn, góp phần điều chỉnh chênh lệch về thu nhập, từng bước cải tiến hình thức tổ chức và quản lý theo hướng khuyến khích "ly nông bất ly hương" điều tiết phân bố lại lực lượng sản xuất theo ngành nghề. Đối với kinh tế nhà nước để từng bước vươn lên đảm nhận được vai trò chủ đạo của nền kinh tế, cần tập trung nguồn lực, đầu tư phát triển những ngành, những lĩnh vực trọng yếu về kết cấu hạ tầng như : giao thông nông thôn, hạ tầng đô thị, thủy lợi, điện, ngân hàng, tài chính, bảo hiểm, thương mại, dịch vụ...Gắn kết tốt các vấn đề về hạ tầng kinh tế - kỹ thuật với hạ tầng xã hội như giáo dục, y tế, dân số, chăm sóc sức khỏe nhân dân. Thực hiện tốt Chỉ thị 500 của Chính phủ về tổ chức sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn, khuyến khích và tạo điều kiện phát triển những doanh nghiệp làm ăn khá, xây dựng mới những doanh nghiệp có lợi cho quốc kế dân sinh, chấn chỉnh những doanh nghiệp yếu kém. Những doanh nghiệp không còn có khả năng phục hồi thì thực hiện luật phá sản. Cần có kế hoạch và bước đi vững chắc cho việc cổ phần hóa một số doanh nghiệp nhà nước, tạo thêm vốn, phát triển mới một số doanh nghiệp có lợi thế trên địa bàn.

5 - *Lấy việc phát huy nguồn lực con người làm yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững.*

Nghệ an là một tỉnh đất rộng, người đông, với trên 1,3 triệu lao động trong độ tuổi, số lượng lao động trẻ chiếm tỷ trọng tương đối cao, phần lớn có học vấn phổ thông, lại cần cù, khéo léo, năng động và sáng tạo. Đây là nguồn lực quan trọng cho quá trình phát triển. Toàn tỉnh có trên 16000 người có trình độ trên đại học, đại học và cao đẳng, hàng vạn công nhân kỹ thuật. Đây là điều kiện quan trọng cho quá trình tiếp thu và làm chủ các kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp kể cả các công nghệ nhập ngoại. Với hệ thống trường phổ thông rộng khắp trên các địa bàn huyện, thành, thị , có trường đại học, cao đẳng, dạy nghề và các trường trung cấp kỹ thuật ..., nếu được đầu tư đổi mới chương trình đào tạo, tăng cường cơ sở vật chất - kỹ thuật và phương tiện làm việc thì đây là cơ sở vững chắc bảo đảm cung cấp nguồn nhân lực có chất lượng cao đáp ứng yêu cầu CNH, HĐH.

Nghệ an có một lực lượng tương đối lớn con em đang sống và công tác khắp mọi miền của Tổ quốc, kể cả ở nước ngoài, trong đó có rất nhiều người có tri thức chuyên môn cao. Nếu biết thu hút, khai thác và sử dụng có hiệu quả thì đây là nguồn lực chất xám quan trọng góp phần phát triển quê hương, tạo cầu nối giữa các địa phương trong nước, ngoài nước về mặt quy tụ trí thức, kinh nghiệm giúp Nghệ an đi tắt, đón đầu, bứt phá nhanh hơn trong sự nghiệp CNH, HĐH.

6 - *Chuẩn bị tốt đội ngũ cán bộ cho sự nghiệp CNH, HĐH.*

Để tiến hành sự nghiệp CNH, HĐH phải nhanh chóng đào tạo, bồi dưỡng đủ đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật đầu đàn, cán bộ công nghệ, quản lý doanh nghiệp giỏi và đông đảo công nhân kỹ thuật lành nghề. Có thể nói trở ngại lớn nhất trên con đường CNH, HĐH của Nghệ an là sự bất cập của đội ngũ cán bộ. Các ngành, các cấp, các địa phương, đơn vị nhất là cơ sở cần phải rà soát lại đội ngũ cán bộ để lập kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng bằng nhiều hình thức : ngắn hạn, dài hạn, tại chức, tập trung, trong nước, ngoài nước. Tùy theo yêu cầu công việc mà chuẩn bị đủ kiến thức trước khi giao nhiệm vụ, quan tâm kiến thức chuyên môn, chính trị, quản lý, ngoại ngữ. Bằng mọi nguồn vốn từ ngân sách, lợi nhuận, tiết kiệm, đóng góp của mọi thành phần kinh tế, kể cả cá nhân và tập thể, nhanh chóng hình thành quỹ đào tạo bồi dưỡng cán bộ ở các cấp, các ngành để chủ động giải quyết kịp thời mọi yêu cầu bức xúc của công tác cán bộ. Có thể coi đây là việc làm cần thiết, trí tuệ, thời đại, để đưa Nghệ an tiến nhanh hơn vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.❑

Digitized by Google

BẮC SƠN TRÊN ĐƯỜNG ĐỔI MỚI

THÁI SƠN

I. NHỮNG BIẾN ĐỔI QUAN TRỌNG

Bắc sơn là một huyện vùng cao của tỉnh Lạng sơn, cách thị xã Lạng sơn 85 km, cách Hà nội 150 km. Toàn huyện có 19 xã và một thị trấn, trong đó 16 xã thuộc vùng núi đá vôi, 3 xã thuộc vùng núi đất, nửa núi đá vôi. Thị trấn Bắc sơn là trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội của huyện.

Dân số toàn huyện có 58 nghìn người với 4 dân tộc anh em sinh sống (Tày, Kinh, Nùng, Dao). Diện tích tự nhiên là 67 577 ha, trong đó đất lâm nghiệp chiếm 3/4.

Những năm gần đây, với những thành tựu đạt được trong sự nghiệp đổi mới, cùng với bước chuyển mình của toàn tỉnh và cả nước, bộ mặt của huyện đã có những biến đổi quan trọng.

1 – Về lĩnh vực kinh tế : Từ một huyện nghèo, tốc độ tăng trưởng thấp, nạn đốt phá rừng xảy ra thường xuyên, đời sống nhân dân không ổn định, có nhiều hộ thiếu ăn, đến nay tốc độ phát triển kinh tế hằng năm đạt 11%, nạn phá rừng đã giảm, độ che phủ năm 1995 đã nâng lên 35%. So với thời kỳ 1985 - 1990, sản lượng lương thực tăng nhanh, thời kỳ 1991-1995 tăng 43%. Sản xuất tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp địa phương tăng 4,5 lần. Thu nhập bình quân đầu người năm 1991 đạt 600 000 đ, đến năm 1995 đã tăng lên 1,6 triệu đồng (gấp 2,5 lần).

2 – Về văn hóa xã hội : có nhiều tiến bộ mới. Tính chung trên toàn huyện đã có trên 30% số hộ gia đình có máy thu hình, gần 90% số hộ có máy thu thanh cát-xét, nhiều hộ đã có xe máy, xe ô tô, máy xay xát, các loại máy chế biến lâm sản...

Công tác giáo dục, đào tạo từng bước được điều chỉnh, trường lớp sắp xếp phù hợp hơn. Số học sinh đi học hằng năm đều tăng, số bỏ học giảm. Toàn huyện có 20 trường tiểu học với trên 10 000 học sinh ; 14 trường trung học cơ sở với gần 3 000 học sinh và 1 trường phổ thông trung học với hơn 500 học sinh. Hằng năm có từ 800 đến 1000 người học bổ túc văn hóa. Tính đến năm 1996, toàn huyện đã có 14/20 xã, thị trấn đạt tiêu chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học.

Mạng lưới y tế cơ sở được củng cố và mở rộng. Việc phòng và chống bệnh sốt rét, bệnh bướu cổ, tiêm chủng mở rộng đạt kết quả khá và ngăn chặn kịp thời các dịch bệnh. Huyện đã có 1 bệnh viện trung tâm với quy mô 50 giường, có 3 phòng khám đa khoa khu vực mỗi phòng 10 giường. Toàn huyện có 12 bác sĩ, 30 y sĩ, các thôn bản đều có y tá cộng đồng. Phong trào "đền ơn đáp nghĩa" đối với những người có công với nước, được cấp ủy đảng và chính quyền các cấp quan tâm. Các hoạt động từ thiện ngày càng mở rộng. Nạn số đề được xóa bỏ. Tệ nạn nghiện hút, tiêm chích ma túy, cờ bạc đang được các cấp, các ngành đấu tranh kiên quyết để loại bỏ. Số người nghiện hút đến nay còn khoảng 40 người. Các hủ tục lạc hậu ma chay, cưới xin giảm hẳn.

3 – Hệ thống chính trị được kiện toàn một bước, bộ máy tổ chức của đảng, chính quyền, các đoàn thể từ huyện đến cơ sở từng bước được sắp xếp lại gọn nhẹ, phù hợp yêu cầu nhiệm vụ mới. Các cấp chính quyền xã, bản, và các ban ngành của huyện điều hành, quản lý có nhiều tiến bộ. Các đoàn thể

Digitized by Google

không còn cơ sở trắng, hình thức hoạt động phong phú sinh động, thu hút đông đảo quần chúng tham gia. An ninh chính trị được bảo đảm.

Phân tích bước trưởng thành của Bắc sơn qua những năm đổi mới, bước đầu chúng ta có thể rút ra một số nhận xét có ý nghĩa là :

- Khi bước vào kinh thị trường, một huyện miền núi có điểm xuất phát thấp như Bắc sơn phải biết xác định đúng hướng phát triển kinh tế phù hợp với đặc điểm của mình. Muốn vậy, trên cơ sở nắm vững và quán triệt đầy đủ đường lối đổi mới của Đảng, cán bộ đảng viên và nhân dân Bắc sơn phải từ bỏ nếp nghĩ và thói quen sản xuất tự cung tự cấp, tâm lý bao cấp đợi chờ, xây dựng tư duy mới trong xây dựng và phát triển kinh tế là sản xuất ra hàng hóa gắn với trao đổi trên thị trường. Trên nền tảng nhận thức như thế, đảng bộ Bắc sơn đã xác định rất rõ hướng cơ cấu phát triển kinh tế của địa phương là : nông - lâm - công nghiệp chế biến - thương mại, du lịch và dịch vụ. Từ cơ cấu này, ở mỗi mũi nhọn Bắc sơn lại xác định một hướng đi cụ thể. Ví dụ : Trong nông - lâm nghiệp chú trọng chuyển canh tác từ ruộng sang canh tác ruộng, đồi, rừng, xây dựng kinh tế đồi rừng theo mô hình trang trại. Phát triển nhiều hàng hóa nông sản, đặc sản theo thế mạnh như thuốc lá, quýt, hồi... Trong công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, chú trọng phát triển chế biến đồ gỗ, sản xuất vật liệu xây dựng, sửa chữa và lắp đặt thủy điện nhỏ tới tận gia đình ở những nơi khó khăn, điện lưới quốc gia không vào được. Giữ vững thương nghiệp quốc doanh của huyện, đồng thời khuyến khích tư thương mang hàng hóa về tận bản làng, vùng sâu, vùng xa trao đổi với bà con thôn bản ; mở các tụ điểm ở trung tâm thị tứ, thị trấn, tạo ra nơi tiêu thụ sản phẩm cho nông dân...

Trong quá trình thực hiện, Bắc sơn đã phát huy tốt truyền thống chủ động, sáng tạo của địa phương có bước đi phù hợp, không nôn nóng, không chờ đợi. Ví dụ : Để khắc phục tình trạng thiếu vốn, và đầu tư vốn không hợp lý, không hiệu quả, Bắc sơn đã huy động nguồn vốn trong dân, nguồn vốn hỗ trợ của nhà nước, nguồn vốn vay để tập trung đầu tư vào các dự án như : dự án định canh định cư, dự án phát triển đàn bò, dự án bảo vệ rừng di tích, dự án dãn dân, dự án dâu tằm tơ, dự án phát triển kinh tế - xã hội vùng Vũ lễ và Tân thành... Để mở rộng giao lưu hàng hóa và phát triển dân trí, Bắc sơn đã phát động nhân dân trong toàn huyện kết hợp với nhà nước thực hiện mở rộng đường giao thông, xây dựng hệ thống điện lưới quốc gia, kết hợp với các trạm thủy điện nhỏ gia đình (đến nay ở các thôn bản xa, sâu đã lắp đặt được 1500 máy thủy điện loại có công suất 380 W), hệ thống thông tin liên lạc, ngói hóa trường học, trạm y tế...

Để có hàng hóa có chất lượng và năng suất cao, Bắc sơn chú trọng khuyến khích áp dụng các tiến bộ khoa học vào sản xuất, như đưa giống lúa mới, bảo tồn phát triển cây đặc sản quý, lai tạo thêm các giống mới, khuyến khích nhân dân sử dụng các công cụ sản xuất mới, sử dụng các loại phân bón tăng sản và thuốc trừ sâu...

Để tạo ra động lực sản xuất, Bắc sơn khẩn trương tập trung giải quyết các vụ tranh chấp đất đai, thực hiện giao đất, giao rừng cho nhân dân quản lý. Từ đó huyện khuyến khích phát triển kinh tế hộ gia đình, hướng dẫn kinh tế hộ gia đình phát triển nhiều ngành nghề, nhiều lĩnh vực tạo ra việc làm, tạo ra nhiều hàng hóa cho xã hội. Nhờ những biện pháp trên mà bộ mặt kinh tế của huyện có nhiều biến đổi, từ nền kinh tế thuần nông, phiến diện, tốc độ phát triển chậm, chuyển

Digitized by Google

sang kinh tế sản xuất hàng hóa có tốc độ tăng trưởng khá, góp phần tăng thu ngân sách, giảm dần trợ cấp của tỉnh và trung ương. Đời sống nhân dân ổn định, hộ giầu tăng, hộ đói giảm. Những năm đổi mới vừa qua đã tạo cho huyện một thế đứng và đà phát triển mới.

- Càng tiến sâu vào đổi mới, càng lãnh đạo nhân dân phát triển kinh tế, xây dựng xã hội ấm no tươi đẹp, đảng bộ Bắc sơn càng trưởng thành. Bước vào cộng cuộc đổi mới, đội ngũ cán bộ đảng viên của Bắc sơn năng lực có nhiều hạn chế, tư duy chậm đổi mới, còn có biểu hiện trì trệ bảo thủ, tổ chức đảng ở nhiều nơi chưa mạnh, không đủ sức để lãnh đạo. Các đoàn thể lúng túng trong hoạt động. Một số nơi chính quyền thiếu chủ động, ỷ lại vào tổ chức đảng, trong khi đó một số nơi tổ chức đảng lại buông lỏng lãnh đạo. Quán triệt quan điểm của các Đại hội VI, VII và VIII của Đảng, đảng bộ Bắc sơn đã chủ động tiến hành tự đổi mới, tự chỉnh đốn một cách toàn diện, tăng cường vai trò lãnh đạo của từng tổ chức cơ sở đảng. Sau nhiều năm, nhất là từ khi thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 về "đổi mới và chỉnh đốn Đảng", chất lượng đảng viên toàn huyện được nâng lên rõ rệt. Có 70,38% số đảng viên của đảng bộ đủ tư cách, đảng viên không đủ tư cách ngày càng ít. Hầu hết các thôn bản đã có đảng viên và cơ sở đảng. 14/45 cơ sở đảng trực thuộc huyện đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh, 22/45 cơ sở đảng đạt tiêu chuẩn khá, số cơ sở yếu kém chiếm tỷ lệ 13%.

Dấu ấn rõ rệt nhất của "đổi mới, chỉnh đốn Đảng" ở Bắc sơn là sự thay đổi mạnh mẽ trong nhận thức của toàn đảng bộ về sự lãnh đạo của Đảng đối với phát triển kinh tế ở địa phương, từ đó mở ra một không khí phấn khởi tin tưởng cho toàn dân. Dân với Đảng càng thêm gắn bó. Nội bộ Đảng đoàn kết, kỷ luật được đề cao, dân chủ được phát huy. Sinh hoạt Đảng có nền nếp và có nội dung phong phú, đảng viên có nhiệm vụ cụ thể để kiểm điểm, để làm thước đo sự tiến bộ của mình.

Vai trò lãnh đạo của Đảng ở cơ sở được đề cao, tạo thêm sức mạnh và hiệu lực quản lý cho các cấp chính quyền từ thôn bản trở lên. Mối quan hệ chính quyền và đảng chặt chẽ và được phân công rành mạch. Bộ máy chính quyền từ huyện đến xã và thôn bản được sắp xếp lại khá gọn nhẹ.

Đội ngũ cán bộ từ cơ sở đến huyện về quan điểm lập trường chính trị được nâng lên một bước, tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, tin tưởng vào con đường đi tới của dân tộc ; sống giản dị, gương mẫu và tận tụy với nhiệm vụ được giao. Lề lối làm việc bước đầu đã được cải tiến, có kế hoạch và nêu cao được vai trò, trách nhiệm của cá nhân.

II. CON ĐƯỜNG ĐI TỚI

Giai đoạn từ nay đến năm 2000 là bước rất quan trọng của thời kỳ phát triển mới đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Bước vào thực hiện mục tiêu kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh và xây dựng hệ thống chính trị của thời kỳ 1996 - 2000, đảng bộ huyện Bắc sơn đã đề ra nhiệm vụ, mục tiêu tổng quát sau : *Tập trung khai thác tiềm năng, thế mạnh của một huyện miền núi, tiếp tục xây dựng, hoàn chỉnh cơ cấu kinh tế "nông – lâm – công nghiệp chế biến – thương mại, du lịch và dịch vụ", quyết tâm đẩy lùi nguy cơ, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế đi đôi với giải quyết các vấn đề xã hội, vượt qua tình trạng huyện nghèo, nâng cao tích lũy từ nội bộ nền kinh tế. Phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch*

Digitized by Google

5 năm 1996 – 2000. Chủ động và kiên trì thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tạo tiền đề cho những năm tiếp theo, thực hiện mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh".

Quán triệt mục tiêu chung đó, Bắc sơn phấn đấu đến năm 2000 đạt được một số nhiệm vụ và chỉ tiêu sau đây :

Một là, tập trung chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa lớn, đẩy nhanh tốc độ phát triển kinh tế một cách vững chắc. Nhịp độ tăng trưởng GDP bình quân hằng năm từ 12% trở lên, bình quân đầu người đạt 250 - 260 USD. Tỷ trọng giá trị các ngành là : nông - lâm nghiệp 70% ; công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp - xây dựng cơ bản 20% ; ngành dịch vụ 10%.

Hai là, tích cực giải quyết các vấn đề xã hội trên cơ sở kinh tế phát triển. Tiếp tục đẩy mạnh chống tham nhũng, chống mọi biểu hiện tiêu cực và các tệ nạn xã hội. Tăng cường kỷ cương phép nước, thực hành tiết kiệm chống lãng phí, tham ô, quan liêu, xa rời quần chúng.

Ba là, thực hiện xóa đói giảm nghèo, cải thiện đời sống nhân dân, đặc biệt quan tâm đến các xã vùng cao, vùng sâu. Phấn đấu đến năm 2000 có 25% số xã đạt phổ cập trung học cơ sở. Mở rộng và phát triển điện lưới, phấn đấu đến năm 2000, 90% số xã có điện lưới quốc gia, 90% số xã có đường ô tô về đến tận trung tâm xã ; 100% số xã, thị trấn có trạm y tế, giảm tỷ lệ tăng dân số mỗi năm 0,08% ; phấn đấu 70% dân số được dùng nước sạch, 80% số hộ có máy thu hình... Thực hiện tốt chính sách xã hội đối với gia đình liệt sĩ thương binh, gia đình và người có công với cách mạng, người già và trẻ em.

Bốn là, thúc đẩy và hình thành các hình thức hợp tác đa dạng trên cơ sở tự nguyện. Củng cố, tạo điều kiện để kinh tế quốc doanh phát triển, nắm vai trò chủ đạo. Thực hiện chính sách kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, cải tạo giống cây trồng, vật nuôi để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả trong trồng trọt và chăn nuôi. Tiếp tục đẩy mạnh phong trào lập vườn hộ gia đình, thực hiện phủ xanh đất trống, đồi núi trọc, cải tạo môi trường, môi sinh, đưa chăn nuôi và làm vườn rừng trở thành ngành sản xuất chính.

Năm là, cùng với cả nước tiếp tục đổi mới và chỉnh đốn Đảng, cải cách nền hành chính nhà nước. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của nhà nước, hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng. Thực hiện tốt đường lối quốc phòng toàn dân, phát động toàn dân tham gia phong trào tự quản, giữ gìn an ninh thôn bản, xây dựng nông thôn mới, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Phấn đấu bằng mọi biện pháp để tất cả những công dân đến tuổi lao động có việc làm.

Bắc sơn là một huyện có truyền thống cách mạng, một huyện miền núi nghèo, khí hậu có phần khắc nghiệt. Mặc dù có nhiều tiềm năng để phát triển, Bắc sơn còn thiếu các điều kiện cần thiết như : điện, đường giao thông, thông tin liên lạc, nước để sản xuất và sinh hoạt ; dân trí còn thấp, thiếu vốn... Bắc sơn rất cần sự hỗ trợ, đầu tư của trung ương và của tỉnh Lạng sơn. Bắc sơn mong mỏi và khuyến khích các đơn vị, cá nhân trong và ngoài nước đến hợp tác, đầu tư để xây dựng kết cấu hạ tầng, phục vụ cho việc phát triển kinh tế - xã hội của huyện. Bắc sơn mong muốn Đảng và Nhà nước sớm cho Bắc sơn được xây dựng và thực hiện dự án kinh tế - xã hội vùng căn cứ cách mạng với quy mô toàn huyện.❑

Digitized by Google

"CƠ CHẾ THIỆN CHÍ"

VŨ PHÒNG

CẤT nghĩa nguyên nhân mối quan hệ phối hợp công tác giữa bí thư cấp ủy và thủ trưởng ở một số cơ sở tốt lên, có nhiều người cho là do đôi bên biết vận dụng tốt "cơ chế thiện chí" hoặc "cơ chế thân thiện". Gần đây ở hội nghị tổng kết 4 năm đổi mới và chỉnh đốn đảng của một đảng ủy trực thuộc tỉnh, tôi lại được nghe một số đại biểu nhắc đến cái "cơ chế" ấy. Giờ giải lao tôi hỏi một đại biểu : Liệu "cơ chế" mà anh vừa nói đến có bảo đảm chắc chắn cho mối quan hệ giữa bí thư cấp ủy và thủ trưởng bền chặt mãi không ? Đại biểu đó mỉm cười : bền vững làm sao được !

Ở một số cơ sở hiện nay quan hệ công tác giữa bí thư cấp ủy và thủ trưởng đã được cải thiện nhiều, nhưng quan hệ đó vẫn còn dựa trên "thiện chí", chứ chưa phải dựa trên một quy chế có tính nguyên tắc.

Thiện chí có thể hiểu nôm na là ý tốt của mỗi bên, đôi bên đều biết điều, cùng hướng tới điều tốt, việc tốt, cùng tạo thuận lợi cho nhau. Thiện chí nặng về mặt tình cảm, cảm tính, nó dễ bị phá vỡ, kém tính bền vững và chặt chẽ. Trong quan hệ bạn bè, trong giao tiếp, ứng xử xã hội ... rất cần thiện chí. Nhưng nếu chỉ trông chờ lòng tốt của nhau, kêu gọi thiện chí của các bên thôi, nhiều khi mối quan hệ không được giải quyết tốt, thậm chí rắc rối, khó khăn thêm. Bởi vậy, xã hội đã phải đặt ra các quy tắc xử sự, tức là cần phải có quy định, pháp luật. Trong quan hệ công tác, đôi bên hoặc nhiều bên có thiện chí với nhau ít nhiều cũng tạo ra những cơ hội tốt cho công việc có hiệu quả. Nhưng những trường hợp như vậy thường rất hiếm hoi và cũng không bền vững.

Mối quan hệ phối hợp công tác giữa bí thư cấp ủy và thủ trưởng là mối quan hệ về nhiều mặt, phải được xây dựng trên những nguyên tắc cơ bản, thống nhất và ổn định. Nếu mối quan hệ ấy chỉ được bảo đảm bằng "cơ chế thiện chí" thì trong những trường hợp nhất định, nó có thể giải quyết được một số việc nào đó, nhưng rồi có lúc sẽ diễn ra theo kiểu bằng mặt không bằng lòng, hoặc nghe nhau một chiều, hoặc bao biện làm thay,... từ đó, xuất hiện sự trục trặc, gây mất đoàn kết, hỏng việc, hỏng người, làm suy yếu sức mạnh của tổ chức, đơn vị.

Mối quan hệ giữa bí thư cấp ủy và thủ trưởng trước hết là mối quan hệ giữa tổ chức và tổ chức, nó được biểu hiện thông qua quan hệ giữa hai người đứng đầu, giữa đồng chí, đồng nghiệp với nhau. Nó coi trọng thiện chí và cần có thiện chí của hai bên, nhưng điều có ý nghĩa quyết định, điều phải được bảo đảm lại là quy chế, một quy chế xuất phát từ chức năng và nhiệm vụ của hai tổ chức và của những người đại diện cho hai tổ chức đó. Bởi vậy, trong quá trình đổi mới và chỉnh đốn đảng, để tăng cường vị trí và vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng ở mỗi cơ sở, cần phải có quy chế phối hợp công tác giữa cấp ủy và chuyên môn, trong đó có quy chế phối hợp giữa bí thư cấp ủy và thủ trưởng. Chỉ khi định ra được quy chế phối hợp và thực hiện tốt quy chế đó thì mối quan hệ giữa bí thư cấp ủy với thủ trưởng mới trở nên thuận lợi, bền chặt, vững vàng.❑

Digitized by Google

LIÊN KẾT Á - ÂU VÌ PHÁT TRIỂN VÀ PHỒN VINH

LÊ BÁ THUYÊN *

Hội nghị cấp cao ASEM I với sự tham dự của các nguyên thủ quốc gia 10 nước châu Á (trong đó có Việt nam) và 15 nước châu Âu tiến hành ở Băng cốc (Thái lan) tháng 3-1996, đến nay vừa tròn một năm. Trong năm qua, các chủ trương của hội nghị này được cụ thể hóa từng bước. Hội nghị cấp cao ASEM I đánh dấu một kỷ nguyên mới trong liên kết giữa hai lục địa Á, Âu mà ASEM I và EU là lực lượng nòng cốt, mở đường cho sự hợp tác, phát triển và phồn vinh giữa hai lục địa giàu tiềm năng và có những nền văn minh lâu đời rực rỡ nhất trên hành tinh chúng ta.

XU THẾ TẤT YẾU CỦA LIÊN KẾT Á - ÂU

Nhu cầu liên kết giữa châu Âu và châu Á bắt nguồn từ những nhân tố quan trọng diễn ra trên thế giới và trong hai khu vực, đặt hai châu lục này trước những yêu cầu mới cùng những cơ hội và thách thức mới to lớn. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại diễn ra như vũ bão thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển mạnh mẽ với trình độ quốc tế hóa ngày càng cao, sự phân công lao động quốc tế ngày càng sâu sắc, tính tùy thuộc lẫn nhau giữa các nước và các khu vực tăng lên rõ rệt. Xu thế toàn cầu hóa và khu vực hóa tạo cơ hội cho các quốc gia, các khu vực thực hiện liên kết kinh tế, phát huy lợi thế so sánh và bổ sung cho nhau, tạo sức mạnh tổng hợp to lớn hơn nhằm thúc đẩy hợp tác phát triển phù hợp với lợi ích của mỗi bên, trong một thế giới vừa hợp tác vừa cạnh tranh với nhau quyết liệt. Điều đó cũng đúng với châu Âu và châu Á. Châu Âu có trình độ khoa học kỹ thuật tiên tiến, có nền công nghiệp hiện đại, sản xuất tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng có chất lượng cao, có vốn đầu tư dồi dào, là những điều mà châu Á cần. Trong lúc châu Á với hơn 3 800 triệu dân là khu vực có lực lượng nhân công dồi dào và giá rẻ hơn châu Âu, có tài nguyên thiên nhiên phong phú, có tốc độ tăng trưởng cao, khu vực đang đứng đầu cuộc chạy đua toàn cầu tiến vào thế kỷ XXI. Đây là thị trường đầu tư và buôn bán quan trọng có khả năng tạo ra những khoản lợi nhuận đầy hấp dẫn đối với châu Âu. Nhật bản, Trung quốc, các "con rồng" châu Á cùng các nước khác ở khu vực rộng lớn nhất thế giới này, sản xuất nhiều sản phẩm phong phú mà thị trường châu Âu cần. Thủ tướng Xin-ga-po, Gô Chốc Tông, trong bài phát biểu tại Học viện quốc tế Pháp ở Pa-ri tháng 10-1994 đặt vấn đề cần tổ chức liên kết Á - Âu, đã nêu rõ : châu Á và châu Âu, người này cần người kia. Châu Âu có thể giúp châu Á phát triển. Đổi lại, sự tăng trưởng của châu Á sẽ thổi hơi thở mới cho các nền kinh tế châu Âu (1).

Tuy nhiên mối liên kết giữa châu Âu và châu Á trong nhiều năm qua còn lỏng lẻo và thấp hơn nhiều so với tiềm năng của cả hai bên. Điều đó không có lợi cho hai châu lục này và cho sự phát triển cân bằng của nền kinh tế thế giới. Trong cuộc chạy đua thực hiện liên kết kinh tế trên quy mô toàn cầu, tình trạng nói trên khiến cho ba cạnh tam giác chiến lược kinh tế thế giới là Bắc Mỹ, châu Âu và châu Á phát triển không cân đối. Những mối liên kết thể chế Đại tây dương giữa Hoa kỳ và châu Âu (thông qua TAFTA - khu vực mậu dịch tự do xuyên Đại tây dương) và mối liên kết thể chế ở Thái bình dương giữa Bắc Mỹ và Đông Á (thông qua APEC - diễn đàn kinh tế châu Á - Thái bình dương) đã được thiết lập và đang phát triển. Chỉ còn thiếu mối liên hệ về thể chế

---

* Phó tiến sĩ

(1) Gô Chốc Tông : Châu Á và châu Âu : một liên minh mới cho thế kỷ XXI, *Tạp chí chính sách đối ngoại* (Pháp), tháng 4/1994

Digitized by Google

giữa châu Âu và châu Á. Sự chậm trễ đó không có lợi cho sự phát triển hài hòa cân đối của nền kinh tế thế giới, cũng như gây thiệt thòi cho hai lục địa thuộc cạnh thứ ba của tam giác này là châu Âu và châu Á. Rõ ràng việc tổ chức liên kết giữa châu Á và châu Âu là một sự cần thiết khách quan vì lợi ích phát triển và phồn vinh của hai lục địa này cũng như vì yêu cầu tạo ra thế cân bằng cần thiết giữa ba trung tâm phát triển kinh tế của thế giới. Để bắt kịp xu thế toàn cầu hóa, châu Á và châu Âu cần tổ chức thực hiện việc liên kết giữa hai khu vực chặt chẽ hơn, mở cửa cho nhau rộng rãi hơn về thương mại, đầu tư, trao đổi công nghệ, chất xám... và nhiều lĩnh vực quan trọng khác.

Liên kết liên lục địa Á - Âu có một nhân tố thuận lợi quan trọng. Nó là kết quả lô gích của quá trình hợp tác trong hơn hai thập kỷ qua giữa hai tổ chức khu vực là ASEAN và EU, nay được mở rộng ra cả hai châu lục dưới tác động mạnh mẽ của xu thế toàn cầu hóa. Ngay từ khi mới ra đời, ASEAN đã tìm kiếm mối quan hệ chặt chẽ với EC (nay là EU). Sự thừa nhận của EC lúc đó đã mở đường cho những sự thừa nhận tiếp theo của Hoa kỳ và các đồng minh phương Tây khác đối với tổ chức ASEAN còn non trẻ. Ngay từ khi đó, như Chủ tịch Hội đồng châu Âu H.D.Ghen-sơ nhận xét, giữa EC và ASEAN có rất nhiều nhận thức và quyền lợi chung. Cả hai xem hội nhập khu vực là một công cụ có hiệu quả để bảo đảm độc lập, hòa bình và tiến bộ (2).

Vào giữa thập kỷ 90, các điều kiện đã chín muồi để tổ chức liên kết giữa hai lục địa Á - Âu. Một nhà lãnh đạo của một nước ASEAN nói : đã đến lúc cho châu Âu và Đông Á tiến hành thương lượng cấp cao nhất nhằm thắt chặt lại mối liên hệ Á - Âu, mối liên hệ sẽ cho phép các cơ cấu và quan hệ toàn cầu của thế kỷ 21 trở nên vững chắc và kết dính hơn. Ý tưởng đó đã nhận được sự hưởng ứng của nhiều nước châu Âu, đưa đến cuộc họp cấp cao ASEM I ở Băng cốc mùa xuân năm 1996, mở ra bước ngoặt lịch sử trong mối quan hệ giữa hai đại lục Á - Âu.

NHỮNG NGUYÊN TẮC VÀ NỘI DUNG LIÊN KẾT

Mục tiêu chung của mối liên kết Á - Âu, như Hội nghị cấp cao ASEM I nêu rõ là tạo dựng mối quan hệ đối tác mới toàn diện Á - Âu vì sự phát triển lớn hơn, nhằm tăng cường các mối liên hệ giữa châu Á và châu Âu, xúc tiến hòa bình, phát triển bền vững và sự phồn vinh của cả hai khu vực, từ đó góp phần vào sự ổn định và thịnh vượng toàn cầu.

Mối liên kết Á - Âu được thiết lập dựa trên các nguyên tắc và phương châm : - tiến hành cuộc đối thoại trên cơ sở tôn trọng lẫn nhau, bình đẳng, xúc tiến các quyền cơ bản phù hợp với các nguyên tắc của luật pháp và nghĩa vụ quốc tế, không can thiệp trực tiếp hoặc gián tiếp vào công việc nội bộ của nhau.

- Trong đối thoại giữa hai khu vực, chú trọng và mở rộng những điểm tương đồng, tăng cường hiểu biết và quan hệ hữu nghị, thúc đẩy và đưa hợp tác vào chiều sâu, tạo ra những điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế và xã hội.

- Cả châu Âu và châu Á cùng chia sẻ trách nhiệm trong việc xây dựng sự hiểu biết hơn nữa giữa nhân dân của hai khu vực. Việc tăng cường đối thoại trên cơ sở bình đẳng giữa châu Á và châu Âu với tinh thần hợp tác và thông qua việc chia sẻ nhận thức về hàng loạt các vấn đề sẽ giúp tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau và có lợi cho cả hai khu vực.

Nội dung liên kết Á - Âu bao gồm các lĩnh vực thúc đẩy đối thoại chính trị, tăng cường hợp tác kinh tế và thúc đẩy hợp tác trong các lĩnh vực khác. Về đối thoại chính trị, các nước Á - Âu nhất trí tăng cường các cuộc đối thoại sẵn có giữa châu Á và châu Âu về các vấn đề an ninh chung và nhất là về xây dựng lòng tin, thông qua diễn đàn ARF (diễn đàn khu vực ASEAN) và một số diễn đàn khác. Về hợp tác kinh tế, ASEM thừa nhận tiềm năng hợp tác to lớn giữa châu Á và châu Âu do sự năng động về kinh tế và sự đa dạng của hai khu vực. Cả hai vùng đều có cơ hội mở rộng thị trường cho nhau về hàng hóa, đầu tư, thiết bị cơ bản, xây dựng cơ sở hạ tầng, tăng thêm chu chuyển vốn, kỹ thuật và công nghệ... trên cơ sở hai bên cùng có lợi. Để thúc đẩy mối quan hệ kinh tế đang tăng lên, hai bên khuyến

(2) Benjamin Domingo - *ASEAN - EUROPEAN communiting Relations*, Bonn , 1979

Digitized by Google

khích buôn bán hai chiều, nâng cao mức đầu tư hiện còn thấp của châu Âu và châu Á. Sự hợp tác Á - Âu về kinh tế được tiến hành dựa trên sự cam kết chung đối với kinh tế thị trường, hệ thống buôn bán mở đa phương, tự do hóa không phân biệt đối xử, theo chủ nghĩa khu vực mở, phù hợp với tổ chức thương mại thế giới (WTO).

Hai bên Á - Âu cũng nhất trí thúc đẩy hợp tác trong các lĩnh vực khác như tăng cường chuyển giao khoa học và kỹ thuật ; hợp tác trong lĩnh vực phát triển nguồn nhân lực ; giải quyết vấn đề môi trường ; tăng cường hợp tác về giáo dục, dạy nghề và đào tạo quản lý ; tăng cường quan hệ văn hóa giữa châu Á và châu Âu ; về xã hội giành ưu tiên cho việc xóa đói giảm nghèo, tăng cường vai trò phụ nữ ; hợp tác trong lĩnh vực y tế ; chống nạn buôn lậu ma túy, nạn khủng bố và các tội ác quốc tế...

TIẾN TỚI ASEM II

Từ sau ASEM I, trong một năm qua, tiến trình hợp tác Á - Âu đã được thúc đẩy khẩn trương, phát triển mạnh mẽ trên cả ba lĩnh vực đã thỏa thuận là hợp tác kinh tế, đối thoại chính trị và hợp tác trên các lĩnh vực khác.

Cuộc họp không chính thức của các quan chức cao cấp của ASEM (SOM) tiến hành trong tháng 6-1996 đã bàn phương thức thúc đẩy hợp tác kinh tế giữa hai khu vực, nhất là việc tự do hóa và tạo điều kiện thuận lợi cho buôn bán và đầu tư, chú trọng các vấn đề của tổ chức thương mại thế giới (WTO), đặt ra nhóm làm việc của khu vực tư nhân và chính phủ để hợp bàn việc xây dựng kế hoạch hành động xúc tiến đầu tư Á - Âu nhằm tăng cường các luồng chu chuyển vốn đầu tư giữa hai lục địa. Diễn đàn doanh nghiệp Á - Âu do ASEM thành lập đã họp ở Pa-ri, xem xét các thể thức thúc đẩy hợp tác giữa các khu vực tư nhân và kinh doanh của hai vùng Âu - Á. Quỹ Á - Âu nhằm thúc đẩy giao lưu giữa các viện nghiên cứu các nhóm văn hóa và nhân dân ở hai khu vực đã được thành lập. Các kế hoạch hợp tác phát triển lưu vực sông Mê kông, kế hoạch nghiên cứu dự án thống nhất mạng lưới đường xe lửa này với mạng lưới đường xe lửa liên châu Âu do Ma-lai-xi-a làm điều phối viên đang được xúc tiến...

Giữa tháng 2-1997 vừa qua, tại Xin-ga-po đã diễn ra cuộc đối thoại thường kỳ lần thứ 12 ở cấp bộ trưởng ngoại giao giữa ASEAN và EU. Hai bên nhận xét rằng tiềm năng tăng cường hợp tác giữa hai tổ chức còn lớn và thỏa thuận thúc đẩy, đa dạng hóa hơn nữa quan hệ giữa ASEAN và EU, làm cho mối quan hệ giữa hai bên năng động hơn, đặc biệt về kinh tế. Hiện nay buôn bán hai chiều giữa ASEAN và EU lên tới gần 100 tỉ USD, gấp đôi so với năm 1989. Trong cuộc họp này, các Bộ trưởng ASEAN và EU đã ký nghị định thư mở rộng Hiệp định hợp tác ASEAN/EU để tạo điều kiện cho Việt nam tham gia một cách đầy đủ vào các chương trình hợp tác giữa ASEAN và EU. Tiếp ngay sau đó cuộc họp cấp bộ trưởng ngoại giao Á - Âu (ASEM) trong hai ngày 14 và 15-2-1997 đã kiểm điểm tiến trình hợp tác Á - Âu từ cấp cao ASEM I và chuẩn bị cho cấp cao ASEM II sẽ họp ở Luân đôn tháng 4-1998. Các bộ trưởng hài lòng ghi nhận những tiến bộ đáng kể của tiến trình hợp tác Á - Âu trong một năm qua kể từ sau ASEM I. Hội nghị đã đạt được thỏa thuận trong việc ấn định các tiêu chuẩn cho các thành viên mới muốn tham gia vào nhóm đối thoại này. Hiện nay có nhiều nước châu Á và châu Âu tỏ ý muốn được tham gia vào ASEM. Cuộc họp ủng hộ đề nghị của Hàn quốc về việc thành lập nhóm "tầm nhìn Á - Âu" tại cấp cao ASEM II để soạn thảo các biện pháp đảm bảo tăng cường hợp tác Á - Âu bền vững.

Việc thiết lập và thúc đẩy liên kết Á - Âu đi vào một quá trình hợp tác bền vững đòi hỏi nỗ lực to lớn của tất cả các nước thành viên phấn đấu vì phát triển và phồn vinh cho cả hai lục địa và cho từng quốc gia. Như bộ trưởng ngoại giao Nguyễn Mạnh Cầm đã phát biểu ở hội nghị ASEM ở Xin-ga-po vừa qua, Việt nam với tư cách là một nước châu Á, thành viên của ASEAN và có quan hệ tốt đẹp với các nước châu Âu, sẽ tiếp tục hợp tác chặt chẽ với các nước thành viên khác trong việc tham gia tích cực vào việc triển khai những hoạt động tiếp theo của ASEM, cũng như vào việc tổ chức thành công ASEM II, nhằm thực hiện mục tiêu đã đề ra là xây dựng một quan hệ đối tác lớn hơn giữa hai lục địa quan trọng này.❑

Digitized by Google

LUẬT CẤM VẬN, LƯỠI GƯƠM ĐÊ-MÔ-CLÉT

NGUYỄN VIẾT THẢO *

Khi chiến tranh thế giới thứ hai kết thúc năm 1945, đa số các cường quốc tham chiến đều bị thiệt hại nặng nề về mọi mặt, chỉ riêng Mỹ được lợi và chiếm lĩnh đỉnh cao về sức mạnh và ưu thế trong chủ nghĩa tư bản thế giới. Ngày ấy, tuy chỉ chiếm 7% dân số thế giới, nhưng Mỹ sản xuất hơn 1/3 khối lượng hàng hóa, chiếm 1/3 khối lượng hàng xuất khẩu, có 20 tỉ đôla vàng dự trữ, gần bằng 2/3 tổng số vàng dự trữ của toàn thế giới và độc quyền về vũ khí nguyên tử... Đây là cơ hội lịch sử đầu tiên cho tham vọng bá quyền thế giới vốn đã nảy sinh trong phương thức sản xuất và chế độ chính trị đế quốc chủ nghĩa của Mỹ ngay từ cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX. Trên thực tế, trong hơn 4 thập kỷ chiến tranh lạnh, đế quốc Mỹ vạch ra hàng loạt chiến lược toàn cầu nhằm thực hiện mục tiêu xuyên suốt là thống trị và bá chủ toàn thế giới.

Cơ hội lịch sử thứ hai cho tham vọng bá quyền thế giới của Mỹ xuất hiện vào cuối thập kỷ 80, đầu thập kỷ 90 khi chủ nghĩa xã hội hiện thực sụp đổ ở Đông Âu và Liên xô (cũ). Mỹ còn lại như siêu cường chính trị, quân sự và kinh tế duy nhất, tự cho mình đặc quyền "lãnh đạo thế giới". Trong hơn nửa thập kỷ qua, các chính quyền Mỹ kế tiếp nhau xây dựng và hoàn chỉnh chiến lược toàn cầu mới nhằm tái cấu trúc toàn bộ hệ thống các quan hệ quốc tế vào trật tự mới do Mỹ kiểm soát. Tương ứng với ý đồ chiến lược đầy tính ngạo mạn đặc trưng của kẻ đắc thắng, những hành động của Mỹ trên trường quốc tế mấy năm qua mang đậm phong cách cường quyền, sô vanh nước lớn, tự đặt mình lên trên tất cả. Khá nhiều thủ đoạn đã và đang được chính quyền Mỹ sử dụng nhằm tỏ rõ vai trò "kẻ cả" : cấm vận thương mại, trừng phạt kinh tế, ban phát tối huệ quốc, hủy bỏ viện trợ, công bố tối hậu thư, truy tìm lãnh tụ của một quốc gia có chủ quyền, thanh sát công sở của một nước độc lập, áp đặt luật pháp Mỹ vào đời sống quốc tế, áp đặt giá trị Mỹ vào các xã hội khác, chà đạp dư luận thế giới, can thiệp vào công việc nội bộ của nước khác, đe dọa sử dụng và sử dụng vũ lực trong quan hệ quốc tế, v.v... Chiến tranh lạnh qua đi và cục diện thế giới đã hoàn toàn khác trước, nhưng nền ngoại giao Mỹ vẫn tiếp tục là một nền ngoại giao dựa trên sức mạnh. "Sự thật thứ ba trong kỷ nguyên mới này là : sức mạnh vẫn còn rất quan trọng. Sức mạnh của chúng ta sẽ tạo ra sự khác nhau đáng kể, giống như đã xảy ra trong hai cuộc chiến tranh thế giới và cuộc chiến tranh lạnh. Cốt lõi của quyền lực Mỹ là sự đe dọa hoặc việc sử dụng sức mạnh quân sự" (1). Phương châm này thường xuyên được giới chức Mỹ khẳng định trong các dịp hoạch định chính sách đối ngoại và an ninh quốc gia.

Bước vào thời kỳ mới của quan hệ quốc tế sau kỷ nguyên đối đầu Đông-Tây, trái với niềm tin của một số người, chính quyền Mỹ không hề tỏ ra coi nhẹ mục tiêu giai cấp. Trái lại, cả một chiến lược "diễn biến hòa bình" đã được thực thi nhằm giành "chiến thắng không cần chiến tranh" đối với chủ nghĩa cộng sản trên toàn thế giới trước khi thế kỷ XX kết thúc ! Trung quốc, Việt nam, Cộng hòa DCND Triều tiên và Cu ba là những trọng điểm chống phá, tiêu diệt.

Năm 1995, chính quyền Mỹ công khai chia thế giới làm 4 loại quốc gia : đồng minh, bạn bè, kẻ thù trước đây (Trung quốc, Nga, Việt nam...) và các nước gây rối. "Các nước gây rối" bao gồm 7 quốc gia, trong đó có Cu ba, Cộng hòa DCND Triều tiên, I-ran, I-rắc, Ly bi... được coi là "mối đe dọa quân sự hiện thực" sau chiến tranh lạnh, là đối tượng giao chiến giả định trong chiến lược quân sự mới đánh thắng đồng thời hai cuộc chiến tranh. Với tư cách siêu cường, Mỹ tự xác định trách nhiệm đặc

* Khoa Quan hệ quốc tế Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

(1) Anthony Lake : "Sức mạnh Mỹ và chính sách ngoại giao Mỹ". *Tạp chí châu Mỹ ngày nay*, số 1-1996, tr 32

Digitized by Google

biệt trong việc bắt "các nước gây rối" từ bỏ thái độ cứng rắn để hòa nhập vào "thế giới tự do" do Mỹ lãnh đạo.

Sau nhiều sai lầm trong quan hệ với khu vực Mỹ la tinh, chính quyền Mỹ ngày nay vạch ra nhiều sáng kiến, kế hoạch mới nhằm cải thiện và tăng cường ảnh hưởng ở nơi mà ngay từ đầu thế kỷ XIX, các tập đoàn tư bản Mỹ đã nuôi dưỡng tham vọng biến thành "cái sân sau" của riêng mình. Trong bối cảnh Tây Âu và Nhật bản tăng cường sức cạnh tranh với Mỹ thông qua quá trình liên kết khu vực, Bắc Mỹ không thể không xác định Mỹ la tinh là khu vực mang lợi ích chiến lược sống còn. Các biện pháp chiến lược mà Mỹ áp dụng ở đây là : mở rộng tự do hóa tư sản, áp đặt kinh tế thị trường, thúc đẩy mô hình chủ nghĩa tự do mới, tự do hóa thương mại, tuyên truyền các giá trị văn hóa tinh thần Mỹ, ủng hộ quá trình dân chủ hóa theo hướng đa nguyên, đa đảng, chống phá phong trào cách mạng và sẵn sàng sử dụng vũ lực như yếu tố răn đe... Nhìn toàn cảnh bức tranh chính trị Mỹ la tinh, Cu ba xã hội chủ nghĩa nổi lên như tiêu điểm trong chiến lược toàn cầu của Mỹ tại khu vực.

Như vậy là, xét trên mọi phương diện : đấu tranh giai cấp, phân chia lực lượng và địa - chính trị, Cu ba đều nằm trong số những mục tiêu chống phá hàng đầu của đế quốc Mỹ.

Ngay từ đầu thập kỷ 60, khi cách mạng Cu ba tuyên bố đi theo con đường xã hội chủ nghĩa, chính quyền Mỹ đã áp dụng chính sách bao vây, cô lập về ngoại giao và cấm vận về kinh tế - thương mại chống *Hòn đảo tự do*. Mục đích chiến lược thật quá rõ ràng : ngăn chặn và, nếu có thể, tiêu diệt sự hiện diện của chủ nghĩa xã hội ở Tây bán cầu. Trong suốt hơn 30 năm, hành động thù địch này của Mỹ đã gây thiệt hại xấp xỉ 50 tỉ đô la cho Cu ba. Từ đầu những năm 90 đến nay, lợi dụng tình thế khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội, chính quyền Mỹ ráo riết tăng cường bao vây, cấm vận hòng đè bẹp Cu ba trong gọng kìm của khó khăn, thử thách.

Đầu năm 1993, chính quyền Mỹ ban hành đạo luật Tô-ri-xen-ly xiết chặt cấm vận chống phá kinh tế Cu ba đang ở tình trạng khủng hoảng "chạm đáy". Hậu quả gây ra thật nặng nề : Năm 1993, khả năng nhập khẩu của Cu ba giảm tới điểm tận cùng 1,7 tỉ đô la so với 8,2 tỉ đô la năm 1989 ; sản lượng đường chỉ đạt 4,2 triệu tấn, so với xấp xỉ 10 triệu tấn/năm trước kia. Những thế lực hiếu chiến Mỹ nuôi tham vọng làm thất bại cách mạng Cu ba đúng vào dịp kỷ niệm 40 năm cuộc tấn công pháo đài Môn-ca-đa (26-7-1953). Nhưng chính từ ngút ngàn sóng cồn, gió cả, năm 1993 vụt sáng lên như năm mở đầu quá trình cải cách sâu rộng ở đất nước của vị anh hùng giải phóng dân tộc Hô-xê Mác-ti.

Công cuộc cải cách ngày càng có nhiều bước đi mạnh dạn, sáng tạo và hiệu quả. Đạo luật Tô-ri-xen-ly gây thêm nhiều khó khăn cho kinh tế Cu ba, nhưng bất chấp lệnh cấm vận của Mỹ, thế giới vẫn đến với Cu ba, để ủng hộ và hợp tác. Năm 1994, tình trạng suy thoái đã chấm dứt, nền kinh tế đạt mức tăng trưởng khiêm tốn 0,7% để năm 1995 nâng lên 2,5%. Sự thay đổi này ở Cu ba đáng lẽ phải làm chính quyền Mỹ xem xét lại chính sách cấm vận đã lỗi thời, nhưng ngược lại tháng 10 năm 1995, Thượng nghị sĩ J.Hem-xơ (Jesse Helms) và Hạ nghị sĩ D. Bơ-tơn (Dau Burton) đưa ra dự luật xiết chặt hơn nữa lệnh cấm vận bằng cách cho phép các công dân Mỹ phát đơn kiện các công ty nước ngoài đang chiếm quỹ tài sản của họ, mà những tài sản này đã bị tịch thu ở Cu-ba, cắt viện trợ cho các nước có quan hệ làm ăn, buôn bán với Cu-ba, và tăng cường cuộc đấu tranh tư tưởng chống Cu-ba thông qua cái gọi là "Đài phát thanh Hô-xê Mác-ti". Với tên gọi "Luật vì tự do và dân chủ ở Cu ba", Luật Hem-xơ Bơ-tơn được Quốc hội Mỹ thông qua cuối năm 1995 và được Tổng thống B.Clin-tơn ký phê chuẩn tháng 3 năm 1996.

Ngay trong quá trình soạn thảo và nhất là khi được đem ra chờ ký thông qua, luật Hem-xơ Bơ-tơn bị cả thế giới phê phán là một đạo luật phi lý, vi phạm chủ quyền quốc gia và đi ngược lại xu thế tự do hóa thương mại. Chủ tịch Phi-đen Ca-xtơ-rô tố cáo luật Hem-xơ Bơ-tơn như lưỡi gươm Đê-mô-clét giáng vào các quốc gia dân tộc có chủ quyền.

Lưỡi gươm bạo ngược Hem-xơ Bơ-tơn trực tiếp đánh vào nền kinh tế Cu ba, "gây ra một

Digitized by Google

tình hình mới, khó khăn và phức tạp hơn bất cứ một thời kỳ nào trước đây", như báo cáo của Thư ký thường trực Hội đồng bộ trưởng, Phó chủ tịch Hội đồng Nhà nước Cu ba Các-lốt La-hê tại Hội nghị V Trung ương Đảng cộng sản Cu ba (3-1996). Trên thực tế, đã có một số công ty lo ngại về việc tiếp tục quan hệ kinh doanh với Cu ba, một số khác tuyên bố sẽ thôi không đầu tư, một số ngân hàng ngừng tài trợ... Không thể phủ nhận hiệu lực nhất định của lưỡi gươm hung bạo!

Không dừng lại ở đó, tháng 4 năm 1996, Quốc hội Mỹ lại thông qua Điều 3 của luật Hem-xơ Bơ-tơn cho phép các công dân Mỹ quyền phát đơn lên Tòa án liên bang kiện bất cứ đối tác nào sử dụng những tài sản đã bị chính quyền Cu ba quốc hữu hóa từ sau năm 1959. Theo ước tính, tổng giá trị các tài sản này là 6 tỉ đô la, liên quan đến vài ngàn dân di tản Cu ba ở Mỹ.

Trong khi đợi Tổng thống B.Clin-tơn ký phê chuẩn, tiếng phản đối gay gắt nhất, cương quyết nhất, rất bất ngờ cho các ông nghị Mỹ, lại là của Liên minh châu Âu (EU) và các đồng thành viên của Hiệp định tự do thương mại Bắc Mỹ (NAFTA). Hội nghị ngoại trưởng EU (7-1996) tuyên bố sẵn sàng trả đũa nếu Điều 3 được thông qua. Các nước Ca-na-đa và Mê-hi-cô công khai phản đối, thậm chí còn dự thảo cả luật chống Hem-xơ Bơ-tơn. Chắc hẳn vì không dám lao vào một cuộc rối loạn thương mại toàn cầu, Tổng thống B. Clin-tơn đã khôn khéo hoãn thời điểm phê chuẩn 6 tháng sau đối với Điều 3 luật Hem-xơ Bơ-tơn.

Là một đạo luật có hiệu lực ngoài lãnh thổ Cu ba, luật Hem-xơ Bơ-tơn là biểu hiện đặc trưng của chính sách cường quyền nước lớn mưu toan áp đặt luật pháp của một nước lên trên luật pháp quốc tế; tự cho mình quyền trừng phạt, can thiệp; vi phạm thô bạo chủ quyền và quyền tự quyết của các nước trong mối quan hệ quốc tế. Với luật Hem-xơ Bơ-tơn, một mình Mỹ thách thức cả nhân loại. Bởi vậy, sự phản ứng của cộng đồng quốc tế là hết sức nhất quán và mạnh mẽ. Đại hội đồng Liên hợp quốc, với đa số áp đảo, đã bốn lần liên tiếp ra nghị quyết lên án và yêu cầu Mỹ hủy bỏ chính sách bao vây, cấm vận chống Cu ba. Phong trào không liên kết, đông đảo các quốc gia Mỹ la tinh thuộc Tổ chức các nước châu Mỹ (OEA) và rất nhiều tổ chức, phong trào, diễn đàn chính trị, xã hội, kinh tế, văn hóa, tôn giáo, nghiệp đoàn... khắp thế giới, cũng như một bộ phận không nhỏ nhân dân Mỹ, đều chính thức phản đối chính quyền Mỹ, đồng thời dành cho Cu ba sự ủng hộ tinh thần và giúp đỡ vật chất quý báu.

Từ vài năm nay, nhóm các nước thành viên EU gồm Tây ban nha, Pháp, I-ta-li-a, Anh và Hà lan là những bạn hàng lớn nhất, viện trợ nhiều nhất và đầu tư tích cực nhất vào Cu ba. Họ không thể hy sinh lợi ích quốc gia để phục vụ lợi ích của Mỹ. Lưỡi gươm Đê-mô-clét khi đánh vào Cu ba, cũng là đánh vào các thành viên EU. Bởi vậy, EU kiên quyết chống trả, đưa vụ việc ra giải quyết tại Tổ chức thương mại thế giới (WTO) ngay cả khi B.Clin-tơn đã hoãn việc phê chuẩn điều luật nêu trên. Thế là chính Mỹ và các đồng minh phương Tây lại đối đầu với nhau bởi luật Hem-xơ Bơ-tơn. Lưỡi gươm Đê-mô-clét thời nay quả là khó lái theo ý chủ !

Nhà nghiên cứu quốc tế nổi tiếng người Pháp Phơ-răng-xoa Pê-ru (Francois Perroux, 1903-1987) định nghĩa mối quan hệ của Mỹ với thế giới là một quan hệ thống trị. Phạm trù "thống trị" bao hàm sự thiếu vắng của mối quan hệ tùy thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia dân tộc nói riêng và giữa mọi chủ thể của đời sống quốc tế nói chung. Xu thế quốc tế hóa kinh tế thế giới trong thời đại cách mạng khoa học - công nghệ và trình độ trưởng thành của các nhà nước quốc gia trong thời đại cách mạng giải phóng hiện nay làm xuất hiện và không ngừng gia tăng sự phụ thuộc lẫn nhau trong hệ thống các quan hệ quốc tế. Năm 1988, học giả người Mỹ C.P. Kai-lơ-bơc-gơ (Kindleberger) là người đầu tiên khuyến cáo chính quyền Mỹ thay thế sự "thống trị" bằng vai trò "lãnh đạo" thế giới. Mục tiêu chiến lược thì vẫn là bá quyền thế giới, nhưng bản thân khái niệm bá quyền cũng như hình thức thực hiện đều được xác định lại. Các nhà chiến lược sừng sỏ của Mỹ định nghĩa bá quyền là quyền

Digitized by Google

và khả năng chi phối đường lối, chiến lược của các nước khác và của toàn bộ hệ thống quan hệ quốc tế một cách có lợi nhất cho lợi ích của siêu cường bá quyền (2).

Trong điều kiện sức mạnh Mỹ có sự sa sút tương đối thời hậu chiến tranh lạnh, Mỹ không chủ trương duy trì vị trí siêu cường bằng trách nhiệm, vai trò quốc tế đơn phương, mà rất coi trọng việc huy động các nước lớn khác tham gia vào các công việc quốc tế. Tất nhiên, hành động tập thể này thường xuyên được tiến hành dưới sự lãnh đạo của Mỹ. Một nhà lý luận quan hệ quốc tế hàng đầu của Mỹ là J.Nye đã phân loại vai trò "lãnh đạo cứng" và vai trò "lãnh đạo mềm". Vai trò "lãnh đạo mềm" bao hàm Mỹ phải tạo ra tình huống buộc các nước lớn khác phải chia sẻ trách nhiệm với Mỹ, cùng với Mỹ thực hiện phương án chung, giải quyết các vấn đề quốc tế phức tạp ngày nay. Cơ sở để hình thành phương án chung trong điều kiện cục diện thế giới sau kỷ nguyên của đối đầu giữa hai hệ thống, trước hết phải là sự trùng hợp về lợi ích kinh tế, lợi ích dân tộc. Luật cấm vận của Mỹ chống Cu ba rõ ràng không thể làm cho các nước lớn gặp gỡ nhau. Ngoài các thành viên EU và NAFTA là những đối tác lớn, Nhật bản và Trung quốc là hai trong số 4 nước đứng đầu về tổng kim ngạch ngoại thương; Liên bang Nga là bạn hàng truyền thống có nhiều mối ràng buộc với Cu ba. Sự phản đối của tất cả các nước lớn đối với chính sách cường quyền và luật cấm vận Mỹ là một tất yếu. Luật Hem-xơ Bơ-tơn đẩy Mỹ vào vị trí thiểu số gần như đơn phương trong việc thực thi nó. Từ năm 1995 đến nay, Cu ba vẫn thu hút được 2,3 tỉ đô la đầu tư nước ngoài. Hiện có 8 ngân hàng quốc tế lớn đang hoạt động trên lãnh thổ quốc gia, hơn 300 công ty nước ngoài, bất chấp luật Hem-xơ Bơ-tơn, đến liên doanh, hợp tác với 212 hiệp hội kinh tế và xí nghiệp thuộc 34 ngành sản xuất và dịch vụ ở Cu ba. Chỉ riêng các doanh nghiệp Mỹ là bị chặn lối đến thị trường Cu ba đang sôi động mở cửa. Thực tế này cho thấy trong bối cảnh phân công hợp tác quốc tế ngày càng sâu rộng, nếu chính quyền Mỹ cố tình lao theo những đạo luật như "Hem-xơ Bơ-tơn" lỗi thời, không ai có thể biết lưỡi gươm Đê-mô-clét sẽ nhằm đánh vào ai!

Dường như chính quyền Mỹ rất khó tiếp thu những bài học từ thực tế. Không đầy một tháng sau khi ký luật Hem-xơ Bơ-tơn, Tổng thống B. Clin-tơn lại ký "Luật hạn chế thương gia nước ngoài đầu tư vào I-ran và Ly bi", quy định mọi đối tác đầu tư trên 40 triệu đô la vào hai nước nêu trên sẽ bị Mỹ trừng phạt. Lại một lần nữa Tây Âu, Ca-na-đa, Nhật bản... tỏ thái độ phẫn nộ. Lý do cũng hết sức đơn giản : I-ran và Ly bi cung cấp 25% lượng dầu thô nhập khẩu của những nước kia; I-ta-li-a là bạn hàng lớn nhất của Ly bi; Đức là đối tác lớn của I-ran; Pháp đang đầu tư hàng tỉ đô la vào I-ran; và Nhật cũng đang tăng cường khối lượng đầu tư vào Ly bi... Với tên gọi luật D.A-ma-tô, bước leo thang mới trong chính sách cấm vận của Mỹ chống một số nước Trung Đông cũng chịu chung số phận như luật Hem-xơ Bơ-tơn ngay từ khi chào đời.

"Hệ thống quốc tế đang xuất hiện phức tạp hơn nhiều so với bất kỳ hệ thống nào mà thuật ngoại giao Mỹ vấp phải trước đây"(3). Chính Hen-ri Kit-xinh-giơ đã cảnh báo như vậy. Mỗi quốc gia, dù là nước lớn hay siêu cường, đều phải hành động theo lô gích nội tại của hệ thống quan hệ quốc tế cụ thể, phù hợp với khả năng của chính mình và với xu thế chung của lịch sử. Làm ngược lại, là trái với quy luật và sẽ chịu hậu quả khôn lường. Chỉ vì không biết mình, biết người, không biết hành động theo "thời", "thế", chỉ biết chạy theo chủ nghĩa sô vanh, cường quyền, nên nhiều siêu cường một thời "hưng thịnh" đã biến mất trong sự "suy vong" không thể cưỡng lại được : đế chế La mã cổ đại, đế chế Ôt-tô-man, đế chế Mơ-gun, triều đại Háp-bơ, đế chế Na-pô-lê-ông, đế quốc Anh thời cận đại, đế chế Đức quốc xã thời hiện đại, v.v.. Đây chỉ là những bằng chứng lịch sử của chủ nghĩa cường quyền đầy bi kịch và chắc chắn, chưa phải là những bằng chứng cuối cùng.❑

(2) Xem Gerard Kébabadjoan : Vai trò bá quyền mới của Mỹ (La Nouvelle hégémonie américaine), Tạp chí *Những vấn đề kinh tế thế giới* (Problèmes économiques) số 2459, 14-2-1996, tr 26 (tiếng Pháp).

(3) Hen-ri Kit-xinh-giơ : Thuật ngoại giao, Thủ đoạn ngoại giao Mỹ, Tài liệu tham khảo tháng 5-1994, Thông tấn xã Việt nam, tr 23

Digitized by Google

THỊ TRƯỜNG NGOẠI TỆ LIÊN NGÂN HÀNG. THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

● **Thị trường ngoại tệ liên ngân hàng** là nơi diễn ra mua bán ngoại tệ giữa các ngân hàng thương mại và với Ngân hàng trung ương.

Trong phương thức giao dịch, các ngân hàng đã dùng hình thức giao dịch phi tập trung như : điện thoại, telex, Fax, hoặc hệ thống màn hình vi tính nối mạng giữa Ngân hàng trung ương và trụ sở chính của các ngân hàng thương mại.

Trong cơ chế giao dịch, các ngân hàng thương mại tự cân đối nhu cầu ngoại tệ trong hệ thống màn hình qua mua, bán với khách hàng và tự cân đối giữa các chi nhánh thông qua hội sở chính. Trường hợp các ngân hàng không cân đối được sẽ mua bán với nhau thông qua hệ thống giao dịch phi tập trung. Nếu các ngân hàng thương mại giao dịch với nhau không cân đối được sẽ giao dịch với Ngân hàng trung ương. Như vậy, Ngân hàng trung ương là người mua bán cuối cùng, do đó, nắm biết được nhu cầu ngoại tệ trong phạm vi cả nước. Từ đó, nó có cơ sở để xác định tỷ giá ngoại tệ một cách hợp lý. Để giao dịch trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng, Ngân hàng trung ương đã thiết lập Quỹ bình ổn hối đoái (một phần của dự trữ ngoại tệ quốc tế). Ở thị trường, nếu cung lớn hơn cầu, Ngân hàng trung ương mua ngoại tệ vào để tăng dự trữ ; ngược lại trường hợp cầu lớn hơn cung, Ngân hàng trung ương giảm dự trữ bán ngoại tệ ra.

Trong cơ chế xác định tỷ giá, Ngân hàng trung ương sẽ xác định khung tỷ giá hướng dẫn dựa trên căn cứ của chính sách tiền tệ, chỉ số lạm phát, cán cân thanh toán, tình hình xuất nhập khẩu và các yếu tố khác. Hằng ngày, ban điều hành quỹ (có một lãnh đạo của Ngân hàng trung ương chủ tọa) xác định tỷ giá và công bố tỷ giá mua bán của quỹ. Giá mua, bán ngoại tệ được xác định trên cơ sở một số các đồng tiền chính trên thị trường quốc tế như Đô la (Mỹ), Bảng (Anh), Frăng (Pháp), Yên (Nhật), Mác (Đức)... Mặt khác, việc xác định tỷ giá ngoại tệ còn tính đến các yếu tố thị trường trong nước ngày hôm trước và diễn biến tỷ giá của các đồng tiền ở các thị trường quốc tế theo chỉ số Đao giôn (Mỹ), Níc-ken (Nhật) và Thời báo tài chính (Anh). Đây là những chỉ số giá chứng khoán quốc tế mà các nước đều áp dụng.

● **Thị trường tiền tệ** là nơi phát hành và mua bán các giấy tờ có giá ngắn hạn.

Trong thị trường tiền tệ, giá của trái phiếu thường ít biến động. Khi lãi suất thay đổi, các công cụ tài chính trên thị trường tiền tệ có độ an toàn cao, dễ mua bán chuyển đổi và dễ chuyển thành tiền khi cần thiết. Các bên tham gia trên thị trường có thể điều chỉnh khả năng thanh toán của mình. Nhờ có thị trường tiền tệ, cá nhân hoặc tổ chức kinh tế có thể đầu tư nguồn vốn nhàn rỗi tạm thời để kiếm lời và có thể bán chúng để bổ sung vào nguồn vốn khi cần thiết. Các ngân hàng và tổ chức tài chính cũng có thể mua các công cụ tài chính trên thị trường tiền tệ hoặc dễ dàng bán chúng thu tiền về trả cho người gửi tiền hoặc cho khách hàng vay khi cần thiết.

Ở thị trường tiền tệ có các đối tượng tham gia mua, bán là : Ngân hàng trung ương, các ngân hàng thương mại, các công ty tài chính, các hợp tác xã tín dụng, các công ty bảo hiểm... Về phương tiện giao dịch, nó đã sử dụng chủ yếu các hình thức giao dịch phi tập trung. Trên thị trường tiền tệ có các công cụ tài chính chủ yếu là : tín phiếu kho bạc, thương phiếu, hối phiếu, chứng chỉ tiền gửi. Mỗi công cụ này đều hình thành một thị trường, có những đặc điểm riêng nhất định. Ở nước ta, trong thời điểm hiện nay, thị trường tiền tệ cần hình thành nhanh chóng nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho nền kinh tế phát triển theo hướng :

+ Huy động tốt hơn các nguồn vốn ngắn hạn thông qua hệ thống ngân hàng trên thị trường tiền tệ.

+ Huy động được các nguồn vốn dài hạn phục vụ cho việc phát triển chiều sâu, đặc biệt là hiện đại hóa cơ sở hạ tầng của đất nước.

+ Qua hoạt động của các thị trường này, Ngân hàng trung ương thực hiện các nghiệp vụ thị trường mở, nhằm điều tiết lượng tiền cung ứng, thực hiện chính sách tiền tệ, chính sách tỷ giá cho thích hợp.

+ Việc hình thành thị trường tiền tệ trên sẽ tạo ra môi trường thích hợp nhằm thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào nước ta.

Digitized by Google

QUẢNG CÁO

BƯU ĐIỆN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TRỤ SỞ : 75 ĐINH TIÊN HOÀNG TEL : (4) 8253544 - (4) 8254403 Fax : (4) 829397



Kính chào Quý khách

Với mạng lưới Bưu điện và các đại lý rộng khắp các quận, huyện trong nội, ngoại thành - Bưu điện Hà Nội đang phục vụ trên 10 loại hình dịch vụ Bưu chính - Viễn thông.

● Chi tiết các loại hình dịch vụ, giá cước được in trong cuốn "Niên giám điện thoại - Những trang vàng 1996 - 1997" và niêm yết tại các cơ sở giao dịch Bưu điện hoặc giải đáp qua số điện thoại 108.

● Giá lắp đặt điện thoại hiện nay là 2.000.000đ/1 máy (không kể máy điện thoại).

● Thanh toán cước phí thuê bao hàng tháng bằng nhiều hình thức thuận lợi cho khách hàng : Trả qua Ngân hàng. Trả trực tiếp tại các cơ sở Bưu điện nội và ngoại thành. Trả tại địa chỉ thuê bao yêu cầu (có hợp đồng riêng không phải trả thêm tiền)

● Xin quý khách lưu ý : Số điện thoại của Hà Nội hiện nay (Ngoài mã vùng là 4 - Khi gọi ở các nơi khác về Hà Nội) các số máy gồm 7 con số, không chỉ có con số đầu là 8 mà trên mạng đã có các số đầu là 5, 6, 7, 9.

Các dịch vụ Bưu chính - Viễn thông là cầu nối quý khách hàng đến với mọi miền trong nước và quốc tế.



Rất hân hạnh được phục vụ quý khách

Digitized by Google

BƯU ĐIỆN TỈNH ĐỒNG THÁP

⊛ Địa chỉ : 101 Nguyễn Huệ, Thị xã Cao Lãnh, Đồng Tháp
⊛ Điện thoại : 851104 Fax : (84 - 67) 852389



* Quý khách sẽ thành công khi sử dụng các dịch vụ Bưu chính - Viễn thông tại Bưu điện Đồng Tháp. Việc liên lạc trong nước và quốc tế hết sức nhanh chóng và dễ dàng tại bất cứ một Bưu cục nào trong tỉnh Đồng Tháp.

Các dịch vụ Bưu chính - Viễn thông như :

BƯU PHẨM - BƯU KIỆN, PHÁT HÀNH BÁO CHÍ, CHUYỂN TIỀN NHANH - EMS - ĐIỆN THOẠI - ĐIỆN BÁO - FAX - ĐIỆN HOA - ĐIỆN THOẠI 108 (thông tin kinh tế, xã hội) VIDEO PHONE - THÔNG TIN DI ĐỘNG - THIẾT KẾ LẮP ĐẶT CÁC HỆ THỐNG THÔNG TIN - CÁC TRỤ CAO ĂNG TEN... Với đội ngũ giao dịch viên phục vụ nhiệt tình, lịch thiệp sẽ làm hài lòng quý khách.

Chúng tôi xin hân hạnh được đón tiếp quý khách

ĐIỆN LỰC ĐỒNG THÁP

➲ Địa chỉ : 238 Nguyễn Huệ, Thị xã Cao Lãnh, Đồng Tháp
➲ Điện thoại : (067) 851359 - 851786 - 851410 - Fax : (84-67) 852802





Chúc mừng năm mới Xuân 1997

CHỨC NĂNG - NHIỆM VỤ

- Xây dựng và cải tạo lưới phân phối điện
- Sửa chữa, đại tu thiết bị điện
- Thiết kế lưới điện phân phối
- Hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ khác theo giấy phép hành nghề

Digitized by Google

CÔNG TY XỔ SỐ KIẾN THIẾT ĐỒNG THÁP

* ĐỊA CHỈ : 86/10 Bến xe Sa Đéc- - Đồng Tháp
* Điện thoại : (067) 861745 - 861746 - Fax : (84-67) 861750



BAN GIÁM ĐỐC và CBCNV CÔNG TY
Kính chúc quý khách nhiều may mắn

+ Kết quả mở số vào lúc 16h30' ngày thứ hai hàng tuần.

+ Mua vé số Đồng Tháp là góp phần xây dựng các công trình phúc lợi xã hội, sự nghiệp giáo dục, y tế tại địa phương.

+ Những vé số trúng thưởng được lãnh bằng tiền mặt một lần tại Công ty SXKT Đồng Tháp.

+ Khách trúng thưởng đến Công ty sẽ được đón tiếp nồng hậu, lãnh thưởng dễ dàng nhanh chóng.

CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ ĐỒNG THÁP (DOMESCO)

ĐỊA CHỈ : 3 Lê Lợi, TX Cao Lãnh, Đồng Tháp
Điện thoại : (067) 851975 - 851429 - 852008 - Fax : (84-67) 851270
CHI NHÁNH : 136 Tô Hiến Thành, Q.10, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại : 8652599 - 8655287 - 8654185 - Fax : (84-8) 8650447



[illegible]ÍCH MẪU

Viên nang - Capsules

- Công thức :
  - Bột tan cao Ích mẫu.....400mg
  - Bột tan cao hương phụ....125mg
  - Bột tan cao ngải cứu.....100mg
- Công dụng : Trị kinh nguyệt không đều đau bụng kinh, khí hư, bạch đới, làm mau bình phục tử cung sau khi sinh.

CÔNG TY
SẢN XUẤT
KINH DOANH
XUẤT NHẬP KHẨU
TRỰC TIẾP
DƯỢC PHẨM
VÀ
TRANG THIẾT BỊ
Y TẾ



[illegible]

Thuốc bột - Powder

- Công thức :
  - Gói : Dibencozide.....2mg
  - Lọ : Dibencozide.....40mg
- Công dụng : Bồi dưỡng cho trẻ đẻ thiếu tháng, trẻ chán ăn, suy dinh dưỡng, rối loạn tiêu hóa sau phẫu thuật, suy nhược ở người lớn

Digitized by Google

SỞ GIAO THÔNG CÔNG CHÁNH

CẢNG BÌNH ĐÔNG

BINH DONG PORT

ĐỊA CHỈ : 24 HOÀNG SĨ KHẢI, QUẬN 8 TP. HỒ CHÍ MINH - ĐIỆN THOẠI : 8555260 - 8559746 - 8550962
GIÁM ĐỐC : TRẦN PHƯƠNG LÂM



Hoạt động tại Cảng Bình Đông

HƯỚNG PHÁT TRIỂN :

- Xây dựng cảng Phú Định.
- Xây dựng kho hàng, bến bãi.
- Đầu tư thiết bị - bốc xếp cơ giới.
- Mở rộng bến, cảng du lịch, phục vụ khách tham quan du lịch

CHỨC NĂNG NHIỆM VỤ :

- Kinh doanh - bốc xếp hàng hóa.
- Kinh doanh kho bãi.
- Sửa chữa cải tạo các công trình dân dụng loại vừa và nhỏ.
- Thi công các công trình giao thông, cầu tàu, bờ kè loại nhỏ
- San lấp mặt bằng.
- Kinh doanh vật liệu xây dựng.
- Tiếp nhận phương tiện vận chuyển khách du lịch đường thủy.
  - Tuyến Bạch Đằng - Vũng Tàu.
  - Tuyến Bạch Đằng đi Thanh Đa, An Phú, Bình Triệu, Bến Dược (Củ Chi).
  - Bến du lịch Bạch Đằng.
  (Bến Nguyễn Kiệu, Tôn Đức Thắng, Q.1)
  Phương châm :

Phục vụ hành khách An toàn Lịch sự

LỰC LƯỢNG CÔNG NHÂN BỐC XẾP THUỘC CÁC ĐỘI :

* Đội bốc xếp I : Số 1 Ngô Sĩ Liên, P.14, Quận 8
* Đội bốc xếp 2 : 235 Trần Văn Kiểu, Quận 6.
* Đội bốc xếp 3 : 1438/2 Phạm Thế Hiển, P.9, Quận 8
* Đội bốc xếp 4 : 48 Lê Quang Kim, P.9, Quận 8
* Đội bốc xếp 5 : 155 Tôn Thất Thuyết, P.15, Quận 4

CÓ BẾN CUNG CẤP CÁT XÂY DỰNG TẠI :
117 BIS BÙI HUY BÍCH, PHƯỜNG 12, QUẬN 8

CÔNG TY XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH GIAO THÔNG

Head office : 91 Le Loi Str., Pleiku Town, Gia Lai Province
Tel : (059) 824442 - 821117
Director : Eng. Vo Van Van



CHỨC NĂNG :

- Xây dựng các công trình giao thông.
- Sửa chữa xe máy.
- Sản xuất các cấu kiện bê tông đúc sẵn

Digitized by Google

CÔNG TY XỔ SỐ KIẾN THIẾT
TỈNH TÂY NINH

Số : 13C 10 Đại lộ 30-4 Thị xã Tây Ninh
● ĐT : 22315 ● Fax : 84.8.27536

Giám đốc : **NGUYỄN XUÂN HỒNG**

- Thành lập : 3/1981

- Thị trường tiêu thụ từ Bình Thuận đến các tỉnh miền Tây, tại Tây Ninh lượng vé tiêu thụ khoảng 10% vé phát hành mỗi kỳ.

- Doanh thu tăng hàng năm, đóng góp cho ngân sách tu. ɔ-30%. So với tổng thu ngân sách địa phương :

Năm	Doanh thu	ɴộp ngân sách	Đạt % so kế hoạch
1990	44,29 tỷ	11,55 tỷ	113
1991	68,692 -	20,0 -	120
1992	113,460 -	29,3 -	138
1993	159,14 -	46,072 -	136
1994	213,158 -	66,0 -	143

Riêng 1995 đạt doanh thu 243 tỷ đồng, nộp ngân sách 77 tỷ đồng.



Digitized by Google

BƯU ĐIỆN TỈNH BÌNH THUẬN

Giám đốc : NGUYỄN ĐẠT TRÍ

Địa chỉ : Đường Nguyễn Tất Thành, Phan Thiết

Tel : 821921 • Fax : 821500 • Videophone : 821921



5 năm (1991-1995) ngành Bưu điện Bình Thuận có tiến bộ vượt bậc thành tích to lớn. Từ mạng lưới thông tin nhỏ hẹp, thiết bị kỹ thuật lạc hậu đến nay đã có mạng bưu chính viễn thông hiện đại ; 100% bưu điện huyện thị, bưu điện khu vực có tổng đài điện tử, 60% được hòa mạng quốc gia. Các chỉ tiêu kế hoạch từ 1991 đến năm 1995 có mức tăng trưởng nhanh : Doanh thu cước năm 1995 đạt 21 tỷ, tăng so với năm 1991 9,44 lần, mức tăng bình quân năm 1,74 lần. Máy điện thoại năm 1995 đạt 9.016 máy, tăng so với năm 1991 là 7,66 lần, mức tăng bình quân năm 1,68 lần. Đời sống CBCNV luôn được nâng cao. Các chính sách xã hội thực hiện tốt.

Với thành tích đạt được trong 5 năm qua, Bưu điện Bình Thuận đã được Nhà nước, Ngành, địa phương khen thưởng.





- Huân chương lao động hạng 3, Cờ thi đua xuất sắc năm 1995 và 5 năm (1991-1995) của Tổng công ty Bưu chính viễn thông Việt Nam, Cờ thi đua xuất sắc năm 1995 và 3 năm tăng tốc (1993-1995) của Công đoàn Bưu điện Việt Nam, Bằng khen của Chính phủ về bảo vệ an ninh Tổ quốc (1991-1995), Bằng khen của Bộ LĐ - TBXH về thành tích an toàn lao động 20 năm (1975-1995), Bằng khen của chính phủ về công tác PCCC 5 năm (1991-1995) và nhiều bằng khen của Tổng công ty và UBND Tỉnh.

- Bước sang thực hiện nhiệm vụ 1996, mặc dù còn nhiều khó khăn song với đà thắng lợi của những năm qua, Bưu điện Bình Thuận không ngừng đổi mới và phát triển. Kết quả 10 tháng năm 1996 đã đạt được những kết quả như :



- Đầu tư gần 50 tỷ đồng xây dựng 36 công trình mới trong đó có 22 công trình thông tin (tổng đài điện tử, cáp, viba số...) và 14 Bưu cục đã đưa vào sử dụng có hiệu quả. Máy điện thoại phát triển 3333 máy bằng 92,5% kế hoạch năm, riêng tháng 10 thi đua lắp đặt được 1260 máy bằng tổng số máy lắp đặt 6 tháng đầu năm, doanh thu đạt 80%. Bưu điện Tỉnh đang phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch vào cuối tháng 12/96, đồng thời đảm bảo tốt thông tin phục vụ cho nhiệm vụ chính trị, an ninh quốc phòng của Tỉnh.

Hướng tới năm 2000, ngành Bưu điện Bình Thuận phấn đấu xây dựng và phát triển mạng thông tin bưu chính viễn thông hiện đại, đồng bộ, đa dạng hóa các dịch vụ với công nghệ tiên tiến nhất. Mọi nơi trong tỉnh được sử dụng máy điện thoại cố định, di động, nhắn tin, Fax, truyền số liệu, Internet toàn cầu... thông qua hệ thống truyền dẫn vệ tinh, Viba số, cáp quang. Kinh tế tăng trưởng hằng năm 1,4 lần, máy điện thoại tăng 1,2 lần, phấn đấu đến năm 2000 đạt 3,45 máy/100 dân.

Rất hân hạnh được phục vụ quý khách

IN TẠI NHÀ IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN - 38 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI - ĐT : 8267244 ★ CHỈ SỐ 1265 ISSN 0866-7276 ★ GIÁ : 3000Đ

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản







7

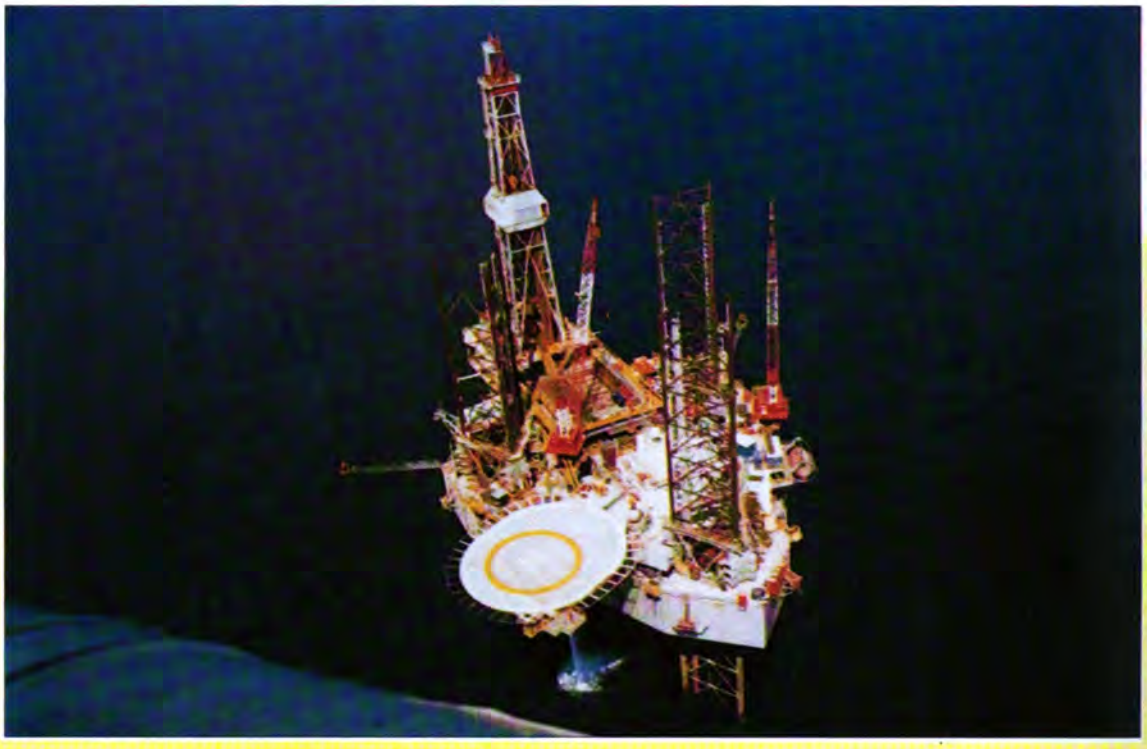
4-1997

UNIV. OF MICH.
JUL 14 1997
CURRENT SERIALS

Digitized by Google

XÍ NGHIỆP LIÊN DOANH
VIETSOVPETRO

Trụ sở : 95 A Lê Lợi, Thành phố Vũng tàu, Việt nam
Điện thoại : (84)-(64)-839871/839872
FAX : (84)-(64)-839857/839631



Giàn khoan di động "Cửu Long" trên mỏ Rồng

Xí nghiệp liên doanh VIETSOVPETRO tiến hành khai thác dầu khí tại 2 mỏ Bạch Hổ và Rồng. Sản lượng khai thác dầu trong 10 năm (1986 - 1996) là 43 triệu tấn, riêng năm 1996 đạt 8,2 triệu tấn, doanh thu từ bán dầu 1,2 tỷ USD.

Xí nghiệp liên doanh VIETSOVPETRO đang triển khai khẩn trương thực hiện kế hoạch sản xuất năm 1997 với sản lượng khai thác 9 triệu tấn dầu thô và cung cấp 2 triệu mét khối khí/ngày - đêm vào bờ ; dự kiến tháng 9 năm 1997 sẽ đạt 50 triệu tấn dầu thô kể từ lúc bắt đầu khai thác dầu.

VIETSOVPETRO có căn cứ dịch vụ tổng hợp trên bờ và cảng chuyên dùng, phục vụ cho khai thác 12-15 triệu tấn dầu/năm. Tại cảng dầu khí có khả năng dịch vụ : Cầu cảng cho tàu nước ngoài, cấp nước ngọt, bốc xếp và kho bãi theo nhu cầu của khách hàng.

Đội tàu biển có 17 đơn vị vận tải, công suất 97.000 mã lực, bảo đảm toàn bộ các dịch vụ khai thác dầu khí tại mỏ Bạch Hổ và Rồng, đồng thời sẵn sàng dịch vụ vận chuyển, cứu hộ và xây dựng các công trình biển theo nhu cầu của các công ty khai thác dầu khí khác.

Xí nghiệp xây dựng các công trình biển trực thuộc VIETSOVPETRO có đội ngũ kỹ sư giàu kinh nghiệm, nhiều công nhân hàn lành nghề được cấp chứng chỉ Quốc tế. Xí nghiệp được trang bị 2 cẩu chuyên dùng có sức nâng 600 - 1200 tấn. Đây là đơn vị chủ công xây dựng tất cả các công trình biển của VIETSOVPETRO và các trạm nghiên cứu khoa học trên thềm lục địa phía nam Việt nam. Xí nghiệp có khả năng nhận thầu : chế tạo, xây lắp, sửa chữa các loại giàn khoan biển, lắp đặt đường ống dẫn dầu khí và các loại công trình biển khác.

Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 517 THÁNG RA HAI KỲ

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội - Điện thoại : 8252061 - 8252062*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Điện thoại : 8225768*

MỤC LỤC

PHẤN ĐẤU THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI VIII CỦA ĐẢNG	ĐỖ MƯỜI - Nâng cao chất lượng công tác tư tưởng - văn hóa, góp phần đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.	3
	LÊ XUÂN TÙNG - Vấn đề lãnh đạo sản xuất kinh doanh của tổ chức đảng trong doanh nghiệp nhà nước ở Hà nội	8
	NGUYỄN KHOA ĐIỀM - Một số vấn đề về văn hóa và nếp sống đô thị ở nước ta hiện nay	12
	ĐỖ NGUYÊN PHƯƠNG - Nâng cao đạo đức nghề nghiệp của người thầy thuốc	19
KỶ NIỆM LẦN THỨ 90 NGÀY SINH ĐỒNG CHÍ LÊ DUẨN (7.4.1907 - 7.4.1997)	HOÀNG TÙNG - Lê Duẩn, nhà chiến lược chính trị, quân sự có tầm cỡ	22
	VŨ HIỀN - "Làm chủ", một tư tưởng cao đẹp	25
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	PHẠM CHÍ DŨNG - Về kinh tế tư bản nhà nước ở nước ta	30
	CHU THÀNH, HOÀNG CÔNG - Mấy vấn đề thực tiễn và lý luận của việc cải cách bộ máy hành chính	34
	NGUYỄN HÒA - "Diễn biến hòa bình" nhìn từ góc độ văn hóa	39
	LÊ BỘ LĨNH - Giai đoạn mới của đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt nam	43
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	NGUYỄN THỊ HOÀI THU - Chính sách cung ứng thuốc cho người nghèo	48
	NGÔ ĐÌNH LOAN - Bắc ninh phấn đấu cho bộ mặt của tỉnh thật sự thay đổi theo chiều hướng tốt	52
ĐIỀU TRA	NGUYỄN HỮU TIẾN - Di cư tự do : Thực trạng và kiến nghị	55
THƯ GỬI BỘ BIÊN TẬP	PHAN THỊ XUÂN CHI - Khắc phục sự sa sút của giáo dục	60
TÌM HIỂU KHÁI NIỆM	- Thuế trị giá gia tăng	62
TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN	- Hội nghị bàn về văn hóa và nếp sống văn hóa đô thị trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa	62

Bìa 1 : Đất nước trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa *Ảnh : TTX, Mạnh Thường*

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

ДО МЫОЙ - Повышать качество идеологической и культурной работы, внести вклад в дело ускорения индустри-ализации и модернизации страны. ЛЕ СУАН ТУНГ - Проблема руководства бизнесом и производством партийной организации в государственных предприятиях в Ханое. НГУЕН ХОА ДИЕМ - Некоторые проблемы культуры и городского стиля жизни в нашей стране в настоящее времия. ДО НГУЕН ФЫОНГ - Повышение профессиональной морали медицинского персонала. ХОАНГ ТУНГ - Ле Зуан - Крупный политический и военный стратег. ВУ ХИЕН - "Быть мастером" есть высокая идея. ФАМ ТЬИ ЗУНГ - О государственной капиталистической экономике в нашей стране. ТЮ ТХАНЬ, ХОАНГ КОНГ - Некоторые практические и теоретические проблемы реформы административного аппарата. НГУЕН ХОА - "Мирная эволюция", рассмотренная с точки зрения культуры. ЛЕ БО ЛИНЬ - Новая стадия иностранной непосредственной инвестиции во Вьетнаме. НГУЕН ХЫУ ТИЕН - Свободная эмиграция : реальная обстановка и предложения.

CONTENTS

ĐỖ MƯỜI - Improving quality of the ideological and cultural work to promote the cause of the country's industrialization and modernization. LÊ XUÂN TÙNG - Business and production management of Party's organizations in State - owned enterprises in Hanoi. NGUYỄN KHOA ĐIỀM - Some problems of cultural and urban lifestyle in Vietnam at present. ĐỖ NGUYÊN PHƯƠNG - Enhancing professional morality of physicians. HOÀNG TÙNG - Lê Duẩn - A great political and military strategist. VŨ HIỀN - "To be the master" - a noble idea. PHẠM CHÍ DŨNG - About State capitalist economy in Vietnam. CHU THÀNH, HOÀNG CÔNG - Some theoretical and practical matters of administrative reformation. NGUYỄN HÒA - "Peaceful evolution" as seen from the cultural perspective. LÊ BỘ LĨNH - New period of foreign direct investment in Vietnam. NGUYỄN HỮU TIẾN - Free migration : realities and solutions.

SOMMARIE

ĐỖ MƯỜI - Elevons la qualité du travail idéologico - culturel pour contribuer à accélérer l'industrialisation et la modernisation du pays. LÊ XUÂN TÙNG - Sur la direction de la production et du commerce de l'organisation du Parti dans les entreprises d'Etat à Hanoi. NGUYỄN KHOA ĐIỀM - Quelques questions actuelles sur la culture et le mode de vie dans les villes de notre pays. ĐỖ NGUYÊN PHƯƠNG - Elever la morale professionnelle de médecin. HOÀNG TÙNG - Lê Duẩn - un grand stratège politique et militaire. VŨ HIỀN - "Devenir le maître" - une idée noble. PHẠM CHÍ DŨNG - Sur l'économie capitaliste d'Etat dans nôtre pays. CHU THÀNH, HOÀNG CÔNG - Quelques problèmes théoriques et pratiques de la réforme administrative. NGUYỄN HÒA - "Evolution pacifique" sous l'angle culturel. LÊ BỘ LĨNH - Une nouvelle étape de l'investissement étranger direct au Vietnam. NGUYỄN HỮU TIẾN - Emigration libre : état actuel et propositions.

SUMARIO

ĐỖ MƯỜI - Elevar la calidad del trabajo ideológico - cultural para impulsar la industrialización y modernización del país. LÊ XUÂN TÙNG - El problema de la dirección de la organización del Partido en la producción y comercialización en las empresas estatales en Hanoi. NGUYỄN KHOA ĐIỀM - Algunos problemas sobre la cultutra y el modo de vida urbana en Vietnam actual. ĐỖ NGUYÊN PHƯƠNG - Elevar la virtud profesional del médico. HOÀNG TÙNG - Le Duan, el estratega político y militar. VŨ HIỀN - "Hacerse el dueño", una noble ideología. PHẠM CHÍ DŨNG- Sobre la economía capitalista de Estado en Vietnam. CHU THÀNH, HOÀNG CÔNG - Algunos problemas prácticos y teóricos de la reforma del aparato administrativo. NGUYỄN HÒA - "La evolución de paz" vista desde el ángulo cultural. LÊ BỘ LĨNH - El nuevo período de la inversión extranjera directa en Vietnam. NGUYỄN HỮU TIẾN - La emigración libre : Estado real y proposiciones.

目錄

•杜梅：提高思想、文化工作的質量，爲大力促進國家工業化、現代化事業而貢獻力量•黎春松：河內市國有企業中黨組織領導生產經營的問題•阮科恬：關于我國目前都市文化和生活方式的一些問題•杜元方：大力提倡醫生的醫德•黃松：黎笋是卓越的政治、軍事戰略家•武賢："做主人翁"——一個高尚完美的思想•范志勇：關于我國的國家資本經濟•周成和黃功：有關改革行政機器的實踐和理論問題•阮和：從文化角度來看"和平演變"•黎部領：越南外國直接投資的新階段•阮友進：自由移居：現狀與建議。

Digitized by Google

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CÔNG TÁC TƯ TƯỞNG - VĂN HÓA, GÓP PHẦN ĐẨY MẠNH CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA ĐẤT NƯỚC

ĐỖ MƯỜI
Tổng bí thư BCHTƯ Đảng cộng sản Việt nam

LỜI BỘ BIÊN TẬP : ***Hội nghị công tác tư tưởng - văn hóa toàn quốc*** *đã họp tại Hà nội từ ngày 5 đến 8-3-1997 để tổng kết công tác 5 năm 1991 - 1995 và năm 1996, đề ra phương hướng, nhiệm vụ công tác tư tưởng - văn hóa năm 1997 và đến năm 2000.*

Đồng chí ***Tổng bí thư Đỗ Mười*** *đã đến dự và có bài phát biểu quan trọng với Hội nghị.* ***Tạp chí Cộng sản*** *xin trân trọng giới thiệu bài phát biểu này với bạn đọc.*

Thưa các đồng chí,

Hội nghị công tác tư tưởng - văn hóa lần này có ý nghĩa rất quan trọng trong bối cảnh Đảng ta đang triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII. Hội nghị có nhiệm vụ tổng kết công tác tư tưởng - văn hóa từ năm 1991 đến nay, nhất là trong năm 1996, đánh giá những thành tựu để tiếp tục phát huy ; phân tích những khuyết điểm, yếu kém để ra sức khắc phục ; nêu lên những bài học kinh nghiệm của công tác tư tưởng - văn hóa trong quá trình đổi mới ; đề ra phương hướng, nhiệm vụ công tác tư tưởng - văn hóa năm 1997 và đến năm 2000 nhằm thúc đẩy phong trào cách mạng của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta, phấn đấu thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 1996 - 2000, bước mở đầu rất quan trọng đưa đất nước chuyển sang thời kỳ phát triển mới.

Để góp phần vào công việc của Hội nghị, tôi muốn nêu lên với các đồng chí một số vấn đề sau đây.

Trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng nước ta hơn nửa thế kỷ qua và trong sự nghiệp đổi mới ngày nay, Đảng ta luôn luôn xác định vị trí hàng đầu của công tác tư tưởng - văn hóa. Thành tựu rất quan trọng của sự nghiệp đổi mới hơn 10 năm qua gắn liền với kết quả bước đầu đổi mới tư duy lý luận của Đảng ta về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt nam, đã cổ vũ lòng yêu nước, động viên mọi nguồn lực, phát huy tài năng sáng tạo và tinh thần phấn đấu vượt bậc của nhân dân ta. Chính nhờ đó mà cách mạng nước ta đã vượt qua những bước hiểm nghèo trong tình hình diễn biến phức tạp để đứng vững và tiếp tục phát triển.

Hơn mười năm đổi mới cũng là thời gian mà công tác tư tưởng - văn hóa đứng trước nhiều thử thách. Chúng ta có thể tự hào về những nỗ lực vượt qua những thử thách đó, về những thành tích và đóng góp quan trọng của công tác tư tưởng - văn hóa trong thời gian ấy. Các mặt công tác lý luận, giáo dục chính trị, thông tin, cổ động, báo chí, xuất bản, văn học, nghệ thuật... đều khởi sắc và có bước phát triển, góp phần quan trọng tuyên truyền, phổ biến sâu rộng đường lối, chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước, cổ vũ phong trào hành động cách mạng sôi nổi của toàn dân ; nâng cao niềm tin của nhân dân vào sự lãnh đạo của Đảng ; bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tổng kết thực tiễn, góp phần xây dựng các quyết sách lớn của Đảng và Nhà nước.

Thay mặt Ban chấp hành Trung ương và Bộ chính trị, tôi nhiệt liệt biểu dương các cơ quan và

Digitized by Google

cán bộ, chiến sĩ trên mặt trận tư tưởng - văn hóa về những đóng góp đẩy hiệu quả đó.

Bên cạnh việc khẳng định những thành tựu, Hội nghị lần này cần phân tích sâu sắc những khuyết điểm, yếu kém như : chưa làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân quán triệt sâu sắc quan điểm, đường lối, chính sách, nhất là các chính sách kinh tế, xã hội của Đảng và Nhà nước, nên khi thực hiện có thể nảy sinh lệch lạc về phía này hay phía khác ; chưa quan tâm đúng mức công tác giáo dục giữ vững và nâng cao phẩm chất, đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên trong hoàn cảnh mới ; công tác đấu tranh chống tham ô, lãng phí, quan liêu và các tệ nạn xã hội khác, chống sự xâm nhập của các nọc độc về chính trị, văn hóa chưa làm đúng mức và hiệu quả còn thấp ; công tác quản lý nhà nước đối với các hoạt động thông tin, báo chí, xuất bản, văn hóa, văn nghệ còn nhiều thiếu sót ; xu hướng "thương mại hóa" và những hiện tượng vi phạm luật báo chí, xuất bản chậm được khắc phục ; đấu tranh chống các luận điệu xuyên tạc chưa kịp thời, thiếu sắc bén ; sự chỉ đạo của một số cấp ủy đảng đối với công tác tư tưởng - văn hóa còn thiếu nhạy bén, có nơi, có lúc còn chủ quan, lơ là, bỏ trống trận địa ; công tác tư tưởng - văn hóa ở nhiều nơi còn tách rời các hoạt động kinh tế, xã hội ; chưa làm tốt việc thường xuyên lắng nghe ý kiến nhân dân, hiểu rõ tâm tư, nguyện vọng của đồng bào cũng như việc tuyên truyền, giáo dục cán bộ, nhân dân sống và làm việc theo pháp luật ; mở rộng dân chủ đi đôi với việc duy trì trật tự, kỷ cương, bảo đảm thực sự quyền và nghĩa vụ công dân của mọi người trong xã hội.

Từ thực tiễn công tác tư tưởng - văn hóa trong quá trình đổi mới, các đồng chí đã rút ra những bài học bổ ích. Mỗi bài học đã tổng kết đều cần được vận dụng và phát huy, đặc biệt là bài học luôn kiên định độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đó là mục tiêu cơ bản của sự nghiệp đổi mới dưới sự lãnh đạo của Đảng, và cũng là định hướng cơ bản của công tác tư tưởng - văn hóa. Thắng lợi của sự nghiệp đổi mới, những đóng góp có hiệu quả của công tác tư tưởng - văn hóa vào thắng lợi đó trước hết là do giữ vững mục tiêu của cách mạng, thực hiện đúng đắn và sáng tạo định hướng cơ bản của quá trình đổi mới do Đảng đề ra. Trên bước đường đi tới, công tác tư tưởng - văn hóa càng phải nắm vững và thực hiện tốt bài học đó nhằm tận dụng thời cơ, vượt qua thử thách, nhất là khi thời cuộc có những diễn biến phức tạp.

Công tác tư tưởng - văn hóa lúc bình thường đã quan trọng. Trước bước ngoặt của cách mạng, nó càng quan trọng. Đại hội VIII đã khẳng định quyết tâm đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp sau vài ba thập kỷ. *Nhiệm vụ hàng đầu* của công tác tư tưởng - văn hóa hiện nay là phải quán triệt đường lối đó trong toàn đảng, toàn dân và toàn quân, dấy lên cao trào cách mạng, biến Nghị quyết thành hiện thực. Phải làm cho ai nấy đều hiểu rõ ý nghĩa và nội dung công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo con đường xã hội chủ nghĩa, nhất là trong giai đoạn trước mắt, động viên sức mạnh của toàn dân, của mọi thành phần kinh tế, của mỗi người, mỗi gia đình, mỗi ngành, mỗi địa phương và từng đơn vị cơ sở quyết tâm mang hết sức mình góp phần làm bằng được, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh ; củng cố độc lập dân tộc và vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng Tổ quốc ta "đàng hoàng hơn, to đẹp hơn" như Bác Hồ hằng mong muốn.

Nắm vững những nội dung cơ bản đó, công tác tư tưởng - văn hóa phải bám sát thực tiễn, phát hiện và biểu dương những người tốt, việc tốt, những nhân tố tích cực, uốn nắn kịp thời những lệch lạc, phổ biến rộng rãi những kinh nghiệm của các điển hình tiên tiến, tiến tới Đại hội anh hùng, chiến sĩ thi đua toàn quốc trong thời kỳ mới. Đặc biệt coi trọng tổng kết thực tiễn, phát hiện những vấn đề mới nảy sinh, đề xuất những kiến nghị thiết thực bổ sung đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Chúng ta tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa dựa vào sức mình là chính, huy động tối đa nguồn lực trong nước ; đồng thời mở rộng các quan hệ đối ngoại, tranh thủ có hiệu quả các nguồn lực bên ngoài, hợp tác bình đẳng và cùng có lợi ; nắm vững chính sách đối ngoại rộng mở của Đảng ta là trên cơ sở giữ vững độc lập, chủ quyền dân tộc, tích cực góp phần củng cố hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển trong khu vực và trên thế giới.

Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ đang phát triển như vũ bão, đó là thuận lợi và cũng là thách thức đối với nước ta. Với lợi thế của nước đi sau, chúng ta phải tích cực, khẩn trương nắm vững những công nghệ cơ bản, trên cơ sở đó mà hết sức tranh thủ đi tắt, ứng dụng những công nghệ hiện đại để rút ngắn thời gian và khoảng cách. Để phát huy nguồn lực con người, nhân tố quyết định mọi thắng lợi, Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã ra Nghị quyết về định hướng

Digitized by Google

chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ, coi đây là quốc sách hàng đầu, là khâu đột phá thúc đẩy quá trình phát triển. Các lĩnh vực công tác tư tưởng, văn hóa, giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ đều hướng tới mục đích chung xây dựng con người Việt nam về tư tưởng, trí tuệ, tài năng, đạo đức, lối sống..., đủ sức giải quyết thành công những vấn đề do thực tiễn đặt ra. Các hoạt động tư tưởng - văn hóa phải gắn kết chặt chẽ với nhiệm vụ quán triệt và thực hiện Nghị quyết Trung ương hai đạt kết quả tốt ngay từ năm 1997 này.

Bước vào thời kỳ phát triển mới, chúng ta có thuận lợi rất cơ bản là đường lối công nghiệp hóa, hiện đại hóa của Đảng phù hợp với yêu cầu và khả năng phát triển của đất nước, đáp ứng nguyện vọng tha thiết của toàn dân ; thành tựu 10 năm qua đã tạo cho ta thế và lực mới ; mở đầu kế hoạch 5 năm 1996 - 2000, năm 1996 đã đạt được tốc độ phát triển khá. Song chúng ta vẫn đang còn là một nước nghèo và kém phát triển, đòi hỏi phải thấy hết những khó khăn đang tồn tại và có thể sẽ nảy sinh trên bước đường đi tới để nỗ lực vượt qua và nhanh chóng vươn lên, từng bước tiến kịp sự phát triển trong khu vực và trên thế giới.

Hội nhập nền kinh tế khu vực và thế giới là xu hướng tất yếu trong điều kiện hiện nay, diễn ra trong môi trường hợp tác và cạnh tranh quyết liệt. Tận dụng những khả năng hợp tác để phát triển, đồng thời phải cố gắng rất lớn trong cạnh tranh trên thị trường. Trong kháng chiến, chúng ta đã động viên toàn lực phục vụ chiến trường với khẩu hiệu "tất cả cho tiền tuyến, tất cả để chiến thắng". Ngày nay, phải phát huy tinh thần ấy, từng bước phấn đấu tạo đủ sức cạnh tranh, giành thắng lợi trên thị trường. Trong cuộc cạnh tranh quyết liệt này, công tác tư tưởng - văn hóa phải phát huy cao độ tinh thần yêu nước, khơi dậy hào khí Việt nam và niềm tự hào dân tộc, quyết tâm xóa nhục đói nghèo, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Ở nước ta, công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải kết hợp tăng trưởng kinh tế với phát triển văn hóa, bảo đảm công bằng xã hội, bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái. Đó là điều rất mới, chưa có tiền lệ, đòi hỏi chúng ta phải kiên định, vững vàng về đường lối, độc lập trong suy nghĩ, sáng tạo trong hành động. Không thể đơn thuần chạy theo tăng trưởng kinh tế, mặc dù điều đó rất quan trọng, mà phải chú trọng ngay từ đầu đến công nghiệp hóa sinh thái, công nghiệp hóa nhân văn, lấy con người và xã hội làm trung tâm, bảo đảm sự phát triển hài hòa, bền vững theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Để bảo đảm thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phải đặc biệt coi trọng nhiệm vụ then chốt là xây dựng Đảng ta trong sạch, vững mạnh, luôn luôn giữ vững bản chất giai cấp công nhân, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng. Trau dồi bản lĩnh chính trị kiên định, vững vàng qua thực tiễn đấu tranh cách mạng ; rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng, bồi dưỡng kiến thức, khả năng sáng tạo và năng lực hoạt động thực tiễn của cán bộ, đảng viên là một nhiệm vụ cơ bản của công tác xây dựng đảng về tư tưởng. Các cấp ủy đảng phải thường xuyên chăm lo giáo dục cán bộ, đảng viên thấu suốt đường lối, chủ trương của Đảng, bồi dưỡng những kiến thức mới và năng lực mới trong hoạt động thực tiễn.

Để đáp ứng những đòi hỏi ngày càng cao của sự nghiệp cách mạng, phải dấy lên trong cán bộ, đảng viên, trong các đoàn thể, các cơ quan nhà nước phong trào học tập và rèn luyện với ý thức tự giác cao. Mỗi đồng chí ở bất kỳ cương vị nào đều phải ra sức học tập theo tinh thần "Học, học nữa, học mãi", "Còn sống còn phải học" ; coi học tập là công việc hằng ngày, học đi đôi với hành, nhanh chóng khắc phục những non yếu về kiến thức cũng như thực tiễn ; nghiêm khắc tự rèn luyện theo đạo đức cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, tôn trọng, lắng nghe ý kiến, tâm tư, nguyện vọng của dân, hết lòng hết sức phục vụ nhân dân, đấu tranh chống mọi biểu hiện thoái hóa về chính trị, tư tưởng và đạo đức, nhất là chủ nghĩa cá nhân, cơ hội, bè phái, giữ gìn sự đoàn kết, thống nhất trong Đảng. Kiên quyết đấu tranh chống tham ô, lãng phí, quan liêu và mọi biểu hiện tiêu cực khác, loại trừ khỏi tổ chức đảng, đoàn thể và cơ quan nhà nước những phần tử thoái hóa, biến chất, lợi dụng chức quyền ức hiếp nhân dân, bao che kẻ xấu, vi phạm nghiêm trọng kỷ luật Đảng và pháp luật Nhà nước. Làm được như vậy thì quan hệ máu thịt giữa Đảng và nhân dân nhất định được củng cố ngày càng vững chắc, nâng cao lòng tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước, phát huy cao độ nhiệt tình cách mạng của toàn dân.

Công tác tư tưởng - văn hóa cần được tiếp tục đổi mới và phát triển đồng bộ, nâng cao chất lượng và từng bước hiện đại hóa.

Nghiên cứu lý luận phải gắn với tổng kết thực tiễn, hướng vào giải quyết những vấn đề cấp bách

Digitized by Google

của cuộc sống, bảo đảm tính khoa học với sức thuyết phục cao, phục vụ đắc lực cuộc đấu tranh trên mặt trận tư tưởng, lý luận ; cung cấp những luận cứ xác đáng cho việc cụ thể hóa, bổ sung và hoàn thiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước hợp quy luật, thuận lòng dân, phù hợp với đặc điểm của nước ta và thế giới ngày nay, góp phần làm sáng tỏ hơn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội. Đây là nhiệm vụ hết sức quan trọng trong giai đoạn hiện nay.

Công tác giáo dục lý luận, chính trị cần được tiếp tục đổi mới về nội dung, phương pháp và hình thức. Ngoài việc giáo dục những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh, cần coi trọng giáo dục lịch sử dân tộc và lịch sử Đảng, phát huy truyền thống tư duy độc lập sáng tạo, đề cao phẩm chất Nhân, Trí, Dũng của dân tộc ta. Việc bồi dưỡng đường lối, chính sách của Đảng cho cán bộ, đảng viên ở mỗi địa phương và cơ sở phải bám sát và phục vụ có hiệu quả quá trình triển khai các công tác lớn thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII và các nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương Đảng. Cải tiến chương trình và phương pháp giáo dục thích hợp với sinh viên, học sinh các trường thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, với cán bộ, đảng viên các dân tộc thiểu số. Đặc biệt coi trọng chất lượng giáo dục, chống phô trương, hình thức, gây lãng phí tiền của, công sức, thời gian.

Tăng cường công tác thông tin nội bộ, phát triển mạnh các phương tiện truyền thông hiện đại đi đôi với tận dụng hình thức tuyên truyền miệng, kịp thời đưa thông tin chính xác và chính thống đến mọi nhà, mọi người trên địa bàn dân cư ở mọi vùng đất nước ; bồi dưỡng, nâng cao nhận thức để nhân dân phân biệt được đúng sai, phê phán đấu tranh chống lại những luận điệu xuyên tạc.

Phát triển đi đôi với quản lý tốt, nâng cao chất lượng báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình. Nâng cao tính chỉ đạo, tính chiến đấu, tính kịp thời và tính đại chúng của báo chí cách mạng, coi trọng việc phát hiện và biểu dương những nhân tố mới, đồng thời phát hiện và phê phán các hiện tượng tiêu cực. Khắc phục khuynh hướng "thương mại hóa", xa rời định hướng chính trị và tôn chỉ, mục đích của báo chí cách mạng, chạy theo những thị hiếu không lành mạnh ; chấn chỉnh các hoạt động quảng cáo trên đường phố và trên các phương tiện thông tin đại chúng. Phối hợp tốt các hoạt động báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của đồng bào trong nước và nhanh chóng đáp ứng yêu cầu thông tin đối với kiều bào ta ở nước ngoài ; tăng cường thông tin đối ngoại, mở rộng công tác tuyên truyền, làm cho nhân dân các nước trong khu vực và trên thế giới hiểu biết hơn về Việt nam.

Mọi hoạt động văn hóa, văn nghệ phải hướng vào xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng con người Việt nam về tư tưởng, tâm hồn, tình cảm lối sống và nhân cách, xây dựng nền tảng tinh thần và động lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Củng cố, tăng cường mạng lưới thông tin văn hóa về cơ sở, đặc biệt ở những vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng ; phát triển các hoạt động văn hóa quần chúng, khai thác và phát huy sắc thái và giá trị văn hóa, nghệ thuật của các dân tộc anh em trên đất nước ta ; phát triển các phong trào đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn, xây dựng nếp sống văn minh, gia đình văn hóa, khuyến tài, khuyến học, mở rộng các hoạt động nhân đạo, từ thiện... Khuyến khích, giúp đỡ các văn nghệ sĩ đi vào phong trào ở cơ sở, đẩy mạnh các hoạt động sáng tác, có nhiều tác phẩm hay, đáp ứng sự mong mỏi của công chúng. Trong điều kiện mở rộng các quan hệ đối ngoại, càng phải coi trọng giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc đi đôi với tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại để làm giàu nền văn hóa của ta, ngăn chặn sự xâm nhập của các sản phẩm văn hóa độc hại, lai căng, mất gốc. Coi trọng việc xây dựng nếp sống văn minh và nâng cao mức hưởng thụ văn hóa của nhân dân ở mỗi vùng đất nước, đồng thời kiên trì thực hiện tốt cuộc vận động lập lại trật tự, kỷ cương trong lĩnh vực văn hóa, bài trừ các tệ nạn xã hội, hủ tục, mê tín, dị đoan.

Công tác tư tưởng - văn hóa phải góp phần và đi đầu trong cuộc đấu tranh làm thất bại âm mưu và thủ đoạn của một số thế lực đang đẩy mạnh hoạt động chống phá ta về tư tưởng, văn hóa, mưu toan gây mất ổn định chính trị, phá hoạt sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Để thực hiện thắng lợi nhiệm vụ đấu tranh này, công tác tư tưởng - văn hóa phải góp phần xây dựng lực lượng của ta vững mạnh về mọi mặt. Thường xuyên coi trọng giáo dục chủ nghĩa Mác - Lê-nin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối, chính sách của Đảng ; bảo vệ các giá trị truyền thống tốt đẹp của dân tộc ; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, củng cố, mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh công nhân, nông dân, trí thức, kiên định đường lối đổi mới và vai trò lãnh đạo của Đảng cộng sản đối với cách mạng Việt nam ; biến ý chí đó thành lập trường chính trị không thể lay chuyển của Đảng và nhân

Digitized by Google

dân ta để ứng phó kịp thời và có hiệu quả trong mọi tình huống.

Cơ quan tư tưởng, văn hóa các cấp phải được củng cố, tăng cường ; cải tiến toàn diện các mặt công tác, hướng mạnh về cơ sở, bám sát thực tiễn, nâng cao tính chiến đấu, tính thuyết phục, tính chân thực, khoa học, gắn phổ cập với nâng cao. Coi trọng việc xây dựng lực lượng làm công tác tư tưởng, văn hóa ở cơ sở. Đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng và có chính sách thỏa đáng đối với đội ngũ cán bộ quản lý, giảng viên, báo cáo viên, tuyên truyền viên, phóng viên, biên tập viên, bình luận viên, văn nghệ sĩ có bản lĩnh chính trị vững vàng, gắn bó mật thiết với nhân dân, trong sáng về đạo đức, lành mạnh về lối sống, có kiến thức sâu rộng, tinh thông nghiệp vụ, giàu tài năng sáng tạo.

Công tác tư tưởng - văn hóa là việc của toàn đảng, trước hết là của bí thư các cấp ủy, của đồng chí thủ trưởng các tổ chức trong hệ thống chính trị, trong đó đội ngũ cán bộ tư tưởng - văn hóa giữ vai trò nòng cốt. Ban tuyên giáo các cấp phải làm tốt chức năng tham mưu, giúp cấp ủy tổ chức phối hợp lực lượng của các tổ chức đảng, các đoàn thể, các cơ quan nhà nước hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác tư tưởng - văn hóa.

Đồng thời với đẩy mạnh các hoạt động thường xuyên, phải tổ chức nghiên cứu, hoạch định chiến lược quốc gia về thông tin - văn hóa, lập kế hoạch dài hạn về đào tạo cán bộ, về hiện đại hóa các mặt công tác tuyên truyền, huấn học, báo chí, xuất bản, phát thanh, truyền hình, in ấn phục vụ đắc lực sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân. Làm tốt công tác nghiên cứu dự báo tình hình tư tưởng - văn hóa để tăng cường tính chủ động, sáng tạo trong công tác.

Thưa các đồng chí,

Toàn đảng, toàn dân và toàn quân ta đang nỗ lực phấn đấu hoàn thành mục tiêu đã đề ra cho những năm cuối của thế kỷ này, chuẩn bị hành trang cho bước phát triển cao hơn trong những năm đầu của thế kỷ sau. Tôi mong rằng, mỗi ngành, mỗi địa phương sớm tổ chức thực hiện các quyết định của Hội nghị, hướng mạnh và nâng cao hiệu quả công tác tư tưởng, văn hóa ở cơ sở, góp phần tạo chuyển biến mới trong phong trào quần chúng triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII, Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai và các nghị quyết tiếp theo của Ban chấp hành Trung ương Đảng.

Chúc các đồng chí và toàn ngành tư tưởng - văn hóa lập nhiều thành tích mới. Chúc Hội nghị thành công tốt đẹp. ❑

VẤN ĐỀ...

(Tiếp theo trang 11)

3 - Điều kiện để thực hiện quyền lãnh đạo của tổ chức đảng trong các doanh nghiệp nhà nước được quy tụ ở một số vấn đề là :

- Cấp ủy phải có trình độ cao, đồng đều, phải bảo đảm cơ cấu hợp lý để đủ sức lãnh đạo toàn diện. Các cấp ủy viên cần có bản lĩnh chính trị vững vàng, trung thành với đường lối của Đảng, có khả năng vận dụng sáng tạo đường lối của đảng vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của đơn vị. Có kiến thức toàn diện và năng lực sâu về từng lĩnh vực quan trọng trong nhiệm vụ sản xuất kinh doanh. Có phẩm chất đạo đức trong sạch, chăm lo lợi ích người lao động, đoàn kết và gương mẫu...

- Bí thư cấp ủy trong các doanh nghiệp hiện nay thường có các mô hình là : bí thư kiêm giám đốc ; bí thư kiêm phó giám đốc hoặc kiêm các chức danh khác thấp hơn ; bí thư chuyên trách. Qua thực tế, nhiều doanh nghiệp cho rằng nên theo mô hình bí thư kiêm giám đốc, phó giám đốc, hoặc bí thư chuyên trách ; hạn chế bớt mô hình bí thư kiêm các chức danh thấp (trưởng phòng, quản đốc phân xưởng...).

- Doanh nghiệp phải tạo điều kiện cần thiết để tổ chức đảng hoạt động.

Nâng cao vai trò, năng lực, hiệu quả lãnh đạo của tổ chức đảng trong doanh nghiệp nhà nước, trước nhất lãnh đạo thực hiện sản xuất kinh doanh là một vấn đề cực kỳ quan trọng, có ý nghĩa quyết định. Đây là vấn đề khó, có nhiều mới mẻ nhưng nếu các tổ chức đảng trong doanh nghiệp kiên định, vững vàng về phương hướng đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo, biết phát huy trí tuệ tập thể của cán bộ đảng viên, thì nhất định chúng ta sẽ hoàn thành được nhiệm vụ then chốt này, bảo đảm để doanh nghiệp nhà nước đủ sức giữ vai trò chủ đạo trong nền kinh tế quốc dân.❑

Digitized by Google

VẤN ĐỀ LÃNH ĐẠO SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA TỔ CHỨC ĐẢNG TRONG DOANH NGHIỆP NHÀ NƯỚC Ở HÀ NỘI

LÊ XUÂN TÙNG *

I - KẾT QUẢ SAU 4 NĂM ĐỔI MỚI VÀ CHỈNH ĐỐN ĐẢNG

Trên địa bàn Hà nội, hiện có 738 doanh nghiệp nhà nước (401 doanh nghiệp trung ương, 260 doanh nghiệp thành phố, 77 doanh nghiệp quận huyện). 100% số doanh nghiệp nói trên có tổ chức đảng (454 là đảng bộ cơ sở, 284 là chi bộ cơ sở). Bước vào kinh tế thị trường, nhiều tổ chức đảng trong doanh nghiệp nhà nước không xác định rõ được nội dung và phương thức hoạt động phù hợp với cơ chế mới, dẫn đến vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng bị coi nhẹ, có nơi bị hạ thấp nghiêm trọng. Sau khi có Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII) và chương trình số 14 của thành ủy Hà nội về đổi mới, chỉnh đốn Đảng, các tổ chức đảng trong doanh nghiệp nhà nước ở Hà nội đã từng bước vươn lên, khẳng định được vai trò lãnh đạo của mình.

Dấu ấn rõ rệt nhất trong 4 năm thực hiện đổi mới và chỉnh đốn Đảng là các cấp ủy đã thoát ra khỏi tình trạng lúng túng và bước đầu xác định được những nội dung cơ bản trong lãnh đạo sản xuất, kinh doanh. Tổ chức đảng đã tập trung ra nghị quyết, chủ trương, giải pháp cho các chương trình ổn định và phát triển ; kế hoạch đầu tư dài hạn, liên doanh, liên kết, kế hoạch sản xuất hàng năm, hàng quý, sắp xếp lại bộ máy, bố trí lại cán bộ quản lý điều hành, truyên truyền giáo dục quần chúng thực hiện tốt các kế hoạch sản xuất, kinh doanh... Nhờ vậy số doanh nghiệp làm ăn thua lỗ giảm dần, số doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả ngày càng tăng (695 doanh nghiệp chiếm 94,17% hoàn thành nhiệm vụ sản xuất kinh doanh có lãi với những mức độ khác nhau hoặc không còn bị lỗ, nộp đủ ngân sách, đời sống cán bộ công nhân ổn định, bước đầu có cải thiện ; 43 doanh nghiệp chiếm 5,83% làm ăn thua lỗ, đời sống cán bộ công nhân chưa ổn định). Các doanh nghiệp nhà nước đã đóng góp 67,5% ngân sách trên địa bàn, doanh nghiệp khu vực thương mại chiếm 66,7% tổng mức bán buôn và 30% bán lẻ, các doanh nghiệp khu vực sản xuất công nghiệp mức tăng trưởng trung bình hàng năm trên 14%, giá trị hàng xuất khẩu tăng trên 20%... Rõ ràng kinh tế quốc doanh đang đóng vai trò chủ đạo nhiều mặt trên thị trường thủ đô.

Chất lượng tổ chức cơ sở đảng trong các doanh nghiệp nhà nước có nhiều chuyển biến rõ rệt. 72,8% các tổ chức đảng đã xây dựng hoàn chỉnh quy chế hoạt động. Từ kinh nghiệm xây dựng quy chế hoạt động của tổ chức đảng, nhiều doanh nghiệp đã vươn lên hoàn thiện các quy chế quản lý chuyên môn nhằm đưa mọi hoạt động của doanh nghiệp vào nề nếp. Phong trào phấn đấu trở thành cơ sở đảng trong sạch, vững mạnh được mở rộng. Đến năm 1995 đã có 44,67% cơ sở đạt tiêu chuẩn trong sạch vững mạnh và 49,93% cơ sở đạt loại khá, cơ sở yếu còn 4,7% và cơ sở kém chỉ còn 0,6%. Năm 1995 số chi bộ, đảng bộ khối doanh nghiệp nhà nước được thành ủy tặng cờ trong sạch vững mạnh 4 năm liền (1991 - 1994) chiếm 61,4% tổng số các cơ sở được tặng cờ toàn thành phố. Thành phố

* Ủy viên Bộ chính trị, Bí thư thành ủy Hà nội

Digitized by Google

cũng đã đề nghị Trung ương khen 13 tổ chức đảng trong đó có 8 đơn vị thuộc khối doanh nghiệp nhà nước.

Chất lượng đảng viên đã được nâng lên. Năm 1995 đảng viên loại 1 : 27 718, loại 2 : 6846, loại 3,4 rất ít. Trong 3 năm 1993 - 1995 trên 10 000 đối tượng ở khối này được bồi dưỡng về đảng và đã kết nạp được gần 4 000 đảng viên mới. Đảng viên mới được kết nạp hầu hết là tuổi trẻ, gần 50% có trình độ đại học, và đang phát huy tốt vai trò tiên phong gương mẫu, nhiều đồng chí được bổ nhiệm vào các cương vị lãnh đạo ở cơ sở.

Cấp ủy và bí thư cấp ủy ở các cơ sở doanh nghiệp có nhiều biến đổi quan trọng, tiến bộ cả về số lượng, cơ cấu và chất lượng. Số cấp ủy viên mới chiếm 30%, tuổi bình quân cũng trẻ hơn. Tỷ lệ cấp ủy viên là nữ tăng. Trình độ chuyên môn nghiệp vụ : gần 70% là đại học, gần 25% là trung cấp. Trình độ lý luận chính trị : 10% cao cấp, trên 50% trung cấp. Sau một thời gian phấn đấu, bước đầu các cơ sở tự đánh giá 82,44% cấp ủy thực sự phát huy tốt vai trò lãnh đạo của mình. Hầu hết các bí thư cấp ủy tham gia quản lý : bí thư làm giám đốc chiếm gần 40% ; bí thư làm phó giám đốc chiếm trên 37% ; bí thư chuyên trách 4%, gần 20% còn lại là bí thư kiêm các chức danh khác. Trên 70% bí thư có trình độ đại học và gần 20% có trình độ cao cấp lý luận chính trị. Bước đầu các cơ sở tự đánh giá gần 75% bí thư đảm nhận tốt nhiệm vụ được giao.

Dưới sự lãnh đạo của các tổ chức đảng, hoạt động của các tổ chức quần chúng trong các doanh nghiệp cũng đạt hiệu quả cao hơn. Cụ thể là : Nội dung và phương thức hoạt động phong phú hơn ; chăm lo hơn tới việc bảo vệ lợi ích chính đáng của người lao động; thu hút được đông đảo các hội viên, đoàn viên tham gia vào các phong trào thi đua sản xuất, tiết kiệm, cải thiện đời sống và các phong trào xã hội khác như bảo vệ môi trường, xóa đói giảm nghèo, hoạt động tình nghĩa đối với các đối tượng chính sách, có công với cách mạng...

Bên cạnh những kết quả đáng mừng trên, tổ chức đảng trong các doanh nghiệp ở Hà nội trong quá trình phấn đấu đi lên vẫn không tránh khỏi những lúng túng và yếu kém. Điều đó biểu hiện khá rõ trên các mặt : nội dung và phương thức lãnh đạo sản xuất, kinh doanh ; sắp xếp lại hệ thống tổ chức ; nội dung sinh hoạt ; công tác quản lý đảng viên ; và khắc phục các hiện tượng tiêu cực.

II - TIẾP TỤC ĐI SÂU LÀM RÕ HƠN NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG THỨC LÃNH ĐẠO SẢN XUẤT, KINH DOANH

Đảng ta chủ trương phát triển kinh tế nhiều thành phần, trong đó kinh tế nhà nước đóng vai trò chủ đạo. Muốn vậy, các doanh nghiệp nhà nước phải phát triển vững mạnh mà trọng tâm là sản xuất, kinh doanh đúng hướng, có hiệu quả cao. Quy định 49/BBT của Ban bí thư (khóa VII) về chức năng nhiệm vụ của tổ chức đảng trong các doanh nghiệp nhà nước đã xác định rõ nhiệm vụ số một là lãnh đạo sản xuất kinh doanh. Tiếp đến Nghị quyết của Bộ chính trị tháng 3 - 1995 về đổi mới và phát huy vai trò chủ đạo của các doanh nghiệp nhà nước cũng khẳng định nhiệm vụ số 1 để tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng là lãnh đạo xây dựng phương án sản xuất kinh doanh.

Tầm quan trọng của vấn đề còn do : hiện nay đất nước đang bước vào thời kỳ phát triển mới, thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Muốn vậy phải phát triển sản xuất, kinh doanh trên cơ sở áp dụng các thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến. Đây là một điểm quan trọng, mới mẻ và khó khăn, đòi hỏi Đảng ta phải lỗ lực rất lớn.

Mặt khác, toàn bộ các hoạt động kinh tế, xã hội lại vận hành trong cơ chế thị trường và kinh tế mở, việc lãnh đạo sản xuất, kinh doanh của tổ chức đảng trong các doanh nghiệp nhà nước có nhiều tình huống mới mẻ đòi hỏi phải nhạy bén, chủ động đổi mới để không mượn danh cơ chế thị trường mà buông lỏng lãnh đạo, chạy từ thái cực này sang thái cực khác, lúc nhấn mạnh quyền giám đốc, lúc cấp ủy bao biện làm thay...

Trên nền nhận thức như thế, không thỏa mãn trước các kết quả đạt được, nhằm khắc phục những yếu kém còn tồn tại, thành ủy Hà nội chủ trương tiếp tục đưa công tác đổi mới và chỉnh đốn Đảng đi vào chiều sâu ở các đảng bộ khối doanh nghiệp. Sau khi khảo sát, điều tra, đánh giá, làm thử, rút kinh nghiệm, với mục tiêu khẳng định vững chắc vai trò lãnh đạo, năng lực tổ chức

Digitized by Google

thực hiện và sức chiến đấu của mình, tổ chức đảng trong các doanh nghiệp nhà nước ở Hà nội tiếp tục làm sáng tỏ hơn nội dung và phương thức lãnh đạo sản xuất, kinh doanh.

1 - Lãnh đạo sản xuất, kinh doanh đúng hướng và hiệu quả là vấn đề cốt tử của tổ chức đảng trong các doanh nghiệp nhà nước. Bởi vì sản xuất, kinh doanh có đúng hướng và hiệu quả thì doanh nghiệp nhà nước mới đóng được vai trò chủ đạo, tiền vốn mới bảo toàn và phát triển, sản xuất, kinh doanh mới mở rộng, nghĩa vụ với nhà nước mới đầy đủ, việc làm và thu nhập của người lao động mới bảo đảm... Nội dung lãnh đạo sản xuất, kinh doanh đúng hướng, có hiệu quả của tổ chức đảng trong các doanh nghiệp nhà nước hết sức phong phú và cụ thể. Nó bao gồm những nội dung như : tổ chức đảng phải nâng cao chất lượng xây dựng chiến lược phát triển của doanh nghiệp theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, bao gồm kế hoạch phát triển toàn diện, dài hạn, hàng năm ; các phương án sản xuất kinh doanh ; thực hiện nghĩa vụ đối với nhà nước ; các chính sách cơ chế nội bộ tạo ra động lực thúc đẩy sản xuất và kinh doanh... Tất cả những nội dung lãnh đạo đó, vừa làm vừa bổ sung để dần dần hoàn thiện. Ở đây tôi muốn bàn sâu vào một số nội dung quan trọng là :

a) Tổ chức đảng của mỗi cơ sở doanh nghiệp phải từng bước chủ động nghiên cứu soạn thảo chiến lược phát triển của cơ sở mình. Chiến lược phát triển của mỗi doanh nghiệp là mục tiêu hướng tới, là con đường phát triển dài hạn. Doanh nghiệp chỉ biết ăn đong từng năm, từng quý thì không thể đủ sức phát triển, cạnh tranh trong thị trường khắc nghiệt được. Các doanh nghiệp ở các nước phát triển ngay từ khi mới thành lập đã coi trọng vấn đề này trong cả quá trình phát triển tiến lên : ví dụ như nhiều doanh nghiệp ở Xin-ga-po xác định rõ mục tiêu khu vực hóa ; ở Hàn quốc : mục tiêu toàn cầu hóa, xâm nhập thị trường thế giới ; ở Nhật là sản phẩm và công nghệ thế kỷ XXI... Hiện nay nhiều doanh nghiệp nhà nước ở nước ta nói chung và khu vực Hà nội nói riêng bước đầu đã có chiến lược phát triển doanh nghiệp tốt như chiến lược chuyển từ lắp ráp hàng tiêu dùng (xe máy, ti vi, tủ lạnh, máy điều hòa, máy giặt...) sang từng bước sản xuất lấy sản phẩm ; chiến lược mặt hàng thay thế hàng nhập khẩu, xuất khẩu ; chiến lược tham gia vào các tập đoàn sản xuất chuyên ngành khu vực, hoặc tham gia AFTA, v.v.. Nhưng rất tiếc các doanh nghiệp làm được như thế chưa nhiều.

Trên nền chiến lược phát triển của doanh nghiệp, tổ chức đảng chủ động lãnh đạo phát huy trí tuệ của tập thể cán bộ công nhân, xây dựng các phương án sản xuất, kinh doanh. Kinh nghiệm ở những cơ sở làm ăn có hiệu quả cho hay, thông thường nội dung xây dựng phương án sản xuất bao gồm những vấn đề cơ bản là : xây dựng phương án sản phẩm ; phương án công nghệ, đổi mới máy móc thiết bị ; phương án mở rộng quy mô kinh doanh, liên doanh, liên kết ; phương án bảo toàn và phát triển vốn, phân phối lợi ích (bao gồm lợi ích nhà nước, lợi ích tập thể, lợi ích cá nhân) ; tổ chức, sắp xếp lại doanh nghiệp ; đào tạo bồi dưỡng cán bộ ; thông qua các chỉ tiêu quan trọng, cơ bản ; bàn các giải pháp chủ yếu để thực hiện. Trong những nội dung trên, cần hết sức chú ý thiết kế các giải pháp thực hiện. Giải pháp đó phải cụ thể, thiết thực, trước nhất phải tạo được động lực (cả vật chất và tinh thần) để khuyến khích người lao động làm chủ công việc, làm chủ doanh nghiệp, gắn bó với doanh nghiệp và để thu hút lao động giỏi, lao động kỹ thuật về với doanh nghiệp. Có nhiều hình thức, giải pháp tạo nên động lực cho người lao động như : Huy động vốn bằng hình thức cho vay, chia lãi cho người lao động một phần từ nguồn lợi nhuận, và cao hơn, mạnh mẽ hơn, quan trọng hơn là tiến hành cổ phần hóa. Cổ phần hóa chính là tạo ra sự kết hợp chặt chẽ, hữu cơ lợi ích nhà nước, tập thể và cá nhân. Ba lợi ích đan quyện vào nhau từng giây, từng phút trong việc làm của người lao động, tạo nên động lực nội tại, thường xuyên làm nên năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

b) Tổ chức đảng lãnh đạo phát động phong trào thi đua thực hiện nghị quyết của đảng về sản xuất, kinh doanh. Bước vào kinh tế thị trường, không ít doanh nghiệp nhà nước chỉ chú trọng mệnh lệnh mà coi nhẹ phát động phong trào thi đua trong doanh nghiệp, bởi vậy ở những xí nghiệp đó, sản xuất và kinh doanh chỉ là công việc riêng của lãnh đạo. Tổ chức đảng phải lãnh đạo để mọi người, mọi tổ chức trong doanh

Digitized by Google

nghiệp có trách nhiệm với mục tiêu kế hoạch của đơn vị. Để làm được như thế, cần tập trung vào những vấn đề cụ thể là :

- Phải làm cho cán bộ, công nhân trong doanh nghiệp nhận thức sâu sắc, đầy đủ nhiệm vụ của kế hoạch sản xuất, kinh doanh, vị trí của nó với sự phát triển của doanh nghiệp, nghĩa vụ của doanh nghiệp với nhà nước và nâng cao đời sống của người lao động.

- Xác định rõ nhiệm vụ của các tổ chức công đoàn, thanh niên, phụ nữ, nhất là Đoàn thanh niên phải xung kích đảm nhận những công việc khó khăn.

- Chi bộ và tổ đảng phải xác định thật rõ vai trò tiên phong trong sản xuất, kinh doanh của mình, tức là vừa phải giữ vai trò lãnh đạo đơn vị, vừa tập hợp lực lượng quần chúng thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị.

Tất cả nhằm tạo cho tổ chức đảng trong doanh nghiệp trở thành một tổ chức vững vàng về ý thức chính trị, giỏi về chuyên môn, có lương tâm nghề nghiệp, luôn luôn tự hào về doanh nghiệp và sản phẩm của doanh nghiệp. Tổ chức đảng phải nâng lên xây dựng một nền văn hóa doanh nghiệp (bao gồm văn hóa kinh doanh, văn hóa gia đình, văn hóa giao tiếp, văn hóa xã hội v.v) thì tập thể doanh nghiệp mới mạnh được. Văn hóa doanh nghiệp là những giá trị chuẩn mực làm cơ sở cho các mối quan hệ giữa các thành viên trong doanh nghiệp và quan hệ giữa doanh nghiệp với xã hội. Nhiều doanh nghiệp nước ngoài đã xây dựng nên chuẩn mực văn hóa của doanh nghiệp mình, ví dụ như Công ty thép Trung sơn của Đài loan đã tổng kết và đề ra chuẩn mực giá trị văn hóa của họ gồm những điểm là : tinh thần đoàn đội ; tinh thần xí nghiệp vì lợi ích chung ; tinh thần thực tế ; tinh thần tìm tòi cái mới ; giữ chữ tín... Đáng mừng là, hiện nay ở Hà nội đã có một số doanh nghiệp bắt đầu làm như thế, ví dụ như Công ty in Tiến bộ đã xây dựng chuẩn mực sản xuất kinh doanh của mình là : không tham nhũng, không nói bậy, không hút thuốc ở nơi làm việc, có ý thức thường xuyên phát hiện nội dung chính trị sai trong các trang in...

2 - Phương thức lãnh đạo của Đảng là công nghệ lãnh đạo (phân chia quá trình lãnh đạo thành công đoạn, các khâu, là hình thức, cách thức, biện pháp) mà tổ chức đảng tác động lên đối tượng lãnh đạo nhằm thực hiện có hiệu quả những nội dung lãnh đạo. Kết quả thực hiện nội dung lãnh đạo phụ thuộc rất nhiều vào phương thức lãnh đạo. Chính phương thức lãnh đạo của Đảng góp phần làm nổi bật vai trò lãnh đạo của Đảng, khắc sâu dấu ấn lãnh đạo của Đảng.

Phương thức lãnh đạo của tổ chức đảng trong doanh nghiệp nhà nước phong phú, đa dạng và còn nhiều mới mẻ, bởi vậy phải vừa làm vừa học, vừa tổng kết rút kinh nghiệm, và không nên cứng nhắc dập khuôn theo một hình mẫu nào. Xin đơn cử một ví dụ. Bình thường giám đốc có thể tự mình hoặc trao đổi qua với bí thư hay thường vụ cấp ủy rồi quyết định một phương án sản xuất kinh doanh, sau đó truyền đạt xuống các cấp dưới thi hành. Cũng có một cách làm khác, cách làm theo phương thức đảng, chẳng hạn như :

- Giám đốc chủ động dự thảo phương án, rồi trình bày với thường vụ cấp ủy, sau đó giám đốc và cấp ủy lấy ý kiến trong đảng bộ, rồi cấp ủy ra nghị quyết.

- Hoặc là cán bộ, công nhân viên, đảng viên có sáng kiến đưa ra phương án sản xuất kinh doanh (thậm chí một số nội dung, một số khía cạnh của phương án kinh doanh), cấp ủy các cấp chắt lọc, tập hợp đề xuất lên đảng ủy, đảng ủy giao cho ban giám đốc dự thảo rồi trình bày trước cán bộ, công nhân viên góp ý, các tổ đảng, chi bộ đảng, đảng ủy thảo luận góp ý rồi thường vụ đảng ủy cùng giám đốc tiếp thu, hoàn chỉnh, ra nghị quyết ...

Có nghị quyết rồi, giám đốc tổ chức thực hiện ; tổ chức đảng theo dõi, kiểm tra uốn nắn ; tổ chức đảng chủ động lãnh đạo sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm. Đảng viên làm nòng cốt trong phong trào thi đua sản xuất kinh doanh.

Để bảo đảm vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng trong các doanh nghiệp, nhất thiết phải có quy chế phối hợp công tác giữa đảng ủy với giám đốc, giữa bí thư cấp ủy với giám đốc. Đôi bên phải nghiêm túc thực hiện quy chế phối hợp đó. Đây là tính đảng, là nguyên tắc của người cán bộ lãnh đạo.

(Xem tiếp trang 7)

Digitized by Google

MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ VĂN HÓA VÀ NẾP SỐNG ĐÔ THỊ Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

NGUYỄN KHOA ĐIỀM *

Tiến trình phát triển của xã hội Việt nam được đẩy mạnh từ công cuộc đổi mới đang đặt ra hàng loạt vấn đề, mà một trong những vấn đề bức xúc hiện nay là văn hóa và nếp sống đô thị trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Nói đến nếp sống là nói đến văn hóa. Văn hóa là biểu hiện giá trị của nếp sống, nếp sống là biểu hiện kết quả của văn hóa. Mọi hoạt động văn hóa liên quan chặt chẽ và có tác động đến việc xây dựng nếp sống. Và ngược lại, xây dựng nếp sống cũng nằm trong nội dung văn hóa. Có thể nói trình độ của lối sống tương ứng với trình độ của văn hóa.

Nếp sống có sự kết hợp biện chứng yếu tố vật chất và yếu tố tinh thần, gắn liền với phương thức sản xuất của xã hội, với chế độ chính trị - xã hội, với hình thái kinh tế, và với nền văn hóa xã hội. Nói một cách khác, nếp sống bao gồm những cách thức sống, những hành động và suy nghĩ được biểu hiện trong lao động, sinh hoạt, ứng xử... được lặp đi lặp lại nhiều lần, được chọn lọc và lắng đọng trong nhân dân.

Trước khi đi sâu vào nếp sống đô thị ở nước ta hiện nay chúng ta cần tiếp cận khái niệm chung của văn hóa.

Có nhiều định nghĩa về văn hóa. Song, để cho nhận thức về văn hóa có thể được vận dụng vào cuộc sống với vai trò là nhân tố quan trọng trong thời kỳ xây dựng công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, nhiều người cho rằng yếu tố hàng đầu của văn hóa là sự hiểu biết, bao gồm tri thức khoa học, kinh nghiệm và sự khôn ngoan tích lũy được trong quá trình học tập, lao động sản xuất và đấu tranh để duy trì và phát triển cuộc sống của mỗi cộng đồng dân tộc và các thành viên trong cộng đồng ấy. Nhưng chỉ sự hiểu biết không thôi không làm nên văn hóa. Sự hiểu biết chỉ trở thành văn hóa khi nó làm nền và định hướng cho thế ứng xử (thể hiện ở tâm hồn, đạo lý, lối sống, thị hiếu, hành vi...) của cá nhân và cả cộng đồng hướng tới cái đúng, cái tốt đẹp trong quan hệ với mình, với người, với môi trường xã hội và môi trường tự nhiên.

Như vậy, *văn hóa* là *mục tiêu* của phát triển và cũng là *động lực* của phát triển. Xét đến cùng, mục tiêu đó phải là nâng cao chất lượng sống của con người trong sự kết hợp hài hòa giữa điều kiện vật chất và điều kiện tinh thần, giữa mức sống cao và nếp sống đẹp, vừa an toàn, vừa bền vững cho mọi người, không chỉ cho thế hệ hiện nay mà còn cho các thế hệ mai sau.

Văn hóa là một dòng chảy xuyên suốt từ quá khứ đến hiện tại và tương lai một dân tộc, không có sự thay thế, chỉ có sự kế thừa, chuyển đổi, thích nghi và phát triển.

---

* Ủy viên trung ương Đảng. Bộ trưởng Bộ văn hóa - thông tin. Bài phát biểu tại Hội nghị lần thứ 12 Ủy ban quốc gia thập kỷ phát triển văn hóa của Việt nam bàn về chủ đề "Văn hóa và nếp sống đô thị trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa"

Digitized by Google

Khi ta nói đến dân giàu, nước mạnh mà không chú ý đến nếp sống, phẩm chất cuộc sống thì nguy cơ của một sự nghèo nàn về tinh thần, băng hoại về đạo đức, nhân phẩm là điều rất có thể xảy ra.

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn liền với đô thị hóa đó là quy luật tất yếu của sự phát triển.

I. NHẬN DIỆN ĐÔ THỊ HÓA Ở NƯỚC TA

Đô thị và lối sống đô thị trên thế giới xuất hiện cùng với sự hình thành các trung tâm đô thị đầu tiên cách đây năm, sáu nghìn năm.

Ở Việt nam, theo *Việt sử lược*, "Đời Trang Vương nhà Chu (696-682 trước công nguyên) ở bộ Gia ninh có người lạ dùng ảo thuật áp phục được các bộ lạc tự xưng là Hùng Vương... đóng đô ở Văn Lang, quốc hiệu là Văn Lang". Đó là những ghi chép về sự ra đời của nhà nước đầu tiên và đô thị đầu tiên ở nước ta.

Quá trình hình thành các đô thị cổ ở Việt nam là kết quả của sự vận động lịch sử - xã hội khá đặc thù. Các trung tâm đô thị được hình thành chủ yếu là từ các trung tâm hành chính văn hóa, khác với các đô thị châu Âu thường xuất hiện từ những trung tâm kinh tế ở ven sông và trên các trục đường giao thông chính. Quá trình đô thị hóa không song hành với quá trình công nghiệp hóa như các nước châu Âu và diễn ra chậm chạp, không hoàn chỉnh, thiếu quy hoạch đồng bộ. Trong tiến trình lịch sử của mình, do nền kinh tế chung của đất nước không đạt đến độ phát triển cao kéo theo sự phát triển chậm của các đô thị, ảnh hưởng đến sự phát triển của nền kinh tế hàng hóa và thương nghiệp, nhìn chung các đô thị ở nước ta chưa phải là những đô thị điển hình. Chúng ta chưa có một chính sách phát triển đô thị hoàn chỉnh và quản lý các đô thị phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội của đất nước.

Quá trình đô thị hóa gắn liền với sự hình thành lối sống đô thị với những đặc trưng :

1 - Chủ yếu là lối sống phi nông nghiệp - lối sống công nghiệp, đời sống phụ thuộc phần lớn vào đồng lương, vào thương nghiệp và dịch vụ công cộng.

2 - Có nhiều khả năng lựa chọn về nghề nghiệp - việc làm, sinh hoạt văn hóa, giao tiếp. Tỷ lệ lao động trí óc cao.

3 - Các công trình công cộng được chăm lo xây dựng (điện, nước, đường sá, nhà ở, hệ thống thông tin đại chúng, công trình văn hóa và phúc lợi xã hội...). Việc sử dụng phương tiện đi lại ngày càng tăng.

4 - Dung lượng thông tin lớn tác động theo hai chiều : thuận - nghịch.

5 - Tính năng động và tự do cá nhân tạo nên tính sống động, đa dạng, phong phú của đô thị ; đồng thời làm tăng hành vi lệch chuẩn của một bộ phận dân cư đô thị.

6 - Quá trình hỗn hợp về mặt xã hội và dân tộc ngày càng tăng.

Hiện nay nước ta đang trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa (đô thị hóa) trên nền của một xã hội mà cư dân nông thôn, nông nghiệp chiếm đến 80%. Vì vậy, đặc trưng đô thị Việt nam là ở chỗ chưa cắt đứt hoàn toàn với mô hình văn hóa nông thôn, nông nghiệp. Thậm chí đã có lúc, có nơi người ta than phiền về vấn đề "nông thôn hóa" đô thị. Có người đã phân tích về dáng dấp "phố huyện" trong nhiều đường nét của kiến trúc, tập quán, lối sống, thậm chí phong cách quản lý trong nhiều thành phố lớn, kể cả thủ đô.

Nền kinh tế thị trường làm nảy sinh các quan hệ kiểu thị trường. Sự phân tầng về mặt lối sống diễn ra. Chúng ta hiện đang trong giai đoạn quá độ từ nền kinh tế tập trung bao cấp sang cơ chế thị trường nên nếp sống đô thị cũng đang trong giai đoạn

Digitized by Google

quá độ. Cái cũ vẫn tồn tại, còn cái mới chưa định hình đầy đủ.

Trong quá trình đô thị hóa, sức ép tăng dân cư ở các đô thị ngày càng tăng. Theo Viện quy hoạch nông thôn và đô thị : di dân và di chuyển lao động từ nông thôn tới các đô thị lớn và trung tâm công nghiệp - dịch vụ với quy mô ngày càng lớn và đa dạng (mức tăng dân số tự nhiên ở đô thị hiện nay là 1,7% - 1,8% thì mức tăng dân số do di dân từ 2% đến 2,5%). Theo điều tra của Trung tâm dân số, 70% lao động từ nông thôn chuyển ra đô thị được phỏng vấn, thì 70% làm nghề thuần nông, 6% làm ruộng kiêm nghề phụ.

Theo số liệu điều tra của đề tài KX-08-04 "Chính sách xã hội nông thôn", thì trong số 16 340 người từ nông thôn vào Hà nội kiếm sống năm 1993 có 2 517 người đạp xích lô, 1 872 người làm thợ mộc, 932 người làm cơ khí sửa chữa và 4 032 người làm các công việc khác... Trong số gái mại dâm vào thành phố hành nghề, 70% xuất cư từ nông thôn.

Vậy là cùng với quá trình đô thị hóa được đẩy mạnh số lượng người nông thôn vào thành phố ngày càng đông, ảnh hưởng của nó sẽ rất lớn.

Đối với thị xã, thị trấn - lấy thị xã Hà tĩnh làm dẫn chứng : Cư dân của thị xã từ 1,6 vạn năm 1991 đã tăng lên 5 vạn năm 1996. Số đông các gia đình có mặt ở các đường phố chính hiện nay đều mới chuyển về thị xã, có người là cán bộ cấp tỉnh từ thành phố Vinh trở về khi chia tỉnh Nghệ tĩnh (1991), còn hầu hết là nông dân. Do vậy, điều đáng chú ý là dân phố ở đây vẫn còn mang theo khá đầy đủ tập tục của văn hóa làng xã. Đặc điểm này có cái hay, cũng có cái hạn chế. Ví như các khối phố vẫn mang tính cộng đồng làng xã, các gia đình đều quan tâm lẫn nhau, thăm hỏi chuyện trò như ở làng quê, một nhà có đại sự cả khối phố cùng lo toan. Ấy là cái hay, cái được. Nhưng cũng có cái không hay, đó là cung cách tổ chức, quản lý và điều hành hoạt động sống ở đô thị. Ngay như việc đăng ký hộ khẩu tạm trú cũng chưa mấy gia đình ở phố biến thành thói quen của mình.

Đô thị theo mong muốn của chúng ta là sản phẩm của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Bản sắc văn hóa truyền thống của dân tộc, một trong những đường nét đặc trưng của đô thị Việt nam đương nhiên cần được thể hiện một cách sâu sắc trong các thành tố tạo nên nếp sống đô thị. Tinh thần cộng đồng, lòng nhân ái, quý trọng đạo lý trong ứng xử giữa người với người là những nét văn hóa truyền thống tốt đẹp cần được khai thác và phát huy trong tự quản đô thị. Cùng với điều ấy, phải thấy một thực tế : những nhược điểm của nếp sống tiểu nông cùng với những tập quán và thói quen lạc hậu mà nét có tác động xấu đến nếp sống đô thị là tinh thần luật pháp rất thấp. Đưa cái tập quán chỉ ứng xử theo lệ chứ không theo luật, theo tinh thần "phép vua thua lệ làng" vào đời sống đô thị hôm nay sẽ là một tai họa đối với trật tự, kỷ cương đô thị. Xã hội đô thị đòi hỏi tổ chức xã hội cao, bởi hệ thống luật pháp, các quy định về quản lý hành chính đô thị, các thủ tục pháp lý, trên mọi mặt của đời sống xã hội, từ kinh tế cho đến xã hội - văn hóa, bảo đảm cho mỗi người dân được tự do hoạt động trong khuôn khổ của các chế định xã hội. Do vậy, cộng đồng đô thị mà chúng ta nói đến phải là cộng đồng được hình thành vì lợi ích chung trên căn bản luật pháp. Đó là ý thức của mỗi con người đang tự khẳng định mình như một cá nhân công dân tồn tại trong xã hội dân sự. Xã hội dân sự ấy gắn bó với Nhà nước pháp quyền như bóng với hình.

Xây dựng nếp sống đô thị thực chất là phát huy tinh thần dân chủ trên căn bản luật pháp để huy động sức mạnh cộng đồng trong thời

Digitized by Google

kỳ công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước. Nếp sống đô thị mà chúng ta mong muốn chính là sự tự nguyện "được cam kết có tính thiết chế " từ nghĩa vụ và quyền hạn của mỗi công dân. Luật pháp là điểm tựa trong hoạt động tự quản đô thị. Lòng tốt, sự biết ơn không thể thay thế cho luật pháp. Tinh thần tự nguyện và trật tự kỷ cương trong nhịp sống đô thị chỉ có thể được hình thành vững chắc gắn liền với sự quản lý có hiệu lực của bộ máy nhà nước.

Nói tới đô thị là nói tới trung tâm kinh tế, hành chính và văn hóa. Kinh tế tác động mạnh đến nếp sống đô thị, còn văn hóa đóng vai trò điều tiết, định hướng cho nếp sống đô thị chỉ có thể được hình thành vững chắc gắn liền với sự quản lý có hiệu lực của bộ máy nhà nước.

Đô thị là nơi rất nhạy cảm với việc giao lưu văn hóa, khi cánh cửa kinh tế được mở ra thế giới trong cơ chế thị trường, mọi hoạt động văn hóa tinh thần đều có liên quan chặt chẽ với nếp sống đô thị.

Một vấn đề có tính quy luật là tốc độ đô thị hóa - công nghiệp hóa càng cao thì văn hóa truyền thống càng bị suy giảm và tan loãng nhanh hơn. Về nguyên tắc thì đô thị hóa - công nghiệp hóa là quá trình mang tính quốc tế hóa, kết quả của nó là tạo ra trên phạm vi quốc tế nền văn minh đô thị và lối sống công nghiệp thị dân. Chính nó đã lần lượt đẩy lùi văn hóa bản địa cổ truyền. Ở các đô thị lớn, dân ca quan họ, lý con sáo, hò Huế trở nên khiêm tốn hơn so với Pop - Rock. Tình làng nghĩa xóm "tối lửa tắt đèn có nhau" bị thay vào đó là quan hệ đứt đoạn, thờ ơ và thực dụng. Tiêu dùng văn hóa là biểu hiện của lối sống. Chúng ta cần quan tâm tìm hiểu về xu hướng tiêu dùng văn hóa hiện nay để có cách giải quyết phù hợp. Đó là xu hướng tăng nhanh việc sử dụng các sản phẩm văn hóa có giá trị thông tin cao, đặc biệt là trên truyền hình ; xu hướng tiêu dùng các sản phẩm văn hóa có tính giải trí hơn là sản phẩm văn hóa có tính trí tuệ ; xu hướng nghiêng về các loại hình văn hóa hiện đại hơn là các loại hình văn hóa truyền thống. Chính vì thế chúng ta cần hết sức thận trọng khi tính đến tốc độ và cách thức đô thị hóa sao cho không làm cản trở quá trình bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

Cùng với đổi mới về tư duy kinh tế, chấp nhận nền kinh tế nhiều thành phần, chấp nhận chế độ đa sở hữu là chấp nhận sự đa dạng trong các kiểu dáng kiến trúc đô thị, sự khác biệt trong các nhu cầu sinh hoạt và lối sống đô thị. Sự "bung ra" của cái cá nhân được giải tỏa không thể kéo theo sự xô bồ, kệch cỡm, bao hàm trong nó cả những cái thái quá lẫn bất cập, những xáo trộn, những bục vỡ, những tệ nạn... tác động nặng nề trong đời sống cư dân. Để phát huy tối đa những yếu tố tích cực và giảm đến mức thấp nhất những nhân tố tiêu cực của lối sống đô thị, điều ấy tùy thuộc vào vai trò của quản lý đô thị. Ấy vậy mà, đây lại là vấn đề nan giải, vì quản lý đô thị đang là một yếu kém của chúng ta. Chúng ta vừa thiếu kinh nghiệm, vừa thiếu kiến thức trong quản lý đô thị.

Các quá trình công nghệ hóa gia tăng làm cho các gia đình đô thị phải phân công lại sức lao động. Những gia đình thừa lao động phải phân nhỏ ra và phải đáp ứng các nhu cầu sống và nhu cầu của thị trường. Công nghiệp hóa tạo nên tốc độ lao động căng thẳng giờ giấc, liên hoàn... nên nhu cầu văn hóa, nhu cầu du lịch và nhu cầu nghỉ ngơi giải trí lại phải tăng lên. Nhìn chung cơ sở vật chất hạ tầng để đáp ứng nhu cầu này ở các đô thị quá thiếu thốn, nghèo nàn, thậm chí nhiều nơi không có.

Đời sống vật chất của nhân dân đô thị, qua số liệu điều tra của Cục văn hóa thông tin cơ sở trong 1 165 hộ gia đình ở 3 thành phố lớn

Digitized by Google

là Hà nội, TP Hồ Chí Minh và Hải phòng cho thấy : Ở Hà nội thiếu ăn 6,3%, ở Hải phòng 19,5% và ở TP Hồ Chí Minh là 11,5%. Còn về nhà ở 68,5% ở Hà nội ở chật hẹp, ở Hải phòng 41,1% và ở TP Hồ Chí Minh là 22%.

Theo dự báo của các cơ quan chức năng thì khoảng từ 10 đến 15 năm nữa, quá trình thực hiện kế hoạch hóa gia đình mới phát huy tác dụng. Như vậy, trong thời gian từ 30 đến 40 năm nữa dân số nước ta vẫn tăng, số gia đình đông con vẫn chiếm tỷ lệ cao, số người thất nghiệp nhiều, đặc biệt là thanh niên. Sự thay đổi trong hệ thống giá trị, thậm chí sự rối loạn hệ chuẩn giá trị là một trong những nguyên nhân dẫn đến tệ nạn xã hội.

Hiện trạng kiến trúc đô thị ở nước ta còn mang tính tự phát, mạnh ai nấy làm, không có quy hoạch vĩ mô, chắp vá, pha tạp, sao chép (tây không ra tây, ta không ra ta ; truyền thống không ra truyền thống, hiện đại chẳng ra hiện đại...), không tôn trọng luật lệ xây dựng đô thị dẫn đến hiện tượng rối loạn kiến trúc đô thị.

Về nếp sống đô thị và sức khỏe cư dân : Bất kỳ cộng đồng đô thị nào cũng phải chịu tác động của 2 nhóm thành tố chủ yếu. *Một là* các thành tố không gian vật chất do con người tạo ra bao gồm nhà ở, xí nghiệp, công xưởng, không gian kiến trúc, cảnh quan đô thị... *Hai là* các thành tố tổ chức xã hội bao gồm các tổ chức, các thể chế hiện hành có ở đô thị.

Môi trường sống môi trường đô thị ảnh hưởng nhiều đến sức khỏe cư dân. Có lẽ càng đi vào văn minh công nghiệp người thành thị hình như lắm bệnh tật hơn. Sức khỏe là một trong những chỉ số nói lên chất lượng cuộc sống gia đình đô thị. Vì vậy, người ta coi sức khỏe là một tài sản quý giá của mỗi gia đình. Tài sản này càng lớn thì tiềm năng trí tuệ của gia đình càng phong phú. Ở một ý nghĩa nào đó, muốn có sức khỏe, mỗi người dân trước tiên cần phải có nếp sống đẹp, nếp sống khoa học, nếp sống có văn hóa.

Xây dựng chuẩn mực của nếp sống đô thị hiện đại, vừa tiếp thu tinh hoa truyền thống trong ứng xử, giao tiếp của văn hóa dân tộc, hạn chế sự "xâm nhập" tự phát những mặt tiêu cực của lối sống tiểu nông (như tính bảo thủ, tầm nhìn hẹp, chuộng kinh nghiệm hơn tri thức, ngại cái mới, ngại đầu tư, làm việc tùy thích, tự do tản mạn...). Đồng thời từ đó góp sức ngăn chặn dòng đục, những rác rưởi của văn hóa ngoại lai, đồi trụy, phản động, kể cả thứ văn hóa xa lạ với truyền thống nhân văn và tâm lý hòa hiếu của dân tộc ta.

Sau khi đã nhận diện đô thị hóa ở nước ta, một vấn đề cực kỳ quan trọng đặt ra là chúng ta phải tìm cho được một chiến lược phát triển đô thị phù hợp với điều kiện kinh tế, chính trị, văn hóa xã hội riêng của mình cũng như phù hợp với truyền thống dân tộc, tâm lý, phong tục tập quán của cộng đồng, nhằm bảo đảm sự phát triển bền vững và giảm thiểu các căn bệnh đô thị trong quá trình công nghiệp hóa và đô thị hóa.

II. NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA VỀ NẾP SỐNG ĐÔ THỊ TRONG CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA.

1 - Quy hoạch đô thị : Công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn liền với đô thị hóa. Quá trình đô thị hóa là quá trình biến đổi cơ cấu nghề nghiệp không chỉ ở tầm quốc gia mà còn ở khu vực. Đô thị hóa bao giờ cũng kéo theo một số lượng lao động từ thuần nông (chăn nuôi, trồng trọt) sang các lĩnh vực phi nông nghiệp (công nghiệp, thương mại, dịch vụ) làm thay đổi hẳn tỷ trọng cơ cấu ngành nghề. Việc chuyển đổi cơ cấu đó cần phải được cân nhắc và tính toán chu đáo về bước đi, tốc độ cách làm thích hợp. Trong điều kiện cụ thể của nước ta hiện nay, chúng ta cần tăng cường mạnh mẽ quá trình đô thị hóa

Digitized by Google

và công nghiệp hóa, theo kiểu mới với những đặc trưng :

- Quy mô nhỏ.
- Tiến hành tại chỗ như người Trung quốc nói là "ly nông bất ly hương".
- Kết hợp dân tộc và hiện đại mà những nét đẹp, hài hòa của Tràng an, Hội an, Huế đã cho ta những kinh nghiệm.

Trong phạm vi quy hoạch một đô thị, các vùng được phân chia theo quy hoạch với các chức năng khác nhau : Vai trò của nội thành và ngoại vi, của từng trung tâm hành chính, buôn bán, dịch vụ, vui chơi giải trí... quy hoạch đô thị lớn và các thành phố vệ tinh. Và dĩ nhiên kéo theo cơ sở hạ tầng như đường sá, trường học, bệnh viện, các công trình văn hóa vui chơi giải trí cần chú ý xu hướng mới trong quy hoạch đô thị hiện nay : Chẳng hạn như Nhật bản đã thành công trong việc xây dựng làng kiểu mới, ngay ở trung tâm thành phố lớn với đặc trưng cơ bản nhất là kinh tế hộ gia đình với công nghệ sinh học.

Quy hoạch đô thị phải nghĩ ngay đến việc làm cho người lao động - vì đất của họ đã trở thành nhà máy, xí nghiệp, tay nghề thì không có, học vấn thấp thế là họ trở thành người đứng ngoài quá trình công nghiệp hóa - đô thị hóa. Mặt khác đô thị hóa dễ xảy ra tình trạng quá tải về dân số - sức ép dân số sẽ đè nặng sự phát triển đúng hướng của đô thị. Do đó, về mặt xã hội, đây là những vấn đề nếu không giải quyết tốt sẽ phá vỡ cấu trúc đô thị.

2 - Quản lý đô thị và tự quản đô thị : Chúng ta công nghiệp hóa, đô thị hóa và hiện đại hóa trên nền của một xã hội mà cư dân nông nghiệp chiếm đa số nên dễ bị nông thôn hóa thành thị. Chúng ta đang đi đến hiện đại từ truyền thống nên phải có mô hình thích hợp.

Dù chúng ta có quy hoạch đô thị đúng, nhưng quản lý đô thị lại kém thì cũng khó thành công.

Tự quản đô thị không phải là một ý tưởng mới mẻ. Nó đã được đặt ra cùng với quá trình đô thị hóa từ các nước phát triển. Song đối với Việt nam, một nước đang ở trình độ sản xuất nông nghiệp là phổ biến, trong lúc làn sóng thứ ba của nền văn minh tin học đang lôi cuốn nhịp phát triển của thế giới bước vào thế kỷ XXI thì tự quản đô thị hiện nay lại có màu sắc riêng, ý nghĩa riêng. Mặt khác, giải quyết tốt khâu nếp sống đô thị sẽ là cơ sở để tự quản đô thị có hiệu quả nhất.

Quản lý đô thị và tự quản đô thị phải trên cơ sở ban hành các luật lệ, các chế định, các quy tắc... mà ở đó, người dân nhận thức đầy đủ quyền lợi, trách nhiệm và nghĩa vụ.

Để xác lập các chính sách đô thị hóa trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa cần có một quan điểm văn hóa, cần chọn con đường đô thị hóa bằng giải pháp văn hóa. Phải thiết lập bộ máy lãnh đạo có trình độ, được đào tạo về quản lý đô thị để điều hành các hoạt động đô thị. Cần tăng cường giáo dục cho người dân đô thị sự hiểu biết về xã hội đô thị của mình trong mọi hành vi từ lao động, phát triển kinh tế, kinh doanh, trật tự giao thông, hành vi ứng xử... nhằm phát triển xã hội.

3 - Phát triển kinh tế phải thuận chiều với việc giải quyết các vấn đề xã hội :

Thành quả kinh tế (của cải và tiền bạc) phải được dành ngày càng nhiều cho việc giải quyết các vấn đề xã hội, dành cho sự nghiệp giáo dục, y tế, chăm lo mọi mặt phúc lợi công cộng, khắc phục hậu quả tệ nạn xã hội.

Trong thời đại ngày nay, nền văn minh công nghiệp đem lại nhiều điều kiện tốt đẹp cho cuộc sống con người. Vì vậy, con người phải quay về với đạo lý làm người - lấy đạo lý nhân văn làm nền tảng, làm mục tiêu. Khi ta nói sự phát triển xã hội phải được diễn ra trên một nền tảng văn hóa, thì nền tảng văn hóa đó

Digitized by Google

chính là con người. Sự phát triển xã hội phải được thực hiện bằng sức mạnh của con người.

Một mặt coi trọng con người như một lực lượng sáng tạo, mặt khác phải tạo điều kiện và phải có chính sách tạo nên năng lực và bản lĩnh của mỗi con người cho họ xứng với danh hiệu lực lượng sáng tạo.

Cần quan niệm văn hóa là con người, những giá trị văn hóa là nằm ngay trong từng con người, nó được tích tụ từ lịch sử đã qua, nó cần được bồi dưỡng phát huy trong hiện tại và trong tương lai.

Sự phát triển một xã hội xét đến cùng là sự phát triển của mỗi con người. Sự phát triển kinh tế phải được diễn ra trên một nền tảng văn hóa, phát triển các giá trị nhân văn.

4 - Nếp sống đô thị trong công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước phải lấy khâu trung tâm là phát triển nhân cách con người.

Phong cách sống của con người, diện mạo đạo đức, phẩm hạnh cá nhân, năng lực lao động, hôn nhân, gia đình, trình độ văn hóa giáo dục, các định hướng giá trị, giao tiếp xã hội... là những mặt quan trọng nhất trong nhân cách. Trong công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước, việc hình thành nhân cách mới có sự phát triển tốt về thể chất, phong phú về tinh thần, đủ bản lĩnh đáp ứng những nhiệm vụ lịch sử mới là một trong những mục tiêu quan trọng của sự nghiệp xây dựng nếp sống văn minh.

5 - Nếp sống văn hóa trong gia đình đô thị.

Gia đình là một thiết chế nhỏ nhất của xã hội, nhưng rất chặt chẽ về tổ chức, biểu hiện tính văn hóa rõ nét. Đến nay, người ta thừa nhận : gia đình là nguồn lực của sự phát triển xã hội với những chức năng riêng biệt của nó. Gia đình làm chức năng duy trì nòi giống với sự chuẩn bị, lựa chọn chu đáo để nòi giống khỏe mạnh, thông minh và đẹp đẽ.

Củng cố gia đình là củng cố hạt nhân của xã hội. Trong công nghiệp hóa và hiện đại hóa, gia đình đóng vai trò quan trọng trong việc hoàn thiện nhân cách cho từng thành viên. Mối quan hệ gia đình là mối quan hệ nhân bản sâu sắc. Gia đình tốt thì xã hội tốt. Muốn củng cố xã hội thì đầu tiên ta phải củng cố gia đình. ❑

NÂNG CAO...

(Tiếp theo trang 21)

Tăng cường giáo dục y đức cho cán bộ y tế ngay từ khi còn ngồi trên ghế nhà trường và phải coi y đức là yếu tố quan trọng, tương đương với chất lượng chuyên môn, kỹ thuật trong khâu tuyển chọn đánh giá và đề bạt cán bộ. Ngành y là một ngành đặc biệt, người làm ngành y nắm trong tay sức khỏe và tính mạng của người bệnh. Nghề y cũng là nghề nhân đạo, nó đối lập với kinh doanh, vì thế không phải ai cũng có thể trở thành thầy thuốc được. Nếu một ai đó có ý định kiếm tiền và làm giàu thì tốt nhất không nên theo nghề y và cũng không nên tuyển họ vào học nghề. Điều này cần được xem xét ngay từ khâu tuyển sinh và trong quá trình đào tạo 6 năm đối với đại học và 3 năm đối với trung học y vì các nhà trường có nhiều thì giờ để loại bỏ những người thầy thuốc tương lai thiếu đạo đức.

Sẽ là không thực tế nếu chỉ yêu cầu những người thầy thuốc phục vụ tốt trong khi cuộc sống của họ và gia đình họ còn gặp nhiều khó khăn và bản thân họ còn phải làm việc trong những hoàn cảnh thiếu thốn, nhiều khi không đáp ứng được tiêu chuẩn chuyên môn cho phép. Muốn vậy nhà nước cần phải quan tâm và có chế độ chính sách thỏa đáng về tiền lương, phụ cấp độc hại, lây nhiễm, phẫu thuật... cũng như tạo điều kiện để người thầy thuốc có cơ sở vật chất tương đối để làm việc. Có như vậy mới động viên được đội ngũ những người thầy thuốc, góp phần làm giảm bớt những tiêu cực trong khi khám, chữa bệnh và chăm sóc phục vụ bệnh nhân. ❑

Digitized by Google

NÂNG CAO ĐẠO ĐỨC NGHỀ NGHIỆP CỦA NGƯỜI THẦY THUỐC

ĐỖ NGUYÊN PHƯƠNG *

TRONG xã hội loài người làm bất cứ nghề gì cũng cần phải có đạo đức và người ta gọi đó là "đạo đức nghề nghiệp". Ngành y là ngành có liên quan đến sức khỏe, đến tính mạng con người, vì vậy, người làm nghề y càng phải có những phẩm chất đặc biệt. Truyền thống y học từ xưa đã đòi hỏi ở người thầy thuốc kết hợp nhuần nhuyễn tầm cao của trình độ y học với tầm cao đạo đức. Quả thật trong xã hội làm nghề gì cũng cần có đạo đức nhưng đối với người thầy thuốc, đạo đức và lương tâm nghề nghiệp dứt khoát phải xếp lên hàng đầu.

Có thể ở mỗi quốc gia, mỗi thời đại có những quy định khác nhau về trách nhiệm của người thầy thuốc nhưng qua các lời thề, di huấn xưa và nay, phương Đông hay phương Tây, thì *y đức* đều có những điểm chung, đó là tinh thần thái độ phục vụ, hành vi đối xử, bổn phận của người thầy thuốc đối với bệnh nhân và những quy tắc xử sự đối với bậc thầy dạy mình cũng như đối với người ngoài nghề. I-pô-crát, người được coi là ông tổ của ngành y thời cổ đại Hy lạp, cách đây 2000 năm đã nêu lên cơ sở đạo lý mà người làm thuốc phải tuân theo. "Lời thề I-pô-crát" là lời tuyên thệ trước khi bước vào hành nghề y của bất cứ ai, rằng : *"Tôi sẽ chỉ dẫn mọi chế độ có lợi cho người bệnh tùy theo khả năng và sự phán đoán của tôi, tôi sẽ tránh mọi điều xấu và bất công. Tôi sẽ không trao thuốc độc cho bất kỳ ai, kể cả khi họ yêu cầu và càng không tự mình gợi ý cho họ. Tôi suốt đời hành nghề trong sự vô tư và thân thiết. Dù bất cứ vào nhà nào, tôi cũng chỉ vì lợi ích của người bệnh, tránh mọi hành vi xấu xa, cố ý và đồi bại, nhất là tránh cám dỗ phụ nữ và thiếu niên tự do hay nô lệ. Dù tôi có nhìn hoặc nghe thấy gì trong xã hội, trong và cả ngoài lúc hành nghề của tôi, tôi sẽ xin im lặng trước những điều không bao giờ cần để lộ ra và coi sự kín đáo trong những trường hợp đó như một nghĩa vụ"*.

Ở nước ta, từ xưa các bậc danh y như Tuệ Tĩnh (thế kỷ XIV) và đặc biệt là Hải Thượng Lãn Ông Lê Hữu Trác (1720 - 1791), ngoài việc chuyên tâm chữa bệnh cứu người, đều hết sức chú trọng xây dựng và răn dạy đạo đức hành nghề.

Theo Hải Thượng Lãn Ông thì người thầy thuốc chân chính phải có tám đức tính : Nhân, Minh, Trí, Đức, Thành, Lượng, Khiêm, Cần. *Nhân* là nhân từ bác ái, rộng thương mọi người và quan tâm đến người khác, không cá nhân ích kỷ. *Minh* là phải thông hiểu sâu rộng, sáng suốt minh bạch không nhầm lẫn. *Trí* là phải khôn khéo nhạy bén, để tâm lo nghĩ về việc làm, không cẩu thả tùy tiện. *Đức* là phải có đạo đức nhân hậu, cốt làm điều để đức về sau, chống điều ác. *Thành* là thành thật ngay thẳng, trung thực vô tư, không dối trá, không thiên lệch. *Lượng* là phải độ lượng, hòa nhã, và đúng mức vừa phải. *Khiêm* là phải khiêm tốn học hỏi và phải thực sự cầu thị không tự phụ chủ quan. *Cần* là phải chuyên cần nhẫn nại, chịu khó.

Hải Thượng Lãn Ông nêu lên tám điều tội lỗi, mà người thầy thuốc phải tránh. Đó là : *Tội lười*, là chẩn đoán qua loa, hay ngại vất vả

* GS,PTS, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Bộ y tế

Digitized by Google

không chịu đến khám bệnh cho cẩn thận, mà vội cho thuốc kê đơn cho xong chuyện. *Tội keo kiệt, bủn xỉn* là sợ bệnh nhân không có tiền trả cho mình đủ vốn, mà không cho thứ thuốc tốt cần thiết. *Tội tham* là trường hợp thấy bệnh nhân chết đã rõ, mà không bảo thật với nhà bệnh, lại nói lờ mờ để làm tiền. *Tội lừa dối* là khi mới thấy người bệnh đã nói ngay là bệnh khó, bệnh nặng, làm cho người ta sợ, để lấy nhiều tiền. *Tội bất nhân* là khi thấy bệnh khó, đáng lý nên nói thực, rồi hết lòng hết sức cứu chữa, nhưng lại sợ mang tiếng thất bại, hoặc sợ không thành công mà không được hậu lợi, nên không chịu chữa, đến nỗi người ta phải bó tay chịu chết. *Tội hẹp hòi* là trường hợp người bệnh ngày thường có chuyện bất bình với mình, khi mắc bệnh phải nhờ đến, liền nảy ra ý nghĩ oán thù mà không chữa hay không chịu chữa bệnh hết lòng. *Tội thất đức* là khi gặp những bệnh nhân mồ côi, góa bụa, tàn tật cùng khổ không có tiền đến cầu cứu, thì cho là chữa mất công vô ích mà bỏ qua không chữa hay không chịu hết lòng cứu chữa. *Tội dốt* là sức học còn non, nhận xét bệnh còn lờ mờ, mà dùng thuốc sai lầm nguy hại cho người bệnh.

Dù thời xưa hay thời nay, ở Đông hay ở Tây, qua các lời thề và di huấn, *y đức* cũng có những tính chất chung, nên các thầy thuốc bất cứ ở đâu đều có một bổn phận như nhau. Đó là *bổn phận đối với nghề nghiệp* : Người thầy thuốc chỉ biết cứu người, lấy chữ nhân làm kim chỉ nam nên không coi nghề y như nghề buôn bán kiếm lời. Không đặt nặng vấn đề thù lao, nếu cần thì không những không lấy tiền mà còn cho cả bệnh nhân thuốc. *Bổn phận đối với khoa học* : Vì khoa học mênh mông không bờ bến nên người thầy thuốc phải không ngừng học hỏi, nâng cao trình độ "nhưng không lấy bệnh nhân làm vật thí nghiệm". Trong công trình thí nghiệm phải dùng súc vật hay chính bản thân mình là thí vật đầu tiên. *Bổn phận đối với bệnh nhân :* Phải tận tình cứu chữa "coi người đau như mình đau". Không phân biệt đối xử giữa bệnh nhân giàu nghèo hay sang hèn. Thận trọng trong phán đoán, trọng cho thuốc cũng như trong giải phẫu. *Bổn phận đối với thầy :* Đã học thầy phải nhớ thầy, giúp đỡ thầy khi thầy về già hay đau yếu ; sau này sẽ dạy dỗ các con của thầy như chính các con mình. *Bổn phận đối với đồng nghiệp* : Phải khiêm tốn học hỏi, không nói xấu và vu khống, duy trì mối giao hảo và tinh thần tương trợ. *Bổn phận đối với học trò :* Phải coi như con đẻ của mình và dạy dỗ tận tình. *Bổn phận đối với tập thể xã hội :* Phải quan tâm đến sức khỏe cộng đồng, tham gia vào công việc bảo vệ sức khỏe cho tập thể cộng đồng tùy theo khả năng của mình.

Y đức hiện không chỉ là vấn đề lớn của ngành y tế mà nó đang trở thành vấn đề nóng bỏng, là sự quan tâm của toàn xã hội. Cũng cần khẳng định ngay rằng, trên chặng đường lịch sử vẻ vang hơn 50 năm phục vụ cách mạng, phục vụ sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân, ngành y tế nước ta đã có những tấm gương tiêu biểu về đạo đức cách mạng và đạo đức nghề nghiệp như bác sĩ Phạm Ngọc Thạch, bác sĩ Nguyễn Văn Hưởng, giáo sư Hồ Đắc Di, giáo sư Tôn Thất Tùng, giáo sư Trần Hữu Tước, giáo sư Đặng Văn Ngữ và nhiều thầy thuốc, lương y nổi tiếng khác. Đông đảo các anh hùng lao động, anh hùng lực lượng vũ trang quân y, dân y, các thầy thuốc nhân dân, thầy thuốc ưu tú, chiến sĩ thi đua và nhiều anh hùng vô danh đã mang hết tinh thần và năng lực phục vụ sự nghiệp chăm sóc và bảo vệ sức khỏe nhân dân.

Ngành y tế đã có những cố gắng lớn lao và đã đạt được những thành tích đáng kể. Tuy nhiên, trong điều kiện chuyển đổi từ nền kinh tế bao cấp sang nền kinh tế nhiều thành phần, một số mặt tiêu cực của thị trường cạnh tranh đã tác động khá lớn đến thái độ chăm sóc sức khỏe nhân dân ở một số bộ phận nhân viên y tế, đặc biệt là thái độ đối với người nghèo, người không có đủ điều kiện trả phí khám chữa bệnh. Giờ đây, hơn lúc nào hết vấn đề y đức, y đạo phải đề cao để hạn chế và loại trừ những mặt tiêu cực khi đồng tiền nằm xen vào

Digitized by Google

mối quan hệ giữa người thầy thuốc với người bệnh.

Phải thừa nhận những năm gần đây đã có sự xuống cấp về ý thức trách nhiệm, tinh thần thái độ phục vụ bệnh nhân ở một bộ phận cán bộ nhân viên y tế, dẫn đến làm giảm lòng tin của nhân dân. Dù rằng, nhiều cán bộ nhân viên y tế còn đang phải sống trong hoàn cảnh hết sức khó khăn và được thù lao chưa tương xứng với chất xám và công sức của họ trước tính mạng của người bệnh, nhưng chúng ta không thể chấp nhận có những người mang danh là thầy thuốc lại có những lời nói và hành động gợi ý, đòi hỏi tiền nong, quà cáp biếu xén của người bệnh. Tất nhiên ở đây cũng cần phân biệt giữa hành vi cố tình lợi dụng và tấm lòng nhân hậu biết ơn trong quan hệ giữa con người với con người.

Hiện nay, để nâng cao y đức chúng ta không thể chỉ hô hào chung chung càng không phải đặt ra luật này lệ kia một cách cứng nhắc mà cái chính vẫn là phải xem xét nguyên nhân dẫn đến sự sa sút về đạo đức của người thầy thuốc, mới mong đề ra biện pháp ngăn chặn kịp thời và có hiệu quả. Có thể kể đến những nguyên nhân chính sau đây : Vai trò quản lý nhà nước về y tế một thời gian dài buông lỏng ; cơ chế dịch vụ khám chữa bệnh còn nhiều điều bất cập ; vai trò tự quản lý giáo dục của các hội nghề nghiệp và các trường y dược chưa thể hiện rõ. Còn phải kể đến các nguyên nhân khác như dư luận xã hội hướng dẫn điều chỉnh hành vi của cả thầy thuốc lẫn bệnh nhân, sự tăng trưởng kinh tế và mức sống, điều kiện làm việc của người thầy thuốc v.v.

Do giá thành dịch vụ và đầu tư cho hoạt động khám chữa bệnh ngày một tăng cũng như nhu cầu về dịch vụ khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe của nhân dân ngày càng cao mà kinh tế nhà nước không đủ đáp ứng, đòi hỏi phải huy động thêm các nguồn tài chính của tư nhân và các ngành kinh tế khác cho y tế trong đó có vấn đề thu phí dịch vụ y tế, bảo hiểm y tế v.v... Ngoài ra, bên cạnh hệ thống y tế nhà nước, hệ thống hành nghề dịch vụ y tế tư nhân cũng được thừa nhận và phát triển góp phần vào việc cung ứng chăm sóc sức khỏe cho nhân nhân. Điều đó chứng tỏ chủ trương của Nhà nước ta và của ngành đề ra là đúng đắn, phù hợp với nhu cầu thực tiễn và xu thế của nhiều quốc gia trên thế giới. Tuy nhiên bên cạnh những mặt được, cũng nảy sinh khó khăn, phức tạp đòi hỏi phải được quản lý chặt chẽ bằng những chính sách và pháp luật của nhà nước, có sự kiểm tra của các ngành liên quan, sự tham gia giám sát của các tổ chức xã hội và đoàn thể nhân dân. Đối với phí thu công khai cần có biện pháp tránh đặt đồng tiền xen vào giữa mối quan hệ thầy thuốc - bệnh nhân. Đối với hiện tượng thu phí ngầm cần có biện pháp thanh tra kiểm tra và xử lý thật nghiêm.

Cần coi trọng hơn nữa công tác tuyên truyền giáo dục tinh thần thái độ phục vụ người bệnh, lương tâm, trách nhiệm nghề nghiệp đối với đội ngũ những người thầy thuốc. Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát, xử lý nghiêm, kịp thời và công minh các trường hợp vi phạm, đồng thời động viên, khuyến khích những người làm tốt. Muốn vậy bộ máy quản lý phải được củng cố để có đủ trình độ và khả năng chuyên môn, có trách nhiệm, nắm vững pháp luật, đáp ứng nhiệm vụ được giao.

Bên cạnh pháp luật, các chỉ thị, cần rà xét, hoàn chỉnh hệ thống văn bản, sổ sách, mẫu biểu, quy chế khám chữa bệnh để mọi người thực hiện, đồng thời làm cơ sở pháp lý cho công tác thanh tra việc hành nghề của người thầy thuốc.

Nhà nước cũng cần có chính sách và tạo điều kiện để các cơ sở và cá nhân hoạt động y - dược tư nhân lập Hội của những người kinh doanh dịch vụ y tế. Thông qua các hoạt động của hội, các thành viên của hội sẽ trao đổi thông tin, giúp nhau quán triệt những chính sách, đường lối của Đảng, Nhà nước, trao đổi kinh nghiệm chuyên môn, đồng thời đấu tranh phê phán những biểu hiện tiêu cực, những hoạt động thiếu trung thực, vi phạm chính sách và đạo lý.

(Xem tiếp trang 18)

Digitized by Google

LÊ DUẨN, NHÀ CHIẾN LƯỢC CHÍNH TRỊ QUÂN SỰ CÓ TẦM CỠ

HOÀNG TÙNG *

Sau Trần Phú, các đồng chí Hà Huy Tập, Nguyễn Văn Cừ, Trường Chinh, Lê Duẩn lần lượt là Tổng bí thư Đảng ta - những nhân vật trụ cột của cách mạng nước ta từ năm 1930 đến năm 1986. Trong gần nửa thế kỷ, dưới sự lãnh đạo của Đảng, nhân dân ta đã tiến hành thắng lợi cuộc Tổng khởi nghĩa năm 1945, lập ra nước Việt nam dân chủ cộng hòa, rồi sau đó là hai cuộc kháng chiến trường kỳ đánh bại hai đế quốc lớn là Pháp và Mỹ, giải phóng đất nước, thống nhất Tổ quốc. Tên tuổi Hồ Chí Minh gắn liền với toàn bộ sự nghiệp đấu tranh giải phóng của dân tộc ta. Trần Phú khởi thảo cương lĩnh cách mạng tư sản dân quyền, xây dựng hệ thống của Đảng và các tổ chức quần chúng trong cả nước, nêu cao khí tiết anh hùng cách mạng khi bị địch bắt, làm tấm gương lớn cho nhiều thế hệ những người cộng sản nước ta. Hà Huy Tập, Nguyễn Văn Cừ, cùng với Lê Hồng Phong - Ủy viên Ban chấp hành Quốc tế cộng sản, có công lớn trong việc xây dựng lại hệ thống tổ chức của Đảng và các tổ chức quần chúng sau cuộc khủng bố trắng của địch, phát động và lãnh đạo cao trào dân chủ, đều hy sinh oanh liệt vì sự nghiệp cách mạng. Trường Chinh là Tổng bí thư Đảng ta từ năm 1941 đã cùng Hồ Chí Minh xác định cương lĩnh cách mạng giải phóng dân tộc, thành lập Mặt trận Việt minh và các tổ chức cứu quốc, tổ chức lãnh đạo cao trào cứu quốc chuẩn bị Tổng khởi nghĩa, tổ chức, chỉ đạo cuộc Cách mạng Tháng Tám và cuộc kháng chiến chống Pháp. Lê Duẩn cùng với Hồ Chí Minh, Trường Chinh và Bộ chính trị vạch ra đường lối của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, kế tục sự nghiệp của Bác Hồ, đứng đầu Đảng ta, đưa cuộc kháng chiến chống xâm lược của nhân dân ta đến thắng lợi cuối cùng năm 1975, chuẩn bị cho đất nước đi vào một giai đoạn phát triển mới.

*

* *

Xuất thân từ một gia đình nhà nho nghèo làm nghề thủ công, Lê Duẩn phải bỏ dở việc học sau khi tốt nghiệp trường tiểu học, làm viên chức ngành đường sắt. Tại nơi làm việc đầu tiên (Đà nẵng) Lê Duẩn gia nhập Thanh niên cách mạng đồng chí Hội, tham gia vận động công nhân, viên chức trong ngành xe lửa. Cuối năm 1929, là đảng viên Đông dương cộng sản Đảng ở Hà nội và được điều động sang hoạt động trong Ban tuyên truyền của Trung ương do Trịnh Đình Cửu phụ trách cùng với Trường Chinh. Từ đó đến khi qua đời (năm 1986) Lê Duẩn cống hiến cả cuộc đời của mình cho sự nghiệp giải phóng đất nước, nhân dân, lần lượt là Bí thư xứ ủy Trung kỳ, ủy viên Ban thường vụ Trung ương Đảng, Bí thư xứ ủy Nam kỳ, Bí thư Trung ương Cục miền Nam, Ủy viên Bộ chính trị, Bí thư thứ nhất BCH Trung ương Đảng, Tổng bí thư. Hai lần phải ở tù : 1931 - 1936, 1940 - 1945.

*

* *

Lê Duẩn được Hội nghị trung ương Đảng tháng 10 năm 1956 (khóa II) bầu làm quyền Tổng bí thư và Đại hội III của Đảng (tháng 9-1960) bầu làm Bí thư thứ nhất. Những công việc của quyền Tổng bí thư dưới sự chỉ đạo của Bác Hồ và Bộ Chính trị là tiếp tục công tác sửa sai trong cải cách ruộng đất, chỉnh đốn tổ chức, củng cố đảng, chính quyền, phát triển kinh tế, văn hóa, chuẩn bị nghị quyết của Trung ương về cách mạng miền Nam, chuẩn bị Đại

* Nguyên Bí thư trung ương Đảng

Digitized by Google

hội lần thứ III, tham gia những hoạt động của các đảng cộng sản về cuộc đấu tranh chung của các lực lượng cách mạng quốc tế.

Củng cố miền Bắc, đẩy mạnh cuộc đấu tranh cách mạng ở miền Nam là trung tâm mọi hoạt động của Đảng và Nhà nước ta. Vấn đề cơ bản phải giải quyết là xác định đường lối chiến lược của hai miền và đường lối chung của cách mạng cả nước. Tình hình lúc đó cực kỳ phức tạp. Qua tay chính quyền Ngô Đình Diệm, đại biểu chính trị của hai giai cấp địa chủ, tư sản, và với lực lượng cố vấn của mình, Mỹ tiến hành một cuộc chiến tranh đơn phương hòng tiêu diệt các lực lượng cách mạng, thiết lập một chế độ thuộc địa kiểu mới, một căn cứ quân sự, cùng với liên minh quân sự Đông - Nam Á, hình thành một phòng tuyến ngăn chặn ảnh hưởng của chủ nghĩa cộng sản quốc tế. Cuộc đấu tranh của đồng bào ta cực kỳ anh dũng, nhưng cuộc đấu tranh chính trị bằng tay không đối chọi không nổi với một lực lượng quân sự và cảnh sát to lớn được Mỹ huấn luyện, trang bị, chỉ huy. Tổn thất hết sức nặng nề. Trong phe xã hội chủ nghĩa và phong trào cộng sản quốc tế xuất hiện cuộc tranh chấp về chính trị và chuẩn bị phân liệt về tổ chức giữa lúc cuộc đấu tranh trên thế giới vì hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ, tiến bộ xã hội đang ở thế đi lên.

Hồ Chí Minh, Lê Duẩn cùng các nhà lãnh đạo khác khẳng định rằng, cũng như trước đây, ta phải góp phần vào việc bảo vệ sự đoàn kết và tranh thủ sự giúp đỡ của Liên xô, Trung quốc và các lực lượng cách mạng quốc tế khác, nhưng phải độc lập, tự chủ giải quyết những vấn đề của cách mạng nước ta, dựa vào sức mạnh của dân tộc ta để giải phóng đất nước. Lê Duẩn đã từng là nhân vật trung tâm trong cuộc đấu tranh cách mạng của đồng bào Trung bộ, cuộc kháng chiến chống Pháp của đồng bào Nam bộ, và ở lại lãnh đạo cuộc đấu tranh chống Mỹ-Diệm từ năm 1954 đến đầu năm 1957. Ngay khi hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết, Đồng chí đã nhận định rằng không thể nào tránh được một cuộc chiến tranh với Mỹ ác liệt hơn cuộc chiến tranh với Pháp và có thể kéo dài gấp hai lần về thời gian và bắt đầu suy nghĩ soạn thảo *Đề cương về cách mạng miền Nam* gửi ra Bác Hồ và Trung ương.

Năm 1958, cùng một số đồng chí khác, Lê Duẩn tập trung nghị lực vào việc soạn thảo Nghị quyết Hội nghị trung ương lần thứ 15 và Báo cáo chính trị tại Đại hội III để đưa ra thảo luận ở Bộ chính trị.

Vấn đề chưa có tiền lệ tiến hành cuộc cách mạng ở một nước chia cắt với hai chế độ chính trị, xã hội gắn liền với hai hệ thống thế giới đối lập, chống lại Mỹ là một siêu đế quốc quân sự, chính trị, kinh tế. Ta không thể đưa quân miền Bắc vào giải phóng miền Nam, tiến hành chiến tranh bằng lực lượng cả nước dẫn đến quốc tế hóa chiến tranh ở Việt nam. Vì vậy, cách mạng miền Nam vẫn ở giai đoạn dân tộc dân chủ nhân dân, do nhân dân miền Nam tiến hành là chính, miền Bắc xây dựng chủ nghĩa xã hội, đồng thời có nghĩa vụ đối với cách mạng miền Nam. Giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc là nhiệm vụ chung của cách mạng nước ta. Ta không tham gia cuộc tranh chấp quốc tế, nhưng phải tranh thủ hình thành trên thực tế một mặt trận thế giới ủng hộ Việt nam chống Mỹ xâm lược và bằng cuộc đấu tranh của chính mình góp phần vào cuộc đấu tranh chung của các lực lượng cách mạng và tiến bộ. Đánh Mỹ như thế nào là vấn đề quan trọng quyết định. Trước hết, xác định phương châm đánh thắng từng bước, vừa đánh vừa thăm dò khả năng phản ứng của địch. Là một cường quốc nguyên tử, siêu cường kinh tế, nhưng Mỹ không thể huy động toàn bộ sức mạnh vào cuộc chiến tranh này, và không thể không sợ một cuộc đụng đầu quốc tế, đi đến một cuộc chiến tranh thế giới mới. Ta kiên quyết đánh, đồng thời phải mở cho Mỹ một lối ra. Bạo lực là con đường duy nhất vì đối phương đã sử dụng bạo lực, không hề từ bỏ bạo lực. Kinh nghiệm của ta trong cuộc kháng chiến chống Pháp và những cuộc kháng chiến trong lịch sử là huy động sức mạnh tổng hợp của toàn dân, tiến hành chiến tranh trên ba mặt trận quân sự, chính trị, binh vận, và cả ngoại giao ; kết hợp cuộc kháng chiến của ta với cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới, trong đó có nhân dân Mỹ. Ở miền Nam, ta tổ chức và rèn luyện hai đạo quân hùng hậu là đội quân chính trị và đội quân vũ trang. Các lực lượng vũ trang lại tổ chức thành ba thứ quân : chủ lực, địa phương, dân quân du kích ở khắp cả ba vùng chiến lược : nông thôn đồng bằng, miền núi, các thành thị.

Sau khi cuộc chiến tranh đơn phương thất bại trước cao trào đồng khởi và chiến tranh nhân dân của ta, Mỹ chuyển sang thực hành chiến tranh đặc biệt bằng quân đội người Việt nam là chính, tập

Digitized by Google

trung dân vào các trại giam lỏng gọi là ấp chiến lược, dự trù có thể thành công sau 18 tháng.

Từng trải qua cuộc kháng chiến chống Pháp, mang trong mình dòng máu yêu nước anh hùng của Trương Định, Thủ khoa Huân và các bậc tiên liệt, đồng bào ta chiến đấu dũng cảm, mưu trí ở khắp các địa phương, kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh chính trị trong đó có những cuộc biểu tình lớn ở các thành thị. Ngô Đình Diệm bị Mỹ hạ thủ, chiến tranh đặc biệt của họ phá sản.

Mỹ leo thang, đưa quân Mỹ vào cuộc chiến, mở rộng chiến tranh bằng không quân ra miền Bắc, tuyên chiến với cả dân tộc ta. Đó là một thử thách lớn đối với ta. Bác Hồ, Lê Duẩn và Bộ chính trị hạ quyết tâm đánh thắng quân Mỹ bằng sức mạnh tổng hợp của cả hai miền, đồng thời vẫn để cho đối phương lối thoát.

Mấy chục sư đoàn tinh nhuệ bậc nhất của Mỹ đổ bộ vào nước ta lập tức bị tiến công và bị căng ra khắp các chiến trường, mạnh mà hóa yếu, không khác gì quân Pháp trước kia. Trải qua cuộc đọ sức hai năm 1965, 1966, Lê Duẩn đề nghị Bộ chính trị phê chuẩn kế hoạch mở cuộc tổng công kích vào quân Mỹ ở các thành phố lớn bằng một lực lượng tinh nhuệ của ta. Chiến dịch tết Mậu Thân nổi tiếng làm rung chuyển bộ máy chiến tranh của Mỹ, rung chuyển cả nước Mỹ, chấn động dư luận thế giới. Mỹ phải tuyên bố đình chỉ chiến tranh bằng không quân đối với miền Bắc, xuống thang chiến tranh, đề nghị đàm phán. Ta mở thêm mặt trận ngoại giao, tạo cơ hội cho Mỹ rút ra khỏi cuộc chiến tranh mà sự chịu đựng của họ đã tới hạn. Vì chưa quen thua trận, một mặt, họ mưu toan dùng sức ép của nước thứ ba hạn chế nguồn viện trợ cho ta, chuyển sang sử dụng quân đội Sài gòn được gấp rút tăng lên, thực hiện chiến lược Việt nam hóa chiến tranh, thay đổi màu da của xác chết. Chiến dịch Lam sơn, quyết tâm cao nhất lần thứ hai của Mỹ bị bẻ gãy, Mỹ mở lại chiến dịch đánh phá miền Bắc bằng không quân, phong tỏa vịnh Bắc bộ, tập hợp lực lượng không quân chiến lược, chiến thuật đánh Hà nội, Hải phòng. Con bài cuối cùng sức mạnh của Mỹ cũng bị đốt cháy. Cùng đường, Hoa kỳ mới chịu đặt bút ký Hiệp định Pa-ri nhưng vẫn cay cú chơi thêm một ván bài vớt vát qua tay chính quyền và quân đội Sài gòn. Cuộc chiến tranh giữa ta và Mỹ kết thúc ngày 30 tháng 4 năm 1975.

Ngày nay, phía Mỹ đã có nhiều người thừa nhận sai lầm, nhưng những bài học thất bại của họ thì còn cần có thời gian mới sáng tỏ thêm vì họ chưa từng trải một cuộc chiến tranh với một đối thủ, theo cách nhìn của họ là có thể nghiền nát không khó khăn gì. Trái lại, người Việt nam thì đã quen thuộc từ lâu với những cuộc chiến tranh lấy yếu thắng mạnh, hoặc nói theo một cách khác là lấy cái mạnh tiềm tàng bên trong tức là sức mạnh, sự chịu đựng, đức hy sinh, trí thông minh của con người đánh vào cái yếu bên trong của đối phương. Tư tưởng chỉ đạo kháng chiến của ta đã được Hồ Chí Minh tuyên bố ở Pa-ri năm 1946 : Nếu Pháp muốn dùng sức mạnh của máy bay, đại bác, người Việt nam sẽ đáp lại bằng sức mạnh chiến tranh của mấy chục triệu người Việt nam yêu nước và trong Lời kêu gọi cả nước kháng chiến : Thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ.

Kế thừa được truyền thống, phát triển tư tưởng quân sự Việt nam trong thời đại mới như đã thể hiện trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ là vì dân tộc ta vốn là một dân tộc anh hùng, từng trải chiến tranh chống xâm lược mà Đảng cộng sản Việt nam là đại biểu tinh hoa. Phải có một đảng cách mạng, một quân đội cách mạng, một dân tộc cách mạng mới kiên trì được hai cuộc kháng chiến trường kỳ bằng sức mạnh tổng hợp. Tinh thần, trí tuệ của toàn đảng, toàn quân, toàn dân là nhân tố hàng đầu của thắng lợi. Trong chiến tranh, qua chiến đấu ta có đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cấp, đội ngũ tướng lĩnh tài giỏi, gan dạ và đặc biệt quan trọng là những người lãnh đạo các đơn vị cơ sở, đơn vị chiến đấu nhỏ nhất. Thắng lợi của ta là thắng lợi của tinh thần dân tộc, chủ nghĩa yêu nước, của sức mạnh bản thân và sức mạnh quốc tế trong thời đại mới.

Là một nhân vật trung tâm của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cùng với Hồ Chí Minh - người đứng đầu, và Trường Chinh, Phạm Văn Đồng, Võ Nguyên Giáp với nhiều đồng chí khác, Lê Duẩn đã có cống hiến quan trọng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, để lại cho các đời sau những di sản quý báu về tư tưởng chính trị, tư tưởng quân sự.□

Digitized by Google

"LÀM CHỦ" MỘT TƯ TƯỞNG CAO ĐẸP

VŨ HIỀN

Là một nhà lãnh đạo xuất sắc, một người học trò lỗi lạc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, một nhà tư tưởng lớn, đồng chí Lê Duẩn đã có đóng góp quan trọng vào sự lãnh đạo của Đảng ta. Trong suốt cuộc đời hoạt động của mình, nhất là khi được giao cương vị Bí thư thứ nhất, rồi Tổng bí thư của Đảng, đồng chí luôn suy nghĩ, tìm tòi, xuất phát từ tình hình thực tế, phân tích, giải quyết những vấn đề mới do cuộc sống đặt ra. Sự sáng suốt của đồng chí nổi bật ở chỗ : trước những bước ngoặt của lịch sử và những tình huống phức tạp của cách mạng, đồng chí đã cùng Bộ tham mưu của Đảng tìm câu trả lời và vạch hướng đi đúng, đưa sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Thấm nhuần sâu sắc nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đồng chí là một trong những người đặt nền móng cho hệ thống lý luận về chủ nghĩa xã hội ở Việt nam.

Lý tưởng và hoài bão suốt đời của đồng chí là Tổ quốc độc lập thống nhất, nhân dân có quyền làm chủ đất nước, làm chủ xã hội và làm chủ cuộc sống của mình. Vì thế, trong nhiều lĩnh vực, nhiều vấn đề mà đồng chí Lê Duẩn đóng góp vào kho tàng lý luận của Đảng ta, vấn đề được đồng chí dày công nghiên cứu và tâm đắc nhất là tư tưởng làm chủ của nhân dân lao động. Đồng chí cho rằng đây là vấn đề cốt lõi, xuyên suốt, là vấn đề "lớn lắm, quan trọng lắm" vì nó "là mục đích của chủ nghĩa xã hội, đồng thời là một động lực rất to lớn để xây dựng chủ nghĩa xã hội" (1).

*
* *

Làm chủ là nguyện vọng thiêng liêng, thiết tha nhất và cao đẹp nhất của muôn thuở con người. Con người sinh ra phải có quyền làm chủ. Thế nhưng cái lẽ tưởng như đương nhiên ấy lại là một câu hỏi lớn và cực kỳ hệ trọng không dễ trả lời !

Thời tiền sử, con người sống trong cộng đồng mà ở đó tập thể hầu như chi phối hoàn toàn cá nhân, ở đó có sự làm chủ nhưng nội dung hết sức đơn giản, trình độ làm chủ hết sức thấp kém.

Thoát khỏi thời kỳ mông muội, con người tiến xa hơn cùng với việc xuất hiện chế độ tư hữu, giai cấp và nhà nước. Lịch sử loài người đã trải qua nhiều chế độ xã hội có bản chất chung là tư hữu. Trong các xã hội đó, các giai cấp bóc lột thay nhau chia phần và chiếm lĩnh các tư liệu sản xuất cũng như đối tượng sản xuất chủ yếu. Quyền làm chủ thuộc về họ, còn nhân dân lao động bị tước hết tư liệu sản xuất chính và bị tước luôn cả quyền làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên. Vì vậy, một điều tất yếu đã diễn ra là song song với quá trình đấu tranh chinh phục thiên nhiên để sản xuất, nhân dân lao động luôn vùng dậy chống các giai cấp thống trị để giành quyền làm chủ của mình. Chính các cuộc đấu tranh cách mạng ấy của nô lệ chống chủ nô, nông nô chống phong kiến đã thúc đẩy lịch sử tiến lên.

Đến chủ nghĩa tư bản, một lực lượng xã hội mới là giai cấp công nhân hiện đại ra đời và dưới sự lãnh đạo của giai cấp tiên phong đó, đội ngũ đông đảo nhân dân lao động tiến hành cuộc cách mạng xóa bỏ chế độ tư hữu, thiết lập chế độ xã hội chủ nghĩa mà mục đích cao cả của xã hội đó là đem lại ấm no, hạnh phúc cho tất cả mọi người lao động, trả lại địa vị chính đáng của họ trong xã hội.

---

(1) Lê Duẩn : *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt nam*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1984, t IV, tr 607

Digitized by Google

C. Mác và Ph. Ăng-ghen, những người sáng lập ra chủ nghĩa cộng sản khoa học, đã cống hiến cả đời mình cho việc thực hiện nguyện vọng cao quý nhất là chỉ ra cho nhân dân lao động con đường đấu tranh thoát khỏi cảnh áp bức, bóc lột, giành lại quyền làm chủ và ý chí tự do của họ. Hai ông đã từng phác thảo xã hội tương lai - xã hội cộng sản, là một cộng đồng gồm những cá nhân tự do và tự nguyện liên hợp lại và con người của xã hội đó hành động tự do trên cơ sở nhận thức được cái tất yếu, là con người chủ động sáng tạo.

Tiếp tục tư tưởng đó, Lê-nin cho rằng, "Tính chủ động sáng tạo của quần chúng, đó là nhân tố cơ bản của xã hội mới... Chủ nghĩa xã hội không phải là kết quả của những sắc lệnh từ trên ban xuống. Tính chất máy móc hành chính quan liêu không dung hợp được với tinh thần chủ nghĩa xã hội ; chủ nghĩa xã hội sinh động, sáng tạo là sự nghiệp của bản thân quần chúng nhân dân" (2).

Chủ tịch Hồ Chí Minh chỉ rõ giành quyền làm chủ cho nhân dân là một mục tiêu cơ bản của cách mạng. Người nói : "Suốt bao năm trường, Đảng ta cùng quân và dân ta đã anh dũng hy sinh chiến đấu, đánh đổ thực dân, phong kiến, để giành lại cho nhân dân lao động cái quyền làm chủ nước nhà". Người còn nói : "chế độ xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa là chế độ do nhân dân lao động làm chủ". "Dân chủ là dân làm chủ và dân là chủ".

Như vậy, khát vọng làm chủ của người lao động và việc đưa họ lên làm chủ xã hội dưới hình thức này hay hình thức khác, trình độ này hay trình độ khác là một vấn đề mang tính quy luật phổ biến mà những nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác đã trực tiếp hoặc gián tiếp đề cập tới. Tư tưởng đó được đồng chí Lê Duẩn lĩnh hội sâu sắc, đồng thời căn cứ từ điều kiện hoàn cảnh lịch sử cụ thể của Việt nam để khái quát nâng lên và hoàn chỉnh thêm một bước thành một hệ thống quan điểm với nội dung phong phú, chặt chẽ mang tính sáng tạo độc đáo Việt nam. Đồng chí Lê Duẩn viết : "Điều quan trọng nhất trong đường lối của Đảng, sợi chỉ đỏ xuyên suốt quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa là xây dựng và phát huy chế độ làm chủ tập thể của nhân dân lao động, thực hiện bước nhảy vọt vĩ đại nhất của lịch sử dân tộc, sự đổi mới sâu xa nhất của chế độ xã hội, của nền kinh tế xã hội và sự vươn lên cao đẹp nhất của mỗi con người" (3).

Đồng chí Lê Duẩn cho rằng, do chính bản chất của nó, chế độ xã hội của chúng ta là chế độ làm chủ của nhân dân lao động. Đó chính là nguyên nhân cơ bản khiến nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng luôn luôn vững bước trên con đường cách mạng đầy khó khăn trở ngại. Đúng như vậy ! Dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt nam quang vinh, bất chấp những hậu quả nặng nề do hơn 30 năm chiến tranh xâm lược của bọn thực dân, đế quốc để lại, bất chấp sự cấm vận ngặt nghèo của Mỹ gần 20 năm, bất chấp sự khủng hoảng đi tới sụp đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên xô và các nước Đông Âu, bất chấp hoàn cảnh khó khăn của nền kinh tế nước ta còn phổ biến là sản xuất nhỏ, nhân dân ta chủ động, sáng tạo vượt qua mọi khó khăn thách thức, thực hiện công cuộc đổi mới ngoạn mục, giành được những thành tựu quan trọng. Đó cũng chính do kết quả của việc phát huy tinh thần làm chủ của nhân dân lao động.

*

* *

Với sự nghiên cứu nghiêm túc, công phu và cách tiếp cận khoa học của một nhà lý luận biệt tài, với nhãn quan chính trị và sự nắm bắt nhạy cảm của một nhà lãnh đạo từng trải, những quan điểm của đồng chí Lê Duẩn về làm chủ tập thể của người lao động được mở ra và khơi sâu trên rất nhiều phương diện. Người viết bài này cảm thấy chưa đủ khả năng để hệ thống đầy đủ những quan điểm đó, chỉ xin nêu lên một số điều cảm nhận trên ba loại vấn đề lớn sau đây :

1 - Nói đến làm chủ của nhân dân lao động là nói đến sự làm chủ với ý thức tự giác, có tổ chức,

---

(2) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1963, t 26, tr 327

(3) Lê Duẩn : *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt nam*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, t 3, tr 621

Digitized by Google

có lãnh đạo. Đường lối của Đảng cộng sản được quần chúng giác ngộ sẽ trở thành lực lượng vật chất hùng hậu, thành động lực đưa cách mạng tiến lên.

Như vậy, chủ nghĩa xã hội chính là sản phẩm của sự hoạt động có ý thức, có tổ chức, đầy chủ động sáng tạo của hàng triệu người lao động dưới sự lãnh đạo của đảng của giai cấp công nhân. Làm chủ của người lao động theo lập trường của giai cấp công nhân vừa là mục tiêu, vừa là động lực ; vừa là nguyên nhân, vừa là kết quả của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Và để bảo đảm cho sự làm chủ của người lao động một cách tốt nhất, chặt chẽ nhất, bền vững nhất, cần phải xây dựng chế độ làm chủ tập thể. Đồng chí Lê Duẩn viết : "Là mục đích, đồng thời là động lực của toàn bộ sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa, chế độ làm chủ tập thể được xác lập ngay từ đầu và không ngừng hoàn chỉnh, ngày càng thấm sâu vào mọi lĩnh vực hoạt động, ngày càng thể hiện trong mọi quan hệ xã hội, dần dần trở thành ý thức tự nhiên, thường trực và lối sống hằng ngày của mỗi con người" (4).

Trong khi xác định làm chủ của nhân dân lao động "là bản chất và bản lĩnh của giai cấp công nhân" (5), đồng chí Lê Duẩn cũng hết sức lưu ý rằng, bản thân giai cấp công nhân Việt nam không phải là lực lượng xã hội hoàn toàn "miễn dịch" đối với ảnh hưởng của hệ tư tưởng tư sản và tiểu tư sản, của nếp nghĩ, lề thói, tác phong của người sản xuất nhỏ. Vì vậy, trong quá trình thực hiện sự làm chủ của người lao động, giai cấp công nhân cũng phải tự cải tạo, không ngừng rèn luyện để nâng cao và phát triển phẩm chất tốt đẹp của mình. "Vai trò lãnh đạo và sứ mệnh tiên phong của giai cấp công nhân được tỏ rõ ở chỗ giai cấp công nhân phải là mẫu mực về ý thức và năng lực làm chủ tập thể, tự mình làm chủ tập thể trước nhất và tốt nhất, đồng thời hướng dẫn, giúp đỡ các giai cấp khác, các tầng lớp lao động khác..." (6).

Rõ ràng là với cơ chế đảng lãnh đạo, nhân dân lao động làm chủ tập thể chủ yếu bằng nhà nước xã hội chủ nghĩa, sự làm chủ đó mang tính tự giác cao, là sự làm chủ vững chắc ; tập thể làm chủ không phải là một số cộng giản đơn, không phải là làm chủ theo kiểu phường hội, không phải là vô chủ.

2 - Nói đến làm chủ của nhân dân lao động là nói tới sự kết hợp hài hòa giữa làm chủ của cộng đồng xã hội với quyền tự do chân chính của cá nhân ; là nói tới sự thống nhất giữa quyền lợi và nghĩa vụ của mỗi người.

Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định : "Không có chế độ nào tôn trọng con người, chú ý xem xét những lợi ích cá nhân đúng đắn và bảo đảm cho nó được thỏa mãn bằng chế độ xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa... Trong chế độ xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa là chế độ do nhân dân lao động làm chủ, thì mỗi người là một bộ phận của tập thể, giữ một vị trí nhất định, và đóng góp một phần công lao trong xã hội. Cho nên lợi ích cá nhân là nằm trong lợi ích tập thể, là một bộ phận của lợi ích tập thể. Lợi ích chung của tập thể được bảo đảm thì lợi ích riêng của cá nhân mới có điều kiện để được thỏa mãn" (7). Chủ nghĩa xã hội là môi trường thuận lợi nhất cho tất cả mọi người và cho mỗi người, bởi mục tiêu sâu xa nhất của chủ nghĩa xã hội là "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh", là mọi người đều được sống tự do, hạnh phúc. Khi người lao động làm chủ trong một xã hội trong lành như vậy thì sự phát triển tự do của mỗi người là điều kiện cho sự phát triển tự do của tất cả mọi người, thì sự làm chủ của cộng đồng xã hội sẽ hòa quyện với quyền tự do chân chính của mỗi cá nhân. Đồng chí Lê Duẩn coi đó là một trong những nội dung quan trọng của chế độ làm chủ tập thể của người lao động. Đồng chí nhấn mạnh : "Trên cơ sở những đòi hỏi tất yếu của cuộc sống cộng đồng, của quyền làm chủ tập thể, phải tôn trọng và bảo đảm các quyền của công dân, bảo đảm sự phát triển phong phú của nhân cách, bồi dưỡng và phát huy

(4) Lê Duẩn : *Sđd*, t 3, tr 622
(5) Lê Duẩn : *Sđd*, t 3, tr 622
(6) Lê Duẩn : *Sđd*, t 3, tr 623
(7) Hồ Chí Minh : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1989, t 8, tr 246

Digitized by Google

sở trường và năng khiếu cá nhân, tạo điều kiện cho mọi người tự do tìm tòi và sáng tạo trên các lĩnh vực sản xuất, hoạt động khoa học, kỹ thuật, văn hóa, văn học, nghệ thuật..." (8).

Ai cũng biết rằng cộng đồng và cá nhân đều tồn tại khách quan trong xã hội. Chủ nghĩa xã hội có mục đích làm cho đời sống của cả cộng đồng và của mỗi cá nhân, mỗi gia đình đều tốt, đều được tôn trọng. Mục tiêu đó chẳng những không đối lập và tách biệt mà có tác động tích cực và thúc đẩy sự phát triển của mỗi cá nhân và của toàn xã hội. Cũng trong chủ nghĩa xã hội, do xác lập được địa vị làm chủ của mình nên quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động có sự nhất trí, kết hợp với nhau chặt chẽ. Nhà nước xã hội chủ nghĩa của nhân dân lao động đồng thời đại diện cho lợi ích của toàn xã hội, bảo đảm cho mỗi cá nhân được hưởng quyền lợi, đồng thời đòi hỏi mỗi cá nhân phải làm tròn nghĩa vụ của mình. Mỗi cá nhân đều có quyền và quan trọng hơn là xã hội tạo điều kiện giúp họ hiểu rõ và sử dụng đúng quyền của mình, đồng thời chủ động, tích cực thực hiện nghĩa vụ của mình với cộng đồng, với nhà nước, với toàn xã hội. Đồng chí Lê Duẩn nói : "Làm chủ tập thể không phải là dân chủ cho một số ít người, cũng không phải là sự làm chủ của từng cá nhân riêng lẻ cộng lại, đó là sự làm chủ tập thể của cả cộng đồng xã hội, của từng tổ chức và của từng người trong cộng đồng. Nó kết hợp sức mạnh của cộng đồng với sức mạnh của cá nhân. Nó giải phóng xã hội để giải phóng cá nhân. Nó chăm lo sự phồn vinh của xã hội, vì hạnh phúc của từng gia đình, từng cá nhân, nó kết hợp sự làm chủ của cộng đồng với làm chủ của cá nhân, kết hợp lợi ích của toàn xã hội với lợi ích của tập thể và lợi ích của mỗi người, bảo đảm cho cộng đồng xã hội cũng như từng tổ chức trong cộng đồng phát triển một cách tốt nhất, đồng thời bảo đảm tự do đầy đủ nhất cho mỗi thành viên của chủ nghĩa xã hội".

Từ sự phân tích trên có thể khẳng định rằng, quan điểm của đồng chí Lê Duẩn về làm chủ tập thể của người lao động không những không thủ tiêu tự do cá nhân, mà ngược lại rất tôn trọng, đề cao và bảo vệ quyền tự do chân chính của cá nhân ; không tách biệt và đối lập giữa quyền lợi và nghĩa vụ mà là sự thống nhất hài hòa trong mỗi con người và giữa mọi người lao động.

3 - Nói đến làm chủ của người lao động là nói tới sự làm chủ toàn diện và đầy đủ, là nói tới trình độ làm chủ phải từ thấp lên cao, là nói tới khả năng thực tế.

Đồng chí Lê Duẩn cho rằng, quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội cũng là quá trình xác lập và hoàn thiện dần chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa. Đây là giai đoạn phát triển cao của quá trình đấu tranh giành quyền làm chủ của nhân dân lao động, là môi trường, là điều kiện tốt nhất bảo đảm cho nhân dân lao động làm chủ toàn diện và đầy đủ. Theo đồng chí Lê Duẩn, "Nội dung của làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa bao gồm nhiều mặt : làm chủ về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội ; làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên, làm chủ bản thân ; làm chủ trong phạm vi cả nước, trong mỗi địa phương, mỗi cơ sở" (9).

Thật rõ ràng và mạch lạc ! Làm chủ của người lao động với cách đề cập như vậy là có nội dung thực tế, biểu hiện trên nhiều phương diện.

Trước hết là làm chủ về mặt xã hội bao gồm làm chủ về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội. Làm chủ về chính trị chính là thiết lập quyền lực của tập thể nhân dân lao động mà nòng cốt là liên minh công, nông, trí thức do giai cấp công nhân lãnh đạo, là xây dựng mối quan hệ hữu cơ giữa Đảng lãnh đạo, nhà nước quản lý và nhân dân lao động có tổ chức làm chủ, hiểu rõ và biết sử dụng quyền lực chính trị của mình. Làm chủ về kinh tế một cách đầy đủ nhất là làm chủ về tư liệu sản xuất, lực lượng lao động ; là làm chủ trong lĩnh vực quản lý kinh tế và phân phối ; là đẩy nhanh phát triển kinh tế, công nghiệp hóa đất nước, nâng cao đời sống vật chất, văn hóa của nhân dân. Làm chủ về văn hóa, xã hội chính là việc tạo cho nhân dân lao động một cuộc sống tinh thần phong phú, bảo đảm mọi giá trị văn hóa của đất

(8) Lê Duẩn *Sđd*, t 3, tr 56
(9) Lê Duẩn *Sđd*, t 3, tr 51

Digitized by Google

nước thật sự là tài sản chung của nhân dân lao động ; là việc tạo điều kiện để họ được hưởng những giá trị văn hóa, đồng thời sáng tạo ra những giá trị văn hóa mới ; là việc xây dựng mối quan hệ tốt đẹp giữa người và người theo lối sống "mỗi người vì mọi người, mọi người vì mỗi người".

Làm chủ về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội của nhân dân lao động thể hiện trong phạm vi cả nước, ở từng địa phương và cơ sở. Người lao động có phạm vi làm chủ trong cả nước, đồng thời lại có cuộc sống riêng ở mỗi địa phương, mỗi cơ sở nên còn làm chủ ở địa phương và cơ sở mình. Làm chủ trong phạm vi cả nước, địa phương, cơ sở là một sự thống nhất, không tách rời nhau, không đối lập nhau, trái lại, gắn bó hữu cơ và bổ sung cho nhau một cách tích cực bảo đảm cho nhân dân lao động làm chủ thực sự và đầy đủ.

Khi người lao động thực hiện làm chủ một cách có ý thức trong mọi mặt đời sống xã hội, thì đồng thời họ cũng có đầy đủ mọi điều kiện để làm chủ thiên nhiên và làm chủ bản thân. Ăng-ghen đã chỉ rõ "Một khi con người đã làm chủ được phương thức sinh hoạt trong xã hội của mình, thì chính cũng do đó mà trở thành những người làm chủ thiên nhiên, làm chủ cả chính mình, tức là trở thành người tự do" (10).

Nhân dân lao động làm chủ thiên nhiên không chỉ ở chỗ mọi tài nguyên thiên nhiên, rừng, biển, đất, trời đều là tài sản chung của người lao động, của xã hội ; mà còn là việc hiểu và nắm bắt được quy luật tự nhiên, làm chủ về khoa học kỹ thuật, ứng dụng thành tựu khoa học - kỹ thuật để chế ngự và lợi dụng thiên nhiên, bảo vệ thiên nhiên vì lợi ích trường cửu của con người.

Trên cơ sở nâng cao trình độ làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên mà trình độ làm chủ bản thân của con người ngày càng nâng cao. Với sự hiểu biết những quy luật của lịch sử, của đời sống xã hội, của tự nhiên và của tư duy, người ta có thể xác định được phương hướng suy nghĩ và hành động đúng đắn, hướng hành động của mình một cách tự giác, phù hợp với mục tiêu chung. Con người làm chủ bản thân là con người được giải phóng khỏi những tư tưởng vị kỷ hẹp hòi, khỏi những hành động tự phát, mù quáng để ngày càng chủ động, tự giác trong lao động sản xuất, trong hoạt động xã hội, không ngừng nâng cao tầm tư tưởng và khả năng sáng tạo trong thực tiễn, tiến dần đến "vương quốc tự do".

*

* *

Tư tưởng làm chủ của người lao động là sự sáng tạo của đồng chí Lê Duẩn và cũng là của Đảng ta. Đây là một tư tưởng rất nhân văn và cao đẹp, một hoài bão lớn lao về con người, vì con người và cho con người. Có thể hiểu khái niệm làm chủ của người lao động như khái niệm dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhưng làm chủ mang tính chủ động hơn và tích cực hơn. Cương lĩnh Đại hội VII của Đảng ta khẳng định một cách mạnh mẽ rằng : xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng là một xã hội do nhân dân lao động làm chủ. Làm chủ, hai tiếng thật thiêng liêng và thật ngọt ngào.

Chúng ta đã vượt qua thời kỳ khó khăn sau khi chủ nghĩa xã hội ở Liên xô và các nước Đông Âu bị sụp đổ ; chúng ta cũng đã và đang quen dần với cơ chế thị trường ; chúng ta đã đạt được nhiều thành tựu trong sự nghiệp đổi mới đất nước và hội nhập với bạn bè ; chúng ta có điều kiện và khả năng để bước vào thời kỳ mới đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Chúng ta kiên định mục tiêu, định hướng xã hội chủ nghĩa và trên con đường đó, dưới sự lãnh đạo của Đảng, chúng ta ngày càng hình dung rõ hơn từng chặng đường, từng bước đi cụ thể. Và cũng trên con đường đó, cả hôm nay và mai sau, di sản tư tưởng của đồng chí Lê Duẩn về làm chủ tập thể của nhân dân lao động vẫn là điều mới mẻ, mà chúng ta nên tiếp tục nghiên cứu cho hoàn thiện. Tư tưởng đó vẫn mang tính thời sự và đặc biệt cần thiết cho chúng ta. ❑

(10) Ph. Ăng-ghen : *Chống Duy-rinh*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1971 tr 486

Digitized by Google

VỀ KINH TẾ TƯ BẢN NHÀ NƯỚC Ở NƯỚC TA

PHẠM CHÍ DŨNG *

Mô hình kinh tế tư bản nhà nước đã được Báo cáo chính trị tại Đại hội Đảng lần thứ VIII xác định : "*Kinh tế tư bản nhà nước* bao gồm các hình thức hợp tác liên doanh giữa kinh tế nhà nước và tư bản tư nhân trong nước và hợp tác liên doanh giữa kinh tế nhà nước với tư bản nước ngoài. Kinh tế tư bản nhà nước có vai trò quan trọng trong việc động viên tiềm năng to lớn về vốn, công nghệ, khả năng tổ chức quản lý... của các nhà tư bản vì lợi ích của bản thân họ, cũng như của công cuộc xây dựng và phát triển đất nước..."(1).

Kinh tế tư bản nhà nước - một sự tập trung về vốn, trình độ sản xuất, công nghệ và phong cách hoạt động ở mức độ cao - có những ưu điểm hơn hẳn so với nền sản xuất nhỏ phân tán của các cá thể, tư nhân. Vận dụng chủ nghĩa tư bản nhà nước được thể hiện qua thành phần kinh tế tư bản nhà nước vào công cuộc xây dựng phát triển nền kinh tế xô viết là điểm mấu chốt trong chính sách kinh tế mới (NEP) của Lê-nin vào năm 1921. Đối với nước ta, sử dụng kinh tế tư bản nhà nước sẽ là điều kiện cần thiết để khắc chế tính tự phát trong sản xuất và chế độ sản xuất phân tán kém hiệu quả của kinh tế sản xuất nhỏ, nhằm khai thác tối đa tiềm năng để tập trung cho các nguồn lực hướng về mục tiêu kinh tế - xã hội cao nhất như công nghiệp hóa, hiện đại hóa và các chương trình kinh tế lớn khác. Hơn nữa, tố chất cạnh tranh vốn có của hình thái kinh tế tư bản chủ nghĩa sẽ như chất xúc tác cho một môi trường kinh tế cạnh tranh sôi động, giúp cho tất cả các thành phần kinh tế trong xã hội có một sự nhận thức về bản thân mình đúng hơn, ý thức hơn về nhu cầu tồn tại trong phát triển xã hội, và do đó sẽ đáp ứng sản phẩm tốt hơn cho người tiêu dùng. Một hệ quả hết sức quan trọng của sự phối hợp kinh tế trong nước với nhau và trong nước với nước ngoài là sự giao lưu và tăng trưởng trí tuệ, kiến thức xã hội và do đó thúc đẩy mặt bằng học vấn xã hội được nâng cao. Chính vì những ưu điểm của kinh tế tư bản nhà nước mà Lê-nin đã xác định rằng "chủ nghĩa tư bản độc quyền - nhà nước là sự chuẩn bị *vật chất* đầy đủ nhất cho chủ nghĩa xã hội, là *phòng chờ đi vào* chủ nghĩa xã hội..."(2).

Việc áp dụng và khai thác mô hình "phòng chờ" phụ thuộc vào đặc thù chính trị và điều kiện kinh tế, lịch sử của mỗi nước xã hội chủ nghĩa. Kinh tế tư bản nhà nước cùng với một khoa học kinh tế đã phát triển ở mức độ cao sẽ là đòn bẩy giúp cho sự tăng trưởng nhanh. Tuy vậy, tăng trưởng chưa phải là tất cả, hay nói cách khác nó chỉ là điều kiện cần trong sự cân đối với điều kiện đủ là tính phát triển xã hội toàn diện ; có nghĩa là không chỉ mức độ thu nhập bình quân đầu người tăng mà còn hạn chế được vấn đề phân hóa xã hội xét trên nhiều lĩnh vực. Vì thế, mô hình kinh tế tư bản nhà nước có thể được xem là con dao hai lưỡi đối với các nước chậm và đang phát triển. Mặt trái của nó có thể biểu hiện bởi sự xâm lấn của các tập đoàn tư bản nước ngoài đối với thị trường nội địa, dẫn tới co hẹp hoặc bóp nghẹt thị phần của sản xuất trong nước. Đó cũng có thể là một tâm

* Thạc sĩ kinh tế, UBND thành phố Hồ Chí Minh

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1996, tr 95

(2) V.I.Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1976, tập 34, tr 258

Digitized by Google

lý phụ thuộc kinh tế nước ngoài ngày càng gia tăng mà thường sẽ dẫn tới hậu quả khủng hoảng nếu nước ngoài cắt các nguồn đầu tư.

Chúng ta đều rõ, lợi nhuận - một phạm trù mang tính lịch sử của nền kinh tế hàng hóa - luôn là mục tiêu cuối cùng của các nhà tư bản. Từ đầu những năm 70, dòng chu chuyển tư bản đã trở nên cấp thiết trên những con đường tìm kiếm thị trường đầu tư và do đó là thị trường sản sinh lợi nhuận mới. Chỉ riêng giai đoạn từ năm 1980 đến 1990, hàng nghìn tỉ USD đã được tung vào các nước chậm và đang phát triển. Đó chính là một minh chứng đặc biệt cho vấn đề quyền lợi của nhà tư bản khi sử dụng đầu tư nước ngoài vào Việt nam. Gần đây nhất, Quốc hội nước ta đã ban hành Luật đầu tư nước ngoài sửa đổi, trong đó vấn đề hợp tác kinh tế giữa kinh tế nhà nước với tư bản nước ngoài được thể hiện thông qua các hình thức doanh nghiệp liên doanh, hợp tác kinh doanh trên cơ sở hợp đồng, mô hình khu chế xuất và khu công nghiệp (dạng tô nhượng), hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao (BOT), hợp đồng xây dựng - chuyển giao - kinh doanh (BTO), hợp đồng xây dựng - chuyển giao (BT). Đối với đầu tư trong nước, các hình thức khoán thuế, liên doanh, cổ phần hóa doanh nghiệp cũng đang được áp dụng.

Trong thực tế, kinh tế tư bản nhà nước (mà chủ yếu với nước ngoài) ở nước ta đã diễn ra như thế nào ? Phải thừa nhận rằng, trong khi hệ thống sản xuất trong nước vẫn chưa đạt tới độ năng động cần thiết, trong khi các nguồn lực tư nhân vẫn còn phân tán quá nhiều, thì tư bản nước ngoài đã được tập trung thành những "binh đoàn" hùng mạnh, tăng cường ảnh hưởng đáng kể của họ trên thị trường Việt nam. Mặt khác, việc quản lý đầu tư nước ngoài cho đến nay vẫn chưa đạt hiệu quả cao, trong đó cơ chế quản lý lỏng lẻo và thiếu đồng bộ giữa trung ương và các địa phương cũng là một tác nhân gây ra con số đến 20% trong tổng số giấy phép đầu tư nước ngoài bị rút phép trong hơn 8 năm qua (1987-1996). Vấn đề cần được đặt ra hiện nay : *Chúng ta nên vận dụng hình thức kinh tế tư bản nhà nước như thế nào để có thể khai thác tối đa những ưu điểm trong khi hạn chế tối thiểu những nhược điểm của nó ?*

Để định hướng trả lời câu hỏi trên, có lẽ không thừa khi quay lại với luận điểm của Lê-nin "Muốn không thay đổi bản chất của mình, nhà nước vô sản chỉ có thể thừa nhận cho thương nghiệp tự do và cho chủ nghĩa tư bản được phát triển trong một chừng mực nào đó và chỉ với điều kiện là thương nghiệp tư nhân và tư bản tư nhân phải phục tùng sự điều tiết của nhà nước (giám sát, kiểm tra, quy định các hình thức, trật tự, v.v.."[3]. Có thể hiểu rằng, không chỉ trong nền kinh tế chỉ huy mà đối với cả nền kinh tế hỗn hợp nhiều thành phần kinh tế, vai trò điều tiết của nhà nước vẫn hết sức cần thiết. Một bài học xương máu đối với các nước tư bản phát triển là việc buông lỏng hoàn toàn thị trường đã dẫn đến những đợt khủng hoảng kinh tế năm 1974 và 1976. *Đối với nước ta, thị trường hóa một cách vô chính phủ đồng nghĩa với sự thủ tiêu toàn bộ các nguồn lực trong nước và tất yếu dẫn đến việc thay đổi bản chất giai cấp của chế độ. Do đó, lập trường kiên định về vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước phải được xem là dứt khoát, trước sau không đổi.*

Mấy năm gần đây, xu hướng nhấn mạnh quá nhiều và thiếu khách quan vào hình thức kinh tế tư bản nhà nước đang tăng lên. Có thể thấy như sau : ban đầu là sự tiếp xúc của một số người đối với các lý thuyết và thực tiễn kinh tế thị trường ở các nước đang phát triển. Sau đó, bắt đầu có sự sao chép một cách thiếu chọn lọc, thậm chí nguyên xi mô hình nước ngoài để áp dụng đối với trong nước. Thật ra, ngay trong khoa học kinh tế phát triển tư bản, việc áp dụng một cách sao chép các mô hình kinh tế mà không dựa vào điều kiện vốn có của nước mình là điều tối kỵ, là nguyên nhân cơ bản gây triệt tiêu dần khả năng cạnh tranh của sản xuất trong nước. Một loại quan điểm khác, trong khi cho rằng cần hạ thấp vai trò chủ đạo của kinh tế quốc doanh, lại đề xuất giải pháp tư nhân hóa

(3) V.I.Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1978, t 44, tr 418

Digitized by Google

không giới hạn hoặc cho đầu tư nước ngoài không hạn chế. Loại quan điểm này, về thực chất không chỉ là một bất cập về kinh tế mà còn ảnh hưởng gay gắt đến sự phát triển của xã hội. Một loại quan điểm nữa, với nồng độ đậm đặc của tư tưởng "thị trường hóa", đã công khai "đoạn tuyệt với mô hình kinh tế kế hoạch hóa tập trung" và không nhắc đến cụm từ "định hướng xã hội chủ nghĩa" khi đề cập đến nền kinh tế thị trường. Nhận thức đúng đắn vấn đề này, cần phải được khẳng định : *Thứ nhất*, kế hoạch hóa tập trung hoàn toàn không phải là mầm mống gây ra cái gọi là hậu quả, mà trong cuộc kháng chiến chống Mỹ đã có một vai trò đặc biệt quan trọng, là xương sống giữ vững nền kinh tế quốc dân. Hơn nữa, sau cuộc khủng hoảng kinh tế trong hệ thống tư bản chủ nghĩa những năm 1929-1932, Mỹ và các nước Tây Âu đã phải thừa nhận tính ưu việt của tính kế hoạch trong nền kinh tế Liên xô, và đó là cơ sở để các nước tư bản chủ nghĩa xây dựng hệ thống kinh tế liên ngành mà chức năng chính là điều phối các quá trình sản xuất và phân phối sản phẩm, dịch vụ. *Thứ hai*, mỗi nền kinh tế đều được đặc trưng bởi bản chất giai cấp của chế độ xã hội. Trong giai đoạn quá độ lên chủ nghĩa xã hội, tất nhiên chúng ta không thể sử dụng nền kinh tế thị trường "không xã hội chủ nghĩa", để không bị rơi vào chủ nghĩa siêu lợi nhuận trong nền kinh tế tư bản chủ nghĩa. Đó chính là những ưu việt tối thiểu mà chủ nghĩa xã hội sẽ vượt qua chủ nghĩa tư bản trên con đường hướng tới mục tiêu công bằng xã hội.

Trong điều kiện nước ta hiện nay, chúng tôi xin nêu một số ý kiến cụ thể như sau :

1 – Khai thác và quản lý đầu tư nước ngoài.

- Cần thu hút đầu tư nước ngoài trên cơ sở cân đối các quy hoạch theo ngành và lãnh thổ, tuyệt đối tránh việc kêu gọi đầu tư nước ngoài tràn lan. Sau gần 9 năm thực hiện Luật đầu tư nước ngoài tại Việt nam, cho tới nay đã có khoảng 1600 dự án với tổng vốn đầu tư trên 24 tỉ USD. Tuy nhiên, một ví dụ đáng nói đến là trong khi một số ngành kinh tế thiết yếu vẫn đang còn thiếu vốn đầu tư thì các lĩnh vực khách sạn, nhà hàng, kinh doanh địa ốc lại thu hút quá nhiều dự án (35% số dự án ở TP Hồ Chí Minh và 20,6% bình quân trong toàn quốc). Đó là một trong những thực tế cho thấy nhà nước (mà cụ thể là Bộ kế hoạch và đầu tư cùng một số bộ liên quan) cần nhanh chóng xây dựng một quy hoạch chi tiết gọi vốn đầu tư nước ngoài trên phạm vi toàn quốc, xác định rõ những lĩnh vực nào cần hay không cần đầu tư nước ngoài, cần bao nhiêu và sẽ càng tốt nếu triển khai được các đối tác Việt nam có tiềm năng.

- Có thể nói trong một tương lai gần, đầu tư nước ngoài vẫn là loại hình quan trọng nhất với các chỉ tiêu cao về quy mô vốn lẫn trình độ công nghệ. Do đó, quản lý đầu tư nước ngoài sao cho hiệu quả phải là một vấn đề rất đáng quan tâm. Hiện nay, không thể phủ nhận tình trạng ở một số nơi, trong một số ngành năng lực đối tác của cán bộ Việt nam còn yếu, thậm chí quá yếu. Vì thế, vấn đề đào tạo đội ngũ cán bộ đối tác cần được coi là một trong những mục tiêu hàng đầu, trong đó bên cạnh yếu tố trình độ cũng phải đánh giá chặt chẽ phẩm chất đạo đức (có thể tham khảo về cán bộ đối tác ở một số mặt như mức lương trong liên doanh, tình trạng hoạt động của liên doanh, số lần đi và lý do đi nước ngoài trong một thời gian nhất định).

- Liên quan đến quản lý đầu tư nước ngoài, vấn đề phối hợp thống nhất và đồng bộ giữa các ngành trung ương và các địa phương cần được coi trọng đúng mức. Không thể để tiếp tục xảy ra tình trạng "không ai có trách nhiệm trong khi mọi người đều có quyền". Về việc này, Bộ kế hoạch và đầu tư cần có thông tư hướng dẫn hết sức cụ thể trên cơ sở có tham khảo ý kiến một số địa phương chính (Hà nội, TP Hồ Chí Minh).

- Kéo theo tất yếu trong quản lý đầu tư nước ngoài là phải tăng chất lượng thu thuế trong lĩnh vực đầu tư nước ngoài, phát huy vai trò của các tổ chức đảng và công đoàn trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài. Đối với công đoàn, chúng tôi cho rằng hiện nay và sắp tới công đoàn cần chú ý hơn nữa tới việc kiến nghị tăng mức lương tối thiểu cho lao động Việt nam trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài lên 60 - 70 USD/người/tháng (hiện nay chỉ có 40 - 45 USD) để bảo đảm khả

Digitized by Google

năng sống và tái tạo sức lao động cho người lao động.

2 – Đầu tư trong nước.

- Đầu tư nước ngoài tuy là một nhân tố quan trọng nhưng dù sao vẫn không thể giữ vai trò quyết định trong nền kinh tế Việt nam. Hiện nay, trong tư nhân còn hàng tỉ USD tiền nhàn rỗi mà chưa được sử dụng đầu tư vào những dự án có ích cho xã hội. Có thể nói, tình hình triển khai Luật khuyến khích đầu tư trong nước quá chậm là một trong những nguyên nhân làm giảm hiệu quả đầu tư trong nước (Luật khuyến khích đầu tư trong nước được Quốc hội thông qua ngày 22-6-1994 nhưng mãi đến ngày 12-5-1995 Chính phủ mới ban hành Nghị định hướng dẫn). Trong khi đó, một số lĩnh vực sản xuất sản phẩm thiết yếu mà khả năng trong nước hoàn toàn có thể làm được thì nhiều địa phương lại chỉ kêu gọi đầu tư nước ngoài (đó sẽ là hậu quả lớn trong tương lai, khi tư bản nước ngoài khống chế cơ bản thị phần ở một số thị trường trong nước). Ngoài ra, quá trình triển khai Luật khuyến khích đầu tư trong nước không phải chỉ là vấn đề chậm ra các văn bản hướng dẫn mà chủ yếu là nội dung các văn bản đó có những điểm bất cập trong thủ tục cấp giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư. Chẳng hạn như : việc đùn đẩy qua lại giữa các cơ quan nhà nước như sở tài chính, ngân hàng tỉnh trong việc xét hồ sơ ưu đãi đầu tư mà đáng lý ra hồ sơ cần được chuyển qua cục thuế và cục đầu tư...

- Hiện nay chúng ta chưa có nhiều kinh nghiệm và càng chưa có nhiều thành quả trong cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước với các khó khăn mà thời gian qua đã có nhiều cơ quan đề cập tới. Do vậy, *rất không nên cổ phần hóa hàng loạt mà cần làm từng bước vững chắc, có hiệu quả.* Đồng thời, phương án cho người nước ngoài mua cổ phần chỉ nên đặt ra như một cơ sở tham khảo cho những năm tới, chứ chưa cần đặt ra vào lúc này, khi mà yếu tố quốc doanh trong doanh nghiệp cổ phần chưa đủ ổn định và mạnh để đưa doanh nghiệp đi đúng định hướng XHCN. Tương tự, *mô hình thị trường chứng khoán cũng cần nghiên cứu kỹ*, tiến hành thí điểm để tổng kết rút kinh nghiệm bởi, trong điều kiện chưa hình thành hệ thống doanh nghiệp cổ phần có quy mô thì thị trường chứng khoán thực sự chưa có ý nghĩa kinh tế.

Tóm lại, *khai thác một cách hiệu quả và quản lý chặt chẽ đầu tư nước ngoài, đẩy nhanh tốc độ đầu tư trong nước một cách có trọng điểm, thận trọng trong việc cổ phần hóa và xây dựng thị trường chứng khoán* - đó là những suy nghĩ chung nhất mà chúng tôi cho rằng có thể sẽ là công cụ hỗ trợ cho việc sử dụng "phòng chờ" kinh tế tư bản nhà nước một cách phù hợp ở nước ta hiện nay.❑

"DIỄN BIẾN HÒA BÌNH"...

(Tiếp theo trang 42)

Lời giải cho công thức "hòa nhập nhưng không hòa tan" chỉ có thể tìm thấy từ một môi trường văn hóa - xã hội lành mạnh và lòng tự tôn dân tộc phải trở thành "bộ gien" di truyền, bộ chỉnh bên trong của văn hóa. Những nguy cơ "ngoại xâm" trong văn hóa chỉ có hiệu quả khi có sự phối hợp của nguy cơ "nội xâm" nảy sinh từ văn hóa dân tộc. Cho nên, một chiến lược văn hóa sẽ thành công khi văn hóa biến thành sự tự ý thức trong mỗi công dân. Đã đến lúc những bước tiến kinh tế phải được đặt trên nền tảng của sự nghiệp văn hóa. Không thể để những lợi ích trước mắt cản trở (thậm chí gây hại) tới lợi ích lâu dài. Tương lai sẽ oán trách chúng ta, lịch sử sẽ phê phán chúng ta nếu hôm nay không có một chiến lược đúng đắn chống lại cuộc tấn công văn hóa của "diễn biến hòa bình". "Hãy tự hào là người Việt nam" - đó là câu trả lời sáng suốt nhất trước những thách thức của thời đại và đây cũng sẽ là động lực trực tiếp đưa sự nghiệp "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng văn minh" sớm được hiện thực hóa trên Tổ quốc ngàn năm văn hiến của chúng ta.❑

Digitized by Google

Mấy vấn đề
THỰC TIỄN VÀ LÝ LUẬN CỦA VIỆC CẢI CÁCH BỘ MÁY HÀNH CHÍNH

CHU THÀNH - HOÀNG CÔNG

Đại hội lần thứ VIII của Đảng xác định : "Cải cách nền hành chính Nhà nước là trọng tâm của việc xây dựng, hoàn thiện nhà nước trong những năm trước mắt", trong đó cải cách bộ máy hành chính lại là một trong ba nhiệm vụ được đặt ra và phải giải quyết.

Thực ra, sắp xếp lại bộ máy hành chính luôn là vấn đề được Đảng và Nhà nước ta quan tâm, bởi vì bộ máy hành chính là bộ phận chủ lực của nhà nước thực hiện chức năng quản lý thống nhất các mặt đời sống kinh tế, xã hội, an ninh quốc phòng của đất nước. Hiệu lực và hiệu quả của quản lý nhà nước trước hết và chủ yếu phụ thuộc vào sự hợp lý và năng lực hoạt động của bộ máy này.

Những năm trước đây (gần đây nhất là năm 1995) chúng ta đã nhiều lần sắp xếp lại các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, bộ máy chuyên môn chính quyền địa phương nhằm mục đích nâng cao hơn hiệu quả quản lý của nhà nước. Song trước yêu cầu của công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay, đây vẫn là một vấn đề cần được nghiên cứu và hoàn thiện.

I. Bộ máy hành chính ở trung ương

Ở các nước tư bản, bộ máy hành chính thường gọn nhẹ. Sở dĩ như vậy vì nguyên tắc chung là nhà nước không làm kinh tế. Kinh tế thuộc phạm vi của tư nhân. Điều này cũng giống nhà nước phong kiến. Vì thế, bộ máy hành chính của nhà nước tư sản lúc đầu về cơ bản kế thừa bộ máy hành chính nhà nước phong kiến, với những chức năng mà các bộ của nhà nước phong kiến đảm nhận (bộ binh, bộ lại, bộ hình, bộ hộ, bộ công). Sau này do việc khuếch trương thương mại, xâm chiếm thuộc địa hoặc do phải đối phó với phong trào công nhân mà các bộ thương mại, bộ thuộc địa (như ở Pháp), bộ nội vụ được ra đời hoặc tăng cường. Ngày nay chủ nghĩa tư bản đã qua thời kỳ tự do cạnh tranh và trở thành chủ nghĩa tư bản lũng đoạn nhà nước. Do các mối liên kết quốc tế ngày càng chặt chẽ, sự tác động của tiến bộ khoa học, công nghệ tới kinh tế - xã hội ngày càng lớn đòi hỏi nhà nước phải tăng cường quản lý vĩ mô để bảo đảm sự ổn định chính trị và phát triển kinh tế, tránh các cuộc khủng hoảng và những hiện tượng kinh tế, xã hội tiêu cực khác. Do đó chức năng quản lý kinh tế, quản lý các vấn đề xã hội tăng lên và số bộ cũng vì thế nhiều thêm. Đó là những khuynh hướng chung ở các nước tư bản. Nhưng ở mỗi nước lại rất khác nhau, nhất là về số bộ phụ trách các vấn đề xã hội.

Ở các nước xã hội chủ nghĩa và ở Việt nam trước đây, quan niệm về vai trò quản lý của nhà nước rất khác so với các nước tư bản chủ nghĩa. Chúng ta quan niệm nhà nước không những chỉ làm chức năng quốc phòng, an ninh mà cả chức năng kinh tế, xã hội. Đối với kinh tế, bộ máy hành chính không chỉ thực hiện quản lý nhà nước ở tầm vĩ mô (kế hoạch, quy hoạch, chính sách, nhân sự) mà còn điều hành sản xuất trực tiếp (xét duyệt kế hoạch, ngân sách, vật tư, chỉ định đầu mối tiêu thụ...). Sự can thiệp của nhà nước vào sản xuất rất sâu. Mặt khác các lĩnh vực thuộc đối tượng quản lý lại bị xé nhỏ, cắt khúc. Chẳng hạn phân ranh giới giữa ngoại thương và nội thương; giữa nông nghiệp và lâm nghiệp; thủy, hải sản...

Digitized by Google

và thành lập các bộ chuyên ngành tương ứng. Kinh tế thì phân ra kinh tế trung ương và kinh tế địa phương. Kinh tế địa phương do các địa phương thông qua các sở (ty) tương ứng quản lý. Đối với lĩnh vực dịch vụ công cộng, quan niệm về một nhà nước xã hội chủ nghĩa phải cung ứng và bảo đảm mọi nhu cầu của người dân từ ăn, ở, học tập, chữa bệnh v.v... kéo theo một hệ thống cơ quan quản lý, điều hành khá lớn. Có thể nói sự xé nhỏ, cắt khúc, bao biện là nguyên nhân đầu tiên làm phát sinh bộ máy hành chính nhà nước cồng kềnh. Có thời kỳ có tới 34 bộ và cơ quan ngang bộ không kể hàng chục cơ quan thuộc chính phủ (năm 1981) hoặc 28 bộ và 25 cơ quan thuộc chính phủ (1987). Ở các bộ, cơ quan ngang bộ cũng chia nhỏ bộ máy ra rất nhiều các vụ, cục... Nhược điểm thứ hai là chưa có sự phân định rõ ràng chức năng của bộ máy hành chính với chức năng của các cơ quan khác. Chẳng hạn chức năng về tài phán kinh tế, tài phán hành chính không được tách khỏi thẩm quyền của bộ máy hành chính. Đó cũng là một tình trạng "vừa đá bóng, vừa thổi còi" trong lĩnh vực quản lý. Đó là chưa kể tới tình trạng các cấp ủy đảng bao biện, làm thay một phần chức năng của cơ quan hành chính nhà nước, dẫn đến chồ cơ quan hành chính đông, mà không đủ quyền hạn.

Nhược điểm và nguyên nhân thứ ba là nhận thức chưa đúng về chức năng của bộ máy hành chính, nhất là chức năng quản lý kinh tế. Không phân định chức năng quản lý hành chính nhà nước về kinh tế với chức năng sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp nhà nước. Quản lý kinh tế của nhà nước chủ yếu tập trung vào tay bộ máy hành chính (chính phủ, các bộ, các ủy ban nhân dân các cấp). Hệ thống cơ quan hành chính đảm nhận mọi khâu từ hoạch định chính sách, ban hành văn bản hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra. Cơ quan hành chính can thiệp rất sâu vào toàn bộ quá trình hoạt động kinh tế của cơ sở trực thuộc (từ kế hoạch tới kế toán, tài vụ, vật tư, nhân sự) và để làm điều đó các bộ đều có các vụ tương ứng. Nhưng mặt khác, các bộ lại ít làm được việc nghiên cứu, dự báo, hoạch định chiến lược phát triển của ngành kinh tế, kỹ thuật. Quản lý kinh tế kiểu như vậy một mặt kìm hãm cơ sở trong việc chủ động sản xuất, kinh doanh, mặt khác làm lãng phí năng lực của cơ quan hành chính trong hoạch định, xây dựng chính sách, không tương xứng với tầm vĩ mô của cơ quan quản lý.

Nhược điểm thứ tư là ở chỗ chúng ta đã nhập chức năng chủ sở hữu với chức năng người quản lý làm một. Các bộ vừa là người quản lý ngành, vừa là người thay mặt nhà nước làm chủ sở hữu những tài sản thuộc sở hữu toàn dân. Như vậy dẫn đến chỗ tài sản quốc gia bị phân tán bởi nhiều người chủ sở hữu. Nhưng do quy định không rõ ràng, thực tế lại hầu như vô chủ.

Nhược điểm thứ năm, là quản lý hành chính quá chú trọng vào kinh tế mà ít chú trọng đến các lĩnh vực khác, chẳng hạn trật tự, an toàn xã hội, môi trường ; quá chú trọng đến các chủ thể là cơ quan, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội - chính trị mà ít chú ý đến những hoạt động đời sống thông thường của từng người dân. Do đó khi xã hội mở cửa, các hoạt động sản xuất, kinh doanh và các sinh hoạt khác của người dân tăng lên thì thể chế và tổ chức hành chính tỏ ra bất cập.

Từ khi đất nước bước vào thời kỳ đổi mới, những nhược điểm trên dần dần được nhận ra và được khắc phục. Phải khẳng định rằng, 10 năm qua chúng ta đã làm được nhiều điều. Chúng ta đã xóa dần sự xé nhỏ và cắt khúc các ngành kinh tế, kỹ thuật ; phân định rõ hơn chức năng quản lý nhà nước với chức năng quản lý sản xuất, kinh doanh ; dần dần xóa bỏ chế độ bộ chủ quản ; thực hiện xã hội hóa một phần chức năng phục vụ của nhà nước, làm rõ và rành mạch hơn chức năng của bộ máy hành chính... Do đó về tổ chức bộ máy hành chính, đã có sự sắp xếp lại hợp lý hơn. Sau đợt sáp nhập một số bộ (năm 1995), hiện nay chúng ta còn 22 bộ và cơ quan ngang bộ, 26 cơ quan thuộc Chính phủ. Số bộ, cơ quan hành chính ít đi nhưng không phải chỉ đơn giản là ghép một số đầu mối lại với nhau như có thời đã làm. Trong các bộ, nhiều vụ, cục không còn thích hợp với cơ chế quản lý mới cũng rút bớt. Mặt khác một số cơ quan mới lại được thành lập hoặc được tách ra độc lập để phù hợp với chức năng quản lý nhà nước trong cơ chế kinh tế mới. Nói tóm lại nền kinh tế nhiều thành phần vận

Digitized by Google

hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước làm nảy sinh hai khuynh hướng đồng thời: Bỏ đi những cơ quan không cần thiết và thành lập thêm những cơ quan cần thiết cho sự quản lý của nhà nước.

Để sắp xếp, hoàn thiện thêm bộ máy hành chính, cần thống nhất mấy vấn đề có tính nguyên tắc như sau :

1 - *Mọi hoạt động của đời sống xã hội, mọi lĩnh vực đều phải được quản lý*. Nhưng không thể vì thế mà xé lẻ các cơ quan hành chính cho tương ứng với từng lĩnh vực, từng loại hoạt động, mà nên xem xét các lĩnh vực và hoạt động trong mối liên hệ với nhau, để từ đó thiết kế các chủ thể quản lý vào một đầu mối nhất định theo hướng tổ chức bộ, cơ quan quản lý nhà nước đa ngành, đa lĩnh vực.

2 - *Bộ máy hành chính là các cơ quan quản lý nhà nước trực tiếp* (phân biệt với các cơ quan thuộc ngành lập pháp) các hoạt động của đời sống dân sự. Đối tượng cụ thể là hoạt động của cá nhân và pháp nhân. Mục đích của quản lý là bảo đảm sự hài hòa giữa lợi ích cá nhân , pháp nhân và lợi ích chung của xã hội, bảo đảm cho hoạt động tự do của các chủ thể đó trong một trật tự chung. Bộ máy hành chính không làm kinh tế mà chỉ bảo đảm điều kiện pháp lý cho hoạt động kinh tế của mọi chủ thể. Bộ máy hành chính không tạo ra tự do cho cá nhân mà chỉ bảo vệ các điều kiện pháp lý cần thiết cho tự do. Nói tóm lại, bộ máy hành chính là các cơ quan phục vụ đời sống dân sự chứ không phải là tạo ra nó. Để bảo đảm xã hội ngày càng tự do hơn, nên áp dụng dần nguyên tắc : "Được làm tất cả, trừ những điều pháp luật cấm" thay cho nguyên tắc : "chỉ được làm những gì mà pháp luật cho phép", nghĩa là bớt đi những quy định bắt buộc cá nhân, pháp nhân phải lệ thuộc vào con dấu, chữ ký của cơ quan quản lý. Và một khi thủ tục được đơn giản bớt thì tất nhiên các cơ quan, bộ máy giải quyết thủ tục cũng sẽ giảm bớt.

3 - *Trong nội bộ hệ thống bộ máy hành chính phải xây dựng được phương thức, lề lối làm việc bảo đảm sự phối hợp, hợp tác giữa các cơ quan* ; có phân định cơ quan đầu mối để khắc phục tình trạng chia rẽ, cục bộ giữa các cơ quan có liên quan. Điều này đặc biệt cần thiết đối với việc giải quyết những thủ tục hành chính liên quan mật thiết đến đời sống sinh hoạt thông thường của mọi cá nhân (chẳng hạn vấn đề xây dựng nhà ở, xin đăng ký kinh doanh...).

4 - *Để quản lý các mặt hoạt động xã hội, bộ máy hành chính phải bao gồm một hệ thống đồng bộ*, đầy đủ các cơ quan từ cơ quan tư vấn, tham mưu đến quyết định, tổ chức điều hành và kiểm tra, xử phạt. Còn để bảo đảm cho sự quản lý của bộ máy hành chính là chính xác, thì bộ máy ấy phải có sự đồng bộ từ cơ quan chức năng nghiên cứu, dự báo, tham mưu, đến ra quyết định và nhận thông tin phản hồi.

Việc sắp xếp lại hệ thống cơ quan hành chính theo hướng tinh giản bớt đầu mối thuộc Chính phủ và tinh giản bớt số vụ, cục thuộc các bộ như vừa qua là đúng hướng. Có thể cần xem xét thêm :

a - Tinh giản hơn nữa số bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ theo hướng sắp xếp các chủ thể quản lý nhà nước vào các nhóm chức năng. Ví dụ cơ quan quản lý nhà nước về tổ chức bộ máy, công chức viên chức, có thể nắm cả một số lĩnh vực có tính nội vụ ; cơ quan kế hoạch đầu tư nhà nước có thể quản lý cả lĩnh vực đất đai.

b - Phân định rõ hơn sự khác nhau giữa các cơ quan bộ, ban, tổng cục (theo tiêu chuẩn) để có quy chế thống nhất. Chính phủ đã có quy định về vấn đề này. Song thực tế hiện nay vẫn cần xem xét thêm, bởi nó liên quan tới nhiều mặt : địa vị pháp lý, tổ chức ngành dọc biên chế...của các cơ quan này. Chẳng hạn, Tổng cục thể dục thể thao, Tổng cục du lịch... là cơ quan không ngang bộ, nhưng ở cấp tỉnh lại là sở thể dục thể thao, sở du lịch giống như các sở khác ? Một số ngành khác cũng có tình trạng tương tự.

c - Hiện nay ngoài số bộ, cơ quan ngang bộ, còn 26 đầu mối khác thuộc Chính phủ. Nên chăng nghiên cứu chuyển dần các cơ quan này vào các bộ, hạn chế thấp nhất số các cơ quan độc lập trực thuộc Chính phủ.

II - Bộ máy hành chính ở địa phương

1 - *Đơn vị hành chính* : Cho đến nay cả nước có 61 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Có thời chúng ta gộp một số tỉnh vào thành tỉnh lớn.

Digitized by Google

Rồi sau đó lại xé nhỏ. Khuynh hướng này hiện nay vẫn còn. Để một đơn vị hành chính quá lớn sẽ khó quản lý và không khỏi ảnh hưởng tới đời sống của nhân dân, sự phát triển kinh tế - xã hội nhất là ở các vùng xa trung tâm. Nhưng xé nhỏ cũng dẫn đến bất lợi và lãng phí, bởi đi kèm với một đơn vị hành chính mới ra đời là việc tăng thêm cả một bộ máy các cơ quan hành chính và phi hành chính rất lớn, nhất là trong khi chúng ta vẫn giữ mô hình tổ chức "trọn bộ" theo địa giới hành chính, nghĩa là trên địa bàn một tỉnh, thành phải có tất cả các cơ quan đảng, chính quyền (mà chính quyền lại bao gồm đông đủ cả cơ quan quyền lực, cơ quan chấp hành và kiểm sát, tư pháp...), đoàn thể. Vả lại hai vấn đề rất lớn (được coi là nguyên nhân dẫn đến chia nhỏ đơn vị hành chính) là : sự cách trở giữa chính quyền với vùng xa và sự đoàn kết nội bộ đều không vì thế mà được giải quyết. Sự cách trở giữa chính quyền với các vùng xa về cơ bản phải giải quyết từ sự xóa bỏ quan liêu, mà điều này lại phải cần đến với một loạt chính sách kinh tế, hành chính khác. Còn sự đoàn kết nội bộ lại càng phải được giải quyết bằng những biện pháp khác chứ không bằng chia tách đơn vị hành chính.

Để có một hệ thống hành chính tối ưu không thể chỉ xem xét bộ , ban, tổng cục, quản lý các ngành, các lĩnh vực, mà còn phải xem xét khía cạnh đơn vị hành chính (cấp tỉnh, huyện, xã). Mà để có một đơn vị hành chính hợp lý phải có những tiêu chuẩn nhất định. Do đó, cần tiếp tục nghiên cứu cơ sở khoa học cho việc phân chia đơn vị hành chính như : hiệu quả quản lý kinh tế - xã hội ; các điều kiện vật chất - kỹ thuật, thông tin - liên lạc, giao thông ; điều kiện lịch sử, tâm lý, giao lưu kinh tế...

a) Hiện nước ta có những tỉnh rất lớn (cả về diện tích, số dân, giá trị GDP hàng năm, tính phức tạp của đời sống kinh tế - xã hội, vai trò to lớn trong nền kinh tế cả nước...) và những tỉnh rất nhỏ. Nên chăng phải phân loại tỉnh cấp 1, cấp 2 để xác định quy mô tổ chức bộ máy hợp lý hơn.

b) Hiện nay chúng ta có một số thành phố cấp II quy mô khá lớn (như Huế, Vinh, Thanh hóa, Cần thơ...) trực thuộc tỉnh. Nên có quy chế rõ hơn về các thành phố loại này.

2 - *Bộ máy của cơ quan hành chính địa phương*

Các ủy ban nhân dân là cơ quan hành chính ở địa phương, có các cơ quan chuyên môn trực thuộc (ở cấp tỉnh là các sở, ban ; cấp huyện là các phòng). Thông thường mỗi tỉnh, thành có từ 20 - 30 đầu mối.

Về nguyên tắc, không phải ở trung ương có bao nhiêu bộ, ban, tổng cục thì ở địa phương có bấy nhiêu cơ quan chuyên môn tương ứng. Điều này đã thể hiện phần nào trong thực tế ở các địa phương. Tuy nhiên nhìn vào thực trạng tổ chức của bộ máy hành chính cấp tỉnh ở nước ta vẫn có thể thấy ở nhiều tỉnh, thành, số lượng các sở, ban khá lớn. So sánh với thực tiễn đời sống chính trị, kinh tế, xã hội ở địa phương, khả năng thu gọn các đầu mối này vẫn còn. Cơ sở để thực hiện điều này là :

a) Chức năng của các sở, ban cần phải thay đổi phù hợp với cơ chế quản lý mới. Các sở, ban không còn là cơ quan chủ quản các cơ sở kinh tế quốc doanh thuộc địa phương, mà chỉ là cơ quan chuyên môn giúp việc ủy ban nhân dân quản lý nhà nước về ngành kinh tế - kỹ thuật hay lĩnh vực nào đó trong phạm vi địa phương. Chúng làm nhiệm vụ thu thập, xử lý thông tin ngành, lĩnh vực được phân công ; tham mưu, dự thảo các quyết định của ủy ban nhân dân và hướng dẫn trong việc quản lý ngành, lĩnh vực ở địa phương... Chức năng ấy cho phép đơn giản bớt bộ máy các sở, ban.

b) Tính "liên ngành" của đời sống kinh tế, xã hội ở mỗi địa phương cũng không cho phép xé lẻ và cô lập các cơ quan chuyên môn. Điều này ở cấp trung ương đã khiến Chính phủ phải ghép một số bộ liên quan với nhau. Vậy ở địa phương lại càng cần thiết như thế. Nên chăng tổ chức các sở, ban ở cấp tỉnh trên cơ sở các nhóm :

1 - Khối văn phòng ủy ban nhân dân - tổ chức chính quyền - lao động - chính sách xã hội

2 - Khối tài chính - vật giá - kế hoạch - thương mại - đầu tư

3 - Khối khoa học - công nghiệp - xây dựng - môi trường

4 - Khối nông - lâm nghiệp - thủy lợi - quản lý đất đai

Digitized by Google

5 - Khối văn hóa - thông tin - thể thao - du lịch

6 - Khối y tế - kế hoạch hóa gia đình - bảo vệ trẻ em

7 - Giáo dục - đào tạo

Nếu tổ chức như vậy, số đầu mối đơn lẻ trực thuộc cơ quan hành chính ở địa phương sẽ giảm bớt. Đồng thời trong nội bộ mỗi đầu mối cũng sẽ được tinh giảm.

III - Phân cấp quản lý

Vấn đề lớn nhất của phân cấp quản lý giữa trung ương và địa phương là sự phân cấp quản lý giữa Chính phủ, các bộ và các ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành và giữa cấp tỉnh, thành với cấp huyện, thị bên dưới. Vừa qua chúng ta đã cải tiến sự phân cấp này trong một số mặt công tác quan trọng (quản lý ngân sách, xét duyệt đầu tư nước ngoài, cấp giấy phép kinh doanh, xuất nhập cảnh...). Một mặt đã tăng được tính tập trung của Chính phủ, mặt khác bảo đảm được quyền chủ động của địa phương.

Sự phối hợp giữa quản lý theo ngành và quản lý theo lãnh thổ được thể hiện ở mối quan hệ về thẩm quyền giữa các bộ, ngành với ủy ban nhân dân địa phương. Ở địa phương, ngoài một số cơ quan có tổ chức thống nhất theo ngành dọc (công an, quân sự, thuế, hải quan...) còn lại phần lớn đều trực thuộc ủy ban nhân dân tỉnh. Những cơ quan này chỉ quan hệ với các bộ tương ứng về mặt chuyên môn nghiệp vụ, chứ không quan hệ về tổ chức và công tác (mặt này thuộc về ủy ban nhân dân). Các bộ chỉ đạo, hướng dẫn chuyên môn nghiệp vụ đối với các sở, ban ở cấp tỉnh. Còn quyền lãnh đạo và thi hành kỷ luật hành chính đối với các cơ quan này thuộc về ủy ban nhân dân. Đối với ủy ban nhân dân tỉnh, trong phạm vi chức năng của mình, các bộ có quyền hướng dẫn, kiểm tra, "đình chỉ" chứ không có quyền "bãi bỏ" các văn bản hay các quyết định quản lý của ủy ban nhân dân tỉnh trái với các văn bản của bộ, cơ quan ngang bộ.

Nhìn chung về mặt pháp luật (đã được quy định trong Luật tổ chức chính phủ, Luật tổ chức hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân và ở Pháp lệnh về nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của hội đồng nhân dân và ủy ban nhân dân các cấp), sự phân cấp quản lý hành chính giữa trung ương và địa phương đã khá hợp lý. Tuy nhiên trong thực tế, nhiều khi vẫn còn trục trặc (giữa chính phủ và ủy ban nhân dân, giữa các bộ, cơ quan ngang bộ với ủy ban nhân dân). Sự ràng buộc lẫn nhau giữa các cấp còn lỏng lẻo, đặc biệt là về nghĩa vụ, trách nhiệm đối với nhau. Trong thực tế có nhiều việc mà giữa ủy ban nhân dân và các bộ, ngành đùn đẩy hoặc chờ đợi lẫn nhau. Do đó đòi hỏi phải có quy định cụ thể hơn, và như thế mới tạo được sơ sở pháp lý cho kỷ luật hành chính và việc xét xử vi phạm hành chính.

Nhìn chung, trong việc quản lý, có những loại thẩm quyền sau :

- Loại thẩm quyền quản lý chỉ thuộc Trung ương do Chính phủ, các bộ quyết định, quy định, hướng dẫn thi hành trong toàn quốc.

- Loại thẩm quyền thuộc Trung ương nhưng ủy nhiệm từng phần cho chính quyền địa phương.

- Loại thẩm quyền mang tính chất tự quản của địa phương.

Trong từng lĩnh vực, từng công việc, việc phân cấp này phải cụ thể, rõ ràng hơn, để tránh tình trạng hoặc là trung ương nắm quá chặt những việc lẽ ra địa phương có quyền định đoạt, hoặc là ngược lại, địa phương quá tùy tiện những việc lẽ ra trung ương phải nắm chặt.

+ Nói đến phân cấp quản lý hành chính phải đề cập tới một vấn đề nữa. Đó là thẩm quyền, trách nhiệm của các cấp huyện (quận), xã (phường). Hiện nay, nhiều vi phạm về thẩm quyền quản lý xuất hiện ở các cấp này đặc biệt trong lĩnh vực quản lý đất đai. Thực ra quy định về thẩm quyền quản lý đất đai của cấp huyện, xã đã có (được ghi trong Luật đất đai). Nhưng việc chấp hành không nghiêm túc, và kỷ luật hành chính trong vấn đề này thường bị bỏ qua. Phần lớn các vụ cấp đất vượt hoặc sai thẩm quyền không bị xử lý hoặc có thì cũng không khôi phục được nguyên trạng nữa.

Trong tình hình mới, vấn đề tổ chức của cấp quận, huyện, phường (xã) cần được xem xét và quy định cho phù hợp hơn nữa.❑

Digitized by Google

"DIỄN BIẾN HÒA BÌNH" NHÌN TỪ GÓC BỘ VĂN HÓA

NGUYỄN HÒA *

1 - Cuối những năm bốn mươi của thế kỷ này, tình hình thế giới có những biến đổi quan trọng về chính trị - xã hội. Sự ra đời của phe xã hội chủ nghĩa đã làm cho tương quan lực lượng nghiêng về phía bất lợi cho chủ nghĩa đế quốc. "Chiến tranh nóng" kết hợp với tẩy chay, cô lập đã không ngăn cản nổi sự phát triển của phong trào vô sản, phong trào giải phóng dân tộc. Thắng lợi trong nội chiến ở nước Nga và vai trò của Liên xô trong chiến tranh thế giới thứ hai đã chứng minh sức mạnh to lớn của tư tưởng xã hội chủ nghĩa. Vài năm sau, khi không còn giữ được độc quyền sử dụng "con ngoáo ộp hạt nhân", các nhà chiến lược phương Tây đứng trước tình huống phải tìm ra một chiến lược mới nhằm tiếp tục đưa cuộc "thập tự chinh chống cộng sản" đến đích cuối cùng. Suốt mấy chục năm, dù phải trả giá đắt trong các cuộc can thiệp quân sự có tính chất cục bộ chống chủ nghĩa xã hội ở Cu ba, Việt nam... người ta vẫn lúc âm thầm, lúc rùm beng tiếp tục hoàn thiện cái chiến lược có tên gọi "diễn biến hòa bình". Người ta hiểu rõ rằng đọ sức với chủ nghĩa xã hội bằng quân sự là việc làm vô vọng, nhất là khi cân bằng hạt nhân đã tới mức kỷ lục thì gây nên chiến tranh là hành động tự sát. Cuộc chiến tranh tổng lực theo ý nghĩa rộng nhất mà nội dung chủ yếu là chạy đua vũ trang kết hợp với tấn công kinh tế, tấn công văn hóa đã chứng tỏ tính khả thi của nó qua quá trình tan rã nhanh chóng của Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu. Không một tiếng súng, nhân loại chứng kiến sự "chuyển biến hòa bình" ở nước xã hội chủ nghĩa hùng mạnh nhất vì đã không đủ sức đề kháng trước những "virút lạ" được cố tình tiêm chích vào cơ thể của chủ nghĩa xã hội. Sự suy sụp về kinh tế, sự nhiễu loạn về tư tưởng và các giá trị xã hội cuối cùng đã làm được điều mà hàng trăm tỷ USD vũ khí đã không làm được. Hôm nay, "diễn biến hòa bình" tiếp tục chĩa họng súng vô hình của nó vào các quốc gia đang lựa chọn định hướng xã hội chủ nghĩa và kiên quyết giữ vững quyền độc lập dân tộc. "Diễn biến hòa bình" đã có sự thích nghi lịch sử mới khi đi từ chiến lược "kiềm chế" đến chiến lược "mở rộng" và hai vũ khí kinh tế, văn hóa được ngụy trang dưới chiêu bài "dân chủ hóa về chính trị", "tự do hóa về kinh tế" đang đe dọa trực tiếp tới chủ nghĩa xã hội ở Việt nam. Vì thế, chúng ta coi "diễn biến hòa bình" là một trong các nguy cơ đối với định hướng xã hội chủ nghĩa, đối với sự nghiệp mà hơn nửa thế kỷ qua cả dân tộc phải hy sinh bao nhiêu xương máu mới giành được.

2 - Trong lịch sử loài người, mọi cuộc chiến tranh xâm lược đều cho thấy : sức mạnh quân sự chỉ là đột phá khẩu, còn sức mạnh văn hóa mới bảo đảm cho quá trình xâm lược hoàn tất. Bởi xâm chiếm lãnh thổ chỉ có ý nghĩa khi buộc các dân tộc bị xâm lược từ bỏ văn hóa riêng và đi theo văn hóa do kẻ xâm lược áp đặt. Để làm điều này, vô số các thủ đoạn đã được thực thi. Có nơi chính quyền đô hộ thẳng tay đàn áp mọi chống đối, tiêu diệt tận gốc rễ văn hóa bản địa. Có nơi, sự thẩm thấu từ từ, lặng lẽ một cách có kế hoạch của văn hóa ngoại bang đã làm cho văn hóa bản địa từ từ, lặng lẽ mất dần tới triệt tiêu hoàn toàn. Nhìn chung, các biện pháp cưỡng bức bằng bạo lực tỏ ra kém hiệu quả nên xâm lăng quân sự thường đồng thời là xâm lăng văn hóa. Không ít dân tộc bị mất dần các giá trị văn hóa ngay trên chính tổ quốc mình. Chỉ dân tộc nào có nội lực văn hóa

* Học viện chính trị - quân sự (Bộ quốc phòng)

Digitized by Google

mạnh mẽ mới vượt qua khỏi sự "bức tử văn hóa" từ bên ngoài.

Nằm ở khu vực giao lưu giữa các nền văn minh lớn, các điều kiện địa lý, kinh tế, xã hội... đặc thù đã quy định sự hình thành một văn hóa Việt nam có bản sắc riêng, có khả năng sinh tồn và tự vệ trước mọi cuộc xâm lăng. Bản sắc văn hóa dân tộc vừa là sản phẩm lịch sử, vừa là sự tự lựa chọn về văn hóa. Mấy ngàn năm tuy không có sức mạnh kinh tế - kỹ thuật nhưng cha ông chúng ta đã giải quyết khéo léo, linh hoạt một bài toán hóc búa của lịch sử : vừa xây dựng văn hóa, vừa bảo vệ văn hóa, vừa tiếp thu những tinh hoa của văn hóa loài người. Bản sắc văn hóa in đậm, khắc sâu và tiềm ẩn trong tâm hồn, cốt cách, lối sống và trong hoạt động sáng tạo vật chất, sáng tạo tinh thần của dân tộc. Quan niệm về đất nước Việt nam có cương vực rõ ràng, có lịch sử, phong tục riêng và có những người anh hùng dám xả thân cho đất nước đã được khẳng định từ ngày Lý Thường Kiệt viết "Nam quốc sơn hà", Nguyễn Trãi viết "Cáo bình Ngô" - những tuyên ngôn chính trị cũng là những tuyên ngôn văn hóa.

3 - Lịch sử nhân loại ghi lại không ít bi kịch mà mỗi quốc gia trong khi giữ gìn bản sắc văn hóa cần cảnh giác. Văn hóa không chỉ là nền tảng để phát triển dân tộc, văn hóa đồng thời là công cụ bảo vệ dân tộc. Một dân tộc có thể mất tổ quốc vẫn có thể giữ gìn được văn hóa, nhưng một dân tộc bị nước ngoài lũng đoạn văn hóa thì dân tộc đó sẽ mất tất cả. Cho nên không phải ngẫu nhiên âm mưu "diễn biến hòa bình" của kẻ địch lấy văn hóa làm trọng điểm tấn công nhằm làm băng hoại, làm chệch hướng chủ nghĩa xã hội ở Việt nam. Cuộc tấn công văn hóa của "diễn biến hòa bình" ít nhất có thể nhận thấy trên hai bình diện : *Một là* thủ đoạn gây nên tình trạng "tự diễn biến về văn hóa" theo các giá trị văn hóa phương Tây đẩy tới tình trạng "tự diễn biến về chính trị". *Hai là* thủ đoạn sử dụng văn minh vật chất và truyền bá thông tin một chiều với mục đích gây hoang mang, mất phương hướng trong sinh hoạt xã hội, trong tâm lý cộng đồng làm con người xa rời lý tưởng. Một nhà nghiên cứu Trung hoa nhận xét các thủ đoạn trên là : "Mũi dao thọc vào vương quốc tinh thần" và "thâm nhập văn hóa thực chất là thâm nhập về tâm lý mang mục đích chiến lược". Bằng văn hóa, "diễn biến hòa bình" thẩm thấu vào các giá trị xã hội, vào lối sống dân tộc làm con người sao nhãng nghĩa vụ, khơi dậy những bản năng sinh vật còn ẩn tàng, quyến rũ họ chạy theo lạc thú, chạy theo lợi ích vật chất mà khô cạn tình người, quay lưng với truyền thống, lấy văn minh phương Tây làm mục đích sống và quên đi tấm "căn cước văn hóa dân tộc" của mình. Từ những giao động mơ hồ đến ý thức chống đối, đó là lộ trình, là kịch bản của cuộc tấn công văn hóa. "Diễn biến hòa bình" về cơ bản là chiến lược "mưa dầm thấm lâu", song nếu có thời cơ nó cũng không bỏ lỡ. Người ta hy vọng sẽ đánh gục ý chí của các thế hệ sinh ra sau ngày đất nước ta thống nhất, khi quá khứ vinh quang của dân tộc chỉ còn là ký ức trong nhà trường. Lợi thế hơn hẳn về sản phẩm hàng hóa và hệ thống thông tin nghe nhìn cho phép các thế lực chủ mưu của "diễn biến hòa bình" sử dụng văn hóa với hiệu suất cao nhất, nếu không đánh giá đúng và có phương án chống lại.

4 - Thật ra, cuộc chiến tranh "giành giật trái tim khối óc" đã được thí điểm ở Việt nam trong thời kỳ trước năm 1975. Khi ấy điều kiện lịch sử có đặc điểm riêng, còn hiện tại, kẻ thù của chúng ta nham hiểm hơn, tinh vi hơn, có kinh nghiệm hơn và tình hình quốc tế đã có thay đổi lớn. Đánh vào lòng người - cái chiến thuật "tâm công" sở trường của phương Đông được "diễn biến hòa bình" lợi dụng triệt để thông qua những phương tiện mới. Mùi vị hấp dẫn của văn hóa đại chúng làm cho con người dễ đánh mất mình, rời xa cộng đồng, tha hóa và phản bội, bột phát những hành vi phá vỡ nền tảng tinh thần xã hội. Tấn công văn hóa không dễ nhận thấy trong đời thường, đôi khi, căn cứ vào diện mạo bên ngoài sẽ dễ dàng bỏ

Digitized by Google

qua. Những biện pháp kỹ thuật của "diễn biến hòa bình" trước đây khá lặng lẽ thì nay đang dần dần công khai, lộ liễu dưới những hình thức tinh xảo để gây nên một thứ nghiện ngập thái quá, một thứ ma túy đầy cám dỗ.

Kinh tế thị trường và mở cửa giao lưu kinh tế, văn hóa hướng chúng ta tới những triển vọng thực tế, nhưng cũng đem tới những tác động mà văn hóa dân tộc hàng ngàn năm chưa tiếp xúc. Những vấn đề tôn giáo, dân tộc ; những giá trị thẩm mỹ, đạo đức... đang bị thách thức trước một cuộc xâm lăng mới. Nhìn vào thực trạng văn hóa, những dấu hiệu đầu tiên của "diễn biến hòa bình" đã xuất hiện ở một số bộ phận xã hội. Văn minh vật chất và "phương tiện nghe nhìn đen" đã làm đảo lộn nếp sống, phá rối hệ thống chuẩn mực đạo đức, đảo lộn lối tư duy và phong cách ứng xử giữa người với người. Đồng tiền lên ngôi và sức ép của đô thị hóa đè nặng lên các giá trị gia đình. Ở thành thị, nhiều gia đình không đóng nổi vai trò nuôi dưỡng và bệ phóng tinh thần cho thế hệ trẻ. Ở nông thôn, sức cám dỗ của thành thị thu hút thành phần lao động chủ yếu của nó làm xuất hiện những hiện tượng vốn xa lạ với truyền thống làng xã. Làm giầu và làm giầu bằng mọi giá trở thành mục đích sống của nhiều cá nhân. "Hội chứng vô cảm" không phải là một báo động giả, nó đang sừng sững giữa chúng ta - những con người từ xa xưa đã quen "lá lành đùm lá rách", "chị ngã em nâng". Ly hôn và nghiện ngập, mãi dâm và AIDS, người già cô đơn và trẻ em cơ nhỡ, mê tín dị đoan và các trò ma thuật... thật sự trở thành nguy cơ phá vỡ trật tự ổn định của xã hội trên con đường đi tới tương lai. Bên cạnh đó, bị lóa mắt bởi "nền dân chủ phương Tây", có người quay ra phê phán những giá trị đã làm nên phẩm giá dân tộc trong thế kỷ XX, ngoảnh mặt với lịch sử cha ông và sa sút bản lĩnh văn hóa, dù tự phát hay tự giác thì họ cũng là kẻ tiếp tay không công cho "diễn biến hòa bình". Kỳ lạ hơn, vào lúc dư luận lo lắng cho "nguyên khí dân tộc" thì có người coi là "lo hão". Vâng, "nguyên khí dân tộc" quả chưa bao giờ mất ; chưa bao giờ mất vì bao nhiêu thế hệ đã xây dựng, củng cố, bảo vệ. Điều đáng sợ là cứ tự tin rồi mất mà không biết.

5 - "Diễn biến hòa bình" và cuộc tấn công văn hóa ở Việt nam phải được đặt trong bối cảnh thế giới đầy biến động. Cái chết của "chiến tranh lạnh" và cơn lốc quay cuồng của những tham vọng chính trị - kinh tế đã đẩy nhân loại phải đối mặt với những vấn đề toàn cầu mới. Xung đột tôn giáo, xung đột sắc tộc cùng với sự mất thăng bằng trong tư duy văn hóa... làm xảy ra cảnh "nồi da xáo thịt", "huynh đệ tương tàn" ở không ít quốc gia. Nhạc POP và nhạc ROK, quần bò LEVIS và Cocacola, Vidéo và Hollywood... tạo nên một làn sóng tràn ngập thế giới trong xu thế siêu quốc gia, bất chấp những biên giới địa lý, bất chấp những bản sắc văn hóa. Văn hóa đại chúng và nền dân chủ phương Tây đã gặp phải những phản ứng gay gắt từ các quốc gia coi văn hóa và độc lập dân tộc là nền tảng cho phát triển. "Những cơ thể khỏe mạnh" như văn hóa Pháp, văn hóa Thụy điển cũng không tránh khỏi sự xâm nhập của văn hóa nước ngoài và chính họ đang phát động một cuộc "kháng chiến về văn hóa". Với châu Á, châu Phi câu chuyện còn phức tạp hơn và trên hai châu lục này, những khát khao trở về với truyền thống cộng đồng, với những giá trị gia đình đang cháy bỏng trong mỗi người từ dân chúng tới nguyên thủ quốc gia. Ở Xin-ga-po ông Gô Chốc Tông nói : "Những rối loạn ở Mỹ, Anh, với một tầng lớp dưới ngày càng đông thiên về bạo lực, thiếu giáo dục, nghiện ngập, quan hệ tình dục bừa bãi, là kết quả trực tiếp của các đơn vị gia đình trở nên thừa hay không còn tác dụng... nếu chúng ta đánh mất các giá trị truyền thống của chúng ta, sức mạnh và sự cố kết gia tộc của chúng ta, chúng ta sẽ mất sức sống của mình và sẽ suy tàn". Ở Thái lan, ông Srisakara Valitthotama nhận xét : "Người Thái không bao giờ nhìn lại bản thân mình xem mình là ai. Những người được học hành ở nước

Digitized by Google

ngoài trở về thì coi thường cả tổ tiên mình - đấy chính là điều tại sao đất nước này lâm vào cuộc khủng hoảng về bản sắc". Khủng hoảng bản sắc - nỗi lo sợ không còn của riêng ai ! Ở các nước gần gũi, người ta không còn ngước nhìn phương Tây với ánh mắt thán phục mà nhìn thẳng vào nó và tuyên bố một cách tự tin, dứt khoát không chấp nhận bất kỳ sự áp đặt văn hóa nào từ bên ngoài. Ông Lý Quang Diệu nhấn mạnh : "Khuôn mẫu về nhân quyền ở phương Tây không có đất sống ở châu Á", còn ông Mahathia cho rằng : "nền dân chủ phương Tây chỉ mang lại sự không ổn định, sự sa sút về kinh tế cũng như đói nghèo". Tất thảy những ý kiến trên không phụ thuộc vào ý muốn của cá nhân nào, chúng xuất phát từ thái độ khách quan trước hiện thực và hoàn toàn có cơ sở cho chúng ta tham khảo.

6 - Sự thách thức lớn nhất của "diễn biến hòa bình" trong văn hóa là "chiến lược giành dân", trong đó, trước hết thông qua phương tiện nghe nhìn. Trong thế giới có hệ thống thông tin đã phủ sóng toàn cầu, len lỏi vào tận giường ngủ của từng gia đình thì nó cũng bị người ta sử dụng nhằm lung lạc tư tưởng và ý chí dân tộc. M.V. Lô-sa coi đây là "một trận chiến văn hóa". Chúng ta từng chiến thắng trong trận "Điện biên phủ trên không", nhưng hơn hai mươi năm sau, từ trên trời trút xuống đất nước chúng ta không phải những trái bom chứa TNT mà là những "quả bom thông tin" từ vệ tinh viễn thông chuyển tải các chương trình T.V và các đài phát thanh với các loại giọng điệu tuyên truyền trắng, xám, đen. Xác định các làn sóng điện "còn quan trọng hơn việc bố trí các dàn tên lửa", người ta coi "đài phát thanh là phương tiện duy nhất đủ để lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa". Sau mấy chục năm lì lợm tồn tại, đài "Châu Âu tự do" đã làm xong "sứ mạng" xung kích trong cuộc tấn công tư tưởng - văn hóa ; rồi đến lượt đàn em của nó được khai sinh và người ta cố gắng trong thời gian ngắn nhất làm cho nó nhanh chóng trở thành một "phù thủy tinh thần ". Giống như đài truyền hình Hô-xê Mác-ti đối với cách mạng Cu ba, nay, đài "Châu Á tự do" bắt đầu lên tiếng và có cơ sở để nói rằng nó sẽ là sự hỗ trợ tích cực cho những "nguồn sống", "chân trời mới"... ra đời trước đây. Nguy cơ từ không gian được khẳng định qua sự gia tăng số lượng các đài phát thanh từ nước ngoài đang hướng vào Việt nam. Nếu vào những năm 80 mới có 13 đài thì tới 1996 đã có tới 37 đài phát chương trình tiếng Việt không có thiện chí với chúng ta. Kích động, xuyên tạc, bịa đặt, vu khống, bóp méo, thổi phồng... là bài bản quen thuộc của cuộc tấn công bằng vũ khí thông tin. Không thể xem thường uy lực của chúng, vì không có cái gì khác, chính những thủ đoạn này là một trong những nguy cơ trực tiếp gây nên xáo động đời sống tinh thần xã hội. Cùng với các phương tiện nghe nhìn, ngày nay sách, báo, tạp chí đã và đang là món ăn hằng ngày của mọi người và tất nhiên cũng bị "diễn biến hòa bình" lợi dụng với mục đích nham hiểm. Báo chí phản động, thư chiến tranh tâm lý, các sản phẩm văn học đồi trụy, những bài viết gây mơ hồ về lý luận, lịch sử... được ráo riết "nhập nội" theo những con đường khác nhau. Sẽ không thể hình dung nổi tác hại của ấn phẩm văn hóa đang lén lút xâm nhập nếu không tính đến số lượng gần 400 loại báo và tạp chí cùng với 52 nhà xuất bản của các tổ chức người Việt phản động ở nước ngoài. "Cuộc tấn công từ trên trời" tạo dựng nên hoàn cảnh phải chống lại tấn công văn hóa theo cả thời gian và không gian. Cũng tức là cuộc tự vệ văn hóa lúc này đa diện hơn, đa dạng hơn và cũng phức tạp hơn trước kia.

Xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc đã trở thành một điều kiện tiên quyết của công cuộc xây dựng và bảo vệ tổ quốc trong thời kỳ mới. Không thể hoài cổ đến hủ lậu, cũng không thể vọng ngoại đến lố lăng.

(Xem tiếp trang 33)

Digitized by Google

GIAI ĐOẠN MỚI CỦA ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀO VIỆT NAM

LÊ BỘ LĨNH *

Kể từ khi Nhà nước ta ban hành luật đầu tư nước ngoài (1987) đến nay, gần 10 năm đã trôi qua và trong những năm đầu thập kỷ 90, dòng đầu tư nước ngoài vào Việt nam đặc biệt sôi động. Thế nhưng có những người do không hiểu tình hình hoặc do thiếu thiện chí lại cho rằng dòng vốn này chậm lại và môi trường đầu tư không còn hấp dẫn nữa, rằng Việt nam đang giảm bớt tốc độ mở cửa, thận trọng hơn với các nguồn lực bên ngoài. Sự thật là một giai đoạn mới của FDI (đầu tư trực tiếp nước ngoài) vào Việt nam đang bắt đầu với cả những thành tựu và những điều cần suy ngẫm.

NHỮNG CHUYỂN ĐỘNG MỚI

Nhìn vào bức tranh đầu tư của nước ngoài vào Việt nam những năm qua, chúng ta thấy sự tăng lên liên tục cả về số vốn đăng ký và các dự án được cấp giấy phép. Thực tế này trái ngược với nhận định của một số nhà quan sát nước ngoài về sự giảm sút đầu tư vào Việt nam (số liệu bảng 1). Tuy nhiên, điều đáng nói ở đây là hoạt động FDI vào Việt nam không đơn thuần là sự tăng lên về số lượng, mà thực sự đang chuyển sang một thời kỳ mới với một số đặc điểm nổi bật sau đây :

Một là, trái với những năm đầu khi mà FDI tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực khách sạn, du lịch dịch vụ, giao thông bưu điện và khai thác dầu khí, những năm gần đây FDI vào lĩnh vực sản xuất công nghiệp đã tăng lên rõ rệt và chiếm tỷ trọng ngày càng lớn trong tổng FDI vào Việt nam.

Bảng 1. ***Đầu tư nước ngoài vào thời kỳ 1988 - 1996***

	1988	1989	1990	1991	1992	1993	1994	1995	1996
Số dự án	37	70	111	155	193	272	362	454	365
Vốn (triệu USD)	366	539	596	1388	2271	2987	4071	6616	8681

Nếu như trong thời kỳ đầu, lĩnh vực sản xuất chỉ chiếm từ 50 - 60% tổng số vốn đầu tư, thì năm 1996 con số này là 80%, trong đó vốn đầu tư tăng mạnh trong các ngành như công nghiệp thực phẩm (tăng 154% so với năm 1995), giao thông bưu điện (89%), xây dựng và công nghiệp vật liệu xây dựng (63%). Trong khi đó vốn đầu tư vào các ngành du lịch giảm 53% so với năm 1995, văn phòng cho thuê giảm 70%, tài chính ngân hàng giảm 44%. Đặc biệt trong năm 1996, có nhiều dự án có quy mô lớn đã được cấp giấy phép mà tiêu biểu là dự án xây dựng khu đô thị mới nam Thăng long với số vốn 2,1 tỷ USD và dự án xây dựng khu đô thị An phú (TP. Hồ Chí Minh) với số vốn 997 triệu USD.

Bảng 2 : ***Cơ cấu dự án và vốn FDI theo ngành (1988 - 1996)***

Ngành	Dự án	Vốn (triệu USD)
Công nghiệp	47,8	37
Nông lâm nghiệp	13,1	3,7
Dịch vụ	2,5	0,8
Khách sạn	9,6	15,2
Xây dựng	9,6	8,3
Tài chính ngân hàng	1,5	6,7
Giao thông vận tải bưu điện	5,3	7,1
Văn hóa, Y tế, giáo dục	2,9	1,0
Khu chế xuất, khu công nghiệp	0,6	2,3
Văn phòng, căn hộ, khu đô thị	7,1	23,9

* PTS, Phó viện trưởng Viện kinh tế thế giới.

Digitized by Google

Hai là, quy mô bình quân của một dự án tăng dần qua các năm từ 3,5 triệu USD trong thời kỳ 1988 - 1990 lên 7,5 triệu USD năm 1991, 10 triệu USD năm 1993 - 1994, 16,38 triệu USD năm 1995 và 24,2 triệu USD năm 1996.

Ba là, có những chuyển biến trong phân bố đầu tư theo quy hoạch địa bàn lãnh thổ. Ngoài TP Hồ Chí Minh, Hà nội, Đồng nai, Bà rịa, Vũng tàu, đầu tư tăng mạnh vào Sông bé (tăng 300% so với năm 1995) Hải phòng (60%), Quảng ninh (900%).

Bốn là, các nước và lãnh thổ khu vực châu Á - Thái bình dương chiếm tỷ trọng lớn cả về số vốn và số dự án đầu tư vào Việt nam. Đặc biệt các nền kinh tế công nghiệp hóa mới châu Á chiếm vị trí dẫn đầu. Nhật bản nhiều năm luôn duy trì ở vị trí số 5 nhưng có những bước tiến rất vững chắc, tập trung vào những dự án lớn và dài hạn. Các công ty của Mỹ mặc dù chưa được sự hỗ trợ tích cực từ phía chính phủ, song đã nhanh chóng đứng vào hàng ngũ 10 nước đầu tư lớn nhất vào Việt nam trong năm 1996.

Rõ ràng là đang có một sự chuyển động căn bản trong hoạt động đầu tư nước ngoài vào Việt nam. Các nhà đầu tư đã thể hiện chiến lược dài hạn hơn khi đầu tư vào Việt nam.

Có thể nói, đầu tư trực tiếp nước ngoài là một yếu tố quan trọng bậc nhất trong số các yếu tố tạo nên tốc độ tăng trưởng kinh tế cao của Việt nam trong thời gian vừa qua. Chẳng hạn năm 1996, tốc độ tăng trưởng công nghiệp cả nước đạt 14,1% thì riêng khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt tốc độ tăng trưởng 21,7%, chiếm 23,8% tổng giá trị sản lượng công nghiệp của cả nước. Theo đánh giá của một số chuyên gia kinh tế, nếu không có khu vực đầu tư nước ngoài thì GDP của Việt nam năm 1996 chỉ tăng 5,9% chứ không phải là 9,5% (báo Đầu tư số Xuân 1997). Đầu tư trực tiếp nước ngoài đã nâng cao nhanh chóng tiềm lực xuất khẩu của đất nước cả về chiều rộng lẫn chiều sâu. Nếu như thời kỳ 1988 - 1991 các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài mới chỉ xuất khẩu được 52 triệu USD thì năm 1994 đạt 350 triệu USD, năm 1995 đạt 400 triệu và năm 1996 đạt 800 triệu USD. Đó là chưa kể phần xuất khẩu dầu khí là mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt nam. Điều quan trọng là FDI đang thúc đẩy quá trình chuyển biến cơ cấu xuất khẩu của Việt nam thông qua việc tăng cường năng lực sản xuất của các ngành công nghiệp, như thép, lắp ráp và sản xuất ô tô, xe máy, công nghiệp điện tử và cả các ngành nông, lâm, ngư nghiệp.

Một tác động cơ bản nữa của FDI đối với nền kinh tế Việt nam thời gian qua là tạo ra hàng chục nghìn việc làm mới, nâng cao trình độ tay nghề, học vấn và năng lực quản lý của đội ngũ lao động Việt nam.

Bên cạnh những hiệu quả trước mắt, FDI đang góp phần cải tạo một cách căn bản nền kinh tế Việt nam thông qua việc phát triển cơ sở hạ tầng và các khu công nghiệp tập trung.

*Bảng 3 : **Mười nhà đầu tư lớn nhất (1988 - 1996)***

	Số dự án	Vốn (triệu USD)
Xin-ga-po	148	4.735,18
Đài loan	253	4.060,68
Hồng công	176	3.137,26
Hàn quốc	176	2.391,58
Nhật bản	158	2.379,90
Ai-xơ-len	57	1.585,08
Ma-lai-xi-a	51	1.064,13
Mỹ	54	772,79
Thái lan	70	735,34
Ô-xtrây-li-a	53	685,77

Digitized by Google

ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI VÀ QUÁ TRÌNH CÔNG NGHIỆP HÓA

Đại hội VIII của Đảng khẳng định nền kinh tế Việt nam đã ra khỏi khủng hoảng và bước vào thời kỳ phát triển mới : thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Thực ra thì đường lối công nghiệp hóa ở nước ta được đề ra từ cách đây gần bốn thập kỷ, một khoảng thời gian đủ để cho một nước có điểm xuất phát tương tự bước vào câu lạc bộ của các nước công nghiệp hóa và đã hoàn thành cơ bản quá trình công nghiệp hóa mà chúng ta đang theo đuổi. Hiện thực lịch sử này đã là đối tượng phân tích của nhiều công trình nghiên cứu khác nhau và ngoại trừ các yếu tố phi kinh tế (như chiến tranh), các công trình này đều đi đến kết luận về tầm quan trọng của việc xác định đúng đắn đường lối công nghiệp hóa. Con đường công nghiệp theo kiểu cổ điển không còn thích hợp trong những điều kiện hoàn toàn khác của thời đại ngày nay, khi mà nhân loại đã giải quyết xong những nhiệm vụ mà cuộc cách mạng công nghiệp đặt ra và nền kinh tế thế giới đang được toàn cầu hóa hết sức nhanh chóng. Mô hình công nghiệp hóa rút ngắn mà các nền kinh tế năng động ở châu Á theo đuổi trong những thập kỷ vừa qua dựa trên hai tiền đề cơ bản : *một là* dựa vào nền tảng công nghệ đã được tạo ra trong giai đoạn hiện đại của nền kinh tế thế giới và *hai là* dựa vào thị trường thế giới. Đây là hai yếu tố cơ bản nhất bảo đảm cho sự thành công của quá trình công nghiệp hóa, và mô hình công nghiệp hóa hướng về xuất khẩu sở dĩ bảo đảm cho những tiến bộ kinh tế chính là vì nó cho phép tận dụng được hai yếu tố đó.

Từ cách tiếp cận như vậy, chúng ta có thể thấy tầm quan trọng thiết yếu của đầu tư trực tiếp nước ngoài đối với quá trình công nghiệp hóa. *Thứ nhất,* về bản chất FDI là sự triển khai mạng lưới sản xuất quốc tế, là quá trình di chuyển công nghệ và vốn trên phạm vi toàn cầu. *Thứ hai,* FDI làm tăng tiềm lực xuất khẩu hoặc tăng khả năng cạnh tranh của nền kinh tế nhận đầu tư và do đó đẩy nhanh khả năng thâm nhập thị trường thế giới của các nước này. Sự thống nhất và gắn bó của đầu tư nước ngoài - chuyển dịch cơ cấu - thương mại là cốt lõi của quá trình công nghiệp hóa trong thời đại ngày nay. Việc nhìn nhận FDI chủ yếu dưới góc độ nguồn cung cấp vốn cho quá trình công nghiệp hóa có thể dẫn đến những sai lầm, thậm chí ảo tưởng khi đề ra các chính sách và định hướng thu hút FDI.

Như vậy, khi đặt FDI trong mối quan hệ với quá trình công nghiệp hóa phải nhận thấy cả hai mặt của vấn đề. Một mặt FDI là một trong những yếu tố quan trọng bảo đảm cung cấp vốn, công nghệ và khả năng thâm nhập thị trường cho đất nước. Nhưng mặt khác, đường lối công nghiệp hóa phải phù hợp với chiều hướng vận động của các luồng FDI trên thế giới và trong khu vực. Sự thống nhất của hai quá trình này sẽ bảo đảm cho nền kinh tế đất nước hội nhập nhanh chóng vào nền kinh tế thế giới và khu vực.

Không phải là không có những lo ngại về sự thâm nhập mạnh mẽ của các nhà đầu tư nước ngoài vào nền kinh tế của nước tiếp nhận đầu tư. Đã có ý kiến cho rằng, đầu tư trực tiếp nước ngoài có thể làm mất chủ quyền kinh tế quốc gia. Những lo ngại như vậy chỉ đúng trong trường hợp mà ở đó chính phủ của nước chủ nhà không có một đường lối phát triển kinh tế rõ ràng, nhất quán.

Trong chiến lược phát triển kinh tế của Việt nam từ nay đến năm 2000 và 2020 với trọng tâm là đẩy mạnh công nghiệp hóa và hiện đại

Digitized by Google

hóa, thu hút vốn đầu tư nước ngoài được coi là một điều kiện rất quan trọng. Để bảo đảm tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân hằng năm đạt mức 9,5% (một mức tăng trưởng cần thiết để tránh nguy cơ "tụt hậu") đầu tư cho phát triển đến năm 2000 là khoảng 45 tỉ USD, trong đó trên 30% là dựa vào đầu tư trực tiếp nước ngoài. Đây là một tỷ lệ huy động vốn nước ngoài (chưa kể các hình thức ODA và đầu tư gián tiếp) rất cao. (Tỷ lệ này đối với Trung quốc là 0,3%, Thái lan : 4,4%, Phi-lip-pin : 2,5%, Ma-lai-xi-a : 10,7%, In-đô-nê-xi-a : 1,4%, Xin-ga-po : 24,8%, Hồng công : 10,8% tính bình quân cho thời kỳ 1980 - 1989). Điều này chứng tỏ mức độ phụ thuộc cao của quá trình công nghiệp hóa ở Việt nam vào nguồn lực bên ngoài. Và nếu chiến lược này thực hiện thành công, nền kinh tế Việt nam sẽ trở thành một bộ phận khăng khít trong mạng lưới phân công lao động quốc tế trong thế kỷ XXI.

NHỮNG THÁCH THỨC PHẢI VƯỢT QUA

Mặc dù tầm quan trọng thiết yếu của đầu tư nước ngoài đã được thừa nhận và những chuyển động mới của FDI ở Việt nam đã thể hiện đường lối rộng mở, nhất quán của Đảng và Nhà nước ta, nhưng cũng có nhiều vấn đề nảy sinh làm người ta lo ngại. Những cái gọi là "mặt trái" của FDI thường bị lên án là sự cạnh tranh mạnh mẽ của các nhà đầu tư nước ngoài đối với sản xuất trong nước ; những gian lận của một số nhà đầu tư trong quá trình thực hiện hợp đồng sản xuất kinh doanh, nhập khẩu máy móc thiết bị, những căng thẳng trong quan hệ lao động ở các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài... Một số nhà đầu tư nước ngoài vẫn chưa hết than phiền về tình trạng yếu kém của cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, môi trường đầu tư kém dần tính cạnh tranh so với các nước khác trong khu vực... Thiết nghĩ cần có một sự nhìn nhận khách quan về những nhận định cả từ bên trong và bên ngoài như trên để có được những giải pháp hữu hiệu. Cần thấy rằng những mặt trái của FDI như nêu trên không hoàn toàn do bản thân hoạt động này gây ra. Chúng ta cũng có thể nhận thấy các hiện tượng tương tự xảy ra ở chính các doanh nghiệp trong nước. Tình trạng nhập khẩu máy móc lạc hậu, trốn lậu thuế, chiếm dụng tiền vốn và tài sản nhà nước là những hiện tượng không phải hiếm hoi. Như vậy thì thực chất vấn đề nằm ở đâu ? Đó chính là những khiếm khuyết của môi trường kinh tế bên trong mà chúng ta cần khắc phục.

Tháng 11 năm 1996, Quốc hội Việt nam đã thông qua Luật đầu tư nước ngoài sửa đổi với mục tiêu làm lành mạnh và thông thoáng hơn nữa môi trường đầu tư. Luật sửa đổi cũng nhằm bảo đảm sự thống nhất về mục tiêu và các ưu tiên phát triển trong đường lối công nghiệp hóa và chính sách đối với đầu tư trực tiếp nước ngoài. Một loạt các cải tiến khác về quản lý đều bảo đảm thực hiện nhất quán đường lối đổi mới và mở cửa mà Việt nam đang theo đuổi.

Để bảo đảm mục tiêu thu hút và nâng cao hiệu quả vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trong những năm tới, chúng ta phải tập trung giải quyết một số vấn đề thiết yếu sau.

1. Về các đối tác trong nước. Hiện nay có tới 98% đối tác phía Việt nam thực hiện FDI là các doanh nghiệp nhà nước. Tình hình này là phù hợp với giai đoạn đầu khi hầu hết các lĩnh vực then chốt cần thu hút vốn đầu tư nước ngoài là do các doanh nghiệp nhà nước nắm giữ. Đây cũng có thể coi là một hình thức chủ nghĩa tư bản nhà nước điển hình trong quá trình công nghiệp hóa. Tuy nhiên, chúng ta cũng cần thấy những giới hạn của tình trạng này, đặc biệt là khi tốc độ thu hút FDI được đẩy mạnh. Cần khuyến khích các doanh

Digitized by Google

nghiệp tư nhân tham gia thực hiện các dự án liên doanh, đặc biệt với các dự án vừa và nhỏ. Trong những năm tới, đầu tư ra nước ngoài của các doanh nghiệp vừa và nhỏ sẽ tăng lên, vì vậy việc chuẩn bị các đối tác tương ứng ở trong nước là hết sức cần thiết.

2. Cần nhận thấy những hạn chế do khả năng huy động các nguồn vốn trong nước gây ra. Mức tương quan giữa vốn trong nước và vốn ngoài nước theo tỷ lệ 2:1 là mức tối thiểu, theo kinh nghiệm của các nước. Tuy nhiên, nếu theo dự báo về nguồn vốn đầu tư hiện nay, chúng ta cần tới 40% trong tổng số vốn đầu tư phát triển là từ nguồn vốn ngoài nước, do đó tỷ lệ vốn trong nước và vốn ngoài nước chỉ là 1,5:1. Hơn nữa, trong phần góp vốn pháp định hiện nay của các bên Việt nam, có tới 90% là giá trị quyền sử dụng đất, 8 - 9% là giá trị nhà xưởng và tài sản hiện có và chỉ có 1 - 2% là bằng tiền. Rõ ràng chỉ có các xí nghiệp nhà nước mới tham gia liên doanh được do độc quyền nguồn vốn đóng góp là bất động sản. Dù như vậy, nguồn đất đai là hữu hạn và sự hạn chế về tiền vốn sẽ là trở lực lớn cho việc thu hút và thực hiện có hiệu quả FDI trong những năm tới đây.

3. Vấn đề xác định các hướng ưu tiên. Trong thời kỳ đầu, do để thu hút nhanh chóng FDI, đã có quan điểm cho rằng ta có thể cho phép đầu tư vào một phạm vi khá rộng vào các ngành. Việc chuyển hướng vào các ngành ưu tiên như sản xuất hàng xuất khẩu, cơ sở hạ tầng, các vùng kinh tế lạc hậu v.v... có thể làm nhiều nhà đầu tư nước ngoài nản lòng, nhất là khi mà mục tiêu chính của họ là nhằm vào thị trường Việt nam. Trong bối cảnh tự do thương mại đang triển triển, chúng ta đã tham gia AFTA và trong tương lai là APEC và WTO, cần xem xét những lĩnh vực ưu tiên đầu tư không nhằm mục đích trực tiếp xuất khẩu.

Dung lượng thị trường Việt nam sẽ quyết định mức độ hấp dẫn FDI trong tương lai. Vì vậy, việc thành lập các khu công nghiệp chắc chắn sẽ mang lại một kích thích mới cho các nhà đầu tư hơn là các khu chế xuất.

4. Nâng cao tính cạnh tranh của môi trường đầu tư ở Việt nam so với các nước khác trong khu vực. Tính cạnh tranh này bao hàm nhiều yếu tố, từ cơ sở hạ tầng, nguồn tài nguyên và nhân lực đến môi trường kinh tế vĩ mô và vai trò của Chính phủ. Trong đó, việc cung cấp một đội ngũ lao động có tay nghề và có kỷ luật có vai trò rất quan trọng, vì đó là yếu tố cơ bản quyết định lợi thế cạnh tranh của nền kinh tế Việt nam trước mắt cũng như lâu dài. Hiện nay sự thiếu hụt đội ngũ lao động như vậy được phản ánh qua một nghịch lý là : các doanh nghiệp và tổ chức trong nước thì than phiền về nạn chảy chất xám sang khu vực đầu tư nước ngoài, trong khi chính các nhà đầu tư nước ngoài cũng chưa thỏa mãn về số lượng và chất lượng đội ngũ lao động của ta. Vì vậy, bên cạnh giáo dục đại học, việc mở rộng mạng lưới các trường dạy nghề theo những yêu cầu và tiêu chuẩn quốc tế là hết sức cần thiết.

5. Để hạn chế những mặt tiêu cực của đầu tư trực tiếp nước ngoài như nêu ở trên, cần nâng cao chất lượng công tác tư vấn và thẩm định các dự án trong quá trình thực hiện. Chúng ta không thể chỉ lên án các nhà đầu tư về việc họ vi phạm các cam kết trong quá trình thực hiện, nếu những sơ hở trong bộ máy quản lý tạo điều kiện cho họ làm điều đó. Họ là những nhà kinh doanh, họ đến với chúng ta vì tiền, và họ cũng sẵn sàng kiếm tiền phi pháp. Nếu sự chặt chẽ trong bộ máy quản lý vẫn bảo đảm cho đồng tiền của họ sinh sôi nảy nở thì họ sẵn sàng ở lại.❑

Digitized by Google

CHÍNH SÁCH CUNG ỨNG THUỐC CHO NGƯỜI NGHÈO

NGUYỄN THỊ HOÀI THU *

CHÍNH sách cung ứng thuốc cho người nghèo và vùng nghèo là một bộ phận rất quan trọng trong chiến lược chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân và trong hệ thống các chính sách xã hội của Đảng và Nhà nước ta. Bảo đảm thuốc cho người nghèo là một đòi hỏi khách quan về công bằng xã hội, được nhân dân quan tâm. Thế nhưng, đây là một bài toán khó. Để giải bài toán này, chúng ta phải chú trọng và làm rõ ba vấn đề chủ yếu : xác định đúng đối tượng ; xác định khả năng thực tế của đất nước ; tìm các giải pháp tối ưu để bảo đảm việc cung ứng thuốc cho người nghèo, vùng nghèo.

Hiện nay do nhiều nguyên nhân, trong đó có sự tác động của cơ chế thị trường, đang diễn ra quá trình phân hóa giàu nghèo khá nhanh giữa các thành phần xã hội, các nhóm dân cư và các vùng của đất nước. Một bộ phận của xã hội do có những ưu thế nhất định về tài sản, quan hệ, thông tin và các kiến thức, kỹ năng cần thiết đã thành đạt rất nhanh. Trong lúc đó, phần lớn dân cư của nước ta vẫn còn gặp nhiều khó khăn. Một bộ phận không nhỏ thực sự đang ở mức nghèo và rất nghèo.

Có nhiều số liệu khác nhau về tỷ lệ người nghèo ở Việt nam do các tổ chức quốc tế và các cơ quan trong nước đưa ra. Theo Ngân hàng thế giới thì ở Việt Nam có 50% dân số thuộc diện nghèo và 20% thuộc diện đói ; theo UNDP thì tỷ lệ nghèo là 30%. Tổng cục thống kê và Bộ lao động - thương binh và xã hội (theo thu nhập và theo lượng calo) đưa ra tỷ lệ người nghèo ở nước ta xấp xỉ 20%, trong đó có khoảng 4 - 6% thuộc diện rất nghèo và đói. Sở dĩ có sự khác nhau như thế là do tiêu chí xác định sự nghèo đói có khác nhau.

Tiêu chí về người nghèo khổ của Ngân hàng thế giới là : người có thu nhập 370 USD/người/năm, nghĩa là khoảng hơn 30 USD/người/tháng. Ở Ca-na-đa (tất nhiên ta không thể so sánh với Ca-na-đa vì họ là nước giàu) người có thu nhập dưới 600 đô la Ca-na-đa, thì được chính phủ trợ cấp 720 đô la Ca-na-đa/tháng, được trợ cấp tiền thuê nhà, miễn phí khám chữa bệnh v.v.. Tóm lại, tiêu chí về giàu nghèo ở mỗi nước có cách tính và mức độ khác nhau. Theo cách tính của Bộ lao động - thương binh và xã hội và Tổng cục thống kê thì người nghèo ở nông thôn có thu nhập khoảng dưới 50 000 đ/tháng và ở thành thị là dưới 70 000đ/tháng.

Các số liệu trên cho thấy tiêu chí được đưa ra để đo đếm "cái nghèo" chênh nhau khá xa. Vấn đề quan trọng là địa phương, cơ sở xác định thật đúng, thật khách quan và vô tư ai là người nghèo thật sự cần được sự giúp đỡ của nhà nước và cộng đồng.

Để hoạch định chính sách cung ứng thuốc cho người nghèo, theo chúng tôi nên xuất phát từ cách tính của Bộ lao động - thương binh và xã hội và Tổng cục thống kê. Với thu nhập 50 000 đ - 70 000 đ/tháng thì người nghèo gần như không có khả năng mua thuốc để chữa trị cho mình. Việc hoạch định chính sách cung ứng thuốc cho người nghèo phải được xây dựng trên cơ sở thực tế khách quan nói trên.

Với số dân khoảng 75 triệu người thì 20% người nghèo sẽ là 15 triệu người (lớn hơn 5 lần so với

* Ủy viên Trung ương Đảng, Phó chủ nhiệm Ủy ban về các vấn đề xã hội của Quốc hội

Digitized by Google

toàn bộ dân số của Xin-ga-po). Đây cũng là một thực tế cần phải tính đến.

Tuy nhiên để xác định được chính xác ai là người nghèo thực sự lại là một vấn đề không đơn giản. Thủ tục xem xét và cấp giấy chứng nhận hộ nghèo còn rườm rà, nhiêu khê. Có phải những người được cấp giấy chứng nhận là những người nghèo nhất ở địa phương không ? Và bao nhiêu lâu thì nên xét cấp lại một lần ? Cần có những quy định cụ thể và thống nhất giữa các địa phương.

So với thời kỳ trước đây thì công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân nói chung cũng như vấn đề cung ứng thuốc cho nhân dân nói riêng đã có những tiến bộ đáng kể. Thời kỳ bao cấp mức hưởng thụ thuốc bình quân là 0,5 USD/người, năm 1995 là 4 USD/người (tăng gấp 8 lần). Tuy nhiên so với mức bình quân của thế giới (40 USD/người/năm) và của các nước đang phát triển (10 USD/người/năm) ở nước ta vẫn còn một khoảng cách rất xa.

Theo Niên giám thống kê y tế năm 1995 ngân sách nhà nước ta dành cho y tế bình quân là 3,08 USD/người, trong đó tiền thuốc chiếm khoảng 20%, tương đương 0,6 USD/người. Nếu so với mức hưởng thụ thuốc bình quân của năm 1995 là 4 USD/người thì nhà nước mới chỉ bảo đảm được 15% tiền thuốc, còn 85% là do dân tự bỏ tiền ra mua. Con số này cho thấy với số người nghèo khoảng 15 triệu người thì hằng năm nhà nước phải chi phí thêm khoảng 51 triệu USD tiền thuốc.

Nếu nguồn tài lực đầy đủ và dồi dào, ta có thể cấp miến phí hoàn toàn thuốc cho tất cả mọi người nghèo. Nhưng ngân sách nhà nước ta còn rất hạn hẹp. Ngân sách cho ngành y tế cũng nằm ở tình trạng chung đó, mặc dù so với thời kỳ 1986 - 1990 ngân sách nhà nước đầu tư cho sự nghiệp y tế đã tăng lên đáng kể : (năm 1991 là 716 tỉ đồng chiếm 5,9% so với tổng chi cả nước, năm 1995 là 1952 tỉ đồng, tăng gấp 2,5 lần so với năm 1991 nhưng lại chỉ chiếm 3,1% so với tổng chi cả nước). Chính vì vậy vấn đề đặt ra là phải sử dụng nguồn kinh phí này một cách có hiệu quả nhất đối với công tác chăm sóc sức khỏe nói chung cũng như trong việc cung ứng thuốc cho nhân dân nói riêng. Nghĩa là làm thế nào để số tiền thuốc đầu tư của nhà nước 0,6 USD/người/năm đến tận tay người tiêu dùng.

Thuốc là một loại hàng hóa đặc biệt có liên quan trực tiếp đến sức khỏe và tính mạng của con người. Vì vậy cần được sử dụng an toàn, hợp lý, có hiệu quả và phải luôn luôn bảo đảm chất lượng thuốc. Do tính chất đặc thù như vậy nên việc cung ứng thuốc cũng có nhiều nét riêng khác với các loại hàng hóa khác, nghĩa là không thể cấp tràn lan, bình quân theo đầu người. Hiện nay khá nhiều những mẹt thuốc tây xen lẫn cao đơn hoàn tán cùng với kim chỉ, hành tỏi, bao cao su... bán dọc theo các phố, hoặc xen kẽ hàng cá, hàng rau đã giảm. Nhưng cũng chưa hết những "lang y" bào chế thuốc một cách tùy tiện, vô lương tâm, làm cho người dùng (nhất là người nghèo) tiền mất tật mang, thậm chí nguy hại đến tính mạng.

Thuốc cũng là loại hàng hóa tối cần thiết của con người. Sự thiếu hụt thuốc men đôi khi gây những hậu quả rất nghiêm trọng cho con người cũng như toàn xã hội. Các nước đều quan tâm đến việc bảo đảm thuốc chữa bệnh cho nhân dân. Nhiều nước đã ban hành chính sách quốc gia về thuốc. Chính phủ ta cũng đã phê duyệt và ban hành "Chính sách quốc gia về thuốc của Việt nam".

Một đặc điểm nữa của thuốc là chủng loại rất đa dạng, phong phú. Theo số liệu của Bộ y tế thì hiện nay có khoảng 5 000 dược phẩm được sản xuất trong nước và 3 000 dược phẩm của nước ngoài. Với sự tiến bộ của khoa học - kỹ thuật, cùng với đà phát triển kinh tế - xã hội của đất nước thì các chủng loại thuốc sẽ ngày càng phong phú, đa dạng hơn nữa. Điều này giúp cho các thầy thuốc cũng như người sử dụng có điều kiện để lựa chọn, nhưng đồng thời cũng gây không ít khó khăn cho công tác quản lý thuốc và dễ dẫn đến tình trạng sử dụng thuốc một cách lạm dụng, không khoa học. Theo khuyến cáo của Tổ chức y tế thế giới, "Các nước, đặc biệt là các nước đang phát triển cần sử dụng thuốc hợp lý hơn để sử dụng nguồn lực tài chính có hiệu quả và cung cấp được nhiều thuốc hơn cho nhân dân".

Hiện nay mô hình khám, chữa bệnh cho người nghèo (trong đó có cả việc cung ứng thuốc) rất đa dạng. Cùng một lúc, ở cùng một địa phương, trong

Digitized by Google

cùng một bệnh viện đang tồn tại nhiều loại hình khám, chữa bệnh khác nhau (thu một phần viện phí, miễn phí hoàn toàn, theo thẻ bảo hiểm y tế, theo nhu cầu...) dẫn đến tình trạng có sự phân biệt đối xử đối với các loại bệnh nhân khác nhau. Có lẽ chỉ nói lên được phân nửa của vấn đề khám chữa bệnh cho người nghèo, vùng nghèo nếu dừng lại trước ngưỡng cửa "thuốc". Riêng trong lĩnh vực cung ứng thuốc - nhiều loại hình cung ứng thuốc đang phát triển như hiệu thuốc quốc doanh, nhà thuốc tư, tủ thuốc của các bệnh xá xã bằng vốn tự có, bằng quỹ của xã... Chúng ta cần nghiên cứu, tổng kết đánh giá những mặt mạnh, mặt yếu của từng mô hình để từ đó có thể đưa ra được những giải pháp tối ưu.

Trước thực tế nêu trên để giải quyết vấn đề cung ứng thuốc cho người nghèo, vùng nghèo đạt hiệu quả như mong muốn chúng ta cần có loạt giải pháp đồng bộ. Nhà nước đã có nhiều chính sách và biện pháp nhằm giúp người nghèo, vùng nghèo, song cần tiếp tục thực hiện các chính sách như cấp miễn phí (muối iốt) ; trợ giá, hỗ trợ cước phí vận chuyển thuốc cho những vùng trọng điểm, vùng đồng bào dân tộc, vùng sâu, vùng xa. Những biện pháp trên sẽ góp phần tích cực trong việc bảo đảm thuốc cho người nghèo.

Các chương trình y tế quốc gia như : phòng chống lao, sốt rét, bướu cổ, thanh toán bệnh phong, tiêm chủng mở rộng... đã góp phần đáng kể vào việc phòng và chữa bệnh cho người nghèo. Những bệnh trên chủ yếu do người nghèo mắc phải và thường lây lan tại các vùng nghèo. Vì vậy, nếu có được một mô hình bệnh của người nghèo theo các vùng địa lý thì việc cung ứng thuốc cho người nghèo sẽ thuận lợi hơn.

Vấn đề thuốc thiết yếu cũng cần được quan tâm thích đáng, nhất là trong điều kiện kinh phí của ta còn hạn hẹp. Theo báo cáo của Tổ chức y tế thế giới thì 1 USD thuốc thiết yếu có thể chữa khỏi được 80% các bệnh thông thường của người dân.

Hiện nay thuốc trên thị trường đến từ rất nhiều nguồn. Một số thuốc được nhập lậu qua biên giới nên không kiểm tra được chất lượng. Nạn thuốc giả và thuốc kém chất lượng so với các năm trước đây tuy có giảm nhưng vẫn còn tồn tại (theo báo cáo của Viện kiểm nghiệm năm 1995 có 0,75% số thuốc đem thử là thuốc giả). Thuốc giả lại thường đánh vào người nghèo nhất nên đã khó khăn lại càng khó khăn. Vì vậy, chấn chỉnh lại công tác quản lý thuốc cũng là một biện pháp quan trọng giải quyết vấn đề thuốc cho người nghèo. Nhà nước cần thường xuyên kiểm tra việc thực hiện Pháp lệnh "Hành nghề y, dược tư nhân" và toàn ngành y tế nói chung cũng như ngành dược nói riêng cần triển khai thực hiện thật tốt "chính sách quốc gia về thuốc của Việt nam".

Khác với các loại hàng hóa thông thường, đối với thuốc người sử dụng chỉ có quyền mua theo sự chỉ dẫn của bác sĩ. Ở đây, vai trò của người thầy thuốc rất quan trọng, đối với bệnh nhân nghèo lại càng quan trọng. Thầy thuốc phải có cái "tâm", phải có đức. Nhà nước cần quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ cho cán bộ y và dược đi đôi với việc tăng cường trang thiết bị y tế, có chính sách đãi ngộ thỏa đáng đối với những người thầy thuốc phục vụ người nghèo, vùng nghèo để họ ổn định cuộc sống và yên tâm công tác.

Hội nghị Trung ương 2 (khóa VIII) vừa bàn về giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ. Thầy thuốc hiểu một cách nào đó cũng là thầy giáo. Thầy giáo hướng dẫn cho người bệnh biết ăn uống hợp vệ sinh, biết dùng thuốc gì khi đau ốm, cũng là nhà khoa học - khoa học liên quan trực tiếp đến sức khỏe con người, đến mạng sống của con người. Vì vậy, chúng tôi kiến nghị với Đảng và Nhà nước, trong khi tập trung quan tâm vấn đề giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ vì sự bức xúc trước yêu cầu công nghiệp hóa đất nước, cũng đừng quên sức khỏe là vốn quý nhất của con người.

Công tác thông tin, tuyên truyền nhằm nâng cao hiểu biết của nhân dân về thuốc và chính sách vận động trồng thuốc nam, ứng dụng thuốc cổ truyền cũng giữ vai trò tích cực trong việc giải quyết thuốc cho người nghèo. Được biết hiện nay nhiều quốc gia quan tâm đến y học cổ truyền, nhưng họ lại không có những điều kiện may mắn như ta. Cần khuyến khích nhân dân sử dụng thuốc cổ truyền, đặc biệt là người nghèo. Không những chữa được

Digitized by Google

một số bệnh mà còn phù hợp với khả năng thanh toán. Nhà nước cần tăng kinh phí để có ngân sách cho người nghèo khám chữa bệnh tại trạm y tế xã.

Tuy nhiên, kinh phí nhà nước còn rất hạn hẹp, một mình nhà nước lo chưa đủ, vấn đề thuốc cho người nghèo còn là nghĩa vụ và trách nhiệm của cộng đồng. Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội tại kỳ họp thứ 10 đã nhấn mạnh quan điểm về "xã hội hóa y tế và giáo dục". Thấm nhuần lời dạy của Bác Hồ "Dễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong" chúng ta cần huy động sự tham gia của cộng đồng vào việc giải quyết vấn đề này. Chương trình bảo hiểm y tế nhân đạo do Bảo hiểm y tế Việt nam triển khai thực hiện là một biện pháp huy động nguồn lực từ các tổ chức quốc tế, tổ chức từ thiện, quần chúng... để giúp đỡ người nghèo trong việc khám và chữa bệnh. Điều đáng suy nghĩ là trong 4 năm thực hiện chương trình này mới chỉ có 4% số người nghèo được cấp thẻ bảo hiểm y tế.

Hiện nay những văn bản luật của ngành dược còn rất ít, lại chưa được hệ thống hóa. Mới chỉ có Pháp lệnh "Hành nghề y, dược tư nhân" và mới đây là "Chính sách quốc gia về thuốc của Việt nam" là những văn bản có hiệu lực pháp lý cao nhất. Những quy định liên quan đến vấn đề sản xuất, cung ứng và sử dụng thuốc... còn nằm rải rác ở nhiều văn bản đơn hành và chưa có sự thống nhất. Vì vậy, cần tiến tới xây dựng một đạo luật về dược để những quy định trên được thống nhất, được pháp điển hóa và có hiệu lực cao hơn.

Cung ứng thường xuyên và đủ thuốc, nhất là thuốc thiết yếu, bảo đảm chất lượng tốt để người dân, đặc biệt là tầng lớp có nhiều khó khăn, được sử dụng thuốc an toàn, hợp lý và có hiệu quả, giá cả phù hợp... là một vấn đề vừa mang tính cấp bách, vừa mang tính lâu dài, đòi hỏi phải có sự đổi mới sâu sắc và toàn diện về tư duy, về tổ chức của ngành y tế ; của các ngành, các cấp và của toàn xã hội.❑

BẮC NINH....

(Tiếp theo trang 54)

thứ tám (khóa VII). Hội đồng nhân dân tỉnh, huyện và các xã, phường phải phát huy hơn nữa chức năng giám sát trong việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp. Các nghị quyết của Hội đồng nhân dân phải sát thực tế, có tính khả thi và động viên được các tầng lớp nhân dân thực hiện. UBND các cấp cần tăng cường quản lý nhà nước, chỉ đạo điều hành phải bám sát thực tiễn và theo đúng pháp luật. Sắp xếp bộ máy, cán bộ làm công tác chính quyền theo đúng tiêu chuẩn công chức nhà nước. Có kế hoạch bồi dưỡng kiến thức và năng lực cần thiết cho đội ngũ cán bộ làm công tác này. Từng bước thực hiện quy chế viên chức. Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân phải đổi mới nội dung và phương thức hoạt động cho phù hợp với tình hình chung của cả nước và phù hợp với đặc điểm riêng của một tỉnh mới được tái lập. Phương hướng chung là phải sát cơ sở, sát đối tượng, hướng hoạt động của nhân dân vào các trọng điểm : việc làm, đời sống, dân chủ và công bằng xã hội, xóa đói giảm nghèo, làm giàu chính đáng, nhân đạo từ thiện, xây dựng cuộc sống mới, đấu tranh với các hiện tượng tiêu cực, đặc biệt là tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác...

Đồng chí Ngô Đình Loan kết luận : Việc đề ra những phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu và giải pháp trên đây là căn cứ vào đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước và tình hình thực tế của địa phương, đồng thời cũng xuất phát từ sự lượng định đúng sức mình. Đã đề ra thì phải làm và cố gắng làm cho được. Quyết tâm của chúng tôi là như vậy, song làm được đến đâu còn tùy thuộc vào nhiều yếu tố khác nữa. Phải lường trước cả những rủi ro bởi vì khi đã gặp rủi ro thì các nhiệm vụ, mục tiêu khó có thể thực hiện một cách trọn vẹn.❑

Digitized by Google

BẮC NINH PHẤN ĐẤU CHO BỘ MẶT CỦA TỈNH THẬT SỰ THAY ĐỔI THEO CHIỀU HƯỚNG TỐT

NGÔ ĐÌNH LOAN

Vừa qua, nhóm phóng viên Ban xây dựng đảng của ***Tạp chí Cộng sản*** *đã nghiên cứu, khảo sát thực tế ở tỉnh Bắc ninh và đã có buổi tiếp xúc, trao đổi ý kiến với* ***đồng chí Ngô Đình Loan, Bí thư tỉnh ủy lâm thời****. Đồng chí Ngô Đình Loan cho biết :*

THỰC hiện Chỉ thị số 3/CT-TƯ ngày 12-11-1996 của Bộ chính trị Ban chấp hành trung ương Đảng, Nghị quyết kỳ họp thứ mười của Quốc hội khóa IX và Chỉ thị số 857/CT-TTg ngày 15-11-1996 của Thủ tướng Chính phủ, tỉnh Bắc ninh được tái lập. Đó là một tin vui, đáp ứng đúng tình cảm, nguyện vọng của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong tỉnh, đem đến cho mọi người niềm phấn khởi, tin tưởng và ý thức trách nhiệm đối với quê hương.

Về thời cơ và thách thức đối với tỉnh mới tái lập này, đồng chí Ngô Đình Loan nói : Tỉnh chúng tôi có bốn "thuận lợi cơ bản" và bốn "khó khăn chủ yếu".

Bốn thuận lợi cơ bản là :

+ Có Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng soi sáng. Nghị quyết của Đại hội là cơ sở, là chỗ dựa vững chắc cho đảng bộ Bắc ninh đề ra được chủ trương, phương hướng và những giải pháp đúng đắn.

+ Nằm ngay ở cửa ngõ phía bắc thủ đô Hà nội, thuộc châu thổ sông Hồng, có thuận lợi lớn cả về giao thông đường bộ, đường thủy. Bắc ninh lại nằm trong trục tam giác kinh tế lớn và quan trọng (Hà nội - Hải phòng - Quảng ninh).

+ Có trình độ dân trí khá, đội ngũ trí thức đông đảo, tiềm năng lao động dồi dào, người dân năng động, sáng tạo cả trong sản xuất lẫn trên thương trường.

+ Là vùng đất giàu truyền thống lịch sử, văn hóa và cách mạng ; nơi đã sản sinh ra nhiều anh hùng hào kiệt, các bậc danh nhân và các chiến sĩ cách mạng tiền bối ; nơi có nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc.

Bốn khó khăn chủ yếu là :

+ Cơ sở hạ tầng ở cả thành thị và nông thôn không đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh trong thời kỳ mới.

+ Nền kinh tế của tỉnh chủ yếu là nông nghiệp, 94% là hộ thuần nông, ruộng đất ít, bình quân 574m2/người, điểm xuất phát kinh tế thấp.

+ Các cơ sở công nghiệp và dịch vụ ít, chưa tạo ra được nguồn thu ngân sách tập trung, khả năng tích lũy, đầu tư thấp.

+ Nhiều cơ quan của tỉnh còn có khó khăn về trụ sở, và phương tiện làm việc. Đội ngũ cán bộ thiếu, nhất là những cán bộ quản lý kinh tế giỏi và chưa có một cơ cấu hợp lý giữa các ngành, các lĩnh vực theo yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Về những chủ trương, phương hướng và giải pháp cụ thể để giữ cho Bắc ninh ổn định và phát triển, đồng chí Ngô Đình Loan nhấn mạnh : Lãnh đạo tỉnh phải biết phát huy tốt những thuận lợi để tạo tiền đề cho những bước chuyển rõ rệt

Digitized by Google

của tỉnh trên tất cả các lĩnh vực. Trước hết phải ổn định ngay được bộ máy, tạo được sự đoàn kết và nhất trí cao trong đội ngũ cán bộ, đặc biệt là cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp, các ngành ; sau đó phải xây dựng được phương hướng, mục tiêu và những biện pháp phát triển kinh tế - xã hội thật cụ thể và có tính khả thi, làm thế nào để ngay trong năm 1997 này đời sống nhân dân được ổn định và cải thiện một bước, cơ sở hạ tầng được đầu tư xây dựng mới một cách nhanh chóng... Nói tóm lại là phải làm cho bộ mặt của tỉnh có những đổi thay thật sự theo chiều hướng tốt, lành mạnh và đi vào chiều sâu, chứ không phải là bề nổi, hình thức, mang tính phô trương. Nếu không làm được như thế thì sự phấn khởi và niềm tin ban đầu của nhân dân sẽ chuyển thành nỗi lo lắng và sự hoài nghi.

Dưới đây là những phương hướng, nhiệm vụ của năm 1997 và đến năm 2000 cùng những giải pháp cụ thể trên một số mặt cơ bản :

1 - Đối với kinh tế nông nghiệp và nông thôn : Tập trung khai thác mọi tiềm năng về đất đai, lao động và vốn để đẩy nhanh tốc độ phát triển, chuyển nền nông nghiệp sang sản xuất hàng hóa, có năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế cao. Tăng cường ứng dụng các công nghệ tiên tiến vào sản xuất, đầu tư cơ sở vật chất - kỹ thuật theo hướng từng bước công nghiệp hóa nền nông nghiệp. Tiếp tục chỉ đạo chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn gắn với việc xây dựng nông thôn mới có kinh tế phát triển, đời sống văn hóa văn minh, lành mạnh.

2 - Đối với công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp : Tập trung phát triển công nghiệp vừa và nhỏ ở nông thôn ; mở rộng và nâng cao chất lượng sản phẩm của các làng nghề truyền thống ; đồng thời khẩn trương xây dựng quy hoạch các khu công nghiệp tập trung theo hành lang đường 1A, đường 18, đường 282, trên cơ sở đó có kế hoạch từng bước đón bắt thời cơ để xây dựng các cơ sở công nghiệp có công nghệ hiện đại về chế biến nông sản, thực phẩm xuất khẩu, sản xuất vật liệu xây dựng cao cấp, lắp ráp đồ điện tử.

3 - Đối với kinh tế dịch vụ : Tiến hành xây dựng sớm hai khu thương mại tập trung ở thị xã Bắc ninh và thị trấn Từ sơn. Củng cố thương nghiệp quốc doanh ở thị xã và các thị trấn, huyện ly để nắm bán buôn, chi phối bán lẻ, góp phần ổn định thị trường giá cả, cung cấp những ngành hàng thiết yếu đối với sản xuất và đời sống, đồng thời mở rộng mạng lưới chợ nông thôn.

4 - Về kinh tế đối ngoại và xuất nhập khẩu : Tiến hành quy hoạch vùng sản xuất hàng xuất khẩu tập trung ; chỉ đạo chặt chẽ việc thu mua và sản xuất hàng xuất khẩu, nhất là những mặt hàng nông sản thực phẩm, hàng thủ công mỹ nghệ truyền thống. Phấn đấu đến năm 2000 đạt tổng kim ngạch xuất khẩu 15 triệu USD, tăng bình quân hằng năm 18,4%. Còn hướng nhập khẩu là ưu tiên nhập nguyên liệu, vật tư, các loại máy móc, thiết bị, công nghệ đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nền kinh tế của tỉnh.

5 - Về tài chính, ngân hàng : Ổn định mức thu, chi ngân sách cho các ngành, các huyện, thị và cơ sở. Phấn đấu tăng thu ngân sách hàng năm. Chú trọng nuôi dưỡng và mở rộng các nguồn thu ở tất cả các thành phần kinh tế. Kế hoạch hóa nhu cầu chi hàng năm, bảo đảm chi đúng mục đích và có hiệu quả, ưu tiên chi cho đầu tư phát triển. Kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động của các ngân hàng chuyên doanh, đồng thời mở rộng quỹ tín dụng nhân dân ở các xã có đủ điều kiện trong tỉnh. Ưu tiên vốn tín dụng đầu tư cho các dự án có tính khả thi cao thuộc các lĩnh vực kinh tế trọng yếu của tỉnh.

6 - Về giáo dục và đào tạo : Chú trọng giáo dục mầm non ; tăng tỷ lệ trẻ em được chăm sóc ở các nhà trẻ, nhóm trẻ. Thanh toán nạn mù chữ cho những người lao động ở độ tuổi từ 15 đến 35 và xóa dần nạn mù chữ ở các độ tuổi khác. Tiếp tục giữ vững và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học trên địa bàn tỉnh và từng bước phổ cập giáo dục phổ thông trung học cơ sở ở thị xã, các thị trấn và một số huyện. Nâng cao chất lượng dạy và học, đưa phong trào xã hội hóa giáo dục lên một bước mới, thực hiện giáo dục toàn diện cả trí, đức, thể, mỹ. Mở rộng, nâng cao chất lượng dạy và học ngoại ngữ ở các trường phổ thông. Củng cố và tăng cường các trường chuyên, trường trọng điểm. Có chính sách giúp đỡ con em các gia đình nghèo, gia đình chính sách, người tàn tật có điều kiện học

Digitized by Google

tập. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục các cấp, thực hiện tốt các chính sách đối với giáo viên.

7 - Công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe nhân dân : Mở rộng và nâng cấp ngay bệnh viện tỉnh, từng bước đầu tư trang thiết bị khám và chữa bệnh cho nhân dân. Tăng cường quản lý nhà nước đối với những người hành nghề y tế tư nhân và hoạt động sản xuất, kinh doanh thuốc chữa bệnh, xử lý nghiêm minh các đối tượng vi phạm. Tiếp tục thực hiện chủ trương mua bảo hiểm y tế cho người nghèo và các đối tượng chính sách ; đa dạng hóa các hình thức bảo hiểm, đồng thời sử dụng đúng mục đích, có hiệu quả nguồn kinh phí thu được từ bảo hiểm y tế.

8 - Công tác dân số và kế hoạch hóa gia đình : Trong điều kiện một tỉnh đất chật, người đông như Bắc ninh cần có kế hoạch đẩy nhanh quá trình đô thị hóa, đưa nhanh số dân sống ở thành thị từ 5% hiện nay lên trên 10% vào năm 2000, đồng thời thực hiện mục tiêu mỗi cặp vợ chồng chỉ có 1 - 2 con và được nuôi dạy tốt, hạn chế tới mức thấp nhất trường hợp sinh con thứ ba, nhằm hạ tỷ lệ phát triển dân số xuống 1,5%.

9 - Giải quyết việc làm và chính sách xã hội : Tích cực giải quyết việc làm cho người lao động bằng việc thực hiện nhiều giải pháp tích cực và đồng bộ như : khuyến khích mọi thành phần kinh tế, mở rộng nghề đã có, tạo thêm nghề mới ; tích cực cho vay vốn phát triển sản xuất ; đưa dân đi xây dựng vùng kinh tế mới ; chỉ đạo thực hiện tốt luật lao động, tăng cường bảo vệ người lao động. Một mặt khuyến khích những người có điều kiện vươn lên làm giàu chính đáng, mặt khác tiếp tục thực hiện tốt chương trình xóa đói, giảm nghèo, phấn đấu đến năm 2000 không còn hộ đói, giảm hộ nghèo xuống dưới 10%. Chỉ đạo tốt hơn nữa phong trào đền ơn đáp nghĩa, chăm sóc, phụng dưỡng bà mẹ Việt nam anh hùng, các đối tượng có công với cách mạng, thương bệnh binh, gia đình liệt sĩ, người già cô đơn, người tàn tật, thực hiện Pháp lệnh ưu đãi những người có công với cách mạng. Xây dựng quỹ từ thiện để giúp đỡ người gặp hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, thực hiện tốt chế độ bảo hiểm xã hội đối với người lao động trong các cơ quan ; doanh nghiệp nhà nước và từng bước thực hiện đối với các thành phần kinh tế khác.

10 - Công tác văn hóa, văn nghệ, thông tin, báo chí : Sớm ổn định bộ máy tổ chức và cán bộ, có kế hoạch từng bước đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị nhằm phát triển và nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, văn nghệ, thông tin, báo chí, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng về đời sống tinh thần của nhân dân. Tiếp tục mở rộng và nâng cao chất lượng hoạt động của phong trào văn hóa cơ sở, nhất là việc xây dựng gia đình văn hóa, khu phố văn hóa và làng văn hóa mới. Đẩy mạnh phong trào văn nghệ quần chúng, giữ gìn và phát huy truyền thống văn hóa quan họ ; hướng dẫn hoạt động lễ hội truyền thống, gắn lễ hội với du lịch và văn hóa quan họ... Thường xuyên tu tạo, bảo tồn các di tích văn hóa, di tích lịch sử và di tích cách mạng. Từng bước xây dựng và bảo đảm hoạt động có chất lượng các lĩnh vực : phát thanh, truyền thanh, truyền hình, báo chí theo hướng thông tin rộng rãi, nhiều chiều, có tác dụng giáo dục sâu sắc, phục vụ các nhiệm vụ chính trị và nhu cầu đời sống của nhân dân.

11 - Tiếp tục đổi mới và chỉnh đốn đảng ; củng cố chính quyền vững mạnh ; đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân. Trong công tác xây dựng đảng, trước hết chú ý làm tốt những việc : Nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của các loại hình tổ chức cơ sở đảng. Coi trọng công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và quần chúng, khơi dậy lòng tự hào và ý thức trách nhiệm đối với quê hương. Sắp xếp, bố trí bộ máy và cán bộ sao cho gọn nhẹ, khoa học và hoạt động có hiệu quả. Phát huy mạnh mẽ dân chủ trong Đảng đi đôi với tăng cường đoàn kết, thống nhất nội bộ, giữ gìn kỷ luật, kỷ cương trên cơ sở những nguyên tắc tổ chức và sinh hoạt đảng. Trong công tác xây dựng chính quyền, chú ý nâng cao hiệu lực quản lý của chính quyền các cấp từ tỉnh, đến huyện, xã và các cơ quan cùng với cải cách một bước nền hành chính theo đúng tinh thần Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần

(Xem tiếp trang 51)

Digitized by Google

DI CƯ TỰ DO : THỰC TRẠNG VÀ KIẾN NGHỊ

NGUYỄN HỮU TIẾN *

ĐẠI hội VIII của Đảng đã khẳng định : "Tiếp tục phân bố lại dân cư và lao động trên địa bàn cả nước, tăng dân cư trên các địa bàn có tính chiến lược về kinh tế, an ninh - quốc phòng" (1). Di cư là một bộ phận quan trọng của quá trình phân bố lại dân cư và lao động. Di cư là sự di chuyển của dân cư từ một đơn vị lãnh thổ này đến một đơn vị lãnh thổ khác để làm ăn sinh sống. Theo cách hiểu hiện nay, di cư theo kế hoạch là những sự di chuyển nơi sinh sống được thực hiện theo các chương trình của nhà nước, đáp ứng các mục tiêu do nhà nước đặt ra và nhà nước trực tiếp đầu tư kinh phí cũng như chỉ đạo thực hiện. Di cư tự do là sự di chuyển nơi sinh sống hoàn toàn do bản thân người di cư tự quyết định bao gồm cả việc lựa chọn địa bàn nhập cư, tự tổ chức di chuyển, cũng như trang trải mọi phí tổn và tự tạo việc làm nơi cư trú mới trên cơ sở có thực hiện một số thủ tục tối thiểu cần thiết với chính quyền địa phương (để phân biệt với di cư bất hợp pháp - bỏ qua mọi sự kiểm soát và tránh tiếp xúc với các cơ quan chính quyền của cả nơi đi và nơi đến).

Trong 20 năm qua (1976 - 1995) tình hình di cư theo kế hoạch diễn ra như sau :

Biểu 1 : *Di cư theo kế hoạch qua các thời kỳ*
(Đơn vị đo : triệu người)

	1976 - 1980	1981 - 1985	1986 - 1990	1991 - 1995
- Kế hoạch di cư	4,00	1,00	1,60	1,00
-Thực hiện	1,50	1,27	1,15	0,82
- Bình quân thực hiện hằng năm	0,30	0,25	0,23	0,16

Thực tế di cư theo kế hoạch đã góp phần đáng kể vào việc giảm nhẹ sức ép dân số ở những nơi "đất chật người đông", dân di cư theo các chương trình, dự án đã khai hoang được hơn 1,36 triệu ha đất, tạo lập nhiều vùng kinh tế mới và ổn định được cuộc sống cho đại bộ phận dân di cư. Tuy nhiên, nếu tính chung cho cả thời kỳ kế hoạch di cư chỉ thực hiện được 62,37%. Không những thế số dân di cư theo kế hoạch còn có xu hướng giảm dần qua các năm (xem Biểu 1). Điều đó chứng tỏ kế hoạch về di dân chưa sát với nhu cầu thực tế của cuộc sống. Những đánh giá gần đây cho rằng vai trò của di cư theo kế hoạch giảm phần lớn là do các yếu tố chủ quan, như nhận thức giản đơn về vấn đề di dân cho nên khâu chỉ đạo thường mang tính áp đặt, thiếu quy hoạch cụ thể và đồng bộ, khi thực hiện thường tham làm quy mô lớn, phô trương hình thức ; công tác chuẩn bị địa bàn nơi đến không tốt ; tuyển chọn lao động và đối tượng di cư chưa phù hợp ; bộ máy tổ chức di cư không ổn định, thiếu kinh nghiệm và tinh thần trách nhiệm; người thuộc diện di cư thường ỷ lại vào trợ cấp của nhà nước... Nhưng mặt khác, cũng phải thừa nhận rằng trong công tác di cư theo kế hoạch đã bộc lộ nhiều bất cập với nhu cầu của cuộc sống, đặc biệt từ khi nền kinh tế chuyển sang cơ chế thị trường. Nhu cầu tìm công ăn việc làm để tồn tại như là quy luật nội tại của cuộc sống. Loài người tồn tại được cũng chính là biết di cư đến nơi được thiên nhiên ưu đãi và dễ tìm nguồn sống hơn. Những thiếu hụt trong di cư theo kế hoạch được bù lại bằng di cư tự do. Sự gia tăng của nó trong mấy năm gần đây ở nước ta đang gây ra nhiều vấn đề nghiêm trọng về xã hội và an ninh.

Thực trạng của di cư tự do

Cho đến nay chưa có cuộc điều tra hoặc tổng kết toàn diện về di cư tự do, cho nên số liệu phản ánh chính xác lượng dân di cư tự do vẫn chưa thống

* PTS kinh tế, Phó viện trưởng Viện kinh tế nông nghiệp

(1) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1996, tr 114

Digitized by Google

nhất. Theo một báo cáo của Bộ kế hoạch và đầu tư, giai đoạn 1991 - 1995 trong tổng số dân di cư là 1 149 000 người, thì 80% là di cư nội vùng ; 20% là di cư ngoại vùng (trong đó 86% là dân di cư tự do và chủ yếu theo hướng bắc - nam). Sự đánh giá về di cư tự do cũng có tính lịch sử, bởi vì đa số dân di cư từ năm 1990 về trước đã ổn định được cuộc sống, khó phân biệt giữa di cư tự do và di cư theo kế hoạch. Tuy nhiên, nếu theo cách điều tra của Dự án VIE/89/PO3 do quỹ hoạt động dân số của Liên hợp quốc tài trợ, thì cuộc điều tra (tháng 6 - tháng 12 năm 1991) ở đồng bằng sông Cửu long cho thấy kết quả là có tới 35% số hộ được phỏng vấn là di cư tự do. Một báo cáo khác của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn, trên cơ sở tổng hợp số liệu báo cáo của 11 tỉnh thành có dân di cư tự do, thì thời kỳ 1991 - 1995 có khoảng 842 000 người di cư tự do, trong đó chủ yếu di cư đến các tỉnh phía nam và Tây nguyên.

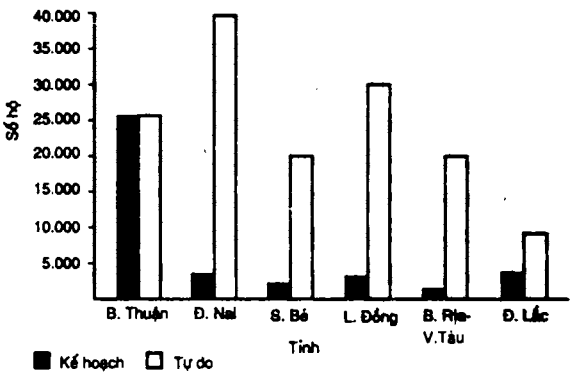
Xuất phát từ thực tế đó, Viện kinh tế nông nghiệp và Cục định canh định cư và phát triển vùng kinh tế mới đã tiến hành điều tra tại 6 tỉnh có dân di cư tự do đến, và 4 tỉnh có dân di cư tự do đi, chủ yếu điều tra theo luồng di cư từ nông thôn đến nông thôn. Tổng hợp kết quả điều tra chúng tôi đã rút ra một số đánh giá như sau :

1. Thực trạng ở 6 tỉnh trọng điểm có nhiều dân di cư tự do đến gồm Bình thuận, Đồng nai, Lâm đồng, Bà rịa - Vũng tàu, Sông bé, Đắc lắc (Biểu đồ 1) từ năm 1990 - 1995 dân di cư tự do nhiều gấp 3,7 lần dân di cư theo kế hoạch. Một số tỉnh có dân di cư tự do vượt trội hẳn dân di cư theo kế hoạch, như Sông bé và Bà rịa - Vũng tàu gấp 18 lần ; Đồng nai - 11 lần... Tỉnh Đắc lắc phần lớn số dân di cư tự do tăng mạnh ở thời kỳ 1981 - 1990, sau đó có giảm đi chút ít, nhưng vẫn còn nhiều gấp 3,5 lần dân di cư theo kế hoạch (xem Biểu đồ 2). Điều đáng chú ý là trong lúc di cư theo kế hoạch đang giảm dần, thì dân dị cư tự do lại đang tăng mạnh. Xu hướng này thể hiện khá rõ nét trên bức tranh chung của cả nước, đặc biệt là ở Đồng nai (Biểu đồ 3).

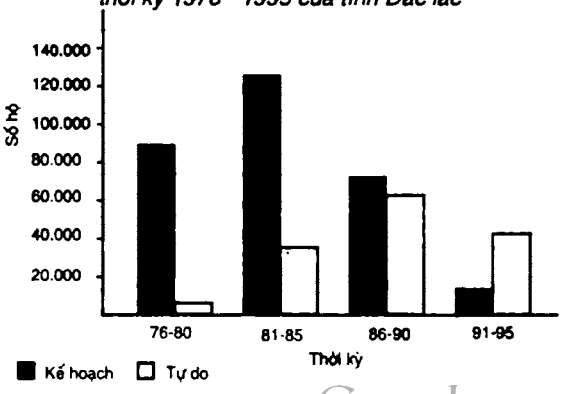
Đi sâu tìm hiểu và phân tích, bước đầu chúng ta có thể thấy một số mặt tích cực và tiêu cực đối với địa phương có dân di cư tự do đến.

Về mặt tích cực : Nhìn chung dân di cư tự do đã tự tạo cho mình cơ hội có việc làm, phần đông đã có thu nhập khá hơn nơi cư trú cũ và có cơ sở để từng bước nâng cao mức sống của gia đình. Dân di cư tự do cung cấp nguồn nhân lực khá dồi dào cho địa phương nơi đến để phát triển kinh tế - xã hội. Kết quả điều tra tại 6 tỉnh cho thấy đã có nhiều cụm dân cư mới được hình thành với quy mô hàng trăm hộ, hàng ngàn lao động. Họ đã góp phần khai hoang mở mang diện tích canh tác nông, lâm, ngư nghiệp ở những vùng trước đây còn hoang vắng, tạo thêm khối lượng sản phẩm cho địa phương. Phân tích số liệu điều tra chọn mẫu 1690 hộ di cư tự do cho thấy : bình quân mỗi hộ mở mang được 7381 m^2 đất nông lâm nghiệp, tạo ra giá trị sản xuất khoảng 1797 ngàn đồng, trồng được 120 m^2 rừng. Hỏi ý kiến đánh giá của cán bộ lãnh đạo 3 cấp (xã, huyện, tỉnh), thì 80,4% trả lời là dân di cư tự do có góp phần thúc đẩy phát triển sản xuất của địa phương.

Biểu đồ 1 : *Di dân theo kế hoạch và tự do năm 1991 - 1995*

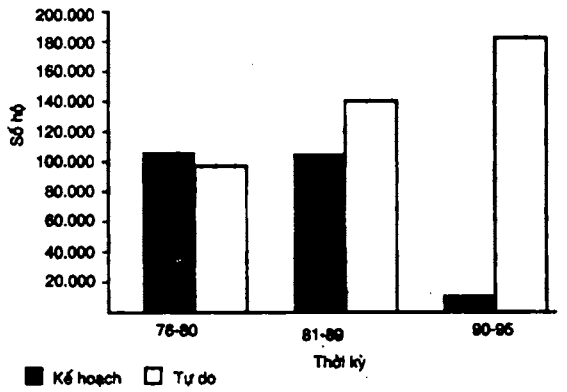


Biểu đồ 2 : *So sánh giữa di dân theo kế hoạch và tự do thời kỳ 1976 - 1995 của tỉnh Đắc lắc*



Digitized by Google

Biểu đồ 3 : *So sánh giữa di cư theo kế hoạch và tự do của tỉnh Đồng nai thời kỳ 1976 - 1995*



Thực tế trong nền kinh tế thị trường các cuộc di chuyển lao động lớn nhỏ khác nhau để tìm kiếm việc làm là một hiện tượng tự nhiên do sự chi phối của quy luật cung cầu về sức lao động. Đưới cách nhìn đó dân di cư tự do ít nhiều góp phần làm giảm nhẹ căng thẳng về cung lao động ở nơi đi và cầu lao động ở nơi đến, nhất là ở vùng sâu, vùng cao, vùng xa. Ngoài ra họ còn góp phần du nhập thêm ngành nghề mới, kiến thức mới... thúc đẩy quá trình phát triển ngành nghề ở các địa phương nơi họ đến.

Về mặt tiêu cực : Dư luận chung cho rằng dân di cư tự do làm suy thoái nguồn tài nguyên rừng và đất đai, ảnh hưởng xấu đến môi sinh, môi trường. Tổng hợp ý kiến của cán bộ lãnh đạo địa phương cho thấy hơn 80% trả lời là cách làm ăn của dân di cư tự do có ảnh hưởng đến môi trường sinh thái ; về mức độ của nó 34,6% cho là tương đối nghiêm trọng ; 25,3% cho là nghiêm trọng. Thực tế qua điều tra ở 6 tỉnh trên có khoảng 44% diện tích canh tác hiện có của dân di cư tự do là đất tự khai phá. Nơi có tỉ lệ đất tự khai phá nhiều là Sông bé 64% ; ít là Đồng nai 2,4%. Số đất này chủ yếu được khai phá bằng phương thức đốt rừng làm nương rẫy và trồng cây lâu năm. Điều đó chứng tỏ tình trạng di cư tự do là một trong số các nguyên nhân chính làm hàng vạn héc ta rừng hằng năm bị tàn phá. Có thể nói do tập quán làm ăn của phần đông dân di cư, do tình cảnh của cuộc sống buộc họ phải rời quê hương ra đi với đôi bàn tay và hy vọng vào nguồn lợi từ khai thác đất rừng, cho nên hễ nơi nào có rừng và có dân di cư tự do là nơi đó có nạn phá rừng. Tuy nhiên, trong số này cũng có những hộ vốn đang có đất để định canh định cư, nhưng thấy giá hời đành bán lại cho dân di cư tự do, và kéo nhau vào sâu trong rừng để tiếp tục khai phá (số này chủ yếu là đồng bào các dân tộc thiểu số). Đối với những địa phương có biên giới và hải đảo, dân di cư tự do cũng đã gây không ít khó khăn cho việc quản lý dân số và trật tự trị an, tệ hơn là có người còn tiếp tay cho bọn buôn lậu... Thêm vào đó số dân di cư tự do còn gặp nhiều khó khăn chưa ổn định được cuộc sống đang làm tăng thêm gánh nặng về các vấn đề xã hội của địa phương nơi họ đến.

2. Nơi dân di cư tự do ra đi. Điều tra tại 16 xã của 8 huyện thuộc 4 tỉnh : Cao bằng, Lạng sơn, Lai châu, Nghệ an là những tỉnh trọng điểm có dân di cư tự do ra đi nhiều nhất, chúng tôi đã chọn mẫu để phỏng vấn 902 hộ dân cư hiện đang sinh sống tại các xã này và ít nhiều có quan hệ hoặc biết về các hộ đã ra đi. Kết quả cho thấy cuộc sống hiện tại của dân cư những vùng này nhìn chung còn khó khăn, có nơi mấy năm nay không tăng, thậm chí còn bị giảm sút : 41,95% trả lời có thu nhập khá lên ; 19,64% - có thu nhập giảm hơn trước ; 36,40% - thu nhập vẫn giữ nguyên không có cải thiện. Nơi nhiều dân di cư tự do cũng là nơi còn nhiều khó khăn khác về mặt xã hội so với các địa phương lân cận. Ví dụ khi hỏi về lý do tại sao con em ở độ tuổi không đi học thì 62,71% trả lời là do xa trường ; 23,97% - không có trường học ; 27,97% - thiếu giáo viên ; 80% - kinh tế khó khăn. Về khám và chữa bệnh : 31,9% trả lời chưa có trạm y tế ; 63,49% - thiếu thuốc; 85,57% - thiếu tiền...

Đặc biệt một số tỉnh có dân di cư nhiều và thường xuyên như Cao bằng, Lạng sơn : Theo số liệu điều tra, từ năm 1980 đến hết tháng 6 - 1996 toàn tỉnh Lạng sơn có 4,9% dân số di cư tự do, thời kỳ cao điểm là những năm 1988 - 1990 đã có tới 60% trong tổng số hộ đi cư tự do của cả 15 năm, chủ yếu dân di cư vào nam (Đắc lắc, Đồng

Digitized by Google

nai, Sông bé, Gia lai, Lâm đồng...). Riêng ở Cao bằng đến tháng 6-1996 toàn tỉnh đã có 15 087 hộ với 73 366 khẩu di cư tự do, 201/224 xã có dân di cư tự do. Xã Đình phong có 4 xóm đi hết toàn bộ, mà chủ yếu là vào nam. Cao bằng, Lạng sơn là những tỉnh sau chiến tranh biên giới nhiều gia đình bị tàn phá, phải gây dựng lại từ con số không. Đến nay nhiều nơi ở Cao bằng cuộc sống cheo leo vách núi, đi lại khó khăn, thiếu nước trầm trọng, có nơi bình quân mỗi ngày mỗi người chỉ lấy được hơn 10 lít nước... Cuộc sống khắc nghiệt ấy buộc con người phải bươn chải. Nếu ở Nghệ an gần 90% dân di cư tự do là dân tộc kinh và chủ yếu tập trung ở 8 huyện miền xuôi, nơi đất chật người đông, thì ở Cao bằng, Lai châu và Lạng sơn đa số dân di cư tự do là đồng bào dân tộc thiểu số, như Tày, Nùng, Hoa ở các vùng cao, vùng xa.

Cuộc sống khó khăn, yêu cầu di cư tìm nơi sinh sống mới tăng, điều đó do nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân thiếu kinh phí, nên di cư theo kế hoạch bị hạn chế, đã làm cho dòng di cư tự phát tăng mạnh. Ví dụ, năm 1990 bình quân mỗi hộ được 638 400 đồng, trong đó vốn được cấp là 525 700 đồng (chiếm 82,35%), còn lại là địa phương và nhân dân đóng góp. Năm 1991 bình quân kinh phí thực hiện cho một hộ là 882 000 đồng ; năm 1992 mức kinh phí cho một hộ di cư theo kế hoạch có cao hơn (2,133 triệu đồng). Tuy vậy, so với mức vốn đầu tư cần thiết cho tổ chức di cư theo kế hoạch trên thực tế vẫn còn thấp (theo tính toán của Cục định canh định cư và phát triển vùng kinh tế mới mỗi suất đầu tư cho di cư theo kế hoạch phải là khoảng 10 triệu đồng, trong đó dùng cho việc tạo nhà ở khoảng 6 triệu...).

Khi hỏi về cuộc sống của dân di cư tự do thì gần 72% số người cho rằng đồng bào của họ di cư vào nam có cuộc sống khá hơn nơi ở cũ ; 10,21% - không khá hơn và 18,98% - không có liên lạc. Dân ra đi tìm nơi sinh sống mới chủ yếu là do cuộc sống khó khăn (91,3% ý kiến cho rằng họ ra đi là do khó khăn về kinh tế, cụ thể 79,13% do thiếu đất sản xuất ; 65,22% do thiếu việc làm...). Trong khi đó quan hệ cung cầu về sức lao động đã thực sự tác động đến quá trình phân bố lao động trong cả nước. Hơn nữa nhờ có nhiều luồng thông tin khác nhau (gần 71% biết về miền đất mới qua bà con đã di cư từ trước và thường ở đâu có dân di cư theo kế hoạch, thì ở đó có dân di cư tự do), cho nên họ đã quyết định ra đi, rời bỏ quê hương bản quán, nhưng vào nơi ở mới họ vẫn luôn nhớ về quê cũ, nhớ vách núi đá, nhớ khóm tre làng.

3. Tình trạng người di cư tự do. Để tìm hiểu sâu hơn về cuộc sống, sinh hoạt của dân di cư tự do điều tra 1690 hộ tại 24 xã của 12 huyện thuộc 6 tỉnh có dân đến cho thấy 36,55% số dân di cư tự do đến từ năm 1990 trở về trước ; 63,45% đến từ năm 1991 lại đây ; 58,1% số dân có độ tuổi dưới 40 ; 91% số hộ có nguồn gốc là nông và lâm nghiệp. Gần 32% số hộ di cư bằng phương thức đi tập thể, tổ chức thành nhóm 4 - 5 hộ, còn lại là đi từng hộ, và chủ yếu bằng phương tiện ô tô. Họ tậu đất canh tác bằng nhiều hình thức khác nhau, như được địa phương giao đất (chiếm 4,6% lượng đất hiện có), tự mua (chiếm 46,9%), thuê lại đất của dân bản xứ (chiếm 4,27%) và đất tự khai phá. Những năm đầu mới đến họ thường trồng cây lương thực (chiếm 80%) để ổn định cái ăn, sau đó mới dần bắt đầu trồng các loại cây công nghiệp dài ngày khác và tính chung chiếm khoảng 40 - 50% diện tích đất canh tác của các hộ di cư tự do. Đồng bào thuộc các dân tộc Dao, H' Mông, Hoa... có nhiều diện tích tự khai phá hơn cả và chủ yếu để trồng cây lâu năm.

Nhìn chung, đa số dân di cư tự do cuộc sống có cải thiện hơn nơi ở cũ, nhưng so với dân địa phương thì vẫn còn nhiều thua kém, nghĩa là họ vẫn thuộc loại nghèo của những tỉnh có dân di cư đến. Số hộ không có vốn sản xuất, làm ăn theo kiểu "giật gấu vá vai" còn khá đông (15,2%) ; 9 - 15,1% số hộ có trâu bò kéo và sinh sản ; 7,8 - 10,2% có đàn lợn nái ; 4,2 - 4,9% có máy kéo hoặc máy tuốt lúa ; 3 - 6,2% có xe bò... Sự đa dạng về nguồn và mức vốn sản xuất kéo theo sự đa dạng về kết quả sản xuất và thu nhập, nhưng phần lớn phụ thuộc vào khả năng sản xuất, thiên nhiên và thị trường. Nhìn chung thu nhập của dân di cư tự do còn thấp.

Digitized by Google

Thực tế cho thấy những chi tiêu thường xuyên và cần thiết trong gia đình đã choán gần hết phần thu nhập có được, nhiều hộ chi cho ăn đã hết 80% các khoản chi tiêu trong gia đình. Số hộ có tích lũy để mở rộng sản xuất không nhiều, lại không được sự hỗ trợ vay vốn, do đó cuộc sống khó khăn đã và đang làm nảy sinh nhiều tiêu cực, gây ảnh hưởng không tốt đến các địa phương có dân di cư đến.

Một số kiến nghị :

Sự phân bố không đều các nguồn lợi tài nguyên thiên nhiên, sự phát triển không đều giữa các địa phương và lãnh thổ ; sự phân hóa giàu nghèo diễn ra nhanh chóng, và hậu quả do chiến tranh để lại... là những nguyên nhân cơ bản dẫn đến xuất hiện các luồng người di cư ở khắp các lục địa. Di cư là một hiện tượng kinh tế - xã hội có tính quy luật. Trong suốt mấy thập kỷ qua Nhà nước ta đã tổ chức di dân, xây dựng các vùng kinh tế mới, nhằm phân bố hợp lý hơn sức lao động, dân cư giữa các vùng, tạo điều kiện phát triển nhanh và tương đối đồng đều trên cả nước. Tuy nhiên, khi nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường, đặc biệt là các khoản đầu tư cho di cư theo kế hoạch giảm, trong khi nhu cầu di cư thực tế tăng, xuất phát từ bản chất của hiện tượng, chúng tôi cho rằng, không thể ngăn chặn dòng di cư tự do bằng các biện pháp hành chính đơn thuần, như cưỡng chế, mà phải tìm những giải pháp thỏa đáng, có lý, có tình. Có như vậy mới định hướng họ đi vào làm ăn sinh sống dưới sự quản lý của chính quyền sở tại, mới có thể hạn chế tối đa những tác hại tiêu cực do tính tự phát của di cư tự do :

Một là, đề nghị nhà nước đưa việc giải quyết vấn đề ổn định di cư tự do thành chương trình quốc gia, đầu tư thích đáng để trước mắt giúp các địa phương có dân đến nhanh chóng sắp xếp, ổn định cuộc sống, góp phần giải quyết ổn định dân di cư tự do trong năm 1998, như tinh thần Chỉ thị 660/TTg (ngày 17 - 10 - 1995) của Thủ tướng Chính phủ.

Hai là, phải có quan điểm tổng thể trong việc xử lý vấn đề di cư tự do, coi vấn đề này như là một bộ phận hữu cơ của chiến lược xóa đói giảm nghèo. Bởi vì, không thể có giải pháp triệt để về di cư tự do nếu đất nước vẫn còn sự chênh lệch quá lớn về mức sống giữa các vùng, các địa phương và các tầng lớp dân cư. Đầu tư cho việc giải quyết vấn đề di cư tự do, vì thế phải đồng bộ và cân đối hai đầu : đầu có dân ra đi và đầu có dân di cư đến, đặc biệt là đầu có dân ra đi, nếu không số dân di cư tự do vẫn còn có nguy cơ gia tăng trong những năm tới.

Ba là, sớm thực thi các dự án tổng quan và các dự án điểm nhằm ổn định dân di cư tự do của một số tỉnh đã được các ngành chức năng của trung ương thẩm định. Có kế hoạch cụ thể đầu tư đồng bộ, dứt điểm, quan tâm hỗ trợ trong các chính sách cho vay vốn giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo. Giao cho Cục định canh định cư và phát triển vùng kinh tế mới theo dõi, chỉ đạo thực hiện các dự án điểm, rút kinh nghiệm cho việc xây dựng các dự án tiếp theo.

Bốn là, đầu tư tiếp ngân sách cho các tỉnh còn chỉ tiêu tiếp nhận dân di cư, như kết luận của Thủ tướng Chính phủ tại hội nghị bàn về "Chiến lược phát triển Tây nguyên đến năm 2010", để các địa phương lập quy hoạch, xây dựng các dự án định cư, các vùng có khả năng tiếp nhận. Trên cơ sở đó làm tốt công tác phân bổ các chỉ tiêu di cư theo kế hoạch hằng năm cho các tỉnh, để giữa địa phương có dân đi và địa phương có dân đến có kế hoạch cụ thể về số lượng, chất lượng, đối tượng di cư và trách nhiệm của mỗi bên... tạo thế chủ động ngay từ đầu trong bố trí dân cư.

Năm là, tăng cường quản lý nhà nước đối với dân di cư tự do bằng các văn bản pháp quy, như đất đai tự khai phá, giao quyền sử dụng đất lâu dài, đăng ký hộ khẩu, thủ tục vay vốn, thế chấp... để các địa phương có dân đi và địa phương có dân đến phối hợp thực hiện nhằm từng bước kiểm soát được hiện tượng di cư tự do, đưa các hoạt động di cư phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của từng vùng, từng địa phương và chung của cả nước, có như vậy mới góp phần đắc lực vào việc ngăn chặn tình trạng phá rừng.❑

Digitized by Google

KHẮC PHỤC SỰ SA SÚT CỦA GIÁO DỤC

PHAN THỊ XUÂN CHI *

Trong xã hội loài người tất cả các ngành nghề đều cần thiết và cao quý. Tuy vậy, nếu muốn so sánh mức độ quan trọng của tất cả các ngành nghề thì có lẽ nghề sư phạm đứng vị trí hàng đầu vì nghề này đã "sản xuất" ra những "sản phẩm" đặc biệt, vô giá. Sản phẩm này có tính quyết định tới số lượng cũng như chất lượng các thành phần của tất cả các ngành nghề khác trong xã hội, quyết định sự tiến hóa của xã hội.

Thế nhưng thực trạng giáo dục hiện nay có nhiều mặt rất đáng lo ngại. Nhiều khuyết điểm và bất cập trong giáo dục - đào tạo đã được Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai của Ban chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) chỉ rõ. Không ít những hiện tượng tiêu cực đã thâm nhập vào trường học.

Vậy thử hỏi chúng ta nghĩ gì để cải thiện tình trạng trên ?

Có những người, có những bộ phận đang nghĩ ra những "từ" mới y như người chơi "mốt" vậy. Họ tưởng rằng những từ đó có phép thần để cải tạo tình hình. Nào là "quy trình công nghệ giáo dục", nào là "thấy thiết kế trò thi công", nào là "mềm hóa" v.v... Họ lại đề ra chủ trương tiến sĩ đi dạy lớp 1. Họ có biết rằng đó là một điều rất phản khoa học, đặc biệt là khoa học tâm lý (có tâm lý lứa tuổi). Các em lớp 1, 2 ưa thích và có hứng thú trong học tập với những thầy cô giáo được đào tạo mọi mặt (kể cả múa hát) để dạy các em, để hòa đồng với các em, để khai thác giải quyết tâm tư nguyện vọng của các em chứ không phải là một ông tiến sĩ chuyên ngành nào đó (có thể là giỏi thực sự về chuyên ngành đó) mà không biết toàn bộ những cái các em cần đến, từng em cần đến.

Trong giáo dục càng không thể nôn nóng đốt cháy giai đoạn được. Trừ những thiên tài (thuộc năng khiếu bẩm sinh) còn hầu hết các em đều nhận thức theo lứa tuổi. Hiện tượng chúng ta gọi là "quá tải" trong giáo dục chẳng qua là do không có khoa học, không nắm được quy luật phát triển, sự hoàn thiện của cơ thể sống nói chung, của bán cầu đại não là cơ sở vật chất của tư duy nói riêng. Ngay trong sự phát triển của phôi thai người trong cơ thể mẹ cũng không phải ngay từ đầu đã là một con người thu nhỏ lại, mà phôi đó đã phải phát triển, trải qua, để nhắc lại những đặc điểm phát triển của tổ tiên xa xưa của nó.

Trong y học hiện đại, để có được một bào thai phát triển ngoài tử cung cũng phải "cóppi" đúng các yếu tố thuộc điều kiện sống và cũng không thể cắt bỏ một giai đoạn nào của sự phát triển phôi phai trong cơ thể mẹ.

Sự phát triển nói trên mang tính khoa học, không phải dạng nhận thức quả đất là hình vuông hay nhận thức là hình cầu. Vậy tại sao chưa cho các em (với nơ-ron trong bán cầu đại não mới phát triển đến mức độ nhất định của lứa tuổi) học sinh lớp 1, lớp 2 học kỹ năng, kỹ xảo về 4 phép tính đã muốn cho các em giải phương trình. Ông cha ta có câu "thái quá bất cập". Vậy mà trong tổ chức thi cử vừa qua đã biểu hiện điều đó. Chúng ta phê phán lối khoa cử "lều chõng" là các ông giáo ra đề thi bị nhốt kỹ có lính canh, các trò làm bài phải kiêng kỵ những từ phạm "húy". Rõ ràng những điều đó đều cổ hủ, đều quá đáng. Nhưng không có nghĩa là thi theo kiểu quá dễ dãi, quá lỏng lẻo, mất nghiêm túc như kỳ thi đại học vừa qua. Thầy (hoặc nhóm thầy) ở trường đại học đó ra đề thi, thầy ở trường đó luyện thi và cũng chính thầy ở trường đó chấm thi. Rõ ràng là một mảnh đất tốt cho hạt giống của tiêu cực nảy mầm và phát triển trong cả thầy lẫn trò. Trò nào dại năm nay chưa thực hiện thì sang năm rút kinh nghiệm thi vào trường nào học luyện thi thầy trường đó. Chỉ tội nghiệp cho những trò nghèo không có "cây" có "chỉ" để học luyện thi kiểu trên.

Chúng ta cũng cần hiểu ý nghĩa cụm từ "dám nghĩ, dám làm". Nếu ai cũng nghĩ những việc ngoài năng lực (tài năng, đạo đức) của mình và cũng đều có quyền làm liều những điều nghĩ đó thì đem lại những tổn thất lớn, nhất là trong ngành giáo dục thì tổn thất lại càng lớn cho xã hội bởi vai trò vị trí quan trọng của nó.

Muốn cải thiện tình trạng suy thoái trong giáo dục trước mắt cần có những hành động biểu hiện những quan niệm cơ bản đúng đắn với ngành giáo dục. Với ngành này quan niệm theo kiểu hạch toán kinh tế là sai lầm lớn vì đầu tư vào giáo dục chỉ có thể thu lại trong hạch toán ở các cơ sở sản

* Nhà xã hội học, thành phố Hồ Chí Minh

Digitized by Google

xuất, các cơ quan của mọi ngành nghề khác trong xã hội. Do đó đổi mới ngành này phải giữ lại chế độ bao cấp trong mọi khâu :

- Đào tạo thầy giáo

- Chương trình dạy học, sách giáo khoa, phòng thí nghiệm, dụng cụ thực hành...

- Kinh phí trường sở, học bổng cho học sinh, sinh viên nghèo, giải thưởng cho các thầy cô giáo, học sinh giỏi.

Bao cấp cho giáo dục như nói trên là quyền lợi và nhiệm vụ của nhà nước. Nhà nước không thể để tuột khỏi tay mình trách nhiệm trọng đại đó.

- Giáo dục phải mang tính thừa kế và tính đổi mới. Chúng ta là những người duy vật nhưng đâu phải duy vật máy móc mà là duy vật biện chứng, vậy phải hiểu là mọi sự vật thay đổi thường xuyên. Trước kia nhận thức quả đất hình vuông, hoặc Colômbô chưa tìm ra châu Mỹ, hoặc chưa phát hiện ra "Gen" ADN cơ sở vật chất của di truyền, hoặc chưa phát hiện bệnh ung thư, bệnh Sida... v.v... Vậy tại sao cải cách giáo dục (giả sử có nội dung tốt, hợp lý), phải là ở lớp 1 rồi hằng chục năm nữa nói đến lớp 12. Vậy cách làm đó có biện chứng hay không ?

Vấn đề ở đây là hãy nghiêm túc đề ra mục tiêu giáo dục, quán triệt mục tiêu dựa vào đó mà chắt lọc mà thừa hưởng lấy những tinh hoa của dân tộc, của nhân loại. Hãy để cho giáo viên được thường xuyên bồi dưỡng nâng cao mọi mặt nhằm mục đích không bị lạc hậu với tri thức của nhân loại đương đại, nhằm cho người giáo viên dạy lớp 1 (hoặc giáo viên bộ môn ở những lớp cao đã phân chia dạy bộ môn) chỉ có giàu thêm về tri thức khoa học, giàu thêm về kinh nghiệm) dạy dỗ cũng vẫn lớp 1 chứ không phải giàu thêm lòng tham "leo" dạy lớp cao hơn. Không thể để tình trạng một người giáo viên dạy lớp 1 do "leo" lên dần trở thành giáo viên dạy cấp 2 tối, cũng bằng con đường đó trở thành người giáo viên dạy cấp 3 tối và lúc đó đã già đến tuổi về hưu. Không thể để tình trạng suốt đời một con người ở một vị trí nào cũng làm việc với một khả năng tối. Để tránh tình trạng trên, tránh cho những hạt giống tiêu cực của những kẻ bất tài bè cánh chia chác nhau quyền lợi, những kẻ xu nịnh và những kẻ lừa trên ép dưới có đất màu mỡ nảy nở phát triển, nhà nước chỉ có cách khuyến khích bằng sự trân trọng, bằng thưởng cho những người tích cực. Hãy dành mọi sự kính nể của xã hội cho những người giáo viên dạy giỏi, dạy xuất sắc ; hãy để họ hưởng lương vượt khung, có thể ngang với lương giáo viên cấp cao hơn...

Do đó con đường đào tạo giáo viên phải là tuyển dụng những học sinh thi điểm cao, hạnh kiểm tốt vào trường sư phạm và đào tạo chủ yếu bằng con đường chính quy tiến tới loại bỏ hẳn con đường đào tạo tại chức. Bồi dưỡng thường xuyên và có chất lượng cho giáo viên các mặt chuyên môn, nghiệp vụ... vào các dịp hè (kể cả hình thức tham quan, bồi dưỡng ở nước ngoài).

Tăng cường các hình thức thi giáo viên dạy giỏi, thi học sinh giỏi các cấp và có giải thưởng thích đáng về vật chất và tinh thần.

Bộ giáo dục chủ trì chọn thành phần tham gia soạn sách giáo khoa cho các môn học. Bổ sung nội dung sách giáo khoa hằng năm. Tăng cường nhập nội và sản xuất những dụng cụ thực hành, những đồ dùng dạy học (giáo cụ trực quan) của các bộ môn khoa học tự nhiên lý, hóa, sinh (nhất là di truyền học hiện đại)... khó tưởng tượng, khó ứng dụng trong các giờ thực hành. Phát triển các cơ sở sản xuất giáo cụ trực quan, thi có giải thưởng thích đáng về giáo cụ trực quan. Bộ giáo dục hằng năm cần tổ chức những cuộc thi và triển lãm lớn trong toàn quốc về các mặt nói trên.

Phát triển hài hòa giữa giáo dục và nhu cầu xã hội

Đã có thời gian mô hình giáo dục được vạch rõ phát triển theo hình tháp. Điều đó rất khoa học. Trong bệnh viện số lượng bác sĩ, y sĩ, y tá, hộ lý có những tỷ lệ nhất định. Trong nhà máy cũng vậy, số lượng kỹ sư, cán bộ kỹ thuật trung cấp, sơ cấp, công nhân đều có tỷ lệ nhất định, nghiêm ngặt xuất phát từ nhu cầu khách quan của tiến trình sản xuất. Ví dụ : ở ngành cơ khí cứ 30 công nhân cần có 1 kỹ sư, 2 cán bộ trung cấp... Trong một gia đình các con cùng bố, mẹ cũng có những em thông minh hơn... đó là chưa nói đến các em khác gia đình, vậy xuất phát từ nhu cầu khách quan của xã hội, từ cấu trúc "Gen" của mỗi người, mô hình giáo dục hình tháp là vô cùng đúng đắn. Trừ những em mắc bệnh đần si thì toàn bộ các em ở lứa tuổi đi học đều phải được cắp sách đến trường. Điều đó nói lên rằng không thể để tình trạng mù chữ tồn tại ở lứa tuổi đi học. Ở các cấp học cao hơn số học sinh sẽ giảm dần, chức năng đào tạo số học sinh không theo được nên "rẽ ngang" về trường dạy nghề sơ cấp hay trung cấp.

Muốn làm tốt được điều đó chúng ta phải có điều tra cơ bản khẩn trương nghiêm túc, nắm chắc số trẻ em ở lứa tuổi đi học hiện tại, dự báo được số trẻ em ở lứa tuổi này trong tương lai gần (3 năm hoặc 5 năm), nắm chắc được số trường lớp các cấp, nắm chắc được các trường dạy nghề... và từ đó có kế hoạch, quy hoạch giáo dục chung cho cả nước. ❑

Digitized by Google

THUẾ TRỊ GIÁ GIA TĂNG

Thuế trị giá gia tăng là loại thuế gián thu nhằm đánh vào giá trị tăng thêm trong mỗi khâu của quá trình sản xuất kinh doanh (từ khâu sản xuất đến khâu tiêu dùng cuối cùng) sản phẩm chỉ chịu một lần thuế. Thuế trị giá gia tăng viết tắt là VAT (Value added tax). Thuế này còn gọi là thuế doanh thu có khấu trừ số thuế đã nộp ở giai đoạn trước. VAT được tính cộng vào giá bán sản phẩm hoặc giá dịch vụ do người tiêu dùng chịu thuế. VAT là sắc thuế khắc phục được tình trạng thu thuế trùng lắp của thuế doanh thu. Về bản chất kinh tế, VAT đánh trên giá trị gia tăng thêm, nhưng về hình thức thể hiện trên lý thuyết có bốn phương pháp xác định VAT như :

1- Theo phương pháp cộng trực tiếp : VAT = thuế suất x (tiền công + lợi nhuận)

2 - Theo phương pháp cộng gián tiếp : VAT = (thuế suất x tiền công) + (thuế suất x lợi nhuận)

3 - Theo phương pháp trừ trực tiếp : VAT = thuế suất x (doanh thu đầu ra - doanh thu đầu vào)

4 - Theo phương pháp trừ gián tiếp : VAT = (thuế suất x thuế doanh thu đầu ra) - (thuế suất x doanh thu đầu vào)

Nhìn chung, ba phương pháp đầu chỉ tồn tại trên lý thuyết mà không được áp dụng trong thực tế. Các nước áp dụng VAT theo phương pháp thứ 4, vì ba lý do : nó có tính khả thi cao hơn ; nó được dựa trên một căn cứ có thể kiểm soát được là hóa đơn bán hàng ; nó hạn chế được thất thu (việc thu thuế tập trung ở khâu đầu và thu thuế ở khâu sau có thể kiểm tra được việc nộp thuế ở khâu trước thông qua việc khấu trừ thuế).

Chính vì vậy, phương pháp này còn gọi là thuế doanh thu có khấu trừ trên cơ sở hóa đơn mua, bán hàng. Về thuế suất, được quy định tính bằng tỷ lệ phần trăm trên giá trị tăng thêm của các loại hàng hóa và dịch vụ. Ở Pháp người ta áp dụng các mức thuế là 5,5%, 7%, 18,6% và 33,3%. Ở Đức, người ta thực hiện 2 mức thuế cơ bản là 7% và 14%.

Theo các chuyên gia của IMF và thực tế ở các nước đã áp dụng VAT thì điều kiện tiên quyết để áp dụng VAT là mọi việc mua bán hàng phải có hóa đơn ghi rõ số VAT đã nộp. Do đó, cần thiết lập cho được chế độ sử dụng hóa đơn bán hàng. Mỗi cơ sở kinh doanh chỉ cần giữ một "rổ" dựng hóa đơn đầu vào và một "rổ" dựng hóa đơn đầu ra là có thể xác định được VAT phải nộp. Hiện nay trên thế giới, theo thống kê của Quỹ tiền tệ quốc tế đã có 100 nước áp dụng VAT. Đương nhiên, việc áp dụng VAT là tùy thuộc vào điều kiện riêng của từng nước. Phần lớn các nước đã áp dụng VAT là do hệ thống thuế cũ của họ không còn phù hợp nữa. Cũng có nhiều nước chưa áp dụng VAT như Mỹ, Ô-xtờ-rây-lia.., vì hệ thống thuế của họ vốn đã ổn định, thu thuế vẫn còn hiệu quả cao ; họ ngại áp dụng VAT sẽ gây phức tạp tăng giá, chi phí tốn kém.

Ở nước ta, Đảng và Nhà nước có chủ trương áp dụng thuế VAT thay cho thuế doanh thu. Luật thuế VAT dự kiến sẽ được kỳ họp thứ 11 Quốc hội khóa IX thông qua và có hiệu lực thi hành vào đầu năm 1998. Thuế doanh thu hiện hành có ưu điểm là thuế suất rất thấp ; có nhiều mức thuế suất phân biệt theo ngành nghề, mặt hàng, nên linh hoạt dễ sửa đổi ; thu thuế dứt điểm từng lần bán hàng nên thuận tiện cho việc phân cấp ngân sách theo địa bàn. Nhưng thuế doanh thu có nhược điểm là thu thuế trùng lắp qua mỗi lần bán hàng. Việc thu nộp thuế phụ thuộc vào quá trình tổ chức sản xuất kinh doanh *của đơn vị là khép kín hay chuyên môn hóa* nên không công bằng, không phù hợp với cơ chế thị trường. Việc miễn thuế đối với hàng xuất khẩu thực hiện sẽ gặp nhiều khó khăn. Áp dụng nhiều thuế suất sẽ gặp phải khó khăn khách quan là không có tiêu thức rõ ràng, chính xác để sắp xếp đúng các mặt hàng vào từng thuế suất cụ thể, dẫn tới bị lợi dụng để trốn thuế, lách thuế. Cho nên, muốn khắc phục những nhược điểm của thuế doanh thu cần chuyển sang áp dụng VAT. Các đối tượng chịu thuế và đối tượng nộp thuế doanh thu hiện hành sẽ được chuyển sang áp dụng VAT. Về thuế suất của VAT cần dựa trên nguyên tắc tỷ lệ động viên không thấp hơn so với thuế doanh thu hiện hành. Bản chất VAT không gây ra lạm phát, nhưng nếu không được chuẩn bị tốt và chỉ đạo triển khai đồng bộ các biện pháp thì trong thời gian đầu áp dụng VAT rất có thể tạo ra sự biến động về giá cả.❑

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN

HỘI NGHỊ BÀN VỀ VĂN HÓA VÀ NẾP SỐNG ĐÔ THỊ TRONG CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA

Đô thị hóa là hiện tượng gắn với công nghiệp hóa, hiện đại hóa, là quá trình kinh tế - xã hội - lịch sử mang tính quy luật, diễn ra không chỉ ở các nước phát triển mà ngay cả ở nhiều nước đang phát triển. Nói cách khác, đô thị hóa được xem là quá trình tổ chức lại cấu trúc xã hội, môi trường sống của con người phù hợp với nền kinh tế công nghiệp. Ở đó có các mặt đan xen gắn bó giữa hệ thống phát triển dân số, địa lý môi trường, địa lý kinh tế và cả mặt văn hóa, xã hội.

Nước ta đang phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa thì vấn đề văn hóa, lối sống, nếp sống trong quá trình xây dựng đô thị càng được coi là yếu tố có tầm quan trọng đặc biệt.

Digitized by Google

Nằm trong chương trình nghị sự của Ủy ban quốc gia thập kỷ quốc tế phát triển văn hóa của Việt nam (UBQGTKQTPTVH), vừa qua trong hai ngày 14 và 15-3-1997 tại thành phố Huế, hội nghị lần thứ 12 của UBQGTKQTPTVH của Việt nam đã thảo luận vấn đề : **"Văn hóa và nếp sống đô thị trong công nghiệp hóa, hiện đại hóa".**

Dự hội nghị có đủ thành viên của Ủy ban, các nhà khoa học, lãnh đạo nhiều bộ, ban ngành, các tổ chức văn hóa nghệ thuật, lãnh đạo một số tỉnh, thành (trong đó có hai thành phố lớn : Hà nội và TP Hồ Chí Minh).

Phó thủ tướng Nguyễn Khánh, Chủ tịch UBQGTKQTPTVH của Việt nam đã khai mạc hội nghị. Hàng chục bản báo cáo khoa học và nhiều ý kiến trao đổi của các cá nhân, các địa phương, tập trung thảo luận vào những vấn đề : Đô thị và đô thị hóa là gì ? Những nét đặc trưng của quá trình đô thị hóa ; vai trò của văn hóa, tác động của yếu tố văn hóa đối với sự hình thành, tồn tại và phát triển của đô thị, đối với cuộc sống đô thị ; nêu những kiến nghị, giải pháp xây dựng và phát triển văn hóa ở các đô thị, sao cho các yếu tố văn hóa (cũng chính là yếu tố con người) tác động sâu sắc vào các mặt cuộc sống đô thị, nhằm đạt mục tiêu xây dựng, phát triển các đô thị lành mạnh, bền vững cả về mặt vật chất và tinh thần.

Hội nghị còn đi sâu làm rõ mối quan hệ giữa kinh tế và văn hóa ; hai mặt tốt và chưa tốt, sự phát triển tự giác và tự phát của quá trình đô thị hóa ; tìm ra những đặc điểm của quá trình đô thị hóa của Việt nam ; những chuẩn mực cần xây dựng để phát triển đô thị và nếp sống đô thị ; những quan điểm lớn và giải pháp khả thi trong quá trình xây dựng và quản lý đô thị ở Việt nam.

Theo đánh giá của Bộ xây dựng, hiện nay nước ta có 569 đô thị, trong đó có 4 thành phố trực thuộc Trung ương, 90 thành phố và thị xã thuộc tỉnh và 475 thị trấn ; có 2 thành phố loại I, 6 thành phố loại II, 12 loại III, 61 loại IV...

Dân số đô thị nước ta hiện nay có khoảng 15 triệu người (chiếm 20% dân số cả nước. Đây là tỷ lệ vào loại thấp trong khu vực và trên thế giới).

Nhờ công cuộc đổi mới, đô thị nước ta đã phát triển nhanh về số lượng và chất lượng tạo nên bộ mặt mới chưa từng có. Tổng thu nhập (GDP) khu vực đô thị chiếm khoảng 40% tổng thu nhập quốc nội.

Đó là điều đáng mừng, đáng trân trọng. Song cũng như nhiều nước đang phát triển, đô thị Việt nam gắn với quá trình CNH, HĐH, đang xuất hiện nhiều hiện tượng đáng lo ngại :

- Dòng người từ nông thôn tràn ra thành thị với nhiều lý do khác nhau ngày một nhiều, khiến mật độ dân số tăng đột biến và vô tổ chức. Không gian đô thị phình to (đô thị cũ trở nên chật chội hoặc xuống cấp nghiêm trọng, đô thị mới mọc lên như nấm với muôn hình vạn trạng, nửa tây nửa ta, nửa quê nửa tỉnh...).

- Xuất hiện hàng loạt hiện tượng lộn xộn, quá tải : thiếu nhà ở hoặc nhà ở quá chật chội ; nạn "sốt" đất, "sốt" nhà, nạn xâm chiếm đất đai trái phép ; đường sá hẹp cùng với phương tiện đi lại đa dạng, phức tạp gây ra nhiều tai nạn và ùn tắc giao thông. Ô nhiễm môi trường sinh thái và cả môi trường nhân văn, không chỉ có ở đô thị lớn mà còn lan tỏa ra nhiều nơi khác. Đáng chú ý là hiện tượng hệ thống gia đình đô thị phân rã, lỏng lẻo ; xuất hiện tệ nạn xã hội, hiện tượng phân hóa giàu nghèo ; thất nghiệp ; thất học ; trẻ em lang thang cơ nhỡ ... đang là mối băn khoăn của toàn xã hội.

Nguyên nhân của tình trạng trên có nhiều nhưng nổi lên vẫn là do trình độ dân trí của cư dân đô thị còn thấp ; lối sống, nếp sống người dân đô thị còn chịu ảnh hưởng và mang nặng lối sống nếp sống nông nghiệp, nông thôn ; những mặt trái của cơ chế thị trường và nền kinh tế mở càng làm cho tình hình thêm phức tạp.

Nhưng xét cho cùng, nguyên nhân cơ bản vẫn là sự bất cập về năng lực, trình độ tổ chức và quản lý đô thị của ta còn quá kém ; sự trở tay không kịp của nhà nước trước làn sóng đô thị quá nhanh.

Từ kinh nghiệm của nhiều nước trên thế giới, từ thực tiễn của quá trình xây dựng đô thị của nước ta, nhất là trong 10 năm đổi mới, có thể thấy rằng quá trình hình thành, phát triển văn hóa, nếp sống đô thị là quá trình phấn đấu gian khổ, bền bỉ và lâu dài. Nó chịu chi phối mạnh mẽ của nhiều yếu tố : hình thái kinh tế xã hội ; thể chế chính trị ; tập quán sinh hoạt ; truyền thống lịch sử văn hóa của quốc gia và từng địa phương khác nhau. Không thể có một khuôn mẫu chung về văn hóa, nếp sống cho mọi đô thị. Song có một số nguyên tắc chính cần được tuân theo :

1- Trước hết *phải làm tốt công tác quy hoạch đô thị*, phù hợp với khả năng và điều kiện nền kinh tế xã hội. Xây dựng những khu đô thị điển hình có sự chỉ đạo từ khâu mặt bằng, thiết kế, thi công ; giải quyết đồng bộ cơ sở hạ tầng kinh tế, cơ sở hạ tầng văn hóa xã hội. Chú ý gắn kết giữa nông thôn và thành thị, vùng kinh tế và vùng dân cư ; chú ý nét riêng biệt của miền núi, miền biển, đồng bằng...

Đô thị Việt nam cần *thể hiện tính dân tộc hiện đại, nhân văn.* Nó phải mang dáng dấp của một đô thị xã hội chủ nghĩa ; tăng cường xây dựng các trung tâm văn hóa, phúc lợi công cộng, nơi vui chơi, giải trí ; đặc biệt chú ý đối tượng người già và trẻ em.

Cần *dự báo khuynh hướng phát triển của đô thị,* nhanh chóng tạo những tiền đề vật chất - kỹ thuật như nhà ở, điện thắp sáng, giải quyết nước sạch, nước thải, bảo đảm những điều kiện cần thiết cho nếp sống văn hóa.

2- *Xây dựng quy chuẩn văn hóa đô thị.* Đặc biệt chú ý văn hóa gia đình, tổ nhóm, cụm phường... ; đây là cơ sở gần dân, có khả năng tự quản, tự điều chỉnh.

Hoàn thiện cộng đồng đô thị bằng nhiều phương thức, hình thức giáo dục, tạo nên nét văn hóa mới trong cách ăn ở, đi lại, giao tiếp, ứng xử, các quan hệ chính trị, xã hội, đạo đức, luật pháp, quản lý...

3- *Hạn chế ở mức thấp nhất những xung đột xã hội* không đáng có, những mặt tiêu cực, những tệ nạn, tạo môi trường sinh thái xanh, sạch, đẹp, môi trường lành mạnh về âm thanh, tiếng động, gây cảm giác dễ chịu trong đời sống đô thị.

4- Nhà nước cần *định hướng rõ rệt trong chính sách tiêu dùng và bảo vệ người tiêu dùng* ; tạo ra nếp văn hóa tiêu dùng phù hợp với truyền thống dân tộc, với yêu cầu thời đại, phù hợp với bối cảnh đất nước đang cố gắng tập trung mọi nguồn lực cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

5- Đã đến lúc cần *đầu tư, phát triển một ngành khoa học mới mẻ :* ngành đô thị học Việt nam đủ mạnh để giải quyết nhiều vấn đề lý luận, thực tiễn trong quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta. ❑

Digitized by Google

QUẢNG CÁO

LICOGI

Tổng công ty Xây dựng và Phát triển Hạ Tầng

Trụ sở : Nhà G1, Thanh xuân Nam, quận Thanh xuân, Hà nội tel : 8542364 Fax : (844) 8542655

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ : ÔNG ĐỖ MƯU

TỔNG GIÁM ĐỐC : ÔNG ĐÀO NGỌC NAM



*** Tổng công ty Xây dựng và Phát triển Hạ tầng** là một trong các Tổng công ty xây dựng mạnh của Bộ Xây dựng, chuyên tổng thầu thi công các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp.

Khu nhà ở Liên hiệp quốc tại Hà nội do LICOGI xây dựng.

*** LICOGI hoạt động chủ yếu trên các lĩnh vực** sản xuất kinh doanh xây dựng theo qui hoạch, kế hoạch phát triển ngành xây dựng của Nhà nước, bao gồm các lĩnh vực : Thi công nền móng,thi công xây lắp các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện, bưu điện, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp; các công trình đường dây, trạm biến thế điện; Sản xuất kinh doanh thiết bị, phụ tùng, vật tư, xe máy, vật liệu xây dựng; Xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị công nghệ xây dựng và các ngành nghề khác theo qui định của pháp luật; Kinh doanh phát triển nhà; Tư vấn xây dựng...

*** Năng lực sản xuất và các sản phẩm chủ yếu :**

- Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng : 1 - 2 triệu m^2
- Đào đắp vận chuyển đất đá : 8 - 10 triệu m3
- Khoan nổ mìn phá đá : 1,5 - 2 triệu m3
- Đúc, đóng cọc xử lý nền móng : 1 triệu mét dài
- Thi công đường giao thông, sân bay, bến cảng... 500.000m2
- Sản xuất các cấu kiện bê tông đúc sẵn : 1 triệu m3
- Sửa chữa, đại tu thiết bị xe máy XD : 150 chiếc
- Sản xuất vật liệu xây dựng, tấm lợp, đá dăm, đá ốp lát...
- Sản xuất các phụ tùng xe máy thi công, đúc phụ tùng bi đạn phục vụ ngành xi măng...



Thi công cọc móng nhà ga hành khách T1 sân bay Quốc tế Nội bài (6 - 1996).

Digitized by Google

BƯU ĐIỆN TỈNH KON TUM

BƯU ĐIỆN TỈNH KON TUM CHUYÊN PHỤC VỤ CÁC DỊCH VỤ:

I. VIỄN THÔNG :

- **Nhận cung cấp, lắp đặt, bảo hành các thiết bị viễn thông và các hệ thống thông tin : Điện thoại, Facsimile, telex, tổng đài thuê bao, điện thoại vô tuyến... với thiết bị hiện đại, giá cả hợp lý.**
- **Nhận chuyển và phát các bức điện báo, Fax, telex trong nước và quốc tế.**
- **Nhận tiếp thông các cuộc điện thoại kèm theo các dịch vụ :**

TRONG NƯỚC :

- **Ưu tiên**
- **Giấy mời**
- **Báo trước**
- **Nhắn tin**

NƯỚC NGOÀI :

- **Tìm người**
- **Collect call**

II. BƯU CHÍNH :

- **Chấp nhận các dịch vụ Bưu chính - phát hành báo chí trong nước và quốc tế**
- **Phục vụ chu đáo, lịch sự. Bảo đảm chính xác, an toàn, tiện lợi**
- **Đặc biệt mới mở thêm dịch vụ :**

- EMS : chấp nhận bưu phẩm chuyển phát nhanh trong nước và quốc tế

- Điện hoa : Nhận chuyển phát điện hoa chúc mừng (hoặc chia buồn) theo yêu cầu của quý khách.

Hân hạnh được đón tiếp và phục Quý khách



Giám đốc
NGUYỄN ĐẶNG TẤN



Digitized by Google

CƠ SỞ GHÉP GIỐNG CAO SU

SÁU AN

ĐỊA CHỈ : QUỐC LỘ 13 - THỊ TRẤN CHƠN THÀNH - TỈNH BÌNH PHƯỚC (CÁCH TP. HỒ CHÍ MINH 75 KM)
ĐIỆN THOẠI : (065) 867282



*Chỉ đạo kỹ thuật : Bà **Nguyễn Thị Thanh Xuân***
(nguyên đội trưởng đội Vườn ươm Công ty cao su Sông bé)

- Nhiều năm có kinh nghiệm lai ghép cao su, có đội ngũ công nhân tay nghề cao.
- 7 năm nay đã cung cấp cho khách hàng : Miền Đông Nam bộ, Cao nguyên và miền Trung... trên 1.000.000 cây Stung trần và 50.000 cây Stung bầu.
- Đào tạo được trên 50 công nhân lai ghép lành nghề.
- Hiện nay cơ sở có các giống cao su cao sản : PB235-VM515 v.v. có tính ưu việt : Rút ngắn thời gian kiến thiết cơ bản, sản lượng mủ tăng 30 - 50% so với giống cao su khác. Sức đề kháng tốt, ít sâu bệnh.
- Ngoài cao su cơ sở còn có : Các giống cây ăn trái như xoài, nhãn, sầu riêng, chôm chôm v.v.

CƠ SỞ NHẬN :

- Tìm giới thiệu đất đai cho khách hàng, đặc biệt những vùng đất đỏ ba-zan, đất xám thích hợp với cây cao su, thuộc các tỉnh miền Đông Nam bộ, Tây Nguyên, miền Trung.
- Thi công, thiết kế giao trọn gói công trình từ A đến Z.

(Nếu khách hàng là Cựu chiến binh sẽ được giảm giá) Cơ sở phục vụ khách hàng tận tình, chu đáo. Công trình bảo đảm chất lượng. Quí khách trong và ngoài nước có nhu cầu xin liên hệ địa chỉ trên.



*Chủ cơ sở **VÕ NHƯ AN***
(Nguyên trợ lý Giám đốc Công ty cao su Sông Bé)



Ghép kiểm tra để chuẩn bị ghép đại trà



Vườn trồng mới 5 năm tuổi



Chăm sóc vườn ươm

IN TẠI NHÀ IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN - 38 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI - ĐT : 8267244 ★ CHỈ SỐ 1265 ISSN 0866-7276 ★ GIÁ : 3000Đ

Digitized by Google

Digitized by Google

HX
9
.H68B

Tạp chí Cộng sản



UNIV. OF MICH.
JUL 14 1997
CURRENT SERIALS

8
4-1997

Digitized by Google

CÔNG TY XUẤT NHẬP KHẨU ĐẦU TƯ TỈNH KON TUM

KONTUM IMPORT - EXPORT AND INVESTMENT COMPANY



KOTIMEX

VĂN PHÒNG CHÍNH : 104 Lê Hồng Phong, Kon Tum
ĐIỆN THOẠI: (060) 862215, 862256, 862171, 864365
FAX : (060) 862215
Giám đốc Công ty : NGUYỄN THẾ ĐẠT

Công ty XNK Đầu tư tỉnh Kontum sẵn sàng hợp tác với các đơn vị trong và ngoài nước đến đầu tư, liên doanh trên các lĩnh vực hoạt động kinh tế.

Công ty Xuất nhập khẩu Đầu tư tỉnh KonTum được thành lập doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 182/QĐ-UB ngày 10/10/1992 của UBND tỉnh Kon Tum.

- Giấy phép đăng ký thành lập doanh nghiệp số : 101798 ngày 4/12/1992 của Trọng tài kinh tế tỉnh Kon Tum.

- Giấy phép kinh doanh XNK số : 306.0.001/GP của Bộ Thương mại.

*** Các đơn vị trực thuộc :**

1. Nhà máy chế biến lâm sản xuất khẩu.
2. Xí nghiệp khai thác vận chuyển lâm sản.
3. Xí nghiệp ván ép liên doanh.
4. Xí nghiệp May xuất khẩu.
5. Xí nghiệp kinh doanh hàng nông sản xuất khẩu.
6. Xí nghiệp xây dựng cơ bản và công trình giao thông.
7. Chi nhánh kinh doanh XNK tại TP. Hồ Chí Minh.
   Địa chỉ : 63 Đường D2 - Quận Bình Thạnh.
   Điện thoại : 08.8995401.

*** Phạm vi kinh doanh :**

- Sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu các mặt hàng :

+ Lâm sản : Sản xuất theo đơn đặt hàng, các mặt hàng chế biến từ gỗ : tủ, giường, bàn ghế, ván ép, ván lạng, ván sàn...

Các mặt hàng lâm sản phụ : song mây, tre, nứa, lồ ô...

+ Nông sản : Sắn lát, cà phê, cao su, đậu đỗ các loại...

+ Sản xuất, gia công xuất khẩu trực tiếp các mặt hàng may mặc.

- Nhập khẩu : Các loại vật tư, máy móc thiết bị, hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống.

- Đầu tư XDCB các công trình : Công nghệ dân dụng và giao thông.

- Làm dịch vụ xuất khẩu, nhận ủy thác xuất nhập khẩu cho các đơn vị có yêu cầu.



Digitized by Google



Tạp chí Cộng sản

CƠ QUAN LÝ LUẬN VÀ CHÍNH TRỊ CỦA TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Số 518 THÁNG RA HAI KỲ

BỘ BIÊN TẬP : *1 Nguyễn Thượng Hiền, Hà Nội - Điện thoại : 8252061 - 8252062*
Cơ quan thường trú tại miền Nam : *19 Phạm Ngọc Thạch, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh - Điện thoại : 8225768*

MỤC LỤC

KỲ HỌP THỨ 11, QUỐC HỘI KHÓA IX	LÊ ĐỨC ANH - Chúng ta đã tự khẳng định mình bằng những thành tựu to lớn đạt được trong 5 năm qua	3
	VÕ VĂN KIỆT - Nhìn lại sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ	6
PHẤN ĐẤU THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI VIII CỦA ĐẢNG	TRẦN HỒNG QUÂN - Giáo dục Việt nam - mười năm đổi mới và chặng đường trước mắt	14
	ĐỨC LƯỢNG - Về nâng cao chất lượng của các tổ chức cơ sở đảng	19
	ĐÀO TRỌNG CẢNG - NGUYỄN QUANG DU - Xây dựng chiến lược cán bộ cho thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhìn từ thực trạng đội ngũ cán bộ hiện nay	22
NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI	CHU THÁI THÀNH - Từ trong di sản Lê nin về trí thức	25
	PHẠM VĂN CHÚC - Về vấn đề "phát triển vượt cấp" trong lý luận tiến bộ xã hội mác xít	29
	XUÂN THẠCH - Nghệ thuật quân sự của chiến tranh nhân dân Việt nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ	33
	LÊ XUÂN LỰU - Nghệ thuật đánh thắng địch từng bước, tạo thời cơ giành thắng lợi hoàn toàn	37
THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM	HỮU MAI - Bốn mươi năm qua, thử nhìn lại	43
	NGUYỄN MINH HÒA - Những tác động ban đầu của công nghiệp hóa, đô thị hóa tới gia đình ở thành phố Hồ Chí Minh	47
	Hội thảo khoa học : Hoàn thiện môi trường thể chế cho phát triển bền vững các hoạt động dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp ở nông thôn đồng bằng sông Hồng	50
SINH HOẠT TƯ TƯỞNG	MAI NINH - Sơn đầu chủ nghĩa	53
THẾ GIỚI : VẤN ĐỀ, SỰ KIỆN	PHẠM ĐỨC THÀNH - Giao lưu và hội nhập văn hóa trong khu vực	54
QUA SÁCH BÁO NƯỚC NGOÀI	Triển vọng của chủ nghĩa xã hội dưới ánh sáng tư tưởng Lê nin	58
TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN - THỰC TIỄN	Hội thảo "Báo đảng các tỉnh, thành vùng duyên hải Bắc bộ với việc tuyên truyền công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn"	61

Bìa 1 : Thành phố Hồ Chí Minh — *Ảnh :* **QUỐC KHÁNH**

Digitized by Google

СОДЕРЖАНИЕ

ЛЕ ДЫК АНЬ - Мы подтвердили себя достижением огромных успехов за 5 прощедщих лет. ВО ВАН КИЕТ- Обратный взгляд на руководство и урегулирование правительства. ЧАН ХОНГ КУАН - Вьетнамское образование после 10 лет обновления и её предыдущий путь. ДЫК ЛЫОНГ - О повышении качества низовых партийных организаций. ДАО ЧОНГ КАНГ И НГУЕН КУАНГ ЗУ - О формировании стратегии о кадрах для курса индустриализации и модернизации с учетом на нынешнюю кадровую обстановку. ТЮ ТАЙ ТХАНЬ - Из наследия Ленинна об интеллигентции. ФАМ ВАН ТЬЮК - О "рывоковом развитии" в марксистской теории о социальном прогессе. ХУАН ТХАТЬ - О военном исскустве Вьетнамского народа во войне против Американских агрессоров. ЛЕ СУАН ЛЫУ - О мастерстве - умении победить врага шаг за шагом ради последнего разгрома. НГУЕН МИНЬ ХОА - Первые эффекты индустриализации и модернизации на семью в городе Хо Ши Мина. ФАМ ДЫК ТХАНЬ - Культурное общение и интеграция в регионе.

CONTENTS

LÊ ĐỨC ANH - We have affirmed ourselves by great achievements of the past five years. VÕ VĂN KIỆT - Looking back to the Government's guidance and management. TRẦN HỒNG QUÂN - Vietnam's education after ten years of renovation and in the forthcoming stage. ĐỨC LƯƠNG - About the enhancement of Party's grassroot organizations. ĐÀO TRỌNG CẢNG - NGUYỄN QUANG DU - Building the cadre strategy for the cause of industrialization and modernization with due regard to current cadre situation. CHU THÁI THÀNH - From the Lenin's heritage about intelligentsia. PHẠM VĂN CHÚC - The problem of "Jerky advance" in the Marxist theory on social progress. XUÂN THẠCH - The art of Vietnamese People's War in the Resistance against American aggressors. LÊ XUÂN LỰU - The art of winning step by step for creating the opportunity for the final defeat. NGUYỄN MINH HÒA - Initial effects of industrialization and urbanization on families in Ho Chi Minh City. PHẠM ĐỨC THÀNH - Culture exchange and integration in the region.

SOMMAIRE

LÊ ĐỨC ANH - Nous nous sommes confirmés par nos grands succès pendant ces 5 dernières années. VÕ VĂN KIỆT - Regard rétrospectif sur la direction et la gestion du Gouvernement. TRẦN HỒNG QUÂN - Education vietnamienne - 10 ans de renouveau et le chemin à parcourir. ĐỨC LƯƠNG - Sur l'élévation de la qualité des organisations de base du Parti. ĐÀO TRỌNG CẢNG et NGUYỄN QUANG DU - Sur la stratégie dans le travail de cadres au service de l'industrialisation et de la modernisation au regard de l'état actuel du contingent des cadres. CHU THÁI THÀNH - Du patrimoine intellectuel de V.I. Lénine. PHẠM VĂN CHÚC - Sur la question de "développement par bond" dans la théorie marxiste sur le progrès social. XUÂN THẠCH - L'art militaire de la guerre populaire vietnamienne dans la résistance aux Américains. LÊ XUÂN LỰU - L'art de vaincre pas à pas l'ennemi pour remporter la victoire totale. NGUYỄN MINH HÒA - Les premières influences de l'industrialisation et de l'urbanisation sur la famille à Ho Chi Minh - ville. PHẠM ĐỨC THÀNH - Echange et intégration culturels dans la région.

SUMARIO

LÊ ĐỨC ANH - Nos hemos afirmado con los grandes logros adquiridos en los últimos cinco años. VÕ VĂN KIỆT - Una mirada retrospectiva sobre la dirección y la gestión del Gobiemo. TRẦN HỒNG QUÂN - La educación Vietnamita - 10 años de renovación y el tramo inmediato. ĐỨC LƯƠNG - Sobre la educación de la calidad de las organizaciones de base del Partido. ĐÀO TRỌNG CẢNG - NGUYỄN QUANG DU - Edificar la estrategia de cuadros en el período de la industrialización y modernización a base de su estado real. CHU THÁI THÀNH - Del delegado de V.I Lenin sobre la intelectualidad. PHẠM VĂN CHÚC - Sobre la cuestión del "desarrollo a salto" en la teoría marxista sobre el progreso social. XUÂN THẠCH - El arte militar de la guerra popular Vietnamita en la resistencia antiyanqui. LÊ XUÂN LỰU - El arte de vencer paso a paso al enemigo para crear la oportunidad de lograr la victoria total. NGUYỄN MINH HÒA - Los primeros efectos de la industrialización y urbanización sobre la familia en la Ciudad Ho Chi Minh. PHẠM ĐỨC THÀNH - Intercambio e integración culturales en la región.

目 錄

●黎德英：我們憑著五年來所取得的重大成就，自我肯定了●武文杰：回顧政府的指導和調控●陳紅軍：越南的教育事業——十年更新及前途●德亮：關于提高党基層組織的質量問題●陶仲港和阮光攸：從目前幹部隊伍現狀看，爲工業化、現代化時期建立幹部隊伍戰略●周泰成：列寧的知識遺產●范文祝：關于馬克思社會進步理論中"越級發展"的問題●春石：抗美戰爭中越南人民戰爭的軍事藝術●黎春榴：節節擊敗敵人，爲贏得完全勝利而創造時機的藝術●阮明和：工業化、都市化對胡志明市的家庭產生的初步影響●范德成：本地區文化的交流和匯入

Digitized by Google

CHÚNG TA ĐÃ TỰ KHẲNG ĐỊNH MÌNH BẰNG NHỮNG THÀNH TỰU TO LỚN ĐẠT ĐƯỢC TRONG 5 NĂM QUA *

LÊ ĐỨC ANH
Thường vụ Bộ chính trị, Chủ tịch nước

Thưa Quốc hội !
Thưa các vị khách quý !

NHIỆM kỳ của Quốc hội đồng thời cũng là nhiệm kỳ của Nhà nước. Đến hôm nay, nhiệm kỳ của chúng ta từ 1992 - 1997 sắp kết thúc. Trong nhiệm kỳ này đất nước ta có nhiều thuận lợi mới rất cơ bản, đồng thời có những thử thách hiểm nghèo và đã thu được nhiều thắng lợi to lớn đáng tự hào, song cũng chứa đựng những khuyết điểm nội tại có chiều hướng phát triển thành nguy cơ.

Những thuận lợi mới rất cơ bản đó là :

Công cuộc đổi mới mấy năm về trước từ 1986 - 1991, trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc đã thu được những thành tựu quan trọng :

1- Nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng XHCN, bước đầu hình thành đã **giải phóng lực lượng sản xuất** nhiều năm bị kìm hãm bởi cơ chế tập trung quan liêu bao cấp.

Nền nông nghiệp đã khởi sắc với những thành quả đáng phấn khởi, lương thực đủ dùng, có gạo hàng hóa để xuất khẩu (hơn 1 triệu tấn năm 1991). Chân lý muôn thuở "có thực mới vực được đạo" đã được thực hiện lần đầu tiên ở nước ta. Lạm phát bước đầu bị đẩy lùi từ 774,7% (năm 1986) xuống còn 67,5% (năm 1991).

2 - Cuộc điều chỉnh chiến lược lớn về quân sự cơ bản đã thực hiện xong. Thế trận quốc phòng - an ninh nhân dân trong cả nước bước đầu hình thành, sẵn sàng đánh thắng mọi loại hình chiến tranh xâm lược và phản loạn. Chi phí ngân sách cho quốc phòng giảm đáng kể, để tập trung ngân sách và nhân lực vào xây dựng đất nước.

3 - Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên CNXH của Đại hội Đảng lần thứ VII và Hiến pháp 1992 ra đời đã soi đường chỉ lối cho Đảng, Nhà nước, toàn dân và toàn quân ta vững bước tiến lên trong sự nghiệp đổi mới theo định hướng XHCN.

Bên cạnh những thuận lợi cơ bản nói trên, bước vào nhiệm kỳ 1992 - 1997, đất nước có những khó khăn to lớn :

1 - Nước ta vẫn chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội.

2 - Sự tan rã của Liên xô và các nước XHCN Đông Âu đã tác động sâu sắc đến nước ta ; đông đảo cán bộ và nhân dân lo lắng, một số người đã dao động. Quan hệ kinh tế giữa nước ta với thị trường truyền thống bị đảo lộn, nguồn cung cấp trang thiết bị quân sự bị cắt đứt.

3 - Trong khi đó Mỹ vẫn tiếp tục bao vây cấm vận, bọn phản động các loại chóm ngóc đầu dậy, một số đẩy mạnh hoạt động hòng gây mất ổn định chính trị để tiến tới chuyển hóa hòa bình hoặc bạo loạn lật đổ.

Đứng trước tình hình đó Đảng, Nhà nước, quân và dân ta ra sức phát huy những thành tựu đã giành được, kiên quyết vượt qua những thử thách, và đã thu được những thắng lợi to lớn đáng tự hào trên tất cả các lĩnh vực :

---

* Báo cáo tại kỳ họp thứ 11, Quốc hội khóa IX. Đầu đề của Tạp chí Cộng sản

Digitized by Google



1 - Kinh tế : tăng trưởng khá và liên tục, năm sau cao hơn năm trước (nhịp độ tăng trưởng GDP từ 6% năm 1991 lên trên 9% năm 1996, bình quân từ 1992 - 1996 là 8,8%).

Cơ cấu kinh tế chuyển dần sang hướng công nghiệp hóa : tỷ trọng công nghiệp và xây dựng trong GDP từ trên 23% năm 1991, lên trên 30% năm 1996 ; khu vực dịch vụ từ trên 35% năm 1991, lên trên 42% năm 1996. Trong khi đó sản lượng lương thực vẫn tăng lên đáng kể từ gần 22 triệu tấn năm 1991, lên trên 29 triệu tấn năm 1996.

Vốn đầu tư toàn xã hội tăng lên hàng năm, từ 12.707 tỷ đồng năm 1991 (bằng 16,76% GDP), đến 1996 lên gấp 5,5 lần là 72.000 tỷ đồng (bằng 27,84% GDP). Lạm phát bị đẩy lùi từ mức 67,5% năm 1991, giảm xuống còn dưới 10%. Giá cả tương đối ổn định.

2 - Về mặt xã hội : đời sống vật chất tinh thần của đại bộ phận nhân dân được cải thiện, khoảng 90% người dân đã có ăn no, có mặc và biết chữ, được hưởng những thông tin, văn hóa tiến bộ. Giáo dục đào tạo sau nhiều năm trì trệ, đã được hồi phục và phát triển khá nhanh. Đến nay đã có khoảng 20 triệu học sinh, sinh viên, phần đông đang say sưa học tập ; có khoảng 3/4 số xã trong cả nước đã phổ cập tiểu học. Đó là một dấu hiệu đáng mừng của đất nước. Báo chí, truyền thanh, truyền hình đã góp phần nâng cao dân trí, phê phán cái xấu, cái hủ bại, phổ biến kịp thời những cái hay, cái đẹp, cái mới cho toàn xã hội.

Khoa học công nghệ tuy còn non trẻ nhưng đã góp phần tích cực vào đời sống xã hội, vào thành công của sự nghiệp đổi mới, nhất là trong lĩnh vực y tế, nông nghiệp, ngư nghiệp, xây dựng cơ bản, năng lượng, bưu chính viễn thông, dầu khí...

Những việc làm đền ơn đáp nghĩa, ngôi nhà tình nghĩa, phụng dưỡng Bà mẹ Việt nam Anh hùng, chăm sóc người có công với nước, trong những năm qua đã trở thành phong trào quần chúng, được đông đảo nhân dân hưởng ứng, làm ấm lòng các thế hệ, các gia đình có người thân đã trọn đời cống hiến cho Tổ quốc, làm tăng thêm tinh thần yêu nước và tình đoàn kết dân tộc.

Đảng, Nhà nước ta khuyến khích làm giàu chính đáng và phát động toàn dân thực hiện chính sách xóa đói giảm nghèo, với phương châm "dân

Digitized by Google

giúp dân là chính", tạo điều kiện cho người nghèo vươn lên có cuộc sống ấm no hạnh phúc, đồng thời chăm sóc trẻ em và người già có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn. Đó là đạo lý, truyền thống "thương người như thể thương thân" của người Việt nam ta ; đó cũng chính là bản chất tốt đẹp của Nhà nước, của chế độ ta, chính vì vậy đã được đông đảo nhân dân hoan nghênh và hưởng ứng. Nhân dịp này, thay mặt Nhà nước và nhân dân Việt nam, tôi tỏ lời biết ơn đối với các cá nhân, các tổ chức phi chính phủ nước ngoài và chính phủ các nước đã góp phần giúp đỡ những nạn nhân chiến tranh, những người nghèo, vùng nghèo ở Việt nam. Công ơn đó người Việt nam chúng tôi xin ghi tạc mãi mãi trong lòng.

3 - Nhiệm vụ quốc phòng - an ninh : trong những năm qua, chúng ta đã làm thất bại những âm mưu và hành động phá hoại của các loại kẻ thù, giữ vững và tăng cường ổn định chính trị, tăng cường thêm khả năng phòng thủ đất nước. Trách nhiệm của Đảng bộ, chính quyền và quân, dân các tỉnh thành đã được phân định rõ ràng là ngăn ngừa và đánh thắng mọi tình huống chiến tranh và phản loạn ở địa phương mình, xây dựng khu phòng thủ tỉnh, thành ngày thêm vững chắc ; đồng thời đóng góp sức người và của cải lên trên để tăng cường sức mạnh của cả nước trong mọi thời kỳ, trong mọi tình huống. Quan điểm, tư tưởng và thế trận quốc phòng - an ninh của chúng ta đúng và vững chắc, bảo đảm giữ vững độc lập chủ quyền, an ninh chính trị và hòa bình, làm cho nhân dân có cuộc sống yên bình để chăm lo xây dựng đất nước, bạn bè yên tâm hợp tác làm ăn lâu dài với ta.

4 - Cùng với các thành tựu trong các lĩnh vực đã nêu trên, với đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa theo tinh thần **"Việt nam muốn là bạn của tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hòa bình, độc lập dân tộc và phát triển".** Công tác đối ngoại của chúng ta trong 5 năm qua đã thu được những thành tựu đáng kể, đến nay chúng ta đã thiết lập quan hệ ngoại giao với hầu hết các nước trên thế giới, đã mở rộng quan hệ buôn bán với trên 100 nước. Đầu tư trực tiếp của các công ty nước ngoài không ngừng tăng lên từ 1,3 tỷ đô-la Mỹ năm 1991 đến 1996 đã tăng lên trên 5 lần. Đến nay số vốn đã thực hiện khoảng 7 tỷ đô-la Mỹ.

Những thành tựu về kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, đối ngoại đã đưa nước ta thoát khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, chuyển sang thời kỳ mới, thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Thưa Quốc hội !

Chúng ta đã tự khẳng định mình bằng những thành tựu đạt được trong 5 năm qua - những năm đầy sóng gió, song chúng ta vẫn còn những khuyết điểm nội tại có chiều hướng gia tăng, nếu không ngăn chặn kịp thời sẽ trở thành nguy cơ.

Bốn nguy cơ của cách mạng nước nhà đã được Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII của Đảng cộng sản Việt nam chỉ rõ, bao trùm lên trên bốn nguy cơ đó là **chủ nghĩa cá nhân.** Chủ nghĩa cá nhân đang có chiều hướng phát triển biểu hiện muôn hình, muôn vẻ trong các doanh nghiệp, các cơ quan Nhà nước, làm tổn hại không nhỏ đến sự đoàn kết, đến tài sản của Nhà nước và kiềm chế sự phát triển của đất nước, làm giảm niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước, làm nản lòng một số nhà đầu tư nước ngoài. Đảng, Nhà nước ta tôn trọng lợi ích cá nhân. Song lợi ích cá nhân phải phục tùng lợi ích tập thể và kết hợp hài hòa với lợi ích của tập thể, của cộng đồng, của quốc gia dân tộc. Không cho phép vì lợi ích cá nhân ích kỷ mà làm tổn hại đến các lợi ích khác to lớn hơn.

Bác Hồ đã dạy : *"Chủ nghĩa cá nhân là một kẻ địch hung ác của chủ nghĩa xã hội. Người cách mạng phải tiêu diệt nó".* Vì vậy, chúng ta phải tìm mọi biện pháp để đẩy lùi và loại trừ chủ nghĩa cá nhân trong Đảng, trong bộ máy nhà nước, trong các doanh nghiệp nhà nước thì mới đẩy lùi được mọi nguy cơ, mới hoàn thành được sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, và mới đưa đất nước tiến lên đến mục tiêu đã định.

Thưa Quốc hội !

Tuy còn nhiều vấn đề tồn tại, nhưng nhìn tổng quát trong bối cảnh lịch sử đặc biệt, chúng ta đã cơ bản hoàn thành nhiệm vụ trong nhiệm kỳ 1992 - 1997 mà nhân dân giao phó.

Xin chúc các vị đại biểu dồi dào sức khỏe và hạnh phúc.❑

Digitized by Google

NHÌN LẠI SỰ CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CỦA CHÍNH PHỦ *

VÕ VĂN KIỆT
Thường vụ Bộ chính trị, Thủ tướng Chính phủ

... TRÊN tinh thần đánh giá những gì đã làm được và thẳng thắn nhìn nhận những gì chưa làm được, tôi xin phép tập trung vào một số nội dung chủ yếu, qua đó đánh giá tổng quát sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ trong nhiệm kỳ này như sau.

1 - Đẩy mạnh quá trình chuyển từ cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp sang cơ chế quản lý kinh tế bằng luật pháp, phát huy lợi thế của nền kinh tế nhiều thành phần.

Chính phủ đã cố gắng tiến thêm những bước mới trong việc cụ thể hóa và hướng dẫn thực hiện chủ trương xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, xây dựng và phát triển nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, giải phóng và phát huy tiềm năng của tất cả các thành phần kinh tế, tạo điều kiện và hướng dẫn các thành phần kinh tế phát triển đúng hướng.

Một trong những mặt công tác trọng tâm của Chính phủ là tập trung xây dựng hệ thống pháp luật nhằm một mặt phát huy tính năng động của các thành phần kinh tế, mặt khác hạn chế các tác động tiêu cực của cơ chế thị trường. Mặc dù hệ thống văn bản pháp luật chưa đồng bộ, cần được tiếp tục sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện, nhưng về cơ bản, đã hình thành được khuôn khổ pháp lý để thực hiện quản lý nhà nước bằng luật pháp, phát huy quyền tự chủ của doanh nghiệp, tháo gỡ những cấm đoán, ràng buộc của cơ chế cũ, bước đầu giải phóng các nguồn lực, khơi dậy những động lực phát triển ở trong nước và từ bên ngoài.

Việc ban hành các văn bản pháp quy, văn bản hướng dẫn thực hiện Luật, Pháp lệnh nói chung còn chậm, chưa đáp ứng được yêu cầu của nền kinh tế và của toàn xã hội. Trong những nguyên nhân của tình trạng này, có một phần đáng kể do sự chỉ đạo của Chính phủ, do năng lực cán bộ của các cơ quan nhà nước còn hạn chế và do chưa huy động được các chuyên gia về pháp luật trong nước, chưa tranh thủ được kinh nghiệm và tư vấn quốc tế về luật pháp.

Sự hướng dẫn, điều hành thường xuyên của Chính phủ đã tạo điều kiện cho hàng chục triệu hộ kinh doanh ở nông thôn và thành thị, hàng vạn doanh nghiệp tư nhân và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phát triển, góp phần đáng kể vào tăng trưởng kinh tế, giải quyết việc làm, góp phần tạo động lực thúc đẩy thành phần kinh tế quốc doanh đổi mới cung cách làm ăn, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh trên thị trường. Hàng hóa được lưu thông thông suốt trong cả nước, các ngành dịch vụ phát triển mạnh, tổng sản lượng và kim ngạch xuất khẩu lương thực, hải thủy sản, hàng thủ công... tăng nhanh và liên tục có phần đóng góp đáng kể của các thành phần kinh tế này.

* Trích phần II, **Báo cáo công tác của Chính phủ** nhiệm kỳ 1992 - 1997 trình bày tại kỳ họp thứ 11, Quốc hội khóa IX

Digitized by Google

Về thể chế kinh tế, tuy đã hình thành được khuôn khổ pháp lý - dù còn chưa đồng bộ - để các loại hình doanh nghiệp ra đời và hoạt động, song chưa tạo lập được môi trường để các doanh nghiệp cạnh tranh bình đẳng theo cơ chế thị trường và phát triển theo đúng pháp luật ; chưa tháo gỡ kịp thời các vướng mắc và chưa giải phóng hoàn toàn được nguồn lực của các thành phần kinh tế ; chưa xóa được tâm lý ỷ lại, chờ đợi nhà nước *"ban, cho, cấp phát"*. Việc đổi mới cơ chế quản lý, cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước tiến hành chậm. Tình trạng độc quyền đi đôi với cửa quyền vẫn còn tồn tại ở một số ngành, nếp suy nghĩ và thói quen làm việc *"cha chung không ai khóc"* vẫn còn phổ biến ở nhiều doanh nghiệp nhà nước.

Bên cạnh việc tạo điều kiện để tất cả các thành phần kinh tế phát triển, Chính phủ đã rất chú trọng và cố gắng chỉ đạo, quản lý nhằm chấn chỉnh và nâng cao năng lực, hiệu quả, khẳng định vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước.

Chính phủ cũng đã có những chủ trương và giải pháp nhằm phân định chức năng quản lý Nhà nước, chức năng chủ sở hữu với chức năng điều hành sản xuất kinh doanh thông qua việc sắp xếp lại và thành lập mới các tổng công ty lớn, thực hiện thí điểm cổ phần hóa một số doanh nghiệp nhà nước. Quy trình, phương thức xây dựng, giao và chỉ đạo thực hiện kế hoạch được cải tiến cho sát hơn với khả năng và yêu cầu phát triển của từng ngành và địa phương.

Các chính sách của Chính phủ cũng chưa đủ cụ thể và rõ ràng để đảm bảo quyền làm chủ thực sự của dân. Do vậy chưa đưa ra được những hình thức, phương pháp có hiệu quả để phát huy nguồn lực trong dân, bảo đảm cho dân quyền được thông tin, bàn bạc, giám sát việc sử dụng vốn và tài sản của nhà nước.

Nhìn chung, cùng với việc chỉ đạo sản xuất, Chính phủ đã chú trọng việc phát triển quan hệ sản xuất mới. Tuy nhiên, trong thời gian tới, cần tiếp tục hoàn thiện và khắc phục những yếu kém về cơ chế, chính sách một cách tập trung và đồng bộ hơn, nhằm phát huy tốt hơn nữa tiềm năng của các thành phần kinh tế, tăng cường vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước.

Bên cạnh việc giải phóng sức dân, khuyến khích nhân dân làm giàu chính đáng, Chính phủ cũng đã nhận thức rõ và chỉ đạo việc huy động sức dân. Thực hiện chủ trương *"nhà nước và nhân dân cùng làm"*, nhiều địa phương đã tổ chức tốt để nhân dân góp công, góp của làm các công trình phúc lợi xã hội, cung cấp nước sạch và vệ sinh môi trường, làm đường giao thông, thủy lợi...

Đóng góp của nhân dân rất to lớn, làm thay đổi bộ mặt nông thôn nhiều vùng. Tính bình quân nhà nước đầu tư 1 thì nhân dân đóng góp tới 2 - 3 hoặc hơn nữa. Chính phủ đã và đang chỉ đạo khẩn trương hoàn thành các văn bản quy định việc thực hiện chủ trương xã hội hóa một số hoạt động kinh tế, xã hội nhằm phát huy trí tuệ, sức lao động và tiền của của nhân dân đẩy mạnh công nghiệp hóa đất nước.

Có thể nói việc phát huy sức mạnh của dân là bài học lớn nhất và là kinh nghiệm quan trọng nhất trong công tác của Chính phủ 5 năm qua. Chính phủ nhận thức rõ rằng : *Quản lý nhà nước phải nhằm không ngừng bồi dưỡng sức dân, phát huy sức mạnh của toàn xã hội*. Tuy nhiên, nguyên tắc này chưa được cụ thể hóa bằng những thiết chế đầy đủ, chưa được tổ chức thực hiện có hiệu quả. Cần nghiên cứu, vận dụng sáng tạo những kinh nghiệm dựa vào dân, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân như chúng ta đã làm trong hai cuộc kháng chiến, và quán triệt lời dạy của Bác Hồ : *"Dễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong"*.

2 - Thúc đẩy tiến trình hội nhập quốc tế, tranh thủ các nguồn lực bên ngoài.

Chính phủ bắt đầu nhiệm kỳ của mình trong bối cảnh quốc tế đang có nhiều diễn biến phức tạp, nhiều thời cơ mới xuất hiện

Digitized by Google

cùng những thách thức lớn đòi hỏi sự nhanh nhạy và quyết đoán trong công tác đối ngoại. Sự kiện Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu không chỉ tác động lớn tới ngân sách và kinh tế, mà còn ảnh hưởng không nhỏ tới vị thế chính trị của nước ta trên trường quốc tế. Chính phủ đã chỉ đạo thực hiện tốt đường lối đối ngoại đa phương của Đảng và thực hiện với quyết tâm cao tiến trình hội nhập khu vực thông qua việc cải thiện quan hệ với các nước ASEAN, đi tới gia nhập tổ chức này. Chính phủ cũng đã chỉ đạo thực hiện việc phối hợp giữa ngoại giao với kinh tế, tranh thủ sự hợp tác, ủng hộ của các nước, các tổ chức quốc tế và của cộng đồng doanh nghiệp nước ngoài để từng bước phá thế bị bao vây, cấm vận.

Chính phủ đã chỉ đạo thực hiện chủ trương mở rộng hợp tác quốc tế, thông qua đó thu nhận, phân tích kinh nghiệm của các nước, khuyến nghị của các tổ chức quốc tế và vận dụng một cách linh hoạt phù hợp với điều kiện trong nước, đẩy nhanh công cuộc đổi mới. Quá trình hợp tác và hội nhập quốc tế giúp chúng ta thấy rõ hơn nhiều tiềm năng, lợi thế của đất nước cũng như nhiều khiếm khuyết, hạn chế trong hệ thống chính sách, phương pháp điều hành. Một ví dụ là việc tham gia tiến trình thiết lập Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA) đã đặt ra cho chúng ta nhiều yêu cầu phù hợp với đường lối đổi mới như cải tiến, hoàn thiện hệ thống chính sách thuế, thương mại, công nghiệp..., tạo điều kiện để chúng ta thực hiện nhanh hơn công cuộc đổi mới.

Tiến trình hội nhập kinh tế với khu vực và thế giới theo hướng tự do hóa thương mại và mở rộng dần tự do hóa sang các lĩnh vực đầu tư, dịch vụ, lao động... tạo ra những thuận lợi mới để phát huy lợi thế của đất nước, đồng thời đòi hỏi Chính phủ phải có những giải pháp cụ thể hơn đối với từng lĩnh vực để vượt qua được những thách thức đặt ra trong tình hình vừa hợp tác vừa cạnh tranh gay gắt, phải nỗ lực vượt bực để thu hẹp khoảng cách tụt hậu về kinh tế và công nghệ, trước hết là so với các nước trong khu vực.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, Chính phủ đã triển khai toàn diện các hoạt động ngoại giao và kinh tế đối ngoại ; chủ động phối hợp giữa công tác đối ngoại của nhà nước với hoạt động đối ngoại nhân dân, nhằm củng cố môi trường hòa bình, ổn định và tạo điều kiện quốc tế thuận lợi hơn cho sự phát triển kinh tế, xã hội trong nước. Ngày nay, trên các diễn đàn quốc tế song phương và đa phương, Việt nam đã được thừa nhận là một thành viên tích cực của hòa bình, hữu nghị và hợp tác.

Ngay từ đầu nhiệm kỳ, Chính phủ đã chú ý chính sách phát triển ngoại thương có sự tham gia của nhiều thành phần kinh tế dưới sự quản lý của Nhà nước. Chính sách đó cùng với các biện pháp đẩy mạnh sản xuất và đầu tư phát triển, khuyến khích sản xuất hàng xuất khẩu đã làm tăng nhanh kim ngạch ngoại thương, từ chỗ bằng 50% GDP năm 1992 lên 78% năm 1996. Tuy nhiên, vẫn còn thiếu biện pháp đồng bộ khuyến khích sản xuất và lưu thông hàng xuất khẩu, làm ảnh hưởng tới việc thực hiện chủ trương hướng mạnh về xuất khẩu. Mặt khác, chính sách bảo hộ sản xuất trong nước còn thiếu hợp lý. Vẫn còn những biện pháp bảo hộ cứng nhắc, không cần thiết và chưa phù hợp với xu thế hội nhập kinh tế, trong khi vẫn còn những ngành cần và có thể bảo hộ được thì lại bị hàng nước ngoài, nhất là hàng nhập lậu, đẩy vào tình trạng khó khăn. Cơ chế quản lý xuất, nhập khẩu còn nặng về sử dụng các biện pháp hành chính kém hiệu quả, và có nhiều kẽ hở dẫn đến tình trạng một số mặt hàng quan trọng khi thừa, khi thiếu. Cán cân thương mại bị thâm hụt khá lớn...

Phát huy những thuận lợi mới trong quan hệ quốc tế. Chính phủ đã coi trọng việc xây dựng và hoàn thiện thể chế, cải thiện môi trường đầu tư để tranh thủ nguồn tài trợ phát triển (ODA) và thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), góp phần đáng kể vào việc thay đổi bộ mặt đất nước và tăng cường nội lực của

Digitized by Google

nền kinh tế. So với các nước đang phát triển khác, tốc độ và tổng số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt nam trong 5 năm qua khá cao. Tới nay, Việt nam cũng là một trong số ít nước được các tổ chức tài chính quốc tế và nhiều nước tài trợ ưu tiên ở châu Á.

Tuy nhiên, việc cải tiến các chính sách và tháo bỏ những vướng mắc về thủ tục hành chính trong tất cả các khâu, từ lập, duyệt dự án tới giải ngân, quyết toán tài chính... còn chưa được thực hiện đồng bộ và triệt để làm giảm tính hấp dẫn của môi trường đầu tư. Mặt khác, việc thực hiện chức năng quản lý nhà nước đối với các cơ sở có vốn đầu tư nước ngoài đã đi vào hoạt động còn thiếu chặt chẽ, nhất là về xuất, nhập khẩu, chế độ đối với công nhân Việt nam và vấn đề sử dụng công nghệ tiên tiến, bảo vệ môi trường.

Chính phủ cũng rất chú trọng chỉ đạo và đã có nhiều văn bản hướng dẫn quản lý, sử dụng các khoản vốn vay, nguồn tài trợ. Hiệu quả sử dụng các nguồn vốn này đã được nâng cao một bước đáng kể và có tác dụng hỗ trợ, thúc đẩy việc huy động vốn trong nước, phát huy nội lực để phát triển. Tuy nhiên, cũng vẫn còn tình trạng vốn viện trợ được sử dụng một cách "dễ dãi" hơn vốn trong nước với tâm lý coi đó là *"của cho không"*. Việc quản lý và chỉ đạo xử lý nợ nước ngoài, kể cả cả nợ thương mại, còn phân tán. Đó là những vấn đề cần được quan tâm khắc phục ; trong đó có nhiều vấn đề có thể giải quyết được thông qua sự chỉ đạo, điều hành của Chính phủ, nhưng cũng có vấn đề phụ thuộc vào nhiều yếu tố khách quan trong nước và quốc tế.

Một điểm nữa cũng cần nói tới là mặc dù Chính phủ đã rất cố gắng trong việc chỉ đạo phối hợp chặt chẽ giữa ngoại giao với kinh tế đối ngoại, nhưng đây vẫn còn là một điểm yếu trong công tác ngoại giao của nước ta. Các cơ quan ngoại giao chưa thực sự là chỗ dựa tin cậy cho các doanh nghiệp trong việc tìm hiểu bạn hàng, vươn ra các thị trường mới. Để khắc phục điểm này phải có phương án tổ chức thực hiện đồng bộ hơn về tổ chức bộ máy, cơ chế phối hợp giữa các cơ quan Nhà nước liên quan.

3 - Kết hợp tăng trưởng kinh tế với phát triển và thực hiện công bằng và tiến bộ xã hội.

Đi đôi với sự chỉ đạo, điều hành kinh tế và dựa trên kết quả tăng trưởng kinh tế, trong nhiệm kỳ này, Chính phủ dành sự quan tâm nhiều hơn trước cho các lĩnh vực văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường. Điều đó thể hiện qua việc bổ sung chính sách, thể chế, bố trí kế hoạch đầu tư, phân bố ngân sách nhà nước và nguồn tài trợ từ bên ngoài đi đôi với việc tiến hành xã hội hóa từng bước các lĩnh vực đó. Song song với việc tạo điều kiện thuận lợi và hướng dẫn nhân dân làm giàu chính đáng cho mình và cho đất nước, Chính phủ chú trọng phát huy sức mạnh của dân trên mọi mặt hoạt động văn hóa, xã hội, cổ vũ những nhân tố mới của một xã hội công nghiệp, hiện đại, có trật tự kỷ cương, phát huy truyền thống và giữ vững bản sắc dân tộc ; đấu tranh chống các hiện tượng tiêu cực và tệ nạn xã hội.

Trong lĩnh vực văn hóa, giáo dục, đã có một số mặt đạt được chuyển biến rõ rệt thông qua việc thực hiện phổ cập giáo dục tiểu học và chống mù chữ, sắp xếp lại các trường đại học và cao đẳng, mở rộng diện phủ sóng và thời lượng phát thanh, truyền hình, v.v. Chính phủ quan tâm chỉ đạo công tác giáo dục, văn hóa, thông tin chú trọng việc vun đắp những giá trị đạo đức truyền thống, hun đúc chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc, xây dựng lý tưởng xã hội chủ nghĩa, tạo lập nếp sống văn minh, nhất là trong các lứa tuổi thanh thiếu nhi.

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được cải thiện một bước đáng kể. Tuy nhiên, mặc dù Chính phủ đã có nhiều cố gắng đổi mới cơ chế, chính sách và tăng cường chỉ đạo, nhưng những chuyển biến về quản lý nhà nước và về chất lượng các hoạt động văn hóa, xã hội còn

Digitized by Google

chậm. Một trong những nguyên nhân là chưa nhận thức đầy đủ những vấn đề mới và tầm quan trọng của các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực văn hóa, xã hội trong điều kiện kinh tế thị trường đối với sự phát triển bền vững và lâu dài của đất nước, chưa tổng kết kịp thời để nhân rộng những điển hình dựa vào sáng kiến và sức của dân.

Mặc dù Chính phủ đã tập trung chỉ đạo việc ngăn chặn các tệ nạn xã hội, đặc biệt là ma túy ; bài trừ văn hóa độc hại và lối sống sa đọa ; chống mê tín dị đoan và các hủ tục ; khắc phục tình trạng phô trương, lãng phí... nhưng các tệ nạn này vẫn còn tiếp diễn và có chiều hướng phát triển. Chính phủ nhận thức được một trong những nguyên nhân là chưa hình thành được một cuộc vận động sâu rộng trong toàn xã hội, thông qua các đoàn thể quần chúng, để giải quyết được tận gốc căn nguyên của các tệ nạn này. Mặt khác, mức độ xử lý vi phạm còn chưa đủ nghiêm và chưa thống nhất.

Về thực hiện công bằng xã hội, điều đáng chú ý hiện nay là còn một số khá đông người đến tuổi lao động chưa có việc làm ; chênh lệch về thu nhập giữa các tầng lớp dân cư và giữa các vùng đang có chiều hướng mở rộng. Đây là khó khăn mà tất cả các nền kinh tế chuyển đổi đều gặp phải và phải giải quyết trong nhiều năm. Chính phủ đã tập trung chỉ đạo việc xây dựng và tổ chức thực hiện các chính sách thuế như một công cụ đảm bảo sự công bằng xã hội nhưng kết quả vẫn còn hạn chế. Chính phủ đã dành sự quan tâm chỉ đạo và đầu tư cho các vùng khó khăn có thêm điều kiện thuận lợi để phát triển sản xuất ngay tại địa phương thông qua nhiều chương trình, dự án có vốn ngân sách và vốn viện trợ nước ngoài để khuyến khích các doanh nghiệp và nhân dân cùng tham gia. Tuy nhiên, kết quả thực hiện chưa cao, có trường hợp vốn đầu tư của nhà nước không được sử dụng đúng mục đích, thậm chí còn bị thất thoát không nhỏ.

Chính phủ đã đề ra và cố gắng thực hiện nhiều chính sách phân phối và phân phối lại hợp lý thu nhập của các tầng lớp nhân dân bằng nhiều hình thức song chưa đạt được kết quả thiết thực. Trong xã hội, và ngay trong bộ máy nhà nước vẫn còn sự bất hợp lý rất lớn về thu nhập (ví dụ giữa một cán bộ quản lý nhà nước với một cán bộ quản trị doanh nghiệp nhà nước, người lao động giản đơn và lao động trí óc) ; thanh niên trong độ tuổi nghĩa vụ quân sự không nhập ngũ cũng không phải thực hiện nghĩa vụ gì thay thế, là những ví dụ chứng tỏ còn nhiều vấn đề chưa đảm bảo được công bằng xã hội. Đây là những vấn đề không thể giải quyết được ngay một lúc, và được Chính phủ coi là một nhiệm vụ thường xuyên, phải kiên trì thực hiện.

4 - Điều hành, xử lý công việc thường xuyên, giải quyết các vấn đề cấp bách, đồng thời chú trọng các vấn đề cơ bản, lâu dài đối với sự phát triển đất nước.

Một điểm nổi bật trong công tác của Chính phủ nhiệm kỳ này là đã chú ý tăng tính chủ động hơn trong điều hành công việc thường xuyên, bước đầu thay đổi được nếp làm việc kinh niên "đầu năm đủng đỉnh, cuối năm chạy nước rút" đồng thời dành sự quan tâm nhiều hơn cho việc giải quyết các vấn đề có tầm cơ bản, lâu dài của sự phát triển.

Hằng năm, Chính phủ đều rút kinh nghiệm và sửa đổi, bổ sung quy chế điều hành, hình thành được nếp chỉ đạo trực tiếp, kiên quyết, kịp thời hơn đối với những vấn đề cấp bách, phát sinh trong sản xuất, xây dựng, lưu thông hàng hóa trong nước và xuất nhập khẩu...

Chính từ những vấn đề cấp bách đó, Chính phủ đã thấy rõ hơn và tập trung chỉ đạo tốt hơn việc hình thành những chính sách, và quan trọng hơn là các giải pháp đối với những vấn đề mang tính cơ bản, lâu dài như tài chính, tiền tệ, thuế, quy hoạch phát triển vùng... và việc hình thành các dự án lớn vừa phục vụ nhu cầu trước mắt, vừa tạo điều kiện cho cả tiến trình công nghiệp hóa.

Từ thực tế phải cân đối thu chi ngân sách, kiềm chế được mức bội chi sau nhiều năm ngân sách nhà nước phải dựa một phần quan trọng vào nguồn tài trợ bên ngoài và phát hành

Digitized by Google

tiền để chi tiêu, Chính phủ đã từng bước đổi mới cơ chế, chính sách tài chính, trước hết là hệ thống thuế, nhằm bồi dưỡng và khai thác các nguồn lực của đất nước. Tuy nhiên, thực tế cho thấy quản lý nhà nước về thuế còn nhiều yếu kém, khuyết điểm, thể hiện ở ngay trong các sắc thuế cũng như trong tổ chức hệ thống thu thuế... cần phải được tiếp tục khắc phục và hoàn thiện.

Chính phủ đã xây dựng, trình Quốc hội ban hành Luật ngân sách bảo đảm sự quản lý có hiệu quả hơn của Nhà nước đối với nền tài chính quốc gia. Trong tình hình ngân sách nhà nước còn hạn hẹp, nhu cầu chi lại rất lớn, Chính phủ thực hiện nhiều đổi mới trong cơ chế phân bổ và điều hành ngân sách, thực hiện việc phân cấp quản lý ngân sách với sự ổn định nhiệm vụ thu chi cho địa phương nhằm phát huy tính chủ động, sáng tạo của các cấp chính quyền trong công tác tài chính, khai thác tốt hơn các nguồn thu của địa phương cho đầu tư phát triển.

Trong lĩnh vực tiền tệ, Chính phủ đã thường xuyên theo dõi diễn biến tình hình, từng bước giải quyết mục tiêu bức xúc suốt nhiệm kỳ là đẩy lùi và kiểm soát lạm phát. Tuy nhiên, công tác của Chính phủ trong lĩnh vực tiền tệ, tín dụng vẫn chưa tiến kịp yêu cầu của nền kinh tế. Thị trường vốn phát triển chậm, cơ chế tín dụng còn nhiều nhược điểm, dẫn tới tình trạng có lúc ngân hàng thừa vốn mà doanh nghiệp lại thiếu vốn. Cũng chưa có cơ chế đủ chặt chẽ để vừa bảo đảm vốn cần thiết cho hoạt động của các doanh nghiệp, vừa giảm rủi ro, tránh mất vốn trong hệ thống ngân hàng.

Chính phủ đã dành một phần quan trọng thời gian và công sức cho các vấn đề cơ bản, lâu dài đối với sự phát triển đất nước ; đó là công tác xây dựng thể chế, công tác quy hoạch, kế hoạch, xây dựng các công trình lớn...

Đi đôi với việc hoạch định chiến lược phát triển, công tác quy hoạch đã được quan tâm đẩy mạnh nhằm định hướng cho sự bố trí hợp lý lực lượng sản xuất và các địa bàn dân cư, tránh xu hướng tự phát của kinh tế thị trường gây nên mất cân đối và những tổn thất khó khắc phục. Đến nay, hầu hết các tỉnh, thành phố và nhiều ngành đã xây dựng được quy hoạch phát triển đến năm 2000 và 2010. Chính phủ đã xây dựng quy hoạch phát triển 3 vùng kinh tế trọng điểm, các khu công nghiệp tập trung ; chỉ đạo quy hoạch 3 vùng giàu tiềm năng nhưng hiện còn khó khăn là đồng bằng sông Cửu long, Tây nguyên và miền núi phía Bắc.

Quy hoạch phát triển ngành và quy hoạch phát triển vùng đã có sự kết hợp, tạo cơ sở cho việc xây dựng chương trình đầu tư công cộng và lập danh mục các dự án thu hút vốn bên ngoài. Chính phủ xác định cần tiếp tục chú ý bổ sung, hoàn chỉnh, nâng cao chất lượng các quy hoạch sao cho mỗi địa phương đều phát huy được lợi thế của mình, hỗ trợ, bổ sung cho các địa phương khác ; các ngành sản xuất kinh doanh được nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh.

Một trong những nhiệm vụ trọng tâm được Chính phủ xác định trong suốt cả nhiệm kỳ này là thực hiện công nghiệp hóa nông nghiệp và nông thôn. Chính phủ đã chú trọng chỉ đạo bằng nhiều biện pháp, kết hợp các nguồn vốn, trong đó vốn do nhân dân đóng góp chiếm phần quan trọng, để xây dựng kết cấu hạ tầng và các công trình phúc lợi xã hội ở nông thôn như đường giao thông, trường học, bệnh xá... Nhiều mô hình tốt đã và đang được tổng kết, đánh giá để nhân rộng. Tuy nhiên, phần do công tác chỉ đạo, điều hành của Chính phủ còn chưa sâu sát, phần do hạn chế về nguồn lực và vẫn còn tư tưởng trông chờ ngân sách, vốn nước ngoài nên nhiều vùng nông thôn vẫn chưa đổi mới được cơ cấu sản xuất nông nghiệp, phát triển thêm ngành nghề. Cuộc sống của một bộ phận lớn nông dân còn bị lệ thuộc vào thiên nhiên, sự giao động của thị trường nông sản... đòi hỏi phải tiếp tục có những giải pháp hiệu quả, thiết thực hơn trong thời gian tới.

Digitized by Google

Chính phủ cũng đã tập trung chỉ đạo, kịp thời giải quyết khó khăn về vốn và công nghệ, hoàn thành nhiều công trình, dự án lớn, có ý nghĩa then chốt đối với nền kinh tế. Nổi bật là đầu tư cho các ngành kết cấu hạ tầng như giao thông, viễn thông, điện lực. Nhiều công trình sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường quốc lộ ; làm cầu mới với hàng chục ngàn tỷ đồng vốn đầu tư của nhà nước đã và đang được tiến hành, chưa kể hàng ngàn km đường cấp huyện, xã do nhân dân cùng góp vốn. Hệ thống viễn thông ở nước ta đạt trình độ công nghệ không thua kém nhiều nước trong khu vực. Năm 1992 mới có khoảng 10% số xã có máy điện thoại, tới nay con số này đã lên tới hơn 60%. Các công trình đầu tư cho ngành điện, kể cả các nhà máy điện, đường dây tải điện Bắc - Nam 500 KV và mạng lưới phân phối điện ở thành thị và nông thôn đã nâng công suất điện lên gấp gần 2 lần từ 1992 đến năm 1996 ; số xã có điện lưới được nâng từ 40% lên trên 60%.

Những bài học thu được trong thời gian qua về việc phát huy sức lao động sáng tạo của cán bộ kỹ thuật trong nước, huy động nguồn vốn trong nhân dân và sự chỉ đạo điều hành đối với các công trình trọng điểm cần được tiếp tục phát huy trong việc chuẩn bị và xây dựng các công trình lớn phục vụ tiến trình công nghiệp hóa trong thời gian tới.

Một trong những thế mạnh đồng thời là nhân tố cơ bản đối với sự phát triển nhanh và bền vững của đất nước là con người. Nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài, đi đôi với nâng cao trình độ khoa học - công nghệ là mối quan tâm thường xuyên của Chính phủ. Việc hoạch định chiến lược phát triển khoa học - công nghệ được xúc tiến song song với việc sắp xếp tổ chức, tăng cường đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất - kỹ thuật và đổi mới cơ chế quản lý. Những kết quả đạt được trong việc nghiên cứu, triển khai ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và tiếp nhận, làm chủ công nghệ nhập cùng với một số công trình nghiên cứu về xã hội và nhân văn trong thời gian qua là đáng khích lệ. Tuy nhiên, để đáp ứng yêu cầu của tiến trình công nghiệp hóa, để triển khai thực hiện thắng lợi Nghị quyết Trung ương 2 về khoa học - công nghệ và về giáo dục - đào tạo, công tác phát triển nguồn nhân lực và khoa học - công nghệ cần được chỉ đạo sâu sát và tăng cường đầu tư hơn nữa.

Nhận thức rõ bảo vệ chủ quyền của Tổ quốc, bảo vệ chế độ, giữ vững ổn định xã hội là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu, là điều kiện không thể thiếu để phát triển kinh tế - xã hội, Chính phủ đã cố gắng kết hợp tốt giữa kinh tế với quốc phòng, an ninh ; đáp ứng những yêu cầu củng cố an ninh - quốc phòng trong điều kiện mới ; thực hiện tốt công tác hậu phương quân đội ; cải tiến và nâng cao một bước chế độ đãi ngộ đối với lực lượng vũ trang và những người đã có cống hiến trong các cuộc kháng chiến. Việc lập lại trật tự, kỷ cương trong đời sống kinh tế, xã hội cũng được chú ý và có những chuyển biến tích cực thông qua nhiều đợt vận động sâu rộng trong nhân dân để thực hiện các chủ trương về thiết lập trật tự giao thông ; xử lý các vi phạm Pháp lệnh bảo vệ đê điều ; không sản xuất, lưu thông và đốt pháo nổ ; xóa bỏ cây thuốc phiện, cai nghiện ma túy ; làm lành mạnh sinh hoạt văn hóa... Được nhân dân đồng tình ủng hộ, các chủ trương đó một mặt giải quyết được một số yêu cầu bức xúc của xã hội, mặt khác làm tăng thêm lòng tin của nhân dân vào kỷ cương, phép nước, đồng thời cho phép rút ra nhiều kinh nghiệm để áp dụng vào các lĩnh vực khác, dần hình thành nền nếp tôn trọng pháp luật trong đời sống xã hội.

Bên cạnh đó cũng còn những vấn đề lớn, không kém phần bức xúc nhưng Chính phủ chưa đủ cương quyết để xử lý cho được như vấn đề ngăn chặn nạn phá rừng, cấm xuất khẩu lậu gỗ. Mặc dù đã có nhiều cố gắng trong việc trồng rừng, hạn chế xuất khẩu gỗ, nhưng độ bao phủ của rừng vẫn giảm, rừng vẫn bị tàn phá đến mức báo động. Trước tình hình đó, gần đây, Chính phủ đã chủ trương

Digitized by Google

tăng cường trồng mới, khoanh nuôi và bảo vệ rừng, tiết kiệm sử dụng gỗ và cấm xuất khẩu gỗ (trừ hàng thủ công mỹ nghệ). Hằng năm Chính phủ sẽ công bố danh mục cụ thể khu rừng nào không được khai thác gỗ, khu rừng nào chỉ được khai thác để phục vụ nhu cầu gỗ tại địa phương, khu rừng nào được khai thác để cung cấp gỗ cho cả nước... và có chính sách khuyến khích sử dụng các vật liệu, nhiên liệu thay gỗ. Nếu cần thì nhập khẩu gỗ phục vụ tiêu dùng trong nước và để gia công xuất khẩu.

5 - Cải cách nền hành chính nhà nước đáp ứng yêu cầu đổi mới và phát triển đất nước.

Từ thực tiễn điều hành, Chính phủ đã sớm nhận thấy nhu cầu bức xúc phải cải cách nền hành chính nhà nước, tức là phải thực sự đổi mới bản thân mình thì mới chỉ đạo được công cuộc đổi mới và phát triển kinh tế, xã hội.

Ngay từ đầu nhiệm kỳ, Chính phủ đã tập trung vào việc xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế, từng bước bảo đảm chức năng quản lý nhà nước phù hợp với kinh tế thị trường. Bộ máy hành chính được điều chỉnh, thu gọn cơ cấu Chính phủ, cải cách chế độ tiền lương theo quy chế ngạch, bậc mới ; đẩy mạnh đào tạo và đào tạo lại công chức... Nhờ đó, trong nhiệm kỳ này, Chính phủ và bộ máy hành chính đã vừa làm vừa tích lũy thêm được kiến thức và kinh nghiệm về quản lý nhà nước, về sử dụng các công cụ điều tiết để ổn định kinh tế vĩ mô, về thiết lập trật tự, kỷ cương theo pháp luật... Tuy nhiên, nền hành chính nói chung còn nhiều mặt yếu kém, chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới và phát triển đất nước như đã trình bày ở trên.

Các thiết chế nhà nước nói chung và hệ thống hành chính nói riêng còn nhiều bất hợp lý. Thẩm quyền trong nội bộ nền hành chính chưa được phân định rành mạch, chưa có sự ràng buộc, gắn quyền hạn với trách nhiệm ; kỷ cương hành chính chưa được thiết lập chặt chẽ. Bên cạnh sự tập trung quan liêu chưa được đẩy lùi triệt để, đã xuất hiện những biểu hiện phân tán, cục bộ, làm giảm hiệu lực điều hành tập trung thống nhất của Chính phủ. Lề lối làm việc tản mạn, tùy tiện còn khá phổ biến. Đội ngũ cán bộ, công chức vừa thừa, vừa thiếu, một bộ phận suy thoái, tham ô, cửa quyền, sách nhiễu nhân dân. Tình trạng chi tiêu lãng phí, phô trương, hình thức còn chưa được ngăn chặn ; tài sản công chưa được quản lý chặt chẽ, đang bị sử dụng rất lãng phí, kém hiệu quả. Điều này đang gây bất bình chính đáng của nhân dân, đòi hỏi những biện pháp quyết liệt hơn nữa trong chỉ đạo điều hành của Chính phủ và các cấp chính quyền. Do nhiều nguyên nhân khách quan, chủ quan, trong đó có chính sách quản lý và sử dụng cán bộ chưa thật hợp lý nên các giải pháp của Chính phủ để chỉnh đốn, đổi mới, nâng cao chất lượng đội ngũ công chức và cán bộ quản lý nhà nước còn chưa thực sự có hiệu quả. Việc xử lý cán bộ, công chức vi phạm pháp luật, kỷ luật hành chính còn thiếu nghiêm minh.

Cải cách hành chính vừa qua chưa đáp ứng được yêu cầu của nhân dân cũng như của công tác quản lý nhà nước. Chính phủ nhận rõ những thiếu sót và trách nhiệm của mình trong việc tiến hành cải cách hành chính, nhất là cải cách về thủ tục hành chính.

Sự khởi đầu một nhiệm kỳ mới của Quốc hội và Chính phủ là thời điểm thích hợp để chúng ta đẩy tới một bước mạnh hơn nữa cải cách hành chính. Hoạt động nhà nước nói chung, hành chính nói riêng phải hướng vào mục tiêu phục vụ nhân dân và tạo điều kiện, môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp, tăng cường hội nhập quốc tế phục vụ phát triển trong nước. Muốn vậy cần soát xét lại toàn bộ thiết chế tổ chức và vận hành của bộ máy hành chính, phân định rõ thẩm quyền và trách nhiệm của từng cấp chính quyền, từng cơ quan trong bộ máy nhà nước.

Bài học thực tiễn vừa qua cho thấy, nhiệm vụ đó chỉ có thể được thực hiện thành công với một quyết tâm cao và ý chí cải cách mạnh mẽ, được tiến hành một cách đồng bộ trong tổng thể bộ máy nhà nước...

Digitized by Google

GIÁO DỤC VIỆT NAM - MƯỜI NĂM ĐỔI MỚI VÀ CHẶNG ĐƯỜNG TRƯỚC MẮT

TRẦN HỒNG QUÂN *

NGAY sau Đại hội VIII, Ban chấp hành trung ương Đảng đã có Nghị quyết về giáo dục - đào tạo và khoa học - công nghệ. Đây là lần thứ hai qua hai nhiệm kỳ đại hội liên tiếp, Đảng ta có nghị quyết của Ban chấp hành trung ương về giáo dục - đào tạo. Điều đó chứng tỏ sự quan tâm đặc biệt của Đảng và Nhà nước đối với lĩnh vực được coi là quốc sách hàng đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Đây cũng là dịp để chúng ta nhìn lại 10 năm đổi mới của giáo dục - đào tạo trong sự nghiệp chung của toàn đảng toàn dân, rút ra những kinh nghiệm, những bài học cần thiết cho chặng đường trước mắt nhằm thực hiện tốt Nghị quyết của Đảng.

Trở lại thời điểm năm học 1986-1987, năm khởi động công cuộc đổi mới theo tinh thần Đại hội VI của Đảng, cũng là thời điểm mà sự nghiệp giáo dục đứng trước những thách thức gay gắt. Tác động của khủng hoảng kinh tế - xã hội cùng những đổi mới trong cơ chế quản lý kinh tế đã tạo nên những khó khăn tưởng chừng như không vượt nổi cho hệ thống giáo dục phổ thông. Mô hình hợp tác xã nông nghiệp cũ không còn nữa kéo theo việc xóa bao cấp đối với hàng loạt các trường lớp nhà trẻ, mẫu giáo. Vai trò chủ đạo của kinh tế hộ gia đình ở nông thôn kéo trẻ em ra khỏi trường học về với lao động gia đình. Tất cả những điều đó cộng với tình hình kinh tế, đời sống khó khăn đã làm cho quy mô giáo dục giảm sút chưa từng thấy. Hệ thống giáo dục mầm non gần như tan rã cả ở thành thị và nông thôn. Bên cạnh đó, do đồng lương quá thấp, đời sống khó khăn, làn sóng giáo viên bỏ nghề đã tăng lên đến mức báo động, nhất là ở các tỉnh phía Nam, càng làm cho ngành giáo dục thêm lúng túng.

Ở bậc đại học và giáo dục chuyên nghiệp, những tác động kinh tế - xã hội cũng dẫn đến những đổi thay lớn. Việc áp dụng cơ chế thị trường cùng tình trạng đóng cửa biên chế nhà nước làm cho mô hình đào tạo theo chỉ tiêu kế hoạch nhà nước cũ trở nên không còn thích hợp. Quy mô đào tạo giảm sút đến mức thấp nhất. Ở một số trường đại học xuất hiện tình trạng giáo viên đông hơn sinh viên. Riêng khối dạy nghề gần như bị cắt hoàn toàn cả về chỉ tiêu đào tạo lẫn kinh phí ngân sách.

Những biến động kinh tế - xã hội không chỉ ảnh hưởng đến quy mô giáo dục mà còn đặt toàn bộ các vấn đề thuộc về nội dung, chương trình, mục tiêu, phương pháp, cơ cấu giáo dục - đào tạo trước yêu cầu thay đổi lớn.

Trong bối cảnh như vậy, ngành giáo dục - đào tạo bắt buộc phải tự đổi mới, tự tháo gỡ. Ngay từ năm 1987, ngành đã nêu lên 4 tiền đề cơ bản làm xuất phát điểm cho những đổi mới trong sự nghiệp đào tạo : 1) Đào tạo sinh viên và học sinh chuyên nghiệp không chỉ cho các cơ quan, doanh nghiệp nhà nước mà cho nhiều thành phần kinh tế và đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân ; 2) Đào tạo không chỉ theo chỉ tiêu kế hoạch nhà nước mà còn theo dự báo nhu cầu học tập đa dạng và cung cấp nguồn nhân lực cho tương lai, kể cả việc dự trữ lao động có chất lượng cho xã hội ; 3) Việc phân phối sinh viên, học sinh tốt nghiệp không nhất thiết phải cứng nhắc theo chỉ tiêu kế hoạch nhà nước mà còn có phần do xã hội tự điều chỉnh ; 4) Hoạt động của nhà trường không chỉ bằng ngân sách nhà nước mà còn phải chủ động khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực khác.

Từ những tiền đề nêu trên, ba chương trình hành động lớn đã được đề ra :

* Ủy viên TU Đảng, Bộ trưởng Bộ giáo dục - đào tạo

Digitized by Google

1 - Đổi mới mục tiêu, nội dung, quy trình và phương pháp đào tạo ; đổi mới cơ cấu các ngành nghề đào tạo.

2 - Mở rộng nghiên cứu khoa học, lao động sản xuất kinh doanh theo ngành nghề để thầy và trò nâng cao bản lĩnh nghề nghiệp, đồng thời có thêm thu nhập cải thiện điều kiện đào tạo, tái trang bị, cải thiện đời sống.

3 - Đổi mới công tác quản lý theo hướng xã hội hóa, đa dạng hóa và dân chủ hóa trên cơ sở tăng cường chức năng quản lý nhà nước về giáo dục - đào tạo ; đổi mới mô hình tổ chức và sắp xếp lại mạng lưới các trường đào tạo.

Từ đó, một phong trào đổi mới sâu rộng, sôi nổi đã diễn ra trong toàn ngành giáo dục, góp phần tạo nên những bước chuyển cơ bản. Với các chủ trương đa dạng hóa loại hình trường lớp và phương thức đào tạo, mềm hóa quy trình đào tạo - đào tạo theo học phần tín chỉ, nội dung có phần bắt buộc, phần tự chọn, phần tùy ý, đào tạo hai giai đoạn - tạo nên sự liên thông giữa các trường, các ngành và các bậc học, quy mô cũng như chất lượng đào tạo đã có những bước tiến đáng kể.

Ở giáo dục phổ thông, công cuộc cải cách giáo dục được bắt đầu từ năm 1978 theo Nghị quyết 14 của Bộ chính trị (khóa IV). Cần phải ghi nhận rằng cuộc cải cách đã tạo nên được một bộ sách giáo khoa với sự lựa chọn nội dung, chương trình hợp lý, hiện đại hơn so với trước, mặc dù vẫn còn nặng nề, mang tính hàn lâm và còn nhẹ các vấn đề thuộc về phương pháp, còn nặng phần "dạy chữ", nhẹ phần "dạy người". Những tiền đề, những điều kiện cần thiết cho cải cách đã không được chuẩn bị đầy đủ, chu đáo. Cuộc cải cách cũng không được tiến hành đồng bộ với việc cải cách sự nghiệp đào tạo sư phạm. Vì vậy, nó vẫn đứng trước yêu cầu cần điều chỉnh để phù hợp với tình hình và yêu cầu mới.

Từ năm 1990, cùng với việc sáp nhập Bộ giáo dục với Bộ đại học và trung học chuyên nghiệp theo chủ trương của Đảng và Nhà nước, chúng ta có những điều kiện thuận lợi để quản lý và xây dựng một hệ thống giáo dục quốc dân thống nhất từ bậc học thấp nhất đến cao nhất. Sau đó, cùng với việc ban hành Nghị định 90/CP của Chính phủ quy định cơ cấu khung và các loại văn bằng, chứng chỉ của hệ thống giáo dục quốc dân, nền giáo dục của chúng ta đã từng bước xây dựng theo hướng cơ cấu hoàn chỉnh, thống nhất, đa dạng và liên thông. Giáo dục mầm non được đưa vào thành một bộ phận của hệ thống giáo dục quốc dân ; hệ thống giáo dục thường xuyên được xây dựng song song với giáo dục chính quy. Ở giáo dục phổ thông, bậc tiểu học được tách ra, đồng thời xây dựng bậc trung học mới gồm : trung học cơ sở (cấp 2), trung học phổ thông (cấp 3) ; thí điểm xây dựng loại hình trung học nghề và phân ban ở bậc trung học phổ thông, nhằm tạo sự liên thông giữa giáo dục phổ thông và dạy nghề. Bậc đại học được chia thành hai giai đoạn : đại học đại cương và đại học chuyên ngành. Đào tạo sau đại học cũng được chia thành hai cấp : cao học và tiến sĩ.

Nhìn chung, có thể hình dung bức tranh giáo dục Việt nam hiện nay trên một số nét đại thể như sau :

- Ở giáo dục mầm non, nhà trẻ vẫn có quy mô thấp. Nhưng bên cạnh đó, nội dung chương trình có nhiều cải tiến, việc giáo dục, tuyên truyền, cung cấp tri thức cho các gia đình nuôi con đang được mở rộng và đạt hiệu quả tốt. Mẫu giáo, đặc biệt là mẫu giáo lớn quy mô có tăng lên đáng kể.

- Giáo dục tiểu học hiện đạt quy mô hơn 10 triệu học sinh. Đây là bậc học phổ cập với kế hoạch sẽ hoàn thành vào năm 2000. Tuy nhiên phải thừa nhận rằng, chất lượng của bậc học này hiện còn thấp so với yêu cầu, trừ một vài thành phố lớn. Tình trạng phổ biến của giáo dục tiểu học hiện nay là học thiếu môn (3/9 môn), thiếu giáo viên, thiếu phòng học. Nhiều nơi còn học 3 ca, còn phần lớn là học 2 ca, trong khi lẽ ra tiểu học phải học 2 buổi/ngày

- Trung học cơ sở, quy mô tăng hết sức nhanh trong mấy năm qua, trung bình mỗi năm 10%,

Digitized by Google

hiện đạt trên 4 triệu học sinh. Việc tăng số lượng học sinh cũng là điều đáng mừng, nhưng kéo theo đó là những vấn đề nan giải : thiếu giáo viên, thiếu cơ sở vật chất. Việc đổi mới nội dung, phương pháp ở bậc học này còn chưa được chú trọng đúng mức.

- Trung học phổ thông cũng có sự gia tăng về quy mô, hiện đạt con số trên 1 triệu học sinh. Đây là bậc học cuối cùng của chương trình phổ thông, vì vậy yêu cầu hướng nghiệp là hết sức quan trọng. Hiện nay chỉ khoảng 1/5 số học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông hằng năm vào được đại học và cao đẳng, 4/5 còn lại cần phải được hướng nghiệp, dạy nghề. Chủ trương phân ban ở trung học phổ thông bắt nguồn một phần từ đó, với mục đích tạo nên sự phân luồng, liên thông giữa giáo dục phổ thông và giáo dục chuyên nghiệp.

- Bậc trung học chuyên nghiệp và dạy nghề hiện quy mô vẫn còn hết sức nhỏ bé, gây nên sự mất cân đối lớn trong hệ thống giáo dục. Bậc học này vừa qua còn chưa được quan tâm đầu tư đúng mức nên hiện nay vẫn là khâu yếu nhất trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Ở bậc đại học, quy mô đào tạo từ năm 1990 đến nay có bước nhảy vọt (tăng 2,7 lần). Tuy nhiên nhìn chung sự phát triển về chất lượng chưa theo kịp sự phát triển về số lượng. Trình độ đào tạo đại học tuy đã được nâng lên so với trước, nhưng còn thấp so với yêu cầu. Hiện đang có những khó khăn gay gắt về cơ sở vật chất và sự khủng hoảng về đội ngũ cán bộ giảng dạy. Trình độ quản lý không theo kịp quá trình đa dạng hóa của ngành, dẫn đến tình trạng chất lượng thấp ở một số bộ phận. Chúng ta cũng chưa xây dựng được một hệ thống đánh giá kiểm tra chất lượng khoa học, khách quan, đủ độ tin cậy.

Bậc đào tạo sau cùng của hệ thống giáo dục quốc dân là đào tạo sau đại học. Đây là bậc học gồm hai cấp là cao học và tiến sĩ theo Nghị định 90/CP. Đào tạo sau đại học đã có sự phát triển khá mạnh mẽ về quy mô, cả về số lượng người học lẫn chuyên ngành được đào tạo. Tuy nhiên ở bậc học này hiện cũng đang nổi cộm nhiều vấn đề cần được giải quyết, chấn chỉnh : chất lượng, nội dung, chương trình, đánh giá...

Mười năm qua, mặc dù có những thăng trầm, sự nghiệp giáo dục - đào tạo đã đạt được những chuyển biến tích cực về quy mô, chất lượng, hiệu quả, góp phần không nhỏ thực hiện những mục tiêu dân trí, nhân lực, nhân tài. Đó là những chuyển biến bước đầu, đúng hướng và rất quan trọng. Trong quá trình này, sự nghiệp giáo dục - đào tạo đã cố gắng tự đổi mới, tạo ra được nhiều nhân tố mới và đã đạt được những cơ sở thực tiễn ban đầu cho mô hình mới của hệ thống giáo dục - đào tạo, tương thích với mô hình của nền kinh tế - xã hội đang đổi mới, tạo tiền đề nâng cao chất lượng đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, phục vụ yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Mặc dù đã có những cố gắng lớn và đạt được những tiến bộ đáng kể trong điều kiện nguồn lực hết sức hạn chế, nền giáo dục của chúng ta hiện đang tồn tại những yếu kém khá nghiêm trọng. Đó là khoảng cách rất lớn giữa thực trạng giáo dục hiện nay và yêu cầu nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Trước những đòi hỏi của đất nước đang đổi mới, đang đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập vào thế giới, nền giáo dục của chúng ta còn đang thấp xa trên cả ba mặt quy mô - chất lượng - hiệu quả. Việc phát triển nguồn lực còn nhiều hạn chế, chưa xây dựng được cơ chế gắn đào tạo với sử dụng, với việc làm. Cơ cấu ngành nghề, cơ cấu trình độ, cơ cấu xã hội và cơ cấu vùng của đội ngũ sinh viên, học sinh chuyên nghiệp còn nhiều bất hợp lý.

So sánh với một số nước trong khu vực càng cho thấy tính trầm trọng của tình trạng yếu kém về giáo dục - đào tạo của ta. Về quy mô, xét theo biết chữ và tiểu học, ta ở mức bình thường (ngang Phi-líp-pin, Thái lan) ; ở bậc trung học ta thuộc mức thấp (thua Phi-líp-pin, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, Hàn quốc) ; ở bậc đại học, ta thuộc vị trí cuối, cách khá xa các nước khác.

Digitized by Google

Đội ngũ nhân lực của ta còn nhiều mặt yếu so với đòi hỏi cạnh tranh của thị trường trong và ngoài nước.

Một yếu kém nổi bật khác là tình trạng thiếu kỷ cương, tiêu cực trong giáo dục đang có chiều hướng gia tăng. Đó là vấn đề học thêm, dạy thêm tràn lan ; việc thu lệ phí còn tùy tiện ; những tiêu cực trong thi cử, mua bán bằng cấp ; sự thâm nhập của tệ nạn xã hội vào trường học v. v. Vấn đề công bằng xã hội trong giáo dục cũng đang nổi lên khá nhức nhối. Đội ngũ giáo viên, nhân tố quyết định chất lượng giáo dục vừa yếu, lại vừa thiếu. Năm học 1995-1996, cả nước thiếu gần 120 000 giáo viên phổ thông. Tỷ lệ giáo viên chưa đạt chuẩn trình độ còn khá cao.

Ở bậc đại học, đang xuất hiện tình trạng hẫng hụt về thế hệ, thiếu đội ngũ thay thế cho lớp giáo viên lớn tuổi sắp nghỉ hưu...

Có nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan, ở đây tôi muốn nhấn mạnh đến trách nhiệm của bản thân ngành giáo dục - đào tạo. Công tác quản lý giáo dục - đào tạo thời gian qua còn nhiều yếu kém và bất cập, chưa theo kịp những đổi mới, phát triển của ngành, đặc biệt là công tác quản lý chất lượng. Còn chậm phát hiện và xử lý dứt điểm những biểu hiện tiêu cực, lệch lạc trong ngành. Cơ chế quản lý của ngành giáo dục - đào tạo còn nhiều bất hợp lý, làm giảm hiệu lực của công tác quản lý. Việc đổi mới nội dung, phương pháp giáo dục - đào tạo còn chậm, chưa đạt những tiến bộ cần thiết, đáp ứng được những đòi hỏi của phát triển kinh tế - xã hội.

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 2 vừa qua đã đề ra định hướng chiến lược, những tư tưởng chỉ đạo và những mục tiêu cụ thể cho sự nghiệp phát triển giáo dục - đào tạo từ nay đến năm 2000 và 2020. Với yêu cầu đi trước kinh tế một bước, giáo dục - đào tạo đang cùng đất nước bước vào thế kỷ XXI với trách nhiệm hết sức nặng nề. Trước thời cơ và thách thức của phát triển, chúng ta không có quyền chậm bước. Đến năm 2020, đất nước ta có vượt qua nguy cơ tụt hậu để trở thành một nước công nghiệp hóa được hay không, điều đó phụ thuộc rất lớn vào sự phát triển của giáo dục. Vào thời điểm đó, trình độ giáo dục của chúng ta chỉ có thể ngang bằng chứ không thấp hơn các nước trong khu vực.

Để đạt được những mục tiêu mà Nghị quyết Trung ương 2 đã đề ra, ngay từ bây giờ, cần thực hiện những giải pháp tổng thể mang tính vĩ mô, nhằm tạo động lực cho sự phát triển của giáo dục - đào tạo.

Thứ nhất, tăng cường đầu tư và huy động sự tham gia đóng góp của toàn xã hội nhằm tăng thêm nguồn lực cho giáo dục. Sự bất cập về nguồn lực đang là một trở ngại lớn cho việc thực hiện các mục tiêu giáo dục, đặc biệt là mục tiêu nâng cao chất lượng. Mấy năm qua, ngân sách nhà nước đầu tư cho giáo dục tuy có tăng hằng năm nhưng vẫn còn quá thấp so với nhu cầu của ngành. Từ nay đến năm 2000, cần phấn đấu tăng tỷ lệ ngân sách dành cho giáo dục lên 15% tổng chi ngân sách. Đồng thời cần có chính sách, cơ chế đồng bộ nhằm thu hút, huy động, khai thác triệt để và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực khác trong xã hội và tranh thủ các nguồn viện trợ quốc tế.

Thứ hai, đổi mới chính sách đãi ngộ về vật chất và tinh thần nhằm tạo ra động lực cho đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục - đào tạo. Vấn đề giáo viên hiện đang là "đại sự" của ngành giáo dục. Nguyên nhân quan trọng nhất dẫn đến tình trạng yếu và thiếu của đội ngũ giáo viên là thiếu động lực : đồng lương thấp, đãi ngộ không tương xứng với vai trò và cống hiến, vị thế xã hội bị xuống thấp v.v. Đây là vấn đề không chỉ riêng ngành giáo dục có thể làm nổi. Trong truyền thống của dân tộc, tôn sư trọng đạo, cầu hiền tài (trước hết là hiền tài trong giáo dục) là công việc của toàn xã hội, là sự định hướng trong chủ trương, chính sách cụ thể của nhà nước.

Thứ ba, xác định cơ chế nhằm tăng cường hiệu lực quản lý hệ thống giáo dục - đào tạo. Cơ

Digitized by Google

chế quản lý hiện tại đối với giáo dục còn nhiều điều bất hợp lý. Chưa có phân định rõ ràng các mối quan hệ về quyền hạn và trách nhiệm của từng cấp tham gia quản lý giáo dục, quản lý theo ngành và theo lãnh thổ, về trách nhiệm quản lý nhà nước, quản lý nghiệp vụ và quản lý các điều kiện bảo đảm. Để giải quyết vấn đề này cần sớm ban hành Luật giáo dục và hệ thống văn bản dưới luật, xác định rõ mô hình quản lý theo hướng : phân cấp hợp lý, tăng cường trách nhiệm và quyền hạn của địa phương, của các trường đại học và các cơ sở đào tạo khác ; phân định rõ chức năng quản lý nhà nước và quản lý nghiệp vụ, đổi mới cơ chế nhằm sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực dành cho giáo dục. Đồng thời cần có những ưu tiên thích đáng cho giáo dục trong điều hành và chỉ đạo, trong tổ chức, nhân sự và nhân lực. Bản thân ngành giáo dục cũng phải tự chấn chỉnh và đổi mới, khắc phục những tiêu cực, yếu kém, tăng cường hiệu lực của bộ máy quản lý, điều hành.

Trong điều kiện nguồn lực cho giáo dục còn nhiều hạn chế, bất cập như hiện nay, việc thực hiện các mục tiêu giáo dục không thể dàn trải mà cần có sự lựa chọn ưu tiên, trọng điểm để tập trung đầu tư trong khi vẫn chú trọng đến bình diện đại trà. Trước mắt, cần tập trung vào một số mục tiêu chủ yếu :

- Giáo dục phổ cập và giáo dục cơ sở ;
- Đào tạo, bồi dưỡng giáo viên ở mọi cấp bậc học ;
- Đào tạo nguồn nhân lực cho một số ngành trọng điểm ;
- Bồi dưỡng nhân tài ;
- Trợ giúp vùng khó khăn và diện chính sách.

Ngay sau Hội nghị Trung ương 2, với trách nhiệm là cơ quan của chính phủ quản lý nhà nước về giáo dục - đào tạo, Bộ giáo dục - đào tạo đã khẩn trương tiến hành những hoạt động trong toàn ngành và phối hợp với các ngành, các cấp có liên quan nhằm triển khai thực hiện nghị quyết của hội nghị trên 3 mặt công tác :

1 - Tổ chức nghiên cứu, quán triệt nội dung nghị quyết Trung ương 2 với yêu cầu làm cho mọi ngành, mọi đoàn thể và toàn xã hội hiểu rõ thực trạng giáo dục, nắm vững các quan điểm cơ bản về vai trò, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển giáo dục - đào tạo.

2 - Tổ chức kiểm điểm sâu sắc, làm rõ những ưu khuyết điểm và trách nhiệm của mình của các cấp quản lý, các cơ sở giáo dục - đào tạo trước thực trạng giáo dục.

3 - Xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 của toàn ngành, từ Bộ đến các địa phương và từng cơ sở giáo dục - đào tạo.

Hiện nay Bộ đã đệ trình và được Chính phủ thông qua một kế hoạch hành động gồm 28 đề án dự kiến hoàn thành trong năm 1997. Trong đó, đặc biệt chú trọng đến một số đề án như : tổng kết 10 năm đổi mới giáo dục - đào tạo ; xây dựng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo ; trình Quốc hội thông qua dự án Luật giáo dục ; đề án thành lập Hội đồng quốc gia giáo dục ; thiết lập trật tự kỷ cương trong trường học ; chế độ học phí, học bổng mới và thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục ; giải quyết vấn đề thiếu giáo viên và đào tạo lại đội ngũ giáo viên ; chính sách ưu đãi đối với sinh viên các trường sư phạm và giáo viên mầm non ngoài biên chế...

Nghị quyết Hội nghị Trung ương 2 với những quyết định đúng đắn và mạnh mẽ về giáo dục - đào tạo đã đáp ứng được sự mong mỏi của đông đảo đội ngũ giáo viên, sinh viên, học sinh, các nhà khoa học và tất cả những ai quan tâm đến sự nghiệp "trồng người". Đây là một cơ hội lớn để giáo dục - đào tạo vượt qua nguy cơ và thách thức, bước vào một thời kỳ phát triển mới. Tuy nhiên để biến những nội dung của nghị quyết thành hiện thực trong cuộc sống, nhiệm vụ của chúng ta còn rất nặng nề. Tin tưởng rằng, với truyền thống thông minh, cần cù, hiếu học của con người Việt nam, với quyết tâm cao của toàn Đảng, toàn dân, chúng ta nhất định sẽ bước vào thế kỷ XXI với tư cách là một quốc gia mạnh về giáo dục. ❑

Digitized by Google

VỀ NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CỦA CÁC TỔ CHỨC CƠ SỞ ĐẢNG

ĐỨC LƯỢNG *

HIỆN nay, cả nước ta có hơn bốn vạn tổ chức cơ sở (TCCS) đảng, nơi thể hiện tập trung sức chiến đấu của Đảng. Thực tiễn cách mạng hơn 66 năm qua, đặc biệt hơn 10 năm đổi mới đã chứng minh các TCCS đảng giữ vai trò quyết định trong việc đưa đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước vào cuộc sống, biến đường lối và các chủ trương chính sách đó thành phong trào quần chúng, làm nên thắng lợi của cách mạng.

Tuy vậy, khi bước vào nền kinh tế thị trường, những mặt trái của nó đã tác động không nhỏ đến các TCCS đảng làm cho không ít đảng bộ, chi bộ giảm sút ý chí chiến đấu, thậm chí tê liệt, không phát huy được tác dụng. Nhiều cơ sở lúng túng, bị động, không chuyển kịp theo cơ chế mới. Một bộ phận yếu kém kéo dài.

Sau hơn 4 năm đổi mới và chỉnh đốn Đảng, số đông đảng bộ, chi bộ cơ sở đã có những chuyển biến tích cực nhưng nhìn chung chất lượng, sức chiến đấu của các TCCS đảng chưa ngang tầm với những đòi hỏi ngày càng cao của sự nghiệp cách mạng. Trên mặt trận chống buôn lậu, tham nhũng và tiêu cực, vai trò của TCCS đảng chưa được thể hiện thật rõ. Phần lớn các vụ tham nhũng, tiêu cực là do các cơ quan chức năng, các cơ quan ngôn luận phát hiện có khi do mâu thuẫn nội bộ tố cáo nhau chứ không phải do đảng viên và tổ chức đảng đấu tranh làm sáng rõ. Không ít cán bộ, đảng bộ cơ sở "mất vai trò một cách vô hình". Sinh hoạt không có nội dung, hoặc nội dung nhạt nhẽo, né tránh đấu tranh, ngại va chạm, thấy đúng không bảo vệ, thấy sai không đấu tranh, "dĩ hòa vi quý". Tình trạng không chịu nhau, không phục nhau, nói xấu nhau, rỉ tai, phát ngôn tùy tiện ngoài tổ chức và sinh hoạt đảng diễn ra khá phổ biến. Nguyên tắc tự phê bình và phê bình ở không ít nơi chỉ còn là hình thức. Chính tình trạng này làm cho chất lượng của việc phân loại đảng viên, cơ sở đảng không thật sự đúng với thực tế, "chất kết dính" đảng viên với tổ chức bị lỏng lẻo. Và, tình trạng này ở những thời điểm khó khăn, thử thách, "trong biến" sẽ trở thành nguy cơ.

Hiện nay, TCCS đảng ở xã phường có số đảng viên chiếm gần 60% tổng số đảng viên của toàn đảng, ở các doanh nghiệp hơn 10%, ở các cơ quan gần 10%. Các loại hình cơ sở đảng trên đây được củng cố vững chắc chúng ta sẽ nắm được dân, nắm được tiền và nắm được quyền. Vì vậy, nâng cao chất lượng của các TCCS đảng ở những địa bàn và lĩnh vực trọng yếu về kinh tế, chính trị là đặc biệt quan trọng. Những vùng dân tộc, biên giới, tôn giáo, các tổ chức cơ sở đảng phải được củng cố, phát triển đi đôi với bố trí đúng những cán bộ chủ chốt. Thực hiện đổi mới chỉnh đốn Đảng theo Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII) chúng ta đã tập trung củng cố cơ sở đảng, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của tổ chức đảng ở các cơ sở. Các cấp ủy đã tổ chức quán triệt và triển khai thực hiện các quy định của Ban bí thư về chức năng, nhiệm vụ của các loại hình tổ chức cơ sở, xây dựng các quy chế hoạt động cụ thể. Từ đó đã phát huy được chức năng của tổ chức đảng là hạt nhân chính trị lãnh đạo các mặt hoạt động ở cơ sở; khắc phục được tình trạng buông lỏng vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng những năm trước. Qua chỉnh đốn về tổ chức, nhiều TCCS đảng đã khẳng định rõ hơn vai trò và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện nhiệm vụ chính trị, bảo đảm thắng lợi của công cuộc đổi mới ở cơ sở. Cơ sở đảng được củng cố cả ở nông thôn, đường phố, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp, cơ quan, quân đội, công an. Các

* Phó tổng biên tập báo *Nhân dân*

Digitized by Google

TCCS đảng đã có những chuyển biến tích cực trong việc chỉnh đốn nền nếp sinh hoạt, giáo dục, quản lý, phát huy vai trò đội ngũ đảng viên. Nhưng nhìn chung thì sự chuyển biến, tiến bộ của các TCCS đảng không đồng đều. Các cơ sở ở nông thôn, quân đội, công an có chuyển biến khá hơn các loại hình cơ sở khác. Cơ sở đảng ở vùng sâu, vùng xa, vùng kháng chiến cũ còn nhiều khó khăn, lúng túng trong việc lãnh đạo phát triển kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân. Không ít TCCS đảng trong doanh nghiệp nhà nước còn lúng túng, bị động, bất lực trước tình trạng sản xuất kinh doanh thua lỗ, tài sản và vốn bị thất thoát, công nhân không có việc làm, cán bộ tham nhũng, mất đoàn kết, độc đoán chuyên quyền. TCCS đảng ở nhiều cơ quan và đơn vị sự nghiệp chưa làm tốt công tác giáo dục, kiểm tra, quản lý đảng viên. Việc phát huy vai trò của tổ chức đảng trong công tác chuyên môn và công tác cán bộ còn bị hạn chế. Một số cơ sở đảng thực hiện chưa tốt quy định chức năng, nhiệm vụ, quy chế hoạt động, chưa duy trì được nền nếp sinh hoạt, chưa bảo đảm chất lượng sinh hoạt. Đội ngũ cán bộ và cấp ủy cơ sở tuy được kiện toàn và thay đổi nhiều, nhưng trình độ kiến thức và năng lực lãnh đạo còn hạn chế, nhiệt tình công tác chưa cao. Chế độ, chính sách đối với cán bộ cơ sở, nhất là ở xã, phường và doanh nghiệp vẫn còn nhiều vướng mắc. Chưa làm tốt công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở.

Trước tình hình mới, trước thực trạng của các loại hình cơ sở đảng hiện nay, việc nâng cao chất lượng của các TCCS đảng và đội ngũ đảng viên là một nhiệm vụ cực kỳ quan trọng, là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên. Nâng cao chất lượng các TCCS đảng phải gắn với việc thường xuyên, liên tục đổi mới và chỉnh đốn Đảng. Phải làm cho các TCCS quán triệt đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, để ra được các chủ trương giải pháp và lãnh đạo tổ chức thực hiện tốt các nhiệm vụ phát triển kinh tế, xóa đói giảm nghèo, cải thiện đời sống người lao động, chống tham nhũng, giải quyết nguyện vọng chính đáng, thiết thực, bức xúc của nhân dân... Phải tiếp tục bổ sung, cụ thể hóa các quy định về chức năng, nhiệm vụ của TCCS đảng, bảo đảm cho nó thật sự là nền tảng, là hạt nhân chính trị của Đảng. Phải nâng cao chất lượng sinh hoạt đảng, tăng cường giáo dục, kiểm tra và quản lý đội ngũ đảng viên, phát huy dân chủ, giữ vững kỷ luật kỷ cương, đề cao tinh thần tự phê bình và phê bình, củng cố mối liên hệ mật thiết giữa tổ chức đảng và đảng viên với các tầng lớp nhân dân, xây dựng cơ chế để quần chúng tham gia xây dựng Đảng. Đẩy mạnh công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và bổ sung chế độ, chính sách cán bộ cơ sở, xây dựng đội ngũ cán bộ và cấp ủy cơ sở, đặc biệt là đội ngũ bí thư cấp ủy xã, phường ; bí thư chi bộ kiêm trưởng thôn, xóm, bản, ấp, cụm dân cư ; bí thư làm thủ trưởng doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị sự nghiệp.

Là một cơ thể thống nhất, Đảng không chỉ mạnh ở tổ chức mà còn phải mạnh ở từng người. Nâng cao chất lượng của các TCCS đảng không tách rời việc nâng cao chất lượng cán bộ, đảng viên. Đảng viên phải là người giác ngộ lý tưởng của Đảng, suốt đời phấn đấu vì lợi ích của giai cấp và dân tộc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh ; có ý thức tổ chức, kỷ luật, đoàn kết, thống nhất, có tình thương yêu đồng chí, có tri thức cách mạng, trình độ văn hóa, chuyên môn, nắm vững đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước, có khả năng làm tốt nhiệm vụ được giao. Đảng viên phải có đạo đức và lối sống lành mạnh, thường xuyên học tập để nâng cao trình độ mọi mặt. Đảng viên phải gắn bó với quần chúng, tôn trọng quyền làm chủ và lợi ích chính đáng của quần chúng. Đảng viên phải đứng về lợi ích chung, tập thể, toàn cục, đặt lợi ích của Tổ quốc và nhân dân lên trên lợi ích cá nhân.

Để nâng cao chất lượng đảng viên, trong tình hình hiện nay, phải chú trọng rèn luyện, nâng cao bản lĩnh chính trị, phẩm chất cách mạng và trình độ trí tuệ của đội ngũ đảng viên. Phải bám sát tiêu chuẩn đảng viên được quy định trong Điều lệ Đảng để rà soát, sàng lọc, phân tích chất lượng đội ngũ đảng viên, mở rộng việc phân công công tác cho đảng viên, quản lý đảng viên một cách chặt chẽ ; đồng thời phải tích cực tạo nguồn cho công tác phát triển Đảng. Trong những năm gần đây, cùng với những chuyển biến tích cực của đổi mới và chỉnh đốn Đảng, công tác phát triển đảng cũng có những tiến bộ đáng kể cả về chất lượng và số lượng. Chỉ tính riêng năm 1995 chúng ta đã kết nạp được 85 922 đảng viên, tăng hơn hai lần so với năm 1994. Năm 1996, theo số liệu chưa đầy đủ, Đảng ta có thêm 91 452 đảng viên mới. Trong tình hình mới, công tác phát triển đảng phải hướng vào công nhân, nông dân, lực lượng vũ

Digitized by Google

trang, trí thức, sinh viên, nữ, dân tộc thiểu số, tôn giáo, những nơi còn ít hoặc chưa có đảng viên ; chú trọng chất lượng, hướng vào lớp trẻ, đoàn viên thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh. Phát triển đảng phải gắn chặt với việc đưa ra khỏi Đảng những phần tử thoái hóa, biến chất, không hơn quần chúng, thậm chí thua kém quần chúng.

Cấp ủy là nơi tập trung trí tuệ của đảng bộ, chi bộ. Để nâng cao chất lượng của TCCS đảng, người tham gia cấp ủy phải là những đảng viên ưu tú của đảng bộ chi bộ, tuyệt đối trung thành với cách mạng, vững vàng về chính trị, có khả năng đóng góp vào công tác lãnh đạo, có khả năng tổ chức thực hiện, đoàn kết động viên được đảng viên và quần chúng. Thường xuyên đổi mới một bộ phận trong cấp ủy, thu hút những lực lượng mới tiêu biểu cho phong trào, kết hợp các độ tuổi để bảo đảm tính kế thừa, liên tục trong sự lãnh đạo của Đảng.

Đổi mới công tác cán bộ theo yêu cầu của tình hình mới phải tiếp tục bổ sung các quy định về phân công phân cấp quản lý cán bộ, hoàn thiện quy trình công tác cán bộ, đổi mới quan niệm và phương hướng đánh giá, bố trí để bạt cán bộ, cải tiến các chế độ chính sách cán bộ và xây dựng chiến lược cán bộ cho thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Thước đo chất lượng của các TCCS đảng là việc thực hiện nhiệm vụ chính trị. Trong điều kiện Đảng cầm quyền, nhiệm vụ chính trị của Đảng được thực hiện chủ yếu bằng nhà nước và phong trào quần chúng. Xây dựng Đảng phải gắn liền với việc xây dựng chính quyền nhà nước ; tăng cường vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng phải gắn liền với việc nâng cao năng lực quản lý của nhà nước ở cơ sở. Chính quyền ở cơ sở càng mạnh, hoạt động có hiệu lực là điều kiện đầu tiên bảo đảm hoàn thành mọi nhiệm vụ đề ra, là biện pháp cơ bản để tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với toàn xã hội. Vừa nâng cao tác dụng lãnh đạo của tổ chức đảng vừa phát huy đầy đủ quyền lực và hiệu quả quản lý của chính quyền đó là thước đo toàn diện trình độ, năng lực quản lý của tổ chức đảng ở cơ sở.

Đảng chỉ có thể được xây dựng vững mạnh trong phong trào cách mạng của quần chúng. Phong trào quần chúng là lò lửa tôi luyện, sàng lọc đảng viên, nâng cao chất lượng cán bộ, kiện toàn tổ chức đảng và củng cố chính quyền. Vì vậy, coi trọng công tác vận động quần chúng trong hoạt động cách mạng phải trở thành nhiệm vụ thường xuyên, hàng đầu của cấp ủy cơ sở. Công tác lãnh đạo và vận động quần chúng bao giờ cũng là nhiệm vụ có ý nghĩa chiến lược, là vấn đề sống còn của Đảng. Phải có chế độ, hình thức thích hợp cho quần chúng tham gia xây dựng Đảng. Các chi bộ, đảng bộ cơ sở phải định kỳ báo cáo công tác và tự phê bình trước quần chúng.

Trước tình hình mới, các TCCS đảng phải đổi mới phương thức lãnh đạo của mình. Đổi mới phương thức lãnh đạo là nhằm bảo đảm cho Đảng làm đúng chức năng lãnh đạo chính trị, phát huy hiệu lực của cơ quan chính quyền, các tổ chức kinh tế và đoàn thể chính trị - xã hội, khơi dậy, phát huy mọi tiềm năng sáng tạo của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. TCCS đảng và cấp ủy phải xây dựng chương trình hành động, hoàn thiện cơ chế hoạt động, cải tiến lề lối làm việc... Đối với chính quyền phải xác định phạm vi lãnh đạo và nhiệm vụ quản lý chính quyền ở cơ sở, hoàn thiện bộ máy, đẩy mạnh cải cách hành chính, giáo dục phẩm chất chính trị và đạo đức cho cán bộ đảng viên, sơ kết tổng kết rút kinh nghiệm để hoàn thiện hơn phương thức lãnh đạo. Cũng cần đổi mới công tác kiểm tra và kỷ luật của Đảng, bảo đảm thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, đấu tranh có hiệu quả với các biểu hiện quan liêu, tham nhũng trong bộ máy cơ quan đảng, nhà nước, đoàn thể, bảo đảm cho đường lối, nghị quyết, chính sách của Đảng, Nhà nước đi vào cuộc sống, được nhân dân tin tưởng và tích cực thực hiện.

Nâng cao chất lượng của các TCCS đảng còn phụ thuộc rất nhiều vào sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy cấp trên, đặc biệt là cấp trên trực tiếp của cơ sở.

Chất lượng của cơ sở đảng không thể tách rời việc xây dựng các TCCS đảng trong sạch, vững mạnh. Phải tiếp tục thực hiện cuộc vận động xây dựng TCCS đảng trong sạch vững mạnh, gắn với việc xây dựng chính quyền và các đoàn thể vững mạnh. Phấn đấu ngày càng có nhiều các TCCS đảng trong sạch, vững mạnh, đồng thời thu hẹp nhanh các cơ sở yếu kém ở tất cả các vùng, miền, các ngành trong phạm vi cả nước.

Với các biện pháp đồng bộ, kiên quyết, kiên trì, nhất định chúng ta sẽ nâng cao được chất lượng của các TCCS đảng, bảo đảm cho đảng bộ, chi bộ cơ sở thật sự là nền tảng và là hạt nhân chính trị của Đảng ở cơ sở.❑

Digitized by Google

XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC CÁN BỘ CHO THỜI KỲ CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA, NHÌN TỪ THỰC TRẠNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ HIỆN NAY

ĐÀO TRỌNG CẢNG * - NGUYỄN QUANG DU **

Nói đến xây dựng "chiến lược cán bộ" tức là nói đến một kế hoạch toàn cục nhằm chuẩn bị cán bộ cho suốt cả một thời kỳ cách mạng hoặc giai đoạn cách mạng, do đường lối, nhiệm vụ chính trị quy định. Nội dung của xây dựng chiến lược cán bộ bao gồm từ việc thống nhất quan điểm, chủ trương đến tạo nguồn ; tuyển chọn ; đào tạo ; xây dựng tiêu chuẩn, chức danh ; phân công, bố trí cán bộ, tổ chức thực hiện... Đây là một quá trình không tách rời với tổ chức, bộ máy và luôn luôn ở trạng thái "động" trước yêu cầu đổi mới của cuộc sống.

Nhiều năm trước đây, do chưa nhận thức hết tầm quan trọng của công tác cán bộ, chúng ta chưa xây dựng được chiến lược cán bộ theo đúng những yêu cầu và đòi hỏi của cách mạng. Trong chỉ đạo thực hiện, công tác cán bộ thường sa vào những công việc cụ thể, mang tính chắp vá. Trong lựa chọn cũng như bố trí cán bộ có lúc, có nơi chưa xuất phát từ tổ chức, từ công việc, nghiêng về các tiêu chuẩn như phẩm chất, đạo đức, nhiệt tình cách mạng, quá trình công tác mà xem nhẹ trình độ học vấn, năng lực chuyên môn nghiệp vụ, hoặc ngược lại, nhấn mạnh học vấn, coi nhẹ đạo đức... Chính vì vậy, mỗi khi chuyển giai đoạn cách mạng thì bộc lộ tình trạng : đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở các cấp phát triển thiếu đồng bộ, mặc dù nguồn cung cấp cán bộ của ta chưa bao giờ cạn.

Dưới ánh sáng đường lối đổi mới của Đảng, 10 năm qua cùng với phát triển kinh tế - xã hội, công tác cán bộ ở nước ta đã có những biến đổi đáng kể. Một số nguyên tắc, quy chế, quy trình đã được ban hành, khẳng định. Việc lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng đối với công tác cán bộ đã có sự đổi mới và được quan tâm hơn. Một thực tế được ghi nhận là, cùng với việc sắp xếp lại tổ chức, tinh giản đầu mối cho gọn nhẹ, sát với yêu cầu nhiệm vụ, chúng ta đã thay đổi và bố trí được hàng loạt cán bộ, đặc biệt cán bộ chủ chốt khi chuyển sang nền kinh tế thị trường, sản xuất hàng hóa, giao lưu mở cửa... Cơ cấu đội ngũ cán bộ ở một số ban, ngành từ trung ương đến địa phương đã có bước trẻ hóa. Tình trạng lúng túng trong công tác cán bộ đang từng bước được khắc phục. Công tác cán bộ nữ được chú ý tăng cường. Trước những biến đổi phức tạp của kinh tế thị trường, số đông cán bộ vẫn giữ vững được phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng. Trình độ học vấn, chuyên môn nghiệp vụ, đặc biệt những kiến thức về khoa học - kỹ thuật, kinh doanh, quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, pháp luật của cán bộ được nâng cao một bước. Nhiều cấp ủy đã dành thời gian, công sức cho công tác quy hoạch, đào tạo cán bộ ; số cán bộ ở nhiều ban, ngành từ trung ương đến cơ sở được cử đi học tăng nhanh, có nơi tăng 5 - 6 lần. Chỉ trong 4 năm gần đây, theo thống kê đã có gần 40 vạn cán bộ được qua đào tạo, bồi dưỡng về lý luận chính trị, quản lý nhà nước, quản lý kinh tế..., trong đó có gần 27 nghìn cán bộ đã qua đào tạo ở Học viện chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và Học viện hành chính quốc gia.

Tuy nhiên, trước yêu cầu bức bách của sự nghiệp đổi mới và phát triển đất nước, công tác cán bộ đang bộc lộ nhiều lúng túng và khó khăn. Một số đơn vị, cơ sở chưa nhận thức đầy đủ yêu cầu bảo đảm sự lãnh đạo toàn diện thống nhất của Đảng dẫn đến lúng túng giữa ổn định và đổi mới, giữa trước mắt và lâu dài trong quá trình chuẩn bị đội ngũ cán bộ, đặc biệt là nhân sự cấp

* PTS, Đảng ủy khối cơ quan trung ương về công tác tư tưởng
** PTS, Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt nam

Digitized by Google

ủy. Số cấp ủy viên có trình độ, kiến thức, năng lực lãnh đạo quản lý theo yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở cơ sở và trong các lĩnh vực kinh tế trọng yếu còn thiếu, nhất là đối với các thành phố, thị xã và các trung tâm công nghiệp. Một số nơi chưa gắn công tác nhân sự cấp ủy với kiện toàn tổ chức, sắp xếp cán bộ, chưa định hướng rõ công việc sẽ đảm nhiệm nên một số cấp ủy cơ cấu chưa hợp lý, hạn chế chất lượng lãnh đạo toàn diện của cấp ủy. Tính đến năm 1995, nhìn chung số cán bộ lãnh đạo chủ chốt có gần 70% đã đến tuổi nghỉ hưu. Chỉ tính riêng số tỉnh ủy viên đã có trên 90% vào đảng từ trước thời kỳ chống Mỹ cứu nước. Nhiệm kỳ 1996 - 2000 ở một số tỉnh tỷ lệ cấp ủy tái cử cao nên độ tuổi bình quân giảm không đáng kể (0,4 tuổi). Trong khi đó, số cán bộ trẻ có đủ các tiêu chuẩn đáp ứng được yêu cầu của tình hình và nhiệm vụ mới lại chưa nhiều, chưa được chuẩn bị đầy đủ. Phân tích mới đây ở các cơ quan ban, ngành, sở... của TP Hồ Chí Minh cho thấy, số cán bộ chủ chốt do thành ủy quản lý chỉ có 9% (trong tổng số 543 cán bộ) có độ tuổi từ 31 - 40, gần 17% đã quá tuổi nghỉ hưu.

Cấp ủy của 500 huyện, quận, thị nhiệm kỳ 1996 - 2000 bình quân tuổi đời 43,4, so với nhiệm kỳ trước tăng 0,6%. Cấp ủy xã, phường, thị trấn bình quân tuổi đời 40,9, so với nhiệm kỳ trước giảm 0,1%.

Mặc dù những năm gần đây các cấp ủy đã quan tâm hơn đến công tác giáo dục, đào tạo, song kiến thức và năng lực điều hành của đội ngũ cán bộ hiện nay vẫn còn yếu. Nhìn chung số cán bộ được đào tạo cơ bản còn ít, phần lớn là vừa học, vừa làm, chủ yếu qua các lớp tại chức, ngắn ngày. Lấy thí dụ : Tính đến năm 1995 số được học về quản lý nhà nước trong các cấp ủy tỉnh mới có 12,8% ; ở cấp huyện 10,3% ; cấp xã, phường 6,4%. Về quản lý kinh tế, con số tương ứng là 33,8%, 16,2% và 7,7%. Tại TP Hồ Chí Minh, một trong những trung tâm kinh tế - xã hội lớn của cả nước, được Trung ương trực tiếp chỉ đạo, công tác cán bộ được xem là có nhiều cố gắng, nhưng phân tích chất lượng đội ngũ cán bộ chủ chốt cấp quận, huyện chỉ có 47% cán bộ hoàn thành nhiệm vụ và vẫn còn một số mặt yếu, 10% phải thay thế do nhiều tuổi hoặc do năng lực thấp kém. Số cán bộ có trình độ học vấn cấp 1 - 2 còn tới 15%. Số cán bộ có độ tuổi dưới 35 rất ít.

Tình trạng số cán bộ chưa qua đào tạo, hoặc qua đào tạo nhưng chắp vá, hạn chế như vừa nói trên xuống đến cấp xã, nhất là các xã vùng sâu, vùng xa, vùng núi cao, vùng đồng bào dân tộc còn thấp hơn nữa. Chẳng hạn, ở tỉnh miền núi Lào cai còn 39,2% số chủ tịch xã, 53,2% số phó chủ tịch xã chưa được học lý luận chính trị ; con số tương ứng chưa được học về quản lý nhà nước là 74,6% và 84,4%.

Còn phải kể đến tình trạng sa sút về phẩm chất chính trị, đạo đức và lối sống ở một bộ phận cán bộ. Bên cạnh những biểu hiện như dao động, mất lòng tin vào chủ nghĩa xã hội, vào sự lãnh đạo của Đảng, có không ít cán bộ đã vấp ngã trước lối sống thực dụng, trước sức mạnh của đồng tiền. Đặc biệt, phải kể đến tệ tham nhũng, buôn lậu ngay cả trong một số cán bộ cấp cao. Đáng nói hơn, thực trạng trên còn chậm được khắc phục, thậm chí có nguy cơ phát triển đã để lại dư luận xấu trong nhân dân, làm nhức nhối toàn xã hội.

Có thể thấy rằng, về nhận thức cán bộ lãnh đạo các cấp hiện nay đã thấy rõ vai trò, vị trí của công tác cán bộ cũng như việc cần thiết phải quy hoạch cán bộ, xây dựng chiến lược cán bộ. Tuy nhiên, từ nhận thức, lời nói đến việc làm và trở thành hiện thực sinh động trong cuộc sống còn nhiều khoảng cách khá xa. Trên thực tế, vẫn chưa xây dựng được chiến lược cán bộ theo đúng nghĩa của từ này. Phổ biến hiện nay mới xây dựng được tiêu chuẩn chung và tiêu chuẩn cho một số chức danh, mới dừng ở việc định hướng, chưa định hình cụ thể cho từng lĩnh vực, đối tượng cán bộ.

Nhìn chung, vai trò Đảng lãnh đạo thống nhất và quản lý công tác cán bộ, mà trực tiếp là vai trò của cấp ủy chưa chặt chẽ, có nơi còn khoán trắng cho cơ quan tổ chức. Nguyên tắc của công tác cán bộ là phải từ việc, vì việc mà đặt người chưa được coi trọng, không ít nơi làm ngược lại. Sự phối kết hợp giữa tổ chức đảng với các cơ quan làm công tác tổ chức cán bộ, trong việc quản lý cán bộ còn ít hiệu quả, vừa phân tán, chồng chéo, vừa thiếu tập trung thống nhất. Nguyên tắc tập trung dân chủ đi đôi với phát huy trách nhiệm cá nhân trong công tác cán bộ chưa được phát huy để bảo đảm tính khách quan, khoa học trong tuyển chọn và bố trí cán bộ. Chính sách cán bộ, nhất là chính sách đãi ngộ, tiền lương, sử dụng và bồi dưỡng nhân tài chưa thành động lực thu hút, khuyến khích động viên cán bộ phấn đấu vươn lên cống hiến hết mình cho dân, cho nước.

Digitized by Google

Để thực sự tạo ra những biến đổi tích cực, sâu sắc trong công tác cán bộ, sớm xây dựng được chiến lược cán bộ của thời kỳ mới, thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo tinh thần Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng, chúng tôi cho rằng :

- *Thứ nhất*, công tác cán bộ cũng như xây dựng đội ngũ cán bộ gắn rất chặt với đường lối, với yêu cầu của nhiệm vụ chính trị do thực tiễn của sự nghiệp đổi mới đặt ra. Mỗi cấp, mỗi ngành phải trên cơ sở quán triệt sâu sắc đường lối, nhiệm vụ chính trị mà lập ra tổ chức. Trên cơ sở tổ chức mà xây dựng con người, xác định cần bao nhiêu cán bộ, cần loại cán bộ gì, tiêu chuẩn ra sao. Dứt khoát phải thực hiện cho được nguyên tắc từ công việc, từ tổ chức mà sắp xếp, bố trí cán bộ, chứ không phải làm ngược lại.

- *Thứ hai*, phải đổi mới quan điểm và phương pháp đánh giá cán bộ. Việc đánh giá phải thực sự công tâm, khách quan, khoa học, theo một quy trình dân chủ. Xuất phát từ yêu cầu, nhiệm vụ, căn cứ vào tiêu chuẩn cán bộ và cơ bản phải xuất phát từ kết quả, hiệu quả công việc được giao mà nhận xét, đánh giá cán bộ. Cần thực hiện và vận dụng đúng đắn quan điểm giai cấp trong công tác cán bộ để lựa chọn, đào tạo và sử dụng những người thật sự trung thành với lý tưởng của giai cấp công nhân, với lợi ích dân tộc, với sự nghiệp đổi mới. Cần xóa bỏ thái độ hẹp hòi, định kiến về lý lịch ; thành phần xuất thân ; phân biệt trong đảng, ngoài đảng để ngày càng tập hợp được rộng rãi các loại cán bộ, theo hướng thật sự trọng dụng nhân tài, những người có tâm huyết.

- *Thứ ba*, phân công, bố trí cán bộ phải lấy tiêu chuẩn cán bộ và yêu cầu công việc làm căn cứ. Có tiêu chuẩn chung và tiêu chuẩn riêng. Mỗi loại cán bộ khác nhau lại có những tiêu chuẩn khác nhau, đòi hỏi phải được cụ thể hóa. Trong tình hình mới hiện nay, Đảng ta xác định tiêu chuẩn cán bộ phải coi trọng cả 2 mặt phẩm chất và năng lực, trong đó lấy phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng làm gốc. Hiện nay, về cơ bản chúng ta đã thống nhất xây dựng được tiêu chuẩn chung. Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII) cũng như nhiều văn bản tiếp theo đã cụ thể hóa thêm một bước những tiêu chuẩn cơ bản này. Tuy nhiên, việc xây dựng tiêu chuẩn riêng cho từng chức danh ở các cấp, các ngành đến nay vẫn chưa làm được bao nhiêu.

Chính vì vậy, yêu cầu bức bách phải xúc tiến xây dựng để hoàn chỉnh tiêu chuẩn riêng cho từng chức danh phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ giai đoạn cách mạng mới. Có như vậy mới khắc phục được tình trạng đào tạo, bố trí cán bộ tràn lan ; đào tạo không gắn với quy hoạch sử dụng. Chẳng hạn, cán bộ chuyên môn, nghiệp vụ lại không được bố trí đúng lĩnh vực đào tạo. Quan niệm cứ trúng cấp ủy thì phân công phụ trách lĩnh vực nào cũng được là hoàn toàn xa lạ với sự nghiệp đổi mới.

- *Thứ tư*, trong chiến lược cán bộ, song song với xây dựng đội ngũ cán bộ cấp chiến lược vĩ mô, phải hết sức coi trọng xây dựng đội ngũ cán bộ chủ chốt ở cấp cơ sở xã. Bởi lẽ, trong hệ thống chính quyền 4 cấp ở nước ta, đây chẳng những là cấp cơ sở gần dân nhất, nơi trực tiếp tổ chức thực hiện mọi nghị quyết, đường lối chính sách của Đảng và Nhà nước mà còn là nơi cung cấp nguồn cán bộ không bao giờ cạn cho các cấp. Trên thực tế hiện nay, trình độ học vấn ; kiến thức, năng lực, hiểu biết pháp luật của đội ngũ này còn nhiều bất cập, thiếu hụt, đặc biệt cán bộ ở các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc ít người.

Cả nước ta có gần một vạn xã, nhu cầu đòi hỏi có một đội ngũ cán bộ rất lớn có trình độ. Phải chăng đã đến lúc cần có trường đại học chuyên đào tạo đội ngũ cán bộ cho cấp xã. Dẫu sao từ ý tưởng đến hiện thực còn khoảng cách khá xa. Nhưng chí ít, việc có thể làm và cần làm ngay bây giờ là rà soát, đánh giá lại thực trạng toàn bộ đội ngũ cán bộ cấp xã để có những giải pháp, chính sách thiết thực, điều chỉnh kịp thời nhằm xây dựng chiến lược cán bộ từ "gốc" đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ mới.

- *Thứ năm*, chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, xây dựng chiến lược cán bộ không tách rời với phong trào cách mạng của quần chúng. Đảng ta là Đảng cầm quyền nhưng lại là người đầy tớ trung thành của nhân dân. Do vậy, đội ngũ cán bộ của Đảng không phải ai khác cũng chính là công bộc tin cẩn của dân. Cán bộ từ nhân dân mà ra, cán bộ tốt bao giờ cũng được sản sinh từ phong trào cách mạng của quần chúng. Với ý nghĩa đó, trong bất cứ hoàn cảnh nào, giai đoạn nào của sự nghiệp cách mạng, muốn có đội ngũ cán bộ tốt phải quan tâm xây dựng phong trào quần chúng và thông qua đó mà lựa chọn, bố trí cán bộ. ❑

Digitized by Google

TỪ TRONG DI SẢN LÊ-NIN VỀ TRÍ THỨC

CHU THÁI THÀNH

CÁCH mạng Tháng Mười 1917 thắng lợi, nhân dân Xô viết bắt tay vào xây dựng một xã hội mới - xã hội xã hội chủ nghĩa. Sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội đòi hỏi nhân dân lao động phải tiến hành một loạt lao động sáng tạo lịch sử. Trong sự nghiệp vĩ đại đó không thể không có sự tham gia của tầng lớp trí thức. Vì, theo Lê-nin nếu không có sự chỉ đạo của các chuyên gia am hiểu trên tất cả các lĩnh vực kinh tế - xã hội, nhất là khoa học - kỹ thuật, thì không thể chuyển lên chủ nghĩa xã hội được. Chủ nghĩa xã hội đòi hỏi một bước tiến có ý thức và có tính quần chúng để đi tới một năng suất lao động cao hơn năng suất của chủ nghĩa tư bản, dựa trên cơ sở những kết quả mà chủ nghĩa tư bản đã đạt được. Như vậy, trí thức chính là nguồn lực khoa học - kỹ thuật, góp phần quan trọng vào việc phát triển lực lượng sản xuất lên một chất lượng mới.

Trí thức là đại biểu trí tuệ của dân tộc. Những trí thức tiến bộ, những nhà lý luận cách mạng vô sản đã góp phần thức tỉnh phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động đến một trình độ tự giác về lý tưởng. Trong xây dựng xã hội mới, với tư cách là lực lượng có trình độ học vấn cao, trí thức tham gia trực tiếp và chủ yếu vào việc nâng cao dân trí. Lê-nin đã nhiều lần chỉ ra rằng, trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, nếu giai cấp công nhân và chính đảng của nó, lôi kéo, lãnh đạo được trí thức, phát huy tài năng, trí tuệ của họ vào mọi công việc cách mạng thì cách mạng mới có thể phát triển nhanh chóng, đỡ những tổn thất do thiếu trí thức và hiệu quả của mọi công việc mới được nâng cao không ngừng. Để đạt được những thắng lợi cuối cùng của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, Ph. Ăng-ghen nói rằng, sinh thời "Mác chỉ tin tưởng vào sự phát triển trí tuệ của giai cấp công nhân, sự phát triển mà hành động chung và tranh luận chung nhất định sẽ mang lại" (1).

Ở những nước tư bản phát triển, giai cấp công nhân và chính đảng của nó chỉ có thể giành được thắng lợi từng bước nếu biết không ngừng nâng cao nhận thức của mình tương xứng với yêu cầu của xã hội hiện đại, đồng thời lôi kéo được tầng lớp trí thức theo mình. Cũng từ thực tế lịch sử mà Lê-nin đã rút ra một kết luận khoa học có tính định hướng cho tương lai : "Trước sự liên minh của các đại biểu khoa học, giai cấp vô sản và giới kỹ thuật, không một thế lực đen tối nào đứng vững được" (2). Thực tế cũng cho thấy, những kiến thức khoa học, nếu bị những kẻ có đặc quyền, những lực lượng thống trị, phản động kiềm chế và sử dụng, thì sẽ trở thành vũ khí để nô dịch quần chúng, hủy hoại nhân loại. Cho nên, cách mạng vô sản phải có nhiệm vụ giành lại vũ khí đó vì sự nghiệp giải phóng con người.

(1) C. Mác - Ph. Ăng-ghen : *Toàn tập*, Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, t 1, tr 524

(2) V.I. Lê-nin : *Toàn tập*, Nxb Tiến bộ, Mát-xcơ-va, 1977, t 40, tr 218

Digitized by Google

Trí thức có vai trò to lớn trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, vì thế, theo Lê-nin, cần thiết phải xây dựng và phát triển trí thức mới (bao gồm đào tạo trí thức mới từ công nông và cải tạo tầng lớp trí thức cũ theo hướng xã hội chủ nghĩa). Đây là một yêu cầu khách quan trong tiến trình cách mạng vô sản. Ngay từ năm 1902, khi cách mạng vô sản chưa thắng lợi, Lê-nin đã chủ trương : giai cấp vô sản phải tạo ra "tầng lớp trí thức riêng của mình" và không chỉ thế mà còn thu nạp cả những người ủng hộ mình và mọi người có học thức. Trong thời kỳ quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, việc tạo ra một tầng lớp trí thức mới là một nhiệm vụ hết sức cấp thiết. Công cuộc xây dựng và quản lý đất nước xã hội chủ nghĩa đòi hỏi phải có nhiều người có trình độ văn hóa, khoa học - kỹ thuật, năng lực quản lý cao. Cho nên, khi *Bàn về nhiệm vụ của đoàn thanh niên*, Lê-nin đã chỉ ra rằng : "Việc điện khí hóa không thể do những người mù chữ thực hiện được, mà chỉ biết chữ không thôi thì cũng không đủ... Họ phải hiểu rằng điều đó chỉ có thể thực hiện được trên cơ sở một nền học vấn hiện đại, và nếu họ không có nền học vấn đó, thì chủ nghĩa cộng sản vẫn chỉ là một nguyện vọng mà thôi" (3). Theo Người, nhiệm vụ của đoàn thanh niên nói chung và các tổ chức khác nói riêng, có thể tóm gọn bằng một từ : đó là *học tập*.

Lê-nin cho rằng, khi giai cấp công nhân đã giành được chính quyền và trong chừng mực nhiệm vụ tước đoạt những kẻ đi tước đoạt và nhiệm vụ đập tan sự phản kháng của chúng đã được hoàn thành trên những nét chủ yếu thì một nhiệm vụ cơ bản khác được *đặt lên hàng đầu*, đó là thiết lập một chế độ cao hơn chủ nghĩa tư bản, nghĩa là năng suất lao động và tổ chức lao động theo một trình độ cao hơn. Lê-nin chỉ rõ : "Việc nâng cao năng suất lao động trước hết đòi hỏi phải có cơ sở vật chất của nền đại công nghiệp" và "một điều kiện khác để nâng cao năng suất lao động, trước hết là việc nâng cao trình độ học vấn và văn hóa của quần chúng nhân dân" (4). Với chủ trương này, nhà nước Xô viết đã tiến hành một loạt biện pháp cải tiến cách mạng trong hệ thống giáo dục và đào tạo để đáp ứng yêu cầu phát triển lực lượng trí thức cho sự nghiệp kiến thiết đất nước. Thực tiễn công cuộc đổi mới và tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa ở nước ta hiện nay, càng chứng minh tính đúng đắn và cấp thiết những yêu cầu của Lê-nin về trí thức.

Trong xây dựng chủ nghĩa xã hội, Lê-nin còn đặc biệt chú trọng đến việc sử dụng các chuyên gia tư sản tài giỏi, nhằm áp dụng những phát minh mới và hiện đại nhất trên lĩnh vực khoa học kỹ thuật và quản lý để phát triển kinh tế. Lê-nin yêu cầu trong quá trình sử dụng chuyên gia, phải giữ vững nguyên tắc, có sự lãnh đạo, có định hướng, phải tạo ra xung quanh họ "một bầu không khí hợp tác, thân ái", "phải đặt họ vào hoàn cảnh như thế nào để họ không rời bỏ chúng ta", "không sợ tốn", "trả học phí thỏa đáng", nhưng "phải theo dõi và kiểm soát..." (5). Đó cũng là những vấn đề đang được Đảng ta vận dụng trong việc sử dụng chuyên gia, liên doanh liên kết, đầu tư, hợp tác nhiều mặt với nước ngoài.

Lê-nin cũng lưu ý : *trí thức không phải là giai cấp mà là một tầng lớp đặc biệt trong xã hội*. Từ vị trí của mình trong phân công lao động xã hội, trí thức không có quan hệ riêng và trực tiếp với sở hữu tư liệu sản xuất - cái dấu hiệu quan trọng nhất để xác định giai cấp - do đó không có khả năng đại biểu cho phương thức sản xuất nào, cũng không có hệ tư tưởng độc lập. Trí thức luôn gắn với những giai cấp nhất định. Với tư cách là một tầng

(3) V.I. Lê-nin : *Sđd*, t 41, tr 3 64 - 365
(4) V.I. Lê-nin : *Sđd*, t 36, tr 2 29
(5) Xem V.I. Lê-nin : *Sđd*, t 36, tr 170 - 172

Digitized by Google

lớp, và ở trong một thể chế chính trị cụ thể, trí thức nói chung là của giai cấp thống trị do hệ thống giáo dục và đường lối đào tạo của nhà nước của giai cấp thống trị ấy tạo ra. Tầng lớp này tự giác hoặc không tự giác phục vụ cho chế độ và giai cấp thống trị. Quá trình đấu tranh giai cấp và tác động nhiều mặt về lợi ích đã làm cho trí thức phân hóa thành những bộ phận khác nhau. Những bộ phận khác nhau đó sẽ ngả theo lực lượng này hay lực lượng khác, giai cấp này hay giai cấp khác. Lê-nin phê phán những ai coi trí thức là "siêu giai cấp" hoặc "đứng trên giai cấp". Người nói : "Nếu không nhập cục với một giai cấp thì giới trí thức chỉ là một con số không mà thôi" (6).

Khi bàn về *đặc điểm lao động của trí thức*, Lê-nin chỉ ra rằng, phương thức lao động của trí thức là lao động trí tuệ cá nhân. Sản phẩm lao động trực tiếp của họ là những tri thức khoa học sáng tạo, những giá trị tinh thần. Đó là những công trình khoa học và công nghệ được tạo ra trong quá trình nghiên cứu, phát minh, giảng dạy, quản lý trên các lĩnh vực khoa học xã hội ; khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật, văn học nghệ thuật. Trên các lĩnh vực đó, Lê-nin yêu cầu : "phải bảo đảm phạm vi hết sức rộng rãi cho sáng kiến cá nhân, cho khuynh hướng cá nhân, cho tư tưởng và sức tưởng tượng, cho hình thức và nội dung. Tất cả những điều đó là hiển nhiên và chỉ chứng tỏ rằng : bộ phận văn học trong sự nghiệp đảng của giai cấp vô sản không thể cùng với những bộ phận khác trong sự nghiệp đảng của giai cấp vô sản rập khuôn như nhau" (7). Lê-nin đã chỉ cho chúng ta thấy lao động sáng tạo của trí thức khác biệt nhiều so với lao động chân tay, hoặc lao động trí óc đơn giản. Mặt khác, không phải tất cả những người lao động trí óc đều là trí thức nếu như người đó chỉ có bằng cấp mà không có sáng tạo. Vì thế, đòi hỏi người trí thức phải có một tinh thần cách mạng đó là sáng tạo. Người trí thức phải sáng tạo, tìm tòi, tổng kết thực tiễn để tiếp cận chân lý.

Nói đến trí thức là nói đến lao động sáng tạo khoa học không ngừng, biết làm giàu trí óc của mình bằng tất cả tri thức nhân loại tạo ra. Nhất là khi trở thành cán bộ lãnh đạo, thì càng phải có tầm trí tuệ cao. Lê-nin đòi hỏi : "người lãnh đạo cơ quan nhà nước cần phải có ở mức độ cao, khả năng lôi cuốn mọi người và có đủ trình độ kiến thức khoa học kỹ thuật vững vàng để kiểm tra công tác của họ. Đó là điều cơ bản. Không như thế thì công tác không thể tiến hành đúng đắn được" (8). Đúng là những người lãnh đạo, càng ở những cương vị cao càng phải có tri thức, có tầm nhìn sâu rộng. Muốn vậy, theo Lê-nin, phải đặt cho mình một nhiệm vụ : *một là học tập, hai là học tập, ba là học tập mãi* và sau nữa, phải làm sao cho học thức của cả đất nước không nằm trên giấy, hoặc một lời nói *theo mốt*, mà học thức phải thật sự ăn sâu vào trí não của toàn dân và trở thành sức mạnh tiềm tàng trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Phải học và hiểu biết về mọi tri thức, bởi vì, mọi tri thức đều rất quan trọng, nhưng tri thức có tầm quan trọng hàng đầu là tri thức về khoa học tự giải phóng toàn diện và triệt để của giai cấp công nhân và toàn thể nhân loại cần lao và tiến bộ thoát khỏi mọi chế độ người áp bức, bóc lột người, dân tộc này đè nén dân tộc khác, nước này thôn tính nước khác. Trong thời đại ngày nay, đó là tri thức của chủ nghĩa Mác - Lê-nin và tư tưởng Hồ Chí Minh, cách mạng và sáng tạo, khoa học và nhân văn. Đó là *những tấm biển chỉ đường* đáng tin cậy nhất của nhân loại và dân tộc ta hôm nay và mãi mãi về sau.

Tuy nhiên, con đường tiếp cận chân lý, mở hướng tương lai thật không đơn giản. Các học

(6) V.I. Lê-nin : *Sđd*, t 1, tr 552
(7) V.I. Lê-nin : *Sđd*, t 12, tr 124
(8) V.I. Lê-nin : *Sđd*, t 45, tr 402 - 403

Digitized by Google

giả tư sản, các phần tử phản động thường xuyên bôi nhọ, xuyên tạc những quan điểm của Lê-nin về vai trò, vị trí của tầng lớp trí thức, hòng làm lu mờ sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Họ thường vin vào "những điều kiện khách quan mới", vào thời đại văn minh tin học, để từ đó cường điệu vai trò của tầng lớp trí thức, phủ nhận sự lãnh đạo của giai cấp công nhân. Họ cũng hoặc vay mượn, hoặc xào xáo lại những lý lẽ chủ nghĩa kỹ trị của giai cấp tư sản, vội vã kết luận : sự phát triển xã hội trên thế giới ngày nay không phải do cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội quyết định mà do mở rộng cuộc cách mạng khoa học và công nghệ quyết định. Từ đó, họ đi đến một nhận thức sai lầm khác là coi sự tiến bộ xã hội chỉ gắn với sự phát triển lực lượng sản xuất, xem thường vai trò của cách mạng quan hệ sản xuất, của đấu tranh giai cấp, phủ nhận tính tất yếu của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Vẫn với lý luận cũ mèm ấy, họ bảo rằng : số lượng và vai trò của giới trí thức tăng lên trong cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật đã làm cho tầng lớp trí thức có vị trí chủ đạo trong phát triển xã hội và trở thành lực lượng quyết định cải tạo thế giới. Theo họ, trong thời đại "tri thức hóa" công nhân hiện nay, trí thức đã thực sự trở thành giai cấp. Thực chất của các luận điểm này là muốn phủ định vị trí và vai trò lịch sử của giai cấp công nhân.

Lê-nin khẳng định rằng không khi nào và ở trong bất cứ xã hội nào trí thức là một giai cấp. Ranh giới của trí thức với giai cấp công nhân được xác định rõ ràng từ những đặc điểm, chức năng, đặc biệt là vị trí trong phân công lao động xã hội. Ranh giới này chỉ được xóa bỏ trong giai đoạn cao của chủ nghĩa cộng sản, trong điều kiện hiện nay chưa có thể có sự hòa nhập khi xã hội còn phân chia giai cấp và đối kháng giai cấp dưới chủ nghĩa tư bản và còn sự khác biệt giai cấp dưới chủ nghĩa xã hội. Người chỉ ra rằng, tầng lớp trí thức vẫn còn cho đến khi đạt tới giai đoạn phát triển cao nhất của xã hội cộng sản.

Từ trong di sản Lê-nin về trí thức, chúng ta đã rút ra được nhiều bài học thiết thực, bổ ích, góp phần xây dựng đội ngũ trí thức ngày càng lớn mạnh phục vụ sự nghiệp đổi mới, xây dựng đất nước. Chúng ta đã có một lực lượng lao động có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ được đào tạo tương đối lớn : trên 9000 tiến sĩ và phó tiến sĩ ; trên 800 000 người có trình độ đại học, cao đẳng ; trên 2 triệu công nhân kỹ thuật. Đây là điều kiện quan trọng cho quá trình phát triển khoa học, tiếp thu, làm chủ và thích nghi với các công nghệ nhập từ nước ngoài, kể cả công nghệ cao. Chúng ta cũng đã có 100 trường đại học và cao đẳng, hàng trăm trường trung cấp kỹ thuật và dạy nghề, gần 300 viện, trung tâm nghiên cứu triển khai làm nền móng cho sự phát triển khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo - chìa khóa mở cửa vào tương lai.

Cương lĩnh Đại hội VII của Đảng ta khẳng định rằng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức là nền tảng của khối đại đoàn kết dân tộc, của nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Chính sách đúng đắn của Đảng ta đối với trí thức qua từng thời kỳ cách mạng, mới đây nhất là Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII và Nghị quyết Trung ương 2 vừa qua, đã tạo ra một luồng sinh khí mới, một hơi thở mới trong tầng lớp trí thức ; khuyến khích họ lao động sáng tạo khoa học, cống hiến tài năng của mình vào công cuộc xây dựng đất nước. Văn kiện Đại hội lần thứ VIII của Đảng ghi rõ : "Đối với *tầng lớp trí thức*, tạo điều kiện thu nhận thông tin, tiếp cận với các thành tựu mới của khoa học và văn hóa thế giới, nâng cao kiến thức chuyên môn, trình độ chính trị ;

(Xem tiếp trang 42)

Digitized by Google

Về vấn đề
"PHÁT TRIỂN VƯỢT CẤP" TRONG LÝ LUẬN TIẾN BỘ XÃ HỘI MÁC XÍT

PHẠM VĂN CHÚC*

Như chúng ta đều biết, sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười vĩ đại năm 1917, Lê-nin bắt tay xây dựng và thực hiện cương lĩnh quá độ lên chủ nghĩa xã hội từ nước Nga với chủ nghĩa tư bản mới chỉ phát triển không cao ở khu vực thành thị và nền sản xuất tiểu nông gia trưởng vẫn còn tràn ngập khắp các vùng nông thôn lạc hậu, nghèo nàn. Đồng thời, Người cũng dành sự quan tâm to lớn cho phong trào cách mạng ở phương Đông và đã đi đến kết luận nổi tiếng, từng khích lệ hàng triệu người dân bị áp bức : các nước lạc hậu có thể "tiến tới chủ nghĩa cộng sản không phải trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa", nếu được giai cấp vô sản ở các nước tiên tiến giúp đỡ và có chính đảng vô sản trong nước lãnh đạo. Chính tại điểm này ngày nay đã xuất hiện một số "khó khăn" nhất định nào đó về mặt lý luận, khi tình hình thực tế có những đổi thay tiêu cực, đột ngột. Chẳng hạn, có ý kiến cho rằng, với thực trạng chủ nghĩa xã hội sụp đổ ở Liên xô và các nước Đông Âu kéo theo hậu quả là phe xã hội chủ nghĩa cũng không còn nữa, thì dường như sự "bỏ qua" bị thiếu hẳn điều kiện "bên ngoài", do đó sẽ không thể thực hiện được...

Thật ra vấn đề là ở chỗ, Lê-nin thường buộc phải ưu tiên hơn và tập trung trước hết vào giải quyết những nhiệm vụ mới mẻ do thời đại của mình đặt ra ; đó là những nhiệm vụ sống còn, cấp bách, nóng bỏng xuất hiện sau thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Do đó, từ bối cảnh thuận lợi là nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên, thành trì của cách mạng thế giới đã ra đời, rõ ràng Lê-nin đề cập vấn đề "bỏ qua chủ nghĩa tư bản đi thẳng lên chủ nghĩa xã hội" chủ yếu từ góc độ chính trị - thực tiễn trực tiếp cụ thể. Nói cách khác, Người chỉ quan tâm chú trọng nêu lên những tiền đề cần và đủ cho sự "bỏ qua" này, mà chưa đi xa hơn vào việc luận chứng riêng cho tính tất yếu và cơ sở của việc hiện thực hóa khả năng ấy trong trường hợp chung tổng quát của sự phân tích lý luận - khoa học là nó xảy ra lần đầu tiên trên thế giới.

Tuy nhiên, dù sao vẫn có thể khẳng định ngay rằng, đối với những nội dung cơ bản có tính nguyên tắc của học thuyết Mác, trong đó có vấn đề con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, hơn ai hết Lê-nin luôn thấm nhuần sâu sắc và giữ lập trường vừa khẳng định vừa sáng tạo. Thực vậy, khó có thể cho là về vấn đề đã nêu ở đây Người không biết tới ý tưởng đặc sắc độc đáo của nhà dân chủ cách mạng Nga vĩ đại Séc-nư-xép-xki đề cập đến khả năng nước Nga có thể và cần phải bỏ qua những mặt xấu xa tội lỗi của chủ nghĩa tư bản trong quá trình đi lên. Lê-nin cũng không thể không biết tới cuộc tranh luận giữa các nhóm phái cấp tiến Nga nổ ra vào những thập kỷ 70 - 80 thế kỷ trước về hệ quả chính trị của việc áp dụng chủ nghĩa duy vật lịch sử vào xem xét triển vọng đất nước mình và nhất là về khả năng bỏ qua chủ nghĩa tư bản đi thẳng lên chủ nghĩa cộng sản. Ngoài ra, với tư cách là người đọc Mác và hiểu Mác sâu sắc nhất, Lê-nin chắc chắn phải biết rõ ý kiến của chính vị sáng lập ra chủ nghĩa xã hội khoa học về chủ đề này nói riêng. Chính Mác và Ăng-ghen cũng đã đưa ra những ý tưởng về vấn đề phát triển xã hội bỏ qua một hay một số giai đoạn lịch sử nhất định nói chung. Những ý tưởng này đã được hai ông trình bày ngay từ nửa đầu những năm 40, tức là không muộn hơn thời điểm đề xuất quan niệm duy vật lịch sử với phạm trù hình thái kinh tế - xã hội là nền tảng và then chốt...

* PTS triết học

Digitized by Google

Vậy tư tưởng của Mác - Ăng-ghen về khả năng "bỏ qua" trong sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội có nội dung như thế nào ? Hai ông đã luận chứng tính tất yếu, điều kiện và cơ chế hiện thực hóa khả năng đó ra sao ?

Khi đi ngược dòng lịch sử khảo cứu các xã hội tiền tư bản chủ nghĩa, Mác và Ăng-ghen rất chú ý tới bước chuyển của một số cư dân ở địa bàn Tây Âu từ chế độ nô lệ sang chế độ phong kiến. Hai ông thấy rằng, không phải bản thân người La mã vốn từ lâu đã đạt tới giai đoạn cực thịnh của chế độ nô lệ tự thân thực hiện bước chuyển này, mà người Giéc-manh "ngoại tộc" còn đang trong thời kỳ công xã - thị tộc - bộ lạc từ vùng giáp biên cương tràn sâu vào trung tâm đế quốc La mã cổ đại mới là chủ thể trực tiếp của quá trình đó. Xét kỹ hơn thì thấy, ở đây chính mối quan hệ qua lại và tác động lẫn nhau giữa hai tộc người ở hai trình độ kinh tế - xã hội cách biệt này đã tạo ra động lực nội sinh thúc đẩy toàn bộ cộng đồng liên hiệp của họ tiến lên một trình độ mới cao hơn trước. Mối quan hệ và tác động qua lại lẫn nhau đó được thực hiện trong một không gian rộng lớn và thời gian xã hội lâu dài, chỉ ở những thời điểm nhất định nào đó của cả quá trình hòa nhập mới sử dụng biện pháp bạo lực quân sự, chinh phạt.

Trình độ kinh tế - xã hội mới thứ ba được cả hai tộc người cùng tiếp nhận, tức chế độ phong kiến, tuy đối với người Giéc-manh là "cái mới vượt cấp", nhưng đối với người La mã lại chỉ là "cái mới nguyên cấp" tuần tự kế tiếp trong bảng trình tự các hình thái kinh tế - xã hội. Còn đối với cả cộng đồng Giéc-manh - La-mã thì chế độ phong kiến đó là "cái mới biện chứng" với tính cách kết quả của sự đột phá và nhảy vọt về chất, là phương thức tổ chức mọi mặt đời sống xã hội tất yếu duy nhất thích ứng với trạng thái chất lượng và hệ thống - cấu trúc mới của chỉnh thể cộng đồng. Nảy sinh trong điều kiện lịch sử cụ thể và theo con đường đặc thù như vậy, hình thái kinh tế - xã hội phong kiến ở Tây Âu không phải là sản phẩm lô-gic trừu tượng của riêng sự phát triển chế độ nô lệ La mã, hay chế độ công xã thị tộc - bộ lạc Giéc-manh được xem xét một cách đơn lẻ biệt lập thuần túy. Nó cũng không phải là con số cộng máy móc đơn giản của hai kiểu chế độ xã hội này. Trái lại, nó là đứa con đẻ đầy sức sống của lịch sử phát triển các hình thái kinh tế - xã hội toàn khu vực tại thời điểm mà lịch sử ấy, với nguồn lực cộng hưởng từ cả hai hình thái xã hội tuy có trình độ khác nhau nhưng lại vẫn song tồn đồng đại, nói chung đã đạt tới trình độ đủ chín muồi để có thể và buộc phải phủ định chế độ chiếm hữu nô lệ. Trong thực tế, phương thức sản xuất phong kiến là sự tích hợp và tổng hợp hữu cơ biện chứng hai thành tố chủ yếu : lực lượng sản xuất có tính xã hội hóa và trình độ phân công lao động phát triển cao của người La mã, và quan hệ sản xuất hợp lý được cải biến tái cấu trúc từ nguyên mẫu kiểu tổ chức quân sự (comitatus) của người Giéc-manh(1). Thông qua cơ chế lọc loại, tuyển lựa và kết nối đồng hóa ấy, bước phát triển xã hội vừa là tuần tự kế tiếp đối với dân tộc này lại vừa là bỏ qua cách quãng đối với dân tộc khác đã được thực hiện.

Về trường hợp cụ thể của nước Nga đương thời, như đã được biết đến khá rộng rãi, Mác - Ăng ghen cũng chỉ ra những điều kiện khách quan cho phép nó có thể bỏ qua CNTB tiến thẳng lên CNCS. Trong số những điều kiện này, ngoài vị thế hùng mạnh và nền độc lập tự chủ hiển nhiên của đế chế Nga là yếu tố làm cho nó khác hẳn Ấn độ và Trung quốc, thì hai ông quan tâm rất nhiều tới hình thái sở hữu sản xuất kinh tế "công xã" khá phổ biến ở nông thôn Nga. Và Mác - Ăng ghen dự kiến rằng, nó có thể dung hợp được với một nền sản xuất đại công nghiệp như ở các nước Tây Âu, nhờ đó trong tương lai sẽ trở thành điểm tựa cho sự nghiệp phục hưng đất nước có tiềm năng vĩ đại này...

Cũng về vấn đề phát triển "bỏ qua" nhưng ở mức độ thấp hơn, Mác - Ăng ghen còn chú ý tới trường hợp do quan hệ tác động qua lại giữa các dân tộc, quốc gia mà nơi lạc hậu hơn có thể tiến nhanh, đuổi kịp và vượt nơi tiên tiến hơn. Chẳng hạn, do ảnh hưởng của nước Anh mà ở nước Đức nửa phong kiến mâu thuẫn giai cấp vô sản - tư sản đã sớm xuất hiện và trở nên gay gắt. Hoặc trong quan hệ với

(1) Xem C.Mác - Ph. Ăng ghen : Tuyển tập, Nxb Sự thật, Hà nội, 1980, t1, tr 272 - 273, 354, 356 - 357 ; Crane Brinton... *Văn minh phương tây*, Nxb Văn hóa - thông tin, Hà nội, 1994 tr 123 - 124

Digitized by Google

nước Anh mà CNTB ở Bắc Mỹ, nơi vẫn còn tàn dư của quan hệ nô lệ, phát triển nhanh chóng và đạt tới trình độ hiện đại điển hình hơn. Còn trước đó, do sự xâm lăng của người Nooc-măng-đi mà ở Anh đã có được hình thức hoàn bị nhất của chế độ phong kiến, kể cả so với quê hương cũ của kẻ chinh phục...

Bước phát triển vượt cấp trong tiến trình lịch sử như trường hợp người Giéc-manh đã được phân tích ở trên, theo lý luận tiến bộ xã hội của Mác, không chỉ là tất yếu hợp lý, mà còn là không đơn nhất cá biệt. Bởi vì, từ thực chất và chiều sâu tinh thần duy vật biện chứng của bản thân học thuyết mác xít về hình thái kinh tế - xã hội có thể thấy rằng, tiến trình phát triển chung tất yếu, tuần tự kế tiếp với quy mô không gian và thời gian, toàn bộ lịch sử thế giới không hề loại trừ, mà trái lại còn bao hàm cả những bước chuyển độc đáo bất ngờ, vượt bỏ cách quãng ở từng thời đoạn lịch sử, từng khu vực địa lý - chính trị và từng dân tộc quốc gia cụ thể. Nhưng để phân biệt luận đề này với lối cắt nghĩa giản đơn hời hợt mang sắc thái chủ nghĩa tương đối và hư vô về lịch sử, cần chú ý thêm đến một số điểm sau :

- Xã hội loài người như một hệ thống thế giới chỉnh thể thống nhất thì không thể bỏ qua hẳn bất kỳ một hay một số hình thái nào. Song ở mỗi dân tộc như một "phân hệ" hợp thành không tách rời tuyệt đối các "phân hệ" khác thì điều đó hoàn toàn có thể xảy ra, và như thực tế cho thấy, đã thường xảy ra trong tiến trình lịch sử.

- Tuy vậy, cơ hội "bỏ qua" này có điều kiện, mức độ giới hạn và xác định chứ không phải là vô hạn và vô định. Hình thái bị "bỏ qua" chỉ có thể là cái mà xét trong cả "hệ thống" thì đã có hoặc đã bắt đầu trở nên quá thời. Không thể xảy ra khả năng phi thực tế đến mức "bỏ qua" ngay cả một hình thái tiên tiến hơn, khi mà nó chưa từng bao giờ và chưa từng ở đâu kịp hiện diện, hay thậm chí đã xuất hiện nhưng chưa đạt tới trình độ chín muồi đầy đủ của mình.

- Như vậy, một mặt sự "bỏ qua" có tính tương đối, vì chỉ xảy ra đối với cấp "phân hệ", và trình độ mới đạt tới không phải tùy tiện mà chịu sự qui định ràng buộc chung phức hợp của cả hệ thống. Theo ý nghĩa đó, nó có thể là vượt "đơn cấp" hoặc "đa cấp" mà không phá vỡ hay làm "loạn nhịp" tiến trình tuần tự kế tiếp vĩ mô của các hình thái. Trái lại, đây chính là bằng chứng sinh động vừa khẳng định tính quy luật hiện thực khách quan của phát triển và tiến bộ xã hội, vừa bác bỏ cách nhìn cứng nhắc, giáo điều, định mệnh chủ nghĩa về lịch sử. Nhưng mặt khác, nếu mở rộng khả năng "bỏ qua" ra cả chỉnh thể thế giới, hay gán nó cho một dân tộc, quốc gia, khu vực cô lập, phi không gian hệ thống và phi thời gian lịch sử nào đó, thì đấy chính là sự ngộ nhận duy ý chí về cú nhảy không tưởng đến tương lai mà đôi khi trong thực tế chỉ là bước lùi về những trạng thái quá khứ đã bị lịch sử vượt qua.

- Phát triển "bỏ qua", vượt cấp trong tiến bộ xã hội nói chung là kết quả biện chứng của mối quan hệ giữa cái chung và cái riêng, cái phổ biến và cái đặc thù, giữa lịch sử thế giới và lịch sử dân tộc, giữa toàn cầu và khu vực, quốc tế và quốc gia, giữa cả quá trình lịch sử và từng thời kỳ, thời đại lịch sử... Theo đó, những "hệ quy chiếu" xem xét vừa khác nhau vừa bổ sung cho nhau về cùng một đối tượng hiện thực cho thấy lịch sử thể hiện ra, một mặt theo trình tự hình thái mẫu mực điển hình đơn tuyến trừu tượng, mặt khác dường như là một "bức tranh lập thể" đa sắc màu sống động. Ở đây, xu hướng phát triển phổ biến tự mở đường xuyên qua vô số bước đi cụ thể bất ngờ đa dạng, và được thực hiện thông qua những "cuộc chạy tiếp sức" phi tuyến tính với cả "độ chênh gia tốc" xuất phát lẫn độ "dư quán tính" về đích, cả bứt phá lẫn tụt hậu, cả cộng hưởng lẫn loại trừ, cả kế thừa lẫn phủ định... giữa các dân tộc, quốc gia, khu vực và thời đại lịch sử.

- Phát triển vượt bỏ cách quãng, hay kế tiếp thông thường hoàn toàn không phải là những "đối án" song hành tách rời nhau. Trái lại, trong tầng chìm sâu của kết cấu xã hội và từ mạch ngầm quán xuyến suốt chiều dài dòng chảy lịch sử chúng giao cắt và thống nhất với nhau bởi tính qui luật hình thái tổng quát. Xét trong cả hệ thống thế giới nói chung, xã hội lạc hậu hơn tìm thấy một số tiền đề hiện thực cho khả năng phát triển "bỏ qua" ở chính xã hội tiên tiến hơn nhưng đồng đại và có quan hệ với nó. Còn xã hội thứ hai này một khi đạt đến độ chín

Digitized by Google

muồi tột đỉnh của hình thái mà vẫn chưa tự "lột xác" nổi, thì sẽ phát tán xung lực tích tụ tới hạn của nó ra toàn hệ thống, kích thích và cùng với xã hội kia vượt lên trình độ thứ ba cao hơn.

- Tóm lại, thực chất của phát triển xã hội vượt cấp là ở chỗ, một dân tộc, quốc gia lạc hậu trong thời gian ngắn có thể tăng tốc, đi tắt đón đầu để bắt kịp hay vượt trước dân tộc, quốc gia tiên tiến nhất cùng thời, từ đó mở ra một giới hạn mới cao hơn cho phát triển và tiến bộ của toàn hệ thống thế giới nói chung. Đó là một dạng tiềm năng xã hội hoàn toàn hiện thực, khách quan mà tính khả thi của nó đòi hỏi phải hội đủ các điều kiện thiết yếu là : xuất hiện trên thế giới một thể cộng đồng liên kết dân tộc, quốc gia nào đó nhất định ; trong hệ thống này đại diện của kiểu hình thái cao nhất cũng đã phải đạt tới trình độ phát triển thuần thục của nó, còn đại diện của kiểu hình thái thấp hơn để có thể trở thành chủ thể của bước chuyển vượt cấp phải giữ được sự tồn tại độc lập tự chủ của mình, thậm chí còn phải chiếm ưu thế áp đảo - chẳng hạn, về mặt chính trị - quân sự - trong tương quan liên hệ thống. Hơn nữa, nó cũng phải có sẵn trong hạ tầng cơ sở kinh tế - xã hội của mình một số thể chế, thiết chế và quan hệ đặc thù đủ sức đứng vững, hòa nhập, tái sinh và bức xạ mạnh mẽ tính ưu việt tích cực trong toàn bộ kết cấu chung của xã hội tiến bộ hơn trong tương lai.

Những luận điểm mác xít trên đây về bản chất, nội dung, điều kiện và cơ chế của "phát triển vượt cấp" trong tiến bộ xã hội nói chung, bỏ qua chủ nghĩa tư bản tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội nói riêng, đang trực tiếp soi sáng sự nghiệp đổi mới của chúng ta. Từ lý luận của Mác hướng đến thực tiễn Việt nam ngày nay có thể rút ra một số nhận xét bước đầu :

Thứ nhất : Chủ nghĩa tư bản hiện đại mặc dù đang và có thể sẽ vẫn còn có những sự tăng trưởng mới về mặt định lượng, nhưng từ nhiều thập kỷ nay, về mặt định tính hình thái vĩ mô đã bộc lộ những hạn chế cốt tử hiển nhiên ngay trong bản thân cấu trúc kinh tế - xã hội nền tảng của nó. Hơn nữa, từ cột mốc chói lọi Cách mạng Tháng Mười Nga vĩ đại năm 1917, trong 80 năm qua nhân loại đã bước hẳn vào một thời đại mới với định hướng không thể đảo ngược được bất chấp mọi thăng trầm của lịch sử, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Như vậy, cho dù không hề có sự đối sánh của "phản đề" xã hội chủ nghĩa, thì mô hình mục tiêu tư bản chủ nghĩa tự nó mất đi tính hấp dẫn đã có một thời và trở nên quá chật hẹp xét trong tầm với hiện thực cũng như triển vọng có thể bao quát hoạch định của mọi cương lĩnh phát triển xã hội năng động, cấp tiến, thức thời. Đối với những nước đang phát triển, trong đó có Việt nam chúng ta, rõ ràng tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chủ nghĩa tư bản là phương án phát triển hợp quy luật tối ưu, là cơ hội vàng quý báu không phải trả giá bởi khổ hình vượt qua "cửa ải Cô-đi-um" mà lịch sử chỉ đưa lại vào những thời điểm nhất định (Mác).

Thứ hai : Như Đảng ta đã nhận định, một trong những đặc điểm nổi bật của tình hình thế giới và một trong những xu thế chủ yếu của quan hệ quốc tế ngày nay là : quá trình quốc tế hóa nền kinh tế và đời sống xã hội được đẩy mạnh ; các quốc gia tham dự ngày càng nhiều vào quá trình hợp tác và liên kết khu vực cũng như quốc tế về kinh tế, thương mại và nhiều lĩnh vực hoạt động khác(2)... Trong bối cảnh khách quan này, ngoài những nguy cơ nhãn tiền của chủ nghĩa thực dân mới, của "diễn biến hòa bình", của "đế quốc thông tin"..., thì dẫu sao cũng đã có thêm điều kiện thuận lợi cần thiết để Việt nam hội nhập hệ thống thế giới ở mọi cấp độ (khu vực, liên châu lục, toàn cầu), mọi hình thức (song phương, đa phương), mọi lĩnh vực (chính trị, quân sự, kinh tế, thương mại, văn hóa, xã hội)... Từ hội nhập, chúng ta sẽ tranh thủ hấp thu được những "đợt sóng xung kích" tích cực bổ sung từ bên ngoài ; chúng sẽ phối kết hợp và cộng hưởng với mọi nguồn lực vốn có bên trong, tạo thành sức đẩy tăng tốc đưa đất nước và dân tộc tiến vượt cấp lên trình độ xã hội chủ nghĩa hiện đại văn minh.

Thứ ba : Để tận dụng được hết điều kiện khách quan thuận lợi bên ngoài chúng ta đồng thời phải chuẩn bị tốt điều kiện bên trong. Đặc biệt, cần tập

(Xem tiếp trang 46)

(2). Xem *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1996, tr 76 -77

Digitized by Google

NGHỆ THUẬT QUÂN SỰ CỦA CHIẾN TRANH NHÂN DÂN VIỆT NAM TRONG CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ

XUÂN THẠCH

TRONG lịch sử chống ngoại xâm, dân tộc ta luôn luôn phải đương đầu với các thế lực thù địch to lớn và hung bạo, nên đã sớm hình thành và phát triển truyền thống tốt đẹp "cả nước chung sức, trăm họ là binh" và xây dựng "thế trận làng nước" để chống ngoại xâm. Nhờ vậy, cha ông ta đã tiến hành thắng lợi những cuộc khởi nghĩa và chiến tranh thực sự mang tính nhân dân để giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc.

Trong 2 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, Đảng ta và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kế thừa và phát huy mạnh mẽ truyền thống đánh giặc chống ngoại xâm của dân tộc ta, vận dụng sáng tạo học thuyết quân sự của chủ nghĩa Mác - Lê-nin vào thực tiễn nước ta, để ra đường lối chiến tranh nhân dân và lãnh đạo nhân dân ta tiến hành cuộc chiến tranh toàn dân, toàn diện và phát triển nó lên một đỉnh cao mới, nhất là trong cuộc kháng chiến chống Mỹ.

Chiến tranh nhân dân Việt nam trong thời kỳ chống Pháp đã phát triển phong phú, nhưng đến thời kỳ chống Mỹ lại có sự phát triển hơn nữa. Đó là vì : Đảng, nhân dân và quân đội ta đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm trong cuộc kháng chiến chống Pháp và đến thời kỳ chống Mỹ lại phải giải quyết nhiều vấn đề nảy sinh từ cuộc chiến tranh cách mạng chống chiến tranh xâm lược thực dân kiểu mới, chống lại kẻ địch có tiềm lực quân sự, khoa học kỹ thuật cao và có nhiều âm mưu thủ đoạn thâm độc hơn.

Đặc trưng của chủ nghĩa thực dân kiểu mới là giương lên ngọn cờ "quốc gia giả hiệu", dấu mặt trá hình, mua chuộc bằng mọi thủ đoạn. Nhưng điều đó ít có hiệu quả, nên buộc Mỹ phải thi hành chính sách bình định, gom dân lập ấp chiến lược hết sức tàn bạo để kiểm soát nhân dân.

Đế quốc Mỹ có tiềm lực kinh tế, quân sự đồ sộ, lớn hơn ta gấp bội, có khoa học kỹ thuật tiên tiến, có đội quân nhà nghề với số lượng đông lại được trang bị hiện đại và được huấn luyện chính quy. Trong cuộc chiến tranh xâm lược miền Nam nước ta, Mỹ còn tổ chức ra một đội quân tay sai đông hàng triệu tên làm nhiệm vụ tác chiến chiến lược bên cạnh đội quân viễn chinh của chúng.

Với quân đông, bom đạn nhiều, vũ khí và phương tiện chiến tranh hiện đại, lại lắm tiền, nhiều của, đế quốc Mỹ có nhiều cách đánh phá ta, sử dụng nhiều thủ đoạn tác chiến chiến lược tàn bạo, nhất là kết hợp sức mạnh hủy diệt của bom đạn cùng với các thủ đoạn chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội hết sức thâm độc.

Nhân dân ta tiến hành cuộc chiến tranh chống xâm lược Mỹ trong hoàn cảnh miền Bắc đã được giải phóng, nhà nước Việt nam dân chủ cộng hòa được củng cố, quân đội được xây dựng ở miền Bắc nhưng còn gặp nhiều khó khăn như : kinh tế nghèo nàn, kỹ thuật lạc hậu lại vừa ra khỏi cuộc kháng chiến chống Pháp, vết thương chiến tranh chưa kịp hàn gắn.

Ở miền Nam, lực lượng vũ trang đã tập kết ra miền Bắc, nên trong thời gian đầu phải từ cơ sở chính trị mà phát triển lực lượng vũ trang, phải đi từ đấu tranh chính trị lên đấu tranh vũ trang, từ khởi nghĩa từng phần lên chiến tranh cách mạng.

Nhìn chung trong toàn bộ cuộc kháng chiến chống Mỹ, ta phải "lấy ít địch nhiều, lấy nhỏ thắng lớn", lấy thô sơ (thời gian đầu) và tương đối hiện đại (thời gian sau) chống lại hiện đại.

Quy luật của mọi cuộc chiến tranh là mạnh được, yếu thua, chứ không có một sự tình cờ nào cả. Vì vậy, muốn thắng được đế quốc Mỹ, Đảng ta - người lãnh đạo chiến tranh phải biết dựa vào từ cái ít, cái nhỏ, cái thô sơ và cái tương đối hiện đại của ta để tạo ra sức mạnh to lớn hơn sức mạnh của cái nhiều, cái lớn, cái hiện đại của địch. Đây là điều khó, nhưng cũng chính từ đó mà Đảng ta đã có nhiều sáng tạo hết sức phong phú trong lãnh đạo chiến tranh làm sáng ngời bản chất cách mạng và khoa học của Đảng ta.

Digitized by Google

Đảng ta luôn khẳng định : cách mạng là sự nghiệp của quần chúng. Vì thế, trong chiến tranh cách mạng Đảng thường xuyên chăm lo giác ngộ quần chúng và không ngừng phát huy vai trò của họ.

Quan điểm của Đảng ta về sức mạnh trong chiến tranh là sức mạnh tổng hợp của nhiều yếu tố : chính trị, tinh thần, tổ chức, con người, vũ khí, kỹ thuật, cách đánh của lực lượng vũ trang và hình thức đấu tranh của quần chúng nhân dân. Khi biết kết hợp chặt chẽ các yếu tố trên đây thành một chỉnh thể thống nhất thì sẽ tạo thành sức mạnh to lớn. Chìa khóa để tạo ra sức mạnh trong chiến tranh là phát huy cao độ sức mạnh tổng hợp của chiến tranh nhân dân. Đây là quan điểm cơ bản của Đảng ta mà trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước quan điểm này cũng được thể hiện rõ. Sức mạnh tổng hợp đó đã được khai thác từ tinh thần yêu nước của nhân dân ta ; từ tính chất chính nghĩa của cuộc chiến tranh chống xâm lược ; từ cuộc đấu tranh chống lại kẻ địch trên mọi lĩnh vực : chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội ; từ cộng hưởng sức mạnh của cả dân tộc, của lực lượng vũ trang và của quần chúng nhân dân với sức mạnh của thời đại... Đó là một cuộc chiến tranh toàn dân và toàn diện.

Trong cuộc chiến tranh này không phải chỉ dựa vào quân đội để tiến hành chiến tranh mà còn tổ chức và động viên toàn dân đánh giặc. Lực lượng vũ trang không phải chỉ có quân đội mà là 3 thứ quân : bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích làm nòng cốt cho toàn dân đánh giặc. Trong cuộc chiến tranh này, mỗi người dân là một chiến sĩ, mỗi làng xã là một pháo đài, mỗi chi bộ đảng là một bộ tham mưu.

Từ quan điểm khoa học về phát huy sức mạnh tổng hợp, Đảng ta đã khẳng định rằng : phương pháp cách mạng ở miền Nam, những vấn đề có tính quy luật của chiến tranh cách mạng với hai lực lượng : lực lượng chính trị của quần chúng và lực lượng vũ trang nhân dân ; tiến hành khởi nghĩa từng phần ở nông thôn và từ khởi nghĩa phát triển thành chiến tranh cách mạng ; nổi dậy và tiến công, tiến công và nổi dậy ; đánh địch trên cả 3 vùng chiến lược : rừng núi, nông thôn đồng bằng và đô thị ; đánh địch bằng 3 mũi giáp công : quân sự, chính trị, binh vận ; kết hợp chiến tranh du kích với chiến tranh chính quy ; kết hợp đánh lớn, đánh vừa, đánh nhỏ ; thực hiện làm chủ để tiêu diệt địch, tiêu diệt địch để giành quyền làm chủ ; nắm vững phương châm chiến lược đánh lâu dài, đồng thời biết tạo thời cơ và nắm thời cơ, mở những trận tiến công chiến lược làm thay đổi cục diện chiến tranh, tiến lên thực hiện tổng tiến công và nổi dậy đè bẹp quân địch để giành thắng lợi cuối cùng. Tất cả những hình thức và phương pháp này là một thể thống nhất có quan hệ với nhau, tạo nên chiến lược tổng hợp và nghệ thuật quân sự của chiến tranh nhân dân Việt nam. (Báo cáo chính trị của Ban chấp hành trung ương Đảng tại Đại hội IV).

Đó là phương pháp cách mạng miền Nam và cũng là cách đánh chiến lược của chiến tranh nhân dân Việt nam trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

Có thể nói, việc sử dụng và phát huy sức mạnh tổng hợp một cách sâu sắc các lực lượng, các hình thức và biện pháp đấu tranh là nét nổi bật xuyên suốt trong cuộc kháng chiến chống Mỹ và so với thời kỳ chống Pháp có sự phát triển lên đỉnh cao mới.

Trong cuộc chiến tranh không có một hoạt động quân sự nào về chiến lược cũng như chiến dịch và từng trận đánh lại thiếu sự kết hợp các lực lượng, các hình thức và biện pháp đấu tranh nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp để chiến thắng kẻ thù. Dĩ nhiên, trong từng thời gian và không gian khác nhau trong quá trình phát triển của cuộc chiến tranh, việc sử dụng lực lượng, hình thức và biện pháp đấu tranh cũng có khác nhau.

Khi mà lực lượng vũ trang chưa mạnh thì lấy đấu tranh chính trị là chính, có đấu tranh vũ trang hỗ trợ, dần dần tiến lên đấu tranh chính trị quân sự song song. Khi lực lượng vũ trang đã mạnh lên, chiến trường đòi hỏi những trận tiêu diệt lớn để làm thay đổi tương quan lực lượng, cục diện chiến tranh thì vai trò của đấu tranh quân sự trở thành quyết định, nhất là ở giai đoạn cuối của cuộc chiến tranh.

Đánh địch trên cả 3 vùng chiến lược : rừng núi, nông thôn đồng bằng, đô thị là điều không thể thiếu trong bất cứ thời kỳ nào của cuộc chiến tranh, nhưng đánh mạnh, đánh lớn ở vùng nào thì tùy thuộc vào tương quan lực lượng giữa ta và địch ở từng vùng trong quá trình phát triển của cuộc chiến tranh. Trong thời kỳ đầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ, ta đánh mạnh quân địch ở vùng rừng núi, tiếp đến là vùng nông thôn đồng bằng và cuối cùng là đánh mạnh vào đô thị, buộc địch phải đi đến một giải pháp chính trị đối với cuộc chiến tranh như cuộc tổng tiến công và nổi dậy tết Mậu Thân năm 1968, hay kết thúc chiến tranh như cuộc Tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân năm 1975.

Thời kỳ đầu của cuộc chiến tranh khi mà lực lượng ta còn nhỏ bé thì cuộc chiến đấu giữa ta và địch diễn

Digitized by Google

ra bằng các trận đánh giữa đôi bên, hay cao hơn là vài trận đánh liên tiếp (thường gọi là đánh bồi, đánh nhồi). Khi lực lượng ta đã mạnh lên thì cuộc chiến đấu giữa ta và địch diễn ra chủ yếu bằng các đợt hoạt động, bằng các chiến dịch từ nhỏ đến lớn.

Sự chỉ đạo của quan điểm tổng hợp của chiến tranh nhân dân ở các trận đánh, các chiến dịch của ta trong cuộc kháng chiến chống Mỹ mang tính tổng hợp rất cao. Khi nói từng trận chiến đấu là nói đến chiến thuật. Chiến thuật là lĩnh vực đấu tranh trực tiếp với kẻ địch trên chiến trường,trong từng trận đánh.

Trong các cuộc kháng chiến, về cơ bản có mấy hình thức chiến thuật là : tiến công, phản công và phòng ngự. Nhưng trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, do địch có nhiều phương tiện chiến tranh, nhiều quân binh chủng, nhiều thủ đoạn tác chiến, nên ta phải vận dụng, sáng tạo nhiều hình thức chiến thuật mới để đánh bại các chiến thuật của chúng. Ta thường phải đánh bộ binh, cơ giới, trận địa pháo của địch ; đánh địch trên không, trên mặt nước, trong công sự, trong căn cứ lớn, trong thành phố ; đánh địch ngoài trời, trên đường vận chuyển, đổ bộ đường không, trú quân dã ngoại... Chiến thuật vận dụng của ta thường là : đánh công kiên, đánh tập kích, đánh phục kích, đánh đổ bộ đường không, vận động tấn công kết hợp với chốt, phòng ngự làng mạc v.v... Cách đánh có lúc là đánh hợp đồng binh chủng, có lúc là đánh độc lập của từng binh chủng, đánh du kích, đánh chính quy, đánh bằng lực lượng tinh nhuệ (đặc công) v.v..

Mục đích, lực lượng sử dụng trong từng trận đánh cũng rất tổng hợp. Thông thường các trận đánh đều có mục đích tiêu diệt sinh lực địch, thúc đẩy phong trào đấu tranh chính trị của nhân dân, giành quyền làm chủ, phát triển chiến tranh du kích ở địa phương. Lực lượng sử dụng có chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích, hoặc chỉ có bộ đội địa phương và dân quân du kích. Trong từng trận chiến đấu đều có sự kết hợp tác chiến và địch vận của bộ đội với đấu tranh chính trị và binh vận của quần chúng. Bộ đội chủ lực làm nhiệm vụ tiêu diệt sinh lực địch, bộ đội địa phương, dân quân du kích làm nhiệm vụ tiêu diệt nhỏ, tiêu hao rộng rãi quân địch, nhất là loại trừ các lực lượng kìm kẹp, cùng nhân dân phá ấp chiến lược, giành quyền làm chủ ở địa phương và làm nhiệm vụ khuyếch trương thành quả chiến thắng.

Về chiến dịch trong cuộc kháng chiến chống Mỹ của ta cũng thể hiện sâu sắc quan điểm tổng hợp của chiến tranh nhân dân. Các chiến dịch được phát triển từ nhỏ đến lớn và có những loại hình rất phong phú ; chiến dịch tiến công ; chiến dịch tiến công tổng hợp ; chiến dịch phản công ; chiến dịch phòng ngự ; chiến dịch chống càn có tính chất phản công ; chiến dịch phòng không... Các chiến dịch này có cái mang tính chất phổ biến của các cuộc chiến tranh, nhưng trong điều kiện cụ thể của Việt nam nó cũng có sắc thái riêng của chiến tranh nhân dân Việt nam, của nghệ thuật quân sự Việt nam. Đồng thời, có những cái chỉ xuất hiện trong chiến tranh nhân dân Việt nam chống xâm lược mà trong các cuộc chiến tranh khác không có như : chiến dịch tổng hợp, chiến dịch chống càn có tính chất phản công.

Các chiến dịch của ta mang tính tổng hợp rất cao, cả ở mục đích của chiến dịch, cả ở sử dụng lực lượng và hình thức tác chiến cũng như hình thức, biện pháp đấu tranh trong chiến dịch.

Mục đích của chiến dịch, có mục đích quân sự, chính trị, có lúc còn có cả mục đích kinh tế.

Mục đích quân sự thường là tiêu diệt sinh lực địch, làm tan rã hàng ngũ địch, phát triển chiến tranh nhân dân, đánh bại một biện pháp tác chiến nào đó của địch, thu hồi một địa bàn, mở rộng căn cứ địa, bảo vệ đường vận chuyển v.v.

Mục đích chính trị là hỗ trợ cho phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng, giành quyền làm chủ của nhân dân, mở rộng vùng giải phóng... và trong những thời điểm nhất định phục vụ cho đấu tranh ngoại giao.

Mục đích kinh tế thường là bảo vệ hay thu hồi vùng lúa gạo, vùng tài nguyên khoáng sản.

Lực lượng sử dụng trong chiến dịch cũng rất tổng hợp, bao gồm lực lượng vũ trang và lực lượng chính trị và binh vận của quần chúng nhân dân. Lực lượng vũ trang bao gồm 3 thứ quân trong đó chủ lực đóng vai trò nòng cốt. Lực lượng chính trị bao gồm quần chúng nhân dân được động viên, trong đó đảng viên hay cơ sở cách mạng làm nòng cốt thực hiện nhiệm vụ đấu tranh chính trị và làm công tác binh vận. Lực lượng này thường được tổ chức thành các thê đội để thay thế nhau, bảo đảm cuộc đấu tranh được tiến hành liên tục.

Phương thức tổng hợp để đánh địch là kết hợp tác chiến của lực lượng vũ trang với đấu tranh chính trị, binh vận của quần chúng, nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp để chiến thắng kẻ thù.

Digitized by Google

Trong tác chiến thông thường kết hợp đánh lớn, đánh vừa và đánh nhỏ ; đánh địch trước mắt, sau lưng, bên sườn ; đánh địch trên mặt đất, trên mặt nước, trên bầu trời ; đánh địch trên địa bàn chiến dịch, đánh vào căn cứ hậu phương của địch : kho tàng, cơ quan chỉ huy đầu não.

Trong đấu tranh chính trị và binh vận thì có đấu tranh trực diện với địch, đòi không đem con em họ ra trận, không được càn quét, bắn pháo, ném bom bừa bãi giết hại nhân dân ; tổ chức đình công, bãi thợ, bãi khóa làm cho hậu phương rối loạn, đòi đưa xác chồng con về chôn cất, kêu gọi binh lính bỏ ngũ, làm binh biến v.v.

Cùng với tính tổng hợp cao, tính nghệ thuật quân sự của chiến tranh nhân dân Việt nam cũng được đưa lên tầm cao mới, quán triệt sâu sắc tư tưởng tích cực, chủ động, kiên quyết và liên tục tiến công tiêu diệt địch.

Tư tưởng tiến công là tư tưởng chiến lược của chiến tranh cách mạng Việt nam, là hạt nhân cơ bản của nghệ thuật quân sự của chiến tranh nhân dân Việt nam. Tư tưởng đó bắt nguồn từ bản chất cách mạng của giai cấp công nhân, từ truyền thống kiên cường bất khuất của dân tộc, từ tinh thần "không có gì quý hơn độc lập tự do", từ ý chí quyết chiến quyết thắng của quân và dân ta. Tư tưởng tiến công đó đã được thể hiện trong hành động chiến đấu của lực lượng vũ trang ta : "một người cũng tiến công" ; "một tổ cũng tiến công" ; "nắm lấy thắt lưng địch mà đánh" ; "nhằm thẳng quân thù mà bắn".v.v.

Chỉ có tiến công một cách tích cực, chủ động, kiên quyết mới tiêu diệt được địch, giữ vững lực lượng ta, giành quyền chủ động trên chiến trường, đẩy địch vào thế bị động đối phó, bộc lộ sơ hở để ta khai thác và giành từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Tư tưởng tiến công đó chỉ đạo cho hoạt động trong chiến tranh cả về chiến lược, nghệ thuật chiến dịch và chiến thuật. Chỉ có điều khác là về chiến lược không có tư tưởng phòng ngự, nhưng về chiến dịch, chiến thuật thì có chiến dịch phòng ngự, chiến thuật phòng ngự nhưng chiến dịch phòng ngự cũng như chiến thuật phòng ngự của ta cũng quán triệt sâu sắc tư tưởng tiến công.

Trong chiến dịch phòng ngự ta kết hợp chặt chẽ giữa hành động phòng ngự và hành động tiến công, giữa đánh tiêu hao và đánh tiêu diệt để chuyển sang phản công tiêu diệt quân địch. Trong chiến thuật phòng ngự ta lấy tư tưởng tiến công để tiêu diệt là chính. Ta sử dụng chiến thuật phòng ngự cũng để tạo điều kiện cho phản công tiêu diệt quân địch. Thường ta sử dụng chiến thuật chốt chặn, kết hợp với vận động tấn công tiêu diệt địch. Vì phòng ngự đơn thuần thì lực lượng ta dễ bị tổn thất, khó ngăn chặn được quân địch và thực hiện được tiêu diệt chúng.

Trong chiến dịch phản công, tuy trong quá trình chiến dịch có những trận phòng ngự, nhưng ta cũng lấy tiến công là chủ yếu.

Sở dĩ ta thực hiện được tư tưởng tiến công vì ta có ưu thế về chính trị, tinh thần của cuộc chiến tranh chính nghĩa và có khả năng to lớn của chiến tranh nhân dân. Đó là nghệ thuật biết phát huy sức mạnh tổng hợp để thực hiện tiến công tiêu diệt địch.

Ta thực hiện được tư tưởng tiến công vì trong chiến dịch cũng như chiến thuật, ta luôn tìm cách nắm vững tình hình, đánh giá đúng chỗ mạnh chỗ yếu của địch cũng như mặt mạnh và yếu của ta, từ đó tìm cách hạn chế chỗ mạnh, khoét sâu chỗ yếu, chỗ sơ hở của địch để tiến công, đồng thời phát huy cao độ mặt mạnh, khắc phục và hạn chế mặt yếu của ta để đánh thắng chúng.

Ta thực hiện được tư tưởng tiến công, đánh tiêu diệt vì trong chiến đấu, chiến dịch ta biết tạo thế của ta, phá thế của địch, đánh địch bất ngờ, tránh chỗ mạnh, đánh vào chỗ yếu của chúng bằng cách kéo địch ra ngoài công sự để đánh (chiến thuật) ; điều địch lên chiến trường mà ta đã lựa chọn để đánh (chiến dịch), buộc địch phải bị động theo cách đánh của ta.

*

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta đã hoàn toàn thắng lợi, chứng minh quan điểm phát huy sức mạnh tổng hợp và tư tưởng chiến lược tiến công và nghệ thuật quân sự của chiến tranh cách mạng của Đảng ta là đúng đắn.

Ngày nay trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa với mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng văn minh, cuộc đấu tranh của nhân dân ta đang diễn ra trên mọi lĩnh vực chính trị, quân sự, tư tưởng, văn hóa... Tuy nội dung có nhiều điều khác với chiến tranh, nhưng bài học về phát huy sức mạnh tổng hợp và tư tưởng cách mạng tiến công vẫn giữ nguyên giá trị. ❑

Digitized by Google

NGHỆ THUẬT ĐÁNH THẮNG ĐỊCH TỪNG BƯỚC, TẠO THỜI CƠ GIÀNH THẮNG LỢI HOÀN TOÀN

LÊ XUÂN LƯU*

TRONG cuộc chiến tranh xâm lược Việt nam, đế quốc Mỹ quyết tâm tiêu diệt phong trào yêu nước của nhân dân ta, biến miền Nam Việt nam thành thuộc địa kiểu mới, thành căn cứ quân sự để tiến công miền Bắc, xóa bỏ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Trước âm mưu đó của đế quốc Mỹ, Đảng ta đã nêu cao quyết tâm: kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ trong bất cứ tình huống nào, nhằm bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.

Trong quá trình kháng chiến chống Mỹ cứu nước, Đảng ta trên cơ sở nắm vững mục tiêu cuối cùng của cuộc kháng chiến, nắm vững phương châm đánh lâu dài từ thực tiễn âm mưu thủ đoạn của địch trong từng thời kỳ mà có chủ trương và biện pháp đánh thắng chúng từng bước, đánh bại từng chiến lược của chúng, tạo thời cơ và nắm thời cơ, mở những trận tiến công chiến lược làm thay đổi tương quan lực lượng, thay đổi cục diện chiến tranh, tiến tới tổng tiến công và nổi dậy đè bẹp ý chí xâm lược của quân địch, giành thắng lợi cuối cùng.

Từ trong từng chiến lược của địch, như "thực dân kiểu mới" "chiến tranh đặc biệt" "chiến tranh cục bộ", "Việt nam hóa chiến tranh", Đảng ta đã đánh giá đúng âm mưu, thủ đoạn, chỗ mạnh chỗ yếu của địch và đề ra nghị quyết sáng suốt lãnh đạo quân và dân ta đánh thắng địch từng bước.

Đánh thắng địch từng bước gắn liền với tạo thời cơ và nắm thời cơ. Thời cơ không chỉ do khách quan đưa đến mà chủ yếu do chúng ta tạo ra. Nó là kết quả của sự nỗ lực vượt bậc, hoạt động toàn diện, sát hợp với thực tiễn, được tính toán cụ thể, chuẩn bị chu đáo cả về chiến lược, sách lược, lực lượng, hình thức và biện pháp đấu tranh của Đảng ta.

Thời cơ cũng có lúc do sai lầm của địch mang lại. Nhưng để tận dụng được thời cơ thì phải có lực lượng và trí tuệ nhạy bén phát hiện, kịp thời nắm lấy và tổ chức thực hiện. Khi bàn về khởi nghĩa vũ trang, Lê-nin nói : Lịch sử không thể nào dung thứ cho những người cách mạng có thể giành thắng lợi hôm nay (và chắc chắn có thể giành thắng lợi hôm nay) mà lại để chậm trễ, vì đợi đến ngày mai không khéo họ lại gặp phải tổn thất nhiều, không khéo lại mất tất cả.

Có thể nói : đánh thắng từng bước, tạo ra thời cơ và nắm thời cơ, tạo ra bất ngờ và biết tận dụng bất ngờ, phát huy hiệu quả của bất ngờ, là nét nổi bật trong nghệ thuật lãnh đạo chiến tranh cách mạng của Đảng ta trong toàn bộ cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

- Sau khi Hiệp định Giơ-ne-vơ được ký kết, đế quốc Mỹ nhảy vào miền Nam Việt nam quyết tâm thực hiện âm mưu biến miền Nam Việt nam thành thuộc địa kiểu mới của chúng. Chúng dựng lên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm, gạt bỏ các thế lực thân Pháp trong bộ máy chính quyền Bảo Đại, tiêu diệt các giáo phái thân Pháp, xây dựng ngụy quân, các cơ cấu quân sự và chiến tranh. Chúng lấy "tố cộng", "diệt cộng" làm quốc sách nhằm tiêu diệt hết các "phần tử cộng sản", các "tổ chức cộng sản" và "tư tưởng cộng sản".

Nhân dân miền Nam kiên trì đấu tranh đòi thi hành Hiệp định Giơ-ne-vơ nhưng Mỹ, ngụy đã tiến hành "cuộc chiến tranh một phía" buộc nhân dân miền Nam phải vùng dậy đấu tranh chống lại chúng.

---

* GS triết học

Digitized by Google

Năm 1959, giữa lúc đế quốc Mỹ và tay sai dùng những thủ đoạn tàn bạo và man rợ nhất để khủng bố nhân dân, Đảng ta đã nhận định rằng : kẻ thù đã thất bại một cách cơ bản về chính trị. Chúng đã phải dùng đến thủ đoạn phát xít man rợ để duy trì sự thống trị của chúng, còn quần chúng nhân dân thì ngày càng nhận rõ không thể sống được nữa dưới ách thống trị của chúng và đã vùng lên chiến đấu một mất một còn với chúng. Trong tình thế cách mạng đã chín muồi, nông thôn là khâu yếu nhất, là nơi ngụy quyền lung lay và khủng hoảng nhất, Nghị quyết 15 của Ban chấp hành trung ương Đảng đã chỉ ra con đường bạo lực và thời cơ để đưa cách mạng miền Nam tiến lên. Nhân dân miền Nam đã vùng dậy đồng khởi, làm sụp đổ từng mảng ngụy quyền ở nhiều vùng nông thôn rộng lớn, thành lập chính quyền cách mạng và lực lượng vũ trang, làm phá sản chủ nghĩa thực dân kiểu mới theo phương thức cổ truyền và buộc đế quốc Mỹ chuyển qua chiến lược "chiến tranh đặc biệt".

- Với chiến lược "chiến tranh đặc biệt", Mỹ và tay sai hy vọng kế hoạch Sta-lây - Tay-lo sẽ đánh bại cách mạng miền Nam trong 18 tháng. Nhưng kế hoạch này đã bị phá sản. Đế quốc Mỹ chuyển qua kế hoạch Mắc-na-ma-ra với mưu đồ đánh bại Việt cộng trong 3 năm. Biện pháp chủ yếu để thực hiện mưu đồ đó là : phát triển quân ngụy ; tăng cường cố vấn và phương tiện chiến tranh của Mỹ; ra sức bình định nông thôn, củng cố đô thị; tìm mọi cách ngăn chặn chi viện của miền Bắc cho miền Nam. Chúng lấy bình định làm quốc sách để "tát nước bắt cá", "tiêu diệt cộng sản".

Khi địch chuyển qua chiến lược "chiến tranh đặc biệt", Đảng ta đề ra 3 chủ trương lớn : 1) Phải đánh thắng đế quốc Mỹ và tay sai trong chiến lược "chiến tranh đặc biệt" ; 2) Phải cố gắng kìm địch lại để thắng địch trên chiến trường miền Nam là chính ; 3) Chuẩn bị đối phó và đánh thắng địch trong trường hợp Mỹ đưa quân Mỹ và quân chư hầu vào thay thế.

Đồng thời, Đảng ta chỉ đạo chuyển đồng khởi từng phần qua chiến tranh cách mạng và tiếp tục khởi nghĩa trong chiến tranh, đánh địch bằng cả quân sự và chính trị, ra sức phát triển chiến tranh nhân dân, đánh địch trên cả ba vùng chiến lược phù hợp với tương quan lực lượng ở từng vùng. Chú trọng đánh vào những nơi xung yếu như : sân bay, kho tàng, đường giao thông và đặc biệt là phải tập trung mũi nhọn vào phá "ấp chiến lược", đánh bại "quốc sách" của địch.

Dưới ánh sáng của sự chỉ đạo trên, mũi tiến công "ấp chiến lược" bằng quân sự và chính trị đã làm phá sản mục tiêu chủ yếu của chiến lược "chiến tranh đặc biệt". Cao trào cách mạng của nhân dân ta đã đẩy Mỹ - ngụy vào một cuộc khủng hoảng trầm trọng và buộc Mỹ phải "thay ngựa giữa dòng", phế truất anh em Diệm, Nhu.

Chiến tranh nhân dân ngày càng phát triển, lực lượng vũ trang được tăng cường, sức chiến đấu được nâng lên. Trận Ấp bắc ta đã đánh bại chiến thuật "trực thăng vận", "phượng hoàng vồ mồi", một chiến thuật mà kẻ địch cho là hiệu nghiệm nhất để tiêu diệt "cộng sản". Thời cơ tiêu diệt lớn quân địch đã đến, đồng thời chiến trường cũng đòi hỏi phải có những đòn tiến công tiêu diệt lớn quân địch, làm thay đổi so sánh lực lượng để thúc đẩy phong trào đấu tranh chính trị và chiến tranh du kích phát triển lên một bước mới. Trước tình hình đó, Đảng ta chủ trương mở các chiến dịch tiến công quân địch. Một số chiến dịch : Bình giã, Đồng xoài, Ba gia đã được mở ra liên tiếp và đã tiêu diệt gọn nhiều tiểu đoàn thuộc lực lượng dự bị chiến lược của ngụy, đánh bại chiến thuật "thiết xa vận" và "đổ bộ đường không" của địch và làm phá sản công thức quân ngụy + cố vấn Mỹ + phương tiện chiến tranh của Mỹ, một công thức mà Mỹ hy vọng sẽ đánh thắng ta trong chiến lược "chiến tranh đặc biệt".

- Để cứu vãn tình thế, Mỹ ào ạt đổ quân vào miền Nam Việt nam thực hiện chiến lược "chiến tranh cục bộ" với mục tiêu : 1 - Triển

Digitized by Google

khai quân Mỹ cứu nguy cho ngụy quân, ngụy quyền, chặn đứng chiều hướng thua của quân ngụy ; 2 - Tiêu diệt chủ lực Quân giải phóng, giành thế chủ động trên chiến trường ; 3 - Phá vỡ cơ cấu mọi mặt của cách mạng, tăng cường sức mạnh quân ngụy để biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới của Mỹ.

Biện pháp chủ yếu của Mỹ là : ồ ạt đổ quân Mỹ và quân chư hầu vào miền Nam Việt nam, mở các cuộc phản công chiến lược "tìm diệt" chủ lực ta, "bẻ gẫy xương sống Việt cộng" và "chộp bắt" cơ quan đầu não của cuộc kháng chiến trên chiến trường, đồng thời sử dụng không quân và hải quân đánh phá miền Bắc, đưa miền Bắc "trở về thời kỳ đồ đá" để miền Bắc không còn gì chi viện cho miền Nam.

Khi Mỹ chuyển qua chiến lược "chiến tranh cục bộ", Đảng ta nhận định rằng : sức mạnh của Mỹ có thể sử dụng trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt nam là sức mạnh hạn chế và chỗ yếu của Mỹ là những chỗ yếu không thể nào khắc phục nổi, và đã chủ trương : 1 - Phải giữ vững và tiếp tục giành thế chủ động tiến công trên chiến trường, vừa đánh Mỹ vừa diệt ngụy ; 2 - Tiếp tục quán triệt và vận dụng phương châm đánh lâu dài, dựa vào sức mình là chính; 3 - Phải cố gắng tập trung lực lượng của cả hai miền, tranh thủ thời cơ giành thắng lợi quyết định trong một thời gian ngắn trên chiến trường miền Nam; 4 - Phải ra sức chuẩn bị để đánh địch trong trường hợp chiến tranh kéo dài và mở rộng ra cả nước.

Triển khai thực hiện chủ trương đó, cả nước bước vào một cuộc chiến đấu quyết liệt với kẻ thù trên cả hai miền.

Đảng ta đã chỉ đạo sự bố trí chiến lược các lực lượng chủ lực trên chiến trường, đón sẵn quân Mỹ ở các địa bàn xung yếu, nên khi Mỹ vào, mở cuộc phản công chiến lược lần thứ nhất thì ta đã đánh thắng quân Mỹ - ngụy những trận đầu ở Đất cuốc, Bàu bàng (miền Đông Nam bộ), Vạn tường (khu 5), Plây me (Tây nguyên) và miền Bắc đã hạ nhiều máy bay địch.

Mỹ mở cuộc phản công chiến lược lần thứ hai (Gian-xơn-xi-ti) với 4 vạn rưỡi quân, Đảng ta chủ trương chống lại chẳng những bằng cách tiến công địch trên các chiến trường cũ, mà còn mở ra mặt trận trận Trị - Thiên và đường số 9 để kéo quân địch ra, tạo một chiến trường bất lợi cho địch, phân tán và căng địch ra đánh, để phá tan ý định của địch mở rộng chiến tranh bằng bộ binh ra phía bắc giới tuyến và không để địch sớm đưa quân Mỹ vào đồng bằng sông Cửu long, đồng thời tạo điều kiện cho miền Đông Nam bộ đánh bại cuộc hành quân Gian-xơn-xi-ti của Mỹ.

Cuộc phản công chiến lược lần thứ hai của Mỹ đã hoàn toàn thất bại.

Đập tan hai cuộc phản công chiến lược của địch và thắng lợi trong các cuộc tiến công khác trên chiến trường Tây nguyên, miền Tây khu 5 và đường số 9 cũng như cuộc đánh trả ngày càng hiệu quả không quân và hải quân của Mỹ trong cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc, ta đã làm phá sản một bước chiến lược "chiến tranh cục bộ" và đẩy Mỹ vào tình thế tiến thoái lưỡng nan về chiến lược. Các chính giới Mỹ giao động và phân hóa, phong trào nhân dân Mỹ phản đối chiến tranh xâm lược Việt nam lên cao.

Trước tình hình đó, Đảng ta nhận định : Tình hình cơ bản hiện nay là ta đang ở thế thắng, thế chủ động và thuận lợi ; địch đang ở thế thua, thế bị động và khó khăn. Quân và dân ta *đã đánh bại một bước quan trọng chiến lược "chiến tranh cục bộ" của Mỹ đã phát triển tới mức rất cao* ở miền Nam và *đã làm phá sản* nghiêm trọng cuộc chiến tranh xâm lược của chúng trong cả nước ta. Đế quốc Mỹ đang ở vào *tình thế "tiến thoái lưỡng nan" về chiến lược*. So với mục đích chính trị - quân sự mà Mỹ đề ra, với tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của nước Mỹ, thì *những cố gắng chiến tranh của Mỹ ở Việt nam hiện nay đã tới đỉnh cao nhất* (Lê Duẩn : Thư vào Nam ngày 18-1-1968).

Đảng ta đã kết luận đây là thời cơ lớn để đẩy mạnh cuộc chiến tranh phát triển lên một bước cao hơn buộc Mỹ phải thay đổi chiến lược.

Đảng ta đã lựa chọn cách đánh là tổng công kích, tổng khởi nghĩa, một cách đánh mà kẻ

Digitized by Google

địch không hề nghĩ tới và cũng không thể nghĩ tới. Đó là, tiến công vào các cơ quan đầu não của địch, trên toàn miền vào tết Mậu Thân, lúc kẻ địch sơ hở nhất.

Đảng đề ra yêu cầu của tổng công kích, tổng khởi nghĩa là giáng cho địch những đòn tiến công sấm sét, làm thay đổi cục diện chiến tranh, làm lung lay hơn nữa ý chí xâm lược của Mỹ, buộc Mỹ phải thay đổi chiến lược, phải xuống thang chiến tranh.

Bằng cuộc tiến công chiến lược tết Mậu Thân ta đã giáng một đòn quyết định vào chiến lược "chiến tranh cục bộ" của Mỹ, buộc chúng dù ngoan cố cũng phải chuyển qua chiến lược "Việt nam hóa chiến tranh".

- Mục tiêu của chiến lược "Việt nam hóa chiến tranh" là : Mỹ rút quân về nước, nhưng vẫn duy trì được chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam. Bước đi của chúng là : xuống thang dần dần, rút quân nhỏ giọt; ngừng chiến tranh phá hoại miền Bắc; mở rộng chiến tranh sang Cam-pu-chia và Lào, nhằm tạo đồng minh mới cho quân đội Sài gòn, "chộp bắt" cơ quan đầu não của ta và bóp nghẹt sự chi viện của miền Bắc từ "cuống họng" ; tăng cường bình định để kiểm soát dân.

Bằng các biện pháp trên đây, Mỹ hy vọng làm cho cách mạng miền Nam tàn lụi, quân đội và chính quyền Sài gòn mạnh lên, đủ sức duy trì chủ nghĩa thực dân kiểu mới của Mỹ ở miền Nam Việt nam.

Thực hiện mục tiêu trên đây, Mỹ dùng Lon Non lật đổ ông hoàng Xi-ha-núc và mở rộng chiến tranh xâm lược Cam-pu-chia. Đảng ta cho rằng : đây là một sai lầm chiến lược của chúng, vì rằng : đánh sang Cam-pu-chia Mỹ sa lầy trên một chiến trường hoàn toàn chưa được chuẩn bị. Ở đó bọn Lon Non "đồng minh" của Mỹ yếu về mọi mặt. Xâm lược Cam-pu-chia trong lúc đang tiếp tục xuống thang và rút thêm quân Mỹ khỏi miền Nam Việt nam, Mỹ mang thêm một gánh nặng mới là phải tìm cách cứu nguy cho bọn Lon Non không còn khả năng đứng vững. Mặt khác, để giữ chiến trường mới mở ra, Mỹ phải phân tán lên đây một bộ phận quan trọng quân đội Sài gòn trong lúc bọn này chưa làm nổi nhiệm vụ từng bước thay thế quân Mỹ trên chiến trường.

Nhận rõ thời cơ do sai lầm của địch mang lại, Đảng ta đã chỉ đạo đẩy mạnh tiến công địch ở Việt nam, đồng thời phối hợp với nhân dân Cam-pu-chia đánh mạnh vào khâu yếu nhất của chúng ở chiến trường Cam-pu-chia và đã giành thắng lợi to lớn, đưa cách mạng Cam-pu-chia phát triển một bước nhảy vọt.

Đang bị sa lầy ở Cam-pu-chia, Mỹ lại đưa quân Sài gòn với sự yểm trợ của hỏa lực Mỹ mở cuộc hành quân Lam sơn 719 ra đường số 9 - Nam Lào, hy vọng cắt đứt đường vận chuyển chiến lược của ta từ Bắc vào Nam để bóp nghẹt cách mạng miền Nam. Đảng ta đã chỉ đạo nhân dân ta phối hợp với bạn Lào đánh bại cuộc hành quân này, làm phá sản một bước nghiêm trọng chiến lược "Việt nam hóa chiến tranh" của Mỹ.

Ý đồ làm suy yếu và tàn lụi "Việt cộng" và tăng sức mạnh cho quân ngụy bị thất bại, Mỹ càng lúng túng và không còn sức để mở những cuộc hành quân lớn. Trước tình hình đó, Đảng ta quyết định mở cuộc tiến công chiến lược năm 1972 trên toàn chiến trường và ba chiến dịch lớn được mở ra trên ba hướng quan trọng của chiến trường : chiến dịch Trị - Thiên, chiến dịch Bắc Tây nguyên và chiến dịch mang tên Nguyễn Huệ (Đông Nam bộ).

Cuộc tiến công chiến lược năm 1972 của quân và dân ta giành thắng lợi to lớn. Đế quốc Mỹ lại bị động, mở cuộc tập kích chiến lược B52 vào Hà nội, Hải phòng, nhưng đã bị quân và dân miền Bắc đập tan.

Trước những thất bại nặng nề trên chiến trường và trước phong trào chống chiến tranh của nhân dân, đế quốc Mỹ buộc phải ký hiệp định Pa-ri về "chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam", nhưng Mỹ vẫn ngoan cố, chưa từ bỏ mục tiêu duy trì chủ nghĩa thực dân mới ở miền Nam Việt nam. Âm mưu của Mỹ sau khi ký Hiệp định là tìm cách xóa thế hai vùng, hai chính quyền, hai quân đội để biến miền Nam thành một quốc gia của ngụy. Hiệp định vừa ký, chính quyền Sài gòn lập tức thực hiện một chiến dịch "tràn ngập lãnh thổ".

Digitized by Google

Để đánh bại âm mưu của địch sau khi ký Hiệp định, Trung ương Đảng ta chủ trương : bất kể tình huống nào cũng phải nắm thời cơ, giữ vững chiến lược tiến công và làm suy yếu lực lượng của địch, phát triển lực lượng của ta về mọi mặt cả về quân sự và chính trị, trên cả ba vùng chiến lược, cả chủ lực và địa phương, đặc biệt là phải đánh bại kế hoạch lấn chiếm của địch, phải giành dân, giành đất và giành quyền làm chủ, phải coi trọng xây dựng vùng giải phóng, xây dựng hậu phương tại chỗ.

Sau khi quân Mỹ và quân chư hầu rút khỏi miền Nam Việt nam, ngụy quân, ngụy quyền cấn xé lẫn nhau làm cho chỗ dựa chiến lược "Việt nam hóa chiến tranh" lung lay đến tận gốc.

Đảng ta cho rằng : quân Mỹ đã rút, khó có khả năng quay lại. Phân tích so sánh lực lượng giữa ta và địch trên chiến trường, Đảng chỉ ra :thời cơ lịch sử và khả năng thực tế để quyết chiến trận cuối cùng, đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đến thắng lợi hoàn toàn đã đến (kết luận Hội nghị Trung ương ngày 7-1-1975) và đề ra quyết tâm chuẩn bị mọi mặt để kết thúc thắng lợi cuộc chiến tranh trong năm 1975 hoặc 1976.

Quyết tâm đó của Đảng được cụ thể hóa trong một kế hoạch chiến lược 2 năm 1975 - 1976 với nội dung chủ yếu là : năm 1975 ta tranh thủ bất ngờ tiến công lớn và rộng khắp, tạo điều kiện để năm 1976 tiến hành tổng tiến công và nổi dậy giải phóng miền Nam. Cùng với kế hoạch cơ bản đó, Bộ chính trị còn dự kiến một phương án cực kỳ quan trọng : nếu thời cơ đến, thì lập tức giải phóng miền Nam ngay trong năm 1975.

Trước sự phát tiển nhanh chóng của tình hình, phương án dự kiến đã trở thành phương án chính thức.

Cuộc tổng tiến công và nổi dậy mùa xuân 1975 đã được bắt đầu bằng chiến dịch Tây nguyên, xóa sổ quân đoàn 2 và quân khu 2 của ngụy, tiêu diệt và làm tan rã một tập đoàn phòng ngự lớn, giải phóng một địa bàn chiến lược quan trọng dẫn đến sự tan rã và suy sụp của địch.

Chiến dịch Huế - Đà nẵng tiếp theo đã tiêu diệt quân đoàn 1 và quân khu 1 của ngụy, tiếp tục làm thay đổi so sánh lực lượng trên chiến trường và đánh bại âm mưu co cụm chiến lược của địch.

Trước sự phát triển của tình hình với nhịp độ : "Một ngày bằng hai mươi năm", Bộ chính trị nhận định : thời cơ mở tổng tiến công và nổi dậy; kết thúc thắng lợi chiến tranh giải phóng trong thời gian ngắn nhất. Tốt hơn cả là bắt đầu và kết thúc trong tháng 4 năm 1975 (Lê Duẩn. Thư vào Nam, ngày 1-4-1975).

Và chiến dịch lịch sử Hồ Chí Minh đã được mở ra. Sau 3 ngày chiến đấu thần tốc, dũng mãnh, chiến dịch đã toàn thắng. Đúng 11 giờ ngày 30-4-1975 cờ cách mạng tung bay trên nóc phủ tổng thống chính quyền Sài gòn.

Thực tiễn của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đã chứng minh nghệ thuật lãnh đạo chiến tranh của Đảng ta là : luôn luôn đánh giá đúng kẻ thù, nắm vững âm mưu thủ đoạn của chúng trong từng chiến lược chiến tranh, đề ra các nghị quyết đúng đắn để chỉ đạo cho sự nỗ lực phấn đấu của toàn dân, toàn quân, tạo ra thời cơ rồi nắm lấy thời cơ khi nó đến, quyết định đúng lúc để giành thắng lợi từng bước cho cách mạng, tiến lên đè bẹp ý chí xâm lược của kẻ thù và giành thắng lợi cuối cùng.

Nghệ thuật đó thể hiện bản chất cách mạng và khoa học của Đảng ta. Quyết tâm đánh thắng đế quốc Mỹ, một đế quốc đầu sỏ, có tiềm lực kinh tế quân sự đồ sộ, có khoa học kỹ thuật hiện đại, không phải là một quyết tâm phiêu lưu mạo hiểm, mà là một quyết tâm thực sự khoa học vì nó là sản phẩm của một sự thống nhất cao độ các nhân tố chủ quan và quy luật khách quan của lịch sử. Đó là kết quả của cả một quá trình tư duy khoa học sâu sắc, sáng tạo của Bộ chính trị, của Ban chấp hành trung ương Đảng ta về đánh giá kẻ thù, đánh giá so sánh lực lượng giữa ta và địch và biết tìm ra cách đánh hữu hiệu để chiến thắng kẻ thù. Chỉ có quyết tâm thôi không đủ, mà còn phải biết

Digitized by Google

đánh, vì biết đánh là yếu tố trực tiếp quyết định thắng lợi trong chiến tranh.

Ngày nay Đảng ta đang lãnh đạo nhân dân ta thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược : xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Nếu trước đây thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước bắt nguồn trước hết từ bản chất cách mạng và khoa học của Đảng, thì ngày nay hai nhiệm vụ chiến lược đó đang đòi hỏi ở bản chất cách mạng và khoa học của Đảng một tầm cao mới. Quyết tâm xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa phải đi đôi với biết xây dựng và biết bảo vệ. Vì rằng, sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, đưa đất nước ra khỏi nghèo nàn, lạc hậu, chăm lo các vấn đề văn hóa, xã hội, đập tan mọi âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch, có chính sách đối ngoại đúng đắn, nhất là giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa trong công cuộc xây dựng, giải quyết đúng đắn vấn đề ai thắng ai trong thời kỳ quá độ là những vấn đề hết sức phức tạp, đòi hỏi không phải chỉ ở ý chí, quyết tâm mà còn ở năng lực trí tuệ, phẩm chất tư duy của Đảng.

Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở một nước kém phát triển như nước ta là một việc làm mới mẻ và hết sức khó khăn. Điều đó đòi hỏi mọi tiềm lực trí tuệ, sự thông minh, tài sáng tạo của Đảng phải được tập trung vào việc nghiên cứu sâu hơn, cụ thể hơn về chủ nghĩa xã hội mà chúng ta xây dựng và đề ra được mục tiêu cho từng chặng đường phát triển và tìm ra con đường, biện pháp phù hợp với đặc thù của nước ta, biết phát huy mọi tiềm năng của đất nước, biết tận dụng thời cơ mà thời đại đã mở ra để giành thắng lợi từng bước, cho từng chặng đường của công cuộc xây dựng và bảo vệ, tiến lên giành thắng lợi cuối cùng. Đó cũng là vận dụng bài học của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước : nắm vững mục tiêu cuối cùng của cách mạng, biết giành thắng lợi từng bước cho đúng. ❑

TỪ TRONG DI SẢN...

(Tiếp theo trang 28)

khuyến khích tự do sáng tạo, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ... Phát huy vai trò của trí thức trong việc xây dựng luật pháp và chính sách" (9). Có thể nói, Đảng ta không ngừng cố gắng tạo ra những điều kiện và môi trường thuận lợi nhất để phát huy tiềm năng trí tuệ của đội ngũ trí thức hiện có, mở rộng đào tạo bồi dưỡng trí thức trẻ, gấp rút đào tạo chuyên gia đầu đàn, nhanh chóng hình thành một đội ngũ trí thức đông đảo, tương đối đồng bộ về trình độ và ngành nghề, có bản lĩnh chính trị vững vàng, có ý chí phấn đấu cao, thực sự trở thành nòng cốt và động lực mạnh mẽ của công cuộc đổi mới đất nước.

Trong thời kỳ mới đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nước nhà, việc xây dựng và sử dụng đội ngũ trí thức không thể không thực hiện những chính sách và biện pháp lớn mà Lê-nin đã nhiều lần chỉ ra như : Tạo môi trường và điều kiện cần thiết cho trí thức làm việc có hiệu quả ; tăng mức đầu tư và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đầu tư cho các lĩnh vực hoạt động của trí thức ; đãi ngộ xứng đáng vật chất và tinh thần, nhất là đối với những tài năng và những trí thức có cống hiến xuất sắc cho đất nước...

Những quan điểm, tư tưởng của Lê-nin về trí thức vẫn còn nguyên vẹn giá trị lý luận và thực tiễn trong thời đại ngày nay. Đối với chúng ta, đó là những bài học vô giá trong việc hình thành một đội ngũ trí thức lớn mạnh, đủ sức đáp ứng sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. ❑

(9) *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà nội, 1996, tr 124

Digitized by Google

BỐN MƯƠI NĂM QUA, THỬ NHÌN LẠI

HỮU MAI *

Đôi lúc tôi tự hỏi : Vì sao mình lại trở thành nhà văn ?

Khi còn là một học sinh tiểu học, tôi đã ham thích văn thơ và bộc lộ đôi chút năng khiếu. Những bài luận, bài dịch thơ tiếng Pháp của tôi được thầy đọc cho cả lớp nghe. Nhưng trong những năm ngồi trên ghế nhà trường, tôi không có hoài bão văn chương. Dưới thời Pháp thuộc, nạn đói đe dọa triền miên, có năm cướp đi cả triệu người. Văn chương không phải là nghề kiếm sống. Tương lai rất mờ mịt. Ở tuổi thiếu niên đã sớm lo âu, hoài nghi, chán đời. Chúng tôi tìm tới thơ văn như một cách giải thoát.

Hầu hết tuổi trẻ đều có mặt trong lực lượng vũ trang khi kháng chiến toàn quốc bùng nổ. Đi chiến đấu tự nó đã là giải phóng. Trước hết, không phải bận tâm vì chuyện áo cơm. Một tương lai tuy còn xa vời nhưng đã mở ra. Cuộc sống tinh thần hoàn toàn giải tỏa. Chiến tranh không phải chỉ là bom đạn với những mất mát, đau thương. (Sau này, khi xem một vài bộ phim của Liên xô (cũ) thấy những cảnh người mẹ, người vợ kêu khóc tiễn người thân ra chiến trường, tôi có cảm giác như tác giả đã xuyên tạc. Suốt những năm kháng chiến của ta, tôi chưa hề chứng kiến một cảnh tương tự). Ác liệt, hi sinh, gian khổ rất nhiều. Nhưng bao trùm vẫn là không khí lạc quan, tin tưởng. Những đêm liên hoan múa hát quanh ngọn lửa hồng. Những cuộc tiễn đưa hào hùng. Những ngày hội mừng công tưng bừng. Đường ra mặt trận tiến vào những chiến dịch lớn Biên giới, Hòa bình, Tây bắc, Điện biên phủ, tiếng hò, tiếng hát của dân công, bộ đội thâu đêm. Nhà văn Nguyễn Tuân gọi đó là *"Đường vui"*. Anh lính Trường sơn thời chống Mỹ sau này, nhà thơ Phạm Tiến Duật, đã thốt lên câu thơ sảng khoái : *"Đường ra trận mùa này đẹp lắm !"* Đó chính là sự thật.

Năm 1947, tôi là chính trị viên trung đội ở một đơn vị bộ đội. Các chiến sĩ sau giờ luyện tập, lao động cần được giải trí, viết bích báo, ca hát, đóng kịch... Chút năng khiếu văn nghệ của tôi lại có dịp được dùng tới. Văn, thơ của tôi chiếm gần kín trang bích báo. Tôi viết kịch cho những đêm lửa trại, viết cả một cuốn truyện về lịch sử đơn vị. Một số câu thơ của tôi trên bích báo được nhà thơ Thâm Tâm trích kèm với lời bình trên báo *Vệ quốc quân*. Sự thành công này quá bất ngờ ! Và không chỉ dừng lại ở đó. Sau chiến dịch Việt bắc 1947, tôi được điều lên phụ trách tờ báo *Quân tiên phong* của Đại đoàn 308 đang chuẩn bị thành lập. Vừa tới Phòng chính trị, tôi được lệnh lên đường cùng bộ đội vào vùng địch hậu Đông bắc. Đây là chiến dịch đầu tiên của bộ đội chủ lực ta. Từ chiến dịch này, một loạt bài viết của tôi về các trận công đồn An châu, Đồng dương, Đồng khuy được liên tiếp đăng trên báo *Cứu quốc*.

Tôi biết những gì mình viết không có giá trị về mặt văn chương, nhưng có ích. Tôi đã may mắn ở vào một vị trí mà nhiều người cần tới. Không riêng tờ báo của đại đoàn trông đợi những bài viết của tôi.

Mỗi lần đi chiến dịch dù quân số phục vụ bị hạn chế tới đâu, vẫn có mặt chúng tôi. Bộ phận làm báo lúc mươi người, lúc dăm sáu người, với trang bị : một phiến đá li tô, chồng giấy trắng, hộp mực in và hai cây đèn bão bao giờ cũng nằm trong đội hình chiến dịch. Nơi làm việc khi là một ngôi nhà sàn Tây bắc, một căn lán giữa rừng Hòa bình, một hang đá trong chiến dịch Biên giới hoặc một căn hầm bên sườn núi ở chiến dịch Điện biên phủ. Từ đây tin chiến thắng, gương chiến đấu anh dũng của bộ đội, dân công được truyền nhanh tới các đơn vị. Chúng tôi là những người sớm chia xẻ những vui buồn của bộ đội bằng ngòi bút của mình.

---

* Nhà văn

Digitized by Google

Ước mơ văn chương trong tôi dần dần nhen nhóm.

*
* *

Đầu năm 1949, tôi được triệu tập về dự Hội nghị Văn nghệ toàn quân ở Việt bắc. Có Vũ Cao từ Khu Bốn ra, Quang Dũng, Huyền Kiêu từ Khu Ba lên, Hoàng Vân từ mặt trận Lao hà, Đào Hồng Cẩm từ mặt trận Đường số 3 về...

Điều bất ngờ nhất trong Hội nghị này là sự xuất hiện khá đông nhà văn, nhà thơ tên tuổi : Nguyễn Tuân, Xuân Diệu, Thâm Tâm, Tố Hữu, Nguyễn Huy Tưởng, Nguyễn Đình Thi..., những người tôi đã ước ao có một lần gặp mặt. Các anh đều bình dị và gần gũi. Những buổi tối bên bếp lửa nhà sàn, anh Tố Hữu nhận xét từng câu thơ trong bài *Đêm sầu Hà nội* của Chính Hữu với nhiều lời khen. Anh Nguyễn Huy Tưởng với nụ cười hiền hậu, chăm chú nghe chúng tôi kể chuyện mặt trận. Anh Nguyễn Tuân có con trai vừa đi chiến dịch Đông bắc về, với tình cảm như một người cha, đã viết đầy mấy trang lưu niệm vào cuốn sổ của tôi. Cuối hội nghị, anh Nguyễn Huy Tưởng yêu cầu tôi ký một bản giao ước thi đua sáng tác giữa hai người với sự chứng kiến của nhà văn Nguyễn Tuân.

Sau này tôi mới hiểu Hội nghị Văn nghệ toàn quân cùng với sự có mặt của nhiều nghệ sĩ tên tuổi gắn liền với một chủ trương lớn của Đảng : đào tạo một thế hệ văn nghệ sĩ mới xuất thân từ bộ đội để phục vụ cho kháng chiến lâu dài. Cuộc chiến đang diễn ra cực kỳ không cân sức. Dân tộc ta chỉ có thể tồn tại bằng cách huy động mọi tiềm năng chiến đấu của mình. Văn nghệ lúc này được coi là một vũ khí lợi hại. Và đó cũng là bước khởi đầu xây dựng một nền văn hóa mới, văn hóa cách mạng.

*
* *

Năm 1949, Đảng ta nêu khẩu hiệu : "Chuẩn bị Tổng phản công". Mùa đông, chúng tôi lên đường đi chiến dịch Lê Hồng Phong lòng vui phơi phới.

Cùng đi với tôi có Trần Xuân Huy. Anh từ Cục Quân nhu mới chuyển về tòa soạn làm phóng viên. Huy là sinh viên, xuất thân từ một gia đình chức sắc ở triều đình Huế. Huy ít nói, sống lặng lẽ. Trên đường đi, dọc sông Thao, tiến vào trận đánh giải phóng thị trấn Phố lu, chúng tôi gặp Trần Dần. Dần mới từ trung đoàn Sơn la chuyển về Khu Mười, là người phụ trách *tờ báo Mặt trận*. Dần bàn bạc với chúng tôi viết bài cho báo. Dần làm thơ rất sớm, trước ngày cách mạng đã ở trong nhóm *Dạ đài* cùng với Đinh Hùng. Lúc này anh đã là đảng viên. Huy bám sát Trần Dần. Qua câu chuyện giữa hai người, tôi biết Huy đã ở trong bộ đội mấy năm nhưng vẫn cảm thấy cô độc, lạc lõng. Suốt dọc đường, Dần rủ rỉ phân tích về tính chất của tầng lớp thanh niên trí thức tiểu tư sản, một giai cấp không có tương lai ở một nước thuộc địa, phong kiến. Đó là sự hoài nghi, cô đơn và thất vọng. Dần đọc những câu thơ của Huy Cận, Vũ Hoàng Chương, Đinh Hùng, và kể những dằn vặt tư tưởng một thời mình đã trải qua. Dần nói cần có quyết tâm thay đổi cách nghĩ và nếp sống.

Trong một cuộc họp tổ đảng, Dần lưu ý chúng tôi về tình hình tư tưởng của Huy. Anh chưa biết cuộc trao đổi với Huy đã dẫn tới một kết quả bất ngờ. Trong trận đánh đồn Dóm, Huy đã xin một chiếc mác búp đa cùng đi với bộ đội xung phong vào đồn địch. Anh không biết chút gì về quân sự, lại cận thị. Cũng may trong trận đánh anh chỉ bị thương nhẹ. Và qua trận đồn Dóm anh đã viết được truyện ngắn đầu tiên *"Sau lỗ châu mai"* tả tâm trạng một tên lính địch sống trong một cứ điểm chơ vơ giữa rừng núi heo hút, luôn luôn lo sợ một cái chết bất ngờ. Nhà văn Nguyễn Tuân đang có mặt ở chiến dịch, muốn đưa truyện ngắn này về cho báo *Văn nghệ*, nhưng Huy đã giữ lại cho báo của đại đoàn.

Từ ngày kháng chiến tôi không còn cảm thấy cô đơn và những phút buồn vô cớ như hồi còn đi học. Cuộc chiến đấu mỗi năm càng ác liệt, nhưng thắng lợi cũng tới gần qua những mùa chiến dịch. Hầu hết chúng tôi đi vào văn nghệ kháng chiến khá suôn sẻ. Chúng tôi chưa bận tâm về vấn đề sáng tạo cá nhân trong nghệ thuật. Những gì chúng tôi viết đều nhằm lợi ích cao nhất là chiến thắng. Đôi lúc cũng có sai sót. Những sai sót loại này không khó sửa.

Với một số nhà văn trước cách mạng thì không đơn giản.

Vũ Hoàng Chương hồi đầu kháng chiến đã có những câu thơ :

Mở rộng cửa Hàm Tử
Đào sâu sông Nhị Hà
Cho thây giặc đầy ứ
Cho máu giặc chan hòa
Vung gươm thét một tiếng
Núi sông này của ta !

Digitized by Google

Nhưng tác giả thơ *"Say"* cũng như một số nhà văn, nhà thơ khác không kém tài văn chương, đã không thể đi tiếp những chặng đường kháng chiến lắm gian nan. Họ lần lượt trở về thành.

Chúng tôi không được đọc Nguyễn Công Hoan trong kháng chiến chống Pháp ; trước cách mạng, ngòi bút hiện thực nhanh nhạy của ông ít khi dừng lại lâu. Nam Cao đã có những tác phẩm về xã hội cũ rất thành công, cũng cảm thấy khó viết. Anh đã đi vào vùng sau lưng địch để tìm hiểu đời sống nhân dân và hi sinh vì bị địch phục kích. Huy Cận chỉ cho đăng đôi bài thơ ngắn. Thời gian trăn trở, lột xác của một số nhà văn, nhà thơ tiền chiến dường như kéo dài suốt cuộc kháng chiến lần thứ nhất. Một cây bút trẻ như Trần Dần cũng phải đợi tới sau ngày về Hà nội mới có được *"Người người lớp lớp"*. Cái khó đối với các anh là nhân vật, người đọc, kể cả cái đích của văn chương đều đã thay đổi.

*
* *

Sau ngày miền Bắc hoàn toàn giải phóng, năm 1956, những cây bút trong quân đội được tập trung về Tổng cục chính trị để chuẩn bị ra số *Văn nghệ Quân đội* đầu tiên. Từ những đại đoàn chủ lực của Bộ có Hồ Phương, Hải Hồ, Phác Văn, Tạ Hữu Yên... và tôi. Các Quân khu Ba, Bốn có Xuân Thiêm, Nguyễn Khải, Nguyễn Trọng Oánh, Phùng Quán, Minh Giang. Miền Trung có Nguyên Ngọc, Lưu Trùng Dương, Ngô Thông. Nam Bộ có Hà Mậu Nhai, Nguyễn Ngọc Tấn, Trần Kim Trắc. Từ Bích Hoàng, Vũ Cao, Thanh Tịnh đã ở Tổng cục Chính trị từ trước. Trừ anh Thanh Tịnh đã là nhà thơ trước cách mạng, tất cả chúng tôi đều mới bắt đầu viết trong kháng chiến, trưởng thành từ những người viết bích báo ở đại đội hoặc làm báo ở sư đoàn, quân khu.

Riêng Phùng Quán và Nguyên Ngọc lúc này may mắn đã có *Vượt Côn đảo* và *Đất nước đứng lên* mới in tại Hà nội. Chúng tôi hầu như chưa đọc nhau vì những hoạt động sáng tác chỉ hạn chế ở từng địa phương.

Chúng tôi biết đây là một bước ngoặt trong đời bộ đội, mình sẽ trở thành một người viết chuyên nghiệp. Tại ngôi nhà số 4 Lý Nam Đế, hai người ở chung một căn phòng, mỗi người một giường cá nhân, một bàn viết với chiếc đèn bàn. Không ai bảo ai, tất cả đều ngày đêm miệt mài đọc và viết. Đảng và kháng chiến đã mở đường cho chúng tôi đến với văn chương, nhưng có trở thành nhà văn hay không là do tự chúng tôi quyết định.

Con đường tôi đã qua cũng là con đường hình thành phần lớn những nhà văn kháng chiến suốt chiều dài ba mươi năm chiến tranh. Những nhà văn kháng chiến chiếm hầu hết số hội viên Hội nhà văn hiện nay, gồm ba thế hệ : trước cách mạng, chống Pháp, chống Mỹ. Không có kháng chiến sẽ không có họ. Họ đã làm tròn nghĩa vụ của mình trong cách mạng giải phóng dân tộc với tư cách là những chiến sĩ cầm bút. Nếu hàng ngàn năm chiến đấu chống giặc ngoại xâm của ông cha ta chỉ để lại một số áng văn thơ ít ỏi thì họ đã và sẽ còn tiếp tục để lại một khối lượng văn thơ đồ sộ, ít nhất cũng giúp cho đời sau biết được nhân dân ta đã chiến đấu như thế nào để đánh bại ba "đế quốc to" giành lại một nước Việt nam toàn vẹn đã bị xóa trên bản đồ thế giới.

*
* *

Bốn mươi năm qua, văn học Việt nam đã có một bước phát triển rất dài so với văn học thời trước cách mạng. Phần lớn những cây bút đều là hội viên Hội nhà văn, đa số là đảng viên cộng sản. Nhưng tiến trình hoạt động của Hội đã diễn ra không thật suôn sẻ.

Đại hội nhà văn lần thứ II (1-4-1957) được triệu tập giữa lúc nổi lên sóng gió đấu tranh đòi "tự do sáng tác" của một số văn nghệ sĩ. Cuộc đấu tranh này chỉ hoàn toàn lắng dịu trước Đại hội III (10-1-1963) khi các nhà văn tiếp tục lên đường đi vào cuộc trường chinh chống Mỹ. Hai mươi năm sau đó mới có Đại hội IV (6-9-1983). Đất nước đã được giải phóng, thống nhất, bước vào thời kỳ xây dựng, hàn gắn vết thương chiến tranh với những khó khăn gay gắt về kinh tế và cuộc đấu tranh vô cùng phức tạp trong đời sống xã hội. 150 nhà văn đại diện cho 370 hội viên trên cả nước về dự Đại hội trong sự bối rối, ưu tư báo hiệu những diễn biến phức tạp của giới khi cách mạng đã chuyển sang một thời kỳ mới. Đại hội V và đại hội VI của Hội được coi là những đại hội đổi mới gắn với những nghị quyết về đổi mới toàn diện của Đảng. Đây là những đại hội của toàn thể hội viên có nhiều ý kiến trái ngược nhau về nhiều vấn đề cơ bản của văn học : sự lãnh đạo của Đảng, chế độ, chính sách đối với nhà văn, đánh giá văn học trong giai đoạn vừa

Digitized by Google

qua... Những cuộc tranh luận kéo dài, gay gắt, không thể kết luận. Những lời lẽ, thái độ rất xa lạ đối với nhà văn vốn được coi là nhà nghệ thuật ngôn từ và giầu tự trọng. Xu hướng và thái độ cực đoan của một số người đã tước bỏ khả năng đi tới chân lý, tạo nên một đa số im lặng trong đại hội.

Công cuộc đổi mới của Đảng đã đem lại nhiều tự do cho nhà văn. Nhưng không phải vì vậy mà đã có những sáng tác hay ! Văn, thơ xuất bản rất nhiều. Nhưng trên mặt báo đã xuất hiện lời phàn nàn của những người yêu văn chương : "Không có gì để đọc !" Sự khủng hoảng này còn lan sang cả một số ngành nghệ thuật trực tiếp liên quan tới văn học, như điện ảnh, sân khấu.

Trong tình hình tiểu thuyết và thơ chỉ được in trên dưới một ngàn bản, đặc biệt là thơ thường do tác giả bỏ tiền ra in, nhiều nhà văn lại nhớ về thời hoàng kim những năm trước và sau chiến tranh, mỗi tác phẩm thường được in mười ngàn bản, vẫn ít nằm trên quầy sách, người mua được một cuốn hay đã cảm thấy mừng.

Đổi mới trong văn học có phải là vội vã làm ngược lại những gì ta đã làm ? Có phải là chúng ta được tự do xúc phạm những gì đã trở thành thiêng liêng đối với dân tộc ? Có phải là người viết không cần chú ý tới câu văn, tới ngôn từ ? Và chắc chắn không phải là việc sử dụng văn chương vào những mục đích như nhiều người thường nói là "ngoài văn chương" ! Chúng ta sẽ không biết trả lời sao trước câu hỏi : Vì đâu cái "ác" lại nảy sinh trong đời sống văn học, trong đội ngũ nhà văn ?

Phần thưởng lớn đối với nhà văn trước đây là sự yêu mến, trân trọng của bạn đọc dành cho những người đã đem lại cho họ sự dinh dưỡng về mặt tinh thần trong cuộc chiến đấu đầy gian lao. Phải chăng chúng ta đang đánh mất những tình cảm đó ?

Không nên nói đây là sự khủng hoảng tất yếu trong quá trình trưởng thành. Tôi vẫn đặt lòng tin vào đa số nhà văn đang âm thầm phấn đấu cho những tác phẩm có hàng triệu, hoặc chỉ một trăm, người đọc, những tác phẩm gây nhiều tranh cãi, nhưng đúng là văn học. Và chắc chắn là thế hệ trẻ, mới xuất hiện với cảm nghĩ, cách viết của riêng họ, đi vào văn chương với sự hồn nhiên, vô tư như thế hệ chúng tôi đã có lúc trải qua, những người chủ của tương lai sẽ làm tròn sứ mệnh lịch sử của mình. ❑

VỀ VẤN ĐỀ...

(Tiếp theo trang 32)

chuẩn bị tốt điều kiện bên trong. Đặc biệt, cần tập trung củng cố và phát huy ba yếu tố quan trọng chủ yếu nhất của nó là : *các tinh hoa giá trị văn hóa văn minh dân tộc có bề dày nhiều ngàn năm, nền độc lập dân tộc và những cơ cấu hiện thực ban đầu của chủ nghĩa xã hội.* Sự thiếu vắng điều kiện bên trong ấy, hay việc không biết giữ gìn, để nó bị phong tỏa kiềm chế, thậm chí bị thô bạo loại trừ bởi cường quyền đế quốc và bóc lột thực dân từ bên ngoài tất yếu sẽ dẫn tới hậu quả tiêu cực giống như tình trạng trì trệ suy nhược tai hại đã từng in dấu buồn đau lên lịch sử nước nhà thế kỷ trước.

Thứ tư : Nếu coi thế giới ngày nay đang mở ra trước chúng ta vận hội to lớn về con đường phát triển vượt cấp lên chủ nghĩa xã hội, kể cả khi phe xã hội chủ nghĩa không còn tồn tại làm cho các dân tộc chậm tiến mất đi môi trường quốc tế thuận lợi cho sự tiến bộ, thực sự đoàn kết, hợp tác và tương trợ lẫn nhau..., thì lại cần phải có một cách tiếp cận thỏa đáng đối với chính bản thân tình huống được gọi là "vận hội" đó. Vận hội bao hàm cả cơ may lẫn thách thức. Những cơ may ở trên, một khi bị bỏ lỡ, sẽ trực tiếp trở thành những thách thức. Đối với hầu như toàn bộ "phần còn lại của thế giới" ngoài nhóm các nước tư bản chủ nghĩa phát triển nhất, đặc biệt là đối với nhóm các nước chậm phát triển, nghịch lý khắc nghiệt của lịch sử ở trình độ văn hóa văn minh nhân loại cuối thế kỷ XX hiện nay là hoặc lựa chọn phương án phát triển tiến bộ theo hướng xã hội chủ nghĩa, hoặc chấp nhận thảm họa khủng hoảng, tụt hậu. Việc nhiều quốc gia vốn phồn thịnh phút chốc trở thành các thuộc quốc hạng ba, hạng tư ngày càng mai một bản sắc dân tộc và mất hẳn định hướng phát triển độc lập chính là bài học phản diện đắt giá về sự lựa chọn đó. ❑

Digitized by Google

Những tác động ban đầu của công nghiệp hóa, đô thị hóa tới gia đình ở thành phố Hồ Chí Minh

NGUYỄN MINH HÒA *

Mấy năm gần đây, tiến trình công nghiệp hóa - đô thị hóa ở TP Hồ Chí Minh, được đẩy nhanh với tốc độ chưa từng có. Tiến trình này, cùng với sự hình thành của kinh tế thị trường, đã tác động sâu rộng đến mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó gia đình chịu ảnh hưởng khá sâu sắc.

1. Gia đình bị mất dần chức năng kinh tế, thay vào đó là chức năng tiêu dùng sản phẩm và sử dụng dịch vụ xã hội.

Trong xã hội nông nghiệp và tiền công nghiệp, chức năng kinh tế của gia đình đóng vai trò rất quan trọng. Gia đình thực sự là một đơn vị kinh tế độc lập, làm ra các sản phẩm chăn nuôi hoặc trồng trọt, kể cả việc tiêu thụ sản phẩm, mà rất ít phụ thuộc vào người khác. Khi chuyển sang xã hội công nghiệp và nông thôn đô thị hóa thì chức năng này của gia đình bị thu hẹp dần và bị teo đi do chỗ "tam nông" (nông nghiệp, nông dân, nông thôn) không còn tồn tại ở quy mô và hình thức như trước nữa. Đất canh tác của nông dân bị thu hẹp dần, nông thôn trở thành đô thị và đương nhiên gia đình nông dân trở thành gia đình thành thị. Hình ảnh : " Trên đồng cạn, dưới đồng sâu ; chồng cày, vợ cấy, con trâu đi bừa" đã và sẽ mờ nhạt dần. Họ trở thành người công nhân, buôn bán nhỏ, tạp vụ, làm thuê mướn,.... Tiến trình công nghiệp hóa - đô thị hóa ở TP Hồ Chí Minh chỉ mới khởi động, nhưng những hệ quả của nó diễn ra hầu như theo đúng như những gì đã từng xảy ra ở các nước đi trước. Tổng diện tích đất tự nhiên của các quận ven và huyện ngoại thành là 205 853 ha, trong đó đất nông nghiệp là 99 164 ha (48,20%). Nhưng đến nay, số đất chuyển từ mục đích nông nghiệp sang phi nông nghiệp chiếm tỷ lệ khá cao. Có những khu vực, sự chuyển đổi này diễn ra với tốc độ rất cao và qui mô rất lớn. Chẳng hạn, ấp Thảo điền xã An phú huyện Thủ đức, vốn là một xã thuần nông có 141 ha đất nông nghiệp, chỉ sau 5 năm công nghiệp hóa - đô thị hóa, 126 ha (89,4%) đã chuyển sang mục đích phi nông nghiệp (làm nhà máy, công xưởng, xây dựng nhà dân dụng...) và số còn lại sẽ bị thanh toán nốt trong nay mai. Tương tự như thế, xã Tân thuận đông, huyện Nhà bè có 483 hộ nông dân sản xuất nông nghiệp, đến nay có 480 hộ (99,4%) mất đất canh tác phải chuyển sang làm các nghề khác (bán quán, chạy chợ, đạp xích lô, khuân vác, lượm ve chai, bán vé số...). Xã Thủ thiêm có 2180 hộ gia đình, trong đó có 330 hộ làm nông nghiệp, nay cũng không còn hộ nào dính dáng đến nghề nông. Hiện tượng gia đình mất chức năng *đơn vị kinh tế độc lập*, trở thành đơn vị tiêu thụ sản phẩm và tiêu dùng các dịch vụ xã hội không chỉ diễn ra ở vùng ven và ngoại thành mà đang diễn ra cả ở nội thành. Một loạt các đơn vị sản xuất tiểu, thủ công nghiệp (quy mô gia đình) bị tan vỡ không thể đương đầu với các tập đoàn, công ty có vốn lớn, công nghệ tiên tiến từ nước ngoài tràn vào. Các gia đình này hoặc phải liên kết nhau lại trở thành một đơn vị sản xuất lớn hơn, hoặc bỏ nghề trở thành người buôn bán lặt vặt, cho thuê mặt bằng. Thực tế này đã diễn ra trong những ngành như : dệt (làng dệt Bảy hiền bị xóa sổ hoàn toàn), sản xuất gạch bông, sản xuất nước ngọt, chế biến cao su.v.v. ở quy mô gia đình hầu như không còn nữa. Ở phường 7, quán Tân bình số hộ chuyển sang phi sản xuất cứ tăng dần từng năm : năm 1990 là 28 hộ, năm 1994 là 43 hộ và sáu tháng đầu năm 1996 là 56 hộ. Trong 600 hộ gia đình mà chúng tôi phỏng vấn trực tiếp thì chỉ có 54 hộ (9%) là còn dính dáng đến sản xuất.

* PTS Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh

Digitized by Google

Chắc chắn rằng xu thế này sẽ còn tiếp tục diễn ra nhanh hơn và mạnh hơn trong nhiều năm tới. Xu thế đó mang tính quy luật. Nhưng một vấn đề có ý nghĩa thực tiễn quan trọng là làm sao để quá trình chuyển đổi cơ cấu nghề nghiệp từ nông nghiệp sang phi nông nghiệp, từ sản xuất nhỏ với quy mô gia đình tới sản xuất lớn trên qui mô xã hội trong quá trình công nghiệp hóa - đô thị hóa gây tổn thất ít nhất và những hậu quả ở mức hạn chế nhất. Muốn vậy, khi tiến hành công nghiệp hóa - đô thị hóa ở mỗi khu vực bắt buộc phải có các dự án đồng bộ, bao gồm quy hoạch giải tỏa, xây dựng, môi trường... và giải quyết các vấn đề xã hội. Lâu nay, ở Việt nam mỗi khi lập dự án thường chỉ quan tâm tới mặt tiến độ, vốn, hình thể, cảnh quan, ... mà ít quan tâm tới mặt xã hội của dự án. Nhân đây tôi xin kiến nghị mấy điểm cụ thể như sau :

- Chuẩn bị tốt về tư tưởng cho người dân khi có sự thay đổi về chỗ ở, nghề nghiệp, thay đổi lối sống và tập quán sinh hoạt, ...

- Tính toán việc đền bù hợp lý, sao cho người nông dân có thể sử dụng một số tiền đền bù một cách có hiệu quả, (chi dùng một phần vào đào tạo nghề nghiệp, một phần vào sản xuất, kinh doanh, một phần vào tích lũy,...). Thực tế cho thấy, có nhiều hộ gia đình từ chỗ có hàng trăm cây vàng được đền bù do không biết đầu tư, chi dùng hợp lý chỉ sau một thời gian ngắn trở thành trắng tay.

- Các cấp chính quyền và các cơ quan có trách nhiệm phải tính toán đến kế hoạch đào tạo nghề cho dân cư vùng mới công nghiệp hóa và đô thị hóa, nhất là đối với thanh niên. Việc đào tạo nghề phải căn cứ vào nguyện vọng cũng như các điều kiện thực tế (nhu cầu thị trường lao động, học vấn, sức khỏe) để hướng cho họ đi vào các loại ngành nghề nào là phù hợp như thương mại, dịch vụ, tạp vụ, công nhân, ... Nếu không làm được điều đó thì sẽ đưa đến tình huống người dân trở nên bơ vơ ngay trên mảnh đất vốn trước đó không lâu là của họ, với tâm trạng chán trường, bất mãn và trở thành gánh nặng cho xã hội.

2. Chức năng giáo dục trẻ em chuyển giao dần cho xã hội.

Một trong những chức năng quan trọng bậc nhất của gia đình ở xã hội nông nghiệp và tiền công nghiệp là truyền thụ nghề nghiệp, giáo dục kiến thức, tạo dựng các kỹ năng, hình thành nhân cách, hướng dẫn các khuôn mẫu hành vi xã hội cùng với quá trình nuôi nấng, chăm sóc con trẻ. Con cháu nhận được từ ông bà, cha mẹ không phải chỉ sự ấp ủ, nuôi dưỡng về vật chất, mà còn là sự chăm lo về tình cảm và tinh thần. Bằng những lời ru, những câu ca dao, những câu chuyện cổ tích, chuyện ngụ ngôn đã truyền cho con cháu những bài học đạo đức, những lời răn dạy. Đó là thế mạnh của giáo dục truyền thống. Nhưng thế mạnh này dần dần được chuyển giao cho xã hội. Việc giáo dục thế hệ trẻ đã được chuyển từ gia đình truyền thống sang cho nhà trường và các phương tiện truyền thông đại chúng theo lối công nghệ. Giáo dục được chương trình hóa, nhất thể hóa, và kế hoạch hóa từ thấp đến cao. Đặc biệt là việc trang bị các kiến thức chuyên nghiệp, tay nghề, kỹ năng, học vấn hiện đại thì trẻ em chỉ có thể nhận được từ hệ thống giáo dục chính thức. Hầu hết con trẻ trong các gia đình hiện nay, kể cả các gia đình công nhân viên chức lẫn gia đình lao động tự do, được giao phó cho hệ thống trường học từ nhà trẻ, tức là từ khoảng 6 tháng tuổi (nhiều trường hợp còn sớm hơn) tới trung học. Qua khảo sát, cứ 300 hộ gia đình có con nhỏ, thì hơn 200 hộ (70%) con cái của họ được gửi cho trường học trong thời gian đi làm việc.

Trong xã hội công nghiệp - đô thị hóa và kinh tế thị trường, mọi người phải hoạt động với nhịp độ nhanh và cường độ mạnh. Chính vì thế mà họ không còn thời gian chăm lo giáo dục con cái, mặc dù hệ thống giáo dục ngoài gia đình còn nhiều vấn đề cần phải giải quyết. Kết quả điều tra cho thấy, cứ 160 (18%) trong số 900 hộ gia đình vì quá bận bịu với việc mưu sinh, họ không có thời gian dành cho việc học hành, kể chuyện, hay trò truyện tâm sự cùng con cái ; 35,2% trong số 900 hộ đó cho biết họ cố gắng lắm cũng chỉ dành được vài chục phút trong ngày cho con cái, một thời gian đủ để hỏi han qua loa việc học hành và quan hệ bạn bè của chúng mà thôi. Có nhiều gia đình thừa nhận họ chưa một lần cùng con cái đến các nơi giải trí công cộng. Hiện tượng cha mẹ càng ngày càng ít biết về con cái ngoài việc mỗi ngày đưa cho con một ít tiền chi tiêu, là biểu hiện rõ rệt sự giảm sút chức năng chăm sóc, giáo dục ở gia

Digitized by Google

đình. Không ít gia đình, khi con cái bị giam giữ vì vi phạm pháp luật, mới té ngửa ra là con mình đã hư hỏng, mặc dù ngày nào chúng cũng cắp cặp đến trường.

Điều mâu thuẫn mà chúng ta dễ nhận thấy là xu hướng gia đình giao phó con cái cho nhà trường ngày càng tăng lên. Trong khi đó trường học lại không thể tăng thêm các chức năng, bởi chỉ riêng việc truyền thụ kiến thức văn hóa đã phải dùng hết quỹ thời gian của các thầy cô giáo (xin lưu ý là chương trình học ngày nay của học sinh rất nặng, không những thế cứ một vài năm số môn học lại gia tăng). Vì vậy, những chức năng như giáo dục đạo đức học đường, chức năng giám sát và định hướng các hành vi của học sinh đường như bị suy giảm. Để giải quyết mâu thuẫn này, thiết nghĩ cần phải chú ý tới mấy điểm sau đây :

- Trước hết phải giải quyết triệt để hơn nữa về nhận thức tầm quan trọng đặc biệt của nhà trường trong xã hội công nghiệp với vai trò là trung tâm chuyên biệt hóa giáo dục của xã hội. Nó sẽ thay dần gia đình trong việc xã hội hóa cá nhân.

- Các bậc phụ huynh cần phải tận dụng tối đa trong mọi điều kiện cho phép duy trì mối quan hệ của các thành viên trong gia đình từ bữa cơm tối, các dịp lễ hội, đến thời gian rảnh rỗi ngắn ngủi trong ngày để mắt tới con cái, đặc biệt là quan tâm tỉ mỉ tới sự phát triển tâm, sinh lý của con trẻ trong từng độ tuổi. Vấn đề này, trong điều kiện Việt nam, các gia đình chưa thể phó thác cho các tổ chức xã hội hay nhà trường. Cần tăng cường mối quan hệ giữa gia đình với nhà trường theo phương thức đối diện, đối thoại. Không nên nghĩ rằng chỉ trả một khoản tiền nào đó cho nhà trường là gia đình không phải quan tâm tới việc giáo dục con cái.

- Người lớn cần đặc biệt quan tâm đến nhóm chơi của con trẻ mà trong thuật ngữ chuyên môn gọi là *nhóm ngang hàng*. Chính chúng tạo ra tiểu môi trường văn hóa riêng biệt ảnh hưởng rất nhiều tới các thành viên của nhóm. Điều này đặc biệt có ý nghĩa trong giai đoạn dậy thì của nam nữ thanh niên.

- Cần tăng cường hoạt động của các tổ chức xã hội (đoàn, đội, hội...) đóng vai trò quan trọng trong "bộ ba" gia đình - xã hội - nhà trường. Những tổ chức này sẽ lôi kéo chúng vào những hoạt động lành mạnh trong thời gian chúng tách ra khỏi nhà trường và gia đình.

3. Chức năng bao bọc và chăm sóc các thành viên trong gia đình, cả về vật chất và tinh thần, có xu hướng giảm nhẹ đi và được xã hội thay thế dần từng phần.

Trong xã hội nông nghiệp và tiền công nghiệp, gia đình và những người thân thuộc bao giờ cũng đóng vai trò chính yếu trong việc bao bọc, giúp đỡ, chia sẻ với thân nhân của mình mỗi khi phải lo toan công việc lớn nhỏ, cũng như khi có khó khăn, hoạn nạn. Nhưng khi chuyển sang xã hội công nghiệp - đô thị thì dường như người dân đô thị bắt đầu có xu hướng chuyển chức năng này sang cho các tổ chức kinh tế hay xã hội. Đó là các loại dịch vụ hoặc của xã hội hoặc của tư nhân, các tổ chức tôn giáo, nghiệp đoàn, ngân hàng, cơ quan, trường học, công đoàn, hiệp hội thông qua rất nhiều các chương trình như trợ cấp xã hội, trợ vốn, phúc lợi xã hội, từ thiện, cứu tế xã hội, an ninh xã hội v.v... Trong số 600 hộ được khảo sát, có đến 160 (26%) cho rằng khi gia đình gặp sự bất trắc thì họ trông cậy nhiều hơn vào cơ quan, đoàn thể, hiệp hội; tỷ lệ này đặc biệt cao ở nhóm công nhân viên chức nhà nước.

Về đời sống văn hóa và tinh thần, trong xã hội nông nghiệp và tiền công nghiệp, gia đình đóng một vai trò khá quan trọng trong các hoạt động nghỉ ngơi, giải trí, cân bằng tâm lý. Còn trong xã hội đang công nghiệp hóa - đô thị hóa, thì phần lớn những hoạt động ấy lại được thực hiện ngoài gia đình và ngoài địa bàn dân cư chật hẹp của mỗi người (đó là rạp hát, công viên, câu lạc bộ, vùng ven đô, quán ăn, nhà thờ, chùa chiền, v.v. ..). Điều này diễn ra thường nhật đối với giới trẻ. Hiện tượng các thành viên của một gia đình gặp mặt nhau đầy đủ trong bữa ăn tối ở đô thị ngày càng trở nên hiếm hoi và đó cũng là một trong những nguyên nhân làm cho mối quan hệ gia đình trở nên ngày một lỏng lẻo. Chính vì thế mà các cơ quan chuyên môn và cơ quan quản lý hữu trách các cấp phải nắm bắt được xu thế này để từ đó chủ động hoạch định phương hướng phát triển sao cho vẫn bảo tồn được những giá trị đích thực của gia đình truyền thống mà vẫn không rơi vào bảo thủ - cản trở sự phát triển xã hội.□

Digitized by Google

HỘI THẢO KHOA HỌC :

HOÀN THIỆN MÔI TRƯỜNG THỂ CHẾ CHO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CÁC HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ VÀ SẢN XUẤT PHI NÔNG NGHIỆP Ở NÔNG THÔN ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG

PHÁT triển các hoạt động dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp ở nông thôn là nội dung quan trọng của chuyển dịch cơ cấu kinh tế, của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước ta trong vài thập kỷ tới. Sự phát triển của nó nhanh hay chậm, bền vững hay không, hiệu quả cao hay thấp tùy thuộc vào nhiều vấn đề trong đó môi trường thể chế (MTTC) chiếm vị trí quan trọng. Do vậy, ngày 12-3-1997, tại huyện Gia lâm, Hà nội, Trường đại học kinh tế quốc dân, Sở nông nghiệp và phát triển nông thôn Hà nội, Ban kinh tế Tạp chí Cộng sản và huyện Gia lâm đã phối hợp tổ chức cuộc hội thảo khoa học : **"Hoàn thiện môi trường thể chế cho phát triển bền vững các hoạt động dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp ở nông thôn đồng bằng sông Hồng"**. Hơn 50 nhà khoa học, nhà quản lý đã tới dự và đóng góp ý kiến cho hội thảo.

Hội thảo đã tập trung thảo luận ba vấn đề : 1 - Những vấn đề lý luận về MTTC cho phát triển bền vững hoạt động dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp. 2 - Thực trạng MTTC và tình hình phát triển ngành dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp ở nông thôn đồng bằng sông Hồng (ĐBSH). 3 - Những kiến nghị nhằm phát triển, hoàn thiện MTTC cho các hoạt động dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp ở nông thôn ĐBSH.

I - Những vấn đề lý luận về MTTC cho phát triển bền vững các hoạt động dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp.

Các ý kiến trong hội thảo nhất trí với khái niệm: MTTC là tổng hợp các nhân tố và điều kiện pháp lý, luật lệ mà tại đó các cơ sở sản xuất kinh doanh tồn tại, hoạt động và phát triển. Đó chính là hệ thống luật, chính sách, cơ chế quản lý vĩ mô của nhà nước và hệ thống tổ chức có quan hệ gắn bó với nhau tạo thành điều kiện phi vật chất cho hoạt động kinh tế của nền sản xuất xã hội.

Môi trường thể chế bao gồm hai nội dung : loại được thể hiện bằng hệ thống luật, các văn bản pháp quy dưới luật thể hiện chính sách, cơ chế quản lý của nhà nước và cả các quy định, thỏa ước của cộng đồng, của địa phương (có thể gọi là nội dung phi hình thể) ; loại thể hiện bằng hệ thống tổ chức như các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức kinh tế, chính trị, xã hội (tạm gọi là nội dung hình thể). Các đại biểu nhấn mạnh, nội dung hình thể là "phần cứng" còn nội dung phi hình thể là "phần mềm" của MTTC. Phần cứng và phần mềm phải tương ứng và thích hợp với nhau, phần mềm có sự thay đổi nhanh hơn, linh hoạt hơn.

Vai trò của MTTC cũng được thảo luận và đi tới thống nhất : *Một là*, MTTC tạo điều kiện, gắn kết các yếu tố vật chất của các hoạt động kinh tế ; *hai là*, điều chỉnh, điều tiết các mối quan hệ kinh tế nảy sinh, hình thành và phát triển trong quá trình gắn kết theo những mục tiêu quản lý. Các đại biểu đã làm rõ vai trò của MTTC trong lĩnh vực hoạt động dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp ở nông thôn. Đó là : 1 - Tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp ở nông thôn phát triển, nhằm chuyển biến một cách mạnh mẽ cơ cấu kinh tế ở nông thôn hiện nay ; 2 - Điều chỉnh, điều tiết, quản lý các mối quan hệ kinh tế - xã hội giữa sản xuất nông nghiệp với dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp nhằm làm cho các hoạt động

Digitized by Google

này hỗ trợ và thúc đẩy lẫn nhau cùng phát triển; 3 - Giữ gìn và bảo vệ môi trường sinh thái cho cuộc sống của nhân dân ở nông thôn. Có ý kiến nhấn mạnh, MTTC đóng vai trò không chỉ là một bộ phận hợp thành như các bộ phận khác của môi trường kinh doanh mà có vai trò xuyên suốt và quyết định sự phát triển hoạt động dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp ở nông thôn, bởi vì nó chi phối, tác động, định hướng cho sự hoạt động của các môi trường khác như môi trường công nghệ, môi trường văn hóa - xã hội, v.v...

Một số đại biểu lưu ý về ranh giới giữa tính động và tĩnh của MTTC. MTTC luôn cần được bổ sung, hoàn thiện bảo đảm sự phát triển liên tục, đều đặn của hoạt động dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp phù hợp với sự vận động của thực tế khách quan. Song mặt khác, MTTC lại cần phải ổn định cho sự phát triển của từng thời kỳ, từng giai đoạn nhất định của các hoạt động phi nông nghiệp.

II - Thực trạng về MTTC và tình hình phát triển ngành dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp ở nông thôn ĐBSH.

Về vấn đề này, các đại biểu dự hội thảo nhất trí rằng, trong thời gian qua, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chính sách hợp lý tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, an toàn và lành mạnh cho hoạt động phi nông nghiệp phát triển mạnh. Chẳng hạn như kiềm chế lạm phát, xử lý lãi suất theo quan hệ thị trường, giao quyền sử dụng ruộng đất cho nông dân, bước đầu cải cách hệ thống thuế, xây dựng dự án phát triển kinh tế cho vùng, khuyến khích xuất khẩu... Nhờ đó tfong những năm qua, hoạt động dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp ở ĐBSH đã có bước phát triển mạnh mẽ. Sự phát triển của hoạt động dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp thể hiện trước hết ở tỷ trọng ngày càng cao của ngành dịch vụ trong GDP ở hầu hết các tỉnh ĐBSH. Đối với hoạt động sản xuất phi nông nghiệp, nhiều ngành nghề truyền thống đã được phục hồi và phát triển mạnh, nhiều nghề mới xuất hiện. Các vùng nông thôn chủ động du nhập nghề mới với phương thức "nhân nghề", "cấy nghề". Nhờ đó, tốc độ phát triển của công nghiệp nông thôn tăng lên nhanh chóng (bình quân 9-11%/năm). Có nơi như Hà bắc, Hải hưng, tốc độ tăng trưởng công nghiệp nông thôn đạt mức 12-18%. Ở nhiều làng nghề, tốc độ tăng trưởng đạt 28-34%/năm. Về tỷ trọng của công nghiệp nông thôn trong GDP các tỉnh ĐBSH đạt trung bình 12-15%.

Sự hạn chế của MTTC được đánh giá trên hai mặt : *thứ nhất*, hệ thống luật chưa hoàn chỉnh, thiếu đồng bộ, còn nhiều khiếm khuyết, chưa được rà soát, điều chỉnh kịp thời, nhất là luật thuế, luật đất đai. Việc thực thi pháp luật và xử lý vi phạm thiếu nghiêm minh đã dẫn đến tình trạng kinh doanh thiếu lành mạnh, gây rối loạn trong hoạt động kinh doanh. *Thứ hai*, các chính sách còn khá nhiều vướng mắc, rõ nét nhất là chính sách thuế, chính sách đầu tư, chính sách hỗ trợ đối với hoạt động dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp. Thuế và chính sách thuế còn nhiều hạn chế thể hiện ở việc định thuế còn nhiều bất hợp lý ; thuế suất cao, nặng về cơ chế thu, chưa có cơ chế động viên nuôi dưỡng nguồn thu ; các mức thuế suất còn phức tạp, quy định về thuế còn rườm rà ; chưa bình đẳng về nghĩa vụ thuế giữa các doanh nghiệp. Chính sách đầu tư và tín dụng chưa khuyến khích các cơ sở phát triển như lãi suất cao, thủ tục vay phức tạp, nhất là điều kiện thế chấp ; thời hạn vay ngắn, lượng vốn vay được ít đã gây khó khăn cho các cơ sở. Chính vì vậy mà ngành dịch vụ trong nông nghiệp nông thôn phát triển còn mang nhiều tính tự phát, chưa có sự quy hoạch, tác dụng kích thích sản xuất phát triển chưa cao. Đối với công nghiệp nông thôn, tuy tốc độ phát triển nhanh nhưng quy mô nhỏ, vốn ít, thiết bị và công nghệ lạc hậu, lao động thủ công là chính, trình độ quản lý còn nhiều hạn chế, chất lượng sản phẩm chưa cao, hiệu quả kinh tế thấp ...

III - Những kiến nghị nhằm phát triển, hoàn thiện MTTC cho phát triển bền vững các hoạt động dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp.

Các đại biểu thống nhất ý kiến cho rằng, muốn xây dựng và hoàn thiện MTTC phù hợp với thực tiễn nông thôn nước ta cần quán triệt một số quan điểm : 1 - Công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn mà một nội dung trọng yếu là phát triển các ngành dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp, là sự nghiệp của toàn đảng, toàn dân. Do đó, ngoài sự đầu tư có trọng điểm của nhà nước nhằm tạo điều kiện cơ bản cần thiết nhất, việc huy động tiềm lực của nhân dân, của các thành phần kinh tế, tức là huy động yếu tố nội lực là quan trọng có ý nghĩa quyết định. 2 - Phát triển dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp đòi hỏi phải tiến hành từng bước từ đơn giản đến phức tạp, từ nhỏ đến lớn, kết hợp hài hòa trình độ công nghệ tiên tiến với kinh nghiệm truyền thống, nhằm tận dụng mọi khả năng và trình độ về lao động, tiền vốn... ở nông thôn. 3 - Phát triển MTTC cho hoạt động dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp ở nông thôn phải dựa trên quy hoạch tổng thể của huyện, tỉnh và toàn vùng. Đặc biệt chú ý quy hoạch các tụ điểm kinh tế, thị xã, thị trấn, thị tứ theo hướng văn minh, hiện đại.

Về những kiến nghị nhằm phát triển, hoàn thiện MTTC cho phát triển bền vững các hoạt động dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp ĐBSH đa số ý kiến tập trung vào những nội dung :

Digitized by Google

1 - *Thực hiện nhất quán chính sách kinh tế nhiều thành phần.* Để thực hiện nội dung này, các đại biểu cho rằng, MTTC cần phát triển và hoàn thiện một cách cơ bản theo hướng sửa đổi, bổ sung các luật và pháp lệnh hiện hành về thuế, đất đai, về khuyến khích đầu tư trong nước và đầu tư nước ngoài tại Việt nam, về công ty, về doanh nghiệp tư nhân, v.v... Các ý kiến nhấn mạnh, việc hoàn thiện MTTC là nhằm tạo cơ sở pháp lý quan trọng khuyến khích, bảo hộ cho hoạt động dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp phát triển đúng hướng.

2 - Thực hiện đồng bộ chính sách thị trường. Đó chính là việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống luật, các văn bản pháp quy, các chính sách làm cơ sở cho việc hình thành và phát triển đồng bộ các thị trường như thị trường vốn, thị trường sức lao động, thị trường chuyển nhượng đất đai, thị trường máy móc thiết bị và công nghệ v.v... Các đại biểu cũng đề cập tới những khó khăn về thị trường đầu ra của các sản phẩm phi nông nghiệp. Nguyên nhân của tình trạng này là : *Một mặt,* do thiếu vốn, công nghệ lạc hậu, khả năng tiếp thị hạn chế, trình độ quản lý còn yếu kém nên chất lượng sản phẩm thấp, giá thành cao, khó cạnh tranh trên thị trường và khó vươn ra xa thị trường bên ngoài. *Mặt khác,* do môi trường chưa thuận lợi như sức mua ở thị trường nông thôn còn thấp, sự thâm nhập trái phép của hàng ngoại. Do đó, các chính sách làm cơ sở cho việc mở rộng thị trường phải mang tính tổng thể vừa hướng vào việc nâng cao năng lực của các cơ sở sản xuất, vừa hướng vào người tiêu dùng để tăng sức mua của thị trường. Một số kiến nghị cụ thể về chính sách nhằm hỗ trợ các đơn vị sản xuất phi nông nghiệp mở rộng thị trường :

- Có chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp về tiếp thị : thực hiện việc cung cấp thông tin thị trường, hướng dẫn và giới thiệu về công nghệ mới, các yếu tố đầu vào khác như lao động, vốn...

- Xây dựng chính sách khuyến khích và hỗ trợ thành lập các trung gian tiêu thụ hàng hóa cho sản phẩm phi nông nghiệp ; giải quyết đầu ra.

- Xử lý nghiêm những vi phạm như làm hàng giả, trốn lậu thuế, không đăng ký kinh doanh để bảo vệ lợi ích cho các cơ sở kinh doanh hợp pháp.

3 - *Hoàn thiện chính sách tài chính, tín dụng.* Hầu hết các đại biểu cho rằng vốn là nhân tố cơ bản, rất quan trọng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh, nhưng hiện nay, nhiều cơ sở dịch vụ và sản xuất phi nông nghiệp đang thiếu vốn nghiêm trọng. Nguyên nhân chủ yếu là do thu nhập thấp nên tỷ lệ tích lũy rất thấp, không đủ đầu tư phát triển ; vay ngân hàng khó khăn vì không đủ tài sản thế chấp, môi trường huy động vốn không an toàn. Vì vậy, các đại biểu kiến nghị, việc hoàn thiện chính sách tài chính tín dụng cần bảo đảm :

- Tạo môi trường huy động vốn an toàn.

- Khuyến khích cạnh tranh trong kinh doanh ngân hàng, đa dạng hóa các hình thức huy động và cho vay vốn, phát triển rộng rãi quỹ tín dụng nhân dân, hạ lãi suất xuống mức hợp lý, giảm các thủ tục phiền hà khi vay vốn...

- Hình thành các quỹ bảo lãnh tín dụng và thực hiện bảo lãnh tín dụng.

- Ưu đãi tín dụng và hỗ trợ đối với những ngành nghề có công nghệ tiên tiến, hiện đại, sản phẩm mới.

- Xúc tiến hình thành thị trường vốn trung - dài hạn.

Một nội dung được các đại biểu nhấn mạnh là chính sách thuế phải trở thành đòn bẩy kích thích sản xuất và là công cụ điều tiết thúc đẩy các doanh nghiệp đầu tư phát triển sản xuất. Do đó, chính sách thuế cần được sửa đổi, bổ sung theo hướng khuyến khích (miễn thuế) đối với các doanh nghiệp mới thành lập, các sản phẩm mới ; miễn giảm thuế cho các hoạt động nghiên cứu, triển khai ; sửa đổi cơ chế định - thu - kiểm thuế theo hướng phát huy tính tự giác, tự khai của các cơ sở sản xuất kinh doanh kết hợp với sự kiểm tra chặt chẽ của các cơ quan nhà nước.

4. *Thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo lao động.* Đào tạo nâng cao tay nghề cho người lao động và chủ doanh nghiệp là yếu tố rất quan trọng để nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả sản xuất. Tuy vậy, do quy mô nhỏ, tài chính có hạn nên các doanh nghiệp ít có điều kiện đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân và chủ doanh nghiệp. Do đó, cần có sự hỗ trợ của nhà nước (cả trung ương và địa phương). Các chính sách hỗ trợ đào tạo lao động cần hướng vào việc đa dạng hóa hình thức đào tạo, huy động nhiều nguồn kinh phí đào tạo, trên cơ sở nhà nước và nhân dân cùng làm. Các chính sách hỗ trợ đào tạo cần:

- Đầu tư cho các trung tâm dạy nghề hiện có ở các địa phương, xây dựng thêm các trung tâm mới đáp ứng được nhu cầu đào tạo nghề hiện nay.

- Sử dụng quỹ đào tạo cho cả việc đào tạo nghề ở các doanh nghiệp.

- Khuyến khích các doanh nghiệp tự đào tạo, trích một phần thuế trong nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp giữ lại làm quỹ đào tạo.

- Giảm phần chi phí đào tạo trong tổng thu nhập chịu thuế cho các doanh nghiệp (như dự thảo luật thuế thu nhập doanh nghiệp).□

Nguyễn Vũ Bình *(thực hiện)*

Digitized by Google

Sơn đầu chủ nghĩa

MAI NINH

CÁCH đây cũng đã lâu lâu, thủ trưởng lớn của chúng tôi phê bình một thủ trưởng nhỏ : Anh mắc bệnh sơn đầu chủ nghĩa cho nên đi đâu cũng gây ra mất đoàn kết nội bộ ! Thật tình lúc đó, tôi không hiểu lắm sơn đầu chủ nghĩa là gì. Song cứ theo kiểu duy danh định nghĩa thì sơn đầu chủ nghĩa là chủ nghĩa đỉnh núi, hay chóp núi cũng được. Người mắc bệnh sơn đầu chủ nghĩa là người thích leo cao, nhô lên. Mà leo cao, nhô lên kiểu đó không phải chủ yếu bằng năng lực, trí tuệ mà bằng thủ đoạn. Không ai được cao bằng mình, dù người ta hơn mình một cái đầu ! Vậy phải đè cái đầu cao ấy xuống, hoặc ít ra cũng gạt nó sang một bên. Có thế mình mới thành đỉnh, thành chóp được. Như vậy, thử hỏi làm sao mà đoàn kết được với những người chung quanh, với đồng chí và đồng sự ?

Lại một lần khác, và nhiều lần khác, tôi được nghe phê bình trong chi bộ mấy đồng chí về bệnh kèn cựa địa vị. Việc xảy ra thường vào những dịp nâng lương hoặc cất nhắc cán bộ. Người kèn cựa địa vị hay lập luận : tay ấy hơn mình là mấy mà lại được cử giữ chức to hơn mình đến như vậy ? Hoặc : hắn cũng chỉ trứng gà, trứng vịt như mình sao lại được lương cao hơn mình ? Hoặc : hắn không bằng mình sao vẫn được hưởng chế độ như mình ? Thế là theo ba cấp độ, có ba cách so bì khác nhau. Cái thước đo để so bì là cá nhân mình. Mà cái thước đo ấy được gia giảm theo kiểu : cái tốt, cái được thì thêm cho mình một ít, bớt cho người khác một ít ; còn cái xấu, cái hỏng thì thêm cho người khác một ít, bớt cho mình một ít. Có thế mới "kèn cựa" được chứ !

So với người mắc bệnh sơn đầu chủ nghĩa thì người mắc bệnh kèn cựa địa vị có khác một chút. Anh này thường ở thế "lép", vì cảm thấy "lép" nên mới kèn cựa, và biểu hiện rõ nhất là hay kéo chân người khác lại. Còn anh kia thường ở thế thượng phong, thượng phong nên mới tìm cách nhô lên bằng việc đè người ta xuống hoặc gạt người ta ra. Dù ở những dạng khác nhau, cả hai đều là biểu hiện của chủ nghĩa cá nhân rất nặng.

Còn một dạng thứ ba không thể không nói đến : tư tưởng "đầu gà hơn đuôi trâu". Thà làm thủ trưởng một đơn vị cấp dưới hơn là làm chuyên viên ở một đơn vị cấp trên. Người có tư tưởng này hay nghĩ rằng thủ trưởng là lãnh đạo, có quyền có chức, còn chuyên viên là "đầu sai", là ba không (không quyền, không chức, không quân). Tư tưởng này thường bộc lộ vào những dịp sắp xếp tổ chức và nó gây trở ngại không nhỏ cho việc điều động cán bộ. Chia tách một đơn vị thành hai đơn vị tương đương thì nhiều "thủ phó" và chuyên viên sẽ trở thành thủ trưởng. Điều đó rất dễ được hoan nghênh. Còn nếu sáp nhập hai đơn vị lại thành một thì khó đấy, bởi lẽ nhiều thủ trưởng sẽ trở thành "thủ phó" hoặc chuyên viên. Điều một trưởng phòng, một giám đốc hay một chủ tịch cấp dưới đến làm chuyên viên ở cấp trên khó hơn nhiều so với việc cử chuyên viên làm chủ tịch, giám đốc hay trưởng phòng ở cấp dưới. Có thể gặp những câu trả lời như : "Em không quen làm chuyên viên", hoặc nói lịch sự hơn "em không quen công tác nghiên cứu", "em ở công tác đang làm thích hợp hơn", v.v.. (Tất nhiên, muốn đảm nhiệm công tác nào đều phải được đào tạo ; song ở đây chỉ đề cập mặt tư tưởng chứ chưa nói đến vấn đề đào tạo).

Khắc phục như thế nào ba dạng biểu hiện nói trên của chủ nghĩa cá nhân ? Thiết nghĩ, vấn đề tư tưởng phải được giải quyết trước hết bằng biện pháp tư tưởng. Song cơ chế, chính sách có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Phải có một cơ chế rõ ràng về đánh giá, tuyển chọn, sử dụng và đề bạt cán bộ sao cho không một ai có thể tự đánh giá mình một cách chủ quan, hoặc tự cho mình cái quyền được đè đầu, kéo chân người khác. Ai có tư tưởng địa vị, dù là sơn đầu chủ nghĩa, kèn cựa hay muốn làm "đầu gà hơn đuôi trâu" đều phải bị đặt trong cái thế chân không, chơi vơi không đất đứng.❑

Digitized by Google

GIAO LƯU VÀ HỘI NHẬP VĂN HÓA TRONG KHU VỰC

PHẠM ĐỨC THÀNH *

Lâu nay, trong lịch sử bang giao giữa các nước trong khu vực Đông - Nam Á, quan hệ về chính trị, kinh tế được quan tâm hơn quan hệ về văn hóa. Do vậy sự hiểu biết lẫn nhau về văn hóa trong khu vực từ trong truyền thống còn quá ít. Mặt khác, sự thống trị của chủ nghĩa thực dân đế quốc với chính sách "chia để trị" cổ truyền, từ giữa thế kỷ XIX, đã khiến cho sự giao lưu, liên hệ nhiều mặt trong đó có văn hóa giữa các nước bị đứt đoạn. Những di chứng của sự nghi ky lẫn nhau trong nhiều thập kỷ chiến tranh lạnh, dường như làm cho sự không hiểu nhau, sự cách ngăn về văn hóa càng tăng lên. Một thành ngữ khá phổ biến được lưu truyền trọng khu vực là : "muốn yêu nhau phải hiểu nhau". Và muốn hiểu nhau trước hết phải biết về bản sắc văn hóa của nhau. Chính vì thế, hiện nay hơn bao giờ hết giao lưu, hội nhập văn hóa như là một nhịp cầu hữu nghị giữa các dân tộc sẽ góp phần quan trọng vào sự liên kết khu vực và ngược lại sự liên kết khu vực sẽ tạo điều kiện tiền đề thuận lợi cho sự giao lưu và hội nhập văn hóa. Trên cơ sở đó chúng ta sẽ từng bước xác lập cách nhìn mới, ở tầm cao về những đặc trưng văn hóa của từng nước cũng như toàn bộ khu vực mình.

1 - Những đặc trưng văn hóa Đông - Nam Á

Ngày nay các nhà khoa học đều thống nhất nhận định Đông - Nam Á là một khu vực lịch sử, văn hóa. Nó phát triển liên tục từ tiền sử đến hiện sử tạo nên một nền văn hóa Đông - Nam Á mang những đặc trưng chung. Yếu tố cơ bản đã làm nên nét tương đồng ấy là nền văn minh nông nghiệp lúa nước. Nhiều bộ môn khoa học, trước hết là sinh thái học, dân tộc học, khảo cổ học... đã chứng minh Đông - Nam Á là một trong những cái nôi trồng trọt cổ của loài người. Trên nền tảng của hệ sinh thái phổ quát vùng nhiệt đới gió mùa, cư dân Đông - Nam Á đã sáng tạo nên một hệ sinh thái vùng nhiệt đới. Đó là hệ sinh thái của cây lúa nước. Các cư dân vùng này đều lấy nông nghiệp lúa nước làm chỗ dựa và xây dựng nên những nền văn hóa truyền thống mang sắc thái dân tộc độc đáo. Tính bền vững của nền văn minh nông nghiệp lúa nước đến tận ngày nay còn được biểu trưng bằng hình tượng bó lúa trên lá cờ của tổ chức ASEAN.

Ngôi nhà sàn là sản phẩm độc đáo của cuộc sống định cư của cư dân Đông - Nam Á. Nó không chỉ thích hợp với khí hậu nhiệt đới nóng ẩm, chống được thú dữ mà còn giải quyết mặt bằng trong mọi địa hình. Nhà sàn là biểu tượng văn hóa tập trung trong đó tất cả những gì có liên quan đến cuộc sống con người, những thiết chế gia đình, những quan niệm thẩm mỹ của người lao động. Chu trình và phương thức canh tác lúa nước của cư dân sống trong những ngôi nhà sàn như vậy đã tạo nên mọi biểu hiện của văn hóa vật chất và tinh thần hết sức giống nhau. Cư dân Đông - Nam Á đều quan tâm hàng đầu tới thủy lợi, đều ăn cơm cá, đều chinh phục tự nhiên vì cây lúa, cho cây lúa... Trên nền tảng đó đời sống tinh thần của cư dân Đông - Nam Á cũng vận hành theo chu trình của cây lúa.

Các cư dân Đông - Nam Á đều có tục thờ vạn vật hữu linh, thờ cúng tổ tiên, có hệ thống thần thoại, cổ tích, lễ hội dân gian hết sức phong phú. Hầu như quanh năm suốt tháng họ tắm mình trong không khí lễ hội dân gian. Ngay trong lĩnh vực sân khấu người ta thấy có những nét giống nhau về nguồn gốc, ý niệm và nội dung phản ánh. Đó là tính thiêng, nhuốm màu tâm linh, đậm tính dân gian trong tất cả các loại hình.

Bên cạnh những nét tương đồng, văn hóa Đông - Nam Á lại có những nét khác biệt. Có sự khác biệt đó trước hết là do sự khác nhau trong cách sống, nếp sống giữa các tộc người vốn mang tính độc đáo trong cơ tầng chung của văn hóa Đông - Nam Á. Theo các nhà nhân chủng học thì cách đây 4 vạn năm, Đông - Nam Á đã chứng kiến bước nhảy vọt biện chứng từ

* PGS, PTS Viện trưởng Viện nghiên cứu Đông - Nam Á, Trung tâm khoa học xã hội và nhân văn quốc gia

Digitized by Google

người thượng cổ (néanderthal) thành người hiện đại (homosapiens). Nơi đây đã diễn ra sự giao hòa giữa hai đại chủng oxtraloit và mongoloit. Kết quả đã tạo ra nhiều loại hình nhân chủng có sự kết hợp ở mức độ đậm nhạt khác nhau những đặc điểm của hai đại chủng này trên khắp các vùng cư trú. Tuy nhiên đứng về mặt ngôn ngữ - dân tộc đại thể người ta có thể thấy ở Đông - Nam Á xuất hiện ba hệ tộc người chính. Đó là hệ Hán - Tạng (Sino - Tibeter family), hệ Nam Á (Austroasiatic family) và hệ Nam Đảo (Austronesien family). Chính sự khác nhau về mặt tộc người này đã làm cho diện mạo văn hóa tộc người ở các nước Đông - Nam Á có sự đa dạng, khác biệt. Chẳng hạn trường hợp ở Gia-va (In-đô-nê-xi-a), trước khi chịu ảnh hưởng của văn hóa Ấn độ, nền văn minh Gia-va đã có những dấu ấn riêng như sân khấu rối bóng Wayang ; dàn nhạc bằng những nhạc cụ riêng lẻ Gamelan và cách nhuộm vải Batic đặc biệt.

Một trong những đặc trưng văn hóa nổi bật của khu vực là một quốc gia bao gồm nhiều dân tộc và một dân tộc lại cư trú trên nhiều lãnh thổ. Do vậy đã tạo nên tính đa sắc về văn hóa của từng quốc gia.

Sự khác biệt, đa dạng về văn hóa càng rõ nét sau hai cuộc hội nhập văn hóa : lần thứ nhất vào đầu công nguyên khi tiếp xúc với hai nền văn hóa Trung hoa và Ấn độ ; rồi thế kỷ XIV và XV một số nước như Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, Nam Phi-lip-pin đã tiếp nhận Hồi giáo qua con đường từ Trung cận Đông và Ấn độ. Cuộc hội nhập văn hóa lần thứ hai vào thế kỷ XVI khi chủ nghĩa tư bản phương Tây bắt đầu đặt chân lên Đông - Nam Á. Chính vì thế sự khác biệt về văn hóa giữa các nước trong khu vực càng bộc lộ rõ nét, nhất là trong lĩnh vực tôn giáo. Mỗi nước đều có những tôn giáo chính như Phật giáo ở Lào, Cam-pu-chia, Thái lan, My-an-ma, Hồi giáo ở Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, Bru-nây Da-ru-xa-lam, Thiên chúa giáo ở Phi-lip-pin. Đồng thời mỗi nước lại có nhiều tôn giáo cùng song song tồn tại. Chẳng hạn như ở Việt nam đều có sự hiện diện của tất cả các tôn giáo trong vùng.

Có thể thấy thêm một thực tế nữa là trong suốt thời kỳ lịch sử hiện đại, các nước Đông - Nam Á đã tiếp xúc với những nền văn minh khác nhau nên trong lối sống hiện đại cũng thể hiện những nét khác nhau.

2 - Giao lưu và hội nhập văn hóa

Nằm trong đường lối đối ngoại chung mở cửa và hội nhập với thế giới, Việt nam đã tham gia vào tổ chức khu vực (ASEAN). Một trong những nội dung hội nhập khu vực là giao lưu, hội nhập về văn hóa. Sức mạnh của dân tộc Việt nam trong quá trình dựng nước và giữ nước chính là sức mạnh văn hóa. Văn hóa bao giờ cũng đi trước một bước trong sự phát triển của đất nước, trong sự giao lưu, hội nhập quốc tế. Trên một ý nghĩa nào đó chính là chúng ta muốn khám phá thế giới và mặt khác thế giới cũng sẽ khám phá chúng ta qua con đường giao lưu, hợp tác và hội nhập.

Một thực tế lịch sử đã diễn ra là văn hóa Đông - Nam Á nói chung và văn hóa Việt nam nói riêng đã từng trải qua hai lần hội nhập. Một số nhà nghiên cứu phương Tây trước đây cho rằng văn hóa Đông - Nam Á chỉ là sự vay mượn, chỉ là khu vực ngoại vi của hai nền văn hóa lớn Ấn độ, Trung hoa hoặc văn hóa Đông - Nam Á là văn hóa bị Trung quốc hóa, Ấn độ hóa. Có người còn cho rằng văn hóa Đông - Nam Á chỉ là sự vay mượn những nền văn hóa của các nước đã từng thống trị Đông - Nam Á như Hà lan, Tây ban nha, Bồ đào nha, Anh, Pháp, Mỹ... Vấn đề này nên hiểu như thế nào ? Cho đến nay nhiều người phải thừa nhận rằng một trong những đặc trưng văn hóa Đông - Nam Á là khả năng tiếp nhận, thâu hóa những yếu tố văn hóa từ bên ngoài để làm giàu thêm, phong phú thêm những bản sắc văn hóa vốn có của mình.

Do vị trí địa lý nằm giữa trục giao lưu Đông - Tây và Nam - Bắc, Đông - Nam Á đã trở thành ngã tư của các nền văn minh. Đông - Nam Á đã sớm tiếp xúc với hai nền văn hóa lớn Trung hoa và Ấn độ. Có thể bắt đầu từ đầu Công nguyên, từ cái nền chung là cơ tầng văn hóa bản địa Đông - Nam Á, các tộc người ở đây đã bắt gặp làn sóng văn hóa Ấn độ theo chân các thương nhân một cách hòa bình và tiếp nhận văn hóa Trung quốc từ những người Trung quốc thống trị. Chính cuộc hội ngộ văn hóa này đã làm cho các dân tộc ở đây định hình và phát triển hơn với sự ra đời của các quốc gia cổ đại như Phù nam, Cham-pa ; muộn một chút là Lan-ka-su-ka, Tam-bra-lin-pa, Ta-ko-la... trên bán đảo Mãlai ; rồi Ta-ru-na, I-a-va-đơ-vi-pa, Ka-lin-ga, Xi-ri-vi-gia-oa ở các đảo Nam dương, Đơ-va-ra-tô ở lưu sông Me-nam...

Chính từ cuộc hội nhập văn hóa lần thứ nhất này đã làm cho bản sắc văn hóa Đông - Nam Á thêm đa dạng thể hiện trên nhiều lĩnh vực. Bên cạnh tín ngưỡng bản địa là các tôn giáo hiện đại như Hinđu, đạo Phật ; kiến trúc điêu khắc mang dấu ấn của tư tưởng triết học Ấn độ ; văn học nghệ thuật cũng tiếp nhận những yếu tố của văn hóa Ấn độ, Trung hoa. Tuy nhiên cũng phải thấy rằng trong khi tiếp thu những yếu tố của văn hóa Trung hoa, Ấn độ, văn hóa Đông - Nam Á vẫn giữ được những dấu ấn của từng dân tộc. Điều này được thể hiện khá rõ nét trong sự khác biệt giữa trường ca

Digitized by Google

Ramayana của Ấn độ với Riêmkê của Cam-pu-chia, với Rakakhiên của Thái lan. Do vậy không thể nói khu vực này đã tạo dựng được một nền văn hóa "phi Ấn, phi Hoa", cũng không thể nói được văn hóa Đông - Nam Á đã hoàn toàn tan biến vào hai nền văn hóa Trung hoa và Ấn độ. Có lẽ thái độ đúng đắn nhất là nên thừa nhận thuộc tính tiếp thu, thâu hóa của văn hóa Đông - Nam Á đã làm nên bản sắc đa dạng của mình. Có dịp đến các nước Đông - Nam Á chúng ta sẽ được chứng kiến sự hòa đồng tôn giáo. Đức Phật ngồi trên tòa sen có rắn thần Naga làm lọng che mưa nắng ; bên cạnh các vị thần trong thần điện Ấn độ, người Đông - Nam Á vẫn thờ thần thành hoàng, thờ sinh thực khí với nhiều biến thể khác nhau.

Người ta nói nhiều về tính cuồng tín của Hồi giáo ở một số nước Trung Cận Đông, Bắc Phi hoặc Nam Á, nhưng ở Đông - Nam Á thì ngược lại, Hồi giáo khá uyển chuyển và mềm mại. Điều này có nguyên nhân của nó. Trước hết Hồi giáo vào Đông - Nam Á qua con đường Ấn độ. Chính từ cái máy lọc đầy tính nhập thế này mà Hồi giáo Đông - Nam Á đã gắn bó chặt chẽ với cuộc sống đời thường. Mặt khác khi Hồi giáo vào Đông - Nam Á đã tiếp thu tính nhân bản cởi mở của khu vực (tính nhân bản vốn có của nền văn minh nông nghiệp lúa nước đã được triết lý hóa cùng với sự xuất hiện của Phật giáo ở trong vùng). Và vì thế Hồi giáo ngày nay đã trở thành quốc giáo của nhiều nước trong khu vực Đông - Nam Á, thậm chí nó đã trở thành tư tưởng giường cột của xã hội, những lý thuyết phát triển kinh tế - xã hội của những nước đi theo Hồi giáo. Với thuộc tính tiếp thu, thâu hóa làm cho bản sắc văn hóa ngày càng phong phú và đa dạng, văn hóa Đông - Nam Á bước vào cuộc hội nhập văn hóa lần thứ hai ở thế kỷ XVI khi chủ nghĩa tư bản phương Tây dòm ngó và đặt chân lên vùng đất này. Cuộc hội nhập lần thứ hai tuy diễn ra muộn nhưng quyết liệt, đẫm máu hơn. Tuy vậy văn hóa Đông - Nam Á đã tiếp thu được những tinh hoa của nhân loại qua những nhà truyền giáo và những ngài thực dân "muốn khai hóa văn minh cho những cư dân mông muội". Đó là kết quả khách quan ngoài ý muốn của các "ngài thực dân" ấy.

Có ý kiến còn cho rằng cuộc hội nhập văn hóa lần thứ hai đã làm cho nền văn hóa của các quốc gia tại đây được cấu trúc lại, dẫn tới việc các nước này từng bước rời bỏ "phương thức sản xuất châu Á" với nền văn minh nông nghiệp truyền thống để đi vào quỹ đạo của nền văn minh công nghiệp. Như vậy cả hai lần hội nhập đều dẫn đến kết quả bản sắc văn hóa dân tộc càng được định hình rõ hơn, đa dạng, đa diện hơn, càng được thử thách, mài dũa và có bản lĩnh hơn. Tiếp thu, thâu hóa những nền văn hóa lớn thậm chí của đối phương muốn chinh phục xứ sở mình nhưng không đánh mất mình là nét hằng xuyên của văn hóa Đông - Nam Á.

Nói riêng về Việt nam, chính trong quá trình đấu tranh chống chủ nghĩa thực dân Pháp, văn hóa Việt nam lại tiếp nhận được nhiều thành tựu của nền văn hóa Pháp để cách tân nền văn hóa truyền thống của mình. Quá trình tiếp xúc và giao thoa văn hóa đã làm biến đổi diện mạo của nền văn hóa Việt nam trên các mặt. Đó là sự ra đời của những nhân tố văn hóa mới như chữ quốc ngữ, nhà trường tân học, báo chí, xuất bản, các ngành văn hóa nghệ thuật hiện đại : kiến trúc, hội họa, âm nhạc, điện ảnh, sân khấu... và những nhân tố xã hội mới có quan hệ chặt chẽ với văn hóa. Đó là tầng lớp tân học, thị dân, cộng đồng thiên chúa giáo... Đó là quá trình tiếp biến văn hóa diễn ra theo quy trình từ sao phỏng, mô phỏng đến bản địa hóa. Đó là sự đổi mới văn hóa Việt nam đã tạo nên diện mạo nền văn hóa hiện đại mà sau này lực lượng cách mạng Việt nam đã tiếp nhận để xây dựng thành một nền văn hóa mới mang đậm bản sắc, tính cách dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt nam.

Như vậy là trải qua các quá trình tiếp biến văn hóa, văn hóa Đông - Nam Á đã tích hợp vào nó các yếu tố, các sắc thái từ bên ngoài để từng bước xác lập nên bản sắc văn hóa dân tộc đặc sắc vừa cứng cỏi, vừa uyển chuyển thích nghi, vừa đủ đóng để giữ gìn những cái vốn có, vừa đủ mở để tiếp nhận những tinh hoa từ bên ngoài. Cũng như các nền văn hóa của các khu vực khác, văn hóa Đông - Nam Á là một hệ thống mở, nghĩa là phải có tiếp nhận trên cơ sở chọn lọc, thêm bớt các yếu tố văn hóa bên ngoài để làm phong phú thêm bản sắc dân tộc của mình. Nhưng hệ thống mở không chỉ mở một chiều - chiều tiếp nhận mà còn có chiều ngược lại - chiều đóng góp. Một số học giả nước ngoài đã thừa nhận rằng chính trong quá trình phát huy ảnh hưởng văn hóa của mình ở Đông - Nam Á, các nước phương Tây đã tiếp nhận được nhiều yếu tố văn hóa của các nước Đông - Nam Á. Đây là một đề tài khoa học đang được nhiều học giả quan tâm nghiên cứu. Quả thực là ngày nay khi mà ở phương Tây đời sống xã hội, đời sống con người đang trong vòng quay gấp gáp của lối sống công nghiệp thì nhiều người ở những xứ sở đó lại muốn đến với văn hóa phương Đông, tìm lại sự hài hòa giữa con người với thiên nhiên. Như vậy, một thực tế lịch sử để lại là không có nền văn hóa đóng kín của một dân tộc nào

Digitized by Google

lại có thể định hình và phát triển được. Chính trong quá trình giao lưu, tiếp xúc, hội nhập, lựa chọn tối ưu những tinh hoa của văn hóa nhân loại, nền văn hóa của dân tộc đó càng thêm đa dạng, đa diện, phong phú và có bản lĩnh hơn. Nói cách khác, cho đến ngày nay những đặc trưng văn hóa của mỗi một dân tộc đều là kết quả của cả một quá trình hình thành, định hình và phát triển thông qua sự giao lưu, tiếp xúc và hội nhập với các nền văn hóa khác trên nền tảng văn hóa vốn có của mình.

3 - Những hoạt động giao lưu, hội nhập văn hóa

Không giống với những lần hội nhập văn hóa đã diễn ra trong lịch sử, lần này các nước trong khu vực đã có ý thức chủ động trong giao lưu hội nhập văn hóa. Một trong những nội dung quan trọng nhất của Tuyên bố của ASEAN từ năm 1967 là muốn thúc đẩy sự giao lưu hội nhập văn hóa giữa các nước trong Hiệp hội để tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau về văn hóa, lịch sử. Tuyên bố Băng cốc (1967) và Tuyên bố Ba-li (1976) cũng nhấn mạnh là phải tăng cường phát triển văn hóa trong khu vực, khuyến khích sự hợp tác thông qua các hoạt động cụ thể của Hiệp hội ASEAN.

Sự hợp tác về văn hóa thông tin của ASEAN được thực hiện thông qua Ủy ban văn hóa và thông tin (the Committee on Culture and Information - COCI) được thành lập từ năm 1978 nhằm vào các mục tiêu chính sau :

- Giới thiệu và phát triển các chương trình về hợp tác khu vực trong các lĩnh vực về văn hóa, thông tin.
- Hướng dẫn và liên kết việc thực hiện những hoạt động đã được Ủy ban thông qua.
- Đề ra, thực hiện và xem xét những dự án về văn hóa thông tin đã được thông qua do quỹ văn hóa của ASEAN tài trợ.

Việc thực hiện các chương trình cụ thể của Ủy ban COCI là nhằm vào các mục tiêu cụ thể sau :

- Khuyến khích sự hợp tác có hiệu quả trong lĩnh vực văn hóa và thông tin để thúc đẩy sự hiểu biết lẫn nhau và tăng cường sự đoàn kết giữa các thành viên cũng như cả khu vực.
- Tăng cường sự phát triển văn hóa trong khu vực thông qua nỗ lực chung để đẩy mạnh sự nghiệp xây dựng cộng đồng ASEAN hòa bình, thịnh vượng.
- Khuyến khích sự hiểu biết và nhận thức về văn hóa ASEAN : những nét tương đồng, đa dạng và những mối quan hệ từ truyền thống đến hiện đại giữa nhân dân các nước ASEAN.
- Khuyến khích sự giao lưu trao đổi về thông tin nhằm nâng cao nhận thức về bản sắc văn hóa của khu vực trong nhân dân các nước ASEAN.

Để thực hiện có hiệu quả những nhiệm vụ cơ bản của mình, Ủy ban văn hóa thông tin ASEAN (COCI) được chia làm 4 nhóm công tác : nhóm công tác về văn bản học và nghiên cứu về ASEAN ; nhóm công tác về nghệ thuật biểu diễn và trưng bầy ; nhóm công tác về phát thanh - truyền hình và điện ảnh - video ; nhóm công tác về in ấn báo chí và truyền thông đại chúng. Cho đến nay Ủy ban văn hóa thông tin của ASEAN đã trải qua nhiều phiên họp hỗn hợp và 12 phiên họp của từng nhóm công tác để xem xét đánh giá những công việc đã làm trong thời gian qua và thông qua những dự án cho những năm sắp tới.

Gần đây, tại U-don Tha-ni (Thái lan) trong các ngày từ 2 đến 7-3-1997 đã diễn ra hai cuộc họp của ASEAN COCI : họp hỗn hợp và họp riêng của 4 nhóm công tác để xem xét đánh giá về kết quả thực hiện các dự án về văn hóa - thông tin giai đoạn 1994 - 1997 và xây dựng kế hoạch hành động giai đoạn 1997 - 2000.

Trong việc xây dựng chương trình hành động cho ba năm tới (1997 - 2000) thuộc lĩnh vực văn hóa thông tin theo tinh thần của cuộc gặp cấp cao lần thứ V các nguyên thủ quốc gia ASEAN về việc nâng hợp tác chuyên ngành lên một tầm cao mới, cuộc họp hỗn hợp đã xác định những chương trình trọng điểm hàng đầu trong lĩnh vực văn hóa - thông tin là : - Mở rộng mạng thông tin ASEAN Web ; Phát triển kênh truyền hình vệ tinh ASEAN ; Dự án liên hoan nghệ thuật ASEAN tổ chức hai năm một lần ; Chương trình thanh niên hữu nghị ASEAN ; và một số chương trình nghiên cứu khác về văn hóa, thông tin thuộc các nước ASEAN.

Qua những kết quả của những dự án được thực hiện ở 4 nhóm công tác trong những giai đoạn trước mà Việt nam chưa có điều kiện tham gia và những dự án cho những năm sắp tới, chúng ta thấy được rằng các nước ASEAN muốn tăng cường hiểu biết và học tập lẫn nhau trong nhiều lĩnh vực thuộc văn hóa - thông tin như về văn học, nghệ thuật, sân khấu, các công tác bảo tồn bảo tàng văn hóa, công tác thông tin thư viện... Một cảm nhận dễ thấy trong sự giao lưu, tiếp xúc giữa các nhà hoạt động văn hóa, khoa học của khu vực là người ta thấy rất gần nhau, thông cảm, hiểu biết nhau và dễ hòa nhập với nhau nhưng vẫn giữ được cái riêng, cái bản sắc văn hóa của mình, đồng thời lại có thể tiếp thu được nhiều tinh hoa, nhiều yếu tố mới của văn hóa các nước trong khu vực. ❑

Digitized by Google

TRIỂN VỌNG CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI DƯỚI ÁNH SÁNG TƯ TƯỞNG LÊ-NIN*

Tạp chí *"Đối thoại"* (tiếng Nga) số 12-1996 đăng bài viết của giáo sư tiến sĩ sử học Va-len-tin Cô-lô-mi-xep phân tích sự phát triển và những thử thách bởi thực tiễn đối với tư tưởng xã hội chủ nghĩa trong thế kỷ XX. Chúng tôi xin giới thiệu nội dung chính của bài viết này.

HỌC thuyết Mác dựa trên cơ sở khoa học của tư tưởng xã hội chủ nghĩa đã trải qua một cuộc kiểm nghiệm toàn diện trong thế kỷ XX. Những luận điểm của nó về chủ nghĩa duy vật lịch sử, về cơ chế của nền sản xuất tư bản chủ nghĩa, về những con đường đấu tranh cho công bằng xã hội đã trở thành tài sản văn hóa và khoa học chung của nhân loại.

Nước Nga xứng đáng được coi là quê hương thứ hai của học thuyết Mác. Chủ nghĩa xã hội ở Nga đã trải qua cả thắng lợi lẫn thất bại, nhưng dù sao nó cũng không hề là một "sai lầm lịch sử", mà đã đưa đất nước thoát khỏi tình trạng lạc hậu, giúp nhiều dân tộc và sắc tộc vươn tới trình độ hiện đại, văn minh.

Trong khi đa số các lãnh tụ của Quốc tế II vẫn giải thích Mác một cách giáo điều, coi sự phát triển của lực lượng sản xuất tự động đưa đến cách mạng xã hội chủ nghĩa, thì Lê-nin lại dựa trên lập trường mác xít sáng tạo chủ trương tích cực cải tạo xã hội. Người đặt quan niệm về chuyên chính vô sản vào chính tiêu điểm lý luận cách mạng, trái với nhiều nhà dân chủ - xã hội như Cau-xki, và Plê-kha-nốp, là những người xem chuyên chính vô sản hoàn toàn không hội tụ được thực chất của học thuyết về cách mạng xã hội chủ nghĩa. Nhưng thực tế đã xác nhận là Lê-nin đúng, vì không một cuộc cách mạng nào trong lịch sử lại hứa hẹn sẽ từ bỏ bạo lực, và chuyên chính vô sản là biện pháp thích đáng để lật đổ sự thống trị của giai cấp tư sản. Tuy nhiên, quy chủ nghĩa Mác - Lê-nin về sự biện hộ cho bạo lực thì đó là một điều bịa đặt giả dối.

Lê-nin là nhà lý luận vĩ đại nhất về hành động cách mạng. Người đã bảo tồn và phục sinh thực chất cách mạng của chủ nghĩa Mác, đã đưa ra những định nghĩa sinh động về tình thế cách mạng, về các nguyên lý xây dựng đảng cách mạng, về lý luận cách mạng xã hội chủ nghĩa. Chính Người cũng dạy rằng, đảng cộng sản phải nắm chắc mọi hình thức đấu tranh giai cấp như hợp pháp và bất hợp pháp, hòa bình và không hòa bình, nghị viện và ngoài nghị viện, không trừ ngoại lệ nào ; phải sẵn sàng thay đổi bất ngờ và mau lẹ nhất hình thức đấu tranh này bằng hình thức đấu tranh khác.

Về giai đoạn Lê-nin trong sự phát triển của chủ nghĩa Mác, cựu Thủ tướng Pháp, người thuộc phái cấp tiến, E. Phô-rơ đã nhận xét : "Vẫn còn ít khi nói Lê-nin là người ủng hộ trung kiên cho sự thống nhất giữa lý luận và thực tiễn. Ông chính là sự thống nhất này, là biểu hiện của sự thống nhất ấy... Lê-nin đã không hề gặp bất cứ khó khăn nào trong việc chuyển từ tư duy tập trung nhất sang hành động trực tiếp nhất với niềm tin hiếm thấy vào bước tiến hóa của các chiến lược và sách lược. Đồng thời ông là người bảo vệ không khoan nhượng cho sự trong sáng của nguyên tắc, chống mọi sai lệch ngôn từ - khái niệm nhỏ bé nhất. Song ông cũng sẵn sàng xem xét lại lý luận khi đưa vào đó những tài liệu kinh nghiệm trực tiếp".

Theo ý kiến của nhà xã hội học Pháp Giăng Ru, Lê-nin đã làm phong phú thêm cho lý luận mác xít

* Đầu đề là của Tạp chí Cộng sản

Digitized by Google

bằng ba kết luận nền tảng : 1 - Có thể xây dựng chủ nghĩa xã hội không chỉ ở những nước công nghiệp phát triển ; 2 - cách mạng không phải là sự tự phát, mà nó cần được chuẩn bị sớm như đối với một cuộc chiến tranh ; 3 - cơ sở giai cấp xã hội của cách mạng xã hội chủ nghĩa được mở rộng ra bao gồm cả quần chúng nông dân.

So với Mác, Lê-nin quan tâm nhiều hơn tới nhân tố chủ quan trong chính trị, và đã đưa chủ nghĩa Mác vào "chỉ đạo hành động" theo nghĩa trực tiếp. Sự thật là, Mác đã dự báo về cuộc cách mạng vô sản ở các nước công nghiệp phát triển, nhưng lại không nói gì về khả năng của cách mạng ở các nước chậm phát triển. Tuy nhiên, cách mạng Tháng Mười, cũng như cách mạng ở Trung quốc, Việt nam, Bắc Triều tiên và Cu ba đã chứng minh tính hiện thực của các cuộc cách mạng dưới ngọn cờ xã hội chủ nghĩa.

Trong nhiều năm những kẻ chống cộng khẳng định rằng : Cách mạng Tháng Mười năm 1917 đã "không theo đúng Mác", rằng nước Nga cũ không phải là nước công nghiệp phát triển, rằng cách mạng không xảy ra trong tất cả hay trong phần lớn các nước phát triển. Nhưng ở đây họ đã hoàn toàn bỏ qua một điều là : cách mạng Nga không chỉ có những nguyên nhân bên trong (mặc dù sự cần thiết phải lật đổ chế độ quân chủ đang kìm hãm sự phát triển xã hội đã là chín muồi và ngay cả giới tư sản tự do cũng đòi hỏi điều này), mà đúng hơn là nó còn do những nguyên nhân bên ngoài như chiến tranh đế quốc, mà việc thoát ra khỏi nó là điều những người bôn-sê-vích dự kiến sẽ tìm thấy trong cách mạng... Lê-nin không hề là người giáo điều, Người đã tính đến những hoàn cảnh lịch sử cụ thể. Đồng thời, khi tuân thủ đúng những chỉ dẫn của Mác, Người vẫn cho rằng bảo đảm đầy đủ cho thắng lợi của chủ nghĩa xã hội ở Nga chỉ có thể là sự ủng hộ từ phía giai cấp vô sản thế giới.

Lê-nin đã phát triển chủ nghĩa Mác cả trong triết học, kinh tế chính trị lẫn lý luận chính trị. Trong các tác phẩm của Người, có cả kinh nghiệm quốc tế lẫn những điều kiện đặc thù của nước Nga. Vị lãnh tụ của giai cấp vô sản nắm thành thạo phương pháp luận duy vật biện chứng, Người luôn luôn không dựa vào uy tín, mà tiếp cận nghiên cứu sáng tạo các hiện tượng của đời sống xã hội. Lê-nin đã phân tích sâu sắc giai đoạn đế quốc của chủ nghĩa tư bản. Bản thân thuật ngữ "chủ nghĩa đế quốc" lần đầu tiên được dùng ở Đại hội của Quốc tế II họp tại Luân đôn năm 1896. Nhiều nhà xã hội học và chính trị học thuộc các phái ngoài mác xít đã mô tả chủ nghĩa đế quốc như một hiện tượng thuần túy chính trị, hay đồng nghĩa nó với chủ nghĩa thực dân. Trong quan niệm khoa học của Lê-nin, điều chủ yếu là chỉ ra mối liên hệ của chủ nghĩa đế quốc với độc quyền, vạch rõ các mâu thuẫn của chủ nghĩa tư bản độc quyền và phân tích những khía cạnh chính trị cơ bản của tư bản độc quyền. Đó là điểm khác so với bộ "Tư bản" của Mác, tác phẩm trình bày lý luận kinh tế hoàn thiện về chủ nghĩa tư bản.

E-tơ-ring-tơn, giảng viên Trường đại học tổng hợp A-đơ-lai, khi nghiên cứu về lý luận chủ nghĩa đế quốc đã cho rằng Lê-nin có công trong việc phát triển lý luận này. Ông ta nhận xét rằng, Lê-nin "đọc tất cả những gì đã được viết về vấn đề này". Ông ta cũng nhấn mạnh đóng góp của Lê-nin trong việc nghiên cứu sự tích tụ của tư bản, sự hình thành tư bản tài chính với ý nghĩa là sự cáo chung của cạnh tranh tự do, và sự xuất khẩu tư bản.

Tất nhiên, khi tính đến sự tồn tại gần một trăm năm qua của chủ nghĩa đế quốc, thì lý luận của Lê-nin cần được bổ sung điều chỉnh ở mức độ nhất định. Chẳng hạn, do kỹ thuật quân sự ngày nay đạt tới trình độ rất cao nên chiến tranh thế giới trở thành nguy hiểm. Liên quan đến điều này, thị trường tiêu thụ chủ yếu không còn đơn giản là bất kỳ nước nào, mà chỉ là những nước có thị trường bên trong có sức mua lớn, tức là có cư dân với khả năng thanh toán cao, và đó chính là những nước phát triển nhất. Luận điểm của Lê-nin coi chủ nghĩa đế quốc "phản động về mọi mặt" là hoàn toàn đúng với các nhà nước phát xít. Còn trong những nước dân chủ phương Tây thì đã diễn ra quá trình dân chủ hóa đời sống chính trị ở một mức độ nào đó. Lê-nin thấy được sự xuất hiện của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước gắn với chiến tranh thế giới lần thứ nhất, nhưng sự phát triển các chức năng xã hội của nhà nước tư sản thì Người còn chưa thể biết đến. Lê-nin gọi chủ nghĩa đế quốc là giai đoạn tột cùng của chủ nghĩa tư bản.

Digitized by Google

Song sau gần một trăm năm tồn tại của chủ nghĩa đế quốc, rõ ràng là sự phát triển của nó không phải qua một, mà là nhiều giai đoạn. Sau chiến tranh thế giới lần thứ hai quá trình phi thực dân hóa là không đảo ngược được, sự tập trung tư bản trong các công ty xuyên quốc gia tăng mạnh, nhưng ở đây những hình thức quản lý sản xuất trở nên mềm dẻo và phi tập trung hóa hơn ; vai trò điều tiết của nhà nước tăng lên, diễn ra sự biến đổi trong cơ cấu giai cấp của xã hội, quá trình dân chủ hóa các cơ cấu chính trị bao trùm lên nhiều nước. Những công ty độc quyền trở nên hùng mạnh hơn trước. Sự bóc lột tài chính biến thành hình thức bóc lột tinh vi nhất. Hệ thống ngân hàng chính là đầu mối thần kinh chủ yếu quy định xu hướng phát triển của nền kinh tế thế giới. Từ chỗ mang tính dân tộc, chủ nghĩa đế quốc đã có tính toàn cầu. Hạt nhân của nó là nhóm bảy nước công nghiệp phát triển đang cố duy trì địa vị chi phối của mình trên thế giới...

Mặc dù vậy, như nhận định của giáo sư Đuy-phua thuộc Trường đại học tổng hợp Grơ-nốp, sự phát triển của nền kinh tế thế giới "ở mức độ rất lớn đã phù hợp với quan niệm của Lê-nin còn nhiều hơn là có thể trông chờ ở sự phân tích lịch sử thuần túy". Còn giáo sư Trường đại học Tổng hợp Đuy-xen-dooc-phơ là Môm-den, tuy coi việc dán nhãn "chủ nghĩa đế quốc" cho tất cả các nước có tiềm năng kinh tế cao là không đúng, nhưng cũng đồng thời chỉ ra rằng hệ thống tư bản chủ nghĩa "vẫn còn bao hàm những xu hướng công khai hoặc che giấu của chủ nghĩa đế quốc". Về chủ nghĩa thực dân mới với tính cách là đặc trưng của chủ nghĩa đế quốc từ sau chiến tranh thế giới lần thứ hai, Ê-tơ-ring-tơn nhận xét : nguyên nhân của tình trạng một số nước này rất phát triển còn một số nước khác lại trì trệ là ở chỗ chủ nghĩa đế quốc đã biến các nước sau thành nước phụ thuộc vào các cường quốc phát triển, khuyến khích sự tiến bộ chỉ ở những lĩnh vực bổ sung cho nền kinh tế của các nước tư bản chủ nghĩa, kiềm chế những lĩnh vực có thể tạo khả năng cạnh tranh với các nước đó. Ngoài ra, tuy quan niệm về sự hợp tác giữa các quốc gia ngày nay đã trở thành chuẩn mực quan hệ quốc tế khá chắc chắn, song xu hướng đế quốc chủ nghĩa sử dụng chính sách vũ lực vẫn tồn tại...

Vị lãnh tụ của giai cấp vô sản Nga đã dành nhiều công sức cho việc khắc phục các khó khăn khi xây dựng chủ nghĩa xã hội trong một nước chưa đạt tới trình độ tiên tiến về kinh tế và xã hội. Người đã nhấn mạnh, phải học tập xây dựng chủ nghĩa xã hội ở các nhà tổ chức lớn của chủ nghĩa tư bản, ở các tơ-rớt. Đồng thời, tuy khẳng định nền dân chủ tư sản là hình thức của chuyên chính tư sản, nhưng Lê-nin cũng không phải là người hư vô chủ nghĩa đối với một số nhân tố chung của chế độ dân chủ (như quyền phổ thông đầu phiếu, sự bình đẳng của mọi người trước pháp luật, các quyền và tự do công dân). Trong các xô viết, Người nhìn thấy cơ sở của chính quyền nhân dân chân chính, và coi sự sáng tạo sinh động của quần chúng là công cụ quan trọng nhất để xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Lê-nin xem đấu tranh để phát triển dân chủ triệt để là một trong những nhiệm vụ quan trọng cơ bản của một cuộc cách mạng xã hội. Trong những năm cuối cùng, Lê-nin thấy rõ mối đe dọa đối với chủ nghĩa xã hội từ phía chủ nghĩa quan liêu. Tiếc rằng, sau khi Người qua đời các xô viết dần dần mất đi tính chất dân chủ - cách mạng và trở thành một nhân tố trong bộ máy quan liêu. Khẩu hiệu bôn-sê-vích "Tất cả chính quyền về tay xô viết" đã bị mất tinh thần đích thực. Sự hạn chế cần thiết đối với chế độ dân chủ, do tình hình nội chiến và cải tổ xã hội, không được cởi bỏ đi...

Đến thời điểm hiện nay, nói về "sự cáo chung của chủ nghĩa xã hội" cũng vô lý như suy luận về "sự cáo chung của lịch sử". Chủ nghĩa xã hội có tiền đồ tươi sáng vì đó là chủ nghĩa nhân đạo chân chính cho hàng triệu con người, cho mọi dân tộc chứ không phải cho riêng giới tinh hoa như trong thời Phục hưng, Khai sáng, hay như ở nhiều nước ngày nay. Học thuyết xã hội chủ nghĩa hiện đại đòi hỏi phải xác định mối quan hệ tối ưu giữa các loại hình sở hữu nhà nước, tập thể và cá nhân trong một xã hội hậu công nghiệp. Trung quốc và Việt nam đang cho thấy rõ rệt rằng "chủ nghĩa xã hội thị trường" là hoàn toàn có thể được. Vấn đề không kém quan trọng không chỉ về phương pháp, mà cả về thời hạn xây dựng chủ nghĩa xã hội cũng được trả lời khá xác định ở những nước này.❑

Digitized by Google

TIN HOẠT ĐỘNG LÝ LUẬN – THỰC TIỄN

HỘI THẢO "BÁO ĐẢNG CÁC TỈNH, THÀNH VÙNG DUYÊN HẢI BẮC BỘ VỚI VIỆC TUYÊN TRUYỀN CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN"

TRONG hai ngày 27 và 28-3-1997, tại thị xã Ninh bình (tỉnh Ninh bình) - cố đô Hoa lư - đã diễn ra cuộc hội thảo khoa học - thực tiễn với chủ đề "Báo đảng các tỉnh, thành vùng duyên hải Bắc bộ với việc tuyên truyền công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn". Hội thảo do báo Ninh bình đăng cai tổ chức.

Về vấn đề này hầu hết các ý kiến đều cho rằng báo đảng địa phương nên tập trung vào một số điểm chủ yếu sau đây :

Một là, phải góp phần làm cho toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân địa phương thấy rõ tầm quan trọng đặc biệt của vấn đề công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn.

Hai là, xác định rõ những nội dung cơ bản của công nghiệp hóa hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn nói chung. Trên cơ sở đó xác định những nội dung cụ thể của nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn ở địa phương.

Ba là, chỉ ra những bước đi cụ thể để thực hiện nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Bốn là, báo đảng địa phương phải góp phần tích cực vào việc nâng cao dân trí để thực hiện tốt nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn ở địa phương. Cụ thể là phải trang bị cho người dân những kiến thức tối thiểu về công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn ; từng bước xây dựng cho người dân lối tư duy và tác phong công nghiệp...

Năm là, công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn phải gắn với việc giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc nói chung và bản sắc văn hóa của mỗi địa phương nói riêng.

Sáu là, phải khẳng định một cách dứt khoát rằng nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn ở địa phương có hoàn thành tốt hay không phụ thuộc chủ yếu vào vai trò của các cấp ủy đảng, hiệu lực quản lý của các cấp chính quyền, phong trào hoạt động của các đoàn thể quần chúng và các tổ chức chính trị xã hội khác ở địa phương.

Bảy là, công nghiệp hóa nông nghiệp và nông thôn ở địa phương phải dựa vào nội lực là chính. Tức là phải dựa vào nền nông nghiệp, nông thôn và nỗng dân ở chính địa phương mình.

Tám là, muốn tờ báo đảng địa phương thực hiện tốt nhiệm vụ tuyên truyền cho công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp và nông thôn thì bản thân tòa báo cũng phải được công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nghĩa là nó phải có cơ sở vật chất kỹ thuật tương đối hiện đại, có đội ngũ phóng viên, biên tập viên lành nghề...

P.V

QUẢNG CÁO

YTECO

CTY XUẤT NHẬP KHẨU Y TẾ TP. HỒ CHÍ MINH

+ TRỤ SỞ CHÍNH :
-181 Nguyễn Đình Chiểu Q.3, TP. HCM
- ĐT : 8292014 - 8225986 - Fax : 84.8.8296909

+ CHI NHÁNH :
- 116 Thái Hà, Quận Đống đa, Hà nội
- ĐT : 8532046

Công ty đứng đầu trong cả nước về hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu các mặt hàng y tế

Chuyên nhập và phân phối :

- **Các loại thuốc đặc chế ngoại nhập, Vaccin.**
- **Các loại y cụ, trang thiết bị y tế, hóa chất xét nghiệm dùng trong Bệnh viện, phòng khám, Trung tâm y tế vv...**
- **Các loại nguyên liệu dược để sản xuất thuốc trị bệnh cho người**

YTECO LUÔN SẴN SÀNG PHỤC VỤ QUÝ KHÁCH GẦN XA

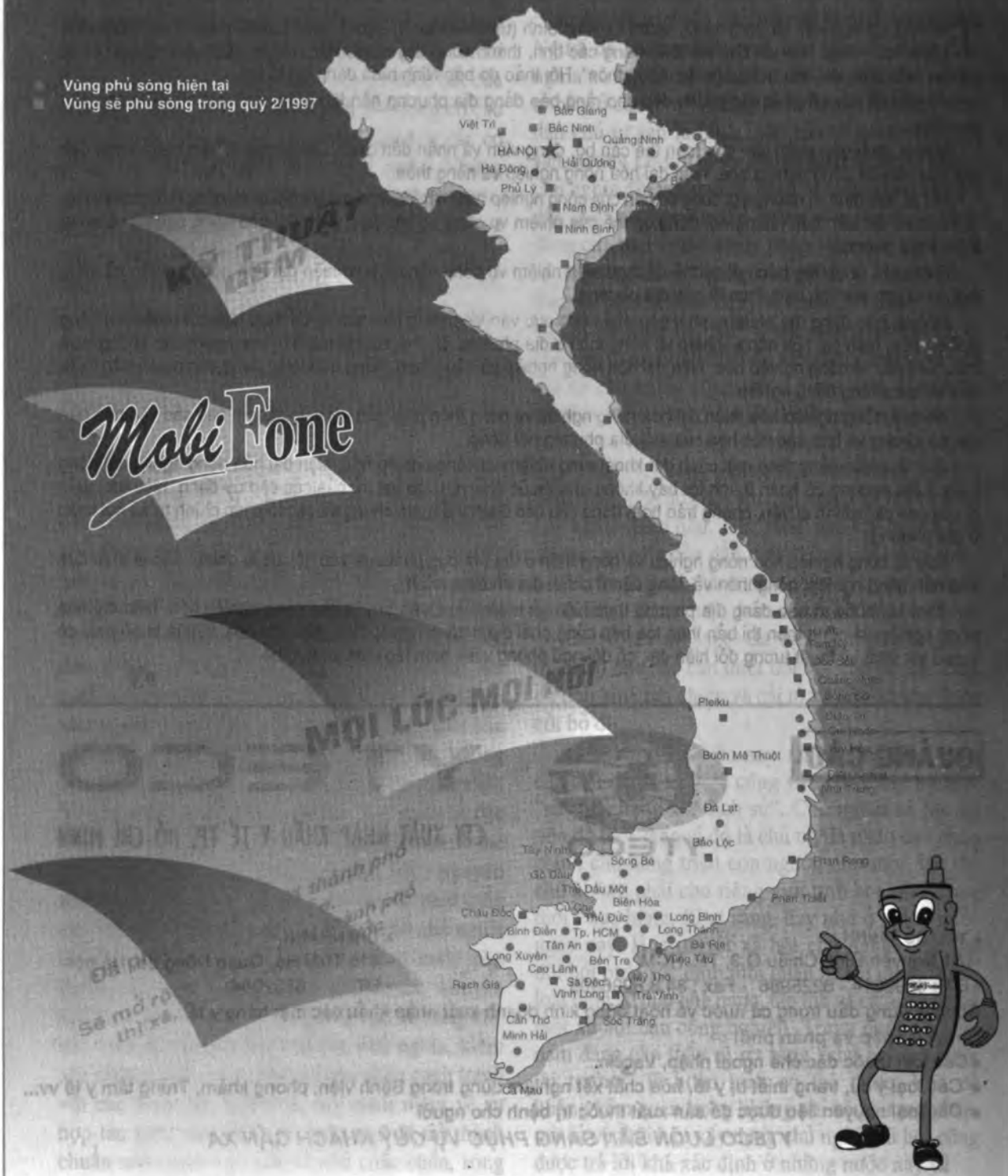
Digitized by Google

VMS

MobiFone

mọi lúc mọi nơi

TỔNG CÔNG TY BƯU CHÍNH VIỄN THÔNG VN
MobiFone
CÔNG TY THÔNG TIN DI ĐỘNG



Hà Nội : 04. 8536695 / Đà Nẵng : 051. 832379 / Tp. Hồ Chí Minh : 08. 8242382 / Hoặc gọi số : 116 (từ điện thoại di động)

Digitized by Google

CÔNG TY CAO SU ĐỒNG PHÚ



❑ *Đường về cao su Đồng phú.*

XÃ THUẬN LỢI -
HUYỆN ĐỒNG PHÚ - SÔNG BÉ
ĐT : 065.879709 - 879786
FAX : 01.65.79620

GIÁM ĐỐC CÔNG TY
NGUYỄN XUÂN LAN



❑ *Đồng chí Nguyễn Xuân Lan, Giám đốc công ty kiểm tra chất lượng mủ tại Nhà máy chế biến.*



❑ *Hiệu quả phun thuốc diệt cỏ tranh trong vườn cây.*

CÔNG ty cao su Đồng phú thuộc Tổng công ty cao su Việt nam nằm trên địa bàn huyện Đồng phú, tỉnh Sông bé.

Cây cao su ở Đồng phú đang độ sung sức. Hiện nay Công ty có tổng diện tích 8.600 ha cao su, trong đó có 4.300 ha đưa vào kinh doanh, với sản lượng cao su khai thác 1995 đạt 4.000 tấn mủ. Từ năm 1996 trở đi, công ty tiếp tục đưa vườn cây mới vào khai thác, đưa sản lượng cao su khai thác mỗi năm một tăng. Vùng đất đai cao su Đồng phú màu mỡ, đại bộ phận là đất đỏ ba zan, thích hợp cho trồng cao su, các loại cây công nghiệp và nông nghiệp thực phẩm khác...

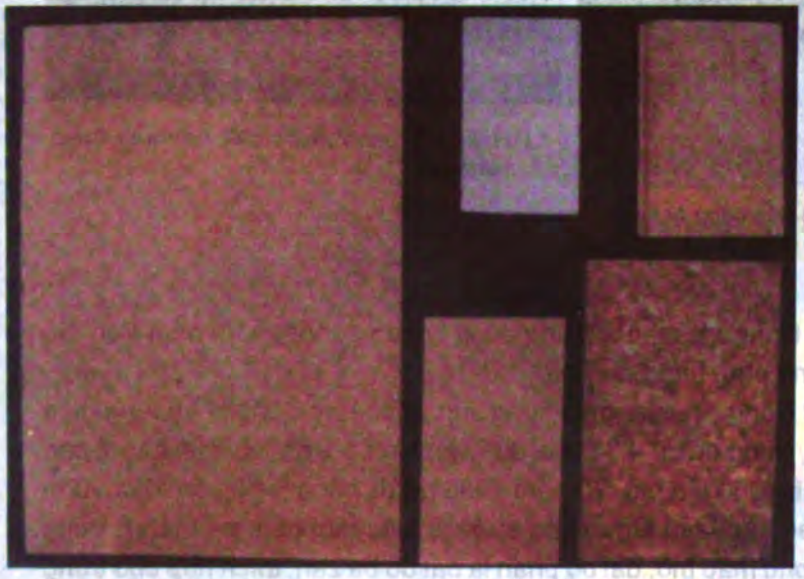
Với lợi thế có tiềm năng lớn về lao động, đội ngũ cán bộ quản lý và kỹ thuật có trình độ và kinh nghiệm trong sản xuất, quản lý kinh doanh. Công ty cao su Đồng phú rất hân hạnh đón chào quý khách trong và ngoài nước đến tham quan tìm cơ hội hợp tác đầu tư hoặc liên doanh liên kết trên mọi lĩnh vực có lợi cho đôi bên.

Digitized by Google



Trụ sở Cty Lâm sản Đắc Lắc.

CÔNG TY LÂM SẢN ĐẮC LẮC



Các loại ván dăm ép do Công ty Lâm sản Đắc Lắc sản xuất.

■ **ĐỊA CHỈ :** Km4 - quốc lộ 14 - phường Ea tam - TP Buôn ma thuột.

■ **ĐIỆN THOẠI :** 050.852185 - 855857

■ **FAX :** 050.855859

■ **CÔNG TY CÓ CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC :**

● Xí nghiệp khai thác vận chuyển lâm sản ● Xí nghiệp chế biến gỗ ● Xí nghiệp dịch vụ ● Xưởng ván dăm ép ● Xưởng ván bóc ép.

NGÀNH NGHỀ : Khai thác, chế biến lâm sản, xây dựng cầu đường lâm nghiệp, trang trí nội thất nhà ở, nhà làm việc, cung ứng vật tư lâm nghiệp, trồng rừng nguyên liệu. **Ván dăm là sản phẩm đặc biệt nhất của công ty : chất lượng cao, hình thức đẹp, được các nhà sản xuất đồ mộc cao cấp, trang trí nội thất ưa chuộng.**

Công ty sẵn sàng liên kết với mọi tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước để đầu tư công nghệ chế biến, trồng rừng và tiêu thụ sản phẩm.

Digitized by Google

Giám đốc : NGUYỄN MINH PHƯỢNG

CÔNG TY BÒ SỮA TP. HỒ CHÍ MINH

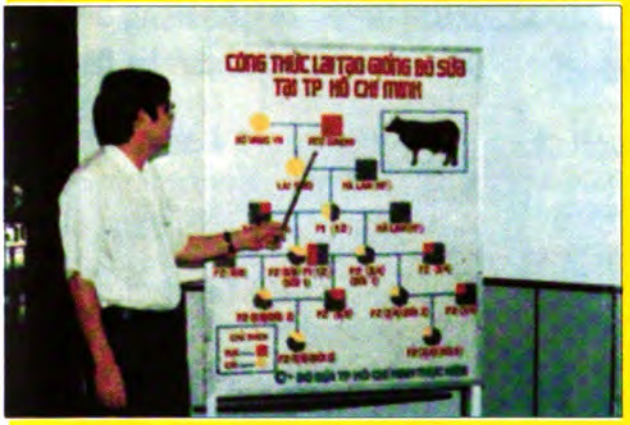
ĐỊA CHỈ : XÃ AN PHÚ - HUYỆN CỦ CHI - TP. HỒ CHÍ MINH
ĐIỆN THOẠI : 8926117 - 8252756 ❖ GIÁM ĐỐC : PHẠM ĐỨC NHOAI



Tại buổi lễ trao huân chương lao động hạng ba cho công ty



Những bà mẹ Việt nam anh hùng trong ngày công ty đón nhận huân chương





Công nhân cạo mủ



Đang lai tạo bò HL cao sản



Bò đực giống Sind

Digitized by Google

NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM
Bank for Investment and Development of Vietnam

BIDV

VietindeBank



Chủ tịch HĐQT
NGUYỄN VĂN DOÃN



Tổng Giám đốc
TRỊNH NGỌC HỒ

Kỷ niệm 40 năm ngày thành lập:
26/4/1957 - 26/4/1997

- BIDV là một trong 4 ngân hàng thương mại Quốc doanh lớn nhất ở Việt Nam. Giữ vai trò chủ đạo và là Ngân hàng đứng đầu trong lĩnh vực đầu tư và phát triển
- BIDV có mạng lưới hoạt động rộng khắp cả nước, gồm 102 chi nhánh có đội ngũ chuyên gia giàu kinh nghiệm về thẩm định dự án và các dịch vụ Ngân hàng.
- BIDV có quan hệ đại lý với 455 ngân hàng, có tài khoản tiền gửi và quan hệ thanh toán với 55 ngân hàng lớn trên thế giới.
- VID PUBLIC Bank là Ngân hàng liên doanh giữa BIDV với PUBLIC Bank Berhad Malaysia.

BIDV kinh doanh đa năng tổng hợp

- Huy động vốn dưới mọi hình thức bằng Việt Nam đồng và ngoại tệ.
- Cho vay ngắn hạn, trung hạn và dài hạn với mọi thành phần kinh tế; hùn vốn, liên doanh, liên kết, hợp tác, đồng tài trợ, bảo lãnh và tái bảo lãnh vay vốn trong và ngoài nước.
- Kinh doanh ngoại tệ, thanh toán nhanh qua mạng vi tính trong nước và quốc tế (SWIT)
- BIDV với 40 năm hoạt động, là ngân hàng quốc doanh đứng đầu trong lĩnh vực đầu tư phát triển

HIỆU QUẢ KINH DOANH CỦA KHÁCH HÀNG LÀ MỤC TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA BIDV

Trụ sở: 194 Trần Quang Khải - Số 2 Chương Dương, Hoàn Kiếm, Hà Nội, Việt Nam.
Điện thoại: 8.268.318 - 8.266.966 - 8.266.963 ; Fax: 8.266.959 ; Telex : 8 411220 VIDB-VT

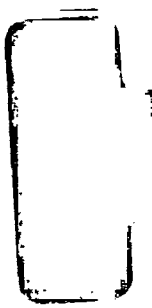
IN TẠI NHÀ IN TẠP CHÍ CỘNG SẢN - 38 BÀ TRIỆU - HÀ NỘI - ĐT : 8267244 ★ CHỈ SỐ 1265 ISSN 0866-7276 ★ GIÁ : 3000Đ

Digitized by Google

Digitized by Google

Digitized by Google

UNIVERSITY OF MICHIGAN
3 9015 08172 4950





Digitized by Google

